

THƠ VĂN LÝ — TRẦN

TẬP III

THƠ VĂN LÝ — TRẦN
TẬP III

BIÊN SOAN :

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH — PHẠM ĐỨC DUẬT — TRẦN NGHĨA
TRẦN LÊ SÁNG — ĐÀO THÁI TÔN
NGUYỄN ĐỨC VÂN* — NGUYỄN ĐỨC VĨ*

CHỈ ĐẠO VÀ DUYỆT :

ĐẶNG THÁI MAI — CAO XUÂN HUY

ĐỌC LẠI BẢN THẢO :

HOÀNG TRUNG THỐNG — NGUYỄN VĂN HOÀN



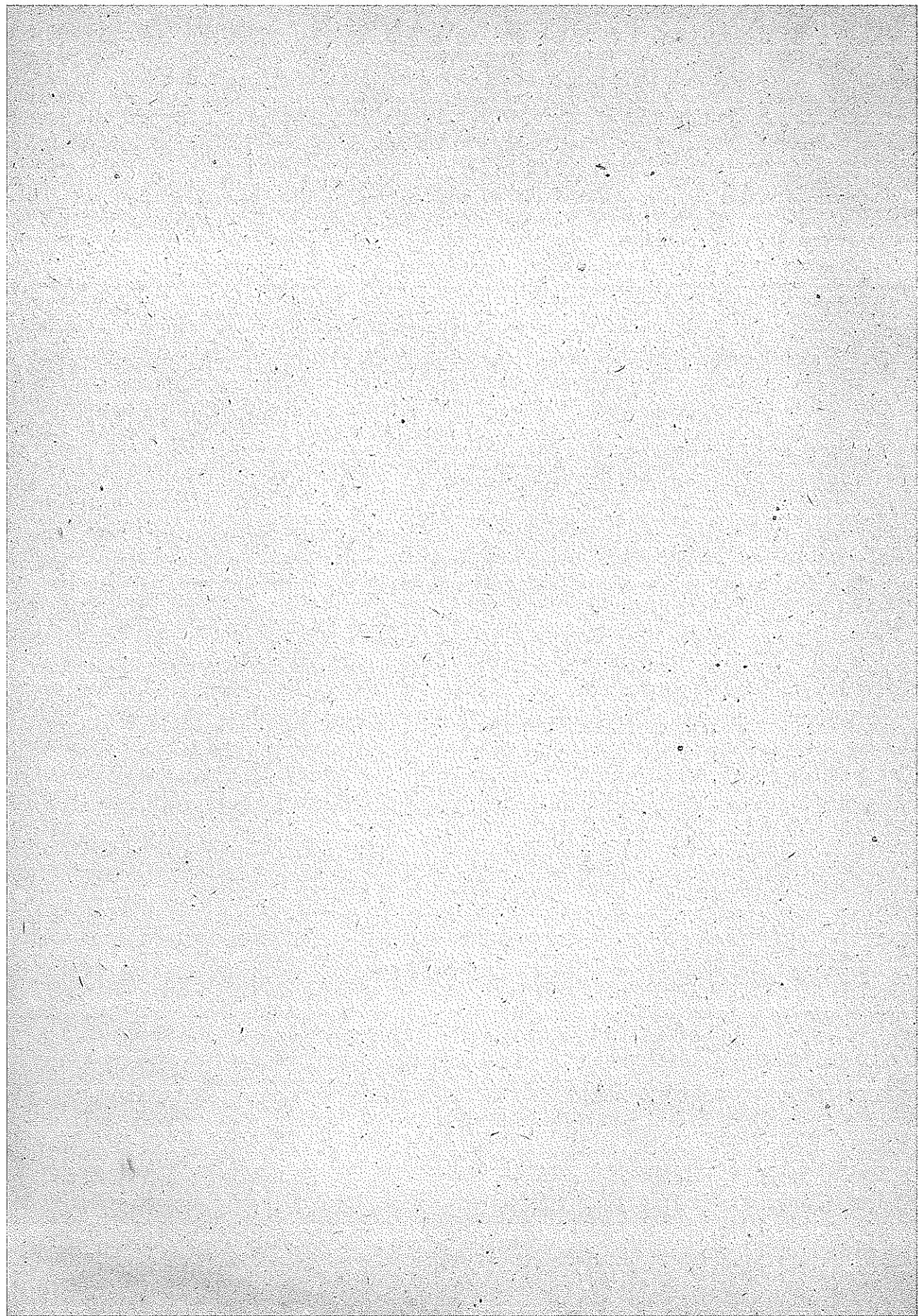
ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN VĂN HỌC

THƠ VĂN
LÝ - TRẦN

TẬP III



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI — 1978



LỜI DÂM

Thơ văn Lý — Trần tập III cũng là tập cuối cùng của bộ sách *Thơ văn Lý — Trần* do Viện Văn học biên soạn, bao gồm những tác giả, tác phẩm xuất hiện trong một thời kỳ lịch sử có nhiều biến cố: Nhà Trần suy, phong trào khởi nghĩa của nông dân và nô tỳ do Ngô Bê lanh đạo đánh vào chế độ điền trang thái áp của vương triều nhà Trần, Hồ Quý Ly篡夺 ngôi nhà Trần, hậu Trần, Minh thuộc và cuộc kháng chiến của Lê Lợi thắng lợi, quét sạch quân xâm lược nhà Minh ra khỏi bờ cõi. Trong khoảng hơn 80 năm ấy (1344 — 1427) có sự tăng thêm rõ rệt về số lượng người cầm bút, cùng những hoạt động mạnh mẽ của họ trên nhiều lĩnh vực đề tài và thể loại văn học khác nhau. Âm điệu nổi bật của văn học thời kỳ này là sự hồi cỗ chăng đường oanh liệt chống quân Nguyên; nội bǎn khoán thắc thòm về trách nhiệm trước hiền tình khó khăn của đất nước và vận mệnh tương lai của dân tộc. Lòng yêu nước, thương dân, tư tưởng nhân bản cũng in đậm nét trong văn học thời này.

Qui cách biên soạn tập III này gồm một số điểm chính như sau:

1. Các tác giả được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Nếu biết rõ năm sinh, hoặc cả năm sinh lẫn năm mất, đều xếp theo thứ tự năm sinh. Nếu chỉ biết năm mất, thì sắp xếp theo thứ tự năm mất. Nếu không biết năm sinh, năm mất, thì dựa vào những dấu ấn thời gian còn đẽ lại trong tác phẩm, trong tiểu sử, hoặc trong quan hệ xã hội của tác giả mà xếp. Ngoài các lệ trên, những tác phẩm khuyết danh như *Thang bán phủ*, *Bồng Hồ bút phủ* thì xếp áng chừng. Những tác giả chưa rõ năm sinh, năm mất và tác phẩm của tác giả đó chưa xác định được thời điểm sáng tác, mà sử sách ghi chép về họ cũng chưa rõ ràng thì chúng tôi tạm xếp vào phần Phụ lục như *Lĩnh Nam chích quái*. Một số tác giả, tác phẩm biết được năm sinh, năm mất và thời điểm sáng tác, nhưng được người khác viết về họ ở trong những tác phẩm có tính chất truyền kỳ như bài *Xích chửu hân* trong *Đại Việt sử ký toàn thư* nói là Trần Nghệ Tông mơ thấy Duệ Tông (tức Trần Kinh) đọc, hoặc bài *Kê minh thập sách* của Nguyễn Cơ Bích Châu được Đoàn Thị Điểm nhắc đến trong *Truyền kỳ tân phả* v.v... thì chúng tôi cũng xếp vào Phụ lục. Những trường hợp trên, khi sách tái bản sẽ điều chỉnh, nếu có thêm tư liệu.

Đối với các tác giả theo giặc như Bùi Bá Ký, Nguyễn Cẩn, hoặc bị bắt rồi dần dần làm quan cho giặc như Hồ Nguyên Trừng, chúng tôi đều xếp vào Phụ lục.

2. Tác phẩm của từng tác giả được xếp theo trình tự *thơ*, rồi đến *văn*. Trong mỗi phần thơ hoặc văn như vậy, chúng tôi cố gắng xếp các bài theo trật tự thời gian; bài nào chưa xác định được thời gian thì căn cứ vào nội dung mà xếp áng chừng, không ngoài mục đích giúp bạn đọc có một ý niệm chung về quá trình sáng tác thơ hoặc văn của tác giả.

Đối với những tác phẩm đã có bản dịch như *Việt sử lược*, *Lĩnh Nam chích quái*, v.v.... chúng tôi chỉ trích giới thiệu ở đây phần tiêu biểu nhất, mang ý nghĩa văn học nhiều nhất.

Những bài văn bài thơ ít giá trị, hoặc do «tam sao thất bản» mà trở nên khó hiểu, chúng tôi đều không tuyển, nhưng sẽ ghi rõ tiêu đề và xuất xứ ở *Bảng kê những tác phẩm chưa tìm được hoặc không chọn vào tập III* thuộc *Phản tra cứu cuối sách*, để bạn đọc tham khảo.

3. Về tiêu sử tác giả, nói chung ghi chép ngắn gọn. Đối với những tác giả có tên thật và tên quen dùng, thì ghi lên đề mục cả hai tên. Tên nào gắn liền với sự nghiệp sáng tác, sẽ đặt lên trước. Thi dụ *Trần Nghệ Tông* có tên thật là *Trần Phủ*. Trong khi *Trần Nghệ Tông* gắn liền với sự nghiệp chính trị, thì *Trần Phủ* có thể dùng với tư cách là một tác giả: *Trần Phủ* đặt trên *Trần Nghệ Tông*.

Quê quán tác giả, ghi theo địa danh được dùng trong thời đại tác giả. Trường hợp biết được tên gọi ngày nay, sẽ có chú thích kèm theo bên cạnh.

Cuối mỗi bản tiêu sử, sẽ ghi rõ số lượng tác phẩm hiện còn và những tác phẩm chưa tìm được.

4. Các tác phẩm được lựa chọn, nếu chưa nêu rõ xuất xứ ở phần tiêu sử tác giả, thì sẽ ghi xuất xứ ở đầu mục *Chú thích*. Trường hợp tác phẩm có nhiều dí bản, thì các xuất xứ sẽ được trình bày trong phần *Khảo định*.

Đối với những bài văn bài thơ chưa có đầu đề, chúng tôi sẽ tạm đặt đầu đề, và có chú thích ở dưới.

Toàn bộ khối lượng tác phẩm trong tập III, được đánh số thứ tự liên tục và thống nhất từ đầu đến cuối, kể cả những tác phẩm trong phần *Phụ lục*.

5. Phần dịch nghĩa, chúng tôi cố gắng dịch sát nguyên văn. Câu nào hoặc chữ nào có nhiều cách hiểu, sẽ có chú thích thêm.

Việc dịch thơ, chủ trọng cả hai mặt: vừa giữ niêm luật, vừa cố gắng bám sát với ý của bài thơ. Đôi khi lại dịch chuyen thể, nhằm thực hiện tốt nhất hai yêu cầu trên. Trường hợp đã có bản dịch cũ được nhiều người chấp nhận, sẽ dùng lại bản dịch đó, với đầy đủ tên người dịch và xuất xứ. Trường hợp dùng lại bản dịch cũ, nhưng có sửa đổi, thì trước tên người

dịch có thêm chữ *Theo*. Ngoài ra, là bản dịch mới của Nhóm biên soạn. Cũng có một số bài mới chỉ dịch nghĩa mà chưa dịch thành thơ.

6. Nguyên tắc hiệu đính văn bản ở đây là : từ trong các bản, chúng tôi sẽ chọn câu nào, chữ nào mà mình cho là hợp lý nhất để xây dựng thành một văn bản chính thức, chữ không sử dụng bất cứ một bản nào làm gốc duy nhất cả. Những câu, chữ không được chọn đều đưa xuống phần *Khảo đính*.

Các số mục khảo đính được ghi bằng chữ số La-tinh có kèm thêm ngôi sao (Thí dụ : 1*, 2*...), đặt ở phần phiên âm.

7. Về chủ thích, có gắng tinh giản, nhưng không rời vào sơ lược. Chỗ nào chưa hiểu, hoặc hiểu không chắc chắn, đều có nêu rõ để sau này tiếp tục tra cứu thêm.

Những câu «sách» dẫn trong phần *Chú thích*, sẽ kèm theo chữ Hán ở những chỗ thật cần thiết.

Các số mục chú thích đều ghi bằng chữ La-tinh và đặt ở phần *Dịch nghĩa*.

8. Về quy tắc viết hoa : Phàm tên người hay biệt hiệu, niên hiệu... đều viết hoa tất cả các thành phần. Thí dụ *Trần Nguyên Đán* (tên thật); *Nghĩa Phu* (tên chữ của Phạm Sư Mạnh); *Tiêu Ân* (hiệu của Chu An); *Thiệu Khanh* (niên hiệu của Trần Nghệ Tông) v.v... Tên người nước ngoài sẽ tùy theo đặc điểm cấu tạo ngôn ngữ của nước đó mà hoặc viết hoa tất cả, như *Bach Cư Dị*, hoặc chỉ viết hoa chữ đầu và có gạch nối giữa các chữ tiếp theo, như *Già-la Đồ-lê* (trong truyện *Man Nuong*, sách *Lĩnh Nam chích quái*).

Tên đất, núi, sông, đèo, chùa, quán, các, viện, sảnh... cũng đều viết hoa tất cả các thành phần và không có gạch nối. Thí dụ *hương Túc Mắc*; *núi An Hoạch*; *chùa Báo Ân*; *điện Bảo Hòa* v.v...

Một số danh từ khác : năm Âm lịch, chức tước, tên các công sở... đều chỉ viết hoa chữ đầu và giữa các chữ không có gạch nối, như *năm Nhâm dần*; *chức Bộc xạ*; *Viện hàn lâm* v.v...

9. Phân tra cứu gồm có : *Bảng kê những tác phẩm chưa tìm được hoặc không chọn vào tập III*; *Niệm biểu khái quát các sự kiện có liên quan tới văn học*; *Sách báo và tài liệu tham khảo chính*; *Bảng tra tổng hợp tên người, tên tác phẩm và tên đất*.

Ở *Bảng kê những tác phẩm chưa tìm được hoặc không chọn vào tập III*, chúng tôi chỉ nêu lên những bài văn bài thơ đáng chú ý mà thôi. Dưới mỗi tác phẩm sẽ có thuyết minh ngắn gọn về nội dung, xuất xứ và tác giả của nó, nếu biết được.

Ở bảng *Niên biểu khái quát các sự kiện có liên quan tới văn học*, chúng tôi có đổi chiếu năm Dương lịch với năm Âm lịch, cũng như đổi chiếu một số triều đại và niên hiệu của vua chúa Việt Nam với triều đại và niên hiệu của vua chúa Trung Quốc. Năm nào có sự chuyển tiếp giữa các triều vua, cũng sẽ được ghi rõ.

Ở *Bảng tra lồng hợp tên người, tên tác phẩm và tên đất*, các đơn vị được sắp xếp theo vận chữ cái, và tư phân biệt bằng dạng chữ: *tên người* in bằng chữ hoa, thí dụ NGUYỄN TỬ THÀNH, VĂN TRINH; *tên tác phẩm* in bằng chữ ngả, thí dụ *Kinh Thi, Nam Ông mộng lục*; *tên đất* in bằng chữ thường, thí dụ: An Đặng, Báo Ân.

Tham gia đầu tiên trong việc biên soạn tập III là các đồng chí Đào Phương Bình, Nguyễn Đức Văn*. Tiếp tục và hoàn thành công việc biên soạn — trong đó có các khâu như điều tra tư liệu cơ bản, khảo chứng văn bản, bổ sung những tác giả, tác phẩm chưa được phát hiện và biên soạn, chỉnh lý lại toàn bộ bản thảo và lập một số bản tra cứu ở cuối sách — là các đồng chí Trần Nghĩa, Trần Lê Sáng, Nguyễn Đức Vy*, Phạm Đức Duật và Đào Thái Tôn, do đồng chí Trần Lê Sáng già công bản thảo lần cuối.

Chỉ đạo và duyệt tập sách là Giáo sư Đặng Thai Mai và Giáo sư Cao Xuân Huy.

Bản thảo trước lúc đưa in, đã được đồng chí Hoàng Trung Thông và đồng chí Nguyễn Văn Hoàn xem lại toàn bộ. Các cụ Nguyễn Mạnh Duân, Thạch Can, Nguyễn Xuân Tảo cũng đã đóng góp cho Nhóm biên soạn một số ý kiến bổ ích.

Với nhiệt tình đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu văn học Lý — Trần hiện nay, chúng tôi mạnh dạn cho ra mắt tập sách này, mong bạn đọc chỉ cho những chỗ còn nhầm lẫn hoặc sai sót, để lần tái bản, chất lượng của công trình được nâng cao thêm.

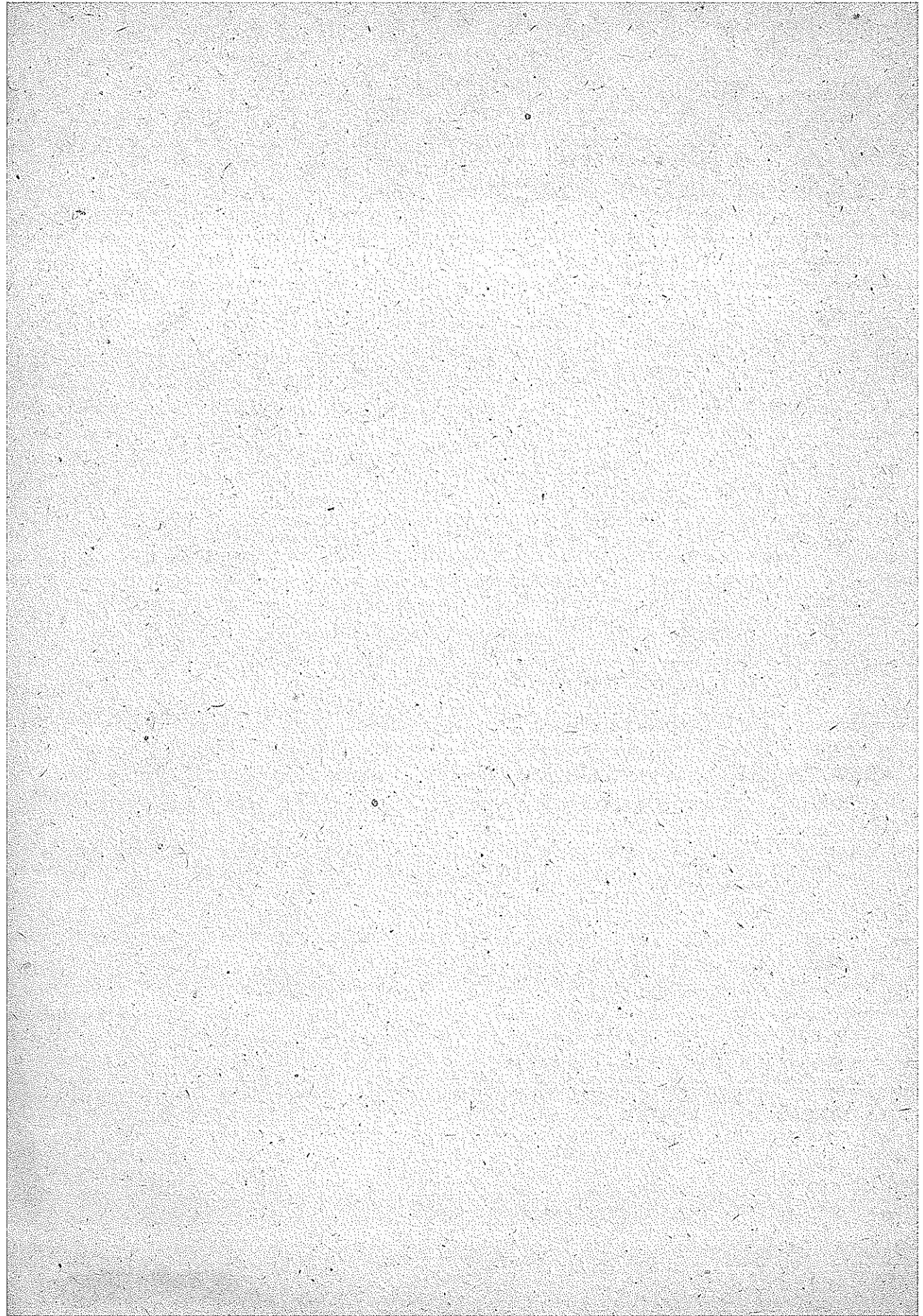
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 1977

NHÓM BIÊN SOẠN

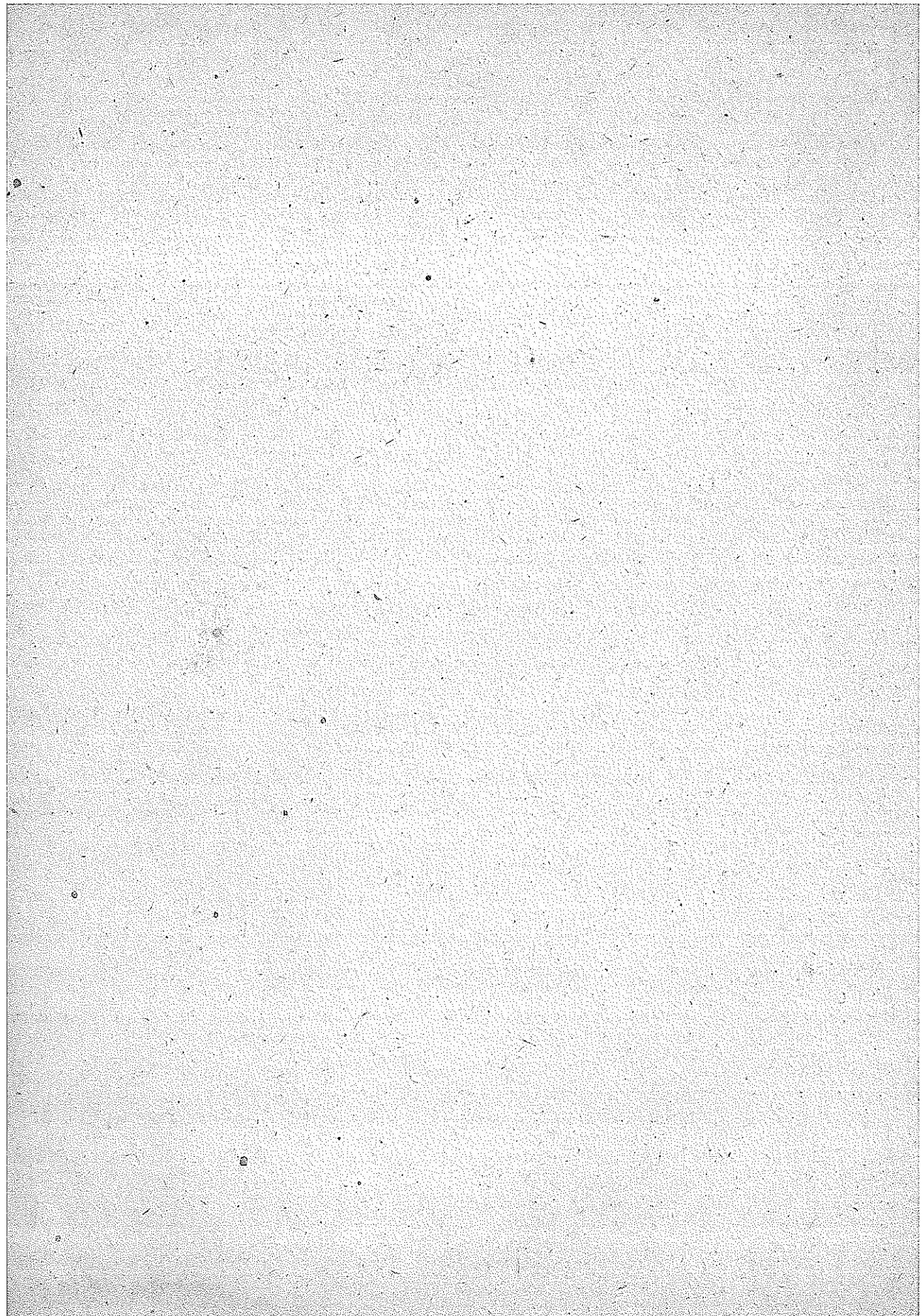
* Đã quá cố.

**BẢNG VIẾT TẮT MỘT SỐ TÁC PHẨM
VÀ KÝ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH**

ANCL	: <i>An Nam chí lược</i>
Bd	: <i>Bản dịch</i>
ĐVS KTT	: <i>Đại Việt sử ký toàn thư</i>
ĐNVNQCD	: <i>Đất nước Việt Nam qua các đời</i>
HVTT	: <i>Hoàng Việt thi tuyển</i>
HVVT	: <i>Hoàng Việt văn tuyển</i>
HTTVVN II	: <i>Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập II</i>
KVTL	: <i>Kiến văn tiêu lục</i>
LNCQ I	: <i>Lĩnh Nam chích quái I</i>
LNCQ II	: <i>Lĩnh Nam chích quái II</i>
LNCQ III	: <i>Lĩnh Nam chích quái III</i>
LTHCLC	: <i>Lịch triều hiền chương loại chí</i>
MĐT	: <i>Minh đô thi</i>
NÔML	: <i>Nam Ông mộng lục</i>
Nxb	: <i>Nhà xuất bản</i>
NPKTV	: <i>Nguyễn Phi Khanh thi văn</i>
QHPT	: <i>Quần hiền phú tập</i>
Tr.	: <i>Trang</i>
TTTL	: <i>Tam tò thực lục</i>
TĐNL	: <i>Thánh dũng ngặt lục</i>
Thư viện KHXH	: <i>Thư viện Khoa học xã hội</i>
TTCGLT	: <i>Tinh tuyển thư gia luật thi</i>
TVTL I	: <i>Toàn Việt thi lục I</i>
TVTL II	: <i>Toàn Việt thi lục II</i>
TVTL III	: <i>Toàn Việt thi lục III</i>
TDTT	: <i>Trích diễm thi tập</i>
VATT	: <i>Việt âm thi tập</i>
VBUL I	: <i>Việt điện u linh I</i>
VBUL II	: <i>Việt điện u linh II</i>
VBUL III	: <i>Việt điện u linh III</i>
VBUL IV	: <i>Việt điện u linh IV</i>
VNCVHS	: <i>Việt Nam cổ văn học sử</i>
VSL	: <i>Việt sử lược</i>
VSTGCM	: <i>Việt sử thông giám cương mục</i> .



THƠ VĂN LÝ – TRẦN



NGUYỄN TỬ THÀNH

阮子成

(?)

Nguyễn Tử Thành hiệu Tùng Hiên 松軒 người đời Trần. Quê quán, năm sinh, năm mất, cùng sự nghiệp của ông đều chưa rõ.

Tác phẩm của ông hiện còn 11 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

1

司徒故居

TƯ ĐỒ CỔ^{1*} CỦ

廊	廟	憂	方	切,	Lang miếu ưu phương thiết,
烟	霞	疾	未	蘇。	Yên hà tật ^{2*} vị tô.
雍	容	堯	顧	托,	Ung dung Nghiêu cố thác,
故	沃	舜	謀	謾。	Khải ốc Thuần mưu ^{3*} mô.
醫	國	甘	心	病,	Y quốc cam tâm bệnh ^{4*} ,
肥	民	料	自	瘥。	Phì dân liệu tự cõ.
九	重	方	待	用,	Cửu trùng ^{5*} phương dãi dụng.
尺	不	不	司	徒。	Chỉ bát tri Tư đồ.

DỊCH NGHĨA:

NƠI Ở CŨ CỦA QUAN TƯ ĐỒ (1)

Lòng lo triều đình ⁽²⁾ đang khẩn thiết,
Thú yên hà ⁽³⁾ vẫn chưa nguôi.

CHÚ THÍCH:

(1) *Tư đồ*: một chức quan đời Trần. Ở đây, phải chăng để chỉ Trần Nguyên Đán 阮元旦?

(2) *Triều đình*: nguyên văn là chữ « lang miếu ».

(3) *Yên hà*: ở đây chỉ thú ăn đất, vui với cảnh sắc thiên nhiên.

Ung dung, áy chõi trông cây cùa vua Nghiêú,
 Cởi mở ⁽¹⁾, kia nguồn mưu kế của vua Thuấn.
 Chạy chữa cho cả nước ⁽²⁾, riêng cam tâm bệnh,
 Làm cho dân béo tốt, biết mình sẽ gầy ⁽³⁾.
 Nhà vua đang chờ đợi dùng,
 Chức Tư đồ cõn bỏ trống.

KHẢO ĐÍNH:

- 1* VATT : 舊 *cũn.*
- 2* TVTL2 : 痘 *bệnh.*
- 3* VATT : 許 *kiết.*
- 4* VATT : 疾 *tật.*
- 5* TVTL2 : 月 *nguyệt.*

2

秋日偶成

THU NHẬT ^{1*} NGÃU THÀNH

千 村 木 乘 盡 黃 落,
 獨 立 西 風 拂 鬢 絲。
 歲 月 堂 堂 留 不 得,
 昨 非 今 是 只 心 知。

Thiên thôn ^{2*} mộc diệp tận hoàng lạc,
 Độc lập tây phong phất ³ mǎn ti.
 Tuế nguyệt đường đường ^{4*} lưu bất đắc,
 Tạc phi kim thị chỉ tâm tri.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY THU NGÃU HỨNG

Lá cây ở ngàn thôn đều vàng rụng hết,
 Đứng một mình, ngon gió tây thổi bay mái tóc.
 Năm tháng lừng lững trôi đi, không giữ được,
 Trước sai, nay đúng, chỉ lòng mình biết.

(1) *Cởi mở*: dịch thoát chữ «khải, ốc» *Thư kinh* 舊 經 có câu: 故乃心, 沃聯心. *Khải* nỗi lòng, *ốc* trẫm lòng: *Mở lòng* của người mà trước vào lòng của ta. Ý nói vua lôi thành thật cởi mở, đồng tâm hiệp lực, lo toan việc nước.

(2) *Chạy chữa* cho cả nước: lấy ý từ câu ở sách *Luân ngữ* 論語: 上醫醫國 Thượng y y quốc: Người thầy thuốc ở trình độ cao thì chữa cho cả nước.

(3) Câu này lấy ý từ câu sau đây của vua Đường Thái Tông 唐太宗: 面雖瘦而天下
月巴. Diện tuy sáu nhi thiền hạ phi. Mặt dẫu gầy mà thiên hạ béo. Ý nói quên mình để lo công việc chung, hy sinh cho kẻ khác.

DỊCH THƠ :

*Ngàn xóm muôn cây lá vàng rơi,
Một mình, gió lạnh thổi tơ mai.
Đường hoàng năm tháng trôi khôn giữ,
Nay đúng xưa sai, tự biết thổi.*

HOÀNG TRUNG THÔNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TDTT, TVTL2 : 月 nguyệt.
- 2* TDTT : 林 lâm.
- 3* TVTL2, TVTL3 : 緣 lục.
- 4* TDTT : 常 常 thường thường.

3

銷杜宇

TIẾU ĐÔ VŨ

自 古 皆 云 蜀 帝 魂 ,
巢 居 獨 得 羣 禽 尊 。
飛 來 只 愛 春 山 好 ,
殿 閣 荒 凉 烟 雨 村 。

Tự cổ giai vận Thực Đế hồn,
Sào cư độc đặc chúng cầm tôn.
Phi lai chỉ ái xuân sơn hảo,
Điện các hoang lương ^{1*} yên vũ thôn.

DỊCH NGHĨA :

TRÁCH CHIM CUỐC

Từ xưa đều nói là hồn Thực Đế (¹),
Loài ở tồi, riêng người được các chim tôn trọng.
Bay tời, chỉ vì thích núi xuân đẹp,
Đè điện các hoang lạnh, nơi khói mờ mưa phủ.

DỊCH THƠ :

Xưa dồn Thực Đế hóa thành mì,
Chim chóc, riêng mì được nể vì.
Núi đẹp xuân tươi mì thích chí,
Tiêu điều đất nước, có hay gi !

HOÀNG LÊ

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TDTT : 烏 vi.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hồn Thục Đế* : Trong *Thành dō ký* 成都記 có chép : 杜宇死，其魂化為鳥，名杜鵑。Đỗ Vũ tử, kỳ hồn hóa vi diều, danh dỗ quyên : vua nước Thục là Đỗ Vũ sau khi chết, hồn đã hóa thành chim, gọi là dỗ quyên.

4

幽居

U CƯ

砌 繡 苔 斑 壁 纓 蝶，
 東 風 不 管 長 庭 莎。
 日 長 睡 起 漚 無 事，
 閑 看 遊 絲 抱 落 花。

Thiết hiệt dài ban bích lũ oa,
 Đông phong bất quản trưởng đình toa.
 Nhật trường thủy khởi hồn vô sự,
 Nhàn khán du ti bão lạc hoa.

DỊCH NGHĨA:

CHỖ Ở THANH U

Thềm rêu loang vách vết sên bò (1).

Gió xuân mặc sức cho cỏ trên sân lên tốt (2).

Ngày dài ngủ dậy, chẳng có việc gì làm,

Nhàn rỗi nhìn sợi tơ trời (3) vương phải cánh hoa rơi.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Vết sên bò* : nguyên văn là *chỉ sên* (con sên bò trên vách, nước dãi của nó vẽ nên một đường ngòn ngoéo như sợi chỉ). Ở đây chúng tôi dịch thoát.
- (2) *Chỗ toa* (đình toa) vốn chỉ một thứ cây có tên khoa học là *Cyperus rotundus*, rễ của nó gọi là «hương phụ tử», là một vị thuốc bắc. Ở đây tam dịch chung là «cỏ» cho dễ hiểu.
- (3) *Tơ trời* : là một loại tơ do côn trùng nhả ra, bay trên không. Thẩm Uớc có câu thơ:
 遊絲映空轉
 Du ti ánh không chuyển : *Tơ trời lấp lánh bay trên không trung.*

5

故園

* CỐ VIÊN

西 風 冉 紅 鬚 邊 花,
 薄 宣 留 人 苦 憶 家。
 歸 想 正 憂 故 正 好,
 一 圍 寒 露 未 開 花。

Tây phong nhiễm nhiễm mẩn biển hoa,
 Bạc hoan lưu nhân, khố ức gia.
 Quy tử chính sầu, thu chính hảo,
 Nhất đoàn hàn lộ vĩ khai hoa.

DỊCH NGHĨA:-

VƯỜN XƯA

Gió tây lay động hoa bên mái tóc,
 Chức quan bạc bẽo giữ người ta lại, khố nỗi nhớ nhà.
 Ý muốn về đang day dứt, mùa thu đang đẹp,
 Một chòm mọc lạnh trên nụ hoa chưa nở.

DỊCH THƠ:

Gió tây dịch tóc lại bên hoa,
 Chức mọn giam chán, chỉ nhớ nhà.
 Khắc khoải mong về, thu đèn đẹp,
 Nụ tầm xuân đón giọt sương sa.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH:

Bài thơ này có chép ở VATT, TVTL2

6

春日溪上晚行

XUÂN NHẬT KHÊ
THƯỢNG VĂN HÀNH

春 盡 溪 邊 事 事 幽,
 輕 紅 滿 地 冷 雲 收。
 行 不 觀 天 晚 將 晚。
 月 在 松 梢 水 在 頭。

Xuân tận khê biên sự sự u,
 Khinh hồng mẫn địa lãnh vân thu,
 Hành hành bất giác thiên trong
 văn ¹⁴,
 Nguyệt tại tùng sao thủy tại đầu.

DỊCH NGHĨA :

CHIỀU XUÂN DẠO BÊN BỜ SUỐI

Mùa xuân đã đến tận bến suối, cảnh vật đều thanh u,
 Màu hồng nhạt đầy mặt đất, mây lạnh tan hết.
 Đi, đi mãi, bất giác trời sắp tối,
 Trăng trên ngọn tùng suối đầu nguồn.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 晓 hiều.

7

惜春

TÍCH XUÂN

老盡鶯聲蝶又殘，
 花神著意爲人慳。
 清香不入荼蘼夢，
 九十春隨夜雨闌。

Lão tận oanh thanh, điệp hụu tàn,
 Hoa thần trước ý vị nhân can (kiến).
 Thanh hương bất nhập đồ mì mộng,
 Cửu thập xuân tùy dạ yu lan.

DỊCH NGHĨA

TIẾC XUÂN

Tiếng oanh vắng hẳn, bướm lại tàn,
 Thần hoa có ý xén với người.
 Hương thơm không còn len vào giấc mộng đẹp (¹),
 Chín chục ngày xuân mòn mỏi theo giọt mưa đêm.

DỊCH THƠ :

Bướm, oanh sao nỡ chóng lìa tan,
 Con tạo ghen chỉ với thế gian.
 Giấc mộng đồ mì hương đã nhạt,
 Ngày xuân chín chục, giọt mưa tàn.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH : Bài thơ này có chép ở VATT, TVTL2.

CHÚ THÍCH :

(1) *Giấc mộng đẹp* : nguyên văn là «đồ mì mộng». «Đồ mì» là một loại hoa rất đẹp, ở đây tam dịch chữ «đồ mì mộng» là «giấc mộng đẹp» cho dễ hiểu.

8

春郊晚行

XUÂN GIAO VĂN HÀNH

亭觥乙，橫興明宿生。
陽破甲，縱邊處舍平。
夕洗紅綠吟，缺僧話。
馬泉花樹景，雲同火。
駐清莊，野勝疏暫燈。
頭酌點連從，逗屋簷。
坡旋春山詩月隔，一

Pha đầu trú mã tịch dương định,
Toàn chước thanh tuyền tẩy phá
quynh.
Xuân điểm trang hoa hồng giáp ất,
Sơn liên dã ^{1*} thụ lục tung hoành.
Thi ^{2*} tòng thăng cảnh ngâm biển
hứng,
Nguyệt ^{3*} đậu sơ vân khuyết xứ minh.
Cách ốc tạm đồng tăng xá túc, ^{4*}
Nhất câu đăng hỏa thoai bình sinh.

DỊCH NGHĨA:

CHIỀU XUÂN ĐẠO CHƠI VÙNG NGOẠI Ô

Chiều tà, dừng ngựa đầu ghèn bến đình,
Múc nước suối trong, rửa chén rượu mè.
Xuân điểm hoa nhà dân, đó đây rực màu hồng.
Núi liền cây đồng nội, bát ngát một giải xanh.
Cánh đẹp, thi hưng lộ ra ở giọng ngâm,
Ánh trăng, đèn chõ mày thưa đợi xuống.
Xa nhà dân, ngủ tạm trong chùa,
Bên đèn ngồi kề chuyên bình sinh.

DICH THO'

*Chiều hôm dừng ngựa trước ngôi đình,
Đem chén rượu xoàng rửa nước ghèn.
Xuân điềm thôn trang phô sắc thắm,
Núi liền đồng nõi rợn màu xanh.
Thơ theo cảnh thăng bao xuân ý,
Trăng lọt mây thưa những khách tình.
Tạm trú nhà chùa qua một tối,
Bên đèn ngồi kê chuyện bình sinh.*

KHẢO ĐỊNH:

1* TVTL2 : 夜 *da.*

2* HVTT : *nhân*.

3* TVTL1, HVTT : B nhất.

4* TVTL2, TVTL3 ;處 xit.

TUẤN NGHI

舟中晚眺

CHU TRUNG VĂN THIẾU

眼	高	海	淨	塵	座,
北	顧	河	破	春	態,
風	急	雲	多	變	神。
雨	餘	月	長	精	別,
胸	中	渭	源	流	新。
頭	上	河	景	象	底,
拾	翠	紅	歸	筆	綸。
篷	窗	坐	更		

Nhẫn cao từ hải tịnh vô trần,
 Bắc cổ sơn hà phá toái xuân ^{1*}.
 Phong cấp đoạn vân đa biến thái,
 Vũ dù minh nguyệt trưởng tinh thần.
 Hung trung Kinh, Vị nguyên lưu biệt,
 Đầu thượng tinh, hà cảnh tượng ^{2*} tân.
 Thập thủy thu hồng quy bút đẽ,
 Bồng song tĩnh tọa cảnh phân luân.

DỊCH NGHĨA:

TRONG THUYỀN NGẮM CẢNH CHIỀU HÔM

Xa trông bốn biển sạch không gợn bụi,
 Quay nhìn phuong Bắc, sơn hà tan nát giữa mùa xuân.
 Gió thổi gấp, mây từng mảnh đổi hình luân luôn,
 Sau cơn mưa, trăng càng sáng đẹp hơn.
 Trong dạ, dòng Kinh, dòng Vị (1) đã phân biệt,
 Trên đầu, cảnh tượng tinh, hà (2) cũng đổi mới.
 Nhặt màu xanh, thu màu hồng dồn lên ngọn bút,
 Lặng ngồi bên cửa sổ thuyền, lòng ngỗng ngang.

DỊCH THƠ:

Bốn biển xa trông sạch bụi trần,
 Sơn hà ngoảnh lại thấy nào xuân.
 Gió xua mây đạt ra nhiều vẻ,
 Mưa tạnh trăng lên sáng bội phần.
 Kinh, Vị ngọt nguồn đà tách biệt,
 Tinh, hà cảnh tượng cũng thanh tân.
 Thủ hồng nhặt thủy dồn lên bút,
 Ngồi tựa song thuyền, dạ ngỗng ngang.

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVTL1: 秦 tần.

2* TVTL2: 色 sắc.

CHÚ THÍCH :

(1) *Kinh, Vị*: tên hai con sông. Sông Kinh nước trong, sông Vị nước đục. Thơ Tô Thúc 蘇軾 (người đời Tống) có câu 腹中涇渭分

Hung trung Kinh, Vị phân:

Trong lòng có sự phân biệt giữa sông Kinh và sông Vị.

Ý nói là có sự phân biệt về điều phải điều trái, việc thiện việc ác v.v...

(2) *Tinh, hà*: *tinh* là các vì sao; *hà* là sông Ngân Hà.

10

簡鏡溪范宗邁

四	海	朋	弟	兄
年	來	有	孤	明
詩	經	百	塵	腐
人	涉	多	老	成
鐵	硯	工	頓	挫
石	盤	歲	崢	蝶
何	當	破	嶸	了
自	水	真	荒	驚

GIẢN KÍNH KHÊ PHẠM TÔNG MẠI^{1*}

Tứ hải tân bằng tổng đệ huynh,
 Niên lai thượng hữu nguyệt cô minh.
 Thi kinh bách luyện vô trần hủ,
 Nhân thiệp đa ngu túc lão thành.
 Thiết nghiên công phu, ngô đốn tảo,
 Thạch bàn tuế nguyệt, tử tranh vanh.
 Hà đương phá đắc thiên hoang liễu,
 Bạch thủy chân nhân thiến áp kinh !

DỊCH NGHĨA :

GỬI KÍNH KHÊ PHẠM TÔNG MẠI⁽¹⁾

Bạn bè bốn biển đều là anh em,
 Cả năm, chỉ có vàng trăng cô đơn soi tỏ.
 Thơ qua trăm lần luyện, không còn cũ kỹ nữa,
 Người trải nhiều lo âu, ắt già dặn thêm.
 Miệt mài với chiếc nghiên sắt⁽²⁾, tôi đã thấy mỏi chùng,
 Năm tháng trên tảng đá⁽³⁾, bắc vân ngồi cao ngất.
 Làm thế nào, phá cho được cái « thiên hoang » !⁽⁴⁾
 Có Bạch thủy chân nhân⁽⁵⁾, sẽ trấn áp được sự kinh hoàng!

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT chép đầu đề bài thơ là 簡 范 敬 溪 *Gản Phạm Kinh Khê*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phạm Tông Mai* 范 宗 邁 tên hiệu là Kinh Khê, người làng Kinh Chủ, huyện Hiệp Sơn. Ông trước là họ Chúc, vua Trần Nhân Tông cho đổi ra họ Phạm. Ông có di sử Nguyên, từng làm chức Ngự sử trung tán. Tính ông ngay thẳng.
 - (2) *Nghiên sắt* (thiết nghiến): vào thời Ngũ Đại, ở Trung Quốc có Tang Duy Hàn 桑 維 翰 học giỏi nhưng thi mãi không đỗ, chỉ vì quan chấm trường ghét chữ 桑 Tang (họ của Duy Hàn) đồng âm với chữ 喪 Tang là chết chóc, nên đánh trượt. Sau đó, Duy Hàn làm bài phú *Nhật xuất Phù Tang* 日 出 扶桑 (Mặt trời mọc lên từ biển Phù Tang) để nói rõ chí hướng của mình, đồng thời đúc một cái nghiên sắt (thiết nghiến), thè: 研 破, 則 改 而 侘 仕 Nghiên tệ, tắc cải nhi tha sĩ:
- Khi nào cái nghiên này thủng thì mới đổi sang nghề khác.*
- Kết quả Duy Hàn đã thi đỗ Tiến sĩ. Về sau, người ta hay dùng thành ngữ 磨 穿 鐵 研 Ma xuyên thiết nghiến (mài thủng nghiên sắt) để chỉ việc dốc sức học hành, cuối cùng đạt được kết quả.
- (3) *Nǎn tháng trên tảng đá* (thạch bàn tuế nguyệt): chỉ cảnh ụng dung nhàn hạ, như Khương Tử Nha 姜 子 牙 ngày xưa ngồi trên tảng đá bên giòng sông Vị để câu cá.
 - (4) *Thiên hoang*: Sách Bắc mộng tỏa ngôn 北 梦 鎮 言 chép rằng: xưa kia ở đất Kinh Châu, hàng năm vẫn tuyển chọn người đi thi dinh, nhưng rốt cuộc không một ai thành đạt cả, người đương thời gọi đó là «thiên hoang». Về sau, có Lưu Thuế 劉 超 người Kinh Châu đậu thi dinh, nhiều người mừng rỡ nói: đã phá được «thiên hoang» rồi. Vậy «thiên hoang» có nghĩa là trời còn bỏ hoang, không có người thành đạt. Phá «thiên hoang», có nghĩa là đã khai khẩn, tức có người thành đạt.
 - (5) *Bach thủy chân nhân*: tức là tiên. Theo Hậu Hán thư: Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, ghét tiền Kim dao của họ Lưu, làm tiền mới gọi là Hóa tuyển. Trong chữ Hóa tuyển thì chữ tuyển do chữ bạch và chữ thủy ghép thành, từ đó tiền thường được gọi là «Bạch thủy chân nhân».

11

初春

A SƠ XUÂN

脆	梅	開	盡	雪	飄	零,	
老	大	情	懷	節	物	驚。	
傍	水	人	家	楊	柳	嫩,	
寒	天	客	院	半	陰	晴。	
遊	蜂	摘	蜜	穿	花	去,	
野	蝶	偷	香	帶	粉	輕。	
檢	點	名	園	供	勝	賞,	
春	花	一	樣	百	般	生。	

Lạp mai khai tận, tuyêt phiêu linh,
Lão đại tình hoài tiết vật kinh.
Bàng thủy nhân gia dương liễu nộn^{1*},
Hàn thiên khách viễn bán âm tình^{2*}.
Du phong trich mật xuyên hoa khứ,
Dã^{3*} diệp thâu hương đói phấn khinh.
Kiêm^{4*} diêm danh viễn cung thắng thường
Xuân hoa nhất dạng bách ban sinh.

DỊCH NGHĨA :

ĐẦU XUÂN

Tháng chạp hoa mai đã nở hết, tuyết bay lả tả,
 Người già nghỉ đến thời tiết cảnh vật mà kinh.
 Nhà ai bên mé nước, dương liễu non xanh,
 Phòng khách mùa rét, nửa râm nửa sáng.
 Ông đi lấy mật, xuyên qua các chòm hoa,
 Bướm nội trộm hương, nhẹ nhàng mang theo phấn.
 Đạo qua khu vườn danh tiếng để thưởng ngoạn thăng cảnh,
 Trăm loài hoa xuân đua nở, loài nào cũng đẹp.

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 欲楊柳 *dục dương liễu*.

2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 寒天客院午陰晴 ◎

Hàn thiên khách viện ngọ âm tinh (phòng khách mùa rét, buổi trưa (vǎn) tối tối sáng). VATT: 嫩寒天氣半陰晴

Nộn hàn thiên khí bán âm tinh (mùa rét, trời nửa râm nửa sáng). Câu trong VATT hay hơn câu trong các bản TVTL, nhưng lại có chữ Nộn trùng với chữ Nộn ở cuối câu thứ ba. Vì vậy chúng tôi chọn câu trong các bản TVTL, song lấy chữ Bán ở VATT.

3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 摳 *hay*.

NGUYỄN ÚC

阮億

(?)

Nguyễn Úc hiệu là Lan Trai 蘭齋 (1). Chưa rõ quê quán ở đâu, sinh và mất năm nào. Chỉ biết dưới triều Trần Minh Tông 陳明宗, ông từng làm quan ở Viện hàn lâm. Nguyễn Úc còn là bạn thân của Văn Huệ Vương Trần Quang Triều 文惠王陳光朝 (2), có tham gia thi xã Bích Động 碧洞 (3) do Trần Quang Triều sáng lập.

Tác phẩm của ông hiện còn 20 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Có sách chép là Giản Trai 簡齋: Có lẽ nhầm.

(2) Trần Quang Triều (1287 – 1325), hiệu Vô Sơn Ông 無山翁, còn có biệt hiệu là Cúc Đường Chủ Nhân 菊堂主人. Ông là con Trần Quốc Tảng 陳國頫, cháu Trần Quốc Tuấn 陳國俊.

(3) Thị xã này đặt ở am Bích Động, một thắng cảnh ở vùng Quỳnh Lâm 琦林 (thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ngày nay). Tôn chỉ của thi xã là ca ngợi thiên nhiên, ca ngợi thủ nhàn hạ, công kích thói bon chen, cầu cạnh ở đời...

12

茶靡

ĐỒ 1* MI

壓架初開	三兩枝,
上陽宮女	對愁時。
一獨生不識	梅花面,
獨詔光作	後期。

Áp giá sơ khai tam lưỡng chi,
Thượng Dương cung nữ đối sâu thi.
Nhất sinh bất thức mai hoa diện,
Độc điển thiều quang tác hậu kỳ.

DỊCH NGHĨA :

HOA BỒ MI (1)

Vài ba cành mòi nở đè lên trên dàn,
Cũng là lúc người cung nữ ở Thượng Dương đang sầu khổ (2).
Suốt đời chẳng biết mặt hoa mai là gì cả,
Riêng mình đến muộn, lèo dèo theo sau bóng thiếu quang.

KHẢO ĐỊNH:

1* TVTL2, TVTL3: 茶 (rā,

CHÚ THÍCH :

- (1) Chúng ta quen gọi là «trà mì».

(2) Đường Huyền Tông 唐玄宗 say mê Dương Quý Phi 楊貴妃 bỏ quên tất cả cung nữ ở Thượng Dương. Một số cung nữ ở đây vì thế than thở với nhau về cảnh lõi làng. Ở câu thơ trên, tác giả ví hoa dò mì nở vào cuối xuân đầu hạ, nghĩa là sau khi các thứ hoa khác đã nở, cũng giống như những người cung nữ hủi phận, chẳng biết xuân là gì.

13

卷之三

HIẾU PHẬI

輕清處，名
縷餘逃古
一有無萬
梅月色間
鹽風物人
鼎江襄得
漢桐羊蕙

Hán định diêm mai ^{1*} nhất lũ khinh,
Đồng Giang phong nguyệt hữu du-
thanh.
Đường cừu vật sắc vô ^{2*} đào xú,
Nhạ đặc nhân gian van cồ danh.

DỊCH NGỮ

CHÒI CÂU (1)

Vạc nhà Hán (2) và chuyện mồi mò xem nhẹ hơn một sợi dây,
Trăng gió trên Đồng Giang thừa sự thanh cao.
Chiếc áo da cừu (3) bị tim vời (4) không còn nơi lẩn tránh,
Nên buộc phải lưu lại thanh danh muôn thuở ở đời (5).

DỊCH THƠ :

«Muối mơ vạc Hán» nhẹ dường to,
 Trăng gió Đồng Giang sáng khoái thura.
 Chiếc áo da cừu khôn lẩn tránh,
 Đanh lưu danh lại với ngàn xưa.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL3: 梅 盡 mai diêm.
 2* TDTT: 難 nan.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chòi câu (diều dài): xưa kia ở Trung Quốc có rất nhiều chòi câu. Riêng trong bài này, là đề chỉ chòi câu của Nghiêm Quang 嚴光 (Nghiêm Tử Lăng 嚴子陵) một ân sĩ đời Hán. Chòi làm trên sông Đồng Giang, dưới núi Phú Xuân, thuộc tỉnh Chiết Giang.
- (2) Theo thiền Duyệt mệnh 說命 trong Thư kinh 書 經 thì vào đời Thương, vua Cao Tông 高宗 từng nói với hiền thần là Phó Duyệt 傅說 rằng: 若作和羹,爾惟鹽梅. Nhược tác hòa canh, nhỉ duy diêm mai: Nếu để nêm canh, nhà ngươi chính là muối và mơ. Cả câu thơ này ý nói Nghiêm Quang xem công danh phú quý rất nhẹ, chỉ lấy việc sống ăn làm hơn.
- (3) Áo da cừu (dương cừu): Ngày xưa, những kẻ ra làm quan thường mặc áo da cừu. Chữ «áo da cừu» dùng ở đây là một hoán dụ dùng để chỉ người ra làm quan.
- (4) Bì tìm voi (vật sắc): Truyện Nghiêm Quang 嚴光 trong sách Hán thư chép: 乃令以物色訪之. Nai lệnh dì vật sắc phỏng chi: Bèn ra lệnh theo dung mạo mà tìm voi.
- (5) Trong VATT, dưới bài thơ này, Phan Phu Tiên có lời phê như sau:
 恐人物色羊裘, 非羊裘物色人也。
 Khủng nhân vật sắc dương cừu, phi dương cừu vật sắc nhân dã: E rằng người dì truy tìm áo da cừu, chứ không phải áo da cừu dì truy tìm người vậy.

14

泊舟應豐亭偶題

繫纜江亭覓勝遊，
 前朝行殿已荒丘。
 花不識興亡事，
 撩亂春光未肯休。

BẠC CHU ỦNG PHONG ĐÌNH
NGÂU ĐỀ 1*

Hệ lâm giang đình mịch thắng du,
 Tiền triều hành điện dì hoang khưu.
 Oanh hoa bất thức hưng vong sự,
 Liêu loạn xuân quang vị khảng hưu !

DỊCH NGHĨA :

**ĐẬU THUYỀN BÊN ĐÌNH ỦNG PHONG (1),
NGẦU HƯNG ĐỀ THƠ**

Buộc thuyền canh đinh bên sông tìm chọi thăng cảnh,
 Hành cung triều trước, đã thành gò hoang.
 Mùa xuân (2) chẳng biết việc hưng phế,
 Làm rỗi nắng xuân mãi chưa thôi !

DỊCH THƠ :

*Thuyền buộc ven sông, tìm thăng cảnh,
 Triều xưa hành điện mất đâu rồi.
 Oanh hoa chẳng biết trò hưng phế,
 Quấy rỗi ngày xuân mãi chưa thôi !*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TDTT: 偶成 *ngẫu thành*; TVTL1, TVTL2, TVTL3: không có chữ 偶題 *ngẫu đề*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đinh Ủng Phong ở phủ Nghĩa Hưng, Nam Định (nay thuộc Hà Nam Ninh). Nhà Lý từng xây hành cung ở đây.
- (2) Mùa xuân : Nguyên văn là *oanh hoa*.
 Người xưa khi nói đến mùa xuân thường lấy chim oanh và hoa làm tượng trưng. Ở đây chúng tôi dịch là *mùa xuân* cho sát nghĩa bài thơ.

15

洞然峰有感**DỘNG NHIÊN PHONG HỮU CẢM**

高	卧	蒼	雲	念	最	深,
騎	箕	去	後	杳	難	尋。
君	王	無	復	他	時	夢,
猿	鶴	空	山	夜	心。	

Cao ngạo thương vân niêm tối thâm,
 Kỳ Cơ khứ hậu liều nan cảm.
 Quân vương vô phục tha thời mộng,
 Viên hạc không sơn dạ dạ tâm.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC KHI QUA ĐỈNH ĐỘNG NHIÊN (1)

Năm cao tần mày xanh, nghĩ rất sâu,
 Người cuối sao Cơ đi rồi (2), mờ mịt thật khó tìm.
 Giấc mộng nhà vua ngày nào, nay không còn trở lại,
 Trên ngọn núi vắng, đêm đêm chỉ còn tấm lòng của vượn, hạc (3) mà thôi.

CHÚ THÍCH :

(1) *Đỉnh Động Nhiên* : chưa rõ ở đâu.

(2) *Người cuối sao Cơ* : Sách *Trang Tử* có nói rằng : Phó Duyệt, một vị hiền thần đời nhà Thương, tuy chết nhưng tinh thần vẫn còn ngồi sáng trên sao Cơ, sao Vĩ. Ở đây tác giả dùng ý ấy để nói đến cái chết của một vị hiền nhân nào đó.

(3) *Vượn hạc* (viên hạc) : Sách *Bao phác tử 抱樸子* chép : 周穆王南征, 一軍盡化; 君子為猿為鶴, 小人為蟲為沙。Chu Mục Vương Nam chinh, nhất quân tận hóa ; quân tử vi viên vi hạc, tiểu nhân vi trùng vi sa ; Chu Mục Vương di đánh phuông Nam, toàn quân đều chết cả, những người quân tử thì biến thành vượn, hạc ; những kẻ tiểu nhân thì biến thành sâu cát. Đời sau hay dùng bốn chữ «Viên hạc trùng sa» (hay «trùng sa viên hạc») để ám chỉ những người bị chết trận. Chữ «vượn, hạc» trong bài thơ này có thể là được dùng theo nghĩa đó.

16

重陽前一日
 到菊堂舊居有感
 高會龍山蹟已陳，
 西風回首淚沾巾。
 背心却愛東籬菊，
 肯把清香媚別人。

TRUNG DƯƠNG TIỀN NHẤT NHẬT^{1*}
 ĐÁO CÚC ĐƯỜNG CỰU CỦ^{2*}
 HỮU CẨM

Cao hội Long Sơn tích dĩ trần,
 Tây phong hồi thủ lệ triêm cân.
 Trinh tâm khước ái đồng ly cúc,
 Khẳng bả thanh hương ^{3*} mị biệt nhân.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC KHI ĐẾN NGÔI NHÀ CŨ CỦA CÚC ĐƯỜNG (1) VÀO
 NGÀY TRƯỚC TẾT TRÙNG DƯƠNG (2)

Cuộc yến hội ở Long Sơn (3) dấu vết đã mờ,
 Gió tây thổi ngoảnh đầu lại, nước mắt thấm khăn.
 Lòng trong trắng chỉ yêu hoa cúc ở giậu phía đông (4),
 Há chịu đem hương, thanh mon tròn kẽ khác (5).

KHẢO ĐÍNH :

- 1* MDT : sau chữ 日 nhất có chữ 重 trùng.
 2* MDT : 山庵 sơn am.
 3* TVTL2 : 凉 luồng.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Các Đường*: hiệu của Trần Quang Triệu. Xem chú thích (2) phần tiêu sử của Nguyễn Úc.
 - (2) *Trùng dương*: tức ngày mồng chín tháng chín âm lịch.
 - (3) *Tấn thư* 晉書 có chép một chuyện như sau: Vào ngày mồng chín tháng chín, tướng quân Hoàn Ôn đặt tiệc ở Long Sơn, các quan thuộc hạ và tân khách đều đến dự. Có thể Nguyễn Úc dùng tích này để nhắc tới một cuộc yến hội lớn nào đó do Trần Quang Triệu sinh thời từng tổ chức.
 - (4) *Hoa cúc ở giậu đồng* (đồng ly cúc): Chữ trong thơ Đào Tiềm, được dùng lại ở đây với nghĩa muốn quay về với « thủ đền viễn ».
 - (5) Trong VATT, cuối bài thơ này, Phan Phu Tiên có lời bình như sau: 恐不如是貞
心 Khủng bất như thị trình tâm: *Lòng trung trinh e không phải như thế*.

17

齊前盆子蘭花

TRẠI TIỀN BỒN TỬ LAN HOA

中同寔翁
辭晚寂吟
楚九憐伴
識光情馥
曾風有清
標種似留

Cao tiêu tăng thức Sở tử trung,
Nhất chủng ^{1*} phong quang cửu uyên
đồng.
Thiên tự hữu tình liên tịch mịch,
Vì lưu thanh phúc ban ngâm ông.

DỊCH NGHĨA :

CHÂU HOA LAN TRƯỚC NHÀ

Từng biết được nêu cao trong Sở tử (1),
Một vẻ phong quang chín khoảnh đất (2) đều giống nhau.
Trời hình như có ý thương cảnh vắng vẻ,
Đã dè lại mùi thơm trong sach làm ban với nhà thơ.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 樹 *thu*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Sở từ* : Ở đây chỉ thơ của Khuất Nguyên 扈 原 nói chung.

(2) *Chín khoảnh dắt* (Cửu uyên) : Trong tác phẩm *Lý lão 離 驪* của Khuất Nguyên có câu : 余既滋蘭之九畹兮，又樹蕙之百畝。

Dư ký từ lan chi cửu uyên hè ; Hựu thụ huệ chi bách mâu.

Ta đã trồng lan chín khoảnh, lại trồng huệ trăm mâu.

Trong bài thơ này, tác giả dùng lại ý đó.

18

送人北行

TỔNG NHÂN BẮC HÀNH^{1*}

都 門 回 首 樹 蒼 蒼，
立 馬 頻 斡 勸 客 觴。
一 段 離 情 禁 不 得，
津 頭 折 柳 又 斜 陽。

Đô môn hồi thủ^{2*} thụ thương thương,
Lập mã^{3*} tần châm khuyến khách
thương.
Nhất đoạn ly tình cảm bất đắc,
Tàn đầu chiết liễu hưu tà dương.

DỊCH NGHĨA:

TIỀN NGƯỜI ĐI PHƯƠNG BẮC

Ngoanh lại cửa đô thành cây cối xanh xanh,
Dừng ngựa liên tiếp rót rượu mời khách.

Không sao ngăn nổi, một khúc tình ly biệt,
Bến bến sông bênh liễu⁽¹⁾ trong bóng chiều tà.

KHẢO ĐÍNH :

1* MDT : 河 津 送 客 *hà tần tống khách*.

2* MBT : 遠 眺 *viễn thiểu*.

3* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, MDT : 馬 上 *mã thượng*

CHÚ THÍCH :

(1) *Bê bành liễu* (chiết liễu) : Trong *Tam phu hoang đồ* 三 輔 黃 圖 có chép: 瀑 橋 在長安東, 跨水作橋; 漢人送客至此橋, 折柳贈別.

Bà kiều tại Trường An đông, khoa thủy tác kiều, Hán nhân tổng khách chỉ thử kiều, chiết liễu tăng biệt: Bà Kiều là một cái cầu ở phía đông Trường An; người đời Hán tiễn khách đến đây, thường bê bành liễu trao tặng để biệt. Người đời sau hay dùng chuyên « bê bành liễu » để chỉ cảnh chia tay.

19

題顧步鶴圖

ĐỀ CỐ^{1*} BỘ HẠC ĐỒ

一 堆 老 石 竹 參 差,
 孤 鶴 便 翩 未 肯 飛。
 四 首 不 須 防 在 後,
 網 羅 正 是 眼 前 機。

Nhất đồi lão thạch trúc sâm si,
 Cô hạc biền huyên^{2*} vị khảng phi.
 Hồi thủ bất tu phòng tại hậu,
 Võng la chính^{3*} thi nhẫn tiền kỵ.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TRANH •CỐ BỘ HẠC ĐỒ• (1)

Một đống đá cũ, khóm trúc loi thoι,
 Con hạc cô đơn dùng dǎng chua chịu bay.
 Đứng ngoảnh đầu lại để phòng dǎng sau,
 Lưới giǎng chính là cơ sự đã ở ngay trước mắt.

DỊCH THƠ:

*Khóm trúc loi thoι, đá mấp mô,
 Dùng dǎng cánh hạc, thế đơn cô.
 Thoi đứng ngoảnh lại dǎng sau nữa,
 Lưới trước chờ kia chẳng phải dò!*

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH:

1* MDT : 故 cố.

2* TDTT : 翩 phiên.

3* TVTL2, TVTL3, HVTT, MDT : 只 chỉ.

CHÚ THÍCH :

(1) Cố bộ hạc đồ : bức tranh vẽ con hạc vừa đi vừa ngoảnh lại.

代謝御賜墨畫龍

道人來自崇天宮，
手提一幅模糊龍。
云是重華聖人萬幾暇，
墨戲三昧時從容。

手中造化妙無蹟，
渙授暫托陶家壁。
洞前獨帶濕雲歸，
鞭起屏翳驅霹靂。

春回五字溪流光，
印分三道珠凝香。
熱檀展拜謝天賜，
吟聲彷彿生公堂。

平生攀龍事則已，
一片禪心隨海水。
至尊若待焉霖時，
只合形求築岩士。

ĐẠI TẠ NGƯ TỨ MẶC HÓA LONG ^{1*}

Đạo nhân lai tự Sùng Thiên cung,
Thủ đề nhất bức mờ hồ long,
Vân thị Trùng Hoa ^{2*} thánh nhân vạn
cõi ^{3*} ha,
Mặc hí tam muội thời thung dung.

**

Thủ trung tạo hóa diệu vô tích,
Ngư thoan tạm thác ^{4*} Đào gia bích.
Động tiền độc ^{5*} đới thấp ván quy,
Tiên khởi bình è ^{6*} khu tịch lich.

**

Xuân hồi ngũ ^{7*} tự khê lưu quang,
Ấn phân tam đạo châu ngưng hương ^{8*}
Nhiệt đản ^{9*} triền bái tạ thiên túr,
Ngâm thanh phảng phất sinh công
dường.

**

Bình sinh phan long ^{10*} sự tắc dĩ,
Nhất phiến thiền tâm tùy hải thủy.
Chỉ tôn nhược dãi vi làm thời,
Chỉ hợp hình ^{11*} cầu trúc nham sĩ.

e

DỊCH NGHĨA:

THAY NGƯỜI TẠ ƠN VUA BAN CHO BỨC TRANH RỒNG THỦY MẶC

Có vị tăng từ cung Sùng Thiên tới,
 Tay cầm một bức tranh rồng dáng chập chờn,
 Nói là của bậc thánh Trùng Hoa ⁽¹⁾ nhân khi muôn việc rảnh,
 Thung dung vẽ chơi vài nét chấm phá.

**

Bàn tay sáng tạo nhuần nhuyễn diệu kỳ,
 Chiếc thoi người đánh cá tạm gửi lại noi vách họ Đào (2).
 Trước cửa động, riêng chỉ mang về mây trót,
 Quất thần gió dậy, xua thần sấm.

* * *

Mùa xuân về trên nấm chữ (3) như những dòng khe chảy ánh sáng,
 Dấu ấn chia làm ba đường (4) như những hạt châu đọng mùi thơm.
 Đốt hương trầm lạy tạ ơn trời cho,
 Tiếng ngâm phảng phất vọng lên giữa công đường.

* * *

Việc «vin vảy rồng» (5) trong đời đã thành chuyện qua rồi,
 Một tấm lòng thiền nay phó cho nước bè khơi.
 Bậc «chí tôn» (6) nếu trông chờ con mưa tầm tã,
 Chỉ cần tìm kẻ sĩ đúng hình dạng đang dắp tường ở Phó Nham (7).

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT, chép đầu đề bài thơ là 代謝賜御畫墨龍 *Đại tạ tú ngự họa mạc long* ;
 TVTL2: 代謝賜御畫黑龍 *Đại tạ tú ngự họa hắc long* ;
 TVTL3: 代謝賜御畫龍 *Đại tạ tú ngự họa long* ;
 HVTT: 代人謝賜御畫黑龍 *Đại nhân tạ tú ngự họa hắc long*.
- 2* VATT: 恒華 *Cung Hoa*.
- 3* MDT: sau chữ 聖人 *thánh nhân* không có hai chữ 萬機 *vạn cơ*. Có lẽ vì để cho bài thơ được nhất quán từ trên xuống dưới (mỗi câu bảy chữ), MDT đã lược bỏ hai chữ này, và như vậy câu thơ còn lại đúng bảy chữ như các câu khác. Chúng tôi theo VATT, TVTL2, TVTL3, HVTT. Theo chúng tôi thì hai chữ 重華 *Trùng Hoa* và 聖人 *thánh nhân* hơi lặp ý. Có thể một trong hai từ này là thừa, do một sự nhầm lẫn nào đó trong quá trình sao chép lại bài thơ.
- 4* VATT, TVTL2, TVTL3: 化 *hóa*.
- 5* TVTL2, TVTL3, MDT, HVTT: 離 *do*.
- 6* VATT, TVTL2, TVTL3: 四奇 *tứ kỳ*.
- 7* TVTL2: 四 *tứ*.
- 8* MDT: 霜 *sương*.
- 9* TVTL2, TVTL3, HVTT: 壇 *dàn*.
- 10* VATT: 鱗 *lân*.
- 11* TVTL2: 行 *hành*.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Trùng Hoa*: Chữ dùng để ca ngợi vua Thuấn.
- (2) *Tấn Thư* 晉書 chép: ngày xưa Đào Khản 道侃 lúc còn bé đi câu, bắt được cái thoi đem về treo trên vách, bỗng nhiên nồi sấm sét, cái thoi hóa ra con rồng bay đi mất. Điều này được dùng lại ở đây, để nhấn mạnh cái ý là con rồng vua vẽ rất kỳ diệu.
- (3) *Năm chữ* (ngũ tự): chưa rõ xuất xứ. Có người cho là *phú*, *quí*, *thọ*, *khang*, *ninh*. Nhưng ý đó không thích hợp với bài thơ này.
- (4) *Ba đường* (tam đạo): chưa rõ tác giả muốn nói gì. Cả câu này và câu trên nghĩa còn chưa rõ, chờ tra cứu thêm.
- (5) «*Vin vẩy rồng*» (phan long): theo truyền thuyết, khi vua Hoàng Đế 黃帝 băng hà, bầy tôi thấy vua cõi rồng lên trời. Họ đến vin vào vẩy rồng, định giữ vua lại, nhưng vẩy rồng rung xuống, Hoàng Đế đã đi mất. Ở đây dùng tích «*vin vẩy rồng*» để nói lên cái ý là bê tôi muốn phò vua giúp nước.
- (6) «*Chi tôn*»: chỉ vua.
- (7) Cả câu này xuất ý từ tích sau đây: vua Cao Tông 商宗 (nhà Thương) năm chiêm bao thấy Trời ban cho một vị hiền sĩ. Khi tỉnh giấc, truyền cho vẽ hình dạng người trong mộng để đi tìm. Kết quả là gặp được Phó Duyệt 博說 đang đắp tường thuê ở đất Phổ Nham. Cao Tông sung sướng nói: 若歲大旱, 用汝作霖雨. Nhược tuế đại hạn, dung nhữ tác làm vũ: Như năm đại hạn, dung người làm mưa dầm.

21

送菊堂主人征刺那

TỔNG 1* CÚC ĐƯỜNG CHỦ NHÂN
CHINH THÍCH-NA 2*

將	壇	拜	了	奉	天	誅,
免	察	那	容	首	鼠	謀。
鼓	角	令	嚴	璫	帳	夜,
弓	刀	聲	動	王	山	秋,
野	分	萬	龕	蠻	烟	散,
纊	挾	三	軍	士	氣	稠。
碑	記	平	軍	宣	盛	事,
幙	中	還	淮	退	之	否?

Tướng dàn bài liêu, phung thiên tru,
Thổ quật na dung thủ thủ mưu.
Cỗ giộc lệnh nghiêm chiên trường da,
Cung dao thanh động Ngọc Sơn thu.
Dã phân vạn tảo man yên tản.
Khoáng 3* hiệp tam quân sĩ 4* khi
trù. 5*
Bi ký binh Hoài tuyên 6* thịnh sự,
Mạc 7* trung hoàn hữu Thoái Chi
phẫu ?

DỊCH NGHĨA :

TIẾN CÚC ĐƯỜNG CHỦ NHÂN⁽¹⁾ ĐI ĐÁNH GIẶC THÍCH-NA⁽²⁾

Nhân chức Tướng quân xong, vâng mệnh trời đi chinh phạt,
 Không để cho thỏ trong hang⁽³⁾ mưu tháp thỏ như chuột.
 Hiệu lệnh trống còi nghiêm nhặt nơi chiên trường⁽⁴⁾ lúc ban đêm,
 Tiếng cung dao vang động miền Ngọc Sơn⁽⁵⁾ giữa mùa thu.
 Muôn bêp tán loạn, khói xóm Mường lên rải rác,
 Ba quân đùm bọc, khí thế tràn đầy.
 Bia ghi công bình định đất Hoài⁽⁶⁾ tuyên dương việc hay,
 Trong quân trướng còn có Hàn Thoái Chi⁽⁷⁾ hay không ?

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT : 銀 tiễn. Sau đầu đề, VATT có lời dẫn : 時有御制送行 Thới hưu ngự
 chế tổng hành : Lúc bấy giờ có thơ tổng tiến của vua.
- 2* TVTL1, TVTL2, TVTL3, : 刹那 Sát-na.
- 3* TVTL1 : 猥 khoáng.
- 4* VATT : 喜 hỉ.
- 5* TVTL2, TVTL3 : 周 chu.
- 6* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 真 chán.
- 7* TVTL2 : 嘘 mō.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Cúc Đường Chủ Nhân* : biệt hiệu của Trần Quang Triều. Xem chú thích (2), phần tiểu sử của Nguyễn Úc, tr. 26.
- (2) *Thích-na* (hay Sát-na) : chưa rõ ở đâu.
- (3) *Hang thỏ* : theo *Chiến Quốc sách* 戰國策 thì vào thời Chiến Quốc, Phùng Hoan 馮驩 có nói với Mạnh Thường Quân 盡嘗君 rằng : 狐兔有三窟僅得兔其死耳 Giảo thỏ hữu tam窟, cần dắc miễn kỳ tử nhĩ : Con thỏ ranh khôn có ba cái hang, chỉ để được thoát chết thôi. Ở đây, tác giả dùng chữ *hang thỏ* để chỉ sào huyệt của giặc Thích-na.
- (4) *Chiên trường* : chỉ nơi làm việc của tướng soái.
- (5) *Ngọc Sơn* : có thể là tên đất hoặc tên núi, nhưng ở đâu chưa rõ.
- (6) (7) *Hàn Thoái Chi* : tức là Hàn Dũ 韓愈, một nhà văn lớn đời Đường, từng làm bài văn bia nổi tiếng để ca ngợi công lao bình định đất Hoài của Bùi Độ 裴度.

秋夜與故人朱何詒舊

THU DẠ DŨ CỐ NHÂN ^{1*}
CHU HÀ ^{2*} THOẠI CỤ

秋	來	菊	叢,	Thu lai ngẫu bạng cúc hoa tùng,
一	室	躋	同。	Nhất thất chi lan xú ^{3*} vị đồng.
世	事	味	外,	Thế sự ^{4*} phiếm luân đăng ảnh ngoại,
交	情	影	中。	Giao tình thâm ký tửu bội trung.
幾	深	燈	晚,	Kỷ hành bạch phát thời ^{5*} trương vần ^{6*} ,
萬	自	酒	通。	Vạn lý thanh vận tin vị thông.
獨	青	杯	將未	Độc đổi bất lai kim tịch ^{7*} mộng,
西	不	信	夕夢	Tây phong xuy vũ lạc ngô đồng.
	對	雲	今	
	風	來	落	
		梧	桐。	

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU CÙNG BẠN CŨ CHU HÀ (1)
KÈ LẠI CHUYỀN ĐÃ QUA

Mùa thu về, ngẫu nhiên ngồi bên khóm hoa cúc,
 Cùng một nhà chi lan, hương như nhau (2).
 Bên ánh đèn bàn phiếm việc đời,
 Tình bầu bạn gửi hết vào chén rượu.
 Vài sợi tóc bạc, báo tuổi đã sắp già,
 Đường công danh vạn dặm, nay vẫn chưa tỏ lối.
 Riêng gặp mặt nhau, đêm nay khỏi phải nằm mộng,
 Gió tây hắt mưa làm rụng lá ngô đồng.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : 故生 *cố sinh*.2* TVTL2, TVTL3 朱伯 *Chu Bá*.3* TVTL2 : 趣 *thú*.4* VATT, MDT : 慊 *thái*.5* TVL1 : 旬 *tuần*.

6* TVTL2, TVTL3 : B nhật.

7* TVTL2 : 瞭 *hiểu*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chu Hà* : Theo VATTA và TVLTI thì Chu Hà lúc này đang cùng Nguyễn Úc làm dưới trướng Trần Quang Triệu.
- (2) Sách *Gia ngữ* có chép: 奧善人居, 如入芝蘭之室, 久而不聞其香, 即奧之化矣。Dữ thiện nhân cư, như nhập chi lan chi thất; cửu nhi bất vân kỳ hương, tức dữ chi hóa hĩ: Sống chung với người thiện, cũng giống như bước vào nhà có chi lan, lâu rồi không còn ngửi thấy mùi thơm nữa, ấy là đã đồng hóa với chi lan rồi vậy.

23

舟過北江仙遊作

CHU QUÁ BẮC GIANG
TIỀN DU TÁC

客	帆	歷	過	仙	遊,
羞	見	青	對	自	頭。
半	塔	夕	孤	刹	迴,
一	江	明	四	橋	秋。
霜	餘	紅	連	雲	熟,
雨	後	丹	隔	岸	迂。
歸	程	不	逢	逆	
咫	程	何	日	到	神

Khách phàm lịch lich 2* quá Tiên Du,
Tu kiến thanh sơn 3* đối bạch đầu.
Bản tháp tịch dương cõ sát quỳnh,
Nhất giang minh nguyệt tử kiều thu.
Sương dư hồng đạo liên vân thực,
Vũ hậu đan phong cách ngạn vũ.
Quy tử bất kham phùng nghịch^{4*} thủy,
Chỉ^{5*} trình hà nhật đảo Thần Châu.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM KHI THUYỀN QUA TIỀN DU BẮC GIANG (1)

Buồm khách chặng chặng qua Tiên Du,
Thẹn thấy non xanh đối cùng đầu bạc.
Bóng chiều rót lại trên nứa ngọn tháp, xa tít một ngôi chùa cô đơn,
Một giòng sông trăng sáng, bốn nhịp cầu thu.
Sau khi sương sa, lúa chín vàng liền với chân mây,
Sau lúc mưa tạnh, chòm phong đỏ bên kia sông xa lắc.
Chiều sao nỗi, khi lòng muốn về, lại gặp giòng nước ngược.
Đường đi tuy gang tấc, biết ngày nào tới Thần Châu (2).

KHẢO ĐÍNH:

- 1* MDT: sau chū 務 *chu* có chū 行 *hành*.
 2* TVTL2, TVTL3 整整 *chỉnh chỉnh*.
 3* TVTL2, TVTL3: 雲 *vân*.
 4* TVTL2, TVTL3: 過 *quá*.
 5* TVTL1: 行 *hành*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo *Nhật thống chí* - 統志, tên huyện Tiên Du có từ đời Trần, thuộc lộ Bắc Giang (nay Tiên Du thuộc vùng Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc).
 (2) *Thàn Châu*: ở đây chỉ kinh đô Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay.

24

書懷奉呈菊堂主人

遙飄徑，瓢老招瞿寥。
里風三一客，誰浪寂。
萬信荒樂憐與滄訪，
衢跡就餘情。約何天，
雲萍賦貪多。有擬靈首，
湖田巷髮山纓晚。

THƯ HOÀI PHỤNG TRÌNH CÚC ĐƯỜNG CHỦ NHÂN

DỊCH NGHĨA :

GHI NỘI LÒNG, VĂNG TRÌNH CÚC BƯỜNG CHỦ NHÂN (1)

Ngoảnh nhìn đường mây muôn dặm xa xôi,
Dầu bèo trên sông nước, mặc gió trôi dạt.
Bài phú *Quy điện* làm xong, ba luống vườn hoang vu (2),
Cảnh nghèo nơi ngõ hẻm, vui với bầu nước nhật (3).
Tóc bạc, nhiều tinh cảm, thương người nơi đất khách dã già,
Từng hẹn ước với non xanh, biết rủ ai cùng đi với.
Đem giải mũ đầy bụi ra giặt ở Thương Lương (4),
Sớm muộn cũng đến Hồ Thiên (5), thăm nơi thanh vắng.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 江 giang.

2* MDT : 疾 ngung.

3* TVTL2 : 湖 hồ.

CHÚ THÍCH :

- (1) Cúc Đường Chủ Nhân : Biệt hiệu của Trần Quang Triều.
- (2) Trong bài Quy khứ lai 归去來 của Đào Tiêm 阎潛 (ông còn có tên là « Ngũ Liêu tiên sinh » 五柳先生 vì trước nhà có năm cây liêu), có câu: 三徑就荒, 松菊猶存 Tam kinh tựu hoang, tùng cúc do tồn: Ba lưỡng vườn đã hoang vu, nhưng tùng cúc vẫn còn. Tác giả dùng lại tích này, tỏ ý muốn trở về với thú diền viên, như Đào Tiêm ngày xưa, vì không chịu sống cảnh luân cùi ở chốn quan trường nên đã bỏ quan về với vườn ruộng.
- (3) Khổng Tử từng khen Nhan Hồi như sau: 一簞食, 一瓢飲, 在陋巷, 人不堪其憂, 回也不改其樂. nhất đan tự, nhất biều ấm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi dã bất cải kỳ lạc: Một giỗ cơm, một bát nước, ở ngõ hèm, người khác thì rất lấy làm lo, nhưng Nhan Hồi thì không hề thay đổi niềm vui của mình. Ở đây tác giả mượn ý Khổng Tử để nói mình cũng vui lòng sống cuộc đời nghèo nhưng trong sạch.
- (4) Mạnh Tử từng dẫn bài ca Thương Lương như sau: 滄浪之水清兮, 可以濯吾缨; 滄浪之水濁兮, 可以濯吾足. Thương Lương chí thủy thanh hè, khả dĩ trạc ngò anh; Thương Lương chí thủy trọc hè, khả dĩ trạc ngò túc: Thương Lương nước trong, thì ta giặt giải mũ; Thương Lương nước浊, thì ta lai rửa chân. Câu thơ trên lấy ý từ đó, nói lên quan niệm « tuy thời mà xǔ thế » của tác giả.
- (5) Hồ Thiên : tên một ngọn núi và một ngôi chùa trên núi ấy, nay ở vào địa phận huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chúng ta lại biết Nguyễn Úc là bạn thân của Trần Quang Triều, từng tham gia Bích Động thi xã do Quang Triều lập ở Quỳnh Lâm (Đông Triều). Ở đây tác giả nói đến Hồ Thiên cũng là nói đến cảnh sê vè vui thú diền viên.

25

輓司徒公

騎善已依公	箕類矣然言遇水	人相九四猶難	去逢重海喪忘山	自嘆亡渴奸國	雲陸魏商臣士	深沈。鑑霽。膽心。
流爲	矣	然	高	忘	若	夢琴。

VĂN TƯ ĐỒ CÔNG ^{1*}

Ký Cơ nhàn khứ bạch vận thảm,
Thiện loại ^{2*} trong phùng thán lục
trầm.
Dĩ hỉ cửu trùng vong Ngụy giám,
Y nhiên tử hải khát Thương lâm.
Công ngôn do táng gian thần đầm ^{3*},
Hậu ngộ nan vong quốc sĩ tâm.
Lưu thủy cao sơn liêu nhược ^{4*} mộng,
Vị thùy tái phát bích gian cầm.

DỊCH NGHĨA:

VIẾNG QUAN TƯ ĐỒ (1)

Người cưỡi sao Cơ (2) đi mất, mây trắng mịt mù,
Những bậc thiện gặp nhau, than thở cảnh ngập chìm trên cạn.
Ôi thôi! Chín tầng (3) đã mất tám gương họ Ngụy (4),
Bốn biển vẫn khao khát trận mưa đầm của nhà Thương (5).
Lời nói của người còn làm cho bọn gian thần khiếp đảm,
Tinh tri ngộ đậm đà, lòng kề quốc sĩ khó quên.
Nước chảy, non cao, mịt mờ như giấc mộng,
Vì ai lại phủ cây đàn trên vách một lần nữa (6).

KHẢO ĐÍNH:

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3: chép đầu đề bài thơ là 輓菊堂司徒公 Văn Cúc Đường
Tư đồ công; MDT: 輥菊堂司徒相公 Văn Tư đồ Cúc Đường Tường công.
- 2* MDT: 處 xú.
- 3* MDT: 脩 phủ.
- 4* VATL, TVTL2, TVTL3, MDT: 夏 nhu.

CHÚ THÍCH:

- (1) Tứ Trần Quang Triều. Xem chú thích (2), phần tiểu sử Nguyễn Úc, tr.26.
- (2) Người cưỡi sao Cơ Sách Trang Tử có nói rằng Phó Duyệt, một vị hiền thần của nhà Thương tuy chết, nhưng tinh thần ông vẫn còn ngời sáng trên sao Cơ, sao Vĩ. Ở đây tác giả dùng lại ý ấy để nói tới cái chết của Trần Quang Triều.
- (3) Chín tầng (cửu trùng): chỉ vua nhà Trần lúc bấy giờ.
- (4) Tám gương họ Ngụy: Đường thư 唐書 có chép khi Ngụy Trung mất, Đường Thái Tông than rằng: 以賢人為鑒, 可明是非。今魏徵亡, 是亡一鑒矣。
Dĩ hiền nhân vi giám, khả minh thị phi. Kim Ngụy Trung vong, thị vong nhất giám hĩ:
Lấy người hiền làm tấm gương, có thể soi được việc sai việc đúng. Nay Ngụy Trung chết
di, là mất một tấm gương đấy.
- (5) Trận mưa đầm của nhà Thương: Thư kinh 書經 có ghi những lời vua Cao Tông nhà Thương đánh giá rất cao Phó Duyệt: 若歲大旱, 用汝作霖雨。
Nhược tuế đại hạn, dụng nhữ tác làm vũ: Như năm đại hạn, dùng nhà người làm trận
mưa đầm. Tác giả dùng lại ý này để ca ngợi công lao của Trần Quang Triều.
- (6) Sách Lã thi Xuân thu呂氏春秋 có chép tình tri kỷ giữa Bá Nha伯牙 và Chung Tử Kỷ 鍾子庚. Bá Nha gảy đàn, chỉ có Chung Tử Kỷ mới thưởng thức được tiếng đàn đó. Về sau Tử Kỷ chết, Bá Nha treo đàn lên vách không gảy nữa, vì đã vắng bạn «tri âm». Ở bài thơ trên những chữ «nước chảy, non cao» trong câu 7 và cả câu 8 đều lấy ý từ tích đó, để nói lên sự đau xót của tác giả khi mất một người hiếu minh như Trần Quang Triều.

26

元日謁延光寺月潭上人

東	風	著	意	琪	林,
路	入	曹	溪	遠	尋。
幾	處	雨	花	講	席,
一	潭	寒	月	禪	心。
道	無	南	北	猶	古,
詩	涉	風	騷	更	深。
塵	尾	十	人	夢	想,
瓣	香	幸	趣	勞	如
			得		今。

NGUYỄN NHẬT YẾT DIÊN QUANG
TỰ NGUYỆT ĐÀM THƯỢNG NHÂN^{1*}

Đông phong trước ý đáo Kỳ Lâm,
Lộ nhập Tào Khê bất viễn tầm.
Kỷ xứ vũ hoa bình giảng tịch,
Nhất đàm hàn nguyệt ấn thiền tâm.
Đạo vô nam bắc nhân do cõ^{2*}
Thi thiệp Phong, Tao thủ cảnh thâm.
Chủ vĩ thập niên lao mộng tưởng,
Biện hương hà hạnh đặc như cám^{3*}.

DỊCH NGHĨA :

MỒNG MỘT TẾT YẾT KIẾN THƯỢNG NHÂN⁽¹⁾ NGUYỆT ĐÀM
Ở CHÙA DIÊN QUANG⁽²⁾

Gió xuân⁽³⁾ hữu ý tới Kỳ Lâm⁽⁴⁾,
Lối vào Tào Khê⁽⁵⁾ không phải tìm xa nữa.
Mấy chỗ mưa hoa rơi đều trên chiếu giảng⁽⁶⁾,
Một đàm trăng lạnh in tấm lòng thiền.
Đạo không chia nam bắc, người vẫn như thời cổ,
Thơ đạt tới mức Phong, Tao⁽⁷⁾ càng lấp thú vị.
Giảng đạo⁽⁸⁾ mười năm, ước mộng nhọc nhằn,
May sao được dâng một nén hương như hôm nay.

DỊCH THƠ :

Gió xuân đưa tới Kỳ Lâm,
Tào Khê đây lối, phải tìm chỉ xa.
Mấy nơi chiếu giảng mưa hoa,
Một đàm trăng lạnh, in qua lòng thiền.
Đạo chung nam bắc rơi truyền,
Phong, Tao chuẩn mực, khơi niềm thú sâu.
Mười năm mộng tưởng lê mầu,
May sao được dịp, nay hầu dâng hương.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* MBT : chép đầu đề bài thơ là 元旦訪月潭上人 Nguyen nhât phỏng Nguyệt Đàm Thượng Nhân, TVLT2 元旦謁延光寺月潭上人 Nguyen dan yết Diên Quang tự Nguyệt Đàm Thượng Nhân.
- 2* MBT : 相參平等緣初悟 Tương tham bình đẳng duyên sơ ngộ ; VATT, TVTL2 : 道無南北人逾古 Đạo vô nam bắc nhân du cổ.
- 3* MBT : 辨香說法幸如今 Biện hương thuyết pháp hạnh như cảm.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thượng Nhân* : tiếng nhà Phật, chỉ người đức cao. Sách *Thập tụng luật* chia người làm bốn hạng : xuân nhân (người ngu xuân), trọc nhân (người ô trọc), trung gian nhân (người bình thường), thượng nhân (người đức cao).
- (2) *Chùa Diên Quang* : chưa rõ ở đâu.
- (3) Dịch thoát hai chữ *dōng phong*, nguyên là một thứ gió ấm thổi vào mùa xuân.
- (4) *Kỳ Lâm* : tên một khu rừng trên đường tới Tào Khê.
- (5) *Tào Khê* : tên một cái khe ở huyện Khúc Giang tỉnh Quảng Đông. Tô thi sáu của Thiên tông là Tuệ Năng đã tu ở đó. Nguyễn Trãi có câu thơ : 門前一派曹溪水;洗尽人間劫刣塵。 Môn tiền nhất phái Tào Khê thủy; tẩy tận nhân gian kiếp kiếp trần : trước cửa một giòng nước Tào Khê ; rửa sạch bao kiếp bụi bẩn của người đời.
- (6) Sách xưa có chép : Lương Dị Tăng thuyết pháp ở trong núi, «hoa trời đua rác, đá đết gật đầu» (thiên hoa loạn truy, thạch giải diêm đầu). Về sau, trong Ngu Tiều văn답 論機問答, Nguyễn Đình Chiểu có câu : «Giảng kinh như kẻ cao tăng ; hoa trời bay xuống, đá ưng diêm đầu».
- (7) *Phong, Tao* : Phong vốn là phần Quốc phong 國風 trong Thi kinh 詩 經 cũng như Ta vốn là khúc Ly tao 離騷 của Khuất Nguyên 扈原. Người ta còn dùng hai chữ «Phong Tao» để chỉ Thi kinh và Sở từ 楚辭 là hai thứ tượng trưng cho hai giọng thơ ca xuất hiện sớm nhất của Trung Quốc. Hai chữ đó được dùng trong bài thơ này với nghĩa 1 «đỉnh cao của thơ ca».
- (8) Chữ *Chủ vĩ* nguyên nghĩa là một thứ phất trần mà thời cổ các nhà đàm luận hay cầm tay khi bàn về những chuyện triết lý. Chữ ấy cũng được dùng để chỉ sự giảng giải về đạo lý cho người khác nghe. Ở đây chúng tôi dịch thoát là «giảng đạo»,

送侍臣莫穎夫使元

TỔNG THỊ THẦN MẠC DĨNH
PHU SỨ NGUYỄN ^{1*}

拜 皇 九 千 到 衍 江 還
了 華 重 里 手 人 南 有 新
龍 歌 回 論 功 事 人 物 詩
顏 罷 首 心 名 業 物 寄
出 又 蓬 漠 真 却 知 寄
帝 飄 雲 月 羨 愁 多 雁
都 駒 奕 子 吾 少 無?

Bài liêu ^{2*} long nhan xuất dế đô,
Hoàng hoa ca bài hưu Ly câu.
Cửu trùng hồi thủ Bồng vân ^{3*} liều ^{4*}
Thiên lý luận tâm Hán nguyệt cô.
Đáo thủ công danh chán tiên tử.
Diễn ^{5*} nhân sự nghiệp khước sầu ngô.
Giang Nam nhân vật tri đa thiều,
Hoàn hữu tân thi ký nhạn vô?

DỊCH NGHĨA:

TIẾN THỊ THẦN MẠC DĨNH PHU (1) ĐI SỨ NHÀ NGUYỄN.

Lay vua xong, ra khỏi kinh thành,
Hát hết khúc *Hoàng hoa* ⁽²⁾ lại hát khúc *Ly câu* ⁽³⁾.
Ngoảnh đầu nhìn chốn cửu trùng, mây Bồng ⁽⁴⁾ mờ mịt,
Nói tới tâm sự kẽ đi nghìn dặm, trăng Hán ⁽⁵⁾ cô đơn.
Công danh đến tay, thèm được như cảnh báu,
Sự nghiệp làm lầm lở con người, buồn cho nồng nỗi tôi.
Đất Giang Nam ⁽⁶⁾ có biết bao nhiêu nhân vật,
Liệu còn bài thơ mới nào gửi cho chim nhạn không?

KHẢO ĐÍNH:

1* TVTL2, TVTL3: chép đầu đề bài thơ là: 送侍御史莫穎夫使大元
Tổng Thị ngự sứ Mạc Dĩnh Phu sứ Đại Nguyên;

MDT: 送莫穎夫北使 Tổng Mạc Dĩnh Phu bắc sứ.

2* MDT: 欽拜 khâm bái.

3* TVTL2, TVTL3: 落 lai.

4* VAT: 小 tiều.

5* TVTL2, TVTL3: 壽 khiêm.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Mạc Đĩnh Phu* : chưa rõ là ai. Chúng tôi ngờ là Mạc Đĩnh Chi, tự Tiết Phu. Ông đi sứ nhà Nguyên năm Hưng Long thứ 16 (1308).
- (2) *Hoàng hoa* : tức bài thơ *Hoàng hoàng giả hoa* 皇皇者華 trong phần *Tiểu nhã 小雅* của *Thi Kinh* 詩經. Người xưa cho rằng đó nguyên là một bài hát của vua dùng để sai sứ thần. Đôi sau hay dùng hai chữ «Hoàng hoa» để ca ngợi kẻ đi sứ.
- (3) *Lý cầu* : Bài hát người xưa thường dùng để từ biệt nhau.
- (4) *Mây Bồng* (Bồng vân) : Chỉ cung điện nhà vua.
- (5) *Trăng Hán* (Hán nguyệt) : Trăng ở sông Hán. «Trăng Hán» ở đây tượng trưng cho cảnh đi sứ xa xôi.
- (6) *Giang Nam* : Chỉ các vùng thuộc phia nam sông Trường Giang, nơi sứ giả sẽ đi qua.

28

春日村居

XUÂN NHẬT THÔN CỦ

竹	徑	陰	草	色	萋
柴	門	深	晝	烟	迷
枝	頭	花	蠻	鬚	粉
簾	額	卉	蜂	子	泥
課	僕	運	燕	藥	圃
呼	兒	率	澆	春	犁
傍	人	說	試	官	好
懶	惰	無	鳥	醜	妻

Trúc kính âm âm, thảo sắc thê,
Sài môn thăm tỏa, trú yên mê.
Chi đầu hoa trọng phong tu phấn,
Liêm ngạch cần hương yến tử nê.
Khóa bộc vận đồng kiêu dược phổ,
Hô nhi khiên độc thi xuân lê.
Bàng nhân thuyết trước vi quan hảo,^{1*}
Lân nọa vô tâm ^{2*} báo xú thê.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN Ở NÔNG THÔN

Lối trúc râm mát, màu cỏ xanh tươi,
Cửa sài đóng chặt, khói ban ngày mờ tỏa.
Phấn ở hoa đầu cành làm nặng râu ong,
Bùn ở khóm rau cần trước mành cửa làm dấu chân chim én.

Bảo dày tờ xách thùng tưới vườn cây thuốc,
Gọi thẳng con đất nghé, thử chiếc cày xuân.
Người chung quanh cứ bảo đi làm quan tốt,
Lười không nghĩ việc báo đáp cho người vợ quê.

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT, MDT : 媚 mè.

2* MDT : 情 tình.

29

客舍和友人韻

窮	居	隨	分	寄	茅,
惟	恨	梅	花	不	驥。
夜	月	屢	驚	烏	樹,
春	風	幾	度	燕	巢。
貧	交	食	櫳	辭	味,
世	事	搏	沙	方	知
說	到	此	情	只	勞。
有	如	江	水	謾	未
				猶	信,
				暮	滔。

KHÁCH XÁ HỌA HỮU NHÂN VẬN

Cùng cư tùy phận ký hành mao,
Duy hận mai hoa bất nhập tao.
Đạ nguyệt lũ kinh ô nhiễu thụ,
Xuân phong ký độ yến từ sào.
Bàn giao thực lâm phương tri ^{1*} vị,
Thế sự đoàn sa chỉ mạn lao.
Thuyết đáo thủ tình do vị tin,
Hữu như giang thủy mộ thao thao.

DỊCH NGHĨA :

NGOI QUÁN KHÁCH HỌA THƠ BẠN

Gặp cảnh cùng, theo số phận, nương thân dưới mái nhà tranh,
Chỉ giàn hoa mai không vào thơ.
Giữa đêm trăng, qua nhiều lúc kinh sơ bay vòng quanh cây,
Trong gió xuân, én bao phen rời tổ.
Bạn nghèo kết giao, ăn quả trám, mới biết vị,
Việc đời lấy tay nắm cát (1), chỉ tồ nhọc mình.
Nói đến cảnh tình ấy còn chưa tin được,
Thì có nước sông chiều hôm cuồn cuộn chảy kia !

DỊCH THƠ :

Nương mái tranh nghèo sống lắt lay,
 Lòng buồn còn thiết đến chi mai !
 Đêm trăng qua sợ quanh cây lượn,
 Én nọ bao phen bỏ tồ bay.
 Tình bạn như người ăn quả trám,
 Việc đời tựa cát nằm trong tay.
 Giải lòng đến thế còn ngờ vực,
 Sông nước chiều hôm chứng dạ này !

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVTL1 : 回 hồi.

CHÚ THÍCH :

(1) *Lấy tay nắm cát* (đoàn sa) : Thơ Tô Đông Pha có câu :

親友如團沙
 放手還復散
 Thành hữu như đoàn sa,
 Phóng thủ hoàn phục tán.
 Bạn thân như nắm cát,
 Buông tay liền rời ra.

Câu thơ trên của Nguyễn Úc ý muốn nói tình bạn ở đời lắm khi như lấy tay nắm cát, thân thiết nhau chỉ là tạm thời. Không như những người nghèo kết giao, càng lâu càng gắn bó.

30

落梅

LẠC MAI

緬想山一公佳易和點自柱
 香瑶章谷月嬌開使
 池曲主人生猶自吟
 阿逕忽今舊無盡
 母風人生帶落翁
 遊流夕年情物白
 風樓夢愁頭。

Miến tưởng Dao Trì a mẫu du,
 Hương Sơn nhất khúc ^{1*} sinh phor
 lu
 Hàm Chương công chúa sơ trang ngạc
 Kim Cốc giai nhân hốt truy ^{2*} lâu.
 Hòa nguyệt dị sinh kim tịch mộng,
 Điểm song do đời cựu niên sâu.
 Tự khai tự lạc vô tình vật,
 Uồng sủ ngâm ông tận bạch ^{3*} đầu

DỊCH NGHĨA:

HOA MAI RUNG

Hồi tưởng cuộc chơi của Vương Mẫu ở Dao Trì (1),
Một khúc Hương Sơn tỏ (2) phong lưu.
Công chúa cung Hàm Chưong vừa được cành hoa mai điểm trang trên
trán (3),
Giai nhân vườn Kim Cốc bỗng roi xuống lầu (4).
Hòa với trăng, dễ sinh ra giấc mộng đêm nay,
Điểm bên song, còn mang nỗi buồn nhớ năm xưa.
Giống vó tình tự nở rồi tự rụng,
Luồng đênh nhà thơ đến bắc cả đầu.

DICH THO'

*Đao Trì, Vương Mẫu chuyện đâu đâu,
Một cảnh Hương Sơn cũng đủ màu.
Công chúa Hàm Chương vừa điếm trán,
Giai nhân Kim Cốc bỗng sa lầu.
Mai hòa với nguyệt xui nên mộng,
Mai tựa bên song gọi nhớ sâu.
Khi nở, khi tàn mai có biết?
Thi nhân đến phải bạc phơ đầu!*

TIẾN NGHỊ

KHẢO ĐỊNH.

1* TVTL2: 回 hỏi.

2* TVTL2: 落 lac.

3* TVTL1, TVTL3: 吟翁白盡 *ngâm ông bạch tần*.

TVTL2: 吟人自盡 *ngâm nhân bạch tận*.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Đao Trì*: một cảnh tiên, tượng truyền là chốn Tàu Vương Mẫu ở.
 - (2) *Hương Sơn*: Nhà thơ Bạch Cư Dị 白居易 đời Đường có một vườn hoa gọi là Hương Sơn. Nhưng Hương Sơn trong bài thơ này cũng có thể là tên một ngọn núi, một ngôi chùa hay một địa phương nào đó ở nước ta, chúng tôi chưa xác định được.
 - (3) Theo *Sơ học ký* 初學記 một hôm công chúa Thọ Dương 壽陽 con vua nhà Tống nằm ngủ dưới hiên cung Hâm Chương, hoa mai rụng xuống đầy trán, người đương thời nói công chúa «trang sức bằng hoa mai» (mai hoa trang).
 - (4) Thạch Sùng 石崇 đời Tấn có một vườn hoa tên là Kim Cốc (ở phía tây bắc huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Nơi đây có Thanh Lương dài, tức là chỗ người vợ lẽ rất đẹp của Thạch Sùng là Lục Châu 绿珠 đã từ trên lầu cao nhảy xuống tự tử, để phản đối hành động bất chính của Tôn Tú.

編集菊堂遺稿感作

BIÊN TẬP 1* CÚC ĐƯỜNG DI CẢO 2*

CẨM TÁC

微暉遠歸倒稀事揮
翠殘逾未潦依心暗
鎖送龍鶴嗟夢傷淚
陰鳥泛深年夜限城
陵數鼎華客鉤倚且
桓聲湖表路天欄斷

Lăng ^{3*} bách âm âm tỏa thủy vi,
Sô thanh đè điêu tống tàn huy.
Đĩnh Hồ ba phiếm long du viễn,
Hoa biếu vân thám ^{4*} hạc vị quy.
Khách lộ kỷ nién ^{5*} ta lạo đảo,
Quàn thiên ngọ dạ mộng ^{6*} y hi.
Ý lan vô hạn thương tâm sự,
Mục đoàn sơn thành ^{7*} lệ ám huy.

DỊCH NGHĨA :

CẢM TƯỞNG KHI BIÊN TẬP CUỐN DI CẢO (1) CỦA CÚC ĐƯỜNG

Những cây bách trên lăng mộ âm u, một màu xanh biếc trùm kín,
Vài tiếng chim tiên đưa bóng chiều tàn.

Sóng Đinh Hồ (2) rập rờn, rồng càng xa vắng,
Mây hoa biều (3) mù mịt, hạc vẫn chưa về.
Ôi, lận đận bao năm trên con đường đất khách,
Mộng chập chờn giữa trời lúc nửa đêm.
Tựa lan can, chuyện đau lòng không kể xiết,
Vời trông rặng núi, những gat lệ thầm.

DỊCH THOẠI

Lặng mờ ám u, cùm bách già,
Chim kêu mای tiếng tiễn chiều tà.
Định Hồ sóng động, rồng càng vắng,
Hoa biều mây mù, hạc vẫn xa.
Đất khách, bàn chân tê tái bước,
Lưng trời, hồn mộng chập chờn qua
Tựa song đứng lặng, lòng đau xót,
Núi dựng thành sầu, giọt lê sa.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* MDT : sau chữ 遊 biền không có chữ 集 lop.
- 2* MDT : 集 輯.
- 3* MDT : 庭 dinh.
- 4* VATT : 閑 nhàn.
- 5* MDT : 作客春秋 Tác khách xuân thu.
- 6* MDT : 擇 天事業想 Sanh thiên sự nghiệp tưởng.
- 7* MDT : 撸 捲 瘋 編 Chuyết thập tàn biên.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo *Văn tịch chí*, LTHCLC thì *Cúc Đường di thảo* 菊堂遺草 là do Trần Quang Triều 陳光朝 soạn, Nguyễn Úc biên tập. «Nguyên tập đã mất, chỉ còn được mấy bài, đều là thanh thoát đáng trai» (Bd. LTHCLC, tr. 71).
- (2) *Đinh Hồ* : Theo *Phong thiền thư*, *Sử ký 封禪書*, 史記 thi xưa kia Hoàng Đế từng đúc vạc ở dưới núi Kinh Sơn. Khi vạc thành, Hoàng Đế cõi rồng lên tiên. Người đời sau đặt tên chỗ đúc vạc của Hoàng Đế là «Đinh Hồ», và thường dùng hai chữ này để ngụ ý là một vị vua chúa nào đó đã chết và cưỡi rồng đi về cõi tiên.
- (3) *Hoa biếu* : Còn gọi là «hoàn biếu». Đó là một vật làm bằng gỗ, có một đầu giống như cái hoa, người xưa thường dùng để cắm ở chõ các con đường lớn giao nhau. Sách *Sưu thần hậu ký* chép rằng : một đạo sĩ đời Hán tên là Đinh Linh Uy 丁令威 sau khi học đạo thành công, hóa thành con hạc màu đen bay về quê, đậu trên cột hoa biếu gọi mọi người. Ở câu thơ trên, tác giả dùng điển này để nói nỗi nhớ tiếc của mình đối với tác giả *Cúc Đường di thảo*.

CHU VĂN AN.

朱文安

(? — 1370)

Chu Văn An hiệu là Tiều Ân 樵隱, tên chữ là Linh Triệt, tên thụy là Văn Trinh 文貞, sinh năm nào chưa rõ. Ông người làng Văn Thôn 文村, xã Quang Liệt 光烈, huyện Thanh Đàm 清潭 (1).

Sau khi thi đậu thái học sinh, Chu Văn An không ra làm quan, chỉ ở nhà dạy học. Học trò theo học rất đông. Phạm Sư Mạnh 范師孟, Lê Bá Quát 黎伯達 đều là học trò ông.

Năm Khai Thái đời Trần Minh Tông 陳明宗, ông mới nhận chức Quốc tử giám tư nghiệp, dạy cho thái tử học. Đời Trần Dụ Tông 陳裕宗 (1341 — 1369), nhà vua mải mê chơi bời, bỏ bê việc nước, bọn quyền thần thi lộng quyền, hà khắc, tham nhũng, Chu Văn An bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, nhưng vua không nghe. Ông xin từ chức, lui về ẩn tại núi Phượng Hoàng 凤凰, làng Kiệt Đặc 傑特, huyện Chi Linh 至靈. Ông mất năm Thiệu Khanh thứ nhất đời Trần Nghệ Tông (1370), được vua làm lễ và đặt tên thụy là Văn Trinh.

Tác phẩm: theo LTCTGVN, Chu Văn An từng có những tác phẩm như *Thất trám sớ* 七斬疏, *Tiêu Ân thi tập* 樵隱詩集, *Tiêu Ân quốc ngữ thi tập* 樵隱國語詩集, *Tứ thư thuyết ước* 四書說約. Nhưng cho đến nay mới chỉ tìm được 12 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

32

月夕步仙遊山松徑

緩	緩	步	松	堤,
孤	村	淡	靄	迷。
潮	回	江	笛	迴,
天	闊	樹	雲	低。
宿	鳥	翻	清	露,
寒	魚	躍	碧	溪。
吹	笙	何	處	去,
寂	窯	故	山	因。

NGUYỆT ^{1*} TỊCH BỘ TIỀN
DU SƠN TÙNG KÍNH

Hoãn hoãn bộ tùng đê,
Cô thôn đậm ái mê.
Triều hồi, giang dịch quýnh,
Thiên khoát, thụ vân đê.
Túc điêu phiên thanh lộ,
Hàn ngư được bích khê.
Xuy sinh hà xứ khứ,
Tịch mịch cổ sơn tê (tày) ?

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM TRẮNG DẠO BƯỚC TRÊN ĐƯỜNG THÔNG Ở NÚI TIỀN DU (1)

Thong thả dạo bước trên con đê trống thông,
Xóm vắng mờ trong làn khói nhạt.
Nước triều xuống, tiếng sáo bên sông xa vắng,
Trời rộng, mây là là ngọn cây.
Chim đêm cựa mình trong làn sương trong,
Cá lạnh nhảy trong khe biếc.
Người thôi sênh đi nơi đâu,
Phia tây núi cũ vắng vẻ ?

DỊCH THƠ :

Đủng đĩnh dạo bờ thông,
Làng quê bát ngát trống.
Nước lui cỏi bên thoảng,
Trời rộng khói cây lồng.
Chim đậu tan sương lạnh,
Cá bơi vẩy nước trong.
Tiếng sênh đâu vắng tá,
Hiu quanh một non không ?

KHẢO ĐỊNH:

1* TVTL2, HVTT: H nhát.

CHÚ THÍCH:

(1) Núi Tiên Du: Tức núi Phật Tích; nay thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc.

33

題楊公水華亭

ĐỀ DƯƠNG CÔNG
THỦY HOA ĐÌNH^{1*}

齋，識。盟，色。漪，植。亭，德。來，馥。妙，得。身，側。朋，息。飲食。紛，極。
 公，高，社，蓮，碧，蕖，華，比，一，芳，眾，自，淨，華，友，偃，露，房，世，八。
 遠，有，白，青，貯，芙，水，蓮，時，聞，觀，心，清，荷，相，同，珠，玉，謝，遊。
 人，悟，結，愛，塘，以，構，與，風，座，几，然，知，在，月，雲，傾，摘，頭，遙。
 上，朝，屢，為，方，環，上，意，好，滿，隱，悠，不，已，明，閒，渴，飢，回，逍。

Thượng nhân Viễn công duệ,
Lặng ngô hữu cao thức.
Lũ kết bạch ^{2*} xã minh,
Vị ái thanh liên sắc.
Phương đường trữ bích y,
Hoàn dĩ phù cù thực.
Thượng cấu thủy hoa đình,
Ý dũ liên tý đức.
Hảo phong thời nhất lai,
Mẫn tọa văn phương phúc.
Ân kỷ ^{3*} quan chúng diệu,
Du ^{4*} nhiên tâm tự đắc.
Bất tri thanh tĩnh thân ^{5*},
Dĩ tại hà hoa trắc.
Minh nguyệt tương hữu bằng ^{6*},
Nhàn văn đồng yên ^{7*} túc.
Khát khuynh châu lộ ầm,
Cơ trich ngọc phòng thực.
Hồi đầu ^{8*} tạ thế phân,
Tiêu dao du bát cục.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ ĐÌNH THỦY HOA CỦA DƯƠNG CÔNG

Thượng nhân (¹) là giòng dõi của Viễn công.
 Hiểu biết một cách sáng suốt, có kiến thức cao.
 Luôn kết lời minh ước ở Bạch Xã (²),
 Vì yêu sắc sen xanh.
 Ao vuông chứa đựng nước trong biếc,
 Xung quanh trồng toàn sen.
 Trên ao dựng ngôi đình Thủy Hoa,
 Ý chừng muôn sánh đức với sen.
 Gió mát thường xuyên thổi tới,
 Làm thơm ngát khắp ngôi đình.
 Tựa bên ghế đê quan sát mọi điều huyền diệu,
 Lâng lâng cảm thấy thoải mái trong lòng.
 Chẳng biết tấm thân thanh tịnh,
 Đã ở bên cạnh đóa hoa sén.
 Trăng sáng cùng làm bạn với mình,
 Mây nhàn cùng ta nghỉ ngơi.
 Khát thì nghiêng rót những hạt sương châu đê uống,
 Đói thì lấy những chùm quả bắng ngọc (³) mà ăn.
 Ngoảnh lại quên hết mọi rắc rối ở đời,
 Đề nhởn nhơ vui chơi tám cõi.

DỊCH THƠ :

Thượng nhân dòng Viễn công,
 Sáng suốt cao tri thức.
 Bạch xã luôn kết minh,
 Sen xanh đáng yêu sắc.
 Nước biếc chứa ao vuông,
 Sen vây bốn phia đặc.
 Trên xây đình Thủy Hoa,
 Ý cùng sen sánh đức.
 Thoang thoảng gió xa đưa,
 Ghế ngồi thơm sực nức.

Thần diệu dạo chơi xem,
 Nhởn nhơ lòng tự đắc.
 Thân thanh tịnh chẳng hay,
 Cùng sen chỉ gang tặc.
 Trăng trong ấy bạn bầu,
 Mây nhàn cùng thức giấc.
 Khát nghiêng bầu móc trong,
 Đói ăn chùm quả ngọc.
 Ngoái trông gác chuyện đời,
 Nhởn nhơ chơi tám cõi.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT : Đầu đề bài thơ chép là 题朗體 Đề Lăng ngô.
TVTL1 : 趙朝公 Đề Triệu công.
- 2* VATT : 香 hương.
- 3* VATT : 遍 du.
- 4* VATT : 超 siêu.
- 5* TVTL2 : 心 tim.
- 6* VATT : 朋友 bằng hữu.
- 7* TVTL2 : 相隱 tương ẩn.
- 8* TVTL2 : 首 thủ.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thượng nhân* : Những người có đức lớn. Ở đây dùng để chỉ các vị cao tăng.
- (2) *Bạch xã* : Do chữ «Bạch liên xã» viết tắt mà thành. Pháp sư Tuệ Viễn 慧遠 trụ trì chùa Đông Lâm tập hợp 123 người gồm những cao tăng và danh nho, ăn thè với nhau trước tượng A-di-dà 阿彌陀. Vì chùa ấy có trồng sen trắng (bạch liên), nên có tên gọi như vậy.
- (3) *Chùm quả bằng ngọc* : tức hạt sen trong gương sen.

34

靈山雜興

LINH SƠN TẠP HƯNG

萬 壑 青 山 簇 畫 屏,
斜 陽 淡 抹 半 溪 明。
翠 蘿 徑 裹 無 人 到,
山 鵠 啼 煙 時 一 聲。

Vạn diệp thanh sơn thốc họa bình,
Tà dương đạm mạt^{1*} bán khê minh.
Thúy la kinh lý vô nhân đảo,
Sơn thước đề yên thời nhất thanh.

DỊCH NGHĨA:

TẠP HƯNG Ở LINH SƠN (1)

Muôn lớp núi xanh tụ lại như bức bình phong vẽ,
Bóng chiều nhạt dội tối sáng nửa lòng khe.
Trong lối cổ biếc, không người đến,
Thỉnh thoảng một tiếng chim thước kêu trong khói mù.

DỊCH THO' :

Núi xanh muôn lớp họa binh che,
Ác xé soi lên rạng nửa khe.
Bụi rậm đường sâu người vắng vẻ,
Trong mây chim thước gọi le te.

(Bd. HVTVT)

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT : 掛 倒 quái đảo.

CHỦ THÍCH :

(1) *Linh Sơn*: Tức núi Chí Linh, ở huyện Chí Linh, thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay.

35

村南山小憩

→ THÔN NAM SƠN TIÊU KHÊ^{1*}

閑	身	南	北	先	雲	輕	,
半	枕	清	風	世	外	情	.
佛	界	清	幽	塵	界	遠	,
庭	前	噴	血	一	鶯	鳴	.

Nhàn thân nam bắc phiến vân khinh,
Bán châm thanh phong thế ngoại tình.
Phật giới thanh u, trần giới viễn,
Định tiền phún huyết nhất oanh minh.

DỊCH NGHĨA :

TẠM NGHỈ Ở NÚI THÔN NAM (1)

Thân nhàn như đám mây nhẹ bay khắp nam bắc,
Gió mát thổi bên gối, tâm tình đê ngoài cuộc đời.
Cõi phật thanh u, cõi trần xa vời,
Trước sân, hoa đỏ như máu, một chiếc oanh kêu.

DỊCH THO' :

*Thân nhàn tựa áng mây trôi,
Gió trăng nửa gối, việc đời nhẹ thênh.
Cõi trần xa, cõi phật thanh,
Sân hoa máu đỏ chim oanh lùi lùi.*

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 chép chung bài này với bài *Linh Sơn tạp hí* trên kia làm một. Nhưng nhiều sách khác thì lại chép tách riêng thành hai bài. Xét về nội dung, có lẽ tách ra như vậy hợp lý hơn.

CHÚ THÍCH :

(1) Núi Thôn Nam : chưa rõ ở đâu.

36

恭和御制洞章

CUNG HỌA NGỤ CHẾ ĐỘNG CHƯƠNG

庭	舞	胎	禽	雲	掩	閥,
露	華	嚦	罷	覺	清	寬。
碧	桃	華	下	潭	無	事,
時	倩	東	風	掃	石	壇。

Đinh vũ thai cầm vân yêm quan,
Lộ hoa yến bối giác thanh khoan.
Bích đào hoa hạ hồn vô sự,
Thời thiển^{1*} động phong tảo thạch đàn.

DỊCH NGHĨA :

KÍNH HỌA THƠ VUA⁽¹⁾

Hạc múa ở sân, mây che ngoài cửa,
Nuốt hoa sương rồi cảm thấy khoan khoái nhẹ nhàng.
Dưới hoa bích đào lòng thanh thản,
Thỉnh thoảng mượn ngọn gió động quét trên đàn đá.

DỊCH THƠ :

*Hạc múa ngoài sân, mây cửa lồng,
Sương hoa uống cạn, thảnh thoị lòng.
Dưới hoa đào đạo, hồn thanh thản,
Quét thạch đàn, ta mượn gió động.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : *值* trị.

CHÚ THÍCH :

(1) Trong đầu đề bài thơ này có hai chữ « động chương », chúng tôi chưa rõ nghĩa là gì. Cũng có thể hiểu « động » là « sâu sắc », « chương » là « văn chương », và như thế thì « động chương » có thể hiểu là « bài văn sâu sắc », nhưng nghĩa đó sẽ không phù hợp, vì đây lại là một « bài thơ ». Vậy chúng tôi tạm dịch đầu đề là *Kinh họa thơ vua*, chờ tra cứu thêm.

37

清涼江

山腰一株夕陽橫，
 兩兩猿舟畔岸行。
 獨立清涼江上望，
 寒風颯颯嫩潮生。

THANH LUONG GIANG

Sơn yêu nhất mạt tịch dương hoành,
 Lưỡng lưỡng ngư chu bạn ^{1*} ngắn hành.
 Độc lập Thanh Lương giang thương vọng,
 Hán phong tập tập nộn ^{2*} triều sinh.

DỊCH NGHĨA :

SÔNG THANH LUONG (1)

Một vệt bóng chiều vắt ngang sườn núi,
 Đọc theo bờ sông, thuyền câu đi từng đôi một.
 Đứng một mình trên sông Thanh Lương (2) ngắm cảnh,
 Gió lạnh vi vu, nước triều dâng lên.

DỊCH THƠ :

*Sườn non một vệt nắng vắt ngang,
 Xuôi mái thuyền câu thảng thảng hàng.
 Thanh Lương sông vắng người thơ thẩn,
 Sóng nồi hun hun trận gió hàn.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT, TVTL2 畔 bạn.

2* TDTT : 晚 văn.

CHÚ THÍCH :

(1) *Sông Thanh Lương* : Theo VATT, thì sông này ở vào khoảng huyện Hiệp Sơn, tiếp giáp với huyện Chí Linh (thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay).

次韻贈水雲道人

平 翰 生 膾 氣 鷓 橫 秋,
 茅 窓 墨 場 中 戰 收。
 灘 老 玉 涯 屋 皆 有 命,
 褒 逢 清 堂 同 流。
 身 檢 痞 紹 年 不 知 补,
 茶 點 落 曜 山 代 何 謀。
 檢 茶 點 瞚 年 貪 活 計,
 茶 點 瞚 年 貪 活 湯 休。

THÚ VẬN TẶNG THỦY VÂN
ĐẠO NHÂN

Bình sinh đắm khi ngạc hoành thu,
 Hàn mặc trường trung nhất chiến thu.
 Mao ốc ngọc đường giai hữu mệnh,
 Trọc Kinh thanh Vị bắt đồng lưu.
 Lão phùng chiêu đại tri hà bồ,
 Thần lạc cùng sơn tiếu chuyết mưu.
 Kiềm diêm niên niên bần hoạt kế,
 Trà âu, thi quyển bạn Thang Hưu.

DỊCH NGHĨA :

HỌA VĂN TẶNG THỦY VÂN ĐẠO NHÂN (1)

Chỉ khi dũng cảm thuở bình sinh như chim ngạc (2) bay ngang trời thu,
 Trong trường bút mực, chỉ một trận là được.
 Nhà tranh hay nhà ngọc (3), đều có số mệnh,
 Sông Kinh dục, sông Vị trong, vốn không chảy cùng giòng (4)
 Già gấp thời sáng sủa, biết chẳng ích gì,
 Thần rơi vào núi thẳm, cõi mình mưu vụng.
 Hàng năm kiêm diêm lại cái sinh kế nghèo,
 Văn âu trà, cuốn thơ, làm bạn với Thang Hưu (5).

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thủy Vân Đạo nhân*: có lẽ là Trần Anh Tông 陳英宗 Anh Tông có sách *Thủy Vân tùy bút* 水雲隨筆.
- (2) *Chim ngạc*: một loài chim bắt cá ở biển, còn gọi là *Thủy Ưng* hay *Thư Cưu*.
- (3) *Nhà ngọc* (ngọc đường): vua Tống Thái Tông 宋太宗 tặng cho viện Hàn lâm thời đó hai chữ «Ngọc đường». Ở đây chỉ cảnh hiền đạt của cuộc đời làm quan.
- (4) *Sông Kinh, sông Vị*: sông Kinh phát nguyên từ Kê Đầu Sơn thuộc vùng Nguyên Châu; sông Vị phát nguyên từ Ô Thủ Sơn thuộc vùng Vị Châu. Hai sông này gặp nhau ở Cao Lăng, mới rẽ nước sông Kinh dục, nước sông Vị trong. Hình tượng này dùng trong thơ thường được hiểu theo nghĩa bóng.
- (5) *Chưa rõ là ai*. (Theo *Tứ nguyên 辭源*, có thầy tu tên là *Thích Huệ Hưu* 譯蕙林 giỏi văn chương, một lần vua Tống Thế Tổ 宋世祖 gấp bảo hoàn tục và cho làm tòng sự ở Dương Châu. Phải chăng Thang Hưu tác giả nói là *Thích Huệ Hưu*?).

39

春旦

★ XUÂN ĐÁN ^{1*}

寂	家	鎮	日	閑	Tịch mịch sơn gia trấn nhát nhàn.
竹	擁	護	輕	寒	Trúc phi tà ứng hộ khinh hàn.
碧	色	天	如	醉	Bích mè vân ^{2*} sắc thiên như túy,
紅	梢	露	未	乾	Hồng thấp hoa sao lộ vị can.
身	孤	長	戀	岫	Thân dũ cô vân trường luyến tụ,
心	古	不	生	闌	Tâm đồng cô tĩnh bất sinh lan.
栢	井	茶	煙	歇	Bách huân bán lãnh trà ^{3*} yên yết,
溪	半	春	夢	殘	Khè điêu nhất thanh xuân mộng tàn.

◆

DỊCH NGHĨA :

SÁNG MÙA XUÂN

Nhà trên núi vắng vẻ, suốt ngày thanh thơi,
 Cánh cửa phên che nghiêng ngăn cái rét nhẹ.
 Mùa biếc át cả sắc mày, trời như say,
 Ánh hồng thăm nhành hoa sương sớm chưa khô.
 Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc núi,
 Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gọn sóng.
 Mùi khói thông sắp hết, khói trà đã tắt,
 Một tiếng chim bên suối làm tinh mộng xuân.

DỊCH THƠ :

*Trên non nhà vắng, buổi thanh nhàn,
 Chénh chêch phên che rét nhẹ nhàng.
 Biếc ngát trùm mây trời chuyền choáng,
 Hồng dầm hoa lúc móc chưa tan.
 Thân cùng mây chiếc khôn dời núi,
 Lòng với hồ xưa chẳng gọn làn.
 Hương bách tiêu tan, trà hết khói,
 Chim kêu bên suối, mộng xuân tàn.*

KHẢO ĐỊNH :

1* VATT, TVTL : 日 *nhật*.2* HVTT : 草 *thảo*.3* TVTLI : 恭 *cung*.

40

鱣 池

MIẾT TRÌ

水	橋	邊	弄	夕	暉
荷	荷	葉	靜	相	依
魚	古	沼	龍	何	在
雲	空	山	鶴	不	歸
老	滿	隨	香	石	路
嫩	桂	著	水	松	扉
寸	苔	殊	未	沒	如
閨	心		皇	灰	土
	說		波		揮

Thủy nguyệt kiều biện lộng tịch huy,
 Hà hoa hà diệp tĩnh^{1*} trọng y,
 Ngư phù cỗ chiêu long hà tại?
 Vân mẫn không sơn hạc bất quy!
 Lão quế tùy phong hương thạch lộ,
 Nộn, dài trước thủy một tùng phi.
 Thốn^{2*} tàn thù vị như hôi thô,
 Văn thuyết tiên hoàng lệ ám^{3*} huy.

DỊCH NGHĨA :

MIẾT TRÌ (1)

Trăng nước bên cầu đùa giốn bóng chiêu hôm,
 Hoa sen, lá sen, yên lặng tựa nhau.
 Cá bơi ao cỗ, rồng ở chốn nào?
 Mây đầy núi vắng, hạc chẳng thấy về!
 Mùi quế già bay theo gió làm thơm ngát con đường đá,
 Rêu non đậm nước che kín cánh cửa thông.
 Tác lòng này hẵn chưa nguội lạnh như tro đất,
 Nghé nói đến Tiên hoàng luống gạt thầm giọt lệ.

DỊCH THƠ :

*Thủy nguyệt bên cầu ngắm bóng tà,
Hoa sen chen lá, lá chen hoa.
Cá bơi ao cũ rồng đì vắng,
Mây phủ non không hạc ở xa.
Quế lão gió đưa đường đá ngát,
Rêu non nước đầm cửa thông hòa.
Tắc son nào đã như tro nguội,
Nghe nói Tiên hoàng giọt lệ sa.*

PHAN VŨ

(HTTVVN : TẬP II, tr. 147)

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2: 翁 tranh.
2* VATT : 禪 thiền.
3* VATT : 般 tu.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Miết Trì* : nghĩa đen là ao Ba Ba. Ao này ở trong núi Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng. Trong *Công du tiếp ký*, Vũ Phượng Đề cho biết: «Núi Phượng Hoàng (một núi trong dãy Côn Sơn), xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh. Trong núi âm u tịch mịch. Núi Voi đổi lập, giòng Miết chảy ngang (...). Đời Trần, Tiều Ân tiên sinh dâng *Thất trám sớ*, bỏ quan về nhà. Tiên sinh ra sơn thủy Chí Linh, đến làm nhà ở, tức là núi này. Việt âm thi tập chép những bài thơ *Miết Trì*, *Thanh Lương* đều là vịnh những thắng tích ở vùng ấy» Nhưng nay, ao Miết Trì đã mất.

41

江亭作

GIANG ĐÌNH TÁC

江	亭	急	立	數	歸	身
風		斜	前	一	笛	，
暮		暮	殘	紅	淡	。
功		天	斷	碧	，	
湖		名	落	荒	悠	
自		海	已	唐	，	
滄		去	聊	夢	遊	
		波	自	汗	，	
			萬	渾	管	
				羨	，	
					鷗	。

Giang đình độc lập sở quy chu,
Phong cấp than tiền nhất địch thu.
Tà nhật ^{1*} ngâm tàn* hồng đậm đậm,
Mộ thiên vọng đoạn bích du du.
Công danh dĩ lạc hoang đường mộng,
Hồ hải liêu vi hân mạn du.
Tự khứ tự lai hồn bất quản,
Thương ba vạn khoảng tiên phi ^{3*} âu.

DỊCH NGHĨA :

LÀM THƠ Ở GIANG ĐÌNH

Đứng một mình ở Giang Đình dêm thuyền về,
Trước ghềnh, gió gấp, một tiếng sáo gọi cảnh thu.
Thơ đã tàn, mặt trời xế bóng, ánh hồng nhàn nhạt,
Trông suốt trời chiều, màu biếc mênh mông.
Công danh đã roi vào giấc mộng hoang đường,
Tạm dạo chơi lang thang (1) miền hồ hải.
Đi lại tự mình, chẳng gì trói buộc,
Thèm cảnh chim âu bay liệng trên muôn khoảnh sóng xanh (2).

DỊCH THƠ :

*Giang Đình mải đứng dêm thuyền câu,
Gió gấp bên ghềnh gọi cảnh thu.
Nắng xế hồng phai thi hưng cạn,
Trời chiều xanh biếc, cảnh vui đâu.
Công danh trót lạc vào hư ảo,
Hồ hải rong chơi, bớt nỗi sầu.
Đi, lại tự mình nào sá quản,
Sóng xanh vạn khoảnh, cảnh chim âu ...*

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 月 nguyệt.
2* TVTL2 : 前 tiền.
3* VATT, HVTT : 沙 sa.

CHÚ THÍCH :

(1) *Lang thang* (hãn mạn) : Trong HVTT, Bùi Huy Bích có chú thích: 淮南子 : 吾與汗漫期于九垓之外. Hoài Nam tử : « Ngô dù hãn mạn, kỳ vu cửu cai chi ngoại » : Sách Hoài Nam tử có câu : « Ta cùng người ấy lang thang, hẹn gặp nhau ngoài chín tầng trời ».

(2) Cả câu thơ này Bùi Huy Bích trong HVTT cũng có chú thích : 杜甫詩 : 白鷗波浩蕩, 萬里誰能馴. Đỗ Phủ thi : « Bạch âu ba hạo đăng, vạn lý thùy nắng thuần » ; Thơ Đỗ Phủ : « Chim bạch âu bay trên sóng mông mênh hàng vạn dặm, nào ai có thể khiển nó theo ý mình được ».

42

初夏

SO' HA

回槐去來。態材懶開。
夢庭將續俗。凡成自
畫起相斷無不還風。
寥線壘聲蓮筭極書。
寥一故新溪野鶯殘
宇涼尋咽水籬梧上。
山微燕蟬點出樓案

Sơn vũ liêu liêu trú mộng hồi,
Vi lương nhất tuyển ^{1*} khởi định hòe.
Yến tầm cổ lũy tương trưng khứ,
Thiền yết tàn thanh đoạn ^{2*} tục lai.
Điềm thủy khê liên vô tục thái,
Xuất ly dã duẫn bất ^{3*} phàm tài.
Thê ^{4*} ngô tĩnh cực hoàn thành lẵn,
Án thương tàn thư phong tự khai.

DỊCH NGHĨA:

ĐẦU MÙA HÈ

Nhà trên núi vắng vẻ, vừa tĩnh giấc mộng ban ngày,
Một làn gió mát nhẹ thổi vào cây hòe trước sân.
Chim én rủ nhau đi tìm tổ cũ,
Ve sầu cất tiếng đầu mùa, lục tục bay về.
Sen dưới khe điem trên mặt nước không bợn chút phàm tục ,
Măng đồng nội trời ra khỏi đậu, chẳng phải khi chất tầm thường.
Phượng hoàng đậu cạnh ngô, lặng lẽ quá đỗi thành lười nhác,
Cuốn sách nát đề trên án, gió tư giờ ra.

DỊCH THOẠI

Trại vắng non phơi tinh giác ngày,
Trước sân hòe mát gió lung lay.
Ve vui nắng mới kêu bầy lại,
Én nhớ nhà xtra rủ bạn bay.
Dưới suối phô thành sen điểm sắc,
Đầu rào vượt tục trúc khoe hay.
Cành ngô phượng đậu lâu nén biêng
Sách nát trên yên tùy gió vẩy.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT, TVTL1: 緣 *lục.*
 2* TVTL2, HVTL: 陸 *lục.*
 3* TVTL2: 豈 *khỏi.*
 4* TVTL: 據 *cứ.*

43

望泰陵

VỌNG THÁI LĂNG

松	樹	深	鎖	日	將	夕	,
煙	草	如	苔	迷	亂	石	。
黯	淡	千	山	風	更	愁	,
消	沉	萬	古	雲	無	跡	。
溪	華	欲	落	雨	絲	寂	。
野	鳥	不	啼	山	寂	寂	。
幾	度	躊	躇	行	復	行	,
平	蕪	無	盡	春	生	碧	。

Tùng thu thâm tỏa nhật tương tịch,
 Yên thảo như dài ^{1*} mê loạn thạch.
 Âm đầm thiên sơn phong cảnh sâu,
 Tiêu ^{2*} trầm vạn cổ vẫn vô tích.
 Khê hoa dục lạc vũ ti ti,
 Dã điểu bất đè sơn tịch tịch.
 Kỷ độ trù trừ hành phúc hành,
 Bình vu vò tận xuân sinh bích.

DỊCH NGHĨA :

TRÔNG VỀ THÁI LĂNG (1)

Cây tùng cây kín trời sắp về chiều,
 Cỏ non xanh rợn, như rêu che lấp những hòn đá ngả nghiêng.
 Ngàn non âm đầm, gió thổi càng thêm buồn,
 Muôn thuở tiêu tan, mây không dễ lại dấu vết.
 Hoa bên suối sắp rụng, mưa lất phất,
 Chim ngoài đồng nội im tiếng, núi quanh hiu.
 Mây lẩn dùng dắt, đi rồi lại đi,
 Cỏ rậm bát ngát, sắc xuân xanh biếc.

KHẢO ĐÍNH :

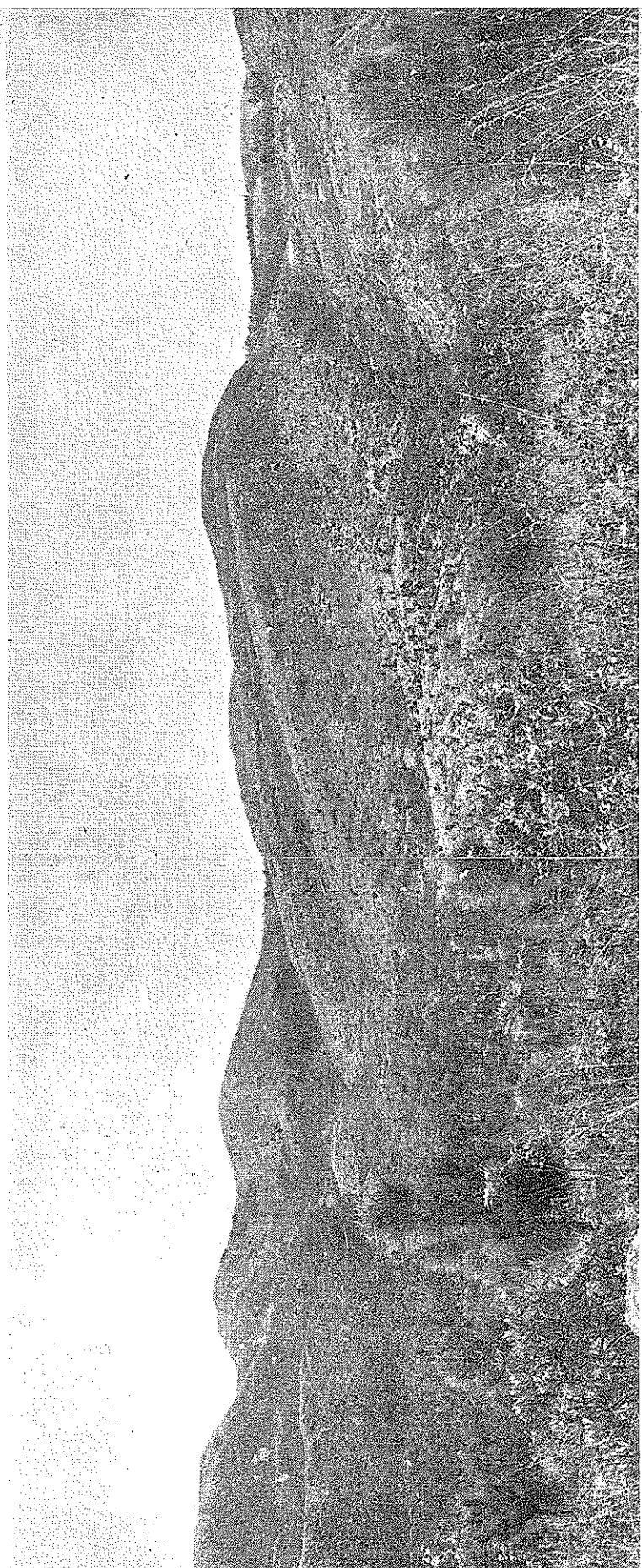
- 1* TVTL2: 芝 *chi.*
 2* TVTL2: 鎖 *tiêu.*

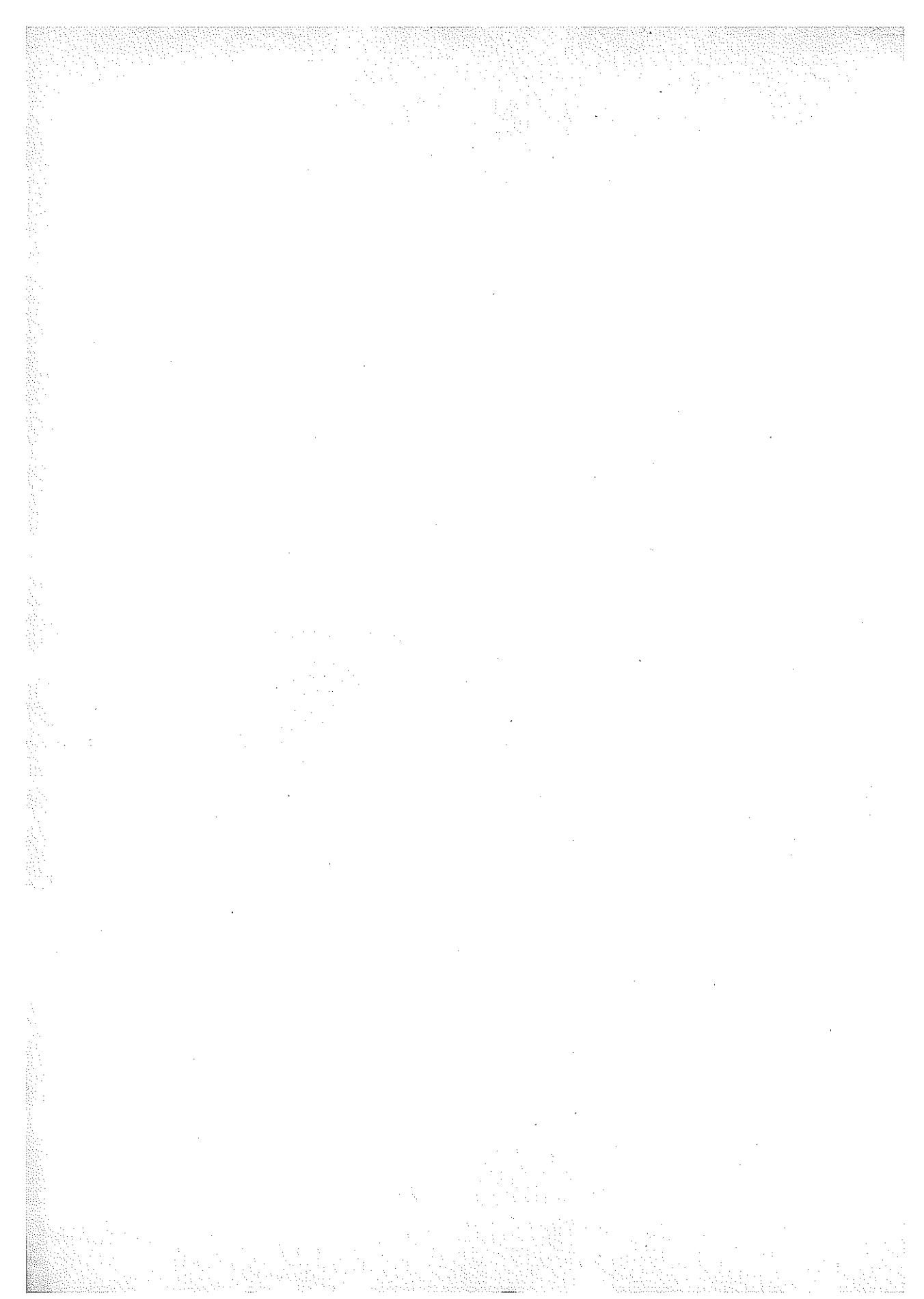
CHÚ THÍCH :

(1) Thái Lăng : lăng vua Trần Anh Tông.

NÚI PHƯƠNG HOÀNG Ở HUYỆN CHÍ LINH, TỈNH HẢI HƯNG.

Anh : Phạm Ngọc Long





HỒ TÔNG THỐC

故宗齋

(?)

Hồ Tông Thốc người làng Thổ Thành 土城, phủ Diên Châu 滯州⁽¹⁾,
nay tại xã Vô Ngại 無礙, huyện Đường Hào 塘豪⁽²⁾. Chưa rõ ông sinh
và mất năm nào.

Trong khoảng những năm Thiệu Khánh đời Trần Nghệ Tông 陳藝宗 (1370 — 1372), Hồ Tông Thốc thi đậu Trạng nguyên, làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ. Ông cũng từng làm An phủ sứ và đã có lần đi sứ Trung Quốc.

Vào những năm cuối niên hiệu Xương Phù đời Trần Phế Đế 陳廢帝 (1377 — 1388), Hồ Tông Thốc được thăng nhiều lần, đến chức Hàn lâm học sĩ phụng chỉ kiêm Thẩm hình viện sứ, rồi Trung thư lệnh.

Khi nhà Hồ (1400 — 1407) lên nắm quyền, Hồ Tông Thốc yết hưu và mất ở nhà, thọ hơn 80 tuổi.

Tác phẩm: Theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn và LTHCLC của Phan Huy Chú, Hồ Tông Thốc có soạn các tác phẩm sau đây: *Việt sử cương mục* 越史綱目; *Thảo nhàn hiệu tần tập* 討閒效鑒集; *Việt Nam thế chí* 越南世志; *Phú học chỉ nam* 賦學指南. Ngoài ra, ông còn hiệu định *Hình thế địa mạch ca* 形勢地脉歌 do Trần Quốc Kiệt 陳國傑 biên soạn. Nhưng những tác phẩm nói trên của ông đều bị thất lạc, cho đến nay mới chỉ tìm thấy 1 bài thơ và 2 bài văn xuôi⁽³⁾.

(1) Nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh.

(2) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

(3) Ngoài ra, Hồ Tông Thốc còn một bài thơ chép trong *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ.

遊東亭和葉溪原韻。

DU ĐÔNG ĐÌNH HỌA NHỊ
KHÊ NGUYỄN VẬN

才 識 章	如 嗜 我	君 老 遺	尚 無 縁	少 年，
文 已 將	得 得 功	喪 形 到	外， 邊。	緣。
已 不 變	復 獵 名	堪 閑 苦	客， 川。	
羨 豹 魚	只 何 必	臨 賦 頻	來 訪，	
辛 能 休	怪 東 月	似 聲 似	懸。	

Tài thức như quân thượng ^{1*} thiếu
niên,
Văn chương ta ngã lão vô duyên.
Đã tương đắc táng di hình ngoại,
Bất phục công danh đáo châm biên.
Biển báo chỉ kham nhàn ăn khách,
Tiễn ngư hà tất khỗ làm xuyên.
Hạnh năng nhật nguyệt tàn lai phỏng,
Hưu quái Đông Đình tự khánh huyền^{2*}.

DỊCH NGHĨA:

QUA CHƠI ĐÔNG ĐÌNH, HỌA NGUYỄN VĂN THƠ CỦA NHỊ KHÊ (¹)

Tài năng, tri thức như ông mà hãy còn trẻ,
Văn chương, thương cho ta mãi vô duyên !
Đã đem việc được mắt đặt ngoài hình hài,
Không dè mộng công danh đến bên gối nữa.
Biển báo (²), chỉ nhàn nhất người ở ăn,
Khen cá (³), hà tất làm khỗ kẻ bên sòng.
Mong được ông ngày ngày tới thăm hỏi,
Đừng ngại Đông Đình hiu quạnh như chiếc khánh treo (⁴).

KHẢO ĐÍNH:

1* TVTL1: 且 thả.

2* VATT: 編 biên.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Nhị Khê*: hiệu của Nguyễn Phi Khanh, ông vốn tên là Nguyễn Ứng Long, quê ở Chi Linh, Hải Hưng, sau dời đến làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (nay là Thường Tin). Xin xem thêm phần tiểu sử và thơ văn của ông.
- (2) *Biển báo*: con báo đồi hình. *Kinh Dịch* có nói: «Quân tử báo biển, kỳ văn uất dã»; nghĩa là: người quân tử như con báo đồi hình, văn của nó rực rõ. *Liệt nữ truyện* cũng nói rằng: núi Lam có con báo đen, thường ăn trong sương mù để vẫn được đẹp. Ông câu thơ trên, ý tác giả muốn nói: con báo muốn đẹp thì đồi hình, người muốn «nhàn» thi ở ăn.

- (3) *Khen cá* (tiễn ngữ) : sách *Hán thư* có câu : «Lâm uyên tiễn ngư, bất như thoái nhi kết vồng» ; nghĩa là : đến bên vực khen cá, chẳng bằng về mà đan lưới. Ở câu thơ trên, ý tác giả muốn nói : việc khen cá, chẳng nhọc nhằn gì kẻ đứng bên sông. Rõ ràng ra, có lẽ tác giả muốn nói : khen dễ mà khen, chẳng mệt nhọc gì người khen.
- (4) *Cánh khánh treo* (khánh huyền) : sách *Tả truyện* có câu : «Thất như huyền khánh» ; nghĩa là : nhà như khánh treo (nhà trống trải, chỉ có hai mái chống lên như cái khánh treo). Ở đây, ý tác giả muốn nói cảnh vắng vẻ, hiu quạnh.

45

題項王祠

ĐỀ HẠNG VƯƠNG TỬ^{1*}

五	二	山	河	起	戰	烽,
携	將	子	弟	入	閩	中。
煙	消	函	谷	珠	宮	冷,
雪	散	鴻	門	玉	斗	空。
一	敗	散	天	亡	澤	左,
重	來	來	地	到	江	東。
經	營	無	載	成	何	事,
銷	得	五	載	莖	魯	公。
		區	區			

Bách nhị sơn hà khôi chiến phong,
Huề lương tử đệ nhập Quan Trung.
Yên tiêu Hàm Cốc châu cung lãnh,
Tuyết tán Hồng Môn ngọc đầu không.
Nhất bại hữu thiên vong Trạch Tả,
Trùng lai vò địa đáo Giang Đông.
Kinh doanh ngũ tài thành hà sự ?
Tiêu đặc khu khu táng Lỗ Công.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ ĐỀN HẠNG VƯƠNG⁽¹⁾

Non nước trăm hai⁽²⁾ nỗi lửa chiến tranh,
Đem đoàn tử đệ vào Quang Trung.
Khôi tan nơi Hàm Cốc cung châu lạnh⁽³⁾,
Tuyết tan chốn Hồng Môn đầu ngọc vỡ tan⁽⁴⁾.
Số trời phải thua, chạy theo đường Trạch Tả⁽⁵⁾,
Lúc về không còn néo dề đến Giang Đông⁽⁶⁾.
Năm năm lăn lộn được việc gì ?
Chỉ còn được vùi trong mả Lỗ công⁽⁷⁾.

KHẢO ĐỊNH :

1* Bài này có trong *Truyện ký man lục* của Nguyễn Dữ. Đầu bài do chúng tôi đặt.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hạng Vương* : tức Hạng Tịch, tự là Võ, người Hạ Tương. Đời Tần Nhị Thủ, Hạng Vương soái lĩnh chư hầu đánh thắng Tần, xưng là Tây Sở Bá Vương. Sau Hạng Vương bị Lưu Bang đánh bại phải tự tử ở gần Ô Giang. Theo Câu chuyện ở đèn Hạng Vương trong *Truyện kỵ mạn lục* thì khi Hồ Tông Thốc đi sứ qua đèn Hạng Vương đã để bài thơ trên, để xong ông về nhà trọ uống rượu say ngủ, bỗng có người mời đến gặp Hạng Vương. Hạng Vương trách Tông Thốc đã để thơ nói không đúng sự thực lịch sử, Tông Thốc tranh luận lại và được Hạng Vương cùng quần thần kính nể. Câu chuyện giữa Hạng Vương và Hồ Tông Thốc chỉ là chuyện truyền kỳ, song việc để thơ có thể có thực ; vậy chúng tôi chép bài thơ trên để giúp bạn đọc tham khảo thêm.
- (2) Nhà Tần đóng đô ở Quan Trung là nơi hiểm yếu, hai người có thể chống được trăm người, vì vậy gọi là non nước trăm hai.
- (3) Chỉ việc Hạng Vương đốt cung A Phòng của nhà Tần.
- (4) Trong tiệc Hồng Môn, quân sự của Hạng Vương là Phạm Tăng định giết Lưu Bang, song Hạng Vương không nghe. Phạm Tăng tức mình ném tan cái đầu bằng ngọc của Trương Lương tảng, mảnh đầu ngọc văng ra như tuyết.
- (5) Hạng Vương bị vây ở Cai Hạ, đêm phá vòng vây chạy đến Âm Lăng, hỏi đường thì bị một ông già đánh lừa, Vương chạy sang phía tả và vướng đầm lầy không chạy được.
- (6) Hạng Vương chạy đến Ô Giang, người lái thuyền khuyên nên qua sông sang Giang Đông ; Vương không nghe, rút gươm tự tử.
- (7) Sau khi Hạng Vương chết, Hán Cao Tổ (Lưu Bang) lấy lễ Lỗ Công táng Vương.

46

(太平省太寧府同海社寺碑序一碑)

慈恩寺碑銘并序

紹寧公主陳建寺於西關，中置所生善惠優婆姨香火堂。起在於辛酉年十一月以壬戌年十二月落成。太子嘗有平事忠靖上侯名之曰慈恩寺示不忘本也。公以某不可。因昔之雅，且職在文字，謂金石之文非某不可。因來示，使知地之形勢，寺之本末，某敢不庸辭，乃紀其實以詔來者。西關屬古屢鄉其東則大江一派自京至于法口，濟淪滌澮，浸沿萬頃，道遙遠若開若闔，

停之呼所易帝耿慄鍾恩道補
涵人鳴之忽以耿然斯之目有
泓夫。人易主地甫火生，誠
環待也者於公之茂斯所音名
回必日終之。開鬱香思之之
常設今蓋追矣西之，恩報寺
朕地於。之厚而禮所之鐘斯
溪天創厚能歸之望何以民固。
種豈而歸焉而心嚴四，之？哉
焉。聞德子之所深焉慈開耶已
者也未民孝化與之觀之西厚而
北地之，惟欲時宇，生知於揚
其之昔遠忘民歲堂場所安歸贊
衍自往追易而於觀道恩？而法
，所何終所也每至建慈耶之沃
溪流？慎之德本以乃之如化為
費慶耶：人其其矣，沃何亦特
為開之曰者故忘屢生以心不非
者西予言这。不來感，誠豈，
東為後之，際貴往由斯其懿教
其寔而子忽之之懷惑鼓顧之世
逃瀆德曾易忘姬于然斯，德於

銘曰：

名成誠。生靈寧。馨輕明。銘。是孝純所厥來逾匪常斯恩以道其昧享載繫日鑒慈寺孝報不來千厥沃尚寺得姬寺沃鼓德之祝人有人帝建學鐘之化永後開以哉斯生斯姬人風嗟西名賢於所聞帝鄉皇吁

金賜事院刑審知旨，三前節士元學中林月輸。七兼撰壬戌令薦在中胡歲守軍宗年夫設六大大上符祿袋昌榮魚

書 方 義 刻 朱 律 品 獎 下 內 列 局 經 雕 前 生 學 亞 內 御

PHIÊN ÂM :

(Thái Bình tỉnh, Thái Ninh phủ, Đồng Hải xã tự sở nhất bi)

TỪ ÂN TỰ BI MINH TỊNH TỰ

Thiệu Ninh công chúa Trần kiến tự ư Tây Quan, trung tri sở sinh Thiệu Huê Ưu-bà-di hương hỏa đường. Khởi tại ư Tân dậu niên thập nhất nguyệt, dĩ Nhâm tuất niên thập nhị nguyệt lạc thành. Thái tử Thiêm sự Trung tĩnh thương hẫu danh chi viết : Từ Ân tự ; thị bất vong bản dã. Công dĩ mồ thường hữu bình tích chi nhã, thả thức tại văn tự, vị kim thạch chi văn phi mồ bất khả. Nhận bình đồng lai thi, sứ tri địa chi hình thể, tự chi bản mặt, mồ cảm bất dung từ ; nỗi ký kỳ thực dĩ chiếu lai giả.

Tây Quan thuộc Cồ Lũ hương, kỳ đồng tắc đại giang nhất phai, tự kinh chi vu Pháp Khầu, tể luân, di loan, tầm duyên vạn khoảnh, tiêu tiêu dao dao, nhược khai nhược hạp. Dĩ kỳ đồng giả vi Phi khê, diễn kỵ bắc giả vi Chủng khê, trầm thường hồi hoàn, hoảng hàm định súc, thực vi Tây Quan khánh lưu sở tự chi địa dã. Khởi thiên thi địa thiết, tất dãi phù nhân chi đức nhi hậu dữ chi da ! Hà vãng tích chi vị văn nhi sáng hiện ư kim nhật dã. Ô hô, Tăng Tử chi ngôn viết : « Thận chung truy viễn, dàn đức quy hậu hĩ ». Cái chung giả nhân chi sở di hốt, viễn giả nhân chi sở dị vong. Duy hiểu tử vi năng thận chi, truy chi, ư dị hốt dị vong chi tế. Cố kỳ đức dã nhi dàn dục hóa chi nhi quy ư hậu hĩ.

Công chúa dĩ để cơ chi quý, bất vong kỳ bản, mỗi ư tuế thời, dữ sở tâm chi tư, nhi Tây Quan chi địa cảnh cảnh vu hoài, vãng lai lũ hỹ. Dĩ chi quan đường vũ chi thâm nghiêm, vọng tung giá chi uất mậu, túc nhiên, lát nhiên ; thích do cảm sinh, nỗi kiến đạo trường, quan vi tự hướng chi sở. Hương tư hỏa tư, chung tư cồ tư. Dĩ Phật chi từ tư sở sinh chi từ. Dĩ Phật chi ân tư sở sinh chi ân. Cố kỳ thành tâm hà như da. An tri Tây Quan chi dàn nhĩ chung cồ chi âm, mục đạo đức chí ý, khởi bất diệc hóa chi nhi quy ư hậu da. Cố tri tư tự chi danh thành thành hữu bồ ư thế giáo, phi đặc vi Phật pháp tán dương nhi dĩ tai.

Minh viết :

Tây Quan hữu tư,
Từ Ân thi danh.
Danh dĩ nhân đặc,
Tự dĩ hiểu thành.

Hiền tài để cơ,
Hiểu đạo thuần thành.
U tư kiến tư,
Bảo kỳ sở sinh.

Sở sinh học Phật,
Bất muội quyết linh.
Văn tư chung cõi,
Lai hưởng lai ninh.
Để cơ chi đức,
Thiên tài du hình.

Hương nhân hỏa chí,
Quyết hệ phỉ khinh.
Hoàng phong vĩnh chúc,
Phật nhật thường minh.
Hu ta! hậu nhân,
Thượng giám tư minh.

Xương Phù lục niên, tuế tại Nhâm tuất, thất nguyệt trung nguyên tiết, tiền tam nhật.

— Vinh lộc đại phu thủ Trung thư lệnh kiêm Hán lâm học sĩ; phung chỉ tri thầm hình viện sự, tú kim ngự đại, thượng thiết quân Hồ Tông Thốc soạn.

— Nội học sinh á hạ liệt phẩm Chu Nghĩa Phương thư.

— Ngự tiền điêu kinh nội cục Lê Luật khắc.

DỊCH NGHĨA :

(Bia chùa xã Đồng Hải, phủ Thái Ninh, tỉnh Thái Bình).

BÀI MINH VÀ TỰ Ở BIA CHÙA TỪ ÂN

Công chùa Thiệu Ninh đời Trần, xây dựng chùa này ở đất Tây Quan; trong chùa có nhà hương hỏa thời bà sinh mẫu là Thiện Huệ Ưu-bà-di⁽¹⁾. Bắt đầu khởi công từ tháng 11 năm Tân dậu. Đến tháng 12 năm Nhâm tuất hoàn thành. Thái tử thiêm sự trước Trung tĩnh thượng hầu, đặt tên chùa là Từ Ân, để tỏ lòng không quên gốc vậy.

Thái tử cho rằng tôi từng là người nho nhã xưa nay. Vả lại giữ việc về chữ nghĩa; cho nên bài văn khắc vào kim thạch, ngoài tôi ra thì không thể ai biết được. Vì vậy, cùng với người dẫn đường, tôi theo lại xem cho biết hình thế đất, gốc ngọn của ngôi chùa. Tôi đâu dám từ chối, bèn ghi hết sự thật để truyền lại cho đời sau.

Đất Tây Quan thuộc làng Cồ Lũ, phía đông có một nhánh sông lớn chảy từ Kinh đô đến cửa Pháp Khầu. Nước sông đầy tràn, mênh mông, thầm nhuần muôn khoảnh. Giồng sông lượn, như đóng như mở. Quanh về phía đông là khe Phi, chảy về phía bắc là khe Chủng. Những dòng nước đó thường chảy vòng veo rồi ngưng đọng lại một chỗ, trở thành đầu nguồn của những dòng nước đẹp ở đất Tây Quan. Cảnh này đâu phải do trời đất xếp đặt, mà phải đợi người có đức rồi sau mới cho chăng? Sao trước chưa từng nghe nói có cảnh này, mà nay lại thấy rõ vậy?

Than ôi ! Tăng Tử nói : « Cảm thận với sự chết của cha mẹ, tưởng nhớ đến tổ tiên đã lâu đời, thì đức của dân sẽ về với lòng trung hậu đó ». Nói vậy có lẽ vì đối với cái chết, người ta dễ khinh hối, đối với tổ tiên đã xa đời, người ta dễ quên, chỉ có người con hiểu mới hay thận trọng và tưởng nhớ đến những điều đã sơ suất, dễ bỏ quên. Cho nên người có đức đó thì dân sẽ hóa theo mà trở về với điều trung hậu.

Công chúa tuy là dòng dõi cao quý của nhà vua, nhưng vẫn không quên chốn gốc. Hàng năm mỗi khi động lòng tưởng nhớ, thi hình ảnh đất Tây Quan vẫn ngồi ngồi trong lòng ; trở đi trở lại nhiều lần. Kịp đến khi nhìn thấy đường vũ thảm nghiêm, ngắm những cày tùng cày già ⁽²⁾ tươi tốt. Thấy bàng khuàng lo lắng, cảm xúc sinh ra. Bèn xây dựng chùa, để làm chỗ cho bốn phương trông vào. Nay hương này khói, nay chuông này trống. Từ lòng nhân từ của đức Phật mà nghĩ đến lòng nhân từ của người sinh ra mình. Từ nguồn ân huệ của đức Phật mà nghĩ đến ân huệ của người sinh ra mình. Lòng thành tâm đến như thế ru ! Biết đâu dân đất Tây Quan tai nghe âm thanh của chuông trống, mắt nhìn thấy sự tốt đẹp của nền đạo đức mà lại không hóa theo, để trở về với sự trung hậu chẳng ? Cho nên, hiểu được tên của chùa như thế là cũng góp phần bồ ích cho giáo hóa ở đời, chứ đâu phải chỉ tán dương Phật pháp mà thôi !

Mình rằng :

*Tây Quan có chùa,
Gọi chùa Từ Ân.
Tên do người đặt,
Lòng hiểu dựng chùa.
Công chúa hiền thay,
Đạo hiểu rất thành.
Dựng chùa ở đây,
Bảo он người sinh.
Người sinh theo Phật,
Chẳng kém anh linh.*

*Nghe chiêng nghe trống,
Xin về chứng minh.
Đức của công chúa,
Ngàn năm thơm danh.
Dân được cảm hóa,
Quyết không nhẹ tình,
Chúc vua dài lâu,
Phật thường anh minh.
Ôi người đời sau,
Hãy coi bài minh.*

Niệm hiệu Xương Phù thứ 6, năm Nhâm tuất (1382), tháng bảy (3) trước tết Trung nguyên 3 ngày (ngày 12).

— Vinh lộc đại phu giữ chức Trung thư lệnh, kiêm Hàn lâm học sĩ phung chỉ tri thẩm hình viện sự, tử kim ngư đại trượng thich quân Hò Tông Thốc soạn.

- Nội học sinh à hạ liệt phẩm Chu Nghĩa Phương viết.
- Ngự tiền diêu kinh nội cục Lê Luật khắc.

CHỦ THÍCH :

- (1) *Uu-bà-di* : hiêu nhà Phật ; hiêu này chỉ tin nữ đã chịu tam quy của nhà chùa, nhưng vẫn tung niêm ở nhà riêng, gấp tuần tiết mới ra chùa lễ Phật (nếu thiện nam thì gọi là *Uu-bà-tắc*).
- (2) *Giá* : một loại cây trồng trên mỏ, thuộc họ cây thông.
- (3) Trên đầu bia nói là « tháng 12 năm Nhâm tuất lục thành », đây lại nói soạn và khắc bia vào... « tháng 7 năm Nhâm tuất ? » thế là dựng bia trước ngày khánh thành, đó là việc ta phải suy nghĩ. Có lẽ khi đang làm chùa đã xin văn bia, soạn giả soạn xong để ngày tháng đó vào bản thảo, còn ngày lục thành thì lưu không. Sau khi chùa xay xong, người khắc bia vô tình cứ theo tháng trong bản thảo khác vào, vì vậy, tháng bị xếp thiếu thứ tự.

47

越南世志序

傳未，勞拘答補是蓋樂從，俟留响羌，稽
 流有下懷乃余如，。禮莫類以須影羌來相
 之，而付何？，門殊，，其，者聲海以于
 本間年，子耶說無各具耶據之讀形塵古驗
 端相千原。惑之計鑒未無采存？其，亘檢
 乎疑。窮也之羌會風籍誠，姑乎明墟自
 明信誕校道世漫，文焉言，者著之，傳
 以第怪輯之革有議未，以傳稽民，壤常之
 往，。于，賢以猶論天坤，之難惑然炎靡耄
 既標不查常言中據地昧知，寥誣石宇辭凭
 諸之豈克存新，世越草而響，以玉疆，斬
 考今，曷怪明判後我，克餘迹言則天漠
 矣乎各編：不沌類。迥，捨怪鑒駘我山已
 尚著變簡曰然混之冊塵耶，奇穿推且江于
 來以世索余徇，日史縕有故其有邪。雖載
 其，然按于而初十之，誠是。敢刻矣，詢
 作傳心詳有舊古奠，之以考記，謐自大迹
 志稽于以；于：觸非洪作而紹君以，不英
 世；盡難苦拘曰天耶自未何以後心，
 總閑俗迹，詢載于已往，

，現有廟堂之奉。拙時忘其故陋，述簡寓略其所遺；
蓋欲俟後之進步博格高明者，朗日憶情，庶乎知所先後，無自錯誤。倘若正諸其靈，工諸筆端，削剝研精，刊行于世，使人人洞察古今，默會玄微，其亦傳中之史記歟！是爲序。

PHIÊN ÂM :

VIỆT NAM THẾ CHÍ TỰ

Thế chí chi tác, kỳ lai thương hỷ. Khảo chư ký vãng, dĩ minh hồ doan bản chí lưu truyền; kê chư truyền văn, dĩ trú hồ cỗ kim chí tiêu chuẩn. Đệ tín nghi tương giàn, hữu vị tận vu nhân tâm. Nhiên thế biến các thù, khởi bất thiệp vu quái đản. Thiên niên nhi hạ, nan dĩ khái tường, án sách giản biên, hạt khắc tra cứu, tập hiệu cùng nguyên, thốn hoài lao khổ. Hoặc hữu văn vu dư viết: « Xả quái, tôn thường thánh hiền chí đạo dã, tử hà nãi câu câu vu ấn cựu, nhi tuân nhiên bất trú minh tân ngôn, dĩ cách thề chí hoặc da? » — Dư đáp viết: « Thái cỗ chí sơ, hồn độn vị phán, trung thồ do hữu mạn mang chí thuyết, như bồ thiên, súc sơn, điện ngao, thập nhật chí loại, hậu thế cứ kinh luận nghị cối kẽ vô môn, thị da, phi da, tồn chí sử sách; huống ngã Việt, địa tai thiên mạt, phong giám các thù. Cái tự hồng hoang chí thủy, truy trần quýnh cách, thảo muội kiền khôn, văn tịch vị cu, lê nhạc vị tác, dĩ vi thành hữu da, hạt khắc nhí tri yên, dĩ vi thành vô da, mạc tòng hà nhí khả khảo. Thị cổ, thập dì dư hướng, đắc chí truyền ngôn, thái chích kỳ loại, dĩ thiêu thề ký nhĩ. Kỳ kỳ quái chí tích, liêu nhiên nan kẽ, cõi tồn chí, dĩ sĩ hậu quản tử, khởi cảm hữu xuyên tạc hủy ngôn dĩ vu thế hoặc dân giả hồ. Độc giả tu lưu tâm dĩ tế nhận, khắc ức suy nghiệm, tắc ngọc thạch chươn nhiên, trú minh kỳ hình thanh ảnh hướng, bất cảm tự hội hỷ. Thả, ngã Nam thiên cương vũ, viêm nhuros chí khứ, trần hải mang mang, anh quán đại tác tuy giang sơn minh mạc, biện biệt mỹ thường: Tự cảng cỗ dĩ lai, tổng quan tục tích, tuân tái vu dĩ vãng, ngàn bằng kỳ mạo chí truyền, kiêm nghiêm vu tương kê, hiên hữu miếu đường chí phụng. Chuyết thời vong kỳ cố lậu, thuật giản ngũ lược kỳ sói; cái dục sĩ hậu chí tiến bộ bác cách cao minh giả, lăng nhát ức tình, thử hồ tri sở tiên hậu, vô tự thố ngộ. Thản nhược, chính chư kỳ linh, công chư bút doan, tước bác nghiên tình, san hành vu thế, sứ nhân nhân động sát cỗ kim, mặc hội huyền vi, kỳ diệc truyện trung chí sử kỳ dư! Thị vi tự.

DỊCH NGHĨA :

BÀI TỰA SÁCH « VIỆT NAM THẾ CHÍ »

Sách chép về thế phả, vốn có từ lâu, khảo xét các đời đã qua để rõ nguồn gốc lưu truyền, kê cứu những điều truyền văn, để rõ những tiêu chuẩn xưa

nay. Hiềm vì chuyện tin chuyện ngờ lẩn nhau, có điều chưa hợp hẳn với lòng người. Nhưng việc đời biến đổi khác nhau thì làm sao lại khỏi có những điều quái gở. Nghìn năm về sau, khó lòng biết được đầy đủ, mà tìm trong sách vở cũng không thể tra cứu vào đâu được. Bởi vậy, ghi chép về nguồn gốc thực là nhọc lòng lắm. Có người hỏi tôi rằng: « Bỏ cái lạ giữ cái thường là đạo của thánh hiền, tại sao ông lại câu nệ theo cũ, không nêu rõ lời mới để đổi hẳn thói mê hoặc của đời? » Tôi đáp rằng: Thời Thái cổ còn hồn mang, chưa phân biệt trời đất, ngay trung thổ cũng còn có nhiều thuyết hoang đường, như những chuyện và trời, húc núi, lầy chân ngao làm cột trời, mười mặt trời cùng mọc v.v., (1) đời sau cứ theo sách mà bàn luận, không kê cứu vào đâu được, đúng hay không đúng, vẫn còn ghi chép trong sử sách. Huống chi đất Việt ta ở vào cõi xa, sự hiểu biết cũng khác, từ đời hồng hoang thời gian xa cách, trong lúc mới mở mang, sách vở chưa đủ, lẽ nhạc chưa làm, nếu cho là có thực thì bởi đâu mà biết? Nếu cho là không có, thì do đâu mà xét ra? Cho nên những chuyện góp nhặt được đều là lượm lặt ở tiếng vang chuyện đồn, trích lấy đầu đuôi để cho biết rõ về phả ký từng đời mà thôi, còn những sự tích kỲ QUÁI, lờ mờ khó xét, tạm giữ đó để chờ các bậc quân tử sau này, dám dẫu xuyên tạc ra lời quái dị để mê hoặc người đời. Độc giả nên lưu tâm nhận kỹ, cố sức suy nghiệm thì sẽ rõ ngọc đá; thấy được tiếng vang hình bóng của lịch sử; tôi đâu tư dám cho ý mình là thỏa đáng.

Vả lại, nước Nam ta ở vào giải đất nóng nực, trong cõi mènh mông, vua sòng đời nào cũng có. Dẫu rằng núi sông rộng lớn, chia biệt mỗi lúc một khác, nhưng từ xưa đến nay, chỉ căn cứ vào tục truyền và dấu vết, hỏi việc về dì vắng thì nhờ các cụ già kể chuyện lại; xét nghiệm ở tương lai thì có những đèn miếu ~~cứng~~ thò.

Tôi quên mình hép hòi quê hủ, chép so lược những chuyện ngũ ngôn, những điều truyền thuyết, muốn đợi các bậc cao minh học rộng tiến bộ sau này, nhận rõ xét kỹ mới có thể biết được trước sau mà không tự nhầm lẫn. Nếu có ai sửa lại cho tập này được đúng, cho lời chép được hay, děo gọt kỹ càng, rồi đem in ra, để mọi người thấy rõ việc xưa nay và hiểu thấu lẽ huyền vi, thì đó cũng là một bộ sử ký trong các truyện cổ chăng? Vậy làm tựa.

Theo TRẦN VĂN GIÁP

CHỦ THÍCH :

- (1) Ở đây ý muốn nhắc đến những chuyện thần thoại ở Trung Quốc như chuyện bà Nữ Ôa luyện đá và trời, chuyện Cung Công húc đầu vào núi Bất Chu, chuyện bà Nữ Ôa chất chân ngao làm cột chống trời; chuyện thời hồng hoang có mười mặt trời, Hậu Nghệ bắn rơi chín... (sách *Hoài Nam tử...*).

PHẠM SƯ MẠNH

范師孟

(?)

Phạm Sư Mạnh tự là Nghĩa Phu 義夫, hiệu Úy Trai 歲齋; người làng Hiệp Thạch 峽石, huyện Hiệp Sơn 峽山, phủ Kinh Môn 荆門 (1). Chưa rõ ông sinh và mất năm nào.

Phạm Sư Mạnh là học trò Chu Văn An 朱文安. Ông đỗ Thái học sinh vào đời Trần Minh Tông 陳明宗 (1314 - 1329). Đến năm Thiệu Phong thứ năm (1345) đời Trần Dụ Tông (1341 - 1357), ông được cử đi tranh luận về cột đồng (2). Năm Thiệu Phong thứ sáu (1346), được giữ chức Chưởng bạ thư kiêm Khu mật tham chính. Năm Đại Trị thứ nhất (1358) lại giữ chức Nhập nội hành khiền Tri khu mật viện sự. Năm Đại Trị thứ hai (1359) giữ chức Hành khiền tả tư lang trung. Năm Đại Trị thứ năm (1362) lại giữ chức Tri khu mật viện sự, rồi thăng lên chức Nhập nội nạp ngôn.

Phạm Sư Mạnh là bạn thân của Lê Quát 黎括, cả hai đều nổi tiếng về văn học cũng như về đạo đức cuối đời Trần. Đã nhiều lần ông cùng Lê Quát muốn sửa đổi một số chế độ đời Trần, song không được nghe theo.

Tác phẩm: theo LTHCLC, Phạm Sư Mạnh có *Hiệp Thạch tập* 峽石集, nhưng cho đến nay vẫn chưa tìm thấy. Hiện chỉ còn hơn 30 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục* (3) và một bài văn bia.

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

(2) Đối với việc Phạm Sư Mạnh được cử đi tranh luận về cột đồng, Ngô Sĩ Liên 吳仕連 trong ĐVSKTT có tỏ ý nghi ngờ: «Xét ra, năm ấy nước Nguyên chỗ nào cũng có giặc cướp nỗi. Vả lại, tháng chín năm sau Sư Mạnh được lệnh thăng chức, thì đi về sao lại nhanh thế. Việc này vị tất đã có, hãy tạm chép vào đây» (Bd. ĐVSKTT, tập II, trang 150).

(3) Đặc biệt, trên vách đá động Kinh Chủ 驚主, thuộc xã Phạm Mệnh 范孟, huyện Kinh Môn 荆門, nay vẫn còn một bài thơ của Phạm Sư Mạnh khắc ở đó.

行役登家山

山，外，握，雲，濤，帝，鐘，極，民，
家，溟，一宵，藤，興，鱗，鼈，海，
登，南，天，紫，白，重，千，奠，四，
役，鵬，阜，層，洶，昔，浦，掌，今，
行，覩，安，層，洶，憶，海，反，至，

天。前。千。仙。船。乾。旗。臘。年。
里。岳。九。期。王。幹。旌。腥。胡。
萬。東。保。安。吳。坤。萬。洗。擒。
首。日。頭。訪。像。轉。門。河。說。
矯。賓。象。會。想。刻。陦。挽。長。

陳朝壹佰肆拾肆祺九月五日八內右納言破石范師孟奉
詔揀閱五路之兵，登石門山作。陽岩范師孟書。

PHIÊN ÂM :

HÀNH DỊCH ĐĂNG GIA SƠN ^{1*}

Hành dịch đăng gia sơn,
Kiều thủ vạn lý thiêng.
Đỗ bằng nam minh ngoại,
Tân nhật đông nhạc tiên.
Yên Phụ thiêng nhất ác,
Trương Đầu nhẫn cửu thiêng.
Tăng tăng Tử Tiêu vân,
Hội phỏng An Kỳ tiên.
Hùng hùng Bạch Đăng đao,

Tưởng tượng Ngô Vương thuyền.
Úc tích Trung Hưng Đế,
Khắc chuyển khôn oát kiền.
Hải phố thiên mông đồng,
Hiệp môn vạn tinh chiên.
Phản chưởng điện ngao cực,
Văn Hà tần tinh chiên.
Chí kim tứ hải dân,
Trường thuyết cầm Hồ ^{2*} niên.

* Trần triều nhất bách tú thập tú tự cửu nguyệt ngũ nhật. Nhập nội
hữu nạp ngôn Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh phụng chiếu giản duyệt ngũ lô
chi binh, đăng Thạch Mòn Sơn tác. Dương Nham Phạm Sư Mạnh thư.

DỊCH NGHĨA :

NHÂN ĐI VIỆC QUAN, LÊN CHƠI NÚI QUÊ NHÀ

Nhân đi việc quan, lên chơi núi quê nhà,
 Ngẩng đầu nhìn trời cao muôn dặm.
 Thấy chim bắng ngoài biển nam,
 Đón mặt trời mọc trước dãy núi phía đông.
 Núi Yên Phụ ⁽¹⁾ chỉ cách trời một nắm tay,
 Núi Tượng Đầu ⁽²⁾ cao chín nghìn nhẫn ⁽³⁾.
 Mây lớp lớp trên đỉnh Tử Tiêu ⁽⁴⁾,
 Nhân dịp hỏi thăm tiên An Kỳ ⁽⁵⁾.
 Sóng Bạch Đằng ⁽⁶⁾ cuồn cuộn,
 Tưởng tượng tới thuyền của Ngô Vương ⁽⁷⁾.
 Nhớ vua Trùng Hưng xưa ⁽⁸⁾,
 Khoảng khắc làm thuyền đất xoay trời.
 Hàng nghìn chiến thuyền ngoài cửa biển,
 Muôn lá cờ lệnh trên cửa ải ⁽⁹⁾.
 Trở bàn tay đặt cõi bờ vào thế yên ổn,
 Kéo nước sông Ngân rửa sạch vết tanh hôi.
 Đến nay nhân dân cả nước,
 Nhắc mãi năm bắt giặc Hồ ⁽¹⁰⁾.

DỊCH THƠ :

*Lên thăm núi Thạch Môn,
 Ngẩng trông trời vút cao.
 Biển nam chim bắng dãy,
 Núi đông mặt trời cháo.
 Núi Yên Phụ chạm trời,
 Tượng Đầu chất ngắt cao.
 Tử Tiêu mây trùng trùng,
 An Kỳ ở chốn nao.
 Sóng Bạch Đằng cuồn cuộn,*

*Ngô Quyền diệt Hoằng Thao,
 Nhớ xưa Trùng Hưng Đế.
 Làm đất thuyền trời chao.
 Cửa biển nghìn thuyền đậu,
 Non ải vẫn cờ dào.
 Trở tay định bờ cõi,
 Kéo sông rửa tanh hôi.
 Nhân dân nay còn kề,
 Chuyện thắng Hồ năm nào.*

TUẤN NGHI

Triều nhà Trần năm thứ 144, tháng 9, ngày 5, chức Nhập nội Hữu нап
 ngôn là Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh vâng lệnh nhà vua đi tuyển duyệt binh
 lính năm lò, lên núi Thạch Môn, làm bài thơ này. Dương Nham Phạm Sư
 Mạnh viết.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* Bài thơ này vốn không có đầu bài. Hiện còn bản khắc đá trên vách hang núi Kinh Chủ thuộc xã Phạm Mênh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Hưng ngày nay. Có lẽ dựa vào những hàng chữ «lạc khoản», khắc dưới bài thơ, nên các bản TVTL đều tự đặt thêm đầu bài. Thi dụ, TVTL1 ghi đầu đề bài thơ là: 捷五路兵登石門山留題 *Giản ngũ lộ binh dǎng Thạch Môn Sơn lưu đề*; TVTL2: 陳五路兵登石門山留題 *Trần ngũ lộ binh dǎng Thạch Môn Sơn lưu đề*...; ở đây chúng tôi lấy câu đầu của bài thơ để đặt đầu bài.
- 2* TVTL1, TVTL2: 長記於斯年 *Trường ký ur tư niên*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Núi Yên Phụ* : Ở gần núi Kinh Chủ, thuộc xã Tuyên Xá, huyện Hiệp Sơn, tỉnh Hải Dương (nay thuộc Hải Hưng).
- (2) *Núi Tượng Sơn* : Theo *Phùong Đinh địa chí* của Nguyễn Văn Siêu, thì Tượng Sơn còn có tên là núi Yên Tử. Theo LTHCLC của Phan Huy Chú thì núi Yên Tử ở vào huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- (3) *Nhẫn* : Thời xưa lấy 7 hoặc 8 «xich» làm một «nhẫn». «Nghìn nhẫn» ý nói núi rất cao.
- (4) *Tử Tiêu* : một ngọn núi trong núi Yên Tử.
- (5) *Tiên An Kỳ* : tức An Kỳ Sinh 安期生 ; sống vào đời Tần, tu đạo thành tiên, tương truyền có đến tu ở núi Yên Tử.
- (6) *Sông Bạch Đầu* : Đoạn sông chảy qua xã Đoan Lễ, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Tại đây đã diễn ra nhiều trận thủy chiến lẫy lừng của Ngô Quyền 吳權 chống quân Nam Hán (938) và của Trần Quốc Tuấn 陳國俊 chống quân Nguyên (1288).
- (7) *Ngô Vương* : tức Ngô Quyền, người anh hùng đã chỉ huy quân ta đánh bại quân Nam Hán, giết con vua Nam Hán là Lưu Hoằng Thảo, giành lại quyền tự chủ cho đất nước sau hơn 1000 năm Bắc thuộc.
- (8) *Trung Hưng* : niên hiệu vua Trần Nhân Tông 陳仁宗. Ý chỉ cửa ải trên núi Kinh Chủ.
- (9) *Giặc Hồ* : Chỉ giặc ngoại xâm nói chung. Trong bài này chỉ giặc Nguyên.

49

東山寺湖上樓

ĐÔNG SƠN TỰ HỒ THƯỢNG LÂU

池園古寺瓊瑤沒，
松竹一山風雨來。
至今白髮村前隻，
猶道太師平賊回。

Trí viên cõi tự quỳnh dao mệt^{1*}，
Tùng trúc^{2*} nhất sơn phong vũ lai。
Chí kim bách phát thôn tiền tầu，
Do đạo Thái sư bình tặc hồi。

DỊCH NGHĨA :

LÂU TRÊN HỒ CHÙA ĐÔNG SƠN⁽¹⁾

Vườn ao chùa cổ đã mất vẻ ngọc rỗi,
Thông trúc đầy núi, gió mịa kéo đến.
Đến nay những ông già tóc bạc ở trước thôn,
Còn kể chuyện Thái sư đi dẹp giặc về qua đây.

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT, TVTL1: 設 *thiết*; TVTL2: 砌 *thết*.

2* VATT: 作 *tác*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Chùa Đông Sơn* : Chùa rõ ở đâu.

(2) VATT chú: 舊注佑聖太師平占城。今考史有佐聖太師陳日燭，無佑字。

Cựu chủ Hựu thánh Thái sư bình Chiêm Thành. Kim khảo quốc sử hữu Tà thánh Thái sư Trần Nhật Duật, vô Hựu tự : Chú thích cũ nói rằng Hựu thánh Thái sư bình định đất Chiêm Thành. Nay khảo quốc sử thì chỉ thấy có Tà thánh Thái sư Trần Nhật Duật, không có chữ « Hựu ».

Vậy theo VATT, thì « quan Thái sư » ở đây là chỉ Trần Nhật Duật (Trần Nhật Duật là con thứ sáu của Trần Thái Tông, vẫn võ kiêm toàn. Ông có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, được phong Tá Thánh Thái sư Chiêu Văn Vương, thọ 77 tuổi, người đương thời ví Trần Nhật Duật như Quách Tử Nghi đời Đường).

50

過黃龍洞

鴉浦潮頭破石風，
高帆千丈過黃龍。
芙蓉落一水玻璃萬峰。

QUÁ HOÀNG LONG ĐỘNG

Nha Phố triều 1* đầu Hiệp Thạch 2*
phong,
Cao phàm thiên 3* trượng quá Hoàng
Long.
Dung dung nhất thủy pha lê bích,
Ngọc lập thiên phong cảnh van phong.

DỊCH NGHĨA:

QUA ĐỘNG HOÀNG LONG (1)

Trên làn sóng Nha Phố, trước ngọn gió Hiệp Thạch (2),
 Buồm cao ngàn trượng qua động Hoàng Long.
 Mênh mông bát ngát trong biếc như pha lê,
 Muôn vạn ngọn núi đứng sừng sững như những viên ngọc.

DỊCH THƠ:

Gió Hiệp Thạch, sóng bến Nha,
Cánh buồm muôn trượng vượt qua động Hoàng.
Mênh mông nước biếc đầy tràn,
Núi cao sừng sững muôn ngọn tro.

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐÍNH:

- 1* VATT: 滯 *dào*.
 2* VATT: 口 *khoau*.
 3* VATT: + *tháp*.

CHÚ THÍCH:

- (1) (2) *Động Hoàng Long, Bến Nha*: có lẽ đều là những nơi trong vùng quê tác giả, nhưng chưa rõ cụ thể là ở vào địa điểm nào.
 (3) *Hiệp Thạch*: thuộc huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn, đất Hải Dương (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).

51

過瀟湘

QUÁ TIÊU TƯƠNG

湘水北連青草湖,
 年年楓葉映荻蒲。
 帝妃一去殿門閑，
 紅日下山啼鶗鳩。

Tương thủy bắc liên Thanh Thảo hồ,
 Niên niên phong diệp ánh cỏ bồ.
 Đế phi nhất khứ điện môn bế,
 Hồng nhật hạ sơn dề già cõ.

DỊCH NGHĨA :

QUA TIÊU TƯƠNG (¹)

Sông Tương phia bắc liền với hồ Thành Thảo (²),
 Hàng năm lá phong soi xuống cỏ cỏ bồ.
 Bà phi (³) qua đời, cửa điện bèn khép lại,
 Mặt trời gác núi, tiếng chim đa đa kêu rộn.

DỊCH THƠ :

*Tiêu Tương, Thanh Thảo giáp dải bờ,
 Thu tối phong soi sáng cỏ bồ.
 Đế phi khuất bóng, cung không mở,
 Ác lặn, vang non tiếng già cỏ.*

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

Bài thơ này có chép ở VATT, TVTL1, TVTL2, HVTT.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tiêu Tương* : chỉ nơi hợp lưu của sông Tiêu và sông Tương nay ở về phía bắc huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam. Theo HVTT thì Phạm Sư Mạnh làm bài thơ này khi đi sứ (1345).
- (2) *Hồ Thành Thảo* : ở huyện Cường Âm, tỉnh Hồ Nam, nam giáp sông Tiêu, bắc thông với hồ Động Đình. Vì hồ có nhiều cỏ xanh (thanh thảo), nên đặt tên như vậy.
- (3) *Đế Phi* : Tương truyền Nga Hoàng và Nữ Anh là con vua Nghiêng và đều là vợ của vua Thuần ; khi vua Thuần chết, hai bà khóc thương ở vùng sông Tiêu Tương.

52

題甘露寺

ĐỀ CAM LỘ TỰ

曉 蹤 雲 煙 扣 石 扉,
 僧 房 佛 舍 俯 連 滴。
 雪 侵 兩 髮 風 吹 涼,
 重 讀 穆 陵 題 寺 詩。

Hiều nhiếp vân yên khấu ^{1*} thạch phi,
 Tảng phòng phật xá phủ liên y.
 Tuyết xám lưỡng mǎn phong suy lệ,
 Trùng độc ^{2*} Mục Lăng đề tự thi.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA CAM LỘ (¹)

Buổi sớm dâm lên khói mây, gỗ vào cửa đá,
 Tăng phòng, Phật điện nhìn xuống giòng nước lăn tăn.
 Tuyết điểm bạc hai bên mái tóc, gió thổi rơi lệ,
 Đọc lại bài thơ của Mục Lăng đề ở chùa (²).

DỊCH THƠ :

Rẽ đám mây mù gỗ trước rèm,
 Buồng tăng nhà Phật nước quanh thềm.
 Gió lay giọt lệ sương pha tóc,
 Thơ Mục Lăng xưa lại đọc lên.

Theo ĐINH VĂN CHẤP
 (Nam phong số 115 ; năm 1927)

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TYTLI : ^正 _止 khẩu.
 2* TDTT : 繼 tục.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chùa Cam Lộ: chùa rõ ở đâu.
 (2) HVTT chủ: 明宗塋穆陵 Minh Tông táng Mục Lăng: Trần Minh Tông chôn ở
 Mục Lăng.

53

舟中即事

CHU TRUNG TỨC SỰ

仕宦三朝備省官，
 蒼頭白髮未還山。
 梵香生對耳河月，
 楊惆帳煙溪峽石間。

Sĩ hoạn tam triều bị sảnh quan,
 Thương đầu bạch phát vi hoàn san.
 Phản hương tọa đối Nhị Hà nguyệt,
 Trù trưởng yên khê Hiệp Thạch gian.

DỊCH NGHĨA :

THƠ TÚC SỰ TRÊN THUYỀN

Làm quan noi cung cẩm trǎi suốt ba triều vua,
Đầu xanh đã bạc chưa được về núi.
Đốt hương ngồi ngǎm trǎng giòng sông Nhị,
Bồi hồi tưởng nhớ đến suối mây vùng Hiệp Thạch (¹).

DỊCH THƠ :

*Cung cẩm ba triều vẫn cảnh quan, .
Đầu xanh đã bạc chưa hoàn san.
Đốt hương ngồi ngǎm trǎng sông Nhị,
Mây nước quê nhà những vẫn vương.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

Bài thơ này có chép ở TDTT, TVTL1, HVTT,

CHÚ THÍCH :

(1) *Hiệp Thạch* : Tên làng tác giả, thuộc huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).

54

過安撫阮士固墳

QUÁ AN PHỦ NGUYỄN SĨ CỔ PHẦN^{1*}

蕭 千 故 竹 如 雲 ,
無 限 傷 心 安 摩 墳。
山 豈 昔 時 携 酒 地 ,
愴 忙 下 馬 正 斜 曇。

Tiêu tiêu thiên mẫu trúc như vân,
Vô hạn thương tâm An phủ phần.
Sơn thư tịch thời huè tửu địa,
Thương^{2*} mang hả mã chính tà huân.

DỊCH NGHĨA :

QUA MỘ AN PHỦ NGUYỄN SĨ CỐ (1)

Hiu hắt hàng nghìn mẫu, trúc như mây,
Trước mộ quan An phủ, lòng đau vô hạn.
Biệt thự trong núi, nơi trước kia thường mang rượu đến,
Nay băng khuêng xuống ngựa, giữa lúc bóng chiều tà.

DỊCH THƠ :

*Mây giăng ngàn dặm trúc xanh xanh,
An phủ phần trông vướng mối tình.
Nay chốn ngày xưa vui vẻ chén,
Băng khuêng xuống ngựa bóng chênh chênh.*

ĐINH VĂN CHẤP
(Nam phong số 115; năm 1927)

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 墓 mồ.

2* TDTT : 陰 âm.

CHÚ THÍCH :

(1) *Nguyễn Sĩ Cố*: chưa rõ người ở đâu. Theo ĐVS KTT, ông làm chức Thiên chương các Học sĩ đời Trần Thánh Tông (1258 - 1278); rồi chức Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ đời Trần Minh Tông (1314 - 1329).

55

登浴翠山留題

扈	蹕	鴉	頭	浦,
停	舟	水	上	岩。
鯨	波	天	上	下,
鰲	背	海	東	南。
蓬	島	連	僧	塔,
瀛	州	正	客	帆。
行	年	六	十	六,
幾	度	訪	伽	藍。

ĐĂNG DỤC THỦY SƠN LƯU ĐỀ

Hô tất Nha Đầu phố,
Đình chu thủy thượng nham.
Kinh ba thiên thượng hạ,
Ngao bối hải đông nam.
Bồng Đảo liên tầng tháp,
Doanh Châu chính khách phàm.
Hành niên lục thập lục,
Kỷ độ phong dà lam.

DỊCH NGHĨA :

LÊN NÚI DỤC THỦY (1) ĐỀ THƠ

Theo hầu vua qua bến Nha Đầu,
Đậu thuyền cạnh núi đá trên nước.
Nhìn sóng lớn (2) trên dưới đều là trời,
Lên núi cao (3) đông nam đều là biển.
Nơi Bồng Đảo (4), tháp chùa liên tiếp nhau,
Chốn Doanh Châu (5) buồm khách kéo thẳng.
Tuổi mới sáu mươi sáu,
Đã mấy lần thăm hỏi cảnh Phật.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 磐 Loan.
2* HVTT : 舍 xá.
3* : TVTL2 : 四 tú.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Núi Dục Thủy* : Phải chăng là hòn Non Nước ở tỉnh Ninh Bình, (Hà Nam Ninh) ?
(2) *Sóng lớn* : dịch chữ «kinh bạo» nguyên nghĩa là *sóng kinh*. Kinh là loại cá mập. Sóng kinh là chỉ sóng lớn.
(3) *Ngọn núi cao* : dịch chữ «Ngao bối», nguyên nghĩa là *lung con giải*. Ý tác giả muốn nói đứng trên hòn núi như đứng trên lưng con giải, bập bènh giữa biển.
(4), (5) *Bồng Đảo, Doanh Châu* : Tương truyền là những nơi thần tiên ở, trên biển Bột Hải. Tác giả mượn địa danh thần thoại này để ca ngợi núi Dục Thủy đẹp như cảnh tiên.

56 – 57

扈駕天長書事

(一)

東	京	形	勝	拱	天	符,
基	業	宏	闢	萬	世	模。
翠	浪	玉	虹	山	水	國,
碧	門	金	闕	帝	王	都。
海	城	土	貢	包	柑	橘,
天	屬	單	裝	衛	舳	艤。
大	駕	年	巡	故	宅,	
嶽	祇	川	作	前	驅,	

HỘ GIÁ THIÊN TRƯỜNG THƯ SỰ

I

Đông kinh hình thảng củng thiên phù,
Cơ nghiệp hoảng khai vạn thế mô.
Thủy lăng ngọc hồng sơn thủy quốc,
Bích môn kim khuyết đế vương đô.
Hải Thành thô cổng bao cam quất,
Thiên thuộc quân trang vê trực lô.
Đại 1* giá niên niên tuần cố trách,
Nhạc kỳ xuyên hậu tác tiền khu.

(二)

II

即	墨	都	潤	渥,
民	熙	古	平	年。
榮	河	太	重	殿;
保	口	九	丈	船。
兩	風	百	橘	國;
滿	岸	金	鰯	天。
小	城	土	鸞	輶,
依	臣	陪	隸	前。
		司		
		藍		
		袍		

Túc Mặc hành đô cõi Giản Triền,
 Dân hi ^{2*} tục cõi thái bình niên.
 Vinh ^{3*} hà thủy nhiều ^{4*} cửu trùng điện,
 Bảo khâu phong dao bách trượng
 thuyền.
 Lưỡng ngạn tân sương kim quất quốc,
 Mẫn thành tế vũ thổ hà thiên.
 Tiêu thần tuế tuế bồi loan lộ,
 Y cựu lam bào tư lệ tiền.

DỊCH NGHĨA :

GHI LẠI VIỆC HẦU VUA VỀ THIÊN TRƯỜNG (1)

I

Hình thế đẹp nơi Đông Kinh ⁽²⁾ chầu về nhà vua,
 Cơ nghiệp mở rộng quy mô muôn thuở.
 Một miền sơn thủy sóng xanh, cầu vòng ngọc,
 Kinh đô để vương cửa biếc, khuyết vàng.
 Cống phẩm của Hải Thành ⁽³⁾ gồm có cam với quýt,
 Đội quân triều đình trang bị các chiến thuyền hộ vệ.
 Xa giá nhà vua hàng năm về thăm quê cũ,
 Thần núi thần sông làm kẽ dẫn đường.

II

Hành đô Túc Mặc ⁽⁴⁾ như miền sông Giản sông Triền ⁽⁵⁾ xưa,
 Nhân dân vui vẻ, phong tục chất phác giữa những năm thái bình.
 Nước sông Vinh vây quanh tòa điện chín tầng,
 Gió cửa Bảo ⁽⁶⁾ lay động con thuyền trăm trượng.
 Sương mới hai bên bờ một vùng quit vàng,
 Mưa phùn đầy thành, một trời rươi ⁽⁷⁾.
 Kẽ hạ thần hàng năm theo hầu xe loan,
 Vẫn là viên Tư lệ ⁽⁸⁾ áo lam như cũ.

DỊCH THƠ :

I

*Hình thảng Đông Kinh hộ ấn vàng,
Muôn năm cơ nghiệp mở huy hoàng.
Sóng xanh, cầu ngọc, miền sơn thủy,
Cửa biếc cung vàng dắt đế vương.
Cam quýt ngọt tươi dâng thồ sản,
Thuyền cò hung mạnh rực quân trang.
Mỗi năm thánh giá về quê cũ,
Thần núi sông đi trước dẫn đường.*

II

*Tức Mặc hành đô cảnh lạ lùng,
Dân vui đời thịnh lại thuần phong.
Gió đưa cửa Bảo thuyền trăm trượng,
Nước diều sông Vinh điện chín trùng.
Cả xứ mưa bay ruoi trắng nõn,
Hai bờ sương xuống quýt vàng hung,
Hàng năm thần tử hồn loan giá.
Vân tẩm bào lam mãi ruổi rong.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2, TVTL3 : 天 thiên.
- 2* TVTL1 : 稀 hy.
- 2* TVTL1 : 緣 luc.
- 4* TTCGLT : 繞 水 nhiễu thủy.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thiên Trường* : quê hương nhà Trần. Năm Thiệu Long thứ ba (1260), nhà Trần đổi hương Tức Mặc làm phủ Thiên Trường ; Thiên Trường ở trong khoảng địa phận huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định. Nay là Hà Nam Ninh.
- (2) *Đông Kinh* : ở đây chỉ quê hương nhà Trần.
- (3) *Hải Thành* : Chưa rõ thuộc vùng nào.
- (4) *Tức Mặc* : Nơi đất «thang mộc», quê hương của nhà Trần, nay thuộc xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, Hà Nam Ninh.

- (5) *Giản, Triền* : Tên hai con sông ở tỉnh Hà Nam (Trung Quốc).
Thư kinh 書經 có câu: 我乃卜潤水東鑽水西 ngã nái bắc Giản thủy
đông, Triền thủy tây: ta chọn chỗ ở tại phía đông sông Giản, phía tây sông Triền. Ở đây
tác giả vi hành đô Túc Mắc như hình thể sông Giản, sông Triền dời Chu.
- (6) *Sông Vinh, cửa Bảo* : Có thể là tên một con sông và một cửa biển nào đó ở vùng Nam
Định xưa. Nay chưa rõ cụ thể nơi nào.
- (7) *Rươi* (thò hàn) : «Thò hàn» nguyên nghĩa là tóm đất. Chúng tôi dịch là «rươi» cho sát với
thò sản vùng Nam Định cũ.
- (8) *Tư lê* : Tên một chức quan đặt từ đời Chu ở Trung Quốc. Viên quan này chuyên trông
coi tội nhân, tù binh. Qua đời Đông Hán, được coi giữ một châu, uy quyền rất lớn. Đến
đời Đường thì bỏ.

58

春日應制

XUÂN NHẬT ỨNG CHẾ ^{1*}

雲	五	色	擁	宮	圍,
召	儒	臣	出	殿	壝。
乳	鳴	鳩	當	午	後,
絰	廣	廈	設	香	彝。
寢	心	帝	三	王	古,
文	體	秦	兩	漢	奇。
側	聽	先	傳	內	旨,
祈	禾	侍	定	新	儀。

Duật vận ngũ sắc ứng cung vi,
Tuyên triều Nho thần xuất diện trì ^{2*}.
Nhũ yến minh cưu đương ngọ hậu ^{3*},
Tế chiên quảng hạ thiết hương di.
Thần ^{3*} tâm Nhị đế Tam vương cỗ,
Văn thề Tiên Tần, Lưỡng Hán kỳ.
Trắc ^{4*} thính thi thần truyền nội chỉ,
Kỳ hòa ^{5*} đại xã định tân nghi ^{6*}.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN HÒA THƠ VUA ⁽¹⁾

Mây lành năm sắc phủ quanh cung cấm,
Chiếu vua truyền gọi Nhão thần đến trước thềm điện.
Sau buỗi trưa, chim yến, chim cưu kêu,
Dưới tua cờ nhỏ trong ngôi nhà rộng, đặt đỉnh hương.
Tâm lòng của vua như Nhị đế Tam vương ⁽²⁾ khi xưa,
Văn thề của Người kỳ diệu như Tiên Tần, Lưỡng Hán ⁽³⁾.
Lắng nghe thi thần truyền chiếu chỉ của nội điện,
Định nghi thức mới cho lễ đại xã ⁽⁴⁾ cầu được mùa.

DỊCH THƠ :

Năm sắc mây phong cảnh miếu đường,
 Nho thần ứng triều yết quán vương.
 Cửu ca én hót vang giờ ngọ,
 Nhà rộng cờ treo, ngát đỉnh hương.
 Nhị đế Tam vương lòng thánh thương,
 Tiên Tân, Lưỡng Hán nếp văn chương.
 Lắng nghe chiếu chỉ từ trong điện,
 Nghi thức cầu mùa hagy sửa sang.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 春 日 叙 懷 應 制 Xuân nhật tự hoài ứng chế.

2* TVTL2 : 嬌 hiếu.

3* TTCGLT : 盡 thàn :

4* TTCGLT : 例 lè.

5* TVTL2, TVTL3, HVTT : 祈 和 kỵ hòa.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hoa thơ vua* (ứng chế) : Thời xưa, có những bài thơ hoặc theo lệnh vua mà làm, hoặc họa lại thơ vua hay người bề trên. Những bài thơ đó gọi là thơ *Ứng chế*, lời lẽ thường là phô trương, tán tụng. Đầu bài thơ này, do vậy, còn có thể dịch là *Ngày xuân vâng lệnh vua làm thơ*.
- (2) *Nhị đế, Tam vương* : « Nhị đế » là chỉ vua Nghiêu 姣, vua Thuấn 翱; « Tam vương » chỉ những vua khai sáng ba triều Hạ, Thương, Chu (Vũ 武 nhà Hạ; Thang 商 nhà Thương; Văn 文, Vũ 武 nhà Chu).
- (3) *Tiên Tân, Lưỡng Hán* : Từ nhà Tân trở về trước gọi là *Tiên Tân*, nhà Tây Hán và Đông Hán được gọi chung là *Lưỡng Hán*. Người xưa xem văn *Tiên Tân, Lưỡng Hán* là văn mẫu mực cho văn các đời sau ở Trung Quốc.
- (4) *Đại xã* : Lễ tế thần hậu thổ (thần đất) để cầu được mùa.

59

遊佛跡山偶題

吟	鞭	詞	客	上	嶧	曉,
踏	徧	招	提	絕	世	囂。
松	浪	翻	風	寒	洞	口,
原	神	拖	帛	勒	山	腰。
群	峰	烟	霧	三	神	島,
萬	窺	笙	鏞	九	奏	韶。
徐	氏	怪	奇	休	說	着,
徘徊	徊	吟	罷	又	坎	簫。

DU PHẬT TÍCH SƠN NGÂU ĐỀ^{1*}

Ngâm tiên từ khách thương thiều
nghiêu,
Đạp biển^{2*} chiêu đè tuyệt thế hiêu.
Tùng lăng phiên phong hàn động
khẩu,
Nguyên thần^{3*} đà bạch lắc sơn yêu.
Quần phong yên vụ Tam Thần đảo,
Vạn khiếu sinh dung cửu tấu Thiều.
Từ thi quái kỳ hưu thuyết trước,
Bồi hồi ngâm bài hựu xuy tiêu.

DỊCH NGHĨA:

ĐI CHƠI NÚI PHẬT TÍCH⁽¹⁾, NGÂU NHIÊN ĐỀ THƠ

Ngâm nga, khách văn chương bước lên hòn núi cao chót vót,
Đạo khắp cảnh chùa, quên hẳn sự phiền nhiễu ở đời.
Gió thổi rì rùng thông thành tiếng sóng, lạnh đến cửa hang,
Thần đất đem những dải mây nhu lụa thắt vào sườn núi.
Trên các đỉnh non, mây mù phảng phất như đảo Tam Thần⁽²⁾,
Muôn hốc núi, tiếng sênh, tiếng chuông tấu chín khúc nhạc Thiều⁽³⁾.
Thôi, dừng nói chuyện quái đản về họ Từ nữa⁽⁴⁾,
Bảng khuang hết ngâm thơ lại thổi sáo.

DỊCH THƠ:

Ngâm nga thẳng tách đỉnh cheo leo,
Cánh bụi lên thăm, dứt mọi điều.
Lụa vắt sườn non, thần núi đặt,
Gió lùa cửa động, sóng thông reo.
Bầy non mây phủ, Tam Thần đảo,
Vạn hốc chuông rung chín khúc Thiều.
Chuyện la họ Từ, thổi gác bỏ,
Ngâm thơ xong lại thổi bài tiêu.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT chép đầu dè bài thơ là 遊佛跡偶題 *Du Phật Tích ngẫu dè*; TVTL2:
遊仙山偶題 *Du Tiên Sơn ngẫu dè*.
- 2* TTCGLT: 爲踏 *vì dập*.
- 3* TTCGLT, TVTL: 泉紳 *tuyễn thân*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Núi Phật Tích*: thuộc huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc).
- (2) *Đảo Tam Thần* (*Tam Thần đảo*): cũng gọi là núi Tam Thần (*Tam Thần sơn*), gồm có Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu; trong truyền đây là ba ngọn núi có tiên ở trên biển Bột Hải.
- (3) *Chín khúc nhạc Thiền* (*Cửu đầu Thiền*): tức nhạc của vua Thuấn. Vì nhạc gồm có chín khúc, nên gọi là tấu «chín khúc nhạc Thiền».
- (4) Tương truyền năm Quang Thái đời Trần, có người tên là Từ Thức ở Hóa Châu (nay thuộc Bình Trị Thiên) đến chơi chùa Phật Tích, nhận một sự tình cờ cứu được cô tiên Giáng Hương. Về sau Từ Thức kết duyên cùng Giáng Hương, sống trên cảnh tiên ở núi Phù Lai, ngoài cửa biển Thần Phù. Nhưng được mấy năm Từ Thức nhớ quê hương, từ biệt Giáng Hương. Về tới quê nhà thì đã mấy trăm năm, Từ Thức muốn trở lại cảnh tiên, nhưng quên mất đường.

60

錢字文同一諭占城國

皇	詔	九	重	頒	北	闕,
使	臣	萬	里	極	南	溟。
觀	風	錫	邇	梵	文	域,
擁	節	闔	槃	佛	誓	城。
象	騎	蛇	船	靈	聖	化,
鯨	波	鰐	霧	仰	文	明。
好	將	寸	舌	安	危	微,
早	駕	回	鞭	覲	王	京。

TIỀN VŨ VĂN ĐỒNG ^{1*} NHẤT DỤ
CHIÊM THÀNH QUỐC

Hoàng chiểu cửu trùng ban bắc
khuyết^{2*},
Sứ thần vạn lý cực nam minh.
Quan phong Tích^{3*} Mại Phạn văn vực,
Üng^{4*} tiết Đò Bàn Phật Thệ thành,
Tượng ky xà thuyền chiêm thánh hóa,
Kinh ba cụ vụ ngưỡng văn minh^{6*},
Hảo tương thốn thiệt an nguy kiếu^{7*},
Tảo giá hồi tiên cần Ngọc Kinh.

DỊCH NGHĨA :

TIÊN VŨ VĂN ĐỒNG ĐI DU CHIÊM THÀNH

Chiếu vua nơi chín trùng từ cửa bắc ban xuống,
Sứ thần đi muôn dặm, đến tận biển nam.
Xem phong hóa coi Phạn văn (1) đất Tích Mai,
Cầm cờ tiết đến thành Phật Thệ đất Đà Bàn (2).
Nơi cưỡi voi, dùng thuyền rắn, thẩm nhuần giáo hóa thánh triều,
Xứ sóng kinh, mù bão được chiêm ngưỡng văn minh.
Hãy đem tặc lưỡi đến giữ yên nguy nơi biên tái,
Sớm quay xe về triều bái Ngọc Kinh (3).

DỊCH THO' :

*Thánh hoàng ban chiếu từ phương bắc,
Sứ giả lên đường xuống biển nam.
Phong hóa thân xem miền Tích Mai.
Tiết mao cờ hướng đất Đà Bàn.
Văn minh soi tới nơi kinh, bão,
Thánh giáo đưa vào chốn rắn, voi.
Cõi hiền chiêu an nhờ tặc lưỡi,
Về chầu điện ngọc, sớm lên yên.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL3 : 驛 tur.
- 2* TVTL1, TVTL3 : 國 quốc.
- 3* TVTL1 : 揚 dương.
- 4* TVTL1, TVTL2 : 范 phạm.
- 5* TVTL1, TVTL2 : 摻 thân.
- 6* TVTL1 : 星 tinh.
- 7* TVTL2 : 敷 hịch.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phạn văn* : Chỉ một số nước dùng chữ Phạn, thuộc hệ văn hóa Ấn Độ. Văn hóa Chiêm Thành xưa cũng thuộc hệ văn hóa đó.
- (2) *Đà Bàn* : Thủ đô của Chiêm Thành xưa, nay thuộc tỉnh Bình Định.
- (3) *Ngọc kinh* : Kinh đài nhà vua.

烏江項羽廟

Ô GIANG HẠNG VŨ MIỀU

窮，曠。恨，空。老，雄。力，中。
莫重年。旦父莫山草。
事酌千一愁泣拔野。
亡爲約王東下世華。
興聊背圖江垓蓋閒。
着杯降霸暗明多在。
說一殺爭雲月幾盡。

Thuyết trước hưng vong sự mạc cùng,
Nhất bối liêu vị ^{2*} lối Trùng đồng.
Sát hàng bối trước thiên niên hận,
Tranh bá đồ vương nhất đán không.
Vân ám Giang Đông sầu phu lão,
Nguyệt minh Cai Hạ khấp anh hùng.
Kỷ đa cái thế bất sơn lực,
Tàn tai ^{3*} nhàn ^{4*} hoa dã thảo trung.

DỊCH NGHĨA:

MIẾU HÀNG VŨ (1) Ở Ô GIANG

Bản sự hưng vong, là chuyện không cùng,
Vì Trùng đồng ⁽²⁾ mà rưới một chén rượu xuống đất.
Giết kẻ đầu hàng ⁽³⁾, làm trái điều ước ⁽⁴⁾ để hận ngàn năm,
Giành nghiệp bá, mưu đồ nghiệp vương, một lúc bằng không.
Mây mù Giang Đông ⁽⁵⁾, làm rầu người già cả,
Trăng soi đất Cai Hạ ⁽⁶⁾, than khóc kẻ anh hùng.
Biết bao chi trùm đời, súc nhồ núi ⁽⁷⁾,
Đều nằm trong đám hoa dai và cỏ đồng.

DỊCH THOẠI

Bàn tôi hưng vong việc chẳng cùng,
Rượu thơm hãy iưới viếng Trung đồng.
Giết hàng, bội ước, ngàn năm hận,
Cướp bá, đồ vương, một sớm không.
Mây khuất Giang Đông, sầu phu lão,
Trăng soi Cai Hạ, khóc anh hùng.
« Bát nái trùm đời » bao chí lực,
Vui trong cỏ dai với hoa hồng.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : Chép đầu đề bài thơ là: 北使過烏江題項羽廟
Bắc sứ quá Ô Giang dề Hạng Vũ miếu.
- 2* TVTL2 : 看 khán.
- 3* VATT : 都付 dō phó.
- 4* TVTL1, TVTL2 : 月 nguyệt.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hạng Vũ* : Tức là Hạng Tịch 项籍, tên tự là Vũ, người đất Hạ Tương. Đời Tần Nhị Thế 秦二世, Hạng Vũ theo chủ là Hạng Lương 项梁 cù binh chống lại nhà Tần. Khi Hạng Lương chết, Hạng Vũ thay chủ thống lĩnh quân đội, đại phá quân Tần, tự xưng là Tây Sở Bá Vương 西楚霸王. Cuối cùng bị Lưu Bang 刘邦 vây ở Cai Hạ; Hạng Vũ muốn vượt qua bến Ô Giang (thuộc tỉnh An Huy), nhưng không được, phải tự vẫn.
- (2) *Trùng dòng* : Nguyên nghĩa là mắt có hai con người. Theo *Hạng Vũ bản kỷ* 项羽本紀 trong *Sử ký* 史記 của Tư Mã Thiên 司馬遷; Hạng Vũ là người tướng mạo dị thường, mắt có hai con người (trùng dòng). « Trùng dòng » ở đây là chỉ Hạng Vũ.
- (3) *Giết kẻ đã đầu hàng* : Chỉ việc con của Tần Thủy Hoàng 秦始皇 là Tần Tử Anh 秦子英 đã đầu hàng rồi mà Hạng Vũ vẫn cứ giết.
- (4) *Trái lời ước* : Khi Lưu Bang và Hạng Vũ cát quân đánh Tần, vua Sở có giao hẹn là hễ ai tiến vào cửa ải nhà Tần trước, người ấy sẽ làm vua. Kết quả Lưu Bang tiến vào cửa ải nhà Tần trước, và hạ được kinh đô Hàm Dương, nhưng Hạng Vũ vẫn không nghe, đem quân đánh lại Lưu Bang để giành ngôi.
- (5) *Giang Đông* : Chỉ đất Sở cũ, tức là vùng thuộc hạ lưu sông Trường Giang.
- (6) *Cai Hạ* : Thuộc huyện Linh Bích, tỉnh An Huy. Đây là nơi Hạng Vũ bị quân Lưu Bang vây hãm.
- (7) *Chi khí trùm dời, sức lực nhồ núi* : Lấy ý từ câu hát tuyệt mệnh của Hạng Vũ bên nàng Ngu Cơ 虞姬 trong đêm bị vây ở Cai Hạ. Nguyên văn câu hát như sau :

力拔山兮氣蓋世，
時不利兮離不逝。
離不逝兮可奈何，
虞兮虞兮奈若何！

Lực bạt sơn hè khí cái thế,
Thời bất lợi hè chuy bất thệ.
Chuy bất thệ hè khả nại hè !
Ngu hè Ngu hè nại nhược hè !

TẠM DỊCH :

Sức nhồ núi khí trùm dời,
Ngu chuy không chạy bởi thời không may.
Ngu sao dừng mãi thế này !
Nàng Ngu ơi ! Tình sao đây hối nàng !

按兆江路

閨雨	萬風	里師	征	衫,
雨俗	冉	驥	瘴	嵐。
地	都	善	楚	北,
丹	白	髮	雲	南。
碧	青	山	門	九,
我	朝	庭	郡	三。
剗	除	蠶	民	瘼,

ÁN THAO GIANG LỘ

Quan hà vạn lý nhất chinh sam,
Vũ bá phong sự tích chướng lam.
Tục tạp Nhiêm Bàng ^{1*} kiêm Bắc Bắc,
Địa liên Thiện Thiện dữ Văn Nam.
Đan tâm bạch phát thiên môn cửu,
Bích thủy thanh sơn biên quận tam.
Ngã vị triều đình phỏng dân mịch,
Sản trừ dố tệ ^{2*}, cách gian tham.

DỊCH NGHĨA :

ĐI KINH LÝ LỘ THAO GIANG (¹)

Quan hà vạn dặm, một chiếc áo đường trường,
Thần mưa thần gió quét chướng lam.
Phong tục nơi đây còn lẫn với Nhiêm Bàng, Bắc Bắc (²),
Đất đai tiếp giáp với Thiện Thiện và Văn Nam (³).
Lòng son, tóc bạc với chín cửa trời,
Nước biếc non xanh nơi ba biên quận.
Ta vì triều đình đến thăm hỏi sự khồ của dân,
Trừ tệ sâu mọt, diệt tệ gian tham.

DỊCH THƠ :

*Ruồi rong nghìn dặm bước quan san,
Mưa gió vì ta quét chướng lam.
Tục lẫn Nhiêm Bàng cùng Bắc Bắc,
Đất liền Thiện Thiện với Văn Nam.
Lòng son tóc trắng trời gần gũi,
Nước biếc non xanh tình chúa chan.
Ta giúp triều đình thăm kẻ khốn,
Tiêu trừ sâu mọt, diệt gian tham.*

KHẢO ĐÍNH:

1* TVTL2: 銅 駒 *dōng dū*.2* TVTL1: 卍 *tráp*.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Lô Thao Giang*: Theo VSTGCM, thì «Sông Quy Hóa còn gọi là Thao Giang, ở về phía bắc huyện Tam Nông, tỉnh Hưng Hóa». Không rõ *lô Thao Giang* ở đây có phải là vùng bao quát cả sông Thao (Thao Giang) hay không?
- (2) *Nhiêm Bàng, Bắc Bắc*: Về hai chữ «Nhiêm Bàng», VATT chú thích là: 西 南 營 Tây nam di, tức là một trong những dân tộc thiểu số ở về phía nam tỉnh Tứ Xuyên và toàn tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Còn hai chữ «Bắc Bắc» thì VATT chú thích là: 南 詔 東 «Nam chiếu đông» tức là thuộc phía tây tỉnh Vân Nam.
- (3) *Thiện Thiện, Văn Nam*: «Thiện Thiện» là tên của một trong những nước Tây Vực đời Hán, vốn xưa tên là Lâu Lan, đời Hán Chiêu Đế 漢昭帝 mới đổi tên là Thiện Thiện. Nay thuộc huyện Thiện Thiện, tỉnh Vân Nam (Vân Nam đây là tên một huyện đời xưa, nay thuộc huyện Tường Văn, tỉnh Vân Nam).

63

行郡

HÀNH QUẬN

纏	船	河	石	溯	清	波,
瀛	吏	爭	迎	旆	旆	過。
瀘	水	藩	籬	聚	聚	
文	郎	日	月	蜀	山	落,
書	車	萬	里	邊	塵	
字	窟	千	年	世	靜,	
我	幸	蒙	恩	事	多,	
驅	壤	盜	賊	制	閫,	

Nghĩ thuyền hà thạch tơ 1* thanh ba,
 Lũng 2* lại tranh nghênh sứ bái qua.
 Lô thủy phiên ly, Thao tụ lạc,
 Văn Lang nhật nguyệt Thục sơn hà.
 Thư xa 3* vạn lý biên tràn tĩnh 4*,
 Vũ trụ thiên niên thế sự da.
 Ngã hạnh mông án khai 5* chế khôn,
 Khu nhương đạo tắc, 6* túc can qua.

DỊCH NGHĨA :

BÌ KINH LÝ TRONG QUẬN

Ngược giòng sông trong, đậu thuyền ở bến đá,
 Kẻ lại coi sông giành nhau đón cờ sứ thần đi qua.
 Sông Lô là nơi phèn giật, sông Thao là nơi dân tụ họp.
 Đã từng qua ngày tháng nước Văn Lang (1), non sông vua Thục (2).
 Nay muôn dặm thống nhất (3), bụi bặm nơi biên cương đã yên tĩnh.
 Vũ trụ nghìn năm, đời có nhiều thay đổi.
 Ta may mắn đội ơn vua, mở nơi cõi ngoài,
 Xua trừ trộm cướp, dập tắt can qua.

DỊCH THƠ :

*Cắm thuyền, ngược dòng dạo lên đây,
 Đón sứ mừng cờ pháp phái bay.
 Lô thủy Thao giang phuông bản ấy,
 Văn Lang Thục quốc nước non này.
 Xa thư muôn dặm từng yên tĩnh,
 Vũ trụ ngàn năm lâm đổi thay.
 Ta đội ơn vua lên trấn thủ
 Tiêu trừ trộm cướp, dẹp binh oai.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 沔 tǔn.
- 2* TVTL1 : 龍 lóng.
- 3* TVTL3 : 江 giang.
- 4* TVTL2 : 軒書 xa thư.
- 5* TVTL2 : 靜 linh.
- 6* TVTL2 : 閣 quan.
- 7* VATT : 賊 盜 tặc đạo.
- TVTL3 : 犯 盜 kháu đạo.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Văn Lang* : tên nước ta vào thời Hùng Vương 雄王.
- (2) *Vua Thục* : đây chỉ Thục An Dương Vương 蜀安陽王. Sau khi chiếm được Văn Lang, An Dương Vương đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay là vùng Cố Loa, huyện Đông Anh, thuộc ngoại thành Hà Nội).
- (3) *Thông nhất* : dịch thoát chữ «xa-thư». Nguyên sách *Trung dung* 中庸 có câu: 軒同軌書 同文 xa đồng quỹ, thư đồng văn : Xe cùng một cõi trục, sách cùng một lối chữ. Chỉ sự thống nhất về văn hóa.

64

巡視真登州

天奇徼國池星欲搏	開絕外西焉似上風	地茲百鉅地壇萬	闢遊鑿鎮塹巖里	江我環壯石塔訪快	路，未壘，登壁，登圓，飛鵬。
----------	----------	---------	---------	----------	----------------

TUẦN THỊ CHÂN ĐĂNG CHÂU^{1*}

Thiên khai địa tịch Tam Giang lộ,
Kỳ tuyệt tư du ngã vị tầng.
Kiều ngoại bách man hoàn cồ lũy,
Quốc tây cư trấn tráng Chân Đăng.
Trì^{2*} vi địa tạm, thạch thành bích,
Óc tự tăng sào^{3*}, tháp đậu đăng^{4*}.
Dục thường Côn Luân phỏng Huyền
Phố,
Đoàn phong vạn lý khoái phi băng.

DỊCH NGHĨA:

TUẦN TRA CHÂU CHÂN ĐĂNG⁽¹⁾

Trời đất mở ra lộ Tam Giang⁽²⁾,
Ta chưa từng đi chơi tuyệt lạ như lần này.
Ngoài biên tái, những cồ lũy bao quanh trăm tộc man⁽³⁾,
Châu Chân Đăng to lớn, phía tây đất nước.
Ao làm hào đất, đá làm tường thành,
Nhà như chòi⁽⁴⁾, tháp như áu liền.
Muốn lên núi Côn Luân⁽⁵⁾ thăm cảnh Huyền Phố⁽⁶⁾,
Cưỡi gió vạn dặm như chim băng bay vút.

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 紀行 *kỷ hành*.

2* TVTL1, TVTL3 : 參 tham.

3* TVTL1 : 檻模 *lỗ sào*.4* TVTL2 : 塊 *dǎng*.

CHÚ THÍCH :

(1) Châu Chân Đăng : tương đương với lộ Quy Hóa và có lẽ cả lộ Tuyên Hóa vào đời Trần (theo ĐNVNQCD).

(2) Tam Giang lộ : Tức trấn Tam Giang (nằm ở khoảng giữa sông Hồng, sông Đà, và sông Lô). Trấn Tam Giang thuộc Tây đạo. Tây đạo gồm các trấn : Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Gia Hưng.

- (3) *Trăm tộc man* (bách man) : chỉ những dân tộc ít người.
- (4) *Chòi* : Nguyên đội Thượng cổ, khi con người chưa biết làm nhà để ở, mỗi khi mùa hè đến, người ta thường lấy cùi xếp cao lên để ở trên đó cho mát, tựa như tổ chim vậy đó chính là « tảng sào ». Ở đây dịch là « chòi » cho dễ hiểu.
- (5), (6) *Côn Luân, Huyền Phố* : 崑崙, 玄浦 có hai cách hiểu :
- a/ Côn Luân là tên một dãy núi lớn ở Trung Quốc. Tương truyền rằng trên núi Côn Luân có đỉnh Huyền Phố là nơi thần tiên ở.
- b/ Côn Luân : Tức Loa Thành ở xã Cổ Loa, huyện Yên Phong, xưa gọi là Phong Khê, kinh đô của An Dương Vương. Người nhà Đường gọi là Côn Luân.
- Chúng tôi thấy chủ thích a hợp với nội dung của bài thơ hơn, chủ thích b để bạn đọc tham khảo thêm.

65

題諸葛石

ĐỀ GIA CÁT THẠCH

風	吹	玉	節	向	封	溪,	Phong xuy ngọc tiết hướng ^{1*}
滿	袖	天	香	捧	紫	泥。	Mẫn tụ thiền hương phủng tử nê.
諸	葛	鉄	聲	三	帶	震,	Gia Cát hồng ^{2*} thanh tam đới chấn,
傘	圓	山	色	九	霄	鬢。	Tản Viên sơn sắc cửu tiêu tè.
人	從	鳳	閣	鸞	臺	上,	Nhân tòng phượng các loan đài thượng,
地	入	蛇	鄉	虎	落	西。	Địa nhập xà hương hồ lạc tè (tây).
萬	里	不	違	顏	咫	尺,	Vạn lý bất vi nhan chỉ xích,
奉	宣	帝	德	浹	黔	黎。	Phụng tuyên đế đức thiếp kiềm ^{3*} lê.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ ĐÁ GIA CÁT⁽¹⁾

Gió thổi cái tiết bằng ngọc⁽²⁾, đến thăm đất Phong Khê⁽³⁾;
 Nâng tờ chiếu « tử nê »⁽⁴⁾, hương trời đầy tay áo.
 Tiếng hang Gia Cát chấn động ba giải đất,
 Sắc núi Tản Viên sánh ngang với chín tầng mây.
 Người thì đến từ trên gác phượng đài loan,
 Đất thì vào tới phía tây của hang hùm xóm rắn.
 Dù muôn dặm chẳng cách xa thiên nhan là mấy,
 Vàng đem đức chính nhà vua tôi cho dân đen.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 問 *vân*.
 2* TVTL2 : 烏 *khê*.
 3* TVTL1 : 眇 *kính*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đá Gia Cát* (Gia Cát thạch) : Chưa rõ ở đâu. Cũng như hang Gia Cát (Gia Cát hồng) nói phía dưới, không rõ ở địa phận nào. Có điều là trong bài thơ này, tác giả nói mình đang tới Phong Khê. Vậy «đá Gia Cát» cũng như «hang Gia Cát» có lẽ thuộc vào vùng đất Phong Khê chăng?
- (2) *Ngọc tiết* : Cái tiết bằng ngọc.
Chu Lễ có câu : 守邦國者用玉節. Thủ bang quốc giả dung ngọc tiết : Kẻ giữ
 noi biển giới dùng ngọc tiết. Về sau các sứ thần thường cầm một vật bằng ngọc do triều
 đình trao cho để làm tin gọi là «Ngọc tiết».
- (3) *Phong Khê* : theo VSTGCM, Phong Khê ở vào huyện Đông Anh (thuộc vùng ngoại thành
 Hà Nội ngày nay).
- (4) *Tử né* : TTGCLT chủ thích : 漢時舊儀, 天子六壘, 皆以武都紫泥封
 為之. Hán thời cũ nghi, Thiên tử lục bùn, đều lấy bùn đỏ ở Vũ Đô phong lại mà
 thành. Theo *Tử nguyên*, Tử né là dấu ấn trên bùn. Người xưa dùng bùn để phong những
 bức thư lại, rồi lấy ấn in lên. Các bậc tôn quý thì dùng bùn đỏ (tử né) để phong những
 bức thư lại. Trong bài thơ này, «Tử né» là chỉ tờ chiếu của nhà vua.

66 – 67

登天奇山留題

ĐĂNG THIÊN KỲ SƠN LUU ĐỀ ^{1*}

其一

東	潮	多	有	好	江	山	,
苦	戀	明	時	敢	乞	閑	.
綠	暗	鶴	田	今	再	到	,
雲	深	龍	御	杳	難	攀	.
風	軒	水	檻	蒼	苔	古	,
竹	徑	華	石	錦	石	班	.
曾	是	先	遊	遊	賞	地	,
春	來	愁	皇	最	相	闕	.

Kỳ nhất

Đông Triều ^{2*} đa hữu hảo giang san,
 Khô luyến minh thời cảm ^{3*} khát nhàn.
 Lục ấm hạc điền kim tái đáo,
 Vân thâm ^{4*} long ngụ ^{5*} liều ^{6*} nan phan.
 Phong hiên thủy hạm thương dài cõ,
 Trúc kinh hoa hè ^{7*} cầm thạch ban.
 Tăng thị tiên hoàng du thưởng địa,
 Xuân lai sâu tú tối tương quan.

其二

長此昔滿山水伏孝	楊地日村園匯外思	奏曾池華安茶萬夫	賦陪臺鳥野江屯子	謝玉今恨晴自春正	無輦尚難嵐浪似朝	能，登。在，勝。露，層。錦，陵。
----------	----------	----------	----------	----------	----------	------------------

Kỳ nhì

Trường Dương tấu phú tạ vô năng,
Thứ địa tăng bồi ngọc liên đăng.
Tích nhật trì dài kim thương tại,
Mãn thôn hoa điêu hận nan thăng.
Sơn vi An Dã tình lam ái,
Thủy hối Trà Giang bạch lăng tăng.
Phục ngoại vạn đồn xuân tự cầm,
Hiếu tư Thiên tử chinh triều lăng.

DỊCH NGHĨA:

LÊN NÚI THIÊN KỲ⁽¹⁾ ĐỂ THƠ LƯU NIỆM

Bài thứ nhất

Đông Triều⁽²⁾ có nhiều núi sông đẹp,
Luyến tiếc triều vua sáng suốt chẳng dám xin về sống nhàn.
Màu xanh che mộng chim hạc⁽³⁾, nay lại đến thăm,
Mây phủ kín noi rồng ngự, thật khó mà vin tời.
Hiên hồng gió, lan can bên giòng nước, rêu xanh mọc tự bao giờ,
Lối trúc đường hoa, đá cầm thạch in màu loang lỗ.
Đây chính là đất du thường của tiên hoàng,
Xuân về với nỗi buồn thường có mối liên quan.

Bài thứ hai

Xin từ tạ không có tài dâng bài phú Trường Dương⁽⁴⁾,
Đã từng theo hầu xe ngọc⁽⁵⁾ lên thăm đất này.
Ao dài ngày trước nay còn đây,
Hoa, chim khắp xóm thôn, mối sầu khôn xiết.
Núi vây quanh An Dã⁽⁶⁾; hơi bốc lên nghi ngút,
Nước chảy dồn về Trà Giang⁽⁷⁾ làn sóng bạc địệp trùng.
Nắp bên ngoài hàng vạn đồn binh, vẻ xuân tựa gấm,
Chính lúc Thiên tử nghĩ về đạo hiếu, đang triều yết nơi lăng tâm.

DỊCH THƠ :

Bài thứ nhất

Đông Triều sông núi đẹp cơ man,
Mến buổi anh minh, lợ dám nhàn.
Ruộng hạc cây xanh nay lại đến,
Xe rồng mây khuất, khó đường lên.
Luống hoa, đá gấm đà loang lồ,
Hiên gió, rêu xanh đã phủ tràn.
Đây chốn tiên hoàng thường thăng thường,
Xuân về, sầu cảm lại liên quan.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* Nguyên chú của TTCGLT: 此首先於南交志,乃明人所錄,多有不同,今皆傍寫以備參考. Thủ thủ tiên ư Nam giao chí, nǎi Minh nhân sở lục, đa hữu bất đồng, kim giai bằng tà dĩ bị tham khảo: Bài thơ này đầu tiên thấy chép ở sách «Nam giao chí», người Minh chép phần nhiều không thống nhất, nay đều chép ra bên cạnh để tham khảo thêm.

2* TVTL2: 州 chau.

3* TTCGLT: 虛名 嘉 hư danh lâm.

4* TTCGLT: 讓 già.

5* HVT: 駁 ngay.

6* TTCGLT: 查 tra.

7* TTCGLT: 溪 khê.

CHÚ THÍCH :

- (1) Núi Thiên Kỳ : Theo ANC, quyển I, mục Sơn Xuyên, núi Thiên Kỳ ở châu Đông Triều, cùng với núi Yên Tử... đều là những nơi có nhiều cảnh đẹp.
- (2) Đông Triều : Châu Đông Triều gồm có các huyện Đông Triều, Cồ Phi, An Lão, Thủy Đường (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh).
- (3) Ruộng chim hạc (hạc điền) : Chưa rõ là ruộng gì. Bd. HVTVT chú thích là : ruộng nhà.
- (4) Trường Dương : Tên một cung điện ở tỉnh Thiểm Tây. Đây vốn là cung cũ của nhà Tần, nhà Hán sửa chữa lại. Dương Hùng 陽 雄 có làm bài Trường Dương phú 長 楊賦 để ca ngợi công trình kiến trúc này.
- (5) Xe ngọc (ngọc liễn) : Chỉ xe vua.
- (6) An Dã : Chưa rõ ở đâu.
- (7) Trà Giang : Cũng chưa rõ ở đâu.

題峽山抱福巖

ĐỀ HIỆP SƠN BẢO PHÚC NHAM

抱 福 洞 天 滄 海 頭,
茲 因 公 暇 得 閑 遊。
方 壺 圓 嶠 雲 中 出,
紫 府 清 都 水 上 淳。
宇 留 觀 谷 曰 ,
江 山 氣 白 藤 秋。
題 參 啟 葛 仙 伯,
分 我 青 山 一 半 不 ?

Bảo Phúc động thiên thương hải đầu,
Tư nhân công hạ đặc nhàn du.
Phương Hồ, Viên Kiệu vân trung xuất,
Tử Phủ, Thanh Đô thủy thương phù.
Vũ trụ kỳ quan Dương Cốc nhật.
Giang sơn thanh khi Bạch Đằng thu,
Đề thi tham ^{1*} văn Cát Tiên bá,
Phản ngã thanh sơn nhất bán phẫu?

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ ĐỘNG BẢO PHÚC (1) Ở HUYỆN HIỆP SƠN.

Động Bảo Phúc ở đầu biển xanh,
Nhân rảnh việc công được đi chơi thong thả.
Núi Phương Hồ, Viên Kiệu (2), hiện ra trong mây,
Chốn Tử Phủ, Thanh Đô (3) nổi trên mặt nước.
Kỳ quan của vũ trụ hiện ra lúc mặt trời mọc ở Dương Cốc (4),
Thanh khi của non sông thấy rõ khi mùa thu tới trên Bạch Đằng.
Đề thơ ướm hỏi bác Cát Tiên (5),
Chia cho ta nửa dãy núi xanh này chăng?

KHẢO ĐÍNH:

1* TVTL2: 爲 vi.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Động Bảo Phúc*: ở vào xã An Khánh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- (2) *Huyện Hiệp Sơn*: còn gọi là Giáp Sơn, thuộc phủ Tân Hưng, trấn Hải Dương đời Trần (thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Hưng ngày nay).
- (3) *Phương Hồ, Viên Kiệu*: theo sách *Liệt tử* 卷 3, thì đây là tên hai quả núi có thần tiên ô, trên biển Bột Hải.
- (4) *Tử Phủ, Thanh Đô*: nơi ở của Thiên đế. Trong các câu thơ 3 và 4 này, tác giả đều dùng những địa danh tượng trưng để tả vẻ đẹp thần tiên của động Bảo Phúc.

- (5) *Hang Dương Cốc*: theo *Nghiêu diên, Thư kinh* 翁典,書經 thì hang Dương Cốc là nơi mặt trời mọc.

Theo LTHCLC tập 1: *Núi Kinh Chủ* ở huyện Giáp Sơn có một tên nữa gọi là núi Quận Châu. Trong núi có hang sâu trông lên thấy trời gọi là Dương Cốc. Phạm Sư Mạnh có câu:

Vũ trụ kỳ quan Dương Cốc nhất.

Giang sơn vượng khí Bạch Đằng thu.

Nghĩa là:

Mặt trời chiếu vào hang Dương Cốc là cảnh lạ trong bầu trời.

Khi thiêng của non sông tự cả ở sông Bạch Đằng.

Chúng tôi thấy câu thơ trích ở trên có khác chút ít với câu thơ trong bài. Xin chép nguyên văn để bạn đọc tham khảo,

- (6) *Cát Tiên*: tức Cát Hồng 葛洪, một đạo sĩ nổi tiếng sống vào đời Tấn.

69

關北

QUAN BẮC

奉	詔	單	行	不	敢	留
青	油	幢	下	握	吳	鉤。
關	山	老	鼠	谷	淒	瀨,
兩	雪	上	熬	嵐	祿	州。
鐵	馬	東	西	催	鼓	角,
牙	旗	左	右	肅	貔	貅。
平	生	二	十	安	邊	策,
一	寸	丹	衷	映	白	頭。

Phụng chiếu quân hành bắt cảm lưu,
Thanh du chàng hạ ác ngô câu.
Quan sơn Lão Thủ, cốc Lâu Lại,
Vũ tuyết Thượng Ngao lam Lộc Châu.
Thiết mã đồng tây thôi cồ giốc,
Nha kỳ tả hữu túc tì hưu.
Bình sinh nhị thập an biên sách,
Nhất thốn đan trung ^{1*} ánh ^{2*} bạch đầu.

DỊCH NGHĨA :

PHÍA BẮC CỦA ẢI

Vâng theo chiếu chỉ, quân đi chẳng dám dừng lại,
Dưới chiếc lọng quang đầu màu xanh, nắm thanh kiếm Ngô Câu ⁽¹⁾.
Quan ải có Lão Thủ ⁽²⁾, hang có Lâu Lại ⁽³⁾,
Mưa tuyết có đỉnh Thượng Ngao ⁽⁴⁾ lam churong có đất Lộc Châu ⁽⁵⁾.
Ngựa sắt đồng, tây ; trống kèn giục giã,
Hàng cờ tả, hữu ; hùm gấu nghiêm trang ⁽⁶⁾.
Bình sinh với hai mươi sách lược võ yên biên giới,
Một tấc lòng trung son sắt ánh lên mái đầu bạc.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL2 : 心 *tâm*,
2* TVTL1, TVTL3 : 照 *chiếu*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Ngô câu* : Tên một loại gươm báu đời xưa, chế tạo tại nước Ngô.
- (2) *Lão Thủ* : Theo chủ thích ở bài thơ *An Nam tức sự* 安南即事 trong *Giao Châu cảo* 交州稿 của Trần Phu 陳孚 thì « Từ Khâu Ôn đi về phía đông nam chừng mươi mấy dặm, rồi trèo đèo vượt núi đi về hướng tây + nam (...) nơi đó gọi là Lão Thủ quan ». Như vậy Lão Thủ quan ở về phía nam huyện Khâu Ôn, thuộc tỉnh Lạng Sơn.
- (3), (4) *Hang Lâu Lai, đinh Thượng Ngao* : Chưa biết đích xác là ở vùng nào của tỉnh Lạng Sơn.
- (5) *Lộc Châu* : Trong khoảng địa phận huyện Lộc Bình, thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay.
- (6) Chỉ quân đội mạnh mẽ, nghiêm trang.

70

題東潮華巖

ĐỀ ĐÔNG TRIỀU HOA NHAM

挿	翠	色	玉	芙蓉	蓉,
勝	千	年	海	都	雄。
竹	華	陰	青	障	寺;
神	影	鬼	白	雲	宮。
北	劍	刻	排	霜	戟;
南	萬	刲	湧	玉	虹。
日	春	江	高	望	處,
山	杖	藜	滿	胸	中。
	秀	氣			

Sáp thiên thủy sắc ngọc phù dung,
Thắng cảnh thiên niên hải quận hùng.
Trúc ảnh hoa âm thanh chướng ^{1*} tư,
Thần ngoan quý khắc bạch vân cung.
Bắc hồi Vạn Kiếp ^{2*} bài sương kích,
Nam bả Xuân Giang dũng ngọc hồng.
Nhật mờ trượng ^{3*} lê cao vọng xứ,
Sơn xuyên tú khí mãn hung trung.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ THƠ NÚI HOA NHAM (¹), ĐÔNG TRIỀU

Màn thủy chọc trời đóa hoa sen ngọc,
Thắng cảnh ngàn năm là một hùng trấn ở ven biển.
Ngôi chùa tựa bức bình phong xanh lấp bóng hoa trúc,
Tòa điện mây trắng dày nét chạm qui thần.

Ngoảnh về phương bắc : Vạn Kiếp bày như ngọn kích dưới sương.
Nhìn về phương nam : Xuân Giang tung sóng như cầu vồng ngọc.
Chiều chiều chống gậy lên ngắm cảnh,
Tinh hoa sông núi tràn đầy lòng ngực (?)

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 爨 chướng.

2* TVTL2 : 頸 lĩnh.

3* TVTL2 : 扶 phù.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hoa Nham* : theo ANC chú thích : 華巖在東潮縣, 寬五丈餘, 純一師
法脫形于此。Hoa Nham tại Đông Triều huyện, khoan ngũ tượng dư, Thuần Nhất
sư pháp thoát hình vu thủ : Núi Hoa Nham ở tại huyện Đông Triều, rộng ước chừng
hơn năm trượng. Nhà sư Thuần Nhất thoát hình ở đây.
- (2) Bài thơ này, mục Nham động, ANC 石洞, 安南志 cho là của Phạm Quát nhưng
các bản TVTL đều cho là của Phạm Sư Mạnh.

71

諒山道中

LẠNG SƠN 1* ĐẠO TRUNG

秦朔千萬宇	總方重里	兵有雲天	權事擁迴揮	登敢丘公	將辭門母	壇，難。	壇，
關斯挈	留山行取	指掃不綠	蕩用州	欲初中	欲初中	驛，山。	驛，山。

Thiêm tòng binh quyền đăng tướng
dàn,
Sóc phương hữu sự cảm từ nan.
Thiên trùng vận ứng Khâu Môn ^{2*}
dịch,
Vạn lý thiên hời Công Mẫu san.
Vũ trụ chỉ huy kỳ đục động,
Quan san ^{3*} tảo đăng giốc sơ hàn.
Tư ^{4*} hành bất dụng phiền trung vật,
Khiết thủ Lộc Châu chư động san !

DỊCH NGHĨA:

TRÊN ĐƯỜNG LẠNG SƠN

Thẹn mình giữ chức tòng binh bước lên dài tướng,
 Phương bắc có biến, đâu dám từ chối khó khăn.
 Mây ngàn trùng hộ vệ cửa Khâu Ôn (1),
 Trời vạn dặm quay về núi Công Mẫu (2).
 Chỉ huy vũ trụ, ngọn cờ sắp phất lên,
 Quét dọn quan san, tiếng tù và bắt đầu lạnh.
 Chuyến đi này không dùng đồ vật các bản,
 Mà lấy ngay từ các động ở Lộc Châu (3).

KHẢO ĐÍNH:

- 1* TTCGLT 關 北 *quan bắc*.
- 2* Ngờ đây là chữ 溫 ôn chép lầm.
- 3* TVTL3 河 hà.
- 4* TTCGLT 此 thử.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Khâu Ôn*: Trong khoảng địa phận huyện Ôn Châu thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay, nằm dọc theo đường xe lửa và đường quốc lộ từ Lạng Sơn đến Đồng Mô.
- (2) *Công Mẫu*: Tức núi «Ông Mụ» nằm trong khoảng địa phận huyện Lộc Bình thuộc tỉnh Lạng Sơn.
- (3) *Lộc Châu*: Trong khoảng huyện Lộc Bình, Lạng Sơn.

72

三清洞

控石地天帝仙處偏	帶鳥分設所池邊佐	七疆南神清禹軍輕	聯水金洞纏四因總	上焉湯府咫周登握	懿豪險高遭覽刀。
----------	----------	----------	----------	----------	----------

TAM THANH ĐỘNG

Khổng đài Thất Tuyền 1* liên Thượng
 Ngao,
 Thạch vi cương giới thủy vi hào.
 Địa phân nam bắc kim thang hiêm 2*,
 Thiên thiết thần tiên động phủ 3* cao.
 Đề Sở Thanh Đô tài chỉ xích,
 Tiên Tri Vũ Huyết tú chu tao.
 Xử biên quán tế nhân đăng lâm,
 Thiên tà khinh hành tông ác đào.

DỊCH NGHĨA

BỘNG TAM THANH (1)

KHẢO ĐÍNH:

- 1★ TTCGLT : 原 *nguyên*.
 2★ TTCGLT, TVTLI : 圆 *cô*.
 3★ TTCGLT : 府 *phủ* 洞 *dòng*.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Đông Tam Thành*: Ca dao có câu:

*Đồng Đặng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh.*

- Động Tam Thánh, chùa Tam Thanh thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(2) *Thất Tuyền* : theo LTHCLC, Thất Tuyền là một châu của phủ Trường Khánh, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(3) *Thượng Ngao* : chưa tra cứu được. Có thể là một địa danh thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(4) *Thành bằng sắt, hào nước sói* (kim thành thang trì) : *Hán Thu* 漢書 có câu 皆 為 金
城 湯 池 不 可 攻 也. Giai vị kim thành thang trì bất khả công dã : Điều là thành
vàng ao nóng không thể đánh được. «Vàng» ở đây ý nói kiên cố ; «nóng» ở đây ý nói
không thể gần được.

(5) *Đế Sở, Thành Đô* : Nơi ở của vua nhà Trời.

(6) *Huyết Vũ* (Vũ huyết) : theo *Thủy kinh chú* 水經注 trên núi Cối Kê có miếu thờ
vua Vũ ; phía đông núi có giếng sâu, dù không thấy đáy, tức là huyết mai táng vua Vũ.
Tác giả mượn diễn này để tả cảnh hào sâu quanh động Tam Thanh.

73

上整

偏	小	擁	轄	門
左	弓	右	屬	鞬
萬	千	巡	界	首
高	大	照	立	溫
關	險	明	經	畫
溪	蕃	廣	撫	存
白	屏	危	制	置
一	州	塞	乾	坤
	赤			
	襟			

THƯỢNG NGAO

Thiên ty^{1*} tiều hiệu^{2*} ứng viên^{3*} mòn,
 Tả ác cung^{4*} đao hữu thuộc kiên.
 Vạn mã^{5*} thiện binh tuần giới thủ,
 Cao nha đại đạo chiếu Khâu Ôn.
 Quan sơn hiểm yếu minh kinh hoạch,
 Khê giản^{6*} phiên bình^{7*}, quảng phủ^{8*} tồn.
 Bạch thủ Lạng Châu nguy^{8*} chế tri,
 Nhất khâm trung xích tắc càn khôn.

DỊCH NGHĨA :

THƯỢNG NGAO

Các tướng tá cùng hộ vệ cửa quân (1),
 Bên trái cầm cung đao, bên phải mang túi tên.
 Muôn ngựa nghìn binh tuần hành đầu biên giới,
 Cờ, bài uy nghiêm rực chiếu đất Khâu Ôn (2).
 Núi non hiểm trở, kế hoạch phải rõ,
 Bản mường ở suối khe phải được quan tâm nhiều.
 Bạc đầu trong việc sắp đặt khó khăn ở Lạng Châu,
 Một tấm lòng (3) trung, đỏ thắm che cả đất trời.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 神 *thần*.
- 2* TVTL2 : 積 *viên*.
- 3* TVTL2 : 軒 *hiên*.
- 4* TVTL2 : 方 *phương*.
- 5* TTGTT : 里 *lý*.
- 6* TTGTT, TVTL1 : 洞 *dòng*.
- 7* TVTL2 : 矢 *di*.
- 8* TTGTT : 菴 *phạm*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Cửa quân* (viên môn) : Ngày xưa, khi đóng quân, người ta dàn xe ra hai bên, khoảng giữa hai hàng xe gọi là «vien môn». Ở đây dịch là «cửa quân» cho dễ hiểu.
- (2) *Khẩu Ôn* : Một thành quan trọng thuộc Lạng Sơn, thường có đóng quân canh giữ.
- (3) *Một tấm lòng* : Nguyên văn là «nhất khâm». «Khâm» là phần áo trước ngực, còn để chỉ tấm lòng.

74

桃榔道中

QUANG LANG ĐẠO TRUNG

日	照	鞍	暎	鞭,
西	征	轡	翻	翻。
百	旗	瘴	榔	洞,
九	萬	盤	灘	泉。
兵	千	形	聖	略,
蠻	十	落	窮	邊。
試	勢	護	經	手,
草	鄉	戎	綸	篇。
	將			—
	寫			
	平			

Nhật chiếu chinh an nguyệt^{1*} ánh tiên,
 Tây phong kỳ xi chính phiên phiên.
 Bách thiên vạn chướng Quang Lang
 động,
 Cửu thập tam bàn Lâu Lại tuyền.
 Bình thế quân hình tuân thánh lược,
 Man hương phiên lạc hộ^{2*} cùng biển.
 Thi tương lang miếu kinh luân thủ,
 Thảo tả bình nhung đệ nhất thiên.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN ĐƯỜNG ĐI QUANG LANG (¹)

Mặt trời soi yên ngựa trường chinh, mặt trăng ánh lên roi ngựa,
 Cờ xi đang tung bay trước gió tây.
 Động Quang Lang trăm nghìn vạn lần lam chướng,
 Suối Lâu Lại chín mươi ba khúc quanh co.
 Bình thế, quân hình theo sách lược của Thánh thượng,
 Những thôn Mường xóm Mán, bảo vệ nơi biên giới xa xăm.
 Thủ đem bàn tay sắp đặt (²) của triều đình,
 Mà tháo ra thiên thứ nhất của sách bình Tây (³).

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 日 nhật.

2* VTTL2 : 訪 phỏng.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Quang Lang* : Nguyên là tên một châu đời Lý, đến đời Trần đổi ra huyện Khâu Ôn (tức là huyện Ôn Châu).
- (2) *Sắp đặt* : Nguyên văn là *Kinh luân*. *Kinh* là sợi dọc của tấm vải, *luân* là sợi ngang tấm vải. Sau *Kinh luân* được dùng chỉ công việc sắp đặt về chính trị.
- (3) *Bình Tây* : Tức *bình nhung*, theo sách *Kinh Lễ*, «Bình Tây» tức đề chỉ phía tây tờ quốc.

75

支陵洞

CHI LĂNG ĐỘNG

千	巡	邊	殷	鼓	鼙	鼙
蕃	蠻	寨	一	鼈	雞	雞
潤	南	北	紅	旗	轉	轉
軍	後	前	青	兜	啼	啼
邊	瀨	深	於	井	底	底
支	陵	險	與	天	齊	齊
臨	風	高	馬	回	首	首
禁	關	嶺	曉	氣	西	西

Thiên lý tuần biên ầm cồ bề,
Phiên thành man trại nhất ê kê.
Giản nam giản bắc hồng kỳ chuyền,
Quân hậu quân tiền thanh chuyền đề^{1*}.
Lâu Lại cốc thâm ư^{2*} tĩnh đề,
Chi Lăng^{3*} quan hiêm dữ thiên tề.
Lâu phong bạt mã cao hời thủ,
Cẩm khuyết thiều^{4*} nghiêng vận khí tê.

DỊCH NGHĨA :

ĐỘNG CHI LĂNG (¹)

Đi nghìn dặm tuần tra biên giới, trống trận vang ầm,
Thành Phiên, trại Mán bé bằng con sâu (²).
Phía nam, phía bắc giòng suối, cờ hồng lay động,
Đằng trước, đằng sau đội quân, trâu rừng rống vang.
Hang Lâu Lại (³) sâu hơn đáy giếng,
Ái Chi Lăng hiêm hẳng lên trời.
Trước gió ghi cương ngựa, lên cao ngoảnh đầu nhìn,
Cửa khuyết cao chót vót ở tầng mây phía tây.

DỊCH THƠ :

Nỗi trống tuần biên bước dặm ngàn,
Xem tây trùng nhỏ khóm Phiên, Man.

Quạt cờ đồng đội che đầu núi,
Gầm thét ba quân kéo một đoàn.
Lâu Lại hang sâu dò khó tới,
Chi Lăng cửa hiềm vượt khôn toan.
Ngựa dong trước gió nghiêng đầu ngǎm,
Cung khuyết mây dài lúc rợp tan.

ĐỊNH VĂN CHẤP

KHẢO ĐÍNH:

- 1* TTCGLT: 蹄 dè.
- 2* TTCGLT: 真 chân.
- 3* HVTT: 棱 lăng.
- 4* HVTT: 岩 nham.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Động Chi Lăng*: Có thể ở vào huyện Chi Lăng trong khoảng địa phận với huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Về thời gian sáng tác bài thơ này, HVTT chư thích như sau: 蓋為諒江鎮經略時依 Cái vị Lạng Giang trấn Kinh lược thời tác: *Có lẽ làm khi đang giữ chức Kinh lược trấn Lạng Giang.*
- (2) *Con sâu*: Nguyên văn là con bọ dấm (ê kê). Sách Trang tử 莊子 có câu: 爾之於道也, 其猶醯雞歟? Khâu chí ư đạo dã, kỳ do ê kê dư?: *Cái đạo của Không Tự có lẽ cũng bé như con bọ dấm chăng?* Chữ «Con bọ dấm» trong bài thơ trên dùng với ý nghĩa là thành Phiên trại Mán bé nhỏ không đáng kể. Ở đây, chúng tôi dịch là *con sâu* cho dễ hiểu.
- (3) *Lâu Lại*: Một địa danh ở vùng Lạng Sơn.

76

題報天塔

ĐỀ 1* BÁO THIÊN THÁP

鎮	東	西	鞏	帝	畿
歸	一	塔	獨	魏	。
山	不	動	擎	天	柱
今	難	磨	立	地	錐
風	擺	鈴	時	應	答
星	移	燭	夜	光	輝
我	來	欲	題	名	筆
管	領	此	作	硯	池

Trấn áp động tây củng đế kỳ 2*,
Khuy nhiên nhất tháp độc nguy nguy.
Sơn hà bất động kình thiên trụ 3*,
Kim cồ nan ma lập 4* địa chùy 5*.
Phong bãi chung linh thời ứng đáp,
Tinh di đăng chúc dạ quang huy.
Ngã lai dục thủ 6* đề danh 7* bút,
Quán lĩnh xuân giang tác nghiên trì.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ THÁP BÁO THIÊN

Trần áp đồng tây, giữ vững Kinh kỳ nhà vua,
 Tháp đứng sừng sững cao trội hẳn lên.
 Non sông vững chắc, nhờ cột chống trời,
 Kim cỗ khó mòn, cái dùi dựng trên đất.
 Gió thổi vào chuông, thường phát ra những âm thanh ứng đáp nhau,
 Sao đồi ngói tựa đèn đuốc, làm đêm rực sáng.
 Ta tới đây muốn dầm ngọn bút đề thơ nơi danh thắng,
 Giữ cả giòng sông xuân làm nghiên mực.

DỊCH THƠ :

*Trần áp đồng tây giữ đê đồ,
 Hiện ngang ngọn tháp đứng trời trời.
 Non sông vững chãi tay trời chống,
 Kim cỗ khôn mòn đinh tháp nhô.
 Thỉnh thoảng gió lay chuông ứng đáp,
 Đêm đêm sao xé đuốc khôn mờ.
 Tới đây những muốn dầm ngòi bút,
 Chiếm cả giòng sông mài mực thơ.*

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : không có chữ 题 đề.
- 2* TVTL1 : 斤 kỵ.
- 3* TVTL2 : 手 thủ.
- 4* TVTL2 : 立 khâu (cũng đọc là kỵ).
- 5* Chúng tôi ngờ chữ này là chữ duy 維 .Sử ký có câu : «Thiên trụ chiết, địa duy khuyết».
- 6* TVTL2 : 此 thử.
- 7* VATT chú : 名一作詩 Danh nhất tác thi : Chữ danh có bản chép là chữ thi.
- 8* TVTL2 : 風 phong.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tháp Báo Thiên* : Ở phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương thành Thăng Long, (tức phố Nhà thờ, Hà Nội ngày nay). Tháp này do vua Lý Thánh Tông chủ trương xây dựng từ năm 1057. Năm 1426, Vương Thông phá tháp để lấy đồng làm binh khí.

77 – 80

和大明使余貴

HỌA ĐẠI MINH ^{1*} SỨ DU QUÝ

其一

(Kỳ nhất)

大天
明使
受賜
命詔
天
山河
輶輶
皇秋
道日
照化
華風
日星
恩
聖
用
喜。

左，
南節，
帆道，
嵐治，
江安，
黃瘴，
儒恩，
興頌，
明清，
日月，
受賜，
命詔，
天輶，
天山，
河邊，
上國，
方共，
日星，
今喜。

Đại Minh thụ mệnh hưng Giang Tả,
Thiên sứ lái chiểu ban An Nam ^{2*}.
Ngao Sơn ứng đạo hoàng hoa tiết,
Nhi Hà chiểu nhật thu phong phàm.
Hải biên hóa nhật minh hoàng đạo,
Thiên thượng văn tinh thanh chướng
lạm.
Trung Quốc phương kim dụng Nho tri,
Hà phương cộng hỷ thánh ân đàm.

其二

(Kỳ nhì)

鵝山
洲奇
鵝河
湘灘
萬三
出敬

前絕
都折
湖汭
江宇
里分
河宿
八南

別曾
大記
武黃
秦晉
魏圖
餘葛
頭遊
郡樓
楚劉
跡候

Anh Vũ châu tiền Đại Biệt đầu,
Sơn hà kỳ tuyệt ký tầng du.
Tương Hồ đô hội Vũ Xương quận,
Than Miện chiết ^{3*} xung Hoàng Hạc
lâu.
Vạn lý giang hà Tân ^{4*}, Sở,
Tam phân vũ trụ Nguy, Tôn ^{5*}, Lưu.
Xuất sư Bát trận đồ dư tích,
Kinh bái Nam Dương Gia Cát Hầu.

其三

(Kỳ tam)

三秋
十風
六石
朝戰

前里
年萬
人闕
物河

過一
建征
鍾江

Tam thập niên tiền quá Kiến Khang.
Thu phong vạn lý nhất chinh hoàng.
Lục triều nhân vật Chung Sơn tại,
Bách chiến quan hà Giang thủy tràng
(trường).

鐵 瓢 石 頭 槌 夜 月 ,
 烏 衣 朱 雀 只 斜 陽 。
 大 明 今 日 都 江 左 ,
 胡 運 危 亡 漢 運 昌 。

Thiết ^{6*} Úng, Thạch Đầu duy dã
 nguyệt,
 Ô Y, Chu Tước chỉ tà dương.
 Đại Minh kim nhật đô Giang Tả,
 Hồ vận nguy vong Hán vận xương.

其四

(Kỳ tứ)

萬 舊 里 馳 軀 北 使 燕 ,
 舊 黃 遊 三 車 十 年 ,
 大 河 波 又 太 雪 ,
 孔 別 程 太 彭 行 雪 ,
 秦 廟 驛 還 舟 艇 ,
 白 頭 鄭 供 訪 艇 ,
 歷 江 邊 入 舊 艇 ,
 歷 漢 邑 論 邊 艇 ,
 歷 城 邊 見 公 艇 ,
 歷 山 邊 在 公 艇 。

Vạn lý trì khu bắc sứ Yên,
 Cựu du tam thập hựu tam niên.
 Hoàng Hà ba lăng Thái Hàng tuyết,
 Đại Biệt dịch trình Bành Lãi thuyền.
 Không miếu Nghiêu đô cung phỏng
 lầm,
 Tân thành Hán ấp nhập ngâm biển.
 Bạch đầu nhàn đồ công hành sắc,
 Lịch lịch giang sơn tại nhẫn tiền.

DỊCH NGHĨA :

HỌA THƠ DƯ QUÝ — SỨ THẦN MINH

(Bài thứ nhất)

Đại Minh chịu mệnh trời dấy lên từ Giang Tả ⁽¹⁾,
 Sứ trời đem chiếu chỉ tới An Nam.
 Cờ sứ rợp đường núi Ngao Sơn ⁽²⁾,
 Buồm thu lấp lánh ánh mặt trời trên Nhị Hà.
 Ven biển, mặt trời thanh bình ⁽³⁾ chiếu sáng con đường Thiên tử đi,
 Ở trên trời, sao văn tinh quét sạch lam chướng.
 Nay Trung Quốc dùng đạo Nho trị nước,
 Phương xa cùng vui mừng với Thánh hoàng.

(Bài thứ hai)

Trước bãi Anh Vũ ⁽⁴⁾, đầu núi Đại Biệt ⁽⁵⁾,
 Nơi non sông tuyệt đẹp, nhờ đã đến dạo chơi.
 Nơi đô hội miền Tương Hồ ⁽⁶⁾ là quận Võ Xương ⁽⁷⁾,
 Chỗ hiềm yếu nơi Than Miện có lầu Hoàng Hạc ⁽⁸⁾.

Muôn dặm giang hà các nước Tần, Tấn, Sở (9),
 Vũ trụ chia làm ba ở thời Ngụy, Tôn, Lưu (10).
 Còn dấu vết của «Bát trận đồ» (11) xuất quân,
 Kinh vái Gia Cát Vũ Hầu (12) ở quận Nam Dương.

(Bài thứ ba)

Ba mươi năm trước đây, đã qua đất Kiến Khang (13),
 Trong gió thu, một con thuyền đi muôn dặm.
 Những nhân vật Lục triều (14) đâu, núi Chung Sơn (15) vẫn còn đó,
 Nơi cửa ải qua trăm trận đánh vẫn như nước sông Giang (16) chảy hoài.
 Thành Thiết Úng (17), núi Thạch Đầu (18) duy còn ánh trăng.
 Ngõ Ô Y (19), cầu Chu Tước (20) chỉ còn ánh chiều tà.
 Nay Đại Minh đóng đô ở Giang Tả (21),
 Vận người Hồ (22) suy vong, vận người Hán (23) hưng thịnh.

(Bài thứ tư)

Rong ruổi muôn dặm, đi sứ phương bắc ở Yên Kinh (24),
 Đã ba mươi ba năm kề từ chuyến đi chơi trước.
 Sóng sòng Hoàng Hà (25), tuyết núi Thái Hàng (26),
 Đường trạm Đại Biệt, con thuyền trên hồ Bành Lãi (27).
 Miếu Không Tử (28), đô thành vua Nghiêu (29) đều từng thăm hỏi,
 Thành nhà Tần (30), ấp nhà Hán (31) đều vào cuộc ngâm.
 Kẻ bạc đầu này thấy cảnh đi sứ của ông,
 Như trước mắt cảnh nước non xưa hiện rõ.

KHẢO ĐÍNH :

1* HVTT : 和 大 明 使 余 贵 *Họa Đại Minh sứ Dư Quý.*2* TVTL2 : 江 *jiang.*3* TVTL2 : 遠 *viễn.*4* TVTL3 : 春 *xuân.*5* TVTL2 : 羌 *ngô.*6* TVTL2 : 設 *thiết.*

CHÚ THÍCH :

(1) Giang Tả : Vùng phía đông Trường Giang, tức là miền Giang Tô.

(2) Ngao Sơn : Chưa rõ ở đâu.

(3) *Mặt trời thanh bình* : (hóa nhật) : Bài luận Tiềm Phu có câu : 化 國 之 日 舒 以
長. Hóa quốc chi nhật thư dĩ trường : *Mặt trời ở nước thanh bình, dì vừa thư thả vừa*
dài lâu; đời sau dùng ý này để nói cảnh thái bình.

- (4) *Bãi Anh Vũ* : Bãi nồi giữa sông Hán, thuộc huyện Võ Xương, tỉnh Hồ Bắc.
- (5) *Núi Đại Biệt* : Ở đông bắc huyện Hán Dương, tỉnh Hồ Bắc.
- (6) *Tương Hồ* : Chỉ miền sông Tương chảy vào hồ Động Đình.
- (7) *Võ Xương* : Nơi đô hội của tỉnh Hồ Bắc.
- (8) *Lâu Hoàng Hạc* : Ở huyện Võ Xương, tỉnh Hồ Bắc.
- (9) *Tần, Tấn, Sở* : Ba nước đời Xuân Thu Chiến Quốc, ở địa phận các tỉnh Sơn Tây, Thiểm Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc, Chiết Giang và Hà Nam.
- (10) *Nguy, Tôn, Lưu* : «Nguy» là nước của Tào Tháo dựng, sau khi cướp được ngôi nhà Hán. «Tôn» là Tôn Quyền, dựng nước Đông Ngô. «Lưu» là Lưu Bị, dựng nước Tây Thục. Vì vậy, gọi là thời «Tam Quốc».
- (11) *Bát trận đồ* : Tên một thế trận của Gia Cát Lượng. Di tích của *Bát trận đồ* còn lưu lại ở vùng huyện Miện, tỉnh Thiểm Tây; lúc đi sứ, chắc Phạm Sư Mạnh có qua thăm nơi này.
- (12) *Gia Cát Vũ Hầu* : tức Gia Cát Lượng (hoặc Khổng Minh 孔明), người quận Nam Dương, từng giúp Lưu Bị 劉備 dựng nên nước Thục, được phong là Vũ Hầu.
- (13) *Kiến Khang* : Ở về phía nam huyện Giang Ninh, thuộc tỉnh Giang Tô.
- (14) *Luc triều* : Gồm có sáu triều là : Ngô, Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, kinh đô đều ở Kiến Khang.
- (15) *Núi Chung Sơn* : Tục gọi là núi Tử Kim Sơn, ở phía đông bắc huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô.
- (16) *Sông Giang* : Tức sông Trường Giang, một con sông lớn, chảy qua các tỉnh Vân Nam, Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, An Huy ... rồi đổ ra biển.
- (17) *Thành Thiết Ứng* : Ở huyện Đan Đò, tỉnh Giang Tô.
- (18) *Núi Thạch Đầu* : Ở phía tây huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô.
- (19) *Ngõ Ô Y* : Ở Kiến Khang, là nơi ở của hai gia đình quý tộc họ Vương và họ Tạ, đời Tấn.
- (20) *Cầu Chu Tước* : Cầu tiếp liền với ngõ Ô Y. Theo sách *Kiến Khang chí 建康志*, cầu Chu Tước bắc qua sông Hoài.
- (21) *Giang Tả* : Chỉ vùng đất ở phía đông sông Trường Giang, tức vùng Giang Tô ngày nay.
- (22), (23) *Hồ, Hán* : «Hồ» ở đây chỉ nhà Nguyên; «Hán» chỉ nhà Minh.
- (24) *Yên Kinh* : Tức Bắc Kinh.
- (25) *Sông Hoàng Hà* : Tên một con sông lớn.
- (26) *Núi Thái Hàng* : còn gọi là núi Ngũ Hành Sơn, chạy qua các tỉnh Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Tây..., dãy núi này có hàng trăm ngọn, mỗi ngọn lại có tên gọi khác nhau.
- (27) *Hồ Bành Lũ* : ở tỉnh Giang Tây.
- (28) *Miếu Không Tử* : ở huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông.
- (29) *Thành vua Nghiêu* : thuộc địa phận huyện Lâm Phàn, tỉnh Sơn Tây.
- (30) *Thành nhà Tần* : Tức Vạn Lý Trường Thành. Thành này do Tần Thủy Hoàng bắt dân xây đắp để chống Hung-nô.
- (31) *Ấp nhà Hán* : Đất của Hán Cao Tổ 漢高祖 ở huyện Bái, nay thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

81—83

和大明使題珥河驛

HỌA ĐẠI MINH SỨ^{1*}
ĐỀ NHỊ HÀ DỊCH^{2*}

其一

容，
郊。珥，
龍。白，
濃。意，
雍。
衰瘦玉浮毛興佳雍
照一環匪髮野有樂
上翩陽浪里年詩氣
亭飄夕雪萬多公和
津袂嶺江驅宦讀襟
震風群三馳仕喜滿

其二

葵，
郊。月，
龍。好，
濃。暇，
雍。
芙蓉小日虬詩字有時
玉八浮印詩字多偏
頃將濤樹帶鈎中易
千都波亭羅銀驛朔
銀象漠河琴畫使訛
水萬大珥瑤鐵天南

其三

容，
郊。野，
龍。疊，
濃。壁，
雍。
樂試侵熙山雲題盛
從倚廣昇重淡驛三
使春寒馨城祠淋人
朝上珥圓郎仲墨朝
新江玉傘文翁醉清

Kỳ nhất

Chấn Tân đình thương chiếu suy dung,
Phong quyết phiên phiên nhất sáu
cùng.

Quần linh tịch dương hoàn ngọc nhị.
Tam giang tuyết lăng hối phù long.
Trì khu vạn lý phát mao bạch,
Sĩ hoạn đa niên dã hưng nồng,
Hỷ độc công thi hữu giải ý,
Mẫn khâm hòa khí lạc ung ung.

Kỳ nhì

Thủy^{2*} ngàn thiên khoanh ngọc phù
dung,

Vạn tượng đồ tương nhập tiều cùng.
Đại Hán ba đào phù nhật nguyệt,
Nhị Hà đình thụ ấn^{3*} cù long.

Đao cầm la đới thi thi hảo,
Thiết hoạch ngàn câu tự tự nồng.
Thiên sứ dịch trung đa hữu hạ^{4*},
Nam ngoa sóc di biển^{5*} thời ung!

Kỳ tam

Tân triều^{6*} sứ giả lạc^{7*} thung dung,
Giang thương xuán phong thi ý cùng.
Ngọc Nhị hàn quang^{8*} xàm quảng dã,
Tản Viên tê^{9*} sắc chiếu Thăng Long.
Văn Lang thành cồ sơn trùng điệp,
Ông Trọng từ thâm vân đậm nồng.
Túy mặc lâm ly đề^{10*} dịch bích,
Thanh triều nhân vật thịnh tam ung.

DỊCH NGHĨA :

HỌA THƠ « ĐỀ TRẠM NHỊ HÀ » CỦA SƯ THẦN MINH

Bài thứ nhất

Trên đình Chấn Tân, soi thấy nét mặt vồ vàng,
 Tay áo phật phơ trước gió với chiếc gậy khẳng khiu.
 Bóng chiều các ngọn núi, bao quanh vòng ngọc (1),
 Sóng tuyết ba dòng sông, dồn vào con rồng nỗi (2).
 Vạn dặm ruồi rong dầu trăng bạch,
 Làm quan đã lâu năm, mà hưng què vẫn đậm.
 Đọc thơ ông mừng có từ hay,
 Hòa khí đầy trong lòng, niềm vui phơi phói.

Bài thứ hai

Nước bạc ngàn khoảnh như hoa sen ngọc,
 Muôn cảnh đều thu vào chiếc gậy trúc nhỏ.
 Sóng sông Ngân Hán (3), nỗi mặt trời mặt trăng,
 Đình cát sông Nhị Hà, in bóng rồng (4).
 Câu thơ đẹp tựa đàn ngọc, dai lụa,
 Nét chữ danh như thép, bạc (5).
 Trong nhà trạm, sứ thần thường rảnh rồi,
 Kê chuyện lạt phuong nam, phuong bắc thật vui.

Bài thứ ba

Sứ giả triều mới (6) vui vẻ, thung dung,
 Trước gió xuân trên sông, chống chiếc gậy trúc.
 Sông Nhị (7) như ngọc, sáng mát thấm đồng rộng,
 Tân Viên (8) khi tạnh, sắc núi chiếu đến Thăng Long (9).
 Thành cổ Văn Lang (10), núi non trùng điệp,
 Đền Ông Trọng (11) thàm nghiêm, mây đậm nhạt.
 Mực say còn lai láng dề trên vách nhà trạm,
 Nhận vật thời thịnh, vui vẻ thuận hòa.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : Đầu bài không có chữ 使 sứ.

2* TVTL2 : 水 thủy.

3* TTCGLT : 仰 ngưỡng.

4* TVTL2 : 賀 hỉ.

5* TVTL2 : 用 dụng

- 6* TTCGLT : 家 gia.
 7* TVTL2, HVTT : 比 nhât.
 8* TTCGLT : 江 giang.
 9* TVTL2 : 舊 tiêu.
 10* TVTL2 : 隨 tùy.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Vòng ngọc* (ngọc nhí) : theo chủ thích của TTCGLT, sông Nhị hỉnh như mặt trăng ôm lấy chiếc vòng ngọc nên gọi là « Nhị » (vòng ngọc đeo tai).
- (2) *Rồng nồi* (phù long) : Địa hình Thăng Long ba mặt đều có sông vây quanh nên xưa được gọi là con rồng nồi.
- (3) *Sông Ngân Hán* : tức sông Ngân Hà.
- (4) *Nguyên văn* là cù long, một loại rồng có sừng.
- (5) *Nét chữ danh như thép, như bạc* : nguyên văn là : thiết hoạch ngân câu. Nghĩa là nét số danh như thép, nét mộc dẻo như bạc. Ý khen chữ đẹp như chữ của nhà bút phong nổi tiếng đời Tấn là Vương Hy Chi.
- (6) *Triều vua mới* : đây chỉ là triều Minh, vừa thay triều Nguyên.
- (7) *Sông Nhị Hà* : tức sông Hồng ngày nay.
- (8) *Núi Tân Viên* : ở địa phận huyện Ba Vì, tỉnh Hà Sơn Bình ngày nay.
- (9) *Thăng Long* : thủ đô nước ta vào đời Lý, nay là Hà Nội.
- (10) *Văn Lang* : tên nước ta vào đời Hùng Vương. Thành Văn Lang ở đền Hùng Vương, huyện Sơn Vi, thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.
- (11) *Đền Ông Trọng* : còn gọi là đền Lý Hiệu Úy 李校尉, nay thuộc xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

84 – 85

再和大明國使余貴

其一

桂	嶺	塵	寰	滿	水	流,
江	雲	山	石	竹	脩	脩。
愚	溪	鼓	鑄	地	圖	古,
青	草	黃	龍	天	宇	秋。
晨	訪	禹	碑	登	嶧	巒,
夕	從	嶽	麓	下	潭	州。
昔	遊	睽	闢	今	頭	白,
暇	日	珥	河	書	滿	樓。

TÁI HỌA ĐẠI MINH QUỐC
SỨ DƯ QUÝ 1*

Kỳ nhất

Quế Lĩnh trần hoàn mãn thủy lưu,
 Giang vân sơn thạch trúc tiêu tiêu ^{2*}.
 Ngu Khê, Cồ Mãng ^{3*} địa đồ cồ,
 Thanh Thảo, Hoàng Long thiên vũ
^{4*} thu.
 Thần ^{5*} phỏng Vũ bi đăng Cầu Lũ,
 Tịch tòng Nhạc Lộ ^{6*} hạ Đàm Châu.
 Tich du khuê cách kim đầu bạch,
 Hạ nhật Nhị Hà thư mãn lâu.

其二

Kỳ nhì 7*

春	水	園	鵝	馬	似	飛,
秋	山	射	鹿	肉	如	坂。
駱		車	羔	羔	羊	酒,
牛		裘	貂	鼠	鼠	帷。
涿		薦	幽	燕	世	界,
營		檀	滋	沙	邊	陲。
新		朝	樂	胡	風	俗,
禮		一	衣	復	漢	儀。

Xuân thủy vi nga mã tự phi,
 Thu sơn xa lộc nhục như kỳ.
 Lạc đà xa ngự cao dương tửu,
 Ngưu cồ cừu thường điêu thủ duy.
 Trác, Kế, U, Yên sa thế giới,
 Doanh, Đàm, Lộ, Thục vân biên thùy.
 Tân triều nhất cách Hồ phong tục,
 Lễ nhạc y quan phục Hán nghi.

DỊCH NGHĨA :

LẠI HÓA THƠ SỨ THẦN MINH DƯ QUÝ

Bài thứ nhất

Cõi trần thế ở Quế Lĩnh (1) chưa chan nước chảy,
 Mây trên sông, đá trên núi, trúc bát ngát.
 Bản đồ của Ngu Khê (2), Cồ Mãng (3), cũ lắm rồi,
 Trời Thanh Thảo (4), Hoàng Long (5), đã ngả về thu.
 Sớm lên núi Cầu Lũ (6), thăm bia vua Vũ (7),
 Tối từ Ngạc Lộc (8) xuống đất Đàm Châu (9).
 Chuyển đi chơi trước đã cách xa lầm, nay đầu đã bạc,
 Trên sông Nhị những ngày thư thả, sách đầy lầu.

Bài thứ hai

Bên sông xuân săn ngỗng trời, ngựa chạy như bay,
 Trong núi thu bắn hươu, thịt chất như gò.
 Cuối xe lạc đà, uống rượu dê non,
 Mặc áo xiêm bằng da thú, nằm màn điêu thủ.
 Trác, Kế, U, Yên, là những châu quận lấm cát,
 Doanh, Đàm, Lộ, Thục là những huyện biên thùy lấm mây.
 Triều mới thay đổi phong tục rợ Hồ,
 Khiến lễ nhạc mũ áo trở lại nghi thức đời Hán.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : Đầu bài thơ chép là *Hoa Đại Minh* 和 大 明 không có chữ 再 tái.
- 2* TVTL2 : 脩 情 tiêu tiêu.
- 3* TTCGLT : 錛 剑 tiêm kiếm.
- 4* TVTL2 : 天 羽 thiên vũ.
- 5* TVTL1 : 暑 thử.
- 6* TVTL2 : 歷 賈 nhạc dọc.
- 7* Bài này hiện chép ở TVTL1.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Quế Lĩnh* : Theo *Nhất thống chí* đời Minh, Quế Lĩnh ở cách phía tây thành phủ Thiều Châu (Trung Quốc) chừng 40 dặm. Trên núi có nhiều quế nên đặt tên như vậy.
- (2) *Ngu Khê* : Tên suối. Còn gọi là Nhiễm Khê, ở phía tây nam huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam.
- (3) *Cô Măng* : Tên đầm. Ở phía tây huyện Linh Lăng tỉnh Hồ Nam.
- (4) *Thanh Thảo* : Tên hồ. Ở huyện Trương Âm tỉnh Hồ Nam.
- (5) *Hoàng Long* : Tên phủ. Nay thuộc huyện Nông An, tỉnh Cát Lâm.
- (6) *Bia vua Vũ* (Vũ bi) : Bia này tương truyền khắc từ hồi vua Vũ trị thủy. Đây là bản khắc đá xưa nhất của Trung Quốc, cũng gọi là *bia của vua Vũ*. Tấm bia này gồm 77 chữ, ở ngọn núi Văn Mật, tỉnh Hoành Sơn. Gần đây người ta nghi là bia này do Dương Thận 楊慎, người đời Minh làm ra.
- (7) *Cầu Lũ* : Tên núi. Ở huyện Hoành Dương, tỉnh Hồ Nam. Đây là ngọn núi chủ yếu của dãy Hoành Sơn. Tương truyền vua Vũ được thê vàng, sách ngọc ở đây.
- (8) *Nhạc Lộc* : Tên núi. Ở phía tây huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Nam.
- (9) *Đàm Châu* : Tức là thành phố Trường Sa, tỉnh Hồ Nam ngày nay.

86

送大明國使余貴

萬	里	東	行	兩	使	君
一	杯	別	酒	意	愁	，
馬	啣	廩	嶺	梅	花	慙。
船	過	江	崖	雁	影	。
翔	漠	塵	今	今	奏	雪
南	朝	人	總	總	能	雲。
歸	來	密	廢	廢	旃	。
	講	重	與	與	放	。

TỔNG ĐẠI MINH QUỐC
SỨ DƯ QUÝ 1*

Vạn lý đồng hành lưỡng sứ quân,
Nhất bội biệt tửu ý ân cần.
Mã hàm Dữu Lĩnh mai hoa tuyết,
Thuyền quá Ngô Giang nhạn ảnh
vân 2*.
Sóc mạc binh trấn kim tấu tiệp,
Nam triều nhân vật tổng năng văn!
Quy lai mật vật bồi chiên hạ,
Tiến giảng Trùng Hoa 3* dù Phóng
Huân.

DỊCH NGHĨA:

TIẾN SỨ THẦN MINH DƯ QUÝ

Hai sứ thần đi về phía đông xa vạn dặm,
Một chén rượu tiễn biệt tỏ ý ân cần.
Ngựa hí trên núi Dữu Lĩnh (1), tuyết trắng tựa hoa mai,
Thuyền qua sông Ngô Giang (2), bóng nhạn bay như mây.
Nơi bình dao ở sa mạc phia bắc đã có tin thắng trận,
Nhân vật triều phương nam đều có tài văn chương.
Trở về hầu việc cơ mật ở tòa nhà cẩm cờ chiên,
Tàu bày sự nghiệp của Trung Hoa (3) và Phóng Huân (4).

KHẢO ĐÍNH:

- 1* TVTL1: Đầu bài thơ chép là: 送大明國使 *Tống* *dai Minh* *quốc* *sứ*.
 2* TTCGLT: 捷奏 *tiết* *tấu*,
 3* TVTL2: 蘭 *ba*.

GHÚ THÍCH :

- (1) *Dùu Lĩnh* : Tên núi ở Thiều Châu (Trung Quốc), còn có tên là Mai Lĩnh.
 (2) *Ngô Giang* : Tức Ngô Tùng Giang, một chi lưu lớn nhất của Đại Hồ.
 (3) *Trùng Hòa* : Tức vua Nghiêu 禺.
 (4) *Phóng Huân* : Tức vua Thuấn 煩.

87 - 88

山行

其一

清行影，斗溟友，名
廓山松澗北南僚姓
頓作古寒捫出諸記
雲暇幙聾高闕覽碑
陰軍油鼓峰海登苔
霧然閑振象龍同拂
黑偶天地香銅戲閑

SƠN HÀNH 1*

Kỳ nhất

Hắc vụ àm vân đốn khuyếch thanh,
Ngẫu nhiên ^{2*} quân hạ tác sơn hành.
Thiên khai du mạc cỗ tùng ảnh,
Địa chấn ^{3*} cỗ bè hàn giản ^{4*} thanh.
Hương tượng phong cao môn Bắc
đầu,
Đồng Long ^{5*} hải khoát xuất ^{6*} Nam
minh ^{7*}.
Hi đồng dăng lâm ^{8*}, chư liên hữu,
Nhàn phất dài bì ký tinh danh.

其二

Kỳ nhì ^{9*}

平 生 最 慕 僻 层 州,
 今 日 還 同 馬 少 遊。
 官 似 同 倉 一 梯 米,
 事 如 太 倉 安 流。
 歲 時 峽 少 侵 髮,
 風 雨 玉 國 侵 滿 樓。
 欲 寫 京 山 書 天 子,
 乙 還 家 書 獻 天 子,
 已 田 里 肯 從 不?

Binh sinh tối mờ tịch ^{10*} cư châu,
 Kim nhật hoàn đồng mã thiếu du ^{11*}.
 Quan tự Thái Thương nhất dẽ ^{12*} mê,
 Sự như ngọc hiệp thiếu an lưu ^{13*}.
 Tuế thời kinh quốc tràn xâm mẫn,
 Phong vũ gia sơn thư mẫn lâu.
 Dục tả phong thư hiến thiên tử,
 Khất ^{14*} hoàn diền lý khẳng tòng phẫu?

DỊCH NGHĨA:

ĐI TRÊN NÚI

Bài thứ nhất

Mù đen mây tối bỗng sạch quang,
 Gặp lúc việc quân rỗi, đi chơi núi,
 Bóng tùng cỏ kính như tấm màn dầu mở ra bên trời,
 Tiếng suối lạnh lùng tựa tiếng trống trận vang rền mặt đất.
 Núi Hương Tượng (1) cao chạm vào sao Bắc đầu,
 Biển Đồng Long (2) rộng đồ ra biển Nam.
 Cùng đứa vui ngắm cảnh với bạn đồng liêu,
 Nhẹ nhàng phủi sạch tấm bia có rêu rồi đề tên.

Bài thứ hai

Binh sinh rất thích cháu hέo lánh này,
 Hôm nay lại cùng nhau cưỡi ngựa đi chơi.
 Quan chức như hạt cỏ gạo ở kho Thái Thương (3),
 Công việc như giòng nước ít khi dừng trong eo ngọc (4).
 Chốn kinh kỳ bao năm tháng, bụi diêm mái tóc,
 Căn nhà trên núi trong gió mura, sách vẫn dày lâu.
 Muốn viết phong thư dâng lên vua,
 Xin về ruộng đồng biết vua có thuận không?

KHẢO ĐÍNH:

1* VATT: Đầu bài thơ chép là 發運時作 Phát vận thời tác.

2* TVTL2: 因 nhán.

3* VATT: 殷 án.

4* VATT chú: 一作洞 *nhất tác động*. Còn có bản chép là chữ 洞 động.

5* TVTL2: 鍾 chung.

6* VATT: 扈 hổ.

7* VATT: 征 chinh.

8* VATT: 發運 Phá vận.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Huong Tượng* : Theo chú thích ở VATT, Huong Tượng là tên núi, thuộc huyện Phi Lộc, tức là ở vào địa phận huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh ngày nay.
- (2) *Đồng Long* : Phải chăng đây là tên một cửa bể thuộc vùng Nghệ Tĩnh ?
- (3) Sách *Trang tử* 莊子 có câu: 梯米之在太倉. mě chí tại Thái Thương: *Hạt cỏ gạo trong kho Thái Thương*. Thái Thương là kho chứa thóc lớn. Ở đây tác giả dùng hình ảnh hạt cỏ gạo trong kho Thái Thương để nói sự nhỏ bé của quan chức.
- (4) *Eo Ngọc* (ngọc hiệp) : Ngờ rằng đây là một địa danh, nhưng vì chưa tra cứu được cụ thể nên dịch tạm là *Eo Ngọc*.

89

登黃樓走筆示
北使侍講余嘉賓

青侵黃眺黃憑項冠天千我手摩如
山雲河波樓高王軍荒載家持擎今
疊掩滔滔起一臺墓地英遠玉石不
圍青浸東半三落悲古今交登坡平
彭玉坤南天千日風戰已南黃公生
城屏軸傾裡里紅起場矣頭樓字遊。

ĐĂNG HOÀNG LÂU TẤU BÚT THỊ
BẮC SỨ THỊ GIẢNG DƯ
GIA TÂN ^{1*}

Thanh sơn điệp điệp vi Bành Thành,
Xâm vận sáp ^{2*} Hán thanh ngọc ^{3*}
bình.
Hoàng Hà thao thao tầm khôn trục,
Khiêu ba tiện mặt đông nam khuynh.
Hoàng Lâu khởi xuất bán thiên lý ^{4*},
Băng cao nhất vọng tam thiên lý.
Hạng Vương dài tiền lạc nhật hồng,
Quán Quân mộ thượng bi phong khởi.
Thiên hoang địa lão cổ chiến trường,
Thiên tài anh hùng kim dĩ hỉ !
Ngã gia viễn tại Giao Nam ^{5*} đầu,
Thủ trì ngọc tiết đăng Hoàng Lâu.
Ma sa thạch khắc Pha công tư,
Như kim bát phụ bình sinh du.

DỊCH NGHĨA :

**LÊN HOÀNG LÂU (1) VIẾT VỘI VĂN THƠ
ĐƯA SỨ BẮC THỊ GIẢNG DƯ GIA TÂN.**

Núi xanh lớp lớp vây quanh đất Bành Thành (2),
 Lấn vào mày, cắm vào nền trời như bức bình phong bằng ngọc xanh.
 Nước Hoàng Hà cuồn cuộn ngầm vào lòng đất,
 Sóng còn tung tóe, nghiêng dốc xuống miền đông nam.
 Hoàng Lâu nồi lên lưng chừng trời,
 Lên cao trông suốt ba ngàn dặm.
 Trước đài Hạng Vương (3) mặt trời lặn đỏ rực,
 Trên mồ Quán Quân (4) trận gió buồn nỗi lên.
 Chiến trường xưa trong cảnh trời đất hoang vu,
 Anh hùng ngàn xưa nay còn đâu.
 Nhà ta ở tận cõi Giao Nam xa xôi,
 Hôm nay cầm ngọc tiết (5) lên Hoàng Lâu.
 Sở vào nét chữ của Pha Ông (6) khắc trên đá,
 Chuyến đi chơi này hẳn không phụ chí bình sinh.

DỊCH THƠ :

*Bành Thành núi chất non chồng,
 Lấn mày, tựa bức bình phong ngang trời.
 Hoàng Hà cuồn cuộn nước trời,
 Thẩm xuyên lòng đất, tung trời sóng xô.
 Lâu vàng ai dựng nhấp nhô,
 Suốt ba ngàn dặm cơ hồ nhìn thông.
 Đài Hạng Vương bóng chiều hồng,
 Mộ Quán Quân trận gió lồng bi thương.
 Hoang vu sao, cõi chiến trường,
 Anh hùng xưa khuất nay còn thấy đâu !
 Nhà ta ở Giao Nam đầu,
 Nay cầm ngọc tiết lên lâu ngóng trông.
 Tay xoa nét chữ Pha Ông,
 Chuyến đi quả chẳng phụ lòng ước mơ.*

ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL chép đầu đề bài thơ là 北使登黃樓走筆示大元侍講余嘉賓 Bắc sứ dâng Hoàng Lâu lâu bút thị Đại Nguyên Thị giảng Dư Gia Tân.
 2* VATT, TVTL1 : 推 quái.

- 3* TVTL2, TVTL3 : 復 *hậu*.
 4* TVTL2, TVTL3 : 山 *son*.
 5* VATT : 重 *trùng*.
 6* VATT : 南交 *Nam Giao*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hoàng Lâu* : Lâu ở phía đông huyện Bành Thành, do Tô Đông Pha 蘇東坡 chủ trương xây dựng.
 - (2) *Bành Thành* : Nay thuộc huyện Đồng Sơn, tỉnh Giang Tô.
 - (3) *Hạng Vũ* : Xem chú thích về Hạng Vũ 羽 trong bài *Bắc sứ Ô Giang Hạng Vũ miếu*.
 - (4) *Quán Quân* : Người đứng đầu quân đội. Ở đây chỉ Tống Nghĩa 宋義 giữ chức Thượng tướng, gọi là Khanh Tử quán quân. Vì chần chờ trong việc đem quân đi cứu nước Triệu, Tống Nghĩa bị Hạng Vũ giết.
 - (5) *Ngọc tiết* : Một thứ đồ vật của người đi sứ hay cầm.
 - (6) *Pha Ông* : Tức Tô Đông Pha, một văn hào đời Tống, là tác giả của bài *Tiền Xích Bích Phú*, *Hậu Xích Bích Phú*.

90

崇嚴事雲巖山大悲寺

潛陰識也。冥則山于。挹逶出於
形，而無猶林矣。則，萬其脉路，
無端，其智隱年，金躬；涇大界
時其陽以在，紀玩全聖貴有有焉
四識陰者，尚命可部，富西北方
，皆乎窮覩和詔心一平之其其四
生愚包難莫大有其悲太家；；以
靈虧地而形持事，大下蒙茫觀正
食，天地潛住事茂，天爲復壯。
以地：天；今林鬱部，可之之宿
載鑒而乎惑。慶方一固，界縣佳
顯窺。陽憑控住，三圖屋焉焉來
覆天然處不寂持四世翬舍世郡之
，：數陰雖虛庇山塑皇禹可可去
像以其；，乘護磊，，陸，，焉
有爰窮也微，焉雲庵祝，日鄉可
儀。罕象可虛，見數禱落之利，
二物哲有顯崇家，立昏聚海大日
：化賢其像道出方建寅有大山海
夫以，以知佛親遊，。東出尼之
暑陽，故乎捨興石山共江摩頭
寒問者。况，乘鑿亭念長到神

有人而聚，當處壞。謹用底頽留山山莫：腳尾助曰：水取補銘，鹹西，僧刻，荒焉養立，有水以故。今出，山寶月也。溪三日主，住其之。山小通茲，東流，云餘。界鄙，懷雲庵建行恩福大救上下人處。

道知影儀容出神那昏家序為妙莫晦迂金現山檀寅富斯刻

玄際真世色麗護施絕至銘瑞

紹慶三年壬子歲二月右僕射硠石范師孟謹述。祇候首枚省書

端間里山。雲漢萬浮上銀千水。井靄濤水歷碧鯨浮參在視天。捫身下長

右僕射硠石范師孟亞義夫。

PHIÊN ÂM :

SUNG NGHIEM SU VAN LOI SON DAI BI TU

Phù : nhị nghi hữu tượng, hiền phúc tài dĩ hàm linh sinh, từ thời vô hình, tiềm hàn thử dĩ hóa vật. Viên dĩ : khuy thiên giám địa, dong ngu giai thức kỳ đoan ; minh âm văn dương, hiền triết hẵn cùng kỳ số. Nhiên nhi, thiên địa bao hồ âm dương, nhì dĩ thức giả, dĩ kỳ hữu tượng dã ; âm dương xứ hồ thiên địa,

nhi nan cùng giả, dĩ kỳ vô hình dã. Cố tri tượng hiền khả trưng, tuy ngu bất hoắc; tiềm hình mạc đỗ, tại trí do mê. Huống hồ Phật đạo sùng hư, thừa hư không tịch. Kim trụ trì đại hòa thượng, ân lâm nhất minh, xả thân xuất gia. Vị hộ tỳ trụ trì Khánh lâm sự sự hữu chiếu mệnh kỷ niên hý. Tắc thừa hưng du phuong. Kiến Văn Lôi sơn, từ phuong uất mậu, kỷ tâm khả ngoạn, tắc khai sơn tạc thạch, kiến lập sô am, tổ Tam Thế nhất bộ, Đại Bi nhất bộ toàn kim, tri vu đình sơn, dần hôn đảo chúc, hoàng đồ củng cố, thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế. Niệm kỳ đông hữu tụ lạc, lục ly ốc xá, khả vi hào gia chi phú quý ; kỳ nam ấp trường giang xuất đại hải chi khâu, khả vi thế giới chi minh mang. ; Kỳ tây hữu Kinh, mạch lạc thấu đáo Ma Ni sơn, Đại Ly hương, khả vi quận huyện chi tráng quan ; Kỳ bắc hữu đại lộ dẫn xuất Thần Đầu chi hải khâu, khả vi khứ lai chi giao túc. Chinh dĩ từ phuong vi giới, trấn ư Văn Lôi sơn, sơn chi chủ dã. Kim hữu hoang thồ, hàm thủy cước sơn, dung đáng nhi hữu dư ; đông cận tiêu mạch, Khê Sơn xuất thủy vi giới ; tây thủ Vỹ Sơn, đề xứ tụ nhân vi giới. Lưu thông thường trú tam bảo, dĩ dường chúng tăng, bồ trợ mạc lưu đồi hoại. Cần thuật bỉ hoài, tư kỷ kỷ nhật nguyệt cố lập thạch khắc minh viết :

Vân Lôi chi sơn,
Am tại giang biên.
Kiến lập chi nhân,
Hạnh giải câu toàn.
Ân cập tồn vong,
Phúc ấm thiên niên.
Đại Bi thùy từ,
Cứu độ chúng sinh.
Thượng dẫn mê đồ,
Hạ tế hàm linh.
Nhân nhàn hân duyệt,
Xứ xứ văn thanh.

Diệu đạo ngưng huyền,
Mạc tri kỵ tế.
Hối ảnh qui chân,
Thiên nghi việt thế.
Kim dung yêm sắc,
Hiền xuất quang lè.
Sơn thần ứng hộ,
Đàn na củng thi.
Dần hôn bất tuyệt,
Phú gia tụy chí.
Tư tự tư minh,
Khắc vi quốc thụy.

Thiệu Khanh tam niên Nhâm ty tuế, nhị nguyệt, Hữu bộc xạ Hiệp
Thạch Phạm Sư Mạnh cần thuật. Chi hậu thủ Mai Tỉnh thư.

Môn Sâm lịch Tỉnh thường văn doan,
Thàn tại bích tiêu Ngân Hán gian.
Hạ thị kinh đào thiên vạn lý,
Trường thiên phù thủy, thủy phù san.

Hữu bộc xạ Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh Á Nghĩa Phu.

DỊCH NGHĨA :

CHÙA SƯNG NGHIÊM NÚI VÂN LÔI THỜ TƯỢNG ĐẠI BI

Đất trời có tượng, tảo chở che để nuôi dưỡng muôn linh,
Thời tiết không hình, ngầm nóng lạnh để hóa thành vạn vật.

Vì thế cho nên :

Ngó nhòm trời đất, kẻ cung phàm đều biết được mối manh,
Tra xét âm dương, bậc thánh triết hiếm hay cùng vận số.

Thế nhưng :

Đất trời chưa đựng âm dương, mà dễ hiểu, là vì có tượng,
Hai khí ở trong trời đất, mà khó hay, là bởi không hình.

Cho nên mới biết :

Tượng rõ dễ hay, tuy ngu chẳng rối,
Hình ngầm khó thấy, dẫu trí còn mè.

Phương chi :

Đạo Phật chuộng hự, cưỡi «không» ngự «tịch».

Nay trụ trì đại hòa thượng :

Ấn tích non rùng, lìa nhà tu đạo, để giúp đỡ việc trụ trì chùa Khánh
Lâm, đã có chiếu mệnh ghi rõ năm tháng. Nhân đó sư thừa hứng du ngoạn
nhiều nơi, thấy non Vân Lôi, bốn bề sầm uất, trong lòng ưa thích, sư bèn mở
núi bat rùng, xây dựng vài am, đúc pho Tam Thế, cùng tượng Đại Bi, toàn bằng
vàng thực, đặt ở đỉnh non, sớm chiều cầu khấn : hoàng đồ bền vững, thiên hạ
thái bình, đức vua muôn tuổi.

Sư nghĩ nơi đây :

Đông có xóm làng, cửa nhà đông đúc, có thể làm noi chung đình của
hào gia,

Nam gần sông lớn, chảy tới biển khơi, có thể làm chốn ménh mông cho
thế giới.

Tây có sông Kinh, len lỏi tới hương Đại Ly, núi Ma Ni, có thể làm cảnh
tráng quan cho các vùng quận huyện,

Bắc kề đường lớn, ăn thông tới Thần Đầu hải khẩu, có thể làm noi nghỉ
tốt cho kẻ lại người qua.

Đúng là dùng bốn phía làm giới phong, đứng trấn ở non Vân Lôi, vì non
này là chủ các non. Nay có đất hoang, chán non sát liền nước mặn, thường sử
dụng cồn thửa, đông gần đường nhỏ, lấy nguồn nước Khê Sơn làm giới hạn,
tay giáp Vỹ Sơn, lấy chốn họp đông người làm giới hạn. Việc lưu thông thường
ở nhà chùa, để nuôi tăng, cho tu bổ lại không để đồ nát. Tôi kính cần giải lời
quê vung, ghi lại tháng năm, cho nên dựng bia và khắc bài minh này :

Kè non Vân Lối,
Am cỏ bên sông.
Con người xây dựng,
Giới tuệ viễn thông.
Kẻ sống người chết,
Ngàn năm phúc chung.
Chúng sinh cứu vớt.
Tử bi rủ lòng.
Bến mê dẫn dắt,
Muôn loài qua sông.
Mọi người hồn hở,
Khắp chốn ngóng trông.

Đạo huyền sâu lắng,
Bờ bến khôn cùng.
Đồi hình lánh tục,
Khuất bóng về «không».
Nét vàng mờ sắc,
Hiện ra huy hoàng.
Thần non hộ vệ,
Thí chủ cung dâng.
Sớm chiều không ngọt,
Tấp nập giàu sang.
Minh này tựa áy,
Ghi làm sử vàng.

Ngày 16 tháng 2 năm Nhâm tý niên hiệu Thiệu Khánh thứ 3 (Trần Nghệ Tông 1372), Hữu bộ xạ Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh kính cẩn trình bày. Chi hậu thủ Mai Tỉnh viết.

Trèo mây tay với trăng sao,
Thân noi sông Bạc tầng cao xanh mờ.
Cúi nhìn muôn dặm sóng xô,
Nước lung trời thẳm, non phô mặt duềnh.

Hữu bộ xạ Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh Á Nghĩa Phu

ĐỖ VĂN HY

ĐỒNG NGẠN HOÀNG

同彥翊

(? — ?)

Đồng Ngạn Hoàng người huyện Chi Linh, châu Thượng Hồng (nay là huyện Chi Linh, tỉnh Hải Hưng), Ông sinh và mất năm nào đều chưa rõ, chỉ biết là người cuối đời Trần.

Tác phẩm : hiện còn một bài thơ chép trong *Việt âm thi tập*.

91

和范峽石韻

HOA PHẠM HIỆP THẠCH VẬN

介	軒	碑	刻	峽	山	詩	,
鸞	翔	鳳	翥	覩	如	曾	.
二	兩	聞	望	萃	夷	見	,
兩	青	輔	弼	唐	虞	登	.
一	白	朝	弼	廩	升	孔	,
文	有	衫	憶	常	率	真	
		頭	還	見	率	流	
		章	籍	提	空	汗	
		若	鶴	鶴	與	鵬	

Giới Hiên bi khắc Hiệp Thạch thi,
 Loan tường phượng chữ đồ như tảng.
 Nhị công văn vọng Hoa di kiến,
 Lưỡng triều phụ bật Đường Ngu dǎng.
 Thanh sam ức thường thăng Khồng thất,
 Bạch đầu hoàn kiến suất chán dǎng.
 Văn chương tích thực không lưu hǎn,
 Hữu nhược tiêu liêu dữ đại bǎng.

DỊCH NGHĨA :

HOA VĂN THƠ PHẠM HIỆP THẠCH (1)

Bia Giới Hiên (2) khắc thơ Hiệp Thạch,
 Loan lượn phượng bay như từng thấy.
 Hai ông nổi tiếng khắp Hoa Di (3),
 Giúp hai triều (4) được như Đường Ngu (5).

Lúc đi học đã có chí lớn,
 Khi đầu bạc lại tỏ là bậc chân nhân.
 Văn chương đẹp đẽ để lại muôn đời,
 Ái so với các ông cũng như chim chích với đại bàng.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phạm Hiệp Thạch* : tức Phạm Sư Mạnh, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
- (2) *Giới Hiên* : tức Nguyễn Trung Ngạn, người làng Thủ Hoàng, huyện Ân Thi (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
- (3) *Hoa Di* : *Hoa* chỉ dân tộc Trung Hoa ; *Di* : chỉ dân tộc thiểu số. Ở đây *Hoa Di* chỉ nơi văn vật và nơi hẻo lánh, xa xôi.
- (4) *Hai triều* : chỉ đời Trần Minh Tông và Trần Dụ Tông.
- (5) *Đường Ngu* : tức Đường Nghiêu và Ngu Thuấn, hai đời vua nổi tiếng thịnh nhất thời cổ xưa.

LÊ QUÁT

黎适

(?)

Lê Quát tự là Bá Quát 伯适, hiệu Mai Phong 梅峯, thuộc dòng dõi Lê Văn Thịnh, chưa rõ sinh và mất năm nào. Ông người huyện Đông Sơn 東山 (1); là một trong số những học trò xuất sắc của Chu An, từng thi đỗ Thái học sinh và giữ một số chức vị quan trọng dưới triều Trần Minh Tông 陳明宗. Sang triều Trần Dụ Tông 陳裕宗, vào đầu năm Đại Trị (1358), Lê Quát làm chức Tả tư lang kiêm Hàn làm viện phụng chỉ. Ít lâu sau, ông được thăng làm Thượng thư Hữu bộc xạ; năm Đại Trị thứ chín (1366), được giao nhiệm vụ đi kiểm tra sổ sách về tài chính ở Thanh Hóa, và được thăng chức Thượng thư Hữu bộc nhập nội hành khiền.

Lê Quát khá nổi tiếng về văn chương, ông cùng Phạm Sư Mạnh 范師孟 muôn thay đổi không khi học thuật đương thời, bằng cách đề cao đạo Nho, bài xích đạo Phật.

Tác phẩm: hiện còn 7 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*, *Tinh tuyển chư gia luật thi* và 1 bài văn bia chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(1) Ở về phía tây bắc thị xã Thanh Hóa ngày nay.

92

送范公師孟北使

TỔNG PHẠM CÔNG ^{1*} SƯ
MẠNH ^{2*} BẮC SỨ

驛 路 三 千 君 據 鞍,	
海 門 十 二 我 還 山。	
朝 中 使 者, 天 邊 客,	
君 得 功 名, 我 得 聞。	

Dịch lộ tam thiên quân cư an,	
Hải môn thập nhị ngã hoàn san.	
Triều trung ^{3*} sứ giả, thiên biên khách,	
Quân đắc công danh, ngã đắc nhàn.	

DỊCH NGHĨA :

TIẾN PHẠM SƯ MẠNH ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC (1)

Qua ba nghìn dặm đường đi sứ, bác ngồi trên yên,
Vượt mươi hai cửa biển, tôi trở về núi.
Kẻ sứ giả của triều đình, kẻ nơi chân trời,
Bác được công danh, tôi được chử nhàn.

DỊCH THƠ :

*Người tựa trên yên trải dặm ngàn,
Kẻ về cửa bắc cách quan san.
Sứ thần, dài khách nào hơn kém,
Ông được công danh, lão được nhàn.*

*Theo ĐINH VĂN CHẤP
(Nam phong ; số 115 ; 1927)*

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT, TDTT, TVTL2, TVTL3 : không có chữ 公 công.
- 2* TVTL2 : thêm chữ 奉 phụng.
- 3* TDTT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT : 南 朝 Nam triều.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo ĐVSKTT, Lê Quát làm bài này khi còn trẻ.

93 – 94

書懷

THƯ HOÀI

其一

Kỳ nhất

事	務	如	毛	病	復	閑,
乾	坤	萬	變	靜	中	看
雙	梅	橋	畔	秋	風	老,
無	數	黃	花	映	藥	欄。

Sự ^{1*} vụ như mao, bệnh phục ^{2*} nhàn,
Kiền khôn vạn biến ^{3*} tĩnh trung khan,
Song Mai kiều bạn thu phong lão,
Vô số hoàng hoa ánh ^{4*} dược lan.

其二

Kỳ nhì

年來世事與心違，
日望家山賦式微。
水國天寒驚歲暮，
木蘭花老雨霏霏。

Niên lai thế sự dữ tâm vi,
Nhật vọng gia sơn phú Thức vi.
Thủy quốc thiên hàn kinh tuế mộ,
Mộc lan hoa lão vũ phi phi.

DỊCH NGHĨA:

NỘI LÒNG

Bài thứ nhất

Công việc bột bè (1), ốm thành ra nhàn,
Trong yên tĩnh, ngồi nhìn biển đổi của trời đất,
Bên cầu Song Mai (2), gió cuối thu,
Màu vàng của vô số hoa cúc ánh vào lan can.

Bài thứ hai

Mấy năm nay, việc đói trại với lòng,
Ngày ngày trông về quê hương, đọc thơ Thức vi (3).
Nơi sông nước, trời trở lạnh, giật mình năm sắp hết,
Hoa mộc lan tàn héo dưới mưa bay.

KHẢO ĐÍNH:

1* VATT : 世 thể.

2* VATT, TVTL2, TVTL3 : 後 hậu.

3* TVTL2 : 遍 biên.

4* TVTL2, TVTL3 : 煙 chiếu.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo nguyên văn, thì phải dịch là «sự việc nhiều như lòng». Ở đây chúng tôi dịch thoát ý.
- (2) *Song Mai* : chưa rõ là tên cầu hay tên đất. Đây tạm hiểu là tên một cái cầu.
- (3) *Thức vi* : tên một bài thơ trong Quốc phong, Thi kinh 國風, 詩經 nói lên tâm trạng của người lưu lạc, chỉ muốn về quê nhà.

銅 虎

一	雙	銅	虎	踞	城	隅,
守	護	天	閣	幾	度	秋。
精	孕	首	山	經	百	鍊,
威	分	岩	殿	爍	雙	眸。
石	羊	怪	誕	終	美	信,
金	馬	誇	張	豈	足	伴。
恰	似	忠	臣	心	鐵	石;
威	聲	凜	凜	臥	邊	頭。

ĐỒNG HỒ

Nhất sòng đồng hồ cứ thành ngung (ngu),
Thủ hộ thiên hôn kỷ độ thu.
Tinh dặng^{1*} Thủ Sơn kinh bách luyện^{2*},
Uy phán Nham Điện thước song mâu.
Thạch dương quái đản chung hèle tín ?
Kim mã khoa trương khởi túc mâu !
Cáp tự trung thần tâm thiết thạch,
Uy thanh lâm lâm ngoa biên đâu.

DỊCH NGHĨA :

CON HỒ BẮNG ĐỒNG

Một đôi hồ đồng ngồi ở góc thành,
Canh gác cung điện đã mấy thu.
Chất đồng kết tụ ở núi Thủ Sơn (1), đã qua trăm lần luyện,
Oai phong được chia xẻ từ chốn Nham Điện (2), sáng quắc đôi người.
Đè đá (3) kỳ quái, rốt cục tin làm sao được ?
Ngựa vàng (4) khoa trương, nào có gì đáng sánh đâu !
Hồ hệt như kẽ trung thần, lòng sắt đá,
Uy danh lừng lẫy, nằm trấn ở chốn biên thùy.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT, TVTL2: 朵 dòa.

2* TTCGLT, TVTL2, TVTL3: 練 luyện.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Núi Thủ Sơn*: Nơi có mỏ đồng, ở phía nam huyện Tương Thành, thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Tương truyền ngày xưa, Hoàng Đế khai thác đồng ở đây để đúc ba cái vạc lớn và theo nội dung của bài thơ trên, thì đôi hồ đồng cũng lấy đồng ở mỏ Thủ Sơn đúc nên.
- (2) *Nham Điện*: Đồi Hán - Đường có xây Hồ điện trên một ngọn núi, nên gọi là Nham Điện. Nham Điện cũng là một kỳ tích nổi tiếng.
- (3) *Đè đá*: (thạch dương) chưa rõ tích gi.
- (4) *Ngựa vàng (kim mã)*: Tên một cửa thành ở cung nhà Hán. Bên cửa thành này có một con ngựa bằng đồng, nên cũng gọi là Cửa ngựa vàng (Kim mã môn). Thực ra thì chữ «kim» có nghĩa là kim loại, có thể bằng đồng, có thể bằng vàng hoặc bằng các thứ kim loại khác, chứ không nhất thiết là vàng cả. Đây dịch *ngựa vàng* là chỉ với nghĩa quen nói, quen dùng mà thôi. Tích trên đây cũng không gắn với tinh thần câu thơ lầm. Chờ nghiên cứu thêm.

鴈足燈

(漢武時上林中有鴈足燈)

上	鴈	足	燈	制	異	尋	常
鴛	盤	底	裁	七	尺	長	，
容	間	間	成	疑	繫	帛	。
依	鶴	脚	痕	詭	排	行	。
隱	飛	影	冷	冷	汀	月	，
堪	蛾	焰	冰	冰	塞	霜	。
蟠	笑	飛	翻	翻	塞	。	。
	蟠	蝶	宮	尚	奇	巧	，
			甲	照	咸	陽	。

NHẠN TÚC ĐĂNG

(Hán Vũ thời ^{1*}, Thượng Lâm trung hữu
nhạn túc đăng)

Thượng Lâm đăng chế dị tầm thường,
Nhạn túc tài thành thất xích ^{2*} trường.
Bàn đè cao ngàn nghi hệ bạch,
Song gian cước ảnh nhận bài hàng.
Y hy hạc diệm lãnh định nguyệt,
Ấn ảnh ^{3*} nga phi phiên tái sương.
Kham tiêu Tân cung thượng kỳ xảo,
Bàn ly phi giáp chiếu Hàm Dương.

DỊCH NGHĨA :

ĐÈN CHÂN NHẠN

(Thời Hán Vũ đế, ở vườn hoa Thượng Lâm (1) có đèn chân nhạn)

Đèn ở Thượng Lâm chế ra khác loại đèn bình thường,
Chân nhạn làm dài đến bảy xích (2).
Ngắn mõ dưới đáy đèn nom ngõ buộc dải lụa,
Bóng chân trên cửa sổ, trông như xếp hàng.
Lửa hạc cháy (3) phảng phất như trăng lạnh trên bãi sông,
Đèn ngài bay (4) mờ tỏ như sương quay lượn nơi biên tái.
Đáng cười cho cung nhà Tân thích sự kỳ xảo,
Đèn ly sáng đợc trong cung Hàm Dương (5) mà thôi !

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : sau chữ 武 vú có chữ 帝 đế. TVTL3 : 帝 đế.

2* TVTL1 : 尺 thốn.

3* TVTL2, TVTL3 : 照 chiếu.

CHÚ THÍCH :

(1) *Thượng Lâm* : nguyên là tên một vườn hoa lớn đời Tân. Sang đời Hán, Vũ Đế đã cho xây dựng lại với quy mô lớn hơn và diện tích cũng rộng hơn. Từ Mã Tương Như có làm bài *Thượng Lâm phú*, nói lên sự xây dựng hết sức xa hoa ở khu vườn này. Vườn hoa này ở về phía tây Trường An, thuộc tỉnh Thiểm Tây.

- (2) Một xích dài 0m33. Bảy xích tức khoảng 2m30. Có bản viết là *bảy thốn*, nghĩa là khoảng 0m23. Ngờ là viết sai.
- (3) *Lửa hạc cháy*: nguyên văn là *hỏa diệm*. Có lẽ là lửa cháy giống hình con hạc hay vật làm giống hình con hạc được thắp sáng nên gọi là *hỏa diệm chǎng*? Ở đây chúng tôi tạm dịch là *lửa hạc cháy*.
- (4) *Đèn ngài bay*: nguyên văn là *nga phi*. Có lẽ ý tác giả muốn nói đến những loại bướm nhỏ bay quanh đèn.
- (5) Theo sách *Tây kinh tạp ký* 西京雜記 thì ở cung Hàm Dương có loại đèn gọi là đèn *Thanh ngọc*, dưới đèn có gắn con ly cuộn (bàn ly), mồm ly ngậm đèn, khi đèn thắp sáng thì các vây, vây của con ly đều động đậy. Ở câu thơ trên ý tác giả muốn nói đèn chân nhọn còn hơn cả đèn *Thanh ngọc* ở cung Hàm Dương.
Theo nguyên văn câu cuối bài thơ còn có thể dịch: «Để cho bóng rồng lượn, rùa bay chiếu tòa chốn Hàm Dương». Rùa thì không bay được (phi giáp). Nhưng đây là rùa vẽ (hoặc cắt hình đính trên khung quay của đèn) bóng in trên các khoảnh giấy phết quanh đèn, trông tựa như bay vậy.

97

鳩杖

(禮儀志: 漢民年七十者, 授玉杖以鳩鳥焉歸, 欲老人如鳩不咽也)

CƯU TRƯỢNG

(Lễ nghi chí: Hán dân niên thất thập già, thụ ngọc trưng dĩ cưu diều vi sức, dực lão nhân như cưu bất ế dã)

君	恩	優	老	禮	尤	殊,
刻	杖	鳩	鷹	大	力	扶。
削	出	花	膺	全	體	活,
寃	成	錦	翼	一	枝	孤。
過	眉	鶴	膝	剛	才	少,
在	首	龍	形	晚	節	無。
製	此	豈	惟	求	不	咽,
扶	危	急	急	是	良	圖。

Quân ân ưu lão lê vưu thủ.
Khắc trưng vi cưu đại lực phù,
Tước xuất hoa ưng toàn thể hoạt,
Uyên thành cầm dực nhất chi cô.
Quá mi hạc tất cường tài thiều,
Tại thủ long hình vẫn tiết vô.
Chế thỉ khởi duy cầu bất ế,
Phù nguy cấp 1* cấp thị lương đồ.

DỊCH NGHĨA:

GẬY CƯU (1)

Lễ nghi chí: Dân đời Hán cứ đến 70 tuổi thì được cho một chiếc gậy ngọc, trên có chạm hình chim cưu để trang sức, ý muốn chúc người già như chim cưu ăn không bị nghẹn) (2).

Ôn vua ưu đãi người già, ban cho đồ vật rất đặc biệt,
Gậy khắc hình chim cưu, sức đỡ lớn.
Trò nén ngực hoa, toàn thân sinh động,
Uốn thành cánh gấm, đậu một cánh lẻ loi.

Gối hạc quá mày, sức lực trẻ nay đã giảm sút (⁴),
 Hình rồng ở đầu, không còn tiết lúc tuổi già (⁵).
 Làm chiếc gậy này há chỉ cầu ăn không nghẹn,
 Đỡ lúc nguy, giúp lúc gấp, đó mới là ý tốt.

KHẢO ĐỊNH :

1* Có thể là chữ 稔 ôn, do chép nhầm mà thành.

CHÚ THÍCH :

(1) Gậy cưu (cưu trượng) : Cưu là chim tu hú, trượng là gậy.
 Đây chỉ một thứ gậy trên đầu có khắc hình chim tu hú.

(2) Sách *Hậu Hán thư* 後漢書 chép: 年七十者授之以玉杖, 端以鳩為飾; 鳩者, 不喧之鳥, 故老人不喧也。Niên thất thập già, thụ chi dĩ ngọc trượng, doan dĩ cưu diều vi súc; Cưu già, bất ế chi diều, dục lão nhân bất ế dã: Những người 70 tuổi được cho một chiếc gậy ngọc, đầu gậy trang sức bằng hình chim cưu. Chim cưu là một loài chim ăn không bị nghẹn, ý muốn chúc người già ăn không bị nghẹn vậy.

(4) (5) Hai câu này chưa rõ tác giả muốn nói gì. Vậy tạm dịch và chờ tìm hiểu thêm.

98

登 高

ĐĂNG CAO ^{1*}

老	京	塵	兩	羣	昏
登	頽	覺	爽	野	魂
荒	大	野	開	峯	邑
歷	群	峯	表	回	門
鶴	北	回	天	擁	壯
雲	南	擁	帝	預	尊
慕	僧	預	宮	隨	選
樂	恩	深	朝	刻	存

Lão khứ kinh trần luồng mǎn hôn,
 Đăng cao đốn giác sáng định hồn.
 Mang mang đại dã khai lăng ấp,
 Lịch lịch quần phong biều quốc^{2*} môn.
 Diên vĩ bắc hồi thiên trụ trạng,
 Văn trung nam ứng đế cung tôn.
 Bảo nguyên tăng dự tùy triều tuyễn,
 Lạc dục ân thàm khắc cốt tồn.

DỊCH NGHĨA:

LÊN CAO

Già rồi, hai mái tóc phủ bụi kinh thành,
 Lên cao, bỗng thấy tâm thần sáng khoái.
 Đồng nội mènh mõng, trải ra những gò, ấp,
 Núi non lớp lớp, phô lên cửa nước.

Điên Vĩ (1) xoay về phương bắc, trụ trời thêm oai vệ,
 Vân Trung (2) ôm lấy phía nam, đế đô càng tôn nghiêm.
 Từng được triều đình tuyển dự vào Bảo Nguyên (3),
 Ôn sáu đào tạo còn khắc mãi trong xương cốt.

KHẢO ĐỊNH :

Bài thơ này chỉ thấy chép ở TTGTT.

1* Bài thơ vốn không có đầu đề. Đầu đề này do chúng tôi đặt.

2* Trong nguyên bản viết □ (ý là mất chữ), chúng tôi đoán là chữ quốc 國。

CHÚ THÍCH :

(1), (2) Có thể đây là những tên đất, nhưng chưa rõ ở đâu.

(3) Bảo Nguyên : phải chăng là tên một cung viện ở đời Trần ?

99

北江沛村紹福寺碑記

佛氏之禍福動人，何其得人之深且固矣。上自王荀，下至庶人，凡施於佛事，雖竭所有，顧無斲日報之不絕。今日託付於寺塔，則欣然如持左券，以取從信。故自內京城及外州府，窮村僻巷，不令而傳，不復修鐘鼓樓臺，與民居始半。其興甚易，而尊崇甚大也。余少讀書，志於古今，粗亦明聖人之道，以化斯民，而卒未能信於一鄉。常遊覽山川，足跡半天下，求所謂學宮文廟，未嘗一見。此吾所以深有愧於佛氏之徒遠矣，輒暴吾以書。

BẮC GIANG BÁI THÔN THIỆU PHÚC TỰ BI KÝ

Phật thị chi họa phúc động nhàn, hà kỳ đặc nhân chi thâm thả cổ hĩ! Thượng tự vương công dĩ chí thứ nhàn, phàm thi từ Phật sự, tuy kiết sở hữu, cố vô cản sắc. Cầu kim nhật thác phó ứ tự tháp, tắc hàn hàn nhiên như trì tǎ khoán, dĩ thủ minh nhật chí báo. Cố tự nội Kinh thành cập ngoại châu phủ, cùng thôn tích hạng, bất lệnh nhi tùng, bất minh nhi tin, hữu nhân già xú tất

hữu Phật tự, phế nhi phục hưng, hoại nhi phục tu, chung cõ lâu dài, dữ dàn cư đài bán. Kỳ hưng thậm dị, nhi tôn sùng thậm đại dã. Dư thiếu độc thư, chí ư cõ kim, thô diệc minh thánh nhân chí đạo, dĩ hóa tư dân, nhi tốt vị năng tín ư nhất hương. Thường du lâm sơn xuyên, túc tích bán thiên hạ, cầu sở vi học cung văn miếu, vị thường nhất kiến. Thủ ngô sở dĩ thâm hữu qui ư Phật thị chí đồ viễn hĩ, triếp bộc ngô dĩ thư.

DỊCH NGHĨA:

BÀI VĂN BIA CHÙA THIỆU PHÚC Ở THÔN BÁI, TỈNH BẮC GIANG

Nhà Phật lấy chuyện họa phúc tác động tới lòng người, sao mà cảm phục được người ta sâu và bền vây! Trên từ vương công, dưới đến thường dân, phàm là đóng góp cho việc nhà Phật, thì dù có dốc hết tiền của, cũng không tiếc. Giả như hôm nay có gửi gắm được gì vào tháp chùa thì hơn hở như thế cầm được khế khoản trong tay, để ngày mai được báo đáp. Cho nên từ trong Kinh thành cho đến ngoài châu phủ, kể cả những nơi thôn cùng ngõ hẻm, không bảo mà người ta cứ theo, không hẹn mà người ta cứ tin; hễ nơi nào có nhà ở, làắt có chùa chiền, bỏ rồi lại dựng, hỏng rồi lại sửa, số chuông trống lâu dài chiếm gần một nửa dân cư. Đạo Phật rất dễ thịnh hành và rất được người ta tôn sùng. Ta ngày còn trẻ đi học, dốc chí vào việc cõ kim, cũng biết qua về đạo Thánh ⁽¹⁾, muốn lấy đó để giáo hóa nhân dân, nhưng rốt cục chưa có thể làm cho một hướng nào tin theo cả. Ta cũng thường dạo chơi nơi sông núi, dấu chân đã để lại trong hầu nửa thiên hạ, thế mà chưa từng tìm thấy một trường học hay một văn miếu nào. Chính vì vậy mà ta rất lấy làm hổ thẹn khi so sánh với tin đồn nhà Phật. Bèn viết ra đây để giải tỏ lòng ta ⁽²⁾.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH:

Nguyên văn chép ở ĐVSKTT.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đây chỉ đạo Nho, tức học thuyết Khổng Mạnh.
- (2) Có lẽ đây chỉ là một đoạn trích ở bài văn bia của Lê Quát.

NGUYỄN CỔ PHU

阮 固 夫

(?)

Nguyễn Cổ Phu sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông sống vào thời Trần, làm quan đến chức Thiên chưởng các trực học sĩ. Vào năm 1335, dưới triều Trần Minh Tông 陳明宗, ông có đi sứ Trung Quốc.

Tác phẩm: hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

100

北使應省堂命席上賦詩

BẮC SỨ ỨNG TỈNH ĐƯỜNG MÊNH,
TỊCH THƯỢNG PHÚ THI^{1*}

遠春聖	邦溫朝	慕蓋天	化蓋子	來薰至	旬玳明	宣，筵，暫，
						賢。地，元。世，天。
				俱等臨蓬來	良天元盛朝	渥，絃，意，旋，地，甄，賜，綿。
					恩繁德周天陶其綿	

肱洪荒生誠
股寬包微款
弭溫朝
慕蓋天
化蓋子
來薰至
旬玳明
宣，筵，暫，
賢。地，元。世，天。
渥，絃，意，旋，地，甄，賜，綿。
恩繁德周天陶其綿

Viễn bang ^{2*} mộ hóa lai tuần tuyên,
Xuân ôn áng áng huân đại dien.
Thánh triều thiên tử ^{3*} chí minh
triết ^{4*},
Cô quăng phụ ^{5*} bát câu lương hiền.
Khoan hồng bác đại đẳng thiêng địa,
Bao hoang nạp ô làm nguyên nguyên.
Vi sinh hà hạnh phùng thịnh thế,
Khoản thành ^{6*} thuật chức lai triều
thiên.
Doanh doanh kim tôn mộc ân ác,
Huân đào hàm vịnh tùy phồn huyền.
Thai quang chí xích phung đức ý,
Mẫn đường thù tạc tác ^{7*} chu tuyển ^{8*}.
Hồng quân nhất khi chuyền thiêng địa,
Bát phương từ hải tinh đào kiên.
Khởi duy ngã bối thụ kỳ tú,
Hà hoang lạc nghiệp trường miên miên.

DỊCH NGHĨA :

BÌ SỨ PHƯƠNG BẮC, THEO MÊNH QUAN TỈNH,
LÀM THƠ NGAY GIỮA TIỆC (1)

Nước phương xa hâm mộ sự giáo hóa truyền đến,
Tiết xuân êm ám chan hòa trong bữa tiệc sang (2).
Thiên tử của thánh triều rất sáng suốt,
Những kẻ phò tá thân cận đều là bậc hiền lương.
Sự khoan hồng rộng lớn ngang trời đất,
Đùm bọc chốn hoang sơ, dung nạp nơi ô hợp để đến với dân.
Cuộc sống hèn mọn này may sao gặp đời thịnh trị,
Lòng thành tâu bày chúc trách triều báu thiên tử.
Chén vàng tràn trề, tấm gội ân huệ,
Hun đúc, nhuần thấm theo tiếng tor đàm nhộn nhịp.
Bên ánh sáng dài các gầm gang tắc, vàng theo ý tốt,
Đầy nhà thù tặc, được dịp tới lui.
Một tay tạo hóa chuyền xoay trời đất,
Tám phương bốn bề cùng được khuôn đúc.
Nào chỉ có lớp chúng tôi mới được ban ơn huệ,
Những nơi xa xôi hẻo lánh cũng mãi mãi an cư lạc nghiệp.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT : Trước đầu đề không có hai chữ 北 使 Bắc sứ ; sau chữ 賦 phú không có chữ 詩 thi.
- 2* TVTL2 : 方 phuong.
- 3* VATT : 聖朝元首 thánh triều nguyên thủ.
TVTL1 : 皇朝元首 Hoàng triều nguyên thủ.
- 4* VATT, TVTL1, TVTL3 : 聖 thánh.
- 5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 水 thừa.
- 6* VATT : 誠 款 thành khoản.
- 7* VATT : 相 tuường.
- 8* TVTL2, TVTL3 : 全 toàn.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo ANCL của Lê Trắc, thì vào năm đầu niên hiệu Chí Nguyên (niên hiệu của Nguyên Thuận Đế 元順帝, Trung Quốc), tức là năm 1335, sứ giả của nhà Trần là Nguyễn Cố Phu sang cống nhà Nguyên, đồng thời mừng việc Nguyên Thuận Đế lên ngôi (vào năm Nguyên Thống, 1333). Bài thơ này của Nguyễn Cố Phu có lẽ là làm vào dịp đó.
- (2) Bữa tiệc sang trọng : chúng tôi dịch thoát hai chữ «đại diên». Đại là đồi mồi ; diên là chiếu. «Đại diên» là chiếu đồi mồi, ở đây dùng để chỉ một bữa tiệc sang trọng.

TRẦN NGUYỄN ĐÁN

陳 元 旦

(1325 - 1390)

Trần Nguyên Đán hiệu là Băng Hồ 冰 壺, sinh năm Ất sửu (1325). Quê ở hương Túc Mặc 鄭 署, lộ Thiên Trường 天 長⁽¹⁾. Ông là cháu tăng tôn Trần Quang Khải và là ngoại tổ vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi.

Nguyễn Đán thuộc họ tôn thất, nên từ sớm đã được bồ nhâm làm quan theo qui chế tập chức, đến năm 1369 lại có công dẹp loạn Dương Nhật Lê 楊 日 禮, được phong chức Tư đồ phụ chính. Đời Trần Đế Nghiễn 陳 帝 暇, Hồ Quý Ly 胡 季 疊 tiếm quyền, Trần Nguyên Đán biết nhà Trần sắp mất, xin về hưu dưỡng ở Côn Sơn⁽²⁾.

Ông mất ngày 14 tháng 11 năm Canh ngọ (1390) tại Côn Sơn, thọ 65 tuổi. Sau khi ông mất, Trần Nghệ Tông 陳 藝 宗 có đề bài thơ viếng và phong thụy cho ông là Chương túc Quốc thượng hầu.

Tác phẩm: có *Băng Hồ Ngọc hác tập* 冰 壺 王 墅 集 đã mất. Hiện chỉ còn 51 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay là huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh.

(2) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

101

奉慶太上皇御製
題天長府重光宮

漢	家	豐	沛	竹	鳥	宮	
鶴	髮	道	遙	太	上	翁	
寄	與	乾	高	坤	厚	外	
優	游	山	色	水	聲	中	
長	空	秋	皓	黃	江	月	
芳	草	春	回	綠	浦	風	
清	暇	每	存	泉	社	念	
料	知	夢	寐	昇	龍	龍	

PHUNG CANH THAI THUONG HOANG
NGU CHIE ĐỀ THIEN TRƯỜNG PHU
TRUNG QUANG CUNG

Hán gia Phong, Bái trúc vi cung,
Hạc phát tiêu dao Thái Thượng ông.
Ký hưng ^{1*} càn cao khôn hậu ngoại,
Ưu du sơn sắc thủy thanh trung.
Trường không thu hạo Hoàng Giang
nguyệt,
Phuong thảo xuân hồi Lục Phố phong.
Thanh hạ mỗi tồn tông xã niệm,
Liệu tri mộng mị đáo Thăng Long.

DỊCH NGHĨA:

HỌA BÀI THƠ CỦA THÁI THƯỢNG HOÀNG ⁽¹⁾
ĐỀ Ở CUNG TRÙNG QUANG, PHỦ THIÊN TRƯỜNG ⁽²⁾

Như cung nhà Hán ở đất Phong, đất Bái ⁽³⁾ làm bằng tre,
Tóc đã bạc Thượng hoàng thong thả dạo chơi.
Gửi hưng thú tận ngoài cõi trời cao đất rộng,
Thung dung ở trong khoảng nước biếc non xanh.
Mênh mông trời thu; bồng trăng Hoàng Giang ⁽⁴⁾,
Hương cỏ xuân về, thoảng gió Lục Phố ⁽⁵⁾.
Trong nhàn nhã, Thượng hoàng vẫn nghĩ đến việc nước,
Chắc trong giấc ngủ, vẫn mộng thấy mình đến Thăng Long.

KHẢO ĐÍNH:

1* TVTL: 傲 ngao.

CHÚ THÍCH:

(1) *Thái Thượng hoàng*: ở đây chỉ Trần Nghệ Tông 陳藝宗

(2) *Phủ Thiên Trường*: ĐVS KTT chép: «Nhâm tuất, năm thứ năm (1262), mùa xuân tháng hai, Thượng hoàng ngự đến hành cung Túc Mạc, ban tiệc to... Đồi hương Túc Mạc làm phủ Thiên Trường, đồi hành cung Túc Mạc làm cung Trùng Quang» (Bd. ĐVS KTT, T II). Về sau phủ Thiên Trường được mở rộng, bao gồm đến mấy huyện. Nay vẫn còn làng Túc Mạc, thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh.

- (3) *Phong, Bài* : quê hương của Hán Cao Tổ 漢高祖 . Ở đây tác giả ví với phủ Thiên Trường, quê hương của nhà Trần.
- (4) *Hoàng Giang* : một khúc sông Hồng ở phía bắc thành phố Nam Định ngày nay.
- (5) *Bến Lục (Lục Phố)* : chưa rõ ở đâu. Phải chăng là cửa Luộc, giáp ranh giữa huyện Hải Hậu (Hà Nam Ninh) và huyện Tiền Hải (Thái Bình) ?

102

九月對菊賡御製詩韻

CỬU NGUYỆT ĐỐI CÚC CANH NGỤ
CHẾ THI VẬN 1*

霧	洗	煙	花	滿	禁	城,
黃	花	時	節	好	秋	成。
含	霜	玉	葉	擎	天	重,
暎	日	金	葩	照	檻	明。
喜	把	寒	芳	觀	晚	節,
任	教	春	艷	負	前	盟。
家	貧	不	作	無	錢	嘆,
銅	臭	今	猶	汗	史	評。

Vụ 2* tây yên hoa 3* mẫn cẩm thành,
Hoàng hoa thời tiết hảo thu thành.
Hàm sương 4* ngọc nhị kinh thiên
trọng 5*.
Ánh 6* nhật kim ba chiếu 7* hạm minh.
Hỷ bả hàn phượng quan vẫn 8* tiết,
Nhậm 9* giao xuân diệm phụ tiền minh.
Gia bàn bất tác vô tiền thán,
Đồng xú kim do hẵn 10* sứ bình.

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHÍN NGẨM CÚC HỌA BÀI THƠ CỦA NHÀ VUA

Sương mù tan, khói và hoa đầy cả cẩm thành (1),
Mùa hoa cúc trong tiết thu đẹp.
Nhị ngọc ngâm sương, nắng trầu vươn lên,
Bông vàng nhuộm nắng, rực rỡ trước hiên.
Mừng thay, trong hơi hương lạnh được thưởng thức tiết cuối thu,
Bảo thực, vẻ xuân nồng đượm chờ có phụ lời thè xua.
Nhà nghèo, nhưng chẳng vì không tiền mà than thở,
Hơi đồng hôi tanh sứ xanh đã bình (2) nay vẫn còn.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 歌 ca.

2* TVTL1 : 露 lô.

3* TVTL1 : 光 quang.

4* TVTL1, 2 : 章 chuong.

5* HVTT : 理 lý.

- 6* TVTL2: 影 ảnh.
 7* TVTL2: 炙 chiêu.
 8* HVTT: 晚 hiều.
 9* TVTL2: 徒 túng.
 10* HVTT: 許 hứa.

CHÚ THÍCH:

(1) *Cẩm thành*: thành vua ở.(2) *Sách Hậu Hán thư*: 後漢書 chép là *Thôi Liệt* 崔列 vì có năm trăm đồng mà mua được chức Tư đồ. Từ đó có câu «hơi đồng hôi tanh» để chỉ việc mua quan bán tước.

103

奉慶聖製“觀德殿
賜進士及第宴”詩韻

禁	苑	新	晴	樹	影	斜,
禁	除	宮	焰	帝	念	多。
鵠	鵠	彩	筆	廢	宸	翰,
俊	儒	裁	冠	插	御	花。
訓	士	我	憲	明	主	意,
榮	誘	華	變	眾	人	誇。
尊	華	臣	赫	頌	他	語,
四	海	春	風	無	一	家。

PHUNG CANH THÁNH CHẾ « QUAN
ĐỨC ^{1*} DIỆN TÚ TIẾN SĨ CẬP ĐỆ
YẾN » THI ^{2*} VÂN

Cẩm uyền tân tình thụ ảnh tà,
 Thô hào quan bội ^{3*} đế niệm đa.
 Hồng nho thái ^{4*} bút canh thần hồn,
 Tuấn ^{5*} sĩ nga quan sáp ngự hoa.
 Huấn dụ ân cần minh chủ ý,
 Vinh hoa hách ^{6*} dịch chúng nhân
 khoa.
 Tôn thần chúc tụng vô tha ngữ,
 Tứ hải xuân phong lạc nhất gia.

DỊCH NGHĨA:

HỌA VĂN BÀI THƠ « BAN YẾN CHO NHỮNG NGƯỜI ĐỘ TIẾN SĨ Ở DIỆN
QUAN ĐỨC » CỦA NHÀ VUA

Trong vườn cẩm (¹), nắng mới lên, bóng cây đồ nghiêng,
 Yến bày bát ngọc cùng với quan hầu, ơn vua thật nhiều.

Vẻ bút của bậc đại khoa, họa văn thơ nhà vua,
 Chiếc mũ người hiền sĩ, cài bóng hoa ngự.

Lời ân cần huấn dụ, đặng minh quân xiết bao mong mỏi,
 Cảnh vinh hoa rực rỡ, người người đều khen.

Kẻ bè tôi này muốn chúc tụng, nhưng không biết nói gì hơn,
 Chỉ xin chúc bốn bề một nhà vui trong gió xuân.

DỊCH THƠ :

Nắng hòa vườn cẩm nhuộm thanh tân,
 Yên âm tung bừng, thăm đúc ân.
 Bút họa thơ vua, khen học sĩ,
 Mù cài hoa ngự, đẹp văn nhân.
 Ân cần huấn dụ, lòng minh chúa,
 Tấm tắc vinh hoa, miệng thế tràn.
 Chúc tụng dám đâu lời lẽ khác,
 Yên vui bốn bề một nhà xuân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 務 vụ.
- 2* TVTL1; 2 : không có chữ 詩 thi.
- 3* TVTL2 : 除官陪考 trù quan bồi khảo.
- 4* TVTL2 : 飛 phi.
- 5* HVTT : 憂 ưu.
- 6* TVTL1 : 烏 diều.

CHÚ THÍCH :

- (1) Vườn cẩm (cẩm uyên) : vườn riêng của nhà vua.

104

奉賡御製“秋懷”詩韻

熟經江殿畫酒蕭幾	業綸山閣靜醒闌點	中上盡生看覺日花	歲心天籟似如多寶	晚勞淨號毛壘刀。
鏡紙雲風嬾方此苔			催謾一萬書事無縫	

PHUNG CANH NGU CHIE
· THU HOAI · THI VAN

Huân nghiệp kinh trung thời tuế vẫn,
 Kinh luân chỉ thượng mạn tâm lao.
 Giang sơn vẫn tận nhất thiên tình ^{1*},
 Điện các phong sinh vạn lại hào.
 Trú tĩnh lẩn khan thư tự hải,
 Trú tĩnh phượng giác sự như mao.
 Tiêu Quan thủ nhật vỏ da lũy,
 Ký điềm dài ^{2*} hoa tú bảo đáo.

DỊCH NGHĨA:

HÓA VĂN BÀI THƠ « THU HOÀI » CỦA NHÀ VUA

Trước gương, công nghiệp chỉ thôi thúc cho tuổi mau già,
 Trên giấy, kinh luân bàn đến thêm mệt lòng.
 Non sông đã quang mây, cả một trời trong sáng,
 Cung điện khi gió nôi, như có muôn tiếng sáo.
 Ban ngày yên tĩnh, sách nhiều như biển mà ngắn xem.
 Lúc tĩnh rượu, công việc bè bộn mới nhớ ra,
 Ngày nay ngoài Tiêu Quan ⁽¹⁾ không còn lầm chuyện phiền nhiễu,
 Mấy đám rì rả mọc lốm đốm trên thanh bảo đao.

KHẢO ĐỊNH:

1* HVTT : 静 tịnh.

2* HVTT : 桃 đào.

CHÚ THÍCH :

(1) Tiêu Quan : một cửa ải quan trọng ở huyện Cố Nguyên, tỉnh Cam Túc; xưa kia, cửa ải này được coi là yết hầu ở phía bắc của Trung Quốc, ải được xây dựng kiên cố và canh phòng nghiêm ngặt để phòng ngoại xâm. Tiêu Quan không bị ngoại xâm quấy nhiễu, đó là cảnh thái bình.

105

九月三十日夜有感

CỦU NGUYỆT TAM THẬP
NHẬT DẠ HỮU CẨM

疎銀香煙千一晚青	半無小古難不早黃	掩光鑄鼎買回梅卷	退月新熟好閑新舊	霜影稻蘭秋歲貴	花斜粥茶色花。
----------	----------	----------	----------	---------	---------

Sơ linh bán yêm đậu ^{1*} sương hoa,
 Ngân Hán vò quang nguyệt ^{2*} ánh tà.
 Hương độ tiêu đang tân đạo chúc,
 Yên ^{3*} ngưng cỗ đinh thực lan trà.
 Thiên kim nan mãi hảo thu sắc,
 Nhất khứ bất hồi nhàn tuế hoa.
 Văn cúc tảo mai tân phú qui,
 Thanh dặng hoàng quyền cựu sinh nhai.

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC ĐÊM BA MƯOI THÁNG CHÍNH.

Song thưa nửa khép đọng lại sương hoa,
 Sông Ngân không sáng, ánh trăng chênh chêch (1).
 Hương thơm bốc từ chiếc niêu nhỏ, nấu cháo gạo mới,
 Khói tụ lại ở chiếc đinh cỗ, chè lan đã ngấm.
 Sắc thu đẹp, ngàn vàng khó mua,
 Thời gian nhàn phi, một đi không trở lại.
 Cảnh cúc tàn, mai sớm, lại có cảnh phú qui mới,
 Đèn xanh, sách vàng vốn là nghiệp cũ.

DỊCH THƠ :

*Song thưa nửa khép đọng sương sa,
 Ngân Hán mờ đi, ánh nguyệt tà.
 Hương bốc niêu con, mùi cháo mới,
 Khói xông đinh cũ, ấm trà pha.
 Nghìn vàng khó đổi màu thu đẹp,
 Một tết không quay cảnh tuổi già.
 Hoa mới cúc mai là phú qui,
 Sách đèn nếp cũ ấy sinh nhai.*

NGUYỄN ĐỨC VĂN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 遠 bức.
- 2* TTCGLT : 晚 烈.
- 3* VTTL1 : 霧 sương.

CHÚ THÍCH :

- (1) Câu này không phù hợp với đầu bài. Đầu bài nói là *dêm ba mươi*, nhưng câu thơ lại tả «ánh trăng chênh chêch». Phải chăng trong văn bản gốc, *dêm hai mươi* đã chép nhầm thành *dêm ba mươi*?

至靈山鳳凰峰

雙鳳麟龜危斷松相	鳳凰萬塔水磴橋風相	悠然古倒經年似	望愛如作蒼黑喧	杳芳虹雨蘚芝空	冥名影聲合生響	，
鳳	萬	倒	作	黑	芝	
麟	塔	經	蒼	喧	空	
龜	水	年	黑	喧	響	
危	磴	雨	喧	響	，	
斷	橋	晚	九	成		
松	風	晚				
相	來	儀				

CHÍ LINH SƠN PHƯỢNG
HOÀNG PHONG

Song Phượng du nhiên vọng liều minh,
 Phượng Hoàng vạn cổ ái phuong danh.
 Lan Phong tháp đảo như hồng ^{1*} ảnh,
 Miết Thủy tuyền minh tác vũ thanh.
 Nguy đắng kinh niên thương tiễn hợp,
 Đoạn ^{2*} kiều quá vũ hắc chi sinh.
 Tùng phong nhật vẫn huyên không
 hưởng,
 Tương tự lai nghi tấu cửu thành.

DỊCH NGHĨA :

ĐỈNH PHƯỢNG HOÀNG (1) Ở NÚI CHÍ LINH

Xa xa thấp thoáng đỉnh Song Phượng,
 Núi Phượng Hoàng nổi tiếng từ ngàn xưa.
 Tháp ở Lan Phong (2) nghiêng xuống như bóng cầu vồng,
 Suối ở Miết Thủy (3) reo lên tui tiếng mưa rơi.
 Bạc đá cheo leo, quanh năm rêu xanh phủ lấp,
 Chiếc cầu gãy, sau cơn mưa nấm đen mọc lên.
 Chiều tà gió nỗi, thông reo vang giữa trời,
 Giống như chim phượng hoàng về chầu tấu chin khúc nhạc (4).

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT : 例 lệ.

2* TVTL : 新 Tân.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Núi Phượng Hoàng* : một núi ở dãy núi Chí Linh, xã Kiệt Đặc, huyện Phượng Nhãn (nay là huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng).
- (2) *Lan Phong* : một đỉnh núi ở dãy núi Chí Linh.
- (3) *Miết Thủy* : có lẽ là một giòng suối bắt nguồn từ ao Miết Trì trong núi Chí Linh.
- (4) *Chín khúc nhạc* : tức chín khúc của nhạc Thiều. Tương truyền nhạc này có từ đời vua Thuấn, mỗi lúc cử nhạc, có chim phượng hoàng đến chầu.

寶嚴塔

九萬曉夜三那	層古日風摩舍	倚靈光吹地城笑蛇	漢踪臨起上中憂琢	築佛壇鐸簪湧莊役	堅骨畫聲蒼白七民	牢韜動高玉毫寶勞
--------	--------	----------	----------	----------	----------	----------

BẢO NGHIÊM THÁP^{1*}

Cửu tầng ý Hán trúc kiên lao,
Vạn cõi linh tung Phật cốt thao.
Hiếu nhật quang lâm Khuê hoạch động^{2*},
Đá phong xùy khởi đạc thanh cao.
Tam ma^{3*} địa thượng trâm thương^{4*}
ngọc, Na xá⁵ thành trung dũng bạch hào.
Nhất tiểu vô ưu trang thất bảo,
Long xà đôi^{6*} trác dịch dàn lao.

DỊCH NGHĨA :

THÁP BẢO NGHIÊM (1)

Chín tầng dựa vào Ngân Hán, kiến trúc vững vàng,
Đáu thiêng muôn thuở, nơi cất dấu hài cốt Phật.
Ánh sáng ban mai rọi vào, nét sao Khuê như rung động (2),
Gió đêm thổi đến, tiếng mõ vang vang.
Trong Tam ma (3) cẩm chiếc trâm ngọc xanh,
Nơi Na xá (4) dựng ngọn bút trắng (5).
Cười cho sự vô lo, đem thất bảo (6) diêm tô lên tháp,
Chạm trồ rồng rắn làm dân phải mệt nhọc.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT chép đầu đề bài thơ là 詠寶嚴塔 Vinh Bảo Nghiêm tháp.

2* TVTL2 : 宿 tú.

3* TVTL2 : 不 bắt.

4* TVTL2 : 侵 xâm.

5* TVTL2 : 合 hợp.

6* TVTL2 : 遊 dôi.

CHÚ THÍCH :

(1) Tháp Bảo Nghiêm : chưa rõ ở đâu.

(2) Chùm sao Khuê có 16 sao, giữa các sao có đường nối khuất khúc như chữ viết. Ở đây tác giả ví các chữ viết trên tháp như chùm sao Khuê, ánh sáng chiếu vào lạy động.

(3), (4) Tam ma, Na xá : đều chỉ nơi tu hành của nhà Phật. Chưa rõ xuất xứ.

- (5) *Cây bút trắng* (*bạch hào*) : ngày xưa dùng ngòi bút lông, ngòi bút hình tháp, vì vậy tác giả dùng hình tượng này để tả ngòi tháp. «Bạch hào» còn có một nghĩa nữa : Như Lai có 80 tưống lìa. Cái lông mày trắng (*bạch hào*) rất dài ở mắt là một trong 80 tưống lìa đó.
- (6) *Thất bảo* : hảy thứ quý : vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, trân châu, san hô.

108

題玄天紫極宮

ĐỀ ^{1*} HUYỀN THIÊN TỬ CỰC CUNG

耿	三	花	數	仍	開,
蹇	鬱	秀	絕	氣	埃。
王	校	錄	紅	雲	擁,
金	朝	元	翠	蓀	回。
春	早	移	花	影	動,
秋	晚	送	鶴	聲	來。
流	殿	下	松	千	樹,
盡	是	天	擎	手	栽。

Cảnh cảnh tam hoa sô nhận khai,
Kiền làm uất tú tuyệt phân ai.
Ngọc Hoàng hiệu lục hồng vân ủng,
Kim Mẫu triều nguyên ^{2*} thủy bảo hồi.
Xuân nhật ^{3*} tảo di hoa ảnh động,
Thu phong vân ^{4*} tổng hạc thanh lai.
Lưu Quang điện hạ tung thiên thụ,
Tận thị kinh thiên nhất thủ tài.

DỊCH NGHĨA :

BỀ CUNG TỬ CỰC ⁽¹⁾ Ở BỘNG HUYỀN THIÊN

Trên cao mấy nhánh ⁽²⁾, rực rõ hoa một năm nở ba lần ⁽³⁾,
Khu rừng xanh tốt, cách biệt bụi bặm.
Ngọc Hoàng đi tuần sát, có mây hồng che phủ,
Kim Mẫu ⁽⁴⁾ vào chầu, có long thủy ⁽⁵⁾ rước về.
Buổi sớm, nắng xuân đầy bóng hoa lay động.
Buổi chiều, gió thu đưa tiếng hạc về.
Phía dưới điện Lưu Quang có hàng ngàn cây thông,
Hết thảy các cây chọc trời ấy đều do một tay trồng ⁽⁶⁾.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL : không có chữ 题 đề.

2* TVTL1 : 真 chán.

3* TVTL2, 3 : 月 nguyệt.

4* TVTL2 : 白 hào.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Cung Tử Cực* : ở động Huyền Thiên, thuộc xã Kiệt Đặc, huyện Chi Linh, tỉnh Hải Hưng. Sách *Công du tiệp ký* 公 餘 捷 記 của Vũ Phương Đề 武 芳 珲 chép : «Động Huyền Thiên ở xã Kiệt Đặc, huyện Chi Linh. Thế núi tuy hẹp nhưng quần sơn cảng lập, hai cánh dương ra như loan liêng phượng múa, cũng là một cảnh trí thanh quang vậy. Thời Trần, đạo sĩ Huyền Văn luyện thuốc trường sinh ở động ấy, nên vua đặt tên là động Huyền Thiên, lại có *Cung Tử Cực* và *Điện Lưu Quang*. Đại Tú đỗ Băng Hồ Tường công đề thơ rằng : *Lưu Quang điện hạ tung thiên thu, Tân thi kinh thiên nhất thủ tài* ».
- (2) *Nhận* : một đơn vị đo lường thời xưa, dài khoảng hơn 2m (7 thước ta).
- (3) *Hoa một năm nở ba lần* (tam hoa) : trong sách của Đạo giáo thường nói đến cây «bối đap», cây này mỗi năm nở hoa ba lần, nên gọi là «tam hoa». Ở đây tạm dịch «tam hoa» thành hoa một năm nở ba lần cho sát với ý của bài.
Có bản chép : Cảnh cảnh tam thừa sở nhận khai : *Rực rõ tam thừa nở mấy nhận*. Tam thừa là chữ của nhà Phật, không hợp với nội dung bài thơ. Vậy xin chép để bạn đọc tham khảo.
- (4) *Kim Mẫu* : tức Tây Vương Mẫu 西 王 母, một vị tiên nữ đứng đầu các tiên nữ.
- (5) *Thúy bảo* : lồng lợp bằng lồng chim màu xanh.
- (6) Câu này muốn nói hàng ngàn cây thông dưới điện Lưu Quang đều do một tay đạo sĩ Huyền Văn trồng. Câu này lại có thề hiều : «Đều do một tay chống trời trồng nên», chúng tôi ghi thêm để bạn đọc tham khảo.

109

山 中 儒 成

SƠN TRUNG NGÃU THÀNH

長	好	乾	虛	誰	笑	眾	殺	安	何	葉	庭	將	把	醉	身	紫	金	耳	且	緣	黃	我	若	陌	山	喧	送	繁	花	醒	譽	輕	隱	北	西	青	白	自	原	肥	扇	起	歸	眼	衣	可	非
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Trường An tử mạch yếm khinh ^{1*} phi,
Hảo hướng ngâm sơn bế ần phi.
Can ^{2*} diệp nhĩ huyền ^{3*} phong bắc khởi,
Hư dinh mục ^{4*} tổng nhật tây qui.
Thùy tương lục mǎn phùng thanh nhẫn,
Tiểu bả hoàng hoa dài bạch y.
Chúng túy ngã tinh giai tư khả,
Sát thân cô dự ^{5*} Khuất Nguyên phi.

DỊCH NGHĨA:

TRONG NÚI NGÃU NHIÊN LÀM THÀNH THƠ

Trên đường tia Trường An (1), chán mặc áo lông nhẹ, cưỡi ngựa béo (2),
Thích đến nơi núi cao, khép cánh cửa ở ần.
Gió từ phương bắc thổi tới, lá khô xào xác bên tai,
Trong sân vắng vẻ, đưa mắt tiên mặt trời lặn về phía tây.

Ai đem mái tóc xanh gặp khách mắt xanh (3),
 Cười kẻ cầm bông hoa vàng đợi khách áo trắng (4).
 Mọi người say riêng ta tinh đều do noi mình cả,
 Tự sát để mua tiếng khen như Khuất Nguyên (5) là sai.

DỊCH THƠ :

Kinh kỳ rày đã ngán quan sang,
 Về ăn non cao khép thảo đường.
 Tai rộn heo may ngoài lá nô,
 Người đưa chiều xế giữa sân quang.
 Mắt xanh tóc biếc ai vồn vã,
 Áo trắng hoa vàng dạ vấn vương.
 Ta tinh người say ỉ cung được,
 Mua danh, tự sát, Khuất Nguyên xoàng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 饒 nhiều.
- 2* TVTL2 : 朝 triều.
- 3* TVTL2 : 迎 nghênh.
- 4* TVTL2 : 月 nguyệt.
- 5* TVTL2 : 姑是 cô thi.

CHÚ THÍCH :

- (1) Mặc áo lông nhẹ, cười ngựa béo (Khinh phi) : Sách Luận ngữ có câu : 赤之適齊也, 乘肥馬, 衣輕裘. Xích chi thích Tề dã, thừa phì mã, ý khinh cầu: khi mà người Xích đến nước Tề thì cười ngựa béo, mặc áo lông nhẹ. Về sau, chữ « khinh phi » trở thành danh từ chung chỉ cảnh sang trọng.
- (2) Trường An : nguyên là một thành phố ở tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Ngày xưa, các triều Tần, Hán, Đường đều lấy Trường An làm thủ đô. Về sau, hai chữ « Trường An » thường được dùng để chỉ nơi kinh đô nói chung. Những con đường ở Trường An được gọi là « đường tia » (tử mạch), tượng trưng cho cảnh phồn hoa, phú quý.
- (3) Mái tóc xanh : (lục mán) chỉ những người trẻ tuổi. Mắt xanh (thanh nhã) : Tương truyền ở đời nhà Tần (Trung Quốc), Nguyễn Tịch 南籍 mỗi khi gặp bạn tri kỷ thì mắt xanh lên, gấp kẻ không tra thì mắt trắng.
- (4) Người áo trắng (bạch y) : Đào Tiềm 陶潛, người đời Tần, tinh thích uống rượu và chơi hoa cúc. Một lần không có rượu uống, ông đi hái hoa cúc, đương hái bỗng thấy người bạn là Vương Hoằng 王弘 mặc áo trắng mang rượu đến. Ở bài thơ trên, tác giả mượn những diền tích cũ để nói lên cảnh thù của người ở ăn.
- (5) Khuất Nguyên : Là bày tôi nước Sở, thời Chiến Quốc. Khuất Nguyên cương trực, hết lòng trung quân ái quốc, bị bọn gian thần dèm pha, ông phải di dời. Một lần, Khuất Nguyên gặp một người đánh cá, người ấy khuyên ông nên theo thời thế, không nên cương trực mà hại đến thân. Khuất Nguyên bảo: mọi người say cả chỉ một mình ta tinh. Về sau ông nhảy xuống sông Mịch La tự tử.

110

小 雨

小	山	霏	微,
出	雨	片	飛。
障	深	似	曉,
隨	雲	還	稀。
梅	漫	天	信,
竹	蕭	地	機。
睡	瑟	粒	機。
村	玉	傳	度,
	琅	泄	幾
	竹	香	犁
	睡	爐	歸。
		未	一

TIÊU VŨ

Tiêu ^{1*} xuân sơn vũ tế phi vi,
 Xuất tụ vân thâm phiến phiến phi.
 Chưởng nhật mông man hồn tự hiều,
 Tùy phong tiêu sắt mật hoàn hy.
 Mai hàm ngọc lạp truyền thiên tin,
 Trúc tinh ^{2*} lang trâm tiết địa ky.
 Thụy khởi lô hương tàn kỷ độ ^{3*},
 Thôn ông ^{4*} vị bả nhất lê qui.

DỊCH NGHĨA :

MƯA NHỎ

Tiết tiêu xuân (¹) mưa núi lát phắt,
 Mây dày đặc từ hang núi bốc lên từng đám.
 Mưa rây chè mặt trời khi tối, khi sáng,
 Theo làn gió hiu hiu hết nhặt lại thưa.
 Cây mai ngậm hạt ngọc (²), như đưa tin thời tiết của trời,
 Khóm trúc cài trâm ngọc xanh (³), như đề lộ sự huyền bí của đất.
 Ngủ dậy, hương trong lò đã tàn mấy lượt,
 Nhưng ông già trong xóm vẫn chưa vác cày về.

DỊCH THƠ :

Tháng mười mưa núi nhỏ láy rây,
 Hang đá mây tuôn đám đám bay.
 Bóng rợp âm u ngày trowering tối,
 Gió đưa hiu hắt mỏng lại dày.
 Cảnh mai ngậm ngọc tin trời báo,
 Khóm trúc cài trâm mây đất quay.
 Ngủ dậy hương lò tàn mấy lượt,
 Thôn ông vẫn chưa nghỉ đường cày.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 水 *thủy*.
 2* TTCGLT : 選 *tuyễn*.
 3* TVTL1, 3 : 烹 *chú*.
 4* TTCGLT : 農 *nông*.

CHỦ THÍCH :

- (1) *Tiêu xuân* : theo âm lịch thì mùa xuân là từ tháng giêng đến tháng ba. Nhưng tháng mười trời có lúc âm tựa như mùa xuân, vì vậy tháng mười âm lịch, gọi là tháng tiêu xuân. (Tháng mười thuộc dương, nên cũng có khi gọi là tháng tiêu dương xuân).
- (2) *Mai ngậm ngọc* (mai hàm ngọc lạp) : tiết tiêu xuân, loài mai đã nhú nụ trắng, đẹp như những hạt ngọc.
- (3) *Trúc cài trâm biếc* (trúc tinh lang trâm) : măng mới mọc, đẹp như những cái trâm cài đầu bằng ngọc xanh.

111

九月有人來訪同作

CỬU NGUYỆT HỮU NHÂN LAI
PHÓNG ĐỒNG TÁC

戟	下	鬚	奴	掣	警	鈴,
出	門	喜	接	子	衿	青。
自	娛	顧	托	花	迷	院,
習	靜	時	觀	草	滿	庭。
博	帶	寬	衣	身	已	老,
高	車	馳	馬	夢	初	醒。
一	杯	強	醉	酬	佳	節,
不	管	蒹	葭	白	露	零。

Kích hạ nghiêm nô xiết 1* cảnh 2* linh,
 Xuất môn hỷ tiếp tử khâm thanh.
 Tự ngu cổ thác hoa mê vien,
 Tập 3* tĩnh thời quan thảo mãn định.
 Bác đới khoan y thân 4* dĩ lão,
 Cao xa tú mã mộng sơ tinh.
 Nhất bối cưỡng túy thù giai tiết,
 Bất quản kiêm hà bạch lộ linh.

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHÍN CÓ NGƯỜI ĐẾN THĂM CÙNG LÀM THƠ

Dưới cửa kinh (1) người già nô râm râu giật chuông báo hiệu,
 Ra cửa mừng đón người khách mặc áo xanh (2).
 Vui ngắm cảnh, hoa đầy cả vien,
 Quen yên tĩnh, thường xem cây cỏ đầy sân.

Mang đai rộng, áo chùng hợp với cảnh thân đã già,
 Xe cao, ngựa từ (4), giấc mộng vừa tỉnh.
 Một chén gượng say đê đáp lại tiết vui,
 Chẳng ngại gì lau sậy có móc trăng rơi (5).

DỊCH THƠ :

*Ngoài cửa quân hầu báo hiệu chuông,
 Trước hiên mừng đón khách vẫn chuông.
 Vui nhìn khắp viện hoa tươi khóm,
 Lặng ngắm đầy sân cổ mượt hàng.
 Đai áo thênh thang lấn tóc bạc,
 Ngựa xe nghêu nghện giấc kê vàng.
 Chén đèn tiết đẹp nâng say gượng,
 Lau sậy nè chỉ đượm móc sương.*

NGUYỄN XUÂN TẢO

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT, TVTL2 : 賽報 báо.

2* TVTL1 : 禮 xiết.

3* TVTL2 : 想 tưởng.

4* TVTL2 : 人 nhán.

CHÚ THÍCH :

- (1) Cửa kich : ngày xưa những nhà quyền quý thường đặt giá cầm kich ở cửa. Về sau «cửa kich» chỉ nơi quyền quý.
- (2) Người mặc áo xanh (tử khâm thanh) : chỉ người học trò.
- (3) Ngựa từ : loại ngựa to, cao dùng để kéo xe bốn bánh. Xe cao, ngựa từ thường được dùng để chỉ cảnh làm quan to.
- (4) Lau sậy có móc trăng rơi (kiêm hà bạch lộ linh). Thi Kinh có câu :

Kiêm hà thương thương,
 Bạch lộ vi sương.
Lau sậy xanh xanh,
Móc trăng thành sương.

Câu thơ trên ché Trần Tương Công 秦襄公 không biết dùng người để trị nước. Ở đây, tác giả mượn ý ấy để nói nhà vua không biết sử dụng người hiền tài.

112

贈朱樵隱

黼	冕	桓	主	心	已	交,
風	霜	安	敢	閑	寒	梅。
自	雲	高	壘	山	扉	掩,
紫	陌	多	歧	我	馬	墮。
蕙	帳	勿	驚	孤	鶴	怨,
蒲	輪	好	爲	下	民	迴。
昌	期	社	稷	天	方	作,
肯	使	先	生	老	碧	限。

TẶNG CHU TIỀU ÂN

Phủ miện hoàn khuê tâm dĩ hôi,
Phong sương an cảm bế han mai.
Bạch vân cao lũy ^{1*} sơn phi yêm,
Tử mạch đa kỳ ngã mã đồi.
Huệ trưởng hốt kinh cô hạc oán,
Bồ luân hảo vị hạ dân hồi.
Xương kỳ ^{2*} xã tắc thiên phuong tác,
Khẳng sử tiên sinh lão bích ôi.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG CHU TIỀU ÂN

Nói chuyện áo gấm mũ thùy và ngọc hoàn khuê ⁽²⁾ lòng đã lạnh như tro,
Gió sương đâu dám cầm cành mai lạnh.
Mây trắng chõng cao, cửa non khép kin,
Đường tia ⁽³⁾ nhiều ngả, ngựa ta đã mỏi.
Trong trường huệ chờ sợ chim hạc cô đơn oán giận ⁽⁴⁾,
Bánh xe cỏ bồ ⁽⁵⁾ hãy vì dân mà quay trở lại.
Xã tắc đương hồi thịnh, trời cũng giúp vì,
Đau chịu đê tiên sinh già đi ở chốn non xanh !

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : 璧 diệp.

2* TVTL1 : 朝 triều.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chu Tiều Ân : tức Chu An 朱安, người cùng thời với tác giả.
- (2) Ngọc hoàn khuê : thứ ngọc của vua chư hầu cầm khi vào chầu thiên tử, ở đây tác giả mượn ý để chỉ người làm quan.
- (3) Đường tia (tử mạch) : chỉ những con đường ở kinh đô Trường An. Ở đây chỉ sự tham gia việc nước.
- (4) Bài Bắc sơn di văn 北山移文 của Lý Hoa 李华 đời Tề có câu : 慨帳空今夜鶴怨. Huệ trưởng không hề dạ hạc oán : Trường huệ bỏ trống làm cho chim hạc ban đêm oán giận. Ở đây tác giả nói ngược lại, ý khuyên Chu An nên ra giúp nước.
- (5) Bánh xe cỏ bồ (bồ luân) : Đời xưa các vua thường lấy cỏ bồ quấn vào bánh xe để đón người hiền tài, xe đi êm, tỏ ý kính trọng.

賀樵隱朱先生拜國子司業

學上窮	海	迴	瀾	俗	再	醇,
窮散布	岸	山	斗	得	斯	人。
青	經	博	史	工	夫	大,
勲爭	老	崇	儒	政	化	新。
	韞	芒	鞋	歸	詠	日,
	頭	白	髮	浴	沂	春。
	華	只	是	重	裳	治。
	得	巢	由	作	內	臣。

HẠ TIỀU ÂN CHU TIÊN SINH BÁI
QUỐC TỬ TU NGHIỆP

Học hải hời lan tục tài thuần,
Thượng trường Sơn Đầu dắc tư^{1*} nhân.
Cùng kinh bác sử công phu đại,
Kinh Lão sùng Nho chinh hóa tân.
Bố miệt mang hài qui vĩnh^{2*} nhật,
Thanh^{3*} đầu^{4*} bạch phát dục Nghi xuân.
Huân Hoa chỉ thị thùy thường^{5*} trị,
Tranh đắc Sào, Do tác nội thần!

DỊCH NGHĨA :

MỪNG ÔNG CHU TIỀU ÂN (1) ĐƯỢC BỒ CHỨC
TU NGHIỆP Ở QUỐC TỬ GIÁM (2)

Xoay làn sóng biển học làm cho phong tục lại được thuần hậu,
Nhà trường đã được bậc đạo đức như Thái Sơn, Bắc Đầu đến dạy,
Đọc hết kinh, xem rộng sử, công phu rất lớn,
Kinh đạo Lão, sùng đạo Nho, chinh sự và giáo hóa được đổi mới.
Ngày ông mang tất vải giày cỏ, vừa đi vừa hát mà về,
Người trẻ, người già cùng tắm trong mùa xuân sông Nghi (3).
Các vua Phóng Huân và Trùng Hoa (4) chỉ ngồi rủ xiêm trị nước,
Bởi có được ông Sào, ông Do (5) làm bè tôi trong triều!

DỊCH THƠ :

Thói thuần biển học, sóng tài xoay,
Sơn, Đầu trường cao được đón thầy.
Rộng sử, thông kinh, công dụng lớn,
Sùng Nho, kinh Lão, kỹ cương hay.
Ngày về núi cũ hài rom bước,
Xuân tắm dòng Nghi tóc trắng bay.
Nghiêu, Thuấn rủ xiêm thành thịnh trị,
Sào, Do đâu có chịu ra tay.

KHAO ĐÍNH :

- 1* TVTL1 : 其 kỳ.
- 2* VATT : 去 khú.
- 3* TVTL2, 3 : 苍 thương.
- 4* TVTL1 : 颜 nhan.
- 5* TVTL1 : 衣 y.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chu Tiêu Ân* : tức Chu An 朱安.
- (2) Quốc tử giám : nơi dạy con em các bậc công khanh, quyền quí trong nước.
- (3) Sông Nghi : tức Nghi Thủ, một con sông ở tỉnh Sơn Đông, quê hương của Khổng Tử. Ở đây tác giả mượn ý đề nói sự ham chuộng Nho học của mọi người.
- (4) Phóng Huân, Trùng Hoa : tức vua Nghiêu 堯 và vua Thuấn 爰.
- (5) Sào, Do : tức Sào Phủ 父 và Hứa Do 許由, hai nhà ăn sĩ đời Nghiêu, Thuấn. Ở đây tác giả ví Chu An như Sào, Do. Khi được vua vời ra làm quan, nhất định nước sẽ thịnh trị.

114

賡同知府在司梅峰公韻

CANH ĐỒNG TRI PHỦ HỮU ^{1*}
TY MAI ^{2*} PHONG LÊ CÔNG VẬN

年涉	逾	五	十	衰	翁
涉	世	何	顛	闌	叢
珥	水	夜	零	古	月
丘	鄉	畫	靜	溪	風
忘	身	禍	福	無	患
與	國	安	危	得	中
朝	罷	喚	荼	俗	慮
閔	披	蠧	簡	童	蒙

Niên du ngũ ^{3*} thập bán suy ông,
Thiệp thế hà nhan nhập nào tùng.
Nhị thủy dạ hàn thiên cõi nguyệt,
Khâu hương trú tĩnh nhất khê phong.
Vong thân họa phúc tâm vô hoạn,
Dữ quốc an nguy vị đặc trung.
Triều bãi hoán trà tiên tục lự,
Nhàn phi ^{4*} đỗ giản huấn đồng mông ^{5*}.

DỊCH NGHĨA :

HOA VĂN THƠ CỦA ÔNG ĐỒNG TRI PHỦ HỮU TY LÊ MAI PHONG (1)

Ông tuổi ngoại năm mươi không còn được khỏe nữa,
Việc đời đã trải, còn mặt nào chen vào chốn ồn ào.
Đêm lạnh lung trên sông Nhị ⁽²⁾ cùng với mảnh trăng thiên cõi,
Ngày lảng lẽ ở nơi xóm nhỏ, nghe gió từ suối thổi đến.

Quên họa phúc của mình, chẳng cần lo lắng gì,
 Chung yên nguy với nước, đã có địa vị phải chăng.
 Đi chầu về, gọi trà để xua đuổi nỗi lo trằn tặc,
 Ung dung mở cuốn sách mợt dạy lũ trẻ thơ.

DỊCH THƠ :

Năm mươi sức lão yếu rồi,
 Việc đời đã trải, chán nỗi ôn ào.
 Lạnh lung sông Nhị trắng cao,
 Yên thân xóm nhỏ, gió vào suối trong.
 Rủi may chẳng chút bận lòng,
 Yên nguy với nước cùng trong chức này.
 Tan chầu mượn chén trà khuây,
 Mở trang sách mợt, dạy bầy trẻ thơ.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL1, 3 : 左 tâ.
- 2* TVTL1 : 晦 hối.
- 3* TVTL2 : 九 cửu.
- 4* TVTL2 : 投 đầu.
- 5* TVTL1 : 蒙童 mông đồng.

CHÚ THÍCH :

- (1) Lê Mai Phong : tức Lê Quát 黎逵, người huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, làm chức Nhập nội hành khiển Thượng thư hữu bộ, đời Trần Dụ Tông 陳裕宗.
- (2) Sông Nhị (Nhị thủy) : tức sông Hồng.

115

秋 日

THU NHẬT^{1*}

臨流茅舍板扉扇，
小梅圓早秋深。轉輞子弟清。
松樹蒼竹瘦，菊瘦老心難。賢兄鄉弟動。
雲西暮風天煙遠，望盡高花非昔眼。心眼自明。
西萼漁思遠，不自昔禁情。

Làm lưu mao xá bản^{2*} phi quynh,
Tiều phổ thu thảm hứng chuyển thanh.
Mai tảo cúc phương hiền tử đệ,
Tùng thương trúc sấu lão công khanh.
Thụ huyên phong nộ tâm nan động,
Vân tận thiên cao nhẫn tự minh.
Tây vọng yên hoa^{3*} phi tịch nhật,
Thuần lô tử viễn bất cảm tình.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY THU

Ngôi nhà tranh bên sông khép cánh cửa ván.
Trong vườn nhỏ giữa mùa thu, cảm thấy rất thanh thú.
Mai nở sớm, cúc đưa hương các đệ tử đều là người hiền,
Thông xanh, trúc gầy giống như công khanh già.
Cây rộn gió gào, lòng không lay động,
Trời cao mây tạnh, mắt ta sáng sủa.
Trông về tây, cảnh yên hoa đã khác xưa,
Rau thuần cá vược, nghĩ ngợi xa xôi, mối tình khôn xiết⁽¹⁾.

DỊCH THƠ:

*Nhà cỏ cài then dứng mé sông,
Vườn thu trong trèo hứng mênh mông.
Con em tài tuấn dường mai cúc,
Khanh tướng già nua tựa trúc thông.
Cây rộn gió gào, lòng vẫn vững,
Mây quang trời bồng, mắt thêm trong.
Phồn hoa ngoảnh lại xa ngày trước,
Vược cá, thuần rau vướng nỗi lòng.*

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT: 秋日即事 *thu nhât tức sự*.

2* TTTL2: 投 *ký*.

3* TVTL1: 光 *quang*

CHÚ THÍCH :

(1) Tương truyền Trương Hán 張翰 người đời Tân, nhân giờ thu nhớ mùi vị canh rau thuần, chả cá vược ở quê hương, bèn từ quan xin về. Từ đó, sĩ phu hay lấy chuyện này để chỉ việc về hưu.

116

東潮秋泛

老	蕭	雨	鬢	班,
舟	對	起	龍	顏。
同	東	千	流	急,
海	宇	高	鳥	還。
天	景	愁	古	變,
觸	家	莫	夷	險
浮	羅	自	塵	間。
汨	晚	赤	土,	
		帆	故	山。

ĐÔNG TRIỀU THU PHIẾM

Nhị lão tiêu tiêu lưỡng mấn ban,
Đồng chu đồi tửu sấn long ^{1*} nhan.
Hải môn đông hạ thiên lưu cấp,
Thiên vũ thu cao nhất điểu hoàn.
Xúc cảnh mạc sầu kim cồ biển,
Phù gia tự thân hiềm di gian.
Mich La, Xích Bích giai tràn thồ,
Tảo vẫn qui phàm phỏng cổ san.

DỊCH NGHĨA :

MÙA THU THẢ THUYỀN RA CHƠI Ở ĐÔNG TRIỀU ⁽¹⁾

Hai ông già hom hem, mái tóc hoa râm,
Cùng ngồi thuyền uống rượu, kíp vào chầu vua.
Nước triều ở cửa biển rút về phía đông, như ngăn dòng nước chảy xiết,
Trời thu lồng lộng, một con chim bay về.
Xúc cảnh nhưng dừng buồn vì sự biến đổi xưa nay,
Trên chiếc thuyền lênh đênh, than mình lúc bỗng phảng, khi hiềm nghèo.
Mich La ⁽²⁾ Xích Bích ⁽³⁾ đều đã vùi trong gió bụi,
Sớm muộn sẽ quay thuyền về hỏi thăm non xưa.

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 河江 hòng.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đông Triều* : cửa biển ở tỉnh Quảng Ninh.
- (2) *Mịch La* : một con sông ở tỉnh Hồ Nam, nơi Khuất Nguyên tự trầm.
- (3) *Xích Bích* : tức đoạn sông Trường Giang chảy qua huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc. Nơi đây, trận đánh giữa Tào Tháo và Chu Du đã diễn ra ác liệt. Tào Tháo thua trận.

117

題月澗道籤太極之觀妙堂

門試桃松一幾瀛無	外將梨菊點回洲欲	誰此春秋丹鵠蓬無	家理盡深誠化島貪	車問芳晚生自知我	馬蒼心節若焉何是	喧天歇全死玄在仙
----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------

ĐỀ NGUYỆT GIẢN ĐẠO LỤC THÁI
CỤC CHI QUAN DIỆU ĐƯỜNG

Môn ngoại thùy gia xa mã huyên,
Thí tương thủ lý vấn thương thiên.
Đào lê xuân tận phuong tâm yết,
Tùng cúc thu thảm vẫn tiết tuyền.
Nhất diêm đan thành sinh nhược tử,
Kỷ hồi hạc hóa bạch vi huyền.
Doanh Châu Bồng Đảo tri hà tại,
Vô dục vô tham ^{1*} ngã thị tiên.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ NHÀ QUAN DIỆU CỦA ĐẠO LỤC THÁI CỤC Ở NGUYỆT GIẢN (1)

Ngoài cửa, xe ngựa nhà ai rộn rã,
Thứ đem cái lẽ ấy mà hỏi trời xanh.
Đào và lê khi hết mùa xuân thì lòng thơm cũng hết,
Thông với cúc đến giữa mùa thu khí tiết muộn mẫn vẫn còn trọn vẹn.
Một tâm lòng son sống cũng như chết,
Mấy lần chim hạc hóa trắng lại thành đen (2).
Doanh Châu, Bồng Đảo (3) biết là ở đâu,
Không ham muốn, không tham lam, ta là tiên.

DỊCH THƠ :

Xe ngựa nhà ai trước cửa chen,
 Thủ đem lẽ ấy hỏi tầng trên.
 Đào, lê xuân hết, long thom dứt,
 Tùng, cúc thu cao tiết thảo tuyền.
 Một điểm lòng son, sinh giống tử,
 Mây hồi hạc hóa, trắng làm đen.
 Bồng, Doanh ai biết noi đâu tá,
 Danh lợi màng chi, tờ cung tiên.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 營 doanh.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chưa rõ xuất xứ.
- (2) Theo sách *Cổ kim chú 古今註*, chim hạc sống đến nghìn năm sẽ hóa thành màu xanh, sống hai nghìn năm nữa lại hóa thành màu đen.
- (3) Theo *Hán thư 漢書*, ở Bột Hải có ba hòn đảo tiên, tên là Bồng Lai, Phương Trương và Doanh Châu.

118

老來

老待秋家	來漏晚貪迷滯	事靴	付亦思樂書夜年	悠然，憐上，
待	漏	靴	樂	可海燈前。
秋家	晚	貪	書	難讀，眠。
	貪	迷	夜年	不少空氣，
		滯		勁。
		學		
		間		
		酒		
		不夢		

LÃO LAI

Lão lai vạn sự phó du nhiên,
 Đãi lâu sương ngoa diệc khả liên.
 Thu vẫn ngủ hà tư hải thương,
 Gia bần nhi nữ lạc đăng tiền.
 Trần mê bệnh nhẫn thư nan độc,
 Thủ trê sầu tràng dạ bất miên.
 Bất học Ngũ Lăng niên thiếu khi,
 Mộng gian kính nỗ hưởng không huyền.

DỊCH NGHĨA :

GIÀ ĐÈN

Già rồi muôn việc phó mặc thời gian dài dăng đặc,
Đôi giày đi sương chờ buổi vào chầu cũng đáng thương.
Cuối thu, tôm cá nhớ biển cả (1),
Nhà nghèo, con cái vui cảnh trước đèn.
Bụi làm mắt đau khó đọc sách,
Rượu đọng trong dạ sầu, đêm không ngủ được.
Chẳng học kiêu cách bọn thiếu niên ở Ngũ Lăng (2),
Trong giấc mơ nghe tiếng nô cứng vang tiếng dày không (3).

CHÚ THÍCH :

- (1) Ở ngoài biển, vào dịp cuối thu là lúc sóng yên nước lặng (*Bao giờ cho đến tháng Mười, Mẹ con vào lòng ra khơi mặc lòng*), con tôm con cá muốn ra biển vào lúc đó để được yên thân bơi lội kiếm ăn. Có lẽ câu này tác giả muốn ví mình giống như con tôm, con cá muốn tìm chỗ yên thân khi tuổi già.
- (2) *Ngũ Lăng* : năm tên đất ở Trung Quốc. Đó là : An Lăng, Trường Lăng, Dương Lăng, Mậu Lăng và Bình Lăng. Năm nơi này là năm nơi thuộc phạm vi kinh đô nhà Đường, tượng trưng cho cảnh phồn hoa, ăn chơi.
- (3) Câu này ý nói : thân mình đã già, cũng như chiếc nô cứng chỉ bật dây không, chẳng có tên, không được tích sự gì.

119

梅村提刑以城南
 對菊之作見示乃次其韻

乾	坤	蕭	氣	與	良	能
傲	盡	霜	威	與	雪	凌。
客	有	賦	詩	清	似	玉,
門	無	送	酒	寂	如	僧。
山	空	水	淺	愁	仍	舊,
竹	瘦	松	淺	喜	得	朋。
莫	怪	寒	蒼	開	太	晚,
繁	花	無	英	著	名	稱。

MAI THÔN ĐỀ HÌNH DĨ « THÀNH NAM
 ĐỐI CÚC » CHI TÁC KIẾN THỊ, NÃI^{1*}
 THỨ KỲ VẬN

Càn khôn túc khí dữ lương năng,
 Ngạo tân sương^{2*} uy dữ^{3*} tuyết lăng^{4*}.
 Khách hữu phú thi thanh tự ngọc,
 Môn vô tổng túu tịch nhu tăng.
 Sơn không thủy thiền sầu nhưng cựu,
 Trúc sầu tùng thương hỷ đặc bắng.
 Mạc quái hàn anh khai thái văn^{5*},
 Phồn hoa vô xứ trú danh xưng.

DỊCH NGHĨA :

**QUAN ĐỀ HÌNH MAI THÔN (1) CHO XEM BÀI THƠ « NGÂM CÚC
THÀNH NAM », NHÂN HỌA THEO VĂN**

Hoa cúc là khí mạnh (2) và tài năng (3) của trời đất,
 Coi thường cả uy của sương và sự lấn của tuyết.
 Khách có kẻ ngâm thơ, trong tựa hạt ngọc,
 Cửa không người mời rượu, lặng lẽ như nhà sư.
 Núi trọc nước cạn, mỗi sầu vẫn như cũ,
 Trúc gầy thông xanh, mừng được bạn bầu.
 Đừng trách cái tình hoa của mùa lạnh nở quá muộn,
 Vì chốn phòn hoa không phải là chỗ nồi tiếng của hoa này.

DỊCH THƠ :

Ngâm hoa

Bông hoa có đức khí đất trời,
Khinh cả sương sa lấn tuyết rơi.
Tựa ngọc ngâm vang thơ khách họa,
Như chùa vắng lặng rượu ai mời,
Núi trọc nước cạn tình như cũ,
Thông cỗi trúc gầy bạn vẫn xưa.
Chớ trách đông về hoa nở muộn,
Phòn hoa chốn ấy chẳng quen chơi.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 份 nhung.
- 2* TVTL2 : 寒 hàn.
- 3* TVTL2 : 又 hựu.
- 4* TVTL1 : 級 lăng.
- 5* TVTL2 : 早 tảo

CHÚ THÍCH :

- (1) *Quan Đề hình Mai thôn*: chưa rõ là ai.
- (2) *Khi mạnh* (Túc khí) : khí mạnh mẽ.
- (3) *Tài năng* (Lương năng) : Sách *Mạnh Tử* 孟子 có câu: 人之所不學而能者, 美良能也。Nhân chi sở bất học nhi năng già, kỳ lương năng dã : *Cái mà người ta không học mà biết, ấy là lương năng.* Lương năng ở đây có nghĩa gần giống bản năng.

賀介軒公除攝右僕射

璣	炳	岱	雀	龜	
景	民	右	貳	臺	。
成	功	扶	泰	運	。
擎	力	挺	良	才	。
松	天	蒼	顏	舊	。
梅	官	老	筆	開	。
歷	判	天	子	聖	。
嶄	事	面	公	槐	。

HẠ GIỚI HIỀN CÔNG TRỪ
NHIẾP ^{1*} HỮU BỘC XÃ

Cơ Hành bính bính ^{2*} Đại thỏi khôi,
Cánh ngưỡng dàn qui Hữu ^{3*} nhị dài.
Thành vật công thâm phù thái vận,
Kinh thiên lực đại đĩnh lương tài.
Tùng quan nai tuyết thương nhan cựu,
Mai phán ^{4*} trùng xuân lão bút khai.
Lịch sự ngũ triều thiên tử thánh,
Tiêm nhiên trâm ^{5*} hốt diện công
hoài (hè).

DỊCH NGHĨA :

MỪNG ÔNG GIỚI HIỀN (1) ĐƯỢC
BỒ CHỨC HỮU BỘC XÃ.

Sáng rực như sao Bắc Đầu, cao vời vời như núi Thái Sơn,
Dân đều ngưỡng mộ Hữu nhị dài ⁽²⁾.
Việc đã thành, công càng sâu, giúp cho vận hội thái hòa,
Chống nỗi trời, sức thật lớn, rõ bậc tài năng đĩnh đặc.
Như cây tùng không ngại tuyết, vẻ xanh vẫn như cũ,
Tựa cây mai lại gặp xuân, ngọn bút lão luyện muôn vịnh.
Trải thờ năm triều vua thánh ⁽³⁾,
Hiền ngang trâm hốt, xứng mặt Tam công ⁽⁴⁾.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : không có chữ 摄 nhiếp.

2* TVTL1 : 煥 hoán.

3* TVTL2, 3 : 右 cõi.

4* TVTL1 : 到 đáo.

5* TVTL2 : 袍 bào.

CHÚ THÍCH :

(1) Giới Hiền : tức Nguyễn Trung Ngạn, người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, thuộc tỉnh Hải Hưng.

- (2) *Hữu nhị dài* : Chúng tôi nghe là Hữu chức dài, chỉ chức vụ Thượng thư hữu bộ xạ ở dài Ngự sử, chức quan mà Nguyễn Trung Ngạn đương làm.
- (3) Nguyễn Trung Ngạn làm quan qua năm triều vua : Trần Anh Tông 陳英宗, Trần Minh Tông 陳明宗, Trần Hiển Tông 陳憲宗, Trần Dự Tông 陳裕宗 và Trần Nghệ Tông 陳藝宗.
- (4) *Tam công* : theo *Chu Lễ* 周禮 thi Thái sư, Thái phó, Thái bảo gọi là «Tam công». Ở đây chỉ chung chức vụ quan trọng.

121

用洪州同尉范公韻
奉呈考試謹公

諸	公	滾	滾	在	岩	廊	,
士	子	滾	窺	數	仞	牆	.
玉	石	難	宜	區	辨	別	,
鸞	雞	最	使	並	飛	翔	.
得	賢	忍	子	與	炎	漠	,
黜	直	董	蕡	晚	唐	唐	.
天	詔	劉	弱	博	取	取	,
要	先	寧	容	詞	章	章	.

DUNG HỒNG CHÂU BỒNG ỦY PHẠM
CÔNG VẬN PHUNG TRÌNH KHẢO
THÍ CHƯ CÔNG

Chư công cồn cồn tại nham lang.
Sĩ tử nan khuy sồ ^{1*} nhẫn tường,
Ngọc thạch tối nghi khu biện biệt,
Loan kê nhẫn sử tịnh phỉ tường.
Đắc hiền Đồng Tử hưng Viêm Hán,
Truất trực Lưu Phàn nhưọc văn Đường.
Thiên chiểu định ninh dung báu thủ,
Yếu tiên trung ^{2*} đảng hậu từ chương.

DỊCH NGHĨA :

DÙNG VĂN THƠ CỦA QUAN ĐỒNG ỦY
HỒNG CHÂU ⁽¹⁾ LÀ PHẠM CÔNG ⁽²⁾ ĐỂ ĐUA TRÌNH
CÁC ÔNG ĐANG CHẤM THI

Trong nhà cao các ông tất bật,
Sĩ tử khó lòng dòm qua được bức tường cao mấy nhẫn ⁽³⁾.
Ngọc hay đá phải phân biệt cho rõ,
Đứng đê phượng với gà bay chung với nhau.
Được người hiền tài như Đồng Tử ⁽⁴⁾ làm hưng thịnh nhà Hán,
Truất người trung trực như Lưu Phàn ⁽⁵⁾ làm cho suy yếu nhà Đường.
Chiểu vua cẩn kẽ cho phép lấy rộng,
Trước phải xem phần trung chính, sau hãy xét đến văn chương.

DỊCH THƠ :

Hiện cao tấp nập gót chư công,
 Sĩ tử khôn nom vách mẩy trùng.
 Ngọc đá đáng đem phân biệt rõ,
 Phượng, gà há dễ liêng bay chung.
 Hán lên, Đồng Tử từng dăng dụng,
 Đường xuống, Lưu Phản chẳng thư dung.
 Chiếu dụ ân cần cho lấy rộng,
 Văn sau, trước hết phải lòng trung.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 尺 xích.
2* TVTL2 : 公 công.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hồng Châu* : tức Hải Dương (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
- (2) *Phạm công* : Phải chăng là Phạm Sư Mạnh 范師孟, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, tỉnh Hải Dương? Ông từng làm quan cùng thời với Trần Nguyên Đán, hai người vẫn thường xướng họa với nhau. Trần Nguyên Đán còn có bài họa thơ Phạm Sư Mạnh: Cảnh Tân Bình An phủ Phạm công Sư Mạnh Tân Bình thư sự văn.
- (3) *Đồng Tử* : tức Đồng Trọng Thư 董仲舒, một nhà nho lớn đời Hán Võ Đế 漢武帝, làm đối sách (đáp bài vua ra) được trúng cử Bác sĩ.
- (4) *Lưu Phản* : người đời nhà Đường. Trong một khoa thi hương, Lưu Phản kịch liệt công kích bọn hoạn quan, nên bị đánh hỏng.

122

送龍巖歸溟州

TỔNG LONG NHAM QUI DIỄN CHÂU

白	寂	頭	冥	笑	婉	塵	衣	，
寂	相	冥	府	煙	舊	鈞	磯	。
來	來	庭	法	波	鱗	我	老	。
交	詩	情	畫	宦	羨	君	歸	。
好	故	思	令	錦	美	青	眼	。
故	園	去	高	淡	看	翠	微	。
			莫	深	念	浪	險	。
			松	辭	風	危	機	。
				菊	不			

Bách đầu tự ^{1*} tiểu uyền trần y,
 Tịch mịch yên ba ^{2*} cựu điếu ky.
 Bách phủ pháp quan liên ngã lão,
 Lai ^{3*} đình trú cầm tiên quân qui.
 Giao tình lanh đậm khan thanh nhã,
 Thi tứ cao thâm niệm thủy vi.
 Hảo khứ mạc từ phong lăng hiêm,
 Cố viên tung cúc bắt nguy ky (cơ).

DỊCH NGHĨA :

TIẾN LONG NHAM (1) VỀ DIỄN CHÂU (2)

Tự cười mình bạc đầu rồi, áo vân nhuốt bụi,
 Đề cho nơi bến cầu cũ sóng nước phải vắng vẻ.
 Thương cho ta đã già mà còn làm pháp quan nơi Bách phủ (3),
 Thèm cảnh ông được mặc áo gấm về trước sân Lai (4).
 Giao tình thanh đậm, lấy mắt xanh nhìn nhau (5),
 Tự thơ cao sâu, cảm hứng trước dãy núi biếc.
 Hãy đi quách, đừng nề sóng gió hiềm nghèo,
 Tùng và cúc ở nơi vườn cũ không phải là mối nguy cơ.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : 共 công.

2* TVTL2 : 風 lam.

CHÚ THÍCH :

(1) *Long Nham* : chưa rõ là người nào.

(2) *Diễn Châu* : phủ Diễn Châu, ở phía bắc tỉnh Nghệ An, giáp tỉnh Thanh Hóa. Nay là huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ Tĩnh.

(3) *Bách phủ* : đời nhà Hán, thường trồng bách ở bên tòa Ngự sử, vì vậy tòa Ngự sử còn gọi là Bách phủ.

(4) *Sân Lai* : (Lai đình) : ngày xưa, ở Trung Quốc có người tên gọi là Lão Lai Tử 老來子, rất mực hiếu thảo. Tương truyền ông đã bảy mươi tuổi, hàng ngày còn mặc áo hoa năm sắc, múa trước sân như trẻ con, thỉnh thoảng lại ngã xoài và cất tiếng khóc để cha mẹ bật cười, vui vẻ. Từ đó, hai chữ «Lai đình» (có khi gọi là «Lai y») dùng để chỉ nhà còn bố mẹ già (có khi để chỉ người con hiếu thảo).

(5) *Mắt xanh nhìn nhau* (Thanh nhã) : ý nói trọng nề nhau. Nguyễn Tịch đời Tấn gấp việc không ra thì mắt trắng, việc gì vừa ý thì mắt xanh.

123

紅菊 花

HỒNG CÚC HOA

歲	暫	鮮	病	顏	愁	,
萬	采	雲	煙	素	秋	,
彭	澤	香	琼	草	泛	,
南	陽	冽	絳	霜	流	,
芳	心	色	天	然	異	,
晚	節	艷	物	態	尤	,
醉	把	嬌	體	頰	赤	,
忍	堪	莫	腮	相	酬	。
		佳				

Tuế hàn tạm giải bệnh nhan ^{1*} sâu,
Vạn đáo khanh vân yên tố ^{2*} thu.
Bành Trạch tửu hương quỳnh giả
phiếm,
Nam Dương tuyền liệt giáng sương lưu.
Phương tâm diệm sắc thiên nhiên dị,
Văn tiết kiều tư vật thái vưu.
Túy bả mạc hiềm tai giáp xích,
Nhẫn kham gai tiết bất tương thù.

DỊCH NGHĨA :

HOA CÚC ĐỎ

Mùa lạnh đến, tạm giải nét sâu trên mặt người bệnh,
Muôn đầm mây lành, khi thu trong sáng.
Rượu thơm Bành Trạch (1) rót vào chén ngọc quỳnh,
Suối mát Nam Dương (2) chảy ra giòng sương đỏ.
Hương thơm sắc đẹp, hoa này trong thiên nhiên ít có,
Cuối mùa mà vẻ óng á, thật sắc thái của vật la.
Rượu say cầm hoa chẳng hiềm đỏ mặt,
Tiết đẹp, lẽ nào không thù tiếp nhau !

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 白頭 bạch đầu.

2* TVTL2 : 艷 diệm.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Rượu Bành Trạch* : Đào Tiềm 陶潛, người đời Tấn, làm quan ở huyện Bành Trạch, tình ông thích rượu và hoa cúc, vì vậy các nhà thơ xưa khi làm thơ về hoa cúc thường nhắc đến rượu.
- (2) *Nam Dương* : tên đất thuộc tỉnh Hà Nam (Trung Quốc). Theo *Thủy kinh*, *Thoan thủy* 水經, 端水 thì ở đây có cái đầm gọi là Cúc Đàm, gần Cúc Đàm có giòng suối chảy qua khe núi nhiều hoa cúc, vì vậy khi chảy ra đến Cúc Đàm, nước suối đỏ và ngọt, tương truyền ai uống nước này sẽ được sống lâu.

124

正肅王家宴席上
賦梅詩次介軒僕射韻

耀	鱗	硬	骨	別	南	陽	,
底	事	先	春	冠	衆	芳	。
一	點	檀	心	藏	妙	理	,
千	葩	雪	艷	入	時	粧	。
黃	垂	密	雨	煙	光	好	,
綠	漲	薰	風	趣	味	香	。
掃	却	襟	懷	塵	萬	斛	,
年	來	鐵	石	作	心	腸	。

CHÍNH TÚC VƯƠNG GIA YẾN TỊCH
THƯỢNG, PHÚ MAI THI THỨ GIỚI
HIỀN BỘC XẠ VẬN 1*

Cò lán nganh cốt biệt Nam Dương,
Đè sự tiên xuân 2* quán chúng phuong.
Nhất diêm đàm tâm tàng diệu 3* lý,
Thiên ba tuyết diệm nhập thời 4* trang.
Hoàng 5* thùy mật vũ yên quang hảo,
Lục trưởng 6* huân phong thủ vị hương.
Tảo (7*) khuróc khâm 8* hoài trần vạn hộc 9*,
Niên lai thiết thạch tác tâm trường.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN TIỆC RƯỢU Ở NHÀ CHÍNH TÚC VƯƠNG (1),
LÀM THƠ VỊNH MAI, HỌA VĂN THƠ CỦA
QUAN BỘC XẠ LÀ GIỚI HIÊN (2)

Vầy gầy, xương cứng, riêng tự Nam Dương (3),
Vốn nó nở trước mùa xuân, đứng trùm lên các loài hoa.
Một diêm nhuỵ thơm, ẩn cái lẽ huyền diệu,
Ngàn bông tuyết đẹp, càng hợp với thời trang.
Màu vàng rủ dưới mưa dày, khói mây đẹp đẽ,
Màu biếc nổi lên trong gió ấm, thủ vị thơm tho.
Quét sạch muôn hộc bụi trong lòng,
Gần đây lòng dạ đã thành sắt đá.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : chép đầu đề bài thơ là 梅正肅王家宴床上作次介軒僕射韻
Mai Chinh Tuc Vuong gia yen sang thuong tac thu Gioi Hiien Boc xa van.

2* TVTL2 : 青 thanh.

3* TVTL2 : 道 dao.

4* TVTL2 : 詩 thi.

5* TTCGLT : 乘 thura.

6* TTCGLT : 級 緣 truong luc.

7* TVTL2 : 歸 qui.

8* TVTL2 : 衿 khâm.

9* TVTL2 : 土 解 tho giải.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chinh Túc Vương* : tên là Kham, chồng của Công chúa Thiên Ninh (Công chúa Thiên Ninh là em vua Trần Nghệ Tông).
- (2) *Giới Hiên* : tức Nguyễn Trung Ngạn 阮中彦 người làng Thủ Hoàng, huyện Thiên Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là Hải Hưng).
- (3) *Nam Dương* : một địa phương thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Gia Cát Lượng 諸葛亮 trước khi ra giúp Lưu Bị 劉備 ẩn cư ở đây, bài *Lương phủ ngâm* 涼府吟 của ông có câu :

騎驢過小橋	Ky lư quá tiêu kiều
獨嘆梅花瘦	Độc thán mai hoa sáu

*Cuối lừa đi qua chiếc cầu nhỏ,
Riéng thở than mai gầy.*

Ở đây, tác giả lấy từ này để nói cây mai được vịnh cũng gầy như cây mai ở Nam Dương của Gia Cát Lượng.

125

送平西都督莊定大王
奉詔征占城

虬	鬚	仗	鉞	海	西	陞	,
一	癡	闔	槃	指	日	犁	。
貔	虎	三	軍	烏	獲	壯	,
風	雷	八	陣	率	然	奇	。
東	平	威	望	人	皆	服	,
上	宰	勲	名	世	共	推	。
震	屬	王	庭	歌	凱	奏	,
老	夫	述	頌	繼	淮	碑	。

TỔNG BÌNH TÂY ĐÔ ĐỐC TRANG
ĐỊNH ĐẠI VƯƠNG PHUNG CHIẾU
CHINH CHIÊM THÀNH

Cù ^{1*} tu trưởng việt hải tây thùy ^{2*},
Nhất chi Đồ Bàn chỉ nhật ly.
Tỳ hổ tam quân Ô Hoạch tráng,
Phong lôi Bát trận Suất nhiên kỳ.
Đông Bình uy vọng nhân giai phục,
Thượng tề huân danh thế cộng suy.
Chấn lệ vương định ca khải tấu,
Lão phu ^{3*} thuật tụng kể Hoài bi.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN BÌNH TÂY ĐÔ ĐỐC TRANG ĐỊNH ĐẠI VƯƠNG ⁽¹⁾
PHUNG CHIẾU ĐÁNH CHIÊM THÀNH

Râu quăn, tay cầm lưỡi việt ⁽²⁾ nhằm biên giới phía tây biển,
Thành Đồ Bàn ⁽³⁾ như cái nốt ruồi chỉ nay mai sẽ bị cày đi.
Ba quân hùm sói, mạnh như lực sĩ Ô Hoạch ⁽⁴⁾,
«Bát trận» ⁽⁵⁾ sấm gió, kỳ lạ tựa rắn Suất nhiên ⁽⁶⁾.

Oai vong của Đông Bình (7), người người đều phục,
 Tiếng tăm bạc tề tướng (8), đời đời suy tôn.
 Sấm ran trước sân vua, tàu bài ca khải hoàn,
 Già này làm bài tụng nối theo văn bia Bình Hoài (9).

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 :亂 *luan*.

2* TVTL2 :陲 *thuy*.

3* TVTL2 :人 *nhân*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Trang Định Đại Vương* : còn gọi là Trang Định Vương, tức Trần Thủ Ngạc 滕叔賴, con trai của Trần Nghệ Tông 陳泰宗.
- (2) *Viết* : một loại búa lớn làm vũ khí.
- (3) *Đồ Bàn* : tên thực là Vi-ja-y-a, thủ đô của nước Chiêm Thành xưa, nay thuộc tỉnh Bình Định.
- (4) *Ô Hoạch* : tên một viên hổ tướng của nước Tần đời Chiến Quốc.
- (5) *Bát trận* : tên một thế trận. Trận này có tám cửa : thiên môn, địa môn, phong môn, vân môn, phi long môn, vũ dục môn, điều tường môn và uyển bàn môn.
- (6) *Rắn Suất nhiên* : Sách *Thần dị kinh* 神異經 có tả về loài rắn này như sau : trong núi Tây Phượng có một loài rắn, đầu và đuôi to gần bằng nhau, mình ngũ sắc, khi người hoặc vật đánh nó, trùng đầu thì bò phía đuôi, trùng đuôi thì bò phía đầu, trùng lưng thì bò cả đầu lẫn đuôi. Loài rắn này tên gọi là Suất nhiên. Chính vì loài rắn này lợi hại như thế, nên *Tôn Tử binh pháp* 紳子兵法 đã viết : 將之三軍勢如率然. Tương chí tam quân thế như Suất nhiên đã : *Làm cho ba quân có cái thế như rắn Suất nhiên*.
- (7) *Đông Bình* : tên một người con trai của Hán Minh Đế 漢明帝, Đông Bình là người hay làm việc thiện.
- (8) *Bạc tề tướng* : tạm dịch hai chữ « Thượng tề », có thể là chỉ Trang Định Vương.
- (9) *Bia Bình Hoài* : Bùi Độ 裴度 người đời nhà Đường, có công dẹp loạn ở Hoài Thái. Sau khi dẹp xong loạn, nhà vua sai Hàn Dũ làm bài văn bia ca ngợi công trạng, bia này gọi là bia Bình Hoài.

126

山中遣興

SƠN TRUNG KHIÊN HỨNG

十
年
松
隨
下
馬
行
望
間
吟
瘦
省
瘦
貧
倚
俗
吟
字
客
俗
詩
野
客
僧
及
有
知
人
詩
苗
能
及
不
遂
後
名
已
成
後
嶮

Thập niên chinh tĩnh^{1*} phụ thu đăng,
Tùng hạ hành ngâm ỷ sấu đăng.
Tùy mã vọng trần vô tục khách,
Khẩu môn văn tự hữu thi tăng.
Thoái nhàn Lục Dã tri hè cập?
Tán^{2*} cấp^{3*} Thanh miêu tạ bất nǎng.
Tọa dải công thành danh toại hâu,
Nhất khau lão cốt dĩ lăng tăng.

DỊCH NGHĨA:

TRONG NÚI CẨM HỨNG

Mười năm lo việc chính sự, phụ với ngọn đèn mùa thu (1),
Dưới hàng thông, chống chiếc gậy song khắng khit vừa đi vừa ngâm.
Không có khách tục theo ngựa ngóng bụi trần,
Có vị thi tăng (2) gỗ cửa hỏi chữ.
Lui về sống an nhàn ở Lục Dã (3), biết còn kịp chẳng ?
Chia tiền theo phép Thanh miêu (4), xin từ không dám.
Ngồi đợi đến sau này công thành danh toại,
Thì một nắm xương tàn đã vùi đắp thành gò cao.

DỊCH THƠ:

*Mười năm chinh tĩnh phụ đèn xưa,
Chống gậy bên thông đăng đọc thơ.
Theo ngựa trong vời không khách tục,
Hỏi thơ gỗ cửa có nhà sư.
Lui về Lục Dã sao còn kịp !
Cấp phát Thanh miêu then chẳng dù.
Ngồi đợi công thành danh đã toại,
Một gò xương trắng chất bao giờ.*

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2, 3 : 遣興 *khiên hưng*.
 2* TVTL1 : 仰 *ngưỡng*.
 3* TVTL1 : 酷 *khổ*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Ngọn đèn mùa thu (thu đắng) : ngọn đèn tàn, chỉ tuồi già.
 (2) Thi tảng : nhà sư làm thơ.
 (3) Lục Dã : tên biệt thự lúc về hưu của Bùi Độ 裴度, người đời nhà Đường. Về sau người ta hay dùng chữ «Lục Dã» để chỉ cảnh về nghỉ ngoi.
 (4) Thanh miêu : Vương An Thạch 王安石 đời nhà Tống thi hành «Thanh miêu pháp» 青苗法 : nhà nước cho dân vay tiền lúc mạ còn xanh (thanh miêu), đến lúc lúa chín thì dân nộp trả lại cho nhà nước số tiền đã vay và số lãi.

127

贈敏肅

一	笑	堪	鼓	角	葫	,
殺	垂	披	躍	馬	徒	。
後	狂	裘	名	取	耿	,
歌	誰	無	譽	鳴	鳴	。
云	自	有	非	允	物	,
覺	勸	物	亦	故	吾	。
汝	誇	吾	學	周	孔	,
奇	闢	奉	有	如	如	無

TẶNG MÃN TÚC ^{1*}

Nhất sinh kham tác cõ giác ^{2*} hồ,
 Tiếu sát phi ^{3*} cùu được mã đồ ^{4*}.
 Thùy hậu sĩ vô danh cảnh cảnh,
 Cuồng ca không hữu hưởng ô ô ^{5*}.
 Thùy vân thử vật phi phàm vật,
 Tự giác kim ngô diệc cổ ngô.
 Khuyến nhữ cần phùng ^{6*} học Chu,
 Không.
 Khoa kỳ đấu xảo ^{7*} hữu như vô.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG MÃN TÚC (1)

Suốt đời nỗ chịu làm việc đánh trống thối tù và hay sao ?
 Cười chết được bọn mặc áo cùu nhẹ cưỡi ngựa béo (2).
 Sẽ xấu hổ vì không có tiếng tăm lừng lẫy để lại,
 Trong tiếng ca cuồng loạn chỉ vang giọng u u.

Ai bảo vật này không phải là vật phi thường?
 Tự biết ta ngày nay cũng là ta khi xưa.
 Khuyên người hãy chăm chỉ theo nghiệp Chu, Khồng (3).
 Việc khoe lợ, đua khéo, có cũng như không.

DỊCH THƠ :

*Suốt đời đánh trống thổi kèn,
 Ngựa hay, mặc đẹp ai khen mà mừng.
 | Xấu không dễ tiếng l言语, lừng,
 | Lại ham hát hóng tưng tưng tiếng đàn.
 Vật nhỏ nhưng quý vô vàn,
 Có nay cái tốt là nguồn từ xưa.
 Khuyên người chăm học Khồng, Chu,
 Ganh khôn đua lợ cái trò ra chi.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT ; 题贈敏肅 dè tặng Mẫn Túc.

2* TTCGLT : 壴 buru.

3* TTCGLT : 輕 khinh.

4* TTCGLT : 圖 đồ.

5* TVTL : 烏烏 ô ô.

6* TTCGLT : 拳 quyền.

7* TVTL : 艷 diệm.

CHÚ THÍCH :

(1) Mẫn Túc : Chưa rõ là người nào.

(2) Bọn mặc áo cùu nhẹ, cười ngựa béo : chỉ bọn giàu sang, ăn chơi.

(3) Chu, Khồng : Chu Công 周公 và Khồng Tử 孔子.

軍中有感

QUÂN TRUNG HỮU CẢM

操屈報催功
戈指曉歸名
莽屢屈報催功
持辭黃杜未
身旬夢春。
筆家難守晚逢
片恰驚殘日，
雲十旅殘人。
筆家難守晚逢
送猶他故人。
身旬夢春。
空無散，
空自鷗馴。

Thao qua trì bút phiến vân thân,
Khuất chỉ từ gia cáp thập tuần.
Báo hiếu hoàng kê ^{1*} kinh lữ mộng,
Thôi qui đỗ vũ tống tàn xuân ^{2*}.
Công danh vị vẫn ^{3*} do tha nhạt,
Binh thủy tương phùng vô cõi nhân.
Hải khoát thiên cao không lẩn tán,
Giang binh thủy tĩnh bạch âu thuần.

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC KHI Ở TRONG QUÂN

Mang gươm, cầm bút, thân như đám mây,
Bấm đốt ngón tay, xa nhà vừa đúng mười tuần (1),
Gà vàng gay sáng, làm kính giác mộng đất khách,
Chim cuốc giục về, đưa tiên tiết xuân tàn.
Công danh chưa muộn, còn có ngày khác.,
Bèo nước gặp gỡ, không người bạn quen.
Biển rộng trời cao, chỉ những nhàn tản,
Sông im sóng lặng, chim âu trắng quen người.

DỊCH THƠ:

Thân mang gươm bút bước phù vân,
Bấm đốt xa nhà trọn chục tuần.
Báo sáng gà xui kính giác mộng,
Giục về quyên gọi tiên tàn xuân.
Công danh chưa muộn chờ ngày khác,
Bèo nước đâu còn gặp cõi nhân.
Biển rộng trời cao nhàn tản quá,
Sông yên sóng lặng bạch âu gần.

HOÀNG LÊ, TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 翳 anh.
 2* TVTL2 : 瞽 huân.
 3* TVTL2 : 暇 hiều.

CHÚ THÍCH :

(1) Tuần : một đơn vị thời gian ngày xưa, có 10 ngày.

129

軍中作

QUÂN TRUNG TÁC

平	生	不	願	執	金	吾	,
談	笑	油	檻	豈	遠	圖	。
悅	目	鳳	光	何	處	有	,
欺	天	心	術	一	生	無	。
三	春	啼	血	鶯	聲	斷	,
萬	里	歸	心	桂	影	孤	。
坐	待	師	徒	歌	奏	凱	,
南	窓	枕	王	伴	青	奴	。

Bình sinh bất nguyện Chấp kim ngô,
 Đàm tiểu du chàng khởi viễn đồ.
 Duyệt mục phong quang hà xứ hữu ?
 Khi thiên tam thuật nhất sinh vô.
 Tam xuân đê huyết quyên thanh đoạn ^{1*},
 Vạn lý qui tâm quế ảnh ^{2*} cô.
 Tọa dải sư đồ ca tấu khải,
 Nam song chàm ngọc bạn thanh nô.

DỊCH NGHĨA :

LÀM Ở TRONG QUÂN

Binh sinh chẳng ham gì chức Chấp kim ngô (1),
 Cười nói trong tấm màn quang dầu (2), đâu có phải là kẽ lo xa.
 Chỗ nào còn cảnh phong quang thích mắt,
 Đời ta không có lòng dõi trời,
 Ba xuân rỏ máu tiếng quyên đã dứt,
 Muôn dặm lòng về, bóng trăng lẻ loi.
 Ngồi chờ quân lính hát khúc khải hoàn,
 Dưới cửa sổ phía nam, đặt chiếc gối ngọc làm bạn cùng chiếu trúc (3).

DỊCH THƠ:

Quan sang ta có muôn đâu mà,
 Cười nói sau màn hờ tinh xa.
 Thích mắt đâu còn vui cảnh đẹp,
 Thực lòng chẳng dám dõi trời già.
 Ba xuân máu rõ quyền đòi đoạn,
 Muôn dặm lòng về nguyệt lửng lo.
 Đợi khúc khải hoàn vang tiếng hát,
 Chiếu tre gối ngọc bạn trong nhà,

HOÀNG KHUÊ

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 畫 勤.

2* TVTL1, 3: 鬼 phách.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chấp kim ngô : chức quan võ thời xưa.
- (2) Tấm màn quang dầu (du chàng) : tấm màn dùng ở nơi làm việc của các tướng.
- (3) Chiếu trúc (thanh nô) : một loại chiếu ken bằng những thanh trúc chẻ nhỏ và mỏng.

130

清化府道中

THANH HÓA PHỦ ĐẠO TRUNG ^{1*}

去吟望	戒今遠	事秋看	在歸雲	塵舊題	泥北。	泥，	在	泥，	題。	泥，	題。	泥，	題。
感宋大愛相	遠頻水	顧狹空	火波草	起北	北。	北。	北。	北。	北。	北。	北。	北。	北。
大境逢	時江利	空光古	非說	流西	西。	西。	西。	西。	西。	西。	西。	西。	西。

Khứ niên nhung sự tại trần nê,
 Ngâm bút kim thu qui ^{2*} cựu đê.
 Vọng vũ viễn khan vân khởi bắc,
 Cảm thời tàn cổ Hỏa lưu tê (tay).
 Tống ⁽³⁾ Giang thủy hiệp ba thanh tiêu,
 Đại Lợi sơn không thảo sắc thê.
 Ái cảnh phong quang phi tích nhật,
 Tương phùng phỏng cõi thuyết Đinh, Lê.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN ĐƯỜNG PHỦ THANH HÓA

Năm ngoài vì việc quân phải ở nơi bụi lầy,
 Bút thơ thu nay lại trở về đè cũ.
 Mong mưa, trông xa mây dùn lên phía bắc,
 Cảm thời tiết, luôn ngẩn nhìn sao Hỏa chạy về tây (1).
 Mặt nước Tống Giang (2) hép, nhẹ nhẹ sóng reo,
 Dãy núi Đại Lợi (3) quang, xanh rờn cỏ mọc.
 Phong quang đất Ái (4) không còn như xưa nữa,
 Gặp nhau thăm hỏi dấu xưa, nói chuyện nhà Đinh, nhà Lê.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : không có chữ 中 trung

2* TVTL1 : 抹 tảo.

3* TVTL2 : 下 hạ

CHÚ THÍCH :

(1) Thơ *Thất Nguyệt* 七月 trong *Thi kinh* 詩經 có câu : 七月流火. *Thất Nguyệt lưu Hỏa* : Tháng bảy sao Hỏa chạy về tây. Ở đây tác giả dùng ý ấy để nói thời tiết đã sang tháng bảy.

(2) (3) *Tống Giang, Đại Lợi* : đều thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa.

(4) *Châu Ái* ; tên cũ của tỉnh Thanh Hóa.

131

題普賴山大明寺
用少保張公韻

塵飽鍾塔閨朝平俯	起帆撞湧月雲淮鑑	絲風鯨鰲塞暮勸清漪	歲倘千巨悲羨業漪	月來山浪客僧崖白	流遊動浮思幽石頭。
----------	----------	-----------	----------	----------	-----------

ĐÈ PHẢ LẠI 1* SƠN ĐẠI MINH TỰ
DỤNG THIẾU BẢO TRƯƠNG 2*
CÔNG VẬN

Trần khởi ty phân tuế nguyệt lưu,	Bão phàm phong tổng thẳng lai du.
Chung chàng kinh hống thiên sơn động,	Tháp dũng ngao trâm cư lăng phủ.
Quan nguyệt tái 3* yên bi khách tử,	Triệu vân mộ vũ tiện tăng u.
Bình Hoài huân nghiệp thuyền nhai thạch,	
Phủ giám thanh y vị bạch đầu.	

DỊCH NGHĨA :

**DÙNG VĂN THƠ CỦA QUAN THIẾU BẢO TRƯƠNG CÔNG⁽¹⁾
ĐỂ CHÙA ĐẠI MINH Ở NÚI PHẢ LẠI⁽²⁾**

Bụi nồi, tờ rối⁽³⁾, năm tháng trôi qua,
 Gió thổi buồm căng, ngẫu nhiên có cuộc đi chơi.
 Chuông khua như tiếng cá kình rống, nghìn núi rung động,
 Tháp nhô lên như con ngao cài trâm, nỗi cơn sóng lớn.
 Trăng cửa ải, khói biển cương, lòng khách u buồn,
 Mây buồm sớm, mây ban chiều, hâm mộ cảnh thiền tịch mịch.
 Công nghiệp bình Hoài⁽⁴⁾ được khắc vào đá núi,
 Cùi soi làn nước trong, thấy mình chưa bạc đầu.

DỊCH THƠ :

Rồi bời thời thế thảng năm nhanh,
 Buồm gió căng chơi bước dạo quanh.
 Kinh rống hồi chuông non chuyển động,
 Ngao vòn ngọn tháp sóng rung rinh.
 Mưa chiều, mây sớm, sự thêm tĩnh,
 Khói tỏa trăng lu, khách tranh tĩnh.
 Công trạng bình Hoài ghi vách đá,
 Cùi soi dòng biếc tóc còn xanh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 雨額 phố lại.

2* TTCGLT : 翳 lè.

3* TVTLI : 漢 hàn.

CHÚ THÍCH :

(1) *Trương công* : chưa rõ là ai.

(2) *Núi Phả Lại* : ở xã Phả Lại, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc huyện Phả Lại, Hải Hưng.

(3) *Bụi nồi tờ rối* (Trần khởi ty phân) : chỉ thời thế loạn lạc.

(4) *Bùi Độ* 裴度 người đời Đường, dẹp yên loạn lạc ở đất Hoài Thái, được nhà vua sai Hàn Dũ 韓愈 làm bài *Bình Hoài bì kí* 平淮碑記 để ghi công.

答梁江納言病中

ĐÁP LƯƠNG GIANG
NẠP NGÔN BỆNH TRUNG.

南	冷	酒	菊	自	何	依	日
冷	汀	歌	梅	老	笑	曾	阿
酒	瀾	罷	浮	闌	梅	阿	首
菊	病	新	沈	老	歌	曾	首
自	酒	沈	茹	笑	梅	阿	目
何	酒	茹	世	闌	沈	阿	目
依	酒	世	不	老	茹	曾	目
日	酒	不	不	闌	世	阿	目

歲隱談玩無痛徒耳，留表苦尤術禁為謀。
 催骨罷新沈茹世臣，不輕人物計禁為謀。
 纓骨罷新沈茹世臣，不輕人物計禁為謀。
 南冷酒菊自何依日，南冷酒菊自何依日。

Nam lục thoi trien tuế bất lưu,
 Linh đinh bệnh cốt ần khinh cùu,
 Tứu lan cà bãi đàm nhân khô,
 Cúc lão mai tàn ngoạn vật vưu.
 Tự tiểu phù tràm vô kế thuật,
 Hà tăng thô nhụ thống khàm hầu.
 Ya thiệp thế đồ vi nhĩ,
 Bạch thủ tông ^{1*} thần bất dữ muru.

DỊCH NGHĨA :

TRẢ LỜI QUAN NẠP NGÔN LƯƠNG GIANG ⁽¹⁾ TRONG KHI ỐM

Thời tiết chuyển nhanh, năm tháng không dừng lại,
 Bộ xương ốm yếu lênh đênh, giấu trong áo cùu nhẹ.
 Rượu tàn, hát xong, bàn đến cái khổ của con người.
 Cúc già, mai mới, được thưởng thức vật hiếm.
 Tự cười mình chìm nồi, chẳng có kế thuật gì,
 Chưa từng nhả nuốt bao giờ mà đau cuống họng ? ⁽²⁾
 Dựa dẫm theo đời, qua chuyện mà thôi,
 Bạc tông thần bạc đầu không được dự muru.

DỊCH THƠ :

Năm tháng trôi hoài lầm đổi thay,
 Lệnh đênh đau ốm tấm thân gầy.
 Rượu tàn, hát đoạn, trò đời kể,
 Cúc cỗi, mai tơ, cảnh hiếm bày.
 Tự trách nồi chìm muru churbé vụng,
 Chưa từng nhả nuốt họng như đong cay.
 Theo đời dựa dẫm cho qua chuyện,
 Tóc bạc tông thần chịu bó tay.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 家 *gia*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Luong Giang* : chưa rõ là ai.(2) *Thi kinh* : 詩 經 có câu : 柔則 嘴之, 刚則 吐之 Nhu tặc nhu chi, cương tặc thô chi : Mềm thì nuốt, rắn thì nhả. Ở đây tác giả nói ngược lại, ý cho rằng mình không phải là người thủ đoạn.

133

家弟見蕭都督示早梅
詩因賡其韻以贈

九	朔	泉	吹	度	初	雲	煙	葉	飛	著	數	新	好	耐	調	風	光	香	。	陽	,
大	小	溪	漢	春	邊	池	館	煙	館	好	耐	好	耐	耐	風	雪	。	態	。		
漢	寄	來	語	過	外	桃	醉	醉	醉	待	須	耐	待	待	風	雪	芳	。	。		
										似	似	似	似	似	風	風	郎	。	。		
										肖	肖	肖	肖	肖	郎	郎	當	。	。		

GIA ĐỆ KIẾN TIÊU ĐÔ ĐỐC^{1*} THI
TẢO MAI THI, NHÂN CANH KỲ VẬN
DĨ TẶNG

Cửu tuyền căn diệp trước vi dương,
Sóc xúy^{2*} sơ phi sô ngạc hương.
Đại Dữu^{3*} vân yên tan diệu thái,
Tiều xuân trì quán hảo phong quang.
Khê biên tiều tuy nại khinh tuyết,
Trúc ngoại ưu du đài chúng phượng.
Ký ngữ sơn phàn tu tiểu^{4*} tự,
Lại niên đào hạnh thái lang đương.

DỊCH NGHĨA :

NGƯỜI EM TRAI ĐƯỢC TIÊU ĐÔ ĐỐC⁽¹⁾ CHO XEM THO
VỊNH MAI SÓM, NHÂN HỌA VĂN ĐỀ TẶNG

Từ dưới chín suối rẽ và lá hút được khi dương mới,
Gió bắc thổi, mẩy cánh hoa thơm bắt đầu bay.
Khói mây trên núi Đại Dữu⁽²⁾ dáng diệu tươi xinh,
Quán bên ao trong tiết tiều xuân⁽³⁾, phong quang đẹp đẽ.
Phò phạc bên bờ khe quen với tuyết nhẹ,
Thánh thoia ngoài khóm trúc, chờ các loài hoa.
Nhẵn hoa sơn phàn⁽⁴⁾ cần giống hệt như thế,
Sang năm hoa đào, hoa hạnh sẽ làm anh.

DỊCH THƠ :

Đất sâu rẽ lá đượm hơi dương,
 Gió bắc, bay hoa mẩy cánh thơm.
 Đại Dữu khôi mây xinh dáng diệu,
 Tiều xuân ao quán đẹp phong quang.
 Bên khe phờ phạc đà quen tuyết,
 Dưới trúc an nhàn vẫn đợi hương,
 Nhẫn bảo sơn phản nén giống thế,
 Sang năm đào hạnh thái lang dương.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL1 : thêm chữ 犹 tri sau chữ 都督 Đô đốc.
- 2* TVTL2 : 攸溯 xúy sóc.
- 3* TVTL1 : 度 sáu.
- 4* TVTL1 : 省 tinh.

CHÚ THÍCH :

- (1) Tiêu Đô đốc : chưa tra cứu ra tên thật là gì.
- (2) Đại Dữu : một dãy núi ở Thiều Châu (Trung Quốc), trên núi có các loại mai hồng, mai trắng.
- (3) Tiều xuân : tháng mười âm lịch, khi trời có lúc ẩm áp như mùa xuân, vì vậy người ta cũng gọi tháng mười là tháng « tiều xuân ».
- (4) Sơn phản : một loại cây có hoa màu vàng. Người xưa gọi cây mai là anh, cây sơn phản là em.

134

偶題

中便天人清瘦覽力
心佇下間茶竹鏡扶
認虛有無好疎自衰
得空焉處酒梅慙病
本在皆不供伴惟作
來箇正春佳老一三
空中。理風客翁事公。

NGÂU ĐỀ

Trung tâm nhận ^{1*} đặc bản lai không,
Tiện trữ hư không tại cá trung.
Thiên hạ hữu vi giai chính lý,
Nhân gian vô xứ bất xuân phong.
Thanh trà hảo tửu cung giai khách,
Sáu trúc sơ mai bạn lão ông.
Lãm kinh tự tám duy nhất sự,
Lực phù suy ^{2*} bệnh tác Tam công.

DỊCH NGHĨA:

NGÂU ĐỀ

Trong lòng nhận thấy vốn là không,
Bèn dành cái hư không ở trong đó.
Lẽ hữu vi (1) trong thiên hạ đều là lẽ chính,
Chốn nhân gian không chỗ nào không có gió xuân.
Trà thanh, rượu ngon thết đãi khách quý,
Trúc gầy, mai thưa làm bạn với ông già.
Trông gương chỉ hẹn có một việc,
Đó là cố chống đỡ với già bệnh để giữ chức Tam công (2).

DỊCH THƠ:

Hỏi lòng biết được vốn là không,
Nên mặc hư không cứ ở trong.
Thiên hạ có duyên đều chính lý,
Nhân gian đâu chỗ chẳng xuân phong.
Trà thơm, rượu ngọt mời tân khách,
Trúc thẳng, mai gầy đón lão ông.
Ngắm bóng hẹn lòng duy một việc,
Ôm hèn còn gắng giữ Tam công.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 想 tuởng.

2* TVTL2 : 裏 lý.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hữu vi* : Ý nói rằng vạn vật đều do nhân duyên mà sinh ra.
 (2) *Tam công* : Thái úy, Tư đồ, Tư không. Tác giả lúc bấy giờ đương giữ chức Tư đồ, vì vậy gọi chung chức quan của mình là Tam công.

135

賡試局諸生唱酬佳韻

CANH THÍ CỤC CHƯ SINH
XƯỚNG THÙ GIAI VẬN

漢	唐	宋	又	元	明
例	設	宋	選	俊	英
何	似	科	求	寶	學
當	知	聖	絕	譏	評
殿	深	萬	觀	書	罷
月	菊	乙	宿	雨	晴
一	炷	秋	通	帝	闕
願	聞	御	孝	元	名

Hán Đường nhị Tống hựu Nguyên
Minh, Lê ^{1*} thiết từ khoa tuyển tuấn anh.
Hà tự ^{2*} thánh triều cầu thực học,
Đương tri vạn thế tuyệt ^{3*} cơ bình.
Điện thâm ^{3*} át dạ quan thư bãi,
Nguyệt mãn thu phong ^{4*} túc vũ tình.
Nhất chư ngự hương thông đế khuyết,
Nguyễn văn trung hiếu Trạng nguyên
danh.

DỊCH NGHĨA :

HOA VĂN BÀI THƠ XƯỚNG HOA CỦA CÁC THÍ SINH Ở TRƯỜNG THI

Hán, Đường, Bắc Tống, Nam Tống, đến Nguyên, Minh (1),

Lê đặt các khoa từ chương để chọn người hiền tài.

Sao giống thánh triều ta chỉ cầu thực học !

Phải biết đó là để cho muôn đời sau dứt tiếng chê bai.

Canh hai, trong điện sâu, xem sách vừa xong,

Trăng tròn, gió thu thổi, trận mưa đã tạnh.

Đốt nén hương vua thấu đến cửa thượng đế,

Mong được nghe tên vị Trạng nguyên trung, hiếu.

DỊCH THƠ :

Hán, Đường, nhì Tống, lại Nguyên, Minh,
 Lê đặt từ khoa chọn tuấn anh,
 Sao giống triều ta cầu thực học!
 Muôn đời chắc hẳn dứt luận bình,
 Điện sâu, mải đọc, canh hai đến.
 Mưa tạnh, trăng tròn, gió nhẹ quanh,
 Đốt nén hương vua cầu thương để,
 Trạng nguyên trung hiếu nguyên nghe danh.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH

- 1* TVTL2 : 倒 dǎo.
- 2* TTCGLT : 以 dǐ.
- 3* TVTL2 : 除 dù.
- 4* TTCGLT : 空 khōng.

CHÚ THÍCH :

- (1) Hán, Đường, Bắc Tống, Nam Tống, Nguyên, Minh : những triều đại phong kiến kế tiếp nhau ở Trung Quốc.

136

用杜存齋韻呈試院諸公

DUNG ĐỐ TỒN TRAI VÂN, TRÌNH THÍ VIỆN CHƯ CÔNG

回	祿	號	風	旋	馬	廳,
松	庭	菊	圃	絕	芳	馨。
自	怜	靈	簡	成	反	燼,
不	耐	蠹	圍	入	鎖	肩。
剩	喜	秋	才	歸	藻	鑑,
行	看	英	榜	出	朝	庭。
寧	將	黃	沫	重	千	古,
懶	笑	紅	年	謝	柳	青。

Hồi lộc hào phong toàn mã sảnh,
 Tùng đình cúc phổ tuyệt phuong hình.
 Tự linh đố giản thành hồi tần,
 Bất nại thu vi nhập tỏa quynh.
 Thăng hỉ anh tài qui tảo giám,
 Hành khan hoàng bảng xuất triều đình.
 Ninh tương hồng mạt^{2*} thùy thiên cồ,
 Lân tiểu đương niên Tạ Liêu Thanh.

DỊCH NGHĨA :

**DÙNG VĂN THƠ CỦA ÔNG ĐỖ TỒN TRAI⁽¹⁾
LÀM THƠ GỬI CÁC ÔNG TRONG TRƯỜNG THI.**

Lửa cháy, gió gào trong cái sảnh đường nhỏ hẹp,
 Sân tùng, vườn cúc đã dứt hẳn hương thơm.
 Đáng thương cho sách một đã thành tro tàn,
 Không chịu nỗi vào chốn trường thi cửa khóa.
 Còn mừng là anh tài đã được kén chọn rồi,
 Sau đây sẽ thấy bảng vàng từ triều đình ban ra.
 Thà đem nét ghi bia đỏ⁽²⁾ để lại nghìn xưa,
 Chứ chả muốn cười Tạ Liễu Thanh⁽³⁾ năm ấy.

DỊCH THƠ :

*Lửa bốc gió lửa noi sảnh hẹp,
 Sân thông luống cúc ngán hương chìm.
 Đáng thương sách một thành tro bụi,
 Chẳng nỡ trường thi mắc khóa im.
 Sĩ giỏi, gương văn còn xuất hiện,
 Bảng vàng sân chúa hãi quan chiêm.
 Nét son thà điểm lưu muôn thuở,
 Liễu Tạ dù xanh những biếng xem.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 子 tử.
 2* TVTL1 : 林 mạt.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đỗ Tồn Trai* : tức *Đỗ Tử Vi* 杜子微, làm chức Trung thư lệnh thời Trần Duệ Tông.
 (2) *Nét ghi bia đỏ* (hồng mạt) : tượng truyền luyến dan sa thành màu vàng viết vào đá sẽ không phai, gọi là «hồng mạt». Ở đây tác giả muốn nói những người thi đậu được lưu danh bia đá.
 (3) *Tạ Liễu Thanh* : chưa rõ là ai.

137

題觀鹵簿詩集後

中興
兆鬪
史將
經天
平考
兆
文
謳
從
兵
地
南
北
罷
文
臣
氏
亦
心
事
南
場
征
罷
臣
日
運
歌
臣
亦
心
事
南
場
觀
望
邁
樂
皆
能
先
覺
可
知
武
舉
歸
羲
時
字
詩
覺
知
舉
期

ĐỀ QUAN LỘ BẠ THI ^{1*} TẬP HẬU

Trung hưng văn vận mai Hiên, Hy,
Triệu tinh áu ca lạc thịnh thi.
Đấu tướng tung thần giải thức tự,
Lại viên tượng thị diệc ^{2*} năng thi.
Kinh thiên vĩ địa tâm tiên giác ^{3*},
Binh bắc chinh nam sự khả tri.
Khảo bãi văn tràng quan võ cử,
Lão thần hà nhật vọng qui kỳ.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ SAU TẬP THƠ QUAN LỘ BẠ ⁽¹⁾

Vận hội văn chương đời Trung hưng hơn cả đời Hiên, Hy ⁽²⁾,
Muôn dân ca hát vui đời thịnh trị.
Tướng võ, quan hầu đều biết chữ,
Thư lại, thơ thuyền cũng làm thơ.
Ngang trời đọc đất, lòng cầm chắc trước,
Dẹp bắc đánh nam, việc đã hay.
Khảo xong trường văn lại xem thi võ,
Kẻ lão thần nào mời mong được kỳ về.

DỊCH THƠ :

*Trung hưng văn vận vượt đời xưa,
Thời thịnh muôn dân ngợi hát ca.
Tướng võ, quan hầu đều biết chữ,
Thơ thuyền, thư lại cũng hay thơ.
Ngang trời, đọc đất, lòng cầm chắc,
Dẹp bắc chinh nam, việc săn lo.
Khảo trọn trường văn, xem thi võ,
Lão thần xong hẹn biết bao giờ.*

KHẢO ĐÍNH:

- 1* TVTL2 : 瑩 *nghi*.
 2* TVTL2 : 總 *tōng*.
 3* TVTL2 : 見 *kiến*.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Quan lỗ bạ*: chưa rõ là tập thơ của ai,
 (2) *Hiên, Hy* : tức Hiên Viên 軒轅 và Phục Hy 伏羲, hai ông vua trong thần thoại Trung Quốc.

138

題崇虛老宿

ĐỀ SÙNG HƯ LÃO TÚC

拋交遠高石毫晚蒿
外君萊漢刱秋逢眼
世與蓬碧飛入相老
纓杖氣聲閑宇禡公
塵藜雲泉玄海羽虛
解鞋前畔斷生虛豁
暫芒檻枕寸側清一

DỊCH NGHĨA:

BỀ CHỖ Ở CŨ CỦA SÙNG HƯ (1)

Tạm cõi giải mຸ trần tục vứt ra ngoài cõi đời,
 Mang giày cỏ, chống gậy lê (2), giao du cùng ông.
 Máy tụ trước hiên, Bồng Lai (3) xa thẳm,
 Suối reo bên gốc, trời xanh cao vời.
 Tạm đóng cửa huyền lại để đi vào không gian vô tận (5),
 Sông ghé trong hải vũ (6) chỉ là bước vào chốn thu hào (7).
 Người thanh hú và kẻ áo lông gấp nhau muộn (8),
 Nhưng đã mở rộng con mắt lờ mờ cho ông già hú khôn.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 缘 *duyên*.
 2* TTCGLT : 才 *tài*.
 3* TVTL1 : 手 *sở*.
 4* TVTL2 : 眼老 *nhǎn lão*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Sùng Hu* : chưa rõ là ai.
 (2) *Giầy cỏ gãy lê* (mang hài lê trượng) : những thứ người tu hành thường dùng.
 (3) *Bồng Lai* : một hòn đảo tiên, trong truyện thần thoại.
 (4) *Cửa huyền* (huyền quan) : cửa của đạo huyền diệu.
 (5) *Đi vào không gian vô tận* (phi kiếp thạch) : thế giới ngoài cuộc sống con người, ý nói đã chết.
 (6) *Hải vũ* : những lục địa nằm trong các biển.
 (7) *Thu hào* : lồng mùa thu. *Lương Huệ Vương, Mạnh Tử* 梁惠王, 益子, có câu:
 明足以察秋毫之末 Minh túc dĩ sát thu hào chi mạt : sáng suốt để quan
 sát ngọn lồng mùa thu.
 (8) Câu này ý nói tác giả và kẻ tu hành đã gặp nhau.

139

寄贈藥溪檢正阮應龍

KÝ TẶNG NHỊ KHÊ ^{1*} KIỀM CHÍNH
NGUYỄN ÚNG LONG.

朔客籬	風舍下邊兒	細蕭幽素未思耕	雨蕭姿艷欵歸	轉客存試花綠	淒思晚新門	涼長節，粧
溪胡裴釣千	月鐘萬	萬	雲宇	野太微郎。		

Sóc phong tể vũ chuyên thê lương,
 Khách xá tiêu tiêu khách tú trường.
 Ly hạ u tư tồn vẫn tiết,
 Khê biên tổ diệm thi tân trang.
 Hồ nhi vị khoản Hoa Môn tái,
 Bùi lão tư qui Lục Dã đường.
 Điều nguyệt canh vân hà thái tảo ?
 Thiên chung vạn vũ Tử vi lang.

DỊCH NGHĨA :

GỬI TẶNG KIÈM CHÍNH NGUYỄN ỨNG LONG Ở NHỊ KHÊ (¹)

Gió bắc, mưa phun trở nên lạnh lẽo,
Nơi quán trọ đìu hiu, lòng khách vẫn vương.
Vẻ thanh u dưới giậu, tiết muộn giữ tròn,
Sắc trắng đẹp bên khe, dáng mới dường thử (²).
Rợ Hồ chưa đến nộp hàng khoán ở ải Hoa Môn (³),
Ông Bùi đã muốn về dưỡng lão ở nhà Lục Dã (⁴)
Câu trăng cày mày, sao mà sớm thế ?
Nghìn hộc lúa, muôn ngôi nhà là cửa Tử vi lang (⁵).

DỊCH THƠ :

*Mưa phun gió bắc cảnh thê lương,
Quán trọ đìu hiu khách vẫn vương.
Dưới giậu vẻ thanh, còn tiết muộn,
Bên khe hoa trắng, nức mùi hương.
Hồ nhị chưa đến Hoa Môn tái,
Bùi lão ưng về Lục Dã dưỡng.
Câu nguyệt cày mày sao sớm thế ?
Muôn chung nghìn túc Tử vi lang.*

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL : »] xuyễn.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Nguyễn Ứng Long* : tức Nguyễn Phi Khanh 阮飛卿, con rể Trần Nguyên Đán.
- (2) Câu này tả khì sắc của hoa mai. Người xưa thường lấy hoa cúc tượng trưng cho khì tiết của người quân tử lúc đã về già, lấy hoa mai tượng trưng cho phong thái của người hiền sĩ trẻ tuổi. Ở đây hoa cúc chỉ bản thân tác giả, hoa mai chỉ Nguyễn Phi Khanh.
- (3) *Hoa Môn* : một cửa ải ở phía bắc Trung Quốc
- (4) *Lục Dã* : tên ngôi nhà lúc về hưu của Bùi Đô, người đời Đường. Về sau danh từ «Lục Dã dưỡng» thường được dùng để chỉ cảnh về hưu.
- (5) *Tử vi lang* : một chức quan ở tòa Tử vi sảnh đài Đường. Ở đây ý tác giả muốn nói tài của Nguyễn Phi Khanh đáng được giao nhiệm vụ quan trọng.

奉錢樞府西征行軍
都總管黎公

前遠萬九秦蔡待此	矛略里梶兵將報汝	照交砲船瞻神闈	日遲擁躉喪驚梨筆	颺役熊渤喪驚夷作	蒸瓜虎溟雪夷鏡	沙哇壘波鶴夜埢歌
----------	----------	---------	----------	----------	---------	----------

PHUNG TIẾN XU PHỦ TÂY CHINH
HÀNH QUÂN ĐÔ TỒNG ^{1*} QUÂN
LÊ CÔNG

Tiền màu chiếu nhật chiếm chưng sa,
Viễn lược giao ^{2*} Tiêm dịch Qua Oa.
Vạn lý pháo tời hùng hổ lũy,
Cửu nguy thuyền ^{3*} xúc bột minh ba.
Tần binh dám ^{4*} táng thu phong hạc,
Thái tướng thần kinh tuyết dạ ^{5*} nga.
Đại bác Đồ Bàn di nghĩ diệt ^{6*},
Thủ như duyên ^{7*} bút tác nao ^{8*} ca.

DỊCH NGHĨA :

TIẾN XU PHỦ TÂY CHINH HÀNH QUÂN
ĐÔ TỒNG QUÂN LÊ CÔNG (¹)

Ngọn cờ đi trước dọi bóng mặt trời phất phơ trên cát nóng,
Mưu lược xa là giao hảo với Tiêm La (²) và khống chế Qua Oa (³).
Muôn dặm súng lớn, bắn tan lũy gấu cọp,
Chín cột buồm gióng, lướt qua sóng biển khơi.
Quân Tần vỡ mặt trong tiếng hạc mùa thu (⁴),
Tướng Thái kinh hồn vì tiếng ngõng đêm tuyết (⁵).
Chờ đợi tin san phẳng tỗ kiến Đồ Bàn (⁶),
Chấm ướt ngồi bút làm bài ca cho quân đội.

DỊCH THƠ :

Bóng nhật soi cờ, bãi cát qua,
Hòa Tiêm, sai khiến đảo Qua Oa.
Súng muôn dặm bắn tan đồn giặc,
Thuyền chín buồm gióng vượt biển xa.
Vỡ mặt quân Tần, kinh tiếng hạc,
Mất hồn tướng Thái khiếp bầy nga.
Đồ Bàn san phẳng chờ tin báo,
Vây bút trong quân thảo khúc ca.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL1 : 直 dốc.
- 2* TTCGLT : 文 văn.
- 3* TVTL1 : 盡 hạm.
- 4* TVTL2 : 腹 phủ.
- 5* TVTL1 : 夜 雪 dạ tuyết.
- 6* TVTL2 : 徑 kinh.
- 7* TVTL2 : 缘 duyên.
- 8* TVTL2 : 饒 nhiêu.

CHÚ THÍCH :

- (1) Lê công : tức Hồ Qui Ly.
- (2) Tiêm La : nay là nước Thái Lan.
- (3) Qua Oa : nước In-dô-nê-xi-a.
- (4) Quân Tần đánh trận Phi Thủy thua chạy, nghe tiếng hạc tưởng quân nhà Tần đuổi theo.
- (5) Quân nước Sở đánh úp quân nước Thái, đêm tuyết nghe tiếng ngỗng kêu, tưởng nước Thái kinh hồn.
- (6) Đồ Bàn (Vi-ja-y-a): kinh đô nước Chiêm Thành.

141

杜洪州檢正韻

送疆春世白紫安澤	雨酬光味屋垣民畔	輕佳野村青黃齊行	陰韻寺墟燈閣物吟	滿詠花酒空苦留	客風千一負汝，	途零樹壺。吾事，

HÒA HỒNG CHÂU KIỂM CHÍNH VẬN

Tổng vũ khinh âm mẫn ^{1*} khách đồ,
 Cưỡng thù giai vận vịnh Phong Vu.
 Xuân ^{2*} quang dã tự hoa thiên thụ,
 Thể vị thôn hư trú nhất hồ.
 Bạch ốc thanh đăng không phụ nhữ,
 Tử viền hoàng các khồ lru ngô.
 An dân tế vật chư công sự,
 Trach bạn hành ngâm mạc tự cô.

DỊCH NGHĨA :

HỌA BÀI THƠ CỦA VIÊN KIỀM CHÍNH Ở HỒNG CHÂU (¹)

Đầy đường đất khách, bóng râm nhẹ đưa mưa,
 Cố súc họa vẫn bài thơ vịnh cảnh «Phong Vu» (²).
 Trong ngôi chùa nơi thôn dã, ngàn cây nở hoa dưới ánh xuân,
 Trên nền cũ trong làng, một hò rượu đậm mùi thế tục.
 Nhà trắng đèn xanh (³) tự buộc người vào,
 Tường tia gác vàng (⁴), cố giữ ta lại.
 Yên dần, giúp đời, sự nghiệp của các người,
 Lang thang ca hát bên chǎm, dừng cho mình là lẻ loi (⁵).

DỊCH THƠ :

Bóng tối đem mưa khắp mọi nơi,
Phong Vu gắng họa vận thơ chơi.
 Chùa thôn xuân đẹp, hoa nghìn khóm,
 Nền xóm đời vui, rượu một chai.
 Nhà trắng đèn xanh, người buộc mái,
 Gác vàng tòa tia, lão lưu hoài.
 Giúp đời, các vị chǎm lo lẩy,
 Ngâm vịnh bên chǎm há lẻ loi.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 酒 sai.

2* TVTL2 : 月 nguyệt.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đây là bài tác giả họa lại thơ của con rể là Nguyễn Hán Anh 阮漢英 làm chức Kiêm chính Hồng Châu (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
- (2) *Phong Vu* : Luận ngữ 論語 có câu : 風乎雨雩 Phong hồ Vũ Vu : Hồng mát ở đầm Vũ Vu. Nói «Phong Vu» là muốn nhắc tới cả câu trên đây trong Luận ngữ.
- (3) Nhà trắng (bạch ốc) : chỉ chỗ ở sơ sài của những kẻ sĩ chưa ra làm quan hoặc chỉ mới làm quan nhỏ. Đèn xanh (thanh đăng) : chỉ ngọn đèn của học trò. Ở đây ý nói Nguyễn Hán Anh tuổi còn trẻ.
- (4) Tường tia (tử vien) : chỉ chỗ vua ở. Nguyễn ở phía bắc sao Bắc Đầu có một triền sao như một bức tường, trong triền sao ấy có ngôi sao Tử Vi, sao Tử Vi tượng trưng nhà vua, vì vậy nói «tường tia» cũng là chỉ vua. Gác vàng (hoàng các) : chỉ nơi làm việc của Tề tướng, ở đây chỉ chức Tề tướng.

142

奉賡太宗政平章韻

老	厭	繫	華	漢	富	平,
春	心	寄	傲	曉	寢	明。
野	蒿	倚	竹	一	般	色,
煙	樹	隔	江	無	限	情。
雲	氣	往	來	天	大	小,
陽	光	旦	暮	物	枯	榮。
安	閑	世	故	多	疎	懶,
偃	却	胸	中	十	萬	兵。

PHUNG CANH THAI TONG CHINH
BINH CHUONG VEN

Lão yém phòn hoa Hán ^{1*} Phú Bình,
 Xuân tâm ký ngọa hiều song minh.
 Cỏ cao ý ^{2*} trúc nhất ban ^{3*} sắc,
 Yên thụ cách giang vô hạn tình.
 Vân khi ^{4*} vắng lai thiên đại tiêu,
 Dương quang dán mộ vật khô vinh.
 An nhàn thế cỗ đa sơ lǎn,
 Yên khước hung trung thập vạn binh.

DỊCH NGHĨA :

KÍNH HỌA VĂN BÀI THƠ NĂM CHÍNH BÌNH ⁽¹⁾ CỦA THÁI TÔNG

Phú Bình ⁽²⁾ đời Hán lúc về già cũng chán cảnh phòn hoa,
 Đem lòng xuân gửi vào sự cười cợt với ánh sáng cửa sổ lúc ban mai.
 Cỏ nội dựa bên khóm trúc, màu sắc như nhau,
 Cây lồng khói bên kia sông, mỗi tình đào đạt.
 Hơi mây vắt vưởng, bầu trời khi lớn, khi nhỏ,
 Mặt trời sớm tối, cảnh vật khi héo, khi tươi.
 Quen an nhàn, biếng nghĩ đến biến cố ở đời,
 «Chúc vạn quân» chứa trong lòng dành dẹp lại.

DỊCH THƠ :

Già chán phòn hoa cảnh Phú Bình,
 Song mai cười gửi chí bình sinh.
 Cỏ chen khóm trúc cùng chung sắc,
 Cây cách dòng sông biết mấy tình.
 Qua lại mây bay, trời lớn nhỏ,
 Sớm chiều nắng doi, vật khô vinh.
 An nhàn quen thói sinh lười biếng,
 Dẹp hết trong lòng chúc vạn binh.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 級 *lớc*.
 2* TVTL2, 2 : 傍 *bàng*.
 3* TVTL1 : 知 *tri*.
 4* TVTL2 : 色 *sắc*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chinh Bình* : một niên hiệu của Trần Thái Tông 陳太宗 (1232-1250).
 (2) *Phú Bình* : Trương An Thế 張安世, người đời Hán, được phong là Phú Bình hầu.

143

賡新平安撫范公
師益新平書事韻

CÁNH TÂN BÌNH AN PHỦ PHẠM
CÔNG ^{1*} SƯ MẠNH « TÂN BÌNH
THU ^{2*} SỰ » VẬN

志	士	寧	辭	蹈	海	危,	Chí sĩ ninh từ đạo hải nguy,
高	歌	長	嘯	任	天	倪。	Cao ca tràng khiếu nhậm thiên nghệ.
霜	篆	暑	笠	酬	明	遠,	Sương soa thủ lạp thù minh chúa,
虎	落	蛇	區	慰	主,	黎。	Hồ lạc xà khu úy viễn lê.
日	月	盈	虧	人	易	見,	Nhật nguyệt doanh khuy ^{3*} nhân dị kiến,
賢	愚	窮	達	物	難	齊。	Hiền ngu cùng đạt vận nan tè.
佳	期	久	隔	天	涯	望,	Giai kỳ cửu cách thiên nhai vọng,
賦	罷	停	雲	月	欲	西。	Phú bài «Định vận» nguyệt dục tê (tây).

DỊCH NGHĨA :

HÓA VĂN BÀI THƠ « TÂN BÌNH THU SỰ » CỦA QUAN AN PHỦ SƯ
TRẦN TÂN BÌNH PHẠM SƯ MẠNH

Người chí sĩ đâu chịu chối từ cái nguy vượt biển,
 Cắt cao tiếng hát với tất cả lòng minh.
 Mang tơ sương, đội nón nắng, đèn đáp minh chúa,
 Vào hang hùm, tời ô rắn, yên ủi dàn xa.
 Mặt trời, mặt trăng, khi tròn khi khuyết, người đời dễ thấy,
 Người hiền, người ngu, lúc cùng lúc đạt, nhân vật khó đều.
 Hẹn đẹp từ lâu, trông vời chán trời xa cách,
 Làm xong văn thơ «Định vận» (1), trăng đã xế tây.

DỊCH THƠ :

Vượt biển nguy nan, chí dám đương,
 Hò vang hát lớn giữa trời quang.
 Đội sương tắm nắng đèn minh chúa,
 Sức ố lẩn hang vỗ viễn phương.
 Nhật nguyệt đầy voi người dễ thấy,
 Hiền ngu cùng đạt vật khôn ngang.
 Chân trời xa thẳm mong ngày hẹn,
 Hát trọn Đinh vân, thở ngậm gươong.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : không có chữ 公 công.
 2* TVTL2 : không có chữ 書 thư.
 3* TVTL1 : 酒盈 khuy doanh.

CHÚ THÍCH :

(1) *Đinh vân* : một bài thơ của Đào Tiềm 陶潛, người đời Tấn. Bài thơ này tả nỗi nhớ bạn.

144

賜進士

TÚ TIẾN SĨ

聖	賢	闔	禮	闔	聖	Thánh chủ cầu 1* hiền tịch lê vi,
欣	鳳	九	霄	九	賢	Hán chiêm quần phượng cửu tiêu phi.
名	闕	懸	金	懸	闕	Danh đẽ ngọc khuyết huyền kim bảng,
馬	衢	拂	錦	拂	衢	Mã được hoa cù 2* phất cầm y.
老	予	歸	綠	歸	予	Lão lân phóng 3* dư qui Lục Dã,
謀	汝	入	黃	入	汝	Mưu 4* mô dài nhữ nhập hoàng phi.
蒼	日	當	蘇	當	日	Thương sinh chỉ nhật dương tố túc,
邊	塵	獄	訟	獄	塵	Biên tái vô trần ngực tung hy.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG TIẾN SĨ

Vua thánh cầu người hiền nên mở khoa thi,
 Mừng được xem bầy chim phượng bay lên chín tầng mây.
 Bảng vàng đề tên, treo trước cửa khuyết,
 Đường hoa ngựa ruồi, áo gấm phất phơ.
 Già nua biếng nhác, ta được thả về nhà Lục Dã (1),
 Mưu lược lo toan, người chờ bước vào cửa vàng (2).
 Chẳng bao lâu nữa, dân được nghỉ ngơi,
 Nơi biên thùy hết giặc, việc kiện tụng cũng ít.

DỊCH THƠ :

*Khoa thi vua mở kén hiền lương,
 Bay chín tầng mây cánh phượng hoàng.
 Cửa khuyết bảng vàng tên rõ nét,
 Đường hoa áo gấm ngựa rong cương.
 Yêu lười, thả tờ về đong biếc,
 Tài cán, mong người đến cửa vàng.
 Chả mấy lúc mà dân được nghỉ,
 Bụi quang biên tái, rảnh công đường.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 来 *lai*.2* TVTL1 : 街 *nhai*.3* TVTL2 : 閑 暇 令 *nhàn hạ lệnh*.4* TVTL2 : 許 *hùa*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Lục Dã* : nhà nghỉ lúc về hưu của Bùi Độ 裴度, một danh nhân đời Đường.(2) *Cửa vàng* : (hoàng phi) : cửa thép vàng, chỉ nơi dinh thự của Tể tướng.

145

題玄天觀

ĐỀ HUYỀN THIÊN QUÁN

自 日 升 天 易，
 致 君 堯 辟 難。
 塵 埃 六 載，
 回 首 十 黄 冠。

Bạch nhật thăng thiên dị,
 Tri quán Nghiêu Thuấn nan.
 Trần ai lục thập ^{1*} tài,
 Hồi thủ qui ^{2*} hoàng quan.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ QUÁN HUYỀN THIÊN (1)

Ban ngày bay lên trời còn dẽ,
 Giúp vua đế vua được như Nghiêu, Thuấn (2) mới khó.
 Sáu mươi năm sống trong cõi trần,
 Ngoảnh lại luống thẹn với người đội mũ vàng (3).

DỊCH THƠ:

*Lên trời còn sự dẽ,
 Giúp chúa thật điều gay.
 Sáu chục năm lần thản,
 Trong người hồ thẹn thay.*

Bd. HVTT

KHẢO ĐÍNH:

(1*) TVTL1: 十六 thập lục.

(2*) TVTL1: 晚 vân.

CHÚ THÍCH:

(1) Quán Huyền Thiên: chưa rõ ở đâu.

(2) Nghiêu, Thuấn: Hai bậc vua hiền thời cổ đại Trung Quốc.

(3) Mũ vàng (hoàng quan): mũ các đạo sĩ thường đội.

146

奉賡御製黃梅即事

PHUNG CANH NGU CHẾ
«HOÀNG MAI TỨC SỰ»

浮世年花催白髮，
故園松竹笑儒冠。
鳳池此日無多事，
坐看松陰轉畫欄。

Phù thế niên hoa thôi bạch phát,
Cố viên tùng trúc tiêu Nho quan.
Phượng Trì thứ nhật vô đa sự,
Tọa khán tùng âm chuyền họa lan.

DỊCH NGHĨA :

KÍNH HỌA VĂN THƠ «HOÀNG MAI TỨC SỰ» CỦA NHÀ VUA

Cõi đời bồng bèn năm tháng thôi thúc tóc bạc,
Tùng trúc vườn xưa cười giễu mũ nhà Nho.
Ao Phượng Hoàng (1) ngày nay không còn nhiều việc,
Ngồi nhìn bóng tùng nhich tới hàng lan can vẽ.

DỊCH THƠ :

Năm tháng phù sinh dồn tóc bạc,
Trúc thông vườn cũ giễu nhà Nho.
Hôm nay ao Phượng đã rồi việc,
Nhìn bóng tùng lăn dưới giậu tó.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

CHÚ THÍCH :

- (1) Ao Phượng Hoàng (Phượng Trì) : ở Trung Quốc vào đời nhà Tần, bên cạnh tòa Trung thư có cái ao tên là Phượng Hoàng, nhân đó, tòa Trung thư còn có tên là Phượng Trì (ao Phượng). Đến đời Đường, có người lại dùng từ «Phượng Trì» để chỉ chức Tề tướng.

147

壬寅年六月作

NHÂM DẦN NIÊN
LỤC NGUYỆT TÁC ^{1*}

年來夏旱又害秋霖，
禾槁萬卷書無用處，
三白頭空夏愛民心。

Niên lai hạ hạn hựu thu lâm,
Hòa cảo miêu thương hại chuyền thảm.
Tam vạn quyển thư vô dụng xứ,
Bach đầu không phụ ái dàn tâm.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM VÀO THÁNG SÁU NĂM NHÂM DẦN (1362)

Năm nay mùa hè bị hạn, mùa thu lại bị lụt,
 Lúa khô mạ thối, tai hại càng nhiều.
 Đọc ba vạn cuốn sách mà thành vô dụng,
 Bạc đầu luống phụ lòng thương dân.

DỊCH THƠ :

*Năm nay hè hạn lại thu mưa,
 Đau nỗi mùa màng những thiệt thua.
 Ba vạn sách dày đánh xếp xó,
 Yếu dân còn nợ, mái đầu phờ.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2 : không có chữ 作 tác.

148

戊申正月作

MẬU THÂN CHÍNH NGUYỆT TÁC

三	分	頭	自	寸	心	丹	,
世	上	紛	紛	萬	事	難	,
自	笑	不	如	錢	若	水	,
年	纔	四	十	便	休	官	.

Tam phần đầu bạch thốn tâm đan,
 Thể thượng phân phản vạn sự nan.
 Tự tiểu bất như Tiền Nhược Thủy,
 Niên tài ^{1*} tú thập tiễn hưu quan.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM VÀO THÁNG GIÊNG NĂM MẬU THÂN (1368)

Ba phần tóc trên đầu đã bạc, vẫn tặc lòng son,
 Sự đời bối rối, muôn việc khó khăn.
 Tự cười mình không bằng ông Tiền Nhược Thủy (1),
 Tuổi mới bốn mươi đã cáo quan về hưu.

DỊCH THƠ :

Ba phần tóc bạc tắc lồng son,
Đường thế gian nan bước cũng chôn.
Tự giêu không như Tiên Nhược Thủy,
Tuổi vừa bốn chục đã hưu quan.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH.

KHẢO ĐÍNH :

1* HVT : 終 chung.

CHÚ THÍCH :

(1) Tiên Nhược Thủy : người đời Tống, đậu Tiến sĩ, làm quan đến chức Đồng tri xu mật, sau xin từ chức.

149

夜歸舟中作

DẠ QUÍ CHU TRUNG TÁC

萬國民生沸鼎魚，	Vạn quốc dân sinh phi đình ngư,
朔燕東汎已邱墟。	Sóc Yên đông Biện ^{1*} dĩ khâu khư.
歸舟未穩江湖夢，	Qui chu vị ôn giang hồ mộng,
分取魚燈照古書。	Phân thủ ngư đèn chiếu cổ thư.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM TRONG LÚC ĐÊM BỊ THUYỀN VỀ

Nhàn dân muôn nước như cá trong vạc nước sôi,
Đất Yên phương bắc, đất Biện ⁽¹⁾ phương đông đã thành gó đồng.
Trên chiếc thuyền về, chưa yên giấc mộng giang hồ,
Mượn ánh đèn thuyền chài soi đọc cuốn sách cổ.

DỊCH THƠ :

Muôn nước dân sinh cá vạc sôi,
Biện đông Yên bắc tâz roi.
Thuyền về trắn trọc khôn yên giấc,
Mượn ánh đèn chài dở sách coi.

(Theo Bd. HVTVT)

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT chủ : 一本作夏 *Nhất bản tác độ* (Có bản chép là «độ»). Chúng tôi chưa rõ là bản nào.

CHÚ THÍCH :

(1) Yên : tức Yên Kinh, nay là thành phố Bắc Kinh; Biện tức Biện Kinh, nay là thành phố Khai Phong. Yên, Biện là hai kinh đô đời nhà Tống. Trong bài thơ này, tác giả muốn nói tình hình rối loạn của nhà Trần lúc bấy giờ.

150

夜深偶作

DẠ THÂM NGÂU TÁC

商 風 夜 靜 轉 飄 飄，
一 點 殘 燈 相 對 愁。
心 緒 好 隨 吟 裏 靜，
座 緣 須 向 睡 中 休。

Thương phong dạ tĩnh chuyền sưu^{1*}
Nhất điểm tản dǎng tương đối sầu.
Tâm tự hảo tùy ngâm lý tĩnh,
Trần duyên tu hướng thụy trung hưu.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM LÚC ĐÊM KHUYA

Gió thu trong đêm vắng thoi vi vu,
Buồn bã ngồi trước ngọn đèn tàn.
Lòng cũng người người trong lúc ngâm nga,
Duyên nợ cuộc đời, ngủ đi là xong hết.

DỊCH THƠ :

Đêm tĩnh, rì rào ngọn gió thâu,
Đèn khuya le lói luống khêu sầu.
Ngâm thơ muôn để lòng yên lặng,
Đánh giấc, trần duyên bàn nữa đâu.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT : 肖ieu.

不寐

BẤT MÌ

官舍園前病故人
秋霜在松菊盡愈
漏在閑心猶是不
遲涯事如病時。

Quán xá thu sương lâu chuyền tri,
Cố viên tùng cúc tại thiên nhai (nhai).
Mục tiền tận thị quan tâm sự.
Bệnh dứt bất như do bệnh thì.

DỊCH NGHĨA :

KHÔNG NGỦ

Chốn quan xá (1) trong sương thu, giọt đồng hồ (2) nhỏ chậm,
Tùng cúc noi vườn cũ ở tận chân trời xa.
Trước mắt toàn là những việc phải quan tâm.
Bệnh khỏi không bằng khi còn bệnh.

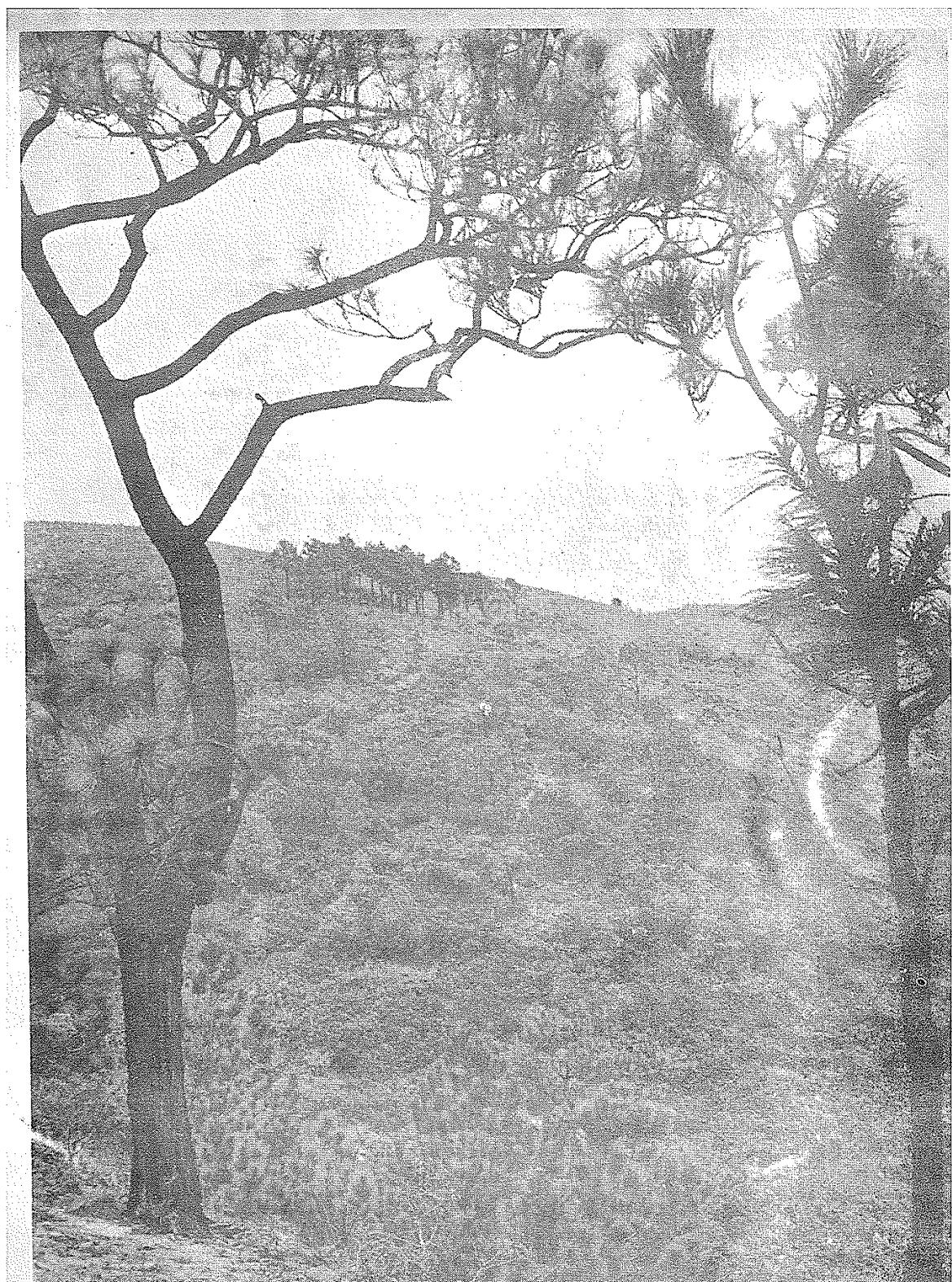
DỊCH THƠ :

*Quan xá sương thu chậm khắc canh,
Cúc tùng vườn cũ góc trời xanh.
Ngó ra rảnh việc lòng deo đuỗi,
Thà bệnh còn hơn lúc bệnh lành.*

(Theo Bd. HVTVT.)

CHÚ THÍCH :

- (1) *Quan Xá* : Nhà quan ở hay nơi làm việc quan.
 (2) *Giọt đồng hồ* (lâu) : Ngày xưa người ta dùng một cái hồ bằng đồng, ở đáy có khoan một lỗ nhỏ, giữa hồ đụng một cột nhỏ ghi 100 khắc, đồ nước vào hồ, nước rò giọt. Nước voi đến đâu, số khắc ghi ở cột lộ ra đến đấy. Người ta căn cứ vào đó mà tính giờ khắc. Ở đây, tác giả buồn, tưởng như giọt đồng hồ nhỏ chậm lại.



RỪNG THÔNG Ở CÔN SƠN, HUYỆN CHÍ LINH, TỈNH HÀI HƯNG.

Ảnh : Phạm Ngọc Long



ĐỖ TỬ VI

杜子微

(?)

Đỗ Tử Vi hiệu Tồn Trai 存齋, chưa rõ sinh và mất vào năm nào, quê quán ở đâu. Ông từng làm quan vào đời nhà Trần, tới chức Trung thư lệnh.

Tác phẩm : hiện còn 2 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

152

過越井岡

QUÁ VIỆT TỈNH CƯƠNG

越	井	淒	涼	草	色	秋,	Việt Tỉnh thê lương, thảo sắc thu ^{1*} ,
蹟	留	事	去	使	人	愁。	Tích lưu sự khứ sử nhân sầu.
憑	誰	見	得	三	年	艾,	Băng thùy mịch dắc tam niên ngải,
醫	我	乾	坤	一	贊	疣。	Ý ngã kiền khôn nhất nhuế vưu.

DỊCH NGHĨA :

QUA ĐỜI VIỆT TỈNH (1)

Đời Việt Tỉnh thê lương, cây cổ nhuộm sắc thu,
 Đầu còn nhung chuyện cũ đã qua, khiến người buồn.
 Nhờ ai tìm được thứ ngải ba năm (2),
 Chữa giùm ta một cái bướu của trời đất.

DỊCH THƠ :

Giếng Việt thê lương, cỏ nhuộm thu,
 Khách buồn ngó thấy dấu khỉ xưa.
 Nhờ ai tìm được ba năm ngải,
 Giúp chửa đất trời một bướu to !

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT, TBTL1, HVTT : 木 mộc.

CHÚ THÍCH :

- (1) Việt Tỉnh : tức giếng Việt ở vùng Trâu Cơn, huyện Vũ Ninh (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).
- (2) Ngải ba năm (tam niên ngải) : Theo truyền Việt Tỉnh (Giếng Việt) trong LNCQ, tiên nữ Ma Cô 摩姑 muốn đền ơn Thôi Vy 雀偉, đã trao cho chàng một bó lá ngải và dặn rằng : «Giữ cẩn thận vật này, đừng để rời khỏi mình, sau này thấy ai có bướu trên đầu, đem cứu cho tan, tất sẽ được phú quý to». Quả nhiên về sau, Thôi Vy đem lá ngải «để dã ba năm» cứu cho một con rắn có bướu và được rắn báo đáp, trở nên người giàu có.

153

賀胡城中狀元

HẠ HỒ THÀNH TRUNG
TRẠNG NGUYÊN ^{1*}

燕	山	丹	桂	再	回	春	，
喜	見	張	梁	榜	樣	存	。
兩	世	芳	名	標	雁	塔	。
一	家	盛	事	溢	龍	門	。
路	非	回	也	美	難	繼	。
暫	有	參	乎	道	愈	尊	。
料	想	斯	文	天	未	喪	。
父	爭	元	子	亦	爭	元	！

Yên Sơn ^{2*} đan quế tái hồi xuân,
 Hồ kiến Trường, Lương bảng dạng tồn.
 Lưỡng thế phuông danh tiêu Nhạn Tháp,
 Nhất gia thịnh sự dật Long Môn.
 Lộ phi Hồi dã, mỹ nan kẽ,
 Tịch hữu Sâm hồ, đạo, dù tôn.
 Liệu tướng tư văn thiên vi táng,
 Phụ tranh nguyên, tử diệc tranh nguyên.

DỊCH NGHĨA :

MỪNG HỒ THÀNH (1) ĐỖ TRẠNG NGUYÊN

Cây đàn quế ở Yên Sơn (2) lại hồi xuân,
 Mừng thấy tấm gương hai họ Trương, Lương (3) vẫn còn.
 Cả hai đời danh thơm được nêu trên Tháp Nhạn (4),
 Trong một nhà việc thịnh tràn ngập chốn Long Môn (5).
 Nhan Lộ không Nhan Hồi (6), cái đẹp khó mà nối tiếp,
 Tăng Tích có Tăng Sâm (7), đạo học càng được nêu cao.
 Nghĩ rằng trời chưa đề mắt tư văn (8),
 Cha giành được khôi nguyên, con cũng giành được khôi nguyên.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* Trước đây, các sách như VATT, TVTL... đều xếp bài này vào thơ Trần Quang Khải. Nhưng theo gia phả họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ Tĩnh thì bài thơ này là của Đỗ Tử Vi tặng Hồ Thành. Hơn nữa, xét về niên đại, thi Trần Quang Khải không sống cùng thời với Hồ Thành để có thể tặng thơ nhân khi Hồ Thành đỗ Trạng nguyên. Đó là lý do chúng tôi xếp bài này vào thơ Đỗ Tử Vi.
- 2* TVTL1 : 安安.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hồ Thành* : Con Hồ Đốn 胡頓, cháu Hồ Tông Thốc 胡宗燭. Theo gia phả họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu, Nghệ Tĩnh) thì hai cha con Hồ Đốn và Hồ Thành đều thi đỗ Trạng nguyên.
- (2) *Cây đàn quế ở Yên Sơn* (Yên Sơn đàn quế) : Vào khoảng cuối đời Ngũ đại, đầu đời Tống, ở đất Yên Sơn thuộc tỉnh Thiểm Tây có Đậu Vũ Quân 寶俞鉤 sinh năm người con trai đều đỗ đạt cả năm. Phùng Đạo 馮道 có tặng cho gia đình họ Đậu một bài thơ, trong có câu :

靈椿一枝老, Linh thung nhất chu lão,
 丹桂五枝芳. Đan quế ngũ chi phuong.

Một gốc linh thung già,

Năm cành đàn quế thơm.

Những chữ «Cây đàn quế ở Yên Sơn» là dùng từ tích đó, để chỉ truyền thống đỗ đạt của họ Hồ.

- (3) *Trương, Lương* : Chỉ hai giòng họ có cha và con cùng đỗ Trạng nguyên ở đời Tống.
- (4) *Tháp Nhạn* (Nhạn tháp) : Nói đề tên những người thi đỗ Tiến sĩ, bắt đầu có từ đời Đường Trung Tông 唐中宗 ở Trung Quốc.
- (5) *Long Môn* : Sách *Tam Tần ký* 三秦記 chép : cá sống cá bê tụ tập ở Long Môn, con nào vượt qua được thì hóa rồng. Long Môn ở đây ngụ ý thi đỗ.
- (6) *Nhan Hồi* : con của Nhan Lộ 颜路. Nhan Hồi là người học trò xuất sắc nhất của Khổng Tử 孔子.
- (7) *Tăng Sâm* : con của Tăng Tích 曾皙. Tăng Sâm cũng là một người học trò giỏi của Khổng Tử. Cả hai câu thơ 5 và 6 đều nêu bật một ý là con không những nối được nghiệp cha, mà còn phát huy được sự nghiệp đó.
- (8) Hai chữ «tư văn» trong sách *Luận ngữ* 論語 đề chỉ các thứ chế độ lễ nhạc nói chung.

TRẦN PHỦ

陳 暉

(TRẦN NGHỆ TÔNG)

陳 藝 宗

(1322 — 1395)

Trần Phủ là con thứ ba của Trần Minh Tông 陳明宗 ; sinh tháng 12 năm Tân dậu (1321) ⁽¹⁾.

Khoảng năm Tân mùi (1331), ông được phong tước Cung Định Vương ; năm Mậu dần (1338), được cử làm Phiêu kỵ thượng tướng quân, giữ trấn Tuyên Quang ; năm Quý tị (1353), được phong chức Hữu tướng quốc ; năm Đinh mùi (1367), được phong chức Tả tướng quốc, gia phong tước Đại Vương.

Giữa năm 1369, Dương Nhật Lễ 楊日禮 chiếm ngôi, ông có tham gia vào việc khôi phục nhà Trần. Sau khi Dương Nhật Lễ bị đánh bại, tháng 11 năm Canh tuất (1370), Trần Phủ lên ngôi, tức là vua Trần Nghệ Tông. Đến đầu tháng 11 năm Nhâm ti (1372), ông nhường ngôi cho em là Trần Duệ Tông 陳睿宗 và lên làm Thượng hoàng.

Ông mất tháng 12 năm Giáp tuất (1394) ⁽¹⁾, thọ 73 tuổi.

Tác phẩm : Theo ĐVS KTT, Trần Nghệ Tông có soạn *Hoàng huấn* 皇訓 (soạn năm 1371, gồm 14 chương); *Bổ châm* 帝箴 (soạn năm 1372, gồm 150 câu); *Bảo hòa dư bút* 蔽和餘筆 (soạn năm 1383, gồm 8 quyển). Theo LTHCLC, ông còn có một tập thơ đề là *Nghệ Tông thi tập* 藝宗詩集 gồm 1 quyển. Nhưng cho đến nay tất cả những tác phẩm trên đều chưa sưu tầm được, chỉ mới tìm thấy 5 bài thơ và một bài minh.

(1) Năm Tân dậu tương ứng với năm 1321, và năm Giáp tuất tương ứng với năm 1394. Nhưng tháng 12 năm Tân dậu thì phải tương ứng với tháng 1 năm 1322, và tháng 12 năm Giáp tuất tương ứng với tháng 1 năm 1395. Như vậy năm sinh của Trần Nghệ Tông phải là 1322 và năm mất là 1395.

154

送北使牛亮

TỔNG BẮC SỨ NGƯU LƯỢNG

安 南 老 壴 不 能 詩,
 空 把 茶 酎 送 客 歸。
 圓 圓 傘 山 青 瑞 水 碧,
 逍 遊 風 直 入 玉 雲 飛。

An Nam lão tè^{1*} bất năng thi,
 Không bả trà âu tống khách quy.
 Viên tản sơn thanh, Lô thủy bích,
 Tùy^{2*} phong trực nhập ngũ vân phi.

DỊCH NGHĨA:

TIỀN SỨ PHƯƠNG BẮC NGƯU LƯỢNG (1)

Tề tướng già⁽²⁾ An Nam không hay làm thơ,
 Chỉ mang bình trà tiễn khách về.
 Núi Tân xanh xanh, sông Lô biếc biếc,
 Khách theo gió đi thẳng về phía mây ngũ sắc đang bay.

DỊCH THƠ:

*An Nam lão tướng chẳng hay thơ,
 Xin có bình trà buổi tiễn đưa.
 Kia Tân Viên xanh, Lô Thủy biếc,
 Mây lành đón khách thẳng bay về.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH:

1* ĐVS KTT: 壴相 *Tề tướng*.2* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3: 乘 *thừa*.

CHÚ THÍCH:

- (1) Năm Kỷ dậu (1369) sứ nhà Minh là Ngưu Lượng sang Việt Nam. Cuối năm Ngưu Lượng về nước, Trần Nghệ Tông làm bài thơ này đón tiễn.
- (2) Lúc này, Trần Nghệ Tông đang giữ chức Tả tướng quốc. « Lão Tè » (Tề tướng già) là một cách nói khiêm.

望東山了然庵

古木扶疏暫繫舟，
禪房岑寂枕清流。
明年此夕知誰健，
且喜登臨訪舊遊。

VỌNG ĐÔNG SƠN LIỄU NHIÊN AM

Cô mộc phù sơ tạm hé chu,
Thiền phòng sầm tịch chầm thanh lưu.
Minh niên thử tịch ^{1*} tri thùy kiện ?
Thả hỷ dặng làm phỏng cựu du.

DỊCH NGHĨA :

TRÔNG AM LIỄU NHIÊN Ở ĐÔNG SƠN (1)

Bên cây cô thụ sum suê, buộc tạm cõn thuyền,
Ngôi chùa cao tĩnh, gối bên dòng nước trong.
Ngày này năm sau biết ai còn mạnh khỏe ?
Hãy mừng được lên cao thăm lại chốn chơi cũ.

DỊCH THƠ :

Cô thụ xum xuê, tạm buộc thuyền,
Gối khe sầm tịch cảnh chùa chiền.
Năm sau biết đặng ai còn khỏe,
Chốn cũ lên cao vẫn cảnh thiền.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT ; 序 藉 ; TVTL2, TVTL3 : 又 留。 Chắc đây là chép lầm chữ 夏 藉.

CHÚ THÍCH :

(1) Đông Sơn : Phải chăng là huyện Đông Sơn, Thanh Hóa ?

156

辛嘉興鎮寄弟恭宣王

HẠNH GIA HƯNG TRẦN KÝ ĐỀ
CUNG TUYÊN VƯƠNG^{1*}

位	極	深	便	去	宦
側	身	窺	入	山	蠻。
七	陵	首	千	行	疾,
萬	里	心	兩	鬢	班。
去	武	存	唐	社	稷,
安	劉	覩	漢	衣	冠。
明	宗	業	君	須	記。
恢	復	京	指	日	還。

Vì cực sâm thâm tiện khứ^{2*} quan,
Trắc thân độ lĩnh nhập sơn man.
Thất lăng hồi thủ thiên hàng lè,
Vạn lý môn tâm^{3*} lưỡng mẫn ban.
Khứ Vũ đồ tồn Đường xã tắc,
An Lưu phục^{4*} đồ Hán y quan.
Minh Tông^{5*} sự nghiệp quán tu ký,
Khôi phục Thần Kinh chỉ nhật hoàn.

DỊCH NGHĨA:

BẾN TRẦN GIA HƯNG (1)
GỬI CHO EM LÀ CUNG TUYÊN VƯƠNG

Ngôi cao bị đèm pha nhiều, đành bỏ quan,
Lách mình vượt núi vào nơi sơn dã.
Ngoảnh nhìn bảy ngôi lăng⁽³⁾, lệ ngàn hàng,
Nghĩ về muôn dặm đường xa, hai mái tóc đã đốm bạc.
Trù họ Vũ, bảo tồn xã tắc nhà Đường⁽⁴⁾,
Định họ Lưu, đê thấy mũ áo nhà Hán⁽⁵⁾.
Sự nghiệp vua Minh Tông, ông nên ghi nhớ,
Khôi phục Thần Kinh, hẹn ngày trở về.

KHẢO ĐÍNH:

1* VATT : chép đầu đề bài thơ là 辛嘉興鎮寄睿宗 Hạnh Gia Hưng trấn ký Duệ Tông :

TVTL2 : 辛嘉興鎮所遞恭宣王 Hạnh Gia Hưng trấn sở đế Cung Tuyên Vương ;
HVTT : 辛嘉興鎮寄宣王 瞩 Hạnh Gia Hưng trấn ký Tuyên Vương Kinh.

2* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 :棄 Khi.

3* VATT, TVTL : 捎蘿 mòn la, chúng tôi theo ĐVS KTT. VATT có chú thích :史作心 非
sử tác «tâm» phi: Sứ chép «tâm» là sai. Chúng tôi cho rằng «tâm» mới đổi với chữ thủ ở
câu trên và thông nghĩa hơn.

4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 :復 hoạch.

5* TVTL2, TVTL3 :尊 tôn.

CHÚ THÍCH :

- (1) Trần Gia Hưng là vùng đất một phần thuộc tỉnh Hòa Bình (Hà Sơn Bình) và một phần thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.
- (2) *Cung Tuyên Vương* : tên thật là Kinh 琴, về sau lên ngôi tức Trần Duệ Tông. Bài thơ này làm vào cuối năm Cảnh tuất (1370), lúc Trần Phủ mới lên vùng sông Đà và chuẩn bị đánh Nhật Lễ giành lại ngôi nhà Trần.
- (3) *Bảy lăng tâm* (thất lăng) : chỉ lăng của bảy vua nhà Trần.
- (4) *Vũ* : ở đây chỉ Vũ Tắc Thiên 武則天, vợ Đường Cao Tông, chiếm ngôi nhà Đường, sau đó Trương Gián Chi 張柬之 đánh bại phe cánh của Vũ Tắc Thiên, giành lại ngôi vua cho Trung Tông.
- (5) *Lưu* : ở đây chỉ Lưu Bang 劉邦, tức Hán Cao Tổ 漢高祖, người sáng lập ra nhà Hán. Sau khi Hán Huệ Đế 漢惠帝 chết, Lữ Hậu 吕后 (vợ Hán Cao Tổ) đã chiếm ngôi vua, phong cho người thuộc giòng họ mình nhiều chức tước quan trọng để làm vây cánh. Sau đó Chu Bột 周勃 và Trần Bình 陳平 đã đánh bại họ Lữ, khôi phục lại cơ nghiệp cho họ Lưu.
- (6) *Minh Tông* : vua thứ 5 của nhà Trần và là cha của các vua Hiến Tông 憲宗, Dụ Tông 育宗, Nghệ Tông 藝宗 và Duệ Tông 睿宗.

157

題司徒陳元旦祠堂

BÌNH TƯ ĐỒ TRẦN NGUYỄN
ĐÁN TỬ ĐƯỜNG

山 僅 扶 肇 曉 衡 疏,
纔 到 崑 山 日 正 因。
雨 遇 泉 聲 春 穿 石 遠,
風 携 竹 影 穿 簷 低。
鹽 梅 事 璞 犹 在，猶 在，
星 斗 壇 路 轉 迷。
寂 寓 洞 天 起 羽 化，
惟 存 行 跡 起 餘 憂！

Sơn đồng phù liên hiều xung nê,
Tài đào Côn Sơn^{1*} nhật chính^{2*} tê (tây).
Vũ quá tuyền thanh xuyên thạch viễn,
Phong dao trúc ảnh phất thiêm đê.
Diêm mai sự khứ bi do tại,
Tinh dầu đàm hoang lộ chuyền mê.
Tịch mịch động thiên nhân vũ^{3*} hóa,
Duy tồn hành tích khởi dư thê!

DỊCH NGHĨA :

BÌNH NHÀ THƠ QUAN TƯ ĐỒ TRẦN NGUYỄN ĐÁN (1)

Từ sớm, mấy chù sơn đồng khiêng kiệu, vượt bùn lầy,
Tới Côn Sơn, mặt trời đã ngả về tây.
Hết mưa, tiếng suối xa xôi vào đá,
Gió đưa cành trúc phơ phất trên mái hiên thấp.

Việc muối mơ ⁽²⁾ qua rồi, bia văn còn đây,
 Đàn Tinh Đầu ⁽³⁾ bỏ hoang, lối đi đã mờ.
 Động phủ quanh vắng, người bay lên tiên rồi,
 Chỉ còn dấu vết gợi nên nỗi buồn man mác.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 祠堂 *từ đường*.
- 2* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 又 *hưng*.
- 3* TVTL2 : ~~又~~ *huyễn* TVTL3 : ~~已~~ *qui*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Bài thơ này ra đời trong khoảng 1390-1395, tức là sau khi Trần Nguyên Đán mất (tháng 12-1390) và trước khi Trần Nghệ Tông mất (tháng 1-1395).
- (2) *Muối mơ* : (diêm mai) : Trong *Duyệt mệnh*, *Thư kinh* 說命, 書經 có câu : 若作調羹, 爾惟鹽梅. Nhược tác điều canh, nhĩ duy diêm mai : Điều hòa mùi vị của nồi canh thì dùng nhà ngươi làm muối và mơ. Đây là lời vua Án Cao Tông 殷高宗 nói với Phó Duyệt 傳說. Ý cho Phó Duyệt là con người trọng yếu của quốc gia. Đời sau hay dùng từ «diêm mai» để chỉ các viên đại thần hoặc Tể tướng, những người giúp vua điều hòa việc nước. Trong bài này là chỉ Trần Nguyên Đán.
- (3) *Đàn Tinh Đầu* : một cái nền cao do đạo sĩ lập ra để tế sao Bắc Đầu. Khổng Minh 孔明 sau khi tế sao Bắc Đầu để cầu thọ thì mất. Câu thơ dùng điều đó để nói lên cái ý Trần Nguyên Đán muốn chấn hưng nhà Trần, nhưng chưa thực hiện được.

158

題超類報恩寺

虹	萬	風	日	蘂	甘	自	不	橋	頃	連	鳥	竹	飾	香	露	恨	隨	跨	水	波	聲	影	上	中	堂	兒	冲	斷	夾	林	地	金	法	貪	深	喧	門	靜	痕	燦	尊	煖	恩
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

ĐỀ SIÊU LOẠI BÁO ÂN TƯ

Hồng kiều khóa thủy đoạn nhân huyền,
 Vạn khoảnh liên ba^{1*} giáp tự môn.
 Phong đệ điều^{2*} thanh, làm^{3*} giác tĩnh,
 Nhật^{4*} sur^{5*} trúc ảnh địa vô ngân.
 Nhị Hương điện thượng kim dung xán^{6*},
 Cam Lộ đường trung pháp tọa tôn.
 Tự hận nhi tôn thảm bão noãn^{7*},
 Bất tùy xung mật báo thảm án.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA BÁO ÂN Ở SIÊU LOẠI⁽¹⁾

Cầu vồng vượt qua nước, cách hẵn sự huyền náo,
 Hàng muôn lớp sóng ngay sát cửa chùa.
 Gió cuốn tiếng chim đi, trong rừng yên lặng,
 Trúc che mặt trời, dưới đất không thấy vệt.
 Trên điện Nhị Hương⁽²⁾, kim dung⁽³⁾ rực rõ,
 Trong nhà Cam Lộ⁽⁴⁾, pháp tọa tôn nghiêm.
 Từ giận cho con cháu chỉ tham ho ấm,
 Không theo xung mạt⁽⁵⁾ để báo đáp ơn sâu.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : 涼 ba.
- 2* TVTL1, TVTL3 : 馬 mǎ.
- 3* VATT : 閨 quan ; và khảo dị : 一作林 nhất tác lâm : (có bản chép chữ lâm).
- 4* TVTL2, TVTL3 : 月 Nguyệt.
- 5* TVTL2 : 路 lâm.
- 6* VATT, TVTL2, TVTL3 : 繁 xán.
- 7* TVTL2, TVTL3 : 煙 áo.

CHÚ THÍCH :

- (1) Siêu Loại : thuộc trấn Kinh Bắc, nay là huyện Thuận Thành tỉnh Hà Bắc.
- (2) Nhị Hương : tên thường dùng để chỉ điện Phật.
- (3) Kim dung : chỉ tượng Phật.
- (4) Cam Lộ : thuật ngữ chỉ giáo pháp nhà Phật. Được thảo du phẩm, Pháp hoa kinh 福華經 có câu : 為大眾說廿露淨法. Vì đại chúng thuyết Cam Lộ tịnh pháp : Giảng pháp tịnh Cam Lộ cho đại chúng nghe.
- (5) Xung mạt : chưa rõ nghĩa.

159

崑山清虛洞碑銘

安，深庇林。
 之論之之，勢國民士心于山之陰者也。
 國資吾賢遐書
 樂臨置欲擴致有而
 獨登則則思欲無嘆
 崑，於乎石流則則治以
 創金願意盤清樹竹我所
 徒彼有寓坐俯茂脩贊朕
 司于豈蓋日日蔭倚輔此

CÔN SƠN THANH HƯ ĐỘNG BI MINH ^{**}

Tư đồ sáng am,
 Vu bỉ ngâm khâm.
 Khởi hữu nguyện ư độc lạc,
 Cái ngũ ý hò đăng lâm.
 Nhật tọa bàn thạch, tắc tri quốc thể chi an,
 Nhật phủ thanh lưu, tắc dục tư quốc luận chi thâm.
 Âm mậu thụ, tắc tư khuếch ngô dân chi đại ti,
 Ý tu trúc, tắc dục tri hiền sĩ chi như làm.
 Phụ tản ngã trị, vô hữu hà tâm,
 Thủ trâm sở dĩ thán nhì thư vu sơn chi âm giả dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀI MINH KHẮC VÀO BIA ĐỘNG THANH HƯ Ở CÔN SƠN

Tư Đồ (?) dựng am,
Trên núi thâm nghiêm,
Há phải muốn riêng mình vui thú.
Chính là đê ngũ cái ý lên cao,
Ngồi trên bàn đá là muốn đặt thế nước yên ổn,
Cúi nhìn dòng nước trong là muốn bàn sâu vào việc nước.
Nương dưới bóng cây là muốn mở rộng được sự che chở cho dân,
Tựa vào khóm trúc là muốn đến với nhiều hiền sĩ.
Ông giúp ta trị nước, chứ không có tâm địa gì,
Trẫm thương tiếc, nên tìm hòn đá đẹp ghi vào lời này.

KHẢO ĐÍNH :

1* Bài này có trong VATT. Trước đầu đề bài minh nguyên có 4 chữ 藝 宗 御 制 *Nghệ Tông*
ngự chế, chúng tôi lược bỏ.

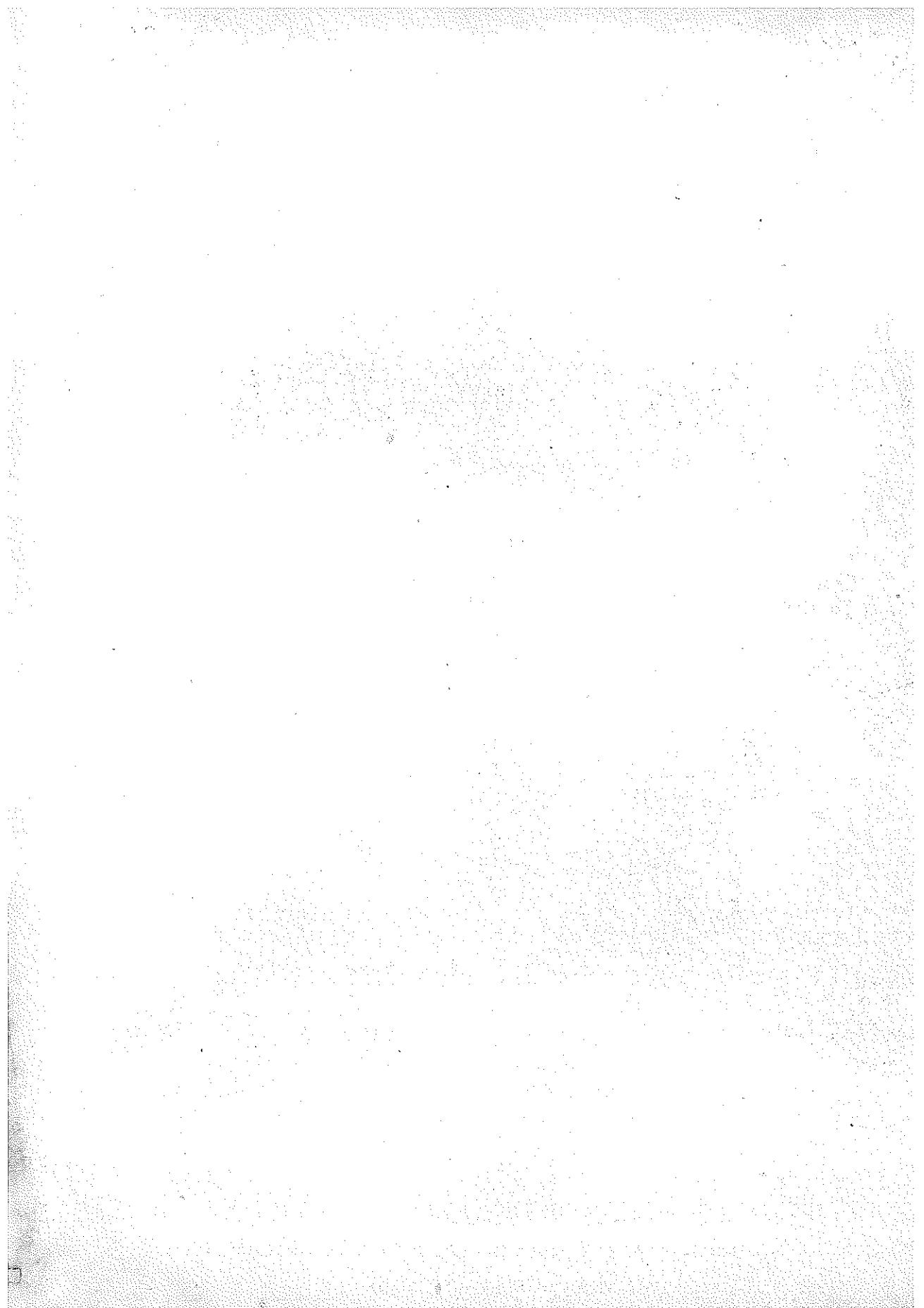
CHÚ THÍCH :

(1) *Tư đồ* : tức Trần Nguyên Đán.



BIA THANH HƯ ĐỘNG Ở CÔN SƠN, HUYỆN CHÍ LINH, TỈNH HẢI HƯNG

CHIẾT TÍCHU CỦA TRẦN NGUYỄN TÔNG



ĐÀO SƯ TÍCH

陶 師 錫

(—?)

Ông người xã Cồ Lễ 古禮, huyện Nam Chân 南真 thuộc lộ Thiên Trường 天長 (1), sau di cư đến xã Lý Hải 理海 huyện Yên Lãng (2). Năm sinh và năm mất của Đào Sư Tích đều chưa rõ; chỉ biết ông dỗ Trạng nguyên vào năm Giáp dần (1374).

Năm Tân dậu (1381), Đào Sư Tich được cử giữ chức Nhập nội hành khiển hứu ty lang trung và trở thành người thân cận của Thượng hoàng Trần Nghệ Tông 陳藝宗. Năm Quý hợi (1383), Trần Nghệ Tông chủ trì biên soạn tập *Bảo hòa dư bút* 蔽和餘筆 để dạy bảo các vua nối ngôi mình, Đào Sư Tich được giao viết bài *Tựa* ở đầu tập sách này. Năm Nhâm thán (1392), Đào Sư Tich bị giáng làm Trung thư thị lang vì có xem bức thư của Đoàn Xuân Lôi 段春雷 bắc lại một vài điểm trong sách *Minh đạo* 明道 của Hồ Quý Ly 胡季華 là kẻ đang nắm toàn bộ quyền hành trong triều đình lúc bấy giờ.

Tác phẩm: Hiện còn một bài phú chép trong QHPT (3).

(1) *Huyện Nam Chân, lộ Thiên Trường*: Huyện Nam Chân thời thuộc Minh gọi là huyện Tây Chân, 西真, nay là huyện Nam Ninh; lộ Thiên Trường nay thuộc vùng Nam Định tỉnh Nam Hà (Hà Nam Ninh).

(2) *Huyện Yên Lãng*: nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

(3) *Lược truyện các tác gia Việt Nam*; Tập I ghi tác phẩm của Đào Sư Tich có «*Mộng ký* (văn triết), chép ở *Công du tiếp ký* có lẽ không đúng. *Mộng ký* chỉ là một mẩu giai thoại về Đào Sư Tich do Vũ Phượng Đề ghi lại trong *Công du tiếp ký* mà thôi.

160

景星賦

楓，
幽。波蘇。
握燭旁昭無應。
兮兮兮兮於乎。
乾綱星湛粲茂錫。
奮煥仁品德天。

此景星之異瑞，所以間代而僅見，有以彰隆平之休者乎！

觀其光輝絢爛，文采英萃，
耿素魄孤明，河道澄碧。
接影帝動，暎暎津路，附轡側。
周動伯響，煌煌揚彩，傍燭交射。
蹇色正而芒寒，曰德星之格澤。

當堯蕩蕩，騰耀于天，晶熒烜赫。
時之唐虞，天造地設，天子之天。
何際休休，人持人持，天子之天。
宜惟其符，陽雨煙雲，風清氣和。
陰風狼狽，樂恬萬物，政簡刑清。
人沸誠誠，歌國之歌，國之盛治。
當堯蕩蕩，騰耀于天，晶熒烜赫。
時之唐虞，天造地設，天子之天。
何際休休，人持人持，天子之天。
宜惟其符，陽雨煙雲，風清氣和。
陰風狼狽，樂恬萬物，政簡刑清。
人沸誠誠，歌國之歌，國之盛治。
當堯蕩蕩，騰耀于天，晶熒烜赫。
時之唐虞，天造地設，天子之天。
何際休休，人持人持，天子之天。
宜惟其符，陽雨煙雲，風清氣和。
陰風狼狽，樂恬萬物，政簡刑清。
人沸誠誠，歌國之歌，國之盛治。
當堯蕩蕩，騰耀于天，晶熒烜赫。
時之唐虞，天造地設，天子之天。
何際休休，人持人持，天子之天。
宜惟其符，陽雨煙雲，風清氣和。
陰風狼狽，樂恬萬物，政簡刑清。
人沸誠誠，歌國之歌，國之盛治。

然嘗察之：

天人一理，感通不惑。

徵不于天而于人，符不在祥而在德。
故天瑞舜，不在七政之齊，而在勅天之時幾，
天之錫禹，不在洛書之呈，而在六府之孔修。

矧今德克明，群工承休。

駕騏箕尾者，媲商家之賢。

應昴宿以整頓乾坤，底定寰區。

則致景星之效祥，寔合牒而應圖。

莫非我聖皇參贊之妙用，有以開億萬載之宏謨。

謹拜手稽首而獻句曰：

瞻燁太亦於在星兮！
彼揚平孔維德，瑞明之貞聖不兮。
彩兮符兮皇兮！

PHIÊN ÂM :

CẢNH TINH PHÚ

Phản càn cương hè ác khu,
Hoán minh tinh hè chúc u.
Nhân ân trạm hè bàng thiếp,
Phàm vụng xán hè chiêu tô.
Đức kỳ mậu ư vô tư,
Thiên nãi tích hồ ứng phù.

Thứ Cảnh Tinh chi dị thuỷ, sở dĩ giàn đại nhi cần hiện, hữu dĩ chương
long bình chi hữu giả hồ !
Quan kỳ quang huy huyền lạn, văn thái anh hoa,
Cảnh tố phách chi cô minh, trám Ngân Hà chi trùng bích.

Tiếp Đế Viên nhi chiêu tích, ánh hoàng đạo nhi địch lịch,
Ánh động Tich Mộc chi tàn, quang phù Phụ Lộ chi trắc.
Chù Bá hoàng hoàng, dương thái nhi bàng chúc,
Hàm Dự dực dực, phản huy nhi giáo xạ.
Kiền sắc chính nhi mang bàn, viết Đức Tinh chi Cách Trạch.
Đương Nghiêu chi thời, thiên hạ quang trạch, đẳng diệu vu thiện, tinh
huỳnh huyền hách,
Hà Hán, Đường chi mạt tạo, lũ minh minh nhi hôn thực!
Tế hưu minh chi thịnh thời, phục chiêu trú hồ kim nhật,
Nghi kỳ vi chúng nhân chi sở khoái đồ, nhi túc nghiệm thiên tượng chi
chiêu cách.
Duy phủ thụy chi đặc dị, triệu vũ nội chi long bình.
Âm dương dĩ hòa, thiên địa dĩ nịnh,
Phong vũ dĩ thời, bách cốc dụng thành.
Lang yên túc ư tam thùy, nhàn phong tường hồ bát hoành.
Lễ nhạc chiêu trú, pháp độ tu minh.
Nhân điểm vật hy, chính giản hình thanh.
Phật vạn quốc chi áu ca, đặt tứ hải chi tụng thanh,
Thành túc dĩ biều ngã quốc chi thịnh trị, tiến nhất nhân chi gia trình.
Nhiên thường sạt chi:
Thiên nhân nhất lý, cảm thông bất thắc.
Trung bất vu thiên nhi vu nhàn, phù bất tại tường nhi tại đức.
Cố thiên chi thụy Thuấn, bất tại thất chính chi tề, nhi tại sắc thiên
chi thời cơ,
Thiên chi tích Vũ, bất tại Lạc thư chi trình, nhi tại lục phủ chi khồng tu.
Thần kim : đạo xiên Hy Hiên, tri dật Đường Ngu,
Tuấn đức khắc minh, quần công thừa hưu.
Ky Ky, Vĩ giả, thí Thương gia chi hiền,
Ứng Mão tú giả, lậu Hán thế chi trù.
Tắc sở dĩ chỉnh đốn càn khôn, đề định hoàn khu,
Tri Cảnh Tinh chi hiệu tường, thực hợp diệp nhi ứng đồ.
Mạc phi ngã thánh hoàng tham tán chi diệu dụng, hữu dĩ khai ức
vạn tài chi hoành mô,
Cần bài thủ khè thủ nhi hiến cũ viết:
Chiêm bỉ thụy thái,
Hoa dương minh hè.
Thái bình chi phù,
Diệp khồng trình hè.
Ô duy thánh hoàng,
Tại đức bắt tại tinh hè!

DỊCH NGHĨA :

PHÚ SAO CẢNH TINH (1)

Năm chốt chấn hưng việc trời,
Sao sáng rọi soi đêm tối.
Ân đức thấm khắp gần xa,
Muôn vật tốt tươi chói lọi.
Vô tư đức dã dời dào,
Trời bèn ứng ban điểm mới.

Vì thế điểm tốt lạ Cảnh Tinh, sở dĩ muôn dời mới xuất hiện, là
để làm nổi bật phúc lớn thái bình đó chẳng l

Kia xem:

Màu sắc huy hoàng, anh hoa bát ngát,
Rọi vừng trăng bạc trăng ngàn, choán dòng sông Ngân xanh ngắt.
Cảnh ngòi Đế Tọa (2) rõ ràng, phản chiếu mặt trời vắng vặc,
Long lạnh Tích Mộc (3) bến trời, Phụ Lộ (4) bên sao nổi sắc,
Sáng ngòi Chu Bá (5), ánh rọi nghiêng nghiêng.

Hàm Dự (6) chiếu soi, tia giao rùng rực,
Này sắc nghiêm trang mà bóng lạnh lùng, chính đó là sao Cách Trạch (7)
theo bên sao Đức (8).

Đời vua Đường Nghiêu, thiên hạ sáng ngời, bầu trời chói lọi, rực
rỡ khắp nơi.

Sao đến cuối đời Hán Đường, luôn tối tăm mờ mịt đất trời !
Nay nhân gặp buổi thịnh thời, bầu trời lại rạng.

Người người xem thấy sướng vui, đủ nghiêm phép trời tỏa sáng.
Điểm tốt lạ lùng rất mực, làm cho thiên hạ thái bình.

Âm dương hòa hợp, trời đất yên minh,
Mưa hòa gió thuận, lúa tốt cây xanh.

Khói lửa ba bề yên tĩnh, gió nhân tâm cõi bay quanh.
Lễ nhạc sáng tỏ, phép tắc phân minh.

Người yên vật thịnh, chính tốt hình thanh.

Âu ca muôn phương rộn tiếng, ngợi khen bốn bề lừng danh.
Thật đủ để nêu cao nước nhà thịnh trị, và dâng lên một đấng (9) điểm lành.

Nhưng thường xết thấy rằng :

Trời người một lẽ, cảm thông rất mực.

Ứng nghiêm không ở trời mà ở người, tốt lành không tại điểm mà tại đức.
Cho nên : trời giúp vua Thuấn, không tại sảnh bầy thất chính (10), mà
tại thiên thời vang kính.

Trời ban cho vua Vũ, không tại trình bày Lạc thư (11), mà tại sửa sang sáu phủ (12).

Huống gì hiện nay : đạo mở Hiên Hy (13), chính trị vượt hơn Thuấn Nghiêu, (14)

Đức tốt sáng ngời, trăm quan vâng theo.

Cưỡi Kỵ, Vĩ, sảnh khách Thương gia (15),

Üng sao Mão, khinh người Hán triều (16).

Thế thì, chính đốn cõi bờ, định yên đất nước,

Đè Cảnh Tinh đưa lại diềm lành, thực hợp với Đồ Thư (17) đời trước.

Không điều gì là không nhờ thánh hoàng ta khéo vận dụng tài năng
để mở rộng cho muôn đời bằng mưu lược.

Thần kinh cần chắp tay cúi đầu mà dâng lời rằng :

Kia xem diềm báu,

Rực rỡ trời cao.

Điềm của thái bình,

Phúc biết dường bao.

Với thánh hoàng ta,

Tại đức không tại sao.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, TIỀN SƠN

CHÚ THÍCH :

(1) *Sao Cảnh Tinh* : Theo quan niệm của Nho gia, sao Cảnh Tinh xuất hiện là điềm báo hiệu cho một thời kỳ thái bình thịnh trị, quốc gia ổn định. *Thiên quan thư*, *Sử ký* 天官書, 史記 có câu: “天精而見景星, 其狀無常, 常出于有道之國”. Thiên tinh nhỉ kiến Cảnh Tinh, kỳ trạng vô thường, thường xuất vu hưu đạo chí quốc: Trời trong thì nhìn thấy sao Cảnh Tinh, hình dáng của nó không nhất định; nó thường xuất hiện ở nước có đạo. Trong *Công Dương truyện tích Hoàn Công mệnh sớ* 公羊傳錫桓公命疏 lại có câu: 陰陽和, 風雨時, 則有 (...) 景星之應. Âm dương hòa, phong vũ thời, tắc hữu (...) Cảnh Tinh chi ứng: Âm dương hòa hòa, gió mưa đúng thời, thì có (...) sao Cảnh Tinh ứng nghiệm.

(2) *Đế Tạo* (Đế Viên) : Tức sao Tử Vi, tượng trưng cho nơi cung cấm của Thiên tử.

(3) *Tích Mộc* : là bến sông Thiên Hán ở giữa khoảng sao Kỵ và sao Ngưu.

(4) và (5), (6), (7), (8) là tên những ngôi sao mà người xưa cho là sao tốt (Thúy tinh).

(9) *Một người* : Chỉ Thiên tử.

(10) *Thất chính* : tức mặt trời, mặt trăng và năm ngôi sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thủ. Nhà Nho xưa cho rằng, mặt trời, mặt trăng và 5 ngôi sao đó vận hành có độ số như chính sự của quốc gia nên gọi là « Thất chính ».

(11) *Lạc thư* : *Hệ từ*, *Dịch kinh* 繫辭, 易經 có đoạn: ... 洛出書聖人則之 ... Lạc xuất thư, thánh nhân tắc chi: *Song Lạc Thủ* xuất hiện một thiên sách, thánh nhân học theo những cái đó. Theo truyền thuyết, đời thương cổ ở Trung Quốc, vua Vũ禹 trị thủy xong thì ở sông Lạc Thủ có con rùa thần hiện lên. Trên mai rùa có

nhiều nét vạch giới hạn bởi số 9. Vua Vũ theo đó mà vạch ra Cửu trù trong thiên Hồng pham của Kinh Thư.

(12) Sáu phủ : Đời Ân ở Trung Quốc đặt ra sáu nơi chứa của cải gọi là sáu phủ. Quan chức trông coi các phủ ở nước Thiên tử thì gọi là : Tư thổ, Tư mộc, Tư thủy, Tư thảo, Tư khí, Tư hóa.

(13) (14) Hiên, Hy túc là vua Hiên Viên 軒轅, và vua Phục Hy 伏羲. Theo truyền thuyết, hai vua này cùng Nghiêu, Thuấn là những vua nổi tiếng đạo đức thời cổ Trung Quốc.

(15) Theo sách Trang Tử 莊子, xưa ông Phó Duyệt 博說, một bậc hiền tài đời nhà Thương, là người cưỡi sao Ky sao Vĩ sánh hàng với các vị tinh tú ở vùng trời đông.

(16) Theo Sử ký 史記, Tiêu Hà 蕭何, người giúp Hán Cao Tổ 漢高祖 lập ra nhà Hán, là người ứng-vì sao Mão mà giáng sinh.

Hai câu này trong bài phú Cảnh Tinh tán tụng quan lại đời ấy có thể ngang tài với Phó Duyệt đời Thương và còn hơn Tiêu Hà đời Hán, Sự thực lúc này triều Trần đã suy đốn.

(17) Đồ Thư : túc Hà đồ và Lạc thư. Hà đồ : Theo truyền thuyết, đời thương cổ ở Trung Quốc khi Phục Hy làm vua thì có con long mã nồi lên ở sông Hà, trên lưng có một bức đồ hình gồm những nét vạch. Phục Hy theo đó vạch thành bát quái trong Dịch Kinh, Lạc thư : xem chú thích số (11) bài này.

TRẦN ĐÌNH THÂM

陳廷琛

(?)

Trần Đình Thâm hiệu là Hủ Phố 樓圃 (1), sinh và mất năm nào chưa rõ; người làng Phúc Đa 福多, xã Chí Tri 致知, huyện Đông Triều 東潮 (2), phủ lỵ Tân Hưng 新興, trấn Hải Thành 海清 (3). Ông đậu Thám hoa năm Long Khánh 隆慶 thứ 2 (1374), làm quan đến chức Ngự sử Trung tán, quyền Giám tu Quốc sử; được Trần Duệ Tông 陳睿宗 cử đi sứ, đối đáp cứng cỏi, ông được người Nguyên khen ngợi, các sứ gia cố nước ta cũng hết sức đề cao. Khi Hồ Quý Ly 胡季釐 lên làm vua, ông giả cách điếc không ra làm quan.

Tác phẩm: hiện còn 2 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) VATT chép là Lâu Phố 樓圃.

(2) TVTL chép là huyện Nam Sách 南策; HVTT, TDTT chép là Nam Xương. Chúng tôi dựa vào *Lịch đại đại khoa lục* và *Đảng khoa lục*.

(3) Nay là huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

161

題秋江送別圖

BÈ THU GIANG TỔNG BIỆT ĐỒ

江	樹	晴	更	濃,
江	波	緣	未	已。
灘	思	浩	難	收,
滔	滔	寄	江	水。

Giang thu tinh cảnh nùng,
Giang ba lục vị 1* dĩ 2*.
Ly tư hao nan thu,
Thao thao ký giang thủy.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ BÚC TRANH TIỀN BIỆT TRÊN SÔNG MÙA THU

Trời tạnh cây bên sông càng xanh đậm,
 Sóng trên sông màu xanh vô không ngừng.
 Nỗi nhớ lúc xa nhau mênh mông khó nói hết,
 Đành gửi theo dòng sông cuồn cuộn trôi.

DỊCH THƠ :

*Trời tạnh trên sông cây đậm nồng,
 Dưới sông nước biếc vẫn xuôi dòng.
 Từ sầu ly biệt thêm man mác,
 Cho cuồn xuôi cùng với nước sông.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH, TRẦN LÈ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TDTT : 水 thủy.
 2* TDTT : 沁 dĩ.

162

挽王少保汝舟

VĂN VƯƠNG THIẾU BẢO NHỮ CHU

三	天	豈	曾	域	芳	悵	東
孤	不	止	將	山	洞	望	風
位	留	賢	忠	江	雲	不	洒
重	公	勞	盡	闕	深	勝	淚
德	在	扶	事	聖	先	夕	緒
彌	廟	聖	惟	主	寒	月	哀
彰	堂	主	止	皇	夕	陽	章

Tam cô vị trọng đức di chương,
 Thiên bất lưu công tại miếu đường !
 Khởi chỉ hiền lao phù thánh chúa,
 Tăng tương trung tân sự tiên hoàng .
 Vực Sơn giang khoát duy hàn nguyệt,
 Cần Động vân thâm chỉ tịch dương.
 Trường vọng bất thăng tình tự thiết,
 Đông phong sái lệ tả ai chương !

DỊCH NGHĨA :

VIẾNG QUAN THIẾU BẢO VƯƠNG NHỮ CHU (1)

Địa vị Tam cô (2) trọng yếu, đức càng sáng tỏ,
 Trời chẳng đề ông ở lại nơi miếu đường nữa.
 Há chỉ là tôi hiền tài, phò tá thánh chúa ngày nay,
 Mà đã từng đem lòng trung ái, thờ đức tiên hoàng khi trước.
 Sông Vực Sơn (3) mênh mông, chỉ còn lại vầng trăng lạnh,
 Mây Cần Động (4) ùn ùn, chỉ thấy bóng trời tà.
 Ngậm ngùi trông, mối tình xiết bao tha thiết,
 Trước gió đông nhỏ lệ, viết bài thơ đau thương !

CHÚ THÍCH :

- (1) *Vương Nhữ Chu* 王汝舟 : người cùng thời với tác giả. Vương Nhữ Chu làm chức Nhập nội hành khiêm tả ty dưới triều Phế Đế 廢帝 . Đến đời Thuận Tông 順宗 làm chức Thiếu bảo, sau làm Tri phủ phủ Thiên Trường, từng tham gia vào việc đặt các qui chế tiền giấy và các nghi lễ triều đình hồi bấy giờ.
- (2) *Tam cô* : theo qui chế quan chức nhà Trần thì Tam cô gồm Thiếu sứ, Thiếu bảo và Thiếu phó. Ở đây, Vương Nhữ Chu làm Thiếu bảo, tức thuộc vào một trong hàng chức Tam cô ấy.
- (3) (4) *Vực Sơn, Cần Động* : đều chưa rõ thuộc vùng nào.

TRẦN CÔNG CẦN

陳公瑾

(?)

Trần Công Cần sinh và mất năm nào chưa rõ, chỉ biết ông là em ruột Trần Đình Thâm 陳廷琛 (1). Người làng Phúc Đa 福多 xã Chi Tri 致知, huyện Đông Triều 東潮 phủ lỵ Tân Hưng 新興 trấn Hải Thành 海靖 (2).

Tác phẩm : còn một bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục* và một bài phú chép trong *Quản hiền phú tập*.

(1) Xem thêm phần tiểu sử của Trần Đình Thâm, trang trước.

(2) Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

163

春日遊山寺

XUÂN NHẬT DU SƠN TỰ

杖	藜	扶	我	入	禪	閑,
花	草	迎	人	取	次	攀。
院	靜	山	明	窗	似	畫,
一	庭	芳	草	佛	家	閑。

Truởng lê phù ngã nhập thiền quan,
Hoa thảo^{1*} nghênh nhân thủ thứ^{2*} phan.
Viên tĩnh sơn minh song tự họa,
Nhất định phương thảo Phật gia nhàn.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN CHƠI CHÙA TRÊN NÚI

Chiếc gậy lê đỡ ta vào cửa thiền,
Hoa cỏ đón người lần lượt vin.
Cảnh viện yên lặng, núi sáng, ngoài cửa sổ đẹp như vẽ,
Một sân cỏ thơm, cảnh nhà Phật thanh nhàn.

DỊCH THOẠI

Gây lê đỡ lão nhập thiền quan,
Hoa cỏ đón người vịn bước lên.
Viên vắng ngoài song non tựa về,
Một sân hương cỏ Phật già nhàn.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH:

- 2* TDTT: 次第 *zhì dì*.

164

蟠溪釣璜賦

當道心猗乎？避其漣揚適
璜砾差，高溪，彼釣如，若或。
之道之練鰻湄，公周隱波或之。
太，而寒。沚聞騰釣，菲沼不拂以差，菲乎。
予川托參之圉：百浦解洋，
曰燬止別香，雙如戾，散鮪之。
茲欵饗鱠，于空籧或間，而熾爰睛之。
趨方，其竿上期客焰旗辰竹之是。
虛去，翦藁我其而志；荷匪

瑞，匪之公錫璵比以之匪以可天璫可也。想。毅鎮皇匪也。栗無其；疵剛其。者。如較如之。璇公璧，如半類，如之。瑕無壽，如堅硬也。其。有之。竇姬璵，其。豈珠勇烈。

之節操；其溫潤也可以視公之容儀；其瑞光也可以較公佐王之象，其蒼色也可以表周家受命之基。豈非天降厥祥以彰君臣之德於當時乎？

至若西伯出獵於彼之疆，識其賢哲，同載以裝推上父以命名。求示我於周行。唯涼彼之武臣，曰我周之是當。乃同心而協德，恭天伐而肅將，至前徒之倒戈，諒一伐而克商。爰崇德而報功，俾周祚之益昌。

噫！天命之如此，豈非天錫玉璜而示厥祥者乎？

客難之曰：隻之言蕪矣，何六經無一字之記，先哲絕半語之詞？

隻語之曰：子徒宿聞，未常晦視。不有奇祥，孰明至理？河出龍馬以效羲氏有德之徵，天錫玄圭以表大禹平成之治，豈不示以明徵而表其嘉瑞者乎？

隻言已，鼓枻而逝。

客若有失：歟然長喟。乃歌曰：

蟠溪之水，清且漣漪！
釣璜之事，今其漁非，
太公芳型，千古如斯。

PHIÊN ÂM :

BÀN KHÈ ĐIÊU HUỲNH PHÚ

Khách hữu phương thiên khê, chu vạn hức; thuần Kỳ Phong, võ Triều, Lạc; lịch Nghiêm lại nhi tả toàn; chỉ Bàn Khê nhi kinh bạc. Nga yên thụ chí vi mang, đậm phong vân chi mắng mạc. Kiền trung tâm hè dao dao, niêm giai hứng hè di ngac. Hốt sương nhiêm chí lão tầu, xanh vĩ hàng nhi dao đạc.

Khách xu nhi văn chi. Tâu viết: Tử bất văn Thái Công chí điêu huỳnh giả hò? Dương kỳ ngược diễm phuong xi, Thương thất như hủy. Bách xuyên

phật dǎng, Chu đạo như chǐ. Công ty đạo nhi khứ chiên, viễn vu tư hè lè chǐ. Thác dĩ diếu nhi ần chi, khuong cao thượng kỳ tâm chi. Thời kỳ tình không liệm diệm, biệt phô sâm si, hàn ba luyện nhược, khê thủy liên y ; niểu trúc can chi địch địch, tản hương nhĩ chí phi phi. Hoặc yến hoặc lý, du dương hồ hành táo chí thượng, hoặc chiên hoặc vị, dương ngũ hồ chiếu chí chí my ; nhậm bỉ sở thích, phỉ ngã thị kỵ.

Thúc hữu huỳnh chí hè tự, phản ngã diếu nhi ngộ chí. Trưởng hoàng thiên chí tích thụy, khỉ xuyên cơ chí hiệu kỵ. Trạng loại bán bích, vô hà vô tỳ, phi thông phi tuy, phi châu phi ky. Như khuê như chuong, như tông như ly. Kỳ cương nghị dã khả dĩ tỷ công chí dũng liệt ; kỳ kiên ngạnh dã khả dĩ hiệu công chí thọ kỵ ; kỳ chẵn lật dã khả dĩ tỷ công chí tiết thảo ; kỳ ôn nhuận dã khả dĩ thi công chí dung nghi ; kỳ thụy quang dã khả dĩ hiệu công tá vương chí tượng ; kỳ thương sắc dã khả dĩ biếu Chu gia thụ mệnh chí ky (co). Khỉ phi thiên giáng quyết tường dĩ chuong quân thần chí đức ư đương thời hồ ?

Chí nhược Tây Bá xuất liệp ư bỉ chí cương, thúc kỵ hiền triết, đồng tài dĩ trang, suy Thương phủ dĩ mệnh danh, cầu thị ngã ư chu hàng. Duy lưỡng bỉ chí vũ thần, viết ngã Chu chí thị đương. Nãi đồng tâm nhi hiệp đức, cung thiên phạt nhi túc tượng, chí tiền đồ chí đảo qua, lượng nhất phạt nhi khắc Thương. Viễn sùng đức nhi báo công, tỷ Chu tộ chí ich xương. Y ! Thiên mệnh chí như thử, khỉ phi thiên tích ngọc huỳnh nhi thị quyết tường giả hồ.

Khách nan chí viết : tàu chí ngôn vu hỷ, hà lục kinh vô nhất tự chí ký, tiên triết tuyệt bán ngũ chí từ ?

Tàu ngũ chí viết : tử đồ hẩm văn, vị thường hải thị. Bất hữu kỵ tường, thực minh trí lý ? Hà xuất long mã, dĩ hiệu Hy thị hữu đức chí trưng, thiên tích Huyền Khuê dĩ biếu Đại Vũ bình thành chí trị, khỉ bất thị dĩ minh trưng nhi biều kỵ gia thụy giả hồ ?

Tàu ngôn dĩ, cõ duệ nhi thê.

Khách nhược hữu thất, tiêu nhiên trường vị. Nãi ca viết :

Bàn Khê chí thủy, thanh thả liên y !

Điếu huỳnh chí sự, kim kỵ dĩ phi,

Thái Công phương hình hè, thiên cõ như ty (tư).

DỊCH NGHĨA :

BÀI PHÚ CÂU NGỌC HUỲNH Ở BÀN KHÊ (1)

Khách có kẻ lội ngàn khe, vượt muôn thác ; ngắm Kỳ, Phong (2), đạo Triều, Lạc (3) ; dõi Nghiêm Lại (4) mà vòng quanh, chỉ Bàn Khê mà tiến bước. Khói cây ngắm thấy lờ mờ, mây gió nhẹ chiều man mác. Trong lòng cảm thấy nao nao, gai hứng chạnh niềm ngọt ngào. Chợt thấy ông già râu bạc, chống thuyền nan mà vượt qua.

Khách tối gần hỏi. Ông già nói rằng : Người không nghe chuyện Thái Công (5) câu ngọc huỳnh hay sao ? Trong khi lửa ngược rực hồng, nhà Thương (6) như cháy. Trăm sông sục sôi, đường cái như đá (7). Ông lánh nạn đi, đến ở nơi đó. Mượn tiếng câu để dấu mình, giữ vẹn tâm lòng cao cả. Trong lúc trời cao lồng lộng, bến rộng nhấp nhô, sóng phô lục trăng, suối lượn lờ ; cần câu buông lỏn vởn, mồi cá rắc thơm tho. Cá yến (8) cá lý, vùng vẫy trong vùng hành táo (9), cá chiên cá vị lượn lờ trên mặt ao hồ ; mặc chúng thỏa thích, ta bắt chí mà.

Bỗng có ngọc huỳnh đâu đến, ta sẽ câu được mày đây. Hắn trời muộn ban diêm tốt, hay thần sông có ý giúp vì. Hình như bán bích (10), không dấu vết gì. Không phải thông (11), tuy, chẳng phải châu, ky. Như khuê như chuong, như tông như ly. Nó cương nghị có thể sánh với dũng liệt của ông ; nó rắn bền có thể sánh với tuồi thọ của ông ; nó vững chắc có thể sánh với tiết thảo của ông ; nó ôn nhuận có thể sánh với phong thái của ông ; nó sáng rạng có thể sánh công giúp nước của ông ; nó xanh thẳm có thể nói lên nhà Chu chịu mệnh trị vì. Đó chẳng phải là trời giáng diêm lành để làm rạng rõ đức độ vua tôi lúc bấy giờ đấy sao ?

Đến khi Tàu Bá (12) đi săn ở nơi biên cương, biết người hiền triết, cùng xe sánh hàng, tôn mệnh danh là Thương phủ (13), cầu mong dạy đạo cao sang. Trở thành vồ thần tài giỏi, việc nhà Chu thấy đảm đương. Bèn đồng tâm và hiệp đức, kính vàng « thiên phạt » (14) mệnh thường. Làm cho quân thù quay giáo (15), một lần đánh diệt nhà Thương. Rồi thưởng công và chuộng đức, để nhà Chu thêm vững vàng. Ôi ! Mệnh trời đến như thế, há chẳng phải trời cho ngọc huỳnh mà báo diêm tốt đó sao ?

Khách bẽ lại rằng : lời ông nói mơ hồ, sao việc ấy Lục kinh (16) không chép một chữ, và tiên triết không nói nửa lời ?

Ông già đáp rằng : Người chỉ biết hang mà chưa thấy biển. Không có diêm trời, nhẽ kia ai rõ ? Sông ra long mã (17) là để nêu lên công đức họ Hy, trời cho Huyền Khuê (18) là làm rạng nghiệp bình thành vua Vũ, đó chẳng phải là trời lấy tin lành mà nêu lên diêm tốt đấy sao ?

Ông già nói xong, vẫy chèo mà đi.

Khách dường ngần ngơ, ngâm ngùi than thở. Bèn ca rằng :

Suối Bán Khê trong veo nước chảy !

Câu ngọc huỳnh chuyện ấy đã qua,

Thái Công gương cũ chưa nhòa,

Ngân năm sự nghiệp vẫn là ở đây.

CHÚ THÍCH :

- (1) Tương truyền rằng Lã Vọng 吕望 người Đông Hải, hơn 80 tuổi, câu ở Bàn Khê được con cá lớn, trong bụng cá có viên ngọc khắc mấy chữ : «Họ Cơ chịu mệnh trời, họ Lã giúp». Sau Chu Văn Vương 周文王 đi săn gặp ông, mời ông về giúp và diệt được nhà Thương 商, lập nên nhà Chu 周. Bài phú lấy đề tài từ câu chuyện đó.
- (2) Ký, Phong : đều là những tên đất thuộc tỉnh Thiểm Tây, nơi nhà Chu sùng nghiệp.
- (3) Triền, Lạc : tên hai con sông ở tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, chỗ nhà Đồng Chu đóng đô.
- (4) Nghiêm Lai : tức Nghiêm Lăng Lại 嚴陵隸 chỗ nhà ẩn sĩ đời Đông Hán là Nghiêm Quang 嚴光, ngời câu cá. Nơi này thuộc huyện Đồng Lư, tỉnh Chiết Giang.
- (5) Lã Vọng gặp Văn Vương, Văn Vương mừng lắm, nói rằng : 吾太公, 望子久矣. Ngô Thái Công, vọng tử cừu hĩ : Thái Công, ta trông nhà ngươi lâu lắm rồi, và gọi ông ta là Thái Công Vọng 太公望.
- (6) Nhà Thương còn gọi là nhà Ân 殷, một triều đại ở Trung Quốc, vào khoảng năm 1776 - 1122 trước công nguyên.
- (7) Thư kinh 書經 có câu : 周道如砥. Chu đạo như chỉ : đường lớn bằng phẳng vững vàng như đá.
- (8) Yến, ly, chiên, vị : đều là tên cá.
- (9) Hạnh, tảo : tên hai loại rau ở dưới nước.
- (10) Bán bích : nửa vòng tròn. Viên «ngọc huỳnh» hình như nửa vòng tròn nên gọi là bán bích.
- (11) Thông, tuy, khuê, chươn, tông, ly : đều là tên ngọc.
- (12) Vua Trụ 射 phong cho Văn Vương làm Tây bá hầu, vì vậy Văn Vương còn gọi là Tây Bá.
- (13) Vua nhà Chu đài Lã Vọng như cha, Lã Vọng lại có tên là Thượng 尚, vì vậy gọi là Thượng phủ.
- (14) Thiên phạt : vàng mệnh trời để đánh phạt.
- (15) Quân của vua Trụ khi đánh nhau với quân của Võ Vương đều quay mũi giáo chạy về với Võ Vương.
- (16) Lục kinh : sáu kinh. Đó là Thư kinh 書經, Thi kinh 詩經, Dịch kinh 易經, Lễ kinh 禮經, Nhạc kinh 雜經 và Xuân thu kinh 春秋經.
- (17) Tương truyền đời vua Phục Hy 伏羲 có con long mã công bức vẽ từ dưới nước lên, Phục Hy bèn theo đó mà vạch ra tam quę.
- (18) Tương truyền vua Vũ trị thủy thành công, trời ban cho viên ngọc Huyền khuê.

TRẦN HẠO

陳皓

(TRẦN DỰ TÔNG)

陳裕宗

(1336 — 1369)

Trần Hao tức Trần Dự Tông, con thứ 10 của Trần Minh Tông 諱明宗, nguyên quán ở hương Túc Mặc 即墨, làm vua 28 năm lấy niên hiệu là Thiệu Phong (1341 - 1357) và Đại Trị (1358 - 1369). Trong những năm Dự Tông làm vua mất mùa xảy ra liên tiếp, chính trị đồ nát, nhân dân nhiều nơi nổi lên chống lại triều đình. Nhà Trần suy từ đó.

Tác phẩm : Theo LTCTGVN, Trần Dự Tông có soạn bộ *Trần triều đại diễn* 陳朝大典 gồm 2 quyển, nay đã mất. Hiện chỉ còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay là xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Hà.

165

唐太宗與本朝太宗

唐	越	開	基	兩	太	宗
彼	稱	貞	觀	我	元	豐
建	成	誅	死	安	生	在
廟	號	雖	同	德	不	同

ĐƯỜNG THÁI TÔNG DỮ BẢN TRIỀU
THÁI TÔNG^{1*}

Đường, Việt khai cơ lưỡng Thái Tông,
Bỉ xưng Trinh Quán, ngã Nguyên Phong.
Kiến Thành tru^{2*} tử, An Sinh tại,
Miếu hiệu tuy đồng, đức bất đồng.

DỊCH NGHĨA :

VUA THÁI TÔNG NHÀ ĐƯỜNG VỚI VUA THÁI TÔNG TRIỀU TA

Đường và Việt đều có vua mờ mang cơ nghiệp thuy là Thái Tông,
 Bên họ xưng là Trinh Quán, bên ta xưng là Nguyên Phong. (1)
 Kiến Thành bị giết chết, An Sinh thì được sống (2),
 Miếu hiệu tuy giống nhau nhưng đức độ lại khác nhau.

DỊCH THƠ :

*Đường Việt, hai qua hiệu Thái Tông,
 Đường xưng : Trinh Quán, Việt : Nguyên Phong
 Kiến Thành bị giết, An Sinh sống,
 Miếu hiệu tuy đồng, đức chẳng đồng.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 書 懷 *Thư hoài*.
 2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 謔 *muru*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đường Thái Tông, vua thứ hai nhà Đường, đặt niên hiệu là Trinh Quán. Trần Thái Tông, vua đầu nhà Trần, đặt niên hiệu là Nguyên Phong.
- (2) Đường Thái Tông tức Lý Thế Dân con thứ của Lý Uyên (Đường Thái Tổ) có công đánh dẹp lớn. Lý Uyên muốn truyền ngôi cho con trưởng là Kiến Thành, Thế Dân không chịu. Kiến Thành và Nguyên Cát (em Thế Dân) mưu giết Thế Dân, nhưng lại bị Thế Dân giết cả hai. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* : Năm 1237 Trần Thái Tông lấy công chúa Thuận Thiên Lý Thị, vợ của anh mình là Trần Liễu. Lúc này Thuận Thiên đã có mang Quốc Khang được 3 tháng. Trần Thủ Độ xui vua mạo nhận để làm việc lớn về sau. Trần Liễu họp quân ở Sông Cái để chống lại. Vua áy náy ra ở núi Yên Tử, Trần Thủ Độ mấy lần ra mời về kinh, vua không nghe. Về sau Trần Liễu thấy thế cô giả làm người đánh cá đến xin hàng. Thủ Độ nghe tin đến, rút gươm thét to đòi giết Liễu. Vua đấu Liễu dưới thuyền và nói với Độ là Liễu hàng, khuyên Độ rút.

HỒ QUÝ LY
胡季聰

(1336 ?)

Hồ Quý Ly tự là Lý Nguyên 理元, sinh năm 1336 (1). Người ở hương Đại Lại 大吏 (2). Tổ tiên vốn họ Hồ, nguyên ở vùng Bảo Đột 泊突 dất Diễn Châu 漢州 (3), đến đời Hồ Liêm 胡廉 mới dời ra Đại Lại. Vì Hồ Liêm làm con nuôi của Tuyên úy Lê Huấn 黎訓, nên đổi họ là Lê. Do đó mà Hồ Quý Ly, cháu bốn đời của Hồ Liêm, còn được sử sách gọi là Lê Quý Ly 黎季聰.

Hồ Quý Ly có hai người cô ruột đều là cung nhân của Trần Minh Tông 陳明宗 : một người là Minh Từ 明慈, sinh ra Trần Duệ Tông 陳睿宗. Từ quan hệ ngoại thích, Hồ Quý Ly dần dần được nhà Trần tin dùng, đặc biệt là Trần Nghệ Tông 陳藝宗. Năm 1371, từ chức Chi hậu từ cục chánh chưởng, Hồ Quý Ly được thăng lên chức Khu mật viện đại sứ. Ít lâu sau, được phong thêm chức Trung tuyên quốc thượng hầu... Năm 1379, thêm chức Tiêu tir không và Nguyên nhung hành Hải tây đô thống chế... Năm 1387, được phong Đồng bình chươn g sự, vua Trần ban cho một thanh gươm và một lá cờ đề chữ 文武全才, 君臣同德 Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức... Năm 1395, làm chức Nhập nội phụ chính Thái sư, Bình chươn g quân quốc trọng sự, Tuyên trung vệ quốc đại vương, đeo lân phù bằng vàng... Năm 1400, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, tự xưng làm vua, đổi tên nước là Đại Ngu 太虞. Năm 1406, quân Minh sang xâm lược nước ta. Hồ Quý Ly tuy có tổ chức cuộc kháng chiến chống lại, nhưng căn bản vì nhà Hồ lên ngôi một cách bất chính, lại thi hành nhiều chính sách vụ lợi cho giòng họ mình trước hết, làm mất lòng dân, không đoàn kết được toàn dân, nên cuối cùng bị thất bại. Hồ Quý Ly bị quân xâm lược nhà Minh bắt đưa về nước năm 1407, cùng với con là Hồ Nguyên Trừng 胡元澄, Hồ Hán Thương 胡漢蒼. Không rõ mất năm nào.

Về mặt học thuật, Hồ Quý Ly có nhiều cái nhìn độc đáo so với người đương thời, nhất là chủ trương dùng chữ Nôm để dịch và giới thiệu những sách kinh diển bằng chữ Hán. Theo sử chép, thì năm 1392, Hồ Quý Ly có soạn sách *Minh đạo* 明道 gồm 14 thiên, trong đó gọi Chu Công 周公 là Tiên thánh, Khổng Tử 孔子 là Tiên sư... ; cho sách *Luận ngữ* 論語 có một số chỗ đáng

ngờ, như việc Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử 南子, việc Khổng Tử ở nước Trần hết lương, việc Phất Bật 帛肺 gọi mà Khổng Tử muốn đến... ; cho Hàn Dũ 韓愈 là nhà nho ăn trộm (*đạo Nho*) ; cho Chu Đôn Di 周敦頤, Trình Hiệu 程顥, Trình Di 程頤, Dương Thị 楊時, Lý Diên Niên 李廷年, Chu Hy 朱熹 đều là những kẻ tuy học rộng nhưng tài kém, không chú ý đến thực tế, chuyên đánh cắp văn chương của người xưa. Ngoài ra, Hồ Quý Ly còn dịch thiên *Vô dật* 無逸 trong *Thư kinh* 書經 (năm 1395), làm sách *Thi nghĩa* 詩義 để giảng giải *Thi kinh* 詩經, cũng bằng Quốc âm. Bài tựa sách *Thi nghĩa* 詩義 cũng phần nhiều viết theo ý riêng của mình, không theo tập truyện của Chu Hy.

Tác phẩm: hiện còn 5 bài thơ (1 bài trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và 4 bài chép trong *Toàn Việt thi lục*).

- (1) Về năm sinh của Hồ Quý Ly, nhiều sách không ghi chép. Riêng ĐVSKTT có ghi sự kiện sau đây: «Quý Ly tự nghĩ mình năm ấy (tức năm Ất dậu, 1405) 70 tuổi, ban cho phụ lão ở các lộ từ 70 tuổi trở lên, mỗi người trước 1 tư; đàn bà già thì cho tiền giấy. Ở Kinh thành thì cho trước và cho ăn uống» (Xem Bd. ĐVSKTT, *Bản kỷ*, quyển VIII, *Kỷ nhà Trần*, phần *Phụ Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương*). Qua đó có thể biết Hồ Quý Ly sinh năm 1336.
- (2) Nay ở phía bắc sông Lèn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, còn có núi Kim Âu, tức là núi Đại Lai cũ. Hương Đại Lai có lẽ nằm ở vùng này.
- (3) Nay thuộc Nghệ An.

166

寄元君

KÝ NGUYỄN QUÂN 1*

前 有 廉 暗 君,
昏 及 靈 德。
何 不 早 安 排,
徒 使 勞 人 力。

Tiền hữu dung ám quân,
Hôn Đức cập Linh Đức.
Hà bất tảo an bài.
Đò sứ lao nhân lực.

DỊCH NGHĨA :

GỬI NGUYỄN QUÂN⁽¹⁾

Trước đây có những vua tầm thường, ngu tối,
Như Hôn Đức⁽²⁾ và Linh Đức⁽³⁾,
Sao không sớm định số phận của mình đi,
Chỉ để làm thêm mệt sức kẻ khác.

DỊCH THO' :

Cũng một duoc vua hèn,
Hôn Đức và Linh Đức.
Sao chẳng sớm liệu đi,
Chỉ để người nhọc sirc.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

1* Bài này chỉ thấy chép trong ĐVSKTT. Đầu đề bài thơ do chúng tôi đặt.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo ĐVSKTT, năm Kỷ mão (1399), Hồ Quý Ly buộc vua nhà Trần là Thuận Tông 順宗 phải xuất gia theo Đạo giáo, đến ở quán Ngọc Thanh thuộc thôn Đạm Thủy (Đồng Triều, Hải Dương, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh). Quý Ly mật sai Nội tẩm học sinh là Nguyễn Cần đi theo Thuận Tông, và đưa cho Cần một bài thơ, trong có những câu 元君不死, 汝當死之. Nguyên quán bắt tử, nhữ đương tử chi: Vua mà không chết, thì người phải tim cách làm cho vua chết. Đồng thời, Hồ Quý Ly gửi cho Thuận Tông bài thơ này, có ý giục Thuận Tông nên sớm kết liễu đời mình đi thì hơn.
- (2) *Hôn Đức* : tức Hôn Đức Công, tên một vua nhà Trần. Sau khi Trần Dụ Tông 陳裕宗 chết (1369), vì không có con nối nghiệp, nên Thái hậu mới lập Dương Nhật Lễ 楊日禮 là con riêng của vợ Cung Túc Vương 泰肅王 (Cung Túc Vương là con trưởng của Trần Minh Tông 陳明宗) lên làm vua. Ít lâu sau, Dương Nhật Lễ bị phế làm Hôn Đức Công, rồi tiếp đền bị giết.
- (3) *Linh Đức* : tức Linh Đức Đại Vương, tên một vua nhà Trần. Sau khi Trần Duệ Tông 陳睿宗 tử trận (1377), Trần Nghệ Tông đã lập con trưởng của Duệ Tông là Nghiễn 珪 lên nối ngôi (sau là Phế Đế 廢帝 niên hiệu Xương Phù). Đến năm 1388, Nghiễn bị phế làm Linh Đức Đại Vương, và phải thắt cổ chết.

167

答北人問
安南風俗

欲	問	安	南	事,
安	南	風	俗	淳。
衣	冠	唐	制	度,
禮	樂	漢	君	臣。
玉	甕	開	新	酒,
金	刀	研	細	鱗。
年	年	二	三	月,
桃	李	一	般	春。

ĐÁP BẮC NHÂN VĂN
AN NAM PHONG TỤC

Dục văn An Nam sự,
An Nam phong tục thuần.
Y quan Đường chế độ,
Lê nhạc Hán quân thần.
Ngọc ủng khai tân túu,
Kim dao churóc tế lòn.
Niên niên nhị tam nguyệt,
Đào, lý nhất ban xuân 1*.

DỊCH NGHĨA :

**TRẢ LỜI NGƯỜI PHƯƠNG BẮC
HỎI VỀ PHONG TỤC NƯỚC AN NAM**

Muốn hỏi về chuyện nước An Nam ư ?
 Nước An Nam phong tục vốn thuần hậu,
 Áo mũ không khác chẽ độ nha Ðương.
 Lễ nhạc tương tự vua quan nhà Hán,
 Bình ngọc rót rượu mời cát ngát thơm,
 Dao vàng mồ cá ngon nhỏ vảy ⁽¹⁾,
 Hàng năm cứ độ tháng hai tháng ba,
 Đào, mận đều cùng xuân như nhau cả.

DỊCH THƠ :

*An Nam, muốn hỏi rõ ?
 — Phong tục vốn thuần lương.
 Lễ nhạc như Tiền Hán,
 Y quan giống Thịnh Đường.
 Dao vàng, cá nhỏ vảy,
 Bình ngọc, rượu lừng hương.
 Mỗi độ mùa xuân tới,
 Mận, đào nở chật vờn.*

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

1* Trong VATT (hản ký hiệu A.1925, Thư viện KHXH), ở cuối bài thơ, có ghi chú thêm :
 此詩明列朝集題為日本使臣作。破，聯二句稍異 Thủ thi Minh *Lịch triều tập* đề vi Nhật Bản sứ thần tác. Phá, liên nhị câu sảo dị : sách «Lịch triều tập» đời Minh có đề bài thơ này là của sứ thần Nhật Bản làm ra. Câu phá và vế đối có hơi khác.

Theo chúng tôi, thì bài thơ này khó có thể là của sứ thần Nhật Bản vì nói phong tục nước ta khá chính xác.

CHÚ THÍCH :

(1) Cá ngon nhỏ vảy : nguyên văn là *té lân*. *Xích bích phú* của Tô Đông Pha đời Tống có câu : 巨口細鱗狀似松江之鱸 cự khẩu tể lân trạng tự Tùng Giang chỉ lò : *Mięng lớn, vảy nhỏ, giống cá mè sông Tùng Giang*.

168

賜中尉杜子澄

TÚ TRUNG ÚY
ĐÔ TỬ TRỪNG^{1*}

烏臺久矣噤無聲，
頓使朝庭風憲輕。
借問子澄懦中尉，
書生何事負平生。

Ô Đài cửu hỉ cấm vô thanh,
Đỗn sứ triều đình phong hiến khinh.
Ta ván Tử Trừng nhu Trung úy,
Thư sinh hà sự phụ bình sinh ?

DỊCH NGHĨA :

BẢN CHO TRUNG ÚY ĐÔ TỬ TRỪNG⁽¹⁾

Đã lâu rồi, chốn Ô Đài⁽²⁾ vẫn im hơi lặng tiếng,
Đề cho phong thái, hiệu lệnh triều đình bị coi thường.
Thứ hỏi Tử Trừng, viên Trung úy nhu nhược kia,
Là kẻ sĩ, sao lại phụ chí bình sinh vậy ?

DỊCH THƠ :

*Đài giàn từ lâu tiếng vắng tanh,
Triều đình phép tắc bỗng xem khinh.
Tử Trừng, Trung úy sao mềm yếu ?
Kẻ sĩ không nên bỏ chí mình.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : chép đầu đề bài thơ là 賦楊子澄 Từ Đô Tử Trừng; TVTL1, TVTL2 : không có đầu đề.

CHÚ THÍCH :

(1) Theo ĐVS KTT, mùa thu năm 1391, các tướng lĩnh nhà Trần họp ở Hóa Châu. Phan Mạnh nói : «Trời không thể có hai mặt trời, đất không thể có hai vua». Chu Bình Khuê nói : «Đương liếu nói nhiều, mọi người ngầm miện» (Ý bảo Hồ Quý Ly lầm lời để bị miện mọi người). Bấy giờ có Đặng Tất và Hoàng Hối Khanh đều cùng nghe những lời nói bóng gió đó, mới ngầm viết thư mách cho Hồ Quý Ly biết. Quý Ly bèn giết Phan Mạnh lẩn Chu Bình Khuê, cho rằng hai người này âm mưu làm loạn. Đồng thời, Hồ Quý Ly cho Đặng Tất làm Hữu châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chinh hình viện đại phu. Riêng quan Ngự sử đại phu Đô Tứ Trừng trước sau vẫn giữ thái độ im lặng trước

các sự kiện đó. Vì vậy, Hồ Quý Ly gửi bài thơ này để trách mắng (Xem Bd. ĐVSKTT, *Bản kỷ quyền VIII*, Kỷ nhà Trần, phần Phụ Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương).

- (2) Ô Đài : dinh quan Ngự sử. Theo sách *Hán thư* 漢書, thì bên tòa Ngự sử có khóm cây bách, hàng nghìn con quạ đến đậu ở đó. Vì thế, «dinh quan Ngự sử» còn được gọi là «ô đài», tức nơi có quạ đậu. Ngự sử là viên quan chuyên can ngăn những sự việc sai trái của vua.

169

賜升華路宣撫使阮彥光

邊	郡	承	宣	壯	志	酬,
雄	藩	節	制	有	微	猷。
青	松	保	爾	歲	寒	節,
白	髮	寬	予	西	顧	憂。
訓	筋	兵	農	皆	就	緒,
勤	停	鎮	戍	是	何	秋。
四	勞	莫	謂	無	知	者,
	目	原	非	蔽	冕	施。

TÚ THẮNG HOA LỘ ^{1*} TUYÊN PHỦ
SÚ ^{2*} NGUYỄN NGẠN QUANG

Biên quận Thừa tuyên tráng chí thù ^{3*},
Hùng phiên tiết ^{4*} chế hữu huy du.
Thanh tùng bảo nhĩ tuế hàn tiết,
Bạch phát khoan dır tây cổ ưu.
Huấn súc binh nông giai tựu tự,
Giải định trấn thú thi hà thu?
Cần lao mạc vị vô tri giả,
Tử mục nguyễn phi tế miện liru!

DỊCH NGHĨA :

BẢN CHO NGUYỄN NGẠN QUANG, TUYÊN PHỦ SÚ LỘ THẮNG HOA (1)

Làm Thừa tuyên một quận sát biên giới, chỉ lớn được thực hiện,
Cai quản một phiên trấn mạnh, phải có cơ mưu mới làm nổi.
Hãy giữ tiết tháo của người như cây tùng xanh mùa rét,
Để mái tóc bạc của ta đỡ lo lắng về miền tây.
Luyện tập quân lính, chấn chỉnh nghề nông là công việc hàng đầu,
Tôi năm nào sẽ bỏ được chuyện trấn thủ?
Chờ cho rằng mình cần cù vất vả mà không ai biết đến,
Giải mũ của nhà vua vốn không che được tầm mắt nhìn ra bốn phương.

DỊCH THƠ :

*Biên quận trao quyền nhở chí lớn,
Trần hùng tiết chế có mưu lo.
Thông xanh, năm rét, người bền tiết,
Tóc trắng, miền tây, trẫm bớt lo.
Đại dỗ binh nông đều hợp lẽ,
Giải trừ đồn thù đợi bao thu?
Cần lao chờ nghĩ không người biết.
Bốn mắt trông xa vốn chẳng mờ!*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT : không có chữ 路 lô.
- 2* VATT : không có chữ 使 sứ.
- 3* VATT : 資壯志 tư tráng chí ; TVTL3 資壯志酬 tư tráng chí thù.
- 4* VATT : 專 chuyên.

CHÚ THÍCH :

(1) *Thăng Hoa* : tên cũ là Chiêm Đông, nay thuộc nam phần tỉnh Quảng Nam.

Về xuất xứ bài thơ này, ĐVS KTT chép : Năm Ất dậu (1405), Hồ Quý Ly biếm Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa, lấy Phong quốc giám quả cán là Nguyễn Ngạn Quang làm Tuyên phủ sứ, kiêm Tân Ninh trấn Chế tri sứ. Quý Ly làm bài thơ này ban cho Nguyễn Ngạn Quang. Năm ấy, Quý Ly đúng 70 tuổi. (Xem Bd. ĐVS KTT, *Bản kỷ quyền VIII*, Kỷ nhà Trần, phần Phụ Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương).

170

感懷

CẨM HOÀI ^{1*}

更悠南北相遷	改悠關館國都	死不應覺慙哭無	生，情。白，驚。
南北相遷	關館國都	難拙缺知須	復勝頭夢李盤由
金待	甞	玉	庚，令，輕。

Canh cải đa đoan tử phục sinh,	Du du hương lý bất thăng tình.
Nam quan thiều đệ trọng đầu bạch,	Bắc quán yêm lưu giác mộng kinh.
Tường quốc tài nan tăm Lý Bật,	Thiên đô kê chuyết khốc Bàn Canh.
Kim âu kiến khuyết vô do hợp,	Đãi giá tu tri ngọc phỉ khinh.

DỊCH NGHĨA :

CẨM HOÀI (1)

Lâm sự đổi thay, tưởng chết mà lại sống,
 Quê hương mờ mịt gợi dậy biết bao tình.
 Ai Nam Quan xa xôi mái đầu bạc là phải,
 Nơi quán Bắc lâu ngày, tinh mang thấy kinh sợ.
 Cứu nước, tài hèn, thẹn với Lý Bật (2),
 Dời đô, kế vung; khóc chuyện Bàn Canh (3).
 Bình vàng bị mẻ, biết hàn gắn làm sao,
 Nên biết ngọc còn đợi giá, chứ không phải bị xem rẻ đâu (4).

KHẢO ĐÍNH :

- 1* Bài thơ này chỉ thấy chép ở sách *Thiên Nam ngũ lục*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo *Thiên Nam ngũ lục*, bài này do Hồ Quý Ly làm ra sau khi bị quân Minh bắt.
- (2) *Lý Bật*: một nhân vật đời Đường, từng làm Tể tướng, có tài trị nước, yên dân.
- (3) *Bàn Canh*: tên ông vua thứ mười hai của nhà Thương. Bàn Canh thấy kinh đô cũ không còn thích hợp với yêu cầu phát triển của đất nước, nên đã quyết định dời đến đất Bắc tức là đất Ân. Từ đó, Vương triều nhà Thương trở nên thịnh vượng. Ở đây, Hồ Quý Ly tự liên hệ với Bàn Canh, thẹn thấy việc bỏ Thăng Long vào xây dựng Tây Đô ở Thanh Hóa của mình là một sai lầm nghiêm trọng.
- (4) Bài thơ này, trong *Thiên Nam ngũ lục* có chép bản dịch, nói là của tác giả tự dịch, chúng tôi xin chép lại bản dịch đó để bạn đọc tham khảo:

<i>Canh cải nhiều đường tử phục sinh,</i> <i>Lòng lo hương lý ở bao dành.</i> <i>Quê người dễ thấy đầu dần bạc,</i> <i>Quán khách khôn cẩm tóc trắng xanh.</i> <i>Tường quốc át chặng tài Lý Bật,</i> <i>Thiên đô còn phải hận Bàn Canh.</i> <i>Kim áu đường khuyết khôn hàn được,</i> <i>Đợi giá cho nên biết ngọc lành.</i>
--

VIỆT SỬ LUẬC

越史略

Việt sử lược nguyên tên là *Đại Việt sử lược* 大越史略 do một tác giả khuyết danh đời Trần soạn xong vào năm Xương Phù nguyên niên (1377). Sách gồm có 3 quyển. *Quyển I* lược chép từ thời Hùng Vương Thực Phán An Dương Vương, Triệu Đà 趙陀 đến Lê Ngọa Triều 黎臥朝 (207 TCN—1009). *Quyển II* chép từ Lý Thái Tổ 李太祖 đến Lý Nhân Tông 李仁宗 (1010—1128). *Quyển III* chép từ Lý Thần Tông 李神宗 đến Lý Chiêu Hoàng 李昭皇 (1128—1225) (1). Cuối sách có phụ lục một bản *Trần triều kỷ niên* 陳朝紀年 trong đó ghi rõ các niên hiệu của một số vua đời Trần, kể từ Trần Thái Tông 善太宗 (2) đến Trần Phế Đế 陳廢帝.

Nếu so sánh về nội dung, ta sẽ thấy *Việt sử lược* có nhiều chỗ chép rất giống với *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 của Ngô Sĩ Liên 吳士連 sau này, ngay cả đến một số chi tiết vụn vặt. Từ đó có người cho rằng cũng như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử lược* đã chép theo *Đại Việt sử ký* 大越史記 của Lê Văn Hưu 黎文休. Không những thế, còn có thể xem *Việt sử lược* như bản tóm tắt bộ *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu nữa (3).

Ở nước ta từ lâu *Việt sử lược* đã thất truyền. Riêng ở Trung Quốc, đến đời Càn Long nhà Thanh, sách ấy được đưa ra in, nói là dựa theo bản do viên Tuần phủ Sơn Đông 山東 suru tầm được. Tiền Hy Tộ 錢熙祚 hiệu Tích Chi 錫之 (4), người Kim Sơn 金山 (thuộc tỉnh Giang Tô 江蘇 Trung Quốc) đã hiệu định cuốn *Việt sử lược* này trong khi biên tập bộ Thủ sơn các tùng thư 守山閣叢書. Ngoài ra, trong một số sách khác như Khâm định tứ khố toàn thư 欽定四庫全書, Hoàng triều phiên thuộc dư địa tùng thư 皇朝蕃屬輿地叢書, v.v... của Trung Quốc cũng còn in lại bản *Việt sử lược* đó.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một số đoạn trích từ cuốn *Việt sử lược* do Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải (5). Trong phần phiên dịch, chú giải, về cơ bản chúng tôi theo bản dịch trên, nhưng có thay đổi một số điểm cho hợp với

yêu cầu biên soạn. Ngoài ra, ở những nơi cần thiết, chúng tôi có chú thích thêm và ghi rõ là của Nhóm biên soạn.

Riêng bản chữ Hán chúng tôi sử dụng ở đây, là dựa vào bộ *Hoàng triều phiên thuộc dư địa tùng thư* hiện có ở Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu P.264⁽⁴⁾

- (1) Trong *Việt sử lược*, tác giả chỉ kể tới Lý Huệ Tông 李惠宗, nhưng trên thực tế, cuốn sách đã nói cả đến Lý Chiêu Hoàng.
- (2) *Việt sử lược* viết là Trần Thái Tổ 雖太祖.
- (3) Xem phần *Mấy lời của người dịch*, trong cuốn *Việt sử lược* do Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải; Nxb Văn-Sử-Địa; Hà Nội; 1960.
- (4) Từ hải chép Tiền Hy Tộ hiệu Tuyết Chi 雪之.
- (5) *Việt sử lược*: Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải; Sđd.

171

前吳王

諱權，姓吳氏，先府之子也。楊州王江曰：「藝爲將軍，操爲公，靜爲將軍，羨爲公，靜攻藝，欲鐵頭杖，操爲欲鐵頭杖，羨爲欲鐵頭杖。」事變萬藤海，操盡擊敗於杖內，權奮擊大破之，溺死過半，殺宏操。權始稱王。以晉出帝開運元年王薨，在治允七年。

後晉高祖天福三年冬，劉龜卿自子自於北急，操盡擊敗於杖內，權奮擊大破之，溺死過半，殺宏操。權始稱王。以晉出帝開運元年王薨，在治允七年。

(越史略, 卷一, 吳紀)

PHIÊN ÂM :

TIỀN NGÔ VƯƠNG

Húy Quyền, tính Ngô thi, Tiên Phủ chi tử dã. Sư Dương Đinh Nghệ vi Tướng quân. Hậu Tấn Cao Tổ, Thiên Phúc tam niên, đồng thập nhị nguyệt, Quyền tự Ái Châu cử binh công Công Tiên. Công Tiên sử nhân cầu cứu ư Nam Hán. Lưu Nghiêm dĩ kỵ tử Vạn Vương Hoằng Thao vi Tĩnh hải quân tiết độ sứ, tương binh cứu Công Tiên. Hoằng Thao chu sú tự Bạch Đằng giang nhập, dục công Quyền, nhi quyền dĩ sát Công Tiên hǐ. Quyền văn Hoằng Thao chí, ư hải khâu tiêm thực thiết đầu đại dặc. Cập trường triều, sứ dĩ tiêu chu khiêu chiến nhi dương bắc. Hoằng Thao trùy chí. Triều thoái, dặc lộ, Hoằng Thao cự chiến bất hạ nhi triều lạc thậm cấp, chu tận ngại ư dặc nội, Quyền phẫn kích đại phá chí, nịch tử quá bán, sát Hoằng Thao. Quyền thủy xung vương. Dĩ Tấn Xuất Đế, Khai Vận nguyên niên, Vương hoảng, tại trị phàm thất niên.

(Viết sử lược; Quyền nhất, Ngô kỷ)

DỊCH NGHĨA :

TIỀN NGÔ VƯƠNG

Húy là Quyền, họ Ngô, là con Tiên Phủ (1). Ngô Quyền thờ Dương Đinh Nghệ, làm chức Tướng quân. Năm thứ ba hiệu Thiên Phúc đời Cao Tổ, nhà Hậu Tấn (938), mùa đông, tháng chạp, Quyền đem binh từ Ái Châu ra đánh Công Tiên. Công Tiên sai người cầu cứu Nam Hán. Lưu Nghiêm cho con là Vạn Vương Hoằng Thao (2) làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ, đem binh sang cứu Công Tiên. Hoằng Thao đem thủy quân từ sông Bạch Đằng vào nước ta toan đánh Quyền, nhưng Quyền đã giết được Công Tiên. Quyền nghe tin Hoằng Thao đến, bèn đóng ngầm những cọc lớn đầu bịt sắt ở cửa biển. Khi nước triều dâng cao, Quyền sai người đem thuyền nhỏ ra khiêu chiến, giả vờ thua chạy. Hoằng Thao đuổi theo. Nước triều xuống, cọc nhô ra; Hoằng Thao phải chống cự luôn tay, mà nước triều xuống rất nhanh, thuyền bè đều bị vướng vào trong cọc. Quyền đánh hăng, đại phá được Hoằng Thao, quân Nam Hán bị chết đuối đến quá nửa, giết được Hoằng Thao. Quyền mới bắt đầu xưng vương.

Năm đầu hiệu Khai Vận đời Tấn Xuất Đế (944), Vương mất, trị vì khoảng 7 năm.

Theo TRẦN QUỐC VƯƠNG
(Bd. VSL ; Quyền I ; Ngô kỷ)

CHÚ THÍCH :

(1) ĐVSKTT và VSTGGM đều chép cha của Ngô Quyền tên là Ngô Mân 美旻.

(2) Tân ngũ đại sứ 新五代史 chép là Hồng Thao 洪操 ĐVSKTT chép là Hoằng Thao 霍承珙

先王

五人與母媪，孤小人洞閭華，氏丁姓，人間閣諸。天子成迹，上山荷葉叢，外門有山居。

長，不以世從，又以爲以。黃，濟往，能弟之，烹。兄弟見，爲必攻之。見，爲以暇，率衆捧日。爲以，喜常。率刺皆爲仗之非。」王欲刺，手隊見字晚。叔刺，野交子母器其從。山共天。免晦不薄，於則象母此必柵于。牛，其日據陷于。牧戲引歸曰異獨，童嬉右晚戒，叔壞群與左，相附其倚退，乃降。

往兵民，皇受閏平始護稱有在平，子部吏洞明，太此都王之遠太闊。其所府閣勝者年自爲聞人州，向以以京華大法二元號某宋猶交國毋乃付。於曰犯，改年劉。爾萬爾嗣，公皇尊：已年人，將蠻？蓋躬，盡卒帝號「有己」，（有以卑猶覆。）無子明稱，曰。三五品道於乎朝帝而已，年稷令命，后階十之治聖乎賢爲辰元社，違午王道爲夏能今康公養成寶立下敢庚立僧桓中庸。明，陳之乏祖官於，王王文，曰四區至開重平太百虎伏越郡置公略，遑爾王器皆宋置養憐南南，國其安未俟。主見君以儀庭人璉爲二爲書腹難矣。爲，趙，皆爲安年定，未。時之導供父若澳家，事前以中輩洎潭爲禮焉柴鄉我於至，王臣花摘。君蘆率之民，居奔其上，乃取相饗安之勝。帝烹五年。府尊四天之依，多起帝烹五年。府尊四天之

爲我小患，俾我爲絕蹕斷節之計，用屠爾國，悔其焉追！」壬申，太平三年，封子璿爲衛王，立季子項郎爲太子，命阮子猷如宋修好。甲戌，太平五年，王得識曰：「杜釋弑丁丁，黎家出聖明，競頭多橫死，道路絕人行」。丙子，太平七年。己卯，太平十年，春，越王璉使人殺太子項郎。冬十一月，王夜宴，爲福侯宏杜釋所弑及越王璉等。

先是，釋爲桐閔吏，夜卧橋上，見流星八口，釋以爲休徵，萌弑逆之心。王既遇害，潛入宮中，匿於露下。踰三日，渴甚，以手盛雨水而食，見之，告定國阮嗣，收斬之。與其將軍黎桓奉衛王璿即皇帝位。追尊王爲先王，母爲太后。

王在位十一年，壽五十五，改元者一。

(越史略, 卷一, 丁紀)

PHIÊN ÂM :

TIỀN VƯƠNG

Chùa Bộ Lĩnh, tinh Đinh thị, Hoa Lư động nhân, thiếu cô, dữ mẫu ôn ngũ nhân cư sơn thần tự trắc, môn ngoại hữu sơn hà tung, diệp thượng oa tích thành «Thiên tử» tự.

Vương vi nhi thời, dữ quẩn đồng mục ngưu ư sơn dã, gai suy vi chúng nhi trưởng, dữ quân thần lê sự chi. Tương dữ hy hý, tắc cộng giao thủ vi ý dĩ phủng vương, hưu thủ lư hoa vi tiền đạo, dữ tả hữu dân, tượng Thiên tử đội trượng. Hả nhát, quần nhi tướng suất trich sài dữ cung dịch khóa, vẫn quy kỳ mẫu. Mẫu kiến chi hỉ vị phanh đòn dữ hướng chi. Hướng trung phụ lão gai tướng giới viết : «Thứ nhi khi vũ phi thường, tất năng tế thế an dân ; ngã bối nhược bất tảo phụ, dị nhạt tất hối kỳ vân !». Suất tử đệ vãng tung chi, cư ư Tế Áo sách. Kỳ thúc độc cư sách bất tung, vương xuất chúng công chi, bất thắng, bôn chi Đàm Gia loan, kiều hoại, hảm ư ninh. Thúc dục thích chi, kiến nhị hoàng long phủ kỳ thượng, thúc cụ nhi thoái nãi hàng.

Thời cảnh nội vô chủ. Vương văn Trần Minh Công hiền nhi vô tự, nãi dữ kỳ tử vãng y yên. Minh Công nhất kiến vị khi trọng chi, dưỡng vi kỷ tử, tàn phò dữ sở bộ binh, sứ công tháp nhị sứ quán, gai bình chi. Mậu thin, Minh

Công tốt. Kinh phủ lại dàn đà vắng quy chí. Vương dĩ Triệu Tống Thái Tồ, Khai Bảo nguyên niên xưng Hoàng Đế ư Hoa Lư động, khởi cung điện, chế triều nghi, trí bách quan, lập xã tắc, tôn hiệu viết «Đại Thắng Minh Hoàng Đế». Tri đại đinh ư đình, dường hổ ư hạm hạ, lệnh viết : «Hữu phạm pháp giả, thụ phanh, phè chí». Tôi nhân gai nghiệp phục, bất cảm vi mệnh. Kỷ tị, nhị niên, nhuận ngũ nguyệt, phong trưởng tử Liễn vi Nam Việt Vương. Canh ngọ, tam niên cải nguyên viết «Thái Bình nguyên niên». Tống phong vương vi «An Nam Quận Vương». Lập Vương hậu ngũ nhân (Hữu niên hiệu tự thủ thủy). Tân mùi, Thái Bình nhị niên, tri văn vũ tăng đạo gai phầm, dĩ Lưu Mô vi Đô hộ phủ Thái sư, Nguyễn Bắc vi Định quốc công, Lê Hoàn vi Thập đạo Tướng quân. Tống vẫn Vương xưng tôn hiệu, sử di vương thư, kỵ lược viết : «Trung hạ chi ư man mạch, do nhân chi hữu từ chi dã ; cầu tâm phúc vị an, từ thê dung năng trị hò ? Toát nhĩ Giao Châu viễn tại thiên mạt, Đường qui đà nạn, vị hoàng khu xử. Kim thành triều cải phủ vạn quốc, thái bình chi nghiệp, diệc kỵ thành hĩ. Sĩ nhĩ chi chỉ, khang hổ đế cung. Nhĩ vô hướng ngung, vi ngã tiêu hoạn; tỳ ngã vi tuyệt phiền đoạn tiết chi kế, dụng đồ nhĩ quốc, hối kỵ yên truy !» Nhâm thân, Thái Bình tam niên, phong tử Toàn vi Vệ Vương, lập qui tử Hạng Lang vi Thái tử, mệnh Nguyễn Tử Du như Tống tu hiếu. Giáp tuất, Thái Bình ngũ niên, vương đắc sấm viết : «Đỗ Thích thi Định Định, Lê gia xuất thánh minh, Cảnh đầu đà hoạnh tử, Đạo lộ tuyệt nhân hành». Bình tị, Thái Bình thất niên. Kỷ mão, Thái Bình thập niên, xuân, Việt Vương Liễn sử nhân sát Thái tử Hạng Lang. Đồng, thập nhất nguyệt, vương dạ yến, vi Phúc hầu hoảng. Đỗ Thích sở thi, cập Việt Vương Liễn đẳng.

Tiên thi, Thích vi Đồng Quan lại, dạ ngọa kiều thương, kiến lưu tình nhập khẩu, Thích dĩ vi hưu trung, mạnh thi nghịch chi tâm. Vương ký ngộ hại, Thích tiềm nhập cung trung, nặc ư lựu hạ. Du tam nhật, khát thậm, dĩ thủ thịnh vũ thủy nhỉ thực, cung nữ kiến chi, cáo Định quốc Nguyễn Bắc, thu trăm chi. Dữ kỵ Tướng quân Lê Hoàn phụng Vệ Vương Toàn tức Hoàng Đế vi. Truy tôn vương vi Tiên Vương, mẫu vi Thái Hậu.

Vương tại vị thập nhất niên, thọ ngũ thập ngũ, cải nguyên giải nhất.

(Việt sử lược; Quyển nhất, Định kỷ).

DỊCH NGHĨA :

TIỀN VƯƠNG

Húy (¹) là Bộ Lĩnh, họ Định, người động Hoa Lư (²), mồ côi cha từ bé, cùng với mẹ, năm người ở cạnh đền sơn thần (³), ngoài cửa có đám khoai san hè trên lá có dấu sên bò (⁴) thành chữ «Thiên tử».

Khi Vương còn bé, cùng bọn trẻ con chăn trâu ở thung lũng, được chúng tôn lên đứng đầu đám trẻ con, lấy lẽ vua tôi mà thờ. Vương cùng bầy trẻ vui chơi, bầy trẻ cùng khuynh tay nhau làm kiệu để rước Vương (⁵), lại lấy hoa lau làm cờ

đi tiền đạo, có hai bên tả hữu đưa rước, giống như nghi vệ Thiên tử. Những ngày nhàn rỗi, đám trẻ con đều đi hái củi nộp cho Vương, chiều về đưa cho mẹ⁽⁶⁾. Mẹ thấy thế, vui mừng giết lợn để khao thưởng bọn chúng. Các phụ lão ở trong hương bảo với nhau rằng : «Thằng bé này khi độ khác thường, tất có thể cứu đời yên dân ; lũ ta nếu không theo sớm, ngày sau tất hối là đã muộn !». Bèn cho con em đến theo Vương, đóng ở trong sách Tế áo⁽⁷⁾. Chú của Vương giữ sách⁽⁸⁾ không theo, Vương đem quân đến đánh, không thắng, chạy đến vùng Đàm Gia⁽⁹⁾, cầu gãy, Vương bị hăm ở trong bùn lầy. Chú toan đâm chết, nhưng thấy hai con rồng vàng che chở ở trên, bèn sợ lui về⁽¹⁰⁾ và theo hàng Vương⁽¹¹⁾.

Bấy giờ trong nước vô chủ, Vương nghe tin Trần Minh Công là người hiền mà không có người kế tự, bèn cùng⁽¹²⁾ con sang nương nhờ. Minh Công trông thấy, quý trọng lắm, nuôi làm con mình, phó thác cho tất cả quân lính, sai đi đánh mười hai sứ quân, (13) đều bình được. Năm Mậu thìn (968), Minh Công mất, lại dàn ở kinh phủ, phần nhiều theo về với Vương. Năm đầu hiệu Khai Bảo, đời Thái Tô nhà Triệu Tống (968), Vương xưng làm Hoàng Đế ở động Hoa Lư, xây cung điện, chế triều nghi, đặt trăm quan, lập nền xã tắc, quân thần dâng tôn hiệu là «Đại Thắng Minh Hoàng Đế». Vua đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ ở trong cùi, hạ lệnh rằng : «Kẻ nào phạm pháp sẽ bị nấu vạc dầu, cho hổ ăn thịt». Bọn tù tội đều sợ phục, không dám trái mệnh. Năm Kỷ tị, năm thứ hai (969), tháng 5 nhuận, vua phong con trai cả là Liễn làm Nam Việt Vương. Năm Canh ngọ, năm thứ ba (970), cải nguyên là «năm đầu hiệu Thái Bình»⁽¹⁴⁾. Nhà Tống phong vua là «An Nam Quận Vương». Lập 5 bà Hoàng hậu. (Có niên hiệu là bắt đầu từ bấy giờ). Năm Tân mùi, hiệu Thái Bình năm thứ hai (971), đặt thứ bậc các tăng đao văn võ. Lấy Lưu Mô làm Thái sư Đô hộ phủ, Nguyễn Bặc làm Định Quốc Công, Lê Hoàn làm Thập đạo Tướng quân⁽¹⁵⁾. Tống nghe tin Vương xưng tôn hiệu, sai người đưa thư cho Vương, đại lược nói rằng : «Bản quốc đối với man di, cũng như người ta có tú chi ; nếu như lòng bụng chưa yên, thì chân tay lẽ nào trị được ? Xứ Giao Châu nhỏ bé, ở xa tại cuối trời, cuối Đường làm việc, chưa kịp xử phân. Nay thánh triều chở che muôn nước, nghiệp thái bình đã được thành công. Đợi người đến chầu, cho vui lòng trẫm. Người không theo phục, làm ta bận lòng, khiến ta phải dùng kế chặt chân, tiện đốt, làm cỏ nước ngươi, hối mà sao kịp !» Năm Nhâm thân, hiệu Thái Bình năm thứ ba (972), vua phong con là Toàn làm Vệ Vương, lập con út là Hạng Lang làm Thái tử⁽¹⁶⁾, sai Nguyễn Tử Du đi sứ Tống kết hiếu. Năm Giáp tuất, hiệu Thái Bình năm thứ năm (974), vua được lời sấm nói rằng :

*Đỗ Thích giết hai Đinh,
Nhà Lê sinh thánh minh.
Ganh đua bao kẻ chết,
Đường đi người vắng tanh.*

Năm Bính tị, hiệu Thái Bình năm thứ bảy (976). Năm Kỷ mão, hiệu Thái Bình năm thứ mười (979), mùa xuân, Việt Vương Liễn sai người giết thái tử Hạng Lang. Mùa đông, tháng 11, vua ăn yến ban đêm, bị Phúc hầu hoảng Đỗ Thích giết cùng với Việt Vương Liễn.

Vốn trước, Thích làm lại ở Đồng Quan, ban đêm nằm ở trên cầu, thấy sao rơi vào mồm, Thích cho là điềm tốt, bèn sinh lòng phản nghịch. Khi vua đã bị giết hại, Đỗ Thích ngầm vào trong cung, trốn ở dưới máng nước. Quá ba ngày, khát quá, Thích thò tay hứng nước mưa để uống, bị cung nữ trông thấy, báo với Đinh quốc công Nguyễn Bặc bắt giết đi (17). Bặc cùng tướng quân Lê Hoàn phò Vệ Vương Toàn lên ngôi Hoàng Đế. Toàn lên ngôi Hoàng Đế, truy tôn vua là Tiên Vương, tôn mẹ làm Thái hậu (18).

Vua ở ngôi 11 năm, thọ 55 tuổi, cải nguyên một lần.

Theo TRẦN QUỐC VƯƠNG
(BD. VSL ; Quyển I, Bình ký).

CHÚ THÍCH :

- (1) Sách in nhầm chữ 諱 húy ra chữ 諸 chu.
- (2) *Hoa Lu* : nay là vùng Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.
- (3) Theo ĐVSKTT, thì Bộ Lĩnh là con Thủ sứ Hoan Châu Đinh Công Trứ J. 公著. Đinh Công Trứ trước là Nha tướng của Dương Diên Nghệ 楊延藝 (có sách viết là Dương Định Nghệ 楊延藝), quyền nghiệp Thủ sứ Hoan Châu, sau theo Ngô Quyền, vẫn làm chức cũ. Khi Công Trứ mất, Bộ Lĩnh còn nhỏ, mẹ là Đàm thị 譚氏 đem tội vào ở cạnh đền sơn thần trong động.
- (4) *Đàm khoai san hà* : nguyên văn là «sơn hà tùng», nghĩa đen là «đám sen núi»; ta thường gọi khoai san hà, loại khoai mọc trên núi, lá giống lá sen.
Dấu sén bỏ (Oa tích) : Bd. VSL viết là «dấu sò ốc» (Nhóm biên soạn).
- (5) *Bày trẻ cùng nắm tay nhau làm kiệu để rước Vương* (tắc công giao thủ vi ý dĩ phủng Vương) : BD. VSL viết là «bày trẻ đều khoanh tay làm chiếc ý để kiệu Vương» (Nhóm biên soạn).
- (6) Theo ĐVSKTT, những ngày nhàn rỗi, «đem bộ chúng đi đánh trẻ con thôn khác, đi đến đâu trẻ con đều sợ phục, đem cùi dóm hái lượm được trong ngày nộp cho Bộ Lĩnh».
- (7) ĐVSKTT chép là Đào Áo 陶澳. Không rõ nay ở đâu.
- (8) Theo ĐVSKTT, chủ của Bộ Lĩnh giữ sách Bông 嵩櫓. ĐVSKTT, và VSTGCM nói chủ của Bộ Lĩnh tên là Dự.
- (9) Theo ĐVSKTT, Bộ Lĩnh chạy đến cầu Nương Loan thuộc Đàm Gia. Đàm Gia nay là xã Điểm Xá huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình.
- (10) *Bèn sợ, lui về* (cù nhì thoái) : Bd. VSL viết là «bèn lui về» (Nhóm biên soạn).
- (11) Theo ĐVSKTT, thì Bộ Lĩnh lại thu nhặt dù chúng tối đánh, chủ bèn hàng.
- (12) Sách *Đại Việt sử ký toàn thư*; *Ngoại ký*; Quyển V ghi : «Đinh Bộ Lĩnh nghe Trần Minh Công là người có đức mà không có con, bèn cùng với con là Liễn đến nương tựa».
- (13) Ở đây có lẽ chép nhầm, vì Trần Minh Công, tức Trần Lãm, là một trong 12 sứ quân. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép : «sai đi đánh các hùng trưởng khác», chép vậy mới thật chính xác.

- (14) Trước đó, các triều vua theo niên hiệu các triều Trung Quốc.

(15) Đinh Tiên Hoàng phong thứ bậc cho các sứ ni : Tăng thống Ngô Chân Lưu 吳真流 được ban hiệu Khuông Việt Đại sứ ; Trương Ma Ni 張麻尼 được làm Tăng lục, Đạo sĩ Đặng Huyền Quang 鄭玄光 làm Sùng chán uy nghi. ĐVSHTT, chép Lưu Cơ 劉基 làm Đô hộ phủ Sĩ sứ. Đô hộ phủ là miền Giao Châu đời Đường (vùng đồng bằng Bắc Bộ). Lúc này ta vẫn giữ sự phân chia các khu vực hành chính như đời Đường.

(16) ĐVSHTT chép năm sau (Giáp tuất, 974), hoàng thái tử Toàn mới đẻ, và chép việc phong này vào năm Mậu dần (978).

(17) Theo ĐVSHTT, Nguyễn Bặc bắt được Đỗ Thích; «băm xương, xát thịt, chia cho người trong nước ăn. Không ai không tranh nhau ăn».

(18) Tức là Dương Thái hậu 楊太后 .

173

大行王

娘識常而王由遷
懷莫異年。累
，寤手逾已其智
氏及其。焉覆勇
鄧，見！」養龍其
母食母矣，黃嘉
，人。祿之有王
覓與王其異見先
父分生享而，。
人收五不者視王。
州，十吾察察越使
長寶月恐觀觀南揮
，結七成黎。事指
氏而年長有卧，前
黎俄元兎州而長殷
姓，福此本眷及，
，花天：「覆。單
桓蓮以曰亡，之將
諱生。人俱寒奇道
腹故語母冬益十
夢其，父遇是至

政率衛爲聞日勞，，爲國相。寶狀之勤子服父行乃之仁以出輩天悅封攝，殺以，飾我爲情，乃子師宋至。知道人位王孺京。兵之未十見即幼利創本州師弱先太年尚不執伐諒率幼姐。之王將，兵時軍上不歲長衛王陣請。將主？萬庚，以於寶攻大今之呼。殺佃佃仁來爲：知咸位遇丁斬侯軍備曰誰，即王，士諸巨王其之請先匐之博領范謂，聞，年。阮攻常，人中功士躬十年。師太使柵省之軍王平副王，轉命直尺師袞太焉。年路后備有出龍稱兵二州太巨脫後以起王文。然使

月。以上福怒獲城，難年流火西舟丙七，，擒年。辰年天王舟洞五，年再兩呼三江降。天王；其年，四風構乙造。福山丑征元王壬五應帶，杜天年七，於王春白令引午執勝；福險天東。瓦。渡，蟠，王興來州興未為大，，天應尋賊死。王至王，壬所可數天路，。殿銀也競亥於年。，鎬峰，乙子，月亥應，矢。矢。矢。劉江軍帝」，馘以未以甲金極蓋誕遂。，福占庚言，甲州封麻，。子辛之追中福，寧聞皇城俘貨發，。以建，之，使一天附。正王。覽。征秋年庚。射江璿天結保等孝占，寶。和過襄右殿王山度甕，州王左蠻燈吉宋親，四。宋欲窮已至兵欽仁等於金大至楫其殿龍已號軍金戊愛南宋為樓北使，三應平紹注船西退祚廣使陣銀饑婆乃柱，祿，南節銀子二封命禦觀岸於王年天之如矢入衛。驩焉。子元居亨年天，，劉弩樓江辛祚衆。至穆稅收。，舟，萊起丁，海得。驩焉。子元居亨年天，，劉弩樓江欽。之平徐眉；京山，山蓬側，上靜，田以子統之乾，杜二應戌州命張御於王陳江斬昇遣鼈器還鼓是雲建其月舟王山銀祿三興弟御王命天，戊九。王陷於王太后陳焉山岱，神。其其是經，於山宋於曰楊封元，，行元，丁水之擒見退鄧至，單應王，，廟城開歲華長，作年籍其管州，二，子，丙之。何航。懼而戰。王兵陷於王母軍之北乾五之人宗占使千榮起年竹六耕名，二月統年一月。拔之討鄭賊，，王仁將嬖為，將數殺王來百西，福，天王一復，，統第，扶洞，王州菖絃與王拒戰。王兵陷於王長興侯自仁號年自妓，，去造，殿雲，江戍年得天之，辛，，元，波江年討，舉岸，

天三聲，賊自敗。壬寅，應天八年，造銀兜鍪數千餘頂，頒賜軍人。癸卯，應天九年，王幸驩州，鑿多益港直至塘州。甲辰，應天十年，王拽罾得巨蛇，忽然逆流而去。遣行軍王如來。

乙巳，應天十一年，王薨於長春殿，謂之大行王，因爲廟號。在位二十七年，壽六十五，改元者三，葬長州德陵。

(越史略, 卷一, 黎紀)

PHIÊN ÂM:

BÃI HÀNH VƯƠNG

Húy Hoàn, tính Lê thị, Trưởng Châu nhàn. Phu Mich, mẫu Đặng thị, sơ hoài thần mộng phúc sinh liên hoa, nga nhi kết thực, thu chi phân dữ nhàn thực, cập ngộ, mạc thức kỳ cổ. Dĩ Thiên Phúc nguyên niên thất nguyệt thập ngũ nhật sinh vương. Mẫu kiến kỳ thủ sắc dị thường, ngữ nhàn viết: «Thử nhi trưởng thành khủng ngô bất cập hưởng kỳ lộc hĩ!» Du sốn niên, nhi phụ mẫu câu vong. Bản châu hữu Lê Quan sát giả kiến nhi dị chi, dưỡng vi kỷ tử. Vương ngộ đồng hàn, phúc thung nhi ngọa. Quan sát thị chi, kiến hữu hoàng long phú kỳ thượng, dỗ thị ích kỳ chi. Cập trưởng sự Nam Việt Vương Liễn. Tiên Vương gia kỳ dũng tri, lũy thiên chi Thập đạo Tường quân, Điện tiền Chỉ huy sứ.

Thái bình thập niên, Tiên Vương ngộ thi, Vệ Vương thượng ấu, Vương nãi nhiếp hành quốc chính, xưng vi Phó Vương. Nguyễn Bắc, Đinh Điền dĩ vương tương bất lợi ư nhụ tử, nãi tương suất khởi binh. Vương xuất sư công chi, trảm Đìn ư trận, chắp Bắc tống Kinh sư sát chi. Vệ Vương nhị niên, Tống Thái thường bác sĩ Hầu Nhân Bảo thỉnh binh phạt bản quốc. Tống dĩ Nhân Bảo vi Giao Châu lộ Chuyên vận sứ, lĩnh chư quân lai công. Thời Lạng Châu văn binh chí, dĩ trạng văn. Thái hậu mệnh Nam Sách nhân Phạm Cự Bị vi Đại tướng quân suất sư cự chi. Sư xuất chi nhật, Cự Bị trực nhập sảnh trung vi vương viết: «Kim Chúa thượng ấu nhưc, vị tri ngã bối cần lao, thoát hữu xích thốn chi công, kỳ thùy tri chi? Bất nhu tiên sách Thập đạo vi Thiên tử, nhiên hậu xuất sư!» Quân sĩ văn chi, hâm hô «Vạn tuế». Thái hậu kiến nhân tình duyết phục, sử dĩ long cồn già vương cung, thỉnh túc vị. Canh thin chi niên vương túc vị, phong phụ vi Trường Hưng Vương, mẫu Đặng thị vi Thái hậu. Tân tị, Thiên Phúc nguyên niên, xuân, tam nguyệt, Hầu Nhân Bảo quân chí Ngàn Sơn, Trần Khâm Tộ chi Tây Kết, Lưu Trùng chi Bach Đặng giang. Vương túc tướng cự chi, thực đặc hân giang. Tống binh thoái bảo Ninh Giang. Vương linh trá

hàng dĩ dù Nhân Bảo. Bắc quân bại, cầm trám chi. Khâm Tộ dǎng văn quân
 bại, dǎn thoái. Thượng tôn hiệu vi «Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thăng Bình
 Chí Nhàn Quǎng Hiếu Hoàng Đế». Nhâm ngọ, Thiên Phúc nhị niên, lập ngũ
 vương hậu. Vương khiền Từ Mục dǎng sứ Chiêm Thành, vị sở chấp. Vương nộ,
 tự tướng thảo chi, trám kỳ vương Phê Mi Thuế ư trận, phù quắc bất khả thăng
 số; hoạch cung kỹ số bách nhán, thiên kỳ trọng khí; thu kim ngàn bảo hóa dĩ
 vạn số; diệt kỳ thành trì, hủy kỳ tông miếu. Thị tuế hoàn Kinh. Đại cơ. Qui
 mùi, Thiên Phúc tam niên, so, Vương chinh Chiêm Thành, kinh Đồng Cồ sơn,
 chí Bà Hòa, dĩ hải lộ hiềm trỏ, nan ư khứ lai, sứ khai cù, do thị, chu tiếp nǎi
 thông. Giáp thân, Thiên Phúc tứ niên, tạo Bách Bảo thiên tuế điện ư Hỏa Văn
 sơn, kỳ trụ khóa dĩ kim ngàn. Đông kiến Phong Lưu điện, tây kiến Vinh Hoa
 điện, tả kiến Bồng Lai điện, hữu kiến Cực Lạc điện. Thủ cầu Hỏa Văn lâu, liên
 khởi Trường Xuân điện. Kỳ trắc khởi Long Lộc điện, cái dĩ ngàn ngõa. Ất dậu,
 Thiên Phúc ngũ niên, thu, thất nguyệt, Đinh tị, Vương chi dǎn thần dã. Sứ tạo
 chu giang trung, dĩ trúc tác giả sơn ư chu thượng, hiệu Nam Sơn, toại thiết
 cạnh độ lě. Bình tuất, Thiên Phúc lục niên, Tống thụ vương Tinh hải quân tiết
 độ sứ. Đinh hợi, Thiên Phúc thất niên, Vương sơ canh tịch điện ư Đội Sơn, đắc
 kim ngàn ứng nhất; Canh ư Bàn Hối sơn, đắc ứng nhất, danh kỳ địa viết «Kim
 ngàn điện». Mậu tị, Thiên Phúc bát niên. Kỷ sửu, Thiên Phúc cửu niên, Quản
 giáp Dương Tiến Lộc dĩ Hoan, Ái nhị châu phụ Chiêm Thành. Vương thân chinh
 cầm chi, phục thủ nhị châu. Phong đệ tam tử vi Nam Phong Vương. Canh dần,
 Hưng Thống nguyên niên, xuân, chinh nguyệt, cải nguyên viết Hưng Thống.
 Tống mệnh Tả chinh ngôn Tống Cảo lai phong vương. Tân mão, Hưng Thống
 nhị niên, phong đệ chi tử vi Ngự Man Vương, cư Phong Châu. Nhâm thin, Hưng
 Thống tam niên, xuân, Vương ngự Càn nguyên lâu quan dǎng. Giáp ngọ, Hưng
 Thống ngũ niên, phong đệ thập nhất tử vi hành Quận Vương, cư bắc ngàn Cát
 Lâm châu. Ất mùi, Ứng Thiên nguyên niên, chinh nguyệt, cải nguyên. Mệnh
 Đỗ Hanh sứ ư Tống. Phong nghĩa tử vi Phù Đới Vương, cư Phù Đới. Bình thân,
 Ứng Thiên nhị niên, vương thân chinh Ma Hoàng, Đại Phát, Chu Ba tam động,
 bặt chi. Đinh dậu, Ứng Thiên tam niên, thu, thất nguyệt, thảo Đỗ Động giang
 tắc, cầm chi. Đại thủy. Mậu tuất, Ứng Thiên tứ niên. Kỷ hợi, Ứng Thiên ngũ
 niên, vương thân thảo Hà. Động chi thập cửu châu, bình chi. Canh tị, Ứng Thiên
 lục niên, thảo Phong Châu tắc Trịnh Hàng, cầm chi. Mệnh Lưu Thiệu như Tống.
 Tân sửu, Ứng Thiên thất niên, chinh Cử Long tắc. Tắc kiến Vương, truong nô
 chủ thi dục xà chi. Thủ tầm truy, tái cử, huyền doan, cụ nhí thoái. Vương ngự
 lâu thuyền nhập Cung Giang truy chi. Tắc trận ư luồng ngan, dữ vương cự
 chiến. Vương binh hǎm ư giang. Vệ vương Toàn trúng lưu thi tử. Vương hò
 thiên tam thanh, tắc tự bại. Nhâm dần, Ứng Thiên bát niên, tạo ngàn đầu mâu
 số thiên dư đỉnh, ban từ quản nhán. Quý mão, Ứng Thiên cửu niên, Vương
 hanh Hoan Châu, tạc Đa Cái cảng trực chí Ám Châu. Giáp thin, Ứng Thiên thập
 niên, vương duệ tăng đắc cự xà, hốt nhiên nghịch lưu nhí khứ. Khiến Hành
 Quản vương như Tống.

Ất tị, Ứng Thiên thập nhất niên, vương hoảng ư Trường Xuân điện, vị chi
Đại Hành Vương, nhân vi miếu hiệu. Tại vị nhị thập thất niên, thọ lục thập ngũ,
cải nguyên giả tam, táng Trường Châu Đức Lăng.

(*Viết sử lược; Quyền nhất, Lê kỷ*)

DỊCH NGHĨA :

ĐẠI HÀNH VƯƠNG

Húy là Hoàn, họ Lê, người Trường Châu (1). Cha là Mịch, mẹ họ Đặng, khi mới có mang, năm mộng thấy trong bụng sinh hoa sen, bỗng chốc kết thành hạt, hái lấy chia cho mọi người ăn, khi tỉnh dậy không hiểu duyên cớ ra sao. Ngày 15 tháng 7 năm đầu hiệu Thiên Phúc (936) (2) sinh ra vua. Bà mẹ thấy sắc tay vua khác thường, nói với người ta rằng : «Thằng bé này lớn lên, sợ ta không kịp hưởng lộc của nó !» Vài năm sau, cha mẹ vua đều mất. Trong bản châu có ông Quan sát họ Lê thấy vua, lấy làm lạ, bèn nuôi làm con mình. Gặp ngày đông giá rét, vua nǎm úp cối, ông nhìn vua thấy có rồng vàng phủ ở trên (3), do đó lại càng lấy làm lạ. Lớn lên, vua thờ Nam Việt Vương Liễn. Tiên Vương khen là dũng cảm, có mưu trí, thăng dần đến chức Thập đạo Tướng quân, diện tiền chỉ huy sứ.

Năm thứ mười hiệu Thái Bình (979), Tiên Vương bị giết hại, Vệ Vương còn nhỏ tuổi, vua bèn quyền nhiếp chính sự trong nước xưng là Phó Vương. Nguyễn Bắc, Đinh Điền thấy vua sẽ bất lợi cho ấu chúa bèn cùng khởi binh đánh vua. Vua đem quân đánh, chém được Điền ở trước trận, bắt được Bắc đem về Kinh giết đi. Năm thứ hai đời Vệ Vương, chức Thái thường bác sĩ nhà Tống là Hầu Nhân Bảo (4) xin binh đánh nước ta. Nhà Tống cho Nhân Bảo làm Giao Châu lộ Chuyển vận sứ, đem các đạo quân tới đánh ta. Bấy giờ Lạng Châu (5) nghe tin quân Tống đến, làm tờ trạng tâu lên. Thái Hậu sai người Nam Sách là Phạm Cự Bì (6) làm Đại tướng quân đem binh ra chống cự. Ngày xuất quân, Cự Bì vào thẳng trong cung, nói với vua (7) rằng : «Nay, Chúa thượng nhỏ yếu không biết được sự khó nhọc của lũ ta, nếu có chút công lao thì ai là người biết đến ? Chi bằng trước hãy tôn quan Thập đạo làm Thiên tử, nhiên hậu hãy xuất quân !» Quân sĩ nghe nói thế đều hô «Vạn tuế». Thái hậu thấy lòng người theo phục, sai người lấy áo long cồn khoác lên mình vua, xin lên ngôi. Năm Canh thìn (980), vua lên ngôi, phong cha làm Trường Hưng Vương, bà mẹ họ Đặng làm Thái hậu. Năm Tân tị, hiệu Thiên Phúc năm đầu (981) (8), mùa xuân, tháng 3, Hầu Nhân Bảo đến Ngân Sơn (9), Trần Khâm Tộ đến Tây Kết (10), Lưu Trùng đến sông Bạch Đằng. Vua tự làm tướng đi chống Tống, sai người cầm cọc ngăn sông. Quân Tống lui giữ Ninh Giang (11). Vua sai trả hàng để dụ Nhân Bảo. Quân Tống bị thua, ta bắt chém được Nhân Bảo. Bọn Khâm Tộ nghe tin quân thua, bèn rút lui. Quân thần dâng tôn hiệu là «Minh Càn Ứng Văn Thần Vũ Thắng Bình Chi Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế ». Năm Nhâm ngọ, hiệu Thiên

Phúc năm thứ hai (982), lập 5 bà Hoàng hậu. Vua sai bọn Từ Mục đi sứ Chiêm Thành, bị bắt giữ. Vua giận giữ, tự làm tướng đi dẹp Chiêm Thành, chém được vua nó là Phê Mi Thuế⁽¹²⁾ ở trước trận, bắt tù vô kể. Bắt được vài trăm ca kỹ trong cung, lấy những vật quý, vàng bạc, của báu kẽ có hàng vạn. Diệt thành trì, hủy tông miếu của Chiêm Thành. Năm đó vua về kinh. Đói lớn. Năm Qui mùi, hiệu Thiên Phúc năm thứ ba (983), xưa vua đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cồ⁽¹³⁾, đến Bà Hòa⁽¹⁴⁾, thấy đường biển hiểm trở khó đi lại, sai người đào cù, do đó, thuyền bè đi lại dễ dàng. Giáp thân, Thiên Phúc năm thứ tư (984), xây điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Hỏa Văn⁽¹⁵⁾, cột bọc vàng bạc. Phía đông xây điện Phong Lưu, phía tây xây điện Vinh Hoa, bên trái xây điện Bồng Lai, bên phải xây điện Cực Lạc. Rồi dựng lầu Hỏa Văn, lại xây điện Trường Xuân, bên cạnh đó xây điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc. Năm Ất dậu, hiệu Thiên Phúc năm thứ năm (985), mùa thu, tháng 7, ngày Đinh tị là ngày sinh của vua. Vua sai người đóng thuyền ở giữa sông, dùng tre làm nút già ở trên thuyền gọi là Nam Sơn, rồi bày lễ đua thuyền. Năm Bình tuất, hiệu Thiên Phúc năm thứ sáu (986), Tống phong vua làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ. Năm Đinh hợi, hiệu Thiên Phúc năm thứ bảy (987), vua bắt đầu cày ruộng tịch diên ở Đội Sơn⁽¹⁶⁾ được một lọ vàng bạc; cày ở núi Bàn Hối⁽¹⁷⁾ được một lọ nữa, vua đặt tên đất đó là «Ruộng kim ngân». Năm Mậu tị, hiệu Thiên Phúc năm thứ tám (988). Năm Kỷ sửu, hiệu Thiên Phúc năm thứ chín (989)⁽¹⁸⁾, Quán giáp Dương Tiến Lộc đem hai châu Hoan, Ái xin phụ Chiêm Thành. Vua thân chinh bắt được Tiến Lộc, lấy lại được hai châu. Vua phong cho con thứ ba làm Nam Phong Vương⁽¹⁹⁾. Năm Canh dần, hiệu Hưng Thống năm đầu (990), mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên là Hưng Thống. Nhà Tống sai chúc Tả chính ngôn là Tống Cảo tới phong cho vua. Năm Tân mão, hiệu Hưng Thống năm thứ hai (991), vua phong cho con người em⁽²⁰⁾ làm Ngự Man Vương, giữ Phong Châu. Năm Nhâm thìn, hiệu Hưng Thống năm thứ ba (992), mùa xuân, vua ngự lầu Càn Nguyên xem hội đèn. Năm Giáp ngọ, hiệu Hưng Thống năm thứ năm (994), vua phong cho con thứ mười một làm Hành Quân Vương, giữ châu Cát Lâm ở bờ sông phia bắc⁽²¹⁾. Năm Ất mùi, hiệu Ứng Thiên năm đầu (995), tháng giêng, cải nguyên, sai Đỗ Hanh đi sứ Tống. Vua phong cho con nuôi làm Phù Đới Vương, giữ Phù Đới⁽²²⁾. Năm Bình thân, hiệu Ứng Thiên năm thứ hai (996), vua thân chinh ba động Ma Hoàng, Đại Phát, Chu Ba⁽²³⁾, hạ được. Năm Đinh dậu, hiệu Ứng Thiên năm thứ ba (997), mùa thu, tháng 7, vua đánh giặc Đỗ động giang⁽²⁴⁾, bắt được nó. Lụt. Năm Mậu tuất, hiệu Ứng Thiên năm thứ tư (998). Năm Kỷ hợi, hiệu Ứng Thiên năm thứ năm (999), vua thân đi dẹp 19 châu ở Hà Đông⁽²⁵⁾, đều bình được. Năm Canh tị, hiệu Ứng Thiên năm thứ sáu (1000), vua dẹp giặc Trịnh Hàng ở Phong Châu, bắt được nó. Sai Lưu Thiệu sang Tống. Năm Tân sửu, hiệu Ứng Thiên năm thứ bảy (1001), vua đi đánh giặc Cử Long⁽²⁶⁾. Giặc trông thấy vua, giương nỏ ngắm toan bắn. Tên bị rơi, lai giương lên thì dây nỏ đứt, giặc sợ hãi, rút lui. Vua ngự lâu thuyền đi vào Cửng Giang⁽²⁷⁾ đuổi theo giặc. Giặc bay tràn ở hai bờ sông cùng vua cù chiến. Quán của vua bị hăm ở sông. Vệ Vương Toàn bị trúng tên chết.

Vua kêu trời ba tiếng, giặc tự vỡ. Năm Nhâm dần, hiệu Ứng Thiên năm thứ tam (1002) làm vài nghìn mũ đầu màu bằng bạc, ban cấp cho quân nhân. Năm Quý mão, hiệu Ứng Thiên năm thứ chín (1003), vua ngự đến Hoan Châu, sai đào cảng Đa Cái⁽²⁸⁾, thăng đến Ám Châu⁽²⁹⁾. Năm Giáp thin, hiệu Ứng Thiên năm thứ mười (1004), vua kéo vỏ bắt được con rắn to, bỗng nhiên nó ngược giòng đi mất. Sai Hành Quân Vương sang Tống.

Năm Ất tị, hiệu Ứng Thiên năm thứ mười một (1005), vua mất ở điện Trường Xuân, gọi là Đại Hành Vương⁽³⁰⁾, nhân lấy làm miếu hiệu. Vua ở ngôi 27 năm, thọ 65 tuổi, cải nguyên ba lần, an táng ở Đức Lăng, tại Trường Châu.

Theo TRẦN QUỐC VƯƠNG
(Bd. VSL ; Quyển I ; Lê ký)

CHÚ THÍCH :

- (1) *Trường Châu* : nay thuộc tỉnh Ninh Bình. Theo ĐVSKTT thì Lê Hoàn người Ai Châu. Theo *Đại Việt sử ký* của Ngô Thời Sĩ, thì Lê Hoàn người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm (nay thuộc tỉnh Nam Hà).
- (2) Đây là niên hiệu của Cao Tổ 商 祖 nhà Hậu Tấn.
- (3) Bd. VSL viết là «Quan sát trông thấy có rồng vàng che phủ ở trên» (Nhóm biên soạn).
- (4) Nguyên là viên quan coi Ung Châu (Nam Ninh, Trung Quốc).
- (5) *Lạng Châu* : thuộc Lạng Sơn.
- (6) ĐVSKTT chép là Phạm Cự Lạng 范巨卿 ; VSTGCM chưa là em của Phạm Hạp 范盍 .
- (7) «Nói với quân lính» thì mới đúng với tinh thần đoạn văn tiếp sau đó : «Quân sĩ nghe - nói thế đều hô Vạn tuế! ... » ĐVSKTT cũng chép : «Cự Lạng cùng các Tướng quân, đều mặc nhung phục, vào thẳng trong phủ nói với quân chung...».
- (8) Đúng ra phải là «hiệu Thiên Phúc năm thứ hai». Từ đây trở xuống, VSL đều tính hiệu Thiên Phúc lùi lại một năm.
- (9) *Ngân Sơn* : thuộc tỉnh Bắc Cạn. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là Lạng Sơn (ở vùng Hà Bắc ngày nay). Trong bản dịch của Cao Huý Giu ; Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972 có chú : «Viết sử lược chép Ngân Sơn là sai». Ở đây chúng tôi dịch nguyên văn, bạn đọc có thể tham khảo thêm *Đại Việt sử ký toàn thư*.
- (10) *Tây Kết* : có thể ở phía hữu ngạn sông Hồng, đối diện với Đông Kết (Khoái Châu, Hưng Yên).
- (11) *Ninh Giang* : thuộc Hải Dương (nay là Hải Hưng).
- (12) *Tirc* là Parameçvaravarman. Chính Parameçvaravarman đã cùng Ngô Nhật Khanh 夷日慶 định tấn công Hoa Lư khi Bộ Lĩnh chết. Song bị bão đắm thuyền, Ngô Nhật Khanh chết, còn Parameçvaravarman thì chạy thoát.
- (13) *Núi Đồng Cò* : trên sông Mã, thuộc xã Đan Vệ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
- (14) *Sông Bà Hòa* : nay là sông ở xã Đồng Hòa, nằm về phía nam huyện Tịnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
- (15) ĐVSKTT chép là núi Đại Văn. Nay là núi Trường An (Ninh Bình).
- (16) *Đồi Sơn* : thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (nay thuộc Nam Hà).
- (17) ĐVSKTT chép là núi Bản Hải. Chưa rõ ở đâu.

- (18) ĐVSKTT đề năm Kỷ Sửu đã là năm Hung Thống nguyên niên.
- (19) *Nam Phong Vương* : tức Long Việt 龍鉞 giữ miền đất phía nam kinh thành (theo ĐNVNQCD — Chủ thích của nhóm biên soạn).
- (20) Con người em : *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là «hoàng tử thứ tư», tức người con trai thứ tư của vua. Chép vậy mới đúng. Người con thứ tư này tên là Long Đinh. Bản sao *Việt sử lược* chép «đệ tử tử 弟四子» (con thứ tư) thành «đệ chi tử 弟之子» (con người em); ở đây chúng tôi dịch theo bản sao ở Thư viện khoa học xã hội; ký hiệu P.264 (4) Xin bạn đọc tham khảo *Đại Việt sử ký toàn thư*. Phong Châu thuộc đạo Sơn Tây (nay thuộc Hà Sơn Bình và Vĩnh Phú).
- (21) *Hành Quận Vương* : tức Long Đề 龍鋐. Cát Lâm (hay Cồ Lâm), thuộc Từ Sơn, Bắc Ninh (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).
- (22) Phù Đô, thuộc huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương (nay là tỉnh Hải Hưng).
- (23) Ba động này vẫn chưa rõ ở đâu.
- (24) *Đỗ Đông* : là miền căn cứ của Đỗ Cảnh Thạc 杜景碩, gia tướng của Ngô Quyền trước kia (Theo ĐNVNQCD), thuộc vùng Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Tây — Chủ thích của nhóm biên soạn).
- (25) *Hà Đông* : tức là động Hà Nam, miền Thạch Thành, Thanh Hóa.
- (26) *Cử Long* : ở miền Cầm Thủ, tỉnh Thanh Hóa.
- (27) *Cửng Giang* : có thể là sông Chính Đại nối với Thanh Hóa.
- (28) *Đa Cái* : là tên xã, nay là Hương Cái (Hung Nguyên, Nghệ An).
- (29) *Ám Châu* : chưa rõ là ở đâu.
- (30) Theo Lê Văn Hưu 黎文休, vua (hay hoàng hậu) mới mất, chưa an táng thì gọi là «Đại Hành Hoàng Đế» (hay «Đại Hành Hoàng Hậu»). Khi an táng xong, quần thần mới xét đức hạnh của vua lúc sinh thời để lấy tên thụy, không gọi là «Đại Hành» nữa. Lê Hoàn 黎桓 phải lấy «Đại Hành» làm tên thụy, theo Lê Văn Hưu, vì con là Ngoa Triều 卧朝 là người bất đắc, triều đình lại không có nho thần giúp rập để bàn phép đặt tên thụy (Xem ĐVSKTT).

174

高宗

(摘錄)

諱龍幹，英宗第六子也。母瑞珠后，姓杜氏。王方三歲，以天感至寶二年七月即位於柩前，尊母瑞珠后曰「照天至理太后」。上尊號曰「應乾御極宏文憲武靈瑞綏熙符彰道至仁愛民理物睿謀神智化政醇敷惠示慈綏猷建美功全業盛龍見神居聖明光孝皇帝」。王方冲幼，政無巨細悉委太傅蘇憲成。太后有廢立意，伺憲成之

居，將終公？歟先而舟吾國力截王：也杜身立則意然之。遽况趨小以保其顯國曰：我弟：謀者，矣誰豈焉，遂先。者，止者太自而知齊忠其，樂詔：「託忠命之都之以成賂無不謂焉貴所奉喜。」付其吾頃職犯憲之而之可所富士敢且之主盡違。官其秘人目謀家之保義不驚諭幼宜，命。季成受耳其國公長臣且都以等世聽入。尉憲今其知於，而忠？國職故汝於然欲疆退太語。塗后公君賜非何保宦，。延翕國自而爲使主皆太：之之，議。右心立賞皆保有懼成氏幼人？」曰統公貴公王左厥自，職。王慚憲呂輔眾乎之冲德且如國召貳而者官急。以室以使下謂事將富其保乃無上命。益命之，以其託縱地，而彼而，召憲成，主吾！」召奉聞侯賂顧？於成，則義耳促。室廢用之后敢國國帛王何王憲暮，不在遣入王謀。勉太不保憲金先我先召向君：猶乃而力命束其。」內以受謂對乃已長曰言后江截后約汝門旨！閔使，其以。亦立成囑太厯曹太吾。河詔也焉，位下辭改齒如憲遺。蘇爾以聽市銀聽兵順出相天何不之不？王出由與王以於至未，安

武省憲湯言，卒事存？侍臣忠成政暇之日，故其憲知不代唐，嘉蘇參劇詛贊否，雖尉惟煩其：可后太，務，曰其太西寢以不天下誰已成佐有。陛下誰...憲忠如已：唐政.....月，陳：而曰贊聽六初夫曰佐對非順...大，忠？」安年日議疾惟也養杜四三諫問，何侍以符膳。后知，其乃貞清側太所及問。其乃亥日夜篤平言。其乃己七夙疾：公佐用朝唐及目而宗不輟贊。成藥及竟

時人追獄。車胥言，時兒追。政申差其順命，太安書，以杜安順爲太師輔師。符七年……追不逮者，安尚書，如其威。凡有獄訟，胥吏以一人爲刑部兒乎？」如其威。立至。時優人戲以一人爲太師車兒，不至，曰：「汝何不稱爲太師車兒乎？」如其威。……

傅吳顯擊太
太傅畏是於
以太等官通
命長都績
卒王能黎顯
順……。
安訟蘭幼……
杜年績是尚。
師四顯國王名
太瑞莫輔時人
……嘉師吳。狂
資少：已二年
天按日而擊
……長之躋，
瑞酉能嘲踢蘭
嘉已黎人但。
資……中國，之
天。郎。績畏
，政宦究莫時
戊信，敢一故
吳履績，后。

請行怨亂。日辛二明麗壽設，上雕巢，今下也而平徇一
臣清清云困而再祐陽日勝圍堂池其鵠閣。陞可成治頗而
群海聲序民甚不寶起堵啟周咨。有霄之願役「閣微也」。
元王，見，此此天，殿。閣西魚於成構鳩。其曰之休。
改，曲吾思至駕，殿天虹寶閣養邇閣始維之興龜世，居乃秉百
月十占曰哀愁知癸天構曰構座門池敬明巢姓後范支…
正，擬常音民吾。置上堵右石坦。魏有異，本。
太瑞莫輔時人春。唱副國，乎其，殿門閣置起異。
……嘉師吳。狂，，，涼透木初昔鵠有德爽下因
資少：已二年天按日而擊，，，，涼透木初昔鵠有德爽下因
年地魯。乖之果殿正越日閣，奇有諫詩愚克官天由
……長之躋，元，婆下乖教亡，寢安啟構寶簷以未之：臣務宦此姓四，焉
瑞酉能嘲踢蘭祐月彈泣政亂亂於前右右月鳳樹古因曰，先問，百祐成獄事。
嘉已黎人但。寶六工皆其，乃大宮，，，。曰面麗臣隆之，以者。寶殿粥
資……中國，之資，樂之，度無內新殿門閣晶堦三之群堂巢言，雛之資瑞宣
天。郎。績畏，。則右以遊音後，蟾永聖曰閣。土雛。而隆良產促，…以
，政宦究莫時，，。則右以遊音後，蟾永聖曰閣。土雛。而隆良產促，…以
申輔都推訟當，。則右以遊音後，蟾永聖曰閣。土雛。而隆良產促，…以
戌號夜左怨巡之！」月起啟構堵國亭，產焉成堂然有命丑年，
壬尊每，音上怨矣正右中上，富猶工而巢初高默，，
戊信，敢一故，。則右以遊音後，蟾永聖曰閣。土雛。而隆良產促，…以
吳履績，后，。則右以遊音後，蟾永聖曰閣。土雛。而隆良產促，…以
履信不搜，。則右以遊音後，蟾永聖曰閣。土雛。而隆良產促，…以
加。切之主哀宮，，。則右以遊音後，蟾永聖曰閣。土雛。而隆良產促，…以
王宮哀國今聞其年殿瑤殿廊後構飾其有宮遠，。則右以遊音後，蟾永聖曰閣。土雛。而隆良產促，…以
於貨利應龍於

貨，，，遊行以幸取。一溺敝管。手奏冬，行者止，財年朔寺好清，行水言見其顯以歸而具至者使掠動鳴庫二，勲頗海舶倣入敢，懼殿居求，異。此，剽於雷府應子聖王豐御以人莫邊高宮所謝人驚之於然焉每會官治月月既別巨其池皆過入，：闢不也以水王城畏之王沒，二五內池以引於度高引處曰酒忽物使江。聞性雷以寅。境明又而沉無適忽一人。因神乃以！」王降虜！皆丙團夏，應。類蕩：下至其飲，有，能之池。有愈此直起拋火是乃焉發物其寧羅。居高樹池畏：「臣於不自雷暴曲蠡觀宮。觀人海見鄭菴裂所與羅知無曰：「至焉餘而強理賊閻天寺適遊伶及臣御至自誰盤菴乃略右曰王佯阮兜猶問怨御月修無宮使封獻上而，高遂，石其王臣。於。仰豈情盜天奉教可以女帛群奉，忽是杯至。左宿日逸臣誦彼其，敬，真所女宮匹。品行水間具送矣言謂陳一遊迹天竟不答王三重阻臣，蠟所謂池之。」擲焉聞。俟驗耽怖餘，姓，，梗近隊以宮詣遭頃嚴也蠟化雖涸。不尚驚。矣納而正食十道日焉。焉武執進衛此惠擲。池厚，，便降之者百月之月途率兩又龍高手。甚池以已王水賞竟而生之久進積，有，，舟儀以人人敢侍於人擲王，必法叫間餘戒人山春日冬幸宮小之之伶異不，攝其中於月吾其所之命臣

雜字譚兵御。請攻月大品攻焉以，四命上會猷是反，王，欲。自復夏。道道猷。郎。反冊帶歸脫費反主南扶眾得人滿段出其遂黃王，侯馨以尚大，尚貞陳請，還，列段保頭，還年可，火猷軍三段月道侯范等應賊八通祇御蒙龍州，大，奉以平威秋出道品召治國。蒙了上使，政以可賂遣。卯月輔譚出人王丁三復：蹇遣。邑以攻范尚於蒙之秉密王。

。冬以姦自勇命目於莞主，能壯亡賊屯御，枕州亂不其納盜人奉尚。相諒擾領選招，寨品人還者攻下首得乃憚雷上烘乃死剛天之使猷忌文命與，餓智今臣臣是所，王，克，韋方雖容於無結。鄉不饑人：，慮。西通蔑，大州曰亂聖之掠於不古猷，祿王暴加然刦屯船歸攻年宋於為少王行徒舟又瘞四，言私願。公其，猷秉應月猷寵！禍，率絕而請平十三事臣德虞侯人路之州治。軍與恩不日威道禦藤沼，水州有之免號國此人。戊辰，大安或下庶賊而自州州，乂，陞，盜，。藤藤十月知起況備聚起江將攻十猷輩，自鳩讎幕廩會

人日與府尚王，秉其以爲入御處門。且
藤它猷宦人。師。吾加，夔以石城子。
復徇之隊攻所至未命，城召出入由，
夔以焚盜又雷夔公君院大，堂突，枕
秉者而夜夔文秉怒有水至促御士屍子
，走家曲東何月，況於。急自軍輔王
月其其部，爲七言？因入事皆使裹迎
正斬籍其未，，猷耶輔而聞等遂席，
，怒夔領丁淳秋入譖子譖王京，御宮
春夔東鄰…於。先人其鼓。弟死以延
五敗於人諒。歸：而之，扉猷聞夔復
應數奔洞攻潰猷曰，執之其而等秉而
龍夔猷猪復人微之忠使聞刮俄卜昇既
平秉，。剛洪馨止盡王等等。車，
沿。之惡智。陳有上。卜卜處輔巾步
，猷克怨韋橋御。事入郭。石反御東
已攻，增宋衛奉事。吾遂將拒涼夔所朝
已人戰愈。於候奉：？其所堵秉王下
快復夔物主祇入曰逃。者晶殺以，
，秉財，命將夔焉刑閻金槍，出

并奉曰元頃元明差
昆家言。。。為有
子其愚之王女祖各
於苑圖爲仲元餘
迎遂人公忱祖，
師家豪二降元事使
京氏遙唯，我政揮
詣段及，王以知指
帥邑祖也勝，參前
舟海元嫡稱館爲殿
帥於就，徽村吏鳥
大歸紹少，家正嗣
祖人劉雖位劉阮忠
元二臣昆即寓，蘇
我妹家；仁，尉，
寅，母昆也苑邑太御
氏位子迎歸以上
歸母王：「祖之妃字」。

來相阿。人浪殺之。
烘烘麻殺人時陸子。
會與至，遂行昆。
人順，步於伐覺州送
欲不古執士主，乃私次所
軍公去，阮練極而
訓天路擣，由千乳來舟。
烘尚由人阮路與江阮
順步欽卒軍軍餘
流，從中官聞人
快左秋，攻船以
以拔門舸，已
秉門入焉皆失
死禁師掌離自
之入雨撫舟皆
彝直至之擣，
東門入焉皆失
率盜焉，遇
師寶侯卒風城
舟取列士北京
寺勒王皆爵蒙道者，雖
嚴乃者封以諸爵臣吾
勝，未官子。封大。出

京。斯北吹追
攻物高奔疾人
地兵命逃者領兵二既不
寺勒王皆爵蒙道者，雖
嚴乃者封以諸爵臣吾
勝，未官子。封大。出
月及。昆受攻於王焉並
正罪師子諸以。受汝吾
春，恐京王捕隊敗所：與退
，謀五所收曰反而
以拔門舸，已
年封等子其分焉以之，慚
六昆昆王與兵，數爵蒙
應子子迎因道鄉月門封以
龍王王家，諸墨七當子？」
平受執嗣鄉募耶，允賊見
治私邑忠朗檄攻秋英受相
，以海如安移人。杜私汝
午自就廣於因府退。與
庚嗣因杜鼠。化引獻心顏見
忠，御蒙罪清皆以之何
蘇人奉以其及，人君復

裂。快品。贖人之八無，
地兵命逃者領兵二既不
寺勒王皆爵蒙道者，雖
嚴乃者封以諸爵臣吾
勝，未官子。封大。出
月及。昆受攻於王焉並
正罪師子諸以。受汝吾
春，恐京王捕隊敗所：與退
，謀五所收曰反而
以拔門舸，已
年封等子其分焉以之，慚
六昆昆王與兵，數爵蒙
應子子迎因道鄉月門封以
龍王王家，諸墨七當子？」
平受執嗣鄉募耶，允賊見
治私邑忠朗檄攻秋英受相
，以海如安移人。杜私汝
午自就廣於因府退。與
庚嗣因杜鼠。化引獻心顏見
忠，御蒙罪清皆以之何
蘇人奉以其及，人君復

冬，十月，王不豫。壬午，王寢疾，忽見二青衣執杖立座側。王問執杖者為誰，左右曰無所見。是夜，王薨於勝壽殿，年三十七，廟號高宗，在位三十年，葬天德府，壽陵，改元者四。

(越史略, 卷三, 阮紀)

PHIÊN ÂM:

CAO TÔNG

(trích lục)

Huy Long Trát, Anh Tông đệ lục tử dã. Mẫu Thụy Châu hậu, tinh Đỗ thi, Vương phuơng tam tuế, dĩ Thiên Cảm Chí Bảo nhị niên thất nguyệt tức vi ư cữu tiền, tôn mẫu Thụy Châu hậu viết «Chiếu Thiên Chí Lý Thái hậu». Thượng tôn hiệu viết «Üng Càn, Ngự Cực, Hoằng Văn, Hiển Vũ, Linh Thụy, Chiếu Phù, Chương Đạo, Chí Nhàn, Ái Dân, Lý Vật, Duệ Mưu, Thần Tri, Hóa Cảm, Chính Thuần, Phu Huệ, Thị Từ, Tuy Du, Kiến Mỹ, Công Toàn, Nghiệp Thịnh, Long Hiện, Thần Cư, Thánh Minh, Quang Hiếu Hoàng đế». Vương phuơng xung ấu, chinh vô cự tế tất ủy Thái phó Tô Hiển Thành. Thái hậu hưu phế lập ý, từ Hiển Thành chi xuất, sử dĩ kim bạch lộ kỳ thất Lã thị sử ngũ Hiển Thành. Hiển Thành viết : «Ngô thần Cư Tướng vị, thụ Tiên Vương cổ thác dĩ phụ ấu chúa. Kim thụ nhân chi lộ nhi mưu phế lập, thiên hạ kỳ vị ngã hè ? Túng sử chúng nhân giai đồ kỳ nhĩ mục nhi vô tri giả, tắc tương hè từ dĩ đổi Tiên Vương ư địa hạ hồ ?» Thái hậu tri kỳ mưu chi bất tế, nhiên ý chung bất cải. Nãi triệu Hiển Thành, vị chi viết : «Công ư quốc gia khả vị trung hỉ. Nhiên công chi xỉ diệc dĩ hướng mội, nhi sự xung thống chi quân, công chi sở vi kỳ thùy tri chi ? Bất nhu lập trường quân, tắc bỉ tương đúc công chi từ, nhi trường bảo phủ quý, khởi bất vĩ dư ?» Hiển Thành viết : «Bất nghĩa nhi phủ thả quý, phi trung thần nghĩa sĩ sở lạc vi. Huống Tiên Vương di chúc ngôn do tại nhĩ, kỳ như công nghị hè ? Thần bất cảm phung chiếu», toại xu nhi xuất. Thái hậu nãi khiền xức triệu Bảo Quốc Vương. Bảo Quốc thả kinh thả hỉ, toại dĩ tiều chu do Tô Lịch giang nhi nhập. Hiển thành nãi triệu tả hữu quan chức đô dụ chi tiết : «Tiên Vương dĩ ngo dũ nhĩ tài lực lực vương thất, vò nhì quyết tâm, cố dĩ áu chúa phó thác. Kim Bảo Quốc Vương dĩ Thái hậu mệnh mưu phế Chúa thượng nhì tự lập. Nhữ đẳng nghi tận kỳ trung, kiệt kỳ lực dĩ thính ngô ước thúc. Dung ngô mệnh giả, thường dien ư thể ; vì ngô mệnh giả, hiền lực ư thi. Nhữ kỳ miễn

chi ! » Quan chức giai hắp nhiên thịnh mệnh. Khoảnh chi, Bảo Quốc Vương chỉ Ngàn Hà môn. Thái hậu triệu ịch cấp. Bảo Quốc dục nhập. Quan chức đô chỉ chi viết : « Vị thịnh chiếu chỉ, bất cảm phụng mệnh. Vương cầu tự cưỡng nhập, kỳ phạm chi giả phi ngã dã, binh dã ! » Bảo Quốc văn chi, tám cự nhi thoái. Qui thu, dĩ Thái hậu đê Đỗ An Thuận vi Quan nội Hiến Quốc hầu, dĩ Hiến Thành vi Thái úy ... (lược).

Kỷ hơi, Trinh Phù tứ niên... (lược), lục nguyệt... (lược), Kỷ dậu, Thái úy Tô Hiến Thành tốt. Thiết triều thất nhật, thanh thiện tam nhật. Sơ, Hiến Thành cầm tắt, duy Tham tri chính sự Vũ Tân Đường túc dạ thị trắc. Gián nghị đại phu Trần Trung Tá dĩ sự vụ phiền kịch bất hạ tồn tinh. Cập tật đốc, Thái hậu văn tật, viết : « Như hữu bất húy, kỳ thùy đại chi ? » Hiến Thành viết : Bình nhật sở tri, duy Trung Tá nhi dĩ ». Thái hậu viết : « Tân Đường nhật thị thang được nhi công ngôn bất cập, hà dã ? » Đối viết : « Bệ hạ vấn kỳ khả phủ, cố thần ngôn cập Trung Tá. Như vấn kỳ thị dường, phi Tân Đường nhi thùy ? » Thái hậu tuy gia kỳ trung, cảnh bất dụng kỳ ngôn. Nãi dĩ Đỗ An Thuận thính chính... (lược).

Nhâm dần, Trinh Phù thất niên... (lược) dĩ Đỗ An Thuận vi Thái sư phụ chính. Thời nhân úy kỳ uy. Phàm hữu ngực tung, tư lại truy bất đại giả, An Thuận mệnh « cản xa nhi » truy chi, tức lập chi. Thời ưu nhân hi dĩ nhất nhân vi Hình bộ thượng thư, sai tư truy ngực, bất chi, viết : « Nhữ hà bất xung vi Thái sư cản xa nhi hò ? » Như kỳ ngôn, quả hoạch ... (lược).

Mậu thân, Thiên Tư Gia Thụy tam niên ... (lược). Thái sư Đỗ An Thuận tốt. Dĩ Thái phó Ngô Lý Tin phụ chính ... (lược). Kỷ dậu, Thiên Tư Gia Thụy tứ niên... (lược), vương mệnh Thái phó Ngô Lý Tin, Đô quan lang trung Lê Năng Trường án Thiếu sứ Mạc Hiền Tích tung. Năng Trường đẳng úy Hiền Tích bất cảm suy círu. Quốc nhân trào chi viết : « Ngô Phụ quốc thị Lan, Lê Đô quan thị Kích, Án nhất tung Mạc Tích, Đản cục tích nhi dĩ ». Thời vương thượng ấu, Hiền Tích thông ư Thái hậu, cố đương thời úy chi. Lan, Kích nhị cường nhân danh ... (lược).

Nhâm tuất, Thiên Tư Bảo Hựu nguyên niên, xuân, chinh nguyệt, cải nguyên. Quần thần thỉnh vương gia tôn hiệu. Hạ, lục nguyệt, địa chấn. Đông, thập nguyệt, vương hạnh Hải Thanh hành cung. Mỗi dạ tắc mệnh nhạc công đàn Bà Lỗ, xướng điệu nghĩ Chiêm Thành khúc, kỳ thanh thanh oán ai thiết, tả hữu văn chi giai khấp hạ. Tăng phó Nguyễn Thường viết : « Ngô kiến Thi tự văn : Loạn quốc chi âm oán dĩ nộ, kỳ chính quai. Vong quốc chi âm ai dĩ tú, kỳ dân khốn. Kim Chúa thượng tuần du vô độ, chinh giáo quái ly, hạ dân sầu khốn. chí thủ dũ thậm nhì nhật văn ai oán chi âm, vô nỗi loạn vong chi triều hò ? Ngô tri xa giá thủ hoàn bất tái hạnh kỳ cung hỉ ! » Hậu cảnh nội đại loạn, quả như kỳ ngôn. Qui hơi, Thiên Tư Bảo Hựu nhị niên, chinh nguyệt tạo tân cung ư tâm điện tây, trung tri Thiên Thụy điện, tả khởi Dương Minh điện, hữu khởi Thiêm Quang điện, tiền ản Chính Nghi điện, thượng cầu Kinh

thiên điện, giai viết Lê Giao. Trung khải Vĩnh Nghiêm môn, hữu khải Việt Thành môn, giai viết Ngân Hồng. Hậu khải Thắng Thọ điện, thượng cầu Thánh Thọ các, hữu cầu Nhật Kim các, hữu cầu Nguyệt Bảo các, chu vi thiết lang vũ, giai viết Kim Tinh. Nguyệt Bảo các hữu tri Lương Thạch tòa, các tay khởi Dục Đường, hậu cầu Phú Quốc các, giai viết Phượng Tiêu, hậu khởi Thủ Viên môn, Đường Ngự tri. Trì thượng cầu Ngoạn Y đình. Đình tam điện thụ dĩ kỳ hoa dị mộc. Trì thủy thông ư giang. Kỳ diệu súc chi công, thồ mộc chi lệ cõi vị hữu dã. Sơ, Kinh Thiên các thành, hữu thước sào kỳ thượng nhi sản sò. Quần thần nhân chi giàn viết: « Tích Ngụy Minh Đế thủy cầu Lăng Tiêu các, hữu thước sào yên. Cao Đường Long viết: *Thi vận: Duy thước hữu sào, duy cùu cù chi.* Kim cung thất sơ thành nhi thước sào chi, thần ngũ dĩ vi hữu dì tinh cù chi. Thần nguyễn bệ hạ viễn giám Cao Đường Long chi ngôn, tiên vụ khắc kỷ tu đức, hậu nãi hưng kỳ công dịch khả dã ». Vương mặc nhiên lương cửu, dĩ vắn hoạn thần Phạm Bình Di. Phạm Bình Di viết: « Các thành nhi thước sào, hữu sản kỳ sò giả, thử thiên tích bệ hạ bản chi bách thế chi hữu trưng dã ». Vương duyệt, mệnh xức tu chi. Bách tinh do thị ich khốn... (lược).

Ất sứu, Thiên Tư Bảo Hựu tử niên ... (lược), cửu nguyệt, Nhâm thìn, cải nguyên vi Trị Bình Long Ứng nguyên niên... (lược). Thiên Thụy điện thành, tử quần thần tam nhát yến dĩ lạc chi. Vương phả tuần ư hóa lợi, dĩ mại quan dục ngực vi sự. Chư lưỡng nhân trong tranh điền địa sản vật nhi nhất nhân tiến nạp giả, bất vấn kỳ tình lý khúc trực, giai dĩ một quan, cõi phủ khố tài hóa sơn tích nhi bách tinh tư oán, đạo tắc phong khởi. Bình dần, Trị Bình Long Ứng nhị niên, xuân, chính nguyệt, vương ngự Kinh Thiên các quan phao phi đoàn. Nhị nguyệt, Nhâm ti, sóc, nhật hữu thực chi. Tam nguyệt, Phụng Thiên cung hỏa. Hạ, ngũ nguyệt, tạo Thánh Huân tự. Đóng, thập nguyệt, trùng tu Chân Giáo tự. Thị tuế cảnh nội ký loạn nhi vương phả hiếu du hạnh. Đạo đồ nganh trở vô sở khả thích, nãi ư Ứng Minh tri biệt vi Ứng Phong, Hải Thanh hành cung, nhật suất cận thần cung nữ dĩ du quan vi lạc. Hựu dĩ cự chi vi ngự bạc dĩ tiêu chu vi lưỡng đội, sử cung nữ linh nhân phát náo, nhi dân ký tả hữu dĩ ngạo hành hạnh chi nghi. Hựu dĩ lập phong thất bách cặp hải vật chi loại trầm ư trì trung, lệnh nhân nhập thủy thủ chi dĩ vi long cung sở hiến. Quần thần kiến kỵ du đăng vô độ giai úy cụ mạc cảm ngôn. Linh nhân Vũ Cao trá vi Thượng phẩm phụng ngự Trịnh Ninh viết: « Thích Cao quá thấu tri biên, kiến nhất dì nhân chấp thủ tuân trì nhi hành, chí am la thụ hạ hốt dân nhập thủy. Cao cụ kỵ nich bất cảm tiến. Khoảnh chi, thủy hốt tự liệt. Hành chí nhất xí, kiến kỵ cung điện hiền xưởng thị vệ thâm nghiêm. Cao vấn thị thùy sở cư. Kỳ nhân viết: « Tức ngô sở cư dĩ quản nhiếp ư thử trì dã! » Toại cụ bôi bàn dĩ Cao đối ầm. Tứu lan, Cao tạ cầu quy. Kỳ nhân huệ dĩ tân lang, tổng chí am la thụ hạ, nhân hốt bất kiến kỵ nhân, nhi thủ trung tân lang dĩ hóa vi thạch hổ. Nãi tri trì trung hữu thần vật dã ». Ninh kinh dì cụ tấu ư vương. Vương tuy vẫn kỵ ngôn, lược vô úy cụ, nãi sứ dĩ thiết yếm chi. Chí đồng nguyệt, trì thủy hạc. Vương vi tả hữu viết: « Hữu năng

dĩ giang thủy trường dật ư thủ giả, ngô tất hậu thường». Nịnh thần Trần Túc viết: «Thần nồng chí!» Vương dĩ vi nhiên, sử hành kỳ pháp, cánh bất nghiêm. Nhất nhát vương chi ư thủ trì, văn thành ngoại hữu vi phiếu lược giả sở khiếu, nhi thượng đam ư du dật dương vi bất vẫn. Vương tinh úy lôi, mỗi ư động chỉ chi gian tiện sinh kinh bối. Cận thần Nguyễn Dư tự ngôn hữu hàng lôi chi thuật. Hội lôi minh, mệnh Dư hàng chi. Dư ngưỡng thiên tung chủ nhi lôi thanh dù lệ. Vương cát chi. Dư viết: «Thần giới chi cửu hī, khởi cánh bỉ do cường bạo như thử!»

Đinh mǎo, Trị Bình Long Ứng tam niên, Đại Hoàng nhân Phi Lang phục phản, công Tạp Tự ấp. Tam nguyệt, Quốc Oai chầu tặc Đoàn Khả Liệt, Vương Mẫn phản. Hạ, tứ nguyệt, Đàm Dĩ Mông phục Phụ chính. Thu, bát nguyệt, Đoàn Thượng, Đoàn Chủ phản. Vương mệnh đại phát binh công chi: Đàm Dĩ Mông xuất Đại thông đạo, Bảo Trinh hầu xuất Nam Sách đạo, Thượng phàm phung ngự Phạm Bỉnh Di xuất Khả Liêu đạo, Chi hậu hỏa đầu Trần Hình xuất Phù Đái đạo dục hội công Thượng. Thượng mật khiền nhân lộ Thượng phàm phung ngự Phạm Du, thỉnh dĩ kỳ chúng quy Du. Du vị lực thỉnh ư vương. Vương khiền sứ triều Dĩ Mông đẳng quân hoàn, Thượng toại đặc thoát. Tự thị, Dĩ Mông, Bỉnh Di dù Du hữu khích. Thị tuế, vương kiến đạo tặc phong khởi, nãi truy hồi tiền quá, nhân hạ chiếu viết: «Trẫm ấu ưng đại nghiệp, thâm xử cửu trùng, bất tri dận sự chi gian nan, tự nạp tiêu nhân chi ngôn dĩ thủ oán ư hạ dân, ký tư oán, trẫm trọng trù ý? Kim kỳ cải quá tự tân, dù dân canh thủy, Chư hưu địa sản nghiệp chi một ư quan giả, tất hoàn chi».

Mậu thin, Trị Bình Long Ứng tứ niên, đại cơ, cơ tử giả tương chầm. Đông, thập nguyệt, đại thủy. Thập nhị nguyệt, Tống Lộc Châu nhân Vi Tri Cương công Lạng Châu. Dĩ Phạm Du tri Nghệ An chầu quân sự. Du ngôn ư vương viết: «Phương kim thiêng hạ nhiễu loạn, gian tặc bối khởi, hoặc hữu dùn thần đỗ sủng tư vi bạo loạn, tuy thần chi thủ lĩnh bất năng tự bảo, huống bệ hạ chi ân đức hò! Nguyễn thiều gia thánh lự dung thần sứ đặc tuyển kỳ tráng dũng dĩ tự bị, thứ miễn bất ngu chi họa». Vương nhiên chi. Ư thị Du nãi chiêu nạp vong mệnh, cứu tụ đạo tặc hiệu viết «Hậu nhân», công hành kiếp lược, vô sở kỵ đan, đạo tặc nhân chi phong khởi, nhi Quốc Oai nhân diệc suất kỳ đồ đồn ư Tây Kết, Văn Lôi trại nhân đồn ư Đà Mạc giang. Tự thủ đạo lộ trở tuyệt, chư thuyền bất thông. Vương mệnh Thượng phàm phung ngự Phạm Bỉnh Di tương Đẳng Châu nhân ngự chi, nhi Du hựu quy Cồ Miệt hương, dù Hồng nhân Thượng, Chủ đẳng hội công Đẳng Châu. Đẳng Châu nhân thỉnh Bỉnh Di công Du, bất khắc, nãi hoàn.

Kỷ tị, Trị Bình Long Ứng ngũ niên, xuân, chính nguyệt Bỉnh Di phục sứ Đẳng nhân, Khoái, nhân công Du. Bỉnh Di sác bại. Bỉnh Di nộ trăm kỵ tâu giả dĩ tuần. Tha nhát, phục chiến, khắc chi, Du bôn ư Hồng. Bỉnh Di tịch kỵ gia nhi phản chi. Du dù Bỉnh Di dù tăng oán ố. Trư Động nhân Nguyễn Phá Làn lãnh kỵ bộ khúc dạ đạo Đội Xá quan phủ tài vật. Tống Vi Tri Cương phục công Lạng Châu... (lược). Đinh mùi, Bỉnh Di hựu công Hồng nhân Thượng, Chủ ư Vệ

Kiều. Hồng nhân hội. Chủ hâm ư nịnh, vi Hà Văn Lôi sở thích. Vương mệnh Chỉ hậu phụng ngự Trần Hình trung Du quy Kinh sư. Thu, thất nguyệt, Bính Di chi Kinh sư, tương nhập phụng sự. Hữu chí chi viết: « Vương ký tiên nhập Du ngôn, nộ công vị giải ». Bính Di viết: « Ngô sự thượng tận trung, nhi phản vi nhân trẫm da ? Huống hữu quân mệnh, ngô kỳ yên đào ? » Toại nhập. Vương sử chấp chí, cập kỳ tử Phụ tử Thủy viện, dục gia dĩ hình. Kỳ tướng Quách Bốc đẳng văn chí, lãnh binh cỗ tháo nhi nhập. Chí Đại thành môn, vi hòn giả sở cự. Bốc đẳng quát kỳ phi nhi nhập. Vương văn sự cấp xúc, triệu Bính Di nhập Kim Tinh giải Lương Thạch xứ. Nga nhi Du dữ kỳ đệ Kinh đẳng giải tự ngự đường xuất, dĩ ngự thương sát Bính Di cập Phụ. Bốc đẳng văn Bính Di tử, toại sử quân sĩ đột nhập Lương Thạch xứ, dĩ vương sở ngự cán xa nhi Bính Di thi; dĩ ngự tịch khóa Phụ thi, do Việt thành môn xuất, hạ Triều đông bộ, ký nhi phục nhập Vạn Diên cung, nghênh Vương Tử Thầm, Vương Tử Sám quy ư Hải Ấp. Nhâm dần, ngã Nguyên Tồ đại suất chu sú nghệ Kinh sư nghinh Vương Tử Sám tịnh mẫu Nguyên phi Đàm thị cập đồng mẫu muội nhi nhân quy ư Hải Ấp Đoàn thị gia, toại ư kỳ gia phụng Vương Tử Thầm tức vị. Thời Sám gia thần Lưu Thiệu tựu Nguyên Tồ cập Giao Hào nhân Phạm Ngu ngôn viết: « Thầm tuy trưởng tử thứ dã, Sám tuy thiếu, đích dã, duy nhị công đồ chí ». Nguyên Tồ toại dữ Ngu nghênh Sám quy Mang Nhân tức vị, huy xưng Thắng vương, giáng Thầm vi vương. Khoảnh chí, Sám phục quy ư Hải Ấp, ngụ Lưu gia thôn quán, dĩ ngã Nguyên Tồ trọng nữ vi Nguyên phi, dĩ Đàm Dĩ Mông vi Thái úy, Nguyễn Chính Lại vi Tham tri chính sự, nguyên Tồ vi Minh tự, Ngu vi Thượng phẩm phụng ngự, Tô Trung Tự vi Điện tiền chỉ huy sứ, dư các hữu sai.

Vương mệnh Du vãng Hồng Lộ huấn luyện quân sĩ, dục phạt Thuận Lưu nhân. Hội Hồng nhân lai nghênh, cập kỳ nhì Du thượng dữ Thiên Cực Công chúa tư bất giác, di thời toại dữ Hồng nhân tương thất. Du nãi đăng chu do giang lộ nhì khứ, thứ Cồ Châu bộ, lục hành chí Ma Lăng A Cảo xã, vi Bắc Giang nhân Nguyễn Nậu, Nguyễn Nãi sở chấp tổng ư Vương Tử Sám, sát chí.

Thu, bát nguyệt, Thuận Lưu, Khoái dĩ Bính Di chi tử, đại suất chu sú công Kinh sư, tiền quân bạc ư Đông Bộ, do tả dịch môn trực nhập cầm trung; đạo thủ bảo vật. Đại quân bạc Thiên Hà bộ, dục tung Thiên thu môn nhập chí Vũ sư quán, vi Liệt hầu Cao Kha phục ư Chắn vi xạ, nhất tốt trúng nhũ, Kha vi chí phủ chưởng huyên tháo, sĩ tốt bôn bắc nhi hoàn, thuyền nhân nghi hưu quan quân lai công, giai xanh chù ly ngạn, ngộ bắc phong tật xuy, tận vi phiêu tán. Nhị quân văn chu thuyền dĩ thất, giai tự bôn hội, Kinh thành nhận truy sát chí, tử giả tam bách dư nhân.

Canh ngo, Trị Bình Long Ứng lục niên, xuân, chinh nguyệt Thắng Nghiêm tự địa liệt. Tô Trung Tự tự dĩ tư thụ Vương Tử Sám phong tước, khủng tội cập kỵ, nãi lặc binh công Khoái nhàn, nhân tựu Hải Ấp chấp Vương Tử Sám đẳng quy ư Kinh sư. Đinh Mùi, vương mệnh Thượng phẩm phụng ngự Đỗ Quảng như Trung Tự gia nghênh Vương Tử Sám. Vương Tử Sám thư quan giả giai đào khứ. Dĩ Mông thoán ư An Lăng hương, nhân dữ kỵ thuộc mưu bồ chư thụ Vương

tử phong tước giả dĩ thực kỳ tội. Nhàn di lịch mội chư đạo binh phân vi ngũ đội dĩ công chi. Dĩ Mông linh Già nhàn cập Thanh Hóa phủ nhàn công Tức Mặc hương, vị kỵ sở bại. Ư thị, chư đạo binh văn chi, giai dẫn thoái. Thủ, thất nguyệt, Dĩ Mông thu sở thụ vương tử phong tước giả nhì thập bát nhàn dĩ hiến. Đỗ Anh Doãn đương môn sở chi, viết : «Nhữ vi quốc đại thần, kỵ hoài vô quân chí tâm, tư thụ tặc tử phong trước, kim phản dữ ngô tinh liệt. Ngô tuy bất tài, phục hả nhan dữ nhữ tương kiến !» Dĩ Mông tam cự nhì thoái. Tuệ Tinh xuất.

Đông, thập nguyệt, vương bất dự. Nhâm ngọ, vương tầm tật, hốt kiến nhì thanh y chấp trượng lập tọa trắc. Vương vẫn chấp trượng giả vi thùy, tả hữu viết vô sở kiến. Thị dạ, vương hoảng ứ Thắng Thọ điện, niêm tam thập thất, miếu hiệu Cao Tông, tại vị tam thập lục niên, táng Thiên Đức phủ Thọ Lăng, cải nguyên giả tú.

(Viết sử lược ; Quyền tam , Nguyễn kỷ)

DỊCH NGHĨA :

CAO TÔNG

(Trích) (1)

Húy là Long Trát, con thứ sáu của vua Anh Tông. Mẹ là Hoàng hậu Thụy Châu, họ Đỗ. Vua mới lên 3 tuổi, tháng 7 hiệu Thiên Cảm Chi Bảo năm thứ hai (1175) lên ngôi ở trước linh cữu, tôn mẹ là Hoàng hậu Thụy Châu làm «Chiếu Thiên Chi Lý Thái hậu». Quần thần dâng tôn hiệu là : «Üng Càn, Ngự Cực, Hoành Văn, Hiển Vũ, Linh Thụy, Chiếu Phù, Chương Đạo, Chi Nhàn, Ái Dân, Lý Vật, Duệ Mưu, Thần Tri, Hóa Cảm, Chính Thuần, Phu Huệ, Thị Từ, Tuy Du, Kiến Mỹ, Công Toàn, Nghiệp Thịnh, Long Hiện, Thần Cư, Thanh Minh, Quang Hiển Hoàng Đế.» Vua đương tuổi non nớt, chính sự lớn nhỏ đều giao cho Thái phó Tô Hiến Thành. Thái hậu có ý phế lập, rình lúc Hiến Thành đi ra, sai người đem vàng lụa hối lộ cho vợ lẽ⁽²⁾ ông ta là Lã thị, bảo nói với Hiến Thành. Hiến Thành nói rằng : «Ta ở ngôi Tề tướng, chịu lời cống thác của Tiên Vương để phò áu chúa. Nay nhận của đút của người mà mưu phế lập, thiên hạ sẽ nói ta ra sao ? Dù cho mọi người đều là bưng tai bit mắt không biết gì, thời ta lấy lời nào mà bẩm với Tiên Vương ở dưới suối vàng được ?». Thái hậu biết rằng mưu của mình không thành, song ý vẫn không đổi, bèn vời Hiến Thành đến bảo rằng : «Ông đối với nước có thể gọi là trung đầy. Song tuổi ông cũng đã về chiều, mà lại thờ vua non tuổi, những việc ông làm thì ai biết cho ? Chỉ bằng lập trưởng quân, thì người đó sẽ mang ơn ông, mà cho ông giàu sang lâu dài, há không phải ư ?»⁽³⁾. Hiến Thành nói rằng : «Bất nghĩa mà được giàu sang, đó không phải là điều người trung thần nghĩa sĩ vui làm. Huống hồ di chúc của Tiên Vương lời nói còn vắng vang bên tai thi đối với công nghị sẽ ra làm sao ? Thần không dám phụng chiếu», rồi đi nhanh ra. Thái hậu bèn sai người vời gấp Bảo Quốc Vương. Bảo Quốc Vương nửa mừng nửa sợ liền lấy thuyền nhỏ đi theo sông Tô Lịch mà vào.

Hiến Thành bèn vời các quan chức tâ hưu dụ bảo rằng : « Tiên Vương thấy ta và các ngươi hết sức phò vua, không ở hai lòng nên mời phó thác ấu chúa cho chúng ta. Nay Bảo Quốc Vương nghe lời Thái hậu muốn phế Chúa thượng mà tự lập. Các ngươi phải hết lòng gắng sức, nghe ta truyền bá. Ai nghe mệnh ta, ta thưởng cho suốt đời ; kẻ nào trái mệnh ta, sẽ bị giết ở chợ. Các ngươi nên gắng sức ». Các quan chức ai nấy đều nghe mệnh. Lát sau, Bảo Quốc Vương đến cửa Ngàn Hà. Thái hậu vời càng gấp. Bảo Quốc Vương toan vào. Các quan chức đều ngăn lại, nói rằng : « Chúng tôi chưa được nghe chiếu chỉ nên không dám phụng mệnh. Nếu vương cứ cố mà vào thì kẻ phạm đến vương không phải là chúng tôi, mà là gươm giáo đây ! ». Bảo Quốc Vương nói thế, sợ thận mà lui. Tháng qui thu (tháng 9), lấy em Thái hậu là Đỗ An Thuận (⁴) làm Quan nội Hiến Quốc hầu, lấy Hiến Thành làm Thái úy ... (lược một đoạn ngắn).

Năm Kỷ hợi, hiệu Trinh Phù năm thứ tư (1179) ... (lược mấy giòng), tháng 6 ... (lược mấy chữ) ngày Kỷ dậu, Thái úy Tô Hiến Thành mất. Vua bãi chầu 7 ngày, ăn chay 3 ngày. Trước đây, khi Hiến Thành ở trên giường bệnh, chỉ có quan Tham tri chính sự Vũ Tân Đường ngày đêm hầu hạ ở bên cạnh. Quan Gián nghị đại phu Trần Trung Tá vì nhiều công việc bận, không có thời giờ rỗi rãi tới thăm Hiến Thành được. Khi bệnh tình Hiến Thành đã nguy kịch, bà Thái hậu tới thăm, hỏi Hiến Thành rằng : « Nếu có mệnh hệ nào thi ai thay ông được ? » Hiến Thành đáp rằng : « Người mà bình nhát thần biết, chỉ có Trung Tá mà thôi ». Thái hậu nói rằng : « Tân Đường ngày ngày hầu hạ thuốc thang cho ông, sao ông không nói tới là làm sao ? ». Hiến Thành đáp lại rằng : « Bệ hạ hỏi ai có thể thay thần nên thần mới nói đến Trung Tá, nếu như bệ hạ hỏi người hầu hạ phụng dưỡng, thi phi Tân Đường còn ai nữa ! ». Thái hậu tuy khen Hiến Thành là trung, nhưng rồi cũng không nghe lời ông, lấy Đỗ An Thuận coi việc triều chính ... (lược một đoạn ngắn).

Năm Nhâm dần, hiệu Trinh Phù năm thứ bảy (1182) ... (lược mấy giòng), lấy Đỗ An Thuận làm Thái sư phụ chính. Lúc bấy giờ mọi người đều sợ uy An Thuận. Phàm có người có việc kiện tụng mà từ lại bắt không được, An Thuận sai « cản xa nhi » đi bắt thì người ấy đến ngay. Lúc bấy giờ có phuруг tuồng diễn trò một người làm Hình bộ thượng thư sai từ lại đi bắt một kẻ bỗng mà nó không đến, bèn nói rằng : « Sao mày không xưng là « cản xa nhi » của quan Thái sư ? ». Viên từ lại kia làm y như lời, quả nhiên bắt được kẻ bỗng (⁵) ... (lược một đoạn dài).

Năm Mậu thìn, hiệu Thiên Tư Gia Thúy năm thứ ba (1188)... (lược mấy giòng). Thái sư Đỗ An Thuận mất. Lấy Thái phó Ngô Lý Tin làm phụ chính... (lược một câu). Năm Kỷ dậu, hiệu Thiên Tư Gia Thúy năm thứ tư (1189)... (lược mấy giòng), Vua sai Thái phó Ngô Lý Tin, Đô quan lang trung Lê Năng Trường xét việc kiện Thiếu sứ Mạc Hiền Tích. Bọn Năng Trường sợ Hiền Tích không dám truy cứu. Người trong nước nói giêu rằng :

Ngô Phụ quốc là Lan,

Lê Đô quan là Kích.

*Xét việc kiện Mạc Tích,
Chỉ sợ hãi mà thôi!*

Lúc bấy giờ vua tuổi còn non nớt. Hiền Tích tư thông với Thái hậu, cho nên người đương thời sợ Hiền Tích. Lan, Kích là tên hai thằng điên... (lược một đoạn dài).

Năm Nhâm tuất, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm đầu (1202), mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên. Quần thần xin vua thêm tôn hiệu. Mùa hạ, tháng 6, động đất. Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra hành cung Hải Thanh. Đêm nào vua cũng sai nhạc công gảy đàn Bà Lỗ, hát khúc hát theo điệu Chiêm Thành, tiếng nghe ai oán thảm thiết, tả hữu nghe hát đều rơi nước mắt. Tăng phó Nguyễn Thường nói với vua rằng : «Tôi thấy bài *Tựa Kinh thi* có nói : *Âm nhạc của nước loạn* (⁶), *nghe như oán như giận, vì chính sự nước ấy là sai trái. Âm nhạc của nước bị mất nghe như thương như nhớ, vì nhân dân nước ấy bị khổn cùng.* Nay Chúa thượng rong chơi vô độ, chính sự giáo hóa sai trái lìa tan, dân đen buồn khổ đến thế là cùng mà ngày nay nghe âm nhạc ai oán, đó chẳng phải là diềm nước loạn, nước mất hay sao? Tôi biết rằng xa giá chuyến này trở về tất không lại ngự ra cung ấy nữa!» Sau trong nước đại loạn, quả như lời sư nói. Năm Qui hợi, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm thứ hai (1203), tháng giêng, xây cung mới tại phía tây tần điện, ở giữa đặt điện Thiên Thụy, bên trái dựng điện Dương Minh, bên phải dựng điện Thiêm Quang, đằng trước xây điện Chính Nghị, ở trên xây điện Kinh Thiên, thèm gọi là Lê Giai. Ở giữa mở cửa Vĩnh Nghiêm, bên phải mở cửa Việt Thành, thèm gọi là Ngân Hồng. Đằng sau mở điện Thánh Thọ, ở trên xây gác Thánh Thọ, bên trái xây gác Nhật Kim, bên phải xây gác Nguyệt Bảo, chung quanh có dựng hành lang, thèm gọi là Kim Tinh. Bên trái gác Nguyệt Bảo đặt tòa Lương Thạch, phía tây gác xây Dục Đường (nhà tắm), phía sau xây gác Phú Quốc, thèm gọi là Phượng Tiêu, phía sau dựng cửa Thầu Viên, ao Dưỡng Ngư (nuôi cá). Trên ao xây đình Ngoạn Y. Ba mặt đình có trồng hoa thơm cỏ la. Nước ao thông với sông, cách chạm trổ, trang sức khéo léo, công trình thô mộc đẹp đẽ, xưa chưa từng có vậy. Lúc trước, khi gác Kinh Thiên mới làm xong, có con chim thước đến làm tổ ở trên đó mà đẻ ra chim con. Quần thần nhân việc đó can vua rằng : «xưa Ngụy Minh Đế mới xây gác Lăng Tiêu, có chim thước đến làm tổ, Cao Đường Long nói rằng : *Kinh thi* có nói : *Chim thước làm tổ, chim cưu đến ở* (⁷). Nay cung thất mới làm xong mà chim thước đã đến làm, tổ thần ngu hèn cho rằng có họ khác đến ở đó. Thần xin bệ hạ xét lời nói của Cao Đường Long trước cốt sủa mình tu đức, sau hãy khởi công, xây dựng mới là phải». Vua ninh lặng hồi lâu rồi hỏi hoan quan là Phạm Bình Di. Bình Di nói rằng : «Gác mới làm mà chim thước đến làm tổ, đẻ con, đó là diềm trời ban cho dòng dõi bệ hạ được trăm đời». Vua đẹp lòng, sai sửa sang điện gác mau chóng, trăm họ vì thế càng khốn khổ... (lược một đoạn dài).

Năm Ất sửu, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm thứ tư (1205) ... (lược một đoạn ngắn), tháng 9, ngày Nhâm thìn, cải nguyên là Trị Bình Long Ứng năm

đầu ... (lược mấy chữ). Điện Thiên Thụy làm xong, vua ban yết cho quần thần ba ngày để mừng điện đã hoàn thành. Vua rất ham của cải lợi lộc, lấy việc bán quan buôn ngục làm chính sự. Hai người nào mà tranh nhau ruộng đất, sản vật, hễ một người dâng nộp thì vua chẳng hỏi tình lý phải trái thế nào, đều tịch thu sung công cả, vì thế mà kho đun của nhà nước của cải chất như núi, còn bách tính thì kêu ca, oán than, giặc cướp nỗi lên như ống. Năm Bính dần, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ hai (1206), mùa xuân, tháng giêng, vua ngự gác Kinh Thiên xem ném phi đoàn (⁸). Tháng 2, ngày Nhâm ti, mồng một, có nhật thực. Tháng 3, cung Phụng Thiên bị cháy. Mùa hạ, tháng 5, xây chùa Thánh Huân (⁹). Mùa đông tháng 10, sửa chữa chùa Chân Giáo. Năm đó, trong nước đã loạn lạc, mà vua thích đi rong chơi. Đường sá bị ngăn trở, không đi đâu được vua bèn sai làm hành cung Ứng Phong, Hải Thanh ở chỗ ao Ứng Minh, hàng ngày đem bọn cận thần, cung nữ đi chơi bời làm vui. Lại lấy thuyền to làm thuyền ngự, lấy các thuyền bé chia làm hai đội, sai bọn cung nữ, phuơng tuồng chèo thuyền, vua dẫn bọn tả hữu bắt chước nghi vệ như khi vua ngự đi chơi đầu vây. Lại lấy sáp ong bọc những tấm lụa và các thứ hải vật thả xuống ao, rồi sai người lội xuống mò lên giả làm đồ vật dưới Long cung đem dâng. Quần thần thấy vua rong chơi vô độ đều sợ hãi không dám nói. Có tên phuơng tuồng là Vũ Cao nói dối với Thượng phẩm phụng ngự là Trịnh Ninh rằng: «Có hôm Cao qua chơi trên bờ ao, thấy một người lạ cầm tay dắt đi vòng bờ ao, đến dưới gốc cây muỗm, bỗng người đó dẫn Cao đi xuống nước. Cao sợ chết đuối không dám tiến. Một lát nước ao bỗng tự rẽ ra. Cao đi xuống, đến một nơi, thấy cung điện nguy nga, thị vệ nghiêm chỉnh. Cao hỏi đó là chỗ ai ở. Người đó bảo rằng: «Đó là chỗ ta ở để cai quản ao này!». Người đó bèn sai dọn mâm cỗ cùng Cao uống rượu. Rượu rồi, Cao tạ ơn xin về. Người đó đưa tặng quả cau, tiến ra đến gốc cây muỗm, bỗng không thấy người đó đâu nữa, mà quả cau cầm ở trong tay đã hóa ra đá. Cao mới biết trong ao có thần». Ninh lấy làm kinh dị, bèn tâu với vua. Vua tuy nghe nói thế nhưng không sợ hãi gì cả, sai lấy sắt đẽ yểm thần. Đến những tháng đông, nước ao khô cạn. Vua bảo tả hữu rằng: «Ai có thể làm cho nước sông dâng đầy ao được thì ta sẽ hậu thưởng». Có tên ninh thần là Trần Túc trả lời: «Thần có thể làm được!» Vua cho là thật, sai làm phép thuật của y nhưng không ứng nghiệm. Một hôm, vua ngự chơi ở ao đó, nghe thấy ở ngoài thành có kẻ bị ăn cướp hô hoán lên, thế mà vua vẫn ham mê chơi bời, giả vờ như không nghe thấy. Vua tinh sợ sัm, mỗi khi sัm động thì sợ hãi. Có tên cận thần là Nguyễn Dư nói mình có phép cẩm giáng sัm. Gặp khi có tiếng sัm nô, vua sai Dư cẩm sัm. Dư ngứng mặt lên trời đọc chú, nhưng tiếng sัm càng to. Vua căn vặn việc đó. Dư nói rằng: «Thần rắn nó đã lâu, nào ngờ nó còn cường bạo như thế đó!»

Năm Đinh mão, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ ba (1207), người Đại Hoàng (¹⁰) là Phi Lang lại làm phản, đánh ấp Tạp Tự. Tháng 3, giặc ở châu Quốc Oai là Đoàn Khả Liệt, Vương Mẫn làm phản. Mùa hạ, tháng 4, Đàm

Dĩ Mông lại làm Phụ chính. Mùa thu, tháng 8, Đoàn Thượng, Đoàn Chủ làm phản (11). Vua sai đem nhiều binh lính đi đánh chúng : Đàm Dĩ Mông đem đạo Đại Thông, Bảo Trinh hầu đem đạo Nam Sách, Thượng phảm phụng ngự Phạm Bình Di đem đạo Khả Liễu, Chỉ hau hỏa đầu Trần Hình đem đạo Phù Đới (12) định gặp nhau cùng đánh Thượng (13). Thượng ngầm sai người đến đút lót cho Thượng Phảm phụng ngự Phạm Du, xin đem đảng chúng theo Du. Du vì Thượng mà cố xin với vua. Vua sai người đi triệu bọn Dĩ Mông, bảo đem quân về, Thượng bèn thoát được. Từ đó Dĩ Mông, Bình Di có hiềm khích với Du. Năm đó, vua thấy giặc cướp nỗi lên như ong, bèn hối lại lôi xưa, nhận đó hạ chiếu rằng : «Trẫm còn bé mà phải gánh vác việc lớn, ở tận nơi cùu trùng, không biết cảnh khó khăn của dàn chúng, nghe lời bọn tiều nhàn mà gày nén oán với kẻ dưới, dân đã oán thán thì trẫm còn dựa vào ai ? Nay trẫm sẽ sửa lỗi, cùng dàn đổi mới. Ai có ruộng đất sản nghiệp bị sung công sẽ được hoàn lại».

Năm Mậu thinh hiệu Trị Bình Long Úng năm thứ tư (1208), đời lớn, người đời gối lên nhau mà chết (14). Mùa đông, tháng 10, lụt. Tháng chạp, người Lộc Châu nhà Tống là Vi Tri Cương đánh phá Lạng Châu. Vua lấy Phạm Du coi việc quân ở châu Nghệ An. Du nói với vua rằng : «Nay thiên hạ rối loạn, bọn gian tặc nỗi dậy khắp nơi, hoặc có kẻ ghen ghét với thần mà làm loạn, thì đầu thần còn không giữ nổi, huống chi là ân đức của bệ hạ ! Xin bệ hạ để tầm một chút, cho phép thần được tuyển bọn trai tráng để tự đề phòng, ngõ hầu khỏi lo tai vạ». Vua bỗng lòng, do đó Du bèn chiêu tập bọn vong mệnh, tụ tập bọn giặc cướp gọi là «hiệu nhàn» (người đi do thám tình hình) ngang nhiên cướp bóc không sợ hãi gì cả, giặc cướp do đó mà nỗi dậy như ong, người Quốc Oai cũng đem đồ đảng đến đóng đồn ở Tây Kết, người trại Văn Lôi cũng đóng đồn ở sông Đà Mạc (15). Từ đó, đường sá bị cắt đứt, thuyền bè không đi lại được. Vua sai Thượng phảm phụng ngự Phạm Bình Di đem người Đằng Châu (16) ra phòng ngự bọn chúng, còn Du thì lại về hương Cồ Miệt (17) cùng người Hồng là bọn Thượng, Chủ họp nhau đánh Đằng Châu. Người Đằng Châu xin Bình Di đánh Du, nhưng Bình Di đánh không thắng được, phải trở về (18).

Năm Kỷ tị, hiệu Trị Bình Long Úng năm thứ năm (1209), mùa xuân, tháng giêng, Bình Di lại đem người Đằng, người Khoái đi đánh Du. Bình Di bị thua luôn, giận dữ chém những kẻ bỏ chạy để ra uy. Ngày khác lại ra đánh, thắng được, Du chạy ra dắt Hồng. Bình Di tịch biên gia sản của Du rồi dốt hết. Du và Bình Di càng tăng thêm lòng oán ghét nhau. Người Đặng Trư (19) là Nguyễn Phá Lan đem bộ hạ ban đêm ra ăn trộm tài vật của nhà nước ở Đội Xá (20). Vi Tri Cương bên Tống lại sang đánh Lạng Châu ... (lược mấy dòng). Ngày Đinh mùi, Bình Di lại đánh bọn người Hồng là Thượng, Chủ ở Vệ Kiều. Người Hồng tan vỡ. Chủ bị hâm ở trong bùn, bị Hà Văn Lôi đâm chết. Vua sai Chỉ hau phụng ngự Trần Hình triệu Du về Kinh sư (21). Mùa thu, tháng 7, Bình Di đến Kinh sư, toan vào triều phụng mệnh. Có người ngăn lại nói rằng : «Vua đã nghe lời Du trước, giận ông chưa nguôi đâu». Bình Di nói rằng : «Ta thờ vua hết lòng mà lại bị người ta nói dèm sao ? Huống chi có mệnh vua, ta trốn đâu được ?»

bèn vào. Vua sai bắt Binh Di và con là Phụ, giam ở Thủy Viện, toan làm tội. Tướng của Binh Di là bọn Quách Bốc nghe thấy việc đó bèn đem binh lính hò reo mà vào triều. Đến cửa Đại Thành thì bị người coi cửa chống lại, bọn Bốc phat ngang cánh cửa mà vào. Vua thấy việc gấp, vội vội ngay Binh Di vào Lương Thạch xứ ở thềm Kim Tinh. Một chốc Du cùng em là bọn Kinh đều từ Ngự đường đi ra, lấy ngự thương giết Binh Di và con là Phụ. Bọn Bốc nghe tin Binh Di đã chết, bèn sai quân sĩ đột nhập Lương Thạch xứ, lấy xe cản xa của vua ngự rước thây của Binh Di, lấy chiếu ngự bọc thây của Phụ, do cửa Việt Thành ra bến Triều Đông (22), rồi lại vào cung Vạn Diên rước Vương Tử Thầm và Vương Tử Sám về Hải Ấp. Ngày Nhâm dần, đức Nguyên Tổ ta (23) thống suất thủy quân đến Kinh thành rước Vương Tử Sám và mẹ là bà Nguyên phi Đàm thị và hai người em gái cùng mẹ đưa về ở nhà Đàm thị ở Hải Ấp, đoạn rước Vương Tử Thầm lên ngôi ở tại nhà đó (24). Lúc bấy giờ, già thần của Sám là Lưu Thiệu nói với đức Nguyên Tổ và người Giao Hào là Phạm Ngu rằng : «Thầm tuy lớn nhưng là con thứ, Sám tuy bé nhưng là con đích xin hai ông lo liệu». Đức Nguyên Tổ bèn cùng Ngu rước Sám về Mang Nhàn (25) lên ngôi, xưng là Thắng Vương, giáng Thầm làm vương. Ít lâu sau Sám lại về Hải Ấp, ở nhà công quán thôn Lưu Gia, lấy con gái thứ hai của đức Nguyên Tổ ta làm Nguyên Phi, lấy Đàm Dĩ Mông làm Thái úy, Nguyễn Chính Lại làm Tham tri chính sự, Nguyễn Tổ làm Minh tự, Ngu làm Thượng phẩm phụng ngự, Tô Trung Tự (26) làm Điện tiền chỉ huy sứ, ngoài ra mọi người đều có phẩm trật khác nhau (27).

Vua sai Du di Hồng Lộ huấn luyện quân lính định đánh người Thuận Lưu (28). Gặp khi người Hồng Lộ (29) lại đón, đúng hạn nhưng còn cùng công chúa Thiên Cực (30) tư thông, không biết, nên trong chốc lát lỡ hẹn với người Hồng Lộ. Du bèn lên thuyền, do đường sông mà đi, đến bến Cồ Châu, lên bộ đi tới xã A Cảo ở Ma Lăng (31) bị người Bắc Giang là Nguyễn Nậu, Nguyễn Nãi bắt đưa về cho Vương Tử Sám giết đi.

Mùa thu, tháng 8, Thuận Lưu, Khoái (32) vì việc Binh Di chết, đem thủy quân đến đánh Kinh sư, tiến quân đỗ ở Đồng Bộ (33), do cửa nách bên trái vào thẳng cẩm thành cướp lấy các bảo vật. Đại quân đỗ ở bến Thiên Hà, toan do cửa Thiên Thu mà vào, đến quán Vũ Sư bị liệt hầu Cao Kha nấp ở Chắn Vi bắn, một tên lính trúng vào vú, Kha vỗ tay reo cười, sĩ tốt chạy tháo lui về thuyền, người giữ thuyền ngờ là có quan quân đến đánh, đều chèo thuyền ra xa bờ, gặp gió bắc thời mạnh, thuyền bè bị trôi dạt đi cả. Hai quân nghe thấy thuyền bè đã bị mất đều tan chạy, người Kinh thành đuổi giết chết được hơn 300 người.

Năm Canh ngọ, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ sáu (1210), mùa xuân, tháng giêng, ở chùa Thắng Nghiêm đất bị nứt xé ra. Tô Trung Tự thấy nhận riêng trước phong của Vương Tử Sám thì sợ tội đến minh, bèn đem binh đánh người Khoái (34), nhân đó đến Hải Ấp bắt bọn Vương Tử Sám về Kinh sư. Ngày Đinh mùi, vua sai Thượng phẩm phụng ngự Đỗ Quảng đến nhà Trung Tự rước Vương Tử Sám. Những người Vương Tử Sám cho làm quan đều bỏ trốn. Dĩ Mông trốn đến hương An Lăng (35), nhân cùng bọn thuộc hạ mưu bắt những người

được Vương Tử Sâm phong trước để chuộc tội. Do đó, Dĩ Mông truyền hịch mờ binh các đạo chia làm năm đội để đi đánh bắt bọn đó. Dĩ Mông đem người ở Gia và người phủ Thanh Hóa đánh hương Túc Mặc (³⁶), bị bại, nên các đạo binh nghe thấy thì đều lui về. Mùa thu, tháng 7, Dĩ Mông đem 28 người nhận trước phong của Vương tử dâng vua. Đỗ Anh Doãn (³⁷) đứng giữa cửa kề tội Dĩ Mông rằng : «Mày là đại thần của nước, đã đem lòng vô quân, nhận trước phong của giặc, nay lại cùng ngồi với ta. Ta tuy bất tài, nhưng còn mặt mũi nào mà nhìn mày nữa ! » Dĩ Mông thẹn sợ mà lui. Sao chổi xuất hiện.

Mùa đông, tháng 10, vua mệt (³⁸). Ngày Nhâm ngọ, vua nằm trên giường bệnh, bỗng thấy hai người mặc áo xanh, cầm trượng đứng cạnh. Vua hỏi người cầm trượng là ai, tả hữu tâu rằng không thấy ai cả. Đêm đó, vua mất ở điện Thắng Thọ (³⁹), thọ 37 tuổi, miếu hiệu là Cao Tông, ở ngôi 36 năm, táng ở Thọ Lăng thuộc phủ Thiên Đức (⁴⁰), cải nguyên bốn lần.

Theo TRẦN QUỐC VƯƠNG
(Bd. VSL.; Quyển III; Nguyễn ký (⁴¹))

CHÚ THÍCH :

- (1) Trích phần này của VSL, chúng tôi muốn giới thiệu với độc giả chặng đường đi xuống của giai cấp phong kiến nhà Lý, đồng thời cũng để thấy việc nhà Trần thay nhà Lý là qui luật tất yếu của lịch sử.
- (2) ĐVS KTT chép là vợ cả.
- (3) *Há không phải ư* (khởi bút ví dụ) : BD. VSL viết là «hà có phải hay không» (Nhóm biên soạn).
- (4) ĐVS KTT chép là Đỗ An Di.
- (5) Đoạn văn từ câu «Lúc bấy giờ có phường tuồng...» đến «quả nhiên bắt được kẻ cản bỏ ngực», BD. VSL chấm câu bản chữ Hán như sau: 時 優人 戲 以 一 人 為 刑 部 尚 書, 差 聞 進 獄, 不 至, 曰: 「汝 何 不 稱 為 太 郡 巾 車 兒 乎? 文 其 言, 果 覆 ！」 Thời ưu nhân hi dĩ nhất nhân vi Hình bộ thượng thư, sai từ truy ngực, bắt chí, viết: «Nhữ hà bắt xung vi Thái sư cân xa nhi hò? như kỳ ngôn, quả hoạch». Do đó, dịch cũng khác: «Lúc bấy giờ có phường tuồng diễn trò một người làm Hình bộ thượng thư sai từ lại dì bắt một kẻ bỏ ngực mà nó không đến, nói rằng: «Sao mày không xung là «cân xa nhi» của quan Thái sư ? Nếu nói như thế thì bắt được» (Nhóm biên soạn).
- (6) Bài tựa *Thi kinh* 詩 綏 chính ra viết là «đời loạn» (loạn thế).
- (7) *Chim thước* : chim bồ câu. *Chim cừu* : chim tu hú.
- (8) Ném còn ? (Nhóm biên soạn).
- (9) Sách in nhầm chữ 诗 tự ra chữ thi. Ở bản này chúng tôi chữa lại chữ 诗.
- (10) *Đại Hoảng* : gồm vùng đất miền tây Nam Định (nay thuộc Hà Nam Ninh) (Theo ĐNVNQCD — Nhóm biên soạn).
- (11) ĐVS KTT chép việc Đoàn Thượng làm phản vào đời Lý Huệ Tông 李惠宗, năm Nhâm thân (1212).

- (12) *Đại Thông* : gồm miền Đan Phượng, Hoài Đức, (nay thuộc Hà Sơn Bình) và miền dọc sông Đáy. *Nam Sách* : tức huyện Nam Sách (nay thuộc Hải Hưng). *Khả Liễu* : chưa rõ ở đâu. *Phù Đới* : là tên một hương, nay có xã Phù Đới ở miền huyện Vĩnh Lại — Vĩnh Bảo, (nay thuộc Hải Hưng).
- (13) Theo VSTGCM, Đoàn Thượng người Thung Độ, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay thuộc Hải Hưng).
- (14) BD. VSL viết «Những người bị chết đói nằm chồng chất lên nhau (Nhóm biên soạn).
- (15) *Sông Đà Mạc* : theo VSTGCM sông Thiên Mạc (tức Đà Mạc) là hạ lưu sông Phú Luong (sông Hồng), ở châu Mạn Trù, huyện Đông Yên (nay thuộc Hải Hưng).
- (16) *Đảng Châu* : miền Kim Động (nay thuộc Hải Hưng).
- (17) Đây là nói Phạm Du từ Nghệ An trở về hương Cồ Miệt. Hương Cồ Miệt ở vào địa phận tỉnh Hải Hưng, giáp Hồng Châu và Đảng, Khoái Châu (tức miền Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ, Hưng Yên) song không rõ chắc ở chỗ nào.
- (18) Câu này nguyên văn là : «Đảng Châu nhân thỉnh Binh Di công Du, bất khắc, nãi hoàn», BD. VSL viết là «Người Đảng Châu xin Binh Di đánh Du, không được phải trả về» (Nhóm biên soạn).
- (19) *Đông Tru* : chưa rõ ở đâu.
- (20) *Đội Xá* : Đội Sơn, huyện Duy Tiên (nay thuộc Nam Hà). ĐVSKTT chép vào tháng 7, sau việc giết Binh Di.
- (21) Theo VSTGCM, Phạm Du ngầm sai người đến Kinh đô đem vàng bạc đút lót cho người trong nội, nói rằng Binh Di tàn ác giết hại người vô tội, lại kẽm tình oan, xin về Kinh đợi tội. Vua tin lời Du, sai vời về Kinh, và triệu cả Binh Di về Kinli.
- (22) ĐVSKTT chép là ra Đông bộ đầu, tức bến Đông Tân sông Hồng bây giờ. Sứ chép Phạm Binh Di là một hoạn quan, không hiêu sao lại có con là Phụ 輔.
- (23) Tứ Trần Lý 陳李. Qua đây có thể biết tác giả Việt sử lược là người đời Trần.
- (24) Đoạn này lời văn khá lủng củng. Trên kia đã nói quân sĩ của Bốc vào cung Vạn Diên rước Vương Tử Thầm và Vương Tử Sâm về Hải Ấp, thế mà ở đây lại còn nói ngày Nhậm dần, đức Nguyên Tô ta thống suất thủy quân đến Kinh thành rước Vương Tử Sâm... đưa về ở nhà Đàm thị tại Hải Ấp, đoạn rước Vương Tử Thầm lên ngôi ở tại nhà đó.
- ĐVSKTT chép khác hẳn : Quách Bốc «trở lại vào cung Vạn Diên, lập Hoàng Tử Thầm làm vua, Đàm Dĩ Mông, Nguyễn Chính Lại đều nhận nguy chức của Thầm. Vua chạy đến Quy Hóa giang (Hưng Hóa)... Hoàng thái tử đi đến thôn Lưu Gia thuộc Hải Ấp (Lưu Gia : nay là Lưu Xá, huyện Hưng Nhàn, Thái Bình) nghe tin con gái Trần Lý có tư sắc, bèn lấy làm vợ. Nhà Trần Lý làm nghè đánh cá trở nên giàu có, những người ở gần đó theo phụ, do đấy có binh chúng cũng nồi lên làm giặc cướp. Thái tử đã lấy con gái của Lý, phong cho Lý tước Minh tự, cho cậu vợ là Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ» (xem Bd. ĐVSKTT ; Tập I ; Nxb. Khoa học xã hội ; 1972).
- ANCL cũng nói rằng vua chạy lên Quy Hóa nương nhờ nhà Hà Vận. Anh em họ Trần tụ tập hương binh dẹp loạn rồi đón vua về.
- (25) *Mang nhân* : chưa rõ.
- (26) *Tô Trung Tự* : ĐVSKTT và VSTGCM đều chép là «Tô Trung Từ». Theo VSTGCM thì Từ người thôn Lưu Gia, em vợ Trần Lý. Còn Trần Lý, người Tứ Mạc, phủ Thiên Trường, Nam Định (nay thuộc Nam Hà).
- (27) Theo ĐVSKTT thì sau đó, anh em họ Trần họp hương binh bình được loạn, rước vua về Kinh. Xa giá về cung, dẹp yên loạn Quách Bốc, xét tội, có phân biệt. Còn theo VSL thì vua vẫn ở Kinh sư.
- (28) Đây có lẽ chỉ Trần Tự Khanh, người sau này được phong làm Thuận lưu bá.

- (29) Chỉ Đoàn Thượng.
- (30) Công chúa Thiên Cực là vợ Chưởng mục Lạng Châu Hoài Trung hầu. ĐVS KTT lại chép công chúa Thiên Cực là Trần thị lấy Huệ Tông bị giáng làm công chúa Thiên Cực, gả cho Thủ Độ 守度 và cho Lạng Châu làm «hang mộc áp».
- (31) *Mã lăng* : chưa rõ ở đâu.
- (32) Có lẽ là chỉ Trần Tự Khanh và Quách Bốc. Hầu như bấy giờ có một sự đồng minh giữa Phạm Du và Đoàn Thượng một bên, giữa Phạm Bỉnh Di, Quách Bốc và anh em họ Trần một bên.
- (33) Có lẽ là *Đóng bộ* đầu.
- (34) Có lẽ là đánh Quách Bốc.
- (35) *An Lăng* : chưa rõ ở đâu.
- (36) *Túc Mắc* : thuộc phủ Thiên Trường, Nam Định (nay thuộc Nam Hà), là quê hương nhà Trần.
- (37) ĐVS KTT chép là Đỗ Anh Triệt.
- (38) ĐVS KTT chép thêm : «Vua với Đỗ Kinh Tu... đến chịu lời cõi thác».
- (39) ĐVS KTT chép là điện Thánh Thọ.
- (40) *Thiên Đức* : thuộc lộ Bắc Giang, nay thuộc Hà Bắc.
- (41) *Nguyễn kỷ* : đáng lẽ phải là *Lý kỷ*. Nhà Trần sau khi chiếm được ngôi vua, lấy cớ là «kiêng tên húy», đã đổi họ Lý ra họ Nguyễn, với mục đích dứt lòng tưởng nhớ của một số người nào đó đối với nhà Lý.

TA THÚC NGAO

謝叔教

(? — ?)

Tạ Thúc Ngao là tác giả bài văn bia «Sùng Khánh tự bi minh tịnh tự» 崇慶寺碑銘并序 soạn vào năm Đại Trị thứ 10 (1367) đòi vua Trần Dụ Tông trong khi ông giữ chức Phụng đọc học sinh, thư sử, trực thủ. Ngoài ra quê quán và năm sinh, năm mất đều không rõ.

175

崇慶寺碑銘并序

之山水泯有境，苟英茂俱，文飾之奇，名實清者乎？
夫境者心光傑華，則世名者之乎？
靈而人無才，萬流於傳德之時，况於一時乎？

道配幼，嘗偏晨成養。父其以誨茹之爲落之
乃，也。公磨，所宇望持。
寺善道仗佛而建。四給崇好父天慕，乃追以
慶公先以意寺。圓鄉也。急本愛一田
農勑也。鄉之鄉甚申施弘所女是人。心丙又
江，貞俾喜焉列紹慶。之淑主濟常，豐，
通覽禮，生以誦於崇場字，教好，清經扁
令，姪公不經。有名女仗成齋鬱之佛
學阮道天長十鑿火安富隱阮屬公誦秀所像
叔則子善酒，昏，

及公他色見之。然覺以酒色高，以薄乃為銘曰：
 寺成有年矣。某偶因公事至是邦，公一見嘉之。
 寺事。乃託以銘。顧某非大惡，何俗陋乃相尚，
 生于膏梁核服之家，處于手難化，長以謗薄乃為
 于，顧不譴歟？回視一鄉一邑，不揆相尚，不可同日而語也。

石記。長易心，替寬志。文襍。
 貞以非不用弗鄙立斯億。
 立文器詩公善孰夫述紹。
 爰謁材銘嘉好薄懦迺以。
 阮之托齊榮是紺金之流。
 猶父仁教不佛建粉捨以。

皇越大治十年丁未歲三月日奉讀學生書史直首謝叔教楚鄉撰。

PHIÊN ÂM :

SUNG KHANH TUY BI MINH TINH TUY

Phù cảnh giả tâm chi quang hoa, danh giả thực chi văn sirc. Cầu cảnh hữu sơn thủy chi linh, nhì nhân vô tài đức chi kiệt, tắc cảnh chi thanh kỳ, danh chi anh mâu, cầu dẫn một ư nhất thời, huống lưu truyền ư vạn thế giả hồ ?

Việt hữu Phú Linh trường, Thông Giang, Hoằng Nông hương, Sùng Khánh tự giả, nãi Phụ đạo thúc tinh Nguyễn Danh Ân, tự Văn Giác chi sở sáng dã. Công hiếu thiện nhân dã. Kỳ phối tắc phụ đạo nữ Nguyễn Â, thủ lê trình thực nữ dã. Cố tiên Phụ đạo Nguyễn công dĩ ấu tử Nguyễn Thiên Truong, chúc công giáo dưỡng, tỉ chủ thị hương. Thị dĩ Thiên Truong tiệm ma giáo hối, thiện tinh trưởng thành. Công bất hiếu trị sinh, thiện tế nhân chi cấp. Ý mộ Phật giáo, bất như huân tử. Thập trai tụng kinh suất dĩ vi thường. Hương bản vô tự, nhì kỳ sở cư chi biến. Cương man uất tú, thanh tuyền dũng liệt. Tâm thâm ái chí. Nãi kiến tự vũ dĩ vị thần hôn hương hóa chi sở. Kính thủy ư Thiệu Phong Bình thần nhất nguyệt, dãi từ nguyệt vọng lạc thành, Phụng an Phật tượng, biến viết Sùng Khánh. Hựu thi diền nhất viễn dĩ cấp trụ trì giả chi dưỡng. Từ

thành hữu niên hĩ. Mõ ngẫu nhân công sự chi vu thị bang. Công nhất kiến chi ngữ cập tự sự. Nãi thác dĩ minh. Cố mõ phi đại thủ bút, hà cảm đương thử, Nhiên gia công sinh vu cao lương huyền phục chi gia, xứ bạc ác nan hóa chi tục, nãi năng tự giác giác tha, cố bất vĩ dư ? Hồi thi nhất hương nhất ấp chi trưởng, dĩ phú qui tương cao, dĩ tửu sắc tương thượng, bất khả đồng nhát nhi ngữ dã. Bất quỷ tiên bạc nãi vi minh viết :

Y dư Nguyễn công,
Phụ đạo chi tông.
Nhân khả thắc cõ,
Giáo dưỡng tè đồng.
Bất mộ vinh lợi,
Phật giáo thị sùng.
Kiến lập cảm vũ,
Phấn súc kim dung.
Xả kỷ chi điền,
Dĩ quảng lưu thông.

Viên lập trình thạch,
Yết văn dĩ ký.
Tài khí phi trường,
Minh thi bất di.
Gia công dụng tâm,
Hiếu thiện phất thế.
Bạc đòn bỉ khoan,
Nhụ phu lập chí.
Nãi thuật tư văn,
Dĩ thiệu úc di.

Hoàng Việt Đại Trị thập niên Đinh vị tuế, tam nguyệt nhật.

Phụng độc học sinh, thư sử trực thủ Tạ Thúc Ngao, Sở Khanh soạn.

DỊCH NGHĨA :

BÀI MINH VÀ BÀI TƯA (1) VỀ CHÙA SÙNG KHÁNH (2).

Kề ra : Cảnh là ánh sáng và vẻ đẹp của tâm (3) ; danh là vẻ ngoài của thực (4). Nếu cảnh có được sự linh thiêng của núi sông, mà người lại không có kẽ hào kiệt tài đức, thì sự thanh kỳ của cảnh, sự tốt đẹp của danh cũng đều chìm đắm trong một thời, còn nói gì đến chuyện lưu truyền vạn đời được nữa (5).

Nay có ngôi chùa Sùng Khánh ở hương (6) Hoằng Nông, Thông Giang ; trường (7) Phú Linh (8), là do chủ của Phụ đạo (9) họ Nguyễn, tên là Ân, tự là Văn Giác sáng lập ra.

Ông là người ham điều thiện, lấy bà vợ là Nguyễn Ả, con gái Phụ đạo, là một người đàn bà trinh thực, biết giữ lẽ.

Vì Phụ đạo trước là Nguyễn công, đem người con nhỏ là Nguyễn Thiên Trượng giao cho ông nuôi dạy, khiến cho làm chủ hương ấy. Từ đấy Thiên Trượng dần dần được dạy bảo rèn dũa, tính thiện trưởng thành. Ông không thích chăm lo sản nghiệp riêng, mà lại ham cứu giúp người lúc khó khăn, lòng thi mộ đạo Phật, không ăn thịt, không uống rượu, mỗi tháng ăn chay 10 ngày (10) và đọc kinh, lấy đó làm lệ thường.

Hương này vốn không có chùa, mà lại ở nơi hẻo lánh, núi non sầm uất đẹp xinh, có suối trong tuôn chảy, lòng ông rất yêu cảnh đẹp này. Bèn dựng chùa để làm nơi hương hỏa sớm hôm. Bắt đầu từ tháng giêng năm Bình Thành

thời Thiệu Phong (1356), đến rằm tháng tư thi hoàn thành, đặt tượng Phật vào, đặt tên là chùa Sùng Khánh. Lại cho một mảnh ruộng để cấp dưỡng cho người già trì.

Chùa được lập ra đã lâu năm, tôi ngẫu nhiên có việc công đi đến xứ này. Ông vừa gặp tôi, nói ngay đến việc chùa, bèn nhờ tôi làm bài minh. Tôi vốn không phải là tay đại bút, sao dám dám đương việc đó. Nhưng tôi phục ông là người sinh trong gia đình quyền quý cao sang (11) lại ở trong vùng có phong tục bạc ác, khó giáo hóa, thế mà lại có thể tự giác giác tha (12), như thế há chẳng lớn sao ?

Quay nhìn lại các kẻ đứng đầu trong một hương một ấp, họ thường lấy sự giàu có mà tự cao với nhau, và đều ham chuộng tửu sắc, không thể đem sánh ngang với ông được.

Cho nên tôi cũng không đắn đo về tài học nông cạn của mình, mà làm bài minh rằng :

Tốt thay Nguyễn Công,
Dòng dõi Phụ đạo,
Lòng nhân của ông khiến người ta có thể gửi đứa con côi,
Ông dạy dỗ nuôi dưỡng như con mình.
Ông không màng vinh hoa lợi lộc (13),
Chỉ chăm sùng thượng đạo Phật.
Ông dựng chùa chiền,
Và tô điểm tượng Phật.
Bỏ ruộng riêng (14) của mình,
Để mở rộng sự lưu thông.
Lại dựng bia đá,
Xin bài văn để ghi lại.
Tài năng của tôi chẳng phải cao,
Làm bài thơ bài minh không dễ.
Nhưng tôi phục ông có dụng tâm,
Lòng hiếu thiện của ông không thay đổi.
Kẻ bạc ác ông biến thành độn hậu,
Kẻ hẹp hòi ông làm cho trở nên rộng rãi (15).
Người tầm thường (16) mà lập được chí,
Bèn thuật lại bằng bài văn này.
Để lưu truyền đến ức vạn năm !

DỊCH THƠ¹

Tốt đẹp thay Nguyễn Công,
 Vốn dòng quan Phụ đạo.
 Đức nhân săn vun trồng,
 Người đem con ký thác.
 Ông nuôi dạy hết lòng,
 Coi quý như con đẻ.
 Cho nối nghiệp tổ tông,
 Lợi danh ông chẳng thiết.
 Chỉ ham chuộng thiền tông,
 Đã điểm tô tượng Phật.
 Lại xây dựng Phạn cung,
 Đem ruộng riêng bỏ thi.
 Nhằm mở rộng lưu thông,

Thêm cho dựng bia đá.
 Xin văn đề ghi công,
 Tôi tài sơ tri thiên.
 Cầm bút thực khó lòng,
 Nhưng phục ông có chí.
 Lòng hiếu thiện không cùng,
 Bạc ác thành đòn hậu.
 Hẹp lượng hóa khoan hồng,
 Phận hèn mà chí lớn.
 Cố gắng cũng thành công,
 Bên viết văn thuật lại.
 Truyền mãi tới vô cùng !

Ngày tháng 3 năm Đinh mùi, niên hiệu Đại trị thứ 10 (1367) triều vua Việt.

Phụng độc học sinh, thư sử trực thủ là Tạ Thúc Ngao, hiệu Sở Khanh⁽¹⁷⁾ soạn⁽¹⁸⁾.

HÀ VĂN TẤN , NGÔ THẾ LONG

CHÚ THÍCH :

- (1) Tựa là một thể văn cổ, thuộc loại tự sự, trần thuật.
- (2) *Chùa Sùng Khánh* nay thuộc thôn Núng, xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Tuyên. Chùa dựng năm 1356 đời Trần Dụ Tông. Lần trùng tu chùa có dựng bia và đúc chuông là năm 1705 đời Lê Dụ Tông. Nhưng thời nay chùa chỉ còn là một phế tích, tấm bia hiện vẫn còn ở đó (Theo khảo sát điền dã của Nguyễn Đình Chiểu — cán bộ Viện Khảo cổ học, năm 1976).
- (3) Trong Phật giáo *cánh* được đối lập với *tâm*; *cánh* chỉ thế giới hiện tượng bên ngoài. Thời Trần, nhiều nhà sư chú ý cặp phạm trù này (xem *Tuệ trung thượng sỹ ngữ lục*).
- (4) Cặp phạm trù đối lập cổ, quen thuộc: *danh* và *thực* (gần như «nội dung và hình thức»).
- (5) Lập luận xưa: «Nhân kiệt địa linh» (nơi đất thiêng phải sinh người giỏi).
- (6) (7) *Hương, giang, trường*: là các đơn vị hành chính còn thấy ở đời Trần ví dụ hương Mẽ Sở, giang Nam Sách.
- (8) *Trường Phú Linh*: chưa rõ phạm vi của đơn vị hành chính này gồm những đâu.
- (9) *Phụ đạo*: là chức quan xưa thường dành cho các tù trưởng miền núi. Thời Trần viết là 父道, thời Lê mới viết là 辅導 (xem Nguyễn Trãi *Dư địa chí*, điều XLIX).
- (10) Nguyên văn là *thập trai* (ăn chay 10 ngày) tục này bắt đầu từ vua Vũ Đế nhà Đường, mỗi năm có một số tháng, mỗi tháng có 10 ngày nhà vua ăn chay. Sau đó dần bắt chước, ăn chay vào các ngày sau đây trong tháng: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30, gọi là thập trai (10 ngày ăn chay).
- (11) Nguyên văn: *Cao lương huyền phục* (ăn ngon mặc đẹp), dịch thoát.

- (12) *Tự giác giác tha*, từ ngữ nhà Phật, nghĩa là tự giác ngộ và giác ngộ người khác.
- (13) Nguyên văn chữ lợi (利) không viết theo lối kiêng tên húy, chứng tỏ bài này được khắc trước hoặc sau đời Lê.
- (14) Nguyên văn là *kỷ diền* : ruộng của mình.
- (15) Câu đó là dịch 1 câu có 4 chữ trong nguyên văn : «*Bạc đôn bỉ khoan*», có thể tác giả nói về ông Nguyễn, nên cũng có thể hiểu là «trong loại người bạc ác, có ông là người đôn hậu, trong bọn hẹp hòi, có ông là người rộng rãi».
- (16) Nguyên văn : *nhụ phu* : kẻ hèn kém tầm thường, đây cũng có thể chỉ vào chủ nhân họ Nguyễn.
- (17) Nguyên văn là *Sở Khanh* 楚卿, đây là tên hiệu của tác giả Tạ Thúc Ngao, vì trùng tên với Tôn Thúc Ngao là một vị quan khanh giỏi của nước Sở xưa, nên ông ta lấy luôn chữ Sở Khanh làm hiệu của mình (cũng như Cao Bá Quát lấy hiệu là Chu Thành-bè tôi nhà Chu).
- (18) *Mặt sau bia còn có 2 dòng chữ khắc thêm như sau :*
- dòng 1* : 權父道阮天仗洎晚覺居士共施那敷田壹圓東伴近小澗水適丙。西二伴近山林。北伴近寺焉界。永為三寶物。
Quyền Phụ đạo Nguyễn Thiên Truong tự Văn Giác cư sĩ cộng thi Na Nộn điền nhất viên Đông bạn cận tiêu gián thủy, Thích Bình. Tây nhị bạn cận sơn lâm. Bắc bạn cận tự vi giới. Vĩnh vi Tam bảo vật.
- dòng 2* : 惜善居士施奴二人：尚大，美庵，并水牛一頭，施為三寶物。Ngô Thiện cư sĩ thi nô nhị nhân : Thượng Đại, Mỹ Am, tịnh thủy ngưu nhất đầu, thi vi Tam bảo vật.
- 1) Quyền Phụ đạo Nguyễn Thiên Truong và Văn Giác cư sĩ cùng thi ruộng Na Nộn một mảnh, phía đông gần khe nước nhỏ Thích Bình. Hai bờ phía tây gần núi rừng, phía bắc gần chùa làm giới hạn, vĩnh viễn là của Tam bảo.
- 2) Ngô Thiện cư sĩ cùng hai người nô là Thượng Đại và Mỹ Am và một con trâu làm của Tam bảo.
- Căn cứ vào nét chữ, chúng tôi thấy những chữ ở dòng 1 là cùng một dạng như chữ ở mặt trước bia (do một người viết, khắc) còn chữ ở dòng 2 thì không giống. Nhưng xét nội dung của 2 dòng chữ đó, ta có thể thấy chúng được khắc vào sau khi hoàn thành mặt trước bia, không bao lâu. Có thể coi như cùng một thời đại.

TRẦN THIÊN TRẠCH

陳天澤

(? — 1379)

Trần Thiên Trạch là con Trần Minh Tông 陳明宗 (1314—1329), người hương Túc Mặc 即墨, phủ Thiên Trường 天長⁽¹⁾. Ông sinh năm nào chưa rõ, mất năm Kỷ mùi (1379)⁽²⁾. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, mùa hạ, tháng 4, năm Đinh dậu (1357), Hữu tướng quốc Trần Thiên Trạch được phong làm Cung Tin Vương⁽³⁾.

Tác phẩm : Hiện còn một bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay là xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư* chép : «Mùa đông, tháng 10 (năm Kỷ mùi—1379)... Hữu tướng quốc là Cung Tin Vương Thiên Trạch chết» (Bd. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 193).

(3) *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 161.

176

題范殿帥家莊

BÈ PHẠM DIỆN SOÁI GIA TRANG ^{**}

橋七八重虹矮矮，
水東西折緣迴迴。
不因看石尋梅去，
何物能招宰宰來。

Kiều thất bát trùng hồng oải oải,
Thủy đông tây ^{**} chiết lục hồi hồi.
Bất nhân khán thạch tầm mai khứ,
Hà vật nǎng chiêu Tề tướng lai.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ TRANG TRẠI CỦA ĐIỆN SOÁI PHẠM (1)

Cầu bảy tám tầng như cầu vòng thấp là là,
 Nước rẽ ngoặt về hai phía đông, tây thành một dải mầu xanh quanh co.
 Nếu không phải vì đê ngầm đá, tim mai,
 Thị có ai vời nỗi quan Tề tướng (2) đến đây ?

DỊCH THƠ :

*Mấy lớp cầu vòng thâm thấp xây,
 Nao nao giòng biếc rẽ đông, tây.
 Không vì thường thức mai cùng đá,
 Ai dẽ đưa quan đến chốn này ?*

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL : chép đầu đề bài thơ là 题范五老殿帥家莊 Đề Phạm Ngũ Lão Điện soái
gia trang.
 2* TVTL1 : 水之玄 *thủy chí huyền.*

CHÚ THÍCH :

- (1) Điện soái Phạm : tức Phạm Ngũ Lão.
 (2) Quan Tề tướng : ở đây chỉ Phạm Ngũ Lão.

LƯU THƯỜNG

劉 常

(1345—1388)

Lưu Thường quê quán ở đâu chưa rõ; về năm sinh năm mất, theo sử chép vào năm 1388, do sự dèm pha của Hồ Quý Ly 胡季釐, Trần Nghệ Tông 陳藝宗 đã buộc Đế Nghiêm phải thắt cổ chết, Lưu Thường cùng với Nguyễn Khoaí 阮快, Nguyễn Văn Nhi 阮雲兒 định cứu Đế Nghiêm, nhưng việc bại lộ, tất cả đều bị giết. Cũng năm này ông làm bài thơ *tuyệt mệnh*, nói đã 43 tuổi, ta có thể suy ra ông sinh năm 1345.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Tinh tuyển thư gia luật thi*.

177

絕命詩

殘忠抱義年
義氣年生原
十有四逢生
死前應不負
餘正又何慙。

TUYẾT MỆNH THI

Tàn niên tử thập hữu dư tam,
Trung nghĩa phùng tru tử chính cam.
Bảo nghĩa sinh tiền ưng bất phụ,
Bộc thi nguyên thương hựu hà tàm !

DỊCH NGHĨA:

THƠ TUYỆT MỆNH

Tuổi tàn nay đã bốn chục lẻ ba rồi,
 Vì trung nghĩa mà bị giết, chết cũng cam tâm,
 Lúc sống ta không phụ chí ôm lòng trung nghĩa,
 Nay phải phơi thây ngoài đồng nội, có hẹn gì đâu !

DỊCH THƠ:

*Bốn mươi ba tuổi thân tàn tạ,
 Trung nghĩa sa cơ chết cũng đành.
 Giữ tiết bình sinh lòng chẳng phụ,
 Phơi thây ngoài nội hẵn không kinh !*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

TRẦN NGẠC⁽¹⁾

陳 頗

(? — 1391)

Trần Ngạc là con của Trần Nghệ Tông, được phong chức Thái Úy Trang Định Vương. Chưa biết sinh năm nào, chỉ biết năm Tân Mùi (1391), ông sơ uy quyền của Hồ Quý Ly nên chạy trốn về trang Nam Định. Trần Nghệ Tông nghe lời Quý Ly dèm pha, sai Nguyễn Nhân Liệt đưa quân tróc nã. Quý Ly lại ngầm sai Nhân Liệt đánh chết.

Tác phẩm : *Dai Viet sử ký toàn thư* chép ông hay làm thơ Nôm, song tác phẩm hầu hết thất lạc, nay chỉ còn một bài thơ chữ Hán. Bài này cũng có trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Chữ Ngạc có sách phiên là Thích.

178

贈司徒元旦

我 是 當 年 糜 物，
公 非 大 厦 奇 才。
會 取 一 般 老 病，
田 園 早 辨 歸 來。

TẶNG TƯ ĐÔ NGUYỄN ĐÁN⁽¹⁾

Ngã thị đương niên khí vật,
Công phi đại hạ kỳ tài.
Hội thủ nhất ban lão bệnh,
Điền viên tảo biện qui lai.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG TƯ ĐỒ NGUYỄN ĐÁN

Tôi nay vào hạng bô đài,
Ông chẳng phải người tài của thiên hạ.
Cùng một phường già nua bệnh tật cả,
Cánh ruộng vườn nên sớm lui về.

DỊCH THƠ :

*Tôi nay vào hạng vất đì rồi,
Ông chẳng thể gian bậc kỳ tài.
Cùng bọn già nua suy yếu cả,
Điền viên sớm liệu thoái về thôi.*

(Theo Bd. ĐVS KTT)

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép khi Trần Nguyên Đán về Côn Sơn, gửi thư cho bạn hữu có câu : *Kim cõ hưng vong chán khả giám ; Chư công hà nhẫn gián thư hy* (Còn mất xưa nay xem đã rõ ; Các ông sao nỡ ít thư can). Trần Ngạc cho rằng Nguyên Đán cũng không còn sức tài để lo việc nước, hè tắt gửi thư khuyên bạn hữu như vậy, mới làm bài thơ trên gửi Nguyên Đán.

PHẠM NHÂN KHANH

范仁卿

(?)

Phạm Nhân Khanh hiệu là Cồ Sơn 崧山, chưa rõ ông sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu; chỉ biết dỗ Tiến sĩ vào đời Long Khánh 隆慶 (1373 — 1377), từng được nhà Trần cử đi sứ Trung Quốc; lúc về làm chức Giám tu quốc sử, kiêm An phủ sứ lộ Lạng Sơn.

Tác phẩm : hiện còn 13 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

179

扈拜山陵回京

靈闕動寒上間士難。
回九影聲天甸進來
便入龍玉堯禹新獻
畢春旗佩格露臣賦
禮扶旌劍昭旁小有
巡杖轉移心澤蹕泉
東仙雲星孝仁扈廿

HỒ BÁI SƠN LĂNG HỒI KINH 1*

Đông tuần lê tất tiện hồi loan,
Tiên trượng phù xuân nhập ^{2*} cửu
quản.
Vân chuyên ^{3*} tinh kỳ long ảnh động,
Tinh di kiếm bội ngọc thanh hàn.
Hiếu tâm chiêu cách Nghiêu thiên
thượng,
Nhân trách bàng chiêm Vũ điện gian.
Hô tất tiều thần tân Tiến sĩ,
Cam tuyển hữu phủ hiến lai nan.

DỊCH NGHĨA :

HẦU VUA ĐI BÁI YẾT SƠN LĂNG VỀ KINH

Lễ động tuân xong bèn quay xe loan trở về,
 Gây tiên đỡ lấy vóc xuân vào chín tầng cửa.
 Cơ tựa mây vẫn, bóng rồng lay động,
 Gươm như sao chuyển, tiếng ngọc trang nghiêm.
 Lòng hiếu thảo thấu đến trời Nghiêu (1),
 Ôn nhân hậu thăm sâu đất Vũ (2).
 Tiêu thần là một Tiên sĩ tàn khoa đị hộ giả,
 Có bài phú *Cam tuyền*, mong được dâng lên.

DỊCH THƠ :

Đóng tuần xong lễ trở xe loan,
Chin cửa tung bừng rước long nhan.
Cơ tựa mây vẫn trời bóng lộng,
Gươm đường sao chuyển ngọc vang ran.
Hiếu tâm đà thấu trời Nghiêu rộng,
Nhân trách thêm sâu đất Vũ tràn.
Hộ giả việc vinh, thần Tiên sĩ,
Mong dâng bài phú vịnh Cam tuyền.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* MDT: 尹 御 駕 謁 山 陵 回 京 *Hỗn ngự giá yết Sơn lăng hồi kinh.*2* MDT: bái.3* MDT: 携 *quyền*.

CHÚ THÍCH :

- (1) (2) Nghiêu, Vũ : Nghiêu tức Đường Nghiêu 唐堯, Vũ tức Hạ Vũ 夏禹. Đường Nghiêu và Hạ Vũ là hai vị vua hiền thời xưa ở Trung Quốc.
- (3) Phú Cam tuyền : Dương Hùng 祺雄 người đời Hán khi đi bộ giá Hán Thành Đế 漢成帝 lê ở cung Cam Tuyền, có làm bài phú *Cam tuyền* dâng lên.

180

奉北使恭遇熙
陵大祥日有感

慶從年間被選
詔從驥使陪陪
桂從嚴依臣近
梅從容顧頻。
西北行芻大駕，
禮帳有盡。瞻
隆從苑冉，望蒼梧。
詔從苑冉，望蒼梧。

PHUNG BẮC SƯ CUNG NGỘ HY LĂNG
ĐẠI TƯỜNG NHẬT HỮU CẨM

Long Khánh niên gian bị tuyễn luân,
Chiếu tòng nhật sứ xuyết bồi thần.
Quế cung nghiêm thủy chiêm y cận,
Mai thiết thung dung cố ván tàn.
Tay thú mang mang mè đại già,
Bắc hành nghiêm nghiêm ngộ ai thần.
Lễ văn hưu tận ^{1*} tình vô tận ^{2*},
Trương vọng ^{3*} Thương Ngô ^{4*} lệ
mẫn cảm.

DỊCH NGHĨA :

PHUNG MỆNH ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC, CẨM XÚC
NHÂN GẶP NGÀY ĐẠI TƯỜNG ⁽¹⁾ CỦA HY LĂNG ⁽²⁾

Vào năm Long Khánh ⁽³⁾ được chọn làm sứ giả,
Chiếu vua do mã phu đưa đến bồ khuyết làm bồi thần ⁽⁴⁾.
Trong cung quế thâm nghiêm được gần gửi nương tựa,
Dưới thềm mai nhàn hạ luôn luôn hỏi han.
Đi tuần thú miền tây mênh mông, xe vua mờ mịt ⁽⁵⁾,
Đi lên phương bắc xa xăm, gặp lúc đau thương.
Lễ văn có khi hết, tình cảm không thể hết,
Buồn trông núi Thương Ngô ⁽⁶⁾, nước mắt đầm khăn.

DỊCH THƠ :

*Long Khánh năm kia có chiếu đòi,
Sứ triều theo lối phận bầy tôi.
Trong chừng cung quế tày gang tắc,
Hầu chuyện thềm mai đã mấy hồi.
Giá trở miền tây dà mắt mát,
Người qua cõi bắc lại lôi thôi.
Lễ văn dẫu hết tình chưa hết,
Trông néo Thương Ngô lệ sụt sùi.*

Theo ĐINH VĂN CHẤP
(Nam Phong số 116-1927)

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : 限 *hạn*.
 2* MDT : 極 *cực*.
 3* TTCGLT : 满 *mǎn*.
 4* TTCGLT : 梅 *mai*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Ngày dài tường : ngày giỗ thứ hai.
 (2) Hy lăng : chỉ Trần Duệ Tông.
 (3) Long Khánh : niên hiệu của Trần Duệ Tông (1373-1377).
 (4) Bồi thần : người giúp việc cho chánh sứ.
 (5) Chỉ việc Trần Duệ Tông mang quân đi đánh Chiêm Thành và chết tại trận, năm Đinh tị (1377).
 (6) Núi Thương Ngô : ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Theo *Thủy kinh chí*, vua Thuần di tuân thủ phía nam, mất ở chân núi Thương Ngô, mộ cũng tàng ở đó. Câu thơ trên, tác giả nói đến Thương Ngô, ý muốn nhắc đến việc vua Duệ Tông mất ở phía Nam.

181

守歲

舊歲不送飲食	暫眠窮酒後	從盡笑饒花	今五古前仍	夕更人背態威	別謬能度，
春醉門外	冬春醉中	堪未梅雪	尚前意就	威新年帖	稜。

THỦ TUẾ

Cựu tuế tạm tòng kim tịch ^{1*} biệt,
 Bất miên khiêu tận ngũ canh đăng.
 Tổng cùng kham tiếu cồ nhân mậu,
 Ấm tửu vị nhiêu tiền bối nồng.
 Đông ^{2*} hậu mai hoa nhưng ^{3*} thái độ,
 Xuân tiền tuyết ý thượng uy lăng.
 Tùy trung tả tựu tân niên thiếp,
 Môn ngoại đồng đồng hiều nhật thăng.

DỊCH NGHĨA :

GIỮ NĂM

Năm cũ ! Xin tạm biệt từ đêm nay,
 Không ngủ, khêu đèn suốt năm canh.

«Tiễn nghèo» ⁽²⁾, thật buồn cười chuyện hoang đường của người xưa,
 Uống rượu, chẳng nhường tài bậc tiền bối.

Sau mùa đông, phong độ hoa mai vẫn thế,
Trước mùa xuân, ý thái của tuyết còn hăng.
Trong lúc say, viết xong lá thiếp năm mới,
Ngoài cửa, mặt trời ban mai ửng hồng đang lên.

DỊCH THƠ :

*Giữ từ năm cũ đêm nay,
Năm canh khôn giác, đầu đầy bắc khêu.
Người xưa giữ tục tiền nghèo,
Cạn vò đưa sức lệ theo nếp nhà.
Sau đông mai vẫn nở hoa,
Trước xuân bông tuyết vẫn là là rơi.
Say rồi viết thiếp chúc mời,
Trước sân le lói mặt trời đang lên.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 日 無。
2* TTCGLT : 腊 cát.
3* TTCGLT : 猶 do.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Giữ năm* (thủ tuế) : phong tục thời xưa, đêm 30 tết không ngủ.
(2) *Tiền nghèo* (tổng cùng) : phong tục xưa tiền cái nghèo đi trong đêm 30 tết.

182

春遊

XUÂN DU ^{1*}

穩	乘	入	在	迷	纖	點	別
路	入	在	迷	纏	染	有	數
身	芳	鶯	錦	巧	深	一	嬌
眠	鬱	鶯	繡	巧	一	嬌	
纖	園	花	繡	悅	誇	般	
點	十	庭	人	誘	誇	燕	
	段	院	化	造	般	語	
	里	花	斷	腸	燕		
	紅	繡	樓	處			
		悅		東			

Ôn thừa khoản đoạn bối xuân phong,
Lộ nhập phương viên thập lý hồng.
Thân tại oanh hoa đình viện lý,
Nhẫn mê cầm tú họa đồ trung.
Tiêm nùng xảo duyệt du nhàn ý,
Điểm nhiễm thâm khoa tạo hóa công.
Biệt hữu nhất ban trường đoạn xứ ^{2*},
Sô thanh kiều yến ngữ lâu đồng.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI XUÂN

Cõi êm trên lưng ngựa, đi ngược gió xuân,
 Bước vào vườn thơm, suốt mướt đậm đều màu hồng.
 Thân ở trong đình viện oanh hoa,
 Mắt say sưa với bức tranh gấm vóc.
 Vẽ xinh xắn đậm nồng, khéo chiều lòng du khách,
 Tô vẽ nhuộm màu, khen cho tạo hóa tài tình,
 Tuy vậy trong lòng vẫn còn một nỗi đau thương.
 Khi nghe én non ríu rít ở phía lầu đồng.

DỊCH THƠ :

*Ung dung lưng ngựa, gió xuân về,
 Mướt đậm vườn thơm, sắc đỏ hoe.
 Người giữa sân hoa đầy cảnh đẹp,
 Mắt say gấm vóc thăm tranh quê.
 Du nhân đẹp ý, muôn màu thắm,
 Tạo hóa đầy công, lắm vẻ mê.
 Đứt ruột lòng đau riêng một nỗi,
 Là khi én hót nhộn lầu kia.*

HOÀNG LÊ

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1 : 春 日 遊 xuân nhật du.
 2* TVTL3 : 断 肠 doan truong.

183

秋夜

秋 三 乾 草 別 空 人 誰	漏 更 坤 木 浦 階 間 是	迢 夜 四 半 雲 霧 此 平	聽 氣 枯 遠 天 迷 立 下	長 涼 月 天 寒 立 堪 生	轉 衣 如 正 斷 寒 憫 鐵	涼 晝 霜 鴈 蟹 悵 石	
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------	--

THU DẠ

Thu lựu thiều thiều thinh chuyền trường ^{1*},
 Tam canh dạ khì thấu y lương.
 Kiền khôn từ cổ nguyệt như trú,
 Thảo mộc bán khô thiên chính sương.
 Biệt phổ vân dao mê đoạn nhạn,
 Không giai vụ hạ khấp hàn trương.
 Nhân gian thử cảnh kham trú trường,
 Thùy thị bình sinh thiết thạch trường.

DỊCH NGHĨA:

ĐÊM THU

Giọt đồng hồ ⁽¹⁾ đêm thu nghe mỗi lúc một dài,
 Cảnh ba hơi thu lạnh thấm áo.
 Ngoảnh nhìn bốn phía trời đất, trăng sáng như ban ngày,
 Cây cỏ nửa phần xơ xác, trời đang xuống sương.
 Bóng nhạn khuất ngoài đám mây xa, bến sông ly biệt,
 Tiếng đế khóc nỉ non dưới sương mù trước thềm vắng.
 Cảnh ấy ở nhân gian thật đáng xót xa,
 Ai trong cuộc sống giữ lòng sắt đá được.

DỊCH THƠ :

Thánh thoát đồng hồ giọt diêm dài,
 Cảnh ba khí lạnh thấm qua vai.
 Đất trời bốn phía trăng soi tỏ,
 Thảo mộc nửa phần nước nhạt phai.
 Bến nhớ mây che đàm nhạn khuất,
 Thềm sâu sương xuống lũ trùng ai.
 Người đây cảnh đấy thêm rầu rĩ,
 Sắt đá lòng đâu giữ được dài.

KHẢO ĐỊNH :

1* MBT : 遷 tri.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Giọt đồng hồ (lâu)* : Xưa người ta đổ nước hay cát vào một cái phễu, dưới có lỗ nhỏ, giữa phễu có cắm cái cọc ghi giờ khắc. Nước hay cát theo lỗ nhỏ chảy xuống, giờ khắc ghi trên cột lộ dần ra, người ta theo đó mà biết được thời gian. *Truyện Kiều* có câu : *Đêm thâu khắc lâu canh tàn ; Gió cây trút lá trăng ngàn ngả gương.*

184

七夕

THẤT TỊCH

斗	柄	西	轉	火	輪	收,
天	上	秋	期	會	女	牛。
銀	諸	高	橫	雲	似	傘,
星	橋	斜	掛	月	如	鉤。
鍾	分	靈	匹	悲	歡	夜,
香	滿	佳	人	針	線	樓。
笑	我	生	來	素	素	拙,
世	間	機	巧	徒	無	求。

Đầu bình tây chuyên hỏa luân thu,
Thiên thượng thu 1* kỳ hội 2* Nữ
Nguru.

Ngàn chữ cao hoành 3* vân tự tán,
Tinh 4* kiều 5* tà quái nguyệt như cầu,
Chung phản 6* linh thất 7* bi hoan dạ,
Hương mẫn giải nhân châm tuyến lâu.
Tiểu ngã sinh lai đồ 8* tố chuyết,
Thế gian cơ xảo diệc vô cầu.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THẤT TỊCH (1)

Chuôi sao Bắc Đầu chuyên về tây, mặt trời lặn,
Là kỳ hẹn mùa thu của Chức Nữ và Nguru Lang ở trên trời.
Mây giăng chót vót trên bến sông Ngân như chiếc lọng,
Trăng vắt chênh chêch ở cầu sao như lưỡi câu.
Chén rượu chia đêm vui buồn ở chốn linh thất (2),
Mùi thơm đầy lầu kim chỉ của người đẹp (3).
Cười mình từ khi sinh ra đã mộc mạc vụng về,
Nhưng cũng không cản sự khôn khéo của thế gian.

DỊCH THƠ :

*Chuối Đâu về tây bánh hỏa thâu,
Duyên trời gặp gỡ Nữ và Ngâu.
Mây giăng sông bạc đường cây tán,
Trăng đứng cầu sao tựa lưỡi câu.
Mùi dứa vui buồn đêm kết ước,
Hương xông kim chỉ khách nương lầu.
Cười minh bắn tình xưa nay vụng,
Khéo léo nghè ai chẳng chút cầu.*

Theo ĐINH VĂN CHẤP
(Nam phong số 116 — 1927)

KHẢO ĐÍNH :

- 1* HVTT : 佳 *giai*.
- 2* HVTT : 会 *hop*.
- 3* HVTT : 樟 *tiêu*.
- 4* TVTL2 : 王 *vương*.
- 5* TVTL2 : 星 *tinh*.
- 6* HVTT : 焉 *vị*.
- 7* HVTT : 室 *thất*.
- 8* TVTL2 : 徒 *tòng*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đêm thất tịch* : đêm mồng 7 tháng 7 âm lịch. Tương truyền đêm thất tịch, Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.
- (2) *Linh thất* : chỉ Khiến Ngưu và Chức Nữ.
- (3) Thời xưa, cứ đến đêm thất tịch, phụ nữ bầy hoa quả trước sân rồi thi nhau xâu chิ qua kim bảy lỗ. Tục đó gọi là *Khết xảo* (cầu khéo).

185

七夕

THẤT TỊCH

天駿雜織暫相無添
上奔雲橋機却又再罷
雙鳥鵲合閑從是配更
星鵠役天霧今隔銀一
會靈車線夕年河夜遲。
期司轉垂別期水遲。

Thiên thượng song tinh dục hội kỳ ^{1*},
Tuần bôn ô thước dịch linh ty.
Giá vân kiều hợp ^{2*} thiên xa ^{3*}
chuyên,
Chữ cầm cơ nhàn vụ ^{4*} tuyển thùy.
Tạm hội khước tòng kim tịch biệt,
Tương phùng hựu thị cách ^{5*} niên kỷ.
Vô nhân tái phối ^{6*} Ngân Hà thủy,
Thiêm tác đà ^{7*} canh nhất dạ trì.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THẤT TỊCH

Kỳ hẹn gặp gỡ của đôi sao trên trời sắp đến,
Vì làm việc cho thần tiên mà chim ô thước bay gấp.
Nhịp cầu mây bắc liền lại, xe nhà trời chuyên sang,
Cửi dệt gấm được nghỉ, sương mù rủ xuống.
Cuộc gặp mặt chốc lát, lại ly biệt từ đêm nay,
Hen gặp nhau vào độ này năm sau.
Không ai tái phối ⁽¹⁾ được nước sông Ngân,
Thêm tiếng cầm canh của con đà ⁽²⁾ cho đêm chậm lại.

DỊCH THƠ :

Hai sao hẹn gặp đêm nay,
Giúp tiên, ô thước tung bay rộn ràng.
Cầu mây nối nhịp xe sang,
Dừng tay dệt cửi, gấm vàng tỏa sương.
Gặp đây rồi, lại đôi đường,
Hen nhau cho đến dịp thường năm sau.
Sông Ngân xuôi nước về đâu,
Trống canh thủng thẳng, dạ său ngôn ngang.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* MDT : 時 *thời*.
- 2* TTCGLT : 令 *lệnh*.
- 3* TVTL2 : 軍 *quân*.
- 4* TVTL1 : 開路 *khai lô*.
- 5* MDT : 客 *khách*.
- 6* TVTL1 : 更酌 *cánh chước*.
- 7* MDT : 壺 *hò*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tái phổi* : chữ này hơi khó dịch ; nguyên văn là : *vô nhân tái phổi Ngân Hà thủy* ; nghĩa là : Không ai làm cho nước sông Ngân đã chảy, lại có thể trở ngược lên chảy trở lại được. Chúng tôi tạm dịch là *tái phổi*.
- (2) *Tiếng cầm canh của con dà* (dà canh) : tiếng cầm canh của một loại bò sát giống cá sấu.

186

雁字

NHẠN TƯ

秋	國	早	生,
天	看	雁	橫。
帶	翻	千	濕,
衝	草	數	輕。
一	信	連	行。
半	書	伴	雲,
笑	無	蒼	起,
滿	鳥	不	月,
			行。

Thu cao ^{1*} trạch quốc tảo hàn sinh,
 Thiên ngoại giao khan nhạn tự hoành.
 Đời vũ loạn phiên thiên diêm thấp,
 Xung phong ^{2*} tà thảo sở hàng khinh.
 Nhất thanh sương tin liên vân khởi,
 Bán bức hương thư bạn nguyệt hành.
 Tiểu ngã tố vô Thương Hiệt chí ^{3*},
 Mẫn không điền tích bất nồng danh.

DỊCH NGHĨA :

CHỦ NHẠN (1)

Mùa thu đã muộn, đồng nước sinh rét sớm,
 Xa trông bên trời hàng chữ nhạn giăng ngang.
 Mang theo mưa, tung bay nước nghìn giọt,
 Xông vào gió, thảo chêch chữ mấy hàng.

Một tiếng tin sương, mây tầng nỗi dây,
Nửa bức thư nhà, theo trăng di về.
Cười ta vốn không có chí của Thương Hiệt (2),
Dấu chân chim dày trên không mà không biết gọi chữ gì (3).

DỊCH THƠ :

*Thu già mặt nước lạnh lung thay,
Một nét bên trời chữ nhạn bay.
Ngàn điểm tung ra mưa rải rác,
Vài hàng thảo xuống gió lung lay.
Đón tin sương tối cơn mây dựng,
Đưa bức thư về bồng nguyệt ngay.
Minh hồ tài thua Thương Hiệt trước,
Dấu chim chan chúa chữ khôn hay.*

Theo ĐINH VĂN CHẤP
(Nam phong số 11 - 6 - 1927)

KHẢO ĐÍNH :

1* HVTT : 高秋 cao thu.

2* TVTLI : 雲 vân.

3* HVTT : 意 ý.

CHÚ THÍCH :

(1) *Chữ nhạn* : đàn nhạn bay xếp hàng giống chữ viết.

(2), (3) *Thương Hiệt* : trong truyền là sứ quan của Hoàng Đế 黃帝, đã dựa vào dấu chân chim muông mà sáng tác chữ viết Trung Quốc.

187

新竹

TÂN TRÚC

樹	得	琅	玕	三	兩	叢,
只	期	歲	晚	伴	吟	翁。
飾	金	好	看	臨	秋	月,
戛	玉	纔	聽	遞	曉	風。
勁	節	匪	窮	能	直	外,
道	心	無	欲	故	虛	中。
客	來	莫	怪	新	條	短,
會	見	霜	稍	拂	翠	空。

Thụ 1* đặc lang can tam lưỡng tùng,
Chỉ kỳ 2* tuế 3* vẫn bạn ngâm ông.
Sư kim hảo khán lâm thu nguyệt,
Đát ngọc tài thinh đệ hiều phong.
Kinh tiết phi cung năng trực ngoại,
Đạo tâm vô dục cố hứ trung.
Khách lai mặc quái tân diều đoán,
Hội kiến sương sao phát thủy không.

DỊCH NGHĨA :

TRÚC NON

Tròng được vài ba khóm lang can (1),
 Chỉ mong cuối năm làm bạn với nhà thơ.
 Hãy xem dưới ánh trăng thu rây vàng xuồng,
 Hãy nghe gió sớm thổi qua, tiếng vang như ngọc xát.
 Tiết cứng quên mình, thẳng thắn lộ ra bên ngoài;
 Lòng đạo không dục vọng bởi trong hứa không.
 Khách dừng lầy làm lạ khi cảnh non còn ngắn,
 Rồi sẽ thấy ngọn sương phe phẩy trên tầng xanh.

DỊCH THƠ :

Tròng được vài ba khóm trúc tơ,
 Ngóng tròng tết đến bạn cùng thơ,
 Rây vàng dưới nguyệt hình lạy động.
 Xát ngọc trong sương tiếng vọng đưa.
 Tiết cứng chẳng cong phô cốt cách,
 Dạ khiêm không dục náu mưu cơ,
 Khách chơi chờ lạ chồi còn ngắn,
 Sẽ thấy tầng không ngọn phất phơ.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* MDT : 裁 tài.
- 2* TVTL2 : 將 tương.
- 3* TVTL2 : 美 tiêu.

CHÚ THÍCH :

- (1) Lang can : một loại nhuyễn thể, sống ở dưới nước. Ở đây tác giả ví trúc với lang can

188

佛蹟蓮池

PHẬT TÍCH LIÊN TRÌ

池	日	坐	婆	娑	,
臨	新	十	里	荷	。
喜	鍊	青	玉	柄	,
綠	初	絳	琦	葩	。
火	好	寬	裳	舞	,
因	微	醉	臉	酡	。
著	經	多	態	度	,
總	喚	水	仙	花	。
不	妨				

Lâm trì nhật nguyệt tọa bà sa ^{1*},
 Hỷ khán ^{2*} tân khai thập lý hà.
 Lục thủy luyện thành thanh ngọc bỉnh,
 Hoà long sơ thồ giáng kỳ ba.
 Nhàn phong hảo học nghè thường vũ,
 Trước vũ vi tiêu túy kiêm đà.
 Tòng thị kinh doanh đa thái độ,
 Bất phương hoán tác thủy tiên hoa.

DỊCH NGHĨA :

AO SEN CHÙA PHẬT TÍCH ⁽¹⁾

Đứng trước ao sen, tháng ngày thoái mái,
 Vui mừng xem hoa sen nở suốt mười dặm.
 Nước biếc đúc nên các cuống ngọc xanh,
 Rồng lửa ⁽²⁾ vừa nhả bông hoa ngọc đỏ.
 Nhờ gió đê học điệu mưa nghè thường ⁽³⁾,
 Thẩm mura, hơi ửng cặp má say rượu.
 Tóm lại, có nhiều cách đê tả dáng điệu,
 Chỉ bằng cứ gọi là hoa thủy tiên.

DỊCH THƠ :

Bên ao ngày tháng vẫn thung dung,
 Bát ngát sen đưa mẩy dặm hồng.
 Nước biếc luyện nên chồi ngọc bích,
 Rồng vàng nâng nở đóa phù dung.
 Gió đưa tướng học nghè thường vũ,
 Mưa thẩm nhường phai má rượu nồng.
 Chẳng thể hình dung bao dáng điệu,
 Thủy tiên cứ gọi cũng là xong.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 婆婆 sa bà.

2* TVTL1, 2: 有 hữu.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chùa Phật Tích* : có hai chùa Phật Tích : một ở Sài Sơn, Sơn Tây (nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình), một ở Tiên Du, Bắc Ninh (nay thuộc tỉnh Hà Bắc). Không rõ chùa Phật Tích mà tác giả tả ở đây là chùa nào.
- (2) *Rồng lửa* (hỏa long) : chỉ mặt trời.
- (3) *Điệu vũ nghệ thường* : một điệu vũ đẹp, trong truyền cõi từ đời Đường Minh Hoàng 明皇.

189

贈八灘裨將

TẶNG BÁT THAN TỲ TƯỚNG

八老直輕臨	灘氣豎提風	裨雄神慧	將登蟠劍	叢十剪	林萬敵	虎，
何早凌	日趨煙	密連功	誦名添	刺凶	敵徒。	夫。

Bát Than tỳ tướng tung làm hồ,
Lão khỉ hung thôn thập vạn phu.
Trực thụ 1* thần phan my địch lũy,
Khinh dè tuệ kiếm tiễn hung đồ.
Làm phong mật tung kỳ quân chủ,
Hưởng nhật liên thư phá tặc phù.
Tảo sán công danh suyền tầu khải,
Lăng Yên thiêm họa quốc sư đồ.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG TỲ TƯỚNG BÁT THAN (1)

Tỳ tướng Bát Than là con hổ trong rừng rậm,
Khi thế hung mạnh nuốt đứt mười vạn binh.
Đứng thẳng cây phuồn thòn, san bằng lũy địch,
Nhẹ mang thanh kiếm tuệ (2), trừ bọn gian hung.
Đứng trước gió mật niệm thần chủ cầu cho ba quân,
Hướng lên mặt trời liên tiếp viết bùa phá giặc.
Sớm tiến bước công danh, gấp tâu khúc khải hoàn,
Gác Lăng Yên (3) sẽ vẽ thêm bức tranh vị quốc sư.

DỊCH THƠ :

Hồ rồng, tỳ tướng Bát Than,
 Sức cao khi nuốt muôn ngàn tinh binh.
 Phươn thần dựng, san địch thành,
 Nhẹ dơ kiếm tuệ tan tành lũ hung.
 Miệng hổ gió nỗi đúng đúng,
 Quăng búa áp trận, giặc cùng phải tan.
 Công huân vui khúc khải hoàn,
 Quốc sự bức vẽ bầy đàn Lăng Yên.

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 立 lèp.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Bát Than* : chưa rõ là tên người hay tên nơi nào.
- (2) *Kiếm tuệ* : kiếm thần.
- (3) *Lăng Yên* : một cái gác đời Đường Thái Tông 唐太宗 . Trên gác này có đài các bức chân dung công thần.

190

贈南塘公陳經略

曾	出	三	槐	舊	將	門,
家	傳	衣	鉢	式	猶	存。
經	論	庶	務	碑	元	化,
薦	引	群	才	奉	至	尊。
伐	叛	已	曾	施	遠	略,
疏	勞	旋	復	拜	隆	恩。
公	門	今	日	春	如	海,
桃	李	叢	中	願	托	根。

TẶNG NAM ĐƯỜNG CÔNG TRẦN
KINH LUẬC

Trụ xuất tam hòe cựu tướng môn,
 Gia truyền y bát thức ^{1*} do tồn.
 Kinh luân ^{2*} thư vũ ti nguyên hóa.
 Tiễn dẫn quần tài phung chí tôn.
 Phạt ^{3*} bạn dĩ tăng thi viễn lược,
 Sơ lao toàn phúc bài long án.
 Công môn kim nhật xuân như hải,
 Đào lý tung trung nguyện thác côn (căn).

DỊCH NGHĨA :

TẶNG QUAN KINH LƯỢC HỌ TRẦN (1) Ở NAM ĐƯỜNG (2)

Dòng dõi công thần vốn nơi cửa tướng,
Nhà vẫn còn truyền lại về nếp xưa.
Sửa sang mọi việc giúp cho nền giáo hóa của nhà vua,
Tiến cử nhân tài để phụng sự bậc chí tôn.
Khi đi đánh giặc đã từng bày kế sâu xa,
Lúc thường công lao, nhiều lần đội ơn to lớn.
Cửa nhà ông hôm nay xuân rộng như biển,
Hiền sĩ muốn được gần gũi Người.

DỊCH THƠ :

*Dòng dõi trâm anh bậc đại thần,
Nghịệp nhà nếp cũ nặng trên thân.
Kinh luân vì nước rèn phong hóa,
Tiến dẫn giúp vua đức trí nhân.
Đẹp loạn từng phen dâng sách lược,
Công lao mấy dịp đội long án.
Ông nay đây cửa là xuân cả,
Hiền sĩ vui theo đứng chật sân.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTLI : 代 *dai*.
2* TTCGLT : 编 *hội*.
3* TTCGLT : 代 *dai*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Quan kinh lược họ Trần* : chưa rõ là người nào.
(2) *Nam Đường* : chưa rõ địa phương này ở đâu.

191

送覽山國師還山

出	鳥	幾	日	更	還	山	山
爲	松	山	愛	意	自	閑。	閑。
鶴	院	渚	居	香	漠	漠，	漠，
放	泉	茶	茶	水	潺	潺。	潺。
發	開	鉢	鉢	高	千	古，	古，
歸	露	價	價	正	一	般。	般。
暗	向	名	名	深	處	卧，	卧，
施	施	雲	雲	洗	人	間。	間。

TỔNG LÂM SƠN QUỐC SƯ
HOÀN SƠN

Xuất san kỷ nhật cảnh hoàn san,
Vị ái san cư ý tự nhàn.
Tùng viện chử trà hương ^{1*} mạc mạc,
Hạc tuyển tần bát thủy sần sần.
Phóng khai thiền giá cao ^{2*} thiền cồ,
Phát lộ thi danh chính nhất ban.
Qui ^{3*} hương linh vân thám xứ ngoà,
Ám thi pháp vũ tần nhàn gian.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN QUỐC SƯ LÂM SƠN (1) VỀ NÚI

Mới xuống núi mây ngày, lại trở về núi,
Vì thích ở trong núi, ý thái tự do thành thơ.
Pha trà trong viện thông, hương thơm ngào ngạt.
Rửa bát ngoài suối hạc, nước đầy chừa chan.
Mở toang thiền già, ngàn thuở chân như,
Phát lộ lời thơ, một niềm chinh quả (2).
Trở về nằm nơi mây núi sâu thẳm,
Ngâm đứa «pháp vũ» (3) rửa cõi trần gian.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 煙 *yên*.2* TVTL2 : 真 *chân*.3* TVTL2 : 如 *như*.

CHỦ THÍCH :

(1) *Lâm Sơn* : chira rõ là người nào.(2) *Chân như, chính quả* : lẽ ra theo nguyên văn chữ Hán ở câu 5, 6 thì dịch là :

Nêu giá thiền tông, cao hơn muôn đời,

Nói tiếng về thơ, dưng đầu mọi người.

Nhưng theo khảo định (2), chúng tôi thấy TVTL2 chép cũng có lý. Vậy chúng tôi tạm dịch như trên để bạn đọc tham khảo.

(3) *Pháp vũ* : mưa phép. Nhà Phật cho rằng Phật pháp có thể phổ độ chúng sinh, như mưa thấm nhuần vạn vật.

NGUYỄN NHŨ BẬT

阮汝弼

(? — ?)

Nguyễn Nhũ Bật sinh quán ở đâu, thân thế và sự nghiệp ra sao đều chưa rõ, chỉ biết ông là người cuối đời Trần.

Tác phẩm: hiện còn một bài phú chép trong *Quần hiền phú tập*.

192

觀周樂賦

姬敷東遷，伯焰烘天。文武之禮樂未墜，周公之苗裔猶傳。偉延陵之雅識，因往使而請觀。恍洋洋而盈耳，笑俗調兮難攀。

想其公堂邃密，群官肅雍，乃命樂工，吹擊笙瑟，乃陳樂器，乃以五音而相通。鼓鼙石撞鍾，乃以三夏迭奏，謳古中和之氣，洗正聲發，乃以冲融導太和之氣，洗衰世悽婉之風。念遺音，乃以杳杳餘韻，洗颯。

是以：觀蕭韶之舞，而可知舜德之隆。聞閔雎之亂，則思周南之化；聽桓騫之始，則知政道於鴻臚。回視當時之僕，皆增嗟嘆之功。益增垂泣之淚，而悲憫之風。追先王之耿耿，慨欲逝兮焉從。

嗟夫！世至春秋，大雅亡矣。彼列國之名卿，競奔馳於名利。八佾雍徹，既萌僭竊之心；韶夏護武，豈入俗人之耳。紛鄭衛之是耽，慕雅樂兮能幾。卓犖拔於人群，乃獨聞於季子。

是知：以德觀樂，唯賢者然後能之；外樂求德，彼俗流安能識此。料季子之心，恨不親見於當年；而季子之嘆，益深有望於來世。

方今：時登聖哲，運屬休明。功成治定，制作斯興。放淫哇而存雅樂，諧庶尹而格百靈。鳳儀獸舞，馬負龜呈。雖覆載之盛德，亦古今之並稱。小臣何幸，獲親覩於今日，豈但如季子，徒念其遺聲也哉！

PHIÊN ÂM :

QUAN CHU NHẠC PHÚ

Cơ triết dòng thiện, bá diệm hồng thiên. Văn, võ chi lễ nhạc vị trụy ; Chu công chi miêu duệ do truyền. Vĩ Diên Lăng chi nhã thức, nhân vãng sữ nhi thỉnh quan. Hoáng dương dương nhi doanh nhĩ, tiểu túc điệu hè nan phan.

Tưởng kỵ, công đường thủy mật, quần quan túc ung. Nãi Trần nhạc khí, nãi mệnh nhạc công. Xuy sinh cồ sắt, kích thạch chàng chung. Giản Tam hạ dĩ diệt tấu, hài ngũ âm nhi tương thông. Chinh thanh phát hè liệu lượng, tán thanh hưởng hè xung dung. Đạo thải cồ trung hòa chí khí, tày suy thế thê uyền chi phong. Niệm di âm hè yêu yêu, cồ dư vận hè phùng phùng.

Thị dĩ: quan Tiêu thiểu chi vũ, nhi khả tri Thuấn đức chi long. Văn Quan thư chi loạn, tắc tư Chu Nam chi hóa. Thích Hoán, Lại chi thủy, tắc niêm Mục dã chi công. Giai thầm nhạc dĩ tri chính, hoài cồ đạo ư hồng mông. Hồi thi dương thời chi Tang Bôc, Ích tăng thoa ách nhi bi đồng. Truy tiên Vương hè cánh cánh ; khái dục thê hè yên tòng !

Ta phủ ! Thể chi Xuân thu, Đại Nhã vong hĩ. Bỉ liệt quốc chi danh khanh, cạnh bôn trì ư danh lợi. Bát dật, Ung triệt, ký manh tiếm thiết chí tâm ; Thiều Hạ Hộ Võ, khởi nhập túc nhân chí nhĩ ! Phân Trịnh Vệ chi thị đam ; mộ nhã nhạc hè năng kỵ ? Trác tự bát ư nhân quần ! nãi độc văn ư Qui Tử.

Thi tri : dĩ đức quan nhạc, duy hiền giả nhiên hâu nǎng chí ; ngoại nhạc cầu đức, bỉ tục lưu yên nǎng thức thủ ! Liệu Qui Tử chi tâm, hận bất thân kiến ư đương niên ; nhi Qui Tử chi thán, ich thâm hữu vọng ư lai thế.

Phượng kim : thời đăng thánh triết ; vận thuộc hưu minh. Công thành trị định, chế tác tư hưng. Phóng dâm oa nhi tồn nhã nhạc, hài thứ doãn nhi cách bách linh. Phượng nghi thủ vũ, mã phụ quy trình. Tuy phú tái chi thịnh đức, diệc cỗ kim chi tịnh xưng.

Tiêu thần hà hạnh, hoạch thân đồ ư kim nhật, khởi đán như Qui Tử, đồ niệm kỳ di thanh dã tai !

DỊCH NGHĨA :

PHÚ XEM NHẠC NHÀ CHU (1)

Xe Chu sang đồng (2), lửa bá rực hồng (3). Chưa dứt lẽ nhạc Văn, Võ (4) ; còn truyền dòng dõi Chu Công (5). Tuyệt thay Diên Lăng (6) giỏi nhạc, nhân dịp đi sứ xin trông. Rộn ràng đầy tai tiếng nhạc, điệu tục cười kẻ không thông.

Nghĩ lúc công đường sâu kín, quan khách ưng dung. Bên bầy nhạc khí, bên bảo nhạc công. Gầy đàn thồi sáo, gỗ khánh khua chuông. Nhạc Tam hạ (7) cử tấu mãi, hòa ngũ âm (8) giúp tương thông. Tiếng nhạc chính đê làm gốc, thêm âm phụ đê hưởng đồng. Khoi nguồn khi trung hòa thời cỗ, bỏ âm phong buồn bã cuối cùng. Réo rất tiếng xưa man mác ; ngân nga vẫn cũ mênh mông.

Bởi vậy, thấy múa khúc Tiêu thiều mà biết đức Thuấn (9) hưng vong ; nghe đoạn cuối Quan thư thi nhớ Chu nam (10) giáo hóa ; nghe đoạn đầu Hoàn, Lại (11) liền nghĩ Mục dã chiến công. Đó là xét âm nhạc mà biết chính sự, cảm đạo đức ở thuở hồng mộng. Nhìn lại thời Tang, Bột (12) lúc bấy giờ, càng thêm khinh bỉ và đau lòng. Nhớ đời Tiên Vương canh cánh ; muốn theo cũng chẳng được cùng !

Than ôi ! Đời đến Xuân Thu, Đại Nhã (13) mất hết, Công khanh các nước, danh lợi cạnh công. Bát dật, Ung triệt (14), tiếm thiết sinh lòng ; Thiều, Hạ, Hột, Võ (15) người tục há mong. Nhạc dâm lăm kẽ say mê, nhạc tốt chẳng ai ham dùng. Vượt lên tất cả, chỉ có Qui Trát (16) hết lòng.

Thế mới biết : lấy đức xem nhạc, hiền giả ra công. Ngoài nhạc tìm đức, thế tục ai thông ; tiếc tấm lòng Qui Tử (17), giận bấy giờ chẳng người hưởng đồng ; song lời than Qui Tử, đời sau còn chổ cây trông.

Ngày nay : vua trên thánh triết, vận nước hành thông. Chế độ hưng thịnh, ổn định thành công. Bỏ nhạc dâm đê dùng nhã nhạc, hòa trăm họ đê cảm thần thông. Phượng chào thú mưa, ngựa đội rùa dâng (18). Tuy đức thịnh do trời đất, sánh cỗ kim danh cũng ngang đồng.

Hạ thần may mắn, chính mình được trông thấy rõ, chẳng phải như Qui Tử,
chỉ mong tiếng xưa mà thôi đâu !

TRẦN LÊ SÁNG

CHÚ THÍCH :

- (1) Sách *Tả truyện* chép : năm thứ 29 đời Lỗ Tương Công, sứ thần nước Ngô là Quý Trát đi sứ nước Lỗ, thấy nước Lỗ dùng nhạc Tiên Vương nhà Chu, Nghe xong, Quý Trát có nhận xét về nhạc đó, người nước Lỗ rất phục. Đầu bài phú lấy điển tích đó.
- (2) Nhà Chu lúc đầu đóng đô ở Quan Trung, từ đời Bình Vương, cơ nghiệp bắt đầu suy vi mới dời sang phía đông, đóng đô ở đất Lạc. Từ đó gọi là Đông Chu.
- (3) Từ khi nhà Chu dời sang phía đông, các chư hầu tranh giành bá quyền, lửa chiến tranh bốc cao khắp nơi.
- (4) Văn, Võ : chỉ Chu Văn Vương và Chu Võ Vương, hai vua có công nhiều với nhà Chu.
- (5) Chu Công : tức là Cơ Đán, con Chu Văn Vương. Ông là người có công giúp nhà Chu duy trì cơ nghiệp. Câu này ý nói lẽ nhạc còn truyền ở nước Lỗ là dòng dõi Chu Công.
- (6) Diên Lăng : tức Quý Trát (Qui Trát quê ở Diên Lăng).
- (7) *Tam hạc* : nhạc dùng để tấu khi vua ra. Nhạc *Tam hạc* có ba loại : *Tứ hạc*, *Thiều hạc* và *Nạp hạc*.
- (8) *Ngũ âm* : năm âm. Thời xưa cho nhạc có năm âm : *cung*, *thương*, *giốc*, *chúy*, *vũ*.
- (9) *Tiêu Thiều* : tên một khúc nhạc nổi tiếng thời vua Thuấn. Tương truyền chim phượng nghe nhạc *Thiều* thì xòe cánh múa.
- (10) *Quan thư* : tên một bài thơ trong thiền *Chu nam* của *Kinh thi*.
- (11) *Hoàn, Lai* : tên hai bài thơ trong thiền *Chu tụng* của *Kinh thi*.
- (12) *Tang, Bộc* : tức là *Tang trung*, *Bộc thương*, hai bài thơ ở thiền *Dung phong* trong *Kinh thi*. Xưa cho hai bài thơ này là hai bài thơ đậm.
- (13) *Đại Nhã* : một loại thơ trong *Kinh thi*, nội dung trang trọng.
- (14) Theo lẽ đời Chu thì Thiên tử mới được dùng lối múa *Bát dật* và hát bài thơ *Ung* khi triệt tế. Nhưng ở đời Xuân Thu, bề tôi nước Lỗ cũng dùng những nghi lễ ấy, như vậy gọi là «tiếm thiết», nghĩa là vượt khỏi nghi lễ cho phép.
- (15) Tức nhạc *Đại Thiều* là nhạc đời vua Thuấn ; nhạc *Đại Hạc* là nhạc đời vua Vũ ; nhạc *Đại Hộ* là nhạc đời vua Thang ; nhạc *Đại Võ* là nhạc đời vua Võ.
- (16) Quý Trát : hiệu là Diên Lăng, người đời Xuân Thu. Ông làm quan cho nước Ngô, nổi tiếng là người giỏi nghe nhạc.
- (17) Qui Tử : tức Quý Trát.
- (18) Sách *Sử ký* chép : đời vua Thuấn có chim phượng đến chầu, trăm muông nhảy múa ; đời Phục Hy có long mã đội *Hà đồ* ; đời Đại Vũ có rùa đội *Lạc thư* lên dâng.

NGUYỄN PHÁP

阮法

(?)

Nguyễn Pháp sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu, sự nghiệp ra sao đều chưa rõ.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài phú chép trong *Quần hiền phú tập*.

193

勸政樓賦

年天畋先難，初性遊民艱。之於焉之，皇愛絕素業。
寶朋亦示念能化，際間由。明友屏樸王賢，攬之有。葉德色寶樂任總虞皇蓋。
六美女不逸，唐文，使攬之有。唐儉遠繡位旰庶美功名。維體既禁不宵親其踵勤。

離宮別館，隱樓蟬聯；諸王邸第，羅絡連延。

其萼，其右，興慶窮崇；其偏，其偏。

華櫻，芝栢，藻楊；璇題刷瑞，凌空之霧；雕棟晴曉，望京之偉，望之闕，通羲娥之往還；壯神京之望，望之聳宇，觀之鑒。

迨夫漏聲，鷄人報曙；

雉清，雲千，御附。裘官，進影。冠羽，容與。

柳珊瑚，天翠玉，行將以次；臨院省鴈，以次。

帝將振進言，奏事以次。

於是，達四聰明四目，聽獻可與否。

帝都俞與吁咷；政有未行，兮思有以發，

德形民利害，業惟仁萬，宜宗太光。

未有未未，未競惟周謳，致歌開貞觀。

有未有有，有業幾澤姓，其太光。

敷當安興除競康流歌開貞觀。

思思思思思萬無旁三太之烈也。

有有有有有幾樂浹陞平烈也。

洽恤輯施革日逸物帖盛。

以以以以以一無庶晏之也。

有有有有有幾樂浹陞平烈也。

思思思思思萬無旁三太之烈也。

有有有有有幾樂浹陞平烈也。

思思思思思萬無旁三太之烈也。

有有有有有幾樂浹陞平烈也。

思思思思思萬無旁三太之烈也。

有有有有有幾樂浹陞平烈也。

思思思思思萬無旁三太之烈也。

有有有有有幾樂浹陞平烈也。

思思思思思萬無旁三太之烈也。

惜乎：鮮克有終，徒有其始。
 逸之圖，換窮極後。
 慾心一讒，休連宋李。
 九齡老昌，依霓胡寧。
 轉登仙闕，如厝火於。
 當有終，山川；
 以奢進，後。
 萌而死，扶齒；
 而而之，觀禁城。
 望欄杆，美甘。
 紛如火，謂國家。
 珠翠環之，睡起。
 玉海扶之，內市。
 驚扶齒，觀傳。
 睡扶齒，禁城。
 看扶齒，內市。
 可恃。

及乎：漁陽鼓動地，
 匹馬巡動地，
 南社萬里子。
 遷天屯萬聖。
 朔里修百雉，
 徒連萬百情。
 席還驚士，卒。
 胡還驚士，卒。
 止還驚士，卒。
 虞還驚士，卒。
 錦還驚士，卒。
 加還驚士，卒。
 已還驚士，卒。
 桃還驚士，卒。
 李還驚士，卒。
 因顧初心，赧然愧恥。

於此之時，安知明皇之心，
 悔不崇斯樓之層構，
 塔斯樓之正址也耶？

嗟夫：後世人君殷鑑不遠。
 治亂之機，君心移轉；
 勤政之基，實地復勉。
 務本之意，行之龜。
 庶有始而有終，幸斯樓之不覘。

PHIÊN ÂM :

CẦN CHÍNH LÂU PHÚ

Duy hoàng Đường chi lục diệp, thực Minh Hoàng chi sơ niên ; thè cần kiệm chi mỹ đức, cung hữu ái chi tinh thiên. Ký xích viễn ư nř sắc, diệp binh tuyệt ư du diền ; Cẩm cầm tú nhì bất hỷ, thị phác tố vi dàn tiên. Bất dĩ vị vi dật lạc, niệm vương nghiệp chi gian nan. Tiêu y cản thực, nhậm sử năng hiền. Thân lâm thứ chinh, tồng lâm hóa quyền. Kỳ phổi mỹ ư Đường Ngu chi tế ; chủng trị công ư Văn hoàng chi gian. Cần Chính danh lâu, cái hữu do nhiên.

Tưởng kỳ : ly cung biệt quán, ân lâu thiền liên ; chư vương đê đê, la lạc liên dien. Hoa Ngạc du tốt hè kỳ hữu ; Hung Khánh khung sùng hè kỳ thiền. Hoa thô quế đồng, chi nhi tảo biên ; toàn đê loát giao không chi vụ ; điêu đồng lăng tinh hiệu chi yên. Khoát cần khôn chi hạp tịch, thông Hy nga chi vắng hoàn ; tráng thần kinh chi vĩ vọng, tủng vũ nội chi quan chiêm.

Đãi phù : ngọc lậu thanh tàn, kê nhân báo thư ; trĩ vĩ tà khai ; vân cầu tiến ngự. Thanh tất nhất thanh, thiên quan ảnh phụ. Hấp thiên hương hè phúc úc ; đậm vũ bảo hè dung dữ. Liễu tráo triêu yên, hoa hợp túc lộ ; san ngọc bội hè tương tương, tần y quan hè sở sở. Đế nãi ngự lâu, dĩ làm thứ sự. Tường tường bách quan, dài viện sảnh thư. Chấn chấn uyên hàng, frật frật nhạn tự. Tiến ngôn dĩ chúc, tấu sự dĩ thứ.

Để ư thị, đạt từ thông minh tú mục, thính hiến khả dĩ thế phủ. Đô du dữ hu phất ; chính hữu vị hành hè tư hữu dĩ phát, đức hữu vị phu hè tư hữu dĩ hạp ; hình hữu vị đáng hè tư hữu dĩ tuất, dàn hữu vị an hè tư hữu dĩ tập ; lợi hữu vị hung hè tư hữu dĩ thi, hại hữu vị trừ hè tư hữu di cách. Nghiệp nghiệp căng căng, vạn cơ nhất nhật ; duy cơ duy khang, vô lạc vô dật ; nhân trách chu lưu hè bằng thiếp thứ vật ; vạn tinh ầu ca hè tam thùy yển thiếp. Nghi kỳ tri khai nguyên thái bình chi thịnh ; quang Thái Tông Trinh Quán chi liệt dã !

Tich hồ : tiễn khắc hữu chung, đồ hữu kỳ thủy. Vô dật chi đồ, hoán dĩ sơn xuyên ; dục tâm nhất manh, cung xa cực xỉ. Cửu Linh sàm nhì Dương Lý tiến ; Hàn Hưu lão nhì Diêu Tống tử. Đặng Liên Xương chi Vọng Tiên hè, huyền Ngọc Hoàn chi châu thủy ; ý Trầm Hương chi lan can hè, phò hải đường chi thủy khỉ. Nghê thường vũ y, minh mâu hạo xỉ ; Hồ sò cầm bằng chi du, biển quan cẩm nội ; Ninh Vương ngọc dịch chi thanh, du truyền thành thị. Bao tàng họa tâm, trẫm độc cam mỹ ; như thố hỏa ư tích tân, vị quốc gia chi khả thi.

Cập hồ : Ngự dương soái thần, cồ bề động địa ; thất mã nam tuần, Hồ trần từ khỉ. Phó miếu xã ư kiếp hời, phỏng kiều danh ư Vạn Lý ; lại thiên đạo chi hiếu hoàn, hữu Linh Võ chi thánh tử ; tu đồn thủ chi lô lâu, trúc Lệ Tiêu chi bách trĩ ; hậu sóc vọng chi kinh trần, cảnh sỹ tốt chi đọa thi. Vạn Lý lai qui,

Cầm Giang Ngọc Lũy ; ngự lâng lạo quân, da hoàng thoát tử. Nam Nội thê lương, dĩ vô lực sĩ ; dạ vũ ngô đồng, xuân phong đào lý. Hồi cỗ sơ tâm, noǎn nhiên qui sǐ.

Ư thử chi thời, an tri Minh Hoàng chi tâm, hối bất sùng tư lâu chi tăng cầu, bồi tư lâu chi phi chỉ dã da ?

Ta phù : hậu thế nhân quân, ân giám bất viễn. Trí loạn chi cơ, quân tâm di chuyển ; Cần Chính chi cơ, thực địa tu tiên ; vụ bản chi ý, hành chi mãnh miễn. Thứ hữu thủy nhi hữu chung, hạnh tư lâu chi bất thiến.

DỊCH NGHĨA :

PHÚ LẦU CẦN CHÍNH (1)

Nhà Đường đến đời thứ sáu, vua Minh Hoàng (2) lên ngôi ; cần kiệm chǎm bẽ đúc tốt, hữu ái sẵn có tinh trời. Thanh sắc lánh xa chẳng thiết, bắn săn bồ dứt không chơi. Cầm gấm vóc không cho là qui, mặc giản đơn làm trước mọi người. Dù phú qui không màng dật lạc, nghĩ nghiệp vua khó nhọc lâu dài. Thức khuya dậy sớm, sử dụng hiền tài. Thân coi chính sự, nắm hết quyền oai. Đức Nghiêu, Thuấn (3) mong rắng sảnh kịp, công vua Văn (4) cố gắng theo dõi. Lầu mới đặt tên Cần Chính, ý kia vốn có sẵn rồi.

Kia xem : cung này quán khác, san sát liên miên ; nhà cửa vương hầu, dǎng đặc nối liền. Chót vót lầu Hoa Ngạc (5) phía hữu ; chênh vênh gác Hưng Khánh (6) một bên. Rường hoa cột quế, hoành vẽ đầu thêu ; xà ngọc vút khoảng không mù tỏa, cột hoa ngắt trời tạnh khói chen. Rộng lối đất trời đóng mở, thông đường nhặt nguyệt xuống lén ; kinh sư tăng phần trọng vọng, thiên hạ nức lòng trông xem.

Kịp đến khi : giọt ngọc (7) tiếng im, canh gà (8) báo sáng ; quạt trĩ (9) mở nghiêng, áo cùu (10) tiển ngự (11). Một tiếng hô dẹp đường, nghìn quan theo rợp bóng. Mùi hương trời phung phucs thơm đưa ; lọng vũ bảo (12) chập chờn lấp loáng. Hoa ngâm sương đêm, liễu hồng khói sớm ; rung rinh ngọc bộ (13) leng keng, rộn rịp xiêm bào rạng rõ. Vua bèn lên lầu để bàn chính sự, văn võ trăm quan, đại viện sảnh thư (14). Ngay ngắn uyên hàng (15), rõ ràng nhạn tự (16), tùy chúc dâng lời, tâu theo thứ tự.

Nhà vua bèn lắng tai nhìn kỹ, nghe lời nêu chẳng. Chuẩn y hay bãi bỏ : Chính sự chưa làm nên tinh mà làm, đức hóa chưa khắp nghĩ sao cho khắp ; hình chưa hay lo việc sửa sang, dân chưa yên lo bẽ sắp đặt. Lợi chưa nhiều lo cách thi hành, hại chưa trừ liệu phương cải cách. Ngày ngày đêm đêm, vạn ngày như một ; phải làm phải chǎm, không chơi không nhác ; dòng nhân chảy khắp,

mọi vật đượm nhuần ; muôn họ áu ca, bốn phương yên ổn. Lê nén đòi Khai Nguyên (17) thái bình thịnh trị ; làm rạng công Trinh Quán (18) Thái Tông.

Tiếc thay : ít ai giữ trọn đến sau, chỉ được có lúc ban đầu. Tranh Vô dật thay bức núi sông (19), lòng dục sinh đến càng xa xỉ. Cửu Linh bị đèm, Dương Lý nỗi lên (20), Diêu Tông đã chết, Hán Hữu về nghỉ (21). Choi Liên Xương lên lầu Vọng Tiên (22), nàng Ngọc Hoàn (23) khoe mầu châu thủy ; tựa lan can bên đình Trầm Hương (24), đỡ hải đường vừa khi ngủ dậy (25). Xiêm áo nghệ thường (26), răng trắng mắt trong. Con Hồ bọc gấm, choi khắp hoàng cung (27) ; sáo ngọc Ninh Vương, (28) tiếng đồn thành thị. Họa tâm đã chất chứa đầy, thuốc độc lại cho là quý, như lửa chất dưới cùi khô, lại bảo nước nhà đáng cậy.

Kịp đến khi : Giặc nỗi Ngư Dương, (29) trống quân vang dậy ; chiếc ngựa về nam, bụi Hồ đầy rẫy. Miếu xã phó mặc tro tàn, đường Thục thăm cầu Vạn Lý (30) ; may nhờ đạo tốt đất trời, lại được con tài Linh Võ (31), việc quân già sùa lại gác chòi, lầu Lệ Tiều xà cao trăm trẽ (32) ; tháng ngày chờ đón tết Kinh, rắn đe biếng lười quân sĩ. Muôn dặm xa về, Cầm Giang, Ngọc Lũy (33), lầu ngự khao quân, mặc vàng cởi tia (34). Nam Nội (35) lạnh lùng, không còn lực sĩ ; mưa đêm ngô đồng, gió xuân đào lý (36). Nhắc lại chuyện xưa, thận thùng nhục nhã.

Lúc bấy giờ, sao biết được lòng Minh Hoàng, hối không xây cho tầng của lầu này cao, đắp cho nền của lầu này vững chãi hay sao ?

Than ôi ! Các vua đời sau, gương lớn chẳng xa (37). Trị loạn cơ trời, lòng vua đời chuyên ; Cần Chính nền kia, phải lo chiêm nghiệm ; chăm gốc ý kia, phải lo thực hiện. Mọi việc có trước lại có sau, may tiếng lầu kia khỏi thẹn.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

CHÚ THÍCH :

- (1) *Lầu Cần Chính* : một lầu ở đời nhà Đường, Trung Quốc.
- (2) *Minh Hoàng* : tức Đường Huyền Tông 唐玄宗 (722-790), vua thứ sáu của nhà Đường.
- (3) *Nghiêu, Thuấn* : tức Đường Nghiêu 唐堯 và Ngu Thuấn 舜, hai ông vua thời cổ đại ở Trung Quốc, được ca ngợi là hiền tử.
- (4) *Vua Văn (Văn Hoàng)* : tức Đường Thái Tông 唐太宗, con thứ của Đường Cao Tổ 唐高祖.
- (5) *Hoa Ngọc* : tên một cái lầu, dựng cùng thời với lầu Cần Chính đời Đường Minh Hoàng.
- (6) *Hưng Khánh* : còn gọi là Nam Nội, tên một cung điện xây dựng đời Đường Minh Hoàng. Các lầu Cần Chính, Hoa Ngọc đều nằm trong phạm vi cung điện này.
- (7) *Giọt ngọc (ngọc lầu)* : giọt đồng hồ. Ngày xưa người ta đổ nước hay cát vào một cái phễu, ở dưới có lỗ nhỏ, giữa phễu có cái cọc ghi thời khắc. Nước hay cát theo lỗ chảy xuống, thời khắc ghi trên cột lộ dần ra, người ta căn cứ vào đó mà tính thời gian.

- (8) *Canh gà* : Nguyên văn là *Kê nhán*, tức người coi việc đánh thức các quan vào lúc gần sáng trong những ngày tế lễ.
- (9) *Quạt trĩ* : quạt làm bằng lông đuôi chim trĩ.
- (10) *Áo cùu* : Nguyên văn là *vân cùu*, tên một thứ áo quý.
- (11) *Tiến ngự* : dâng lên vua.
- (12) *Lọng vũ bảo* : một thứ lọng quý, dùng lông chim nhiều màu kết thành.
- (13) *Ngọc bội* : ngọc mang trên người.
- (14) *Đài, viện, sảnh, thư* : các cơ quan của triều đình phong kiến. Ví dụ : Ngự sử đài, Đô sát viện, Môn hạ sảnh, Ngọc đường thư, v.v...
- (15) *Uyên hàng* : xếp thành hàng như loài chim uyên lúc bay.
- (16) *Nhạn tự* : có tầng lớp như loài chim nhạn lúc bay xếp thành chữ.
- (17) *Khai Nguyên* : niên hiệu đầu của Đường Minh Hoàng.
- (18) *Trinh Quán* : niên hiệu của Đường Thái Tông.
- (19) Đường Minh Hoàng lúc mới lên ngôi, có Tề tướng là Tống Cảnh 宋景 dâng bức tranh *Võ dật*, lấy ý Chu Công 周公 trong Kinh thư để khuyên Minh Hoàng. Sau bức tranh đó nhặt mẫu đi, Minh Hoàng cho thay vào bằng tranh núi sông.
- (20) *Cửu Linh* : tức Trương Cửu Linh 張九齡 Tề tướng có tài đời Đường Minh Hoàng. Dương Lý : tức Dương Quốc Trung 楊國忠 và Lý Lâm Phủ 李林甫, hai tên gian thần thời bấy giờ. Trương Cửu Linh bị hai tên này đèm pha mà phải bỏ quan về nhà.
- (21) *Diêu* : tức là Diêu Sùng 姚崇 ; Tống : tức Tống Cảnh 宋景 . Diêu Sùng, Tống Cảnh và Hàn Hưu là ba tướng giỏi của nhà Đường lúc bấy giờ.
- (22) *Lâu Vọng Tiên* : ở cung Liên Xương, thuộc huyện Nghi Dương tỉnh Hà Nam. Cung Liên Xương do Đường Thái Tông xây dựng.
- (23) *Nàng Ngọc Hoàn* : tức nàng Dương Quý Phi, thiếp yêu của Minh Hoàng.
- (24) *Đình Trầm Hỉ Long* : nằm trong phạm vi cung Hưng Khánh 興慶.
- (25) *Tùy Đường diễn nghĩa* 隋唐演義 có chép rằng : một hôm Minh Hoàng cho truyền gọi Dương Quý Phi, nàng ngủ chưa dậy, Minh Hoàng nói : «Hoa hải đường ngủ chưa đủ hay sao ?»
- (26) *Xiêm áo Nghê thường* : đời Đường Minh Hoàng có điệu vũ Nghê thường. Lúc múa, vũ nữ mặc xiêm áo rất đẹp.
- (27) Dương Quý Phi nhận người rợ Hồ là An Lộc Sơn 安祿山 làm con nuôi, nhân ngày sinh nhật của An, Dương bảo cung nhân làm cái túi gấm lớn bọc lấy y rồi để trong xe đầy đi khắp cung, gọi là lỗ «tẩy nhi» (tắm trẻ). Trong câu này tác giả mượn ý từ diền tích đó.
- (28) Dương Quý Phi một hôm thời trộm sáo của em Minh Hoàng là Ninh Vương, Minh Hoàng có ý ghen. Việc này đồn đi khắp nơi.
- (29) Tức huyện Ngư Dương, thuộc tỉnh Hà Bắc. An Lộc Sơn khởi loạn ở địa phương này.
- (30) *Cầu Vạn Lý* : ở gần Thành Đô, đất Thục. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, Minh Hoàng chạy vào đất Thục và đi qua cầu này.
- (31) *Linh Võ* : một huyện thuộc tỉnh Thiểm Tây. Khi Minh Hoàng chạy vào đất Thục, nhân dân giữ Thái tử ở lại Linh Võ và tôn lên làm vua, tức là Túc Tông 肅宗 sau này.
- (32) *Lệ Tiều* : loại lầu vừa đẹp vừa cao. Trĩ : một đơn vị đẽ đo, dài ba trượng và cao một trượng (mỗi trượng dài gần 3m bảy giờ).
- (33) *Cầm Giang, Ngọc Lũy* : tên một con sông và một dãy núi ở đất Thục. Minh Hoàng lánh nạn An Lộc Sơn ở vùng này.

- (34) Minh Hoàng khi ở đất Thục về Trường An, Túc Tông thay áo vàng mặc áo tía ra lạy chào, ngũ ý minh không dám làm vua, nhưng Minh Hoàng nài Trúc Tông phải mặc áo vàng.
- (35) Nam Nội : tức cung Hưng Khánh. Khi Đường Minh Hoàng trở về Trường An, công thần của Túc Tông là Lý Phụ Quốc 李輔國 bắt ép Minh Hoàng vào cung Nam Nội, đồng thời bắt đầy người thân cận của ông là lực sĩ họ Cao đi nơi khác.
- (36) Bạch Cư Dị 白居易 trong bài Trường hận ca 長恨歌 tả cảnh buồn của Minh Hoàng lúc ở cung Nam Nội, có câu :

春風桃李花開日
秋雨梧桐葉落時
Xuân phong đào lý hoa khai nhật,
Thu vũ ngô đồng diệp lạc thi.
Gió xuân là ngày đào lý nở hoa,
Mùa thu là lúc ngô đồng rụng lá.

Ở đây tác giả lấy ý từ hai câu thơ này.

- (37) Câu này cũng có người hiểu chữ Ân là nhà Ân và dịch là : Than ôi ! các vua đời sau, gương nhà Ân chẳng xa..

KHUYẾT DANH

194

湯盤賦

顯正慚日。極猶與。有以荒德。然恩九天。於其彰。昏參氣昭。昭風商陶。乃雪。仁爲夏域。常庶潔。大氣大以。絕靡。於之浴。道日。草革。暫順。伏拂。恐盤。爰作。蓋方。乃。未一。之光。萬台而。齊。國德。今。

夫廉洗於日。事圓象玲非其知。恢淵量洪乎此水吾。
器；金銅淵蕩而者。堅露之光模。太極無窮也。
也。湛潭垂訓於無窮。太極無窮也。盤也。湛潭垂訓於無窮。
是。塵而含泉滌。而必。

體得雲於德之舊。疏舊有如銘俊濯洗則止其而萌作於濯以丕豈易斯一乃明昭于之；不於之。克以；王月魄固慾徹又于民後日圓，私洞；。斯垂於雖道恐之埃及於以同體。心昏之善于以形之奕本其養至；可哉之人赫失雪涵標心情也月聖之；潔極以慚性潔者念月明既以于之；蠲盤。日虛。于。日坤之盤；明若之息；寔前乾身象新，性不功之釋於一之其性至于之煌以配望君觀恆累誠察煌于以而者常之。至省著。可；日曜袁塞寓存以國用膚蓋靈降四；以于萬功皮而原之盤于；於其共；。霧斯。靈汚此淪

想其長沐則休祥長發；日浴則聖敬日躋。凜凜乎林若臨淵之恐墜；冷冷乎若啓沃之已重。既湔祓於桑澤，思施澤於之禱雨；又齋肅於莘野之幣儀。握髮未晞，心愈望而德愈輝。

暨夫克寬克仁，彰信兆民。百祿是總，爲天下君。體乾坤之覆載，與萬物而爲春。允德叶下，萬邦維新。無弊可除，政事日醇。物態以之而融洩，民風以之而真醇。亦莫不由於斯盤，以成和氣之氤氳者也。

嗟夫！道不自見，以器而見；器不自壽，以銘而壽。岐陽之鍛十，大禹之鼎九，彼至寶之尚湮，況銘盤而不朽。苟日新之無聞，信於爾乎何有。此予生之長勤，企前修而已後。聊作歌以自勵，願持誠於永久。

歌曰：

湯盤兮赫曦，象日兮圓規。群生兮潤澤，聖敬兮日躋。盤銘兮九字，千古兮不墮。人欲兮淨盡，聖德兮光輝。嗟予生兮日誦，庶予學兮緝熙。期萬字兮玉燭，仰吾道兮重熙。

PHIÊN ÂM :

THANG BÀN PHÚ

Y dư Thành Thang, tuấn triết ón lương. Nhân phong tấp đập hè cữu hữu; nghĩa võ hiền hách hè tử phương. Nãi trượng đại thuận, cách Hạ vi Thương. Tham thiên địa dĩ lập cực; chính vạn quốc chi kỷ cương. Tảo phản ai ư tuyệt vực; đào nguyên khí ư hà hoang. Nhiên do tàm di đức chi vị nhất; khủng đại đạo chi mị thường. Nãi mậu chiêu kỳ đại đức, tư dư nhật nhi tè quang. Viên tác bàn dĩ nhật dục, thứ tảo tuyết nhi chiêu chương.

Thị bàn dã: hình mô kiên phác, khí lượng khôi hòng. Viên quy tượng nhật; thụ phù hàm không. Trạm trạm hồ ba quang chi đăng dang; uyên uyên

hồ thủy sắc chi linh lung. Trí Liêm Tuyền nhi trấn Thái Trạch ; nô Thừa Lộ nhi trĩ Kim Đồng. Thủ ngô tri kỷ phi đồ sự ư tẩy địch, nhi tất thùy huấn ư vô cùng giả dã.

Cái nhát giả, quân chi tượng ; bàn giả, nguyệt chi hình. Tuy vién phách bất địch kỳ cựu thề ; nhi linh diệu thường đồ kỳ tân minh. Niệm thánh nhân chi thề đạo, cố ư tư nhi hữu đắc. Nguyên giáng trung chi hăng tính, nhưọc nhát nguyệt chi hách địch. Khủng tư dục chi nhát mạnh, như vân vụ chi từ tắc. Lụy chí tinh chi hư minh ; thất bản tâm chi động triệt. Nãi tác minh ư tư bàn ; ngũ chi thành vu bất túc. Ký tảo tuyết kỳ hôn ai ; hựu khắc minh ư tuấn đức. Vu dĩ tồn tinh sát chi công ; vu dĩ cực hàm dường chi lực. Vu dĩ chiêu trặc trặc chi linh ; vu dĩ trú hoàng hoàng chi thực. Vu dĩ tiêu chi thiện ư tư dân ; vu dĩ tẩy cực ô chi vạn quốc. Vu dĩ thích tiền nhát chi tàm tâm, vu dĩ thùy hậu vương chi phi tắc. Thủ kỳ công dụng khả dĩ phổi ư càn khôn ; tinh tinh khả dĩ đồng ư nhát nguyệt ; khởi chi sơ được kỳ bì phu, nhi vọng nhất thân chi quyên khiết dã tai.

Tưởng kỵ : trường mộc tắc hưu trường trường phát ; nhát dục tắc thánh kính nhát tệ. Lãm lãm hồ nhưọc làm uyên chi khủng trụy ; lãnh lãnh hồ nhưọc khải ốc chi dĩ thùy. Ký tiền phất ư Tang Lâm chi đảo vũ ; hựu trai túc ư Sân Dã chi tệ nghi. Ác phát vị hy, tư thi trách ư bách tính ; Tảo thân nhi tịnh, chiêu tuấn khiết ư cửu vi. Bàn nhát dụng nhi minh nhất quy, tâm dù huỳnh nhi đức dù huy.

Ký phù, khắc khoan khắc nhân, chuong tin trieu dan. Bách lộc thi tòng, vĩ thiên hạ quân. Thể càn khôn chi phú tái, dữ vạn vật nhi vi xuân. Doãn đức hiệp hạ, vạn bang duy tân. Vô tệ khả trừ, chinh sự nhát thuần. Vật thái dĩ chi nhi dung tiết, dân phong dĩ chi chân thuần. Diệc mạc bất do ư tư bàn, dĩ thành hòa khí chi nhân uần giả dã !

Ta phù ! đạo bất tự hiện, dĩ khi nhi hiện ; khi bất tự tho, dĩ minh nhi tho. Kỳ Dương chi cõ thập, Đại Vũ chi đỉnh cửu, bỉ chi bảo chi thượng nhân, huống minh bàn nhi bất hủ. Cầu nhát tân chi vô văn, tin ư nhĩ hồ hà hữu. Thủ dư sinh chi trường cần, xí tiền tu nhi kỷ hậu. Liêu tác ca dĩ tự lệ, nguyên trì thành ư vĩnh cửu.

Ca viết :

Thang bàn hè hách hi, tượng nhát hè vien quy,

Quần sinh hè nhuận trách, thánh kính hè nhát tệ.

Bàn minh hè cửu tự, thiên cõ hè bất huy.

Nhán dục hè tịnh tận, thánh đức hè quang huy.

Ta dư sinh hè nhát tung, thủ dư học hè thấp hy.

Kỳ vạn vũ hè ngọc chúc, ngưỡng ngô đạo hè trùng hy.

DỊCH NGHĨA :

PHÚ CÁI CHẬU CỦA VUA THANG (1)

Đẹp thay Thành Thang, sáng suốt ôn lương. Gió nhân chan hòa chín cõi; dấu nghĩa huy hoàng bốn phương. Nhàn lòng người thuận, đồi Hạ làm Thương (2). Giúp trời đất dễ dựng ngôi hoàng cực; vì muôn bang nên sửa lại kỷ cương. Quét bụi độc ở nơi xa thẳm; nhào nguyên khí ở chốn hoang lương. Song còn thiện đức cao chưa khắp; lại lo đạo cả không thường. Bèn gắng sáng tỏ đức lớn; lo cùng vàng nhật sánh ngang. Nên làm châu ngày ngày tắm gội; ngõ hầu cho tinh khiết rõ ràng.

Cái châu này: Dáng hình bền chắc, sức chứa khôn lường; tròn như vàng nhật, chira cả hư không. Thẳm thẳm tựa sóng xô bờ óng ánh; đạt dào như nước chảy sắc long lanh. Cho Thái Trạch với Liêm Tuyền (3) đều vẫn đục; xem Kim Đồng cùng Thừa Lộ (4) thấy tội lỗi. Điều đó làm ta biết châu này chẳng phải chỉ dùng tắm gội, mà át dễ lưu lại lời dạy mãi đến vô cùng vậy.

Bởi lẽ: Mặt trời là biểu tượng của nhà vua; chiếc châu là tượng hình cho mặt nguyệt. Tuy dáng tròn vẫn không đổi thề xưa; mà ánh sáng vẫn thấy luôn đổi mới. Chắc thánh nhàn khi thề nghiêm đạo trời, sẽ nhận ở châu này nhiều tâm đắc. Nguyên tinh thường của trời ban xuống; cũng sáng lòa như vàng nhật nguyệt kia. Sợ khi tư dục nảy mầm, lòng người bị mây mù lấp ló. Làm lụy đến đức sáng trong của lòng hiếu đế; làm mất đi sự trong sáng của lòng thiện ác. Bèn khắc bài minh ở châu này, ngũ tám lòng thành nơi bắt diệt. Đã rửa sạch được bụi nhơ, lai sáng người được đức lớn. Đề giữ mãi công ty xét minh, làm cho tốt cùng cái súc hàm dưỡng. Đề tinh linh trong trắng rõ ràng; đề thực tinh rạng người tươi tốt. Đề nêu gương chi thiện với dân này; đề rửa cái nhơ xưa cho muôn nước. Đề xóa nhòa mọi hồ thẹn ngày xưa; đề lưu lại phép lớn lao cho vua nối. Như vậy công dụng ấy có thể sánh với đất trời; tinh tinh ấy có thể sánh cùng nhật nguyệt. Há phải chỉ là tắm rửa ngoài da, mong tắm thân mình sạch sẽ mà thôi?

Nghĩ rằng: Tắm mãi thì diềm lành sinh mãi; gọi luôn thi thánh kinh càng cao. Ròn ròn như bên vực sâu thường sợ rót; mát mẻ như công đội trời đã ngâm vào (5). Đã tắm gội khi Tang Lâm đảo vũ (6); lại chạy thành nơi Sắn Dã lễ trao (6). Vắt tóc chưa khô, nghĩ ra ơn cùng trăm họ; rửa mình cho sạch, người đức tốt với chín châu. Châu càng dùng lời minh càng vẹn; lòng càng sáng đức lại càng cao.

Đến khi: Càng khoan càng nhân, đức người muôn dân. Thủ tóm trăm lộc, làm chung nhân quân. Nhờ chở che của trời đất, cùng muôn vật trở thành xuân. Đức lành hòa hiệp, muôn nước duy tân. Chẳng còn tệ gì mà bỏ; chính sự ngày càng thêm thuần. Vật thái vì thế mà trong trẻo; dân phòng vì vậy lại càng thuần. Thế chẳng cũng là không có cái gì không do châu này mà trở thành hòa khí nghĩa ngút ngàn?

Than ôi ! Đạo không tự hiện, nhờ vật mà hiện. Chậu không còn mãi, nhờ minh mà còn. Mười trống đá ở Kỳ Dương (7), chín vạc của vua Đại Vũ (8), đều là những vật rất quý mà còn bị tiêu ma, huống cái chậu có bài minh này sao không nát được? Nếu hai chữ «Nhật Tân» (9) không có thì chiếc chậu kia có đáng nói gì. Như ta nay chăm chỉ không ngừng, mà theo gót người xưa còn chẳng kịp. Nên tác ca để khích lệ mình, nguyện giữ một chữ «thành» mãi mãi.

Ca rằng :

*Chậu vua Thang rực rỡ,
Khác chi mặt trời tròn.
Muôn dân nhuần ân trạch,
Thánh kinh ngày cao hơn.
Chín chữ trên bài minh,
Dù muôn đời không nát.*

*Nhân dực sạch lâu lâu,
Thánh đức càng thêm sáng.
Ta hàng ngày tâm niệm,
Đạo học vốn dài lâu ?
Đuốc ngọc soi rộng khắp,
Đạo ta thịnh đời đời.*

ĐỖ VĂN HỶ, ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐỊNH :

Bài này chép ở QHPT

CHÚ THÍCH :

- (1) Cái chậu của vua Thang : Vua Thang là người sáng lập ra nhà Thương. Sách *Đại học* 大學 chép : vua Thang cho khắc vào chậu lời minh rằng : 荀日新，日日新。 又曰新 Cầu nhật Tân, nhật nhật Tân, hựu nhật Tân : Nếu ngày ngày đổi mới, thì ngày ngày sẽ mới thêm, ngày ngày lại mới thêm mãi. Bài phú này viết về cái chậu ấy.
- (2) *Đổi Hạ làm Thương* : Vua Thành Thang giết vua Kiệt nhà Hạ, đặt quốc hiệu là Thương, ở ngôi 30 năm.
- (3) *Thái Trạch, Liêm Tuyền* : Thái Trạch tức Thái Hồ, tên một hồ lớn nằm trên hai tỉnh Chiết Giang và Giang Tô (tức Ngô và Việt ngày xưa). Liêm Tuyền là tên một con suối ở Lưỡng Châu, Trung Quốc.
- (4) *Kim Đồng, Thừa Lộ* : Theo sách *Tam phụ cổ sự* 三輔故事, Hán Vũ Đế 漢武帝 làm cột đồng và mâm thừa lộ (Hứng hạt móc) để luyện thuốc trường sinh.
- (5) *Thánh kinh* 書經 có câu : 啓乃心沃朕心 Khởi nãy tâm ốc trẫm tâm : Mở lòng người trời vào lòng ta. Ý nói nên đem lời phải chăng trình bày với vua. Câu này lấy ý ở đó.
- (6) Theo *Bắc sử* 北史, trời đại hạn bảy năm, vua Thang trai giới, tự làm vật hy sinh, cầu mưa ở đồng Tang Lâm. Cũng theo *Bắc sử*, Y Doãn đang cày ruộng ở cánh đồng Hữu Sản, vua Thang sai người đến đón về làm trưởng.
- (7) QHPT chú 岐陽石鼓十, 或以爲文王鼓, 或以爲宣王鼓, 後在孔子廟中。 Kỳ Dương thạch cỗ thập, hoặc dĩ vi Văn Vương cỗ, hoặc dĩ vi Tuyên Vương cỗ. Hậu tại Khổng Tử miếu trung : Ở Kỳ Dương có 10 trống đá. Có người cho là trống của vua Văn Vương. Có người lại cho là trống của Tuyên Vương. Sau này để ở miếu Khổng Tử.
- (8) Theo *Bắc sử*, vua Vũ thu nhặt đồng tốt trong thiên hạ đúc thành chín vạc, tượng trưng cho chín châu.
- (9) Xem chú thích (1) nói về hai chữ 日新 nhật Tân.

KHUYẾT DANH

195

董狐筆賦

約極兮。誰王弑恩雷非古斷
爲建法日兮。臣驅羸萬論
以而持前恭國兮。兮。明議
繩道以於懿喪遷食立職兮。
結天官光以而東相特史稱志兮
爰原史有楊昏之而之於可敢罰
立功武以轍獸孤誠之之賞
質兮。文此姪翕董忠善釐於
醇神籍兮。嗟人確盡非毫嚴
之聖載統虐兮？，，，，，，，
孰無貶
璞之於繼暴隆冊兮急兮。，，，
褒
大軒文之以興史內泯躬臆兮。
隱羲斯舜縱而於宇而匪胸書失
，偉協堯紂德昭於從而於大得
兮。追桀以昭滿倫蹇衡以之
宣述兮。彼具戈彝塞鑑直時
未紀用則兮。干，常定筆當
之夫利典敬賊兮。兮。執正
文知以之祇戕書植父式兮。
人未契臣以而直弗弑是威黜兮。
繫固書君儼昏而子之奮可非鎧
兮。造正湯厲筆頽而人以而是斧
兮。禹幽秉綱君古靈惡之於

熊嗔兮。肺彌獒紛兮。之而唳紛泣夫諫以復宰子酒亂而殺宣設國之民兮。復晉聞生已斃兮。盾於不而走聞斂而槐亡。厚娛觸而之務康麌惧子，日，子臣兮。兮宣奈道人殺。無彈擊噬兮。之以追園公上，而桃靈臺處階於公。慨從命蹕殺兮。乃弊襲穿兮。

迹似遁於殺君。亡不越境以絕分兮，歸不討賊以酬恩。
伊！去就並失義兮，固難逃其責云。

朝有罪影壞世謹，示之兩而既復以兮愧。使下歷以卿而驚於於于魄有削字，兮罪正筆神綱戒。褫而有原落鬼王深志而狐而於明良書，一，扶重肆之董文竄中古兮。兮。兮。之聞視舊不胸焉義室懿墨諱兮王臣，因故非，大同靡濡不端後亂兮。自之之誅之而而鋟警。聞置兮。書臣而德毫惡於以至前倒真惴氏君戈君含大氣于之之之為喘左揭操示方書勁，冰佚史之而乎捨，捨，。凜兮堅史前筆風宜兮。兮旨兮。心防顧患狐闇。法殺惡微牘墜邪以。謂尚是。筆曰顯之啓已之于氣兮。至義之而以秋而於人，喪天偽兮能其史殺舉春門法小兮而法誠亂曷泯太手夷得重王閑漸之之逆，不偉不名，排振以之見尼邪之兮而兮意彰避兮。履賊懿斷于春千

嗟予生之懶直兮，仰前聖而自企。拊麟經而增歎兮，納中正以自佩。伊欲紙青天而筆太華兮，庶乎書聖朝之祥瑞而已。

PHIÊN ÂM :

ĐỒNG HỒ BÚT PHÚ

È nhân văn chi vị tuyên hè, ần thái phác chi thuần chất. Viên kết thăng dĩ vi ước hè ; cổ vị tri phù kỹ thuật. Vĩ Hy. Hiên chi thánh thần hè ; nguyên thiên đạo nhi kiến cực. Tạo thư khế dĩ lợi dụng hè ; hiệp tư văn ư tài tịch. Lập sử quan dĩ trì pháp hè ; chính quân thần chi diền tắc. Đãi Nghiêu, Thuấn chi kế thống hè ; công hữu quang ư tiền nhật. Vũ, Thang nghiêm dĩ chỉ kinh hè ; Kiệt, Trụ tùng dĩ bạo ngược. Văn, Vũ mục dĩ ý cung hè, U, Lê hôn nhi tương tắc. Bỉ dĩ đức nhi hưng long hè, thủ dĩ hôn nhi táng quốc. Thùy bỉnh bút nhi trực thư hè, cụ chiêu chiêu ư sử sách ? Ta ! Cơ triết chi đồng thiêng hè, vương cương đồi nhi phát thực. Can qua mẫn ư vũ nội hè, nhân cầm thú nhi tương thực. Thần thi quân nhi tử thi phụ hè, di luân tòng nhi dẫn túc. Xác Đồng Hồ chi đặc lập hè, tư cõ nhân chi thị thức. Thường kiền kiền nhi phi cung hè, tận trung thành ư sứ chức. Khu lôi đình dĩ phẩn uy hè, đình giám hành ư hung túc. Thực phi thiện chi khả xưng hè, thực phi ác nhi khả truất. Chấp bút trực

dĩ đại thư hè, vô hào ly chi cảm thắc. Minh vạn cõi chi thị phi hè, chính đương thời chi đắc thất. Bao biếm nghiêm ư thưởng phạt hè, nghị luận đoạn ư phủ chất.

Khái Linh Công chi vô đạo hè, vụ hậu liêm ư sinh dân. Sát tể phu chi nhi hùng hè, tòng đài thượng dĩ đạn nhân. Nhật khang ngu nhi bắt dĩ hè, Tuyên Tử gián nhi di sản. Nãi mệnh Nghê dĩ kích sát hè. Nghê xúc hòe nhi tể. Phục thiết tửu dĩ thốc ngao hè, ngao trước gai nhi truy phệ. Tuyên Tử cụ nhi vong tâu hè, Tấn quốc loạn dĩ phản phản. Xuyên tập sát ư đào viễn hè, nại thần tử chi nhẫn văn. Thuần văn chi nhi phục khấp hè, tích tự nhĩ ư sát quân. Vong bất viet cảnh dĩ tuyệt phận hè, quy bất thảo tắc dĩ thù án. Y! Khứ, tựu tịnh thất nghĩa hè, cố nan đào kỳ trách văn.

Vĩ Thái sử chi bút pháp hè, yết quân thần chi đại nghĩa. Thư hữu tội dĩ thị triều hè, bắt thủ sát nhi viết sát. Xá thao qua nhi tru đồng thất hè, nguyên Chính Khanh chi hữu ý. Danh Di Cao dĩ hiền ác hè, thị quân đức chi my ý. Nhất lạc bút nhi lưỡng tội chươn hè, đắc Xuân thu chi vi chỉ. Phương hàm hào nhi nhu mặc hè, quỷ thần kinh nhi ảnh tị. Bài trùng môn nhi khải độc hè, thư đại ác nhi bắt húy. Phù vương cương ư ký hoại hè, chấn vương pháp ư dĩ trụy. Lãm kích khí ư mang đoan hè, thùy thảm giới ư hậu thế. Vu dĩ bế tiêu nhân chi tả tâm hè, vu dĩ cảnh hậu vương chi tử chí. Vu dĩ cần lý sương chi tiệm hè, vu dĩ phòng kiên băng chi chí. Loạn thần văn chi nhi trị phách hè, tắc tử kiến chi nhi tăng khí. Cố sử đặt chi tiền văn hè, thị Đồng Hồ nhi hữu quy. Ý Trọng Ni chi pháp thiên hè, hoạn tiền sử chi đảo tri. Nhân cựu văn nhi bút trước hè, đoán trung tà chi thành ngụy. Vị Hồ bút chi vi chán hè, cố bất soán ư nhất tự. Sử thiên tài chi nghịch loạn hè, thượng văn phong nhi xuyên xuyền. Tự phi hung trung minh kính, bút hạ Xuân thu hè, hạt nǎng chí thị. Nghi hồ Tả thị thư chí, vi cõi lương sứ hè, lịch thiến tài nhi bất dẫn kỳ nghĩa.

Ta dù sinh chi trường trực hè, ngưỡng tiền thánh nhi tự xi. Phủ Lan kinh nhi tăng hy hè, nhẫn trung chính dĩ tự bội. Y dục chỉ thanh thiên nhi bút Thái hoa hè, thư hồ thư thánh triều chi trường thụy nhi dĩ.

DỊCH NGHĨA :

PHÚ VỀ NGỌN BÚT CỦA ĐỒNG HỒ (1)

Khi nhân văn chưa hiện ra thì như thuần chất còn ẩn trong hòn ngọc thái phác (2). Chỉ thắt nút dây đẽ làm ướt hẹn (3), vì hồi bấy giờ chưa biết chép ghi. Lớn lao thay vị thần thánh Hy Hiên (4), căn cứ vào đạo trời mà lập ra đạo «đại trung» (5) đẽ dạy dân. Đặt ra văn tự đẽ tiện dùng, lấy chữ nghĩa đẽ mà ghi chép. Lập ra sứ quan đẽ giữ gìn phép tắc, làm ngay ngắn mối quan hệ giữa vua tôi. Đến khi Nghiêu Thuần (6) nối ngôi, công nghiệp lại rõ ràng hơn thuở trước. Vũ Thang (7) khép minh nên cung kính, Kiệt Trụ (8) buông lỏng nên bạo tàn. Văn Vũ (9) hòa mục mà khiêm cung, U Lê (10) hôn mê mà tàn bạo... Người lấy

đức đê dấy nền thịnh trị, kẻ tối tăm nên làm mất nước nhà. Ai cầm bút ghi chép thẳng thắn mà được nêu đầy đủ rõ ràng nơi sử sách? Ôi! Từ khi bánh xe họ Cơ dời sang phia đông (11); kỷ cương của nhà vua suy đồi không dựng lại được. Giáo mác ngôn ngang bờ cõi; người hóa ra cầm thú ăn thịt lẫn nhau. Tôi giết vua, con lại giết cha; luân thường theo đó mà mai một. Đúng Đồng Hồ là người kiệt xuất, lo giữ gìn khuôn mẫu người xưa. Thường khó nhọc quên cả thân mình, hết lòng thành đê viết sử. Cầm cán nảy mực trong tâm tư, dồn sấm sét ra uy nơi ngọn bút. Khen điều gì không ngoài cái ác. Cầm bút chép một cách thẳng thắn, dù mảy may chẳng dám đơn sai. Làm sáng tỏ đúng sai muôn thuở, vạch rõ ra sự được mất đương thời. Khen chê thì nghiêm khắc & điều thường phạt, nghị luận thì dứt khoát như lưỡi búa rìu.

Cầm giận thay Linh Công vô đạo, chỉ chuyên nghề bòn rút sinh dân. Giết kẻ nịnh chán gấu chẳng nhù (12); từ đài cao bắn người vô tội (13). Vui thỏa thích hàng ngày không nghỉ, Tuyên Tử (14) can y càng nổi giận. Sai Sư Nghê giết Triệu Thuẫn đi; Nghê đâm đầu vào gốc hòe tự tận (15). Bầy tiệc rượu suýt chó ngao ra; ngao vượt thềm đuỗi cắn (16). Tuyên Tử sợ chạy ra ngoài cõi, nước Tân từ đó loạn bời bời. Đến vườn đào, Triệu Xuyên giết [Linh Công] (17); đạo thần tử nỡ nào nghe việc ấy. Thuẫn nghe xong nước mắt đầm đìa; nhưng hình tích gần như kẻ giết vua là Thuẫn vậy (18). Vì đã chạy trốn sao không ra khỏi bờ cõi đê dứt khỏi chức phận; đã trở về sao không trừ loạn tặc đê trả ơn vua (19). Ôi! Đì hay về đều là thất nghĩa, cho nên khó tránh được trách nhiệm của mình vậy.

Lớn lao thay bút pháp của Thái sử (20), nêu lên nghĩa lớn của vua tôi. Chép tội giết vua đê răn bảo triều đình, không tự tay giết mà xem như đã giết. Tha kẻ cầm giáo mà trách kẻ cùng nhà (21), vì thực ra Chính Khanh có ý (22). Nêu tên Di Cao (23) đê làm sáng tỏ điều ác, cho mọi người thấy đức của nhà vua không tốt. Bút vừa hạ, hai tội đã rõ ràng; quả phù hợp với ý nghĩa sâu xa của kinh Xuân thu. Khi ngọn bút vừa dầm xuống mực; quý thần kinh mà lánh bóng xa. Đầu mấy lần cửa mà mở then ván ra; ghi tội lớn chẳng hề kiêng nề. Cứu kỹ cương vương đạo đê suy đồi, dựng lại phép tắc nhà vua đã nghiêng đổ. Dồn sức mạnh lên đầu ngọn bút, rủ lời răn sâu đến đời sau. Lấy đó mà ngăn lòng tà của bọn tiểu nhân; đê cuồng chí của vua nỗi nghiệp. Lấy đó mà thận trọng khi vừa dầm sương mai (24), lo trước lớp băng dày sẽ tới (25). Loạn thần nghe vội thấy hồn bay; tắc tử nhìn vào e táng khí. Ngâm Sử Dật (26) trước thường nghe tiếng, so Đồng Hồ sao khỏi thận thùng. Đẹp đê thay Không Tử dựa theo trời; lo sử trước chép lời diên đảo. Theo văn cũ mà sửa sang chép lại, chia gian ngay phải trái tỏ tường. Cho rằng bút Đồng Hồ là thực, nên một lời cũng chẳng chép sai. Khiến bọn nghịch loạn hàng ngàn năm nữa, nghe tiếng tăm vẫn phải e dè. Nếu chẳng phải là gương sáng ở trong lòng, Xuân thu bút lực (27) sao có thể làm như vậy được? ! Thật đáng cho họ Tả (28) chép vào làm bộ sử tốt của đời xưa, trải ngàn năm vẫn còn nguyên ý nghĩa.

Ôi! Thân ta cương trực, ngược theo tiên thánh gượng theo đồi. Võ Lan kinh (29) mà than thở, đem điều trung chính xe lại mà deo. Muốn lấy trời xanh

làm giấy, núi Thái Hoa (30) làm bút, ngõ hào ghi chép điềm lành của thánh triều mà thôi.

ĐỖ VĂN HỶ, ĐÀO THÁI TÔN

KHẢO ĐÍNH :

Bài này có chép ở Q H P T.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đồng Hồ* : tên một viên quan chép sứ ở nước Tấn đời Xuân Thu. Theo *Đồng Chu liệt quốc* 東周列國, đời Xuân Thu, Triệu Thuẫn làm quan Chính khanh ở nước Tấn, sợ Tấn Linh Công 晉靈公 giết, bỏ chạy ra ngoài cõi. Em Triệu Thuẫn là Triệu Xuyên bèn giết Tấn Linh Công ở vườn đào. Triệu Thuẫn trở về nước, lập người khác lên làm vua, không trị tội em là Triệu Xuyên. Viên quan chép sứ tên là Đồng Hồ, viết vào sách Sử nước Tấn : « Triệu Thuẫn giết chúa là Di Cao ở vườn đào ». Hành động này của Đồng Hồ được người đương thời và đời sau ca ngợi. Bài phú này làm theo điển ấy.
- (2) *Thái phác* : ngọc thô còn nằm trong đá. Muốn lấy ngọc này phải đập đá ở trong núi.
- (3) *Thắt nút dây làm ước hẹn* : theo *Bắc sử* 北史, vào thời cổ ở Trung Quốc chưa có văn tự. Toại Nhân Thị 遂人氏 dạy dân thắt nút dây để làm tin.
- (4) *Hí, Hiên* : tức vua Phục Hy 伏羲 và Hiên Viên 顓園.
- (5) *Đạo «đại trung»* : Thư kinh 書經 có câu : 黃建其有極 Hoàng kiến kỳ hữu cực : Nhà vua kiến lập cái đạo «đại trung» của mình. Chữ Kiến 極 trong bài phú có nghĩa là đạo «đại trung».
- (6) *Nghiêu, Thuấn* : tức là vua Nghiêu đời Đường và vua Thuấn đời Ngu.
- (7) *Vũ, Thang* : Tên các vua đã sáng lập ra nhà Hạ và nhà Ân.
- (8) *Kiệt, Trụ* : Tên hai kẻ bạo chúa, một thuộc nhà Hạ và một thuộc nhà Ân.
- (9) (10) *Văn, Vũ, U, Lê* : Văn, Vũ là hai vua đã sáng lập ra nhà Tây Chu và U, Lê là hai tên bạo chúa cuối đời Tây Chu.
- (11) *Xe ho Cơ dời sang phía đông* : Nhà Chu nguyên đóng đô ở đất Quan Trung. Từ đời Chu Bình Vương về sau, cơ nghiệp suy, nên mới dời sang phía đông để có địa bàn phát triển, đóng đô ở đất Lạc, gọi là Đông Chu.
- (12) *Giết kẻ nịnh chân gấu* : Theo *Đồng Chu liệt quốc*, Tấn Linh Công rất tàn bạo. Một hôm, có người nịnh mòn chân gấu nhưng không được nhử, y bèn lôi ra giết.
- (13) *Bắn người vô tội* : Một hôm bọn vua tôi Linh Công đang đứng trên đài cao, thấy bên dưới có nhiều người đứng xem, chúng bèn dùng cung tên bắn vào giữa đám đông để mua vui.
- (14) *Tuyên Tử* : Tức Triệu Thuấn.
- (15) *Tấn Linh Công sai Sư Nghê giết Triệu Thuấn*, khi đến nhà Thuấn, Sư Nghê thấy Thuấn đang mặc áo chàu, ngồi chờ trời sáng. Sư Nghê không nỡ giết, bèn tự đâm đầu vào gốc hòn tuf tận đe khỏi bị Tấn Linh Công trị tội vì không chịu giết Thuấn.

- (16) *Ngao vượt thềm dưới ...* : Linh Công lại lập mưu bày tiệc rượu để giết Triệu Thuẫn. Gia thần của Thuẫn là Đè Di Minh biết ý, cõng Thuẫn chạy. Tán Linh Công sai người suýt chó ngao đuổi theo cắn. Đè Di Minh giết chó ngao. Triệu Thuẫn trốn thoát ra ngoài cõi.
- (17) *Triệu Xuyên* : Em họ Triệu Thuẫn. Người đã giết Tán Linh Công ở vườn đào.
- (18) Khi Tán Linh Công chết, Triệu Thuẫn bèn trở về ôm xác vua khóc thảm thiết để tỏ rằng mình không phải người giết chủ.
- (19) Hai câu này là lời Đồng Hồ buộc tội Triệu Thuẫn.
- (20) *Thái sứ* : Đây chỉ Đồng Hồ.
- (21) Tác giả bài phú muốn nói : Đồng Hồ tha tội cho người cầm giáo giết Tán Linh Công là Triệu Xuyên, nhưng lại bắt tội người nhà của Triệu Xuyên là Triệu Thuẫn. Vì xét ra Thuẫn là người có ý giết Tán Linh Công, mặc dù không tự tay làm việc đó.
- (22) *Chinh Khanh* : Đây chỉ Triệu Thuẫn.
- (23) *Nêu tên Di Cao* : Đồng Hồ ghi rõ : « Triệu Thuẫn giết chúa là Di Cao ». Ghi như thế là để cho mọi người đều rõ Di Cao là tên tàn bạo.
- (24) (25) *Vìta dâm sương mai ... băng dày sẽ tới* : *Dịcā kinh* có câu ; *履霜堅冰至* lý sương kiên băng chí : *Khi dâm phải sương, tức là lúc băng cứng sắp đến*. Ý nói khi thấy tai họa nhỏ thì phải đề phòng tai họa lớn hơn.
- (26) *Sử Dật* : một viên quan chép sử đời Chu Thành Vương. Khi còn nhỏ, có lần Thành Vương chơi với em là Thúc Ngu cắt lá vông làm ngọc khuê và nói : « Ta phong cho mày cái này ». Sử Dật bèn xin chọn ngày làm lễ phong. Thành Vương nói : « Ta đưa vây thôi ». Sử Dật bảo : « Thiên tử không bao giờ nói dưa ». Thành Vương bèn phong Thúc Ngu làm Đường hầu.
- (27) *Xuân thu* : một cuốn sử biên niên về nước Lỗ, do Khổng Tử soạn, chép từ Lỗ Ân Công đến Lỗ Ai Công. Ở đây, Khổng Tử đã dùng bút pháp « bao biếm », nghĩa là khen chê rõ ràng, đúng mục.
- (28) *Họ Tả* : đây chỉ Tả Khâu Minh, một viên Thái sứ nước Lỗ, từng chú giải sách *Xuân thu* của Khổng Tử (*Tả thị Xuân thu*).
- (29) *Lân kinh* : Chỉ sách *Xuân thu*. Khổng Tử làm sách *Xuân thu*, dừng bút lại ở đoạn người nước Lỗ bắt được con lân ; bởi thế sách *Xuân thu* còn có tên là *Lân kinh*.
- (30) *Thái Hoa* : một ngọn núi lớn ở tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

SỬ HY NHAN

史希顏

(?)

Sử Hy Nhan giỏi về sử nên được vua ban cho họ Sử; họ thực, năm sinh, năm mất hiện nay đều chưa rõ. Ông người huyện Phi Lộc, châu Ái⁽¹⁾, đỗ Trạng nguyên đời Trần Duệ Tông 陳睿宗 (1373 — 1377), làm chức Hành khiền tri dien kinh.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài phú chép trong QHPT.

(1) Huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh.

196

斬蛇劍賦

後車兮鮑集，長城兮血腥。
 龍輿兮沛邑，鹿走兮咸京。
 拔青萍之鈍刃，誅白帝之陰精。
 掃風塵於六合，廓宇宙而一清。
 斯為漢家之神器，而斬蛇之所以得名也。
 是劍也，萃坤六之貞，具乾九之剛。
 工之以造化，燬之以陰陽。
 秋水湛兮鐸鏘，冰霜凜兮鋒芒。
 畫佩兮日失色，夜匣兮吐光。

藏伏之，爲價當
魅其其天擬與
退，，足得舍未安
之珠闕爲明臣
彗星璧鈞白吳

送徒驪山，夜經澤畔。

見巨蛇之當道，

致前行之驚返。

赫王威之震怒，

奮壯志之精悍。

拔之以斬，剗然

泣潛乎乎是於靈素

炎祚於是乎赫輝

芒碭之瑞氣起

軌道之玉靈獻。

誅垓下之暗鳴，

戮淮陰之逆叛，

可謂物之神而劍

然嘗聞之：

凡物之寶，因人

莫之將干，彼

不際英明之主，

則徒於精獵

謂采於龍津。

長若斯劍，親遇

之不狠，

留嘉名而愈彰。

之難容也

生文明之時者，

增功
之武威
人談

，
，
者
一朝
之熙熙
雍雍

事者朝之代戰不言。

平昇于之，

家，一
於海
至海

文勲。其

周子書不文軒

包干戈以虎皮，
銷鋒鏑為農器。
和氣盈乎九州，
仁風薰乎兩際。
子方翹翔鳳儀之庭，
舞踏奏韶之地。
反而之區區騁雕虫之末技，
稱雜伯之遺，昧帝王之懿。
奚時務之不通，為有識之所鄙。
賦者喜而歌曰：

劍乎！劍乎！不祥之器！
聖人不得已而用之，誠非所貴。
猗歟聖朝，崇文盛世，
天下一統兮，安然無事。
縱有是劍兮，將焉用彼。

PHIÊN ÂM :

TRÂM XÀ KIẾM PHÚ

Hậu xa hè bão xú, trường thành hè huyết tinh.

Long hưng hè Bai ấp, lộc tâu hè Hàm Kinh.

Bát Thanh bình chi tiêm nhận, tru Bạch Đế chi âm tinh. Tảo phong tràn ư lục hợp, khuếch vũ trụ nhi nhất thanh. Tư vi Hán gia chi thần khí, nhi trâm xà chi sở dĩ đắc danh dã.

Thi kiếm dã, tuy Khôn lục chi trình, cự Kiền cửu chi cương. Công chi dĩ tạo hóa, hà chi dĩ âm dương. Thu thủy trạm hè đàm ngạc, băng sương lâm hè phong mang. Trú bụi hè nhật thất sắc, dạ hạp hè nguyệt thô quang. Tuệ tinh vị chi thoái xá, yêu mị vị chi phục tàng. Bạch bích minh châu, vị túc nghĩ kỳ giá ; Ngô cầu Cử khuyết, an đắc dũ kỳ đương.

Tưởng kỵ : tổng đồ Ly Sơn, dạ kinh trạch bạn. Kiến cự xà chi đương đạo, tri tiền hành chi kinh phản. Hách vương uy chi chấn nộ, phấn tráng chi chi tinh hân, bạt chi dĩ trám, hoạch nhiên nhi đoạn. Tố linh ư thi hồ tiêm khắp, Viêm tộ ư thi hồ hách xiên. Mang, Đăng chi thủy khí khởi, Chỉ Đạo chi ngọc tǐ hiến. Tru Cai Hạ chi âm ô, lục Hoài Âm chi nghịch bạn ; khả vị vật chi thần nhi kiếm chi thiện dã.

Nhiên thường văn chi : phàm vật chi bảo, nhân nhân nhi trân. Bí Can tương chi linh, Mạc da chi thần, bất tể anh minh chi chủ, thần vũ chi quân ; tắc đồ mai tinh ư Phong ngực, thao thái ư Long Tân. Hạt nhược tư kiếm, thân ngộ Cao hoàng. Cảng thiên cõi chi bất dã, lưu gia danh nhi dù chuong.

Phú vị tất, khách nạn chi viết : «Sinh văn minh chi thời giả, bất đàm uy vũ chi công ; đăng ưng hi chi triều giả, bất ngôn chiến phạt chi sự. Quyết kim thành triều, thăng bình cực trị. Hồn tử hải ư nhất gia, đồng xa thư ư văn quí. Bao can qua dĩ hò bì, tiêu phong trich vi nông khí. Hòa khí áng hò cửu châu, nhân phong huân hò lưỡng tế. Tử phương cao tường phượng nghi chi định, vũ đạo tấu Thiều chi địa. Phản nhi chi khu khu sinh diêu trùng chi mạt kỵ, xung tạp bá chi tích, muội đế vương chi ý. Hè thời vu chi bất thông, vi hữu thức chi sở bỉ».

Phú giả hỷ nhi ca viết :

Kiếm hò ! Kiếm hò ! Bất tường chi khí !
 Thánh nhân bất đắc dĩ nhi dụng chi, thành phi sở qui.
 Y dư thánh triều, sùng văn thịnh thế,
 Thiên hạ nhất thống hề, an nhiên vô sự,
 Tùng hữu thị kiếm hề, tương yên dụng bỉ !

DỊCH NGHĨA :

PHÚ KIẾM CHÉM RẮN (1)

Xe sau cá thối (2), thành dài máu tanh (3)
 Rồng bay đất Bál (4), hươu chạy Hàm Kinh (5).

Tuốt cây kiếm sắc Thanh bình (6), chém loài âm tinh Bạch Đế (7). Quét gió bụi sạch sáu phương, rạng thế gian trong một vè. Đó là vật thần của nhà Hán, bởi chưng chém rắn mà được tên ấy vậy.

Thanh kiếm này, hợp đức trinh chính của hào Lực quẻ Khôn, dù khi kiên cường của hào Cửu quẻ Kiền (8). Do cái khéo của tạo hóa làm ra, nhờ chất tinh của âm dương rèn được. Lưỡi girom sáng như nước thu, mũi girom quắc tựa băng giá. Ngày đeo thi mặt trời mờ ánh, đêm cắt thi vàng trăng loé vàng. Sao Chòi cũng vì nó lùi xa, yêu ma cũng vì nó ẩn náu. Đồ bạch bích minh châu, sáng chua tẩy giá ; kiếm Ngò câu, Cự khuyết (9), chẳng dám so ngang.

Nhớ xưa : Hán Cao Tổ dắt phu đến Ly Sơn, (10) giữa đêm kéo qua bờ đầm, thấy rắn lớn nằm ngang đường, bọn đi đầu sợ mà lùi bước. Cao Tổ nồi cơn sấm sét, tố chí anh hùng, tuốt kiếm mà chém, rắn đứt làm đôi. Tinh Bạch Đế do đó mà khóc thảm, ngôi nhà Hán vì vậy mà dấy lên. Đất Mang, Đăng (11) diêm lành hiển hiện, đình Chi Đạo (12) án qui đem dâng. Diệt tên hầm hè đất Cai Hạ (13), trừ kẻ phản bạn hạt Hoài Âm (14) ; người là thanh kiếm thần rất sắc rất bén vậy.

Song ta thường nghe rằng: vật sở dĩ qui là do ở người. Kia gươm Can tương, Mạc da (15) dấu có linh thiêng, nhưng nếu không gặp chúa anh minh, vua thần võ, thì cũng đến như kiếm Long tuyễn, Thái a (16) chôn vùi ở ngực Phong Thành (17), bên Long Tân (18) mà thôi. Sao bằng thanh kiếm này được vào tay Hán Cao Tổ, tiếng tăm không bị mai một, danh thơm lưu lại ngàn thu.

Bài phú này chưa làm xong, có người đến chất vấn rằng: « Sinh thời văn minh không nên bàn chuyện uy vũ, ở đời thịnh trị chờ nên nói chuyện chiến tranh. Hiện nay triều thành ta đương lúc thăng bình cực trị, thu bốn bề lại làm một nhà, bánh xe cùng một cỗ, chữ viết cùng một lối, bọc giáo gươm trong da hùm, rèn bình khí làm nòng cụ. Khi hòa đầy cả chín châu, gió nhân hun khắp trời đất. Người phải như con chim phượng đẹp nhảy múa hòa theo khúc nhạc Thiều (19), cứ sao lại bo bo cái nghề nhỏ mọn đeo gót con sâu (20), tàn tung sự tích của bọn tạp bá, làm mờ tối đức tốt của bậc đế vương, không am hiểu thời thế, khiến kẻ thức giả coi khinh ».

Kẻ làm bài phú này vui mừng làm bài ca rằng:

Kiếm này ! Kiếm này ! là vật chẳng lành !
 Bác thánh tung kẽ mới dùng mi, phải dâu vật qui.
 Ôi ! Thánh triều ta, đời thịnh chuộng văn tự,
 Thiên hạ nhất thống, thái bình thịnh trị,
 Dầu có kiếm này, dùng đến làm chi !

Theo NGUYỄN NGỌC SAN
 (HTTVVN ; T.II ; 1962)

CHÚ THÍCH :

- (1) Lưu Bang 刘邦 tức Hán Cao Tổ 漢高祖, lúc còn han vi, một đêm qua chầm thấy con rắn lớn nằm ngang đường, ông tuốt kiếm chém chết. Bài phú lấy đề tài từ câu chuyện này.
- (2) Tân Thủu Hoàng 秦始皇 chết ở Sa Khau, gian thần là Triệu Cao 赵高 dâu không phát tang, bỏ xác Thủu Hoàng vào xe mà chờ, đồng thời cho xe mang nhiều cá thối để sau dè át mùi xác chết.
- (3) Tân Thủu Hoàng bắt dân tu sửa Vạn Lý Trường Thành, dân phu làm việc cực nhọc, chết nhiều vô kể. Câu này nói về tội ác của nhà Tân.
- (4) Đất Bát (Bát Áp): nói Hán Cao Tổ dãy nghiệp.
- (5) Hàm Kinh : tên kinh đô Hán Dương của nhà Tân, thuộc tỉnh Thiểm Tây. Câu này ý nói nhà Tân đe mất thiên hạ như đe sông con hươu.
- (6) Kiếm Thanh bình : một thanh kiếm qui. Sách Văn tuyễn, bài Đáp Đông A Vương tiên của Trần Lâm có câu: « Quân hầu là bậc cao hơn người tục, cầm vũ khí như gươm Thanh bình, Can tương ».
- (7) Bạch Đế : nhà Nho quan niệm rằng nhà Tân ở phương Tây, đối với Ngũ hành thì thuộc Kim, Kim sắc trắng, nên gọi Tân Thủu Hoàng là Bạch Đế.

- (8) *Quỷ Khôn, quỷ Kiền* : hai quỷ trong kinh Dịch. *Khôn* chỉ về đất. *Kiền* chỉ về trời.
- (9) *Ngô cùu, Cự khuyết* : tên hai thanh kiếm qui. Theo sách *Ngô Việt xuân thu* thì Hạp Lư sau khi được kiếm Mạc da, cho người rèn kiếm Ngô câu (cũng gọi là Kim câu). Sách *Việt tuyệt thư* chép Việt Vương có bảo kiếm Cự khuyết, chém sắt như bùn.
- (10) *Lý Sơn* : tên một địa phương.
- (11) *Đất Mang, Đặng* : nơi Hán Cao Tô ăn náu.
- (12) *Đinh Chỉ Đạo* : nơi vua Tần là Tử Anh 子英 ra hàng Hán Cao Tô, dâng ăn tín.
- (13) *Đất Cai Hạ* : nơi Hạng Vũ 霸王 bị Hán Cao Tô tiêu diệt.
- (14) *Hoài Âm* : nơi Hán Tin 韩信 được phong hầu, sau Tin phản, bị giết.
- (15) *Can tượng, Mạc da* : tên hai thanh kiếm qui. Theo sách *Ngô Việt xuân thu* thì Can Tương, người nước Ngô, rèn kiếm qui, vợ là Mạc Da cắt tóc, cắt móng tay nhảy vào lò rèn làm cho thép chảy, rèn được song kiếm qui dâng Ngô Vương. Thanh kiếm dương gọi là Can tượng, thanh kiếm âm gọi là Mạc da.
- (16), (17) *Long tuyền, Thái a* : tên hai thanh kiếm qui. Tương truyền thời Tấn Huệ Đế, Quảng vũ hầu Trương Hoa thấy sao Ngru, sao Đầu có khí màu tím, sai đón Lôi Hoán, người Dự Chirong đến hỏi. Lôi nói đó là do tinh kiếm ở phong thành chiếu lên. Trương bèn cho Lôi đến làm huyện lệnh Phong Thành (tỉnh Chiết Giang). Đến Phong Thành, Lôi cho đào nèn nhà ngực, tìm được một hòn đá dựng hai thanh kiếm, một khắc chữ Long tuyỀn, một khắc chữ Thái a. Lôi bèn dâng cho Trương một thanh, còn một thanh để dùng. Trương Hoa được kiếm, viết thư cho Lôi Hoán bảo : «Xem kỹ hoa văn kiếm này, biết đây là kiếm Can tượng, vậy còn thanh Mạc da sao không đưa đến?». Sau khi Trương chết, thanh kiếm kia cũng không biết ở đâu. Lôi Hoán chết, con Trương Hoa mang kiếm qua bến Diên Bình Tân, hốt nhiên kiếm vuột rơi xuống nước, thấy dưới nước có hai con rồng lớn cuộn sóng àm àm, kiếm mất. Người sau cho rằng hai con rồng đó là hai thanh kiếm Can tượng, Mạc da hiện ra. Nói kiếm hiện được gọi huyện Long Tuyền (tỉnh Chiết Giang).
- (18) *Bến Long Tân* : có lẽ là bến Diên Bình Tân (xem chú thích 16, 17).
- (19) *Nhạc Thiều* : tên một khúc nhạc hay, tương truyền khúc nhạc này có từ đời vua Thuấn, mỗi lần tấu nhạc, chim phượng hoàng đến múa.
- (20) *Đeo gợt con sâu* (điêu trùng) : đeo gợt tì mỉ từng con sâu. Ở đây ý tác giả muốn nói cái tài nhỏ mọn về văn chương.

CHU ĐƯỜNG ANH

朱唐英

(?)

Chu Đường Anh còn có tên là Chu Đường Thương (1); hiệu là Liêu Thủy. Về năm sinh, năm mất của ông cho đến nay vẫn chưa rõ. Về quê quán, trong bài thơ *Đề quàn ngư triều lý đồ*, Chu Đường Anh có nói «Nhà ta ở bến Ninh Khê, đất Liêu Thủy». Nhưng Ninh Khê, Liêu Thủy ở nơi nào vẫn chưa tra cứu được (2). Còn về sự nghiệp, chúng ta chỉ biết Chu Đường Anh từng làm chức Chuyển vận sứ vào cuối đời nhà Trần.

Tác phẩm: hiện còn một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt và bài thơ thất ngôn trưởng thiên chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Theo *Việt âm thi tập*.

(2) Ở tỉnh Hà Nam Ninh có một nhánh sông Hồng chảy qua, gọi là sông Ninh Cơ, không biết Ninh Cơ này và Ninh Khê quê Chu Đường Anh có liên quan gì với nhau không? Lại có ý kiến khác là ở vùng Trúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Sơn Bình có dấu vết của sông Ninh (người địa phương quen gọi là sông Nanh). Sông Nanh xưa là một nhánh của sông Tích, nước nhiều. Dân ở đây có câu hát: «Bao giờ chờ Trúc hết người, sông Nanh hết nước thì họ Đặng này hết quan» (Họ Đặng ở đây có nhiều người làm to. Vì dụ Đặng Đình Tường). Không biết sông Ninh (Nanh) này với Ninh Khê quê Chu Đường Anh có gì liên quan với nhau không? Vậy chúng tôi xin ghi lại đây để bạn đọc tham khảo.

197

題唐明皇浴馬圖

ĐỀ ĐƯỜNG MINH HOÀNG DỤC ^{1*} MÃ ĐỒ

玉	花	照	夜	絕	權	奇,	Ngọc hoa dạ chiếu	^{2*}	tuyệt quyển	^{3*}	kỳ,			
浴	罷	率	來	近	赤	嬌。	Dục bãi	khiên lai	cận	xích	tri.			
若	使	愛	人	如	愛	馬,	Nhược	sử	ái	nhân	như	ái	mã,	
蒼	生	何	至	有	瘡	癟。	Thương	sinh	hà	chi	^{4*}	hữu	thương	di?

DỊCH NGHĨA :

ĐỂ BỨC TRANH ĐƯỜNG MINH HOÀNG (1) TẮM NGựa

Con ngựa «Ngọc hoa chiểu dạ» (2) chạy giỏi tuyệt vời (3),
 Tắm xong dắt đến gần thăm son.
 Nếu vua yêu người cũng như yêu ngựa,
 Thi dân đen đâu đến nỗi cơ cực ?

DỊCH THƠ :

Ngựa Ngọc hoa sao khéo lả lùng,
 Tắm rồi đem tiến dưới sân rồng.
 Nếu lòng yêu mến người như ngựa,
 Lợ phải lo dân nỗi khổn cùng ?

ĐỊNH VĂN CHẤP

KHẢO ĐỊNH :

- 1* VATT : 落 lac.
- 2* HVTT : 夜 黑 dạ chiểu.
- 3* TVTL : 环 hoàn.
- 4* TVTL : 安 得 an đắc.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đường Minh Hoàng: tức Đường Huyền Tông 唐玄宗, vua thứ sáu của nhà Đường.
- (2) Ngọc hoa chiểu dạ: ngựa Ngọc hoa ban tatem chiểu sáng, tức Ngọc hoa thông 玉花驥, tên con ngựa quý của Đường Minh Hoàng.
- (3) Chạy giỏi tuyệt vời (tuyệt quyền kỳ): «quyền kỳ» là dáng ngựa chạy đặc biệt giỏi. Trong nguyên bản ở VATT chú: Đông Pha thi tác câu dĩ quyền kỳ 東坡詩作駒已權奇 nghĩa là: Thơ Tô Đông Pha như ngựa câu đã đạt đến mức chạy tuyệt vời. Trong nguyên bản ở HVTT chú: Đường Minh Hoàng thường thừa Chiểu dạ Bạch ngọc hoa thông. Quyền kỳ, mã thiên hành貌. Hán Thiên mã ca, chí thực huân tinh quyền kỳ 唐明皇常乘照夜白玉花驥。權奇馬善行貌。漢天馬歌，志熟勲精權奇, nghĩa là: Đường Minh Hoàng thường cưỡi ngựa Chiểu dạ Bạch ngọc hoa thông. Ngựa quyền kỳ là dáng ngựa chạy giỏi. Thiên mã ca đời Hán: ngựa quyền kỳ có chí thuần, tinh thần khỏe. Theo từ điển Từ hải thì quyền kỳ còn được hiểu là kỳ quyết phi thường, nghĩa là vô cùng tinh khôn (hoặc vô cùng tinh ranh).

198

題群魚朝鯉圖

瀆，銀，網，紛，鱗，尊，春，塵，夢，縕，者，畫，軒，馬，此，渴，沐，驂，崇，北，東，壑，作，圖，樂。
 溪，勝，鉅，紛，錦，鳳，花，華，入，垂，事，名，華，都，焉，傾，喲，繁，鱗，尊，拱，朝，丘，徒，此，水。
 寧，色，布，殊，烹，秋，京，東，屢，恩，好，驥，貯，江，巧，暗，相，正，赤，相，盡，皆，心，亦，藏，魚。
 遼，鰐，截，玉，頽，不，旅，軟，鄉，堂，最，千，妙，蛻，畫，波，荇，圍，爭，猶，落，痕，是，林，襲，堂。
 家，鱠，晨，飛，魴，中，從，年，饑，猶，王，惜，多，王，誰，頃，差，祥，頭，物，星，水，人，嶂，言，見。
 我，鰣，清，雪，鱠，興，自，多，官，清，詩，不，幾，勝，是，萬，參，洋，千，微，眾，萬，主，遠，願，會。

ĐỀ QUẦN NGƯ TRIỀU LÝ ĐỒ^{1*}

Ngã gia Liêu Thủy Ninh Khê tân,
 Điều, thường, chiên, vị^{2*} sắc thắng
 ngắn.
 Thanh thần tiệt giang bô cự vồng,
 Tuyết^{3*} phi ngọc toái thù phản phản.
 Khoái phường trình vĩ^{4*} phanh cảm
 lán,

Hưng trung bất sô thu phong thuần^{5*}.
 Tự tung lữ thực^{6*} kinh hoa xuân^{7*},
 Đa niên nhuyễn đạp Đông Hoa tràn.
 Quan thàm hương vị lũ nhập mộng,
 Thanh y đường hạ tư thùy mản.
 Thi^{8*} vương tối^{9*} thị hiếu sự giả,
 Bất tích thiên kim cầu danh^{10*} họa.
 Kỷ đa diệu bút trữ hoa hiên,
 Đăng Vương giáp diệp Giang Đô mã.
 Thị thủy họa sứ sảo vi thủ,
 Vạn^{11*} khoảnh ba đào ám khuynh tả.
 Sâm si hạnh thái tương hú mạt^{12*},
 Dương dương^{13*} ngữ ngữ chính phòn
 khóa.

Thiện đầu^{14*} tranh hương xích lân^{15*}
 công,

Vì^{16*} vật do giải tượng tôn sùng.
 Chúng tinh lạc lạc tận^{17*} củng bắc,
 Vạn thủy cồn cồn gai triều đông.
 Chủ nhân bất thị tâm khâu^{18*} hác,
 Viễn chướng bình lâm diệc dồ tác.
 Nguyên ngôn thập tập tàng thử dồ,
 Hội kiến nhất đường ngư thủy lạc.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ BÚC TRANH BÀY CÁ CHẦU CÁ CHÉP

Nhà ta ở bến Ninh Khê đất Liêu Thủy (1),
 Có các loại cá điệu, thường, chiên, vị sắc trắng hơn bạc (2).
 Sáng sớm chăn sông quăng lưới to,
 Cá nhảy như tuyết bay, như ngọc vỡ, rồi rít hết sức.
 Cá mè đỏ đuôi làm gỏi, cá vây gấm đem luộc,
 Khi cao hứng, chẳng kè đến vị rau thuần trong gió thu (3).
 Nhớ từ mùa xuân kia, ăn cơm quán trọ ở kinh thành,
 Bao nhiêu năm đập nhẵn lớp bụi ở cửa Đông Hoa (4).
 Làm quan vẫn thèm nếm vị đồng quê nên chúng thường hiện về trong
 mộng,
 Bên công đường có ao nước trong, lại muôn thả dây câu.
 Chúa thơ thật là kẻ hiếu sự,
 Chẳng tiếc ngàn vàng để mua bức danh họa này.
 Biết bao nét bút thần diệu được bày dưới hiên đẹp,
 Nào tranh bướm Đằng Vương, ngựa Giang Đô (5).
 Họa sĩ nào lại vẽ được bức tranh tài tình đến thế !
 Muôn đợt sóng lớn trong tranh đương ngầm trào dâng.
 Bên đám rau hạnh (6) nhấp nhô, bày cá phun bột cho nhau,
 Phản phơ đưa nghịch kéo thành bày.
 Nghìn con đua nhau hướng về con vây đỏ,
 Loài vật nhỏ còn biết tôn kính lẫn nhau.
 Cũng như các vì sao khắp nơi, thảy đều hướng về phương bắc (7),
 Muôn dòng nước cuồn cuộn đều hướng về phương đông.
 Chủ nhân không phải lòng hướng về cảnh gò, suối,
 Núi trùng điệp, rừng bạt ngàn, cũng luồng công thời.
 Ta muốn sưu tầm và cất giữ bức tranh này,
 Rồi đây sẽ thấy niềm vui cá nước một nhà (8).

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT: 魚圖 *dè lý ngư đồ*.

2* TVTL2: 鮑 *bách*.

3* TVTL2: 雲 *vân*.

4* VATT: 鮑魚尾駁 *khoái trình vĩ phường*.

5* TVTL2: 異味不數中秋尊 *dị vị bất số trung thu thuần*.

- 6* VATT : 介 *giới*.
 7* TVTL2 : 暮 *mù*.
 8* TVTL2 : 時 *thời*.
 9* VATT : 約 *dịch*.
 10* TVTL2 : 贈書 *tặng thư*.
 11* VATT, TVTL2 : 方 *phương*.
 12* VATL1, TVTI 2 : 味 *vị*.
 13* TVTL2 : 淨淨 *tinh tịnh*.
 14* TVTL2 : 輝煌 *huy hoàng*.
 15* VATT : 離 *hỗn*.
 16* TVTL2 : 彼 *bì*.
 17* TVTL2 : 相 *tương*.
 18* TVTL2 : 上 *thượng*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Liêu Thủy* : chưa rõ địa phương nào.
- (2) *Điều, thường, chiên, vị* : tên bốn loài cá. Chúng tôi chưa rõ bốn loài cá đó tiếng Việt gọi là gì nên để nguyên âm Hán Việt. Về hai chữ « hòn bạc » (thắng ngân) ở cuối câu này, trong nguyên bản ở Việt âm thi tập có lời phè : Ngũ sắc các di, bất tất hợp bạch 魚色各異，不必合白 : màu sắc của mỗi loại cá khác nhau, bất tất phải gọi chúng là trắng.
- (3) *Rau thuần trong gió thu* (thu thuần) : Rau thuần là một loài rau mọc dưới nước, có mùi thơm ngon (có người bảo là rau rút). Đời nhà Tần, Trương Hán (張翰) đã làm quan xa, nhân khi gió thu nôi lên, nhớ mùi vị canh rau thuần và gỏi cá vược của quê hương, buồn mà hát rằng : Thu phong khói hè ngọc diệp phi ; Ngô giang lãnh hè lô chính phi 秋風起兮玉葉飛；吳江冷兮鱸正肥 : Gió thu nôi lá ngọc bay ; sóng Ngô lạnh cá vược béo. Về sau nói đến « rau thuần, gỏi vược » thường chỉ nỗi nhớ nhà.
- (4) *Đông Hoa* : cửa phía đông của cung thành nhà vua.
- (5) *Con bướm của Đǎng Vương* (Đǎng Vương giáp điệp) : Trong nguyên bản ở VATT có chú như sau: Đǎng Vương thiện họa, hữu giáp điệp đđ 滕王善畫，有蛱蝶圖, nghĩa là ; Đǎng. Vương là người sành vẽ, có bức tranh bướm. Ngựa Giang Đô (Giang Đô mã) : Trùng Dương Hề di chơi ở Giang Đô, thuộc tỉnh Giang Tô, có tìm được con ngựa quý ở đó. Ở cuối câu này có lời bình : Dẫn sự Trường An nhi thi tứ sướng đoán: Dẫn việc ở Trường An mà thi tứ vẫn gần gũi.
- (6) *Rau hạnh* : một loại rau thân trắng, lá màu đỏ tia, hình tròn, nổi trên mặt nước, rễ ở dưới suối. Chúng tôi chưa rõ giống rau này tiếng Việt gọi là gì, nên để nguyên âm Hán Việt là rau « hạnh », chờ tìm hiểu thêm.
- (7) *Hưởng về phuông bắc* (cứng bắc) : Luân ngữ có câu : Vì chinh dĩ đức, thí như Bắc thàn, cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chí, 為政以德,譬如北辰,居其所而眾星拱之: Làm việc chính trị mà dùng đức, ví như sao Bắc thàn ở nơi chốn của nó mà các sao khác đều hướng về.
- (8) Câu này có ý nói tình vua tôi tương đặc như cá gặp nước.

NGUYỄN QUÍ UNG

阮季膺

Nguyễn Quý Úng hiệu là Trác Phong (¹). Chưa rõ ông sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu. Chỉ biết Quý Úng từng làm quan vào khoảng cuối đời Trần, và có đi sứ Trung Quốc.

Tác phẩm : hiện còn một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt và một bài thơ thất ngôn bát cú chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) *Lược truyện các tác giả Việt Nam* (tập 1) do Trần Văn Giáp chủ biên; Nxb Khoa học xã hội tái bản; Hà Nội; 1971 ghi là Trúc Phong. Ở đây chúng tôi theo chủ thích trong TVTL; Thư viện Khoa học xã hội; ký hiệu : A. 1262.

199

題瀝溪

ĐỀ NGÔ KHÊ

石 幾 中 襖	刻 回 興 取	年 客 頌 當	深 過 得 時	字 洗 春 屬	已 磨 秋 筆	漫 看 法 端。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	-------------------

Thạch khắc niên thâm tự dĩ man,
Kỷ hồi khách quá tẩy ma khan.
Trung hưng tung đắc Xuân thu pháp,
Bao biếm đương thời ^{1*} thuộc bút doan.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ CẢNH NGÔ KHÊ (1)

Đá khắc lâu năm, nét chữ đã mờ,
Mấy lần khách qua phải rửa, mới dè xem.

Bài tụng Trung hưng (2) học được cách viết sách Xuân thu (3),
Sự khen chê bấy giờ là thuộc về ngòi bút ấy.

DỊCH THO:

Bia khắc lâu năm chữ đã mờ,
Khách qua đường xoa đọc bia xưa.
Mới hay bút pháp Trung hưng tụng,
Sắc nét khen chê việc bấy giờ.

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH:

1* TVTL1, TVTL2: 犹 niêm.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Ngô Khê*: tên một con suối ở huyện Kỳ Dương, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Nhà thơ Nguyễn Kiết đời Đường làm nhà ở đây. Ông có làm bài văn bia *Ngô Khê Trung hưng bia* 游溪中興碑, nói việc Đường Huyền Tông gấp loạn An Lộc Sơn 安祿山. Nguyễn Quí Ưng trong lần đi sứ qua nơi này đã làm bài thơ trên.
- (2) *Bài tụng Trung hưng* (Trung hưng tụng): lúc Đường Túc Tông dấy binh đánh An Lộc Sơn để khôi phục nhà Đường, nhà thơ Nguyễn Kiết có dâng ba bài tụng bàn về thời sự, ngũ ý chỉ trích việc đương thời, đời sau gọi là *Trung hưng tụng*.
- (3) *Xuân Thu*: bộ sử biên niên nước Lỗ (từ Lỗ Ân Công đến Lỗ Ai Công), nhưng cũng chép những sự kiện lớn thời đại Xuân Thu (từ Chu Bình Vương đến Chu Kính Vương gồm 242 năm), trong đó Khổng Tử dùng bút pháp chỉ một chữ mà khen, chỉ một chữ ngũ ý chê. Đời sau gọi là *Xuân Thu bút pháp* và có câu: Nhất tự chi bao, vinh ư ba cõi; nhất tự chi biếm, nghiêm ư phủ việt: một chữ khen, vinh hơn mặc áo gấm; một chữ chê, nghiêm hơn búa rìu.

橫州次王蓬齋韻

暮春空往一聊把
暮懷城事早明樽
維萬粉星去今未新
舟感蝶槎時夜暇詩
古此遺逐經宿酬記
岸登基水瘴橫佳景
頭樓在流嶺州暮
頭，樓。在，流。嶺，州。暮，

HOÀNH CHÂU THỦ VƯƠNG
BỒNG TRAI VẬN ^{1*}

Nhật mộ duy chu cõi ngạn đầu,
Khách hoài vạn cảm thủ đăng lầu.
Không thành phán ^{2*} điệp ^{3*} di cơ tại,
Vãng sự tinh sà trực thủy lưu.
Xuân tảo khứ thời kinh chướng linh,
Nguyệt minh kim dạ túc Hoành Châu.
Nhất tôn vị hạ thù giai cảnh,
Liêu bả tân thi ký ^{4*} viễn ^{5*} du.

DỊCH NGHĨA :

QUA HOÀNH CHÂU (1) HỌA VĂN THƠ CỦA VƯƠNG BỒNG TRAI (2)

Trời chiều buộc thuyền đầu bến cũ,
Lòng khách vô cùng cảm khái khi bước lên lầu,
Thành không, vách tường nền cũ còn đây.
Việc cũ bè sao ⁽³⁾ trôi theo dòng nước,
Lúc đi sớm xuân, qua dãy núi đầy lam chướng,
Đêm nay trăng sáng ngủ lại ở Hoành Châu.
Không rõ rãi để nâng chén rượu mừng cảnh đẹp,
Hẵng làm một bài thơ để ghi nhớ chuyến viễn du.

DỊCH THƠ :

*Thuyền buộc ven sông, bóng xế thâu,
Nao nao dạ khách lúc lên lầu.
Thành hoang, nền vách còn tro đó.
Việc cũ, bè sao đã biến đâu.
Buổi sớm ngày xuân qua chướng linh,
Đêm nay trăng tỏ ngủ Hoành Châu.
Chén say chưa kịp vui cùng cảnh,
Tạm mượn thơ để cuộc viễn du.*

KHẢO ĐÍNH :

- (1*) TVTL1, TVTL2: đầu dè là 北使 過 橫州 Bắc sứ qua Hoành Châu.
- (2*) TVTL1: 蝶 diệp.
- (3*) TVTL1: 戲 hý.
- (4*) TVTL1: 寄 ký.
- (5*) TVTL2: 邁 mai.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hoành Châu*: thuộc phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
- (2) *Vương Bồng Trai*: người Trung Quốc, chưa rõ tiêu sử.
- (3) *Bè sao* (tình hà): Tương truyền Trương Khiên 張騫 cuồng bè đi tìm nguồn sông Hoàng Hà, đi hơn một tháng, không ngờ lên tận sông Ngân Hà, gặp Ngưu Lang, Chức Nữ. Về sau, hai chữ «Tình sà» (bè sao Ngân Hà) thường được dùng để chỉ việc đi sứ hoặc đi xa.

VŨ THẾ TRUNG (1)

武世忠

(?)

Vũ Thế Trung sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông làm quan vào cuối đời Trần.

Tác phẩm : còn 4 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) VATTC chép là Vũ Thế Lão 武世老.

201 – 204

蘭 谷

LAN CỐC

Kỳ nhất

其一
論卉古賡
豈稚千強
北風湘楚
東綠繁起
與蘭呼慰
里芟纍些
圓，繫不香
魂。

Khởi luân bắc lý dữ động ^{1*} viễn,
Trĩ hủy phong cai cạnh lục phồn.
Thiên cồ Tương luy hô bắt khởi,
Cường canh Sở tà ^{2*} úy hương hồn.

其二

沙清朝休
石於庭說
年深月識
松欲王家
細後花禊
吐於中謝
花，茶。隱，
家。

Kỳ nhì

Sa thach niên thâm tế thô ^{3*} hoa,
Thanh ur ^{4*} tùng nguyệt đậm ur ^{5*} trà.
Triều đình ^{6*} dục thíc hoa ^{7*} trung ẩn,
Hữu thuyết Vương gia dữ Tạ gia.

其三

謝一欲嚴
砌芽知子
春露高秋
遲綻碧無
幾初塵無
回開處生釣
園，開。臺。

Kỳ tam

Tạ thiết xuân ^{8*} trì ^{9*} nhiêu kỷ hồi,
Nhất nha lộ ^{10*} triện ^{11*} bích sơ khai.
Dục tri cao khiết yô trần xú,
Nghiêm Tử thu phong tọa điếu dài.

其四

風矮春一
傳矮滿爐
花遮山柏
氣香雲子
遶野初讀
浮籬過驛
溪，籬。
雨，詞。

Kỳ tứ

Phong truyền hoa khí nhiều phù khê,
Oái oái già ^{12*} hương dã lão ly.
Xuân mǎn sơn ván sơ quá vũ,
Nhất lô bách tử độc Tao tỳ (tứ).

DỊCH NGHĨA :

LAN TRONG NÚI

Bài thứ nhất

Chẳng cứ là ở xóm bắc hay vườn đông,
Cỏ non cây mát đua nhau xanh tốt.
Nghìn thuở oan hòn sông Tương (1), gọi chẳng được,
Gượng ngâm bài Sở tá (2) để ăn ủi hương hòn.

Bài thứ hai

Sống lâu năm ở nơi cát sỏi, hé nở nụ hoa,
Trong hơn ánh trăng trên ngọn thông, thanh đậm hơn trà.
Triều đình muốn biết hoa ở ăn trong các loài hoa,
Xin đừng nhắc đến nhà họ Vương và nhà họ Tạ (3).

Bài thứ ba

Xuân muộn mấy lần lượn quanh thăm nhà họ Tạ,
Một búp non vừa nhú màu biếc mở đầu.
Muốn biết chỗ cao khiết không bụi bặm,
Xin tôi dài câu trong gió thu của Nghiêm Tử (4).

Bài thứ tư

Gió đưa mùi hoa phảng phất quanh khe cạn,
Hương thơm bay là là phủ lên bờ đậu của ông già đồng quê.

Xuân đầy mây núi, mưa vừa tạnh,
Đốt một lò quả thông, đọc khúc *Ly tau* (5).

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL : 南 nam.
- 2* TVTL : 晚 uyên,
- 3* TVTL : 吐 细 thô tế.
- 4* TVTL : 雪 như.
- 5* TVTL : 雪 như.
- 6* TVTL : 中 trung.
- 7* VATT : 兰 lan.
- 8* VATT : 蕤 la.
- 9* VATT : 庭 dinh.
- 10* TVTL : 霧 vụ.
- 11* TVTL : 促 xúc.
- 12* TVTL : 遽 liêu.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Oan hồn sông Tương* (Tương luy) : Chỉ Khuất Nguyên 扈原 . Khuất Nguyên là nhà thơ yêu nước thời Chiến Quốc, bị Sở Hoài Vương kết tội oan nên tự trầm ở sông Mịch La, thuộc huyện Tương Âm, tỉnh Hồ Nam. Khuất Nguyên thích hoa lan, vì vậy tác giả làm bài thơ này nhở đến Khuất Nguyên.
- (2) *Sở tá* : bài Chiêu hồn 招 魂 trong Sở từ 楚 辞 cứ cuối mỗi câu lại đệm chữ «dá», vì vậy bài này cũng được gọi là «Sở tá». Về sau hai chữ «Sở tá» chỉ việc chiêu hồn người đã mất.
- (3) *Nhà họ Vương và nhà họ Tạ* : (Vương gia dã Tạ gia) : Hai nhà quý tộc nổi tiếng phong lưu, phú quý ở đời Tấn. Nhắc đến hai người này, tác giả muốn nói phẩm chất những người ở ăn còn cao quý hơn cả sự giàu sang của nhà họ Vương và nhà họ Tạ.
- (4) *Nghiêm Tử* : tức Nghiêm Quang, tự Tử Lăng, bạn đồng học với Lưu Tú. Khi Lưu Tú lên, ngôi vua (tức Hán Quang Vũ), Tử Lăng đi ở ăn ở núi Phú Xuân, thường ngồi câu cá ở sông Phú Xuân (còn gọi là Đồng Giang). Về sau chỗ Tử Lăng ngồi câu cá gọi là «Tử Lăng điếu dài». Hai câu thơ này ý nói : muốn tìm hoa lan cao khiết thì đến chỗ dài câu cá của Tử Lăng.
- (5) *Ly tau* (Tau từ) : tên một tác phẩm nổi tiếng của Khuất Nguyên.

TRẦN QUAN

陳觀

(?)

Trần Quan sinh, mất năm nào và quê quán ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông từng làm quan vào cuối đời Trần, tới chức An phủ sứ.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

205

金言

QUAN XÁ

洞山國齊
龍箸海溪
黃隻歸過
合翻蓬導
雲壽掩前
陽雪暇鷗
夕曉公白

DỊCH NGHĨA

ĐỀ NƠI QUAN XÁ⁽¹⁾

Mây chiều khép lại động Hoàng Long (?),
Sóng buông sớm trắng như tuyết cuộn lên núi Chich Trợ (3).
Rảnh việc công, đóng kín mui thuyền xuôi về miền bắc,
Có chim bạch áu dẫn đường lướt qua eo suối.

DỊCH THƠ :

*Mây chiều đọng lại động Hoàng Long,
Chích Trợ ban mai tuyết cuộn dòng.
Công việc rảnh rồi xuôi hải quốc,
Chim áu dẫn lối, vượt khe vồng.*

PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 屋 ốc.

2* VATT : 筍 trợ

3* TDTT. TVTL1, TVTL2 : 卷 quyền.

4* TVTL2 : 道 dao.

CHÚ THÍCH :

(1) *Quan xá* : nơi dinh thự công cộng.

(2) (3) *Động Hoàng Long* và núi *Chích Trợ* đều ở huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

CHU KHẮC NHƯỢNG

朱克讓

(?)

Chu Khắc Nhượng hiệu Văn Trai 雲齋, năm sinh, năm mất chưa rõ.
 Người làng Sài Trang 柴莊, phủ Thượng Hồng 上洪, (1) đỗ Tiến sĩ vào
 cuối đời Trần, làm quan tới chức Hộ bộ Tả thị lang.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

206

題柴莊永興寺

柴莊勝景是仙家，
 外地頻迎過客車。
 寶余能幾入，
 一生孤負木蘭花。

ĐỀ 1* SÀI TRANG VĨNH HƯNG TỰ

Sài Trang thăng cảnh thị tiên gia,
 Môn ngoại tần 2* nghênh quá khách xa.
 Bảo địa tiểu dư năng kỹ nhập,
 Nhất sinh cô phụ mộc lan hoa.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA VĨNH HƯNG Ở SÀI TRANG (1)

Thăng cảnh Sài Trang như cảnh tiên,
 Ngoài cửa luôn luôn đón xe khách qua.
 Cười ta mấy lần được vào đất hagus,
 Suốt đời riêng phụ với hoa mộc lan.

DỊCH THƠ :

Đây miền tiên phật chốn Sài Trang,
 Ngoài cửa xôn xao khách lâm quan.
 Đất báu cưỡi ta lười viếng cảnh,
 Suốt đời nỡ phụ với hoa lan.

TÙẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TDTT : ~~燭~~ dǎng.
 2* TVTL1, TVTL2 : ~~旨~~ tǎng.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Sài Trang* : tên làng của Chu Khắc Nhượng, xem phần tiểu sử của tác giả.

DOÃN ÂN PHỦ

尹思甫

(1)

Doãn Ân Phủ sinh và mất năm nào chưa rõ, chỉ biết ông là người phủ Bình Giang 平江, châu Thượng Hồng 上洪, lộ Lạng Giang 蔣江⁽¹⁾. Làm quan vào cuối đời Trần Anh Tông 陳英宗 và đầu đời Trần Minh Tông 陳明宗. Năm 1317, ông được Trần Minh Tông cử di sứ.

Tác phẩm: hiện còn một bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

207

奉使留別親弟

身影遠頭時	北	去	南	還	Nhất thân bắc khứ nhất nam hoàn,
塞原幾萬我從	荒	然	馬	鞍	Chích ảnh mang nhiên ký mã an.
	雲	深	雁	斷	Tái viễn vân thâm hồng nhạn đoạn ^{2*} ,
	風	急	鵠	譽	Nguyên đầu ^{2*} phong cấp tích linh hàn.
	夜	雨	連	詰	Kỷ thời dạ vũ ^{3*} liên sàng thoại,
	鄉	愁	借	寬	Vạn học hương sầu tá tửu khoan.
	節	旆	君	枕	Ngã bỉnh tiết mao quân phiến chàm,
	忠	孝	兩	全	Tòng lai trung ^{4*} hiếu lưỡng toàn nan.

PHUNG SỨ LUU BIỆT THÂN ĐÊ

Nhất thân bắc khứ nhất nam hoàn,
Chích ảnh mang nhiên ký mã an.
Tái viễn vân thâm hồng nhạn đoạn^{2*},
Nguyên đầu^{2*} phong cấp tích linh hàn.
Kỷ thời dạ vũ^{3*} liên sàng thoại,
Vạn học hương sầu tá tửu khoan.
Ngã bỉnh tiết mao quân phiến chàm,
Tòng lai trung^{4*} hiếu lưỡng toàn nan.

DỊCH NGHĨA:

PHUNG MÊNH ĐI SÚ TÙ BIỆT EM TRAI

Một người đi về phương bắc, một người về nam,
Chiếc bóng bằng khuàng gửi trên yên ngựa.
Ngoài ái xa mây nhiều, chim hòng nhạn (1) lẻ loi,
Đầu đồng bằng gió mạnh, con tích linh (2) lo lắng.
Bao phen đêm mưa, liền giường cùng nhau trò chuyện,
Muôn hộc tình buồn nhớ quê hương, mượn chén rượu uống cho khuây
khỏa.
Ta đi cầm cờ tiết mao, người về coi việc gối quạt (3),
Xưa nay trung, hiếu khó toàn vẹn được cả hai.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL1, 2, 3 : 雜 tap.
 2* TVTL2 : 飛 phi.
 3* TVTL2 : 去 khúi.
 4* VATT : 情 tinh.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chim hồng nhạn*: loài chim sống dưới nước ; khi bay, con lớn bay trước, con bé bay sau có trật tự. Vì vậy người xưa thường ví với tình anh em trong một nhà.
 (2) *Chim tich linh*: một giống chim nhỏ, thân giống chim én. Người xưa cũng hay ví chim tich linh với tình anh em. *Đường lối, Thi kinh* 唐 路, 詩 經 cùa :

鶴 鴿 在 原，

兄弟急難

Tích linh tại nguyên,

Huynh đệ cấp nạn.

*Chim tích linh ở ngoài đồng,
nh em giúp nhau trong khi hoạn nạn.*

- (3) *Cò tiết mao*: loại cò người xưa đi sứ cầm, ở đây chỉ việc làm tròn nhiệm vụ đi sứ. Gối quát: chỉ việc săn sóc cha mẹ.

LÊ LIÊM

黎廉

(?)

Lê Liêm hiệu Mai Hiên 梅軒, sống vào khoảng cuối đời Trần. Năm sinh, năm mất và quê quán đều chưa rõ.

Tác phẩm: hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

208

武林洞

VŨ LÂM ĐỘNG

野菜嫩黃風淡淡，
江花凝碧雨班班。
金光人去無消息，
九曲雲溪朝暮閑。

Dã thái nộn hoàng phong đạm đạm,
Giang ^{1*} hoa ngưng bích vũ ban ban.
Kim quang nhân khứ vô tiêu túc,
Cửu khúc vân khê triêu mộ nhàn.

DỊCH NGHĨA:

ĐỘNG VŨ LÂM (1)

Rau đồng non mướt, giò nhẹ nhẹ.
Hoa bên sông đọng màu biếc, mưa làm thâm.
Người tiên đã đi rồi, không còn tin tức nữa,
Chín khúc suối mây, sớm hôm thông thả.

DỊCH THƠ :

*Non mướt rau đồng, nhẹ gió lay,
Bên sông hoa biếc, hạt mưa bay.
Người tiên đã khuất, không tin tức,
Thong thả chiều hôm dạo suối mây.*

PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 ; ~~±~~, thô.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo nguyên chủ trong VATT thì *Động Vũ Lâm* ở huyện Yên Ninh 安寧, tỉnh Thanh Hóa 清化, chúng tôi chưa rõ huyện Yên Ninh, nay là huyện nào? Phải chăng là huyện Yên Định, Thanh Hóa.

TẠ THIÊN HUÂN

謝天欽

(?)

Tạ Thiên Huân hiệu là Thoái Viên 退園 (1). Chưa rõ sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu. Từng làm quan vào đời Trần, đến chức Tả (2) tham tri chính sự.

Tác phẩm : hiện còn 14 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Ở Thư viện khoa học xã hội, có một cuốn TVTL, ký hiệu A. 3200, chép Tạ Thiên Huân hiệu là Thoái Hiên 退軒. Có lẽ nhầm.

(2) VATT bản A.3038 chép là 右 Hữu

209

過扶董渡

鐵	馬	嘶	寒	萬	里	秋,
當	年	事	業	付	東	流。
月	明	不	管	與	亡	事,
獨	照	行	人	古	渡	頭。

QUÁ PHÙ ĐỒNG ĐỘ

Thiết mã tê hàn van lý thu,
 Dương niên sự nghiệp phò đồng lưu,
 Nguyệt minh bất quản hưng vong sự,
 Độc chiếu hành nhân cõ độ đầu.

DỊCH NGHĨA :

QUA BẾN ĐÒ PHÙ ĐỒNG (1)

Ngựa sắt hý rợn người trong muôn dặm hơi thu,
 Sự nghiệp năm ấy phó cho giòng nước chảy về đồng (2).
 Vầng trăng sáng đứng dừng trước sự hung phế,
 Chỉ soi khách đi đường trên bến đò xưa.

DỊCH THƠ :

*Ngựa sắt hý vang vạn dặm thu,
 Năm nao sự nghiệp mặc đồng lưu.
 Trăng soi hờ hững dõi hung phế,
 Dõi khách trên đường chốn bến xưa !*

TRẦN LÊ SÁNG

CHÚ THÍCH :

(1) Bến đò ở sông Đuống, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

(2) Câu thơ này và câu thơ thứ nhất đều nhắc tới sự tích người anh hùng làng Đồng (Phù Đồng) cưỡi ngựa sắt đánh tan giặc Ân.

210

即 事

TỨC SỰ

淡 圓 年 春 暝 中 來 一 扶 薦 入 退 園，
 圓 中 花 却 愛 新 桃 子，
 年 來 番 來 一 少 年。

Đạm hiều phù lê nhập Thoái Viên.
 Viên trung hoa thảo cổ y nhiên.
 Niên ^{1*} lai khước ái tân đào tử,
 Xuân nhất phiên lai nhất thiếu niên.

DỊCH NGHĨA :

TỨC SỰ

Tảng sáng chống gậy vào Thoái Viên (1),
 Trong vườn, hoa cổ vẫn y như cũ.
 Mấy năm rày lại càng yêu cây đào to,
 Mỗi độ xuân sang là một lần trẻ lại (2).

DỊCH THƠ:

Gây chổng, tinh mơ dạo Thoái Viên,
Trong vườn, hoa cỏ vẫn ý nguyên.
Hàng năm vốn thích dạo tờ ấy,
Mỗi độ xuân về một trẻ thêm.

HOÀNG LÊ

KHẢO ĐÍ:

1* VATTA: 茄 nhĩ.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Thoái Viên*: tên một vườn hoa. Tác giả cũng đã từng dùng hai chữ này để làm hiệu cho mình.
- (2) Trong VATTA, dưới bài thơ này, Phan Phu Tiên có phê märk chū 雜不純, tạp bất thuần: ý thơ lòn xộn, không thuần nhất.

211 – 212

蘭

LAN

其一

Kỳ nhất

鳥	愛	幽	叢	僕	屢	更,
孤	吟	不	覺	夜	窗	明。
偶	然	捨	得	花	中	趣,
習	習	香	風	筆	底	生。

Vị ái u tung bộc lũ canh,
Cô ngâm bất giác dạ song minh.
Ngẫu nhiên thập đắc hoa trung thú,
Tập tập hương phong bút đề sinh.

其二

Kỳ nhì

炎	帝	招	來	入	藥	材,
雜	授	花	卉	意	尤	乖。
縱	饒	束	初	臨	岩	谷,
高	尚			恐	不	來。

Viêm đế chiêu lai nhập dược tài,
Tập noa hóa hủy ý vưu quai.
Tung nhiêu thức bạch lâm nham cốc,
Cao thượng sơ tâm khủng bất lai.

其三

東鳴先鋤 忙，芳語，香。
皇愛主根 夥，眾辱鋤
律幽當往 幽，疎法圖。
仙餐那誤 令香門往

其四

貧冉兀敢 鮚自輕百
骨冰知墮 冷露起家
中冉坐將 噴幽毗俗
幾獨莫猶 對期愁有

其五

幾獨莫猶 紫拂初伴
對期愁有 出香耶懸
中冉坐將 噴幽毗俗
骨冰知墮 中冉坐將

其六

嗟抱無與 白丹餘素
芳，香。懸，王。
芬砌齡花 白丹餘素
首，心。物，榮。

其七

別獨甌妾 聲吟不國
無伴瓦推 色翁知色
蒲滿禪真 独秋觸幽

其八

獨秋觸幽 坐風機色
圓曉觀香 掩習能是
山習悟耶 非。

Kỳ tam

Đông hoàng luật lệnh thái thông mang,
Vị ái u hương quán chúng phương.
Tiên chủ đương môn tuy nhục ngũ,
Sử cǎn vāng vāng bát sữ hương.

Kỳ tứ

Tiên cốt linh linh thè^{1*} tự u,
Xan băng hấp lộ tự tiêu sơ.
Na tri nhạ khởi khinh^{2*} thân pháp,
Ngô đọa y gia bách thảo đồ.

Kỳ ngũ

Bàn trung phún xuất tử kim thân,
Nhiêm nhiệm u hương phát tì căn.
Ngột tọa tỳ gia sơ nhập định,
Cảm tương tục thai bạn thanh phân.

Kỳ lục

Kỳ đổi băng^{3*} hoa ta^{4*} bách thủ,
Độc kỳ sương cán bảo đan tâm.
Mạc sầu hoàn đồ vô dư vật^{5*},
Do hữu u lan dũ tố cầm.

Kỳ thất^{6*}

Biệt vô thanh sắc, tư phản phương
Độc bạn ngâm ông nhiều thè hương
Âu ngõa bất tri cù thè thái,
Vọng^{7*} suy quốc sắc tác hoa vương

Kỳ bát

Bồ đoàn độc tọa yèm sơn phi,
Mãn uyền thu phong tập tập vi.
Thiền quán xúc cơ năng ngộ đạo,
Chân hương^{8*} u sắc thị da phi?

其九

幽 香 不 然 隅 隅
冰 幹 居 此 心 壢
獨 独 抱 翁 此 與 一

人 意 改，
意 此 芳。
此 般 節，
般 香。

Kỳ cửu

U hương bất vị u nhân cải,
Băng cán cư^{9*} nhiên tùy ý phương.
Độc bão thử tâm kién thử tiết,
Thử ông dữ thử nhất ban hương.

其十

靈 靈 均 去 後 幾 流 芳，
騷 今 筆 薄 然 莫 發 揚。
今 清 日 花 前 悄 無 語，
清 風 誰 為 賈 賢 良。

Kỳ thập

Linh Quân khứ hậu kỷ lưu phương,
Tao bút tiêu nhiên mạc phát dương.
Kim nhật hoa tiền tiểu vô ngũ,
Thanh phong thùy vị sách hiền lương.

其十一

風 雪 淋 楚 楚 間，
冰 姿 玉 積 能 千。
憑 誰 玲 肩 中 姊，
仙 同 瑶 輕 廣 寒。

Kỳ thập nhất

Phong tuyết làm ly Sở trạch gian,
Băng tư ngọc mạo thực năng can.
Băng thùy vị báo nguyệt trung ti,
Tiên chủng đồng xưng nhập Quảng Hán

其十二

秋 入 書 夜 欲 中，
吟 独 堂 遠 芳 叢。
鼻 根 独 贪 香 味，
正 是 吾 家 同。

Kỳ thập nhì

Thu nhập thư đường dạ dục trung,
Ngâm hài độc tự nhiều phương tung.
Tị cẩn khởi thị tham hương vị,
Chinh thị ngô gia xú vị đồng.

DỊCH NGHĨA:

LAN (1)

Bài thứ nhất

Vì ta yêu khóm cây u nhã, nên hay dạo xem,
Ngâm thơ một mình, chợt thấy trăng ló bên cửa sổ.
Thú làm thơ bỗng nhiên đến giữa lúc ngắm hoa,
Gió thơm tỏa nảy sinh dưới ногi bút.

Bài thứ hai

Viêm Đế (2) gọi đến cho vào hàng vị thuốc,
Vô lắn với hoa cỏ, ý thật không hợp.
Chó dù có đem đầy lụa (3) tới bên hang núi đè vòi,
Vì lòng cao thượng vốn có từ đầu, e vẫn không chịu đến.

Bài thứ ba

Luật lệnh của Đóng Hoàng (4) quá gấp gáp,
Vì yêu mùi thơm thanh u đứng đầu các hoa thơm.
Tiên chủ (5) tuy có lời xỉ và ngay trước cửa,
Nhưng chỉ cuốc bỏ được rẽ, chứ thường không cuốc bỏ được mùi thơm.

Bài thứ tư

Cốt cách thanh cao như người tiên, thề chất tự thành u nhã,
Ăn băng, uống móc, tự mình đượm vẻ thanh dạm.
Nào hay đem lại phép làm nhẹ nhõm thân thể,
Nhầm rơi vào sách «Bách thảo đồ» (6) của nhà làm thuốc.

Bài thứ năm

Trong cảnh nghèo vẫn nẩy ra tấm thân qui báu,
Mùi thơm kín đáo thoang thoảng đưa đến tận mũi.
Vị thiền sư (7) ngồi ngay ngắn mới vừa nhập định,
Đầu dám đem thói tục làm bạn cùng mùi hương thanh cao.

Bài thứ sáu

Mấy lần ngồi trước đóa hoa băng tuyết, than thở đến bạc đầu,
Riêng hẹn với mình dù trong sương giá, vẫn giữ tấm lòng son.
Đừng buồn tường vách chung quanh không có gì khác nữa,
Còn có khóm lan u nhã với cây đàn tự năm nào !

Bài thứ bảy

Không thanh, không sắc mà vẫn thơm tho.
Một mình làm bạn với nhà thơ, mùi hương tỏa quanh thềm đá.
Chậu sành không biết phong thái rất mực đó.
Cứ tôn bừa là quốc sắc, lấp chúa tể các loài hoa (8).

Bài thứ tám

Ngồi một mình trên đệm cói ⁽⁹⁾, khép cửa núi lại,
 Gió thu đầy vườn hắt hiu thõi tối.
 Tu thiền, phải gấp cơ hội mới ngộ đạo,
 Vậy mùi thơm chân chính và sắc màu u nhã là thực có hay chăng ?

Bài thứ chín

Mùi thơm thanh nhã không vì người ở ăn mà đổi thay,
 Tâm thân băng tuyết vẫn tỏa hương như cũ.
 Một mình giữ lấy dạ này, bền với tiết thảo này,
 Lão già này với giống hoa này cùng thơm tho như một.

Bài thứ mười

Sau khi Linh Quân ⁽¹⁰⁾ qua đời, danh thơm còn lưu lại bao nhiêu nřa,
 Ngọn bút *Ly tau* ⁽¹¹⁾ tiêu điều không còn kẽ phát huy lên.
 Hôm nay đứng trước hoa rầu rĩ không nói,
 Gió mát sẽ do đâu mà chọn kẽ hiền lương ?

Bài thứ mười một

Gió tuyết rơi bời trên chǎm nước Sở ⁽¹²⁾,
 Thể chất như băng, hình dung tựa ngọc, ai mà tìm được.
 Biết nhờ ai nhǎn cùng bà chị trong trăng,
 Rằng đây là giống tiên ⁽¹³⁾, hãy cho vào cung Quảng Hàn ⁽¹⁴⁾ !

Bài thứ mười hai

Hơi thu lọt vào thư phòng, trời sắp nửa đêm,
 Đôi hài thơ một mình dạo quanh khóm cây thơm.
 Não phải do cái mũi mải hương vị,
 Mà chính vì nó vốn cùng một giống với nhà ta.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT, TVTL1 : 本 bản.
- 2* VATT, TVTL1 : 振 khanh.
- 3* TVTL2 : 水 thủy.
- 4* TVTL2 : 歌 ca.
- 5* TVTL2 : 相 tương.
- 6* TVTL1: 其 二 ký nhì.

7* VATT, TVTL2 : 度 độ;

8* TVTL1, TVTL3 : 黃香 hoàng hương.

9* TVTL2 : 依 y. Riêng TVTL2, chỉ có các bài 6, 8, 9 mà thôi.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Lan* ; là một loài «chương thảo», gồm có nhiều giống. Có giống mọc ở ven nước, gọi là «trạch lan». Có giống mọc ở trên cạn, gọi là «лан thảo» hay «son lan». «Lan» trong bài thơ này có lúc là «lan thảo», nhưng cũng có lúc là «trạch lan». Nghĩa là lan nói chung vậy.
- (2) *Túc Thần Nông* 神農. Tương truyền rằng ông từng đi nếm các vị cỏ để chọn làm thuốc chữa bệnh.
- (3) *Lụa* (thúc bạch) : nghĩa đen là bô lụa, người xưa thường dùng làm lễ vật khi đi với những kẻ hiền tài.
- (4) *Đông Hoàng* : vị Chúa tể của mùa xuân.
- (5) *Tiên chủ* : ngày xưa, những người có công dựng nước đều được gọi là «Tiên chủ». Nhưng ở bài này, vẫn chưa rõ «Tiên chủ» chỉ cụ thể vào ai.
- (6) *Bách thảo đồ* : sách tinh dược của y học xưa.
- (7) *Thiền sư* : (Tỳ gia) : «Tỳ gia» nguyên là phiên âm theo tiếng Phạn, có nghĩa là «giới luật». Ở đây tạm dịch là «Thiền sư» cho dễ hiểu.
- (8) Hoa lan được gọi là «Vương giả hoa».
- (9) *Đêm cõi* (Bồ đoàn) : ở đây chỉ một thứ mà các nhà sư khi tọa thiền thường dùng để ngồi hoặc quỳ lên trên cho đỡ đau.
- (10) *Linh Quán* : tên chữ của Khuất Nguyên 麟原, nhà thơ và nhà yêu nước lớn của nước Sở vào thời Chiến Quốc.
- (11) *Lý tao* : Một tác phẩm lớn của Khất Nguyên viết trước khi nhà thơ trẫm mình ở sông Mịch La.
- (12) *Chỗ nước Sở* : (Sở trạch) : là nơi có rất nhiều giống «trạch lan», một thứ «chương thảo» mà Khuất Nguyên từng đặc biệt ca ngợi.
- (13) Theo chuyện thần thoại, thì trên trăng có cây «đan que» mà «que» lại thường được nêu tên chung với «лан». «Que» đã là giống tiên, thì «лан» cũng là giống tiên vậy.
- (14) *Cung Quảng Hán* : Theo sách *Thiên Bảo di sự* 天寶遺事 thì Đường Minh Hoàng 唐明皇 từng dạo chơi trên cung Nguyệt, thấy một tấm bản trên có mấy chữ «Quảng Hán thanh hư chi phủ». Người đời sau do đó có lúc gọi mặt trăng là «cung Quảng Hán».

TRẦN LÔI

陳雷

(?)

Trần Lôi sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông sống vào khoảng cuối đời Trần.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

223

過封溪

浪 泊嗟驚墜，
封 溪築壘城。
一 時巾幘陣，
陡 爽立功名。

QUÁ PHONG KHÊ

Lãng Bạc ta diên trụy ^{1*},
Phong Khê trúc Kiền ^{2*} thành.
Nhất thời cân quắc trận,
Đầu ^{3*} nhỉ lập công danh !

DỊCH NGHĨA :

QUA ĐẤT PHONG KHÊ (1)

Trông hồ Lãng Bạc than thở rơi điêu (2),
Ở đất Phong Khê xây đắp thành Kén (3).
Đội quân khăn yếm một thời,
Lập nên công danh vang dội.

DỊCH THƠ :

*Lặng Bạc diều roi xuống,
Phong Khê đắp Kiền Thành.
Một thời khăn yém đáy,
Vang dội lập công danh.*

TUẤN NGHI, PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VATT : 立仗 trạm.
- 2* VATT, TVTL2 : 畏 man.
- 3* VATT, TVTL1, TVTL2 : 徒 dỗ.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phong Khê* : kinh đô của Hai Bà Trưng thưở xưa. (nay thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Phúc)
- (2*) Con diều bị roi (diên truy) : Mã Viện truyền 馬援傳 Hậu Hán thư 後漢書 có câu : 仰視飛鷺, 蟠蟠墜水 ↑. Ngristol thi phi diên, hiệp diệp truy thủy trung : Người trông thấy diều bay, lóp lóp roi xuống nước. Ý nói đất Nam Việt hiểm trở, đến con diều cũng không bay qua được, phải roi thẳng xuống nước.
- (3*) *Kiền Thành* : Thành do Mã Viện cho đắp tại Phong Khê. Vì thành này tròn như cái tò kén, nên gọi là «Kiền Thành».

ĐOÀN XUÂN LÔI

段春雷

(?)

Đoàn Xuân Lôi người làng Trâu Lô 鄭魯, huyện Tân Phúc 新福⁽¹⁾, năm sinh và năm mất đều chưa rõ. Ông đỗ Thái học sinh khoa Giáp tị (1384) đời Trần Phế Đế 陳廢帝, làm quan đến chức Trung thư thị lang, rồi làm Thông phán ở Ái Châu 爰州⁽²⁾.

Tác phẩm: hiện còn 1 bài phú chép trong Quần hiền phú tập.

(1) Nay thuộc huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phú.

(2) Nay là Thanh Hóa.

224

葉馬兒賦

維大鈞之播物，賦么鉅之萬殊。彼蠶與螽，覆蠶成軀。葉枯成蟻，覆蟻成軀。荷葉上之馬兒，因假合而綠槁。而綠槁非而繖枝，而繖枝非而葉徒。動植分之，文有倫而背分。兩角具體而微，似剪桐而昂首；模英敷，蔽芾視之而匪比；譬則之蟬，而疇鳴之匪匹。

。豈蕉鹿之荒說，曷茅齋之厚誣。認天降葉之身之瑞出，而其狀有類乎龍駒也。

，剛，而答。
扶幾磨微，疎春楊柳報。知；輕
勁可北，委暫氣拘群。之冀閑，千騏去之。
甲驥，大葉動，勦飛義。蕭闌響，而禮
颯御梧，盍歸。夫騰踏，非狎急。陽相依，
笑蟠之華。振蛻兮，姑相陽。

矜夕；之大
腐前百喙化
俱之增行造
之簾價妓相
木珠而免賢
草於顧；夫
辭影一法知
天；烟之，相
洞上之驪巧妙
來之祥黃妙，
今枝府牝之，
野乎餐外肖形
遯棲；鞭化工
荒蹤朝。化工
昔。露先夫
爾之蘭而。
乃大之如穿
畜飲親傾全
養木指顛。

宜和狀，視君既保馬。意大庇，至無生之患。君既登臺，望蒼穹，見蟲葉其身，斯時常有天降，其人之狀，猶若驚異。嗟夫！

本地之兆，天洞也。微物者，葉茂於疆無地；中者，耀際也。微物者，葉茂於疆無地；上者，開闢地也。謂之疆無地者，謂之開闢地者也。斯產於金甌之上，應洛邑於中，始之初也。出也，謂之靈臺。靈臺者，謂之也。世有百支，富億年，關係也。

驚材何幸，覩斯休美。感腐木之再生，荷識道之
不鄙。叨鳳池金馬之榮；造闕苑蓬壺之秘。顧雕
篆之匪工；賦得賢焉上瑞。

PHIÊN ÂM:

DIỆP MÃ NHI PHÚ

Duy đại quân chi bá vật, phú yêu cự chi vạn thù. Bỉ nhu nhuyễn dũ khoái
loát, phân động thực chi nan câu. Hà diệp thương chi mã nhi, nhàn giả hợp nhi
thành khu. Phúc diệp nhi bối hè, văn hữu luân nhi hữu tích; ngưỡng diệp nhi

phúc hè, lục phi cảo nhi phi khô. Lưỡng giác khuê tiêm, tự tiễn đồng nhi vi hý ; từ đề sương bạc, loại khắc chử nhi thành mỏ. Cụ thề nhi vi, sàm thủ ngang nhi ức quảng ; ngũ hình mạc biện, hồn chi chuyết nhi anh phu. Tế phế thị chi nhi bất kiến, tiểu kiều sạ hữu nhi sạ vô. Vì vi bão diệp chi thiền, nhi tuệ minh chi phỉ thất. Thi tắc hóa Trang chi diệp, hựu phúc bối nhi phi đồ. Khởi tiêu lộc chi hoang thuyết, hạt mao khuân chi hậu vu. Nhận thiên giáng diệp thân chi thụy trùng, nhi kỳ trạng hữu loại hồ long câu dã.

Tưởng phù : Trường làm tiêu tập, diệp động thiên giáp. Kinh khi chỉ hè phù sơ, cương phong chấn hè đẳng đáp. Phi quân ngự bí, thực kỳ ký chí khả cầu ; tri kỷ xuân thu, tiểu huệ cỗ chí tương hiệp. Phiêu ngô đồng nhi phi khứ, Ký Bắc quản không ; ma dương liêu nhi tương y, Hoa Dương tức tiệp. Hợp qui lễ nghĩa chí đại nhàn, thê ủy khinh vi nhi bảo đáp.

Nhĩ nãi : Tịch độn hoang dã, kim lai động thiên. Từ thảo mộc chí cầu hủ, căng súc dưỡng chí đại ân. Thê tung hồ quỳnh chí chí thượng ; túc ánh ư châu liêm chí tiễn. Tịch ầm mộc lan chí cam lộ ; triêu xan tử phủ chí tường yên. Nhất cổ nhi giá tăng bách bội, thân chí nhi như trước tiên tiên. Ngoại mẫu tần ly hoàng chí tướng pháp, miên kỳ hành huế túc chí khuynh diên. Thiết quan phù hóa công tiểu hình chí xảo diệu, nhi tri phủ hiền tướng tạo hóa chí đại toàn.

Ta phù ! nhận chí hữu thường, thời đăng chí trị. Ký bảo hợp ư thái hòa ; nghi chư phúc chí tất chí. Thiên giáng tư trùng, khỉ vô thâm ý. Mã như quyết trạng, thị quản tử chí đắc dư ; diệp tác kỳ thân, kiến thương sinh chí đại ty.

Thả : Mã giả long dã, phù khai địa chí vô cương ; diệp giả mâu dã, triệu bản chí chí bách thế. Thần tư trùng dã : sản ư Kim Âu chí thượng, diệu ư động thiên chí địa. Thích đương Linh Đài kinh thủy chí sơ, xuất ứng Lạc Ấp trạch trùng chí tế. Vì vật tao phùng, ức niên quan hệ.

Nò tài hà hạnh, đồ tư hưu mỹ. Cảm hủ mộc chí tái sinh, hà thức đạo chí bất bì. Thao Phượng Tri Kim Mã chí vinh, tháo Lăng Uyền Bồng Hồ chí bí. Cố điều trùng khắc triện chí phỉ công, phú đắc hiền vi thượng thụy.

DỊCH NGHĨA :

PHÚ CON NGƯA LÁ

Kia tạo hóa sinh ra muôn vật, phú cho hình lớn nhỏ khác nhau. Kia là sáu hay lá khôn phân, động hay thực khó bề biết được. Sao con ngựa ở trên lá nõ, do kết hợp giả mà thành hình. Ứp lá xuống thì lưng thành loài có vằn có sống ; ngửa lá lên thì bụng mầu lục không héo không khô. Hai sừng nhọn như ngọc, tựa hái lá vòng làm đồ chơi (¹) ; bốn móng sáng như sương, tựa chạm gỗ chử làm hình mâu (²). Thân dù mà nhỏ con, cao đầu mà rộng ngực. Nâú hình không phân biệt cành kết hay hoa phô. Hình nhỏ nên nhìn khó thấy, mỏng manh chợt có chợt không. Thấy ôm lá bảo là ve sao lại tiếng kêu không giống.

Tưởng Trang Chu cho là bướm ⁽³⁾ thế mà lưng bụng khôn so. Phải chăng lá chuối che hươu ⁽⁴⁾, thuyết xưa hoang dản ; hay cũng con nai bọc cỏ ⁽⁵⁾, câu chuyện nói vu vơ. Phải nhận rằng trời giáng con sâu diềm tốt, mà hình trạng như loài ngựa rồng.

Nhớ khi : rừng rậm rạt rào, lá ngàn lác đặc . Khi sắc re re, gió sương xào xác. Không dùng cương ngự, ai hay giữ được ngựa tài ; biết mấy xuân thu, cười mãi lòn cùng ve xác. Vút cảnh khô mà vỗ cánh, Ký Bắc sạch không ⁽⁶⁾ ; Vin chòm liễu mà nương mình, Hoa Dương im bặt ⁽⁷⁾. Sao chuồng to lẽ nghĩa không về ; dù thân mọn xin thề báo đáp.

Nghĩ mày : Xưa trốn nơi đồng râm ; nay tới chốn động trời. Không chịu với cỏ cây cùng nát ; kinh mến vì ơn lớn dưỡng nuôi. Trên cảnh ngọc đặt chân nương tựa ; trước rèm châu dừng bóng nghỉ ngoi. Chiều uổng móc ngọt cây mộc lan ; sáng hở khói lành nơi phủ tia. Một liếc, thành gấp trăm già bội ⁽⁸⁾ ; chỉ tay, mà đi đứng phất roi ⁽⁹⁾. Đặt ngoài phương trường mạo dẽ phân biệt đực cái đèn vàng ⁽¹⁰⁾ ; tránh khỏi sự ngửa nghiêng của mọi lẽ thở ăn, đi đứng. Trộm thấy hóa công tạo vật rất tài ; biết rằng hiền tướng dựng xây thật khéo.

Than ôi ! người vốn lâu dài ; thời đang thịnh trị. Đã hay giữ được thái hòa ; lại đáng tụ về muôn phúc. Trời sinh sâu này, há không có ý. Dáng hình con ngựa, tỏ rằng quân tử được xe ; kết lá làm nén, thấy được nhân dân nhờ cậy.

Vả chăng : Ngựa là rồng vậy, ứng diềm mở đất vô cùng ; lá tựa tốt tươi, tỏ triệu dòng truyền bách thế. Huống giống sâu này : sinh ra trên đất Kim Âu ; rạng rõ ở nơi thiên động. Nhãm Linh Đài ⁽¹¹⁾ vừa lúc xay nền ; gấp Lạc Ấp ⁽¹²⁾ đang khi dựng móng. Gấp giống côn trùng ; muôn năm hệ trọng.

Thân thấp hèn may được thái bình ; diềm tốt đẹp mở tầm mắt rộng. Cảm thân gỗ mục mà được tái sinh ; gánh vác nặng nè kè chi chết sống. Phượng Trì, Kim Mã ⁽¹³⁾ nhận thường vinh quang ; Lãng Uyền, Bồng Hồ ⁽¹⁴⁾ cửa tiên lồng lộng. Tài chạm trúng khắc triện ⁽¹⁵⁾ vẫn biết chừa thông ; phú, tim được tôi hiền ⁽¹⁶⁾ kính dâng lời tụng.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, PHẠM ĐỨC DUẬT

KHẢO ĐÍNH :

Bài này chép ở Quần hiền phú tập.

CHỦ THÍCH :

- (1) Sách *Chu thư* chép rằng : Chu Thành Vương lúc còn nhỏ chơi với em là Thúc Ngu, cắt lá vông làm ngọc khuê và nói : « Ta phong cho ngươi cái này ». Viên sứ quan là Sử Dật nói : « Xin cho chọn ngày tốt để làm lễ phong ». Thành Vương bảo nói đùa. Sử Dật bảo : « Thiên tử không nói đùa », Thành Vương bèn phong Thúc Ngu làm Đường hầu.

- (2) Sách *Liệt tử* chép có người làm cho vua Tống lá chữ (giống lá dâu) bằng ngọc, để vào đám lá chữ, không thể phân biệt được. Đời sau lấy điều này để nói sự bất chước như thật.
- (3) *Trang Chu* : tức Trang Tử 莊子, năm mươi thấy minh hóa thành con bướm (*Nam hoa kinh*, *Tề vật luận*).
- (4) Theo sách *Liệt tử* 列子: ngày xưa có người nước Trịnh ra đồng đánh chết con hươu, sợ người khác thấy, vội vàng lấy lá chuối che kin. Sau hổng quên không nhớ dấu ở chỗ nào, bèn nghĩ rằng việc ấy chỉ là chiêm bao chứ không có thực.
- (5) *Thi kinh, Chu Nam, Dã hữu tử huân* 詩經, 周南, 野有死麌 có câu :

野有死麌，
自茅包之。
Dã hữu tử huân,
Bạch mao bao chi.
Ngoài đồng có con nai chết,
Lấy cây mao trắng mà bọc lại.

- (6) Hàn Dũ 韓愈 đời Đường từng nói: 伯樂一過冀北之野, 而馬群遂空
Bá Nhạc nhất quá Ký bắc chí dã, nhì mã quần toại không : Bá Nhạc mỗi lần qua phía bắc châu Ký thì bầy ngựa sạch không. Ý nói Bá Nhạc mua hết ngựa tốt thì bầy ngựa có cũng như không.
- (7) *Hoa Dương* : tên một hòn núi đẹp ở Trung Quốc.
- (8) Cồ văn có câu: 伯樂一顧而馬增價 : Bá Nhạc nhất cố nhi mã tăng giá : Bá Nhạc mỗi lần liếc đến con ngựa nào thì giá con ngựa ấy cao thêm. Tác giả bài phú mượn theo ý câu này.
- (9) Lưu Côn 劉昆 đời nhà Tần từng nói: 常恐祖生先吾著鞭 Thường khùng
Tồ Sinh tiên ngô trước tiên : Thường sợ Tồ Sinh vung roi trước ta. Ý nói sợ Tồ Sinh lập công danh trước mình.
- (10) Theo sách *Liệt tử* 列子, vua nhà Tần được Bá Nhạc 伯樂 tiến cử cho một người giỏi xem tướng ngựa tên là Cửu Phượng Cao 改芳高. Vua sai Cao đi xem ngựa. Ít lâu sau, anh ta về tâu với vua là đã tìm được một con ngựa tốt, đó là một con ngựa cái sắc hồng. Vua sai người đem ngựa về, thì lại là con ngựa đực sắc đen. Ở đây dùng điều ấy để nói xem tướng ngựa cốt xem cái «thần» của nó, không để ý đến màu sắc, đực, cái.
- (11) *Linh Đài* : cái đài của vua Văn Viương 文王 nhà Chu.
- (12) *Lạc Ấp* : một nơi được xây dựng sau khi vua Vũ 福 trị thủy xong.
- (13) *Phượng Tri, Kim Mã* : tên dinh thự thời cổ ở Trung Quốc. Về sau thường dùng để chỉ sự phú quý nói chung.
- (14) Trong truyền thuyết xưa, Lăng Uyên, Bồng Hồ là những nơi tiên ở.
- (15) *Khắc triện châm trùng* (diêu trùng khắc triện) : ý nói đẽo gọt câu văn một cách tỉ mỉ.
- (16) *Tôi hiền* : ở đây tác giả ám chỉ Hồ Qui Lý 胡季贊.

NGUYỄN PHI KHANH

阮飛卿

(1355? — 1428?)

Nguyễn Phi Khanh tên thực là Nguyễn Ứng Long 阮應龍, hiệu là Nhị Khê 藥溪, đến đầu đời Hồ (khoảng năm 1401) đổi tên là Nguyễn Phi Khanh; sinh khoảng năm 1355 (?) tại xã Nhị Khê 藥溪, huyện Thượng Phúc 上福, phủ Quốc Oai 國威, trấn Sơn Nam thượng 山南⁽¹⁾. Tô tiên xa đời của ông vốn ở xã Chi Ngại 支疑 huyện Phượng Nhãn 凤眼 trấn Kinh Bắc 京北⁽²⁾.

Nguyễn Phi Khanh là thân sinh của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Thời trẻ, Phi Khanh từng ở nhà quan Tư đồ Trần Nguyên Đán 陳元旦 ở kinh đô Thăng Long để dạy con gái quan Tư đồ là Trần Thị Thái 陳氏太, về sau Trần Thị Thái yêu Nguyễn Phi Khanh. Đến khi Thái có mang, Phi Khanh sợ tội, bỏ trốn. Ngày Thái sinh đẻ, Trần Nguyên Đán hỏi Phi Khanh ở đâu? Người nhà kê rõ sự tình. Trần Nguyên Đán nói: «Vận nước (tức vận mệnh nhà Trần) ngắn rồi. Biết đâu, đây không phải là trời xui ra như thế. Chưa chắc đã không phải là phúc may cho nhà ta». Ông cho tìm Phi Khanh về và bảo rằng: «Người xưa cũng đã có việc như thế. Chắc anh cũng biết chuyện Văn Quân 文君 và Tương Như 相如⁽³⁾. Nếu anh làm được như Tương Như, lưu danh đến đời sau, thì ấy là nguyện vọng của ta». Phi Khanh cảm ơn và ra sirc học tập. Năm Giáp dần (1374), ông thi đậu Tiến sĩ⁽⁴⁾. Thượng hoàng Trần Nghệ Tông 廟宗 cho Nguyễn Phi Khanh là con nhà thường dân mà lấy vợ thuộc dòng họ nhà vua là phi lê nên không bồ dụng làm quan.

Đến triều Hồ, Nguyễn Phi Khanh mới được bồ dụng. Tháng 12 năm Tân Tị (1401), tức tháng giêng năm 1402, ông được cử làm Học sĩ Viện Hàn lâm. Sau đó lần lượt được thăng lên Thông chương đại phu; Đại lý Tự khanh kiêm Trung thư thị lang; Thái tử tá tán Thiện đại phu, Tư nghiệp trường Quốc tử giám ...

Năm 1407, quân Minh sang xâm lược nước ta. Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt đưa về Kim Lăng. Các con của Nguyễn Phi Khanh là Nguyễn Trãi, Nguyễn Phi Hùng 阮鴻, 阮飛熊 định cùng theo sang Kim Lăng để phụng

dưỡng cha cho trọn chữ hiếu. Nhưng đến biên giới thì Nguyễn Phi Khanh khuyên Nguyễn Trãi hãy trở về tìm cách rửa thẹn cho nước; phục thù cho cha, như thế mới chính là đại hiếu. Nguyễn Trãi đã thực hiện xuất sắc lời dặn này của cha. Theo gia phả họ Nguyễn Nhị Khê thì Nguyễn Phi Khanh chết tại Trung Quốc năm 73 tuổi, như vậy là vào khoảng năm 1428 (?)⁽⁵⁾

Tác phẩm :

葉溪詩集

Nhị khê thi tập (đã mất)

阮飛卿詩文

Nguyễn Phi Khanh thi văn

(gồm các bài thơ và hai bài văn của Nguyễn Phi Khanh do Dương Bá Cung
陽伯恭 sưu tập, in trong bộ *Úc Trai di tập* 抑齋遺集).

- (1) Xã Nhị Khê, nay thuộc huyện Thường Tin tỉnh Hà Sơn Bình.
- (2) Xã Chi Ngại, nay thuộc huyện Chi Linh tỉnh Hải Hưng.
- (3) Trác Văn Quân 卓文君 là một người có sắc đẹp và có tài văn học, con gái của Trác Vương Tôn 卓王孫 đời Hán. Tư mã Tương Như là một danh sĩ có tài gảy đàn. Một lần Tương Như đến dự yến ở nhà Trác Vương Tôn, Văn Quân mê tiếng đàn của Tương Như, đang đêm bèn bỏ nhà trốn theo chàng. Về sau Tương Như lập nên công trạng, lưu tiếng ở đời. Trần Nguyên Đán mượn chuyện này để tỏ sự bỗng lòng cho Phi Khanh lấy con gái mình.
- (4) Một số tài liệu chép rằng Nguyễn Phi Khanh đỗ Bảng nhãn khoa này. Nhưng ĐVSKTT và VSTGCM đều ghi rõ tên tuổi ba người khác đỗ Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa (tứ nhất, nhì, ba) của khoa này mà không có Nguyễn Phi Khanh đỗ trong hạng đó.
- (5) ĐVSKTT và một vài tài liệu khác chép rằng Nguyễn Phi Khanh đã ra hàng quân Minh, có người lại cho rằng ông chết trong nước, những sự kiện này còn cần được xác minh thêm.
- (6) Từ đây trở xuống, *Nhị Khê thi tập*, viết tắt là NKTT ; *Nguyễn Phi Khanh thi văn* viết tắt là NPKV ; *Úc Trai di tập* viết tắt là ÚTDT.

225

避寇山中

TỊ KHẨU SƠN TRUNG^{1*}

山	房	盡	日	醉	昏	昏,
世	路	難	危	懶	出	門。
六	袞	慈	親	千	里	隔,
兩	年	寇	亂	一	身	存。
風	塵	天	地	空	搔	髮,
烟	瘴	林	蠻	只	斷	魂。
謾	有	寸	懷	勞	耿	耿,
夜	依	牛	斗	望	申	原。

Sơn phòng tận^{2*} nhật túy hôn hôn,
Thế lộ nan nguy^{3*} lẩn^{4*} xuất môn.
Lục dật^{5*} từ thản thiền lý cách,
Lưỡng^{6*} niên khẩu loạn nhất thân tồn,
Phong trần thiên địa không^{7*} tao phát,
Yên chướng^{8*} làm man chi^{9*} đoạn hồn.
Mạn hữu thôn hoài lao cảnh cảnh,
Đa y^{10*} Ngưu Đầu vọng^{11*} trung nguyên,

DỊCH NGHĨA :

LÁNH GIẶC TRONG NÚI

Dưới mái nhà trong núi suốt ngày say lì bì,
 Đường đời nguy nan, biếng ra khỏi cửa.
 Mẹ già sáu mươi tuổi, cách xa ngàn dặm;
 Loạn lạc hai năm nay, một thân vẫn còn.
 Đất trời gió bụi mà cứ gãi tóc suông.
 Lam chướng núi rìng, chỉ những mòn mỏi tăm hồn !
 Dai dẳng một tấm lòng canh cánh lo âu,
 Đêm đêm theo sao Ngưu sao Đầu trông ngóng về trung nguyên ⁽¹⁾.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : Có thêm hai chữ 有感 *hữu cảm*.
- 2* TTCGLT : 冬 *dong*.
- 3* TVTL2 : 難 *gian nan*.
- 4* TTCGLT : 翁 *lai*, chủ thích ; 疑 *nghi* 是 *thì* 懒 *lai* *nghi thi lai*;
- 5* TTCGLT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 衷 *cõn*. Chắc là chép làm chữ 衷 *đổi thành chữ cõn*, vì cõn thì không có nghĩa gì cả.
- 6* TVTL2 : 百 *bách*.
- 7* TTCGLT : 容 *dung*.
- 8* TVTL3 : 障 *chướng*.
- 9* TVTL3 : 問 *vấn*.
- 10* TTCGLT, TVTL2 : 懒 *hoài*.
- 11* TVTL3 : 翠 *thúy*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Trung nguyên* : chỉ vùng trung tâm của đất nước.

226

觀園棋

QUAN VI KỲ

閑此初忽縱勝萬古	敵樂訝聞橫夏事今	手殊星覽合爭棋面	偶鬪光碎周略須苦	逢中落，玲天數功說著，難同。
----------	----------	----------	----------	----------------

Nhàn song dịch thủ ngẫu tương phùng,
Thủ lạc kham thù đấu quất trung.
Sơ nhạ hiểu tinh quang thác lạc,
Hốt vân tinh bạo toái linh lung.
Tung hoành ám hợp chu thiên số,
Thắng phụ giao tranh lược địa công.
Vạn sự như kỳ tu thuyết trước,
Cô kim cục diện khò nan đồng**.

DỊCH NGHĨA :

XEM ĐÁNH CỜ VÂY

Dưới cửa sổ thanh nhàn, địch thủ ngẫu nhiên gặp nhau,
Thú vui này có khác gì cuộc đấu ở trong quả quít (1).
Thoạt đầu ngỡ ánh sao sáng chằng chịt.
Bỗng nghe như mưa đá lách cách vỡ ra từng mảnh.
Hàng ngang hàng dọc ngầm khớp với độ số của vòng trời (2),
Bên được bên thua, giành nhau về công lao chiếm đất.
Muôn việc đều như đánh cờ, cần phải tính nước đi,
Những ván xưa nay khó lòng giống nhau.

DỊCH THƠ :

*Song nhàn, địch thủ bỗng giao binh,
Ruột quít sao hơn cuộc giật giành.
Thoạt ngỡ sao mai xen lẩn lộn,
Vụt nghe mưa đá vỡ long lanh.
Vòng trời số hợp hàng ngang dọc,
Chiếm đất tài đua cuộc bại thành.
Thế sự như cờ nên tính nước,
Xưa nay cục diện diễn muôn hình.*

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTLI chép câu 8: 古今局面若同難 *cô kim cục diện nhược đồng nan.*

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo sách *U quái lục* 魔怪錄, trong vườn quít ở đất Ba Ngang, sau tiết sương, người ta thấy xuất hiện quả quít to bằng cái vò, xé quít ra thì bên trong có hai ông già ngồi đánh cờ vây rất say mê... Từ đây «đấu quất» là chỉ việc đánh cờ vây.
- (2) Độ số vòng trời (chu thiên số) : Phép làm lịch của Trung Quốc có đại cho rằng một vòng trời có 360 độ. Ở đây là nói các vị trí trong bàn cờ.

227

與漳江同年張太學

DŨ CHƯƠNG GIANG ĐỒNG NIÊN
TRƯƠNG THÁI HỌC

憶	昔	遭	逢	水	邊,
兩	床	燈	戶	初	連。
青	衫	各	走	塵	裡;
緣	鬢	相	看	酒	前。
薇	月	卉	風	異	調,
硯	旗	殷	袞	今	年。
盤	繫	別	後	舊	須,
聖	主	方	今	須	策,

Ức tích tao phùng Nhị thủy biên,
Lưỡng sàng đăng hộ tất sơ liên.
Thanh khâm ^{1*} các tàu ^{2*} hồng trần lý,
Lục mahn tương khan bạch tửu tiền,
Vi nguyệt ^{3*} cần phong kim dị diệu,
Nghiễn kỳ điện cồn cựu đồng niên.
Ân cần biệt hậu tu tiên sách,
Thánh chúa phượng kim chính cấp hiền.

DỊCH NGHĨA :

GỬI BẠN ĐỒNG NIÊN
LÀ THÁI HỌC SINH HỌ TRƯƠNG Ở CHƯƠNG GIANG (1)

Nhớ lại trước đây gặp nhau ở bên sông Nhị,
Bên đèn quán trọ kề gối liền giường lần đầu.
Một vật áo xanh (3), đều xuôi ngược trong đám bụi hồng,
Hai mái tóc xanh, cùng nhìn nhau trước ly rượu trắng.

Trăng vì gió cần (4) nay được tuyển bồ khác nhau,
 Cờ trong nghiên, cồn trên điện (5), xưa là đồng niên.
 Ân cần nhủ nhau sau khi từ biệt đều nên gắng gởi,
 Nay là lúc thánh chúa đang gấp cầu người hiền.

DỊCH THƠ :

*Trước đây gấp gối trên sông Nhị,
 Dưới bóng đèn khuya giữa chúng mình.
 Trong áng bụi hồng, chen áo lục,
 Trước bầu rượu trắng chum dầu xanh.
 Gió trăng khác điệu lên dài các,
 Nghiên bút cùng khoa đổi diện định.
 Từ biệt ân cần khuyên hãy gắng,
 Thánh hoàng đang gấp chọn tài danh.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2: 春衫 xuân khâm.
 2* TTCGLT: 長 trưởng.
 3*. TVTL2 曰 nhật.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đồng niên : đây chỉ bạn thi đậu cùng khoa. Họ Trương ở Chương Giang : chưa rõ là ai.
 (2) Ý câu này muốn nói lúc đó hai người mới ở buổi đầu quen biết.
 (3) Vạt áo xanh (Thanh khâm) : Tử khâm; Thi kinh 子衿, 詩經 có câu: “青青子衿”
 Thanh thanh tử khâm : xanh xanh vạt áo chàng. Thanh khâm vốn là áo của sĩ tử mặc.
 Người đời do đó dùng chữ «Thanh khâm» để chỉ sĩ tử.
 (4) Trăng vì gió cần (vi nguyệt cần phong) : Vì là Vi sảnh, chỉ tòa Trung thư, một cơ quan
 trọng yếu trong triều đình. Còn cần thi có thể hiểu là trưởng Quốc tử giám, lấy ý từ
 hai câu thơ sau đây trong bài Phán thủy 洋水 ở Thi kinh 詩經 :

思樂泮水，薄采其卉。
 Tư lạc Phán thủy, bắc thái kỳ cần :
 Vui thay Phán thủy, hãy hái rau cần.

Phán thủy là chỉ nhà Quốc học. Hải rau cần là nói kẻ được tuyển dụng trong nhà
 Quốc học.

- (5) Cờ nghiên cồn điện (Nghiên kỳ điện cồn) : Thiên gia thi tập có câu :

殿上袞衣明月， 電印 thương cồn y minh nhật nguyệt,
 碗中旗影動龍蛇。 Nghiên trung kỳ ảnh động long xà.
 Áo cồn bào trên điện rực rõ như mặt trời mặt trăng,
 Bóng cờ trong nghiên mực rung rinh như rồng rắn.
 Ở đây Phi Khanh nhắc lại kỷ niệm cảnh thi đình mà hai người cùng dự.

陪冰壘相公遊春江

鮮雲紅日
烟景夢晴
羅裙談曉
且休極幾
碧水三月
蘋白自春
綺袖醉江
湖風斜陽
勝勝勝勝
嶺嶺嶺嶺
醉醉醉醉
江江江江
南南南南
因因因因
南南南南
士士士士
緣緣緣緣
柳柳柳柳
況因因因
因因因因
南南南南
士士士士
緣緣緣緣
花花花花
柳柳柳柳
况因因因
因因因因
南南南南
士士士士
緣緣緣緣
天天天天
川川川川
味味味味
緣緣緣緣
士士士士
仙仙仙仙
棹棹棹棹
棹棹棹棹
石石石石
緩緩緩緩
廉廉廉廉
船船船船

BÌI BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG DU
XUÂN GIANG ^{1*}

Tiên ^{2*} vân tinh nhật tuyết hoa thiên,
Yên cảnh tam xuân thăng liêu xuyên.
Hồng liêu bạch tần ngâm huống ^{3*} vị,
La quần ý tú túy nhân duyên.
Thả đàm hồ hải Giang Nam sĩ,
Hữu phỏng phong lưu Thái Thạch tiên.
Cực phổ tà dương ca hoản trao ^{4*},
Kỷ nhân đồng tài Hiếu liêm thuyền !

DỊCH NGHĨA :

THEO TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ BÌ CHƠI SÔNG XUÂN GIANG

Mây troi sáng, trời quang tạnh, một bầu hoa tuyết,
Cảnh sắc ba xuân hơn hẳn con sông rặng liêu ⁽¹⁾.
Rau liêu hồng, rau tần trắng, nguồn thơ ý nhị,
Quần là áo lượt, duyên phận não nùng.
Hãy bàn tới kẻ sĩ hồ hải của đất Giang Nam ⁽²⁾,
Đừng hỏi vị tiên phong lưu ở Thái Thạch ⁽³⁾.
Trong bóng chiều, tiếng hát mái dày khoan thai trên bến sông xa tấp,
Mấy người đã được chở chung một thuyền với bậc Hiếu liêm ⁽⁴⁾ !

DỊCH THƠ :

Trời sáng mây quang hoa tuyết đẹp,
Sông xuân khói tỏa cảnh vô biên.
Lục hồng tần trắng, thơ nhuần vị,
Áo lượt xiêm lá, rượu mến duyên..
Hồ hải Giang Nam, bàn tới sĩ,
Phong lưu Thái Thạch, hỏi chi tiên.
Bến xa mái dày đưa chiều xé,
Ai Hiếu liêm chung khách một thuyền!

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 春山 xuân sơn.

2* Các bản khác : 祥 tường.

3* TVTL3 : 沉 trầm.

4* Các bản khác : 掉 trao.

CHÚ THÍCH :

(1) Nguyên văn là *Thắng liễu xuyên* : Chỉ cảnh đẹp trong một cuộc đi chơi kỳ thú được miêu tả trong thơ của Trình Minh Đạo 程明道 đời nhà Tống :

雲淡風輕近午天，
傍花隨柳過前川。
Vân đậm phong khinh cận ngọ thiên,
Bàng hoa tùy liễu quá tiền xuyên.
Mây thưa gió nhẹ trời gần trưa,
Kẽ bên hoa, theo rặng liễu, đi qua con sông phía trước.

(2) Kẻ sĩ hồ hải của đất Giang Nam (hồ hải Giang Nam sĩ) : chỉ Trần Đăng 陳登 tự là Nguyên Long 元龍, người đời Đông Hán. Người đương thời khen Trần Đăng có câu : 元龍湖海之士, 豪氣不除, Nguyên Long, hồ hải chí sĩ, hào khí bất trừ : Nguyên Long là kẻ sĩ hồ hải, hào khí không bao giờ giảm sút.

(3) Vị tiên ở Thái Thạch (Thái Thạch tiên) : chỉ Lý Bạch, nhà thơ đời Đường. Tương truyền Lý Bạch qua Thái Thạch (ở huyện Dương Đồ, tỉnh An Huy), đang lúc say rượu, thấy trăng liền vò bắt. Nhận đó, người sau lập Trác Nguyệt Đinh 捉月亭

(4) Thuyền Hiếu liêm (Hiếu liêm thuyền) : chưa tìm được xuất xứ.

229

賀京兆尹阮公使
為雲屯經略

芝榮朝屯等折歸聖	縛遷門嶺畫衝來主	優經半猶小終揆方	領略是殘施賴路今	自使嗷刦經濟庸急	天權澤煙手賢晚邊	九司鵠石國時何在
----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------

HẠ KINH TRIỆU DOĀN NGUYỄN CÔNG
VI VÂN ĐỒN KINH LUỢC SỨ

Chi bột ưu ban tự cửu thiêu,
Vinh 1* thiên Kinh lược sứ ty quyền.
Triệu môn 2* bán thị ngao hồng trách,
Đồn lĩnh do tàn kiếp thạch yên.
Trù hoạch tiều thi kinh quốc thủ,
Chiết xung chung lại 3* tế thời hiền.
Qui lai quí lô dung hà vẫn,
Thánh chúa phượng kim cắp tai biên.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG QUAN TRIỆU DOĀN KINH ĐÔ NGUYỄN CÔNG (¹)
 ĐI LÀM KINH LƯỢC SỨ Ở VÂN ĐỒN (²)

Chiếu chỉ tru đài từ Hoàng thượng ban xuống,
 Vinh dự được chuyên giữ quyền Kinh lược sứ.
 Nơi cửa Triều, phần nửa dân nháo nhác như nhạn trên đầm (³),
 Chốn núi Đồn, còn như đám khói than cháy dở.
 Bàn kế hoạch hãy ra tay giúp nước,
 Nơi xung yếu phải nhờ bậc círu đời.
 Con đường trở về vẫn trị cũn chưa muộn màng,
 Hiện nay thì nhà vua đang có việc khẩn cấp tại biên cương.

DỊCH THƠ :

*Đầm ấm on trời chiếu mới ban,
 Quan cao Kinh lược sứ trao quyền.
 Triều môn phần nửa đầm hồng réo,
 Đồn lĩnh còn chôn khói đá tàn.
 Trù hoạch hãy ra tay giúp nước,
 Lược thảo nhờ đến bậc tài hiền.
 Đường xe quay lại còn chưa muộn,
 Thành chúa giờ đây gấp việc biên.*

NGUYỄN ĐỨC VÂN, HÀ VĂN ĐẠI

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 築 *sách*.
- 2* TVTL2 : 爾 *dinh*.
- 3* TVTL3 : 類 *loại*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Nguyễn Công* : chưa rõ là ai, phải chăng là Nguyễn Bằng Cử?
- (2) *Vân Đồn* : xưa gọi là châu Vân Đồn, thuộc phủ Hải Đông, Hải Dương (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh). Theo LTHCLC thì Vân Đồn nằm sát biển, hoang vu.
- (3) *Chim hồng nháo nhác* (*ngao hồng*) ; *Hồng nhạn*, trong *Thi kinh 鴟鴞*, 詩經 cù câu: 鴟鴞于飛, 哀鳴放散 *Hồng nhạn* vũ phì, ai minh ngao ngao ; *Hồng nhạn bay, kêu thương nháo nhác*. Ở đây, tác giả muốn nói Vân Đồn đang có giặc, nhân dân ở trong cảnh bão táp.

230

重遊春江有感

TRÙNG DU XUÂN GIANG HỮU CẢM

去麗岸江清緩長五
年服草流吟棹恐湖偏
三相無在雨風寸偏
月隨情眼後前心載
珥五春客邀過遙讀
津人緣新葉覩闕身

Khứ niên tam nguyệt Nhị Hà tân,
Lệ phục tương tùy ngũ lục nhàn.
Ngạn thảo vò tình xuân tự lục,
Giang lưu tại nhẫn khách hoàn tân.
Thanh ngâm vũ hậu yêu hồng diệp,
Hoãn trao^{1*} phong tiền quá bạch tần.
Trường khung thốn tâm giao ngụy
khuyết,
Ngũ Hồ thiên tài^{2*} độc thư thân.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC KHI BÌ CHƠI SÔNG XUÂN GIANG LẦN THỨ HAI

Tháng ba năm ngoài trên bến Nhị Hà,
Mặc áo đẹp theo sau có năm, sáu người.
Bờ cỏ vẫn vô tình, xuân về tự tốt tươi,
Đòng sông vẫn ở trước mắt như xưa mà khách thì lại mới.
Sau cơn mưa, ngâm nhẹ nhẹ đón chiếc lá hồng (¹),
Trước làn gió, chèo khoan thai qua bãi tần trắng.
Luống sơ tắc lòng xa nơi cung khuyết,
Đè chiếc thuyền Ngũ Hồ riêng chờ kẻ thư sinh.

DỊCH THƠ :

Tháng ba năm ngoài trên sông Nhị,
Sáu bảy người theo đẹp áo khăn.
Cỏ bãi hững hờ xuân tự biếc,
Đòng sông quen thuộc khách như tân.
Sau mưa ngâm nhẹ ca hồng diệp,
Trước gió chèo khoan lướt bạch tần.
Tắc dạ những lo, xa khuyết ngọc,
Ngũ Hồ riêng chờ khách làng văn.

KHẢO ĐÍNH:

1* Các bản khác : 捷 trao.

2* TVTL2 : 帶 doi:

CHÚ THÍCH :

(1) Nhân câu thơ này, có người cho rằng trong chuyến đi chơi trên, tác giả đã cùng đi thuyền với người yêu là Trần Thị Thái (con Trần Nguyên Dán).

231

秋城晚望

THU THÀNH VĂN VỌNG

木斜離隙吟人矣遙	落陽鴟月興生戈望	都峯遠涓四萬况晴	城地遠涓時事復旻	九截迎隔秋老雕旻	月雲風樹易堪殘	天，烟。陣，懸。感，憐。
----------	----------	----------	----------	----------	---------	--------------

Mộc lạc ^{1*} đỗ thành cửu nguyệt thiền,
Tà dương tráo địa tiệt vân yên..
Ly hồng viễn viễn nghênh phong trán,
Khích nguyệt quyên quyên cách thư
huyền.
Ngâm hứng từ thời thu dị cảm,
Nhân sinh vạn sự lão kham lién.
Binh qua huống phục diêu tàn hậu,
Giao vọng tinh màn ^{2*} nhất khái nhiên!

DỊCH NGHĨA :

CHIỀU THU ĐÚNG TRÔNG Ở TRÊN THÀNH

Lá cây rụng ở đô thành, dưới bầu trời tháng chín,
Bóng chiều lòng mặt đất cắt ngang mày khói.
Đàn chim hồng biệt ly xa xa bay ngược gió,
Vầng trăng theo ngọn cây bóng qua kẽ lá.
Hứng ngâm thơ trong bốn mùa, tới mùa thu là dễ cảm nhất,
Muôn việc trong đời người, đến tuổi già càng đáng thương.
Huống chi lại là cảnh diêu tàn sau con binh hỏa,
Trông vời trời tạnh, một phen ngâm ngùi!

DỊCH THƠ :

Đô thành tháng chín lá theo sương,
Mây khói trời tà vệt cắt ngang.
Đón gió tràn dǎng bầy nhạn thắm,
Treo cây kẽ lọt ánh trăng vàng.
Bốn mùa thi hưng thu sinh cảm,
Muôn việc đời người lão đắng thương.
Hương lại điêu tàn sau lửa chiến,
Vời trông trời tạnh ngâm ngùi thương.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 来晚 *lai vân*.
2* TTCGLT: 慢情 *mân tình*.

232

甲子夏旱，有勅諸路
禱雨，未禱而先雨

炎一請初臥肖徙至
炎雨罪和龍象市誠
九皇國民自能暴感
土天將已是焉起召
焦澤盛歡間旱用猶
正普行夾人歲何古
燄深禱心物霖者今

GIÁP TÍ HẠ HẠN, HỮU SẮC CHỦ
LỘ^{1*} ĐẢO VŨ, VỊ ĐẢO NHI TIÊN VŨ

Viêm viêm cửu thô chính tiêu tầm.
Nhất vũ hoàng thiên phò trách thâm.
Thịnh^{2*} tội quốc tượng hành thịnh^{3*}
đảo,
Sơ^{4*} hòa dân dĩ thiếp hoan tâm.
Ngọa long tự thị nhân giàn vật,
Tiểu tượng năng vi tuế hạn làm.
Tỉ thị bộc uông hà dung giả,
Chi thành^{5*} cảm triệu cỗ do cảm (kim).

DỊCH NGHĨA :

MÙA HẠ NĂM GIÁP TÍ (1384) HẠN HÁN,
VUA CÓ SẮC CHO CÁC LỘ CẦU MƯA,
CHƯA CẦU TRỜI ĐÃ MƯA

Rừng rực đất đai khắp nước đang lúc khô cháy,
Một trận mưa của trời gieo khắp ơn sâu.
Quốc gia sắp làm lễ thỉnh tội để cầu mưa trọng thể (1),
Trời mới đem lại khí hòa (2), dân đã thầm khắp niềm vui.
Rồng năm vốn là con vật của nhân gian (3),
Tiểu tượng của trời có thể hẹn mưa dầm trong năm hạn (4).
Chẳng phải dùng làm gì cái lề đưa một thân hình gầy còm ra phơi (5)
ngoài chợ,
Xưa nay chỉ có lòng chí thành là cảm đến trời.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1 : chép sót chữ 路 lối.

2* TVTL2 : 道 thanh.

3* TVTL1 : 四 方.

4* TVTL1 : 故 tri.

5* TVTL1 : 情 tình.

CHÚ THÍCH :

- (1) Quan niệm xưa cho rằng, hạn hán là do trời giáng tội xuống nhân gian, và người trước hết phải chịu cái tội đó là vua. Cho nên câu này nói trong nước sắp làm lễ cầu mưa trọng thể để xin chịu tội với trời. Thời vua Thành Thang 成湯 ở Trung Quốc, hạn bảy năm liền không mưa, Thành Thang lập một cái đàn tế, tự cõi trần lên nằm trên đàn làm vật cúng trời, và tự kề ra sáu tội của mình, xin trời giáng họa mình chứ đừng bắt tội nhân gian chịu hạn hán mãi.
- (2) Vua chịu tội với trời thì được nhân hòa, nhân dân thầm khắp niềm vui.
- (3) Ý nói con rồng phun nước không phải ở trên trời, mà chính ở ông vua có đức ở nhân gian.
- (4) Ông vua có đức là tiểu tượng của trời, có thể tạo ra mưa dầm trong năm hạn, không cần đến rồng phun nước.
- (5) *Đưa thân hình gầy còm ra phơi* (bộc uông) : Đây là nghi lễ cầu mưa thời xưa. *Lễ kinh 禮經* có câu: 天久不雨,吾欲暴施而奚若。Thiên cửu bất vũ, ngô dục bộc uông nhì hê nhược ; nghĩa là Trời lâu không mưa, ta muốn đem thân hình gầy còm ra phơi nắng, mong trời thương xót mưa xuống.

233

村家趣

抱老過洛閑	籬屋竹引	樹餘	萬古	條寺語泥	槍，傍。
世醒逢人	雨池庭花	塘院	蛙燕春	泥醪	聒，香。
		湛	春午	睡	足，長。
		莞	携	僕	去，桑。
		門	說	農	
		向			

THÔN GIA THÚ

Bão ly trúc thụ vạn điệu thương,
Lão ốc cung dư cõ tự bàng.
Quá vũ tri đường oa ngũ ^{1*} quát,
Lạc hoa đình viện yến nê hương.
Nhàn tinh trạm trạm xuân ^{2*} giao túc,
Thế lỘ ^{3*} mang mang ngọ thuy trường.
Tinh hậu xuất môn huề bộc khứ,
Phùng nhân chỉ hướng ^{4*} thùyết nóng tang ^{5*}.

DỊCH NGHĨA :

THÚ QUÊ NHÀ

Rào tre bao quanh nhà có muôn nhánh nhọn,
Nhà cũ độ hơn một cung ⁽¹⁾ ở bên ngôi chùa cổ.
Mưa tạnh, ao chuôm inh ôi tiếng éch,
Hoa rụng, đình viện ngát thơm bọt én ⁽²⁾.
Cảnh nhàn tênh tênh, rượu xuân uống đãy,
Đường đời man mác, giấc ngủ kéo dài.
Tinh dậy ra cửa dắt đầy tờ di theo,
Gặp ai cũng chỉ nói chuyện nóng tang.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 樂 lạc.

2* TVTL2, TVTL3 : 青 thanh.

3* TTCGLT; TVTL2, TVTL3 : 故 cõ.

4* TVTL2 : 是 thi.

5* TVTL2 : 夫 phu.

CHÚ THÍCH :

(1) Cung : một đơn vị đo lường có độ dài bằng năm xích. Hơn một cung : ý nói rất hẹp.

(2) Ngát thơm bọt én (yến nê hương) : hàng năm cứ vào độ xuân hạ, chèm én lai trở về làm tổ trên vách nhà, chúng lấy nước bọt hòa với bùn trát tổ, có mùi thơm.

遊佛蹟山對江偶作

半	生	塵	土	登	臨,
光	景	蹟	跑	到	今。
浮	世	百	年	一	瞬,
古	人	片	樂	千	金。
前	川	午	日	花	興,
沂	水	春	風	物	心。
仰	止	高	山	曩	哲,
澗	河	路	次	幽	尋。

DU PHẬT TÍCH SƠN ĐỐI^{1*} GIANG
NGÂU TÁC

Bản sinh trần thô phụ đăng lâm,
Quang cảnh ta đà tiện đáo cảm (kim).
Phù thế bách niên chán nhất thuấn,
Cồ nhân phiến^{2*} lạc tri^{3*} thiên cảm.
Tiền xuyên ngọ nhật băng hoa hưng,
Nghi thủy xuân phong dử vật tâm.
Ngưỡng chỉ cao sơn hoài nâng triết,
Giản hà lộ thử chinh u tầm^{4*}.

DỊCH NGHĨA :

CHOI NÚI PHẬT TÍCH⁽¹⁾ ĐỐI DIỆN VỚI GIÒNG SÔNG,
NGÂU NHIÊN LÀM THƠ

Nửa đời gió bụi, phụ cảnh núi sông,
Ngày tháng sa đà, mãi đến ngày hôm nay.
Cuộc đời trăm năm, thực chỉ như một chớp mắt,
Vui chơi một khắc, người xưa đánh giá đến ngàn vàng.
Cái thú kè hoa ngắm sông⁽²⁾ phía trước, trong buổi trời trưa,
Lòng cùng cảnh vật sông Nghi trong gió xuân⁽³⁾.
Ngước nhìn ngọn núi cao, nhớ tới những bậc hiền xưa,
Đừng lại bên suối, tìm đúng cảnh thanh u.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 行 *hành*.2* TVTL1 : 行 *hành*.3* TVTL1 : 直 *trực*.4* Cả câu này, TVTL1 bỏ trống chữ thứ ba và chép 潛河... 路悉幽尋 *Giản hà... lộ tú* u tầm.

CHÚ THÍCH :

(1) Núi Phật Tích : Nay thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Hà Bắc.

- (2) Câu này lấy ý từ câu thơ của Trịnh Minh Đạo 程明道 dời Tống: 傍花隨柳過前川 Bàng hoa tùy liễu qua con sông phía trước.
- (3) Tăng Diêm nói: «Cuối mùa xuân... ; tắm ở sông Nghi, hứng gió ở đài Vũ Vu, ca vịnh mà về...» (*Luận ngữ*).

235

秋日遣興

客	枕	槐	亭	又	塞	鶴	蓬	
如	霜	吟	鬢	欲	成	雨	。	
閑	門	萬	里	連	朝	風	。	
過	眼	萬	秋	落	葉	薄	。	
世	愁	萬	他	紈	扇	空	。	
閑	窓	萬	我	酒	杯	足	。	
西	詠	萬	枕	清	眠	童		
更	新	萬	詩	課	小			

THU NHẬT KHIỀN HỨNG ^{1*}

Khách chàm hèo đình ^{2*} hựu tái hồng,
Như ^{3*} sương ngâm mấn dục thành bong.
Bé mòn vạn lý liên triêu vũ,
Quá nhẵn tam thu lạc diệp phong.
Thế thái nhảm ^{4*} tha hoàn phiến bạc,
Nhàn sầu ^{5*} khuyễn ngã trú bôi không.
Tây song ^{6*} nhất chàm thanh miên túc,
Cánh vịnh tân thi khóa tiêu đồng.

DỊCH NGHĨA :

KHIỀN HỨNG NGÀY THU

Gối khách đình hèo (1), lại như chim hồng ngoài ái,
Mái tóc nhà thơ như sương, muôn thành mờ bong bong,
Nơi muôn dặm, đóng cửa, mưa suốt ngày,
Gió thu rụng lá, lướt qua trước mắt.
Thói đời mặc họ như chiếc quạt lụa mỏng manh;
Mỗi sầu vẫn vơ giục ta cạn chén.
Chiếc gối bên song, ngủ đã đầy giấc,
Lại vịnh thơ mới để dạy tiêu đồng.

DỊCH THƠ :

Sân hèo gối khách phản chim hồng,
Mái tóc như sương muôn rối tung.
Nghìn dặm mưa mai then nich chặt,
Ba thu lá rụng mắt buồn trống.

Thói đời ấm lạnh tùy tay quạt,
 Giải muộn xui ta cạn chén nồng.
 Chiếc gối song tây vừa tĩnh giấc,
 Vịnh vẫn thơ mới dạy thư đồng.

TIỀN SƠN, HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 秋日遣懷, thu nhát khiền hoài.
 TVTL2 : 秋日起興, thu nhát khởi hưng.
- 2* TTCGLT ; TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 凄涼, thê lương.
- 3* TVTL2 : 明 minh.
- 4* TVTL2 : 使 sỉ.
- 5* TTCGLT : 情 tình,
- 6* TTCGLT : 開卷 khai song.
 TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 西風 tây phong.

CHÚ THÍCH :

- (1) Định hòe (hòe định) : cũng như chữ phủ hòe (hòe phủ), chỉ nơi ở cửa bậc Tè tướng.

236

偶 作

自文	詭章	履生	紴論	絲時	黠論	業業	時黠	業業	冤冤	冤冤	道道	道道	宜宜
展章	禽子	敢往	三四	時黠	三四	業業	黠黠	業業	冤冤	冤冤	道道	冤冤	宜宜
老心	即無	云園	事妻	黠黠	事妻	冤冤	黠黠	冤冤	冤冤	冤冤	冤冤	冤冤	宜宜
乾飛	坤罐	暮夜	吾吾	黠黠	吾吾	冤冤	黠黠	冤冤	冤冤	冤冤	冤冤	冤冤	宜宜

NGÂU TÁC

Tự sá bình sinh lý tố ti,
 Văn chương vô phận cảm luân thi^{1*}.
 Triển Cầm yên vắng phi tam truất,
 Chương Tử thùy vận nọa^{2*} từ chí.
 Lão túc điền viên chán sự^{3*} nghiệp,
 Tâm vô^{4*} mờ dạ qui thê nhi.
 Càn khôn hình^{5*} trước giai ngô đạo,
 Phi dược cao thâm khả toại nghi.

DỊCH NGHĨA:

NGẤU NHIÊN LÀM THƠ

Bình sinh tự hào đi trên tơ trắng (1),
 Không có duyên phận với văn chương, đâu dám bàn việc đời.
 Triền Cầm đi đâu mà chẳng ba lần bái truất (2),
 Ai bảo rằng Chương Tử nhác biếng chân tay (3).
 Tuổi già về ruộng vườn, mới đúng là sự nghiệp thật,
 Đêm hôm khuya khoắt, trong lòng không thiện với vợ con (4).
 Vật hữu tình trong trời đất, đều do đạo ta biếu hiện,
 Chim bay trên trời cao, cá nhảy dưới vực sâu đều có thể thỏa thích (5).

KHẢO ĐÍNH:

1* TVTL2: 期 kí.

2* TVTL2, 3: 付 phò.

3* TTCGLT: 樂 lạc.

4* TTTT1: 當 đương.

5* TTCGLT chú thích là: 形 疑 是 物 字 *hình nghi thi vật tự*; nghĩa là: chữ «hình» này
nghĩ là chữ «vật».

CHÚ THÍCH:

- (1) *Đi trên tơ trắng* (lý tố ti): Quê Lý trong *Dịch kinh* 紹 經 có câu: 素履, 往無咎. Tố lý, vãng yô cữu: Giày lên chỗ trắng, cứ như vậy mà đi tới thì không mắc làm lỗi gì. Chu Hi 朱熹 giải thích quê này là: bậc quân tử sinh ra lỗi thời, nhưng không chịu rời bỏ chí khí cao thượng trong trắng của mình thì khi hành động sẽ không mắc làm lỗi.
- (2) *Triền Cầm*: Tức Liễu Hạ Huệ 柳下惠 một hiền thần ở đài Xuân Thu, làm chức Sĩ sư (thuộc ngành tư pháp), ba lần bị cách chức. Có người nói với ông ta là như thế thì sao không bỏ nước mà đi. Ông đáp: «Lấy đạo cương trực để phụng sự người thì dù có đi đâu cũng bị ba lần bái truất; còn lấy đạo bất chính mà phụng sự người thì việc gì phải bỏ đất nước của cha mẹ mình mà đi». Nguyễn Phi Khanh dùng điều này để nói lên tâm trạng u uất của mình.
- (3) *Chương Tử*: Chưa rõ là ai.
- (4) Do chữ *dạ khí* 夜氣 của Mạnh Tử: lương tâm của người ta thường xuất hiện khi đêm hôm tịch mịch, không thiện với vợ con như người nước Tề đi ăn xin mà về khoe với hai vợ là được nhà quyền quý mời tiệc.
- (5) *Sách Trung dung* có câu: 鷺飛鴈天, 魚躍于淵 Diên phi lệ thiên, ngư dược vu uyên: Điều bay ngắt trời, cá nhảy vực sâu.

237

家園樂

故大啼來心學逐安
 園歲鳥風從到物仁
 亂兜落殘閑充勞志
 後童花夢處時人已
 有頗深午千四休遂
 先愛巷窓憂體誤幽
 盧書永虛失舒我居

GIA VIÊN ^{1*} LẠC

Có viễn loạn hậu hưu tiên lư,
 Lục tuế nhi đồng phả ái thư.
 Đè diều lạc hoa thâm hạng ^{2*} vĩnh,
 Lương phong tàn mộng ngọ song hư.
 Tâm tòng ^{3*} nhàn ^{4*} xử thiên ưu thất,
 Học đáo xung thời tứ thể thư.
 Trực vật lao ^{5*} nhàn hưu ngọ ngã ^{6*},
 An Nhàn chí dĩ toại u cù.

DỊCH NGHĨA :

THÚ QUÊ NHÀ

Sau loạn, trong vườn cũ còn mái nhà xưa,
 Đầu trẻ sáu tuổi (¹) đã ham đọc sách.
 Chim kêu, hoa rụng, ngọ sâu vắng vẻ,
 Gió lạnh, mộng tàn, song trưa trống trải.
 Lòng hướng về cái nhàn, ngàn mối lo tan hết,
 Học đến mức sung mãn, chân tay thư thái.
 Chạy theo vật dục, người đời nhọc nhằn, ta chờ làm nữa,
 Được ở chỗ thanh u, chí An Nhàn (²) đã toại rồi.

DỊCH THƠ :

*Loạn xong, vườn cũ mái nhà xưa,
 Ham học, mừng ta có trẻ thơ.
 Hoa rụng chim kêu bên ngọ vắng,
 Mộng tàn gió mát dưới song trưa.
 Tâm hồn thanh thản ngàn lo hết,
 Học văn sâu xa, tứ thể thư.
 Dục vọng, chờ nén lửa gạt mãi,
 An Nhàn chí đã thuận u cù.*

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 圓 vi và chú : 圓 疑 圓 字 vi nghi, vien tự : chữ «vi» nghi là chữ «viên».
- 2* TVTL2 : 卷 quyển ; TVTL3 : 卷 cảng.
- 3* TVTL2 : 生 sinh ; TVTL3 : 洋 mang.
- 4* TVTL1 : 開 bể. Chắc là TVTL1 chép làm chữ 開 nhản.
- 5* TVTL2 : 老 lão.
- 6* TVTL2, 3 : 處 xử.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đứa trẻ sáu tuổi* : Phan Huy Chú trong LTHCLC cho đó là Nguyễn Trãi.
- (2) *An Nhàn* : Người đời Tấn, tên thực là Phan Nhạc 潘岳 có làm bài *Nhàn cư phú閒居賦*.

238

上胡承旨宗驚

THƯỚNG HỒ THÙA CHỈ TÔNG THÓC

京	國	攜	書	二	十	年,
登	龍	每	恨	欠	前	緣。
夢	隨	輸	苑	清	風	外；
春	在	東	亭	白	酒	邊。
萬	丈	光	艺	窺	太	自；
一	圍	和	氣	挹	伊	川。
寸	懷	別	後	勞	傾	仰，
耿	耿	高	明	月	夜	懸。

Kinh quốc huề thư nhị thập niên,
 Đăng^{1*} long mỗi hận khiếm tiền duyên.
 Mộng tùy hàn uyên thanh phong ngoại,
 Xuân tại^{2*} đông đình bạch thủ biển.
 Vạn trưng quang mang khuỷu Thái
 Bách,
 Nhất đoàn hòa khí ấp^{3*} Y Xuyên.
 Thốn hoài biệt^{4*} hiệu lao khuynh
 ngưỡng,
 Cảnh cảnh cao minh nguyệt dạ huyền.

DỊCH NGHĨA :

DÂNG LÊN QUAN THÙA CHỈ HỒ TÔNG THÓC (1)

Dù học ở kinh kỳ, hai chục năm nay,
 Thường án hận thiếu cái duyên may được bước lên cửa rồng (2).
 Hồn mộng bay theo gió mát nơi vườn văn,
 Lòng xuân ở lại bên chén rượu trắng chỗ đông đình.

Sáng ngồi muôn trượng, nhìn thấy sao Thái Bạch (3),
 Hòa khí một vùng, mực ngòi Y Xuyên (4).
 Sau khi tạm biệt, nghiêng dốc một lòng chiêm ngưỡng,
 Vầng vặc vầng trăng, treo trong khoảng đêm trường.

DỊCH THƠ :

*Đèn sách kinh kỳ mấy chục niên,
 Cửa rồng thường hận thiếu nhân duyên.
 Mộng theo hàn uyển, hoa cười gió,
 Xuân tỏa đông đình, rượu ngát men.
 Tiết sáng muôn trùng, nhòm Thái Bạch,
 Khi hòa một áng, mực Y Xuyên.
 Sau ngày tạm biệt luôn chiêm ngưỡng,
 Vầng vặc vầng trăng treo phía trên.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 昇 thăng.
- 2* TVTL2 : 坐 toa.
- 3* TTCGLT : 抱 bao ; TVTL3 : 把 bả.
- 4* TVTL2 : 制 chẽ.

CHÚ THÍCH :

- (1) Hồ Tông Thốc người làng Thờ Thành, phủ Diễn Châu (nay là huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ Tĩnh), đậu Trạng nguyên và làm quan vào cuối đời Trần.
- (2) *Lên cửa rồng* (đǎng long) : Lý Ung truyện, Hậu Hán thư 李膺傳, 後漢書, chép rằng Lý Ung là người có danh vọng lớn, kẻ sĩ bốn phương ai được Lý Ung tiếp thì cho là mình được bước lên cửa rồng. Ở đây Nguyễn Phi Khanh nói sự ngưỡng mộ của mình đối với Hồ Tông Thốc.
- (3) *Thái Bạch* : Tên một ngôi sao ở phía tây và cũng là biệt hiệu của nhà thơ Lý Bạch 李白 đời Đường.
- (5) *Y Xuyên* : Tên một con suối và cũng là biệt hiệu của Trịnh Di 程頤 đời Tống.

239

春 寒

凝
雲
漠
寒
霧
餘
有
無
寂
語
寥
闊
惟
正
悠
身
如
此
風
作
雨
春
齋
事
得
安
和

凝
釀
帶
傷
書
世
安
和

漠
寒
霧
十
粘
痕
無
寂
寥
闊
惟
正
悠
身
如
此
風
作
雨
春
齋
事
得
安
和

沈
沈，
陰。
絮，
禽。
枕，
衿！
籥，
心。

沈，
日
樹
花
高
抱
稟
洲

XUÂN HÀN

Ngurng^{4*} vân mac mac vụ^{2*} trầm trầm,
Nhưỡng tác dý hàn thập nhật âm.
Đói vũ hữu ngàn niêm thụ như^{3*},
Thương xuân vô^{4*} ngũ cách hoa cầm.
Thư trai tịch tịch duy cao châm,
Thế sự du du chính bão khâm!
An đặc thử thân như^{5*} thác thược,
Hòa phong hư biển cửu châu^{6*} tâm.

DỊCH NGHĨA:

RÉT MÙA XUÂN

Mây đọng ủn ủn, mù sa nặng trĩu,
Trận rét cuối mùa, mướt ngày âm u.
Tơ liêu dính trên cây, đeo chuỗi nước mưa thành vệt,
Chim đậu bên hoa, thương xuân lặng tiếng.
Thư phòng vắng vẻ, chỉ có việc cao gối,
Việc đời dăng đặc, chính lúc ôm chǎn !
Mong sao thân này được như cái ống bể⁽¹⁾,
Thồi ngọn gió hòa vào khắp lòng người chín châu⁽²⁾.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT, TVTL1 : 瘦 si.

2* TVTL1, TVTL2 : 露 lô.

3* TVTL2 : 紫 tử, có lẽ là chép sai chữ 紫 nhụt.

4* TVTL2, TVTL3 : 當 duong.

5* TTCGLT : 同 đồng.

6* TVTL3 : 丹 châu. Cò lẽ chép làm chữ 丹 châu.

CHÚ THÍCH :

(1) Ống bể (thác thược) : Dụng cụ thổi lửa của thợ rèn.

(2) Chín châu (cửu châu) : Trung Quốc cổ đại chia làm chín châu. Về sau «chín châu» trở thành tiếng chỉ toàn bộ lãnh thổ của một nước.

240—241

走以多事，未即陪昆山遊，感念之深，因成八句律二首；一以頌廟堂之暇而有閒適之趣；一以寫胸懷之素而播歌咏之聲；因錄呈清虛洞主。

其一

裘丘鳳舟遊骨州。
轂心已聊細高繡元。
戒蹟來濟黃赤鑄鎮
吹堂庭野衲心將慶。

其二

處旋荒繫月泉虛句。
是言半空歲林清佳
中晚薜蓬中裡得姑
山歲苔雪恍夢想不。

PHIÊN ÂM :

Tàu dĩ đa ^{1*} sự, vị túc ^{2*} bởi Côn Sơn du, cảm niệm chí thảm, nhân thành bát cú luật nhị thủ; nhất dĩ ^{3*} tụng miếu đường chí hạ nhi hữu nhàn thích chí thú; nhất dĩ ^{4*} tả hung hoài chí tố nhi bá ca vịnh chí thanh; nhân lục trình Thanh Hư Động chủ ^{5*}.

Kỳ nhất

Sóc xúy ^{6*} lăng lăng giới tệ cầu,
Miếu đường tâm sự tịch làm khâu.
Ngu đình dĩ tác lai nghi phượng,
Phó dã liêu hoàn tế cứ châu.
Vân nạp tế tham Hoàng Nghiệt thoại,
Hà tâm cao ấp ^{7*} Xích Tùng du.
Bằng tương tú cù thuyền sơn cốt,
Thiệu Khanh nguyên công trấn Lang
Châu.

Kỳ nhì

Sơn trung thị xứ nghỉ Đồ Cầu,
Tuế văn ngôn toàn ^{8*} bốc nhất khâu.
Đài tiền bán hoang Linh Vận lý,
Tuyết ^{9*} bồng không hệ Tử Du châu.
Mang trung tuế nguyệt thông thông quá,
Mộng lý lâm tuyển lịch lịch du.
Tưởng đặc Thanh Hư đè vịnh xứ ^{10*},
Bát ^{11*} phượng giai cú đáo hoàng châu.

DỊCH NGHĨA:

Tôi (1) vì bận việc, chưa kịp theo đi thăm núi Côn Sơn, vẫn nặng lòng cảm nhớ, viết thành hai bài thơ bài cũ luật Đường, một là đề tụng đọc khi việc miếu đường rảnh rồi mà được cái vui nhàn tản; một là đề tả cái sẵn có trong lòng mà phát lộ ra âm thanh ca vịnh; xin chép lại đệ trình Chủ nhân động Thanh Hư (2).

Bài I

Gió bắc vun vút đe dọa áo câu rách,
Lòng dạ ở miếu đường, mà dấu chân ở rừng núi.
Đã làm chim phượng đến múa ở sân nhà Ngu (3),
Rồi lại về Nội Phó, chèo thuyền lớn qua sông (4).
Áo nạp (5) như mây, tụng niệm lời kinh Hoàng Nghiệt (6).
Lòng son tựa ráng, chắp tay theo tiên Xích Tùng (7).
Hãy đem lời đẹp khắc vào sông núi,
Vị nguyên huân đời Thiệu Khánh (8) trấn giữ Lạng Châu.

Bài II

Nơi núi non này có thề sánh với Đồ Cầu (9),
Tuổi già sẽ quay về chọn-lấy một cái gò.
Đá giày Linh Vật (10) còn mờ mờ một nửa dưới lớp rêu xanh,
Con thuyền Tử Du (11) vẫn buộc không trong làn tuyết rồi.
Trong bận rộn năm tháng trôi đi vùn vụt,
Nhưng trong mơ vẫn dạo chơi khắp suối rừng.
Nghĩ tới việc đề vịnh khắp động Thanh Hư,
Chẳng ngại câu thơ hay truyền tới nhà vua.

DỊCH THƠ:

Bài II

*Dường nhàn trong núi định tìm nơi,
Tuổi lão về đây chọn một dời.
Linh Vật giày in rêu lốm đốm,
Tử Du thuyền buộc mái chơi voi.
Tháng ngày bận rộn, thoi đưa lẹ.
Rừng suối mơ màng, vẫn dạo chơi.
Chạnh tướng Thanh Hư đề vịnh ấy,
Câu hay sá quản đến tai trời.*

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2, TVTL3 : Thêm chữ 年 niên ở giữa chữ 多 da và chữ 事 sự.
- 2* TVTL2, TVTL3 : 是 lúc.
- 3* TTCGLT, TVTL1, TVTL2 : Thay cả hai chữ nhất dĩ bằng chữ 可 khả.
- 4* TTCGLT, TVTL1, TVTL2 : Không có chữ nhất trước chữ dĩ.
- 5* TVTL1, TVTL2 : Thêm chữ 人 nhân sau chữ chủ.
- 6* TVTL2, TVTL3 : 次朔 xuy sóc.
- 7* TVTL1, TVTL2 : 把 bả.
- 8* TTCGLT, TVTL2 : 還 hoàn.
- 9* TVTL1 : 空 vân.
- 10* TVTL1, TVTL2, NP KTV : 扁 biển.
- 11* TVTL3 : 下 hạ.

CHÚ THÍCH :

- (1) Tôi (Tâu) : «Tâu» là tiếng tự xưng rất khiêm tốn thời phong kiến.
- (2) Chủ nhân động Thành Hu : chỉ Trần Nguyên Đán 陳元旦
- (3) Chim phượng đến mùa (lai nghi phượng) : Thư kinh 書經 có câu : 鳳凰九成, 鳳凰來儀 . Tiêu thiều cửu thành, phượng hoàng lai nghi : Chín khúc nhạc thiều dạo lên, chim phượng hoàng tới mùa. Nhà Ngu : chỉ thời vua Thuần 鮑 ở Trung Quốc. Ý câu này muốn nói Trần Nguyên Đán đã đem hết tài năng để giúp vua Trần trị nước.
- (4) Nội Phó (Phó dã) : Thư kinh 書經 có câu : 若濟巨川, 用汝作舟楫. Nhưng tế cự xuyên, dung nhữ tác chu tiếp: Nếu qua sông lớn thì dùng nhà người làm mái chèo. Đây là lời vua Thương 湯 nói với Phó Duyệt 傅說 . Phó Duyệt trước khi được vua Thương dùng, vốn là một cao sĩ ẩn dật, ẩn ở đất Phó Nghiêm (đông huyện Bình Lạc, Sơn Tây, làm nghề gánh đất và xây tường đê sông). Sau được vua Cao Tông nhà Thương mời ra làm tướng). Câu thơ này nói về quan niệm «công thành, thân thoái» (công đã thành thì lui về ở ẩn) của Trần Nguyên Đán.
- (5) Áo nạp : loại áo của nhà sư.
- (6) Hoàng Nghiệt : Biệt hiệu của Hy Văn đời Đường. Ý nói Trần Nguyên Đán về Côn Sơn để ngâm nghĩ những điều mâu nhiệm của đạo Thiền.
- (7) Xích Tùng : Biệt hiệu của một đạo sĩ đời Côn. Sau khi giúp nhà Hán dựng nghiệp, Trương Lương từ bỏ triều đình, nói : Tôi muốn đi tìm ông tiên Xích Tùng.
- (8) Thiện Khanh : Niên hiệu của Trần Nghệ Tông 陳藝宗 (1370-1372). Câu này nói Trần Nguyên Đán có công lớn trong việc giúp Nghệ Tông đánh bại Dương Nhật Lễ 楊日禮 giành lại ngôi vua cho họ Trần.
- (9) Đà Cầu : Tên ấp thuộc nước Lỗ. Tả truyện, Lỗ Ân công thập nhất niên 左傳, 魯隱公十一年 có câu : 使營菟裘, 吾將老焉 Sứ doanh Đà Cầu, ngô tương lão yên. Nếu xây dựng được Đà Cầu, ta sẽ già rồi. Người xưa giải thích câu này là : Khai phá đất Đà Cầu xây dựng cung ở đó, để hưởng tuổi già. Về sau chữ «Đà Cầu» là chỉ nơi ở ẩn.
- (10) Linh Vận : Tức Tạ Linh Vận 謝靈運 , một nhà thơ lớn thời Nam Bắc triều, thường hay đi chơi thăm sơn thủy.

- (11) Tử Du : Tên tự của Vương Hy Chi 王羲之 người đời Tần. Có lần trong đêm tuyết, Tử Du mở cửa uống rượu, rồi bỗng nhớ tới bạn là Đới Qui 戴逵 ở Diệm Khê, bèn cưỡi thuyền đi thăm bạn. Nhưng khi thuyền vừa tới cửa nhà bạn thì Tử Du quay về ngay. Có người hỏi tại sao ? Tử Du đáp : «Thừa hứng mà đến, hết hứng thì về, bà tất phải gặp mặt».

Câu 3 và 4 muốn nói cuộc sống tự do không bị trói buộc của những người đã thôi quan.

242

送中使武適之

TỔNG TRUNG SỨ VŨ THÍCH CHI

五	凜	春	雪	天	山	愁	杯	星	明	急	清	閑	平	別	情
漂								使	人	蹄	節	眼	心	君	里
雲	忠	梅	淮	北	夷	今	難	邊	義	驛	潮	南	險	日	勝
色	然	臨	霽	地	河	慙	萬	出	照	霜	玉	雙	寸	送	萬
五	凜	春	雪	天	山	愁	杯	使	人	蹄	節	眼	心	君	里

Ngũ sắc vân biên xuất sứ tinh,
Lâm nhiên trung nghĩa chiểu nhân
minh.

Xuân làm mai dịch sương đê cấp,
Tuyết tê Hoài ^{1*} triều ngọc tiết thanh.
Thiên địa bắc nam song nhẫn khoát,
Sơn hà ^{2*} di hiềm thốn tâm bình.
Ân cần kim nhật tổng quản biệt,
Bồi tửu nan thăng vạn lý tình.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN TRUNG SỨ VŨ THÍCH CHI (1)

Bên áng mây năm sắc ⁽²⁾ xuất hiện ngôi sao sứ thần,
Khi tiết trung nghĩa lâm liệt đợi sáng lòng người.
Xuân tới trạm mai ⁽³⁾, vó ngựa trong sương vội vã,
Tuyết quang Hoài Thủy ⁽⁴⁾, tiết ngọc trong sáng.
Trời đất có bắc có nam, tầm mắt thênh thang,
Núi sông chô bằng chô hiêm, tắc lòng trung trinh.
Hôm nay ân cần tiễn biệt ngài,
Chén rượu khôn ngăn mối tình muôn dặm.

DỊCH THƠ :

Bên cạnh năm mây hiện sứ lang,
 Bừng bừng tỏa khắp khi trung lương.
 Tuyết quang Hoài Thủy dương cờ tiết,
 Xuân tới mai định, giục vó sương.
 Trời đất bắc nam, nhìn bát ngát,
 Non sông bình hiền dạ thênh thang.
 Tiễn đưa xiết kè bàng khuông nỗi,
 Chén rượu khôn ngăn từ dặm trường.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 雜 than.

2* TVTL2 : || xuyên;

CHÚ THÍCH :

(1) Vũ Thích Chi : chưa rõ là ai.

(2) Mây năm sắc (ngũ sắc vân) : Người xưa cho mây năm sắc xuất hiện là điềm tốt, tượng trưng cho khí tượng Thiên tử. Ý câu thơ này nói bên cạnh Hoàng đế có ngôi sao sứ thần xuất hiện.

(3) Trạm mai (mai dịch) : chỉ các trạm trên đường của người di sứ sẽ qua. Sách 荆州記 Kinh châu ký có đoạn nói: Lục Khải 陸凱 từ Giang Nam bě một cành hoa mai gửi đến Trường An cho Phạm Viết 范暉 và để tặng bằng thơ là:

折梅逢驛使,	Chiết mai phùng dịch sứ,
寄與隴頭人。	Ký dữ Lũng Đầu nhân.
江南何所有,	Giang Nam hà sở hữu,
聊贈一枝春。	Liêu tặng nhất chi xuân.

Bé cành mai xong, lại gặp người di sứ qua trạm,

Bèn đưa gửi cho người ở Lũng Đầu.

Ở Giang Nam có gì đâu,

Chỉ xin tặng một cành xuân.

(4) Hoài Thủy : Tên một con sông ở Trung Quốc. Cũng có thể đây là một diển cố nào đó mà chúng tôi chưa tìm thấy ?

243

城中有感寄呈同志

THÀNH TRUNG HỮU CẢM KÝ ^{1*}
TRÌNH ĐỒNG CHÍ

朝	中	朱	紫	動	紛	紛,
幻	眼	誰	能	各	自	分。
頭	上	老	天	依	日	月,
人	間	夢	景	付	煙	雲。
習	池	何	處	招	山	簡?
杜	曲	無	錢	覓	廣	文!
謀	議	廟	堂	吾	豈	敢!
擬	將	泉	石	夢	諸	君。

Triều trung chu tử động ^{2*} phân phân,
Huyền ^{3*} nhẫn thùy năng các tự ^{4*} phân.
Đầu thượng lão thiên y nhật nguyệt,
Nhẫn gian mộng cảnh phó yên vân.
Tập Trì hà xí chiêu ^{4*} Sơn Giản?
Đỗ Khúc vô tiền mịch Quảng Văn.
Muru ^{5*} nghị miếu đường ngô khỏi cảm!
Nghĩ tương tuyền thạch mộng chư quân.

DỊCH NGHĨA:

GỬI TRÌNH CÁC BẠN ĐỒNG CHÍ NHỮNG CẢM KHÁI KHI Ở TRONG THÀNH

Trong triều, áo dỗ, áo tia cùi động rối loạn,
Bởi mắt chẳng tinh, ai mà phân biệt được mình.
Trên đầu có trời già, nương tựa tháng ngày,
Cõi đời là cảnh mộng, phó mặc mây khói.
«Tập Trì» biết nơi nào mà mòi Sơn Giản (1)?
«Đỗ Khúc» không có tiền để tìm Quảng Văn (2).
Bàn tinh việc miếu đường, tôi đâu dám!
Chỉ mong nơi làm tuyền mơ gặp các ông.

DỊCH THƠ:

Bởi bời dỗ tia llop dai cân,
Mắt quáng ai mà có thề phân.
Nhật nguyệt đang soi vùng đỉnh não,
Khói mây phó mặc mộng trần gian.
Tập Trì chẳng thấy, với Sơn Giản,
Đỗ Khúc không tiền, kiếm Quảng Văn.
Muru lược miếu đường, ta chẳng dám,
Lâm tuyền toan mộng gặp chư quân.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT không có chữ 寄 ký.
- 2* TTCGLT : 總-tông.
- 3* TVTL2 : 白 bạch.
- 4* TVTL2, TVTL3 : 有 hữu.
- 5* TVTL2, TVTL3 : 註 chú.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tập Tri* : thành tri của Tập Tắc Xỉ 習鑒齒 người đất Tương Dương đời Tần, học rộng và có tài văn chương, lại có hiết tài về sử. Sơn Giản 山簡 người đất Hà Nội đời Tần, có phong thái ôn hòa, thanh nhã và hào phóng ; làm quan đến Thượng thư Tả bộ cựu Lãnh Lại bộ, tiếp đó làm Chinh nam tướng quân trấn giữ đất Tương Dương ; sau đến đất Lạc Dương, và thường đến thăm lâu đài thành tri nhà họ Tập.
- (2) *Đỗ Khúc* : một vùng ở phía nam huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây. Vào đời Đường, họ Đỗ đời đời ở đất này nên vùng đó mới có tên là Đỗ Khúc.
Quảng Văn : tên một cải quán (Quảng Văn quán), đồng thời cũng trở thành một chức quan do Đường Huyền Tông 唐玄宗 đặt ra. Đó là nhàn chúc, không có thực quyền. Đỗ Phủ 杜甫 có câu :

諸公滾滾登臺省，Chu công còn còn dǎng dài sảnh,
廣文先生官獨冷。Quảng Văn tiên sinh quan lạnh lẽo.

Các ngài tập nộp lên dài sảnh,
Quảng Văn tiên sinh quan lạnh lẽo.

Hai câu 5 và 6 ý nói ; không có cách gì để gấp mặt tri âm.

244

賀中書侍郎

虞續人天曲司聖願	庭典望教江馬世施	事公龍鳳負辭懷	務合參展經四遺	熙陟王彝綸辭懷	康揚鉉章學長物
		星鳳寧倘	到農桑		

HẠ TRUNG THU THI LANG

Ngu định thứ sự vụ hy khang,
Tích diền duy công hợp trắc dương.
Nhân vọng Quí Long tham ngọc huyền,
Thiên giao Tình Phượng triển di
chương.
Khúc Giang túc 1* phụ kinh luân học.
Tư Mã ninh từ tử lục trường.
Thánh thế 2* thắng hoài di khi vật.
Nguyễn thi tài tảo đáo nồng tang.

DỊCH NGHĨA :

MÙNG QUAN THI LANG TÒA TRUNG THƯ

Mọi việc trong triều đình nhà Ngu (1) sao được rực rõ tốt lành,
 Sắp xếp diên pháp chỉ có ông là xứng được cát nhắc.
 Đời mong những bậc Qui, Long (2) được đặt vào chỗ quan trọng,
 Trời sai sao Cảnh Tinh, chim Phượng Hoàng mở mang diên chương.
 Khúc Giang (3) từ lâu đã nổi tiếng về tài học trị nước cứu đời,
 Tư Mã (4) lẽ nào lại từ chối sở trường của mình về văn tự lục (5).
 Đời thịnh trị, chúa có đoái trông đến vật bị vứt bỏ còn sót lại,
 Thị xin nguyện đem tài mọn văn đến tận thôn xóm.

KHẢO ĐÍNH :

1* NPKTV : 宿 túc.

2* NPKTV : 主 chúa.

CHÚ THÍCH :

(1) *Ngu* : có thể tác giả dùng diên triều đình Ngu Thuấn ở thời cổ Trung Quốc để ca ngợi triều nhà Hồ ; cũng có thể tác giả nói triều đình Ngu ở đây chính là chỉ vào triều đình nước Đại Ngu, tên nước ta do Hồ Qui Ly đặt (1400—1407).

(2) *Qui, Long* : hai bầy tòi tài giỏi của vua Thuấn.

(3) *Khúc Giang* : tức Khúc Giang Công, hiệu của Trương Cửu Linh, người đời Đường, có tài kinh bang tế thế.

(4) *Tư Mã* : tức Tư Mã Tương Nhưu 馬相如, một người nổi tiếng về từ phú đời Hán, được Hán Vũ Đế 漢武帝 rất yêu trọng.

(5) *Văn tự lục* : loại văn biền ngẫu có những mạc tiêu đối bằng các vế 4 chữ, 6 chữ ; thường gặp trong phú và các loại từ lệnh của vua, biểu khai các quan...

245

賀宋黎杜三御使

鳥聖慶昌己好世	臺主曆符將把留	久開昔今風精聲	矣誠聞喜采忠名	榮妙揚擢儀動光	無選四朝紫萬煙	聞，捨，諫，著，宸，
---------	---------	---------	---------	---------	---------	------------

HẠ TỔNG, LÊ, ĐÔ TAM 1* NGỤ SỬ

Ô dài cửu hỷ cẩm vô văn,
 Thánh chúa 2* khai thành điệu tuyển
 luân 3*.
 Khánh Lịch tích văn dương 4* từ gián,
 Xương Phù kim hỷ trạc tam nhàn.
 Dĩ 5* tương phong thái nghi triều trứ,
 Hảo bả tinh trung động tử thần.
 Lưu thủ thanh 6* danh quang vạn cổ,
 Thể gian kỳ lộ tông yên trần 7*.

DỊCH NGHĨA :

MỪNG BA QUAN NGỤ SỬ HỌ TỔNG, HỌ LÊ, HỌ ĐỖ (1)

Đã lâu rồi chốn Ô Đài (2) lắng bặt không nghe gì,
 Nay thánh chúa mở lòng thành, khéo léo lựa chọn.
 Từng nghe đời Khánh Lịch khen bốn vị giàn nghị (3),
 Nay mừng năm Xương Phù (4) cất nhắc ba người.
 Đã đem phong thái làm khuôn mẫu ở triều đình,
 Hãy mang lòng trung khích động điện tia (5).
 Gắng lưu lại tiếng tăm soi sáng mùôn thuở,
 Những con đường rẽ trên đời này thảy đều khói bụi.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT, NPKTV : thêm chữ 公 công ở giữa chữ 三 tam và chữ 御史 Ngự sứ.
- 2* TVTL2, TVTL3 : 上 thượng.
- 3* TVTL3 : 編 biên.
- 4* TTCGLT, NPKTV : 滂 trác.
- 5* TVTL2, TVTL3 : 直 trực.
- 6* TVTL3 : 清 thanh.
- 7* NPKTV : 烟雲 yên vân.

CHÚ THÍCH :

- (1) Ba quan Ngụ sứ họ Tống, họ Lê và họ Đỗ : chưa rõ tác giả chỉ vào những ai. Riêng họ Đỗ, có lẽ là Đỗ Tử Trung, làm Ngụ sứ đại phu. Hồ Qui Ly trong bài *Tát Trung úy Đỗ Tử Trung*, có câu : Ô dài cứu hổ cẩm vô thanh, : Đã lâu, chốn dài Ngụ sứ vẫn lặng tiếng.
- (2) Ô dài : tức dài Ngụ sứ. Sách *Hán thư* chép : bên tòa Ngụ sứ có khóm cây bách, hàng nghìn con qua đến đậu ở đó. Vì vậy, dài Ngụ sứ được gọi là Ô dài (hay Ô phủ).
- (3) Theo *Tống sử 宋史*, vua Tống Nhân Tông 宋仁宗, niên hiệu Khánh Lịch có thăng bốn người nổi tiếng trung trực làm Giản nghị đại phu là Dư Tĩnh 余靖, Âu Dương Tu 欧阳修, Thái Tương 蔡襄 và Vương Tổ 王素.
- (4) Xương Phù : niên hiệu của vua Trần Phế Đế (1377-1388).
- (5) Điện tia (Tử thần) : nơi nhà vua ngự.

奉詔長安道中作

武
王
山
郡
武
父
自
願

林
事
館
庭
夫
老
愧
揚

一
寧
宿
薄
感
夫
老
愧
揚

帶
辭
晴
暖
泣
扶
黎
勞

碧
跋
烟
雪
觀
藜
勞
何

迢
涉
樹
花
唐
漢
補
天

遙
遠
舍
消
詔
漠
報
騎

PHUNG CHIEU TRƯỜNG AN
ĐẠO TRUNG TÁC

Vũ Lâm nhất dời bích thiều thiều,
Vương sự ninh từ bạt thiệp diêu (dao)^{1*}.
Sơn quán túc ^{2*} tình yên thụ hợp,
Quận định bạc noãn ^{3*} tuyết hoa tiêu.
Vũ phu cảm khấp quan Đường chiểu,
Phụ lão phù ^{4*} lê thinh Hán triều.
Tự qui vi lao hà bồ báo ^{5*},
Nguyện dương hoàng hóa đảm ^{6*} thiên kiêu.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM TRONG LÚC PHUNG CHIEU VUA ĐI TRƯỜNG AN (¹)

Vũ Lâm một dải (²), màu biếc dắng đặc,
Việc vua, đâu dám từ chối lặn lội xa xôi.
Quán trên núi sớm tạnh mưa, khói động lùm cây,
Sân noi quận ấm áp, hoa tan giọt tuyết.
Kẻ vũ phu cảm động khóc, khi xem chiểu chỉ vua Đường (³),
Các phụ lão chống gậy lê ra nghe chinh lệnh triều Hán (⁴)
Tự thẹn chút đỉnh khó nhọc này, nào đã báo đáp được gì,
Nguyện nêu đức hóa của nhà vua, trấn áp giặc trời (⁵).

KHẢO ĐÍNH :

1* TVVL2 :勞 lao.

2* TTGCLT :舊 cũu.

3* TVTL2, TVTL3 :燠 áo

4* TVTL2 :杖 trượng.

5* TTGCLT, NPKTW :報補 báo bô.

6* TVTL2 :斬 tramoto.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Trường An* : thuộc tỉnh Ninh Bình cũ (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh).
- (2) *Vũ Lâm* : có thể hiểu theo hai cách : a) Vũ Lâm là vùng thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Ở vùng này có sông Vũ Lung (nay là sông Chu) chảy qua. Bởi vậy, câu thơ trên tác giả tả cảnh nước biếc sông Vũ Lung ở Vũ Lâm. b) Vũ Lâm còn là tên một vùng ở tỉnh Giang Tây, Trung Quốc, hay được các nhà thơ lấy làm diền tích : xưa Đông Việt Vương khởi binh chống nhà Hán, tiến quân đến Vũ Lâm ; Hán Vũ Đế sai tướng ra Vũ Lâm dẹp quân Đông Việt Vương. Bởi vậy, có thể ở đây tác giả mượn diền tích để nói việc vâng lệnh vua đi dẹp giặc chăng ?
- (3) Diền tích ở câu thơ này chúng tôi chưa rõ lắm. Có thể là chỉ chuyện Đường Đức Tông ra chiếu tự trách mình : Đức Tông có tính đa nghi, lại dùng phải kẻ gian xảo là Lư Ký, vì vậy sinh loạn, Diêu Lệnh Ngôn và Chu Thủ làm phản, kéo quân xâm chiếm kinh đô, Đức Tông phải bỏ chạy, đến khi Lý Thịnh lấy lại được kinh đô mới dám về. Đức Tông ra chiếu tự buộc tội mình, từ đó chăm lo việc nước chu đáo.
- (4) Từ thời Quang Vũ Đế 光武帝, nhà Hán trung hưng và cường thịnh trở lại, con của Quang Vũ Đế là Hán Minh Đế 漢明帝, tiếp tục chính sách của cha và đặc biệt là thường đến nhà Thái học làm các lễ lớn dường nào. Cả hai câu 5 và 6 nhắc diền như vậy là để nói việc dẹp giặc lúc bấy giờ.
- (5) *Giặc trời* (thiên kiêu) : TTCGLT chú thích : 匈奴傳 : 胡者, 天之騎子。東坡送子由使契丹曰 Hung nô truyện : Hồ giả, thiên chi kiêu tử. Đông Pha tống Tử Do sứ Khiết Đan viết :

不辭驛驛凌霜雪, Bất từ dịch ky lêng sương tuyêt,
要使天騎識鳳麟。Yếu sử thiên kiêu thức phượng lân.

Hung nô truyện : Rợ Hồ là bọn giặc trời. Thơ Tô Đông Pha tiên Tử Do di sứ Khiết Đan có câu :

Chẳng nè vó ngựa xông sương tuyêt,
Phải bắt thiên kiêu biết phượng lân.

Ở đây tác giả dùng «Thiên kiêu» để chỉ bọn giặc chống lại triều đình.

247

天長試後有感

萬科東細雙扁今一別	里場風雨鯉舟朝	來誤御乾闢囚最庭	觀作苑坤傳繫是闌	國穀花柳江客愁勝	上中容色上中腸半	賓人動新信身處，
-----------	---------	----------	----------	----------	----------	----------

THIỀN TRƯỜNG THÍ HẬU HỮU CẨM

Vạn lý lai quan quốc thương ^{1*} tàn,
Khoa trường ngộ tác cầu trung nhân !
Đông phong ngự uyên hoa dung động,
Tề vũ càn khôn ^{2*} liêu sắc tàn.
Song lý khoát truyền giang thương tín,
Biển chu tù ^{3*} hệ khách trung thân !
Kim triều tối thị sầu tràng xứ,
Nhất biệt đinh vi thắng bán xuân !

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC SAU KHI THI Ở THIÊN TRƯỜNG (1)

Từ muôn dặm đến xem những thượng khách của nước nhà (2),
Đã là người ở «trong tầm bắn» của khoa trường (3).
Gió xuân trong vườn ngực, dáng hoa lay động,
Mưa nhỏ khắp bầu trời, xanh non nhàn liêu.
Đôi cá chép thảnh thoái truyền tin tức trên sông (4),
Chiếc thuyền nhỏ còn giam hãm tấm thân nơi đất khách !
Sáng nay chính là lúc đau lòng nhất,
Từ khi xa cách đình vi (5) đã qua nửa xuân rồi !

DỊCH THƠ :

*Làm khách vương triều, vượt dặm khơi,
Trong vòng khoa bảng vương mà chơi !
Gió xuân vườn ngực, hoa lay động,
Mưa bụi phượng trời, liêu tốt tươi.
Đôi chép trên sông đưa mảnh thiếp.
Chiếc thuyền đất khách buộc thân người !
Hôm nay chính lúc đau lòng nhất,
Xa cách song thân mấy tháng trời !*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL2 : 國上 quốc thượng.
- 2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 調 diệu.
- 3* TVTL2 : 閣 nhàn ; TTCGLT, NPCKTV 閣 muộn.

CHÚ THÍCH :

- (1) Thiên Trường : tức phủ Thiên Trường xưa, nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh.
- (2) Thượng khách của nước nhà (quốc thượng tần) : Chỉ những người đến dự kỳ thi ở Thiên Trường.

(3) Cả câu này lấy ý từ lời mừng của Đường Thái Tông 唐太宗 khi ông đến thăm những người mời dỗ Tiến sĩ : 天下英雄盡入吾彀中矣 , thiên hạ anh hùng tận nhập ngõ cửa trung hỷ : Tất cả anh hùng trong thiên hạ đều đã vào trong tầm cung của ta.

(4) Nhạc phủ 樂府 có đoạn :

客 從 遠 方 來 ,	Khách tòng viễn phương lai,
送 我 雙 鯉 魚 ,	Đi ngã song lý ngư.
呼 童 烹 鯉 魚 ,	Hô đồng phanh lý ngư,
中 有 尺 素 書 。	Trung hữu xích tố thư.

Khách từ xa đến chơi,
 Cho cá chép một đôi.
 Gọi trẻ mổ cá chép,
 Trong có thư của người.

Về sau người ta dùng điền này để chỉ thư tin.

(5) Đinh vi : Nơi cha mẹ ở, cũng chỉ cha mẹ.

248

村居

THÔN CƯ

數 池 覆 蓋	草 屋 門 中	侵 痘 身 萬	春 風	室 林 勻 上	掩 萍 千 半	入 瓦 篱 存	高，	蓬 莓 入 瓦	高，	驪 重，	驪 重，	薦 高。
書 園 霜 日	樹 門 中 外	病 浮 無 滿		計 名 營 砌	夢 半 存 付	靈 潟 付	可，	蘋 瓦 篱 潟	可，	可，	可，	可，
				砌 太		陶 陶						

Sở duyên thư thất yêm bồng cao,
 Trì thảo viên lâm mộng nhập tao.
 Phú ốc sương quân ^{1*} thiên nga trọng,
 Xâm môn nhật thượng ^{2*} bán ly cao.
 Bệnh trung hoạt ^{3*} kẽ tồn linh dược,
 Thân ngoại phù danh phó trọc giao ^{4*}.
 Vạn sự vô doanh tâm tự khả,
 Xuân phong mãn xέ thái ^{4*} giao giao !

DỊCH NGHĨA :

Ở XÓM

Vài gian nhà học khuất trong lầu lách,
 Cỏ cây bên ao vườn đưa vào hồn thơ.
 Sương phủ trên mái nhà, trù nặng ngàn viên ngói,
 Mặt trời lẩn vào cửa, lên cao tới lưng giậu.

Khi ốm đã có vị thuốc tiên cứu chữa,
 Cái danh hão ở ngoài thân đã có chén rượu đục xoa bỏ.
 Muôn việc chẳng mang, lòng tự thoải mái.
 Gió xuân dày thơm, thú biết bao nhiêu !

DỊCH THƠ :

Vài gian nhà sách khuất chòm lau,
 Hòn thă miền thơ, trước cỏ ao.
 Phủ mái, sương gieo nghìn ngôi nắng,
 Lán hiên, hòng đợi nửa phen cao.
 Ốm đau kẽ sống dành tiên dược,
 Danh hão ngoài thân phó rượu đào.
 Vạn sự mưu chi, lòng tự nhủ,
 Thêm xuân lòng gió, thú bao nhiêu !

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 句 câu.
- 2* TVTL3 : 下 hạ.
- 3* TVTL3 : 話 thoại.
- 4* TTCGLT, TVTL2, TVTL3 : 酒勝 tấu giao.
- 5* TVTL2 : 大 dài.

249

秋夜早起寄洪州檢正

寂	寢	冥	書	齋	意	不	聊
移	移	床	秋	戶	聽	芭	蕉
月	月	殘	錦	巷	鐘	聲	曉
風	風	撼	銅	村	馬	足	驕
騷	騷	骨	欲	青	詩	更	換
病	病	根	未	去	藥	還	澆
呼	呼	童	淨	掃	柴	門	葉
留	留	待	君	來	話	隔	朝

THU DẠ TẢO KHỎI KÝ HỒNG
CHÂU 1* KIỀM CHÍNH

Tịch mịch thư trai ý bất liêu,
 Di sàng thu hộ thính ba tiêu.
 Nguyệt tàn cầm hạng 2* chung thanh
 hiêu,
 Phong hám đồng thôn 3* mã túc kiêu.
 Tao cốt đục thanh thi cảnh hoán,
 Bệnh căn vị khứ được hoàn kiêu.
 Hô đồng tĩnh tảo sài môn diệp,
 Lưu dãi quân lai thoại cách triều.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU DẬY SỚM GỬI KIỀM CHÍNH HỒNG CHÂU. (1)

Thư phòng vắng vẻ tâm trạng bâng khuâng,
 Rời giường đến cửa thu đê nghe tiếng trên tàu chuối.
 Trăng, tàn ngô Gấm (2) chuông mai đã thỉnh,
 Gió lộng xóm Đồng (3) vó ngựa bon bon.
 Thè cách văn chương muôn thanh tao, diệu thơ phải đổi,
 Căn bệnh chưa dứt, thuốc còn phải sắc.
 Gọi trẻ quét sạch lá trước cửa sài (4),
 Chờ ông đến trò chuyện về những ngày hôm trước.

DỊCH THƠ :

*Thư phòng vắng vẻ dạ bâng khuâng,
 Nghe gió ba tiêu, hãy nhích giường.
 Ngô Gấm trăng tàn, chuông lanh lanh,
 Thôn Đồng gió lộng, ngựa băng băng,
 Hồn thơ muôn nhã luôn thay diệu,
 Căn bệnh chưa lành vẫn sắc thang.
 Lá rụng cửa sài kêu trẻ quét,
 Chờ anh câu chuyện dài can trường.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 洋江 *Hồng giang*.
- 2* TTCGLT : 卷 quyền.
- 3* TVTL2, TVTL3 : 封 phong.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Kiêm chính Hồng Châu* (Hồng Châu Kiêm chính) : tức Nguyễn Hán Anh, em đồng hào của tài già.
- (2) *Ngô Gấm* (cầm hàng) : xóm nhà quan.
- (3) *Thôn Đồng* : tên một xóm ở kinh đô.
- (4) *Cửa sài* (sài mòn) : cửa ghép bằng những cành cày nhỏ, chỉ cành nhà thanh bần.

250

秋中病

THU TRUNG BỆNH ^{1*}

蕭	動	轉	淒	清,
天	初	客	子	情。
隆	二	新	進	士,
龜	三	舊	書	生。
少	敢	韓	忠	獻,
多	還	馬	長	卿。
萬	病	人	漸	永,
貯	愁	臥	殘	更。

Tiêu tiêu phong động chuyên thê thanh,
Thiên địa sơ thu khách tử tình.
Long Khanh nhị niên tàn Tiển sĩ,
Kiều tài tam quán cựu ^{2*} thư sinh.
Thiếu niên cảm phụ Hàn Trung Hiển,
Đa bệnh hoàn liên Mã Trường Khanh.
Vạn sự bội nhân ^{3*} tiêu tiệm vĩnh,
Trữ sầu khi ngoa sô tàn canh !

DỊCH NGHĨA:

ỐM VÀO MÙA THU

Gió thổi vi vu, thời tiết chuyển lạnh lẽo,
Trời đất buổi đầu thu, nỗi lòng người đất khách.
Vị Tiển sĩ mới đầu năm Long Khanh thứ hai (¹),
Vốn là thư sinh cũ ở ba quán Kiều tài (²).
Tuổi trẻ đầu dám phụ lòng ông Hàn Trung Hiển (³),
Bệnh nhiều lại càng thương cho Mã Trường Khanh (⁴).
Bao chuyện đều trái với ý người, đêm dài thêm mãi,
Chất chứa mối sầu năm trăn trọc đêm canh tàn !

DỊCH THƠ :

Vi vu gió lạnh, tiết trời hanh,
Trời đất sang thu, khách tranh tình.
Long Khanh năm nào, tàn Tiển sĩ,
Kiều tài quán nọ, cựu thư sinh.
Thiếu niên dám phụ Hàn Trung Hiển,
Đa bệnh càng thương Mã Trường Khanh.
Việc chẳng chiều người, đêm tối mãi,
Chứa sầu ôm gối, đêm tàn canh.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 和病中 *Hòa bệnh trung*.

2* TTCGLT : 宿 túc.

3* TVTL2, TVTL3 : 由人 *do nhân*.

CHÚ THÍCH :

(1) Chỉ năm tác giả thi đậu Tiến sĩ (1374).

(2) *Ba quán kiều tài* (Kiều tài tam quán) : Theo sách *Tây kinh tạp ký* 西京雜記, Công Tôn Hoằng 公孫弘 Tề tướng nhà Hán đã xây dựng ba tòa nhà gọi là Khâm hiền quán 欽賢館 Kiều tài quán 魁材館 Tiếp sĩ quán 接士館 để thu dụng mọi lopnhan tài trong thiên hạ. Ở đây chỉ dính quan Tư đồ Trần Nguyên Đán.

(3) *Hàn Trung Hiến* 韓忠獻 : tức Hàn Kỳ 韓琦 một trọng thần rất có danh vọng được ba đời vua Tống trọng dụng. Ở đây là chỉ Trần Nguyên Đán 陳元旦

(4) *Mã Trường Khanh* (vì niêm luật thơ nên ở phần phiên âm đọc Trường Khanh) : tức Tư Mã Tương Như 馬相如 một nhà văn đời Hán. Khi cho phép Nguyễn Phi Khanh lấy con gái mình, Trần Nguyên Đán đã nêu Tương Như là một tấm gương lập công danh cho Phi Khanh (xem tiêu sử).

251

客 舍

KHÁCH XÁ

淺	把	鷄	兕	獨	自	斟,
羈	縻	動	了	鶴	猿	心。
花	邊	茅	屋	春	長	好,
柳	外	柴	門	客	易	尋。
半	楊	蕉	風	和	午	夢,
一	簾	梅	雨	助	清	吟。
是	非	不	到	閑	憇	几,
睡	起	焚	香	撫	琴。	

Thiên bả nga nhi độc tự châm,
Ky mi động liêu hạc vien tam.
Hoa biên mao ốc 1* xuân trường hảo,
Liêu ngoại sài môn khách dị tầm.
Bán tháp tiêu phong hòa ngọ mộng,
Nhất liêm mai vũ trợ thanh ngâm.
Thị phi bất đáo nhàn song kỷ,
Thụy khởi phản hương phủ tố cầm.

DỊCH NGHĨA :

QUÁN KHÁCH

Nàng be đựng rượu ngan (1) một mình rót uống,
Trong cảnh néo ràng, chanh lòng vượn hạc (2).
Nhà tranh bên khóm hoa, xuân đẹp mãi,
Cửa sài (3) ngoài cội liễu, khách dễ tìm.
Nửa giường gió chuối, giấc trưa êm đềm,
Một rèm mưa mai (4), hồn thơ gợi hứng.
Chuyện hay dở không đến ghế nhàn bên song,
Ngủ dậy, đốt hương vỗ chiếc đàn cũ.

DỊCH THƠ :

Chút rượu nga nhì, mình tự rót,
Buộc ràng, vượn hạc chạnh hồn tim.
Bên hoa am cỏ, xuân càng đậm,
Ngoài liễu phên tre, khách dễ tìm.
Tàu chuối gió ru, trưa lịm giấc,
Rèm song mưa tưới, giọng thơ êm.
Thị phi nào bên bên song, ghế,
Tỉnh dậy châm hương dạo khúc cầm.

HIẾN NAM, TIỀN SƠN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 芳屋 phuơng ốc.

CHÚ THÍCH :

(1) *Rượu ngan* : dịch chữ *nga nhì*. Thơ Đỗ Phủ 杜甫 có câu :

鵝兒黃似酒, Nga nhì hoàng tự tửu,
對酒愛新鵝。 Đối tửu ái Tân nga.

Lòng ngan vàng như rượu,

Nhin rượu yêu ngan con.

Có lẽ từ sau câu thơ này, người ta thường làm nậm rượu hình con ngan.

(2) *Lòng vượn hạc* (hạc viễn tâm) : Loài vượn, hạc thường không ở yên một chỗ, vì vậy người xưa có câu « viễn tâm hạc ý » để chỉ người thích ngao du, không thiết công danh.

(3) *Cửa sài* (sài môn) : Cửa ghép bằng những cảnh cây nhỏ, ý nói cảnh nhà thanh bần.

(4) *Mưa mai* (mai vũ) : Ở vùng sông Trường Giang 長江, sông Tương 湘, hàng năm vào mùa mai chín (khoảng tháng 4 tháng 5), nước thường ngưng động nhiều trên cỏ, rồi bốc hơi thành mưa, cho nên người ta gọi đó là mưa mai.

252

送京師尹阮公
爲行營招討使

釜	中	占	賊	久	逋	誅,
四	海	人	神	怨	憤	俱。
誰	卜	百	年	遺	此	虜,
公	煩	寸	舌	討	狂	胡。
金	戈	鐵	馬	鯨	鮀	沒,
羽	檄	星	鹿	象	兕	驅。
指	日	皇	風	清	絕	域,
大	功	出	任	吾	儒。	

TỔNG KINH SƯ DOĀN NGUYỄN CÔNG
VI HÀNH DOANH CHIỀU THẢO SỨ

Phủ trung Chiêm tặc cửu bô tru,
Tứ hải nhân thần ^{1*} oán phẫn câu.
Thùy bốc bách niên di thử lô ^{2*},
Công phiền thốn thiệt thảo cuồng ^{3*} Hồ.
Kim qua thiết mã ^{4*} kinh nghè một,
Vũ hịch ^{5*} tinh huy tượng hủy khu.
Chỉ nhật hoàng phong thanh tuyệt vực,
Đại công xuất nhậm ^{6*} thuộc ngô nho.

DỊCH NGHĨA:

TIẾN QUAN KINH SƯ DOĀN HỌ NGUYỄN ⁽¹⁾
ĐI NHẬM CHỨC HÀNH DOANH CHIỀU THẢO SỨ ⁽²⁾

Giặc Chiêm Thành như cá trong nồi, trốn tránh tội chết đã lâu,
Người và thần bốn bề thấy đều căm giận.
Ai ngờ đâu trăm năm nay sót lại đám giặc đó,
Ông chịu khó dùng tặc lưỡi đánh bọn rợ ngông cuồng.
Giao vàng ngựa sắt trừ loại cá kinh cá nghè,
Hịch lồng cờ sao đuôi lỗ voi trâu rừng.
Chả mấy chốc gió nhà vua quét sạch cõi xa,
Ra gánh công việc lớn, thuộc về nhà nho ta.

DỊCH THƠ:

Chiêm tặc trong nồi trốn chết lâu,
Thần, dân bốn bề thấy căm thù.
Trăm năm ai biết còn quân giặc,
Tặc lưỡi ông đem dẹp rợ Hồ.
Ngựa sắt giao vàng phanh sáu mập.
Cờ sao hịch vũ đuôi voi trâu,
Oai trời chốc lát miền xa sạch.
Công lớn làm nên thuộc bắc nho.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGTL : 人臣 nhán thàn, TVTL2, TVTL3 : 人民 nhán dân.
- 2* TVTL2, TVTL3 : 處 xù.
- 3* TVTL2 : 群 quan.
- 4* TTCGLT : 甲 giáp.
- 5* TVTL2 : 翼 dực.
- 6* TVTL2, TVTL3 : 用 dung.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Kinh sư doãn* : Còn gọi là Kinh triệu doãn, chức quan đứng đầu kinh sư (tức kinh đô). Quan họ Nguyễn ở đây chưa rõ là ai. Theo ĐVS KTT (Bản kỷ, quyển VIII), năm Nhâm ngọ (1402), Hồ Hán Thương đem quân đi đánh Chiêm Thành, phong Nguyễn Vi làm Chiêu dù sứ, Nguyễn Bằng Cử làm Đồng chiêu dù sứ, phải chăng họ Nguyễn trong bài thơ là chỉ vào một trong hai người này?
- (2) *Hành doanh Chiêu thảo sứ* ; «Hành doanh» là bản doanh ở mặt trận. «Chiêu thảo sứ» là chức trong quân đội vào thời chiến.

253

用鄭生留別韻以別之

春	風	倒	我	醜	醴	瓢,
明	月	隨	君	桂	棹	遙。
親	舍	好	循	溫	清	候,
世	途	甘	卸	利	名	鑾。
雲	山	昨	夢	尋	鄉	里,
湖	海	茲	遊	隔	市	朝。
後	夜	相	思	無	覓	處,
南	雲	翔	雁	正	飄	飄。

DỤNG TRÌNH SINH LƯU BIỆT VẬN
DĨ BIỆT CHI^{1*}

Xuân phong đảo ngã^{2*} lục linh biều,
Minh nguyệt tùy quân quế trao diêu
(dao).

Thân xá hảo tuần ôn thanh hậu,
Thể đồ cảm tả lợi danh tiêu^{3*}.
Vân sơn tạc mộng tầm hương lý,
Hồ hải tư du cách thi triều.
Hậu^{4*} dạ tượng tư vô^{5*} mich xứ,
Nam vân trường nhạn chính phiêu phiêu.

DỊCH NGHĨA :

DÙNG VĂN THƠ LUU BIỆT CỦA TRỊNH SINH (1)
ĐỀ TÙ BIỆT

Gió xuân thổi nghiêng bầu rượu của ta,
Trăng sáng theo mái chèo quẽ của anh mà đi xa.
Trong ngôi nhà của cha mẹ hãy theo thời tiết ấm lạnh (2),
Trên đường đời dành gõ bỏ cái đàm danh lợi.
Giác mộng núi mây ngày trước tìm về quê hương,
Chuyển chơi hồ hải này cách xa thị triều (3).
Đêm mai nhớ nhau không biết tim ở nơi nào,
Nơi đàm mây phia nam, bầy nhạn đang lượn bay phơi phới.

DỊCH THƠ :

Gió xuân dốc rượu tó nghiêng bầu,
Trăng sáng theo anh dẫy mái chèo.
Dưới gối lạnh nồng chăm sóc mài,
Trên đường danh lợi buộc ràng đâu.
Núi mây đêm trước mờ làng xóm,
Hồ hải hôm nay cách thị triều.
Tưởng nhớ đêm sau tìm chẳng thấy,
Trời nam tung cánh nhạn phiêu diêu.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 次韻留別鄭生 *thứ vần lưu biệt Trịnh sinh*,
TVTL2 : 次韻留約鄭生 *thứ vần lưu ước Trịnh sinh*.

2* TVTL3 : 老 *lão*.

3* TVTL1 : 鏑 *ao*.

4* TVTL2 : 深 *thẳm*.

5* TVTL2, TVTL3 : 當 *dương*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Trịnh sinh*: Chưa rõ tiêu sử.

(2) Nghĩa câu này là : hãy quạt nồng ấm lạnh phung đường cha mẹ cho trọn vẹn.

(3) *Thị triều* : chỉ kinh đô.

254

遊 嵩 山

一
回
雨
天
百
半
興
昏
錚
首
後
晴
年
日
去
鍾
山
塵
泉
嵐
浮
年
日
去
鍾
上
埃
聲
氣
世
閑
偷
欲
催
柱
路
流
淨
人
我
僧
掛
雲
隔
峩
涓
夢
皆
亦
院
峰
烟
千
縠
涓
仙
宿
前

DU CÔN SƠN

Nhất cung sơn thượng trụ (1) vân yên,
Hồi thủ tràn ai lộ cách thiên.
Vũ hậu tuyển thanh lưu tốc tốc ^{2*},
Thiên tình lam khi tịnh quyên quyên.
Bách niên phù thế nhàn giai mộng,
Bản nhật thâu ^{3*} nhàn ngã diệc tiên.
Hưng khứ dục lai tăng viện túc,
Hôn chung thôi nguyệt quái phong ^{4*}
tiền.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI CÔN SƠN ⁽¹⁾

Một chiếc gậy chống khói mây trên núi,
Ngoảnh lại chốn bụi bặm, cách xa ngàn dặm.
Sau mưa, tiếng suối chảy ầm ầm,
Trời tạnh, lam chướng sạch lầu lầu.
Cuộc phù thế trăm năm, người người đều như mộng,
Trộm cái nhàn nửa ngày, ta cũng là tiên.
Hưng đã hết, muốn đến chùa nghỉ,
Chuông chiều giục trăng treo trước núi.

DỊCH THƠ :

Chiếc hèo đinh núi, khói mây chen,
Ngoài lại nhân gian, dặm cách nghìn.
Bản bắt sương lam khi nắng tạnh,
Âm ầm nước suối lúc mưa tan.
Trăm năm phù thế, người như mộng,
Nửa buổi thanh nhàn, tờ cũng tiên.
Hưng cạn toan vào tăng viện nghỉ,
Đầu non chuông giục nguyệt treo lên.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2, 3 : 拙 *tru*, cũng đồng nghĩa với 拙 *tru*.
- 2* TVTL1 : 蘭 *lai* *lai*.
- 3* TVTL3 : 浮 *phù*.
- 4* TVTL 2 : 風 *phong*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Côn Sơn* : núi ở xã Chi Ngai, huyện Chi Linh, tỉnh Hải Dương, (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).

255

貧天長府漂過海口遇風

怒	蛟	嘘	霧	艘	船	蹙	蹙
四	月	奔	波	駛	似	龍	，
岸	樹	東	西	旗	拂	掠	
灘	聲	上	下	玉	春	撞	
烟	波	萬	里	丹	心	撞	
風	雨	孤	蓬	緣	寸	，	
不	是	一	宦	鬢	雙		
那	堪	此	日	天	上	去	
				臥	滄	江	

TỰ THIỀN TRƯỜNG PHỦ PHIÊU ^{1*}
QUÁ HẢI KHẨU NGỘ PHONG

Nô giao hư vụ bâ thuyền song,
Tử nguyệt bôn ba khoái ^{2*} tir lung.
Ngạn thu đông tây kỳ phất lược,
Than thanh thượng hạ ngọc thung chàng.
Yên ba vạn lý đan tâm thốn,
Phong vũ có hông lục mấn song.
Bất thị nhất quan thiên thượng khứ,
Na ^{3*} kham thử nhát ngoa thương giang.

DỊCH NGHĨA :

TỬ PHỦ THIỀN TRƯỜNG LÊNH ĐÊNH
RA CỦA BIỂN GẤP GIÓ

Thuồng luồng giận dữ phun mù chao động ngoài song thuyền,
Tháng tư sóng xô nhau đồ nhanh như thác.
Cây bên bờ vung vẩy dọc ngang như cờ,
Tiếng ngoài bãi ầm ào trên dưới như giã gạo.
Khói sóng muôn trùng, một tấc lòng son,
Mưa gió thuyền đơn, hai mái tóc xanh.
Nếu chẳng phải là một chức quan di chầu vua,
Hôm nay đâu chịu nằm ở sông xanh này !

DỊCH THƠ :

Giao long hà khói phả bên mành,
 Đầu hạ lồng lên ngọn sóng kính.
 Cây cối đóng tay cờ lật phát.
 Thác ghèn trên dưới tiếng lan canh.
 Ba dào vạn dặm cơn tim thảm,
 Mưa gió lung thuyềng mái tóc xanh.
 Vì chẳng lai chầu vâng chúc mọn,
 Sông xanh khẽn mát, ngũ sao dành.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : không có chữ 繁 phiêu.

2* TVTL3 : 驛 tri.

3* TVTL2, TVTL3 : 難 nan.

256

九月冰壺相公席上

蓬	蕭	蕭	黑	帽	紗,
隨	曉	入	相	公	家。
人		歲	重	陽	幾,
秋		百	九	月	多。
就		三	應	有	酒,
得		愁	可	無	花。
莞		樂	酬	佳	節,
長		行	發	浩	歌!

CỬU NGUYỆT ^{1*} BẮNG HỒ TƯỚNG
CÔNG TỊCH THƯỢNG

Bồng mấn tiêu tiêu hắc mạo sa ^{2*},
 Tùy phong hiều nhập Tướng công ^{3*} gia.
 Nhán sinh bách tuế trùng dương kỷ,
 Thủ sắc tam phân cửu nguyệt ^{4*} da.
 Tựu giải sầu trung ưng hữu túu,
 Đắc hành lạc ^{5*} địa khả vô hoa.
 Mang nhiên nhất túy thù giai tiết,
 Trường tiếu tây phong ^{6*} phát hạo ca !

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHÍN, TRONG BỮA TIỆC CỦA TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ (1)

Tóc rối bờ phờ trong chiếc mũ sa đen,
 Sáng ngày theo gió vào nhà Tướng công.
 Đời người trăm năm, được mấy tết Trùng dương (2) ?
 Màu sắc ba tháng thu, tháng chín là đậm nhất.
 Trong lúc giải sầu, cần phải có rượu,
 Được nơi vui vẻ, lễ nào không có hoa ?
 Mơ màng say tỉnh, ta lòng giai tiết,
 Cười giòn trước gió tây (3), cất tiếng hát vang.

DỊCH THƠ :

Bờ phờ mái tóc, mũ sa phong,
Theo gió ban mai, yết Tướng công.
Thu sắc ba phần, dồn tháng chín,
Nhân sinh trăm tuổi mấy dương trùng ?
Giải sầu rượu nụ răng nên có,
Hành lạc, hoa kia há lẽ không.
Đáp lại tiết lành say túy lúy,
Cười giòn hát vang trước tây phong.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 月 nhật.
- 2* TVTL2 : 河 hà.
- 3* TTCGLT, TVTL1 : 王 vương.
- 4* TVTL1 : 日 nhật.
- 5* TVTL2, TVTL3 : 東 đông.
- 6* TTCGLT, TVLL1 : 風 song.

CHÚ THÍCH :

- (1) Tướng công Băng Hồ : tức Trần Nguyên Đán.
- (2) Theo *Dịch kinh 易經*, số 9 là tận cùng của số dương. Ngày 9 tháng 9 là hai số dương trùng nhau, do đó người ta gọi ngày tết ấy là ngày tết Trùng dương.
- (3) Theo thuyết Ngũ hành, «tây» thuộc kim, mà kim thi ứng với mùa thu, cho nên «tây phong» ở đây tức gió thu.

送行人杜從周

芥
科
君
我
嶺
湖
丈
一
笑
水
場
今
獨
驛
潮
夫
送
相
春
歷
又
胡
雲
雪
送
別
桂
憶
行
省
豪
開
淨
送
別
秋
遊
去
留
馬
舟
淚
緜

TỔNG HÀNH NHÂN ĐỖ TÒNG CHU

Cần thủy xuân phong quế diện thu,
Khoa trường ^{1*} lịch lịch ức đồng du.
Quân kim hựu ^{2*} tác hành nhân khứ,
Ngã độc hồ ^{3*} vi sảnh thuộc lưu.
Lĩnh ^{4*} dịch ván khai hào khóa mã,
Hồ triều tuyết tịnh ôn đăng châu.
Trương phu tổng ^{5*} biệt hà tu lệ,
Nhất tiếu trong khan phủ khoái hầu ^{6*}.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN QUAN HÀNH NHÂN ĐỖ TÒNG CHU ⁽¹⁾

Gió xuân bến cần, mùa thu cung quế ⁽²⁾,
Còn nhớ như in bạn cùng đi thi nơi khoa trường.
Nay ông lại ra đi làm chức Hành nhân ⁽³⁾,
Riêng tôi ở lại làm thuộc viên của Sảnh.
Trạm Ngũ Lĩnh mây quang, hào hứng lên ngựa,
Mặt Ngũ Hồ tuyết ráo, êm ái xuống thuyền ⁽⁴⁾.
Lúc tiễn biệt, bậc trương phu cần chi rơi lệ,
Chỉ cười nhìn nhau, vỗ vào bao gươm cổ khoai ⁽⁵⁾ là đủ.

DỊCH THƠ :

Cần thủy tin xuân, quế Quảng Hàn,
Khoa tràng nhớ lại nghĩa kim lan.
Hành nhân mừng bác đang đi tôi,
Sảnh thuộc, sao mình vẫn ở yên ?
Lên ngựa khi mây Mai Lĩnh mở,
Xuống thuyền lúc tuyết Động Đinh tan.
Trương phu khi khái nhòn ly biệt,
Vỗ vỏ gươm cười cởi tấm gan.

KHẢO ĐỊNH:

- 1* TVTL2, TVTL3 : 斜陽 tà dương.
 2* TVTL1 : 有 hữu.
 3* TVTL3 : 何 hè.
 4* TVTL3 : 頻 tần.
 5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 此 thứ.
 6* TVTL2, TVTL3 : 真丈夫 chân trượng phu.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Đỗ Tòng Chu* : chưa rõ là ai.
- (2) *Bến cù...* mùa thu cung quế (Cần thủy... quế điện thu) : *Bến cù* : xem chú thích số 4 bài *Dữ Chương Giang* đồng niên *Trương đại học...*; *Mùa thu cung quế* : xtra khoa thi hương mở vào mùa thu. Và theo truyền thuyết thì trên cung trăng có cây quế. Do đó nói bể cảnh quế ở cung trăng vào mùa thu cũng tức là nói việc đi thi. Ý câu thơ này là : từng cùng nhau đậu khoa thi hương, từng cùng nhau vào trường Quốc tử giám.
- (3) *Hành nhân* : chức quan trong sứ bộ đời xưa.
- (4) *Ngũ Linh, Ngũ Hồ* : những cảnh các sứ giả hay nhắc đến.
- (5) *Võ bao gươm cỏ khoai* : (phù khoái hầu) : *Mạnh Thường Quân truyện* 盧嘗君傳 chép rằng : Phùng Hoan 馮驥 nhà rất nghèo, chỉ có một thanh gươm, vỏ gươm bên bằng cỏ khoai là thứ cỏ dại. Nhưng Phùng Hoan có nhiều mưu trí, giúp Mạnh Thường Quân giải quyết nhiều việc khó khăn. Ý câu thơ này là chúc Đỗ Tòng Chu hoàn thành sứ mệnh.

258

喜學士陳若虛自乂安至

桃	花	浪	泛	暖	青	春
湖	海	風	流	却	羨	陳
老	我	一	官	閉	草	詔
壯	君	萬	里	遠	辭	親
暮	雲	自	豁	相	恩	地
夜	月	放	途	久	別	人
憂	國	正	須	吾	輩	事
憑	渠	為	說	以	安	民

HÌ HỌC SĨ TRẦN NHƯỢC HU^{1*}
TỰ NGHỆ AN CHÍ.

Đào^{2*} hoa lăng phiếm noãn^{3*} thanh xuàn.
 Hồ hải phong lưu khước tiên^{4*} Trần.
 Lão ngã nhất quan nhàn thảo chiếu.
 Tráng quân vạn lý viễn từ thân.
 Mộ ván tự khoát^{5*} tương tư địa.
 Dạ nguyệt hàn phùng cửu biệt sỹ.
 Ưu^{6*} quốc chinh tu ngò bối sỹ,
 Bằng cù vị thuyết Nghệ An dân.

DỊCH NGHĨA :

MÙNG HỌC SĨ TRẦN NHƯỢC HU TỪ NGHỆ AN ĐẾN (1)

Trên sóng hoa đào ấm áp (1), khách xuân xanh thả thuyền,
 Người hồ hải phong lưu, ta hàn mộ họ Trần (2).
 Già đời, ta là một chúc quan nhàn ngồi thảo chiếu,
 Mạnh thay, anh đi xa muôn dặm từ biệt song thân.
 Mây chiếu (3) tự mỏ rộng, đó là nơi cung mong nhớ,
 Trăng đêm nay như hàn hoán, đây là người cách biệt đã lâu.
 Lo việc nước chinh là phận sự của bọn chúng ta,
 Nhờ ai nhẫn nhủ điều đó với dân Nghệ An.

DỊCH THƠ :

Sóng đào ấm dịu thả thuyền xuân,
 Hồ hải phong lưu nhất họ Trần.
 Già tờ một quan nhàn thảo chiếu,
 Mạnh anh muôn dặm vội từ thân.
 Mây chiếu lớn voblin tình thân hữu,
 Trăng tối chia vui gấp cố nhân.
 Lo nước, bọn ta cùng phản sự,
 Nhờ ai nhẫn nhủ Nghệ An dân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 程若虛 Trình Nhược Hu và chủ thích 原姓陳 nguyên tính Trần ; nghĩa là : Nguyên họ Trần ; TVTL1 : 張若虛 Trương Nhược Hu.

2* TVTL1 : 插 tháp.

3* TVTL1 : 暖 泛 lǎng noǎn phiếm ; TVTL3 : 浪冷煥 lǎng lěng huǎn.

4* TVTL3 : 蔡 tảo.

5* TVTL1, TVTL2 : 闕 khoát.

6* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 愛 ái.

CHÚ THÍCH :

(1) *Sóng hoa đào* (đào hoa lǎng) : Theo sách *Tam Tân ký* 三秦記, tại bến Long Môn ở sông Hoàng Hà khi nổi sóng hoa đào thì có bày cá chép nhảy cao, và con nào vượt được Long Môn thì hóa rồng. Thời sau dùng điều này chỉ việc sĩ tử thi.

(2) *Họ Trần* : tức Trần Đăng 陳登, sống vào thời Đông Hán, nổi danh là một kẻ phong lưu. Ở đây tác giả vi Nhược Hu như Trần Đăng.

(3) *Mây chiếu* (mây vân) : Thơ Đỗ Phủ 杜甫 nhớ Lý Bạch 李白 có câu 渭北春天樹, 江東日暮雲. Vì Bắc xuân thiên thu, Giang Đông nhật mây vân : Cây xuân mòn Vị Bắc ; Mây chiếu đất Giang Đông. Chữ « mây vân » được người sau đưa vào thơ để nói nỗi nhớ nhung của bạn bè khi xa cách nhau.

送太中大夫黎庸齋北行

香常寇，張路鄉了，
邦異借煩長異對吾
越出惟重清聽專佐
物青靈者水風臺禹
人藍生使秋春南夢
家也郡重中上何歸
黎公一九匣馬早經

TỔNG THÁI TRUNG ĐẠI ^{1*} PHU LÊ DUNG TRAI ^{2*} BẮC HÀNH

DỊCH NGHĨA:

TIỀN QUAN THÁI TRUNG ĐẠI PHU LÊ DUNG TRAI (1)
ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC.

Người họ Lê là hương thơm nước Việt,
Ông là người vượt lên khác thường trong đám lam thanh (2).
Dàn trong một quận chỉ xin cho mượn họ Khấu ở lại (3),
Nhưng sứ giả của triều đình lại phải phiền đến họ Trương (4).
Nước mùa thu trong hộp (5) quét sạch bụi đường trường.
Gió xuân trên mình ngựa mặc sọc ruồi rong nơi đất khách.
Hãy sớm đến Nam Đài (6) để làm việc chuyên đổi (7) cho chu tất,
Khi trở về đem tài năng của Quí, Vũ (8) phò tá vua ta.

DICH THO'

Nước Việt, dòng Lê sực nước hương,
Lam thanh xuất hiện dũng phi thường.
Sinh linh khắp quận lưu ông Khấu,
Sứ giả nhà vua ủy họ Trương.
Trong hộp nước thu trữ đậm thăng,
Gió xuân mình ngựa thoi tha hương.
Nam Đài sớm trỗi tài chuyên đổi,
Qui, Vũ khi về giúp thành vương.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL3 : 文 trương.
- 2* TVTL2 : không có chữ Dung Trai ; TVTL3 chép tên là 黎庸有 Lê Dung Hữu.
- 3* TVTL3 : 初 sơ.
- 4* TTCGLT : 鄉 hương.
- 5* TVTL1 : 獨 độc.
- 6* TVTL2, TVTL3 : 厲 triền.
- 7* TTCGLT : 香 hương.
- 8* TVTL3 : 後 hậu.
- 9* TTCGLT : 徑 归 變 , 卽 kinh qui Qui, Vũ ; TVTL2 : 輕 軟 變 , 稔 khinh khinh Qui, Tác.

CHÚ THÍCH :

- (1) Lê Dung Trai : chưa rõ là ai.
- (2) Lam thanh : màu lam và màu xanh. Khuyên học, Tuân tử 劝學, 苟子 có câu : 青 取 之 於 藍 而 青 於 藍, Thanh thủ chi ư lam nhì thanh ư lam : Mầu xanh là lấy từ mầu lam ra, nhưng lại xanh hơn mầu lam. Về sau, câu này được diễn đạt lại trong thành ngữ 青出於藍 thanh xuất ư lam : màu xanh từ mầu lam mà ra ; đề ngũ ý học trò do thầy đào tạo nên, nhưng vẫn có thể giỏi hơn thầy.
- (3) Mượn họ Khâu (tả Khâu) : Đây chỉ Khâu Tuân 恽恂, người thời Đông Hán. Theo sách Hán thư 漢書 Khâu Tuân từng làm quan ở quận Định Xuyên. Khi Khâu Tuân được Hán Quang Vũ 漢光武 thăng chức và triều về kinh đô, thi dân chúng và nhà lại quận Định Xuyên làm tò sở tàu vua xin cho mượn ông Khâu ở lại địa phương mình một năm nữa.
- (4) Họ Trương : Đây chỉ Trương Khiên 張騫 người đời Hán nhiều lần được vua nhà Hán cử đi sứ các nước Tây vực và đều hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.
- (5) Nước mùa thu trong hộp (hộp trung thu thủy) : chưa rõ xuất xứ.
- (6) Nam Đài : chỉ nơi đóng đô của nhà Minh.
- (7) Chuyển đổi : Chữ trong sách Luận ngữ 論語 chỉ việc đổi dấp của người đi sứ.
- (8) Qui, Vũ : Hai bồ tôi giỏi của vua Thuấn 辜.

260

奉賡冰壺相公
寄贈杜中高韻

PHUNG CANH BĂNG HỒ TƯỚNG ^{1*}
CÔNG KÝ TẶNG ĐỘ ^{2*}
TRUNG CAO VẬN

城	中	幾	度	翻	炎	涼
漫	送	悠	悠	歲	月	，
散	質	豈	堪	便	世	長。
嬌	心	羞	把	如	時	用，
寒	松	晚	菊	淵	明	粧。
獨	樹	狐	村	子	美	徑，
賢	相	儻	憐	門	堂。	
肯	容	群	憐	士，		

Thành trung kỷ độ đầu viêm ^{3*} lương,
Mạn tống du du tuế nguyệt trường.
Tán chất khởi khâm tiên thế dụng,
Kiều ^{4*} tâm tu bả đố ^{5*} thời trang.
Hàn tùng văn ^{6*} cúc Uyên Minh kinh,
Độc thụ cô thôn Tử Mỹ đường.
Hiền tướng thắng lán ^{7*} môn hạ sĩ,
Khẳng dung quần ^{8*} tác bạch đầu lang.

DỊCH NGHĨA :

**PHỤNG HÓA BÀI THƠ CỦA TƯỢNG CÔNG BẮNG HỒ
GỬI TẶNG ĐỖ TRUNG CAO (¹)**

Mấy độ nơi kinh kỳ ganh đua thói đời ấm lạnh,
 Hừng hở đưa qua năm dài tháng rộng.
 Tính chất nhàn tản, làm sao nhanh nhều hầu hạ thế gian được ?
 E lệ thưen thùng, không dám diễm trang lộng lẫy.
 Tùng già cúc muộn, vườn cũ Uyên Minh (²),
 Xóm lẻ cây đơn, căn nhà Tử Mỹ (³).
 Bậc hiền tướng có lòng thương yêu kẻ sĩ dưới trường,
 Thị xin cứ đề cho làm quan Lang bắc đầu (⁴).

DỊCH THƠ :

Nóng lạnh ganh đua thói thị thành,
 Tháng năm dẵng đặc tiễn cho nhanh.
 Chất nhàn phá vỡ lòng khiên luy,
 Nết đẹp màng chi bả lợi danh.
 Xóm lẻ cây đơn, nhà Tử Mỹ,
 Cúc già thông rét, luống Uyên Minh.
 Vì chặng hiền tướng thương môn hạ,
 Xin đề quan Lang tóc trắng tình.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL1, TVTL2, không có chữ 相 tương.

2* TTCGLT, TVTL1 : 村 thôn.

3* TVTL3 : 犄 tiêm.

4* TTCGLT : 驕 kiêu.

5* TVTL1 : 脱 đầu.

6* TVTL3 脱 thoát.

7* TVTL2 翳 lán.

8* TTCGLT : 辨 biện.

CHÚ THÍCH :

(1) *Đỗ Trung Cao* : chưa rõ là ai.

(2) *Uyên Minh* : Túc Đào Tiềm 閔潛, một nhà thơ lớn vào đời Tấn, tác giả bài từ nổi tiếng *Quí khú lai*.

(3) *Tử Mỹ* : Túc Đỗ Phủ 杜甫, nhà thơ lớn đời Đường.

(4) *Lang* là một chức quan nhỏ. Kẻ sĩ xưa, ai có tài mà không được trọng dụng, cứ làm quan Lang đến già, người ta gọi là quan Lang bắc đầu.

謝冰壺相公賜馬

旱驪長空伯王東希歲黃途谷伯王東希才偶每何樂良風冀深名辛恨心邊內快踏懷泛駿加受頻驅天路，羈圖鞭繫賞識知。不羈披策維驅，羈圖鞭策。

TẠ BẮNG HỒ TƯỚNG CÔNG TÚ MÃ

Tảo tuế tài danh phiếm ^{1*} bất kỵ,
Ly, hoàng ngẫu hạnh tuấn đồ phi.
Trường đồ mỗi hận gia tiên sách,
Không cốc hà tâm thụ trấp duy.
Bá Nhạc cứu biên tần thưởng thức,
Vương Lương phạm nội ^{2*} cảnh khu tri.
Đông phong khoái đạp triều thiên lộ,
Hy ký thâm hoài đáp sở tri.

DỊCH NGHĨA :

TẠ ƠN TƯỚNG CÔNG BẮNG HỒ (1) CHO NGỰA

Thuở trẻ, mang tính buông thả như ngựa bất kỵ (2),
Chẳng cù ngựa đen, ngựa vàng (3), may được con tuấn mã như trong
tranh (4).

Trên đường dài, thường giận người gia roi quất,
Trong hang trống, lòng nào chịu sự ràng buộc (5) !
Bên tàu ngựa Bá Nhạc (6), nhiều lần được khen ngợi,
Trong khuôn phép Vương Lương (7), càng gắng sức ruồi rong.
Đạp bước nhaph trên đường chầu trời trong gió xuân,
Thẩm sâu trong lòng sự mong mỏi đèn ơng tri ngộ.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT, NPKTV : 疋 phap.

2* TVTL2, TVTL3 : 下 ha.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tướng công Băng Hồ* : tức Trần Nguyên Đán, ông nhạc của tác giả.
- (2) *Ngựa bất kỵ* : ngựa hay, khó kìm giữ. Thường dùng để chỉ những người có tài chất không ràng buộc được. Bài *Báo Nhậm Thiếu Khanh thư* của Tư Mã Thiên có câu : *Bộc thiêu, phụ bất kỵ chi tài : tối lục trẻ, mang tính như ngựa bất kỵ.*
- (3) Sách *Lịch tử* có kể chuyện : xưa có ông vua sai người đi mua ngựa chạy giỏi, dặn mua ngựa đực và màu đen. Người được sai mua về một con ngựa cái, màu vàng. Vua giận lắm. Người ấy nói : mua ngựa, chỉ cần mua cho được ngựa chạy nghìn dặm (thiên lý mã), chứ kè gì giống ngựa, màu ngựa !

- (4) Thơ Bạch Cư Dị có câu : Mục Vương bát tuấn thiên mã câu, hậu nhân ái chi tả vi đồ : Tám con tuấn mã của Mục Vương (nhà Chu) như ngựa nhà trời, người sau yêu chúng về thành tranh. Về sau có câu : Án đồ sách tuấn : theo bản vẽ mà tìm ngựa hay. Từ đó, lại có nghĩa rộng là tìm người giỏi trong thiên hạ.
- (5) Thơ Bạch câu trong Kinh Thi có đoạn : Kiều kiều bạch câu, thực ngã trường miêu ; Tráp chi duy chí, dĩ vĩnh kim triều : Ngựa bạch câu trắng toát, hổ ăn bùi cỏ non của ta ; ta buộc mày ta cột mày, để buổi sáng được kéo dài. Ý đoạn thơ nói việc yêu quí kẻ tài giỏi, muốn giữ họ để giúp việc. Nguyễn Phi Khanh dùng điều này để gửi gắm tâm sự và ngỏ ý biết ơn Tướng công Băng Hồ. Những điều dùng ở những câu dưới cũng với ý ấy.
- (6) Bá Nhạc tức Tôn Dương, người đời Tần Mục Công, có tài xem tướng ngựa. Hán Dũ từng nói : Bá Nhạc nhất quá Ký Bắc chí đã nhi mã quân toại không : Bá Nhạc vừa qua đồng Ký Bắc mà dân ngựa đã bị chọn quang. Ở đây, tác giả muốn đến cái nhìn sắc sảo của Tướng công Băng Hồ đối với người có tài.
- (7) Vương Lương : tức Tôn Vô Chinh, người đời Xuân Thu, giỏi điều khiển ngựa. Hai câu cuối của bài thơ, tác giả muốn nói được người biết đến tài thì người có tài không những làm hết sức mà còn biết ơn.

262

和朱翰林未央早朝

高	閻	纏	開	夜	漏	乾	,
九	天	宮	闕	峭	輕	寒	。
雲	開	瑞	日	坤	坤	曉	,
春	布	仁	雨	露	寬	寬	。
董	賈	彬	揚	殿	陞	陞	,
夔	龍	楚	集	朝	端	端	,
華	袍	杰	群	公	後	後	,
願	鑾	綴	効				官

HỌA CHU HÀN LÂM VỊ ƯƠNG
TẢO TRIỀU ^{1*}

Cao các tài khai dạ lâu can,
Cửu thiên cung khuyết tiểu khinh hàn.
Vạn khai thuy nhạt càn khôn hiều,
Xuân bố hoàng nhân vũ lộ khoan.
Đồng, Giả bàn bản dương diện bệ,
Qui, Long sở sở tập triều đoan.
Hoa ^{2*} bào thiêm ^{3*} xuyết quần công
hậu,
Nguyễn khánh quyên ai hiệu nhất quan.

DỊCH NGHĨA :

HỌA BÀI THƠ VÀO CHẦU VUA LÚC TRỜI CHƯA SÁNG
CỦA QUAN HÀN LÂM HỌ CHU

Gác cao vừa mở, đồng hồ nước qua đêm đã cạn,
Cung khuyết chín tầng khi trời lành lạnh.
Mây mờ ngày lành, bầu trời hừng sáng,
Xuân gieo đức vua, mưa móc rộng khắp.

Họ Đồng, họ Giả (1) tài năng, được nêu nơi điện bệ,
Ông Qui, ông Long (2) uy nghi, đầu mối chốn triều đình.
Tư them mang áo bào đẹp đứng sau các ngài,
Nguyễn dốc tài mọn làm hết chức vụ của mình.

DỊCH THƠ :

Gác tia đồng hồ giọt cạn giòng,
Khi dà lạnh lạnh thấu hoàng cung.
Đất trời mây rạng mừng ngày tốt,
Mưa móc xuân về tưới thành công.
Trời điện dập dìu tài Đồng, Giả,
Trong triều rực rõ vẻ Qui, Long.
Thẹn mình cũng dị hàng trâm hốt,
Nguyễn gắng công lao khôi phu lòng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 chép đầu bài : 和翰林朱明早朝 họa Hán lâm Chu minh tảo triều.

2* TVTL1 : 軒 ngoa, TVTL2 : 斡 cân.

3* TVTL1 : 慮 thiêm.

CHÚ THÍCH :

(1) Đồng, Giả : Đồng là Đồng Trọng Thư 董仲舒, một học giả nổi tiếng đời Hán Võ Đế 漢武帝, Giả tức Giả Nghị 賈誼, một nhà chính trị và nhà văn xuất sắc đời Hán Văn Đế 漢文帝.

(2) Qui, Long : hai vị hiền thần đời vua Thuần 素.

村居感事寄呈冰壺相公

稻畦千里赤如燒，
田畝千尋嗟意聊。
后土山河露正滌，
皇天雨網膏脂半已消。
吏胥民命把新賦，
天子皇恩只如今。
天子皇恩只如今。

THÔN CƯ CẢM SỰ KÝ TRÌNH^{1*}
BẮNG HỒ TƯỚNG CÔNG

Đạo huề thiên lý xích như thiêu,
Điền dã hưu ta ý bất liêu ?
Hậu thô sơn hà phuong địch địch,
Hoàng thiên vũ lộ chính thiều !
Lại từ vồng cỗ hồn đa kiệt,
Dân mệnh cao chi^{2*} bán dĩ tiêu,
Hảo bả tân thi đương tấu độc,
Chỉ kim ngoa bệnh vị nǎng triều.

DỊCH NGHĨA:

Ở QUÊ XÚC ĐỘNG TRƯỚC SỰ VIỆC XÂY RA,
GỬI TRÌNH TƯỚNG CÔNG BẮNG HỒ⁽¹⁾

Ruộng nương nghìn dặm đỏ như cháy,
Đồng quê than van, không biết trông cây vào đâu ?
Non sông của Hậu thô⁽²⁾ đang nứt nẻ,
Mưa móc của Hoàng thiên⁽³⁾ hãy còn xa vời !
Lưỡi tham quan lại vơ vét hết kiệt,
Mồ màng của dân đã cạn mất nửa.
Xin đem bài thơ mới này thay cho tờ tấu,
Hiện nay đang nằm trên giường bệnh chưa thể đến chầu được.

DỊCH THƠ:

Mênh mông đồng lúa đỏ như thiêu,
Ngoài nội kêu than xiết nỗi sầu.
Đải đất non sông khô đến thế.
Từng trời mưa móc vắng làm sao !
Lưỡi tham quan lại vơ hầu kiệt,
Mạch sống dân gian cạn mõ dầu.
Thơ mới này xin thay biểu tấu,
Vì đang nằm bệnh chửa về chầu.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTLI : không có chữ 星 trình.

2* TTCGLT : 脂膏 chi cao.

CHÚ THÍCH :

- (1) Tướng công Băng Hồ : tức Trần Nguyên Dán 陳元旦.
- (2) Hâu thồ : thần đất.
- (3) Hoàng thiên : trời.

264

客路

生離	世襟	堪	賤	丈	夫,
日雪	況	帶	淚	痕	枯。
天江	霽	嶺	冥	投	館,
明萬	地	州	曙	戒	途。
	山	容	斯	道	捨,
	時	外	此	身	孤。
	里	效	毫	分	補,
		辭	我	僕	痛。

KHÁCH LỘ

Sinh thế na kham tiện trượng phu,
Ly khâm nhẫn đói lệ ngàn khô.
Nhật tràm Kiến Lĩnh minh^{1*} đầu quán,
Tuyết tê Trường Châu thụ giới đồ.
Thiên địa vị dung tư đạo xã,
Giang sơn khẳng ngoại thủ thân cô.
Minh thời tháng^{2*} hiệu hào phân bô^{3*},
Vạn lý ninh từ ngã bộc phu.

DỊCH NGHĨA :

ĐƯỜNG KHÁCH

Sông trên đời chịu sao được tiếng trượng phu hèn,
Vạt áo chia ly đành mang theo ngắn lè khô.
Mặt trời lặn trên Kiến Lĩnh⁽¹⁾, nhà nhem tìm quán trọ,
Tuyết ráo đất Trường Châu⁽²⁾, tảng sáng dày dò đường.
Trời đất chưa nỡ đê đạo này bị xóa bỏ,
Non sông cũng chưa bỏ ra rìa tấm thân cô đơn này.
Vì chẳng có găng gỏi bảo đáp được mảy may nào cho đời thịnh,
Đường đi vạn dặm, dù thày tờ mệt nhoài, đâu dám từ nan.

DỊCH THƠ :

Tiếng trương phu hèn, đâu có chịu,
Ra đi, vặt áo lê khô còn.
Bóng chìm Kiến Lĩnh, đêm tìm tro,
Tuyết ráo Trường Châu, sáng lại bon.
Trời đất lẽ đâu mang đạo bồ,
Giang sơn nào nỡ đe thân đơn.
Mây may mong báo đời minh thánh,
Muôn dặm gian lao bước dám chồn.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 真 chí.

2* TVTL3 : 肯 khẳng.

3* TTCGLT : Ba chữ sau cùng 分毫補 *phân hào bồi*.TVTL2 : cả câu 休明欲效毫分補 *Hưu minh dục hiệu hào phân bồi*.

CHÚ THÍCH : (1) (2) : Kiến Lĩnh, Trường Châu : Chưa rõ ở đây tác giả muốn chỉ vùng nào ?

265

昌符元年冬，余自藥
 溪寓于城南客舍，感
 今念昔，因成八句，奉
 簡司刑大夫杜公，兼
 簡諸同志

容長亂城新往早鬼
 途向後中愁事晚章
 風丹交旅滾悠朝
 雪霄遊泊滾悠朝
 歲掛非到憑付將賀
 深心昔今送尋問
 更寸復如誰夢好生
 過如誰夢好生擒？

XƯƠNG PHÙ NGUYÊN NIÊN ĐÔNG,
 DU TỰ NHỊ KHÊ NGỤ VŨ THÀNH
 NAM KHÁCH XÁ, CẨM ^{1*} KIM NIỆM
 TÍCH, NHÂN THÀNH BÁT CÚ, PHUNG
 GIẢN TU HÌNH ĐẠI PHU ĐỒ CÔNG,
 KIÊM ^{2*} GIẢN CHU ^{3*} ĐỒNG CHÍ

Khách đồ phong tuyết tuế canh thâm,
 Trường hướng đan tiêu ^{4*} quái thốn
 tâm.

Loạn hậu giao du phi phục ^{5*} tích,
 Thành trung lữ bạc đáo nhu cầm (kim) !
 Tân sầu cồn cồn băng thùy tổng ?
 Vãng sự du du phó mộng tầm.
 Tảo văn hồi triều tương hảo văn,
 Quỷ Chuong hà nhật hạ sinh cầm.

DỊCH NGHĨA :

MÙA ĐÔNG NĂM XƯƠNG PHÙ THỨ NHẤT ⁽¹⁾, TÔI TỪ NHỊ
KHÊ ĐẾN NGỰ TẠI NHÀ KHÁCH Ở PHÍA NAM THÀNH, CẢM
NAY NHỚ XƯA, NHÂN LÀM TÁM CÂU THƠ GỬI QUAN TƯ
HÌNH ĐẠI PHU ĐỒ CÔNG VÀ NHỮNG BẠN ĐỒNG CHÍ

Đường khách đầy gió tuyết, mà năm lại gần hết,
Luôn hướng về phía trời hồng mà gửi tấm lòng ⁽²⁾.
Sau cơn loạn lạc, bạn bè chẳng còn như trước,
Trong thành, dừng chân nơi quán trọ đến hôm nay !
Nỗi buồn mới cuồn cuộn, biết nhờ ai đây lùi ?
Chuyện xưa kia dài dằng dặc, mặc giấc chiêm bao tìm đến.
Nay mai vào triều sẽ hỏi những tin tốt lành,
Chừng nào thì được chúc mừng việc bắt sống Quỷ, Chương ⁽³⁾ ?

DỊCH THƠ :

*Đường trường gió tuyết sắp qua năm,
Xin hướng trời hồng gửi trái tim.
Sau loạn, bạn bè xa thuở trước,
Trong thành, lưu lạc cảm đương kim.
Mỗi sầu cuồn cuộn nhờ ai đẹp,
Việc trước xa xôi để mong tìm.
Sớm muộn về chầu thăm hỏi tôi,
Quỷ, Chương mừng bắt phỏng bao lăm.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 摳 phủ.

2* TVTL2 : không có chữ 兼 kiêm.

3* TVTL1 : không có chữ 諸 chư.

4* TVLL2 : 良宵 luong tieu ; TVTL3 : 長宵 trường tiều.

5* TVTL3 : 摳 phủ.

CHÚ THÍCH :

(1) Xương Phù : Niên hiệu của vua Trần Phế Đế 陳廢帝 (1377—1388).

(2) Trời hồng (Đan tiều) : chỉ noi vua ở.

(3) Quỷ, Chương : Tướng cầm đầu nhóm quân chống lại triều đình nhà Tống.

九月村居獨酌

CỬU NGUYỆT^{1*} THÔN CƯ
ĐỘC CHƯỚC

村 欲 荒 政 龍 鄭 萬 了
 醉 酣 把 徑 園 山 譚 事 知
 酣 酣 幽 人 雨 後 會 邊 事
 酣 酣 行 勒 知 會 悠 悠
 龜 懷 人 菊 知 何 悠 悠
 龜 懹 行 菊 知 何 悠 悠
 自 更 秋 菊 知 何 悠 悠
 談 同 色 花 知 何 悠 悠
 詩 誰 少 遲 何 悠 悠
 詩 誰 少 遲 何 悠 悠

Thôn giao^{2*} chước bãi tự đàm thi,
 Dục bả u^{3*} hoài cảnh hướng thùy?
 Hoang kinh nhân hành thu^{4*} sắc thiều,
 Cố viên vū lặc cúc hoa trì.
 Long Sơn hậu hội tri hè nhật?
 Bành Trạch qui tâm tối thủ thi^{5*}.
 Vạn sự du du phiên^{6*} nhất túy,
 Liễu tri thân đáo Phượng Hoàng trì.

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHÍN, Ở XÓM QUÊ NHÀ UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Rượu quê rót cạn, một mình ngâm thơ,
 Muốn giải nỗi lòng sâu kin, biết nói cùng ai ?
 Trên lối đi hoang rậm, sắc thu đã phai,
 Trong vườn cũ ít mưa, hoa cúc nở muộn.
 Sau cuộc họp Long Sơn (1), biết ngày nào nữa ?
 Lòng về Bành Trạch (2), chính lúc này đây !
 Muôn việc triền miên, dành một cuộc say,
 Mới biết thân này đã đến ao Phượng Hoàng (3) !

DỊCH THƠ :

Rượu quê rót với tư ngâm thơ,
 Biết tỏ cùng ai nỗi tóc to.
 Lối cũ người đi, thu sắc nhạt,
 Vườn xưa mưa ít, cúc hoa thưa,
 Long Sơn hội mở, còn thăm thẳm,
 Bành Trạch lòng về, những vẫn vơ.
 Man mác việc đời say trút sạch,
 Minh vè; ao Phượng vẫn trong mơ.

KHẢO ĐỊNH:

- 1* TTCGLT : 日 *nhat*.
 2* TVTL1 : 林膠 *lâm giao*; TVTL2, TVTL3 : 村膠 *thôn giao*.
 3* TVTL1 : 胸 *hung*.
 4* TVTL2 : 殘 *tan*.
 5* TVTL2 : 期 *ký*.
 6* TTCGLT, TVTL2 : 搞 *nhuồng*, TVTL1 chú thích : - 作 搞 *nhất tắc nhuồng*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Long Sơn* : Tên một quả núi ở Trung Quốc. Theo *Tán thư* 晉書, trong cuộc hội yến tại núi Long Sơn vào ngày mồng 9 tháng 9 (tức vào tiết trung thu) do Hoàn Ôn 桓溫 chủ trì, một người giữ chức Tham quân của Hoàn Ôn là Mạnh Gia 王嘉 say rượu quá, đến nỗi gió thổi bay mất mũ mà không biết. Cử tọa đều cười vui bắt Gia làm một bài phú về việc này.

(2) *Bành Trạch* : noi Đào Tiềm 陶潛, một nhân vật sống vào đời Tán ở ân, ông có bài *Quí khú lai tú* 歸去來辭 nổi tiếng.

(3) *Ao Phượng Hoàng* (*Phượng Hoàng tri*) : Theo *Tán thư* 晉書, «Ao Phượng Hoàng» là tiếng người đời sau dùng để chỉ tòa Trung thư, một cơ quan trọng yếu.

267

秋日曉起有感

鍾櫳後，中葉鴻我東。
曉窓眠坐落征如大。
醒射欹兀看數何賦。
疎影枕香愁淚道編。
疎秋擁焚掃灑世遺。
夢含懷事外邊呼撫。
殘日客心庭天鳴三。

THU NHẬT HIỀU KHỎI HỮU CẨM

Tàn mộng sơ sơ tĩnh hiều ^{1*} chung,
Nhật hàm thu ảnh xạ song lung.
Khách hoài ửng chầm y miên hậu,
Tâm sự phần hương ngọt tọa ^{2*} trung.
Định ^{3*} ngoại tảo sầu khan ^{3*} lạc diệp,
Thiên biến sai ^{5*} lệ sở chinh hồng.
Ô hô thế đạo hà như ngã ?
Tam phủ di biến phủ *Dai đồng* !

DỊCH NGHĨA :

NGÀY THU SÁNG DẬY CẢM XÚC NÊN THƠ

Chuông sớm xa xa, tĩnh giác mộng tàn,
 Mặt trời ngậm bóng thu, dọi vào song cửa.
 Nỗi lòng đất khách, sau giặc nghiêng gối nằm ngủ,
 Một bầu tâm sự, trong khi đốt hương ngồi ngày.
 Ngoài sân xem lá rụng quét sầu,
 Đêm chim nhạn bên trời, rơi từng giọt lệ,
 Than ôi ! Cuộc đời như vậy, ta biết tình sao đây ?
 Ba lần vỗ sách cũ mà ngâm thơ *Đại đồng* (1). !

DỊCH THƠ :

Mộng tĩnh bằng khuang rộn tiếng chuông,
Nắng thu lấp lánh chiếu qua song.
Bồi hồi ngủ dậy sầu ôm gối,
Man mác ngồi im lặng đốt hương.
Sân trước quét sầu, nhìn lá rụng,
Trời xa ngắn lệ, đêm chim hồng.
Than ôi, thế sự nên sao đặng ?
Thơ cũ ba lần đọc Đại đồng !

BÙI VĂN NGUYỄN

KHẢO ĐÍNH :

- 1* HTTVVN : 晚文。
- 2* TVTL2, TVTL3 : 座toa.
- 3* TVTL3 : 唢bào.
- 4* TYLT2 : 有hữu.
- 5* TTGGLT, TVTL2, TVTL3 : 腸cách.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đại đồng* : tên một bài thơ trong phần Tiêu nhã của *Thi kinh 小雅詩經*. Nội dung bài thơ là chỉ trích thời loạn.

治阮家陵

BẠC NGUYỄN GIA LĂNG ^{1*}

扁舟亡肅青桐華疑黃	天荒遺古槨表佇昏	德丘靈色復無惟百	繫已藏枕成宿存年	斜昔澤江龍鶴一	蟬時樹祠氣枝慨
阮家陵	小立	自立	自立	詩	

Biển chu Thiên Đức hệ tà huy,
 Vong Nguyễn ^{2*} hoang khau dĩ tích thi.
 Túc túc di linh tàng trạch thụ ^{3*},
 Thanh thanh ^{4*} cồ sắc chầm giang ti (tử).
 Đồng quan vô phục ^{5*} thành long khí,
 Hoa ^{6*} biều duy tồn túc hạc chi.
 Ngưng trữ bách niên thành nhất khái,
 Hoàng hôn tiêu lập ^{7*} tự nga ^{8*} thi.

DỊCH NGHĨA :

CẨM THUYỀN TẠI LĂNG NHÀ NGUYỄN ⁽¹⁾

Chiếc thuyền con buộc trong bóng chiều trên sông Thiên Đức ⁽²⁾,
 Mồ hoang họ Nguyễn cũ đã thành việc xưa.
 Khi thiêng lâm liệt còn lần quất ần ở chòm cây bên chầm,
 Mầu cồ xanh xanh, ngôi đền vẫn gối bên sông.
 Quan tài gỗ vòng khôn trở lại khi rồng bay ⁽³⁾,
 Cột hoa biều chỉ còn là cành hạc đậu ⁽⁴⁾.
 Đứng lặng suy nghĩ, cảm khái việc trăm năm,
 Hoàng hôn rồi, đứng lại chốc lát một mình ngâm thơ.

DỊCH THƠ :

*Đức giang, thuyền buộc tà dương,
 Cơ đồ triều Lý gò hoang đã thành.
 Cây chầm phảng phất u linh,
 Bên sông cồ miếu rêu xanh dài mầu.
 Rồng thiêng thuở nọ còn đậu,
 Cột hoa tro đó hạc nào qua thăm.
 Ngậm ngùi thay cuộc trăm năm,
 Quay lưng bóng xế thơ ngâm một mình.*

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2, TVTL3, không có chữ 陵 *lăng*.
- 2* TVTL2, TVTL3: 李 *lý*.
- 3* TTCGLT, TVTL1, TVTL2: 樹澤 *thu trach*.
- 4* TVTL1, TVTL2, TVTL3: 清清 *thanh thanh*.
- 5* TVTL2: 當復 *dương phục*; TVTL3: 當撫 *dương phủ*.
- 6* TVTL: 庚 *đậu*.
- 7* TVTL1: 舊 *cựu*.
- 8* TVTL1: 旦 *đậu*. Có lẽ là chép sai chữ 立 *lập*.
- 9* TVTL2: 今 *ngày*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Nhà Nguyễn (Nguyễn gia): tức nhà Lý. Khi nhà Trần lên ngôi vua, đổi nhà Lý thành nhà Nguyễn. (Kiêng húy chữ Lý là tên của Trần Lý, tổ nhà Trần).
- (2) Thiên Đức: tên cũ là sông Bắc Giang, nhà Lý đổi là sông Thiên Đức. Theo ĐVSKTT sông này được nhà Trần đào lại năm Canh ngọ (1390), chảy qua khu lăng nhà Lý ở huyện Tiên Du. Nay tức là sông Đuống ở Hà Nội — Hà Bắc.
- (3) Khi rồng bay (thành long khi): theo ĐVSKTT, khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra La Thành: lúc thuyền cập bến thì có rồng vàng hiện lên trong thuyền vua, vì thế đổi tên La Thành ra thành Thăng Long.
- (4) Cột hoa biếu: một cột cao, trên ngọn ghép ngang một thanh gỗ, dựng ở những nơi đô hội. Đó là dấu hiệu nhà vua sẵn sàng thu nhận ý kiến của toàn dân trong nước, và là vật tượng trưng cho sự thịnh trị của một triều đại và sự anh minh của bậc vương giả. Cảnh hạc đậu (tức hạc chỉ): theo sách *Sưu thần hửu ký* 搜神後記, Đinh Linh Uy 丁令威, người đất Liêu Đông, đời Hán, lên học đạo ở núi Linh Hư, sau hóa thành chim hạc bay về đất Liêu Đông đậu trên cột hoa biếu, thảm thiết kêu gọi mọi người hãy đi theo mình vì đất nước đã mất.

269

三月初一日曉起

己 更	無 倚	盡 青	燭 燈	醉 照	裙 鬟	紅 蓬
更	屋	吟	殘	熙	杏	雨
破	都	夢	醒	紅	薇	,
清	身	九	寢	紫	情	風
一	事	千	寢	七	內	。
萬	底	不	憂	百	中	
忙	寢		知	寒	過	
啓				食		

TAM NGUYỆT SƠ NHẤT
NHẤT * HIỀU KHỎI

Dĩ vô họa chúc túy quần hồng,
Tiện ý thanh đăng chiếu mǎn bồng.
Phá ốc ngàm tàn hồng hạnh vũ,
Thanh đô mộng tĩnh ^{2*} tử vi ^{3*} phong.
Nhất thần cửu khiếu thất tình nội,
Vạn sự thiên ưu bách lụy trung.
Mang đè bất tri hàn thực quá,
Khải song hoa hựu chiết ngô đồng.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY MỒNG MỘT THÁNG BA, SÁNG DẬY

Không còn được hoa đê say khách quần hồng (1),
 Phải nhờ ngọn đèn xanh đê soi mái tóc bơ phờ.
 Nhà rách nát, hạt mưa hồng hạnh (2) chấm dứt giọng thơ tàn,
 Chốn kinh đô, lẵn gió tử vi (3) thức tỉnh giấc chiêm bao.
 Một thân trong bảy tình chín khiếu (4),
 Muôn việc trong trăm nghĩ ngàn lo.
 Bởi bởi nghìn nỗi, chẳng hay tiết hàn thực đã qua (5),
 Mở cửa sổ ngắm hoa lại đến bẻ một cành ngô đồng.

DỊCH THƠ :

*Chẳng có được hoa say mà phấn,
 Đèn trơ mái tóc dừa đèn khuya.
 Ngắm tàn, nhà rách mưa hồng hạnh,
 Mộng tỉnh, thanh đê gió tử vi.
 Chín khiếu bảy tình, thân một tấm,
 Trăm lo ngàn nghĩ, việc muôn bề.
 Đã qua hàn thực, quên không biết,
 Mở cửa, ngô đồng ngắt một huê.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVT2 : không có chữ 爾 nhặt.

2* TVT3 : 辛 tùy.

3* TVT1 : 微 vi.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Quần hồng* : chỉ người đàn bà.
- (2) *Mưa hồng hạnh* (hồng hạnh vũ) : chỉ mưa xuân.
- (3) *Tử vi* (*Tử vi*) : chỉ tòe Trung thư.
- (4) *Bảy tình, chín khiếu* (thất tình, cửu khiếu) : Mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muối là bảy tình. Hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng và hai âm khiếu (bộ phận đại, tiểu tiện) là chín khiếu. Ý câu thơ muốn nói trong mỗi một con người thường có nhiều đời hỏi phức tạp.
- (5) *Tiết hàn thực* : Trước ngày thanh minh một ngày là tiết hàn thực.

除夜用杜老韻
諸君席上同作

客 殘 中 雪 天 光 燈 酒 萬 平	送 猶 冬 陰 因 烏 事 明	臘 飄 春 告 歲 慄 想 洗	虎 六 庭 樹 常 數 看 伺	亭 出 外 間 常 數 髮 豪	家 花 草 鴉 續 賦 華

TRÙ^{1*} DẠ DUNG ĐỖ LÃO VÂN, CHƯ
QUÂN^{2*} TỊCH THƯỢNG
ĐỒNG^{3*} TÁC^{4*}

Khách trung tống lạp Hồ Đinh gia,
Tàn tuyết do phiêu lục xuất hoa.
Thiên địa đông xuân đình ngoại thảo,
Quang âm hôn hiều thụ gian nha.
Đăng nhân thủ tuế thường thường tục,
Tửu vị kiêu^{5*} sầu sác sác^{6*} xa.
Vạn sự tế tư khan mẫn phát,
Bình minh sơ tây hướng^{7*} Đông Hoa.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM BA MƯOI TẾT DÙNG VĂN CỦA ĐỖ PHỦ, CÙNG CÁC
BẠN TRONG TIỆC LÀM THƠ

Đất khách, tiễn đưa năm cũ ở nhà Hồ Đinh (1),
Tuyết tàn, vẫn còn bay hoa sáu cánh.
Đông xuân trời đất, đám cỏ ngoài sân (2),
Sáng tối ngày qua, cây khô qua rét (3).
Giữ năm, đèn luôn luôn nổi bắc,
Tưới sầu, rượu luôn luôn rót.
Muôn việc nghĩ kỹ, nhìn hai mái tóc,
Sáng ngày chải gội, ra cửa Đông Hoa (4).

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 深 thâm.

2* TVTL2, TVTL3 : 軍 quân.

3* TVTL3 : 因 nhán.

4* NPKTV chép đầu bài: 除夕 trù lịch, và cuộc chúa 用 杜 甫 韵 dung Đỗ Phủ vần.

5* TVTL1, TTCGLT, NPKTV 燒 hiếu.

6* TTCGLT, NPKTV : 故故 cố cố.

7* TVTL3 : 白 bạch.

CHÚ THÍCH :

(1) Nhà Hồ Đinh (Hồ Đinh gia) : Có lẽ tác giả chỉ một gia đình đại thần nào đó.

- (2) Ý nói trong trời đất, dòng di thi xuân đến, có cây cổ ngoài sân báo tin.
- (3) Cả câu này là dùng lại ý câu thơ của 文天祥 Văn Thiên Tường: 桃木寒鵠幾
夕陽 Khô mộc hàn nha kỷ tịch dương: Trái bao sớm chiều con quạ rết vẫn đậu trên
cây khô. Cả hai câu 3 và 4, Nguyễn Phi Khanh than thở về nỗi thời gian cứ trôi đi mà
cuộc đời mình hoặc tâm hồn mình có cái gì như là ngừng đọng lại.
- (4) Đông Hoa: TTCGLT và NPKTV chú thích 東華, 百官出入之門也 Đông Hoa, bách
quan xuất nhập chi môn: Đông Hoa là cửa của các quan ra vào. Như vậy tức là cửa ở
Hoàng thành.

271

宣詔罷別遲阮爻

TUYÊN CHIẾU BÃI, BIỆT VẬN PHÓ^{1*}
NGUYỄN VIÊM

長	安	帝	王	州,
偶	賦	作	勝	勝
俗	雜	民	太	遊。
地	稅	歲	常	古,
山	稻	亡	苛	秋。
境	我	畜	木	虎,
王	君	羣	政	牛。
胸	懷	莫	杯	急,

Trường An tự tích ^{2*} để vương châu,
Ngẫu phú Hoàng hoa tác thắng du.
Tục tạp liệu di dân ^{3*} thái cõ,
Địa nghi canh ^{3*} đạo, tuế thường thu.
Sơn trung quả ^{4*} ngã vô hà ^{5*} hồ,
Cánh thường phiền quân súc mộc ngưu.
Vương sự hữu trình quân chinh cấp,
Hung hoài mạc ^{6*} hướng tửu bôi hưu.

DỊCH NGHĨA:

TUYÊN CHIẾU XONG, TỪ BIỆT
QUAN VẬN PHÓ NGUYỄN VIÊM (1)

Trường An từ xưa là đất để vương ⁽²⁾,
Ngẫu nhiên làm bài thơ Hoàng hoa ⁽³⁾, tả cuộc du hành kỳ thắng.
Phong tục xen lẫn man di, vẫn là dân thái cõ,
Đất tra lúa mõ, lúa thơm, năm thường được mùa.
Trong núi không thấy con hùm ngược chính đi qua ⁽⁴⁾,
Trong cõi xin phiền đến ông chúa săn «mộc ngưu».
Lệnh vua có thời hạn, việc quân gấp rút,
Xin ông chờ có mê say chén rượu !

DỊCH THƠ :

Trường An xưa vốn để vương chầu,
 Bỗng viết Hoàng hoa vịnh thăng du.
 Tục lẩn mán mường, dân cõ phác,
 Đất trồng tam cánh, lúa phong thu.
 Trong non, ta thấy không hùm dữ,
 Trong cõi, ngày nén chưa mộc ngưu.
 Quản chính phép vua dày quá gấp,
 Không nên mang rượu dề lu bù.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : Thêm chữ 使 sir, sau chữ 副 phó.
- 2* NPKTV : 風 phong.
- 3* TVTL2 : 穢 nhường : NPKTV : 穢 hoạt.
- 4* TVTT2, TVTL3 : 遇 ngộ.
- 5* TVTL2, TVTL3 : 當 奇 dương kỳ.
- 6* TVTL2 : 將 tương.

CHÚ THÍCH :

- (1) Nguyễn Viêm : chưa rõ tiêu sử.
- (2) Trường An : tức tỉnh Ninh Bình ngày nay. Xem thêm chú thích số 1 bài 奉詔長安道中作 Phụng chiếu Trường An do trung tác của Nguyễn Phi Khanh.
- (3) Hoàng hoa : tức bài 皇皇者華 Hoàng hoàng giả hoa trong 詩經 Thi kinh. Người xưa giải thích đây là bài thơ úy lạo và khen người đi sứ.
- (4) Hùm ngược chính (hà hổ) : chỉ chính sự hà khắc. Dân cung, Lễ ký 檀弓 禮記 có câu : 虍政猶於虎也 Hà chính mãnh u hổ dã : Chính sự hà khắc còn dữ tợn hơn hổ. Dân trách không có hổ dữ, là một lời tránh qui mến ; ý muốn khen chính sự không đến nỗi hà khắc, nhưng cũng còn chưa hoàn mĩ.
- (5) Về ý của câu thơ này có thể hiểu theo cách : a) Sách Nam Việt bút ký 南越筆記 có chép nước ta thời xưa đã biết dùng máy bằng gỗ kéo cày thay trâu ; khi cày, một người điều khiển ở trước, hai người điều khiển sau máy. Máy đó gọi là mộc ngưu (trâu gỗ). Nếu hiểu theo ý này thì Nguyễn Viêm đã có công truyền bá «trâu gỗ» cho dân nơi ông làm quan. b) Theo Gia Cát Lượng truyện 諸葛亮傳 trong Tam quốc chí 三國志 thì Gia Cát Lượng khi vận lương qua Kỳ Sơn 祺山 đã sử dụng một loại máy bằng gỗ, gọi là mộc ngưu (trâu gỗ). Nếu hiểu theo ý này thì tác giả đề nghị Nguyễn Viêm chế tạo loại «trâu gỗ» để chuyên vận lương thực, chuẩn bị chống quân Minh. Chúng tôi ghi cả hai ý để bạn đọc tham khảo.

272 — 273

漢州檢正以余韻作述懷
詩見復用其韻以贈

其一

萬誰人世帝書西腸
姓家情路里房風斷
嗷金艱風客舊刮南
待亞君我逢念傳四
裘丘穀舟雨遊信州
哺高方亦暮英邊五

其二

謾誰霜雪吟夢城故
曾道後中邊裡月人
第風花意舍門雲地
詫不還可雙八相欲
鄉療酒詩蓬翼望清
嗷玉險壽懷話夢塢

HỒNG CHÂU ^{1*} KIỀM CHÍNH DĨ DU
VẬN TÁC THUẬT HOÀI THI, KIẾN
PHÚC, DUNG KỲ VẬN DĨ TẶNG ^{2*}

Kỳ nhất

Vạn tình ^{3*} ngao ngao dài bộ cầu.
Thùy gia kim ngọc á cao khâu !
Nhân tình gian hiềm, quân phuong cốc,
Thế lộ phong đào, ngã diệc châu.
Đế lý, khách hoài, phùng mộ vũ,
Thư phòng, cựu thoại, niệm anh du.
Tây phong quát mộng truyền biên tin,
Tràng đoạn nám nhiên ^{4*} từ ngũ ^{5*} châu.

Kỳ nhì

Mạn tăng nhất đê sá hương lan,
Thùy đạo thanh phong ^{6*} bất liệu bần.
Sương hậu cúc hoa ^{7*} hoàn tửu khách,
Tuyết trung mai ý khả thi nhân.
Ngâm ^{8*} biên khách xá song bồng mấn,
Mộng lý thiên môn bát dục than.
Thành nguyệt ^{9*} phổ vân tương vọng xứ,
Cố nhân lai địa dục thanh xuân.

DỊCH NGHĨA :

KIỀM CHÍNH HỒNG CHÂU DÙNG VĂN CỦA TÔI ĐỂ LÀM BÀI THƠ
THUẬT HOÀI, SAU KHI ĐỌC TÔI LẠI DÙNG VĂN ẤY LÀM THƠ TẶNG ANH

Bài thứ nhất

Muôn họ đang nhao nhác chờ miếng cơm manh áo,

Nhà ai đó vàng ngọc sánh ngang gò cao !

Anh đang là cái bánh xe lăn trong sự gian hiềm của tình người,

Tôi cũng như con thuyền trong cơn sóng gió của đường đời.

Tâm trạng làm khách ở quê vua gấp cơn mưa chiều.
 Câu chuyện cũ ở phòng văn gợi nỗi nhớ những cuộc đi chơi hồi trẻ.
 Gió tây đánh thức giấc mộng, truyền tin tức từ biên cương tới,
 Đứt ruột về bốn năm châu mảnh đất phía nam.

Bài thứ hai

Đã từng thi đậu, nỗi tiếng ở xóm làng,
 Ai bảo phong độ thanh cao chẳng chừa được cái nghèo.
 Sau sương hoa cúc trở về với khách rượu,
 Tứ mai trong tuyết thích hợp với thi nhân.
 Bên cuộc ngâm, hai mái tóc bờ phờ ở nơi quán khách,
 Trong giấc mơ (thấy mình) là tấm thân tám cánh bay lên cửa trời (2).
 Trăng thanh, mây bến nơi ngóng trông nhau,
 Nơi cổ nhân đến sẽ là một mùa xuân trong sáng.

DỊCH THO:

*Muôn dân, cơm áo chực nhao nhao,
 Vàng ngọc nhà ai sánh núi cao !
 Anh giống xe lăn trong hiềm trớ,
 Tôi như thuyền dạt giữa bá đảo.
 Làng vua, tứ khách, mưa chiều đến,
 Việc cũ, phòng văn, chuyện thuở nào.
 Gió tĩnh hồn mơ, tin gửi đến,
 Bờ nam, đứt ruột bốn năm châu.*

*Đã từng thi đậu nức hương lân,
 Ai bảo thanh phong chẳng chừa bần.
 Hoa cúc sau sương vời khách rượu.
 Tứ mai giữa tuyết gọi hồn văn.
 Đôi lán tóc rối tình quê khách,
 Tám cánh bay cao, mộng cửa thần.
 Mây bến, trăng thanh trông ngóng mãi,
 Cổ nhân khi tới sắp thanh xuân.*

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : chủ - 作江 nhất tác giang.

2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : chép đè là: 次洪州檢正韻 thư Hồng Châu Kiểm chính vận.

- 3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 星 lý.
 4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 塘 đường.
 5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 九 cầu.
 6* TTCGLT, TVTL1 : 貧 bần, TVTL2 : 虚 hư.
 7* TVTL1 : 香 hương.
 8* TTCGLT : 途 đồ.
 9* TTCGLT : 外 ngoại.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Kiêm chinh Hồng Châu*: tức Nguyễn Hán Anh 阮漢英, em đồng hao của tác giả.
 (2) Theo sách *Tấn thư* 晉書, Đào Khản 陶侃 năm mộng thấy mình mọc 8 cánh bay lên trời, vào 8 lần cửa rỗi bị gãy cánh bên trái nên phải xuống. Ở đây Nguyễn Phi Khanh mơ mình làm quan to.

274

洪州復前韻, 復寄答之

HỒNG CHÂU PHÚC TIỀN VẬN,
PHÚC KÝ ĐÁP CHI^{1*}

槐	府	西	邊	晚	卜	鄰,
翛	然	一	室	樂	清	貧。
床	頭	金	劍	酬	知	己,
枕	畔	黃	夢	夢	故	人。
湖	海	當	天	天	下	士,
風	流	年	省	省	郎	身。
客	程	歲	寒	寒	砭	骨,
最	愛	冰	暮	別	樣	春。

Hòe phủ tây biên văn bốc ^{2*} lán,
 Tiên nhiên nhất thất lạc thanh bần.
 Sàng đầu kim kiếm thù tri kỷ,
 Châm bạn hoàng lương mộng cỗ nhân.
 Hồ hải dương niên thiên hạ sĩ,
 Phong lưu thử nhật sảnh lang thân.
 Khách trình tuế mộ hàn biêm cốt,
 Tối ái Băng Hồ biệt dạng ^{3*} xuân.

DỊCH NGHĨA :

HỒNG CHÂU PHÚC ĐÁP VĂN BÀI TRƯỚC, TÔI LẠI GỬI TRẢ LỜI

Muộn màng chọn chỗ ở về phía tây phủ hòe (1),

Một ngôi nhà thênh thênh, vui thú cảnh thanh bần.

Gươm vàng đầu giường bảo đáp người tri kỷ,

Kè vàng bên gối (2) mơ tưởng cỗ nhân.

Hồ hải năm xưa là kẻ sĩ có danh trong thiên hạ,
 Phong lưu ngày ấy là tấm thân làm quan ở sảnh.
 Cuối năm trên con đường đất khách khi lạnh thấu xương,
 Yêu nhất là vẻ xuân riêng của Băng Hồ ⁽³⁾.

DỊCH THƠ :

*Hòe phủ bên tây chọn ở gần,
 Một nhã thanh bạch thú thanh bần.
 Đầu giường gươm bạc đèn tri kỷ,
 Cảnh gối kê vàng mộng cổ nhân.
 Hồ hải xưa là tay lịch thiệp,
 Phong lưu sau cũng vẻ quan thân.
 Quê người năm muộn căm căm rét,
 Riêng mèn Băng Hồ đặc biệt xuân.*

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : chép đè bài thơ là 再次韻 tái thử vận.
 2* TVTL2 : 小箇.
 3* TVTL1 : 別枕 biệt châm, TVTL3 ; 約樣 uớc dạng.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phủ hòe* (Hòe phủ) : Sách *Chu lê 周禮* có câu : 三槐, 三公位焉 Tam hòe, Tam công vị yên : Ba cây hòe là ngôi của bậc Tam công, Vương Đán truyền 王旦傳 trong Tống sử 宋史 cũng chép rằng, cha Vương Đán làm Thượng thư binh bộ thị lang có trồng ba cây hòe ở sân và nói con cháu ta tất có kẻ làm lên bậc Tam công. Sau con thứ của ông là Vương Đán làm đến chức Tề tướng. Người đời mới dùng chữ tam hòe đè chỉ định quan Tề tướng. Và phủ hòe ở đây là đè chỉ định quan Tướng quốc Trần Nguyên Đán.
- (2) *Ké vàng bên gối* (Châm bạn hoàng lương) : Theo sách *Châm trung ký 枕中記*, Lư Sinh 盧生 đời Đường đi thi mãi không đỗ. Một hôm, gặp một đạo sĩ ở quán trọ, anh ta tự than thở cảnh cùng khổ của mình. Đạo sĩ đưa cho anh ta cái gối đó và bảo gối lên cái gối đó ngủ thì sẽ đạt công danh phú quý. Lư Sinh gối đầu nằm ngủ và mộng thấy mình thi đỗ làm quan cực kỳ phú quý, năm người con của mình đều làm quan, hơn mươi người cháu mình đều lấy con gái các nhà vọng tộc, còn bản thân mình thi sống hơn 80 tuổi v.v... Lúc tỉnh dậy, thấy nồi kê vàng của nhà hàng nấu lúc anh ta bắt đầu ngủ vẫn còn chưa chín. Anh ta ngạc nhiên nói, há đây chỉ là mộng mị-u ! Đạo sĩ trả lời anh ta là việc đời người cũng đều là như vậy cả. Đời sau dùng điều này để nói cảnh vinh hoa phú quý chỉ là hư ảo.

275

江行次洪州檢正韻

長海	江	滾	片	帆	東,
海	闊	高	望	莫	窮,
夾	岸	寬	青	草	雨,
前	沙	船	白	蕪	風。
百	年	棹	影	爭	
萬	古	豪	傑	地	
憑	仗	山	戰	功	
行	觀	新	帶	礪	
			作	圖	
			軌	誌,	
				文	同。

GIANG HÀNH THÚ HỒNG CHÂU ^{1*}
KIỂM CHÍNH VẬN

Trường giang cuồn cuộn phiến phàm đông,
Hải khoát thiền cao vọng mạc cùng!
Giáp ngạn thuyền song thanh thảo vũ,
Tiền sa ^{2*} trạo ảnh bạch tần phong,
Bách niên hào kiệt chiến tranh địa,
Vạn cổ sơn hà đới lệ công,
Băng trượng tàn thi tác đồ chí.
Hành quan tử hải quĩ văn đồng.

DỊCH NGHĨA:

ĐI TRÊN SÔNG, HỌA VĂN THƠ CỦA KIỂM CHÍNH HỒNG CHÂU ⁽¹⁾

Dòng sông cuồn cuộn, cánh buồm về đông;
Biển rộng trời cao, trông không biết đâu là cùng!
Cửa sổ thuyền giáp bờ, làn mưa trên cỏ xanh,
Bóng mài chèo trước bãi cát, luồng gió trên rau tần trắng.
Đây là nơi chiến trận của các hào kiệt từ hàng trăm năm trước,
Công lao ấy làm cho non sông bền vững lâu dài muôn thuở ⁽²⁾.
Xin nhờ bài thơ mới này làm bức họa đồ ghi lại,
Rồi sẽ thấy bốn biển chung một kiểu xe, cùng một thứ chữ ⁽³⁾.

DỊCH THƠ:

Sông dài cuồn cuộn, cánh buồm dong,
Biển rộng trời cao, mắt chẳng cùng.
Thuyền lướt cạnh bờ, mưa cỏ tốt,
Chèo khua trước bãi, gió tần rung.
Trăm năm hào kiệt, trường chinh chiến,
Muốn thuở son hà, dấu kiêm cung.
Thơ mới nhờ ghi tranh mấy nét,
Xa, thư bốn biển sẽ thông đồng.

KHẢO ĐỊNH:

1* TTGCLT : 溪 *khê*.

2* TVTL2: 河 *hà*.

CHÚ THÍCH:

- (1) Hồng Châu : một khu vực hành chính đời Trần, Hồ ; nay thuộc tỉnh Hải Hưng. Hồng Châu Kiêm chính là chี Nguyễn Hán Anh, 阮漢英.

(2) Sau khi diệt Tần phá Sở, thống nhất sơn hà, Hán Cao Tổ 漢高祖 phong tước cho công thần. Trong buổi đó, Hán Cao Tổ có đọc lời thề rằng : 使黄河如帶, 泰山如礪, 國以永存, 畏及苗裔. Sử Hoàng Hà như đai, Thái Sơn như đá, quốc dĩ vĩnh tồn, viễn cập miêu duệ : Dù cho sông Hoàng Hà có hép lại như cái dài áo, núi Thái Sơn có nhô lại như hòn đá mài, thì nước vẫn vĩnh viễn tồn tại, để lại cho muôn đời con cháu. Chữ «đời lệ» trong câu thơ của Nguyễn Phi Khanh là xuất xứ từ đó.

(3) Sách Trung dung 中庸 có câu 書同文, 車同軌 Thư đồng văn, xa đồng qui : Sách cùng viết một thứ chữ, xe cùng chung một cỗ bánh. Trong văn học cổ, câu này được dùng với nghĩa rộng, chỉ sự văn minh ngang hàng giữa các nước với Trung Quốc, hoặc chỉ sự văn minh thống nhất trong mọi vùng của một nước.

276

中秋感事

TRUNG THU CÀM SỰ^{1*}

流收月，秋夜愁。日暮空殘照，勝光苦暇彌。
漫漫多不清，疾多到海雲臺。緒上閒家夢似微，池情天人國歸波。
漢後中憑照，使湖金河雨。客願遍長五。

DỊCH NGHĨA :

NHÂN TIẾT TRUNG THU, CẢM XÚC TRƯỚC SỰ VIỆC.

Sóng vàng như biển, tràn ngập tầng không,
 Dòng Ngân Hán lừa thưa mây đọng lại.
 Sau trận mưa, ao dài chứa đầy ánh trăng,
 Nỗi lòng nơi đất khách khôn xiết vẻ thu!
 Xin nhờ cái đêm trong sáng ở trên trời kia,
 Soi thấu nỗi đau khổ của thế gian này.
 Mãi mãi làm cho nước nhà được những ngày nhàn hạ,
 Thị giấc mơ quay về Năm hò sẽ tới được chiếc thuyền con (1).

DỊCH THƠ :

*Sóng vàng bát ngát chảy tầng cao,
 Ngân Hán mây vun nhat nhat mầu.
 Mưa tạnh dài ao chan chứa nguyệt,
 Nhà xa tâm khảm đạt dão thu!
 Xin nhờ thương giới đêm trong sáng,
 Soi thấu nhân gian nỗi khổ sâu,
 Vì được nước nhà thong thả mãi,
 Chiêm bao thuyền đạo cảnh Năm hò.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : Cả đầu dè 中秋有感 *Trung thu hữu cảm*.
 2* TVTL3 : 缄生 biển tọa.
 3* TVTL3 : 喜 hij.
 4* TVTL3 : 帝 dè.

CHÚ THÍCH :

- (1) Năm hò (Ngũ hò) : Năm cái hò lớn và đẹp là những cảnh đẹp ở Trung Quốc. Phạm Lãi 范蠡 đời Xuân Thu, sau khi giúp Việt Cửu Tiên 越勾践 khôi phục được đất nước, đã từ bỏ hết mọi chức quan để rong chơi Năm hò. Ở đây Nguyễn Phi Khanh nói lên ý muốn của mình là mau được đến ngày đi thăm lại cảnh đẹp của đất nước sau những tháng năm đầy biến động.

元日上冰壇相公

NGUYỄN NHẬT THƯƠNG BĂNG
HỒ TƯỚNG CÔNG

槐客	庭子	元光重偏	日陰遊露	拜幾春雪	生度世精昌	辰新界神運	
東南天帝	閣枝遺眷	一三豈只	老朝私爲	扶倚門愛	舊昌舊士	界臣下斯民	
祝拳							

Hè đình nguyên nhật bái sinh thần ^{1*},
Khách tử quang âm kỷ độ tân.
Đông các trùng du xuân thế giới,
Nam chi thiên lộ tuyết tinh thần.
Thiên di nhất lão phù xương vận,
Để quyền tam triều ý cựu thần,
Chúc tụng khởi tư môn hạ sĩ,
Quyền quyền chỉ vị ái tư ^{2*} dân.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY NGUYỄN ĐÁN DÂM LÊN TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ

Ngày Nguyên đán chúc mừng sinh nhật trước sân hè (1).
Chàng khách đã trải qua mấy lần năm mới.
Nay gác đông (2) lại được vào chơi trong thế giới xuân,
Cành nam riêng biếu lộ một tinh thần băng tuyết (3)
Trời dành một vị quốc lão đề phò vận thịnh,
Vua yêu vị cựu thần được ba triều nương tựa.
Chúc tụng đây há phải vì tinh riêng của kẻ sĩ dưới trướng,
Mà chỉ vì tấm lòng thăm thiết yêu thương dân.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 時 thời.

2* TVTL2, TVTL3 : 新 Tân.

CHÚ THÍCH :

- (1) Sân hè (hè đình) : xem chú thích số 1 bài 洪州復前韻, 復寄答之 Hong Chau phục tiền vận, phục ký đáp chí.
- (2) Gác đông (Đông các) : Ý nói mình cũng được ở lầu phía đông trong dinh của Tướng công Băng Hồ. Do đó gác đông cũng là tác giả tự chỉ mình.

(3) *Cành nam* (Nam chi) : Theo sách 白帖 *Bách thiếp*, trên núi Đầu Linh có một cây mai, cành phía bắc rụng thì cành phía nam nở hoa. Cho nên một nhà thơ vô danh có câu :

南枝向暖北枝寒, Nam chi hướng noãn bắc chi hàn,

一種春風有兩般。Nhất chủng xuân phong hữu lưỡng ban :

Cành nam hướng về hồi ấm cành bắc thì lạnh.

Một thứ gió xuân lại có hai loại khác nhau.

Ý câu thơ ca ngợi cành mai phía nam. Câu thơ trên tác giả chỉ tình thần như băng tuyết của Tướng công Băng Hồ.

278

山村感興

SƠN THÔN CẢM HỨNG

虛	載	絆	塵	羈
一	山	沒	是	非。
殘	巾	奇	野	。
春	塾	大	灘	土,
夢	曉	攘	蕉	磯。
世	中	任	狗	鹿,
誰	上	生	衣	衣。
桑	道	緣	計	薄,
	麻		初	肥。

Hư danh tập tái bạn trần kỵ,
Nhất phản ^{2*} giang sơn một thị phi.
Tàn tuyết điện càn cơ dã thô,
Xuân phong hy phát đại than kỵ.
Mộng trung vãng sự nhuơng tiêu lộc ^{3*},
Thế thương ^{4*} phù vân nhậm cầu y.
Thùy đạo giang thôn sinh kế bạc,
Tang ma nhiêu ốc lục sơ phì.

DỊCH NGHĨA :

CẢM HỨNG Ở XÓM NÚI

Cái hư danh đã buộc mình vào cõi đời bụi bặm ba mươi năm,
Trở về quê cũ quên mọi chuyện thị phi ở đời.

Trùm khăn dưới tuyết trên gò ngoài đồng nội,

Hong tóc trước gió xuân bên mỏm đá lớn đầu ghềnh.

Việc cũ trong mơ, đẹp đẽ như câu chuyện tiêu lộc ⁽¹⁾,

Cuộc đời chỉ là những cảnh phù vân, mặc nó đổi thay ⁽²⁾.

Ai bảo sinh kế thôn quê đơn bạc,

Dàn gai quanh nhà màu xanh vừa đậm.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 井 tráp.
- 2* TVTL2 : 遠 viễn.
- 3* NPKTV : 焦 tiêu.
- 4* NPKTV : 事 sự.

CHÚ THÍCH :

- (1) Câu chuyện tiêu lộc : thiên Chu Mục Vương 周穆王 trong sách *Liệt tú* 列子 có chép : ở nước Trịnh có người đi hái củi ở vùng ngoại ô, trông thấy một con hươu đang run sợ, bèn chặn đánh và đập chết nó. Nhưng vì sợ người khác bắt được nên vội vàng vứt hươu xuống hố, rồi lấy lá chuối (tiêu) vùi hươu (lộc) và hết sức mừng. Nhưng một lát sau thì anh ta cũng quên luôn chỗ dấu con hươu, bèn cho đó chỉ là chuyện chiêm bao.
- (2) Đổi thay : dịch thoát chữ câu g. «Câu» là con chó và «ey» là chiếc áo. Thơ Đỗ Phủ 杜甫 có câu : 天上浮雲如白衣；斯須變幻爲蒼狗。Thiên thường phủ vân như bạch y ; Tư tu biến huyền vi thường câu : Trên trời mây nỗi giống hình chiếc áo trắng ; Chốc lát biến đổi thành cái hình giống như con chó xanh. Ý nói là việc đổi thay đổi rất mau chóng và không lường được.

279

古山范公示以小圃詩，且
道諸公盡已廢和，余因慕
其塵中而有閒適之趣，依
韻賦一律。

文特栽生把卿他此	室抄培長卷杯時樂	乾種自何樹花倘應	膝課東造眠醉過我	容，童。巧，功。日，風。

CÔ SƠN PHẠM CÔNG THỊ DĨ «TIỀU PHỐ» THI, THÀ ĐẠO 1* CHƯ CÔNG TẬN DĨ CANH HỌA; DU NHÂN 2* MỘ KỲ TRẦN TRUNG NHI HỮU NHẢN THÍCH 3* CHI THỦ, Y VẬN PHÚ NHẤT LUẬT 4*

Trưởng 5* thất càn khôn tất khả dung,
Đặc 6* sao chủng thụ 7* khóa nhi đồng.
Tài bồi tự hữu đồng quân sảo,
Sinh trưởng hà như 8* tạo hóa công 9*,
Bả quyền thụ gian miên ngọ nhật,
Hàm bồi hoa hạ túy xuân phong.
Tha thời tháng hữu quá tòng tiên,
Thứ lạc ưng tu ngã dữ công.

DỊCH NGHĨA :

ÔNG PHẠM CỒ SƠN (1) ĐUA BÀI THƠ VỊNH «VƯỜN NHỎ», LẠI NÓI CÁC VỊ
ĐỀU HỌA CẢ RỒI; TÔI NHÂN HÂM MỘ Ở TRONG CỐI TRẦN NÀY MÀ CÓ
CÁI THÚ NHÀN TẢN NHƯ THẾ, NHÂN THEO VĂN HỌA LẠI MỘT BÀI

Khoảng trời đất của ngôi nhà nhỏ hẹp, (2) có thể dung chôn được,
Chuyên chủ chép chuyện trồng cây dè dạy bảo trẻ nhỏ.
Vun trồng đã có khéo léo của chúa xuân,
Sinh trưởng sao bằng công phu của tạo hóa.
Ôm sách bên lùm cây ngủ dưới bóng trưa.
Nhâm chén dưới hoa, say trong gió xuân.
Một ngày kia nếu tiện dịp qua lại với nhau,
Thì thú vui này cần phải có tôi với ông.

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT : Thêm chữ 皇朝 *hoàng triều* sau chữ 且道 *thảm* đạo, và trước chữ 諸公 *chư công*.

2* TVTL2 : 遊 *dt.*

3* TVTL1 : 遊 *du*.

4* TTCGLT : 遂賦一律依韻 *tái phú nhất luật y vận*; TVTL3 : 作韻賦一律 *tác vận* *phú nhất luật*.

5* TVTL2 : 大 *dai*.

6* TVTL2, NP KTV : 持 *tri*.

7* TTCGLT : 樹樁 *thụ chủng*; TVTL2 : 花樁 *hoa chủng* hoa thutherfordii.

8* TTCGLT, TVTL1, NP KTV : 矢 *tri*.

9* TVTL3 : 工 *công*.

CHÚ THÍCH :

(1) Túc Phạm Nhân Khanh 范仁卿, hiệu Cồ Sơn.

(2) Nhà một trượng (Trượng thất) : ý nói nhà rất nhỏ hẹp.

送太學生阮漢英歸洪州

勿風北東鵠鴉，
夜曉闕溪棲別釀孤
話跨天水憐惜村絆
昨今但寧月秋橙嗟
前首眼心庭岸雪埃

TỔNG THÁI HỌC SINH NGUYỄN HÂN ANH QUI HỒNG CHÂU ^{1*}

DỊCH NGHĨA:

TIỀN THÁI HỌC SINH NGUYỄN HÂN ANH VỀ HỒNG CHÂU (1)

Đêm qua trước đèn chuyện trò với vã,
Sáng nay đã lên ngựa lướt gió sớm.
Mắt chỉ tròng bầu trời cửa bắc.
Lòng về há ở bên khe nứt miền đông.
Thương chim thước đậu sân hoè (2) dưới trăng sáng,
Nhớ mãi chim hồng đã biệt xa noi bờ lau trong tiết thu đậm.
Nếp trăng, chanh thơm, rượu quê vừa chin,
Than cho tôi dấu chân cô đơn còn vướng bụi trần.

DỊCH THOẠI:

*Chuyện trò đêm trước dưới đèn chong,
Gió sớm hôm nay vó ngựa lồng.
Mặt ngóng luống treo trời cửa bắc,
Lòng về há bận suối miền đông.*

Sàn hoè trăng tỏ thương con thước,
 Ngàn sập thu cao tiếc cái hồng.
 Nếp trăng, chanh thơm hòa rượu xóm,
 Thương ta cái bụi vường trong vòng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2 : 送大學士阮漢英陶洪州 Tống Đại học sĩ Nguyễn Hán Anh dào Hồng Châu.
 TVTL3 : 送大學士阮漢美陶洪州 Tống Đại học sĩ Nguyễn Hán Mỹ dào Hồng Châu.
- 2* TVTL2 : 詠 vịnh.
- 3* TVTL2 : 課 khóa.
- 4* TVTL3 : 眠 miên. Chắc chép làm chữ 眼 nhän.
- 5* TVTL3 : 嫌 hiềm.
- 6* TVTL1 : 懒 thê.
- 7* TVTL2 : 燈 dăng.
- 8* TVTL2, 3: 相 tương.
- 9* TVTL3 : 醉 túy.
- 10* TVTL2 : 伴 bạn.

CHÚ THÍCH :

(1) *Hồng Châu* : nay là vùng Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Hưng.

(2) Sàn hoè (Hoè đình) : Chỉ nơi ở của bậc công khanh. Đây là chỉ định Trần Nguyên Đán.

281

病中懷洪州檢正
阮漢英秋夜韻

BỆNH TRUNG HOÀI HỒNG CHÂU
KIỂM CHÍNH NGUYỄN HÁN ANH ^{1*}
• THU DẠ • VẬN

況寒銀黃罨	水燈河菜畫	客消煙無取蕭	夢人傍流落	清明戶城色
水	燈	語	流	人
寒	河	蕭	落	當
銀	菜	臺	秋	著
黃	畫	界	月	多
罨		病	傷	豪
		歌	四	壁
況寒銀黃罨	水燈河菜畫	客消煙無取蕭	夢人傍流落	清明戶城色
水	燈	語	流	人
寒	河	蕭	落	當
銀	菜	臺	秋	著
黃	畫	界	月	多
罨		病	傷	豪
		歌	四	壁

Trầm thủy yên tiêu khách mộng thanh,
 Hàn dăng vô ngữ bang ^{2*} nhân minh.
 Ngàn Hà cảnh cảnh lưu dương hộ,
 Hoàng diệp tiêu tiêu lạc mãn thành.
 Yêm họa trì đài thu trước sắc,
 Thủy ngàn thế giới nguyệt đa tình.
 Khởi nhân nhất bệnh thương hào khí,
 Thụy khởi cuồng ca từ bích kinh.

DỊCH NGHĨA :

TRONG KHI ỐM, NHÓ VĂN THƠ - ĐÊM THU
CỦA KIÈM CHÍNH HỒNG CHÂU NGUYỄN HÁN ANH (1)

Khói trầm tan, giấc mộng đất khách cũng tĩnh,
 Ngọn đèn xanh làm thịnh, sáng cạnh người.
 Sông Ngân vắng vặc đã xế ngang cửa,
 Lá vàng xao xác rơi xuống đầy thành.
 Mùa thu diêm xuyệt bức tranh ao dài,
 Vầng trăng đa tình trong lòng nước bạc.
 Hả vì một cơn ốm mà tôn thương hào khí,
 Ngủ dậy hát vang kinh động cả bốn bức vách !

DỊCH THƠ :

Khói trầm tan hết, khách mơ thanh,
 Lặng lẽ đèn khuya sáng cạnh mình.
 Lắp lánh sông Ngân ngang trước cửa,
 Lao xao lá úa rụng đầy thành.
 Lặng lẽ nguyệt ngâm lòng nước,
 Lòng lẫy dài thu dệt bức tranh.
 Hào khí hả vì đau ốm giảm,
 Tỉnh dậy ngâm vang, vách rung rinh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1*. TTCGLT : không có chữ 漢 漢 英 Nguyễn Hán Anh.

2*. TVTL1 : 對對.

CHÚ THÍCH :

(1) Nguyễn Hán Anh và Nguyễn Phi Khanh đều là con rể Trần Nguyên Đán. Hồng Châu là một đơn vị hành chính thời Trần, Hồ; vị trí của nó ở vùng Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay. Trong các bản TVTL1, 2, 3 chép là 洪江 Hồng Giang. Không rõ Hồng Châu còn có tên là Hồng Giang hay không? Nhưng trong nhiều bài thơ xương họa khác giữa Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Hán Anh đều đề là 洪州 檢正 Hồng Châu Kiểm chính; cho nên ở đây chúng tôi căn cứ vào TTCGLT mà lấy chữ 洪州 Hồng Châu.

282

暮秋

MỘ THU ^{1*}

歲 騞 西 夜 老 秋 歲 正	晚 人 風 雨 景 光 垣 恐	天 何 篓 湖 逼 憂 清 尊	客 必 蓼 山 人 我 夢 魚	易 惡 菊 雁 侵 去 頭 每	悲 蘿 後 時 叠 遷 白 期
-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

Tuế vẫn thiên hàn khách dị bi,
Tao nhân hà tất oán Giang ly.
Tây phong ly lạc cúc tàn hậu,
Dạ vũ hồ sơn nhạn đoạn thi.
Lão cảnh bức nhàn xâm vỉ vỉ ^{2*},
Thu quang luyến ngã khứ trì trì.
Vi viên thanh mộng đầu tương bạch,
Chinh ^{3*} khung thuần lô môi phụ kỵ ^{4*}.

DỊCH NGHĨA :

CUỐI MÙA THU

Năm tàn trời rét, lòng khách dẽ sinh sầu thương,
Nhà thơ hà tất phải oán trách cỏ Giang ly ⁽¹⁾.
Sau khi hoa cúc tàn bên bờ giàu trước làn gió tây,
Là lúc bóng nhạn mất hút nơi khoảng núi hồ trong cảnh mưa đêm.
Cảnh già bức bách người, cứ lắn tới xòng xộc,
Ánh thu luyến tiếc ta, trời di chầm chậm.
Xong giấc mộng ở chốn Vi viên ⁽²⁾ thì đầu sắp bạc,
Chính là lúc do lỡ hẹn « rau thuần cá vược » ⁽³⁾.

DỊCH THƠ :

*Cuối năm, rét dẽ gọi sầu lên,
Thơ với Giang ly, lợ oán phiền,
Phên giậu, cúc tàn sau gió lạnh,
Núi hồ, nhạn vắng khoảng mưa đêm.
Lắn người, cảnh lão di nhanh quá,
Yêu tớ, lán thu thôi chậm thêm.*

*Giấc mộng công danh đầu sấp bạc,
Thuần, lô, đang sợ hẹn thành quên.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT : chép đầu đề bài thơ là 暮秋席上用嚴滄浪韻 Mộ thu tịch thương dụng Nghiêm thương lưỡng vận.
- 2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 :疊疊 diệp diệp.
- 3* TVTL1, TVTL2 : 止 chỉ.
- 4* TVTL3 : 胡 hò.

CHÚ THÍCH :

(1) *Giang ly* : Một loại cỏ thơm. Tác phẩm *Ly lao 離騷* của Khuất Nguyên 扈原, có câu :

扈江蘿與辟芷兮, Hỗ Giang ly dã Tịch chỉ hè,

昔三后之純粹兮, Tịch tam hậu chỉ thuần túy hè,
固厥芳之所在。 Cố chúng phượng chỉ sở tại.

Ta choàng cỏ Giang ly và cỏ Tịch chỉ,

Xưa ba vua (Vũ, Tháng, Văn) sáng suốt,

Cho nên các loại cỏ thơm mọc đúng chỗ.

« Giang ly » là Khuất Nguyên tự chỉ mình, « Các loại cỏ thơm mọc đúng chỗ » là chỉ những người tài giỏi, trung thành, được sử dụng xứng đáng.

Ý hai câu 1 và 2 ở bài thơ của Nguyễn Phi Khanh là : với cảnh năm tần và trời đông già rét thì con người đã dễ sinh sâu cảm lấm ròi, cho nên bà tất phải gấp cảnh ngộ như Khuất Nguyên mới sâu oán.

(2) *Vi viên* : Tứ tử vi viên, còn gọi Tứ vi sảnh, cũng gọi tắt là Vi viên hoặc Vi sảnh. Đó là tên gọi tòa Trung thư, một cơ quan trọng yếu của triều đình.

(3) *Rau thuần cá vược* (Thuần Lô) : *Trương Hán truyện, Tấn thư 張翰傳*, 晉書 chép rằng, Trương Hán, người quận Ngô nước Tấn, trong khi làm quan ở xà nhán gấp giờ thu nỗi lên lại nhớ tới thức ăn quê hương là canh rau Thuần và chả cá Vược, và than rằng, người ta sinh ra cốt là được thỏa cái ý thích của mình, vậy có sao mình lại cứ chịu ràng buộc với quan chức ở ngoài ngàn dặm để cầu danh trước. Rồi Trương Hán thôi quan trở về quê hương.

283

酬道溪太學春寒韻

渺	渺	春	城	雪	正	漫,
東	風	牢	鎮	未	全	乾。
宦	情	細	惹	楊	烟	薄,
客	緒	偏	隨	杏	雨	殘。
流	水	高	山	琴	不	韻,
紅	旗	赤	懶	夢	將	闢,
憐	渠	萬	姓	皆	吾	與,
比	屋	誰	家	面	面	寒。

THÙ ĐẠO KHÊ THÁI HỌC 1*

· XUÂN HÀN VẬN

Điều điều xuân thành tuyết chinh man,
Đông phong lao tỏa vị toàn can.
Hoạn ^{2*} tình tế nhạ ^{3*} dương ^{4*} yên bạc,
Khách tự thiên tùy hạnh vũ tàn.
Lưu ^{5*} thủy cao sơn cầm bất vận,
Hồng kỳ xích xi mộng tương lan.
Liên cù vạn tinh giai ngô dữ,
Tị ốc thùy gia ^{6*} diện diện hàn.

DỊCH NGHĨA :

ĐÁP LẠI BÀI THƠ
“CÁI RÉT MÙA XUÂN” CỦA THÁI HỌC ĐẠO KHÊ (1)

Thành xuân mờ mờ tuyết đương đầy,
Gió xuân bị khóa chặt nên chưa khô hẳn.
Ý muốn làm quan chỉ vương nhẹ như làn khói trên cây dương liêu mờ nhạt,
Mỗi tình đất khách cũng tuôn theo với những hạt mưa hạnh ⁽²⁾ tiêu tan.
Cung đàn nước chảy non cao, đã đứt nhịp ⁽³⁾,
Giác mơ cờ hồng cờ thắm ⁽⁴⁾ cũng hồn tàn.
Chỉ xót thương cho muôn họ đều là đồng bào của ta,
Dưới những mái nhà chen chúc của ai kia, khuôn mặt nào cũng rét buốt.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 大 *dai*.2* TVTL2, TVTL3 : 宦 *quan*.3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 憂 *thắc*.4* TVTL1 : 揚 *dương*.5* TVTL3 : 疾 *thắm*.6* TVTL1 : 遠 *liêu*; TVTL2, TVTL3: 遠 *già*.

CHÚ THÍCH :

(1) Thái học Dao khê: Chưa rõ là ai.

(2) Mưa hạnh (hạnh vũ): chỉ mưa xuân.

(3) *Nước chảy non cao* (lưu thủy cao sơn) : Xưa Bá Nha 伯牙 gảy đàn, khi tiếng đàn bay bổng thì Chung Tử Kỳ 鍾子期 nói : «Chi của anh đang đ𝐞 ở núi cao» ; khi tiếng đàn thánh thót du dương thì Chung Tử Kỳ nói : «Chi của anh đang đ𝐞 ở nơi nước chảy». Sau Tử Kỳ chết, Bá Nha thấy không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa, nên đã bỏ việc chơi đàn. Ý Nguyễn Phi Khanh muốn nói ở đây là những bạn tri âm của mình nay không còn mấy ai nữa.

(4) *Cờ hồng cờ thăm* (Hồng kỳ xích xi) : Tượng trưng cho sự nghiệp vè vang về công cuộc đuổi giặc. Thơ Bạch Cư Dị 白居易 có câu :

紅旗破賦非吾事, Hồng kỳ phá tặc phi ngô sự,
黃紙除官無我名。 Hoàng chỉ trừ quan vô ngã danh.

Cờ hồng phá giặc không phải phận sự ta,
Chiếu chỉ của nhà vua thăng quan cũng không có tên ta.

284

題玄天寺

ĐỀ HUYỀN THIÊN TỰ

仙	簇	聳	雲	岑,
路	蘿	宵	察	深。
樹	年	園	古	澗,
花	午	鶯	幽	禽。
宮	得	修	訣,	心。
老	知	學	身	道。
若	天	憑	語,	尋。
佳	亦	果		
	遊			

Tiên ^{1*} gia nhất thốc tung vân sầm,
Lộ nhập yên la yêu diệu ^{2*} thăm.
Thụ ảnh trường niên vi cõi giản,
Hoa chi thanh ngọ chuyền u cầm.
Quan nhàn ^{3*} ngã đặc tu thân quyết,
Lão khứ thiên tri học đạo tâm.
Nhược kiến Xich Tùng bằng kỵ ngữ,
Giai du hà nhật quả u tầm.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA HUYỀN THIÊN

Một tòa nhà tiên cao ngất từng mây,
Đường vào chốn giày leo khói phủ sâu thăm thẳm.
Bóng cây quanh năm vây dòng suối cũ,
Buổi trưa thanh vắng, trên cành hoa vắng tiếng chim lúi lo.
Quan nhàn hạ, ta tìm được bí quyết tu thân.
Già đi rồi, lòng học đạo đã có trời biết.
Nếu thấy vị tiên Xich Tùng (¹), nhờ nhắn một lời,
Đến ngày nào mới thật có cuộc chơi hưng thủ ở chốn thành vắng.

DỊCH THƠ :

Nhà tiên một khóm, vút non tiên,
 Khói phủ đường vó vắng vẻ thêm.
 Cõi thụ quanh năm vây bọc suối,
 Cảnh hoa giữa ngọ, lưu lo chim.
 Tuổi già học đạo trời hăng biết,
 Quan rảnh trau mình, tờ vũng tin.
 Nếu gặp Xích Tùng xin nhẫn nhủ,
 Thủ choi thanh nhã hẹn nhau tim.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2 : 佛 Phật.

2* TTCGLT : 雪寮 tiều diệu ; TVTL2 : 雪寮 tuyết tiều ; TVTL3 : 雷寮 lôi diệu.

3* TVTL2 : 間 gian.

CHÚ THÍCH :

(1) Xích Tùng : Biệt hiệu của một vị tiên.

285

秋夜留別洪州檢正

THU DẠ ^{1*} LƯU BIỆT HỒNG
CHÂU ^{2*} KIÈM CHÍNH

歸故	夢人	藥槐	溪府	北邊。
清紅	霜日	和上	別吟	袂，
愁新	緒詩	上憑	杯斂	鞭。
相共	期醉	割五	淚夜，	
		桂		天。

Qui mộng Nhị Khê ^{3*} bắc,
 Cõi nhân hòa phủ biển.
 Thanh sương hòa biệt duệ.
 Hồng nhật thường ngâm tiên.
 Sầu tự bằng bôi đoạn,
 Tân thi cát lệ truyền.
 Tương kỳ tam ngũ dạ,
 Cộng túy quế hoa thiên.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU LƯU BIỆT KIỀM CHÍNH HỒNG CHÂU (1)

Tôi mơ về phía bắc Nhị Khê,
 Bạn ở lại bên phủ hòe (2).
 Giọt sương trong thăm vào tay áo từ biệt,
 Mặt trời hồng soi lên chiếc roi thơ.
 Nhờ chén rượu, cắt đứt mối sầu,
 Gạt nước mắt trao bài thơ mới.
 Hẹn nhau đến đêm rằm tối,
 Cùng uống say dưới bầu trời hoa quế (3).

DỊCH THƠ :

*Mộng về phía bắc Nhị Khê,
 Cố nhân nương cánh phủ hòe xa trông.
 Chia phôi tay áo sương phong,
 Chiếc roi thơ khách sớm lồng ánh dương.
 Mỗi sầu nhờ rượu xua quang,
 Câu thơ mới, gạt hai hàng lệ đưa.
 Đêm rằm tối, những hẹn hò,
 Dưới trời hoa quế thơm đưa chén quỳnh.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* VATT : 𠙴 nhật.

2* VATT, TVTL1 : 𠂊 giang.

3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 村 thôn.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Kiềm chính Hồng Châu* (Hồng Châu Kiềm chính) : đây chỉ Nguyễn Hán Anh, 阮漢英.
- (2) *Phủ hòe* (Hòe phủ) : chỉ dinh Trần Nguyên Đán, 陳元旦.
- (3) *Hoa quế* (Quế hoa) : Theo truyền thuyết, trên cung trăng có cây quế. Do đó hoa quế ở câu thơ này là chỉ ánh trăng.

286

陪冰壺相公遊春江

BỒI BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG DU
XUÂN GIANG

三	春	媚	烟	景
一	棹	擊	滄	浪
習	氣	俱	湖	海
憂	心	只	廟	堂
清	詩	魚	鳥	夬
佳	句	正	蘭	香
興	盡	中	流	返
山	間	日	已	黃

Tam xuân mị ^{1*} yên cảnh,
Nhất trạo kinh thương lương.
Tập khỉ câu hồ hải;
Ưu tâm chỉ miếu đường.
Thanh thi ngư điêu cộng,
Giai cù chỉ lan hương.
Hứng ^{2*} tận trung lưu phản ^{3*}.
Sơn gian nhạt dĩ hoàng.

DỊCH NGHĨA :

THEO TƯỚNG CÔNG BĂNG HỒ ĐI CHƠI SÔNG XUÂN GIANG

Tiết xuân mơn trớn cảnh khói mây,
Một mái chèo khua lán sóng xanh.
Khi cốt đã thành thói quen sống cùng hồ hải.
Tâm lòng lo lắng chỉ ở miếu đường.
Thơ thanh nhã, chung cùng chim cá,
Câu đẹp tỏa hương cùng hoa chỉ hoa lan.
Hứng đã hết từ giữa dòng trở lại,
Trên núi mặt trời đã úa vàng.

DỊCH THƠ :

Cảnh khói mây xuân thật mịn màng,
Chèo khua lán biếc nhẹ lảng lảng.
Thói quen đều ở nơi hồ hải.
Đã thăm riêng lo việc miếu đường.
Thơ nhã, cá chim cùng thường vị,
Câu hay, lan chỉ nức đưa hương.
Giữa giòng hứng cạn quay thuyền lại,
Bóng ác non tây đã úa vàng.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 恋 *nương*.2* TVTL3 : 欲 *duc*.3* TVTL2 : 遠 *viễn*.

287

村居

THÔN CƯ

松	筠	三	徑	在,	Tùng	quần	tam	kính	tại,	
歲	晚	薄	言	歸。	Tuế	văn	1*	bạc	ngôn	qui.
把	酒	看	秋	色,	Bả	tửu	khan	thu	sắc,	
携	醉	步	夕	暉。	Huề	cùng	bộ	tịch	2*	huy.
雲	空	山	月	出,	Vân	không	sơn	nguyệt	xuất,	
天	闊	塞	鴻	飛。	Thiên	khoát	tái	hồng	phi.	
忽	聽	昏	鐘	鼓,	Hốt	thỉnh	hòn	chung	cồ	4*
呼	童	掩	竹	扉。	Hô	đồng	yêm	trúc	phi.	

DỊCH NGHĨA :

CHỖ Ở TRONG XÓM

Ba luống tùng trúc còn đó,
 Tuổi già tình chuyện trở về.
 Cầm chén rượu ngắm sắc thu,
 Mang chiếc gậy dạo bước dưới ánh chiều.
 Mây quang vàng trăng ló trên núi,
 Trời rộng chim hồng ngoại ải tung bay.
 Bỗng nghe chuông tối ngân lên,
 Gọi trẻ khép cánh phên tre.

DỊCH THƠ :

Trúc, tùng ba luống vẫn còn kiếng,
 Năm muộn, üz ta trở lại quê.
 Ngắm thường sắc thu nắng rượu nhấp,
 Dao chơi bóng xế, chóng hèo đi.

Mây quang đinh núi vàng trăng ló,
 Trời rộng ái xa cánh nhạn về.
 Bỗng tiếng chuông chùa trong xóm giục,
 Gọi nhí đồng khép cửa phên tre.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* VAT : chủ thích là — 作 晚歲 *nhất tác vân tuế*.
- 2* TVTL3 : 反 phản.
- 3* TVTL3 : 村 thôn.
- 4* VAT, VTLT3 : 報 báo.

288

贈東溯范先生

TẶNG ĐÔNG TRIỀU PHẠM TIÊN SINH

人 生 天 地 一 遽 庵,
 無 奈 離 群 久 索 居。
 今 日 相 逢 數 杯 酒,
 他 辰 倍 勝 百 封 書。

Nhân sinh thiên địa nhất cù lư,
 Vô nại ly quần cữu xác cư.
 Kim nhật tương phùng sô bôi tiếu,
 Tha thời bội thăng bách phong thư.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG TIÊN SINH HỌ PHẠM Ở ĐÔNG TRIỀU (1)

Người ta sống trong trời đất như một nhà trạm,
 Sao có thể lìa bầy ở cô đơn một mình lâu được.
 Hôm nay gặp nhau hãy cạn mấy chén rượu,
 Còn hơn lúc khác nhận được hàng trăm phong thư của nhau.

KHẢO ĐÍNH : Bài này chép ở Tr. DTT.

CHỦ THÍCH :

(1) Chưa rõ đích xác là ai. Có lẽ là Phạm Nhân Khanh 范仁卿 chăng?

Xem thêm bài Cồ Sơn Phạm công thị dĩ «Tiểu phố» thi, thả Dao chư công tận dã canh họa, dù nhân mộng kỳ tràn trung nhí hữu nhản thích chí thú, y vận phú nhất luật của tác giả.

289

黃江夜雨

HOÀNG GIANG ĐẠ VŨ

蓼	蒲	三	秋	雨,	Liễu phố tam thu vũ,
筠	篷	半	夜	聲。	Quán bồng bán dạ thanh ^{1*} .
孤	燈	明	又	滅;	Cô đăng minh hựu diệt,
湖	海	十	年	情。	Hồ hải thập niên tình.

DỊCH NGHĨA :

MƯA ĐÊM Ở HOÀNG GIANG (1)

Mưa thu trên bến liễu,
 Tiếng roi xuống mui thuyền tre lúc nửa đêm.
 Ánh đèn cô đơn khi tờ khi mờ,
 Nỗi lòng cảnh hồ hải mười năm qua.

DỊCH THƠ :

*Mưa thu trên bến liễu,
 Thành thót rò mui thuyền.
 Đèn khi mờ khi tờ,
 Hồ hải chốc mười niên.*

TIỀN SƠN, HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 庄 bành .

CHÚ THÍCH :

(1) *Hoàng Giang* : khúc sông Hồng chảy qua phía bắc thành phố Nam Định. Bài thơ *Phụng canh Thái thượng hoàng ngự chế đè Thiên Trường phủ Trùng Quang cung* của Trần Nguyên Đán có câu : *Trường không thu họa Hoàng Giang nguyệt*; *Phương thảo xuân hồi Lục Phố phong*: Trời thu rạng bóng trăng Hoàng Giang; Cỏ thơm thoảng gió xuân Lục Phố.

290

化城晨鐘

HÓA THÀNH ^{1*} THẦN CHUNG

遠	遠	從	僧	寺,	Viễn viễn tòng tăng tự,
疎	疎	落	客	篷。	Sơ sơ lạc khách bồng ^{2*} .
潮	生	天	地	曉,	Triều sinh thiên địa hiều,
月	白	又	江	空。	Nguyệt ^{3*} bạch hựu giang không.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG CHUÔNG SỚM Ở HÓA THÀNH (1)

Xa xa từ ngôi chùa vọng lại,
 Tiếng thưa thót lọt vào thuyền khách.
 Nước triều dâng lên, trời đất sáng dần,
 Trăng sáng bạc và sông mênh mông.

DỊCH THƠ:

Vắng tự chùa xa tối,
 Tiếng thưa lọt mui bồng.
 Triều dâng trời đất rạng,
 Trăng bạc, sông mênh mông.

TIỀN SƠN, HUẾ CHI.

KHẢO ĐỊNH:

1* TVTL1: 洞 động

2* TVTL2: 運 liên.

3* TVTL1: 日 nhật

CHÚ THÍCH:

(1) *Hoa thành*: chưa rõ thuộc nơi nào. Đinh Văn Chấp trên *Nâm Phong* số 146 (4 — 1927) dịch là «thành Huế», không biết căn cứ vào đâu.

天聖佑國寺早起

仙 家 宮 闕 近 蓬 菜，
 耳 伴 鈎 夢 易 園。
 睡 起 春 朝 無 个 事，
 東 風 庭 看 花 開。

THIÊN THÁNH HƯU QUỐC
TỰ TẢO KHỎI ^{1*}

Tiên gia cung khuyết ^{2*} cận ^{3*} Bồng Lai,
 Nhĩ bạn ^{4*} quận ^{5*} thiên mộng dị hời.
 Thụy khởi xuân triều vô cà sự,
 Đông phong đình ^{6*} viễn khán hoa khai.

DỊCH NGHĨA:

Ở CHÙA THIÊN THÁNH HƯU QUỐC (1) DẬY SỚM

Cung điện thần tiên gần với cảnh Bồng Lai (2),
 Nhạc trời (3) ở bên tai nên giấc mộng dễ tỉnh.
 Sáng mùa xuân thức dậy không có việc gỉ làm.
 Chỉ xem hoa nở trước gió xuân ở ngoài sân.

KHẢO ĐÍNH:

1* VATT, TVTL1: chép đầu đề bài thơ là 天聖佑國寺早起 *Đại thánh hựu quốc tự tảo khói*; TrDTT: 天聖寺佑闕寺早起 *Thiên thánh tự hựu khuyết tự lảo khói*; TVTL2, TVTL3: 天聖佑國寺 *Thiên thánh hựu quốc tự*.

2* TrDTT: 殿 *dien*.

3* TVTL3: 道 *dao*.

4* TVTL3: 畔 *bạn*.

5* TVTL1, TVTL2: 鈎 *quân*.

6* TVTL1: 席 *dinh*.

CHÚ THÍCH:

(1) Chùa Thiên Thánh Hữu Quốc: chưa rõ ở đâu.

(2) Bồng Lai: một ngọn núi trong thần thoại Trung Quốc, nơi các vị tiên ở.

(3) Nhạc trời (quân thiên): theo Sử ký, Triệu Giản Tư mắc bệnh, thấy mình lên trời đi chơi ở chốn quân thiên, cùng với bách thần nghe tấu diêu Quảng nhạc, tiếng nhạc xú động tâm can. Câu thơ này tác giả lấy điền ấy để diễn tả tâm sự của mình.

292

舟中偶成

蕭	旅	髮	傷	暮,
耿	懷	怯	春	暮,
俗	閨	清	興	氣。
看	不	又	足,	足,
	累	水	看	雲。

CHU TRUNG NGẦU THÀNH

Tiêu tiêu lữ mǎn thương xuân mộ,
 Cảnh cảnh cô hoài khiếp chướng ^{1*} phân.
 Tục lụy bất quan thanh hưng túc,
 Khan sơn khan thủy hưu khan vân.

DỊCH NGHĨA:

TRONG THUYỀN NGẦU NHIÊN THÀNH THƠ

Mái tóc tha hương bơ phờ, thương cho xuân muộn,
 Cảnh cảnh nỗi lòng cô đơn, thêm ghê sợ lam chướng.
 Khi tục lụy chẳng vẫn vương, cái hưng thanh tao tràn đầy,
 Xem núi, xem nước, lại xem mây.

DỊCH THƠ:

Xuân tàn đất khách tóc tung bay,
 Đơn chiếc lòng lo chướng khí đầy.
 Tục lụy xa rời thanh hưng đủ,
 Xem non, xem nước, lại xem mây.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH:

1* TVTL2: 痞 nhả; TVTL3: 痘 bệnh.

293

秋夜

THU DA

新	愁	舊	恨	撥	難	平,
南	北	情	懷	夢	亦	驚。
月	色	無	人	更	無	賴,
秋	來	夜	夜	總	閨	情。

Tân sâu ^{1*} cựu ^{2*} hận, bát nan bình,
 Nam bắc ^{4*} tình hoài mộng diệc kinh.
 Nguyệt sắc vô nhân cảnh vô ^{5*} lại,
 Thu lai dạ dạ ^{6*} tông quan tình ^{7*}.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM THU

Sầu mới hận xưa khó dẹp yên,
 Nỗi lòng nam, bắc, trong giặc mộng cũng giật mình.
 Ánh trăng không người lại càng trơ trọi,
 Mùa thu đến, đêm đêm vẫn vướng vất trong lòng.

DỊCH THƠ :

Sầu mới hận xưa khó dẹp bằng,
Mối tình nam bắc, mộng thêm kinh.
Trăng sáng không người càng trơ trọi.
Đêm đêm thu đến vướng vất tình.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TrDTT : 秋 thu.
- 2* TVTL3 : 前 tiền.
- 3* TVTL2 : 挨 quī.
- 4* TVTL3 : 水 thủy.
- 5* TVTL2 : 穢更 cùi cánh.
- 6* TrDTT : 雨 vũ.
- 7* TVTL2, TVTL3 : 懷 hoài.

294

中秋玩月有懷

TRUNG THU NGOẠN NGUYỆT
HỮU HOÀI

忽	客	裡	又	中	秋,
月	風	清	獨	自	愁。
遙	故	人	襟	韻	在,
望	故	度	繞	南	樓。
騷	魄	幾			

Thông thông ^{1*} khách lý hữu trung thu,
 Nguyệt bạch phong thanh độc từ sầu.
 Giao vọng ^{2*} cố nhân khâm vận tại,
 Tao hồn ký độ nhiều Nam lâu.

DỊCH NGHĨA:

TRUNG THU NGẮM TRĂNG CẢM HOÀI

Nơi đất khách, thăm thoắt lại đến trung thu,
 Gió mát trăng trong, riêng mình buồn.
 Xa ngóng cố nhân, vẫn thơ lòng còn đó,
 Hồn thơ bao độ quanh quất về lầu Nam.

DỊCH THƠ :

*Tha hương thấp thoáng lại trung thu,
 Gió mát trăng trong nhăng tự sầu.
 Xa ngóng cố nhân, vẫn còn đó,
 Hồn thơ bao độ dạo Nam lâu.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 :旬旬tuần tuần.

2* TrDT :憶 úc ; TVTL1 :想 tưởng.

295 – 296

天長舟中

THIÊN TRƯỜNG CHU TRUNG

其一

肇	慶	東	南	詠	浦	西
扁	舟	傍	柳	過	前	溪
春	風	不	解	禁	愁	思
却	放	鶯	聲	隔	岸	啼

Kỳ nhất

Triệu Khánh đông nam Vịnh phố té (tây),
 Biền 1* chu bụng 2* liêu quá tiền khê.
 Xuân 3* phong bất giải cảm sầu tử,
 Khước phong quyên thanh cách ngắn đè.

其二

一	紫	蓬	煙	雨	泛	晴	春
紫	湖	閣	鶯	花	夢	裡	身
扁	舟	海	四	年	多	疾	病
			愁	殺	未	歸	人

Kỳ nhị 4*

Nhất bồng yên vũ phiếm tình xuân,
 Tử các oanh hoa mộng lý thân.
 Hồ hải tử niêm đa tật bệnh 5*,
 Biền chu sầu sát vị qui nhân.

DỊCH NGHĨA :

TRONG THUYỀN Ở THIÊN TRƯỜNG (1)

Bài một

Phía đông nam là Triệu Khánh, phía tây là bến Vịnh (2).
 Chiếc thuyền con sát bên rặng liễu lướt qua dòng khe phía trước.
 Gió xuân chẳng gõ được mối sầu ầm i,
 Lại buông tiếng quyên kêu bên kia bờ.

Bài hai

Một mái thuyền khói mưa, lèn đèn dưới nắng xuân,
 Trong giấc mộng, tấm thân vẫn ở gác tia oanh hoa.
 Hồ hải bốn năm nay, nhiều bệnh tật,
 Trong chiếc thuyền con, buồn chết được cho kẻ chưa về.

DỊCH THƠ :

*Triệu Khánh đông nam, tây bến Vịnh,
 Thuyền con men liễu lướt khe di.
 Gió xuân chẳng gõ sầu ầm i,
 Lại thả quyên gào cách phía kia.*

*Mái thuyền mưa khói thả xuân quang,
 Gác tia, oanh hoa, mộng vẫn vương.
 Hồ hải bốn năm nhiều tật bệnh,
 Thuyền con sầu giết kẻ tha hương.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 少 tiếu.
- 2* TVTL2 : 伴 bạn.
- 3* TVTL2 : 有 thanh.
- 4* TVTL1 : không có bài II này.
- 5* TVTL2, TVTL3 : 痘疾 bệnh tật.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thiên Trường* : Một khu vực hành chính thời Trần, nơi phát tích của nhà Trần; nay là vùng Nam Định thuộc tỉnh Hà Nam Ninh.
- (2) *Triệu Khánh và bến Vịnh* : chưa rõ cụ thể ở chỗ nào.

297

東岸春夢

瀘水東邊瀘岸村，
霏霏江雨暗前門。
耳邊邊斷送春歸去，
萬萬萬緣叢中杜宇魂。

ĐÔNG NGÀN XUÂN MỘNG

Lô thủy động biên Lô ngàn thôn,
Phi phi giang ^{1*} vũ ám tiền môn.
Nhĩ biên đoạn tống xuân qui khứ,
Vạn lục tung trung đỗ vũ hồn.

DỊCH NGHĨA :

MỘNG XUÂN Ở ĐÔNG NGÀN (1)

Xóm ở về phía đông trên bờ sông Lô (2),
Mưa mù mịt trên sông làm tối trước cửa.
Bên tai vắng tiếng tiên xuân đi,
Ấy là hồn chim đỗ vũ (3) trong muôn khóm cây xanh.

DỊCH THƠ :

*Phía đông Lô thủy, xóm ngàn Lô,
Mù mịt mưa bay, cửa tối mù.
Tiễn biệt xuân về, tai vắng tiếng,
Ấy hồn đỗ vũ khóm thanh u.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 江 *hồng*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đông Ngàn* : xưa thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc. Nay một phần thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.
- Đầu bài trên cũng có thể hiểu «Đông ngàn xuân mộng» và dịch là : *Mộng xuân ở bờ sông phía đông*.
- (2) *Sông Lô* : tức sông Hồng.
- (3) *Chim đỗ vũ* : tức chim cuốc.

298

洮江郡舍

THAO GIANG QUẬN XÁ

東 風 送 暖 逗 晴 軒,
 堆 緑 瓔 紅 甲 乙 繁。
 山 鳥 數 聲 啼 觸 處,
 夢 回 疑 是 菘 村 圓。

Đông phong tổng noãn ^{1*} đậu ^{2*} tình
 hiên,
 Đôi lục nung ^{3*} hồng giáp ất ^{4*} phiền.
 Sơn điêu sô thanh đê xúc xú.
 Mộng hồi ^{5*} nghi thị Nhị thôn viễn.

DỊCH NGHĨA :

Ở QUẬN XÁ MIỀN SÔNG THAO (1)

Gió xuân đưa hơi ấm vào hiên sáng,
 Khắp đó đầy lá xanh hoa đỏ tốt tươi.
 Vài tiếng chim rì rùng khắc khoải từ đâu vọng tới,
 Chiêm bao bừng tỉnh, ngờ là vườn xóm Nhị Khê.

DỊCH THƠ :

*Ngọn gió xuân gieo ấm mái hè,
 Lục, hồng chen chúc khắp đây, kia.
 Chốn vang chim núi kêu vài tiếng,
 Mộng tỉnh nghỉ là xóm Nhị Khê.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TrDTT : 晓 hiều.
- 2* TVTL3 : 逕 kính.
- 3* TrDTT : 瓔 nùng, TVTL1 : 瓔 nung.
- 4* TVLV3 : 甲 乙 giáp giáp.
- 5* TVTL2 : 魂 hồn.

CHÚ THÍCH :

- (1) Sông Thao : Đoạn sông Hồng từ Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phúc trở ngược lên.

299

題仙遊寺

ĐỀ TIÊN DU TỰ

天德山河古帝都，
名人間何處非陳迹。
虛訪神仙事有無。

Thiên Đức sơn ^{1*} hà cồ đế đô,
Danh lam ^{2*} hình thăng tiều Phượng Hồ,
Nhân gian hà xứ phi trần ^{3*} tích,
Hư phỏng thần tiên sự hữu ^{4*} vô.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA TIÊN DU (1)

Núi sông Thiên Đức ⁽²⁾ là đế đô thời xưa,
Danh lam thăng cảnh này là noi Bồng Lai nhỏ.
Trên cõi đời chỗ nào chẳng là dấu vết cũ,
Sao phải tìm ở hư vô chuyện thần tiên có hay không !

DỊCH THO :

*Thiên Đức noi đây cồ đế đô,
Danh lam thăng cảnh cũng Bồng Hồ.
Trần gian dấu cũ đâu không có,
Cứ hỏi thần tiên chuyện hữu, vô.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TrDTT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 江 giang.

2* TVTL3 : 薑 cuong.. Chữ này chắc TVTL3 chép sai, vì cuong (là gừng, riêng), ở đây thì hoàn toàn vô nghĩa.

3* VATT, TVTL2, TVTL3 : 塵 trần.

4* VATT : 已 dĩ.

CHÚ THÍCH :

(1) Chùa Tiên Du : ở trên núi Tiên Du, huyện Tiên Du, lộ Kinh Bắc ; nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

(2) Thiên Đức : xưa là châu Cồ Pháp, năm 1010 Lý Thái Tổ đổi là phủ Thiên Đức. Đây là đất phát tích của nhà Lý, nên gọi là cồ đế đô. Nay một phần thuộc huyện Tiên Sơn và huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc.

300

山 中

SƠN TRUNG

雨 餘 煙 樹 龍 瓮 翠，
 日 暮 紅 雲 冉 冉 生。
 睡 醒 不 知 春 早 晚，
 肃 山 啼 到 杜 鵑 聲。

Vũ du yên thụ lung lung ^{1*} thủy,
 Nhật mờ hồng ^{2*} vân nhiễm nhiễm sinh.
 Thụy tĩnh ^{3*} bất tri xuân tảo vẫn ^{4*};
 Thàm sơn đè đáo đỗ quyên thanh.

DỊCH NGHĨA :

TRONG NÚI

Sau trận mưa cây tỏa khói xanh đậm đậm,
 Trời chiều mây hồng dần dần sinh.
 Tỉnh giấc không hay xuân sớm hay muộn,
 Nghe tiếng chim đỗ quyên vọng từ núi sâu tối.

DỊCH THƠ :

*Mưa qua, cây đậm xanh xanh khói,
 Mây ráng chiều hôm rực rực lên.
 Tỉnh giấc nào hay xuân sớm muộn,
 Non sâu vắng vắng tiếng hồn quyên.*

TIỀN SƠN, ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

1* TrDTT, TVTL1, TVTL2 : 龍 龍 lung lung.

2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 寒 hàn.

3* TVTL2, TVTL3 : 起 khởi.

4* TVTL3 : 晚 hiều.

301

江村春景

GIANG THÔN XUÂN CẢNH

繞 村 春 樹 綠 成 堆，
 一 帶 流 溪 抱 徑 邊。
 岸 帶 雨 晴 煙 色 薄，
 杜 鵩 聲 急 棟 花 開。

Nhiều thôn xuân thụ lục thành đồi,
 Nhất đời lưu khê bão kinh hời ^{1*}.
 Ngạn ^{2*} hiệp vũ tinh yên sắc bạc,
 Đỗ quyên thanh cấp luyện ^{3*} hoa khai.

DỊCH NGHĨA :

CẢNH XUÂN Ở XÓM BÊN SÔNG

Cây mùa xuân quanh xóm, màu xanh dày đặc,
 Một dòng suối quanh co, ôm lấy lối đi.
 Mưa tạnh, ven đê màu khói nhàn nhạt,
 Tiếng đỗ quyên rộn ràng, hoa xoan đang nở.

DỊCH THƠ :

*Cây xuân quanh xóm đậm màu xanh,
 Khe ôm lối nhỏ lượn quanh quanh.
 Ven đê mưa tạnh thưa màu khói,
 Rộ nở hoa xoan cuốc gọi nhanh.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 回 hời.

2* TVTL3 : 峯 phong.

3* TVTL1 : 東 dōng ; TVTL3 : 練 luyện.

葉馬兜賦

機奇爲知葉識而化奇皆莫作今而之而化巧怪葉識而妙怪是莫上闔復身竟樹微異肖牒莊至異特往山今而之於厭物靈虫經金有靈雖圖非若何形蒐茲

。約。隱。若廓灌。相寥曉。之於之。撣絡。奇文？馬馳桑將初。乎。歌詠工托來之。
。橫削龍寔扶之之樂羅千見播化而而中。於於之迹。遊異。周幽深於於乎。
。攘。腹孰宛志。睇勒羈伯。金猶尚寓。毛。浮。剪。玉金逢側重。野瀆。彩連。孰蒙泉明。驚恍如之價蟲蠟微之之靈。
。蒨互。鴻林月。林。桃蠹至閑寢之葱今蹄於於之影。腰丁青一之之之寬寂中。
。脊彼像傍嶺枝樹園乎謠蓼桑物乎乎卉其豎角想雖緩搖轉遇盼承集在是生處非觀背彼遡跡憇風霞適轉歡彼而矧不得不。

。致麟而之成賢。聖經符作亦載，千程然適龜而古之應畢今。諒治水氣水仰。

我聖相：心造化之心以爲心；智造化之智以爲智。
手天尺而締匠乎乾坤，躬化鈞而陶成乎庶彙。
允賦形肖質於兩間者，莫不鼓舞乎春風，沐浴乎
和氣。

生者樂其生，遂者得其遂。

工者程其能，術者售其技。

至茲蜎蜎之微出，亦効巧心之一試。

因觀物以興懷，默感乎氣類。

其紀述也，唐叔得嘉禾之書。

其賞玩也，成王無剪桐之戲。

苟非造物之妙，化工之至，安能致是乎！

仰惟：聖智之能，而非眾人之所可議也。

竊又：反覆天心，袖繹人事。

與其生樹上靈異之虫，孰若產人中俊逸之才，高
邁之士？

與其詠馬兜之詩，孰若講魯頌有馳之章，究魯論
德冀之旨？

然而物之靈異者，猶且愛之；况賢於物而最靈最
異者乎！

願充愛物之心，而爲愛賢之心；推待物之志，而
爲待賢之志。

觀樹葉則思棫樸作人之方，著蓑衣育才之義。

玩馬兜則念騶虞麟趾之仁，關雎鵲巢之美。

材館之下，駿可市而金可捐；

賓幕之間，溫可招而石可致。

使廊廟臻肖像之求，山澤奮卧龍之起。

夫如是則，鋪張宏休，詠歌盛德，顧不光大而輝
耀者耶？

嗟微生之何修，幸遭逢於盛際。

忝入幕之嘉賓，荷命題之盛意。

殫刻楮之賤工，效彤蟲之末技。

記微物以舒懷，獻得賢爲上瑞！

PHIÊN ÂM :

DIỆP MÃ NHI PHÚ

Nhược hữu vật hèle chí vi, sấm diệu xảo hè hóa ky (co).
 Hà linh linh nhi dì dì, phục quái quái nhi kỳ kỳ.
 Hình tuy trùng chi đặc tiểu, thân thị diệp chi giải vi.
 Sưu đồ kinh ư vãng diệp, cánh mạc thức nhi mạc tri.
 Tư phi Kim Âu sơn trang chi thụ thượng nhi hóa tác Diệp mã nhi
 giả hò !

* * *

Quan kỳ : thông thiến thái phủ, quyền kỳ ^{1*} tú trạc.
 Bối thụ tích hè cảng ^{2*} liên, phúc hoành văn hè ần ước.
 Bỉ giác bỉ đè, thực tiễn thực tước ?
 Tố tưởng tượng ư hồng mông, uyên Long Mã chi tương nhược.
 Tích tuy hạng ư lâm tuyền, chí thực trì ư liêu khoách.
 Khệ Hầu Lĩnh chi nguyệt minh, hy Phù Tang chi hiều trạc.
 Phong dao chí ảnh, kinh ngọc lặc chí tương huy.
 Hà chuyên thụ yêu, hoảng ^{3*} kim ky chí sơ lạc.
 Thích ngộ viên định, như phùng Bá Nhạc.
 Chuyền miện hồ thanh lâm chí trắc ^{4*}, la trì hồ ý tịch chí tiền.
 Hoan thừa nặc nhất, giá trọng kim thiên.
 Bỉ tập liễu chí đào trùng, do kiến ca ư Chu tung.
 Nhi tại tang chí hoắc ^{5*} thực, thượng bá vịnh ư Mân thiên,
 Thần thị vật chí chí ^{6*} vi, ngũ hóa công chí thâm ý.
 Bất sinh hồ khoan nhàn chí dã, nhì thác tích ư động thiên.
 Bất xứ hồ tịch mịch chí tân, nhì lai du ư phúc địa.
 Đặc phi hủy ^{7*} trùng chí linh, mao trung chí dì hò !

* * *

Phủ ngưỡng kim cỗ, thiên tài phủ khế.
 Trí thủy tất nhì qui trình, tác kinh thành nhì lân chí.
 Lượng khí ứng chí thích nhiên, diệc thánh hiền chí lực tri.
 Ngã Thánh tướng : tâm tạo hóa chí tâm dĩ vi tâm ; tri tạo hóa chí tri
 dĩ vi tri.

Thủ thiên xích nhi đề tượng hồ càn khôn, cung hóa quân nhi đào thành
hồ thứ vi.

Phàm phú hình tiểu chất ư lưỡng gian giả, mạc bất cõi vũ hò xuân phong,
mộc dục hò hòa khí.

Sinh giả lạc kỳ sinh, tuy giả đặc kỳ tuy.

Công giả trình kỹ năng, thuật giả thu kỹ kĩ.

Chí tư quyền nhi chí vi trùng, diệc hiệu xảo tám chí nhất thi.

Nhân quan vật dĩ hưng hoài, mặc cảm phu hồ khi loai.

Kỳ kỹ thuật dã, Đường Thúc đặc Gia Hòa chi thư.

Kỳ thường ngoan dã, Thành Vương vô tiền đồng chi hi.

Câu phi tao vật chi diệu, hóa công chi chí, an năng trí thi hồ !

2

Nguồng duy: Thành tri chi năng, nhi phi chúng nhân chi sở khả, nghi dã.

Thiết hưu : phản phúc thiền tâm, trừu dịch nhân si (sư).

Dữ kỳ sinh thi thương linh dị^{8*} chi trùng, thực nhược sản nhân trung
tuấn dát chi tài, cao mai chi sĩ?

Dữ kỳ vịnh «Mã nhi» chi thi, thực như đọc giảng *Lỗ tung Hữu bát chí* chương, cứu *Lỗ luân Đúc kỵ chi chỉ*?

Nhiên nhi vật chi linh dị giả, do thả ái chi ; huống hiền ư vật nhì tối
linh tối di ^{9*} giả hồ !

Nguyễn sung ái vật chí tâm, nhi vi ái hiền chí tâm ; suy dãi vật chí chí,
nhi vi dãi hiền chí chí.

Quan thụ diệp tắc tư Vực phốc tác nhân chi phương; Thành nga dục tài
chi nghĩa.

Ngoạn «Mã nhi» tắc niệm *Sô ngu*, *Lân chỉ chi nhàn*, *Quan thư*, *Thước sào*
chi mỹ.

Tài quán chi hạ, tuấn khả thi nhi kim khả quyên.

Tân mac chi gian, Ôn khả triêu nhi Thach khả tri.

Sử lang miếu trấn tiểu tượng chi cầu, sơn trạch phẩn ngại long chi khởi.

Phù như thi tắc ^{10*} phô trương hoằng huu, vịnh ca thịnh đức, cố bất
quang dai nhi việp vĩ già da?

2

Ta vi sinh chi hà tu, hanh tao phùng ư thính tể.

Thiêm nhập mac chí gia tàn, hà mệnh đề chí thịnh vượng.

Đàn 11* khắc chữ chi tiên 12* công, hiệu điêu trùng chi mạt kỵ.

Ký ví vật dĩ thư hoài, hiến đặc hiền vi thương thuy [

DỊCH :

PHÚ CON NGƯA LÁ (1)

Một con vật bé bỗng tí tí, vượt tài xảo diệu của hóa kỵ (2).
 Sao thiêng thiêng mà là lạ, lại quái quái mà kỳ kỳ.
 Hình tuy giống hệt loài trùng, thân lại dùng là chiếc lá.
 Tìm khắp sách truyện kinh xưa, chẳng một ai hề biết cả.
 Nò chẳng phải vật trên cây trong trại Kim Âu (3) mà hóa thành con ngựa
 lá đó sao !

* * *

Xem nó :

Tươi xanh nỗi sắc, đẹp đẽ khác thường.
 Lưng liên tiếp xương sống, bụng lờ mờ vẫn ngang.
 Ai cắt ai gọt, kia móng kia sừng,
 Tưởng lại thời móng muội, cùng Long mã sánh hàng (4).
 Dấu vết tuy kẽ nới rừng suối, mà chỉ thực ruồi rong khôn lường.
 Năm nghỉ dưới trang Hầu Linh (5), tắm mình ngoài nắng Phù Tang (6).
 Gió lay cành bóng, giật mình ngỡ sắp mang đám ngọc.
 Ráng lướt thân cây, thoảng trông mới buộc cương vàng.
 Gặp được bác làm vườn nọ tưởng Bá Nhạc (7) đó chẳng?
 Mới nháy mắt ở bên rừng rậm, đã đặt mình trên đám tiệc sang.
 Một lời mới ngỏ, giá đáng ngàn vàng.
 Đám liễu, đào tùng còn thấp ở thiên Chu Tụng (8).
 Cây dâu hoặc thực còn chép ở thơ Mân Phong (9).
 Huống vật này coi thì rất nhỏ, nhưng tạo hóa ngũ ý rất sâu.
 Không sinh nơi ruộng đồng hoang dã, mà vào động tiên nương bóng.
 Chẳng lánh vùng bến hiu quạnh, mà tới miền đất phúc ngao du.
 Vậy chẳng phải vật thiêng trong loài lá, giống lạ trong loài mao đó ư !

* * *

Xem xét xưa nay, ngàn xưa vẫn thế.

Rùa lên khi trị thủy vừa xong (10), lần hiện lúc kinh kia đã viết (11).
 Thực là buổi vận hội đương nhiên, nhưng cũng bởi thánh hiền đốc sức.
 Thành trường (12) ta lấy tâm tạo hóa làm tâm, dùng trí hóa công làm tri.
 Tay thước trời dựng xây vũ trụ, thân khuôn lớn đức nên mọi thứ.

Phàm là vật trong trời đất, chẳng vật nào không nhảm múa trước xuân
phong, đượm nhuần trong hòa khí.
Người xốc mong thỏa nỗi ước mong, kẻ sinh sống vui niềm sinh sống.
Người khéo khôn trồ hết khéo khôn, kẻ tài kỹ dốc nghề tài kỹ.
Đến loài trùng nhỏ cung quăng đua tài khéo cũng thỏa chí.
Nhân xem vật mà sinh tình, thăm cảm tin về vận khí.
Về ghi chép : ông Đường Thúc được lúa tốt có thiên kinh kia (13),
Về thường ngoạn : vua Thành Vương cắt lá vông không trò chơi ấy (14).
Nếu không phải tạo vật diệu huyền, hóa công tuyệt hảo thì sao được
như thế !

**

Kinh xem : tài năng thánh tri, khó kẻ luận bàn.
Lại trộm nghĩ : suy xét lòng trời, dõi tìm nhân sự.
Vi bằng sinh sâu thiêng lạ trên cây, sao bằng sản kẻ sĩ cao thượng, người
kỹ tài trong thiên hạ ?
Vi bằng vịnh thơ ngựa lá, sao bằng đọc thơ Hữu Bật trong thiên Lỗ
Tụng (15), giải về «Đức kỵ» ở Lỗ Luận (16) ?
Thế nên dõi với vật thiêng lạ cũng đã yêu thương ; huống gì dõi với loài
xảo diệu còn hơn, và cực kỹ thiêng lạ !
Xin hãy dõi lòng yêu vật thành lòng trọng người hiền ; đem chi dãi vật
làm chi dãi kẻ sĩ.
Xem lá cây nhớ thơ Vực phõc trọng dụng con người (17), thơ Thanh nga
dạy nuôi tài sĩ (18).
Ngắm ngựa lá tưởng vẻ đẹp trong Quan thư, Thước sào, đức nhân trong
Sô Ngu, Lân Chỉ (19).
Quán dãi hiền, ngựa hay mua được, vàng không sợ phí (20).
Màn tiếp khách, Ôn nọ mời về, Thạch kia vừa ý (21).
Khiến cho chốn triều đình tượng vẻ được tìm (22), vùng rừng rú rồng
nằm phản khí (23).
Được như thế thì phô trương diệu lành, ngoại ca đức tốt há chẳng lớn
lao rực rõ hay sao ?

**

Ôi ! kẻ học trò hèn mọn này có đáng gì, chỉ may sao gấp thời thịnh tri.
Ngôi khách qui thiện dự bên màn, đầu bài phú vàng theo thịnh ý.
Công khắc há dốc hết tài hèn, nghề chạm sâu theo bè cũ kỹ (24).
Mượn vật mọn gửi gắm tình hoài, «được người hiền» đáng làm diêm quí.

KHẢO ĐÍNH:

NPKTV chú là sao lại bài phú theo QHPT. Nhưng bản NPKTV này — tức phần *Nguyễn Phi Khanh thi văn* trong *Ức Trai di tập* quyển 2, « Phúc Khê nguyên bản » — được in từ thế kỷ XIX. Như vậy có thể nó không sao lại bài phú theo bản QHPT—A.575. Vì A.575 cũng chỉ là bản QHPT mới được trường Viễn Đông bác cõi chép lại đầu thế kỷ XX, dựa theo một bản QHPT nào đó. Do đó NPKTV vẫn là một dí bản.

1* QHPT: 摽奇 ứng kỳ.

2* NPKTV: 亘 tuyên.

3* NPKTV: 妃 uyên.

4* NPKTV: 则 trắc.

5* Các dí bản đều chép chữ 蟹 hoặc. Nhưng câu này là sử dụng chữ và ý của thiên *Mân phong* trong *Kinh Thi*. Toàn bộ bảy bài của thiên *Mân phong* không có một câu nào có chữ 蟹 hoặc, chỉ có hai chữ giống chữ « hoặc » là 蟹 hoàn và 蟹 quán.

Bài 八月 Thất nguyệt có câu :

八月 蟹 辯 ; Bát nguyệt hoàn vĩ,

蟹 月 條 桑。 Tám nguyệt điều tang.

Ý là : Tháng 8 dùng cõi hoàn cõi vĩ lót ô cho tắm ; Tháng sau đó thì di lồng lá dâu. Theo chủ thích của người xưa, bài Thất nguyệt là lời Chu Công 周公 ca ngợi công lao gian khổ của những người trước, từ lúc khởi thủy đến lúc dựng nên được vương nghiệp nhà Chu, như việc nuôi tắm từ lúc kết những cọng cỏ hoàn ... đến lúc có tơ.

Bài 東山 Đông sơn có câu :

蟹 鸣 于 垒 ; Quán minh vu diệt,

婦 歎 于 室。 Phụ thán vu thất.

Ý là : Lúc trời sắp mưa to, chim quán kêu mừng mồ dàn kiến bò ra khỏi tổ ; cũng lúc đó người vợ ở nhà than thở nỗi khổ cực của chồng vẫn phải lặn lội trong cuộc viễn chinh.

Trong câu phú của Nguyễn Phi Khanh, có lẽ tác giả đã dùng chữ 蟹 hoàn, hoặc chữ 蟹 quán mà người sau chép làm thành 蟹 hoặc chăng ?

6* NPKTV : 雖 tuy.

7* QHPT : 葵 diệp.

8* QHPT : chép sót hai chữ linh dị.

9* QHPT : chỉ chép tối dị.

10* QHPT : không có chữ tắc.

11* NPKTV : 弹 dàn.

12* QHPT : 殘 tàn.

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo lời chú trong *Quần hiền phú tập* thì sau khi Hồ Quý Ly 胡季量 dựng thành Tàu Đố ở Thanh Hóa, có người dâng con bò lá hình giống con ngựa ; triều đình cho là điều tốt, mới đặt tên là Con ngựa lá và ra đề cho các danh sĩ đương thời làm bài phú chúc tung việc này. Số người làm phú Con ngựa lá (Diệp mã nhí) chắc khá nhiều, song hiện nay chỉ mới tìm được bài của Đoàn Xuân Lôi (có trong tập sách này) và bài của Nguyễn Phi Khanh.

- (2) *Hóa ky*, cũng đọc *hóa cơ* : như chữ tạo hóa.
- (3) *Kim Âu* : tức núi Đại Lại 大吏 ở phủ Thanh Hóa, nơi nhà Hồ 胡 xây dựng Tây đô. Theo ĐVSKTT, khoảng cuối năm 1402 đầu năm 1403, nhà Hồ đổi tên núi Đại Lại thành núi Kim Âu.
- (4) *Long mã* : Tương truyền vào thời cổ ở Trung Quốc, khi Phục Hi 伏羲 lên làm vua thì có con Long mã xuất hiện ở sông Hán 河.
- (5) *Hầu Linh* : Tên một ngọn núi ở Trung Quốc. Tương truyền con vua Linh Vương 靈王 nhà Chu 周 từng đến núi này rồi cưỡi hạc trắng bay lên tiên.
- (6) *Phù Tang* : Tên một cây thần ở ngoài biển xanh, chỗ mặt trời mọc. Cây cao đến vài ngàn trượng, tàn rộng đến hơn một ngàn người ôm. Hai diễn Hầu Linh và Phù Tang ở đây là đề nói Con ngựa lá cũng có một tâm hồn vô cùng cao khiết.
- (7) *Bá Nhạc* : tức Tôn Dương, một người rất giỏi xem tướng ngựa thời Xuân Thu, thường được dùng để ví với người lãnh đạo quốc gia biết phát hiện nhân tài.
- (8) Câu này dùng một số chữ và ý của bài ca *Tiểu bát* 小盤 ở phần *Chu tụng* 周頌 trong *Kinh Thi* 詩經. Theo lời giải của người xưa, *Tiểu bát* là bài ca thuật lại lời vua Thành Vương 成王 nhà Chu 周 cầu người hiền giúp mình trị nước. Lời câu này thông qua việc Thành Vương tỏ nỗi ân hận vì trước đây không nhận ra sự dèm pha của Quản Thúc 管叔 và Thái Thúc 蔡叔 mà nghi ngờ người phụ chính tài giỏi và rất đạo đức là Chu Công 周公. Sau khi hiểu rõ lòng trung thành của Chu Công và cũng gặp lúc Quản Thúc, Thái Thúc làm loạn, Thành Vương lại càng tin yêu Chu Công và sai Chu Công đi đánh dẹp. Bài ca có đoạn :

肇 兮 彼 桃 蟲 拚 飛 維 鳥。 未 堪 家 多 難， 予 又 集 于 蓼。	Triệu doãn bỉ Đào trùng, Phiên phi duy điểu. Vị khâm gia đa nạn, Dư hựu tập vu liễu.
---	---

- Ý là : Lúc đầu cứ yên chí tin rằng đó chỉ là con chim Đào trùng lành bé nhỏ, về sau bay lượn hóa ra là con chim ác (chỉ Quản Thúc và Thái Thúc lúc đầu dèm pha sau làm loạn). Chưa gánh xác được công việc quốc gia lúc nhiều hoạn nạn. Ta lại rơi vào khổ矣!
- (9) Câu này dùng một số chữ và ý của bài *Đông son* 東山 ở thiên Mân Phong 𩫢風 trong *Kinh Thi*. Theo lời giải của người xưa, *Đông son* là bài thơ thuật lại lời Chu Công thương cảm ủy lạo quân sĩ phải gian lao theo mình lâu ngày đi đánh dẹp Quản Thúc và Thái Thúc như nỗi vất vả của con sâu dâu ở trong cây dâu. Bài thơ có câu :

虬 虬 者 爛， 蒸 在 桑 野。	Quyên quyên giả thực, Chung tại tang dã ;
----------------------	--

So ro co quắp con sâu dâu kia, cứ phải ở mãi trên cây dâu.

- Ở đây chỉ thấy dùng chữ «thực» là con sâu dâu. Nhưng ở bài phú của Phi Khanh lại dùng chữ «hoắc thực». Về loại sâu này, QHPT chú: 薤蠋, 豆中大青虫也, Hoắc thực, đậu trung đại thanh trùng dã: Hoắc thực là con sâu to màu xanh ở cây đậu. Chú như vậy e không đúng, vì đang nói con sâu dâu, sao lại là con sâu đậu? Có thể Nguyễn Phi Khanh dùng chữ «hoàn thực», hoặc «quán thực»? (xem lại Khảo định số 5*). Hoặc có lẽ Phi Khanh đã thấy ở đâu đó gọi sâu dâu (hoặc con tằm núi?) là «hoắc thực» nên mới dùng như thế chăng?

Câu phú này và câu phú trên tỏ tâm trạng sung sướng của một kẻ được vua hoặc người trên hiếu và tin yêu mình.

- (10) Theo lời giải nghĩa *Kinh Thư* 書經, thời thương cổ ở Trung Quốc, khi vua Vũ 禹 tri thủy đến sông Lạc 潘河 thì có con rùa thần (thần qui) nổi lên. Rùa thần là điểm trời báo vua Vũ dựng nên vương đạo.

- (11) Thời Xuân Thu, vua Lỗ Ai Công 魯哀公 đi tuần thú miền Tây bắt được một con lân. *Công Dương truyện* 公羊傳 chép : «Vua đi tuần thú miền Tây bắt được con lân, Khổng Tử 孔子 nói, thế là đạo của ta đến chỗ cùng rồi». Và đoạn này được chú thích : «Đây cũng là diêm trời báo cho Khổng Tử biết đạo sắp bị tuyệt diệt». Theo Mạnh Tử 王子, «lúc đó thế đạo đã rất suy vi, tà thuyết phát triển, hành động tàn bạo diễn ra, con giết cha, tôi giết vua v.v...» Khổng Tử rất lo sợ trước hiện trạng đó, mới nhận diêm con lân mà viết ra bộ kinh Xuân Thu 春秋. Con lân là một diêm trời báo cho biết phải cẩn trọng với đạo.
- (12) Thành tướng : chì Hồ Quý Ly.
- (13) Theo Kinh Thư 書經, em vua Thành Vương nhà Chu là Đường Thúc 唐叔 thấy trong ấp của mình có một bông lúa lạ là gốc lúa thì mọc ở những mảnh ruộng khác nhau, nhưng ngọn thi tất cả chụm lại thành một bông lúa lớn. Bông lúa này được coi là diêm trời cho biết thiên hạ hòa đồng với nhau. Chu Công bèn làm ra thiên Gia hòa 嘉禾 trong Kinh Thư để hổ cáo với thiên hạ.
- (14) Vua Thành Vương nhà Chu ở ngôi lúc còn nhỏ tuổi, có lần đùa chơi cắt lá vông làm một cái phù hiệu đưa cho em là Thúc Ngu 叔虞 và nói : «Cái này là để phong cho người». Quan chép sứ liền xin vua định ngày để làm lễ phong đất. Thành Vương nói đó là ta chỉ đùa thôi. Quan chép sứ thưa : «Thiên tử đã nói thì sứ chép điều đó, lễ qui định việc đó, nhặc tâu về việc đó». Thế là Thúc Ngu được phong ở đất Đường 唐. Trò chơi cắt lá vông của vị vua trẻ con Thành Vương cũng là một diêm trời đưa đến việc Thúc Ngu trở thành ông chúa ở đất Đường.
- (15) Hữu bát : tên một bài thơ ở phần Lỗ tụng trong Kinh Thi. Theo lời giải trong cuốn Mao thi chính nghĩa 毛詩正義 (đời Hán), nội dung bài Hữu bát là khen vua Hy Cộng 僖公 nước Lỗ 魯 biết dùng lễ nghĩa hậu đãi bè tôi và bè tôi cũng hết lòng trung với vua ; do đó quốc gia được vững bền.
- (16) Lỗ luận : bản Luận ngữ 論語 do những học trò Khổng Tử là người nước Lỗ, nước quê hương Khổng Tử ghi chép, tức bản Luận ngữ thông dụng sau này. Thiên Hiển 文憲 問 sách Lỗ luận có câu : 驥,不得其力; 椽其德也. Kỳ, bất xứng kỳ lực; xứng kỳ đức dã : không khen cái sức của con ngựa kỳ (loại ngựa thiện lý) mà chỉ khen cái đức của nó.
- (17) Vực phốc : tên bài thơ ở phần Đại nhã 大雅 trong Kinh Thi. Theo cuốn Mao Thi chính nghĩa (đời Hán), nội dung bài Vực phốc là nói việc vua Văn Vương 文王 nhà Chu 周 biết sử dụng người hiền, cho họ những địa vị xứng với tài năng của họ, do đó quốc gia phồn thịnh.
- (18) Thành nga : tức bài Thành thanh giả nga 青青者莪 ở phần Tiêu nhã 小雅 trong Kinh Thi. Theo Mao Thi chính nghĩa (đời Hán), nội dung bài Thành nga là ca ngợi người làm vua biết tổ chức nền học vấn để nuôi dưỡng và đào tạo các hạng nhân tài cho quốc gia.
- (19) Quan thư, Thủ tục sào, Sở ngu, Lân chỉ : tên bốn bài thơ ở phần Quốc phong 國風 trong Kinh Thi. Theo lời giải của người xưa :
- Quan thư : ca ngợi bà chính phi của vua Văn Vương 文王 nhà Chu tên là Thái Tự 太姒 là người có đạo đức cao cả. Bà rất vui sướng trong việc tìm kiếm những người thực nữ để cùng minh phụng sự vua Văn Vương, luôn nghĩ ngợi việc nuôi dưỡng người hiền tài, không có lòng làm tôn thương đến điều thiện v.v...
 - Thủ tục sào : ca ngợi những bà vợ của các vua chư hầu đã tiếp thu được sự giáo hóa của bà Thái Tự và cũng trở thành những người có đạo đức cao cả.
 - Sở ngu : nói các vua chư hầu nhà Chu tiếp thu được sự giáo hóa của thiên tử là Văn Vương. Do đó họ cũng trở thành những ông vua có đức nhân lớn lao, biết ái mộ con người và thương yêu đến cả muôn loài sinh vật. Vì thế các loài cây cỏ muôn thú cũng được phồn thịnh và vương đạo được dựng nên.

— *Lân chí*: chính tên bài thơ là 麟趾 Lân chí chí. Bài thơ ca ngợi lợp con cháu thuộc dòng dõi vua Văn Vương nhà Chu, tuy ở vào thời kỳ suy vi, nhưng do gìn giữ được di sản giáo hóa của vua Văn Vương cho nên vẫn là những người có đức nhân lớn lao.

- (20) Câu này và hai câu tiếp theo là mượn các điển cố để phát biểu những lời khuyên phải khẩn cấp dùng mọi biện pháp tập hợp được những người tài giỏi trên các lĩnh vực khác nhau để giúp vào việc trị nước:

Chiến Quốc sách, Yên sách 戰國策, 燕策: «Vua Chiêu Vương 趙王 nước Yên 燕 hỏi Quách Ngỗi 郭隗 về kế sách tìm người tài giỏi giúp việc trị nước. Quách Ngỗi nói: «Thần nghe nói ngày xưa có một ông vua bỏ ra 1000 nén vàng để tìm mua một con ngựa thiên lý, ba năm mà không mua được. Sau có một viên quan mang số vàng đó đi tìm mua được một con ngựa thiên lý, nhưng là con ngựa đã chết. Viên quan bèn bán bộ xương con ngựa đó được 500 nén vàng (nghĩa là mất không đắt 500 nén) rồi trở về tâu vua. Vua nài giận nói: «Ta cần ngựa sống, chứ ngựa chết thì việc gì ta phải phi 500 nén vàng?». Viên quan thưa rằng: «Ngựa chết mà bán đi còn được như thế, huống gì ngựa sống? Xin nhà vua cứ vui vẻ chịu phi 500 nén vàng thì thiên hạ nhất định sẽ bảo nhà vua là biết mua ngựa, do đó ngựa quý thế nào cũng đến». Quả nhiên không đầy một năm sau đã có tới ba con ngựa thiên lý được đưa tới cho vua». Kè xong câu chuyện cỗ Quách Ngỗi nói tiếp, nay nếu nhà vua thực tâm muốn tìm người hiền sĩ, thì trước tiên nên trọng dãi Ngỗi tôi. Một người tài hèn như Ngỗi tôi mà còn được trọng vọng thì những người tài giỏi hơn tôi sẽ không quản ngại gì mà không đến giúp vua đâu... Vua Chiêu Vương nghe lời, mới sai làm riêng một cái cung để Quách Ngỗi ở. Về sau quả có nhiều nhân tài đã đến giúp Chiêu Vương».

- (21) *Hàn Dũ 韓愈* trong bài *Tống Ôn xứ sỹ phó Hà Dương quân tư 送溫處士赴河陽軍序* có đoạn nói: Quan Ngự sử đại phu Ô Công 烏公 đến nhận chức Tiết độ ở Hà Dương muốn tìm người tài giỏi giúp mình thi được biết ở vùng phía bắc sông Lạc có Thạch Sinh là người tài. Ô Công mới dùng lễ (lễ là gồm cả lễ vật và mọi cách cư xử theo phép kính trọng người hiền) làm cái lối để kéo Thạch Sinh vào trong trường của mình. Sau đó lại được biết ở vùng phía nam sông Lạc có Ôn Sinh 溫生 là người tài, Ô Công mới nhờ Thạch Sinh làm môi giới và lại dùng lễ làm cái lối để kéo Ôn Sinh vào trong trường của mình.

- (22) *Hậu Hán thư, Đặt dân liệt truyện 後漢書, 逸民列傳*: Nghiêm Quang 嚴光 người đất Cối Kê 會稽 thời Hậu Hán, lúc trẻ đã nổi tiếng là người thông minh, có tài và là bạn thân cùng học với Quang Vũ 光武. Nhưng về sau, khi Quang Vũ lên ngôi vua thì Nghiêm Quang đã đổi họ tên trốn đi ở ẩn không lộ tung tích. Quang Vũ vẫn biết Nghiêm Quang có tài, nên mới sai vẽ chân dung của Nghiêm Quang gửi đi các nơi để tìm về triều đình giúp mình trong việc trị nước.

- (23) *Rồng nằm* (Ngoa long): chỉ Gia Cát Lượng 諸葛亮 tức Khổng Minh 孔明 một người giỏi về chính trị và quân sự ở thời Tam Quốc. Khổng Minh vốn là minh ở đất Tương Dương 襄陽, Lưu Bị 劉備 muốn được Khổng Minh giúp, nên đã ba lần hạ mình đích thân đến lều cỏ ở đất Tương Dương để mời bằng được Khổng Minh.

- (24) *Khắc lá* (khắc chữ): Ngày xưa có người dùng ngọc khắc cho vua của mình một chiếc lá cây chữ. Khắc trong ba năm mới xong. Từng chi tiết nhỏ nhất cho đến vỏ mềm mại mượt mà của chiếc lá này đều giống hệt lá chữ thật. Đặt chiếc lá này vào đám lá chữ thi không thể phân biệt được đâu là lá khắc, đâu là lá thật.

Chạm sâu (điêu trùng): ngày xưa thường gọi việc tia gọt sâu, chữ trong một bài văn như việc chạm tia những hình khối nhỏ như con sâu trong ngành điêu khắc.

Cả câu này Phi Khanh muốn nói mình đã làm một bài văn hết sức công phu để đáp lại thịnh ý của Hồ Quý Ly.

清虛洞記

者萬天，？功乎。是其歲大樂而者，以顯若不疇也。成至其歲大樂而者，以顯若不疇也。清不達至而賢一恩，處至蹟之至顯，大動已至其而非至。清不達至而賢一恩，處至蹟之至顯，大動已至其而非至。

我冰壺相公以天鐘岳降之才，著蔡皇謨棟梁宗社。頃遭大定之變，有清內難之功。

靜倒懸於國脉線之際，

任獨力於邦基艱危之日。

是乃乾坤締造之初也。

非動以天者能若是乎？

及其昏亂之迹息，仁義之效白，王業金甌，國家是又盤石，然後留候，晉公之志，始浩然能可乎？

親之潛蟠可而
帝朝陶錦芳然
上。太也朋島可，
太也。獎之烟劉聲
顏勸山岫，之
洞示遼。漪營
額勲謝之涼，狀
之舊傳上可營
旌攜岩。登紅冷
碑以。乎駁之
勒所灘。登紅冷
親皆平以翻清
帝，舟佯緣謂
睿宗岩，巾葩凡
皇帝陰扁倘，所
既銘匹之；秀
成，勒嘉。爰餐
碑，去舒，秀
製退歸綺嚙。

虛，淵然而靜，與耳目心神謀者，蓋已與溟涬太虛接境而遊乎萬物之表。噫！宇宙中間，造物者設此如指揮之示蕭功，以待夫人者亦多矣。然而成功之會，若發縱指揮之成功，何，且械繫焉；椒房至親之馬援，猶謗毀焉，豈能志而不能退休者歟？至若十上丐章之永叔，而思穎之未償，一年半病之溫公，而思洛之心莫遂，豈退休亦有待而難必者歟？

今我相公，其始也天既以功名之會付之；其終也天又以泉石之趣委之，無成功不退之嫌，無退休之難。顧歉於造物君之歎。是其出奧處，動與樂，皆以天也。顧輕重，則患失有以待之之意耶？若夫大臣一進退繫國事，既患得又失去，其固有終身之憂，非若鄙夫之事者，既失也，絕然遠去，心懷怏怏。此為足置齒於賢達出處之論耶？

嗚呼！乾坤之光霽難常；豪杰之經綸有會。安得遡紫清，冲碧虛以從遊於造物之所過耶？

昌符八年甲子腊月藁溪 阮飛卿記

PHIÊN ÂM:

THANH HƯ ĐỘNG KÝ

Hiền đạt giả chi xuất xứ, kỳ động dã dĩ thiên, kỳ lạc dã dĩ thiên. Thiên giả hà? Nhất chi thanh chi hư chi đại nhi dĩ. Tứ thời thành tuế nhi bất hiền kỳ công, vạn vật mông ản nhi bất hiền kỳ tịch. Phi chi thanh chi hư chi đại giả, trú nhược thị hồ?

Ngã Băng Hồ Tường công dĩ thiên chung nhạc giáng chi tài, thi thái hoàng mô, đồng lương tông xã. Khoảnh tao Đại Định chi biến, hữu thanh nội nạn chi công. Tĩnh đảo huyền ư quốc mạch duyển phát chi tế, nhảm độc lực ư bang cơ niết ngọt chi nhật. Thị nãi càn khôn để tạo chi nhất sơ dã, phi động dĩ thiên giả năng nhược thị hồ? Cập kỳ hôn loạn chi tích tức; nhân nghĩa chi hiệu bạch, vương nghiệp kim âu, quốc gia bàn thạch, nhiên hậu Lưu Hầu, Tân

Công chi chí, thủy hao nhiên nhì bất khả át, thị hưu minh triết bảo thân chí
nhất cơ dã, phi lạc dĩ thiên giả hựu nǎng nhược thị hồ ?

Ư thị nái tấu khát Côn Sơn hoang nhàn chí địa nhất khu, qui vi thoái hưu
chí xá. Nhị đế gia kỳ công, nhì chí vật chí đoạt, phủ dĩ tuân chí. Viên tướng
quyết nghi, thầm đặc hình thế. Nhất cỗ ngưu ầm, vạn phu nghĩ tập, trác u nghệ
é, sản sâm phủ hy. Ư thị ngọc tiết giả sai, trấn bắc giả tịch, dịch đồ cù tài,
dăng nhưng lạc dịch. Bất duyệt nguyệt nhì trác trúc man saxe chí công tất tế,
cao giả long như, ty giả hạo như, hy dao đệ thanh, khuyên kỵ vi tú, phàm thuế
túc quan du chí danh xứng bất nhất, nhì tổng tắc viết «Thanh Hư động» yên.

Ký thành, Duệ Tông hoàng đế thân lặc bi, ngạch chí động nhan. Thái
Thượng hoàng đế thân chế bi minh, lặc vu nhám âm, giai sở dĩ tình huân cựu,
thị khuyến trưởng dã. Công triều chí thoái, thất mã Gia Lâm, biến châu Bình
Than. Huề Tạ Phó du sơn chí bằng, ca Đào Tiềm «Qui khứ chí từ». Bức cản thẳng
dương dĩ dăng hồ nhám chí thượng. Tụ yên đảo hà, cầm bàn ý thư; làm di
giản ba, lục phiên hòng hải. Lương khả y, lưu khả cúc, phuong khả yết, tú khả
xan. Phàm sở vị thanh lãnh chí trạng, dinh dinh chí thanh, du du nhiên nhì hự,
uyên nhiên nhì tĩnh, dĩ nhĩ mục tâm thần mưu giả, cái dĩ dữ minh hanh thái
hư tiếp nhì du hồ vạn vật chí biều. Y! vũ trụ trung gian, tạo vật giả thiết như
thử chí cảnh dĩ dãi phù nhân giả diệc đà hĩ. Nhiên nhì thành công chí hội, nhược
phát túng chí thị chí Tiêu Hà, thả giới hệ yên; tiêu phòng chí thân chí Mã Viện,
do báng hủy yên, khởi thành công nhì bất nǎng thoái hưu giả dứ? Chí nhược
thập thượng cái chương chí Vĩnh Thúc, nhì tư Dĩnh chí chí vị thường, nhất
niên bán bệnh chí Ôn Công, nhì tư Lạc chí tam mạc toại, khởi thoái hưu diệc
hữu dãi nhì nan tất giả dứ?

Kim ngã Tướng công, kỳ thủy dã thiền ký dĩ công danh chí hội phó chí;
kỳ chung dã thiền hựu dĩ tuyển thạch chí thủ ủy chí, vô thành công bất thoái
chí hiềm, vô thoái hưu nan tất chí thân. Thị, kỳ xuất dũ xǔ, động dũ lạc,
giai dĩ thiền dã. Cố khiêm ư tạo vật hữu dĩ dãi chí chí ý da? Nhược phù đại
thần nhất thân tiến thoái hựu khinh trọng, tắc quân tử cố hữu chung
thần chí ưu, phi nhược bỉ phu chí sự quản giả, kỳ hoạn đắc hựu hoạn thất,
kỳ đắc dã, thụ du hiến nịnh, vô sở bất vi; kỳ thất dã, phất nhiên viễn khứ,
tâm hoài trọng ương. Thủ ô túc tri xỉ ư hiền đạt xuất xǔ chí luận da?

Ô hô! Càn khôn chí quang tẽ nan thường, hào kiệt chí kinh luân hựu
hội. An đắc tố tử thánh, xung bích hựu dĩ tòng du ư tạo vật chí sở ngộ da?

Xuong Phù bát niên, Giáp tý lạp nguyệt; Nhị Khê Nguyễn Phi Khanh ký.

DỊCH NGHĨA :

BÀI KÝ ĐỘNG THANH HƯ⁽¹⁾

Trong việc «xuất», «xử» của kẻ hiền đạt, thì «xuất» là để hành động
theo lẽ trời, «xử» là để tìm thú yên vui, cũng theo lẽ trời. Trời là gì? Là

cái chí thanh, chí hư, chí đại đó thôi ! Bốn mùa thành năm mà không tỏ ra có công, vạn vật chịu ơn mà không lộ rõ dấu vết. Không phải trời là chí thanh, chí hư, chí đại, thì đâu được như thế ?

Tướng công Băng Hồ ⁽²⁾ của ta, lấy cái tài trời xây núi dựng đê quyết định mưu lược cho nhà vua, làm rường cột cho tông xã. Khi xảy ra cuộc biến Đại Định ⁽³⁾, Người đã có công dẹp yên nội loạn. Trong lúc vận nước đương như treo trên sợi tóc, Người một mình gánh vác công việc của những ngày nước nhà điêu đứng vậy. Đó chính là buổi đầu của sự xây dựng trời đất. Nếu không phải Người đã hành động theo lẽ trời thì có thể làm như thế được chăng ? Đến khi tinh hồn hỗn loạn đã được dập tắt, hiệu quả của việc nhân, nghĩa đã tỏ rõ, vương nghiệp đã vững như âu vàng, nước nhà đã yên như bàn thạch, thì cái chí của Lưu Hầu, Tần Công ⁽⁴⁾ mới mạnh mẽ không có gì ngăn cản được Người nữa, đây lại là một dịp để tỏ rõ sự sáng suốt giữ mình của Người vậy. Nếu không phải Người biết tìm thú yên vui theo lẽ trời, lại có thể như thế được chăng ?

Bấy giờ Người mời tàu xin một khu đất hoang ở Côn Sơn ⁽⁵⁾, sắp đặt cất một ngôi nhà để làm nơi lui về nghỉ ngơi. Hai đức vua ⁽⁶⁾ khen ngợi công lao trước đây của Tướng công, không ép buộc cái chí của Người, vì vậy thề theo ý của Người. Người bèn tìm nơi thích hợp, xem xét hình thế. Một tiếng trống vang, muôn người xúm lại, phạt bụi san đồi, thế là suối nguồn được gạn trong, cỏ rách được dọn sạch, phu thợ đủ các nghề, xây đắp không nghỉ. Chưa đầy một tháng mà việc dựng cột, xây tường đều xong, chỗ cao khoáng khoát, chỗ thấp bỗng phẳng, đứng xa trông chỉ thấy một màu xanh, khu động vây bọc những cảnh kỳ lạ và đẹp đẽ, các nơi nghỉ ngơi chơi ngắm đều có đặt tên riêng, nhưng tất cả khu đó được gọi chung là «Thanh Hư động».

Sau khi làm xong, đức vua Duệ Tông tự tay làm bài bia, khắc vào trước cửa động. Đức Thái Thượng hoàng ⁽⁷⁾ tự tay làm bài minh, khắc dưới lèn đá, ý đều là để nêu công lớn trước đây của Người, và cũng là để tỏ sự khuyến khích và khen ngợi Người vậy. Sau khi Người từ giã triều đình lui về nghỉ ở đây, có khi rong ngựa chơi vùng Gia Lâm, có khi chèo thuyền dạo miền Bình Than ⁽⁸⁾. Hoặc có lúc cùng bạn như Tạ Phó đi chơi núi, hoặc có lúc hát bài từ «Qui khứ» của Đào Tiềm ⁽⁹⁾. Đầu bịt chiếc khăn, lững thững bên đèo. Khói ngàn, ráng đỏ, như gấm cuốn, như lụa giăng ; cỏ rì rì, hoa suối, hoặc màu biếc đung đưa, hoặc màu hồng rực rỡ. Cảnh mát dịu, trong lành, thơm đến muôn nuốt, xinh đến muôn ăn. Phàm những cái gọi là hình trạng trong mát, tiếng vi vu, xa xa mà vẫn không, sâu thẳm mà lặng lẽ, hợp với sự mong mỏi của tai mắt và tinh thần, đều hẫu như đã hòa với bầu trời mênh mông mà vui chơi ra ngoài cõi vật. Ôi ! Trong vũ trụ, tạo hóa bày ra những cảnh như thế để chờ đợi người cũng nhiều. Nhưng dịp thành công, như Tiêu Hà ⁽¹⁰⁾ là người chỉ huy có tài còn bị cùm trói ; Mã Viện ⁽¹¹⁾ là người có mối chí thản nơi tiêu phòng còn bị đèm pha, đó chăng phải là họ làm nên công trạng, mà không biết con đường lui đó ư ?

Đến như Vĩnh Thúc (12) mười lần dâng sớ xin nghỉ, mà chỉ nhờ đất Dĩnh chưa thỏa, Ôn Công (13) một năm ôm đến sáu tháng, mà lòng nhớ đất Lạc không nguôi, đó chẳng phải là việc lui về nghỉ ngơi cũng có khi phải chờ đợi mà khó được đó ư ?

Nay Tướng công ta, lúc đầu trời đã giúp cho cái hội công danh ; về sau lại dành cho cái thú sơn thủy, khỏi được tiếng thành công mà không biết đường lui, khỏi cái nỗi phải thở than vì lui về không được. Ấy là khi «xuất» với «xứ», khi «động» với «lạc» đều là theo lẽ trời. Vậy còn phàn nàn gì về cái ý tạo vật đã dãi người ? Ôi ! Thần phận một kẻ đại thần, khi tiến, khi lui, đều có quan hệ với vận mệnh của nước nhà, cho nên người quân tử vẫn ôm mối lo suốt đời, nào phải như kẻ bỉ phu thờ vua, đã lo được lại lo mất, khi được thì a dua, nịnh hót, chẳng việc gì là chẳng làm ; khi mất thì hắt hủi bỏ đi, trong lòng hậm hực. Như vậy, sao đáng cùng họ mà bàn việc «xuất» và «xứ» của người hiền đạt được ?

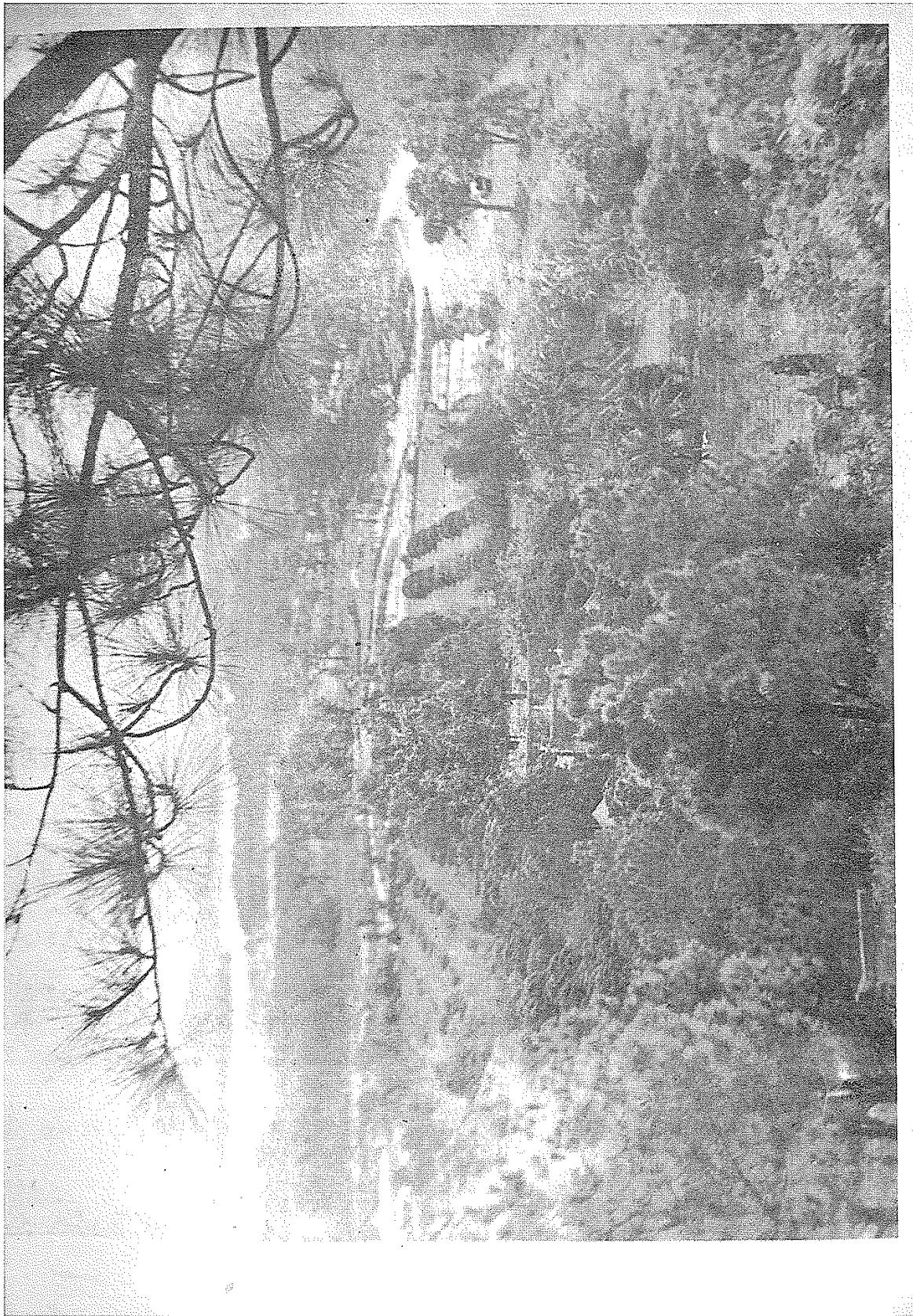
Than ôi ! Trời đất quang tạnh khó lường ; hào kiệt kinh luân có hội. Ước gì được bay bồng lên giữa khoảng trời trong mát, xanh biếc kia để cùng vui chơi ở chỗ mà tạo hóa đã sắp đặt để chờ Người ?

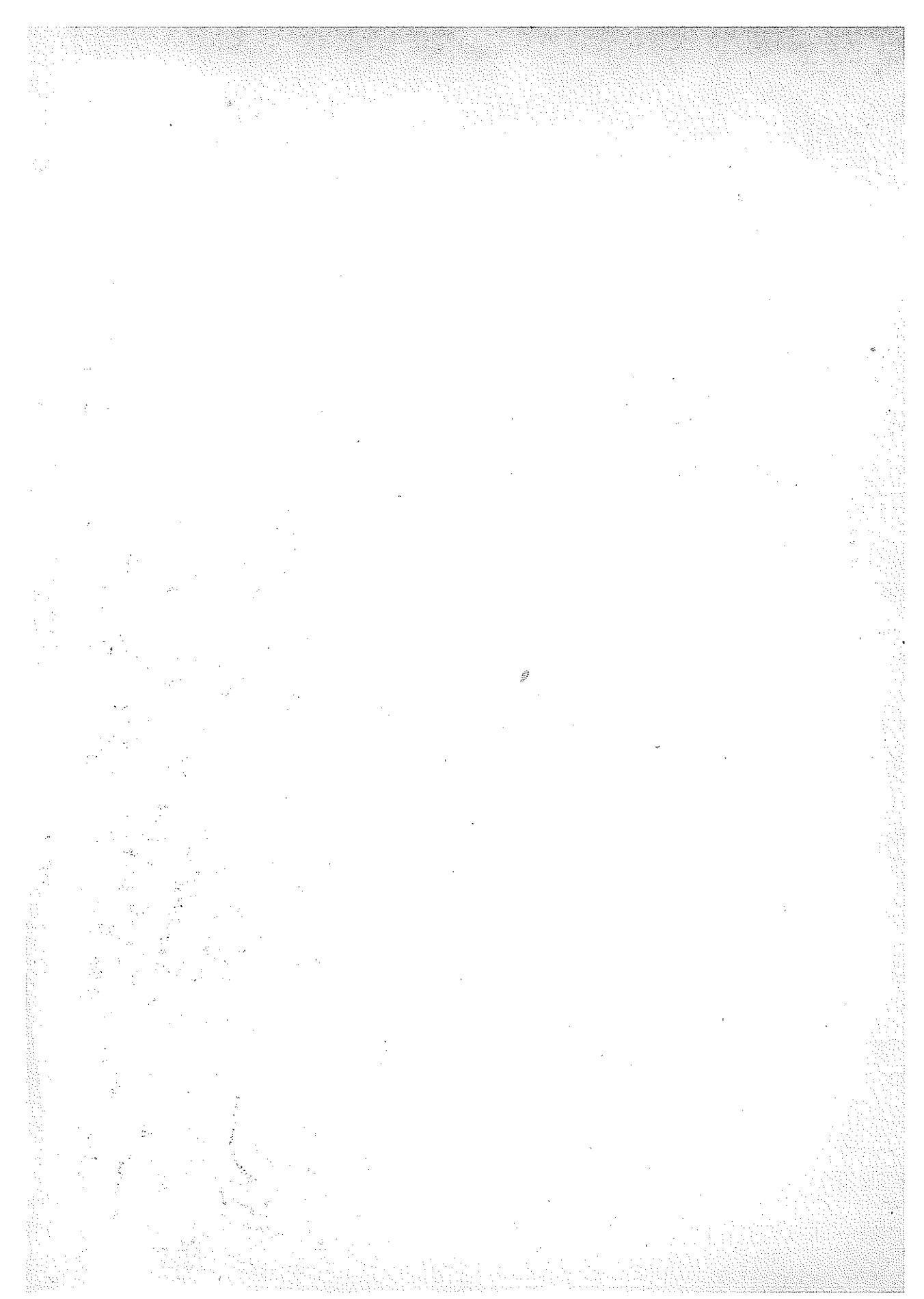
Tháng chạp năm Giáp tị, niên hiệu Xương Phù thứ tam (1384), Nhị Khê Nguyễn Phi Khanh ghi.

TRẦN LÊ SÁNG.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Động Thành Hu* : ở núi Côn Sơn, thuộc huyện Phượng Sơn (nay là huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng).
- (2) *Băng Hồ* : hiệu của Trần Nguyên Đán 廣元旦, nhạc phụ của Nguyễn Phi Khanh.
- (3) *Đại Định* : niên hiệu của Dương Nhật Lê 楊日禮.
- (4) *Lưu Hầu* : tước phong của Trương Lương 張良, người đời Hán. *Tấn công* : tước phong của Bùi Độ 裴度, người đời Đường. Hai người này sau khi lập được công lớn đều xin về nghỉ.
- (5) *Côn Sơn* : một quả núi ở huyện Phượng Sơn.
- (6) *Hai đế vua* : chỉ Trần Nghệ Tông 謐宗 và Trần Duệ Tông 睿宗.
- (7) *Thái Thượng hoàng* : chỉ Trần Nghệ Tông.
- (8) *Miền Bình Than* : vùng sông Lục Đầu, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.
- (9) *Tạ Phó* : tức Tạ An 謢安. Tạ An và Đào Tiềm 陶潛 là những nhà ăn dặt nổi tiếng đời Tấn, Trung Quốc.
- (10) *Tiêu Hà* : một trong những công thần của nhà Hán, giữ chức Tướng quốc. Trong thời kỳ làm quan, có lần ông bị bắt giam. Về sau nhà Tây Hán tìm cách giết công thần, Tiêu Hà đi ẩn dè lánh nạn.
- (11) *Mã Viện* : danh tướng đời Đông Hán, con gái làm hoàng hậu. Có lần Mã Viện đi đánh giặc, mang về mấy xe hột ý dĩ, có người dèm với vua là ông mang mấy xe châu báu về nhà.
- (12) *Vĩnh Thúc* : tên chữ của Âu Dương Tu 歐陽修, người đời Tống. Ông là một hiền sĩ nổi tiếng, có chí ăn dặt. Dĩnh là quê của ông.
- (13) *Ôn công* : biệt hiệu của Tư Mã Quang, một người hiếu học đời Tống, bị Vương An Thach đầy ra đất Lạc. Sau về làm Tề tướng được 8 tháng thì mất.





NGUYỄN BÁ THÔNG

阮伯聰

(?)

Nguyễn Bá Thông sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu, sự nghiệp ra sao đều chưa rõ.

Tác phẩm: hiện còn một bài phú chép trong *Quần hiền phú tập*.

304

天興鎮賦

瀑布懸霜，龍隄倚空，傘圓撐空而鎮北，沱江漱玉以流東。此天地設險，以壯南極坤維之勢；而藝皇駐蹕，以開萬世中興之功。

觀其：聯絡牢關，控扼雲徼。襟帶百蠻，喉咽六詔。嶧崿崎嶇，萬山環擁而青來，蕩清汪洋，眾水奔騰而白繞。捍諸鎮之限藩；據上流之津要。

爾乃：梗柟枯柏，杞梓豫章，蔽麥旆於郊界；堆壠珠玉兮，成行。羽毛齒草兮，波及於羣坑，輦琛贊，浮索引，道冕寶之珍藏。

潤窮之避。英而迎翳
丁氏皇逃淚群萬孽氣
運武藝而雙翁百妖之
，，惟山班；，而庭
百猖。入血從單揮宮
四披殿乃而影之指蕩
遭媚將，，夸虎。
厄孤其何陵侯貔餽贊
；；凜奈七諸，迎腥。
躡隆地於首翕心而之世
顛之天可回止同殼合萬
圖祚，無；淚而壺六於
蘿漢光逮莖之千纘洗基
，移無。千龍三，。丕
驚王而惴染六；京死奠
震昌昏惴雪儼士回送，
極，月之而，之以徒天
鰲度日心，搖罷駕兌中
：無。小里搖熊大而於
昔淫器常萬兮。整笑月
思荒之，蘿華至。談日
季唐嫌。瞻兮來降。
。家親拥翠麋萃，懸

然後知：藝皇微斯鎮，安能至成功之巍巍；斯鎮
微藝皇，安能稱嘉名之煥煥哉！

然後知：藝皇之功，天興之鎮，歷萬世而莫與之匹美而比隆也。

乃拜手稽首而爲之歌曰：

壯哉我維天皇，興圖皇極德兮；
啟於垂千不億，方之表南爲德兮。

PHIÊN ÂM :

THIỀN HƯNG TRẦN PHÚ

Bộc bối huyền strong, long đê ý không. Tân Viên xanh không nhí trấn bắc, Đà giang thấu ngọc dĩ lưu đông. Thủ thiền địa thiết hiềm, dĩ tráng Nam

cực khôn duy chi thế ; nhi Nghệ Hoàng trú tất, dĩ khai vạn thế trung hưng chi công.

Quan kỳ : liên lạc Lao quan, khống ách Vân khiếu. Khâm đái bách Man, hầu yết lục Chiếu. Toàn ngoan tú tốt, vạn sơn hoàn ứng nhi thanh lai ; đãng quyết uông dương, chúng thủy bôn đằng nhi bạch nhiễu. Hân chư trấn chi hạn phiền ; cử thượng lưu chi tân yếu.

Nhĩ nãi : biển nam quát bách, kỷ tử dự chương. Thúc mạch bái bái hề đôi lũng ; tang ma tuy tuy hề thành hàng. Vũ mao xỉ cách hề, ba cặp ư lân giới ; kim ngàn châu ngọc hề, diễn đặt ư biển cương. Sà phù sách dẫn, điều đạo thố hàng. Liên thâm hiến chí, phủ ngưỡng quan quang. Thành vi quốc gia chi ngoại phủ, nhi vạn bảo chi sở trấn tàng.

Tư tích : ngao cực chấn kinh, la đồ diên chí. Ách tao tứ bách, vạn định nhuận quý. Hoang dâm vô độ, Xương Vương di Hán tộ chi long ; hồ mị phi xương. Vũ thị thiết Đường gia chi khí. Nhật nguyệt hôn nhi vô quang, thiên địa lâm kỳ tương huy. Duy Nghệ Hoàng chi hiêm thân, thường tiêu tâm nhi súy súy. Đãi vô khả ư nại hà, nãi nhập sơn nhi đào ty. Môn la vạn lý, nhi tuyết nhiễm thiên hành ; hồi thủ thất lăng, nhi huyết ban song lệ. Chiêm thủy hoa hề dao dao ; nghiêm lục long chi lệ chỉ. Hấp chư hầu hề ảnh tòng, ông quần anh hề khuần chí. Hùng bi chi sĩ, tam thiên nhi đồng tâm ; tì hồ chi quản, bách vạn nhi lai tụ. Chính đại giá dĩ hồi kinh, tàn hồ tương nhi nghinh quý. Chỉ huy nhi yêu nghiệt nghinh hàng, đàm tiếu nhi hung đồ tống tử. Tỷ lục hợp chi tinh chiên, đãng cung đình chi phản ẽ. Huyền nhật nguyệt ư trung thiên, điện phi cơ ư vạn thế.

Nhiên hậu tri : Nghệ Hoàng vi tư trấn, an năng chi thành công chi nguy nguy ; tư trấn vi Nghệ Hoàng, an năng xứng gia danh chi vĩ vĩ tai !

Ô hô ! y hi ! Văn Sạn oanh vu, Kiếm Các khung sùng, tuy túc dĩ thoát Minh Hoàng chi nạn, nhi Ngọc Lũy yêm lưu, bất năng hồi Đường triệt nhi đông ; Hào Lũng hiêm trở, Lạc Dương thích trung, tuy túc dĩ chi Bình Vương chi hạnh, nhi ngũ thành tự tiêu, bất năng phản Kỳ Chu chi Phong.

Nhiên hậu tri : Nghệ Hoàng chi công, Thiên Hưng chi trấn, lịch vạn thế nhi mạc dữ chi sắt mỹ nhi tỷ long dã.

Nãi bài thủ khẽ thủ nhi vi chi ca viết :

Tráng tai Thiên Hưng, vi Nam phương chi biểu cực hè,

Khải ngã hoàng đồ thùy thiên úc hề,

Ô duy Nghệ Hoàng, bất thị hiêm nhi thị đức hề.

DỊCH NGHĨA :

PHÚ TRẤN THIÊN HƯNG (1)

Tráng phau thác nước, cao ngất đê rồng. Non Tân (2) chống gầm trời phía bắc, sông Đà (3) reo tiếng ngọc xuôi đông. Chốn trời đất đặt bày, áy địa trực

phương Nam mạnh thế ; nơi Nghệ Hoàng (4) nương náu, nghiệp trung hưng
muôn thuở ghi công.

Kia xem : Ai Lao tiễn đường, Vân Nam chẹn lối. Vây bọc trăm Mường,
chặn ngang sáu Chiểu (5). Chênh vênh, chót vót, xanh ngàn non học muôn trùng ;
bát ngát, mênh mông, trắng xóa nước quanh một néo. Che cho các trấn, như
thể giàu phèn ; giữ vững thượng lưu, nắm phần ách yếu.

Thể rồi : Biển, nam, quát, bách, kỷ, tử, dự, chương (6). Đậu, ngô rườm
rà chất đống ; đậu, gai bát ngát thành hàng. Xương, ngà, lông, da trán miền
lân cận ; vàng, bạc, châu, báu đầy chốn biên cương. Thuyền bè dày đặc, đường
lối chim muông ; quản ngang khách tạm, rộn rịp người sang. Thật chỗ ấy là phủ
ngoài nhà nước, nhưng là nơi muôn vật kho tàng.

Nhớ xưa : Xao xác cơ đồ, ngả nghiêng thành lũy ; nạn gấp bốn trăm, thời
vừa nhuận qui (7). Hoang dâm vô độ, Xương Vương làm suy nghiệp Hán gia (8) ;
yêu qui rồng càn, Võ Hậu cướp ngôi Đường thị (9). Lờ mờ nhật nguyệt tối tăm,
rùng rợn đất trời muôn hủy. Nghệ Hoàng vì kiêng nề bà con (10), nên thường
cử bắn khoăn lo nghĩ. Kip đến khi không biết làm sao, vùng núi mới lánh mình
nơi ấy (11). Ngoài muôn dặm tay vin cây cối, những bạc phơ ngàn sợi tuyết to ;
Hương bảy lăng (12) đều ngoảnh lại nhìn, luống những rỏ đôi giòng huyết lệ. Cờ
thúy rung rinh trông thấy, xe ngựa tới nơi ; vương hầu rộn rịp đi theo, anh tài
hợp đù. Chung ba ngàn quân lính hùng bi ; họp trăm vạn ti hưu (13) tướng sĩ.
Sửa xe rồng xa giá về kinh ; bụng hồ rượu nhân dân dâng lễ. Một vầng tay mà
yêu nghiệp qui hàng ; chỉ cười nói mà hung đồ thất thế. Rửa tanh hôi, non nước
thanh bình ; quét dơ bẩn, cung đình sạch sẽ. Sáng ngời nhật nguyệt giữa trời,
vững chãi nghiệp vua vạn thế.

Thể mới hay : không có trấn này thi Nghệ Hoàng sao thành được công
nghiệp vẻ vang ; không có Nghệ Hoàng thì trấn này sao xứng với tiếng tăm oai vệ.

Ô hô ! Than ôi ! Đường Vân Sạn (14) quanh co trăm dặm, cửa Kiếm Các
(15) chót vót ngàn trùng, dù đủ cho Minh Hoàng thoát nạn (16), mà nán ná bên
non Ngọc Lũy (17), bánh xe Đường khôn dẽ trở về đông ; đất Hào Lũng (18) là
vùng hiềm trổ, thành Lạc Dương (19) là chốn thích trung (20), dù đủ cho Bình
Vương lánh gót (21), mà nǎm thành (22) xem ra nhỏ bé, nghiệp nhà Chu khó lấy
lại Kỳ, Phong (23).

Vậy mới hay : Công lao Nghệ Hoàng, phiên trấn Thiên Hưng, kè bờ tốt
đẹp, trải muôn đời ai dẽ sánh chung.

Bèn chắp tay cúi đầu mà ca rằng :

*Hùng thay là trấn Thiên Hưng,
Một vùng án ngữ Nam phương cõi bờ.
Ngàn năm dằng dặc dư đồ,
Nghệ Hoàng nhờ đức có nhờ hiềm đâu !*

CHÚ THÍCH :

- (1) *Trần Thiên Hưng* : trấn này trước gọi là trấn Đà Giang, sau Hồ Qui Ly đổi là trấn Thiên Hưng. Nay tương đương với khu vực gồm phía tây tỉnh Hà Tây và phía đông tỉnh Vĩnh Phúc.
- (2) (3) Núi Tản Viên và sông Đà, ở về phía đông trấn Thiên Hưng.
- (4) Nghệ Hoàng : tức Trần Nghệ Tông 陳藝宗 (1370 — 1372). Sau khi Trần Dụ Tông 陳裕宗 mất, vì không có con nên Dương Nhật Lễ 楊日禮 được lên ngôi. Dương Nhật Lễ giết Huệ Từ Thái hậu 惠慈太后; nhà Trần có nguy cơ mất ngôi. Em Dụ Tông là Nghệ Tông lúc đó làm Hữu tướng quốc, chạy lên mạn Đà Giang, sau về giết được Nhật Lễ, lên ngôi vua.
- (5) Sáu Chiếu : sáu dân tộc thiểu số ở về phía nam tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.
- (6) Biển, nam, quát, bách, kỵ, lư, dự, chươn : tên tám loại cây qui.
- (7) Nhuận quý : chỉ lúc mất vận của Dương Nhật Lễ. « Nhuận » nguyên có nghĩa là « thừa » (nhuần), tháng thừa trong một năm. Về sau chữ « nhuận » khi chỉ về ngôi vua lại có ý là coi khinh. Thi dụ : *Hán thư* 漢書 cho Vương Mãng 王莽 đời Hán là « nhuận vị » 閨位, ý nói làm vua không thuộc giòng chính thống. Sứ xưa của ta gọi nhà Hồ 胡 là Nhuận Hồ 閩胡 cũng với ý nghĩa như thế.
- (8) Xương Vương : tức Xương Ấp Vương 昌邑王, con Hán Vũ Đế 漢武帝, gọi Chiêu Đế 昭帝 là bác. Chiêu Đế mất và không có con, Xương Vương lên nối ngôi, nhưng vì hoang dâm vô độ, bị thừa tướng là Hoắc Quang 霍光 phế đi. Ở đây tác giả muốn ví Xương Vương với Dụ Tông, vì Dụ Tông cũng hoang dâm vô độ, gây nên loạn Dương Nhật Lễ.
- (9) Võ Hậu : tức Võ Tắc Thiên 武則天, vợ Đường Cao Tông 唐高宗. Cao Tông mất, Võ Hậu cướp ngôi nhà Đường.
- (10) Dương Nhật Lễ là em rể của Trần Nghệ Tông. Khi thấy Dương Nhật Lễ hoang dâm vô độ, Nghệ Tông vẫn chần chừ không dám lật ngôi. Sau Công chúa Thiên Ninh 天寧公主 và người trong họ thúc ép, ông mới phải hành động.
- (11) Lúc đầu Nghệ Tông tập trung quân ở trấn Đà Giang (tức trấn Thiên Hưng).
- (12) Bảy lăng : chỉ các lăng cũ của các vua Trần trước, những lăng này ở huyện Hưng Nhân (Thái Bình), thuộc vùng phát tích nhà Trần.
- (13) Hàng, bi, ti, hưu : các thú rừng dữ, ở đây chỉ quân sĩ hung mạnh.
- (14) Đường Văn Sơn : đường cao ngất đến mây.
- (15) Cửa Kiếm Các : một cửa khẩu ở núi Kiếm Sơn, thuộc huyện Kiếm Các, tỉnh Tứ Xuyên. Cửa khẩu này rất hiểm yếu, nó còn có tên là Kiếm Môn Quan.
- (16) Đường Minh Hoàng khi trốn loạn An Lộc Sơn ăn náu ở vùng núi Kiếm Các.
- (17) Non Ngọc Lũy : ở huyện Quán, tỉnh Tứ Xuyên.
- (18) Đất Hảo, Lũng : là những vùng núi non hiểm trở, nằm giữa hai tỉnh Sơn Tây và Thiểm Tây.
- (19) Thành Lạc Dương : ở tỉnh Hà Nam.
- (20) Thích trung : vào khoảng giữa.
- (21) Bình Vương : vua đời Chu 周. Bình Vương bị rợ Nhung uy hiếp phải dời đô tới Lạc Dương, từ đó gọi là nhà Đông Chu.
- (22) Năm thành : thời Bình Vương đất nhà Chu bị rợ Nhung đánh chiếm, chỉ còn năm thành.
- (23) Đất Kỳ, Phong : hai nơi này đều thuộc tỉnh Thiểm Tây, nơi nhà Chu khai sáng cơ nghiệp. Câu này và câu trên ý nói Đường Minh Hoàng không trở về được phía đông, Chu Bình Vương không lấy lại được Kỳ Châu, nay Nghệ Tông khôi phục được nghiệp cũ, công lao hơn cả Minh Hoàng và Bình Vương.

TRẦN THUẤN DU ⁽¹⁾

陳舜俞

(?)

Trần Thuấn Du sinh và mất năm nào, người ở đâu đều chưa rõ. Chỉ biết ông làm chức Thông phán châu Vũ Ninh ⁽²⁾ dưới thời nhà Hồ (1400—1407).

Tác phẩm: hiện còn 2 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) VATT chép là Đoàn Thuấn Du 陳舜俞

(2) Nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

305

寶山寺

BẢO SƠN TỰ

暫聊松竹江城欲日	承把蓋鎗山郭訪斜	事勞雲玉鳥臺陽水	偏州森響春世吊渺	臨心衛琳地今迹尋。
----------	----------	----------	----------	-----------

Tạm thừa công sự ngẫu dăng làm,
Liêu bả cần lao châu huyện tâm.
Tùng cái ý vân sâm¹ * vũ vệ,
Trúc thương dát ngọc hưởng cầu làm.
Giang sơn hoa điêu xuân thiên địa,
Thành quách lâu dài thế cổ cầm (kim).
Dục phỏng An^{2*} Dương điếu tràn tích,
Nhật tà lưu thủy điếu nan tầm.

DỊCH NGHĨA :

CHÙA BẢO SƠN (1)

Nhân việc công, tình cờ được lên chơi chùa,
 Xin gửi lại tấm lòng châm lo công việc chầu huyện của ta.
 Hàng thông như lọng cao vút tận mây và san sát như vệ sĩ,
 Khóm trúc như giáo cọ vào nhau tiếng kêu lan lanh.
 Sông núi hoa chim đem mùa xuân lại cho trời đất,
 Thành quách lâu đài gợi lên ý cổ kim.
 Muốn đến thăm An Dương (2) để viếng dấu cũ,
 Nhưng chiều tà nước chảy, mông lung khó thấy.

DỊCH THƠ :

*Duyên nay nhân dịp đến thăm chùa,
 Gửi lại dân miền tắc dạ ta.
 Thông tỏa tán mây hàng thẳng tắp,
 Trúc khuê sênh ngọc tiếng ngâm nga.
 Lâu đài, thành quách đời bao thuở,
 Sông núi, hoa chim xuân bốn mùa.
 Muốn đến An Dương thăm dấu cũ,
 Chiều tà nước chảy khó nhìn ra!*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL : 罷 la.

2* TVTL : 翳 tăm.

CHÚ THÍCH :

(1) Chùa này còn có tên là Bảo Sơn Vương. Chùa ở xã Đường Hào, huyện Phù Ủng (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).

(2) *An Dương* : chùa rõ nơi nào.

城西大隱廬口占

宦城竹鳥衡聖誰一
途市石花門世道閒
四贏安園自何趨風
十為排占有憂時味

年隱好佳心道計吾
身民景賓樂貧拙，
五大詩酒安抱吾儘
十為排占有憂時味

身民景賓樂貧拙，
年隱好佳心道計吾
身民景賓樂貧拙，
年隱好佳心道計吾

THÀNH TÂY ĐẠI ÂN
LƯ KHẨU CHIẾM ^{1*}

Hoan đờ từ thập ngũ niên thản,
Thành thị doanh vi đại ân dân.
Trúc thạch an bài thi hảo cảnh,
Điêu hoa đoàn chiêm tảo giai tán.
Hành môn tự hữu an tâm lạc,
Thánh thể hà ưu bão đạo bàn.
Thùy đạo xu thời ngô kế chuyết,
Nhất nhàn phong vị tân ngô nhân.

DỊCH NGHĨA :

VỊNH CĂN NHÀ ĐẠI ÂN (1) Ở PHÍA TÂY THÀNH (2)

Tấm thân bốn lăm năm trên đường làm quan,
Giành được tiếng là dân đại ân ở thành thị.
Trúc và đá sắp đặt thành cảnh đẹp cho thơ,
Chim và hoa giữ phần khách quý của tiệc rượu.
Nhà nghèo nhưng có niềm vui vì trong lòng thanh thản,
Sống ở đời thánh nhàn này chả có gì đáng lo, tuy nghèo nhưng giữ
được đạo.
Ai bảo ta vụng về trong mưu chước xu thời!
Phong vị một chữ nhàn là tất cả lòng nhàn ta đó.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL: 占 口 chiêm khâu.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đại ân: Đường thư 唐書 có câu: 小隱, 隱林泉; 大隱, 隱城市. Tiêu ẩn, ẩn lâm tuyển; dai ẩn, ẩn thành thị: Ẩn sĩ nhỏ, ẩn ở nơi suối ngàn; ẩn sĩ lớn, ẩn ở nơi thành thị.
- (2) Bài thơ này trong TTCGLT chép là của Nguyễn Phi Khanh 阮飛卿, VAT, TVTL chép là của Trần Thuần Du.

NGUYỄN MỘNG TRANG

阮夢莊

(?)

Nguyễn Mộng Trang sinh và mất năm nào chưa rõ. Người huyện Đông Sơn 東山, Ái Châu 愛州⁽¹⁾. Làm chức Nội mật viện sứ đời Trần Giản Định 陳簡定. Theo ĐVSKTT, năm 1409, Giản Định nghi Đặng Tất 鄧畢 và Nguyễn Cảnh Chân 阮景真 lộng quyền nên đã tìm cách giết đi, Nguyễn Mộng Trang và hoạn quan Nguyễn Quí 阮軌 có tham gia vào vụ giết người vô lý này.

Tác phẩm : hiện có 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Nay là huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

307

題西都城

ĐỀ TÂY ĐÔ THÀNH

策	馬	湖	失	是	言	何	合	一
暝	湖	亡	失	是	言	何	合	試
存	不	難	月	荒	月	何	丁	鶴
得	難	閩	荒	乏	荒	何	試	翔
只	借	南	越	德	英	何		
休	翱	翔	得	英	公	何		
如	翔	翔	翔	公	一	何		

城；城；古；青。Sách mả ao ao phỏng cõ thành,
官；官；搖；桑。Ánh hồ quan liêu tự dao thanh **.
不；不；逃；胡。Tồn vong bất thảm bao tang kẽ,
難；難；越；越。Đắc thất nan đào nguyệt đán bình.
借；借；借；借。Chỉ thị Nhuận Hồ hoang đức chính,
南；南；借；借。Htru ngôn Nam Việt pháp anh linh.
翔；翔；翔；翔。Như hà tá đặc Đinh Công hạc,
翔；翔；翔；翔。Lục hợp cao tường thí nhất minh.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ THÀNH TÂY ĐÔ (¹)

Quất ngựa vun vút viếng tòa thành xưa,
 Liêu nơi quan xá soi bóng trên hồ, phơ phất mầu xanh.
 Mất, còn không xét đến cái chước bao tang (²),
 Được, thua khó tránh lời bình nguyệt đán (³).
 Chỉ vì nhà Nhuận Hồ bỏ bê đức chính,
 Đừng nói rằng nước Nam Việt thiếu khi anh linh.
 Ước gì mượn được chim hạc Đinh Công (⁴),
 Bay liệng trên sáu cõi, thử kêu một tiếng.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL1 : 暝 街 宦 柳 自 摆 青 ánh giai quan liễu tự dao thanh ;
 TVTL2 : 照 閨 宦 柳 自 摆 輕 chiếu khuê quan liễu tự dao khinh.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thành Tây Đô* : thành nhà Hồ, thuộc động An Tôn 安尊, phủ Thiên Xương 天昌 (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).
- (2) *Bao tang* : buộc vào gốc dâu. Quẻ Bỉ 否 trong *Dịch Kinh* 易經 có câu : 其七其亡, 系于苞桑 Kỳ vong kỳ vong, hệ vu bao tang : Sẽ mất, sẽ mất, hãy buộc vào gốc dâu. Ý nói có thể mất thì nên tính trước kế cứu vãn.
- (3) *Lời bình nguyệt đán* (nguyệt đán bình) : sách *Hậu Hán thư* 後漢書 chép rằng anh em Hứa Thiệu 許彊 ở Nhữ Nam hay bình luận nhân vật, hàng tháng đến ngày mồng một là mở cuộc bình luận, ngày ấy gọi là «nguyệt đán bình».
- (4) *Đinh Công* : tức Đinh Linh Uy 丁令威, một đạo sĩ đời Hán. Sách *Sưu thần hử ký* 搜神後記 chép rằng ông đặc đạo thành tiên, biến thành chim hạc bay về quê đậu ở cột hoa biếu.

NGUYỄN BIÊU

阮表

(? — 1413)

Nguyễn Biêu người làng Bình Hồ 平湖, huyện Chi La 重光, tỉnh Nghệ An
乂安, nay là xã Yên Hồ, tỉnh Nghệ Tĩnh. Không rõ ông sinh năm nào, chỉ
biết mất năm 1413.

Nguyễn Biêu đỗ Thái học sinh cuối đời Trần và làm Điện tiền Thị ngự sử. Năm 1413, niên hiệu Trùng Quang 支羅 thứ năm, tướng Minh là Trương Phụ 裴輔 đánh vào Nghệ An, vua Trùng Quang lui vào Hóa Châu, sai ông đến trại của Phụ để điều đình. Đề thử tình thần ông, Phụ thết cỗ đầu người. Nguyễn Biêu không hề run sợ, dâng hoàng ngòi ăn và nói : «Người Nam ta mà được ăn đầu người Bắc a» rồi làm một bài thơ về việc này. Sau đó, Phụ giữ ông lại. Ông giận mắng rằng : «Trong thì mưu kế đánh lấy nước người, ngoài thi phô trương là quân nhàn nghĩa. Trước nói lập con cháu nhà Trần, nay lại chia đất làm quân huyên ; không những cướp bóc của cải, lại còn tàn sát lương dân, thật là quân ngược tặc». Phụ rất tức giận, sai trói ông vào chấn cầu Lam để nước thủy triều dâng lên đâm chết ông. Nhân dân miền Nghệ Tĩnh lập miếu thờ, suy tôn ông là «Nghĩa Vương».

Tác phẩm còn :

- Bài họa thơ Trùng Quang tiền ông đi sứ,
- Bài thơ «Ăn cỗ đầu người».

Tác phẩm được phụ chép trong tập thế phả họ Hoàng (1) ở Nghệ Tĩnh.

(1) Theo *Lược truyện các tác gia Việt Nam* ; Tập I của Trần Văn Giáp thì Hoàng Trừng (thế kỷ XVI) là cháu ngoại của Nguyễn Biêu, ở La Sơn, Hà Tĩnh (Nghệ Tĩnh) đã viết *Nghĩa sĩ truyện* 義士傳, trong truyện này có thơ Nguyễn Biêu, Trần Trùng Quang và vị sư chùa Yên Quốc. *Nghĩa sĩ truyện* đã được Hoàng Xuân Hãn giới thiệu trong *Thi văn Việt Nam* ; Nxb. Sông Nhị ; Hanoi, 1951. Những bài thơ văn của Nguyễn Biêu, Trần Trùng Quang, sư chùa Yên Quốc trong tập sách này, chúng tôi tham khảo sách ông Hoàng Xuân Hãn.

308

HỌA THƠ TRÙNG QUANG ĐẾ⁽¹⁾

*Tiếng ngọc từ vắng trước bệ hoa,
Ngóng tai đồng vọng thuở thi ca.
Đường mây gió kỳ lân lẩn trại,
Ái tuyết cờ mao thức thức pha⁽²⁾.
Hà một cung tên lồng chí trẻ,
Bội mười vàng sắt đức gan già.
Hồ mình và thiêu tài chuyên đổi⁽³⁾,
Dịch lộ ba ngàn dặm ngại xa !⁽⁴⁾.*

(1) Đầu đề do chúng tôi đặt.

(2) *Cờ mao* : cờ kết bằng lông mao, ban cho sứ giả hoặc một vị quan đi làm sứ mệnh quan trọng.(3) *Chuyên đổi* : sách *Luân ngữ* có câu : 使於四方不能專對 sứ ư từ phương bất năng chuyên đổi. Nghĩa là : đi sứ các nước, không thể một mình đổi đáp. Có ý nói không có tài của một sứ thần giỏi.(4) *Dịch lộ* : đường trạm, tức đường quan đi qua. *Ba ngàn* : tức ba ngàn dặm. Cả câu ý nói không ngại đường xa xôi.

309

ĂN CỐ ĐẦU NGƯỜI

*Ngọc thiện trân tu đã đủ mùi⁽¹⁾,
Gia hào thêm có cố đầu người⁽²⁾.
Nem công chả phượng còn thua béo,
Thịt gấu gân lân hẳn kém tươi.
Ca lối Lộc minh so cũng mệt,⁽³⁾,
Vật bày Thỏ thủ bội hơn mười⁽⁴⁾.
Kia kia ngọt tay vai lợn,
Tráng sĩ như Phản tiếng đê đòi⁽⁵⁾.*

- (1) *Ngọc thiện trán tu*: Tiệc ngọc, món ăn quý.
- (2) *Gia hào*: thức nhầm ngon.
- (3) *Lộc minh*: Trong *Kinh Thi*, thơ *Lộc minh* 鹿鳴 tả việc vua đãi yến các sứ giả.
- (4) *Thỏ thủ*: đầu con thỏ. Trong *Kinh Thi* thơ *Biều diệp* 鳩葉: Hữu thỏ tư thủ 有兔斯首: có đầu thỏ ấy, nói việc đãi yến tân khách.
- (5) *Phàn*: tức Phàn Khoái 樊噲. Trong tiệc yến Hồng Môn, Hạng Võ 項羽 muốn giết Hán Cao Tô, Khoái xông vào lấy cớ là có tiệc rượu xin rượu uống, rồi trộn mắt uy hiếp Võ. Võ phải từ bỏ ý muốn giết Hán Cao Tô và đem cho rượu thịt; Khoái uống rượu và ăn hết một vai lợn, Võ khen là tráng sĩ! Ở đây, Nguyễn Biểu cho mình ăn đầu người cũng là tráng sĩ như Phàn Khoái.

TRẦN QUÍ KHOÁNG

陳季曠

TRẦN TRÙNG QUANG

陳重光

(? — 1414)

Trần Quý Khoáng là cháu vua Trần Nghệ Tông 陳叡宗, không rõ sinh năm nào, chỉ biết mất năm 1414.

Vào khoảng 1410, ông được Đặng Dung 登容 và Nguyễn Cảnh Di 阮景異 đón vào Nghệ An tôn lên làm vua, lấy hiệu là Trùng Quang Đế 重光帝, tiếp tục cuộc kháng chiến chống quân Minh.

Năm 1413 Trương Phụ 張輔 đưa quân đánh Nghệ An, Quý Khoáng sai Nguyễn Biều đến điều đình. Phụ giết Nguyễn Biều, tiến đánh Hóa Châu rồi vào Thuận Hóa. Trần Quý Khoáng và tướng Đặng Dung bị Trương Phụ bắt. Trên đường giải về Minh, Trần Quý Khoáng nhảy xuống sông tự tử.

Tác phẩm: — Thơ tiên Nguyễn Biều đi sứ

— Văn tế Nguyễn Biều

Đều là Nôm phụ chép trong tập thế phả họ Hoàng ở Nghệ Tĩnh (1).

(1) Xem thêm chú thích ở tiểu sử Nguyễn Biều.

310

TIỀN NGUYỄN BIỀU ĐI SỨ

Mây vẫn thơ cũ ngợi Hoàng hoa (1),
Trịnh trọng rày nhàn vắng khúc ca.
Chiếu phượng (2) mẩy hàng tơ cẩn kẽ,
Vó câu nghìn dặm tuyết xông pha.
Tang bồng đã bấm lồng (3) khi trẻ,
Khương quế thêm cay tính tuổi già (4).
Việc nước một mai công ngõ ven,
Gác Lân (5) danh tiếng dõi lâu xa.

- (1) *Hoàng hoa*: Kinh Thi có bài thơ *Hoàng hoàng giả hoa* 皇皇者華, làm lời vua sai tôi đi sứ.
- (2) *Chiếu phượng*: tờ chiếu của vua viết trên giấy ngũ sắc hoặc trên gấm vóc bằng tơ, đặt trên đầu chim phượng mà đọc, tỏ vẻ kính trọng.
- (3) *Bấm lồng*: quyết chí.
- (4) *Khương quế*: Gừng quế càng già thì tính chất càng cay — ý nói tuổi tác càng già thì khí tiết càng cứng rắn.
- (5) *Gác Lân*: Thời nhà Hán, lập gác Kỳ Lân vẽ hình những công thần để biếu dương công trạng.

311

TẾ NGUYỄN BIỀU

Than rằng:

Sinh sinh hóa hóa, cơ huyền tạo mờ mờ,
Sắc sắc không không, bụi hồng tràn phoi phói (1).
Bất công thủ, thiên địa chứng cho,
Vô cùng hận, quỷ thần thề với (2).
Nhớ thuở tiên sinh cao giò mũ trãi (3),
Chăm chăm ở nơi đài giàn, dành làm cột đá đê ngăn dòng.

Tới khi Tiên sinh xa gác vỏ câu, hăm hăm chỉ,
 Cán cờ mao, bỗng trớ gió vàng bèn nén nỗi (4).
 Thời tinh chiên Hồ tặc chấn hăm (5),
 Gan thiết thạch Tô công dẽ đòi (6).
 Quan Văn Trường gấp Lữ Mông dẽ sa cơ ấy.
 Mảng thấy chữ «phệ hè hà cáp» dạ những ngùi ngùi (7).
 Lưu Huyền Đức giận Lục Tốn, mong trả thù này,
 Nghĩ đến câu «thường đâm bất vong», lòng thêm đợi đợi (8).
 Sầu kia khôn lắp cạn dòng,
 Thảm nọ dẽ xây nên núi.
 Lấy chí báo chưng hậu đức, rượu kim tương một lọ,
 Voi voi mượn chuốc ba tuần (9).
 Lấy chí ủy thừa phượng hồn, văn dụ tế (10) mấy câu.
 Thảm thảm ngõ thông chín suối.

CHÚ THÍCH :

- (1) Cơ huyền tạo : máy tạo hóa mầu nhiệm.
Sắc không: theo sách Phật, sắc chỉ mọi vật có hình có tướng; không là trống rỗng, vượt ra ngoài các vật có hình có tướng.
- (2) Thủ không đội trời chung.
- (3) Mũ trãi : mũ có thùa hình con giải trãi, tương truyền là một loài thú biết phân biệt phái trai, chính tà. Tức mũ chúa Ngự sử, khi tiết ngay thẳng không tùy vị, thiên lệch.
- (4) Cờ mao : cờ vua ban đẽ đi làm sứ.
- (5) Tinh chiên : hôi tanh ; chấn hăm : chỉ hòng làm hại. Cả câu : Giặc Hồ hôi tanh chỉ hòng làm hại.
- (6) Tô công : tức Tô Vũ 蘇 武 . Thời nhà Hán, Tô Vũ đi sứ Hung Nô bị giữ lại 19 năm, vẫn bền gan như sắt đá.
- (7) Phệ hè hà cáp : ăn năn sao kịp. Quan Văn Trường đòi Thục Hán sa cơ bị tướng Đông Ngô là Lữ Mông bắt nén bị hại.
- (8) Lưu Bi 刘 帛 giận Lục Tốn 陸 遊 giúp Lữ Mông 吕 蒙 đánh phá quân Thục Hán 蜀漢 cũng như Trần Trùng Quang giận Trường Phụ giết Nguyễn Biều.
- (9) Kim tương ba tuần : Ba lần rót rượu qui đẽ tế.
- (10) Văn dụ tế : Bài văn làm lời vua, tế một vị quan có công hoặc được vua yêu quý.

SƯ CHÙA YÊN QUỐC

Không rõ tên họ, quê quán, năm sinh năm mất ; chỉ biết vào năm 1413, nhà sư rất cảm kích trước sự hy sinh oanh liệt của Nguyễn Biều, một nghĩa sĩ chống Minh cuối thời Trần, đã làm một bài cao siêu cho người anh hùng chống giặc ấy.

Tác phẩm : còn một bài thơ còn chép trong tập thế phả họ Hoàng ở Nghệ Tĩnh (1).

(1) Xem thêm chú thích ở phần tiểu sử Nguyễn Biều.

312

CÀU SIÊU CHO NGUYỄN BIỀU

*Chói chói một vũng tuệ nhặt,
Đùn đùn mấy đóa từ vân (1).
Tam giới soi hòa trên dưới,
Thập phương tráy khắp xa gần (2).
Giải thoát lần lần nghiệp chướng,
Quang khai chốn chốn mê tâm.
Trần quốc xây vừa mặt tạo (4),
Sư Hoa bỗng có trung thần.
Vàng đúc lòng son một tấm,
Sắt rèn tiết cứng mười phân.*

*Trần kiếp vì đâu oan khổ,
Phương hồn đến nỗi trầm luân !
Tế độ dặn nhờ từ phiệt (5),
Chân linh ngõ được phúc thần (6).*

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tuệ nhặt, từ vân* : trí tuệ của nhà Phật sáng như mặt trời ; đức lành của nhà Phật rộng lớn như tầng mây.
- (2) *Tam giới* : ba cõi ở của những người đã trù bỏ được *dục giới*, *sắc giới* và *vô sắc giới*. *Thập phương* : mười phương, tức mọi nguồn ở khắp nơi.
- (3) *Nghiệp chướng* : chỉ tội ác làm ở kiếp trước, gây chướng nghiệp cho kiếp sau.
Mê tâm : Bến mê, khiến người đời mê đắm không còn sáng suốt.
- (4) *Mạt tạo* : Cuối đời, cuối vận.
- (5) *Từ phiệt* : bè từ, túc bè của Phật đi cứu người trầm luân.
- (6) *Chân linh* : tinh thần thiêng liêng có thực ; phúc thần : danh nhân sau khi chết được thờ làm thần.

ĐẶNG DUNG

鄧容

(?)

Đặng Dung là con của Đặng Tất 鄧悉, chưa biết ông sinh và mất năm nào; chỉ biết người làng Tả Thiên Lộc 左天祿, huyện Phỉ Lộc 雉祿⁽¹⁾.

Giận vì cha mình bị Giản Định 簡定 giết oan, ông đem quân từ Thuận Hóa về Thanh Hóa, tôn Trần Quý Khoáng 陳季曠 lên làm vua và bản thân ông được giữ chức Đồng bình chương sự.

Trong khoảng 5 năm giúp Trần Quý Khoáng, ông đã nhiều lần trực tiếp chiến đấu với quân Minh. Một đêm tháng 9 năm Quý ty (1413), Đặng Dung đánh úp doanh trại của tướng giặc là Trương Phụ 張輔, đốt phá nhiều thuyền bè khi giới, và nhảy lên thuyền định bắt sống Trương Phụ. Nhưng vì ban đêm, nhìn không rõ mặt, nên Phụ đã trốn thoát được. Sau đó, ông bị quân Minh bắt đưa về Yên Kinh.

Tác phẩm: hiện còn 1 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Hiện nay là huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh.

313

感懷

世無時運致洗國幾	事窮來去主兵讐	悠天屠英有無未	奈入成飲扶輶頭	老酣功恨多。	何歌易，多。
度	度	龍	報泉戴	軸，	歌，

× CẢM HOÀI

Thế sự ^{1*} du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàn ^{2*} ca.
Thời lai đồ diếu thành công dị,
Vận ^{3*} khứ anh hùng ầm hận đà.
Tri chúa hữu hoài ^{4*} phù địa trực,
Tây binh vô lộ văn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên ^{5*} bạch,
Kỷ độ Long Tuyền đời nguyệt ma.

DỊCH NGHĨA :

→ CẨM HOÀI

Việc đời dẳng dặc, khốn nỗi mình đã già !
Trời đất mênh mông chỉ thu vào cuộc hát say.
Gặp thời, bọn hàng thịt, dì cầu cũng dễ thành công (¹),
Lở vận rồi, người anh hùng nuốt nhiều tủi hận.
Giúp vua, có lòng định đồ trực đất,
Rửa girom, tiếc không đường kéo nồi sông Ngân.
Nợ nước chưa đèn dầu đã sớm bạc,
Luống tiếc bao phen mài girom Long Tuyền (²) dưới bóng trăng (³).

DỊCH THƠ :

† Việc thế lôi thôi tuổi tác này,
Mênh mông trời đất hát và say.
Gặp thời đồ điều thừa nên việc,
Lở vận anh hùng luống nuốt cay.
Giúp chúa những lăm giằng cốt đất,
Rửa dòng không thể vén sông mây.
Quốc thù chưa trả già sao vội,
Dưới nguyệt mài girom đã bấy chầy.

PHAN VŨ
(HTTVVN)

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL3 : 路 lô.
- 2* TVTL2, TVTL3 : 眩 thù.
- 3* TVTL1 : 痛 sụ.
- 4* TVTL2, TVTL3 : 沉 tẩm.
- 5* TVTL2 : 情 tương.

CHÚ THÍCH :

(1) *Bọn hàng thịt câu cá* (đồ điếu) : đời Hán, Phàn Khoái 樊噲 làm nghề thịt chó, Hán Tin 韓信 làm nghề câu cá, cả hai người về sau đều giúp Lưu Bang 劉邦 phá Tần diệt Sở.

(2) Câu này lấy ý từ hai câu thơ trong bài *Tây binh mã* của Đỗ Phủ :

安得壯士挽銀河 An đắc tráng sĩ vân Ngân Hà

淨洗甲兵長不用 Tịnh tẩy giáp binh trường bất dụng

Uớc gì có được người tráng sĩ kéo sông Ngân Hà

Rửa sạch giáp binh dễ mãi mãi không dùng đến nữa.

(3) *Long Tuyền* : tên một loại girom báu thời xưa.

(4) Lý Tử Tấn 李子晉 phê bình bài thơ này là 非豪傑之士不能 Phi hào kiệt chí sĩ
bất năng : Nếu không phải là kẻ sĩ hào kiệt, không thể làm được bài thơ này.

LÊ CẢNH TUÂN

黎景詢

(? — 1416 ?)

Lê Cảnh Tuân tên chữ là Tử Mưu 子謀, hiệu là Tinh Trai 省齋, người làng Mộ Trạch 慕澤, huyện Đường An 唐安⁽¹⁾ (nguyên trước ở làng Lão Lạt 老辣 phủ Thành Hóa). Không rõ ông sinh năm nào. Lê Cảnh Tuân đỗ Thái học sinh vào năm Canh thìn (1400), dưới triều Hồ.

Năm 1406, nhà Minh mượn cớ «phù Trần diệt Hồ» sang xâm lược nước ta.

Tháng 10 năm Đinh hợi (1407), Cảnh Tuân gửi cho Bùi Bá Kỳ⁽²⁾ bức *Vạn ngôn thư* 萬言書 (bức thư muôn lời). Không may, bức thư bị quân giặc bắt được. Chúng tìm bắt Lê Cảnh Tuân, nhưng ông đã trốn đi xa.

Mấy năm sau, người Minh lập các nhà dạy học ở kinh đô nước ta. Lê Cảnh Tuân cải trang làm một người đến chơi kinh đô, rồi nhận chức dạy học ở đây để tiện dò xét tình hình và dự định sẽ tham gia vào một tổ chức đánh đuổi quân Minh giành lại quyền tự chủ cho đất nước. Nhưng năm Tân mão (1411), quân Minh phát hiện ra ông chính là tác giả bức *Vạn ngôn thư* và bắt ông đưa về Yên Kinh. Vua Minh hỏi ông: «Người khuyên Bá Kỳ làm phản là có sao?» Lê Cảnh Tuân nói: «Người nước Nam mong nước Nam còn, hỏi mà làm gì?» Vua Minh tức giận, sai giam ông vào ngục Kim Lăng. Theo ĐVSHTT, thì ông đã chết ở trong ngục 5 năm sau đó⁽³⁾.

Tác phẩm: Bức *Vạn ngôn thư* đã mất⁽⁴⁾. Hiện chỉ còn lại 12 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

(1) Huyện Đường An nay là huyện Bình Giang thuộc tỉnh Hải Hưng.

(2) Bùi Bá Kỳ là cựu thần nhà Trần. Khi Hồ Quý Ly làm vua, Bá Kỳ chạy sang cầu cứu nhà Minh diệt nhà Hồ. Quân Minh sang xâm lược nước ta có đem Bùi Bá Kỳ về, cho làm quan. Lê Cảnh Tuân nguyên là bạn của Bùi Bá Kỳ, nên gửi thư cho Bùi.

- (3) Năm Tân mão (1411) Lê Cảnh Tuân bị bắt, và 5 năm sau thi mất, do đó năm mất có thể là khoảng năm 1416?
- (4) Trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目; quyển 12, có chép bức *Vạn ngôn thư*; Dương Quảng Hàm dịch (lại lược) trong *Việt Nam Văn học sử yếu*; Nxb-Nha Học chính Đông Pháp; Hà Nội, 1943; song nhiều chứng cứ cho thấy đây chỉ là bài do người sau viết ra.

314

春日喜晴

淋	漓	雨	便	旬
剩	喜	朝	鬢	新
日	麗	輕	增	象
山	青	綠	倍	神
長	空	湛	無	景
四	海	熙	共	春
風	物	滿	吟	足
騷	翁	從	賞	辰

XUÂN NHẬT HỶ TÌNH

Lâm ly nhất vũ tiện kinh tuần,
Thăng hỉ kim triêu tê sắc tân.
Nhật lệ phong khinh tăng khí tượng,
Sơn thanh thủy lục bội tinh thần,
Trường không trạm trạm vô dư cảnh,
Tứ hải hy hy cộng nhất xuân.
Phong vật mãn tiền ngâm hứng túc,
Tao ông tòng^{1*} thử thường phuong
thần^{2*}.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN MỪNG TRỜI TẠNH NẮNG

Trận mưa dầm kéo suốt mươi ngày,
Sáng nay mừng thấy tạnh ráo mới mẻ.
Mặt trời đẹp, gió nhẹ, làm tăng thêm cảnh sắc,
Non xanh nước biếc phấn chấn tinh thần.
Bầu trời trong trẻo không gợn cảnh gì khác,
Bốn biển hài hòa chung một màu xuân.
Cảnh vật đầy trước mắt, thỏa hứng ngâm nga,
Từ bữa nay nhà thơ được thường thức tiết trời thơm tho.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3 : 知事.

2* TTGGLT : 時詩.

無意

VÔ Ý ^{1*}

無 意 生 雖 有 磬 瀘 上 四 踏
 此 身 義 蹤 上 四 踏
 於 行 老 當 潛 下 自 江
 知 止 矣 然 蘿 蘭 是 山
 便 岌 志 死 更 涉 男 也
 見 人 仍 不 萬 千 兒 一
 知 為 在 離 險 險 危 事 奇。

Vô ý ư tri tiệm kiến tri,
 Thủ sinh hành chỉ khởi nhân vi ^{2*},
 Thân ^{3*} tuy lão hý chí nhung tại ^{4*},
 Nghĩa hữu đương nhiên tử bất tì (tử).
 Nhiếp dǎng môn la canh vạn hiềm,
 Thượng than hạ lại thiệp thiên nguy.
 Tú phượng tự thị nam nhi sự ^{5*},
 Đạp biến giang sơn dã ^{6*} nhất kỲ.

DỊCH NGHĨA:

* VÔ Ý

Không dễ tâm đến cái biết thì lại hóa biết,
 Trong kiếp này, ra giúp đời hay ở ăn đâu phải người định được!
 Thân dấu già, chí hướng vẫn còn vững,
 Việc nghĩa phải làm, dù chết chẳng chối từ.
 Leo dốc đá, niu dây rừng, muôn trùng hiểm trở,
 Lúc lên thác, khi xuống ghềnh, ngàn nỗi gian nguy.
 Ngang dọc bốn phương chính là sự nghiệp của kẻ làm trai,
 Được dạo khắp non sông cũng là một việc hiếu có.

DỊCH THƠ:

*Tri ngộ thò o chẳng ý gì,
 Dễ ai ngăn đứng lại ngừa đi.
 Tới già lòng đó còn nguyên vẹn,
 Dương nghĩa thân vàng, dám tiếc chí.
 Gai góc xông pha ghê nỗi hiểm,
 Thác ghềnh lén xuống trái cơn nguy.
 Cung tên trắng nợ làm trai phải,
 Tuyệt khắp non sông mới gọi kỳ.*

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2, TVTL3: 當意 *dương ý*.
 2* TTCGLT: 知 *tri*.
 3* TVTL2:TVTL3: 人 *nhân*.
 4* TVTL2: 心猶壯 *tâm do tráng*.
 TVTL3, HVTT, MDT: 心仍壯 *tâm nhung tráng*.
 5* HVTT, MDT: 志 *chi*.
 6* TVTL2, TVTL3: 地 *địa*.

316

舟中詠懷

CHU TRUNG VỊNH HOÀI

滿	青	山	又	緣	波,
遙	萬	里	赴	京	華。
已	萬	鷗	槍	枋	足,
豈	千	公	以	禮	羅!
今	此	聖	真	有	道,
此	青	朝	豈	無	家,
青	春	迹	還	鄉	好,
所	得	伴	亦	已	多。

Mǎn nhǎn thanh xuân hựu lục ba,
 Dao dao vạn lý phó kinh hoa.
 Dĩ kham xích án thương phuong túc,
 Khởi vị Ô Công dĩ lẽ la !
 Kim nhật thánh triều chán hữu đạo ?
 Thủ sinh lăng tịch khởi vô gia ?
 Thanh xuân tác bạn^{1*} hoàn hương hảo.
 Sở đặc ư thiên diệc dĩ da !

DỊCH NGHĨA :

VỊNH NỐI LÒNG KHI Ở TRONG THUYỀN

Đầy trước mắt cảnh non xanh, nước biếc.
 Từ xa xôi muôn dặm đi tới kinh đô.
 Phận chim xích án, bay lên được ngọn cây phuong là đủ⁽¹⁾,
 Đầu như việc Ô Công, dùng lễ làm lưới bắt người !⁽²⁾
 Ngày nay thành triều nếu thật có đạo,
 Sao kiếp này đi lang thang, không nơi nương tựa ?
 Tuổi thanh xuân đã làm bạn cùng quê hương, thế là tốt,
 Trời ban phúc cho ta cũng đã nhiều rồi.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : Trước chữ 伴 伴 tác bạn còn thêm chữ 有 有 hữu, và trở thành câu có 8 chữ;
TVTL2, TVTL3 : 伴 伴 我 bạn ngã.

CHÚ THÍCH :

(1) Xich án : Loại chim nhỏ, không bay được cao, chuyên sống những vùng đầm lầy.

Phương : Cây Tô phương, một loại cây thấp, thường mọc ở ven hải đảo.

Bài Tiêu dao du 遙遊 sach Trang tử 莊子 có đoạn nói, ở biển bắc có chim bỗng dài đến mấy ngàn dặm, phủ kín bầu trời, và có thể bay một mạch từ biển bắc xuống biển nam. Nghe vậy chim xich án cười chim bỗng và nói, ta yút nhảy mà bay lên, không quá vài nhận rồi xuống, thì cũng là bay chí cực rồi.

Ý của đoạn này là chê những kẻ tầm thường tự thỏa mãn với những hành động nhỏ mọn. Nhưng Lê Cảnh Tuân đã dùng điều này với một ý khác hơn. Ở đây ông tự khiêm tốn cho mình như lũ chim nhỏ không bay được cao.

(2) Hàn Dũ, Tống Ôn xứ sĩ phó Hà dương quán tự : Ông Công làm quan, biết Thạch Sinh có tài, tìm cách bắt Thạch về làm việc với mình. Ở đây, Lê Cảnh Tuân ám chỉ việc mình bị quân Minh bắt.

317

先祖忌日有感

TIỀN TỒ KỶ NHẬT HỮU CẢM ^{1*}

不	才	重	不	勝	任,
浪	承	家	入	載	今。
鬱	無	時	仍	作	客,
樓	幾	日	倍	傷	心。
左	此	壠	寒	霜	積,
澤	丘	廬	蔓	草	深。
蘋	江	爲	供	菲	奠,
松	水	首	暮	雲	沈。
	蒸				
	檄				
	回				

Bất tài thừa trọng bất thăng nhảm.

Lãng tích vô gia ^{2*} bát tài cảm (kim),
Uất uất kỷ thời ^{3*} nhưng tác khách,
Thê thê thử nhật bội thương tâm.

Tả Giang khâu ^{4*} lũng hàn sương tịch,
Trạch Thủy tiên lư mạn thảo ^{5*} thảm.
Tàn tảo nhược vi cung phỉ điện ^{6*},
Tùng thu hồi thủ mộ vân trầm.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC NHÂN NGÀY GIỖ TỒ TIỀN

Kẻ bất tài này đâu dám đâm đương gánh nặng,
Lang thang không nhà dã tám năm ròng.
Bấy lâu ngâm ngùi vẫn làm khách phương xa,
Buổi nay ảm đạm, càng thêm đau lòng.

Mồ mả tổ tiên ở Tả Giang, sương lạnh chất chứa,
 Ngôi nhà của ông cha ở Trạch Thủy cây cổ mọc đầy.
 Rau tần rau tảo (1) nếu có thể làm được đê cúng đam bạc,
 Ngoảnh trông bãi tùng thu, chỉ thấy nặng trĩu mây chiều (2).

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : Sau chữ 感 cảm có thêm chữ 作 tác ; MDT : Chép đầu đề bài thơ là 感作 cảm tác.
- 2* TVTL2, TVTL3 富家 dương gia.
- 3* TVTL2, TVTL3 : 長 thàn (Đây là chép tránh chữ thời 時 một chữ húy của nhà Nguyễn).
- 4* TVTL2 : 上 thương.
- 5* TTCGLT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 草蔓 thảo mạn.
- 6* MDT : Chép cả câu là 獨訴高是將慕奠 Độc tố cao mân tưống tảo diệu.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Rau tần rau tảo* : hai loại rau người xưa hay dùng để cúng tế.
- (2) *Tùng thu* : loại cây thường trồng ở các bãi tha ma, mộ địa. Do đó người xưa hay dùng hai chữ «Tùng thu» để chỉ nơi có mồ mả tổ tiên.

318

南海縣胥江驛夜泊

NAM HẢI HUYỆN ^{1*} TƯ
GIANG DỊCH DẠ BẠC

行	止	何	心	任	坎	流,
飄	覲	不	定	此	生	浮。
百	年	身	世	雙	蓬	鬢,
萬	里	關	河	一	葉	舟。
趙	武	逢	時	伸	壯	志,
伍	員	無	處	售	忠	謀。
那	堪	南	海		江	泊,
懷	古	情	懷		客	愁。

Hành chỉ hà tâm, nhậm ^{2*} khảm lưu,
 Phiêu dao ^{3*} bất định thử sinh phù.
 Bách niên thân thế song bồng mẩn,
 Vạn lý quan hà ^{4*} nhất diệp chu.
 Triệu Vũ phùng ^{5*} thời ^{6*} thán tráng chí,
 Ngũ Viên vô xú ^{7*} thụ ^{8*} trung muru.
 Na kham Nam Hải Tư Giang bạc !
 Hoài ^{9*} cõi tình hoài động khách sầu.

DỊCH NGHĨA :

BÊM DỪNG THUYỀN Ở TRẠM TƯ GIANG HUYỆN NAM HẢI

Chuyện giúp đời hay đi ở ẩn, mặc dòng nước trôi, còn lòng nào nghĩ đến,
Cuộc đời trôi nổi này lênh đênh bất định.
Thân thề trăm năm, hai mái tóc rối như cỏ bồng,
Quan hà muôn dặm, một lá thuyền con.
Triệu Võ gấp thời thi thổ được chí lớn (?),
Ngũ Viên không nơi thực hiện mưu trung của mình (?).
Khôn xiết nỗi lúc dừng thuyền ở trạm Tư Giang huyện Nam Hải !
Lòng hoài cõi gọi lên mối sầu của kẻ xa nhà.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* MDT : Đầu đề bài thơ không có ba chữ 南海縣 Nam Hải huyện.
- 2* TVTL2, TVTL3 : 用 dung
- 3* TVTL2, TVTL3, MDT : 飄 飄 phiêu phiêu.
- 4* TVTL2, TVTL3 : 江 山 giang son.
- 5* MDT : 幾 kỷ.
- 6* TVTL2, TVTL3 : 長 thân.
- 7* TTCGLT : 無處 wú lù ; TVTL2, TVTL3 : 當處 dāng chù
- 8* TVTL3 : 雙 chéch.
- 9* MDT : 訪 phỏng.

CHÚ THÍCH :

- (1) Huyện Nam Hải : thuộc tỉnh Giang Đông. Có lẽ bài thơ này Lê Cảnh Tuân làm lúc bị bắt sang Yên Kinh.
- (2) Triệu Võ : Tức Triệu Mạnh 趙孟, người nước Tần thời Xuân Thu. Được vua Tần Bình Công 晉平公 yêu dùng, Triệu Võ ra sức giúp nước Tần cường thịnh, khuất phục được các chư hầu.
- (3) Ngũ Viên : Tức Ngũ Tử Tư 伍子胥, người nước Sở thời Xuân Thu, làm quan nước Ngô. Tử Tư nhiều lần khuyên can vua Phù Sai 夫差 nước Ngô không nên hòa với Câu Tiễn 勾踐. Phù Sai chẳng những không nghe, cuối cùng còn giết Tử Tư. Quả nhiên, chín năm sau nước Ngô bị Câu Tiễn diệt.

319

過南昌府滕王閣故址

QUÁ NAM XƯƠNG PHỦ ^{1*} ĐĂNG VƯƠNG CÁC CỔ CHỈ ^{2*}

頽攀去還上間在山。
開可捲飛沙照處西
一不空自寒落何對
此欹簾棟變來華浦
如偃珠畫谷今繁南
山構捲飛遷往日然
江遺雨雲陵古當依

Giang sơn như thử nhất khai nhan ^{3*},
Di cầu khuynh y ^{4*} bắt khả phan.
Vũ quyền chau liêm không ^{5*} quyền khú,
Vân phi họa đống tự ^{6*} phi hoàn.
Lăng thiên cốc ^{7*} biến hàn sa thương,
Cồ vãng kim lai lạc chiếu ^{8*} gian.
Đương nhật phòn hoa hà xứ tại ?
Y nhiên Nam Phố đối Tây San ^{10*}.

DỊCH NGHĨA :

QUA NỀN CŨ ĐĂNG VƯƠNG CÁC (1) Ở PHỦ NAM XƯƠNG

Giang sơn thế này đã từng một phen mở mặt,
Nay nếp kiến trúc cũ đã xiêu đồ không thể vin lại được nữa.
«Mưa cuốn rèm châu» nay đã cuốn sạch,
«Mây bay cột vẽ» giờ lại bay về ⁽²⁾.
Gò đồi, hang thay trên bãi cát lạnh,
Xira qua, nay lại trong ánh chiều buông.
Cánh phồn hoa ngày ấy nay ở đâu ?
Chỉ còn trơ lại Nam Phố đồi diên với Tây Sơn ⁽³⁾.

KHẢO ĐỊNH :

1★ TVTL2, TVTL3 : 縣 *huyện*.

2* TTCLGT : Sau chữ chỉ, có chữ 作 tác : MDT chép đầu đề bài thơ là 過 滕王閣 Quá Đặng Vương閣 các.

3* MDT : Cả câu i là : 長江波影撼攔干 Trường Giang ba ảnh hám lan can.

4* TTCGLT, TVTL3: 道構傾歌 *Di cấu khuynh ca*; MĐT: 商闕傾歌 *Cao các khuynh ca*.

5* MDT : 朝 triều.

6* MDT : 暮 mo.

7* TVTL3 : 容 *dung*.

8★ TVTL3 : 雕 dieu

9* TVTL3: 張落 *chiēu lac*

10* MDT : chép bốn câu sau cùng là :

星移物換流舟外，
鳳起蛟騰落照間。
滿目繁華何處是，
依依霞靄此江山。

Tinh di vật hoán lưu chu ngoại,
Phượng khởi giao dâng lạc chiếu gian.
Mãn mục phồn hoa hà xứ thị ?
Y y hà vụ thử giang san.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đằng Vương các* : Một lầu gác lớn do Nguyên Anh 元嬰, tước Đằng Vương, con của Đường Cao Tông 唐高祖, xây dựng ở phủ Nam Xương (tỉnh Giang Tây).
 (2) (3) Câu thơ thứ 3, 4 và 8 là lấy ý từ hai câu sau đây ở cuối bài *Đằng Vương các tự* 滕王閣序 của Vương Bột 王勃 :

晝棟朝飛南浦雲，
珠簾暮捲西山雨。
Buổi sớm mây Nam Phố bay trên cột vẽ,
Buổi chiều mưa Tây Sơn cuốn bức rèm châu.

Hai câu thơ này tả nếp kiến trúc nguy nga và khung cảnh thơ mộng nơi lầu gác của Đằng Vương.

320

江中逢立春日

GIANG TRUNG PHÙNG LẬP
XUÂN NHẬT ^{1*}

行蕭山冬萬此鳳準
色蒼風水春盡事生城擬
芒雪復生心隨更華一
歲別客天隨更華一
正離程道節誰如破
闌間遠還變班海顏。

Hành sắc thương mang ^{2*} tuế chinh lan,
Tiêu tiêu phong tuyết biệt ly gian.
Sơn trùng thủy phục khách trình viễn,
Đông tận xuân sinh thiên đạo hoàn.
Vạn sự vô tâm tùy tiết biến,
Thử sinh ^{4*} nhảm vận ^{5*} cảnh thùy
ban ^{6*}.
Phượng ^{7*} thành nhị nguyệt hoa ^{8*}
như hải,
Chuẩn nghĩ thiều quang nhất phá ^{9*}
nhan.

DỊCH NGHĨA:

TRÊN SÔNG GẶP NGÀY LẬP XUÂN (1)

Cánh di đường mịt mờ, năm cũ đang tàn,
 Gió tuyết xào xác trong lúc biệt ly.
 Núi sông trùng điệp, đường khách xa xăm,
 Đông qua xuân tới, đạo trời vẫn xoay.
 Muôn việc hưng hờ qua, theo thời tiết thay đổi,
 Kiếp này phò mặc số phận, nào ai xếp đặt nên.
 Tháng hai ở phượng thành (2), hoa nhiều như biển,
 Chắc hẳn ánh xuân sẽ làm tươi nét mặt.

KHẢO ĐÍNH:

- 1* TTCGLT: Sau chữ H nhất, có thêm chữ 1^行 tác.
- 2* TVTL1, TVTL3: 蒼花 *thương mang*, TVTL2: 蒼忙 *thương mang*, MDT: 氏忙 *thông mang*.
- 3* MDT: 氏 *tâm*.
- 4* TVTL2: 運用 *vận dụng*, TVTL3: 用運 *dụng vận*.
- 5* TVTL2: 難 *nan*.
- 6* TTCGLT, TVTL2, TVTL3, MDT: 慳 *kiên*.
- 7* TTCGLT: 風 *phong*.
- 8* MDT: 春 *xuân*.
- 9* TVTL1, TVTL2: 過 *quá*; TVTL3: 遇 *ngộ*.

CHÚ THÍCH:

- (1) Ngày lập xuân: Ngày báo hiệu mùa xuân đến, thường vào khoảng tháng 4 hoặc 5 tháng 2 dương lịch.
- (2) Phượng thành: Danh từ chỉ kinh đô. Ở bài này có thể là chỉ kinh đô của nhà Minh.

至日書懷

CHÍ NHẬT ^{1*} THU HOÀI

歲飄滿何清虛，
月零前處夢生回。
風親三半便明，
雪朋更世是時。

還只難更頻，
至窮禁可斷沈。
愁得求續浮，
夕鬱是乾一。

Tuế nguyệt thông thông hoàn chí nhật^{2*}，
Phiêu linh ^{3*} uất uất chỉ cùng sầu。
Mǎn tiỀn phong tuyẾt nan cǎm đắc^{4*}，
Hà xú thán bǎng cánh khả cầu^{5*}。
Thanh mộng tam canh tàn đoạn tục，
Hu sinh ^{6*} bán thế túc ^{7*} trầm phù ^{8*}。
Dương hòi tiện thị càn khôn thái ^{9*}，
Vị ^{10*} hợp minh thời ^{11*} nhất lô ^{12*} tù ^{13*}。

DỊCH NGHĨA:

GHI NỘI LÒNG TRONG NGÀY CHÍ NHẬT (1)

Năm tháng vùn vụt, lại đến ngày chí nhật,
Cảnh trôi dạt uất ức, những da diết buồn !
Phía trước đầy gió tuyết, khôn nỗi cầm lòng !
Nơi nào còn bà con bạn hữu, để cố tìm kiếm ?
Giấc mộng đẹp đêm khuya, luôn luôn dứt nỗi,
Cuộc sống hão nửa đời, đầy sự nỗi chìm.
Khi dương về, trời đất sáng sủa,
Tâm thanh tú thực không hợp với thời thịnh !

KHẢO ĐÍNH:

1* MDT: 冬至 dōng zhì.

2* MBT: 駁駛 逢好節 xám xám phùng hảo tiết.

3* MDT: 心眉 tān mí.

4* MBT: 瘦 sǎo.

5* MBT: Chép cả câu 爲是親朋合與遊 Ký thi thán bǎng hợp dù du.

6* TVTL1, TVTL2, TVTT3, MDT: 名 danh.

7* TVTL2: 即 tức; MDT: 只 chí.

8* TVTL1: 沈 phù trầm.

9* MDT : cà câu : 陽 回 想 得 與 周 日 Dương hồi tưởng dắc hung chư nhật.

10* TVTL1 : 來 lai.

11* TVTL2 : 好 辰 hảo thán ; TVTL3 : 如 辰 như thán.

12* TTCGLT : 慮 lự.

13* MDT : Cà câu : 道 起 明 夷 美 里 因 Đạo khởi minh di dùu lý tú.

CHÚ THÍCH :

(1) *Chi nhật* : Theo chú thích ở *Dịch kinh*, ngày hạ chí và đông chí đều gọi là «chi nhật». Và theo cảnh vật trong bài thơ này thì đây là ngày đông chí.

322

贛州江中逢先妣忌日

一 奄 霜 蘋 八 四 心 臨	從 忽 露 繁 千 十 此 析 風	避 今 孝 葉 暮 路 年 時 淚	地 朝 思 奠 莫 他 無 時 倍	遙 又 空 更 更 他 無 禁	先 忌 在 誰 更 他 母 禁	壠, 辰。 念, 因。 客, 身。 傷, 神!
--------------------------------------	---	---	---	--------------------------------------	--------------------------------------	--

CỐNG CHÂU GIANG TRUNG PHÙNG TIỀN TỈ KỶ NHẬT ^{1*}

Nhất tòng tị địa ^{2*} giao tiên lũng ^{3*},
Yêm hốt kim triêu hựu ky ^{4*} thần ^{5*}.
Sương lộ ^{6*} hiếu tư không tại niệm,
Tần phòn bạc điện ^{7*} cánh thùy ^{8*}
nhân.

Bát thiên lý lộ tha hương khách,
Tứ thập ngũ niên vô mẫu thần ^{9*}.
Tâm tích ^{10*} thủ thời ^{11*} cầm ^{12*} bất
đắc ^{13*},
Lâm phong sai lệ bội thương thần !

DỊCH NGHĨA :

THUYỀN ĐI TRÊN SÔNG Ở CỐNG CHÂU (1) GẶP NGÀY GIỖ MẸ

Từ khi sang đất khác, xa cách mồ mả tổ tiên,

Thầm thoát hôm nay lại đến ngày giỗ.

Nỗi lo đạo hiếu trước lòn móc sương (2) dành để trong lòng,

Chốn quê ai thay dàng lẽ mọn rau cỏ (3).

Xa tám ngàn dặm, làm khách quê người,

Tròn bốn lăm năm, tấm thân không mẹ.

Lòng đau xé, lúc này không cầm lại được,

Trước giờ rơi lệ, tinh thần thêm đau !

DỊCH THƠ :

Đất lạ long dong, mồ me xa,
 Lại thêm tiết giỗ bỏ trôi qua.
 Thảo thơm chốn cũ ai hương khói,
 Hiểu đẽ quê người dạ xót xa.
 Bốn chục năm dư đời thiêu me,
 Tâm ngàn dặm chấn khách không nhà.
 Nỗi đau xé ruột khôn cầm được,
 Trước gió tuôn rơi lệ ướt nhòa !

* TIỀN SƠN

KHẢO ĐÍNH :

- 1* MDT : Chép đầu đề: 鞑州江中遭諱日感作 Cổng Châu giang trung lao húy nhật cảm tác.
- 2* TTGGLT : 北 bắc.
- 3* TTGGLT : 遠先墳 vi tiên lăng ; TVTL2 : 建先墳 kiến tiên phàn ; TVTL3 : 見先墳 kiến tiên phàn ; MDT : 遠先墳 viễn tiên phàn.
- 4* MDT : 諱 húy.
- 5* TTGGLT : 時 thời.
- 6* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 霧 vương.
- 7* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 味 vị ; MDT : 氷 huống.
- 8* MDT : 難 nan.
- 9* TTGGLT, TVTL2 : 親 thân.
- 10* TVTL2, TVTL3 : 折 chiết.
- 11* TVTL2, TVTL3 : 辰 thán ; MDT : 回 hồi.
- 12* TVTL2, TVTL3 : 難 nan.
- 13* MDT : 著 trú.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Cổng Châu* : Tên một phủ ở tỉnh Giang Tây. Đây là một bài thơ làm trong lục Lê Cảnh Tuân bị quân Minh bắt giải về Kim Lăng.
- (2) *Nỗi lo dao hiếu trước lán móc sương* (*Sương lộ hiếu tư*) : Theo Kinh Lễ 禮經, khi sương mùa xuân, móc mùa thu rơi xuống, người quản tử giãm phải thi trong lòng thấy lo sợ bàng hoàng. Vì giãm phải sương móc như vậy sẽ có thể tồn thương cho thân thể hoặc chân tay của mình. Người làm con mà để cho thân thể mình bị hủy hoại hoặc suy giảm thì cũng là một điều bất hiếu lớn đối với cha mẹ.
- (3) *Lễ mon rau cỏ* : Dịch ý hai chữ «tần» và «phòn». Theo bài *Thái tần thái phòn* 采蘋采蘩 trong Thi kinh 詩經, tần và phòn là hai loại rau người đời xưa dùng để cúng tế.

323

元 日

NGUYỄN NHẬT

旅	館	客	仍	在,	Lữ quán khách nhưng tại,
去	年	春	復	來。	Khứ niên xuân phục lai.
歸	期	何	日	是,	Quy kỳ hà nhật thị,
老	盡	故	國	梅。	Lão tận cố viên mai !

DỊCH NGHĨA :

NGÀY ĐẦU NĂM

Văn làm khách ở nơi quán trọ,
 Mùa xuân năm ngoái lại trở về.
 Ngày về biết lúc nào,
 Những cây mai nơi vườn cũ đã cỗi hết!

DỊCH THƠ :

NGÀY ĐẦU NĂM

Quê người, khách vẫn còn đây,
 Mùa xuân năm ngoái năm nay lại về.
 Còn ta biết đến bao giờ,
 Vườn xưa e đã mai già còn chi !

Theo Bd. HVTVT

324

濛裡驛偶成

MÔNG LÝ DỊCH NGAU THÀNH

短	棹	擋	晴	沙,	Đoản trạo ^{1*} các ^{2*} tinh sa,
前	村	日	已	斜。	Tiền thôn nhạt dĩ tà.
似	無	還	似	有,	Tự vô hoàn tự hữu,
煙	際	兩	三	家。	Yên tế luồng tam gia.

DỊCH NGHĨA :

ĐẾN TRẠM MÔNG LÝ (1) CẢM XÚC THÀNH THƠ

Mái chèo ngắn gác lên bãi cát dưới nắng,
Nhìn về xóm phía trước, mặt trời đã xế chiều.
Cánh hụt ảo như không lại như có,
Trong lớp khói mờ có hai ba mái nhà.

DỊCH THƠ :

Mái chèo gác bãi cát khô,
Nhìn lên xóm trước, bóng mờ bên sông.
Chập chờn như có, như không,
Nhà đâu mấy mái lẩn trong khói chiều.

TIỀN SƠN

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1, TVTL3 : 摆 *trạo*.

2* MĐT : 櫛 *lan*.

CHÚ THÍCH :

(1) *Trạm Mông Lý* : nằm trên đường từ nước ta sang Trung Quốc, chưa rõ đích xác ở nơi nào.

325

元日江驛

NGUYỄN NHẬT GIANG DỊCH ^{1*}

好 景 途 元 日 ,
無 家 憶 此 身 。
客 愁 淚 減 去 ,
老 眼 看 青 春 。

Hảo cảnh phùng nguyên nhật,
Vô gia ^{2*} mãn thử thân.
Khách sầu hồn giảm khứ,
Lão nhãn khán thanh xuân.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY NGUYỄN ĐÁN Ở TRẠM TRÊN SÔNG

Cảnh đẹp gặp ngày mồng một tết,
 Luống thương thán này không nơi nương náu.
 Nơi quán trọ, nỗi buồn có với tí chút,
 Thường thức cảnh xuân tươi với đôi mắt già.

DỊCH THƠ :

*Cảnh đẹp lại ngày đầu năm,
 Thương thán vì nước xa xăm quê nhà.
 Nỗi buồn như được nhẹ ra,
 Tuổi già vui chút mặn mà màu xuân.*

TRẦN LÊ SÁNG

KHẢO ĐỊNH :

- 1* MDT: chép đầu đề bài thơ là 江 辰 元 日 Giang dịch nguyên nhất.
- 2* TVTL2, TVTL3, MDT : 風 qui.

PHẠM NHỮ DỰC

范汝翼

(?)

Phạm Nhữ Dực tự là Mạnh Thần 狀神, biệt hiệu là Bảo Khê 寶溪, người làng Đa Dực 多翼 (1). Năm sinh, năm mất của ông đều chưa rõ, chỉ biết Nhữ Dực sống cùng thời với Nguyễn Phi Khanh 阮飛卿. Đời Hồ Quý Ly 胡季贊, ông làm Giáo thụ huyện Tân Sơn 新山 (2); thời kỳ thuộc Minh (1414—1427), làm Huấn đạo.

Tác phẩm: hiện còn 61 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*, trong tập này chỉ chọn 41 bài.

(1) (2) Đều chưa rõ thuộc vùng nào.

326

杏壇

HẠNH ĐÀN

仙高文教午夜偏永	杏壇風雨後寒宜興	裁屹披牕涼响庭乾	歲鎮揚灑函七長共	月儒芬翠丈絃鄰古	深林馥陰席琴近今
----------	----------	----------	----------	----------	----------

Tiên hạnh tài bồi tuế nguyệt thảm,
Cao đàn ngặt nhẽ trán Nho ^{1*}. lâm.
Văn phong phi phất dương phân phíc^{2*},
Giáo vũ lâm ly bát thủy âm.
Ngọ hậu lương sinh hàm trọng tịch,
Dạ hàn hưởng nhập thất huyền cầm.
Thiên nghi ^{3*} đình cối trường lán cản,
Vĩnh dũ ^{4*} càn khôn cộng ^{5*} cỗ cầm
(kim).

DỊCH NGHĨA :

ĐÀN HẠNH (1)

Cây hạnh vun trồng đã nhiều năm tháng,
 Đàn cao sừng sững, ngự trị (2) rừng Nho.
 Luồng gió vẫn phe phẩy, tỏa ngát hương thơm,
 Trận mưa giáo hóa dầm dề, luôn tưới xanh tốt.
 Sau buổi trưa, nhà học (3) bắt đầu râm mát,
 Trong đêm lạnh, bao nhiêu âm hưởng thu vào chiếc đàn bảy dây (4).
 Thật đáng gần gũi lâu dài với gốc «cối» trước sân (5),
 Mãi mãi cùng trời đất chung nhau kim cỗ.

DỊCH THƠ :

*Hạnh tiên vun bón trải bao đời,
 Đàn giữ rừng Nho chẳng đổi dời.
 Làn gió vẫn minh thơm khắp chốn,
 Trận mưa giáo hóa thăm đời noi.
 Chiều về lớp học sinh râm mát.
 Đêm lạnh đàn cầm đạo thảm thơi.
 Khóm cối bên sân thường gắn bó,
 Chung kim cỗ với đất cùng trời.*

TUẤN NGHĨ

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL3 : 僮 *tăng*.
- 2* TVTL2 : 芬郁 *phân úc*; TVTL3 : 柳郁 *liễu úc*.
- 3* TVTL2 : 級 *nghi*; TVTL3 : 空 *không*.
- 4* TVTL3 : 得 *dắc*.
- 5* TVTL1 : 世 *thế*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đàn Hạnh*: một gò đất ở trước miếu thờ Khổng Tử tại huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông. Đây là nền trường cũ, nơi Khổng Tử dạy học thuở xưa.
- (2) *Ngự trị*: giữ cho lòng yên lặng. Cả câu ý nói nền trường cũ, nơi Khổng Tử dạy học thuở xưa còn cao sừng sững, có tác dụng giữ gìn đạo Nho tồn tại mãi mãi.
- (3) *Nhà học*: *Lễ kinh* 禮經 có câu: Tịch gian hàn trọng. Ý nói nơi thầy trò giảng giải và học tập với nhau, thầy trò cách nhau chừng một trọng. Đời sau dùng hai chữ «hàn trọng» để chỉ nơi dạy học trò hoặc chỉ ông thầy dạy học.
- (4) Xưa vua Thuấn 少帝 làm chiếc đàn năm dây, sau Văn Vương 文王 và Vũ Vương 武王 nhà Chu thêm vào hai dây nữa thành đàn bảy dây gọi là «thất huyền cầm». Khổng Tử dùng âm nhạc làm phương tiện giáo dục.
- (5) Trước nhà ở của Khổng Tử có trồng gốc cối (cối trạch), cho nên người sau thường dùng chữ «cối trạch» để đối với chữ «hạnh đàn».

和福州馮州判
致仕所贈詩韻

州	郡	閑、	留	杜	召	名，
秋	風	鶴	夢	來	喚	醒。
到	家	迎	候	童	歡	稚，
滿	座	親	朋	父	讓	兄。
畫	永	焚	香	玉	撻	塵；
興	來	索	酒	銀	指	瓶。
後	人	自	有	人	後	計，
此	義	知	公	已	久	明。

HỌA PHÚC CHÂU PHÙNG^{1*} CHÂU
PHÁN TRÍ SĨ SỞ TẶNG THI VẬN

Châu quận^{2*} nhàn lưu Thiệu, Đỗ^{3*} danh.
Thu phong^{4*} hạc mộng hoán lai tinh.
Đáo gia nghinh hậu hoan đồng tri^{5*},
Mãn tọa^{6*} thản bằng nhượng phụ huynh.
Trú vĩnh phần hương huy ngọc chủ^{7*},
Hứng lai sách tửu chỉ ngân bình.
Hậu nhàn tự hữu hậu^{8*} nhân kế,
Thủ nghĩa tri công cầu dĩ minh.

DỊCH NGHĨA:

HỌA BÀI THƠ CỦA VIÊN QUAN HỌ PHÙNG⁽¹⁾
Ở PHÚC CHÂU⁽²⁾ TẶNG KHI ÔNG TA VỀ HƯU.

Nơi châu quận, dè lại tiếng thơm như ông Thiệu, ông Đỗ⁽³⁾,
Gió thu đã gọi tỉnh giấc mơ chim hạc⁽⁴⁾.
Về đến nhà, trẻ thơ đón hầu vui vẻ,
Bà con bạn hữu đầy nhà kính nhường bậc cha anh.
Ngày dài, đốt hương, phe phẩy chiếc phất trần⁽⁵⁾,
Hứng đến, đòi rượu, trổ vào chiếc bình bạc⁽⁶⁾.
Người đời sau tự có sinh kế của người đời sau⁽⁷⁾,
Nghĩa ấy chắc ngài đã hiểu rõ từ lâu.

KHẢO ĐÍNH:

1* TVTL3 :憑 bằng.

2* TVTL2 :即 tức.

3* TVTL3 :杜, 召 Đỗ, Triệu.

4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 :風 秋 phong thu.

5* TTCGLT :舞 tri.

6* TVTL1 :坐 tọa.

7* TTCGLT :坐 chủ? ; TVTL2 :座 tọa.

8* TVTL3 :後 di.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Viên Phản quan họ Phùng* : chưa rõ là ai.
- (2) *Phúc Châu* : chưa rõ ở đâu.
- (3) *Ông Thiệu, ông Đỗ* : vào đời Nhà Hán có Thiệu Tri Thần và Đỗ Thị là hai viên quan rất quan tâm đến đời sống nhân dân, được nhân dân coi như cha mẹ.
- (4) *Triệu Biện* : 趙辯 nhà Tống đi làm quan mang theo chim hạc. Ở đây nói tinh giấc mơ chim hạc, ý nói họ Phùng về hưu.
- (5) *Phật tràn* : (ngọc chủ) : Chủ là một loài thú giống như loài hươu. Người xưa dùng đuôi nó làm phật tràn để phe phẩy trong lúc đàm luận cho thêm vẻ thanh tao.
- (6) *Bình bạc* : (ngân bình) : một trong những dụng cụ đựng rượu. Đỗ Phủ 杜甫 có câu thơ:

指點銀瓶索酒嘗

Chỉ điểm ngân bình sách trữ thường

Trò bình bạc đổi rượu mà uống.

- (7) *Sơ Quảng疏廣* đời Hán cho rằng con cháu sau này đã có ruộng nương đủ làm sinh kế, còn bỗng lộc nhà vua cho chỉ để di dưỡng tuổi già với bà con xóm giềng.

328

送新安府通判秩滿

TỔNG TÂN AN PHỦ THÔNG PHÁN
TRẬT MÃN ^{1*}

使	君	祖	帳	俯	江	尋	尋
共	唱	驪	駒	長	短	吟	吟
今	日	情	懷	率	蓼	岸	岸
他	時	德	政	想	棠	陰	陰
臺	涵	文	水	秋	千	頃	頃
標	聳	廬	峰	萬	萬	尋	尋
何	必	銓	衡	勞	問	訊	訊
好	憑	民	日	驗	民	心	心

Sứ quân tồ ^{2*} trường phủ giang tầm,
Cộng xướng Ly câu trường đoàn ngâm.
Kim nhật tình hoài khiên liêu ngắn,
Tha thời đức chinh tưởng đường âm.
Đài ^{3*} hàm Văn ^{4*} Thủy thu thiên khoảnh,
Tiêu tùng Lô Phong ngọc vạn tầm.
Hà tất thuyên hành lao vấn tấn ^{5*},
Hảo bằng dân khâu nghiệm dân tầm.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN VIÊN THÔNG PHÁN PHỦ TÂN AN HẾT NHIỆM KỲ

Cuộc tiên đưa sứ quân ⁽¹⁾ ở bến sông,
Cùng nhau hát khúc *Ly câu* ⁽²⁾ trường đoàn ngâm,
Hôm nay mối tình vương vấn bên bờ rau liêu ⁽³⁾,
Ngày khác người ta sẽ nhớ đến đức chinh của ông như bóng râm cây
cam đường ⁽⁴⁾.

Đài sảnh thấm nhuần nước sông Văn Thủy (5) về thu nghìn khoảnh,
 Đạo đức cao vời như ngọn núi Lô Sơn (6) ngọc xếp muôn tần (7).
 Hà tất phải cản nhắc, nhọc lòng hỏi han,
 Chỉ nên dựa theo miệng dân và nghiệm ở lòng dân.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVT2, TVTL3 : 酒 tiếu.
- 2* TVTL2 : 俯 phủ ; TVTL3 : 夜 dạ.
- 3* TVT2L : 簿 cáo.
- 4* TVTL2 : 欲 lịch.
- 5* TTCGLT : 驛 dịch.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Sứ quán* : chữ dùng để gọi những người từng phụng sự.
- (2) *Lý cầu* : một khúc hát ngày xưa thường dùng khi tiễn biệt.
- (3) *Liễu* : một loại rau dưới nước. Ngày xưa, khi hội yến tân khách, người ta thường hát bài «Liễu liễu» 蕉蕭 (trong phần Tiêu nhã 小雅 ở Thi kinh詩經). Chữ «liễu» ở đây được dùng với ý hội yến tân khách.
- (4) *Bóng râm của cây cam đường* (đường âm) : Trong Thi kinh, thơ Cam đường, Thiệu Công nhà Chu có «nhân chính», lúc sinh thời đi xem xét công việc thường nghỉ ngơi ở dưới gốc cây cam đường. Sau khi ông mất, người ta tưởng nhớ đến ông mà không nở chặt cây ấy.
- (5) *Sông Văn Thủy* : ở về phía tây bắc huyện Thành Cố, tỉnh Thiểm Tây.
- (6) *Núi Lô Sơn* : thuộc tỉnh Giang Tây ; ở đây có phong cảnh đẹp nổi tiếng.
- (7) *Tần* : một đơn vị chiều dài vào thời cổ. Mỗi «tần» dài bằng tám «xích», tức khoảng 2m60.

329

題新學館

BÈ TÂN HỌC QUÁN

文	軌	方	今	四	海	同,
家	家	教	子	事	儒	宮。
書	樓	縹	渺	凌	睛	霧,
講	席	清	高	占	午	風。
濟	濟	佩	衿	應	儼	雅,
洋	洋	弦	誦	正	雍	容。
英	才	他	吾	充	棟	
培	養		知			

Văn quí phương kim tử hải đồng,
 Gia gia giáo tử sự Nho cung.
 Thư lâu ^{1*} phiếu diều ^{2*} lăng tình vụ,
 Giảng tịch thanh cao chiếm ngọ ^{3*} phong.
 Tế tế bội khâm ưng nghiêm nhã,
 Dương dương huyền tụng chính ưng
 dung.
 Anh tài tha nhật sung lưống đồng,
 Bồi dưỡng ngô tri tai ^{4*} thủ trung.

DỊCH NGHĨA :

BÈ NHÀ HỌC MỚI

Ngày nay bốn bề cùng chung một cõi xe, một văn tự (1)
Nhà nào cũng dạy con chăm học đạo Nho.
Lầu sách cao vút trên màn sương lạnh,
Nhà giảng thoảng mát choán cả gió trưa.
Rõ ràng áo xiêm mang ngọc, hẳn là trang nhã,
Sang sảng tiếng đàn tiếng đọc, rõ vẻ ung dung.
Những anh tài một ngày kia sẽ làm rường cột cho nước nhà,
Ta biết rằng cũng là do được bồi dưỡng ở nơi này,

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 樓書 lầu thư.
2* TVTL2 : 繼牒 diều phiếu.
3* TVTL2 ; TVTL3 : 子女 tử nữ.
4* TTCGLT : 從 tòng.

CHÚ THÍCH :

- (1) Sách Trung dung 中庸 có câu : 書同文, 車同軌 Thú đồng văn, xa đồng quy : sách cùng một thứ chữ, xe cùng một cõi bánh. Ý nói cùng chung một nền văn hóa.

330

繡江精舍

繡書	水堂	纏	繞	郭	村
波	光	俯	巧	齒	門
紙	帳	天	融	精	性
風	梅	梅	影	夢	魂
雨	牙	牙	花	葉	響
讀	顫	顫	錢	煙	昏
竟	指	指	眼	餘	事
	書	見	效	遠	孫
	說	關	西		

TÚ GIANG TINH 1* XÁ

Tú thủy oanh vu 2* nhiễu quách thôn,
Thư đường phủ hám 3* xảo đương môn.
Ba quang thiên ảnh dung tinh tinh,
Chỉ trường mai hoa đậm mộng hồn.
Phong chiến 4* nha tiêm thu diệp hường,
Vũ giai cù nhẫn ngọ yên hôn.
Độc thư kiến hiệu hồn dư sự,
Cánh thuyết Quan Tây hữu viễn tôn !

DỊCH NGHĨA :

NHÀ ĐỌC SÁCH Ở TÚ GIANG

Giồng nước Tú Giang lượn quanh thôn xóm,
Trên nhà đọc sách dòm xuống, vừa khéo ở ngay giữa cửa.
Ánh nước, bóng trời, hòa hợp với tinh tinh,
Hoa mai trang giấy mộng hồn thanh đậm.
Gió rung cái mũi ngà cài sách (1) cùng với lá thu reo,
Mưa dội nghiên mài mực (2), thoảng khói trưa mờ.
Đọc sách có kết quả cũng là việc thường,
Thế mà dám nói đất Quan Tây (3) có người cháu xa !

DỊCH THO :

Sông Tú quanh thôn chảy lượn lờ,
Thư đường khéo đặt đúng bên bờ.
Bóng trời, ánh nước chung tình ý,
Trang sách, hoa mai lẵn mộng mơ.
Gió lắc cài ngà, cây lá động,
Mưa lau nghiên mực, khói mây mờ.
Loanh quanh đèn sách toàn dư sự,
Mà tưởng tài ba, rõ vẫn vơ !

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 樓 lầu.
- 2* TVTL2 : 鶯 行 oanh hành.
- 3* TTCGLT : 眇 ha.
- 4* TVTL2 : 鳥 diều.

CHÚ THÍCH :

(1) Cái mũi ngà cài sách (nha tiêm): Hàn Dũ 韩愈, đời Đường, trong bài *Tống Gia Cát Giác vãng Tây Châu đọc thư* 送諸葛覺往隨州讀書 có câu :

——懸牙鉛，——Nhất nhất huyền nha tiêm,
新若手未觸。——Tàn nhược thủ vị xúc.

*Mỗi quyển sách đều treo cái mũi ngà
Mỗi như chưa chạm tay đến.*

- (2) *Nghién mai mực* (cù nhẫn) : cái vần hoa trên đá Đoan Khê, như mắt con chim sáo, người xưa thường chọn loại đá này để làm nghiên mực.
- (3) *Quan Tây* : đất phía tây cửa ải Hàm Cốc, tức là vùng Thiêm Tây. Theo sách *Hậu Hán thư* 後漢書 Dương Chẩn 杨震 đời Hán, học rộng tài cao, người đương thời gọi Dương là Không Tử 孔子 đất Quan Tây. Ở đây, tác giả ý nói : nhiều người ở nhà đọc sách Tú Giang muốn so sánh tài học của mình với Dương Chẩn ở đất Quan Tây.

331

尋梅橋玩月

TÀM MAI KIỀU NGOẠN NGUYỆT

水	盈	塵	世	Nhất
橋	穩	春	尋	thủy
時	姑	恙	無	doanh
夜	姬	人	可	cách
影	波	蕩	蕩	thể
魄	玉	精	神	trần
冰	此	描	得	
人	詩	寫	真	

Nhất thủy doanh doanh cách thể trần,
Tiểu kiều ôn trược ^{4*} hảo tần xuân.
Cựu thời Cô Xạ hoàn vỏ dạng ^{2*},
Kim dạ Hăng ^{3*} Nga diệc khả nhân.
Hồng ảnh ba quang tương dâng dâng ^{4*},
Băng hồn ngọc phách tông tinh thần.
Nhân gian thử cảnh thùy ^{5*} miêu đắc,
Tá dù ^{6*} thi ông vị tả chán.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI TRẮNG TRÊN CẦU TÀM MAI ⁽¹⁾

Dòng nước lẳng lặng cách biệt cõi đời,
Chiếc cầu nhỏ vững vàng, tiện cho việc tìm thú chơi xuân.
Vị thần núi Cô Xạ ngày xưa vẫn còn khỏe mạnh ⁽²⁾,
Ả Hăng Ngà đêm nay trở thành người đáng yêu ⁽³⁾.
Bóng cầu vòng và ánh nước lòng vào nhau sóng sánh,
Hồn băng, phách ngọc ⁽⁴⁾ rất mực diệu kỳ.
Cảnh này, người đời ai mà vẽ được,
Hãy cho nhà thơ mượn để miêu tả chân thực.

DỊCH THƠ :

Dòng nước xinh xinh cách cõi trần,
Nhịp cầu nhỏ nhỏ đạo tim xuân.
Xưa thần Cô Xạ đang còn mạnh,
Nay ả Hăng Ngà cũng dễ thán.

Ánh nước bóng cầu đưa sóng sánh,
Hòn băng phách ngọc rất tinh thần.
Khuôn giuong, người tục tay khôn vẽ,
Mượn đến nhà thơ để tả chân.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 處 xứ.
- 2* TVTL3 : 急 cấp.
- 3* TVTL2, TVTL3 : 常 thường.
- 4* TTCGLT : 樣 dạng.
- 5* TVTL1 : 難 nan.
- 6* TVTL3 : 事 sự.

CHÚ THÍCH :

- (1) Cầu Tầm Mai : chưa rõ ở đâu.
- (2) Núi Cồ Xạ : Theo sách Trang tử 莊子, trên núi Cồ Xạ có một thần nhân, da thịt như băng tuyết, thuởt tha như cô gái trinh.
- (3) Theo truyền thuyết, Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ, từng ăn vụng thuốc trường sinh của chồng rồi thành tiên bay lên cung trăng. Người sau dùng chữ «Hằng Nga» để chỉ mặt trăng.
- (4) Hòn băng, phách ngọc : Ở đây dùng để chỉ mặt trăng.

332

代人慶莫本管生日

九	十	秋	光	纏	七	日	自
懸	孤	今	日	撲	今	光	朝
精	神	清	徹	難	光	嶺	底
骨	格	孤	高	傑	履	屐	標
綺	席	大	同	珠	環	嬌	
妙	姐	齊	唱	翠	相	樂	
人	生	得	意	須	算		
何	必	松	椿	祝			

DẠI NHÂN KHÁNH MẠC BẢN QUẢN
SINH NHẬT

Cửu thập thu 1* quang tài thất nhất,
Huyền hò 2* kim nhật 3* phác 4* kim
triệu.
Tinh thần thanh triệt than quang đê,
Cốt cách cô cao kiệt linh tiêu.
Ỷ 5* tịch đại đồng châu 6* lý hiệp,
Diệu cơ tề xướng thủy hoàn kiều.
Nhân sinh đặc ý tu 7* tương lạc,
Hà tất tùng xuân 8* chúc toán dao.

DỊCH NGHĨA :

LÀM THAY NGƯỜI KHÁC MỪNG SINH NHẬT
CỦA VIÊN BẢN QUẢN HỌ MẶC

Mùa thu chin chục, mới được bảy ngày.
 Hôm nay treo cung (1) đúng vào lúc sáng sớm,
 Tinh thần trong trẻo như nước trong suối đáy,
 Cốt cách khác đời của ông như núi cao ngất trời.
 Trước tiệc vui, đông đủ những khách già giàn chau đùa bốn (2),
 Các á dào cùng hát với vành ngọc thủy yêu kiều.
 Người đời khi đặc ý, nên cùng nhau vui chơi,
 Hà tất phải lo xa mà chúc tuổi họ như cây tùng, cây xuân.

DỊCH THƠ :

*Chin chục trời thu, mới bảy ngày,
 Treo cung vừa đúng sớm hôm nay.
 Tình thần trong suối ghềnh liền đáy,
 Cốt cách thanh cao núi ngút mây.
 Nhộn nhịp già giàn chau bàn tiệc quí,
 Long lanh vành ngọc tiếng ca hay.
 Ở đời đặc ý vui là phải,
 Hà tất tùng, xuân chúc tuổi dài.*

NGUYỄN ĐỨC VÂN, HÀ VĂN ĐẠI

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2 : 錄 thiều.

2* TTCGLT, TVTL2, TVTL3 : 珍 贤.

3* TVTL2 : 爵 thá.

4* TVTL3 : 旅 lữ.

5* TVTL3 : 狩 ý.

6* TVTL2 : 真 chán; TVTL3 : 珍 trân.

7* TVTL2, : 強 cường ; TVTL3 : 經 kinh.

8* TVTL2 : 檳 dàn ; TVTL3 : 春 xuân.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Treo cung* (huyền hò) : Theo *Lễ ký* 禮記, đời xưa để con trai thi treo cái cung lên cửa về phía tay trái. Vì thế « huyền hò » thành chữ dùng để nói việc sinh con trai.
- (2) *Giày chau* : (châu lý). Theo sách *Sử ký* 史記 thì vào đời Chiến Quốc, Xuân Thành Quận 春申君 có ba nghìn khách sang, đều đi giày nam hạt chau cát. Ở đây ý muốn nói ngày sinh của viên Bản quản họ Mạc có rất nhiều khách sang đến dự.

333

賀移居

花	構	營	暫	畢	工	，
移	居	具	只	囊	空	。
素	橫	膝	三	更	月	。
燕	琴	香	午	後	風	。
張	寢	言	非	益	美	。
于	老公	德	覺	增	崇	。
廈	成	喜	陪	賓	列	。
猥	領	詩	笑	語	中	。

HẠ DI CỤ

Hoa cầu kinh doanh ^{1*} tạm tắt công ^{2*},
 Di cư gia cụ chỉ nang không.
 Tố cầm hoành tất ^{3*} tam canh nguyệt,
 Yên tâm nghênh ^{4*} hương ngọ hậu phong.
 Trương ^{5*} Lão tụng ^{6*} ngôn phi dật mỹ,
 Vu ^{7*} Công ^{8*} tích đức giác tăng sùng.
 Hạ ^{9*} thành trước hỷ bồi tân liệt,
 Ôi tụng ^{10*} tân thi tiểu ngũ trung.

DỊCH NGHĨA :

MỪNG DỜI NHÀ Ở

Việc xây dựng sửa sang đã tạm xong,
 Đón đến nhà mới, đồ dùng chỉ có một cái tủ rỗng.
 Cây đàn mộc đặt ngang gối, dưới ánh trăng khuya,
 Chỗ nằm êm ái đón lấy mùi thơm trong ngọn gió chiều.
 Lời chúc tụng của Trương Lão, không phải là quá khen ⁽¹⁾,
 Vu Công tích đức, tự hào mình thêm cao cả ⁽²⁾.
 Được đứng vào hàng tân khách, khác nào chim sẻ mừng làm xong nhà ⁽³⁾,
 Trong lúc chuyện trò vui cười, xin nhảm chúc bài thơ mời làm.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL3 : 侄 宮 *tuất cung*.
- 2* TTCGLT, TVTL1, TVTL3 : 功 *công*.
- 3* TTCGLT : 勝 *thắng*.
- 4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 疑 *ngưng*.
- 5* TVTL3 : 赶 *phó*.
- 6* TVTL3 : 欲 *duc*.
- 7* TVTL3 : 子 *tử*.
- 8* TTCGLT, TVTL1 : 門 *môn*.
- 9* TVTL2, TVTL3 : 庆 *khánh*.
- 10* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 諺 *tụng*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Trương Lão* : tức Trương Mạnh 張盈, người đời Xuân Thu, làm quan nước Tấn. Khi Hiển Văn Tử 獻文子 làm nhà mới, ông nói: 美哉輪焉, 美哉奐焉 Mỹ tai luân yên! mỹ tai hoán yên!: Đẹp thay đường kẻ! Đẹp thay mực thước!
- (2) *Vu Công* : tức Vu Định Quốc 于定國, người đời Hán, xứng án rất công minh, liêm khiết. Ông bảo thợ nề phải xây nhà cao lớn một chút để xe lồng có thể vào lọt. Ý nói nhà có đức thì con cháu nhất định hung vượng, hiền đạt.
- (3) Sách *Hoài nam tử* 淮南子 có nêu việc chim sẻ, chim yến vui mừng mỗi khi ngôi nhà lớn xây dựng xong.

334

寄郭縣丞

一	自	分	携	歲	幾	經	，
天	涯	海	角	雨	般	情	。
風	前	覘	望	心	應	桺	。
夢	裡	相	逢	流	暗	傾	。
投	老	已	攜	休	世	用	。
餘	生	還	恐	惹	閑	名	。
行	藏	用	舍	無	非	命	。
見	子	何	時	仔	仔	評	。

KÝ QUÁCH HUYỆN THÙA

Nhất tự phán huề tuế kỷ kinh,
Thiên nhai hải giác lưỡng ban tình.
Phong tiền chiêm vọng tâm ưng^{1*} tích,
Mộng lý tương phùng lệ ám khuynh.
Đầu lão dĩ nhương hưu thế dụng,
Dư sinh hoàn khung^{2*} nhạ^{3*} nhàn danh.
Hành tàng dụng xả vô phi^{4*} mệnh,
Kiến tử hà thời^{5*} tử tế bình.

DỊCH NGHĨA :

GỬI VIÊN HUYỆN THÙA HỌ QUÁCH (1)

Từ khi chia tay, đã mấy năm rồi,
Chân trời góc biển, đôi bên đều nặng mối tình.
Trước gió ngóng trông tấm lòng như xé,
Gặp nhau trong mộng, giọt lệ thầm rơi.
Già đến, lui về, đời không dùng nữa
Sống thừa, còn sợ mang chút danh hè,
Hành tàng dụng xả⁽²⁾, đều có mệnh trời,
Bao giờ gặp ngai, sẽ bàn luận tỉ mỉ hơn.

DỊCH THƠ :

Từ lúc chia tay thoắt mấy năm,
Biển trời hai ngả mối tình thâm.
Ngóng trông trước gió lòng như xé,
Gặp gỡ trong mơ lệ nhỏ thầm.
Già đến đã dành thời việc thế,
Sống thừa còn sợ mắc danh lầm.
Ở đời xuất, xứ đều do số,
Bản kỵ, khi nào sẽ tới thăm.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, NAM TRẦN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1 : 明暗 ; TVTL2 : 拝 謝.
- 2* TVTL2 : 貝 虞.
- 3* TVTL3 : 慮 疾.
- 4* TVTL2, TVTL3 : 當 非 dương phi.
- 5* TVTL3 : 人 nhán.

CHÚ THÍCH :

- (1) Viên huyện thừa họ Quách: chưa rõ là ai.
- (2) Luận ngữ: 用之則行, 舍之則藏 dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng : người ta dùng thì mình ra, người ta bỏ thì mình ăn.

335

郭州判宦回京，送冠
帶書帙藥材走筆謝之

去	年	夏	首	送	夫	君
遲	近	相	逢	今	早	春
彌	節	踏	殘	南	嶺	瘴
單	衣	帶	得	北	京	塵
功	名	偶	爾	潭	餘	事
風	度	憐	渠	近	古	人
多	少	有	懷	須	後	會
連	床	歛	欵	話	情	親

QUÁCH^{1*} CHÂU PHÁN QUAN HỒI KINH,
TỔNG QUAN, ĐÁI, THƯ TRẬT,^{2*}
DU QUÝ TÀI, TẦU^{3*} BÚT TẠ CHI

Khứ niên hạ thủ^{4*} tổng phù quân,
Giải cầu tương phùng kim tảo xuân.
Vũ tiết đẹp^{5*} tàn Nam Linh chường,
Đơn y đái đắc Bắc Kinh^{6*} tràn.
Công danh ngâu nhĩ hồn dư sự,
Phong độ liên cù cận cõ nhân.
Đa thiều hữu hoài tu hậu hội,
Liên^{7*} sàng khoản khoản thoại tình thân.

DỊCH NGHĨA :

VIÊN PHÁN QUAN HỌ QUÁCH (1) VỀ KINH, ĐƯA BIẾU MŨ, ĐAI,
SÁCH VỎ, THUỐC MEN, VIẾT VỐI BÀI NÀY ĐỂ CẢM ƠN ÔNG TA

Đầu mùa hè năm trước tiễn đưa ông,
Đầu mùa xuân năm nay tình cờ lại gặp nhau,
Cầm cờ sứ đạp tan lam chướng núi Nam Lĩnh (2),
Áo đơn mang theo bụi bặm thành Bắc Kinh (3).
Công danh là việc ngẫu nhiên, tầm thường,
Mến phong độ của ông gần được như người xưa.
Biết bao điều nhớ nhung chờ sau này gặp lại,
Năm liền giường, thong thả nói chuyện tình thân.

DỊCH THƠ :

Năm ngoại đầu hè tiễn sứ tinh,
Đầu xuân nay lại gặp thình linh.
Cờ lồng phất nát mù Nam Lĩnh,
Áo mỏng mang về bụi Bắc Kinh.
Chuyện vặt, công danh chỉ sá kẽ,
Nép xưa, phong độ khá khen anh.
Tình hoài bao nã chờ sau gặp,
Thong thả liền giường tỏ nỗi tình.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1 : 門 quách.
- 2* TVTL2 : 衣 trát.
- 3* TVTL2 : 立 lật.
- 4* TVTL2 : 舊 cựu.
- 5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 兩 hông.
- 6* TVTL3 : 術 hòng.
- 7* TVTL2, TVTL3 : 遭 tuân.

CHÚ THÍCH :

- (1) Họ Quách : chưa rõ là ai.
- (2) Nam Lĩnh : chỉ chung vùng núi ở các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây.
- (3) Bắc Kinh : Nhà Minh có hai Kinh đô : Bắc Kinh và Nam Kinh.

賀盧判官增
秩復任南策州

樓萬	遲古	別甘	駕棠	為十	民敵	心，
有多	意情	寇禹	君煩	煩果	願借	陰。
吟行	鞭橐	錫度	佳山	重山	臨水	。
今共	日小	幾依	舊鶴	鶴偃	琴室	。
	緣	依	然來	彌彌	深。	

HẠ LƯ PHÁN QUAN TĂNG TRẬT
PHỤC NHẬM NAM SÁCH CHÂU

Thê tri biệt giá vị dân tâm,	Vạn cõ cam đường thập mẫu âm. Hữu ý Khẩu quân phiền nguyện tá, Đa tình Vũ Tích quả trùng lâm.
Ngâm tiên kỷ độ giai ^{1*} sơn thủy,	
Hành thác y nhiên cựu hạc cầm.	
Kim nhật tiêu sinh lai Yên thất, Cộng ^{2*} duyên ngưỡng đức cửu di thâm.	

DỊCH NGHĨA:

MỪNG VIÊN PHÁN QUAN HẠ LƯ ĐƯỢC THĂNG TRẬT ⁽¹⁾
LẠI NHẬM CHỨC Ở CHÂU NAM SÁCH ⁽²⁾

Xe sắp đi xa, còn nắn ná là bởi có tấm lòng vì dân,
Cây cam đường muôn đời có bóng râm mười mẫu.
Ông Khẩu Tuân ⁽³⁾ có lòng, dân muốn mượn ở lại,
Ông Vũ Tích ⁽⁴⁾ giàu tình cảm, hẳn trở lại lần thứ hai.
Chiếc roi thơ mẩy lần tới chốn non xinh nước đẹp,
Trong túi đi đường vẫn có chim hạc và đàn cầm ⁽⁵⁾ xưa.
Hôm nay tiểu sinh này tới nhà ông Yên ⁽⁶⁾,
Cũng vì lòng ngưỡng mộ công đức lâu ngày càng sâu.

DỊCH THƠ:

Vì dân bận rộn nước non này,	Muôn thuở cam đường rợn bóng cây. Hữu ý, Khẩu Tuân cho mượn tạm, Đa tình, Vũ Tích lại về đây.
Nước non ngâm vịnh đều như cũ,	
Đàn hạc hành trang vẫn chẳng thay.	
Tiểu tử hôm nay hầu dưới trường,	
Cũng vì đội đức đã sâu dày.	

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 催 thổi.
 2* TVTL1 : 著 thư ; TVTL2, TVTL3 : 式 thức,
 3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 只 chỉ.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thăng trật* : quan bậc dưới được lên bậc trên.
 (2) *Châu Nam Sách* ; nay là huyện Nam Sách, tỉnh Hải Hưng.
 (3) Khẩu Tuân 遭 đời nhà Hán, trước làm Thái thú đất Dĩnh Xuyên, được đòi về làm quan ở Kinh. Sau Tuân lại có dịp theo vua đến Dĩnh Xuyên, nhân dân đón đường xin nhà vua « cho mượn » Khẩu Tuân một năm nữa.
 (4) Lưu Vũ Tích 劉禹錫 đời Đường có câu thơ (trong bài « Tái du huyền đô quán ») :
 種桃道士歸何處, Chửng dào đạo sĩ qui hà xứ?
 前度劉郎今又來. Tiền độ Lưu lang kim hựu lai.
 Người dạo sĩ trồng đào ở đâu rồi?
 Chàng Lưu trước kia, nay lại trở lại.

Ở đây dùng điều này để nói viên Phán quan họ Lư trở lại làm quan nơi cũ.

- (5) Triệu Biện 趙辨 đời Tống đi làm quan chỉ đem đàn và hạc đi theo. Ý nói đi làm quan với tấm lòng trong sạch và phong thái ung dung.
 (6) Sách Luận ngữ 論語 viết : 子游烏武城宰. 子曰：“汝得人焉爾乎？” 曰：“有簷廩滅明者，行不由徑，非公事，未嘗入於偃之室也。”
 Tử Du vi Vũ Thành Tề. Tử viết : « Nhữ đặc nhân yên nhĩ hò ? ». Viết : « Hữu Đam Đài Diệt Minh giả, hành bất do kính, phi công sự, vĩ thường nhập ư Yên chi thất dã ». Tử Du làm quan Tề ở đất Vũ Thành. Không Tử nói : « Người dùng người xứng đáng chàng ? ». Tử Du trả lời : « Có Đam Đài Diệt Minh không bao giờ di đường tắt, không có việc công thì không tới nhà Yên này ».

337

題靖安縣丞
曾子芳慈訓堂

男慈熊荻平報曾高
兒訓瞻瞻反反答答
不猶飛幾無一有
遠將來盡度時門子
仕扁方意蘆草千
遐揭有難生色香。
方，堂。味，忘。色，
方，堂。有，忘。香，
意，蘆。生，色。下，
蘆。自，香。也，當。

BẾ TĨNH AN HUYỆN THỪA TẶNG
TỬ PHƯƠNG TỬ HUẤN ĐƯỜNG

Nam nhi bất viễn sĩ hà phương,
Tử huấn do tương biền yết đường.
Hùng đàm trước lai phương hữu vị,
Địch hôi phi tận ý nan vương,
Bình phiên kỷ độ huyễn sinh sắc,
Báo đáp vô thời thảo tự hương,
Tặng thi nhất môn thiên tài hạ,
Cao danh hữu tử dã thừa đương.

DỊCH NGHĨA :

**ĐỀ NHÀ TÙ HUẤN CỦA VIÊN HUYỆN THÙA
HUYỆN TĨNH AN LÀ TẶNG TỬ PHƯƠNG**

Kẻ nam nhi không cho việc làm quan ở phương xa là xa xôi,
 Lời dạy ấy của mẹ, ông ghi vào biển treo trong nhà.
 Mật gấu ném qua (2) mới biết có vị,
 Tro cây sậy bay hết (3) ý vẫn khó quên.
 Mấy lần xét án công bằng làm cho nhà huyền vui vẻ (4),
 Báo đáp không kỳ lúc nào, cỏ tự sinh thơm (5).
 Một nhà họ Tặng sau ngàn năm (6),
 Tiếng tăm ấy vẫn còn có con đảm đương được.

KHẢO ĐỊNH: Bài này chỉ thấy chép trong TTCGLT.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tù huấn* : lời dạy của mẹ, lấy hai chữ ấy làm tên nhà, ý nói không quên lời dạy của mẹ. *Tĩnh An*, chưa rõ ở đâu. *Tặng Tử Phương*, chưa rõ là ai.
- (2) *Đường thư* 唐書 chép : 柳仲郢幼嗜學, 其母嘗和熊膽為丸, 使夜咀嚥以助勤. Liễu Trọng Sinh ấu thi học, kỳ mẫu thường hòa hùng đàm vi hàn, sử dạ thư yến dì trại cần : *Liễu Trọng Sinh* lúc bé ham học, bà mẹ thường lấy mật gấu làm thuốc viên cho Sinh ăn để ban đêm tĩnh táo mà học.
- (3) *Tống sử*, *Âu Dương Tu* 宋史歐陽修傳 chép : 四歲而孤, 母鄭寡之學, 家貧, 且以获畫地學書。Tứ tuế nhi cô, mẫu Trịnh hối chi học, gia bàn, chi dì đích hoạch địa học thư : *Âu Dương Tu*, cha mất khi mới bốn tuổi, bà mẹ người họ Trịnh dạy con học, nhà nghèo, phải lấy cây sậy vạch xuống đất để học viết.
- (4) *Binh phiên* : Xét số người oan khuất mà giảm tội cho họ. Trong *Hán thư* 漢書, *Tuấn Bất Nghi* truyễn 後不疑傳, mỗi khi Bất Nghi xét hình án trả về, bà mẹ đều hỏi: Hôm nay đã làm sống được mấy người. Do đó, tác giả dùng chữ «huyền sinh sắc» (bà mẹ vui vẻ) để ca ngợi Tặng Tử Phương là người có hiếu với mẹ.
- (5) Câu này mượn ý câu thơ trong bài «Du Tử ngâm» của Mạnh Giao 血郊 người đời Đường :

誰言寸草心 報得三春暉	Thùy ngôn thốn thảo tâm, Báo đắc tam xuân huy. <i>Ai bảo lòng tíc cỏ,</i> <i>Báo đáp được bóng mặt trời tiết tháng ba.</i>
----------------	---

- (6) *Tặng Sâm* : Một người con hiếu nổi tiếng đời Xuân Thu. Ở đây tác giả có ý nói Tặng Tử Phương là người con kế thừa đạo hiếu của nhà họ Tặng.

338

五雲企瞻

NGŨ VÂN XÍ CHIÊM 1*

中重响，紅岫龍召同。
霧雲環采出，從宣海。
瘴玉雙一時，切行四。
驅首闔，明情念晚霖。
馳回瑣聰有，在早商。
牡門驚極物，乘邊作。
四天夢望澤，依日沛。

Tử mâu trì khu ^{2*} chướng vụ trung,
Thiên môn hồi thủ ngũ vân trùng.
Mộng kinh tỏa ^{3*} thát song hoàn
hưởng,
Vong cực Thông Minh nhất đáo hồng.
Trạch vật hữu tình thời xuất tụ ^{4*},
Y thừa tại niệm thiết tung ^{5*} long.
Nhật biến tảo vẫn hành tuyên triều,
Báu tặc Thương làm tú hải đồng.

DỊCH NGHĨA:

NGƯỜI TRÔNG NĂM MÂY (1)

Bốn ngựa (2) ruồi rong trong mây mù lam chướng,
Ngoảnh đầu trông cửa trời (3), mịt mùng năm thức mây.
Mưa tối cửa cung cẩm (4) giật mình nghe đôi vòng kêu rộn,
Trông vời trên điện Thông Minh thấy một đáo hồng.
Từ trong hang núi bay ra đượm nhuần muôn vật,
Tâm lòng tha thiết được theo sau xe rồng (5).
Sớm chiều mong được vời gọi đến bên nhà vua (6),
Làm trận mưa rào của nhà Thương dội xuống (7) tưới khắp cho dân
hồn hiền

DỊCH THOẠI:

Lam chướng mít mù ngựa ruồi rong,
Thiên môn ngoài lại thấy mây lồng.
Mộng vào cung cảm đối vòng réo,
Ngóng diện Thông Minh, một đóa hồng
Rời núi muôn loài ân huệ thăm,
Hằng mong theo gấp bánh xe rồng.
Sớm chiều những muôn vua vời đến,
Mưa móc nhà Thương bốn biển trona.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL2, TVTL3 : 五 雲 企 膺 進 退 格 *ngũ vân xì chiêm tiến thoái cách.*
 2* TTCGLT, TVTL2 : 驅 馳 *khu tri.*
 3* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 鎮 *tǎa.*
 4* TVTL3 : 猶 *do.*
 5* TVTL : 帖 *tu.*

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo *Tống sử 宋史*, Hàn Kỳ 韓琦 thi Tiến sĩ đỗ thứ hai, lúc xướng tên, viên Thái tử tàu có mây năm sắc xuất hiện dưới mặt trời. Người sau dùng chữ «năm mây» để chỉ điểm thi đỗ. Có khi người ta cũng dùng chữ «năm mây» để chỉ nơi vua ở, như trường hợp câu thơ sau đây trong *Truyện Kiều* : Năm mây bồng thấp chiếu trời.
- (2) *Bốn ngựa* (tứ mẫu) : Tứ mẫu là tên một bài thơ ở phần *Tiểu nhã 小雅* trong *Thi kinh* 詩經, nội dung là yên ủi sứ thần đi sứ về. Ở đây dùng để nói mình đang đi làm việc quan.
- (3) *Cửa trời* : chỉ cung khuyết nhà vua.
- (4) *Cửa cung* (tỏa thất) : Đời xưa chạm ngọc làm hình liên hoàn ngoài cửa cung, cho nên «cửa cung» cũng gọi là «tỏa thất».
- (5) Trong *Dịch kinh 易經* có câu: 雲 從 龍, 風 從 虎 *Vân tòng long, phong tòng hổ*. Mây theo rồng, gió theo cọp. Ý nói cùng khi loại thi cảm ứng với nhau. Về sau, người ta cũng dùng để tượng trưng sự gặp gỡ của vua tôi.
- (6) *Nhà vua* (nhật) : mặt trời. Người xưa thường lấy mặt trời để chỉ nhà vua.
- (7) Thiên Duyệt mệnh 說命 trong *Thư kinh* 書經 chép: 若歲大旱, 用汝作霖雨 Nhược tuế đại hạn, dụng nhữ tác lâm vũ: Như trời đại hạn, dùng nhà ngươi (Phó Duyệt) làm mưa rào. Vì thế, vua Hy Tông 僕宗 nhà Tống có lòn nhân trời mưa, ban cho Tề tướng là Trương Thương Anh 張商英 hai chữ 霖霖. Thương Lâm (mưa nhà Thương). Ở đây mượn ý ấy để nói, nếu nhà vua dùng đến, thì mình sẽ như mưa rào đầm nhuần cho thiên hạ.

339

蓮亭雅集

千	里	神	交	莫	味	同,
一	樽	避	近	此	亭	中。
風	來	荷	氣	侵	人	復,
波	聚	花	光	入	酒	紅。
雅	集	俊	才	皆	逸	少;
知	心	今	日	幾	濂	翁。
吾	齊	會	會	無	非	數,
莫	漫	遲	遲	倒	碧	筭。

LIÊN ĐỊNH NHÃ TẬP ^{1*}

Thiên lý thần giao xú vị đồng,
 Nhất tôn giải cầu thử định trung.
 Phong lai hà ^{2*} khi xâm nhân phúc
 Ba dạng hoa quang nhập túu hồng,
 Nhã tập tuấn tài giai Dật Thiếu,
 Tri tâm kim nhật kỷ Liêm Ông!
 Ngô sài hội hợp vô phi số ^{3*},
 Mạc mạn ^{4*} tri tri đảo bích thông.

DỊCH NGHĨA :

BUỒI GẶP GỖ TAO NHÃ Ở LIÊN ĐÌNH (1)

Mỗi thần giao (2) nghìn dặm, khi vị vẫn giống nhau,
 Uống một chén rượu để mừng cuộc gặp gỗ ở chốn đình này.
 Gió đưa mùi sen quyện vào người thơm phức,
 Sóng gọn, màu hoa ánh vào rượu ửng hồng.
 Những bậc anh tài tụ tập ở đây đều vào hàng Đát Thiếu (3),
 Ời nay được mấy người tri âm như Liêm Khê (4).
 Chúng ta hội họp không phải là không có số,
 Chờ có chầm chậm khi dốc chén rượu biếc (5).

DỊCH THƠ :

*Ngàn dặm thần giao khi vị đồng,
 Giữa đình một chén rượu cùng chung.
 Gió đưa sen tới, mùi thơm phức,
 Sóng gọn hoa sang, rượu ửng hồng.
 Gặp mặt đây đều tay Đát Thiếu,
 Biết lòng nay dễ mấy Liêm Ông.
 Chúng mình hội họp đều do số,
 Chén biếc xin mau dốc rượu nồng.*

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT, TVTL3 : chép đầu đề bài thơ là 蓬亭雅集 *Bồng Đình nhã tập*. TVTL1 : 蓬亭雅樂 *Bồng Đình nhã nhạc*. TVTL2 : 蓬高雅樂集 *Bồng cao nhã nhạc tập*.

2* TVTL3 : 前 tiễn.

3* TTCGLT : 非無 phi vô.

4* TVTL1 : 謾 mạn.

CHÚ THÍCH :

(1) Trong bốn dị bản ở trên, chúng tôi chọn theo đầu đề của TTCGLT và TVTL3. Nhưng chữ «Bồng Đình», chúng tôi nghi là chép lầm. Trong bài có chữ «bà khí» là mùi sen và ở TVTL1 đầu đề có chữ «Liên Đình» là đình sen, cho nên chúng tôi hiệu định là Liên Đình nhã tập và dịch là : Buổi gặp gỗ tao nhã ở Liên Đình.

(2) Thần giao : Sự kết giao tinh thần.

(3) Đát Thiếu : tự của Vương Hy Chi 王羲之 một nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc vào thời nhà Tần.

(4) Liêm Khê ; hiệu của Chu Đôn Di 周敦頤, một học giả thời Tống, rất yêu hoa sen.

(5) Chén rượu biếc (bích thông) ; Xưa Ngụy Trịnh Công 魏鄭公 đựng rượu vào lá sen, lọc thông cuống sen, rồi bẻ cong xuống mà uống, gọi là bích thông bôi (chén biếc).

340

予攝新安郡教，周三
閱歲始葺草堂，纔畢
工而遇兵燹，感舊偶成

攝民明夜未可空感
教家偷息及憐餘舊
三客堂茅半一題令
年鋪宇亭床炬詠人
官飽經樸聽更詩賦
舍僑營斬夜煙篇子
無居始初雨墟在虛

DU^{1*} NHIẾP TÂN AN QUẬN GIÁO,
CHU TAM DUYỆT TUẾ, THỦY TRẤP
THẢO BUỒNG, TÀI TẮT CÔNG NHÌ^{2*}
NGÔ BINH TIỀN, CẨM CỰU
NGẦU THÀNH.

Nhiếp giáo^{3*} tam niên quan xá vô,
Dân gia^{4*} khách phố^{5*} bão kiều cư.
Minh luân đường vũ kinh doanh thủy,
Đạ túc mao đình phác trác sơ.
Vị cập bán sàng thịnh dạ vũ,
Khả liên nhất cự cánh yên khu.
Không dù đê vịnh thi thiên tai,
Cẩm cựu linh nhân phú Tử Hu.

DỊCH NGHĨA:

TÔI QUYỀN CHỨC GIÁO THỤ QUẬN TÂN AN, TRON BA NĂM MỚI
DỤNG ĐƯỢC MỘT NẾP NHÀ TRANH, VỪA LÀM XONG THÌ GẶP NẠN
BINH HỎA, CẨM VÌ VIỆC CŨ, NGẦU NHIÊN LÀM THÀNH THƠ.

Ba năm làm chức giáo thụ không có nhà công,
Ở nhờ nhà dân, phố khách, quá nhiều rồi.
Việc làm ngôi nhà chính (1) sáng sửa mới đang trù tính,
Nhà tranh nhỏ nghỉ đêm vừa tạm làm xong.
Chưa kịp năm qua một chốc để nghe tiếng mưa rơi,
Thương thay, một mồi lửa đã thành tro khói.
Chỉ còn lại những bài thơ đê vịnh,
Khiến cho người ta cảm vì việc cũ mà ngâm bài phú Tử Hu (2).

DỊCH THƠ :

Lênh đènh nghè giáo mấy năm ròng,
Quán khách, nhà dân trọ khắp vòng.
Nhà chính khang trang còn tinh dở,
Túp lều lụp xup mới làm xong.

*Chưa quaquit khỏi cơn mưa tối,
Đã nǎo nàng thay trận lửa hồng.
Còn sót dăm bài thơ thường ngoạn,
Giả nhả không lại vẫn hoàn không.*

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1 : Đầu đề bài thơ không có chữ 𠂊 dù.
- 2* TVTL1 : Đầu đề bài thơ không có chữ 工 而 công nhi.
- 3* TTCGLT : 舍 xá.
- 4* TTTL2, TVTL3 : 間 gian.
- 5* TVTL2, TVTL3 : 浦 phô.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Nhà chính* (minh luân) : sách *Mạnh tử 盡* có câu : 學則三代共之, 皆所以明人倫也。Học tắc tam đại cộng chí, giai sở dĩ minh nhân luân dã : Học thì ba đời đều như thế, cốt làm sáng luân thường. Vì vậy thời xưa ở các nhà học hoặc nơi thờ Khổng Tử 孔子, người ta thường gọi nhà chính là «minh luân đương».
- (2) *Tư mã Tương Như* 司馬相如 đời Hán có bài phú *Tử Hư* 子虛, nội dung thác lời nói của hai nhân vật do tác giả hư cấu là Tử Hư và Ô Hữu tiên sinh. Người đời sau gọi việc không có thật là Tử Hư, Ô Hữu. Ở đây ý nói việc làm nhà học quận Tân An như chuyện không có.

341

催東潮州出木頭

THÔI ĐÔNG TRIỀU CHÂU
XUẤT MỘC ĐẦU

學	校	來	風	化	源,
朝	廷	務	此	爲	先。
郡	侯	畫	勤	勤	正,
州	邑	收	日	勉	旗。
文	廟	功	凌	曉	霧,
四	廊	嗟	曉	荒	煙。
只	今	舊	舊	委	
奈	此	處	處	捨	
		到	到	材	木,
		東	溯	久	然。

Học hiệu 1* do lai phong 2* hóa nguyên, Triệu định cấp vụ thủ vi tiên. Quận hầu qui hoạch tẩm cần chính, Châu áp thu 3* công nhật miễn chiên. Văn miếu đốt ta lăng hiếu vụ, Tứ 4* lang y cựu ủy hoang yên. Chỉ kim đáo xí luân 5* tài mộc, Nại thủ Đông Triều thượng khiếm nhiên.

DỊCH NGHĨA :

GIỤC CHÂU ĐÔNG TRIỀU (1) NỘP GỖ

Xưa nay, trường học vẫn là nguồn gốc của phong hóa,
Trong các việc cần kíp của triều đình, thì đây là việc trước hết.
Quan quan đem tấm lòng chăm lo chính đáng để trù tính,
Châu ấp phải ngày ngày cố gắng để thu nộp cho tốt.
Nhà văn miếu ngạo nghẽ cao vút trong sương mai,
Nhưng bốn phía hành lang vẫn hoang tàn như cũ.
Hiện nay khắp nơi đều chọn nộp gỗ tốt,
Tại sao châu Đông Triều này vẫn đẽ thiểu như thế ?

DỊCH THƠ :

Việc học xưa nay nhiệm vụ đầu,
Còn bao thứ gấp phải đánh sau.
Ra công quy hoạch tài quan quan,
Cố sức quyên thu gỗ ấp châu.
Văn miếu một tòa mây ngạo nghẽ,
Hành lang bốn mặt cỏ hoang vu.
Đến nay khắp chốn đều đưa gỗ,
Sao xứ Đông Triều đẽ thiểu lâu ?

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL2 : 效 hiệu.
- 2* TVTL2, TVTL3 : 教 giáo.
- 3* TTCGLT : 趨 xu.
- 4* TTCGLT : 過 hời ; TVTL2, TVTL3 : 曲 khúc.
- 5* TVTL1 : 翳 thâm.

CHÚ THÍCH :

- (1) Châu Đông Triều : nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

342

謝花指揮送獸頭通脊

聲	教	洋	被	邇	遐,
眼	前	文	廟	忽	巍
龍	頭	高	翥	儒	表,
鴛	瓦	遙	涵	林	波。
贊	本	一	心	愈	至,
書	成	大	誠	居	多。
故	生	稱	謝	將	以,
	誦	英	才	樂	育
					歌。

TẠ^{1*} HOA CHỈ HUY TỔNG THÚ ĐẦU
THÔNG TÍCH

Thanh giáo dương dương bị nhĩ^{2*} hà,
Nhân tiền văn miếu hốt nguy nga.
Long đầu cao chữ Nho làm biều,
Uyên ngõa giao hàm Phán thủy^{3*} ba.
Báo bản nhất tâm thành dù chỉ,
Tán thành đại nghiệp lực cù da.
Thư sinh xưng tạ^{4*} tương hà dĩ,
Cố tụng^{5*} Anh tài^{6*} lạc dục ca.

DỊCH NGHĨA :

TẠ QUAN CHỈ HUY HỌ HOA CHO ĐẦU THÚ VÀ NGÓI ỦP NÓC

Giáo hóa của ông lừng lẫy khắp nơi xa gần,
Trước mắt, nhà văn miếu bỗng trở nên nguy nga.
Trên ngọn rừng Nho, đầu rồng cáo bồng.
Sóng dòng Phán thủy⁽¹⁾, ngôi uyên xa in,
Lòng báo đền cội gốc, rất mực chân thành,
Nghệp lớn đã giúp nên, bỏ nhiều công sức,
Kẻ thư sinh này biết lấy gì mà tạ ơn ?
Cho nên xin đọc bài ca « Anh tài lạc dục »⁽²⁾.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, TVTL3 ; 詠 vịnh

2* TVTL3 : 運 văn.

3* TTCGLT, TVTL1, TVTL2 : 節 chiêu.

4* TVTL2, TVTL3 : 詠 vịnh.

5* TTCGLT, TVTL1, TVTL2 : 故頌 kinh ban.

6* TVTL3: 教頌才英 giáo ban tài anh.

CHÚ THÍCH :

(1) Đời nhà Chu có trường Bích Ung (như trường Quốc Tử Giám sau này). Bên trường Bích Ung có sông Phán (Phán thủy).

(2) Sách Mạnh tử 盡子 có câu : 得天下英才而教育之 Đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chí ; Vui mừng được những người anh tài thiên hạ để dạy dỗ họ.

343

璧相園

QUẮC TƯỚNG PHỐ

孔	聖	宏	開	觀	德	門	,
看	來	豐	相	育	才	園	.
持	弓	審	顧	雍	容	美	,
俟	偶	同	登	禮	讓	尊	.
多	少	俊	英	歸	穀	內	,
許	勇	英	悍	出	牆	蕃	.
當	貴	武	革	知	何	用	,
茲	名	稱	今	古	存		.

Không thành hoảng khai quán đức môn,
Khan lai Quắc Tướng dục tài viễn.
Tri cung thầm cổ ung dung mỹ,
Sĩ ngẫu đồng dăng lê nhượng tôn.
Đa thiều tuấn anh qui cầu nội,
Hứa nhiều dũng hán xuất tường phiên.
Đương thời quán cách tri hà dụng,
Tư phố danh xưng kim cổ tồn.

DỊCH NGHĨA:

VƯỜN QUẮC TƯỚNG (1)

Không Tử mở rộng cửa đạo đức,
Xem ra vườn Quắc Tướng là vườn giác dục kẻ anh tài.
Cầm cung ngắm nghĩa, ung dung đẹp đẽ,
Chờ bạn cùng lên, tôn trọng lê nhường.
Bao kẻ anh tuấn đều về trong tầm bắn,
Nhiều người dũng cảm đều ra từ nơi tường rào.
Khi đó bắn trúng đích, nào có biết để làm gì,
Nhưng tên gọi cái vườn ấy xưa nay vẫn còn.

CHỦ THÍCH:

(1) *Lê ký 禮記 chép 子射於璧相之園* Không Tử xạ ư Quắc Tướng chi phó : Không Tử tập bắn ở vườn Quắc Tướng. Vườn Quắc Tướng ở trong thành Khúc Phụ, lính Sơn Động Luận ngữ 論語 có câu : 爰子無所爭, 必也射子, 指讓而升, 下而飲, 其爭也君子。Quân tử vô sở tranh, tất dã xạ hò, áp nhượng nhì thăng, hả nhì âm, kỵ tranh dã quân tử : Người quân tử không tranh bao giờ, nếu có tranh thì chỉ trong lê bắn, khi lên thì nhường vái, khi xuống thì uống rượu, sự tranh giành ấy là người quân tử.

344

悼親西望

賢	勞	事	靡	安	遑	暗	遙	安
念	切	樹	疾	潛	曉	朔	漠	潛
雲	蕭	蕭	鳴	山	西	山	山	。
日	光	奄	薄	及	何	及	及	。
萬	鍾	奄	嗟	閑	取	閑	閑	。
一	急	致	豈	有	孝	孝	孝	。
推	猶	猶	存	忠	難	攀	攀	。
使	爲	爲	忠	攀				
	君	高	杳					

ĐIỆU THÂN TÂY VỌNG

Hiền lao vương sự mỹ hoàng an,
Niệm thiết tùng thu lệ ám san.
Vạn thụ tiêu tiêu minh sóc mạc ^{1*},
Nhật quang yêm yêm ^{2*} bạc tây san.
Vạn chung tri dưỡng ^{3*} ta hà cập,
Nhất túc do tồn khởi thủ ^{4*} nhàn.
Suy hiếu vi trung trung hữu hiếu,
Sír quân cao trực liều nan phan.

DỊCH NGHĨA :

TRÔNG VỀ PHƯƠNG TÂY, THƯƠNG NHỚ MẸ CHA

Khó nhọc lo việc nhà vua, không có lúc nghỉ ngơi,
Thiết tha nhớ đến cây tùng cây thu (1), nước mắt nhỏ thầm.
Rặng cây dưới mây xao xạc nơi bãi cát phía bắc,
Bóng mặt trời bảng lảng non tây (2).
Muôn chung nuôi dưỡng, ôi làm sao kịp !
Một chút hơi tàn, hả dám rảnh rang.
Suy bụng hiếu làm trung, trung phải có hiếu,
Đầu thanh cao của sứ quân (3), mờ mịt khó vin tời.

DỊCH THƠ :

Chăm việc nhà vua chẳng nghỉ ngơi,
Đói trông phần mộ lệ thầm rơi.
Mây mờ bãi bắc, cây run rẩy,
Ác ngả non doi, bóng dõi soi.
Dưỡng dục nghìn vàng khôn báo đáp,
Nhàn cư một sờm hả theo dõi.
Suy trung với hiếu, trung là hiếu,
Vôi voi sứ quân thực khó noi.

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 吹 xuy.
- 2* TVTL2 : 颤 yèm.
- 3* TVTL3 : 答답.
- 4* TVTL1 : 容取 dung thủ ; TVTL2, TVTL3 : 客敢 khách cảm.

CHÚ THÍCH :

- (1) Cây tùng, cây thu (tùng thu) : Người xưa hay trồng cây tùng, cây thu ở các nghĩa địa, nên người ta dùng hai chữ « tùng thu » để chỉ mồ mả.
- (2) Gác non tây (bạc tây sơn) : Trong bài Trần tình biếu 陳情表 của Lý Mật 李密 có câu: 但以劉日薄西山, 氣息奄奄. Đã dã lưu nhật bạc tây sơn, khí tức yèm yèm : Nhưng vì bà Lưu như mặt trời đã gác non tây, hơi thở thiêm thiếp (Bà Lưu là bà nội của Lý Mật).
- (3) Sứ quán : chưa rõ chỉ ai.

345

破齒戲作

PHÁ XỈ HÝ TÁC

人	言	破	齒	事	堪	嗟,
靈	毒	年	來	祝	轉	加。
不	待	忘	唇	寒	骨,	
正	愁	咬	菜	恨	無	牙。
勞	形	天	定	教	牙	
病	症	人	催	渠	逸,	
未	死	徒	爲	我	多。	
甲	雄	何	必	壞	賊,	

Nhan ngôn 1* phá xỉ sự kham ta,
Đỗ độc niên lai huống 2* chuyền gia.
Bất dãi vong 3* thần hàn chí cốt,
Chinh sầu giảo thái hận vô 4* nha.
Lao hình thiên định giao cù dát,
Bệnh chứng nhân thoi như ngã đà.
Vị tử, đồ vi Nguyên Nhưỡng tắc,
Giáp hùng hà tất tuế long xà.

DỊCH NGHĨA :

LÀM ĐÙA KHI RĂNG GẤY

Người ta nói gãy răng là việc đáng than thở,
Huống chi một năm lại đây, sâu độc càng nhiều thêm.
Chẳng đợi hở môi đã lạnh thấu xương (1),
Đáng buồn khi nhai rau, giận nỗi không răng.

Vì hình hài vất vả, nên trời định cho nó được nhàn rỗi,
 Chứng bệnh thoi thúc người, có ai nhiều như ta ?
 Chưa chết, chỉ để làm hại như Nguyên Nhuồng ⁽²⁾,
 Hà tất phải sống lâu năm như rồng rắn là loài có vây cưng.

DỊCH THƠ :

*Người rồng rắn gãy thật buồn tênh,
 Sâu độc gần dày khoét cung kinh.
 Môi hở đau mà xương đã lạnh,
 Rau ăn buồn nỗi miệng không nanh.
 Xác mòn, trời để nhàn cho nó,
 Bệnh thúc, ai hay lâm tựa mình.
 Nguyên Nhuồng, giặc sao mà chưa chết,
 Tuổi tay rồng rắn cũng không vinh.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 生 sinh.
- 2* TVTL1 : 虱 huồng.
- 3* TTCGLT, TVTL1, TVTL2 : 鬼 vong.
- 4* TVTL2, TVTL3 : 齒 dương.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tả truyện 左傳 có thành ngũ 昏 亡齒寒 thán vong xỉ hàn ; môi hở răng lạnh.* Câu này lấy ý của thành ngũ ấy.
- (2) *Nguyên Nhuồng* : người đời Xuân Thu. Khi Khổng Tử đến thăm Nguyên Nhuồng, Nhuồng không giữ lẽ, ngồi chồm chồm mà tiếp. Khổng Tử tỏ ý không bằng lòng, nói : 幼而不孫悌,長而無述焉,老而不死,是烏賊也. Ấu nhi bất tôn dẽ, trưởng nhi vô thuật yên ; lão nhi bất tử, thì vi tac dã. Lúc bé không biết khiêm nhường, khi lớn không có gì khâm thù ; già mà không chết, thot là hại.

346

端午

DOAN NGỌ

童人堆繫笑非恐戲
 午家盤臂我他將切
 葱節角靈囊澤歲蒲
 又競物黍待空畔序根

辰珍遠新客臣過人。
 此方閨閨酒醒閑艾
 珍物無獨潭結
 開闢色根

Trung ngọ ^{1*} thông thông hưu thủ thần,
 Nhàn gia tiết vật cạnh phuong trân.
 Đôi bàn giác thử ^{2*} hương văn viễn,
 Hè ti linh phù sắc dấu tân.

Tiểu ngã nang không vô túu khách,
 Phi tha trách ban độc tính ^{3*} thần.
 Khủng tương tuế tự hồn nhàn quá,
 Hý thiết bồ căn kết ngại nhân.

DỊCH NGHĨA:

TẾT DOAN NGỌ (1)

Tết trung ngọ ⁽²⁾ nhanh chóng đã lại đến rồi,
 Người ta đua nhau dùng phẩm vật qui của địa phương để làm đồ tết.
 Mâm chất đầy bánh, mùi thơm bay xa,
 Tay buộc bùa thiêng, màu sắc đua mới ⁽³⁾.
 Tự cười mình là khách túi rỗng nên không có rượu,
 Đáng nê ông bên đầm riêng tĩnh một mình ⁽⁴⁾.
 Sợ bỏ qua ngày tết một cách vô tình,
 Đua cắt rễ cây xương bồ và bện hình người bằng cây ngại cừu ⁽⁵⁾.

DỊCH THƠ :

Vùn vùn mồng năm lại tới rồi,
 Của ngon vật qui khéo đua đòi.
 Mâm đầy bánh gói, hương thơm ngát,
 Tay ván bùa thiêng sắc mới tươi.
 Rỗng túi thiểu say cười có tớ,
 Bến bờ riêng tĩnh đáng chê ai.
 Những e ngày tết qua xoàng quá,
 Cắt rễ xương bồ, vẫn ngại chơi.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : 五 ngũ.
 2* TTCGLT : 桃 桃, TVTL3 : 委 ㄩ.
- 3* TVTL1 : 晴 晴.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tết doan ngọ* : tết mồng 5 tháng 5. Xưa Khuất Nguyên 離原 là một nhà yêu nước lớn ở nước Sở đời Chiến Quốc ; ông có hoài bão xây dựng Sở thành một nước hùng mạnh, nhưng vì vua Sở nhu nhược, lại bị bọn gian thần thao túng, nên kế sách của ông không thành. Cuối cùng, ông gửi gắm tâm sự yêu nước của mình trong thiền *Ly tao 畏臘* bất hủ rồi trẫm mình ở sông Mịch La. Người nước Sở vô cùng thương tiếc, nên hàng năm, cứ đến ngày mồng 5 tháng 5, là ngày mất của ông tổ chức lễ đưa thuyền, với ý đỗ vớt thây Khuất Nguyên. Từ đó về sau gọi ngày mồng 5 tháng 5 là tết doan ngọ hay doan dương.
- (2) Theo cách tính đời xưa, tháng 5 âm lịch là tháng ngọ. Âm Trung Quốc đọc ngọ và ngũ như nhau, vì thế ngày mồng 5 tháng 5 còn gọi là ngày trung ngũ hay trung ngọ.
- (3) Tục xưa, đến tết doan ngọ, người ta mặc áo mới để mừng tết và buộc bùa ở cánh tay để trừ tà.
- (4) Khuất Nguyên vì thằng thắn can ngăn vua Sở mà bị đày tới Giang Nam. Ông vô cùng buồn bực, hàng ngày đi lang thang bên bờ đầm. Có người lấy làm lạ hỏi, ông trả lời : 眾人皆醉, 我獨醒, 是以見放. Chúng nhân gai túy, ngã độc tỉnh, thị dĩ kiến phỏng : Người đời đều say, chỉ riêng ta tỉnh, cho nên bị đày.
- (5) Tục xưa, đến tết doan ngọ, người ta cắt rễ cây xuong bồ làm gươm và bện dây ngải cùu làm hình nhân treo trước cửa để trừ tà.

347

避賊山中除夜

TY TẶC SƠN TRUNG TRÙ DẠ

山	中	逃	難	死	那	生
節	序	推	移	盡	可	驚
何	處	屠	蘇	堪	痛	飲
滿	村	胡	騎	連	連	營
多	年	旅	寓	鄉	鄉	營
今	日	兒	孫	子	子	情
料	得	天	心	方	厭	亂
太	平	行	見	厭	逐	正

Sơn trung đào nạn tử na sinh,
 Tiết tự suy di tận ^{1*} khả kinh,
 Hà xú dồ tô kham thống âm,
 Mãn thôn ^{2*} hò ky chinh liên doanh.
 Đa niên lữ ngũ gia hương cách ^{3*},
 Kim nhật ^{4*} nhi tôn phụ tử tình,
 Liệu đặc thiên tam phương yểm loạn,
 Thái bình hành ^{5*} kiến trúc tân chinh ^{6*}.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM BA MUOI TẾT TRÁNH GIẶC TRONG NÚI

Lánh nạn ở trong núi biết chết hay sống,
 Thời tiết thay đổi, hết thảy đều đáng sợ.
 Ở đây có rượu đồ tó (1) dễ được uống say mềm,
 Khắp thôn xóm linh kỵ của rợ Hồ (2) đóng liền doanh trại.
 Bao năm đi ở trọ, cách trở quê nhà,
 Lúc này thêm gọi tình con cháu, cha con.
 Chừng như lòng trời đang chán loạn lạc,
 Cảnh thái bình sẽ được thấy sau tháng giêng năm mới.

DỊCH THO :

*Trong rừng lánh nạn tử hay sinh,
 Thời tiết thoi đưa, thật đáng kinh.
 Rượu thuốc nghiêng bình khô khốc giọt,
 Ngựa Hồ chất xóm, bạt ngàn doanh.
 Trước nhiều lữ thịt, quê hương cách,
 Nay gọi cha con cháu chất tình.
 Đường đoán lòng trời đang chán loạn,
 Ra giêng năm mới sẽ thanh bình.*

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

- 1* TTCGLT ;TVTL3 : 盡 tân.
- 2* TVTL2 : 林 宮 lâm cung.
- 3* TVTL2 : 講 giảng.
- 4* TTCGLT : 決 tích.
- 5* TVTL2 : 妻 trũ.
- 6* TVTL1 : 征 chính.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Đồ tó* : một thứ rượu thuốc, người xưa hay uống vào ngày tết để trừ khí độc.
- (2) *Rợ Hồ* : ở đây chỉ quân Minh.

348

春意即事

XUÂN Ý TỨC SỰ

除，餘，已，余，後，初，樂，書。
破無知起過晴遙卷
忽更真如風雨逍一
忽眼點聲塘落罷華
忽入數一池院讀南
月光蘭鳥淡落經似
三韶幽時淡落羲勝

Tam nguyệt thông thông ^{1*} hốt phà
trù ^{2*},
Thiều quang ^{3*} nhập nhẫn cánh vô dư.
U lan sô điêm ^{4*} chán tri kỷ,
Thời điêu nhất thanh như khởi dư ^{5*}.
Đạm đạm tri đường phong quá hậu ^{6*},
Dung dung viện lạc ^{7*} vũ tình sơ.
Hy kinh độc bãi tiêu dao lạc,
Thắng tư Nam hoa nhất ^{8*} quyền thư.

DỊCH NGHĨA :

TÍC CẢNH VỀ Ý XUÂN

Thăm thoát tháng ba vụt đã hết rồi,
Bóng thiều quang (1) trước mắt không còn nữa.
Vài bông lan thanh u (2), thật là tri kỷ,
Một tiếng chim mùa như nhắc nhớ ta.
Ao hồ nhàn nhạt, sau luồng gió thổi qua,
Vườn nhà êm êm, lúc trán mưa vừa tạnh.
Đọc xong *Chu dịch* (3), vui thú tiêu dao,
Cũng hay như bộ sách *Nam hoa* (4).

DICH THO'

Tháng ba thăm thoát trời mau,
Thiếu quang trước mắt còn đâu chút thừa.

Bạn lòng vài đóa lan xưa,
Tiếng chim nhắc lão ẩy mùa đâu đây.

Lẵn tẵn ao gọn gió vây,
Ngoài sân mưa tạnh nắng đầy lung linh.
Thánh thoái đọc hết Hy kinh,
Sách hay một bộ ngâm bằng Nam hoa.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TVTL3 : 司旬 tuân tuân.
- 2* TVTL3 : 餘 dư.
- 3* TTCGLT : 詔花 thiều hoa.
- 4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 本 bản.
- 5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 予 dư.
- 6* TTCGLT : 後過 hậu quá.
- 7* TTCGLT : 宇 vũ.
- 8* TVTL2 : 萬 wan ; TVTL3 : 春 xuân.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thiều quang* : ánh sáng tươi đẹp ; đây chỉ ngày mùa xuân.
- (2) *Thanh u* : chỉ vẻ đẹp và yên tĩnh.
- (3) *Chu dịch* (Hy kinh) : tương truyền Phục Hy 伏羲 bắt đầu vạch ra tám quẻ, Chu Văn Vương nhân đó làm ra *Chu dịch*. Vì thế *Chu dịch* cũng gọi là *Hy kinh*, tức sách của Phục Hy.
- (4) *Nam hoa* : một bộ sách của Trang Tử 莊子 đời Chiến Quốc. Cũng gọi là sách *Trang tử*.

349

風水亭觀魚

風樹臨流興有餘，
 閑看園圃戲渠清。
 江湖放浪心猶在，
 藻荇荷蕖自自如。
 解道池中渠是物，
 安知他處我非魚。
 還道瀆潑活潑時，
 學工夫起余。

PHONG THỦY ĐÌNH QUAN NGƯ (1)

Phong thụ 2* lâm lưu hưng hữu dư,
 Nhàn khan ngữ ngữ hý thanh 3* cù,
 Giang hồ phóng lăng tâm do tai,
 Tảo 4* hạnh du dương lạc tự như.

Giải đạo trì trung cù 5* thị vật,
 An tri hảo thương ngã phi ngư.
 Hoàn tha bát bát hoạt diễn địa,
 Đạo học công phu thời khởi dư 6*.

DỊCH NGHĨA:

XEM CÁ Ở ĐÌNH PHONG THỦY (1)

Gió với cây bên dòng nước, hirsng thú đạt dào,
 Thong thả xem cá tung tăng đùa rồn dưới khe nước trong.
 Lòng vẫn ham vùng vây nơi sông hồ,
 Vui nhởn nhơ trong đám tảo, hành (2).
 Trong ao, hiều được đạo, nhưng mày là loài vật,
 Trên sông Hào, sao biết ta không khải là cá (3) ?
 Trong cảnh sinh động của chúng ở đây,
 Lại nhắc ta ra công cho đạo học.

KHẢO ĐÍNH:

- 1* TVTL3 : 漁 *ngư*.
- 2* TVTL3 : 樣 *dang*.
- 3* TVTL3 : 有 *thanh*.
- 4* TVTL3 : 薄 *bac*.
- 5* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 漣 *hòn*.
- 6* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 爾 *đứ*.

CHÚ THÍCH:

(1) *Đình Phong Thủy* : chưa rõ ở đâu.

(2) *Tảo, hành* : rau tảo, rau hành.

(3) Sách *Trang tử* 莊子 chép : 莊子與惠子遊於濠梁之上, 莊子曰：“儻魚出遊從容, 是魚之樂也”。惠子曰：“子非魚, 安知魚之樂?” 莊子曰：“子非我, 安知我不知魚之樂?” *Trang Tử* dù *Huệ Tử* du ử *Hào luồng* chí thương. *Trang Tử* viết : «Điều ngư xuất du thung dung, thị ngư chi lạc dào». *Huệ Tử* viết : «Tử phi ngư, an tri ngư chi lạc? ». *Trang Tử* viết : «Tử phi ngã, an tri ngã bất tri ngư chi lạc? ». *Trang Tử* cùng *Huệ Tử* xem cá bên sông Hào. *Trang Tử* nói : « Con cá lượn thung dung, như thế vì nó vui ». *Huệ Tử* nói : « Anh không phải cá, sao biết cá vui? ». *Trang Tử* nói : «Anh không phải tôi, sao biết tôi không biết cá vui? ».

李暇齋來訪，賦此韻以答

鵠同度公上中契東
泥笑叔周情概友江
雪一思夢交氣當與
跡知人我向期詩北
踪誰令笑每相此謂
生遙別衰文與把妨
人邂久甚論誰贗何

LÝ HẠ TRAI LAI PHỎNG, PHÚ THỦ
VÂN DĨ ĐÁP ^{1*}

DỊCH NGHĨA :

ÔNG LÝ HÀ TRAI (¹) TỐI THĂM, LÀM BÀI THƠ NÀY ĐỂ ĐÁP LẠI.

Dấu vết đòi người như dấu chim hồng trên bùn tuyết (2),
Ai ngờ tình cờ lại được cùng nhau vui cười.
Cách biệt đã lâu, làm cho người ta nhớ tới Thúc Độ (3),
Cười mình suy yếu còn nắm mồm thấy Chu Công (4).
Bàn luận văn chương thường nhầm trên tình giao du,
Biết cùng ai hẹn hò trong vòng khì khai.
Chỉ còn đem bài thơ này làm tình bạn hữu,
Có hè gì Vi Bắc với Giang Đông (5).

DICH THO:

Nhân sinh tựa tuyết vách chán hồng,
Bỗng dịp ai ngờ được vui chung.
Cách biệt giục người mong Thác Đỗ,
Tuổi già cười lão mộng Chu Công.
Bình văn mỗi dịp giao tình đậm,
Băng hữu lâu dài khí khái chung.
Thử đặt văn thơ cùng bạn hữu,
Hè qì Vi Bắc với Giang Đông !

KHẢO ĐỊNH :

1* HVTT 李下齋見訪賦此以答 *Lý Hợp Trai* kiến phỏng phú thủ dĩ đáp.

2* TVTL2 : 今 *kím*; TVTL3 : 奇 *ký*.

3* TTCGLT : 衰懷 *suy hoài*.

4* TVTL2 : 高問 *cao vấn*.

5* TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT : 許 *hứa*.

6* TVTL2 : 據 *liêu*.

7* TTCGLT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : 左 *tả*.

CHÚ THÍCH :

(1) Lý Hợp Trai : tức Lý Tử Cầu 李子觀, đỗ Thái học sinh đời Hồ (1400 - 1407). Khi quân Minh sang xâm lược nước ta, ông không chịu ra làm quan cho giặc. Ông là người có chí khí và trong sạch, được sĩ phu đương thời kính trọng.

(2) Tô Đông Pha 蘇東坡 đời Tống trong bài thơ gửi Tô Triệt 蘇軾 có câu :

人生到處知何似,	Nhân sinh đáo xứ trí hà tự,
應是飛鴻踏雪泥。	Üng thị phi hồng đạp tuyết nê.

Người đời di đến đâu biết giống như cái gì,
Giống như chim hồng dãm chân lên bùn tuyết.

Ý nói tông tích người đời không nhất định.

(3) Thúc Độ là tên chữ của Hoàng Hiến 黃獻, một danh sĩ đời Hán, Trần Phồn 陳蕃 thường nói : 不見黃生, 則鄙吝復存. Bất kiến Hoàng sinh, tắc bỉ lận phục tồn ; Không gặp Hoàng sinh (tức Hoàng Hiến) thì tinh biện lận vẫn còn.

(4) Chu Công là một nhà chính trị nổi tiếng của nhà Chu. Không Tử nói : “甚矣吾衰也！久矣吾不復夢見周公。Thật hỷ ngô suy đã ! Cửu hỷ ngô bất phục mộng kiến Chu Công : Ta suy yếu lắm rồi ! đã lâu ta không còn nằm mơ thấy Chu Công nữa.

(5) Thơ Đỗ Phủ 杜甫 nhớ Lý Bạch 李白 có câu :

渭北春天樹,	Vị Bắc xuân thiên thụ,
江東日暮雲。	Giang Đông nhật mờ vân.

Cây mùa xuân ở dải Vị Bắc,
Mây buỗi chiều ở chốn Giang Đông.

351

茅齋遺懷

MAO TRAI KHIỀN HOÀI

頭，悠。白，幽。樂，求。陋，休。
茅，興。室，園，真，復。吾，過。
間，遠。夕，春，中，外。笑，平。
數，心，照，鳴。個，此，莫，三。
郭，偏，蟾，鳥，膝，書，人，滿。
傍，地，清，好，容，觀，時，二。

Bàng quách sô gian mao cái đầu,
Địa thiên tâm viễn hừng du du.
Thanh thiền chiếu tịch thất ^{1*} sinh
bạch,
Hảo điều minh ^{2*} xuân viên chinh u.
Dung tất cá trung chân thị lạc,
Quan thư thủ ngoại phục ^{3*} hà cầu.
Thời nhân mạc tiểu ngô cư lậu,
Nhi mãn ^{4*} tam bình quá túc hưu.

DỊCH NGHĨA:

TIÊU KHIỀN TRONG NHÀ TRANH

Vài gian nhà tranh che đầu gần ngoài thành,
Đất hẻo lánh đưa lòng xa xôi, hừng thù mènh mang.
Trăng trong soi buồm tối, căn nhà hóa ra vắng lặng.
Chim đẹp hót mùa xuân, cảnh vườn đang lúc thanh u.
Đứng ngồi trong đó, thật là vui thú,
Ngoài việc xem sách còn đòi gì hơn.
Người đời chờ có cười chõ ở cửa ta lụp xụp,
Nhị mãn tam bình ⁽¹⁾ qua đó là thôi.

KHẢO ĐÍNH:

1* TTCGLT: 室女 thắt lưng.

2★ TVTL3: 傳 truyễn.

3* TVTL1: 更 *cánh*:

4* TVTL2, TVTL3 : 方 cách.

CHÚ THÍCH:

(1) *Nhi mǎn tam bình*: chưa rõ diễn lý ở đâu.

352

蘆花店聽砧

秋箇
著中
懷何似
非牀助
蘆花
一欸丁
聽處遣
關頭我
雨有短
乃東人
人婦作
岸餘長
三增怯
人作難
明，清。
韻，聲。
興，情。
夢，鳴。
岸，兩。
長，兩。
兩，逸。
閨，名。
時，一。

LÔ HOA ĐIỂM THÍNH CHÂM

Thu trước lô hoa lưỡng ngạn minh,
Cá trung nhất thất hữu dư thanh.
Quán thính ái nãi đoán trường vận,
Hà xứ định đồng ^{1*} tam lưỡng thanh.
Tự khiền u nhàn tăng dát hưng,
Phi quan thú phụ khiếp khuê tình.
Sàng đầu phạ tác công danh mộng,
Trợ ^{2*} ngã hoang kê thời nhất minh.

DỊCH NGHĨA:

Ở ĐIỂM LÔ HOA (1) NGHE TIẾNG NÉN VẢI

Thu nhuốt hoa lau, hai bờ tỏa sáng,
Một ngôi nhà ở trong đó, sạch sẽ có thưa.
Tai quen nghe giọng hát vẫn dài ngắn trong trèo,
Tiếng nén thịnh thích từ đâu vọng tới nhịp hai ba.
Tựa như làm tăng thêm thủ nhàn dát của người ân sĩ,
Không liên quan gì đến tình khuê phụ của người lính thủ.
Giữa lúc đang lo mộng công danh đến đầu giường,
Con gà rứng gáy lên một tiếng giúp ta tỉnh dậy.

DỊCH THƠ:

*Ngàn lau thu nhuốt sáng đôi bờ,
Một nếp nhà trong vẻ mộng tho.
Ai đó rong thuyền buông điệu hát,
Chày đâu đập vải rộn đêm mờ.
Nhàn nhản được thề càng cao hưng,
Chinh phụ can chi hóa thẫn thờ.
Sơ mộng công danh còn đeo đẳng,
Gà rứng bỗng gáy tỉnh con mơ.*

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL2, TVTL3 : 冬 *dōng*.

2* TVTL3 : 勁 *kình*.

CHÚ THÍCH :

(1) Điểm Lô Hoa : chưa rõ ở đâu.

353

立春

LẬP XUÂN

條	拂	曉	寒	收,
臘	拂	雨	務	休。
里	迎	新	繵	燕,
城	驚	小	泥	牛。
早	怕	能	曆	歲,
上	誰	望	泥	秋。
今	人	多	瞻	有
與	杯	見	盤	喜
	君		樂	意,

Điều phong phát phát hiếu hàn thu,
Lạp bán nghênh xuân lưỡng ^{1*} vụ huru.
Lý lão kinh ^{2*} khan tân thái yến,
Thành trung phạ tổng tiều nê ngưu.
Tảo nông ^{3*} thùy thi năng chiêm tuế,
Thượng thụy nhân giai vọng hữu thu.
Kim nhật bôi bàn đà hỷ ý,
Dữ quân ^{4*} đồng lạc kiến ngô hầu.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY LẬP XUÂN

Gió hòa phe phẩy, rét buỗi mai đã hết;

Nửa tháng chạp đón xuân, hai vụ đã xong.

Ông lão trong làng giật mình thấy con én mới bằng lụa mầu ⁽²⁾,

Trong thành sơ phải tiên con trâu nhỏ bằng đất ⁽³⁾.

Ai là người nông dân có tài sớm biết được điểm tốt xấu trong một năm,

Điểm tốt ai cũng đều mong nhưng mong trước hết là được mùa.

Trong bữa tiệc hôm nay có nhiều ý mừng,

Cùng ánh vui chung đê ra mắt quan trên của chúng ta.

KHẢO ĐỊNH :

1* TVTL1 : 罢 *báh*.

2* TVTL2, TVTL3 : 勁 *kinh*.

3* TVTL3 : 艤 *la*.

4* TVTL1 : 尔 *nl*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Lập xuân* : ngày bắt đầu mùa xuân vào khoảng mồng 4 hoặc mồng 5 tháng 2 dương lịch.
- (2) *Con én mới bằng lụa màu* (tân thái yên) : Tục nước Sở ngày xưa cứ đến ngày lập xuân người ta cắt lụa màu làm hình chim én.
- (3) *Con trâu nhỏ bằng đất* (tiểu nê ngưu) : Đời xưa đến ngày lập xuân, nông dân nặn con trâu đất để tế xuân.

354 — 355

寄宣化陶知府

KÝ TUYÊN HÓA BÀO TRI PHỦ

其一

Kỳ nhất

長芳碧，涼契黃處忘。
 一騰尋敢緩龔人可，效久千十攘等過不。
 符蕩木陰身業有情，分蕩喬棠許事還交。

郡聲家政信將中聽，山能故惠自肯個貧。

其二

Kỳ nhì

分，頻，意，論，跡，痕，事，言。
 纏夢好誰雙一子人，手入多何霜月君達。
 路花天水破殘來與，京梅春流踏敵從可。
 逢度日山頭戶給情，相幾藜高溪蓮周此。

Sơn quân phản phù hiệu nhất trường,
 Năng thanh dâng dâng ^{1*} cửu dâng
 phượng.

Cố gia kiều mộc thiên tầm bích,
 Huệ chinh đường âm thập mẫu lương.
 Tự tín hứa thân nhượng Tắc, Tiết,
 Khẳng tương sự nghiệp dâng Cung,
 Hoàng.

Cá trung hoàn hữu quá nhân xứ,
 Bần tiện giao tình bất khả ^{2*} vương.

Tương phùng kinh lộ thủ tài phân,
 Kỷ độ mai hoa nhập mộng tàn ^{3*}.
 Lạc nhật xuân thiên đa hảo ^{4**} ý,
 Cao sơn lưu thủy hướng thùy luân.
 Khê dầu ^{5*} đep phá sương song tịch,
 Liên hộ xao tàn nguyệt nhất ngàn.
 Chu cấp tòng lai quân tử sự,
 Thủ tình khả dữ đạt nhân ngôn.

DỊCH NGHĨA :

GỬI TRI PHỦ HỌ ĐÀO (1) & TUYÊN HÓA (2)

Bài thứ nhất

Giữ chức ở quận miền núi, ra sức thi thố sở trường của mình,
 Tiếng giỏi lừng lẫy, lâu nay như hoa sực nức mùi hương.
 Nhà cũ, cây cao, ngàn tăm xanh biếc,
 Chính sự nhân ái giống bóng cây đường (3) mười mảnh râm mát.
 Tự tin đem mình noi theo ông Tắc, ông Tiết (4),
 Lẽ đâu đặt sự nghiệp ngang với họ Cung, họ Hoàng (5).
 Trong đó còn có chỗ hơn người ta nữa,
 Không quên tình bạn kết giao từ lúc nghèo hèn.

Bài thứ hai

Gặp nhau ở kinh đô vừa mới chia tay,
 Mấy lần hoa mai từng vào giấc mộng.
 Mặt trời lặn, tiết xuân, có nhiều ý tốt,
 Núi cao, nước chảy (6), biết bàn cùng ai ?
 Đầu khe, đôi dấu chân dầm nát làn sương,
 Gương sen như cánh tay gỗ tan vành nguyệt.
 Xưa nay giúp đỡ kẻ thiêub là việc của người quân tử (7),
 Tình này chỉ có thè nói với đại nhân (8).

KHẢO ĐỊNH :

1* TTCGLT, TVTL1 : 諶 諶 ái ái.

2* TTCGLT : 少 thiêu.

3* TTCGLT : 魂 hồn.

4* TTCGLT : 子 tử.

5* TTCGLT : 稱 kiều.

CHÚ THÍCH :

(1) *Viên tri phủ họ Đào* : chưa rõ là ai.(2) *Tuyên Hóa* : phủ Tuyên Hóa, ở địa phận tỉnh Hà Tuyên và một phần tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay.(3) *Cây đường* : xem chú thích số (4), bài *Tống Tân An phủ Thông phán trật mãn*, của cùng tác giả.(4) *Ông Tắc, ông Tiết* : hai bè tôi hiền đời Đường Ngu.(5) *Họ Cung, họ Hoàng* : Cung Toại 龔遂, Hoàng Bá 黃伯 là hai viên quan đời Hán có tiếng yêu dân.

- (6) Bá Nha 伯牙 và Chung Tử Kỳ 钟子期 là đôi bạn tri âm ở thời Xuân Thu. Khi Bá Nha gảy đàn, bụng nghĩ về non cao hay nước chảy. Tử Kỳ đều biết được, nên người ta dùng chữ « non cao nước chảy » để nói tình nghĩa tri âm. Ở đây ý nói xa bạn.
- (7) Sách Luân ngữ 論語 có câu: 君子周 紿不繼富 Quân tử chu cấp bất kế phú: Người quân tử giúp đỡ tiền của cho người khác, không giúp kẻ đã giàu có. Ở đây ý tác giả mong được sự giúp đỡ tiền bạc của họ Đào.
- (8) Đạt nhân là người thông đạt, không cầu nệ hình thức, vượt lên trên phàm tục.

356—359

慶阮運同生日

其一

參，三。玉，藍。事，談。語，堪。
 相，又。瑩，接。餘，美。笑，何。
 妙，日。青，碧。真，像。陪，更。
 五，陽。灘，岫。業，名。逢，病。
 二，三。平，靈。勲，聲。賓，老。
 緬，月。政，恩。黃，杜。日，予。

其二

參，三。矢，藍。世，談。在，堪。
 席，貴。懸，正。祥，誦。吾，七。
 右，尊。孤，蔚。盛，常。公，不。
 容，德。日，光。麟，鶴。喪，妨。
 甲，無。逢，恨。願，須。文，夜。
 雄，奈。喜，何。但，不。斯，叔。

KHÁNH NGUYỄN VẬN
ĐỒNG SINH NHẬT

Kỳ nhất

Uần nhàn nhị ngũ diệu tương tham,
 Di nguyệt tam dương nhật hựu tam.
 Thiên chính Bình Than thanh oánh
 ngọc,
 Nùng ân ^{1*} Linh Tụ bích tuy ^{2*} lam.
 Củng, Hoàng huân nghiệp chán dư sự,
 Phòng, Đỗ thanh danh xỉ ^{3*} mỹ đàm.
 Kim nhật tân diên bời tiểu ngũ ^{4*},
 Ta dư ^{5*} lão bệnh cánh hà kham.

Kỳ nhì

Hùng giáp thường dung tịch hữu tham,
 Nại vô tước đức quý tôn tam.
 Hỷ phùng kim nhật huyền hồ thi,
 Hà hận xuân quang chính uất lam.
 Đãn nguyện phượng lán tường thịnh
 thế,
 Bất tu quy hạc tụng thường đàm.
 Tư văn vi táng ngô công tai,
 Thúc Dạ hà phượng thất bất kham.

其三

郡屈傑至江風乘追
勝如江絕如無料我
城指特靈山月興陪

其四

射饒榜袍為感區期
春疊字恩即不州經
園中濕濃今在縣綸

曾兩甲名一少有猶
徧只餘舊不多應力
參，三。第，藍。到，談。約，堪。

失魁浮泌寶虛勞輩
參，三。墨，藍。學，談。耳，堪。

Kỳ tam

Quận thành thăng cảnh biển ^{6*} tăng
tham,
Khuất chỉ ^{7*} như kim chỉ luồng ^{8*} tam.
Kiệt Đặc giang ^{9*} dầu dư giáp đệ ^{10*},
Chi Linh tuyệt đỉnh cựu danh lam ^{11*}.
Giang sơn như thủ bát nhất đảo,
Phong nguyệt vô cùng da thiêu đàm.
Thùa hứng liệu tri ưng hữu ước,
Truy bời ^{12*} ngã lão lực do kham.

Kỳ tứ

Xạ sách xuân vi ức cộng tham,
Nhiều quân điệp trúng chiếm khôi tam.
Bảng đề tự thấp hương phù mặc,
Bào tử án nùng sắc bí lam.
Vì chinh túc kim suy thực học,
Cảm nhân bất tại thượng hư đàm.
Khu khu châu huyện đồ lao nhĩ,
Kỳ triền kinh luân ngã bối kham.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG SINH NHẬT NGUYỄN VĂN ĐỒNG

Bài thứ nhất

Nguyên khi trời đất hun đúc ⁽¹⁾, hòa hợp với nhau khéo léo,
Ông sinh vào tháng tam dương ⁽²⁾ lại gặp ngày mồng ba.
Chính sự tốt đẹp làm nước Bình Than ⁽³⁾ trong như ngọc sáng;
Ôn nồng đượm của vua làm sắc núi Linh Tụ ⁽⁴⁾ xanh như mẫu cờ lam.
Công nghiệp họ Cửng, họ Hoàng ⁽⁵⁾ thật việc thừa,
Thanh danh họ Phòng, họ Đỗ ⁽⁶⁾ được nhiều lời khen.
Trên tiệc mừng hôm nay, được hầu tiếp nói cười,
Nhưng thân mình già ốm, biết làm sao nói.

Bài thứ hai

Tuổi già ⁽⁷⁾ vẫn thường được tham dự trên chiểu,
Khôn không tước đức, trong ba triều tôn quý ⁽⁸⁾.

Ngày nay mừng gấp buồm treo cung tên (9),
Trời xuân xanh biếc, còn ân hận gì.
Chỉ mong ngài như phượng lân làm điềm lành cho đời thịnh,
Cần gì chúc tụng sống lâu tra hạc rùa (10) như lời thường.
Tư văn chưa mất thì ngài vẫn còn,
Như Thủ Dã ngại gì không chịu được bầy điểu (11),

Bài thứ ba

Thắng cảnh quận này ông từng xem chơi khắp,
Tinh đốt ngón tay, hiện chỉ thiếu đôi ba nơi.
Nơi còn lại bậc nhất là cảnh đầu sông Kiệt Đặc (12),
Trên đỉnh núi Chi Linh (13) có chùa nổi tiếng từ xưa.
Non sông như thế, không đến một lần sao ?
Trăng gió không cùng, biết bao điều đáng nói.
Đoán biết nhân hứng đi chơi, thế nào cũng được hẹn,
Tôi tuy già, vẫn còn sức đề theo hầu.

Bài thứ tư

Nhớ cùng dự làm văn bài ở trường thi mùa xuân (14),
Riêng ông trúng luôn bà kỳ đỗ đầu.
Chữ đề trên bảng còn ướt, mùi mực thơm xông,
Áo bào thẩm đượm Ơn vua, màu lam (15) nổi bật.
Làm chính sự giờ đây phải chọn người thực học,
Cảm hóa được người ta đâu phải ở chỗ bàn suông.
Khur khur làm việc ở châu huyện chỉ tồ nhọc mà thôi,
Mong sao rộng mở kinh luân để bọn ta cảng đáng.

KHẢO ĐÍNH :

1* TTCGLT : 醉因 *nồng nhân*.

2* TVTL2 : 缘 anh ; TVTL3 : 缘 tuy.

3* TVTL3 : 徒 tuấn.

4* TTCGLT : 餐陪 相笑語 *tân bồi tương tiếu ngữ*.

5* TVTL2 ; TVTL3 : 余 dư.

6* TVTL2 : 编 边

7* TVTL2, TVTL3 : 指属 chỉ khuất.

8* TVTL2, TVTL3 : 再 tái.

9* TVTL3 : 係持三 kiết trì tam.

10* TTCGLT : 歲 tuế..

11* TVTL2, TVTL3 : 至靈嶺頂絕名藍 Chí Linh lĩnh đỉnh tuyệt danh lam.

12* TVTL3 : 境 bối.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Nguyên khí của trời đất hồn đức* (nhân uân nhị ngũ) : Sách *Chu Tử thái cực đồ thuyết* 周子太極圖說 có câu : 二五之并, 妙合而凝 Nhị ngũ chi tinh, diệu hợp nhị ngưng. Ý nói : hai khí âm dương hòa hợp, ngưng tụ lại một cách khéo léo mà sinh ra người.
- (2) *Tháng tam dương* : tức là tháng giêng, khi đó đã có đủ ba khí dương. *Thư kinh, Hồng phạm* 普經, 洪範 hậu nho có câu : 正月為春, 三陽以生. Chính nguyệt vi xuân, tam dương dĩ sinh : Tháng giêng là mùa xuân, ba khí dương đã sinh, đây ý nói ngày sinh của Nguyễn Văn Đồng là ngày mồng ba tháng giêng.
- (3) *Bến Bình Than* : ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay thuộc tỉnh Hải Hưng). Vào năm 1282, Trần Nhân Tông 陳仁宗 cùng các vương hầu, bách quan nhà Trần từng hội họp ở đây để bàn cách chống giặc Nguyên.
- (4) *Núi Linh Tụ* : chưa rõ ở địa phương nào.
- (5) *Cửng Toại* 羯遂 và *Hoàng Bá* 黄伯 là hai viên quan đời Hán có lòng yêu dân.
- (6) *Phòng Huyền Linh* 房玄齡 và *Bồ Nhu Hối* 杜如晦 là hai viên Tề tướng nổi tiếng hiền tài đời Đường.
- (7) *Tuồi già* (hung giáp) : loài có vây như rồng, rắn v.v... là loài sống lâu trong các loài vật, nên thường dùng để nói người nhiều tuổi.
- (8) Sách *Mạnh tử* 盡子 có đoạn ý nói : Thiên hạ ai cũng tôn kính ba điều quan trọng, tuổi thọ và đạo đức. Câu này tác giả nói khiêm là mình tuy già nhưng về trước và đức thì không có gì.
- (9) Đời xưa, sinh con trai thì treo cung tên ở cửa. Ở đây dùng để chỉ ngày sinh nhật.
- (10) *Hạc* và *rùa* là những con vật sống lâu, nên người ta thường lấy «tuổi qui hạc» để chúc tụng nhau.
- (11) *Thúc Dã* : tên tự của Kê Khang 麥康 đời nhà Tần. Kê Khang có bức *Dữ Sơn Cử Nguyễn tuyệt giao thư* 暫山巨源絕交書, trong đó có câu : 自惟至熟, 有必不堪者七, 甚不可者二。Tự duy chí thực, hữu tất bất khả giả thất, thậm bất khả giả nhì : Từ nghĩ rất kỹ, có bảy điều tất không thể chịu được, lại có hai điều rất không nên.
- (12) *Sông Kiệt Đặc* : thuộc địa phận huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay thuộc tỉnh Hải Hưng).
- (13) *Núi Chí Linh* : cũng gọi là núi Kiệt Đặc, hay núi Phượng Hoàng.
- (14) Đời xưa thường thi hội vào mùa xuân, nên trường thi hội gọi là «xuân vi».
- (15) Đời xưa người đỗ Tiến sĩ được ban áo bào màu lam.

360 – 362

和阮運同遣悶詩韻

HÓA NGUYỄN VẬN ĐỒNG
«KHIỀN 1* MUỘN» THI VẬN

其一

年，然，變，懸，輩，天，可，玄。
 同以雨星吾老不玄。
 岂斯雲日非有無亦。
 茵知窮古事心闢設。
 朝方無萬何知抱施。
 椿者故常來竟吏安。

靈智世綱看畢委新。

其二

持，衰，詔，衣，富，宜，短，期。
 威德手裹綸右趨霄。
 自匪裁製經左翹絳。
 采章堂錦線斤頰連。
 五文玉美色風摧獨。
 巴世惜將胸鼻鶴渠。

九瑞暫全蟠斷病看。

其三

勞，毛，鬯，櫟，匏，在，蒿。
 心一咄寥林葉已空。
 總拔殷點無苦知目。
 焉何嗟狂已寧若四。
 我如哉甚幸須無悔。

利頂怪今運涉吾望。

Kỳ nhất

Linh xuân triều khuân 2* khởi đồng
niên,
 Trí 3* giả phuơng tri sở dĩ nhiên.
 Thế cõ vô cùng vạn vũ biến,
 Cường thường vạn cõ nhật tinh huyền.
 Khán lai hà sự phi ngô bối,
 Tất cảnh tri tâm hữu lão thiên.
 Ủy lại bão quan vô bất khả,
 Tân An thi thiết diệc huyền huyền 4*.

Kỳ nhì

Cửu bao ngũ thái tự uy trì 5*,
 Thụy thế văn chương 6* phỉ đức suy.
 Tạm tá ngọc đường tài thủ chiếu 7*
 Toàn 8* tương mỹ cầm chế thường y.
 Bàn 9* hung sắc tuyển kinh luân phủ,
 Trác ty phong cân 10* tả hữu nghi.
 Bệnh hạc 11* thời đồi cao xi 12* đoán,
 Khan cù độc 13* vận dâng 14* tiêu ky 15*.

Kỳ tam

Lợi nhân vị ngã tòng tâm lao,
 Đinh chủng hà như bạt nhất mao.
 Quái sự ta tai Ân đốt đốt,
 Kim niêm cuồng thậm Đìêm dào dào.
 Vận cân dĩ hành vô làm lịch,
 Thiệp tế ninh tu khò diệp bào.
 Ngô đạo nhược vô tri kỷ tại,
 Vọng cùng tử hải mục không cao.

DỊCH NGHĨA :

HỌA VĂN BÀI THƠ « KHIỀN MUỘN » (1) CỦA NGUYỄN VẬN ĐỒNG

Bài thứ nhất.

Cây linh xuân và cây triều khuân (2) há giống tuổi thọ?
 Người biết rộng mới hiểu tại sao như vậy.
 Việc đời giống mây mưa, biến hóa không cùng,
 Cương thường (3) như trời sao, sáng treo muôn thuở.
 Xem ra, việc gì mà chẳng phải của bọn ta,
 Rốt cuộc, chỉ có trời già mới biết được bụng mình.
 Làm viên ủy lại (4), hay người giữ cửa, việc gì chẳng được,
 Những việc sắp đặt ở Tân An (5) cũng đã thảm thủy lầm rồi.

Bài thứ hai

Chín sắc (6), năm vẻ (7) của văn chương, mình giữ nghiêm chỉnh,
 Vẻ đẹp ấy là diêm tốt cho đời, đâu phải đạo đức suy (8).
 Tạm mượn ngọc đường (9) viết tờ thủ chiếu (10),
 Toàn đem gấm dẹp chế thành áo xiêm.
 Chỉ mầu thêu lượn trước ngực, ấy người nhiều tài kinh luân,
 Riu gió vạc vữa hai bên mũi mà mũi vẫn nguyên (11).
 Tôi như chim hạc ốm yếu mệt mỏi, bay lượn không được cao,
 Chờ xem khi ông một mình vẫy vùng trên mây thảm.

Bài thứ ba

Lợi người, vì mình, điều phải nhọc lòng.
 Mệt đâu đến chán sao như nhồ một cái lồng (12) ?
 Thay đổi thường thay việc lạ đê Ân Hạo phải sững sốt (13),
 Năm nay thất thường làm Tăng Biêm ngông nghênh (14).
 Mùa rìu, cũng may không phải là gỗ cây lich rừng (15),
 Vượt sông, nào cần đến quả bầu đắng (16).
 Đạo ta nếu không có người tri kỷ,
 Trông khắp bốn biển, luống những gai mắt.

KHẢO ĐÍNH :

1* TVTL3: 遺 di.

2* TVTL3: 蘭 lan.

3* TVTL2, TVTL3: 知 tri.

- 4* TVTL2 : 云 云 vân vân.
 5* TVTL2 : 遠 远 uy tri.
 6* TVTL2, TVTL3 : 明 minh.
 7* TVTL2, TVTL3 : 謂 手 chiếu thủ.
 8* TTCGLT : 旋 toàn.
 9* TVTL2 : 舞 phan.
 10* TVTL3 : 升 thăng.
 11* TVTL2 : 鳴 minh.
 12* TVTL3 : 銚 linh.
 13* TVTL3 : 猶 do.
 14* TVTL2 : 鑑 trach.
 15* TTCGLT : 宵 晴 tiêu thi ; TVTL3 : 宵 胡 tiêu hồ.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Khiên muộn* : làm cho khuây khỏa nỗi buồn phiền.
- (2) *Linh xuân* : loại cây sống rất lâu năm. Vì thế, người đời sau lấy chữ 春 « xuân » để chỉ tuổi thọ của cha. Còn « triều xuân » là loại nấm buổi sáng mọc, buổi chiều đã tàn lụi (*Trang Tử*).
- (3) *Đạo nho có « tam cương »* (ba giềng mối : quan hệ vua và bè tôi, quan hệ cha và con, quan hệ vợ và chồng) và « ngũ thường » (năm đức bền vững mãi mãi : nhân, nghĩa, lễ, trí, tin).
- (4) *Ủy Lại* : Sách Mạnh Tử : Không Tử thường làm chức Ủy Lại, tên một chức quan nhỏ.
- (5) *Tân An* : chưa rõ thuộc địa phương nào và tác giả dùng ở đây với ngụ ý gì.
- (6) *Chín sắc (cửu bao)* : người xưa có câu : 凤有九苞 Phượng hữu cửu bao : *Lông chim phượng có chín chùm màu sắc* ; thường lấy lông chim phượng để vi với văn chương đẹp đẽ.
- (7) *Năm vẻ (ngũ thái)* : năm màu sắc ; xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.
- (8) *Đạo đức dã suy* : Sách Luân ngữ 論語 có câu : 凤兮！鳳兮！何德之衰. Phượng hè ! Phượng hè ! hè đức chi suy : *Chim Phượng oi ! chim phượng oi ! sao mà đức suy như thế*. Đó là lời Sở Cuồng 楚狂 mỉa mai Không Tử 孔子 sống không đúng thời.
- (9) *Đời Thuần Hóa* 純化, vua nhà Tống viết cho tòa Hàn Lâm bốn chữ « 玉堂之署 » Ngoc đường chi thư ; đời sau thường dùng hai chữ 玉堂 Ngoc đường để chỉ tòa Hàn Lâm.
- (10) *Thủ chiếu* : tờ chiếu do nhà vua tự mình thảo ra để đưa riêng cho một người, hoặc nói về một việc, tỏ ý trân trọng.
- (11) *Trang Tử nói* : 鄭人墮其鼻端,若蠅翼,使匠石斲之,匠石運斤成風,觸而斲之,盡墮而鼻不傷. Sinh nhân ác mạn kỳ tị đoán, nhược thẳng dực, sú Tượng Thạch trác chi. Tượng Thạch vận cân thành phong, Thinh nhi trác chi, tận ác nhi tì bất thương : *Đất Sinh có người lấy vữa bôi lên đầu sống mũi ; mỏng như cánh nhăng, rồi bảo người thợ děo đi ; người thợ đá có tài múa rìu như gió, vạc vào cái mũi có vữa ấy, vạc hết vữa ở mũi mà mũi vẫn không bị thương*. Ở đây tác giả dùng điển ấy để nói Vận Động là người có tài làm thơ văn.
- (12) *Sách Mạnh Tử* 益子 có câu 楊子取“為我”,拔一毛而利天下,不為也。墨子“兼愛”,摩頂放踵利天下為之。Dương Tử thủ Vị ngã», bat nhất mao nhí lợi thiên hạ, bất vị dã. Mặc Tử « Kiêm ái », ma đinh phóng chung lợi thiên

hạ, vi chí : Dương Tử chủ trương thuyết « Vị ngã », nhô một cái lồng để làm lợi cho thiên hạ cũng không làm. Mặc Tử chủ trương thuyết « Kiêm ái », trầy xát từ trần đến chán mà có lợi cho thiên hạ, cũng cứ làm. Tác giả bài thơ này đã đúng về thuyết « Vị ngã ».

- (13) *Tán thư* 言書 chép việc Ân Hạo 殷皓 sau khi bị mất chức quan, hàng ngày thường viết giữa trời mây chữ 嘴咄怪事 « Đốt đốt quái sự », ý nói việc lạ đáng thở than, kinh sợ.
- (14) *Tăng Điểm* : học trò của Khổng Tử 孔子 và là một người mà Khổng Tử liệt vào hạng « cuồng ». Cuồng là người ngông nghênh, nhưng có chí lớn.
- (15) Theo sách *Trang tử* 莊子, thì « lịch » là một thứ cây vô dụng.
- (16) *Quả bầu dắng* (khô biếu) : loại bầu dắng không ăn được, nhưng quả của nó có thể dùng làm phao qua sông. Sách Quốc ngữ 國語 chép : 材何曰：“夫若匏不匏於人，共濟而已”。*Thúc Hường* viết : « Phù khô biếu bất tài ư nhân, cộng tế nhi dĩ » ; *Thúc Hường* nói : *Bầu dắng* đối với người ta là vô dụng, chỉ dùng để qua sông mà thôi.

363 – 366

謝阮遲同惠帶

TẠ NGUYỄN VĂN ĐỒNG HUỆ DÁI^{1*}

其一

交	情	用	珍	荷	先	施,
服	用	鑄	潔	質	朽	衰。
寶	寶	蛇	陳	光	閃	閃,
黑	黑	蟠	臥	色	離	離。
腹	腹	周	顛	端	相	稱,
腰	腰	休	文	豈	所	宜。
欲	欲	識	恩	多	少	處,
輕	便	便	便	走	趨	時。

其二

少	曾	塗	西	施,
老	大	如	愛	衰。
翰	苑	腰	夢	到,
畔	株	守	時	離。

Kỳ nhất

Giao tình trân^{2*} dài hạ^{3*} tiên thi,
Phục dụng thâm tàm chất hủ suy.
Bảo khóa thác trần quang thiêm thiêm,
Hắc xà bàn ngọt^{4*} sắc ly ly.
Phúc khoan Chu^{5*} Dị đoan tương^{6*}
xứng,
Yêu sấu Hưu Văn khởi sở nghi.
Dục thức hàm^{7*} ăn da thiều xứ,
Khinh^{8*} biến^{9*} vưu tiện tầu^{10*} xu
thì^{11*}.

Kỳ nhì

Thiếu tăng đồ mạt diệc Tây Thi,
Lão đại như kim sắc ái suy.
Hàn uyền yêu tê vô mộng đáo,
Bạn chau thủ thỏ kỷ thời ly.

術 分 誰 隨
窮 端 使 人
朽 高 論 回
木 情 心 首 故
五 三 強 自
枝 休 頽 憾
將 已 猶 樂
安 是 館 清
用 宜 下 時

莫 曾 親 別
巧 不 令 昔
工 要 善 差
良 久 倍 翻
五 三 強 自
枝 休 頽 憾
將 已 猶 樂
安 是 館 清
用 宜 下 時

莫 曾 親 別
巧 不 令 昔
工 要 善 差
良 久 倍 翻
五 三 強 自
枝 休 頽 憾
將 已 猶 樂
安 是 館 清
用 宜 下 時

施 衰 合 離
莫 曾 親 別
巧 不 令 昔
工 要 善 差
良 久 倍 翻
五 三 強 自
枝 休 頽 憾
將 已 猶 樂
安 是 館 清
用 宜 下 時

施 衰 合 離
莫 曾 親 別
巧 不 令 昔
工 要 善 差
良 久 倍 翻
五 三 強 自
枝 休 頽 憾
將 已 猶 樂
安 是 館 清
用 宜 下 時

施 衰 合 離
莫 曾 親 別
巧 不 令 昔
工 要 善 差
良 久 倍 翻
五 三 強 自
枝 休 頽 憾
將 已 猶 樂
安 是 館 清
用 宜 下 時

施 衰 合 離
莫 曾 親 別
巧 不 令 昔
工 要 善 差
良 久 倍 翻
五 三 強 自
枝 休 頽 憾
將 已 猶 樂
安 是 館 清
用 宜 下 時

Thuật cùng ngũ kỹ ^{12*} tương ứng an ^{13*}
dung :

Phân súy tam hưu dĩ thị nghi,
Thùy sứ cường nhan do quán hạ,
Tuy nhân tự quý lạc thành thi ^{14*}.

Kỳ tam

Hủ mộc lương công xảo mạc thi,
Cao tình cửu yếu bất tăng suy.
Luận tâm bội hỷ kim thân hợp,
Hồi thủ phiên ta tích biệt ly.
Công tệ thông tài công ý hậu,
Đầu nhàn tri tán ngã tài nghi.
Nhân sinh hội ngộ ninh phi số,
Hành lạc do lai yếu cấp thi.

Kỳ tứ

Nguyệt mi lâm túc mạn thi thi,
Phong tục hè quan đáo thịnh suy.
Tự quý đạo truyền kiêm hoặc giải,
Thâm cảm cùi sách cảnh quần ly.
Dĩ tôn hạ tiện quang khiêm đức,
Hiệu đoán lượng trường quý thích
nghi.

Cử thế phân phân giai hiệp quý,
Ta quân hà sự độc vi thi.

DỊCH NGHĨA :

TẠ NGUYỄN VẬN ĐỒNG (¹) CHO ĐẠI

Bài thứ nhất

Vì tình giao du, mang ơn cho trước dài quý,
Đeo nó thấy thận vì thê chất đã suy yếu.
Những khúc ngọc ngà xen nhau lấp lánh,
Như hình con rắn đen nằm cuộn, màu sắc rực rõ,

Bụng to như Chu Di⁽²⁾ đeo vào chắc vừa,
 Lưng gầy như Hưu Văn⁽³⁾ thích hợp sao được.
 Muốn biết mang ơn ông đến đâu,
 Hãy xem sự nhẹ nhàng, tiện lợi lúc đi lại.

Bài thứ hai

Lúc trẻ từng học đòi Tây Thi⁽⁴⁾ tô son đánh phấn,
 Bây giờ già cả, nhan sắc và súng ái giảm sút nhiều rồi.
 Không còn mơ tưởng sự mang dai da tê⁽⁵⁾ nơi Hàn uyên⁽⁶⁾,
 Chẳng mấy khi rời cảnh đợi thỏ bên cây⁽⁷⁾.
 Năm ngón tài hèn đã hết còn dùng đâu được⁽⁸⁾,
 Ba điều nghỉ ngoi là phải tư lượng sức mình⁽⁹⁾.
 Có ai bắt ta trơ mặt ở lại mãi nơi quan các⁽¹⁰⁾,
 Tự lấy làm thẹn đã theo đòi người khác vui thú thanh bình.

Bài thứ ba

Gỗ đã mục, dù thợ giỏi cũng khó trồ tài khéo léo.
 Tình thâm, hẹn cũ⁽¹¹⁾ không hề giảm sút.
 Bàn về tâm tình, càng mừng sự thân mật hôm nay,
 Ngoảnh đầu nhìn lại, than sự biệt ly buồn trước.
 Áo, xe cùng rách, của cải dùng chung⁽¹²⁾, ý ông rất hậu,
 Gieo vào nơi rảnh rồi, đặt vào chỗ nhàn tản, tài tôi nên thế⁽¹³⁾.
 Sự gặp gỡ trong đời người, lẽ nào không có số ?
 Xưa nay việc hành lạc cần được kịp thời.

Bài thứ tư

Hàng tháng ăn tốn lúc kho⁽¹⁴⁾ mà cứ lên mặt hơn hở,
 Nào có quan tâm gì đến phong tục thịnh suy.
 Thẹn mình là người truyền đạo và phân giải sự sai lầm cho học trò⁽¹⁵⁾,
 Lại rất xấu hổ ở nơi hiu quạnh, càng xa rời chúng bạn.
 Nhún nhường kẻ dưới, đức khiêm nhường thật rang rõ⁽¹⁶⁾,
 So điều hơn kém⁽¹⁷⁾, miễn sao hợp lẽ phải thì thôi.
 Những người cay sang, đang nhanh nhảm khắp trên đời⁽¹⁸⁾,
 Than cho ông một mình trái với thế tục.

KHẢO ĐÍNH :

- 1* TTCGLT : chép đầu đề bài thơ là 再 和 贈 之 *Tái hoà tặng chi* ; TDTT : 謝 阮 運 同 感
帶 三 首。Ta Nguyễn Văn Đồng huê dài tam thủ TVTL2 : 謝 阮 運 同 詩 頌。
Hạ Nguyễn Văn Đồng thi văn ; TVTL3 : 和 阮 運 同 詩 頌 *Hoa Nguyễn Văn Đồng*
thi văn.
- Chúng tôi sưu tầm được tất cả 4 bài thơ do tác giả làm tặng Nguyễn Văn Đồng.
- 2* TVTL2 : 慨 khâm ; TVTL3 : 慨 châm.
- 3* TVTL2 : 謝 tạ.
- 4* TTCGLT, TDTT : 外 ngoại.
- 5* TVTL2 : 圓 viên ; TVTL3 : 圆 tú.
- 6* TVTL3 : 別 so.
- 7* TVTL2, TVTL3 : 卸 hàn.
- 8* TVTL3 : 怪 quái.
- 9* TVTL2 : 輕 khinh.
- 10* TVTL3 : 主 khué.
- 11* TVTL2, TVTL3 : 期 kỳ.
- 12* TVTL2, TVTL3 : 鬼 quỷ.
- 13* TVTL3 : 官 quan.
- 14* TVTL2 : 期 kỳ ; TVTL3 : 明 minh.

CHỦ THÍNH :

- (1) *Nguyễn Văn Đồng* : chưa rõ thân thế và sự nghiệp.
- (2) Theo *Tân thư* 雜書, một đêm Vương Đạo 王導 gối đầu lên đầu gối Chu Di 周顥 mà nằm, rồi chỉ vào bụng ông ta hỏi : « trong này có cái gì ? » Di trả lời : Trong ấy rõ ràng chẳng có gì, nhưng có vài trăm người như các anh cũng dung nạp được hết ».
- (3) *Hưu văn* : tên chữ của Thầm Uóc 留約, một văn sĩ đời Đông Tấn. Thầm Uóc có lần dâng thư lên cấp trên xin nghỉ việc quan về nhà; trong thư có đoạn nói mình già yếu, gầy gò, ngày nào cũng phải rút thêm mire dai. Người đời sau dùng chữ «Thầm yêu» (lưng họ Thầm) để nói người gầy.
- (4) *Tây Thi* : người đẹp nổi tiếng đời Xuân Thu, do Việt Vương Câu Tiễn 越王勾践 dâng cho Ngô Vương Phù Sai 吳王夫差.
- (5) *Đại da tê* (yêu tê) : một loại da làm bằng da con tê ngưu.
- (6) *Hàn Uyên* : Viện Hàn lâm.
- (7) Theo sách *Hán phi tử* 韓非子 : Nước Tống, có người đang cày ruộng, thấy con thỏ chạy dụng phải gốc cây mà chết. Người ấy buông cây, ngồi bên gốc cây để chờ bắt con thỏ khác. Tác giả mượn diễn này để nói mình bảy giờ chỉ biết an phận ngồi chờ công việc đến, không chủ động được việc gì nữa.
- (8) *Tống sử* 采史 có câu : 穀鼠之技 窃蜜 Thạc thủ chi kỹ cùng. Ý nói Vương An Thach 王安石 như con chuột lớn có năm mông kỹ thuật đều đã khoe ra hết rồi. Tác giả mượn diễn này để tỏ ý khiêm tốn nói mình tài hèn không làm nên gì.
- (9) *Ba diều nghỉ ngoi* (tam hưu) : Mạnh Hạo Nhiên 血浩然 đời Đường có câu thơ:
人事一朝盡 Nhân sự nhất triêu tận,
荒蕪三徑休 Hoang vu tam kinh hưu.

Việc đời một lúc đã hết,
Ba lối đi hoang râm thế là thôi.

Ở đây mượn ý ấy để nói cảnh về hưu.

(10) Quán các : cũng như Hàn uyền, Hàn lâm viện.

(11) Hẹn cũ : (cửu yếu) : Sách Luận ngữ 論語 có câu : 久要不忘平生之言 Cửu yếu bất vong bình sinh chí ngôn : Có ước hẹn xưa thì không quên lời nói lúc bình sinh.

(12) Sách Luận ngữ 論語 chép : 子路曰：願車馬衣輕裘，與朋友共，敝之而無憾 Tứ Lộ viết : nguyện xa mã ý khinh cầu, dù bằng hữu cộng, tệ chi nhi vô hám : Tứ Lộ nói : Nguyện có xe tốt, áo dẹp cùng bạn hữu dùng chung cho đến rách nát, cũng không phản nản.

Sách Bách họ thông 白虎通 có câu : 朋友之道四焉，通材不在其中 Bằng hữu chí đạo tứ yết, thông tài bất tại kỳ trung : Đạo bằng hữu có bốn điều, không kể việc dùng chung của cải.

(13) Bài Tiến học giải 進學解 của Hàn Dũ 韓愈 có câu : 择間置散，乃分之宜。Đầu nhàn tri tản, nỗi phận chi nghi : Ném vào nơi nhàn, đặt vào chỗ tản là phận nên thế.

(14) Bài Tiến học giải 進學解 của Hàn Dũ 韩愈 có câu 月費俸錢，歲靡糜粟 Nguyệt phi bông tiền, tuế mi lâm túc : Tháng tốn tiền lương, năm hao lúa kho.

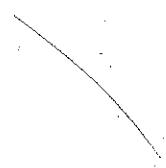
(15) Bài Sư thuyết 師說 của Hàn Dũ 韩愈 có câu : 師者，所以傳道受業解惑也。Sư giả, sở dĩ truyền đạo thụ nghiệp giải惑 dã : Thầy là người truyền đạo dạy dỗ, phân giải sự sai lầm cho mình.

(16) Người xưa có câu : 以尊下賢，尊賢也。Dĩ tôn hạ hiền, tôn hiền dã : Ở địa vị cao quý hạ minh xuống với người hiền, đó là tôn trọng người hiền vậy.

(17) Bài Tiến học giải 進學解 của Hàn Dũ 韩愈 có câu : 校短量長，惟器是適。Hiệu đoản lượng trường, duy khi thi thích : Đánh do dài ngắn, chỉ có lẽ là phải thích hợp.

(18) Sách Mạnh tử 立子 có câu : 不挾長，不挾貴，不挾兄弟而友。Bất hiệp trường, bất hiệp quý, bất hiệp huynh đệ nhi hữu : Không được ỷ vào thế mạnh là tôn trưởng, là quý hiền, là anh em để kết bạn.

PHÂN PHỤ LỤC



NGUYỄN BÁ TĨNH

阮伯靖

(1330 ? - ?)

Nguyễn Bá Tĩnh, pháp hiệu là Tuệ Tĩnh, hiệu Huệ Tĩnh, biệt hiệu Tráng Tử Vô Dật. Người hương Nghĩa Phú, huyện Cầm Giàng, châu Thượng Hồng (nay là xã Cầm Vũ, huyện Cầm Giàng, tỉnh Hải Hưng). Năm 22 tuổi đậu Thái học sinh nhưng không ra làm quan mà đi tu. Năm 55 tuổi đi sứ được vua Minh phong hiệu Đại y thiền sư. Sau ông mất ở Giang Nam, chưa rõ năm nào.

Tuệ Tĩnh là nhà danh y nước ta, đã tổ chức ở các chùa những cơ sở chữa bệnh cho nhân dân bằng thuốc Nam trồng kiếm tại địa phương, có công xây dựng nền y dược dân tộc. Ông để lại một số thơ phú về thuốc. Dưới đây, chúng tôi chỉ chọn giới thiệu 5 bài thơ trong *Nam được thần hiệu* và trích *Nam được quốc ngữ phú* cùng *Trực giải chỉ nam được tinh phú*.

Tác phẩm :

- *Hồng Nghĩa giác tư y thư* (nguyên là Thập tam phuơng gia giam).
- *Nam được thần hiệu.* (2)
- *Thiền tông khóa hưu lục* (diễn nôm).

(1) Về tiêu sử Nguyễn Bá Tĩnh hiện nay có chỗ còn phải tìm hiểu thêm : theo Trần Văn Giáp; *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập I ; Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970; trang 394 — 395 thì ông (Nguyễn Quốc Tĩnh, người ở Ông Mặc, Bắc Ninh) sống vào đời Lê Dụ Tông (1705—1731) ; song theo Lê Trần Đức ; *Tuệ Tĩnh và nền y dược cổ truyền Việt Nam* ; nhà xuất bản y học, Hà Nội, 1975 thì Nguyễn Bá Tĩnh sống vào đời Trần Dụ Tông (1341—1369). Trong khi chờ tra cứu thêm, chúng tôi tạm theo thuyết Lê Trần Đức, xem Nguyễn Bá Tĩnh, tức Tuệ Tĩnh là một tác giả đời Trần.

(2) Những tác phẩm *Hồng Nghĩa giác tư y thư* và *Nam được thần hiệu* nói trên không có tựa của Tuệ Tĩnh. Nội dung đã được người đời sau sửa chữa và thêm vào nhiều (xem *Tuệ Tĩnh và nền y dược cổ truyền Việt Nam*, trang 22, 23, 26, 27).

367

蓮 子

LIÊN TỬ (1)

蓮	子	名	呼	號	訖	蓮,
首	平	無	毒	可	延	年。
補	中	益	氣	安	心	胃,
止	病	收	精	解	熱	煩。

Liên tử danh hô hiệu hột sen,
 Cam bình vô độc khả diên niên.
 Bồ trung ích khí, an tâm vị,
 Chỉ ly, thu tinh, giải nhiệt phiền.

DỊCH NGHĨA :

HẠT SEN

Liên tử tên thường gọi là hạt sen,
 Ngọt, bình, không độc, ăn vào sống lâu.
 Bồ tỳ, an thần, dưỡng vị, thêm khí lực,
 Chữa bệnh ly, di mộng tinh, giải phiền nhiệt.

DỊCH THƠ :

*Liên tử tên thường gọi hạt sen,
 Ngọt bình không độc, sống lâu thêm.
 Bồ trung mạnh khí, yên tâm vị,
 Ngừng ly, giữ tinh, giải nóng phiền.*

LÊ TRẦN ĐỨC

CHÚ THÍCH :

(1) Bài thơ này cũng như ba bài thơ sau, đều rút từ Nam được thần hiệu quyền đầu. Đầu đề các bài thơ đều do chúng tôi thêm.

368

麥門

麥	門	冬	矩	櫟	鬱	仙	,	
氣		味	甘	平	解	熱	煩	.
渴		肺	清	心	安	臟	腑	,
補		勞	止	嗽	療	狂	癲	.

MẠCH MÔN

Mạch môn đông củ khóm Tóc tiên,
Khí vị cam bình, giải nhiệt phiền.
Tả phế thanh tâm, yên tạng phủ,
Bồ lao, chỉ thấu, liệu cuồng điên.

DỊCH NGHĨA :

MẠCH MÔN

Mạch môn đông gọi củ Tóc tiên (1),
Vị ngọt khi bình giải nhiệt phiền.
Mát phổi, đều tim (2), yên tạng phủ (3),
Khỏi ho, bồ dưỡng, chữa cuồng điên.

CHÚ THÍCH :

- (1) Lá nhỏ dài, dày đặc, xanh mượt, hoa cao vót hình trâm, nên ta gọi là cây Tóc tiên. Mạch môn đông là loại lá to, củ trắng. Miền Nam gọi là Cỏ Lan (*Ophiopogon Spicatus* Hook.)
- (2) Điều hòa nhịp tim khỏi hồi hộp, bớt đập nhanh do uất nóng.
- (3) *Nǎm tạng* : Tâm (tim), Can (gan), Tỳ (lách), Phế (phổi), Thận (quả cật).
Sáu phủ : Ruột non, Mật, Dạ dày, Ruột già, Bong bóng, Tam tiêu (màng nước và cơ năng khí hóa).

369

米醋

米	醋	名	呼	號	酸	清	,	
苦		無	毒	性	無	溫	行	.
軟		破	塊	收	瘻	傷	蹟	,
療		除	瘡	散	瘡	腫	疔	.

MĒ THỐ

Mē thố danh hô hiệu giảm thanh,
Khô toan vô độc tính ôn hành.
Nhuyễn kiên phá khối thu thương tích,
Liệu huyền trừ sang tán thủng định.

DỊCH NGHĨA :

GIẤM THANH

Mẽ thổ tên thường gọi là giấm thanh,
Vị đắng chua, không độc, tính ấm và chạy (1).
Làm mềm u, tiêu báng, thu nhỏ vết thương.
Chữa hạch, trừ lở loét, tiêu sưng, vỗ nhợt.

DỊCH THƠ :

*Mẽ thổ tên thường gọi giấm thanh,
Đắng chua, tính chạy ấm mà lành.
Mềm u, tán kết, liền thương tích,
Tan hạch, tiêu sưng, lở, nhợt đinh.*

LÊ TRẦN ĐỨC

CHÚ THÍCH :

(1) Làm cho khí chạy, máu khỏi ngưng tụ, các chỗ sưng tấy, u hạch, tích khối được mềm dần và tiêu tan.

370

麋 角

MY GIÁC

麋 角 俗 名 意 麋
熱 甘 無 毒 大 滋 懷。
補 陽 益 氣 添 精 髓,
去 痘 除 風 氣 痛 瘀。

My giác tục danh ấy sừng nai,
Nhiệt cam vô độc, đại tu hoài.
Bổ dương ích khí, thiêm tinh túy,
Khử tý trừ phong, khí thũng sai.

DỊCH NGHĨA :

SƯNG NAI

My giác thường ta gọi là gạc nai,
 Vị ngọt khi nóng, không độc, bồi dưỡng tốt.
 Mạnh dương (1) tăng khí lực, thêm tinh, bồi xương tủy,
 Chữa khỏi bệnh phong thấp, té mỏi đau nhức.

DỊCH THO' :

* *My giác người ta gọi gạc nai,*
Tinh lạnh, nóng ngọt, bồi nhiều thay.
Mạnh dương (1) ích khí, thêm tinh tủy
Phong thấp (2) đau té chữa khỏi ngay.

LÊ TRẦN ĐỨC

CHÚ THÍCH :

- (1) Thêm sức nóng, thè nồng và tinh thần.
 (2) Bệnh té thấp đau nhức khớp xương.

371

蜂 蜜

蜂 蜜 呼 名 寔 蜜 蟠 ,
 甘 平 無 毒 補 調 中 。
 輕 身 強 志 除 風 瘴 ,
 止 痛 祛 虫 大 有 功 。

PHONG MẬT

Phong mật hô danh thực mật ong,
 Cam bình, vô độc, bồi, điều trung.
 Khinh thân cường chí, trừ phong giản,
 Chỉ thống, khu trùng, đại hữu công.

DỊCH NGHĨA :

MẬT ONG

Phong mật tên thường chính là mật ong,
 Vị ngọt khi bình, không độc, bồi và điều hòa tỳ vị.
 Làm cho người nhẹ nhõm, chí mạnh mẽ, trừ bệnh kinh giản (1)
 Có công năng sát trùng và giảm đau rất tốt.

DỊCH THƠ :

Phong mật tên thường gọi mật ong,
 Ngot, bình, không độc, bồ, hòa trung.
 Nhẹ mình, mạnh chí, trừ phong giản⁽¹⁾,
 Tăng sức ngừng đau lại diệt trùng.

LÊ TRẦN ĐỨC

CHÚ THÍCH :

(1) Bệnh kinh giãn khi lên cơn thì sặc đờm, cứng gáy, trợn mắt, ngã ngất không tỉnh (bệnh thần kinh). Epilepsie?

372

南藥國語賦(摘)

軫害餾：

屬生幾性，物化閒類。
 堆氣陰陽轉運，罰務寒暑往來。
 导召氣中和，因課感傷侈沛，
 束隊方加減，用時實效拯差。

妝初：

盤古化鍼，神農唸別。
 義達固佐使君臣，性察別溫涼寒熱。
 傷民天札，先聖它劄底圖經，
 痾道養生，後學舍尋尼妙訣。
 碎先師散道先師，撲南越助导南越。

意軫：

樓啼捕名浪牛奶奶駁號沃馬鞭。
 矩荒浪王瓜土瓜，石從根意薜羅磚，
 果穢浪稻米襦米，自龍皮寶補朱邊。
 草三棱羅榦余蘂，山三賴羅矩地連。
 鳥扇射干，燭人掌羅榦鬼扇，

。蓮
萱樓，。象車莞，。黃黃擣延，。
櫟，。羃供天，。浪沃蘿路錢，。羆毛蕘，。傳瀝丹，。
矩毒六諸名號，。莓截連羅籠，。勑明荆牡，。
羅房藍典，。獮馭葉浪沃脂毛黛，。黃洪補草，。
蓮，。祔感模，。蹄藍名號，。救黃青菊，。祔祔，。
男，。吻共樓，。紇吳牒戶紇，。花烛卜宜，。
竹，。綾鴻，。枯瀝，。宜，。
，。檼檀水，。棱角奇，。悶披沼客，。瘦氣，。
葱精自況法，。浣澣精藥括，。哿載壽風，。結，。
鹿剝香，。香路穆，。乾黃白矩豆，。曼延助除，。
草茹意尼羅，。羅庾矩矩，。羅夢丸轍，。咍咍，。
萱竹香，。香藤根，。根羅參卷，。根翦瀝皮，。
檀水練，。寒藍薑草人，。萱筍菊荆丹，。
自沉苦山板，。山剪南大地花，。黃牡

朱 始

物輶樞，調仍，東伶，導閟，連代，調書，壽選，壽選。
輶軒，根堦，乘固，固藍，技用，書藥，堂圓，堂圓。
轡茹，幾冰，便上，上油，方別，藥油，所固，所固。
准奔，撞特，欺上，上工，獨聖，妙手，安生，安生。
包乙，休休，別羅，羅馬，德聖，逸馬，逸路，逸路。
吏始，助洛，助羅，羅德，德聖，無逸，無賦，賦。
感恩，柴傳，不憇，如俸，俸士，希劄，劄幾，幾賦。
士賔，子群，希劄，劄論，論南，藥南，賦。

NAM DU QUỐC QUỐC NGŨ PHÚ (1) (trich)

Chỉn (2) khéo thiêng:

Trời sinh một tính ; vật hóa muôn loài.

Đôi khi âm dương chuyển vận; bốn mùa hanh thủ vẫn lai (3).

Người chịu khí trung hòa, nhận thuốc cảm thương xầy phải (4); thuốc đỏi phương gia giảm, dùng thì thực hiệu chẳng sai.

Nhớ xưa :

Bàn cỗ hóa nén; Thần Nông ném biết (5).

Nghĩa đặt có tá sứ quản thần (6); tinh xét biết ôn lương hàn nhiệt (7).

Thương dân yêu trát (8), tiên thánh đà chép đề đồ kinh (9); vui đạo dưỡng sinh, hậu học sá tim nơi diệu quyết (10).

Tôi tiên sư kinh đạo tiên sư (11); thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt

Ấy chín :

Cây Vú bò danh rắng Ngưu nãi; cổ Vọt ngựa hiệu rày Mã tiên.

Củ lăng rắng Vương qua, Thổ qua, Thạch tùng căn ấy Tỏi la đá; Gạo nếp rắng Đạo mẽ, Nhu mẽ, Bạch long bì thực vỏ Chu biển.

Thảo Tam lăng là cây Dừa nước; Sơn tam lại (nại) là củ Địa liền.

Ô phiến, Xạ can, Tiên nhân chưởng là cây Quỳ phiến; Huyền thảo, Lộc thông, Nghi nam thảo là củ cây Huyền.

Trúc nhụ : cạo tinh cây trúc; Liên phòng ; hái giuong cây sen.

Bạch đàn hương ấy hương Bạch đàn, vẫn lấy làm lục cúng (12); Trầm thủy hương này hương Trầm thủy (13) cũng cảm đến chư thiên (14).

Khô luyện đằng là Lô (tầm) bóp rừng, cây Mía voi danh rắng Tượng già; Sơn hải căn là cây Chàm núi, hột Vó ngựa hiệu rày Xa tiền,

Bản lam căn, rù rẽ Chàm cả; Ngô lam diệp, hái lá Chàm đen. Sơn khương là củ Hoàng tĩnh, dày Mỏ danh rắng Tiết lộ; Tiên thảo là củ Bạch dược (15), Má họ hiệu rày Liên tiền,

Nam nhân sâm là củ Quát (cát) muộn; hạt Cửu chi là trái Hoàng nàn. Đại đậu quyền; mồng Đậu cá phơi khô, Hoàng mao : lông mao vàng chói; Địa duẩn căn ; rễ Mần tươi rửa sạch, Thanh đại : bột Chàm xanh đen.

Hoa cúc trắng rước Diên thọ khách; hoa cúc vàng mừng Phó Diên niên (16).

Hoàng kinh lịch hay chữa phong đờm, đốt lấy nước Kinh lịch; Mẫu đơn bì hay trừ kết khí, bóc lấy vỏ Mẫu đơn.

Cho hay :

Vật trước mặt đều những thuốc lành; người trên đời đều lên cõi thọ.

Trước hiên ba căn lều, muốn che có thư đường (17); Sau nhà một thỏi đất, thừa dùng làm dược phổ (18).

Chốn vun trồng được toại thỉa nén ; khi phuong tiện mặc dầu thỉa cỏ.

Đã át thấy dùng thấy hiệu, biết mặt thương công (19) ; lại hay chữa nước chửa dân, ra tay diệu thủ (20).

Cảm ơn thầy truyền bá từ phuong (21), nhờ đức thánh mồ an sinh lộ (22).

Sai nay Tráng Tử còn hơi vụng, Võ Đạt (23) họa khi rời. Luận Nam được chép làm một phú.

LÊ TRẦN ĐỨC

CHÚ THÍCH :

- (1) *Nam dược quốc ngữ phú* : Bài phú thuộc Nam bằng chữ Nôm đã được Đat sĩ tự Pháp Thạnh chỉnh lý sửa chữa. Bài này có trong tập *Hồng Nghĩa giác tư y thư*, Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu : AB.288. Bài phú dài, kể nhiều tên thuốc Nam, ở đây chúng tôi chỉ trích một số đoạn:
- (2) *Chỉn* : Thật.
- (3) *Hàn thủ vãng lai* : Lạnh nắng đổi thay.
- (4) *Nhán thuở cảm thương xẩy phải* : Gặp lúc bị bệnh xảy ra.
- (5) *Bàn cỗ* : Tương truyền là người đầu tiên của loài người. *Bàn cỗ hóa nén* : Bàn cỗ sinh ra. *Thần Nông* : đời vua Thần Nông ở Trung Quốc (2.880 — 2.698 trước Công nguyên). *Thần Nông nếm biết* : Tương truyền vua Thần Nông đã nếm cỏ cây để phân biệt tính chất của các vị thuốc (Trung Quốc y học sử).
- (6) *Tá sứ quán thần* : Chỉ tầm quan trọng từng vị thuốc trong một phuong thuốc, cũng ví như vị trí vua, tông... trong triều đình.
- (7) *Ôn, lương, hàn, nhiệt* : Ấm, mát, lạnh, nóng.
- (8) *Yễn Trát* : Chết non, chết dịch.
- (9) *Đồ kinh* : Sách thuốc có hình vẽ. đời Tống có sách *Bản thảo đồ kinh diễn nghĩa* của Hứa Hồng.
- (10) *Hậu học sá tim nơi diệu quyết* : Kể hậu học phải tìm cho được những chỗ giản tiện thần diệu.
- (11) *Tôi tiền sư kinh đạo tiên sư* : Học thầy phải kinh đạo thầy.
- (12) *Lục cúng* : Sáu thứ dùng để cúng lễ : hương, hoa, dặng, trà, quả, thực. Bạch đàn là nguyên liệu dùng làm hương.
- (13) *Trầm thủy* : Gỗ Trầm hương bỏ vào trong nước thì chìm.
- (14) *Chư thiên* : Các phuong trời. Trầm hương là loại hương tốt, khói bốc thẳng, dùng trong cúng lễ. Người xưa cho rằng khói trầm hương thấu đến các phuong trời.
- (15) *Bạch dược* : Một loại củ dùng để đắp vết thương, cho nên tác giả cũng gọi là «Tiễn thảo» (cỏ chữa vết thương đứt).
- (16) *Diên thọ khách* : Người khách sống lâu. Hoa cúc trắng được coi như vị thuốc có khả năng kéo dài tuổi thọ. *Phó Diên niên* : Hoa cúc vàng cũng có tác dụng làm cho người ta được sống lâu (chống các bệnh phong ở đầu và làm tổ tai sáng mắt, khôi hoa mắt chóng mặt...). Nó có biệt danh là Phó Công hay Diên niên, bởi vậy cũng gọi là Phó Diên niên.
- (17) *Thư đường* : phòng sách.

- (18) *Dược phổ* : Vườn trồng cây thuốc.
 (19) *Thượng công* : Thầy giỏi hay thợ khéo.
 (20) *Diệu thủ* : Cao tay.
 (21) *Bất tử phuơng* : Phuơng thuốc trường sinh bất tử, sống lâu mãi mãi.
 (22) *An sinh lộ* : Đường sống lâu mạnh khỏe.
 (23) *Tráng tử* : Tráng Tử cũng đọc là Công Tử, người ngày đại cương trực.
 (24) *Vô dật* : Không ở rồi, ần dật.
Tráng Tử vô dật là biệt hiệu của Nguyễn Bá Tĩnh.

373

直解指南藥性賦(摘)

欲惠生民；先尋聖藥。
 天書粵定南邦；土產有殊北國。

其或：義辨君臣，味分佐使。
 獐皮堪治腸風，鼠糞可人。醫事多男；
 忘憂萱草，婦翁常帶。房產女；
 強陽蛇床，老翁常服。當門；
 海藻氣壅，偏冷半夏。南薯通星；
 蝶根可除聲嘶，補腎何更？薯蕷通瘡；
 去滯牡丹，止咳便通。木通星；
 胡椒子，調氣止咳。水星；
 青蕉入土，龍丹急除。疾暑；
 白扁豆，和中快樂。天加；
 紫蘇子，治風利腸。亦宜；
 塗睡先藍葉水調，洗痔急槐花湯。煮。

噫：物類雖繁；根苗有異。
 集諸良藥，大果驗度；
 味一粒靈丹，佛仙真世。

人人陶壽域仁臺；處處圓春風和氣。

但見：

措生民衽席，奠國勢泰磐；
斯不負南天廣惠。

PHIÊN ÂM :

TRỰC GIẢI CHỈ NAM DƯỢC TÍNH PHỦ (trích)

Dục huệ sinh dân ; tiên tầm thánh dược.

Thiên thư việt định Nam bang ; thô sản hữu thù Bắc quốc.

Kỳ hoặc :

Nghĩa biện quân thần ; vị phân tá sứ.

Vị bì kham trị tràng phong ; thủ phân khả y phòng sự.

Vong ưu hè Huyền thảo, phụ nhân dài thường sản đà nam ;
cường dương hè Xà sàng, lão ông phục khả đương thập nǚ.

Hải tảo trừ nang hạ khí thiên ; *Trạch lan* trị âm môn huyết ứ.

Điệp cẩn khả xuất thanh chỉ khái, hà thù *Bán hạ*, *Nam tinh* ? *ngẫu thực*
năng ich khi bồ hư, cánh hữu *Hồ ma*, *thư dự*.

Khử trệ huyết : *Mẫu đơn*, *Đào nhán* ; thanh tiện thủy : *Mộc thông*, *Mao nhụ*.

Hồ tiêu tử điêu *Kê noãn*, cấp chỉ linh đàm ; *Thanh tiêu* thụ nhập *Thổ long*, tօc trừ nhiệt thử.

Thuận sinh sản hè thủ *Ô long* ; Chủ khoái lạc hè gia *Thiên thủ*.

Bạch biến đậu hòa trung hạ khí, chỉ tả diệc nghi ; *Tử tô* tử trị tướng tiêu
phong, lợi tràng kham hứa.

Đồ thũng, tiên *Lam diệp* thủy điêu ; tẩy trĩ, cấp *Hèo hoa* thang chử.

Ý :

Vật loại tuy phòn ; căn miêu hữu dị.

Tập chư phương lương dược, đại thùy phật thủ tế dàn ; vị nhất lạp linh
đan, quả nghiệm tiên chân độ thế.

Nhân dàn đào thọ vực nhân dài ; xứ xứ hựu xuân phong hòa khí.

Đỗn kiến :

Thổ sinh dân nhãm tịch, điện quốc thề thái bàn.

Tư bất phụ Nam thiên quảng huệ !

DỊCH NGHĨA :

PHÚ CHỈ DẪN TÍNH NẮNG CÁC VỊ THUỐC NAM (1)
(trích)

Muốn giúp nhân dân, trước tìm vị thuốc.

Sách trời đã định cõi nước Nam ; thồ sản cũng khác nhiều phuong Bắc.

Hoặc là :

Nghĩa rõ quân thần ; vị chia tá sứ (2).

Vị bì (3) ngừng hạ huyết tràng phong (3), thủ phân (4) giải phạm phòng mệt lử.

Quên lo ấy *Huyên thảo* (5), phụ nữ đeo thường để lăm con trai ; mạnh dương ấy *Xà sàng* (6), ông già uống súc đương mười thanh nữ.

Hải tảo (7) chữa hòn dài lệch sa ; *Thạch lan* (8) trị cửa mình huyết ứ.

Rẽ *Bướm bướm* ngừng hô, rõ tiếng, sao khác *Cù chóc*, *Nam tinh* (9) ? *Hạt sen* già ích khí, bô hư, còn có *Hạt vừng*, *Thịt dưa* (10).

Tiêu huyết trệ : *Mẫu đơn*, *Đào nhân* ; lợi tiêu nhanh : *Mộc thông*, *Mạo nhụ* (11).

Hạt tiêu gia vị *Trứng gà*, mau khoi lạnh đờm ; *Giun đất* hòa nước cây chuối, chóng trừ nắng lử.

Muốn sinh đẻ dễ : lấy *Ô long* (12) ; đưọc khoái lạc thêm : ăn *Thiên thủ* (13).

Bạch biến đậu hòa trung hạ khí, ngừng tả cũng hay ; *Tử tò tử* xẹp trường tiêu phong, lợi tràng cũng đỡ.

Nhọt sưng, trước vắt nước lá *Chàm* mà bôi ; mụn trĩ, kíp sắc nước *Hoa hòe* mà rửa.

Ôi !

Vật loại tuy nhiều ; rẽ ngọn có khác.

Góp thuốc nghiêm các phuong, tay phat giúp dân rộng rãi ; Nếm linh đan một hạt, phép tiên cứu bệnh nhiệm mầu.

Ai nấy xây cõi thọ nền nhán ; đồ đây hưởng gió xuân khi mát.

Những thấy :

Đưa nhân dân đến chỗ êm ấm ; đặt thế nước như núi vững bền.

Ấy chẳng quên ơn huệ rộng sâu nơi cõi trời Nam Việt.

LÊ TRẦN ĐỨC, NGUYỄN THANH GIẢN

CHÚ THÍCH :

- (1) Phú chỉ dẫn tinh năng các vị thuốc nam trực giải chỉ nam được tính phú. Bài này có trong tập *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu :AB. 288. bài phú dài, ở đây chỉ trích một số đoạn.
- (2) Các vị thuốc trong một phương thuốc có tác dụng : chính, phụ, tá, sứ khác nhau, ví như vị trí vua, tôi.. trong một triều đình.
- (3) *Vị bì* : Da con nhím, chữa loét đai trùng đi ngoài ra máu.
- (4) *Thứ phần* : Cút chuột.
- (5) *Huyền thảo* : Cây cổ hoa hiên.
- (6) *Xà sàng tử* : Hạt giàn sàng, cũng gọi là cây xà sàng.
- (7) *Hải rảo* : Rong biển, rau câu
- (8) *Trạch lan* : Cây Màn trời.
- (9) *Nam tinh* : Củ chóc chuột.
- (10) *Thụ dỵ* : Củ mài, Hoài sơn.
- (11) *Mao nhự* : Rễ cổ tranh.
- (12) *Ô long vĩ* : Bồ hóng.
- (13) *Thiên thủ* : Con dơi.

TRẦN KÍNH

陳 瞰

(TRẦN DUỆ TÔNG)

陳 睿 宗

(1336 — 1377)

Trần Kính là con thứ 11 của Trần Minh Tông, em Trần Nghệ Tông. Khi Nghệ Tông tránh loạn Dương Nhật Lê, Trần Kính có công, được Nghệ Tông truyền ngôi cho, làm vua 4 năm thì mất.

Tác phẩm : Hiện còn một bài thơ chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và một bài văn tế chép trong *Truyền kỵ tân phả*.

374

赤嘴猴

XÍCH CHỦY HẦU

中 間 唯 有 赤 嘴 猴，
懶 勸 僚 上 白 雜 樓。
日 王 以 定 興 亡 事，
不 在 前 頭 在 後 頭。

Trung gian duy hữu xích chủy hầu,
Ân cần tiếm thượng bạch kê lâu.
Khâu vương dĩ định hưng vong sự,
Bất tại tiền đầu tại hậu đầu.

DỊCH NGHĨA :

HẦU MỒM ĐỎ (¹)

Quảng này chỉ có hầu mõm đỏ (²).

Lăm le ngầm lên lầu gà trắng (³).

Khẩu vương đã định việc còn mất (4),
Chẳng ở trước mà ở về sau.

CHÚ THÍCH :

- (1) Đầu đề bài thơ do chéng tôi đặt. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm Giáp tuất (1394), Trần Nghệ Tông sai sứ vè tranh Chu Công giúp Thành Vương, Hoắc Quang giúp Chiêu Đế, Gia Cát giúp Thục hầu chúa, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông, gọi là tranh *Tứ phu*, ban cho Hồ Quý Ly để khen công trạng. Một đêm Nghệ Tông nằm mơ thấy Duệ Tông đem quân đến và đọc bài thơ trên.
 - (2) *Hầu mõm dỗ*: Chỉ Hồ Quý Ly (chiết tự chữ Quý Ly thành xích chủy; Hồ đồng âm với hồ là con cáo).
 - (3) *Bạch kê*: Chỉ Trần Nghệ Tông (Nghệ Tông tuổi gà).
 - (4) *Khâu vương* là chữ quốc (nước). Ý câu này nói nhà vua tin Hồ Quý Ly là đã định việc mất nước sau này.

375

阮碧珠祭文

孰令難其魂枝隨，善喪合，令理追危。
姪君兮霏痛有連，變爲杳洒呼地歸。
楚園容兮，地如與此玄。國，沓淡鳴兮。
令香玉翰非在，魂哀哉。鬼有鬼飲兮。
心別？文之如，君身時其聯，格兮何覩是飛。
姿不他依然比，所邊璣君兮依所有何朕。
賀恩茫轉其天，魂保玉，茫心，兮兮兮。
令妃海兮爲天狐靈塊湘滄淑之在獨有嗟。
吁戶渭其寶，魂魄兮如如如。今水想兮之。
道況，致何之。

NGUYỄN BÍCH CHÂU TẾ VĂN

Kỳ sở nhiên hè, thị trâm chi phi,
Ô hô thống tai hè, hồn kim hà chi?
Như tại thiên hè, thiên hữu thủ
dực phi,
Như tại địa hè, địa hữu liên lý chi.

Hồn như độc cô hè, hồn hà sở qui?
Hồn như hữu qui hè, dữ trâm truy tùy,
Hồn như hữu linh hè, bảo trâm
biên thùy!
Ai tai hồn hè! ầm thủ huyền chi.

DỊCH NGHĨA :

VĂN TẾ NGUYỄN BÍCH CHÂU (1)

Than ôi hồn chừ! yêu diệu phong ty (tứ),
Chinh lòng vua chừ! nước Sở Phàn ky (cơ) (2).
Giữ đạo vợ chừ! bến Ngu Tương phi (3),
Nhờ vua không quên chừ! vĩnh biệt hương vị (4).
Vì vua thác oan chừ! hồn tan thủy mi (5),
Bề khơi mông mênh chừ! kiếp khác bao thì?
Mặt ngọc xa cách chừ! tài hợp khó kỳ,
Nhờ lại đức tốt chừ! lòng ta y hi,
Xem lại giấy mực chừ! giọt lệ làm li,
Số mệnh đã định chừ! trời kia không vì.
Vì đâu nên nỗi chừ! lỗi trâm khó tý (tử),
Than ôi thương thay! hồn bỏ trâm đi.
Nếu ở trên trời chừ! như chim kia dực phi (6),
Nếu ở dưới đất chừ! như cây liên lý chi (7).
Hồn hiu quạnh chừ! không chốn y qui,
Hồn có thiêng chừ! cùng trâm truy tùy.
Hồn phảng phất chừ! giữ noi biên thùy,
Thương thay hồn chừ! hưởng chén quỳnh chi (8).

NGÔ LẬP CHI

CHÚ THÍCH :

- (1) Đầu đề bài văn tế do chúng tôi đặt. Theo Đoàn Thị Điểm chép trong *Truyền ký tân phả*, khi Trần Duệ Tông nam chinh gấp biển động, ái cơ của Duệ Tông là Nguyễn Bích Châu phải nhảy xuống biển, biến mới yên. Duệ Tông làm bài này để tế nàng.
- (2) *Phản cơ*: Một nàng phi của Sở Trang Vương. Trang Vương ham săn bắn, nàng không ăn thịt cầm thú để can. Trang Vương hối lỗi, từ đó chăm lo chính sự (*Xuân Thu Tả truyện*).
- (3) Vua Nghiêu gả hai con gái cho Thuấn ở Ngu Nhuế. Hai bà nêu được mẫu mực của đạo làm vợ, sau mất hóa làm thần sông Tương, gọi là Tương phi.
- (4) *Hương vị*: Mùi thơm, chỉ chỗ cung phi ở.
- (5) *Thủy mi*: Bến sông.
- (6) *Dực phi*: Chim liền cánh bay. Ý nói vợ chồng không lúc nào rời nhau.
- (7) *Liên lý chi*: Cây liền cành.
- (8) *Quỳnh chi*: Chén ngọc.

NGUYỄN BÍCH CHÂU

阮碧珠

(? - 1377)

Theo truyện *Hải khẩu linh từ* 海口靈祠 trong *Truyền kỳ tân phả* 傳奇新譜 của Đoàn Thị Điểm 段氏點 thì bà Nguyễn Bích Châu 阮碧珠 là ái phi của Trần Duệ Tông 陳睿宗 (1373 — 1377). Hiện chưa rõ bà người ở đâu và sinh năm nào, chỉ biết mất năm theo Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành⁽¹⁾.

Tác phẩm : Còn một bài văn sách và một vài đoạn văn, bài văn, lời nói chép trong *Truyện kỵ tàn phả*.

(1) Theo truyện *Hải khâu linh từ* thì Nguyễn Bích Châu nhảy xuống biển cứu vua và đoàn quân di đánh Chiêm Thành. Về truyện bà, chính sử không chép; song về cái chết của Trần Duệ Tông thì chép rõ. Ở đây chúng tôi tìm năm mất của bà qua cái chết của Duệ Tông chép trong ĐVSHTT (xem thêm chú thích (1) ở bài *Kết minh tháp sách*).

376

雞鳴十策

居治不以蒙眉
戶於不違賜擬
綱常當寶賞敢
桑難，，，
徹道都漸室衣
亂而是而陪之
世曰防椒袞
防私陶愛，虞
須宴臯故門補
治於，是蓬。補
制溺戒。出知
易之急少龍
薪情荒太，於
徙人無長珠荷
突蓋追頽碧疊
曲。無傅妾憐
謂恩：，臣，
竊審以時。幸
安。刃唱於
常是之奇宴

男子，脫姜后之簪珥，願先冠帶庭臣。謹具十條，謬陳一得：

一曰扶國本，苛暴去則人心可安。二曰守舊規，煩擾革則朝綱不紊。三曰抑權倖，以除國蠹。四曰汰冗吏，以省民瘼。五曰願振儒風，使燭火與日月而並焜。六曰願求直諫，會城門與言路而並開。七曰揀兵，當先勇力而左身材。八曰選將，宜後世家而先韜略。九曰器械，貴其堅銳，不必矢花。十曰陣法，教以整齊，何須舞蹈。夫惟數事，甚切時宜。

冒陳芥暴之孤忠，伏翼蕪堯之廣納。善必行而弊必去，帝其念哉！國以治而民以安，妾之願也。

PHIÊN ÂM :

KÊ MINH THẬP SÁCH

Thiết vị: khúc đột tỵ tàn, chế tri tu phòng vị loạn, triệt tang trù hộ, cự an thường thảm tư nguy. Cái nhân tình dì nich ư yến tư, như thế đạo nan thường ư bình trị. Thị dĩ: tiến vô dãi vô hoàng chi giới, Cao Dao tiên thị viết đồ; đương bất huyết bất nhẫn chi thời, Giả Phó dự trường thái túc. Thị cố ái quân nhi phòng tiệm, thực vi chúng dĩ xưởng kỳ. Thần tiên thiếp Bích Châu, thiếu xuất bồng mòn, trưởng bồi tiêu thất. Thường từ hoạch mông ư yến hạnh, quyển liên điệp hạ ư long tri. Bồ Ngu Hậu chi cồn y, cảm nghĩ tu my nam tử; thoát Khương Hậu chi tràm nhĩ, nguyễn tiên quan đới đình thần. Cần cụ thập điều, mậu trần nhất đặc :

Nhất viết phù quốc bản, hà bạo khử tắc nhân tâm khả an. Nhị viết thủ cựu quy, phiền nhiễu cách tắc triều cường bất vẫn. Tam viết ác quyền hành, dĩ trừ quốc đồ. Tứ viết thải những lại, dĩ tinh dân ngư. Ngũ viết nguyễn chấn Nho phong, sứ tước hỏa dữ nhật nguyệt nhi tinh chiêu. Lục viết nguyễn cầu trực gián, hội thành môn dữ ngôn lộ nhi tịnh khai. Thất viết gián binh, đương tiên dũng lực nhi tả thàn tài. Bát viết tuyên tướng, nghi hậu thế gia nhi tiên thao lược. Cửu viết khí giới, qui kỳ kiên nhuệ, bất tất thi hoa. Thập viết trận pháp, giao dĩ chính tề, hà tu vũ đạo. Phù duy sở sự, thậm thiết thời nghi.

Mạo trần cần bộc chí cô trung, phục ký sô nghiêu chí quảng nạp. Thiện tất hành nhi tệ tất khử, để kỷ niệm tai ! Quốc dĩ trị nhi dân dĩ an, thiếp chí nguyễn dã !

DỊCH NGHĨA :

KÊ MINH THẬP SÁCH (1)

Trộm nghĩ : đời cùi khỏi bếp lò (2), phải lo trị trước khi chửa loạn ; lấy đâu rạng cửa tò (3), ở hồi yên phải nghĩ lúc nguy. Vì nhân tình dễ dâm cuộc yên vui, mà thế đạo khó được thường bình trị. Cho nên : Cao Dao (4) trước đà ca ngợi, rồi dâng lời can chở biếng, chở hoang ; Giả Phó (5) từng đã thở dài, ấy chính vào lúc thái bình, thịnh trị. Chính bởi yêu vua mà lo ngăn trước, phải đau khác chúng để khoe tài. Thần thiếp Bích Châu này, lúc nhở sinh nơi nghèo hèn, lớn lên được vào cung cấm. Cuộc yến tiệc thường được on ban, mắt long nhan bao lần soi tới. Vá áo xiêm vua Ngũ (6), dám đâu sánh người nam tử ; trút trảm như bà Khương (7), thiếp xin làm trước đình thần. Kinh dâng mười sách, mong được một điều :

Một là bền gốc nước, bỏ điều tàn bạo thì lòng người được yên. Hai là giữ nếp xưa, bỏ phiền nhiễu thì kỷ cương không rối. Ba là đề kẻ lộng quyền đề trừ một nước. Bốn là thải bọn nhũng lại đề bót hại dân. Năm là mong chấn hưng Nho phong, khiến lửa đuốc sáng soi cùng nhật nguyệt. Sáu là xin cầu lời nói thẳng, đề người người được bàn bạc khắp nơi nơi. Bảy là tuyên quân nên tìm sức mạnh hơn là vóc người. Tám là kén tướng nên trọng thao lược hơn là gia thế. Chín là khí giới, cần bén sắc, chửi đิงng chuộng hoa hòe .Mười là trận pháp, cốt tề chỉnh chửi không cần đẹp mắt. Xét mấy điều ấy, đều rất thiết thời.

Dám dâng lên tấm lòng trung thực, mong nhận cho lời nói quê mùa. Bỏ điều dở mà làm điều hay, xin bệ hạ lượng nghĩ. Nước được trị, dân được yên, thiếp mong lắm vậy ! (8)

TRẦN LÊ SÁNG

CHÚ THÍCH :

- (1) *Kê minh* : gà gáy. Trong *Thi kinh* 詩經 có bài thơ *Kê minh*, nói về người vợ hiền khuyên chồng dậy sớm để lo việc nước. Tác giả bài sách mượn ý ấy để đặt đầu bài, ngữ ý : mười điều khuyên của người vợ hiền.

Bài *Kê minh thập sách* này của Nguyễn Bích Châu thấy trong *Truyền kỳ tân phả* 傳奇新譜 của Đoàn Thị Điểm 纪氏點. Theo sách này, Nguyễn Bích Châu là cung phi của Trần Duệ Tông 順宗 (còn gọi Nguyễn Cơ Bích Châu 阮姬碧珠), người tươi đẹp, giỏi âm nhạc, thạo văn từ, thông minh hết mực. Một lần gặp tiết Trung thu, vua nhìn ánh trăng lấp loáng, gác tia đèn treo, liền rả một vế câu đối : *Thu thiên họa pác quải ngán dặng, nguyệt trung đan quê*, 秋天畫閣掛銀燈, 月守丹桂. (Trời thu gác tia treo đèn bạc, quế đỏ trong trăng); Nguyễn Cơ Bích Châu liền cười, ung dung đối rằng : *Xuân sắc trang dài khai Bảo kinh, thủy đê phủ dung* 春色粧臺開寶鏡, 水底芙蓉 (Sắc xuân dài trang mở gương báu, phủ dung dày nước). Vua hết lời khen ngợi, ban cho nàng một đôi *Ngọc long kim nhì* 玉龍金珥 (hoa tai vàng nạm ngọc hình rồng leo) và đặt tên hiệu cho nàng là Phù Dung 芙蓉.

Lúc bấy giờ, chính sự trong nước đã nát, nàng liền thảo *Kê minh thập sách* dâng vua Trần Duệ Tông. Bài sách dâng lên được vua vui thích, ngài đáp vào cái phách nói : «Không ngờ một người đàn bà lại thông tuệ đến thế ! Thật là một Tử phi (vợ Đường

Thái Tông) ở trong cung của trẫm vậy! » Nhưng vua không sửa chính sự theo lời khuyên của tác giả *Kế minh thập sách*. Hơn thế, lên ngôi được bốn năm, Trần Duệ Tông lại muốn đem quân đi đánh Chiêm Thành. Nhiều người khuyên can, song vua không nghe. Nguyễn Bích Châu biết vua không chịu nghe lời nói thẳng, bèn làm một bài *bieu dhang* lên. Bài *bieu* viết : « Thiếp trộm nghĩ, rợ Hiển Doanh ngang tàng quá lầm, từ trước quen thân ; rợ Hung Nô kiệt hiệt gớm ghê, đến nay càng tệ. Vì ciớp bóc là cái thói thường của man di mà dùng binh không phải bản tâm của vương giả. Nhỏ xiu kia Chiêm Thành, ở mé nơi hải đảo. Năm xưa kéo quân vào Nhị Thủy, nhòm thấy nước ta bất hòa, khi ấy tiếng trống động ngoài biển, chỉ vì lòng dân chưa yên. Cho nên chúng dám tung đòn ruồi nhặng múa ngoài bãi cỏ, có khác nào do càng bộ ngựa ngăn bánh xe. Nhưng thành nhân rộng lượng bao dung, không thèm cùng với chó dê so sánh. Việc trị đạo, trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn ; trị cái rắn nên dùng cái mềm, phục rợ xá cốt lấy đức. Vua đời Ngu (Thuấn) chỉ múa nhạc, mà bảy tuần (70 ngày) giặc Hữu Miêu đến hàng ; vua nhà Hạ (Vũ) chỉ gày dàn, chẵn một tháng rợ Hồ qui phục. Đó là thượng sách, xin xét đoán cho mình ». Bài *bieu dhang* lén không được vua nghe. Nàng buồn rầu nói : « Nghĩa là vua tôi, он là vợ chồng, đã không giỏi can ngăn để giữ nền bình trị, lại không biết khéo lời để ngăn lòng hiếu chiến, thật là sống thừa trong cõi trời đất vậy ». Từ đó nàng ăn ngủ không yên, bỏ cả trang điểm. Đến lúc Trần Duệ Tông duyệt binh « chính phạt » Chiêm Thành, nàng Bích Châu nài vua xin đi theo quân đội, được chuẩn y. Quân đi đến cửa bờ Kỳ Hoa (Kỳ Anh, Nghệ Tĩnh), bỗng nhiên biển nổi gió to sóng lớn, thần biển hiện lên đòi nhà vua gả cho một cung phi làm vợ. Nhà vua chưa biết tính sao ; nàng liền gặp vua xin hy sinh cho thần biển và khuyên vua : « ... Sau khi thiếp chết, xin bệ hạ sửa văn, nghỉ vũ, tìm dùng người hiền, làm điều nhân nghĩa, nghỉ chước lâu dài cho nhà nước... ». Nói xong liền nhảy xuống biển, biến lại yên, sóng lại lặng. Nhà vua cho quân tiến sâu vào động Ý Mang đất Chiêm, trúng mưu của Bà Ma, tướng của Chế Bồng Nga, quân tan, vua chết.

Về cái chết của Trần Duệ Tông, *Truyền kỳ tân phả* chép gần đúng với chính sử. Sách ĐVS KTT cũng chép : « Năm Đinh Ty (1377), mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đại quân (Trần Duệ Tông) đi đến cầu đá ở cửa biển Thi Nại, đóng lại ở động Ý Mang. Bồng Nga dựng trại ở ngoài thành Chà Bàn, sai viên quan nhỏ là Thu Bà Ma giả đầu hàng... Quân (vua) bèn nối gót nhau như xâu cá, trước và sau cách nhau xa. Quân giặc thừa thế xông ra đánh chặn. Độ một giờ thì quan quân tan vỡ, vua bị hãm trong trận mà băng ». Về Nguyễn Bích Châu, chính sử không chép. Ở đây, chúng tôi nhắc lại chuyện lụt lùn truyền về người phụ nữ thông minh, yêu nước, thương dân này; đồng thời sưu tầm một bài văn và một vài đoạn văn, lời nói của bà để bạn đọc tham khảo thêm.

- (2) Ý nói muốn khỏi hỏa hoạn thì trước hết phải lo dời củi ra xa cửa bếp lò. *Truyện Hoắc Quang* trong *Hán thư* chép : « Có người khách qua nhà một người, thấy cạnh bếp lò có đống củi. Người khách khuyên chủ nhà dời củi để tránh hỏa hoạn. Chủ nhà im không nói gì, sau bị cháy nhà ».
- (3) *Thơ Chi hiền 支賢* trong *Thi kinh 詩經* là bài mượn lời chửi để nói rằng : trước khi trời chưa mưa, hãy lấy rễ dâu chằng cửa sổ cho chắc chắn.
- (4) *Cao Dao* : hầy tôi vua Thuấn 鮑 , ông có làm bài *Cao Dao mò 高陶謨* khuyên vua không nên chơi bài, lười biếng.
- (5) *Giả Phó* : tức *Giả Nghị 賈誼*, hầy tôi Hán Văn Đế 漢文帝, ông có dâng vua bài *Trị an sách 安策*.
- (6) Chưa rõ xuất xứ.
- (7) Khương Hậu vợ Chu Tuyên Vương 周宣王 là người hiền đức. Tuyên Vương ngủ dậy muộn không kịp ngự triều, Khương Hậu rút bỏ trâm, vòng đeo tay lồng khuyên can, từ đó nhà vua chuyên cần chính sự.

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

嶺南摭怪

Lĩnh Nam 嶺南 chỉ miền đất ở phía nam Ngũ Lĩnh 五嶺 (1), nơi phát tích và sinh tụ của người Việt cổ xưa. *Chích quái* 掠怪, nhặt nhạnh những chuyện lạ, chuyện «bất bình thường» tới mức ngòi bút chính sử đã lảng tránh không ghi chép. Hiểu một cách chung nhất, *Lĩnh Nam chích quái* là tập sách bao gồm những câu chuyện dã sử có tinh chất dân gian sưu tầm được trên đất nước ta, «không đợi khắc vào đá, chạm vào gỗ mà đã gắn ghì trong lòng dân, bia truyền nơi miệng người, từ em bé đầu xanh đến cụ già tóc bạc đều ham thích» (2).

Người soạn thảo ra các truyện về sau được đưa vào *Lĩnh Nam chích quái*, theo Vũ Quỳnh 武珠 (3), là những bậc «tài cao học rộng» đời Lý Trần, và kẻ nhuận sắc tác phẩm này là các vị «bác nhã hiếu cỗ» đời Lê (4). Vũ Quỳnh không kể tên người soạn thảo; nhưng chúng ta có thể nghĩ tới Lý Tế Xuyên 李濟川 (5), tác giả *Việt điện u linh* 越甸幽靈 đã đóng góp cho *Lĩnh Nam chích quái* thời Vũ Quỳnh chí ít là bốn truyện: *Lý Ông Trọng*, *Tản Viên*, *Long Nhãn* — *Như Nguyệt*, *Tô Lịch*. Hoặc có thể nghĩ tới Hồ Tông Thốc 胡宋鶴 (6), tác giả *Việt Nam thế chí* 越南世志, đã ghi chép nhiều sự tích «quái kỳ, lờ mờ khó xét» (7) từ đời Hồng Bang cho đến hết đời Triệu, cùng một nội dung, tinh chất và thời điểm với phần lớn truyện chép trong *Lĩnh Nam chích quái*. Vũ Quỳnh cũng không nêu rõ tên người nhuận sắc, nhưng Đặng Minh Khiêm 鄭鳴謙 (8), Vũ Phượng Đề 武方堤 (9), Lê Quý Đôn 黎貴惇 (10) đều nói tới một Trần Thế Pháp 陳世法 (11) sống đồng thời hoặc trước Vũ Quỳnh, đã soạn lại, đứng ra là tập hợp và viết lại một số truyện dân gian nằm rải rác trong các sách cổ, làm thành cuốn *Lĩnh Nam chích quái lục* 嶺南摭怪錄.

Trên cơ sở tư liệu của những người đi trước, Vũ Quỳnh đã làm ra sách *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* 嶺南摭怪列傳 gồm hai quyển, 22 truyện, và một bài tựa đề năm Hồng Đức thứ XXIII, tức 1492. Các truyện được Vũ Quỳnh sắp xếp theo trình tự như sau: *Hồng Bang*, *Dạ Thoa*, *Bạch Trì*, *Kim Quy*, *Tân Lang*, *Tây Qua*, *Chưng Bình*, *Hà Ô Lôi*, *Đông Thiên Vương*, *Lý Ông Trọng*, *Nhất Dạ Trạch*, *Việt Tỉnh*, *Tử Đạo Hạnh* — *Nguyễn Minh Không*, *Đương Không Lộ*, *Nguyễn Giác Hải*, *Ngư Tinh*, *Hồ Tinh*, *Long Nhãn* — *Như Nguyệt* (hoặc *Nhi Trung*), *Tản Viên*, *Nam Chiếu*, *Man Nương* — *Tô Lịch* và *Mộc Tinh*.

Khoảng một năm sau khi *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* của Vũ Quỳnh ra đời, Kiều Phú 喬富 (12) cũng hoàn thành một bản *Lĩnh Nam chích quái* khác, với số truyện tương đương, và một bài tựa (13). Kiều Phú đã sắp xếp các truyện trong công trình sưu tập của mình theo một trật tự không giống với *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*: *Hồng Bàng*, *Nam Chiếu*, *Tô Lịch*, *Kim Quy*, *Ngũ Tinh*, *Hồ Tinh*, *Mộc Tinh*, *Chưng Bình*, *Long Nhã* — *Như Nguyệt*, *Bạch Trì*, *Đông Thiên Vương*, *Lý Ông Trọng*, *Tây Qua*, *Tản Lang*, *Nhất Dạ Trạch*, *Việt Tỉnh*, *Hà Ô Lôi*, *Dạ Thoa*, *Tản Viên*, *Man Nương*, *Tử Đạo Hạnh* — *Nguyễn Minh Không* và *Dương Không Lộ* — *Nguyễn Giác Hải*.

Đến giữa thế kỷ XVI, Đoàn Vĩnh Phúc 銳永福 (14) đã chép thêm vào cuối bản *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* của Vũ Quỳnh một số truyện nữa, gọi là « loại tục », và viết một bài bạt nói rõ lý do bổ sung của mình. Ở đây họ Đoàn cho biết tác phẩm Vũ Quỳnh « kết thúc bằng truyện *Dạ Thoa* », nhưng điều này không lấy gì làm chắc, vì không phù hợp với thứ tự các truyện đã nêu trong bài tựa *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*.

Sang thế kỷ XVIII, Vũ Khâm Lan 武欽麟 lại làm cái công việc mà trước đó Đoàn Vĩnh Phúc đã làm: « tục bồ » cho *Lĩnh Nam chích quái*. Rồi cứ cái dà ấy, cuốn sách có xu hướng trở nên một « tập đại thành » về chuyện dân gian cõi, do nhiều tay bút hữu danh hoặc vô danh ở các thế kỷ tiếp sau « tục bồ », « tục biên », « tiếm định »...

Cho đến nay, chúng ta có tất cả 11 bản *Lĩnh Nam chích quái*, trong đó 10 bản là của Thư viện Khoa học xã hội, mang các ký hiệu A.33 ; A.750 của Nguyễn Hữu Kinh ; A.750 của Pa-ri (Paris) ; A.12000 ; A.1752 ; A.2107 ; A.2914 VHv.1266 ; VHv. 1473 ; VbN.178 (Phòng đọc hạn chế) ; và một bản là của Viện sử học, mang ký hiệu HV.486. Mỗi bản trưng một bộ diện riêng, là kết quả của việc sửa chữa, thêm bớt, xáo trộn một cách hết sức tùy tiện của nhiều người qua nhiều đời, bởi quan niệm « văn chương công khì ». Duy phần đầu của các bản Hv.486 ; VHv.1473 ; A.2944 (đều thuộc loại bản do Đoàn Vĩnh Phúc sao chép và có phụ thêm phần « loại tục ») là còn có khả năng gần với nguyên tác của người đời Trần nhất. Vì vậy chúng tôi đã chọn cả ba làm chỗ dựa trong khi uyển dịch các truyện bên dưới mà chúng tôi cho là trong đối tiêu biểu về phương diện văn học của *Lĩnh Nam chích quái*. Bản Hv.486 gọi là *Lĩnh Nam chích quái I* (viết tắt LNCQ1) ; bản VHv.1473 gọi là *Lĩnh Nam chích quái II* (viết tắt LNCQ2) ; và bản A.2914 gọi là *Lĩnh Nam chích quái III* (viết tắt LNCQ3). Trong việc khảo dị, chúng tôi không lấy một bản nào làm chính, mà chỉ căn nhắc giữa ba bản, chỗ nào ít sai sót và cảm thấy gần với văn phong đời Trần hơn cả thì theo.

(1) *Ngũ Linh*: năm dải núi ở Hoa Nam.

(2) Xem lời Tựa *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* của Vũ Quỳnh (Thư viện Khoa học xã hội ; ký hiệu A.750 ; bản Nguyễn Hữu Kinh).

- (3) Vũ Quỳnh (1452-1516) : tự Thủ Phác 守樸, hiệu Trạch Ô 澤鳩, người làng Mộ Trạch 慕澤, huyện Đường An 唐安 nay là Bình Giang tỉnh Hải Hưng; đỗ Hoàng giáp năm 1478; làm quan đến chức Thượng thư bộ Công, bộ Lễ, bộ Bình, kiêm Quốc tử giám tư nghiệp, Sứ quán tông tài. Ngoài việc chỉnh lý và hiệu định *Lĩnh Nam chích quái*, ông còn soạn bộ *Việt giám thông khảo* 越鑑通考 và cuốn *Đại thành toán pháp* 大成算法.
- (4) Xem lời Tựa sách *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* của Vũ Quỳnh.
- (5) Lý Tế Xuyên: quê quán, năm sinh, năm mất đều chưa rõ. Qua lời tựa viết ở cuốn *Việt diện u linh* năm 1329, ta biết ông từng giữ các chức Thủ đại tang, Thủ hỏa chính chưởng, Trung phẩm phụng ngự, An tiêm lô, Chuyển vận sứ dưới triều nhà Trần.
- (6) Hồ Tông Thốc. Xem tiểu sử ở trang 67
- (7) Xem lời Tựa sách *Việt Nam thế chí*. Bài tựa này có nhiều nét giống với bài *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* tựa của Vũ Quỳnh.
- (8) Đặng Minh Khiêm: tự Trinh Dụ 貞譽, hiệu Thoát Hiên 脫軒 người huyện Can Lộc 千祿, tỉnh Hà Tĩnh 河靜; sau dời đến ở Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Trong lời tựa sách *Việt giám vịnh sử thi tập* 越鑑詠史詩集 Đặng Minh Khiêm cho biết vào năm Hồng Thuận (1509-1516), ông có thấy một cuốn *Lĩnh Nam chích quái lục* của Trần Thế Pháp tại Sứ quán.
- (9) Vũ Phượng Đề (1597 — ?) : tự Thuần Phủ 純甫 người cùng quê với Vũ Quỳnh. Trong sách *Công du tiếp ký* 公餘捷記 ông có nói Vũ Quỳnh từng soạn *Lĩnh Nam chích quái lục* với Trần Thế Pháp.
- (10) Lê Quý Đôn (1726 — 1784) : tự Doãn Hậu 尹厚, hiệu Quế Đường 桂堂, người làng Diên Hà 延河 trấn Sơn Nam hạ 山南下, nay là làng Phú Hiếu, huyện Diên Hà, tỉnh Thái Bình. Trong *Kiến văn tiêu lục* 見聞小錄 Lê Quý Đôn có nói: «*Lĩnh Nam chích quái lục* truyền là do Trần Thế Pháp viết, sách *Thiếu vi nam bản* cũng nói như vậy».
- (11) Trần Thế Pháp: không rõ sinh và mất năm nào. Chỉ biết ông có hiệu là Thức Chi識之; quê ở Thạch Thất 石室, nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình.
- (12) Kiều Phú (1446 — ?) : tự Hiếu Lễ 孝禮, hiệu Ninh Sơn 宁山 người làng Lạp Hạ 猎下, phủ Quốc Oai, nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình.
- (13) Nhiều bản *Lĩnh Nam chích quái* lấy bài tựa của Kiều Phú làm *Hậu tự*, đây hoàn toàn là một sự gán ghép vô căn cứ.
- (14) Đoàn Vĩnh Phúc: Không rõ sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu. Theo bài bạt đề vào năm 1554 ở một số bản *Lĩnh Nam chích quái*, thì ông từng làm việc ở cục Tú làm thuộc viện Hàn lâm đời nhà Mạc.

何烏雷傳

陳裕宗紹豐年間麻羅鄉人鄧士瀛為安撫使，奉命往使北國。其妻武氏在家。本鄉有神祠名麻羅神，夜化作士瀛，其容貌行止頗若士瀛，入武氏房中與之

「君帝我入府：日詐出且問神許明。」不，之。
「武夜見暮恩猶是？」愛疑。則帝以氏之晝與爾武何而右興。知還左還去。不得侍偷復。
「黎使北情久，通奉差夫，不，敢。」即何而故。黎明如使，居。去夜吾夜鳴。

墨歲，曰欲，賓而之焉。婦萬年。計不于取門時中，因如玉遊對止。當洞字月悅家一金雙何謀浸，主。袒認膚十出雷，相。識弄加誰償姪無行是，女郡入諸家皮。雷鳥耳失之不風尤犯賤名美爾，農馬就之納人子膚烏？雲得示雖嘲子奸，主絕：面衣牧担與，無男如日求浮色以雷，女雷者郡，曰見却焉，童盡日一潤一何如聲口鳥唱人鳥殺貴麗雷不放託封闇刈三得肌。欲貴之張，吟婦見私室艷鳥如即袴一。切得破而客意富尔雷此謠於如若宗色謂，家布柳草一執黑色賜好事笑觀去賦之于千仁居恨年去，件主，縛胞雖爲兒，曰。朝貫睦，之爲。因，園鳥之生雷之曰家洞口空章樂乃錢時，帝力辭醜袒入方呼一，：無賓試而詩聞命一有孀嘗一而陋一公盛令氏烏愛問國。開騰詞自聞謝。亡。用拜致扛乞園，武曰寵履，已雷乃人人帝，遊早得願。以，童花盡，名甚洞平而鳥，過人。前同夫不臣！兩雙閨莉已日，呂太白使之有雲面帝雷其幸：矣暑一駱菜園越三歲侍。下耳。否多遇其來鳥，求曰死于籠櫛，花十召洞今以于，便遠欲應屢三之。則，以月婢至帝呂當色留入捷，咸，帝十悅之，淳鎌，六侍

「僕乍文等。夜聲左罪草之更烏聲烏吟主，抑，逼聲愛烏臣金所得主。」
 曰：「食錢烏此食其坐恭聞降間俄上婢常。侍成疲侍烏，烏仙朝先烏召否？」
 對求雇花償飲闇暗不等楚夜。世侍主勞燈遂而入，後與夫進乃。命雷
 雷担童莉以之媵主役臣筆。賞非遣公乏執，久應茲是地是主冠惜即烏
 烏傭家菜，與姬公廢。兒，識奴褐侍，以曰此夏烏。奴服夜感服烏爾愈以主得粧無甚曾
 賈。倡草不烏饑肉燈責謝至時以調焉之走，之媵一自稍欲郡願金而之：「其憚今寶。烏帝問
 人常饑刈願婢以見前頓廢問玩之愛密勤左主，曰其憚今寶。烏帝問
 主，馬焉，奴婢不來皆意不風天尤烏益從郡加起雷，顧。珠矣與。帝
 見母，而之家奴時婢婢不之迎鉤，漸此侍。轉覺烏通所住銀目亦帝。
 不父外錢償主家昏侍侍，置，若愴使乘則外疾人謂交無家金瞑是見立
 胡無門得以，主黃呼。返乃中恍悽差雷晝內共無遂雷，無及死至而侍
 家家于。。童一大降樂。閒靜，備情客音四主難遂醜：願一之歸粧
 妾，亦南喜無餘。之忘主庭，恩右烏，于，之，烏熊本地，戴冠王
 主城僕今月咀夜怒黜而公坐咱情左。兒徹月呼禁與之臣田戴禮，王
 家家于。。童一大降樂。閒靜，備情客音四主難遂醜：願一之歸粧
 何無馬担也外閨有主而，耳婢壁會，之烏聲三郡情。妍曰不之賚亟戴
 治官刈疑留歌咱人欲唱是主聲精烏舒信歌。熟郡我，也之之乃。之
 之漂一使，是常樂無乃歌，郡歌，入以益使疾深。使密宅福王使，朝顧
 問是見，物於間咸右，奴罪，雷音雷詠愈時之夜近音日庄之粧賜冠進主

時烏雷有國語詩云：

碎雷於底尊天尼咗典福

自是烏雷名聞天下，王侯家女常譏笑之。有國語詩云：

掩夜於可，
袖清聲朱，
節中爲惜，
院儉誠吏。
特之醒可，
庄貴色麻，
近，馭沈，
吁。

雖有詩人之私通，鄙人戚戚入家，不家家，然縛女，拘獲未殺，常籠，蓋爲聲。蓋爲音，惧未殺，業已，爲前殺。已，率詔，所請殺，追日，旨望格殺，明威王歸。而殺之，不死，即以杵搗殺。

烏雷將死有國語詩云：

生男托托，
死兒托托，
男免皮党，
女得色黨。
詫英粧，
嗟甘粧，
包蒙，
托市。

又曰「昔呂洞賓告我曰：尔之聲色得失相當，其言驗矣！」

(嶺南摭怪列傳卷之二)

PHIÊN ÂM :

HÀ Ô LÔI TRUYỆN

Trần Dụ Tông Thiệu ^{1*} Phong ^{2*} niên gian, Ma La hương ^{3*} nhân Đặng Sĩ Doanh vi An phủ sứ ^{4*}, phung ^{5*} mệnh vãng sứ Bắc quốc ^{6*}. Kỳ thê ^{7*} Vũ Thi

tại gia ^{8*}. Bản hương hữu thần từ danh ^{9*} Ma La thần ^{10*}, dạ dạ hóa tác ^{11*} Sĩ Doanh, kỳ ^{12*} dung mạo hành chí ^{13*} loại nhược Sĩ Doanh, ^{14*} nhập Vũ Thị phòng trung dř chi thông dám ^{15*}, lè minh túc khứ ^{16*}, bất tri hà ^{17*} chí ^{18*}. Hậu dạ ^{19*} Vũ Thị văn viết : « Phủ quân dř ^{20*} phung mệnh Bắc sứ ^{21*} như hả dạ dạ đặc hoàn nhi trú tắc bất kiến ^{22*} ? ». Thần ^{23*} trả viết : « Đế dř sai tha quan Bắc sứ nhi ^{24*} sử ngô thị tả hữu dù để vi kỳ, bất hứa xuất ngoại ^{25*}. Ngã niêm ^{26*} phu phụ chí tình, cố ám dạ ^{27*} thâu hoàn dù nhĩ dř tả án ái ^{28*}, minh đán cấp xu nhập triều ^{29*}, bất cảm cửu cư ^{30*} ». Kê minh phục khứ ^{31*}. Vũ Thị tình do ^{32*} nghi chí.

Cơ niên ^{33*} Sĩ Doanh sứ hồi ^{34*}, Vũ Thị thai dř mẫn nguyệt ^{35*}, Sĩ Doanh cụ bản tấu văn ^{36*}. Hạ ngực Vũ Thị ^{37*}, Đế dạ mộng nhất thần nhàn lai tấu viết ^{38*} : « Thần nãi Ma La thần dř ^{39*}. Kỳ ^{40*} thê Vũ Thị dř hữu dụng ^{41*} bị Sĩ Doanh tranh chí ^{42*} ». Đế kinh giác ^{43*}. Minh nhật mệnh ngực quan tượng ^{44*} Vũ Thị tựu ngực tiền binh kỳ sự do. Đế túc phản viết ^{45*} : « Thủ hoàn Sĩ Doanh nhi ^{46*} tử hoàn Ma La thần ^{47*} ».

Việt ^{48*} tam nhật, Vũ Thị ^{49*} sinh ^{50*} nhất hắc bào, phá đặc nhất nam tử bì phu như mặc. Chí thập tam tuế, danh viết Ô Lôi, sắc tuy hắc ^{51*} nhi co nhuận như cao. Thập ngũ tuế ^{52*}, để triệu nhập ^{53*} thị, thậm sủng ^{54*} ái chí từ vi tân khách ^{55*}. Nhất nhật Ô Lôi ^{56*} xuất du, ngô Lã Động Tân ^{57*}, Lã Động Tân văn viết : « Hảo nhi lang ý dục hà cầu ^{58*} ? » Ô Lôi đối viết ^{59*} : « Đương kim thiên hạ ^{60*} thái bình, quốc gia vô sự, thị phú quý như phủ vân nhĩ ^{62*}; chỉ dục thanh sắc dř ngu nhĩ mục nhi dř ^{63*} ». Động Tân ^{64*} tiểu viết : « Nhĩ chí thanh sắc ^{65*} đặc thất tượng đương, danh lưu vu thế ^{66*} ». Sứ Ô Lôi khai khâu thi quan ^{67*}. Ô Lôi trương khâu dř thị chí ^{68*} Động Tân thỏa nhập, sứ thôn chí ^{69*}, nãi dǎng không nhi khứ. Tự thủ ^{70*} Ô Lôi tuy ^{71*} bất thức tự chí mẫn tiệp tiện ninh đa hữu quả nhân ^{72*}. Từ chuong thi phú, ca dao ngâm xướng, trào phong lồng nguyệt chí thanh ^{73*} nhiễu lường át vân nhân nhân tự lạc văn chí ^{74*}. Chí ư ^{75*} phú nhân nữ tử vưu gia duyệt yên ^{76*}, hàm dục đồ kỳ diện ^{77*}. Đế văn nãi mệnh vu triều ^{78*} viết như ^{79*} kiến Ô Lôi gian phạm ^{80*} thùy gia phụ nữ ^{81*}, ưng tượng ^{82*} lai đế tiền, tạ tiền nhất thiên quán. Nhược ^{83*} tư sát giả, bội thường nhất vạn ^{84*}.

Đế lũ dù Ô Lôi ^{85*} đồng du, Thời hữu Nhân Mục hương ^{86*} tông thất quý Quận chúa ^{87*} danh ^{88*} Á Kim ^{89*} niên nhị thập tam ^{90*} tuế, kỳ phu tảo vong ^{91*}, sương cư ^{92*}, nhan sắc diêm ^{93*} lệ, tuyệt mỹ vô song ^{94*}. Đế duyệt chí, cầu hạnh bất đặc ^{95*}. Đế thường hận chí ^{96*}, vị Ô Lôi viết : « Nhĩ hành hà kế đặc chí ^{97*} ». Đối viết ^{98*} : « Thần nguyệt dụng lực nhất niên vi kỳ, như bất kiến diện, thị mưu bất thành, tắc dř tử hř ^{99*} ! ». Bài từ nhi khứ ^{100*}. Quy gia túc phóng khước y thường, tầm ^{101*} vụ nê ninh, bộc vu thủ vũ dř tri xú lậu ^{102*}, nhân trước bối khóa thác vi mục mã nô ^{103*}, thủ nhất liêm ^{104*}, trúc lung nhất song, giang đám nhất kiệu ^{105*}, tàn lang nhất phong, đám tựu Quận chúa môn ngoại, dř tàn lang ^{106*} lộ hôn đồng ^{107*} khát nhập

Công chúa viên ngài thảo ^{103*}. Hôn đồng dữ chi nháp ^{109*}. Thời ngũ lục
nguyệt gian ^{110*}, thái lê hoa viên ^{111*} phượng thịnh ^{112*}, Ô Lôi nhất thiết ngài
tận ^{113*}, nạp chư đàm trung ^{114*}. Thị tỳ kiến hoa viên dĩ tận, hò linh phược
chi ^{115*}. Chấp đắc tam nhật vô nhân gia nhện, nhện văn chi viết ^{116*}: «Nhữ
hà gia nô, hò bắt kiến chủ nhện lai thực ^{117*} ». Ô Lôi đối viết ^{118*}: «Bộc ^{119*}
thị phiêu bạc nhàn, vô gia chủ diệc vô phụ mẫu ^{120*}, thường tòng ^{121*}
xướng nhi dung đàm cầu thực ^{122*}. Sạ ^{123*} kiến nhất ^{124*} quan nhàn hệ mã ^{125*}
vu ^{126*} thành nam mòn ngoại ^{127*}, mã cơ vô thảo ^{128*}, gia đồng cố tiền
ngũ văn, sử ngài thảo nhất đàm ^{129*}. Bộc ^{130*} hỉ đắc tiền nhi vi ngài thảo ^{131*},
bắt thực thái lê hoa ^{132*} vi hà dẳng ^{133*} vật, nghi thị ^{134*} thảo dã. Kim vô dĩ
thường chi ^{135*}, nguyện nhập vi nô, dĩ thường thủ trái ^{136*} ». Ư thị lưu chi
môn ngoại ^{137*}. Nguyệt dư ^{138*}, chúa gia ^{139*} nô tỳ ^{140*} kiến cơ khát ^{141*}, dữ
chi âm thực. Dạ gian ^{142*} thường ca xướng dữ hôn đồng ^{143*} thinh ^{144*}. Chúa
gia nô tỳ dĩ chí nội thị cơ dẳng văn kỳ ca thanh hàn lạc thinh chi ^{145*}. Hữu
nhất dạ, hoàng hôn thời ^{146*} bắt kiến diềm dặng ^{147*}, Công chúa ^{148*} ám tọa,
tả hữu vô nhàn ^{149*}. Công ^{150*} chúa đại nộ, hô thị tỳ lai tiền ^{151*}, trách dĩ
phế dịch bất cung ^{152*} chi tội, nãi ^{153*} dục thùy sở ^{154*} nhi ^{155*} giáng truất
chi. Thị tỳ giai đốn thủ tạ viết ^{156*}: «Thần dẳng văn ngài thảo nô ca xướng
chi thanh ^{157*}, lạc nhi vong phản, bắt ý ^{158*} phế dịch chi thủ. Thùy sở giáng
truất chi tội ^{159*}, thị cam thụ nhĩ ^{160*} ». Công chúa nãi ^{161*} tri chi bắt vấn.
Thời hạ nhiệt ^{162*}. Dạ gian ^{163*} sơ canh ^{164*}, Quận chúa dữ chúng tỳ nhàn
tọa đình trung, nghênh phong ngoạn nguyệt dĩ vi thắng thường ^{165*}. Nga văn
Ô Lôi ca thanh, cách bích tĩnh thịnh, hoảng nhược quân thiên chi tiết diệu,
thù phi thể thường chi thanh âm ^{166*}, tinh thần dung hội, tinh tú thê thường ^{167*},
vuru ái duyệt yên ^{168*}. Toại khiền thị tỳ ^{169*} tương Ô Lôi nhập vi gia
đồng ^{170*}, bị tả hữu sai sứ ^{171*}, tiệm vi mật cùn chi nô ^{172*}. Công chúa ^{173*}
thường linh ngâm vịnh dĩ thư uất kết chi tình ^{174*}. Ô Lôi thừa thủ ích cần
bôn tần phục dịch chi lao ^{175*}. Quận chúa dữ ích tín sủng dĩ vi khách nhĩ ^{177*},
trú tắc thị tòng ^{178*} tả hữu, dã tắc chấp dặng ^{179*} thị lập, thời sứ ca
xướng ^{180*}, thanh âm ^{181*} triệt vu nội ngoại. Quận chúa vị ^{182*} chi cảm động,
toại thành u úc ^{183*} chi tật. Lũy chi tam từ nguyệt ^{184*}, kỳ tật chuyền ^{185*} gia.
Tỳ dặng phục sự cửu nhỉ bì lao, dạ thảm thực thùy ^{186*}, Quận chúa hô chi
vô nhàn giác khởi ^{187*}, duy nhất Ô Lôi ứng nhập thị tật bức cản ^{188*}. Quận
chúa chán tinh nan cảm ^{189*}, toại ^{190*} vị Ô Lôi viết: «Tự nhĩ lai tư ^{191*},
vị nhĩ thanh âm sử ngã thành tật ». Toại dữ Ô Lôi giao thông, kỳ tật sảo
dữ ^{192*}. Thị hậu, tinh ái nhặt mặt ^{193*}, chi vong nghiên xù chi thái, vô sở cố
đạn ^{194*}, dục dĩ diền địa ^{195*} dữ Ô Lôi vi trang trạch ^{196*}. Ô Lôi viết: «Thần
bản vô gia trú. Kim ngộ Quận chúa chán thị thiên tiên, thần chi phúc dã ^{197*}.
Thần bắt nguyệt diền địa ^{198*} cập kim ngân châu bảo ^{199*}, nguyện đắc Quận
chúa tiền triều Tich ^{200*} kim trang ngọc chi quan thi chi nhất đói, tử minh
mục hĩ ^{201*} ». Tich kim trang ^{202*} ngọc quan nãi Tiên dể sở tử ^{203*} sứ chi tiền
triều hạ chi lễ, chi thị ^{204*} diệc dữ Ô Lôi ^{205*} nhi vô sở tịch ^{206*}. Ô Lôi đắc

quan, nãi ám hành cức^{207*} quy, đời nhì kiến Đế. Đế kiến chi thậm hỉ^{209*} tức mệnh^{210*} triệu Quận chúa tiến triều^{211*}. Ô Lôi đời trang ngọc quan thị lập^{212*}. Đế văn viết^{213*}: « Tăng thức Ô Lôi phầu^{214*}? » Quận chúa cố chi tam^{215*}.

Thời Ô Lôi hữu Quốc ngũ thi vân^{216*}:

*Chỉn này nhục đến ở làm tôi,
Chẳng hay thiên phúc để cho Lôi^{217*}.*

Tự thị^{218*} Ô Lôi^{219*} danh văn thiên hạ, vương hầu^{220*} gia nữ^{221*} thường^{222*} cơ tiểu chí.

Hữu Quốc ngũ thi vân^{223*}:

*Em tiết dầu chẳng vẹn được mươi,
Dạ trung thanh quý kém chi người.
Ở vì thanh sắc nên say đắm,
Khá tiếc cho mà lại khà cười^{224*}.*

Tuy hữu thi bỉ chi, nhiên thường vị thanh âm sở khiên, tị bất năng đắc, cánh dũ chi tư thông. Nhân nhân bất cảm phược^{225*} thùy, cái cụ tiền chiếu chỉ truy thường tiền cố dã^{227*}. Hậu nãi^{228*} tư thông Minh Uy Vương gia đích nữ^{229*}, cầu^{230*} hoạch vị sát. Dực nhật, Minh Uy Vương tiến tấu^{231*}: « Ô Lôi dạ nhập thần gia, hắc bạch nan biện^{232*}, nghiệp dĩ cách sát, thỉnh mệnh tạ tiền như^{can}^{233*} tiền nạp^{234*} ». Đế bất tri kỳ vị sát, tức phán vân^{235*}: « Đặng^{236*} thời cách sát, vật luận» (Thời^{237*} Huy Từ Hoàng hậu nãi Minh Uy Vương chi thân, cố^{238*} Đế bất trước ý). Minh Uy Vương quy nhì sát chi, bất tử, tức dĩ chữ đảo sát^{239*}.

Ô Lôi tương tử^{240*}, hữu Quốc ngũ thi vân:

*Sinh tử là trời sá quản bao,
Nam nhì miễn được tiếng anh hào.
Thác bè thanh sắc cam là thác.
Thác đảng (?) nào nên cơm gạo nào^{242*}.*

Hữu viết^{243*}: « Tich Lã Động Tân cáo ngã viết: Nhĩ chi thanh sắc đắc thất tương đương, kỳ ngôn nghiêm hỉ^{244*}! »

(Lĩnh Nam chích quái liệt truyện, Quyền chi nhị)

DỊCH NGHĨA :

TRUYỆN HÀ Ô LÔI

Vào khoảng năm Thiệu Phong⁽¹⁾ đời Trần Dụ Tông⁽²⁾, có một người ở hương Ma La⁽³⁾ tên là Đặng Sĩ Doanh làm chức An phủ sứ, phung mệnh sang sứ nước phương Bắc. Vợ là Vũ Thị ở nhà. Trong hương, có đền thờ vị thần tên

là Ma La, cứ tối tối hóa làm Sĩ Doanh, dáng mạo đi đứng đều liệt như Sĩ Doanh, vào buồng Vũ Thị để tư thông, tảng sáng liền ra, không biết đi đâu. Đêm sau Vũ Thị hỏi rằng : « Phủ quân (4) đã phụng mệnh đi sứ phuơng Bắc, làm sao đêm đêm được về, mà ban ngày thì không thấy ? » Thần nói dối rằng : « Vua đã sai quan khác đi sứ phuơng Bắc, bảo ta ở lại để hầu hạ bên cạnh, cùng đánh cờ vây (5) với vua, không cho ra ngoài. Ta nghĩ tình vợ chồng, nên đêm ngầm lén về để cùng nàng tỏ tình ân ái, sáng phải vội vào triều, không dám ở lâu ». Gà gáy lại đi. Vũ Thị trong lòng còn ngờ vực.

Trong vòng một năm, Sĩ Doanh đi sứ về, Vũ Thị thai cũng đủ tháng. Sĩ Doanh đem hết gốc đầu tâu lên vua. Vũ Thị bị hạ ngục. Đêm vua nằm mộng thấy một thần nhân đến tâu rằng : « Bè tôi là thần Ma La. Vợ là Vũ Thị đã có mang, bị Sĩ Doanh tranh mất ». Vua giật mình thức dậy. Ngày hôm sau, ra lệnh cho quan coi ngục đưa Vũ Thị tới trước mặt vua để xét nguyên do sự việc. Vua liền-phán rằng : « Vợ trả cho Sĩ Doanh, con trả cho thần Ma La ».

Qua ba hôm, Vũ Thị sinh ra một bọc đen, nở được một con trai, da đen như mực. Đến năm mười ba tuổi, đặt tên là Ô Lôi, màu da tuy đen nhưng mịn bóng như sáp. Mười lăm tuổi, vua triệu vào hầu, được rất mực cưng yêu và cho làm tân khách. Một hôm, Ô Lôi ra ngoài dạo chơi, gặp Lã Động Tân (6). Lã Động Tân hỏi rằng : « Cậu bé giỏi, ý muốn theo đòi gì chăng ? ». Ô Lôi đáp rằng : « Nay thiên hạ thái bình, nước nhà vô sự, xem giàu sang như mây nồi, chỉ muốn có thanh sắc để mua vui cho tai mắt mà thôi ». Động Tân cười nói : « Thanh sắc của người sẽ được và mất ngang nhau, tên tuổi của người sẽ lưu lại cõi thế ». Rồi bảo Ô Lôi mở miệng để xem thử. Ô Lôi há miệng cho xem. Động Tân nhô nước bọt vào, bao nuốt, rồi bay lên không mà đi. Từ đấy, Ô Lôi tuy không biết chữ nhưng thông minh nhanh nhẹn, mồm mép hơn người ; từ chưong thi phú, hát ca ngâm ngợi, cợt gió đùa trăng du dương theo mây bồng, ai cũng thích nghe. Đàm bà con gái lại càng say mê, đều muốn xem Ô Lôi tận mặt. Vua nghe thế bèn bảo trong triều rằng, hễ thấy Ô Lôi trêu ghẹo tới đàm bà nhà ai, mà bắt đem đến trước vua, sẽ được tạ một nghìn quan tiền. Còn nếu như tư sát, phải bồi thường một vạn quan.

Vua thường cho Ô Lôi cùng đi dạo chơi với mình. Bấy giờ ở hương Nhân Mục (7) có một quý Quận chúa thuộc dòng tông thất tên là Á Kim, hai mươi ba tuổi, chồng mất sớm, phải ở góa, nhan sắc xinh đẹp có một không hai. Vua rất mê thích, nhưng gã gắm không được. Vua cán hận, bảo Ô Lôi rằng : « Người có kế gì chinh phục được người ấy chăng ? » Đáp rằng : « Thần nguyện cố sức ; xin hạn một năm, nếu không thấy mặt là mưu không thành, thần đã chết rồi vậy ! ». Bên bái biệt ra đi. Về đến nhà liền cởi hết áo quần, ngầm người trong bùn rồi phơi mưa nắng cho thành xấu xi, xong mặc chiếc khổ vải già làm đùa chǎn ngựa, mang một lưỡi liềm, một đôi sọt tre, một cây đòn gánh, một gói trầu cau đến trước công nhà Quận chúa, dùng trầu cau đút lót cho cậu bé gác cổng để xin vào yuron Quận chúa (8) cắt cỏ. Bấy giờ vào khoảng tháng năm tháng

sâu, vườn hoa thái lê đang đua nở. Ô Lôi cứ việc cắt sạch cho vào gánh. Thị tỳ thấy hoa trong vườn đã hết sạch, liền hô bắt trói Ô Lôi. Giữ được ba ngày, không thấy nhà nào đến nhận, mới hỏi Ô Lôi rằng: «Mày là tôi tớ nhà ai, sao không thấy chủ đến chuộc?» Ô Lôi đáp rằng: «Tôi là người phiêu bạc, không có gia chủ, cũng không có cha mẹ, thường theo con hát gánh thuê kiếm ăn. Bỗng thấy một ông quan buộc ngựa trước cổng thành nam, ngựa đói mà không có cỏ, tên già đồng bèn thuê tôi năm đồng tiền, bảo cắt một gánh cỏ. Tôi mừng được tiền nên đi cắt cỏ cho người ta, không biết hoa thái lê như thế nào, cứ ngỡ là cỏ cả. Nay không biết lấy gì đèn, vậy xin vào làm tôi tớ để bồi thường món nợ. Thế là Ô Lôi được giữ lại ngoài cổng. Hơn một tháng, nó tỳ nhà chúa thấy đói khát bèn cho ăn uống. Ban đêm Ô Lôi thường ca hát cho cậu bé gác cổng nghe. Từ nô tỳ cho đến kẻ hầu người hạ Quận chúa, ai nghe tiếng Ô Lôi hát cũng đều mê thích. Có một tối, trời đã nhá nhem mà không thấy đốt đèn, Quận chúa ngồi âm thầm, chung quanh không một ai. Quận chúa bức tức, gọi thị tỳ đến trước mặt quở trách về tội bất kính, dám bỏ công việc, và toan đánh đập mà đuổi đi. Lú thị tỳ cúi đầu tạ tội rằng: «Chúng con nghe tiếng hát của tên cắt cỏ, say mê đến quên hết, không ngờ bỏ cả công việc như vậy. Có đánh đập hoặc đuổi đi, chúng con cũng đành cam chịu». Quận chúa bèn gác chuyện ấy lại không nói tới nữa. Bấy giờ vào mùa hè nóng nực. Đêm mới sơ canh, Quận chúa cùng các thị tỳ đang ngồi chơi giữa sân, hóng gió ngắm trăng để tiêu khiển. Bỗng vắng đưa tiếng hát của Ô Lôi, cách tường lảng nghe, mơ màng như tiết điệu chốn quân thiên, thật không phải thanh âm nơi trần thế; tinh thần hòa hợp, tinh ý bi thương, càng nghe càng mê mẩn. Quận chúa bèn bảo thị tỳ cho Ô Lôi vào làm già đồng, hầu hạ bên cạnh để sai phái, dần dần thành kẻ ở hết sức thân cận. Quận chúa thường bảo Ô Lôi ngâm vịnh cho nghe để giải niềm u ân. Ô Lôi cũng nhân đây chạy trước chạy sau hết lòng hầu hạ. Quận chúa thấy thế càng tin sủng, lấy Ô Lôi làm khách nhỉ, ngày thì để đi theo bên cạnh, đêm thì cho cầm đèn đứng hầu, lại thường bảo ca hát, thanh âm tỏa khắp bên ngoài. Quận chúa vì vậy càng xú động, kết thành bệnh u uất. Tích mãi đến ba bốn tháng, bệnh hóa ra nặng thêm. Thị tỳ phục dịch lâu ngày cũng sinh ra mệt mỏi, đêm hôm Khuya khoắt ngủ quên, Quận chúa gọi không ai dậy cả, chỉ một mình Ô Lôi thưa và vào hầu bệnh bên cạnh. Quận chúa chán tình khôn giữ, liền bảo với Ô Lôi rằng: «Từ độ ngươi đến đây, tiếng hát của ngươi đã làm ta thành bệnh». Rồi cùng Ô Lôi tư thông, bệnh tinh có hồi đỡ. Từ đây về sau, tinh ái ngày một nồng nàn, đến nỗi quên cả Ô Lôi là người đẹp hay xấu, chẳng chút ngại ngùng, muôn lấy ruộng đất cho Ô Lôi làm trang trại. Ô Lôi nói: «Thần vốn không có nhà cửa. Nay được gặp Quận chúa là đẳng thiên tiên, phúc lớn của thần đó. Thần không muốn ruộng đất và vàng ngọc châu báu, chỉ mong được đội thử chiếc mũ Tich kim trang ngọc của Quận chúa dùng lúc tiến triều, thì dù có chết cũng yên tâm nhắm mắt» (Tich kim trang ngọc là chiếc mũ do Tiên đế ban cho, chỉ dùng vào những khi tiến triều chúc tụng, nay cũng đem cho Ô Lôi, không còn tiếc gì cả). Ô Lôi được mũ bèn lên về triều ngay, đội ra mắt vua. Vua trông thấy vô cùng mừng rỡ, liền ra lệnh triệu Quận chúa vào chầu. Ô Lôi đội chiếc mũ Trang ngọc đứng hầu bên cạnh. Vua hỏi Quận chúa: «Từng biết Ô Lôi chăng?» Quận chúa liếc nhìn, lấy làm xấu hổ.

Bấy giờ Ô Lôi có thơ Quốc ngữ rằng :

*Chỉn này nhục đèn ở làm tôi,
Chẳng hay thiên phúc đê cho Lôi.*

Từ đấy Ô Lôi lừng danh thiên hạ, con gái các nhà vương hầu thường ché giễu. Có thơ Quốc ngữ rằng :

*Em tiếc dầu chẳng vẹn được mươi,
Dạ trung thanh quý kém chi người.
Ô vì thanh sắc nên say đắm,
Khá tiếc cho mà lại khá cười.*

Tuy có thơ khinh rẻ, nhưng vẫn thường bị thanh âm lôi cuốn, tránh đi cũng không thể được, thành ra lại càng tư thông với Ô Lôi. Không ai dám trói đánh Ô Lôi cả, vì cớ sợ phải truy đèn tiền theo như chiếu chỉ trước đây. Về sau, Ô Lôi tư thông với con gái lớn của gia đình Minh Uy vương, bị bắt được nhưng chưa giết. Ngày hôm sau, Minh Uy vương vào triều tàu rằng : «Ô Lôi ban đêm xông vào nhà của thần, trắng đen khó phân biệt, đã bị thần đánh chết, xin bệ hạ cho biết phải tạ tiền bao nhiêu để tiến nạp». Vua không biết là Ô Lôi chưa bị giết, liền phán rằng : «Trót nhỏ đánh chết thì thôi, chờ kè làm gì». (Bấy giờ Huy Tử Hoàng hậu là họ hàng của Minh Uy vương, cho nên vua mới lờ đi cho). Minh Uy vương về nhà giết Ô Lôi không chết, bèn dùng chày mà giã mài chết.

Ô Lôi khi sắp chết, có làm thơ Quốc ngữ rằng :

*Sinh tử là trời sá quản bao,
Nam nhi miễn được tiếng anh hào.
Thác bè thanh sắc cam là thác,
Thác dảng (?) nào nên cơm gạo nào.*

Lại nói : «Xưa Lã Động Tân bảo ta rằng : *Thanh sắc của người sẽ được và mất ngang nhau*, lời ấy nay đã ứng nghiệm !»

(*Lĩnh Nam chích quái liệt truyện, Quyển thứ II*)

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

1* LNCQLT2 : 虞 Chiêu. LNCQLT3 : trước chữ 虞 Thiệu, có thêm chữ 畏 thời.

2* LNCQLT1 : 惡 hung.

3* LNCQLT3 : 社 xã.

4* LNCQLT1 : 候 hầu.

5* LNCQLT3 : sau chữ 飲 phung, có thêm chữ 上 thương.

- 6* LNCQLT3 : 家 kinh.
- 7* LNCQLT1 : không có chữ 妻 thê.
- 8* LNCQLT3 : 妻妻本社武氏家 thú thê bản xã Vũ Thị gia.
- 9* LNCQLT1 : 虧 hiệu.
- 10* LNCQLT3 : sau chữ 神 thần, có thêm 2 chữ 精 thần tinh.
LNCQLT3 : Thay câu 本鄉... 麻羅神 bản hương... Ma La thần bằng câu : 社神
名麻羅神 xã thần danh Ma La thần.
- 11* LNCQLT2 : 爲 vi.
- 12* LNCQLT1 : 身 thân ; LNCQLT3 : 身體 thân thể (không có chữ 其 kij)
- 13* LNCQLT3 : 出 xuất.
- 14* LNCQLT3 : sau chữ 士濂 Sĩ Doanh, có thêm 2 chữ 而常 nhi thường.
- 15* LNCQLT3 : 房中相通淫與武娘... phòng trung trong thông dâm dã Vũ Nương.
- 16* LNCQLT3 : 至鷄鳴時神人遂去 chí kê minh thời thần nhân toại khứ.
- 17* LNCQLT2 : 所 sở.
- 18* LNCQLT3 : 處 xứ.
- 19* LNCQLT3 : sau chữ 後夜 Hậu dạ có thêm 3 chữ 來房中 lai phòng trung.
- 20* LNCQLT3 : không có chữ 已 dĩ.
- 21* LNCQLT3 : 奉使北國 phụng sứ Bắc quốc.
- 22* LNCQLT3 : 緣何夜來還而不見 duyên hà dạ lai hoàn nhi bất kiến.
- 23* LNCQLT3 : sau chữ 神 thần, có thêm chữ 人 nhân.
- 24* LNCQLT2 : 帝已差別人 dế dĩ sai biệt nhân.
- 25* LTCQLT2 : 我出 ngã xuất : LNCQLT3 : thay câu từ 暉帝... 出外 dã dể... xuất
ngoại bằng câu : 王常以園者與我, 我每出入侍于王前 vương thường dã vi
ký dã ngã, ngã mỗi xuất nhập thị vu vương tiên.
- 26* LNCQLT3 : 想 tưởng.
- 27* LNCQLT1 : không có chữ 夜 dạ : LNCQLT3 : thay chữ 故暗夜 cố ám dạ bằng chữ
到夜 dào dạ. Sau chữ 夜 dạ, có thêm chữ 我 ngã.
- 28* LNCQLT3 : ...與汝鷄私愛之情 ... dã nhữ tâ tư ái chí tình.
- 29* LNCQLT1 : không có 2 chữ 入朝 nhập triều ; LNCQLT3 : 明旦我急趨入于朝,
minh dân ngã cấp xu nhập vu triều.
- 30* LNCQLT3 : 不可遲緩 bất khả trì hoãn.
- 31* LNCQLT1 : 出 xuất ; LNCQLT3 : 為此鷄鳴而去 vị thử kê minh nhi khứ.
- 32* LNCQLT3 : không có chữ 猶 do.
- 33* LNCQLT3 : 至明年 chí minh niên.
- 34* LNCQLT3 : 還 hoàn.
- 35* LNCQLT1 : 武氏已胎滿月 Vũ Thị đã thai mãn nguyệt.
LNCQLT3 : 且武氏有胎孕滿月 thả Vũ Thị hữu thai dạng mãn nguyệt.
- 36* LNCQLT2 : thay chữ 本 bản bằng chữ 狀 trạng. LNCQLT3 : 士牘見事非理, 具本
奏, 為武氏失節於夫妻之義, 陰有外情, 已有胎孕。Sĩ Doanh kiến sự phi lý,
cụ bản tấu, vị Vũ Thị thất tiết u phu thê chi nghĩa, ám hữu ngoại tình, dã hữu thai dạng.
- 37* LNCQLT3 : 因武氏下獄 tù Vũ Thị hạ ngục.
- 38* LNCQLT3 : 帝夢見神人來前奏旨 dế mộng kiến thần nhân lai tiền tấu viết.
- 39* LNCQLT1, LNCQLT2 : 臣麻羅神 thần Ma La thần.
- 40* LNCQLT3 : 婦 thú.

- 41* LNCQLT3 : trước chữ 爾 dâng, có thêm chữ 而 thai.
- 42* LNCQLT3 : 而 士 臨 卯之 nhi Sĩ Doanh doqì chí.
- 43* LNCQLT3 : 覺 驚 giác kinh.
- 44* LNCQLT2 : 押 áp.
- 45* LNCQLT3 : thay câu từ 明 日 minh nhật đến 判 曰 phán viết bằng câu : 至 明 日 乃 命
獄 官 將 武 衣 來 前 御 曰 chỉ minh nhật nǎi mệnh ngục quan trọng Vũ Thị lai tiền,
ngữ viết.
- 46* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 而 nǎi.
- 47* LNCQLT1 : không có chữ 神 thần.
- 48* LNCQLT3 : 後 hậu.
- 49* LNCQLT3 : không có 2 chữ 武 夫 Vũ Thị.
- 50* LNCQLT3 : sau chữ 生 sinh, có thêm chữ 得 đắc.
- 51* LNCQLT1 : 星 măc. Sau chữ 星 măc, có thêm 2 chữ 如 添 như添.
- 52* LNCQLT3 : Thay câu từ 太 星 như măc đến 十 五 歲 thập ngũ tuổ bằng câu : 養 成 五
歲 dường thành ngũ tuổ.
- 53* LNCQLT3 : sau chữ 入 nhập, có thêm chữ 朝 triều.
- 54* LNCQLT3 : không có chữ 龕 sủng.
- 55* LNCQLT2 : 親 客 thân khách ; LNCQLT3 : 親 臣 thân thần, Sau chữ 親 臣 thân thần,
có thêm 5 chữ 置 名 烏 雷 tri danh vi Ô Lôi.
- 56* LNCQLT3 : không có 2 chữ 烏 雷 Ô Lôi.
- 57* LNCQLT3 : không có 4 chữ 遇 呂 洞 賓 ngộ Lã Động Tân.
- 58* LNCQLT3 : 呂 洞 仙 間 烏 雷 曰 Lã Động Tiên vẫn Ô Lôi viết.
- 59* LNCQLT3 : 尔 好 容 猥 耶, 尔 聲 音 耶. nhỉ hiếu dung mạo da, hiếu thanh âm da.
- 60* LNCQLT3 : trước chữ 曰 viết, không có chữ 對 đối.
- 61* LNCQLT3 : trước chữ 天 下 thiêng hạ, có thêm 2 chữ 聖 帝 thánh đế.
- 62* LNCQLT3 : không có chữ 耳 nhỉ.
- 63* LNCQLT3 : không có câu từ 止 欲 chỉ dục đến 而 已 nǎi dì.
- 64* LNCQLT3 : 仙 Tiên.
- 65* LNCQLT3 : 吾 賦 汝 之 聲 音 ngộ tú nhỉ chi thanh âm.
- 66* LNCQLT3 : 留 名 一 世 lưu danh nhất thế.
- 67* LNCQLT2 : 視 之 thị chi ; LNCQLT3 : 使 烏 雷 張 口 直 受 之 sử Ô Lôi trương khâu
thiết thụ chi.
- 68* LNCQLT2, LNTQLT3 : 烏 雷 张 口 以 示 之 Ô Lôi trương khâu dǐ thị chi.
- 69* LNCQLT3 : 洞 仙 噙 入 口 使 吞 之 Động Tiên thoa nhập khâu sứ thôn chí. Sau chữ
吞 之 thôn chí, có thêm 2 chữ 洞 仙 Động Tiên.
- 70* LNCQLT1, LNCQLT2 : 是 thị.
- 71* LNCQLT3 : sau chữ 雖 tuy, có thêm chữ 請 nöt.
- 72* LNCQLT3 : 而 聰 明 才 智 過 人, 善 於 ... nhi thông minh tài trí quá nhán, thiện u...
- 73* LNCQLT1 : 吟 唱, 賦 詠 之 聲, 嘲 風 弄 月 ngâm xướng, phú vịnh chí thanh, trào
phong lồng nguyệt ; LNCQLT3 : 詞 章 詩 賦 歌 吟 曲 調, 琴 瑟 笙 箫 倡 歌 詠 和 樂
之 聲 từ chương thi phú ca ngâm khúc điệu, cầm sáo sênh dịch xướng ca vịnh họa
nhạc chí thanh.
- 74* LNCQLT3 : 嘲 風 弄 月 旋 遠 御 于 京 師, 都 故 皆 從 闇 好 樂 聞 之 trào phong
lồng nguyệt toàn nhiễu ngợ vũ kinh sư, đồ chúng giao tòng văn hảo nhạc văn chí.

- 75* LNCQ3 : không có chữ 於 u.
- 76* LNCQLT3 : 婦人女子每就于家而乃聽歌吟, 其心悅慕之焉, 成願見烏
雷之面 phu nhân nǚ tǔ mỗi tūn vu gia nhi nǎi thính ca ngâm, kỳ tâm duyet mō
chí yén, hám nguyện kiến Ô Lôi chi diện.
- 77* LNCQLT2 : không có 5 chữ 咸 欲 頽 其面 hám dục dō kỵ diện.
- 78* LNCQLT1, LNCQLT2 : 帝常命于朝 dế thường mệnh vu triều.
- 79* LNCQLT3 : 係 hé.
- 80* LNCQLT1 : 妃 phi.
- 81* LNCQLT3 : 家人妻女 gia nhân thiếp nǚ.
- 82* LNCQLT3 : thay chữ 應 將 ứng tương bằng chữ 韋 cháp.
- 83* LNCQLT3 : 誰 thùy.
- 84* LNCQLT3 : 倍償錢一萬貫 bội thường tiền nhất vạn quán.
- 85* LNCQLT1, LNCQLT2 : 之 chi.
- 86* LNCQLT3 : 時有嗟謝 thời hữu Mục tạ.
- 87* LNCQLT3 : 崇貴大夫有公主 tông quý đại phu hữu Công chúa.
- 88* LNCQLT2 : không có chữ 名 danh.
- 89* LNCQLT3 : 柯姬 A Mão (?)
- 90* LNCQLT3 : không có chữ 三 tam.
- 91* LNCQLT3 : 夫早寡 phu tảo quâ.
- 92* LNCQLT3 : thay chữ 媚居 sương cư bằng chữ 共 kỵ.
- 93* LNCQLT3 : 季 tú.
- 94* LNCQLT3 : không có 4 chữ 絶美無雙 tuyệt mỹ vô song.
- 95* LNCQLT3 : 帝心悅之, 欲求淫行不得 dế tâm duyet chi, dục cầu dâm hành bất đắc.
- 96* LNCQLT3 : không có 4 chữ 帝常恨之 dế thường hận chi.
- 97* LNCQLT3 : 尔何計行得公主歸(?) 契我為妃 nhĩ hà kế hành đắc Công chúa dù
quy (?) dù ngã vi phi.
- 98* LNCQLT3 : trước chữ 對曰 dõi viết, có thêm 2 chữ 烏雷 Ô Lôi.
- 99* LNCQLT3 : 臣願一年之內為期, 姑見不得來公主與王, 是謀(?)不成, 臣
伏聞死矣 thàn nguyện nhãi niên chi nội vi kỵ, thủy kiến băt đắc lai Công chúa dù
vương, thi muu (?) băt thành, thàn phục văn tử hĩ.
- 100* LNCQLT2 : 拜謝而去 bái tạ nhi khứ. LNCQLT3 : 拜帝而內 bái dế nhi nội.
- 101* LNCQLT2 : 漫 man.
- 102* LNCQLT3 : Thay câu từ 歸家 quy gia đến 醜陋 xú lậu bằng câu : 家放着衣裳 ,
履于泥濘之中, 暴于雨暑以致醜污。gia phóng trước y thường, lý vu nê
nính chí trung, bộc vu vữ thủ dĩ trì xú ô.
- 103* LNCQLT : 身着布袴為牧馬奴人 thân trước bố khóa vi mục mã nô nhân.
- 104* LNCQLT1 : có thêm chữ 件 kiện sau chữ 錄 liêm.
LNCQLT2 : 取錄 thủ liêm.
- 105* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 4 chữ 担担一件 giảng dâm nhất kiện.
- 106* LNCQLT2 : không có 3 chữ 以檳榔 dǐ tân lang.
LNCQLT3 : không có 9 chữ 担就郡主門外, 以檳榔... dâm tựu Quận chúa môn
ngoại, dǐ tân lang...
- 107* LNCQLT3 : 路閱童子 lô văn đồng tử.
- 108* LNCQLT3 : 乞入公主園花中刈草 khát nhập Công chúa viên hoa trung ngải thảo.

- 109* LNCQLT3 : không có chữ 入 nhập.
- 110* LNCQLT3 : 其(?) 時當六月間 kỳ (?) thời dương lục nguyệt gian.
- 111* LNCQLT2 : 菜花莉園 thái hoa lê vien.
- 112* LNCQLT3 : 應開 ưng khai.
- 113* LNCQLT3 : 烏雷刈草, 遇(?) 中菜莉花盡絕 Ô Lôi ngải thảo, ngô (?) trúng thái lê hoa tân tuyêt.
- 114* LNCQLT3 : 而貯在籠 拎(?) 中 nhì trữ tại lung đâm (?) trung.
- 115* LNCQLT2 : 傳呼鵝之 truyền hô phuoc chi.
LNCQLT3 : 公主奴婢侍妾女人出見菜莉花 將入進公主。公主見園花已盡, 視其烏雷在園花中, 失呼執之。Công chúa nô tỳ thị thiếp nǚ nhân xuâl kiến thái lê hoa tương nhập tiến Công chúa Công chúa kiến viên hoa dĩ tân, thị kỳ Ô Lôi tại viên hoa trung, công hô chấp chí.
- 116* LNCQLT2 : 執得三日無人承訖因問曰 chấp dắc tam nhát vô nhân thura hất nhán vân viết ; LNCQLT3... 烏雷入奏于公主, 公主謂曰檻之密處, 侍主草愚人來認。公主使奴鎖(?) 執得三日餘不見何人來認, 公主使人將烏雷來前問曰 Ô Lôi nhập tâu vu Công chúa, Công chúa vị viết giám chỉ mật xú, dãi chủ thảo mă nhân lai nhận. Công chúa sủ nô tâa (?) chấp dắc tam nhát dù bát kiến hà nhân lai nhận, Công chúa sủ nhân tương Ô Lôi lai tiền văn viết.
- 117* LNCQLT3 : 汝是誰人奴不見主人來贖償其花園還吾別 nhữ thị thùy nhân nô bát kiến chủ nhân lai thực, thường kỳ hoa viên hoàn ngô biệt.
- 118* LNCQLT1 : trước chữ 曰 viết, không có chữ 對 đối.
- 119* LNCQLT3 : 臣 thàn.
- 120* LNCQLT1 : 無父母家主 vô phụ mẫu gia chủ ; LNCQLT3 : 無有家主, 無有父母 vô hữu gia chủ, vô hữu phụ mẫu.
- 121* LNCQLT2 : 以 dĩ.
- 122* LNCQLT3 : 儉人擔與唱人求食 dung nhán dám dĩ xướng nhán cầu thực.
- 123* LNCQLT1 : 腹 tac.
- 124* LNCQLT1 : không có chữ 一 nhất.
- 125* LNCQLT2 : không có chữ 馬 mă ; LNCQLT3 : 宦有馬匹系 quan hữu mă thắt hé.
- 126* LNCQLT1, LNCQLT3 : không có chữ 于 vu.
- 127* LNCQLT1 : không có chữ 城南 thành nam ; LNCQLT3 : trước chữ 門外 môn ngoại, có thêm chữ 之 chi.
- 128* LNCQLT3 : 無草以食而馬餓立 vô thảo dĩ thực nhí mă cơ lập.
- 129* LNCQLT3 : 宦人雇成十五文, 使臣剗一担馬 quan nhán cõ thành tháp ngũ văn, sủ thàn sản nhất dám mă.
- 130* LNCQLT3 : 臣 thàn.
- 131* LNCQLT2 : không có 4 chữ 而為刈草 nhì vị ngải thảo ; LNCQLT3 : 而閑(?) 趕剗草 nhì lận (?) xu sản thảo.
- 132* LNCQLT2 : 菜花莉 thái hoa lê.
- 133* LNCQLT3 : không có chữ 等 đẳng.
- 134* LNCQLT3 : 其 kỵ.
- 135* LNCQLT3 : 今臣無何物償 kim thàn vô hà vật thường.
- 136* LNCQLT3 : 花債 hoa trái ; LNCQLT3 : 以償其花園所損(?) dĩ thường kỵ hoa viên sở tốn (?)
- 137* LNCQLT1 : không có 2 chữ 於是 u thi và 2 chữ 門外 môn ngoại. LNCQLT3 : 公主悅許留於門外 công chúa duyết hira lưu u môn ngoai.
- 138* LNCQLT3 : 得一月餘 dắc nhất nguyệt dư.

- 139* LNCQLT2, LNCQLT3 : 公主 công chúa.
- 140* LNCQLT3 : 使奴人 sủ nô nhán.
- 141* LNCQLT3 : 見鳥雷鑑 kiến Ô Lôi cơ.
- 142* LNCQLT3 : không có chữ 間 gian.
- 143* LNCQLT3 : 同 đồng.
- 144* LNCQLT1 : 遊 du : LNCQLT3 : 聽之 thính chi.
- 145* LNCQLT2 : 公主女媵聞其歌聲與閨童聽咸樂聽之 Công chúa nô dâng vân kỵ ca thanh dĩ hồn đồng thính hàn lạc thính chi : LNCQLT3 : 公主女婢侍妾聞其聲歌亦樂耳聽之,至內侍妾咸樂此聲歌皆樂聽之 Công chúa nô tị thiếp vân kỵ thanh ca diệc lạc nhĩ thính chi, chi nội thi thiếp hàn lạc thử thanh ca giao lạc thính chi.
- 146* LNCQLT1 : 一夜遇黃昏時 nhất dạ ngô hoàng hôn thời.
LNCQLT3 : 有夜黃昏之時 hữu dạ hoàng hôn chi thời.
- 147* LNCQLT3 : 公主恬然不點燈 Công chúa diêm nhiên bất diêm dǎng.
- 148* LNCQLT1 : 郡主 Quận chúa ; LNCQLT3 : thay 2 chữ 公主 Công chúa bằng chữ 而 nhi.
- 149* LNCQLT3 : 無有左侍 vô hữu hữu thi.
- 150* LNCQLT1 : không có chữ 公 công.
- 151* LNCQLT3 : 主呼其奴來前 chúa hô kỵ nô lai tiền.
- 152* LNCQLT1, LNCQLT2 : 供 cung.
- 153* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 乃 nãi.
- 154* LNCQLT3 : 答撲 xuy phốc.
- 155* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 而 nhi.
- 156* LNCQLT3 : 侍妾奴婢皆來稽首奏公主曰 thiếp nô tị giao lai khẽ thủ tấu Công chúa viết.
- 157* LNCQLT2 : sau chữ 之聲 chi thanh, có thêm 4 chữ 心甚愛悅 tâm thâm ái duyệt ;
LNCQLT3 : 臣等睡外聽草奴歌唱之聲, 心悅慕之 thần dǎng thuy ngoại thính thảo nô ca xướng chi thanh, tâm duyệt mō chí.
- 158* LNCLQT3 : sau chữ 意 ý, có thêm chữ 乃 nãi.
- 159* LNCQLT2 : không có 4 chữ 降黜之罪 giáng truất tri tội ; LNCQLT3 : thay chữ 笞楚 thùy sở bằng chữ 鞭撲 tiễn phốc.
- 160* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 2 chữ 受耳 thụ nhĩ.
- 161* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 乃 nãi.
- 162* LNCQLT2 : 時是月 thời thị nguyệt ; LNCQLT3 : 然當夏熱 nhiên dương hạ nhiệt.
- 163* LNCQLT1 : 夜 dạ ; LNCQLT3 : 蘭 lan.
- 164* LNCQLT3 : không có 2 chữ 初更 sơ canh.
- 165* LNCQLT3 : 公主不寐, 而與衆侍女坐於樓上, 迎風好月以勝賞花 Công chúa bất ngoa, nhỉ dù chúng thị nô tọa ư lâu thương, nghênh phong hiếu nguyệt dĩ thắng thường hoa.
- 166* LNCQLT3 : Thay câu từ chữ 俄聞 nga vân đến chữ 聲音 thanh âm bằng câu :
鳥雷臥於家中, 近在家邊, 望江時歌唱管絃之聲。公主眾妻奴婢坐於樓上, 满望聽之, 悅若鈞天之樂, 皆節調和, 素非世上之清音。
Ô Lôi ngoa ư gia trung, cận tại gia biên, vọng giang thời ca xướng quản dịch chí thanh. Công chúa chàng thiếp nô tị tọa ư lâu thương, mẫn vọng thính chi duyệt nhưng quản thiên chi nhạc, giao tiếp điều hòa, thủ phi thể thường chi thanh âm.
- 167* LNCQLT3 : 感動 cảm động.

- 168* LNCQLT2 : 之 chi; LNCQLT3 : 公主 心悅愛之 công chúa tâm duyệt ái chi.
- 169* LNCQLT2 : 耶 傳侍婢 lúc truyền thị tỳ.
- 170* LNCQLT3 : Thay câu từ 遂遣 toại khiền đến 豪童 gia đồng bằng câu : 後夜詳細其面貌 hàn dạ tường tết kí diện mạo.
- 171* LNCQLT1 : 獨左右差使 dọc tả hữu sai sứ; LNCQLT2 : 備在左右 bị tại tả hữu.
- 172* LNCQLT2 : không có 2 chữ 漸為 tiệm vi.
- 173* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 2 chữ 公主 Công chúa.
- 174* LNCQLT3 : 常使焉雷歌咏笙笛琴瑟以鳴舒郁幽閑之情 thường sử Ô Lôi ca vịnh sênh dịch cầm sât dĩ tả thư uất u bế chí tình.
- 175* LNCQLT1 : 服勞於役 phục lao u dịch; LNCQLT3 : 焉雷因此傳直益勞奔走, 復勞歌詠笙笛琴瑟之聲 Ô Lôi nhân thủ thi trực ich lao bôn tâu, phục lao ca vịnh sênh dịch cầm sât chí thanh.
- 176* LNCQLT2 : 加 gia.
- 177* LNCQLT3 : Thay câu từ 郡主 Quận chúa đến 客兒 khách nhi băng câu : 公主接寵焉雷以侍女面前差使 Công chúa tiếp sủng Ô Lôi dĩ thị nô diện tiền sai sứ.
- 178* LNCQLT3 : 衛 vệ.
- 179* LNCQLT1 : sau chữ 燈 dǎng, có thêm chữ 以 dǐ; LNCQLT3 : thay chữ 執燈 chấp dǎng bằng chữ 點燈 diêm dǎng.
- 180* LNCQLT3 : 戲使聲音 hàm sủ thanh âm.
- 181* LNCQLT3 : thay 2 chữ 聲音 thanh âm bằng chữ 透 thấu.
- 182* LNCQLT3 : 公主愛 Công chúa ái.
- 183* LNCQLT3 : 切 thiết.
- 184* LNCQLT3 : 至四月間 chi từ nguyệt gian.
- 185* LNCQLT3 : 愈 dù.
- 186* LNCQLT3 : 侍妾奴婢求藥與公主, 服之不愈, 疾愈加, 侍妾疲勞, 夜闌悶欲睡卧 thị thiếp nô tỳ cầu được dù công chúa, phục chi bất dù, tật dù già, thi thiếp bì lao, dạ lan muộn dục thuy ngoa.
- 187* LNCQLT3 : 公主呼之不見眾侍一人 Công chúa hô chi bất kiến chúng thị nhất nhân.
- 188* LNCQLT3 : 有一焉雷夜入侍疾逼近 hữu nhất Ô Lôi dạ nhập thị tật bức cận, LNCQLT3 : 獨惟一何焉雷覺起入侍衛 dọc duy nhất hà Ô Lôi giác khởi nhập thị vệ.
- 189* LNCQLT3 : 公主見焉雷之面, 幽抑之疾, 逆情難藥 Công chúa kiến Ô Lôi chi diện, u ác thi tật, nghịch tình nan được.
- 190* LNCQLT1, LNCQLT2: không có chữ 遂 toại.
- 191* LNCQLT2 : không có 4 chữ 自爾來茲 tự nhỉ lai từ.
- 192* LNCQLT3 : Thay câu từ 自爾來茲 tự nhỉ lai từ đến 稍愈 sảo dù băng câu : 後來在近, 聞汝聲音歌唱, 我成幽抑之疾。公主遂與何焉雷始交通。頃刻之間, 鴻情忽見而公主之疾得愈 hàn lai tai cận, vẫn nhỉ thanh âm ca xướng, ngũ thành u ác chi tật. Công chúa toại dù Hà Ô Lôi thủy giao thông. Khoảnh khắc chi gian, tật tình tự kiến nhỉ Công chúa chi tật đặc (?) dù.
- 193* LNCQLT2 : 尤加 vưu già ; LNCQLT3 : 情華尤雋 tình hạnh vưu đốc.
- 194* LNCQLT1 : 無復顧客 vô phục cõi lận ; LNCQLT3 : 乃忘其貴而忘妍態, 心無折鬚 nỗi vong kỳ quý nhỉ vong gian thái, tâm vô sở cõi.
- 195* LNCQLT2 : 庄 trang LNCQLT3 : 賜以田土 lú dì diền thô.
- 196* LNCQLT3 : sau chữ 庄宅 trang trach có thêm câu sau đây : 何焉雷為大家奴會遇公主乃是神仙之遺福也 Hà Ô Lôi vi đại gia nô, hội ngộ Công chúa nãi thi thần tiên chi di phúc dã.

- 197* LNCQLT3 : không có câu từ 臣本無家住 thàn bản vô gia trú đến 福也 phúc dã.
- 198* LNCQLT3 : 土 thồ.
- 199* LNCQLT1 : 金玉寶珠 kim ngọc bảo châu ; LNCQLT3 : 玉 ngọc.
- 200* LNCQLT1 : 積 lăng.
- 201* LNCQLT3 : không có từ chữ 積金 tích kim đến chử 嘴矣 minh mục hĩ.
- 202* LNCQLT1 : 積 lăng ; LNCQLT2 : trước chử 積金 tích kim. có thêm hai chử 郡主 Quận chúa ; LNCQLT3 : 稅 thuế.
- 203* LNCQLT3 : 乃 是 先帝 之 所 賜 nǎi thị tiên dế chi sở tú.
- 204* LNCQLT2 : không có chử 是 thi.
- 205* LNCQLT1 : 亦 契 之 diệc dù chi.
- 206* LNCQLT1 : thay những chử 而 無 所 惜 nhì vō sở tích bằng 3 chử 不惜也 bát tích dã ;
LNCQLT3 : thay câu từ 使之 sủ chi đến 所惜 sở tích bằng câu : 烏雷使將 (?) 公主
進于王朝, 而公主情愛, 烏雷無情也 Ô Lôi sủ tương (?) Công chúa tiến
vu vương triều, nhì Công chúa tình ái, Ô Lôi vō tình dã.
- 207* LNCQLT2 : 卽 túc.
- 208* LNCQLT3 : 烏雷得冠玉而將歸之, 卽去而入朝于帝 Ô Lôi dắc quan ngọc
nhì tương quy chí, túc khú nhì nhập triều vu dế.
- 209* LNCQLT3 : 寶見而矣幸之 dế kiến nhì hĩ hạnh chí.
- 210* LNCQLT2 : không có chử 命 mệnh.
- 211* LNCQLT3 : thay câu từ 卽命 túc mệnh đến 進朝 tiến triều bằng câu : 烏雷進公主
于王朝, 帝悅之, 使公主入于內殿仙宮帷幄之所, 帝與公主相通交結。
後日, 帝出侍朝. Ô Lôi tiến Công chúa vu vương triều, dế duyệt chí, sủ Công chúa
nhập vu nội diện Tiên cung vi ốc chí sở, dế dù Công chúa tương thông giao kết. Hậu
nhất, dế xuất thị triều.
- 212* LNCQLT 3 : 使烏雷帶粧玉之冠入侍于帝, 諸公卿 (?) 相將暴朝而出。
帝入宮中帷幄之所 sủ Ô Lôi dài Trang ngọc chí quan nhập thị vu dế, chư
công Khanh (?) tương túc, bao triều nhì xuất. Đế nhập cung trung vi ốc chí sở.
- 213* LNCQLT3 : 章與問公主曰 dế dù văn Công chúa viết.
- 214* LNCQLT3 : 公主曾知我何烏雷否 Công chúa tảng tri ngã Hà Ô Lôi phầu.
- 215* LNCQLT3 : 公主大慚曰: 妻乃室 (?) 內之處, 何曾出見烏雷等耳. 烏雷刈
草, 誤中花園盡絕, 妻乃遣眾婢拘執 (-作媒拘執). 得三月餘, 不見家
主來償其花園還妻. 不意烏雷無家主, 無父母, 乞為妾奴, 陰
有情綉, 委進于王庭. 帝知烏雷之情歸帝矣。
- Công chúa dại tam viết : thiếp nãi thắc (?) nội chi xí, hà tảng xuất kiến Ô Lôi dâng nhĩ.
Ô Lôi ngại thảo, ngộ trúng hoa viên tận tuyệt, thiếp nãi khiền chúng tỵ câu chấp (nhất
tác môi câu chấp). Đắc tam nguyệt dư, bắt kiến già chủ lai thường kỳ hoa viên hoàn thiếp.
Bát ý Ô Lôi vō gia chủ, vō phụ mẫu, khát vi thiếp nô, ám hứu tình tú, ủy tiến vu vương
dinh. Bé tri Ô Lôi chí tình quy dế hĩ.*
- 216* LNCQLT2 : không có chử 時 thời ; LNCQLT3 : 後耳 (?) 時 烏雷詩淫國語曰
hậu nhĩ (?) thời Ô Lôi thi dâm Quốc ngữ viết.
- 217* LNCQLT1 :
- 今它樽且嗅白碎,
紅萼天緣底把媚。
- Chán dà náu đến xin làm tôi,
Hai chử thiên duyên dể bia soi.*

LNCQLT3 :

撥 宮 鶯 細 嘴 亂 碎，
堆 窮 天 福 底 烏 雷。

Trót dà náu lối xin làm tôi,
Đôi chữ thiên phúc để Ô Lôi.

218* LNCQLT1, LNCQLT3 : 此 thủ.

219* LNCQLT1 : không có 2 chữ 鸟雷 Ô Lôi.

220* LNCQLT3 : 侯主 hòu chúa.

221* LNCQLT2, LNCQLT3 : 美女 mĩ nữ.

222* LNCQLT3 : 而 nhi.

223* LNCQLT3 : 有詩國語云 hưu thi Quốc ngữ văn.

224* LNCQLT1 : 2 câu thơ đầu chép hơi khác :

霜 雪 油 庄 院 特 近，
夜 艳 清 貴 儉 之 驁。

Sương tuyết dầu chẳng vẹn được mười;
Đẹp trong thanh quý kém chi người.

LNCQLT3 :

用 之 盡 每 煙 宮 粘，
几 助 欣 駁 戈 買 謂。
忍 固 黃 金 聲 色 氏，
等 些 約 血 此 艳 祚。

Dùng chi mặt mũi cháy tha (?) thiếp(?)
Kê chợ ham người qua mới thèm.
Nhẫn có hoảng kim thanh sắc ấy,
Đăng ta ước muốn thủ màu(?) xem (?)

225* LNCQLT3 : 雖 鄙 臵 之 人，亦 有 聲 音 和 雅 過 於 世 人，人 所 廉 避 不 得，常
通 於 王 侯 家 之 女 子。Tuy bỉ lậu chi nhán, diệc hữu thanh âm hòa nhã quá ư thế nhân,
nhán sở khiên tí bất đặc, thường thông ư vương hầu gia chi nữ tử.

226* LNCQLT1 : 搏 bá.

227* LNCQLT3 : Thay câu từ 人人不敢 nhán nhán bắt cảm đến 故也 cõ dã bằng câu :
人 入 帝 前，其 事 具 奏，欲 其 迎 (?) 鸟 雷 問 倍 償 錢 于 帝；帝 怒 曰：鳥 雷
為 朕 親 臣，諸 侯 為 鞭 答 邪。nhán nháp dẽ tiền, kỳ sự cù tấu, dục kỳ nghênh (?)
Ô Lôi vân bồi thường tiền vu dẽ；dẽ nộ viết : Ô Lôi vì trăm thân thản, chư hầu vi tiền
xuy da.

228* LNCQLT1 : không có chữ 乃 nǎi.

229* LNCQLT3 : 後 耳 (?) 鸟 雷 乃 通 逕 廣 威 王 之 女 子 hau nhĩ (?) Ô Lôi nãi thông
dám Minh Uy Vương chi nữ tử.

230* LNCQLT3 : 提 tróc.

231* LNCQLT3 : 明 威 王 遣 將 鸟 雷 進 于 帝 前 奏 曰 Minh Uy Vương khiễn iưng Ô
Lôi tiến vu dẽ tiền tấu viết.

232* LNCQLT2 : 分 phân.

233* LNCQLT2 : 一 千 nhất thiên.

234* LNCQLT : Thay câu từ 夜 入 臣 家 da nháp thàn gia đến 進 納 tiến nạp bằng câu :
夜 時 黃 昏，鳥 雷 入 臣 家，黑 白 未 分，臣 欲 鞭 殺 之，勿 論。時 微 慈 皇 后
請 命 謝 一 萬 貢，與 鸟 雷 進 于 帝 前 以 免 鸟 雷 之 罪。

đa thời hoàng hôn, Ô Lôi nhập thần già, hắc bạch vị phán, thần duệ tiên sát chi, vật luận, Thời Huy Tứ hoàng hậu thỉnh mệnh ta nhất vạn quán, dù Ô Lôi tiến vu để tiền, dĩ miễn Ô Lôi chí tôi.

- 235* LNCQLT3 : 曰 viết ; trước chữ 判 phán, không có chữ 即 túc.

236* LNCQLT3 : 當 đương.

237* LNCQLT3 : 是時 thị thời.

238* LNCQLT3 : 皇后乃到于明威王家堂, 曰: 烏雷鄙陋之人, 功論其村 (?)
以教烏雷之村 (?). hoàng hậu nǎi dào vú Minh Uy Vương gia đường, viết : Ô
Lôi bì lóu chí nhán, công luận kỲ họa (?) dǐ giáo Ô Lôi chí họa (?).

239* LNCQLT3 : 帝不及着衣, 乃乘鑾輿到明威王之家。未到而明威王知帝
到家, 解取烏雷以杖槌舉之, 烏雷不死, 再杵搗殺之。今後人聞
此杵聲頂來心欲月花之事 dế bắt cáp trước y, nài thira loan dư dáo Minh Uy
Vương chí gia., Vị dáo nhi Minh Uy Vương tri dế dáo gia, giải thủ Ô Lôi dĩ trương
chùy cù chí, Ô Lôi bắt tử, tái chí dǎo sát chí. Kim hậu nhân văn thủ chữ thanh dính
lai tâm dục nguyệt hoa chí sự.

240* LNCQLT3 : không có 2 chữ 謂死 tưồng tử.

241* LNCQLT2 : 說 (?) thuyết (?).

242* LNCQLT3 : 生死默命管之包,
男免特志英豪。
折皮聲色定年折,
折瘡折筋廿划 (?) 前。

Sinh tử mặc minh quản chi bao,
Nam nhi miễn được chí anh hào.
Chết bẽ thanh sắc dà nên chết,
Chết ốm chết đau cam hoạch (?) nào.

243* LNCQLT3 : không có 2 chữ 又 曰 hựu viết.

244* LNCQLT3 : 昔日呂洞仙有言戒示烏雷曰尔之得失相當, 驥此言烏雷
乃死矣. tịch nhật Lã Động Tiên hưu ngôn giới thị Ô Lôi viết nhữ chí dắc thất
tưồng đương, nghiêm thủ ngôn Ô Lôi nǎi tử hǔ.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Thiệu Phong* : tức năm 1341 đến 1357.
 - (2) *Trần Dụ Tông* : tên thực là *Hao* 震, là vua thứ bảy của nhà Trần, làm vua từ 1341 đến 1369.
 - (3) *Hương Ma La* : chưa rõ ở đâu.
 - (4) *Chỉ Sĩ Doanh*.
 - (5) *Cờ vây* (vi kỳ) : còn gọi là *cờ dịch* (dịch kỳ), một loại cờ bàn thời cổ.
 - (6) *Lã Động Tân* : tên thật là *Nham* 廉, tên chữ là *Động Tân* 洞簾 hiệu là *Thuần Dương* Tử 纯陽子, người đất Kinh Triệu, sống vào đời Đường. Vào khoảng năm Hội Xương (841 — 847) đời Vũ Tông, Lã Động Tân đi thi Tiến sĩ hai lần đều không đỗ, mà tuổi đã đến sáu mươi tư rồi, nên chán cả thi cử, bèn lang du giang hồ, tương truyền có gặp Chung Ly Quyền 鍾離權 dạy cho phép trường sinh bất tử và nhiều mạt quyết khác...

- (7) *Nhân Mục* : còn gọi là *Kẻ Mục*, tức làng *Mộc*, nay thuộc huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

(8) Chỗ này, nguyên văn dùng chữ « Công chúa ». Đề tên gọi được nhất quán, và sát đúng hơn với tinh thần câu chuyện, chúng tôi dịch là « Quận chúa ». Từ đây trở xuống, gặp chỗ nào dùng chữ « Công chúa », chúng tôi cũng đều dịch như vậy.

378

鴻龐氏傳

嶺，聰，宜續水父以至端兄封能，代南睿讓地陽龍而，固北涇貉既續續治。烏宜祿祿以國是烏攬帝生，嗣鬼，位烏赤攬帝生，嗣帝而嗣帝國生之。明歸帝宜烏崇。帝孫納使立其，所明號女知之。三之帝，龍不知。氏悅奇是方曰王農女明於南女陽神之帝。治君涇炎發成奉王洞國，涇接敏不涇，治其

父則呼子，布測序事曰能莫之有。卑或曰人尊民父應臣。呼感君然人靈始姓晏，有越威其輩也！」龍君即來而教水府以時歸水來而教民耕稼衣食，君乃曰：「是也！」

巡國部怪況，如。
南鬼與花，熟帖方美從龍
明赤姬奇香不安何絕侍。
帝巡姬其乳舉得在貌後從
祖南女見桂不逋容前悅
及而愛，椒候擾：，左亦
思國留勝，氣煩曰居左心
因其乃形玉時於呼獨，
，守，觀珠四苦聲姬麗之
事代主遍銀又民揚姬秀見
無尤無，金。人率見姿姬
方宦內下，有國相，丰姬
北臣國天瑁不南乃歸郎。
以親，琉璃物。而兒在
來乃水而犀錯忘之後一子
帝，歸在，海而君君作達
子事已行獸殼之龍龍化聲
傳之君子異山慕望。乃之
宜女龍居龠，愛夜救之吹
帝仙貉婢珍昧心日來脫歌
得見侍，等來，速君，
接，眾草核帝初當龍多

尋象遍虎罔，與臣蛇榆帝。
姬精再傳亡，還農氏。
見妖鬼，北神農。
還來死，而帝變。
及現帝，克而搜。
不泉敢，索術君。
於龍畏戰，于龍君。
者帝迎，黃尋迎。

棄遂皆，子傷地，屬久十得，君人居母悲北從。相以五無祥龍，獨子本君君不難，閔不。全子外母妾與龍本刻處相爲男俱母塞吾：請，相各事以一勇，禦使曰，耳入火治有卵管府兵，泣養傷之水分，胞一，水分處姪鞠自上，水一，大居懼何嫗由徒地類府入。得卵長久之在。無種方水山去生百自苦聞逋野，人仙然歸登辭期中哺弟，君遇得無；生五而，年開，黃曰於百父你子十治然而出名龍帝：襄男之是，男，後處胞乳兄上龍，生夫長而將國受相，勞之境呼來，無之合吾分咱姬日不常至夜而處焉族，，自嫗七，非行日然相使水氣剝上各興過之爲。忽君，之分地男君。養謂國歸君興弃種陽爲居百龍野而，北北龍，遐龍陰今汝。原歸服歸得。人相是雖。從廢諸迎畏思不」之勿我，居男相

其晦)。祿曰，曰蒲子于族爲于米尊南也。福，林相曰傳漁水，始以推夾是曰陽桂。馬父民與身寶，自東國，桂曰相司以之種刺俗蓆是也。其占寧，定爲娘世山靈以身草也。今曰泉真次媚。時山人紋管鶴郎孫鶩曰，置女曰易曰乃百，縣國國，陽曰其曰塊。令粵織白文狐朱，南。官不王。衣州(今號至曰也)日之郎將而害患爲國南，是曰治官，王王侵之皮峯，趾寧，分曰精雄於焉傷木于王庭交南真弟子曰號自故咬以居雄洞曰(今九群王隸皆無，婢傳傷異龍足男曰至，海曰其。婢傳傷異龍足五十號北部寧，命將，相所惡蛇未與主蜀十，伊部曰自世蛟同自民姪爲巴烏裳曰等將僕，爲好狀初民姪者抵中越，群，奴道往彼之國長西國曰寧象侯。父佐，怪。雄，分，武曰貉正曰水殊水此。

淳爲酒，以桄榔櫟桐爲版，以禽獸魚蝦爲鹹，以薑根爲鹽，刀耕火種。地多糯米，以竹筒炊之。架木爲屋以避虎狼之害。剪短其髮以便入林。子之初生也，以蕉葉卧之。人之死也，相春，令鄰人聞之，率來相救。男女嫁娶，以鹽封先爲問禮，然後殺牛羊以成夫婦。以糯飯入房中相食畢，然後交通，以此時未有擡櫛故也。蓋百男乃百粵之始祖也。

(嶺南摭怪列傳, 卷之一)

PHIÊN ÂM :

HỒNG BÀNG THỊ TRUYỀN

Viêm Đế Thần Nông Thị tam thế tôn Đế Minh ^{1*} sinh Đế Nghi ^{2*}, kỵ ^{3*} nhi Nam tuần chi ^{4*} Ngũ Linh ^{5*}, tiếp đắc Vũ Tiên chi nữ ^{6*} duyệt chi, nạp nhi quy ^{7*}, sinh Lộc Tục ^{8*}, dung mạo doan chính, thông mãn túc thành ^{9*}. Đế Minh kỵ chi, sử tự đế vị ^{10*}, Lộc Tục ^{11*} có nhượng ^{12*} kỵ huynh Đế Nghi, bắt cảm phụng mệnh ^{13*}. U thị Đế Minh ^{14*} lập Đế Nghi vi tự ^{15*} dĩ tri Bắc địa, phong Lộc Tục ^{16*} vi Kinh Dương Vương dĩ tri Nam phương ^{17*}, hiệu kỵ quốc vi Xích Quỷ quốc. Kinh Dương Vương năng nhập ^{18*} Thủy Phủ, thú Động Đinh quân nữ ^{19*} viết Long Nữ ^{20*}, sinh ^{21*} Sùng Lãm, thị vi ^{22*} Lạc Long Quân, đại phụ ^{23*} dĩ tri kỵ quốc, Kinh Dương Vương bắt tri sở chi ^{24*}.

Lạc Long Quân giáo dân canh giá y thực ^{25*}, thủy hữu ^{26*} quân thần tôn ti chi tự ^{27*}, phụ tử phu phụ chi luân ^{28*} hoặc thời quý Thủy Phủ ^{29*} nǚ bách tính ^{30*} yến nhiên. Dân hoặc hữu sự, tắc hô Lạc Long Quân viết ^{31*} : « Bô hô ^{32*} bất lai dĩ cứu ^{33*} ngã bối» (Việt nhân ^{34*} hô phụ viết «cha», viết «bố», hô quân viết «vua» thị dã ^{35*}). Long Quân tức lai ^{36*}, kỵ uy linh cảm ứng, nhân mạc năng trắc.

Đế Nghi truyền tử ^{37*} Đế Lai, dĩ Bắc phương vô sự ^{38*} nhân tư cấp ^{39*} tộ Đế Minh nam tuần tiếp đắc tiên nữ chi sự, nãi mệnh thần ^{40*} thần Xuy Viru đại thủ kỵ quốc ^{41*} nhi nam tuần Xích Quỷ quốc, kiến Lạc ^{42*} Long Quân dĩ quy Thủy Phủ, quốc nội vô chủ ^{43*}, nãi lưu ái nữ ^{44*} Âu Cơ dữ bộ chúng thi tỳ cư vu hành tai ^{45*} nhi chu lưu thiên hạ ^{46*}, biến quan hình thăng ^{47*}, kiến kỵ kỳ hoa quái thảo ^{48*}, tràn cầm dí thú ^{49*}, tê tượng đại mạo, kim ngân châu ngọc, tiêu quế nhũ hương, tràm đan dảng vị ^{50*}, sơn hào hải thô vô vật bất hữu. Hựu từ thời khỉ hau ^{51*} bất hàn bất nhiệt, Đế Lai ^{52*} tâm ái mộ chí nhi vong phản ^{53*}. Nam

quốc nhân dân khỗ ư phiền nhiễu ^{54*}, bất đắc an ^{55*} thiếp như sơ, nhát dạ vọng Long Quân chi quy ^{56*}, nỗi tương suất dương thanh hô viết ^{57*} : «Bô tại hà phuong, dương tốc lai cùu» ^{58*}. Long Quân thúc nhiên nhi quy, kiến Âu Cơ độc cù ^{59*}, dung mạo tuyệt mỹ ^{60*}. Long Quân duyệt chi nãi hóa tác nhất hảo nhi lang ^{61*} phong tư tú lệ ^{62*}, tả hữu tiền hậu thị tòng chúng đa, ca xúy chi thanh đạt vu hành tại ^{63*}. Âu Cơ kiến chi, tâm diệc duyệt tòng ^{64*}. Long Quân nghênh quy vu Long Trang nhам ^{65*}. Cập Đế Lai hoàn, bất kiến Âu Cơ ^{66*}, mệnh quần ^{67*} thần biến tầm thiên hạ. Long Quân hữu ^{68*} thần thuật, biến hiện bách đoan ^{69*}, yêu tinh quỷ my, long xà hồ ^{70*} tượng ^{71*}, tầm giả úy cù bất cảm sưu sách ^{72*}, Đế Lai nãi ^{73*} Bắc hoàn ^{74*}. Tài truyền ^{75*} chí Đế Du Võng, dữ Hoàng Đế chiến vu Bản Tuyền, bất khắc nhi tử, Thần Nông Thị toại vong ^{76*}.

Long Quân dữ ^{77*} Âu Cơ tương xứ cờ niên nhi sinh đắc ^{78*} nhất bào, dĩ vi ^{79*} bất tường, khi chư nguyên dã ^{80*}. Quá thất nhạt, bào trung khai xuất bách noãn, nhất noãn nhất nam ^{81*}. Long Quân toại nghênh quy nhi dưỡng chi ^{82*}, bất lao nhũ bộ, các tự trưởng đại, tri dũng câu toàn, nhân giao úy phục, vị vi phi thường chi huynh đệ ^{83*}. Long Quân cùu cù Thủy Phủ. Mẫu tử độc cù, tư quy Bắc quốc ^{84*}. Hành chi cảnh thượng, Hoàng Đế văn chi cù, phân binh ngự tái ngoại ^{85*}. Mẫu tử bất đắc Bắc quy, nhát dạ hô Long Quân ^{86*} viết : «Bô tại hà xứ, sứ ngô mẫu tử bi thương ^{87*} !». Long Quân hốt nhiên nhi lai, ngô ư Tương Dã ^{88*}. Âu Cơ khấp ^{89*} viết : «Thiếp bản Bắc địa chi ^{90*} nhàn, dữ quân tương xứ, sinh đắc bách nam, vô do cúc dưỡng ^{91*}, thỉnh dữ quân ^{92*} tòng, vật tương hà khi, sứ vi vô phu vô phụ chí nhàn, đồ tự thương nhĩ ^{93*} !» Long Quân viết : «Ngã thị Long chủng ^{94*}, thủy tộc chi trưởng; nhĩ thị Tiên chủng ^{95*}, địa thượng chí nhàn, bản bất tương thuộc ^{96*}, tuy âm dương chí khí ^{97*}, hợp nhì sinh tử ^{98*}, nhiên phuong loại ^{99*}, thủy hỏa tương khắc nan dĩ cùu cù ^{100*}. Kim ^{101*} vi phân biệt, ngô tương ngũ thập nam quy Thủy Phủ, phân trị các xứ, ngũ thập nam tòng nhữ cù địa thượng ^{102*}, phân quốc nhì trị, đặng sơn nhập thủy, hữu sự tương quan ^{103*}, vô đắc tương phế ^{104*}». Bách nam các tự ^{105*} thịnh thụ, nhiên hậu ^{106*} từ khứ.

Âu Cơ dữ ^{107*} ngũ thập nam cù vu Phong Châu (kim Bạch Hạc huyện thi dã) ^{108*}, tự suy tôn kỳ hùng trưởng giả vi Chúa, hiệu viết Hùng Vương ^{109*}, quốc hiệu Văn Lang quốc ^{110*}. Kỳ quốc ^{111*} đông giáp Nam Hải, tây dề ^{112*} Ba Thục, bắc chi Động Đinh, nam chí Hồ Tôn ^{113*} quốc (kim Chiêm Thành quốc thị dã) ^{114*}. Phân quốc trung ^{115*} vi thập ngũ bộ ^{116*}, viết Giao Chỉ, viết Chu Diên, viết Ninh Sơn ^{117*}, viết Phú Lộc, viết Việt Thường, viết Ninh Hải (kim Nam Ninh thị dã) ^{118*}, viết Dương Tuyền ^{119*}, viết Quế Dương ^{120*}, viết Vũ Ninh ^{121*}, viết Y Hoan ^{122*}, viết Cửu Chân, viết Nhật Nam, viết Chân Định, viết Quế Lâm ^{123*}, viết Tượng Quận ^{124*} đặng bộ ^{125*}, mệnh kỳ quần đệ phân ^{126*} trị chí ^{127*}. Trí kỳ thứ vi tướng tướng. Tướng viết Lạc hầu, tướng viết Lạc tướng ^{128*}. Vương tử viết Quan lang, nữ viết My nương. Tư mã viết Bồ chinh ^{129*}. Nô bộc viết Trâu, tỳ lê viết Tinh, tướng quan viết Khối ^{130*}. Thế thế dĩ phụ truyền tử viết Phụ đạo ^{131*}, thế chúa tương truyền giai hiệu Hùng Vương nhi bất dịch. Thời sơn lộc chí dân ngư vu

thủy vãng vãng vị giao xà ^{132*} sở thương ^{133*}, bạch ư vương. Vương ^{134*} viết : «Sơn man ^{135*} chi chủng dữ thủy tộc ^{136*} thù, bỉ hiếu đồng nhi ố dì ^{137*}, cõ vi xâm hại ^{138*}». Nãi linh nhân dĩ mặc thích thân, vi thủy quái chi trạng ^{139*}, tự thị xà long vô giáo thương chi hoạn ^{140*}. Bách Việt văn thân chi tục thực ^{141*} thủy vu thử. Quốc sơ, dân ^{142*} dụng vị túc, dĩ mộc bì vi y, chức quản thảo ^{143*} vi tịch, dĩ mẽ tẽ vi túr ^{144*}, dĩ quang lang, tung lư ^{145*} vi bản ^{146*}, dĩ cầm thú ngư hà vi hàm, dĩ ^{147*} khương căn vi diêm, đao canh hỏa chủng. Địa ^{148*} đà nhu mẽ, dĩ trúc đồng xuy chí ^{149*}. Giá ^{150*} mộc vi ốc dĩ tị hồ lang chí hại. Tiên đoán ^{151*} kỳ phát dĩ tiện nhập lâm ^{152*}. Tứ chí sơ ^{153*} sinh dã, dĩ tiêu diệp ngoa chí ^{154*}. Nhân chí ^{155*} tử dã, tương thung ^{156*}, linh ^{157*} lân nhân văn chí, suất lai tương cứu ^{158*}. Nam nữ giá thú, dĩ diêm phong tiên vi văn lê ^{159*}, nhiên hậu sát ngư dương dĩ thành phu phụ ^{160*}. Dĩ nhu phan ^{161*} nhập phòng trung trường thực tất, nhiên hậu giao thông, dĩ thử thời vi hữu tân lang cố dã ^{162*}. Cái bách nam nãi Bách Việt chí thủy tò dã ^{163*}.

(Lĩnh Nam chích quái liệt truyện ; Quyển chí nhất)

DỊCH NGHĨA :

TRUYỆN HỌ HỒNG BÀNG

Cháu ba đời họ Viêm Đế Thần Nông (²) là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, nhân đi tuần thú phương Nam, tới miền Ngũ Lĩnh (³), gặp con gái bà Vụ Tiên, đem lòng yêu thích, lấy về, sinh ra Lộc Tục, dung mạo doan chính, sớm tỏ ra thông minh, nhanh nhẹn. Đế Minh thấy thế, lấy làm lạ, cho nối vua, nhưng Lộc Tục cố nhường cho anh là Đế Nghi, không dám vâng mệnh. Đế Minh vì vậy lập Đế Nghi thay mình cai trị đất Bắc, phong cho Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, lấy hiệu nước là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương có tài xuống Thủy Phủ, lấy con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm, ấy là Lạc Long Quân, thay cha trị nước. Còn Kinh Dương Vương thì không biết đì đâu.

Lạc Long Quân dạy cho dân cày cấy, ăn mặc ; trong nước từ đấy mới có thứ tự quân thần, tôn ti ; mới có luân thường giữa cha con, chồng vợ. Có lúc Long Quân trở về Thủy Phủ mà trăm họ vẫn yên vui. Hễ dân có việc, cứ gọi Lạc Long Quân rằng : «Bố ơi, sao không về để cứu chúng con» (người Việt gọi «phụ» là «cha» hoặc «bố», gọi «quân» là «vua», chính là như vậy), Long Quân liền về ngay. Sự oai linh cảm ứng của Long Quân người ta không tài nào lường được.

Đế Nghi truyền ngôi cho con là Đế Lai. Nhân khi phuơng Bắc vô sự, nhớ tới chuyện ông mình là Đế Minh đi tuần thú phuơng Nam gặp được tiên nữ, Đế Lai bèn bảo kẻ bồ tôi thân cận là Xuy Viru (⁴), thay mình giữ nước, rồi đi tuần

du nước Xích Quỷ ở phương Nam. Đến nơi, Đế Lai thấy Lạc Long Quân đã về Thủy Phủ, trong nước vô chủ, bèn đề cho ái nữ Âu Cơ và những kẻ theo hầu hạ ở lại nơi hành tại, còn mình thì đi dạo chơi trong thiên hạ, xem khắp các nơi hình thang. Thấy những hoa kỳ cỏ lạ, trân cầm dị thú, tê tượng đồi mồi, bạc vàng châu ngọc, tiêu quế nhũ hương, trầm đan các vị, cùng sơn hào hải vật không thiếu một thứ nào. Bốn mùa khí hậu lại không lạnh không nóng, Đế Lai lòng yêu thích, quên cả chuyện về. Nhân dân nước Nam khổ vì cảnh phiền nhiễu, không được yên lành như xưa, ngày đêm mong Long Quân trở lại, bèn cùng nhau cất tiếng gọi rằng : «Bố ở nơi nao, hãy mau về cứu chúng con !» Long Quân thoát nhiên trở về, thấy Âu Cơ đang một mình, dung mạo tuyệt mỹ. Long Quân lấy làm yêu thích, bèn hóa thành một chàng trai hình dáng xinh đẹp, ta hưu trước sau có đồng đảo kẻ hầu người hạ, tiếng ca tiếng nhạc vang lừng đến tận nơi hành tại. Âu Cơ thấy Long Quân, lòng cũng xiêu xiêu. Long Quân đón về ở động Long Trang. Đến lúc Đế Lai trở về, không thấy Âu Cơ sai quần thần đi tìm khắp thiên hạ. Long Quân có phép thần, biến hóa ra trăm hình nghìn vẻ, nào yêu tinh quý mị, nào rồng rắn hổ voi, làm cho kẻ đi tìm sợ hãi không dám lục sao, Đế Lai đành phải trở về phương Bắc. Đế Lai truyền ngôi đến Đế Du Võng thi đánh nhau với Hoàng Đế⁽⁵⁾ ở Phản tuyền⁽⁶⁾, không thắng được mà chết, họ Thần Nông đến đây thì mất.

Long Quân và Âu Cơ sống với nhau chừng một năm thì sinh được một cái bọc, cho là điềm không lành nên đem vứt ra ngoài đồng. Qua bảy ngày, cái bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một người con trai. Long Quân liền đón về nuôi, không cần bú mớm, các con tự lớn, người nào cũng trí dũng kiêm toàn, ai ai trông thấy đều kinh phục, cho là dám anh em phi thường. Long Quân ở mãi nơi Thủy Phủ, làm cho mẹ con Âu Cơ phải sống lè lo, muốn về đất Bắc. Khi đi tới biên giới, Hoàng Đế nghe tin lấy làm lo sợ, bèn chia quân ra ngăn giữ ngoài cửa ái. Mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân rằng : «Bố ở nơi nao, làm cho mẹ con tôi phải buồn đau !» Long Quân bỗng nhiên nói, cùng gặp nhau ở Tương Dã⁽⁷⁾. Âu Cơ vừa khóc vừa nói rằng : «Thiếp nguyện người đất Bắc, cùng chàng ăn ở với nhau, sinh được trăm đứa con trai không biết dựa vào đâu nuôi nấng, vậy xin theo chàng ; mong chàng đừng ruồng bỏ, làm cho mẹ con thiếp hóa ra những kẻ không chồng không cha, chỉ riêng mình đau khổ thôi». Long Quân nói : «Ta là giống Rồng, đừng đầu thủy tộc ; nàng là giống Tiên, người ở trên đất, vốn không đoàn tụ được với nhau, tuy khi âm dương hợp lại mà sinh con, nhưng giống giống tương khắc như nước với lửa, khó bề ở lâu với nhau được. Nay phải chia ly, ta sẽ mang năm mươi con trai về Thủy Phủ, chia trị các nơi, còn năm mươi đứa sẽ theo nàng ở trên đất, chia nước ra mà cai trị. Những lúc lên non, xuống nước có việc cùng gắn bó đừng bỏ rơi nhau». Trăm người con trai đều nghe theo, rồi cùng nhau từ biệt.

Âu Cơ và năm mươi con trai đến ở đất Phong Châu (nay chính là huyện Bạch Hạc)⁽⁸⁾, cùng tên người anh cả lèu làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên

nước là Văn Lang. Nước ấy đông giáp Nam Hải (⁹), tây giáp Ba Thục (¹⁰), bắc đến Động Đinh (¹¹), nam đến nước Hồ Tôn (nay chính là nước Chiêm Thành). Chia nước ra làm mười lăm bộ, là Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, (nay chính là Nâm Ninh), Dương Tuyền, Quế Dương, Vũ Ninh, Y Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Chân Định, Quế Lâm, Tượng Quận, sai các em chia nhau cai trị (¹²). Dưới vua, có đặt ra các chức tướng văn, tướng võ. Tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng. Con trai vua gọi là Quan lang, con gái vua gọi là Mỹ nương. Tư mã gọi là Bồ chính. Nô bộc gọi là Trâu, nô tỳ gọi là Tinh, các quan gọi là Khối. Đời đời cha truyền con nối gọi là Phụ đạo. Các vua truyền ngôi cho nhau đều lấy hiệu là Hùng Vương mà không thay đổi. Thời bấy giờ, dân ở miền núi xuống đánh cá dưới nước thường bị loài giao xà gáy thương tồn, bèn tò bày việc ấy với vua. Vua nói: «Giống sơn man khác với giống thủy tộc; giống thủy tộc vốn ưa những cái giống mình và ghét những cái khác mình, cho nên ta bị chúng gáy hại». Bèn ra lệnh cho ai nấy đều lấy mực xám vào người thành hình thủy quái, từ đó không còn lo xà long cắn bị thương nữa. Tục vẽ mình của dân Bách Việt thực bắt đầu từ đấy. Vào buổi đầu dựng nước, đồ dùng của dân chưa đủ, phải lấy vỏ cây làm áo, dệt cổ ống làm chiếu, lấy cốt gạo làm rượu lấy cây quảng lang làm thức ăn, lấy cày tung lư làm giường nằm (¹³), lấy cầm thú cá tôm làm mắm, lấy củ gừng làm muối. Cày bằng dao, trồng bằng lửa. Đất sản xuất nhiều gạo nếp, lấy ống tre mà thổi gạo ấy. Gác gỗ làm nhà để tránh hổ lang làm hại. Cắt tóc ngắn để tiện vào rừng. Con mồi đẻ ra, lấy lá chuối lót cho nầm. Có người chết thi giã cối cho láng giềng nghe tiếng để kéo nhau đến cứu giúp. Con trai con gái khi hôn thú, trước hết lấy gối muối làm lê hỏi, rồi sau đó mới giết trâu giết dê để thành vợ thành chồng. Đem cơm nếp vào buồng cùng ăn xong, vợ chồng mới thành thân. Vì hồi bấy giờ trầu cau chưa có. Trăm người con trai chính là tổ tiên của dân Bách Việt (¹⁴) vậy.

(Lĩnh Nam chích quái liệt truyện ; Quyển I)

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

- 1* LNCQLT3 : sau chữ 明 德 Minh, có thêm chữ 景 ký.
- 2* LNCQLT1 : sau chữ 帝 宜 Đế Nghị, có thêm 4 chữ 帝 宜 生 帝 来 Đế Nghị sinh Đế Lai.
- 3* LNCQLT3 : không có chữ 既 ký.
- 4* LNCQLT1, LNTQLT2 : 子 vu.
- 5* LNTQLT3 : sau chữ 玉 瑶 Ngũ Lĩnh, có thêm 2 chữ 山 中 son trung.
- 6* LNCQLT1 : 接 得 婢 仙 女 tiếp đắc Vu Tiên nữ ; LNCQLT2 : 接 得 婢 娘 之 女 tiếp đắc Vu Nương chi nữ.
- 7* LNCQLT1 : 悅 之, 納 之 錄 duyet chi, nap chi quy.
LNCQLT3 : 悅 而 愛 之, 納 而 逆 錄 duyet nhi ai chi, nap nhi nghenh quy.
- 8* LNCQLT3 : 生 得 繼 祿 sinh dac Tuc Loc.

- 9* LNCQLT2 : 慶 明 凤 成 *thông minh túc thành* ; LNCQLT3 聖 智 通 明 *thánh tri thông minh*.
- 10* LNCQLT3 : 帝 明 尤 奇 之 , 使 嗣 其 位 *Đế Minh vưu kỳ chi, sử tự kỳ vị*.
- 11* LNCQLT3 : 繼 緯 *Tục Lộc*.
- 12* LNCQLT3 : 國 辭 讓 *cố từ nhường*.
- 13* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 其 先 帝 宜 , 不 敢 奉 命 *kỳ huynh Đế Nghi, bất cẩn phung mệnh*.
- 14* LNCQLT3 : 帝 明 於 是 *Đế minh u thị*.
- 15* LNCQLT3 : 立 帝 宜 嗣 其 位 *lập Đế Nghi tự kỳ vị*.
- 16* LNCQLT3 : 繼 緯 *Tục Lộc*.
- 17* LNCQLT1 : 南 地 *nam địa*.
- 18* LNCQLT3 : 行 *hành*.
- 19* LNCQLT2 : 子 *tử*.
- 20* LNCQLT3 : không có 3 chữ 龍 女 *viết Long Nữ*.
- 21* LNCQLT3 : sau chữ 生 *sinh*, có thêm chữ 得 *đắc*.
- 22* LNCQLT3 : 封 為 *phong vi*.
- 23* LNCQLT3 : không có 2 chữ 代 父 *dai phu*.
- 24* LNCQLT1, LNCQLT2 : 終 *chung*.
- 25* LNCQLT1 : 龍 君 教 養 衣 食 *Long Quân giáo dưỡng y thực*; LNCQLT2 : 龍 君 教 民 耕 種 農 畜 *Long Quân giáo dân canh chủng nông tang*.
- 26* LNCQLT3 : sau chữ 始 有 *thủ hưu*, có thêm 2 chữ 政 教 *chinh giáo*.
- 27* LNCQLT3 : 分 *phân*.
- 28* LNCQLT3 : 人 偷 *nhân luân*.
- 29* LNCQLT1 : 或 時 歸 水 國 *hoặc thời quy Thủy Quốc*; LNCQLT3 : 或 居 水 府 *hoặc cư Thủy phủ*.
- 30* LNCQLT3 : 萬 民 *vạn dân*.
- 31* LNCQLT3 : sau 焉 然 *yên nhiên*, có 夠 : 或 治 天 下 而 百 姓 心 悅 , 是 時 以 焉 然 無 事 , 不 知 以 其 然 者 . 民 或 有 事 則 揚 聲 大 呼 所 懇 翳 龍 君 曰 *hoặc trị thiên hạ nǎi bách tinh tâm duyệt, thị thời dĩ vi vô sự, bắt tri dǐ kỳ nhiên giả. Dân hoặc hữu sự tắc đương thanh dạ: hô sở khấn Lạc Long Quân viết*.
- 32* LNCQLT2 : 胡 *hò*.
- 33* LNCQLT3 : 泛 *tri*.
- 34* LNCQLT1, LNCQLT2 : 南 人 *Nam nhân*.
- 35* LNCQLT1 : 呼 父 曰 逋 , 呼 君 曰 布 *hô phu viết bô, hô quân viết vuâ*; LNCQLT2 : 呼 父 曰 逋 , 呼 君 曰 布 始 此 *hô phu viết bô, hô quân viết vuâ thủy thủ*.
- 36* LNCQLT3 : 羔 龍 君 倏 然 即 來 *Lạc Long Quân thúc nhiên tíc lai*.
- 37* LNCQLT1, LNCQLT2 : sau chữ 傳 *truyền*, không có chữ 子 *tử*.
- 38* LNCQLT3 : 時 帝 宜 傳 子 帝 來 治 天 下 無 事 *Thời, Đế Nghi truyền tử Đế Lai trị thiên hạ vô sự*.
- 39* LNCQLT3 : 及 恩 *cấp tư*.
- 40* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 親 *thân*.
- 41* LNCQLT1, LNCQLT2 : 代 守 國 事 *dai thủ quốc sự*.
- 42* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 羔 *Lac*.
- 43* LNCQLT2 : 國 內 無 差 *quốc nội vô quān*; LNCQLT3 : 其 國 無 事 *kỳ quốc vô sự*.
- 44* LNCQLT3 : 愛 妻 *ái thiếp*.

- 45* LNCQLT3 : 契眾 (?) 侍婢居行在 dì chung (?) thí lì cù hành tại.
- 46* LNCQLT3 : 帝來行周流天下 Đế Lai hành chu lưu thiên hạ.
- 47* LNCQLT3 : 遍覽地勢 (?) biến lâm địa thế (?).
- 48* LNCQLT1 : 吳草 dì thảo ; LNCQLT3 : 吳卉 dì hả.
- 49* LNCQLT3 : 奇獸 kỳ thú.
- 50* LNCQLT3 : 檀桂沉白核乳香奇南等味 tiêu quế trầm bạch dàn nhũ hương kỳ nam đắng vị.
- 51* LNCQLT3 : 風土四時 phong thổ tứ thời.
- 52* LNCQLT1, LNCQLT2 : đều không có chữ 帝來 Đế Lai.
- 53* LNCQLT3 : 心愛慕, 樂而忘回北國 tâm ái mộ, lạc nhí vong hồi Bắc quốc.
- 54* LNCQLT1 : 南國人民苦此生煩擾 Nam quốc nhân dân khổ thử sinh phiền nhiễu.
LNCQLT3 : 南國臣民頗多煩擾 Nam quốc thần dân phả da phiền nhiễu.
- 55* LNCQLT3 : không có chữ 安 an.
- 56* LNCQLT3 : không có câu 日夜望龍君之歸 nhật dạ vọng Long Quân chi quy.
- 57* LNCQLT2 : 乃相率揚呼曰 nǎi tương suất dương hô viet' ; LNCQLT3 : 相率揚聲大呼龍君曰 tương suất dương thanh đại hô Long Quân viet'.
- 58* LNCQLT1 : 逋在何方留遠 (?) 救我 bô tại hà phượng dương tốn (?) cứu ngã.
LNCQLT3 : 逋何在與北國主侵擾吾民 bô hà tại dù Bắc quốc chúa xâm nhiễu ngo dân.
- 59* LNCQLT3 : 尤姬姫行在 kiến Âu Cơ hành tại.
- 60* LNCQLT3 : 容貌奇偉, 膜妾侍從不異仙居 dung mạo kỳ vĩ, dảng thiếp thị tòng bất dị tiên cư.
- 61* LNCQLT3 : 龍君愛之, 乃化作好兒郎 Long Quân ái chi, nãi hóa tác hảo nhi lang.
- 62* LNCQLT1, LNCQLT2 : 美麗 mỹ lệ.
- 63* LNCQLT2 : 歌呼之聲達于行在 ca hô chi thanh đạt vu hành tại ; LNCQLT3 : 行歌舞吹撻于宮中 hành ca vũ xìu thát vu cung trung.
- 64* LNCQLT3 : 心悅而從 tâm duyệt nhí tòng.
- 65* LNCQLT3 : 龍君迎之居于岱巒 Long Quân nghênh chi cư vu Đại Nham.
- 66* LNCQLT3 : 帝來還行在不是姫姬, Đế Lai hoàn hành tại, bát kiến Âu Cơ.
- 67* LNCQLT3 : không có chữ 群 quần.
- 68* LNCQLT3 : 化為 hóa vi.
- 69* LNCQLT : không có các chữ 變現百端 biến hiện bách doan.
- 70* LNCQLT3 : 身 té.
- 71* LNCQLT3 : sau chữ 象 tượng, có thêm các chữ 變現百端 biến hiện bách doan.
- 72* LNCQLT3 : 帝來群臣畏懼, 寶鏡不得 Đế Lai quần thần úy cù, tám mịch bát dắc.
- 73* LNCQLT1 : 亦 diệc.
- 74* LNCQLT3 : không có các chữ 帝來乃北遷 Đế Lai nãi Bắc hoản.
- 75* LNCQLT1 : không có chữ 傳 truyen.
- 76* 鄭后傳 tái truyen đến 神農氏遂亡 Thần Nông Thị toại vong, LNCQLT3 chép như sau : 時北國蚩尤作亂, 有熊國君軒轅黃帝修德以率諸侯舉兵攻之不克。蚩尤獸形人面, 身強有威。或教貪帝以發(?)獸皮族鼓令而戰之, 蚩尤力猶長而敗, 徒于涿鹿, 貪帝自立以有其國。帝來聞之乃還北國, 奥黃帝三戰, 不克, 內(?)于堦邑, 神農氏遂亡。
- Thời Bắc quốc Xuy Vua tác loạn, Hữu Hùng quốc quân Hiên Viên Hoàng Đế tu đức đãi

suất chư hầu cù binh công chi, bắt khắc. Xug Vưu thú hình nhân diện, dũng mãnh hẫu uy. Hoặc giáo Hoàng Đế dĩ phát (?) thú bì kỵ cõ lệnh nhí chiến chí, Xug Vưu nãi kinh úy nhí bại, tì vu Trác Lộc. Hoàng Đế tự lập dĩ hẫu kỵ quốc. Đế Lai văn chi nãi hoàn Bắc quốc, dãm Hoàng Đế tam chiến, bắt khắc, nội (?) vu Lạc Ấp, Thần Nông Thị toại vong.

77* LNCQLT3 : không có chữ 與 dã.

78* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 得 dắc.

79* LNCQLT1 : không có chữ 為 vi.

80* LNCQLT3 : 乘于原野之間 khí vu nguyén dã chí gian.

81* LNCQLT3 : 以過六七日, 胞中脫開, 出得一百卵, 每卵一男 dĩ quá lục thất nhất, bào trung thoát khai, xuất dắc nhất báu hi noãn, mỗi noãn nhất nam.

82* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 龍君遂 Long Quân toại.

83* LNCQLT3 : 不勞乳哺, 各自有秀麗奇異。及長大, 威猛捷敏, 智勇兼全, 人每畏服, 謂其非常人之兄弟也 bát lao nhũ bộ, các tự hẫu tú lệ kỵ dị. Cập trưởng dài, uy mãnh tiếp mǎn, tri dũng kiêm toàn, nhân mỗi úy phục, vị kỵ phi thường nhân chi huynh đệ dã.

84* LNCQLT3 : 龍君久居水府,乃忘其子,眾亦不知其父,獨母子居,故思歸北國。Long Quân cùu cư Thủy phủ, nãi vong kỵ tử, chúng diệc bát tri kỵ phu, độc mẫu tử cư, cõi tư quy Bắc quốc.

85* LNCQLT3 : 行至境土, 黃帝聞之而懼心, 乃命矢禦于塞外。Hành chí cánh thô, Hoàng Đế vẫn chi nhi cùu tám, nãi mệnh binh ngự vu tài ngoại.

86* LNCQLT3 : 母子歸北不得, 回南國, 呼龍君 mẫu tử quy Bắc bắt dắc, hồi Nam quốc; hô Long Quân.

87* LNCQLT3 : 逼何在, 使我母子孤寡, 皆受傷悲 bô hà tại; sử ngã mẫu tử cô quả, giải thụ thương bi.

88* LNCQLT3 : không có 4 chữ 遇於裏野 ngó u Tương dã.

89* LNCQLT3 : không có chữ 江 khắp.

90* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 地之 địa chi.

91* LNCQLT1 : 有 dục.

92* LNCQLT3 : 相 tương.

93* LNCQLT3 : Không có câu từ 勿相 vật tương đến 徒自傷耳 dò tự thương nhĩ.

94* LGCQLT1 : 屬 thuộc.

95* LNCQLT1 : 屬 thuộc ; LNCQLT3 : 尔是從 nhĩ thị tùng.

96* LNCQLT3 : 本無相屬 bản vô tương thuộc.

97* LNCQLT3 : 水火相對, 虽同陰陽之象 thủy hỏa tương đối, tuy đồng âm dương chi khi.

98* LNCQLT1, LNCQLT2 : 有子 hẫu tử.

99* LNCQLT2 : 方國 phuơng quốc ; LNCQLT3 生類 sinh loại.

100* LNCQLT3 : không có 8 chữ 水火相剋, 難以久居 thủy hỏa tương khắc, nan dĩ cùu cư.

101* LNCQLT3 : 将 tương.

102* LNCQLT3 : 五十男歸 (?) 汝同從處北地上 ngũ thập nam quy (?) nhữ đồng tòng xứ Bắc địa thương.

103* LNCQLT1 : 相聞 tương văn.

104* LNCQLT3 : 署 hai.

105* LNCQLT1, LNCQLT2 : 各相 các tương.

106* LNCQLT3 : sau chư 然後 nhiên hậu, có thêm 2 chữ 龍君 Long Quân.

107* LNCQLT3 : 將 tương.

- 108* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 2 chữ 是也 thi dã.
- 109* LNCQLT2 : 自推尊長其雄長者為王號曰雄王 *tự suy tôn trưởng kỵ hùng trưởng giả vi vương* hiệu viết Hùng Vương ; LNCQLT3 : 峯州自相推(?)服, 作立君臣, 以世雄長者尊立為主, 號曰雄王 *Phong Châu tự tương suy (?) phục, tắc lập quân thần, dĩ thề hùng trưởng giả, tôn lập vi chúa, hiệu viết Hùng Vương* ; LNCQLT3 có chủ thích thêm 今上成(?)國是也 *kim Thượng thành (?) quốc thi dã*.
- 110* LNCQLT2 : 號文郎國 *hiệu Văn Lang quốc* ; LNCQLT3 : 國曰文郎國 *quốc viết Văn Lang quốc*.
- 111* LNCQLT3 : không có 2 chữ 共國 *ký quốc*.
- 112* LNCQLT1 : 振 phủ ; LNCQLT2 : 接 tiếp.
- 113* LNCQLT3 : sau chữ 狐孫 *Hò tôn*, có thêm chữ 精 tinh.
- 114* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 2 chữ 是也 thi dã.
- 115* LNCQLT3 : 中國 *Trung Quốc*.
- 116* LNCQLT3 : 郡 *quân*.
- 117* LNCQLT3 : 武寧 *Vũ Ninh*.
- 118* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 是也 thi dã.
- 119* LNCQLT2 : 海象 *Hải Tuyễn*.
- 120* LNCQLT3 : 柱海 *Quế Hải*.
- 121* LNCQLT3 : 武定 *Vũ Định*.
- 122* LNCQLT3 : 壽醜 *Hoài Hoan*.
- 123* LNCQLT3 : 九德 *Cửu Đức*.
- 124* LNCQLT3 : 文郎 *Văn Lang*. LNCQLT1 : trù bộ 交趾 *Giao Chỉ*, còn thi trước mỗi tên các bộ khác đều không có chữ 𠩺 viết.
- 125* LNCQLT3 : không có 2 chữ 等部 *dảng bộ*.
- 126* LNCQLT3 : không có chữ 分 phán
- 127* LNCQLT3 : sau chữ 治之 *trị chí*, còn có 4 chữ 郡臣屬焉 *quản thần thuộc yến*.
- 128* LNCQLT3 : 曰貉侯, 曰貉將 *viết Lạc hầu, viết Lạc tướng*.
- 129* LNCQLL3 : 有司馬曰庸王官 *hữu Tư mã viết bô vương quan*.
- 130* LNCQLT1 : 臣僕隸曰卯, 婢曰稍, 稱臣曰瑰 *thần bộc lê viết mǎo, tợ viết xảo*, xung thần viết khôi ; LNCQLT2 : 臣僕奴隸曰卯婢, 稱臣曰瑰 *thần liêu nô lê viết mǎo tợ*, xung thần viết khôi.
- 131* LNCQLT1 : 闡導 xiên đạo ; LNCQLT3 : 母世傳子曰道父 *Mẫu thế truyền tử viết đạo phu*.
- 132* LNCQLT2 : 龍 long.
- 133* LNCQLT3 : 時山麓之民見江河臥(?)水魚蝦併集, 率相衆食, 卜為蛟蛇所傷 *thời son lộc chi dân kiến giang hà ngư (?) thủy ngư hà sở tập, suất tương ngư thực, bốc vị giao xà sở thương*.
- 134* LNCQLT3 : không có chữ 王 virong.
- 135* LNCQLT1 : 龍 long.
- 136* LNCQLT : sau chữ 族 tộc, có chữ 寶 thực.
- 137* LNCQLT2 : 彼喜同惡異 *bì hỉ đồng ố dị* ; LNCQLT3 : 彼約同而惡異 *bì uớc đồng nhi ố dị*.
- 138* LNCQLT3 : 見之無故有侵害 *kiến chi, vô cõ hữu xâm hại*.
- 139* LNCQLT3 : 以墨刺畫水怪斂其身相 *dĩ mặc thích họa thủy quái văn kỵ thân tướng*.
- 140* LNCQLT2 : 且是蛟龍無咬傷之患 *tự thi giao long vô giảo thương chi hoạn*, LNCQLT3 : 蛟蛇見之無咬傷大害 *giao xà kiến chi vô giảo thương đại hại*.

- 141* LNCQLT3 : 直 *trực*.
- 142* LNCQLT3 : sau chữ 民 *dân*, có thêm chữ 日 *nhật*.
- 143* LNCQLT3 : không có chữ 草 *thảo*.
- 144* LNCQLT3 : 以木汗為酒 *dùng mộc hàn vi nấu*.
- 145* LNCQLT1 : 桐 *dòng*.
- 146* LNCQLT2 : 樓 *soạn*.
- 147* LNCQLT3 : không có chữ 以 *và*.
- 148* LNCQLT3 : 便 *tiện*.
- 149* LNCQLT3 : 以箇簫竹吹之 *dùng thổi tiêu trúc xuy chi*.
- 150* LNCQLT3 : sau chữ 奈 *giá*, có thêm chữ 山 *son*.
- 151* LNCQLT3 : 刺 *thẽ*.
- 152* LNCQLT1, LNCQLT2 : 以便山林之入 *dùng thuận son lâm chi nhập*.
- 153* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 初 *so*.
- 154* LNCQLT3 : 以煮菜開之子卧 *dùng nấu khai chi tử ngoa*.
- 155* LNCQLT3 : 人人 *nhanh nhanh*.
- 156* LNCQLT2 : 杵春 *chữ thung*; LNCQLT3 : 祖椿命 *tương xuân mệnh*.
- 157* LNCQLT3 : 命 *mệnh*.
- 158* LNCQLT1 : 得來相救 *dắc lai tương cứu*; LNCQLT3 : 得來救助 *dắc lai cứu trợ*.
- 159* LNCQLT1, LNCQLT2 : 先以鹽封焉問 *tiên dì diêm phong vi vấn*.
- 160* LNCQLT1 LNCQLT2 : 然後殺牛羊以成禮 *nhiên hậu sát ngưu dương dĩ thành lễ*.
- 161* LNCQLT3 : 以糯米為飯 *dùng nhu mè vi phan*.
- 162* LNCQLT3 : 然後交通未有擅鄉也 *nhiên hậu giao thông, vị hữu tán lang dã*.
- 163* LNCQLT2 : 云 *vân*; LNCQLT3 : sau chữ 也 *dã*, còn có chữ 矢 *hĩ*.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Họ Hồng Bàng* : «Hồng» và «Bàng» ở đây, xét về nghĩa đen, đều chỉ một cái gì rất to lớn. «Họ Hồng Bàng» có thể hiểu là giống họ lớn nhất, bao trùm nhất đối với dân tộc Việt Nam thời cổ.
- Cái tên «Hồng Bàng» có lẽ trước hết xuất hiện trong các truyền thuyết dân gian, đến LNCQLT thì được chính thức ghi chép lại. Nhưng đối với «chính sử», thì tình hình muộn hơn nhiều. VSL chưa thấy nói gì đến tên «Hồng Bàng». Đến ĐVS KTT, «Họ Hồng Bàng» mới trở thành «Ký» mở đầu cho lịch sử dân tộc.
- (2) *Viêm Đế Thần Nông* : theo truyền thuyết, thì Viêm Đế họ Khương tự xưng Thần Nông 神農氏 làm vua thay Phục Hy Thị 伏羲氏. Sở dĩ gọi là «Thần Nông», vì ông là người đầu tiên phát minh ra chuôi cày, lưỡi cày, dạy cho dân làm ruộng, khởi xướng ra nghề nông. Sở dĩ gọi là «Viêm Đế», vì ông lấy đức «hỏa» từ là «lửa» để làm vua (theo Từ Nguyên).
- (3) *Ngũ Lĩnh* : có nhiều thuyết khác nhau : Ở đây có thể hiểu một cách chung rằng «Ngũ Lĩnh» là chỉ 5 ngọn núi lớn nằm trên miền ranh giới giữa nước Trung Quốc và nước ta thời cổ (Địa bàn nước ta thời cổ đại gồm cả hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Quốc. Đó cũng là vùng đất mà đời Đường gọi là «Lĩnh Nam» tức nằm về phía

nam của « Ngũ Linh ». Cái tên « Linh Nam » trong *Linh Nam chich quái chính* là chỉ vùng đất này.

- (4) *Xuy Viru*: theo *Ngũ Đế kỷ*, *Sử ký* 五帝紀, 史記 Xuy Viru là « hậu duệ » (con cháu) của họ Thần Nông, và từng làm vua một chư hầu vào cuối đời Viêm Đế (Thần Nông). Sau Xuy Viru làm loạn, Hoàng Đế 黃帝 lấy quân các nước chư hầu đánh nhau cùng Xuy Viru ở cảnh đồng Trác Lộc, cuối cùng bắt giết Xuy Viru. Đây chỉ là truyền thuyết. Ký thực, Xuy Viru là tên một tộc người rất đông và rất khỏe ở phương nam Trung Quốc thời cổ.
- (5) *Hoàng Đế*: Theo sử cũ chép, thì *Hoàng Đế* họ Công Tôn 公孫 vì sinh ra ở gò Hiên Viên nên gọi là *Hiên Viên Thị* 輢軒氏 lập nước ở đất Hữu Hùng nên còn gọi là 有熊氏 lấy đức « thồ » làm vua, vì đất màu vàng, nên gọi là « *Hoàng Đế* ».
- (6) *Phản TuyỀn*: Trong bản chữ Hán chép là 版泉 *Bản TuyỀn*, có lẽ nhầm. Vì theo sử cũ, thì họ Thần Nông truyền tam đai, đến Du Võng, bị *Hoàng Đế* đánh bại ở 版泉 *Phản TuyỀn*, chứ không phải « *Bản TuyỀn* ». Chúng tôi định chính lại. *Phản TuyỀn* ở vào phía đông huyện Bảo An, thuộc tỉnh Trực Lệ cũ của Trung Quốc.
- (7) *Tương Dã* : Chưa rõ ở đâu.
- (8) *Bách Hạc* : nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.
- (9) *Nam Hải* : nay thuộc tỉnh Quảng Đông (trừ phần đất ở tây nam) của Trung Quốc.
- (10) *Ba Thục* : nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên.
- (11) *Đông Đinh* : tức hồ Đông Đinh, nay thuộc tỉnh Hồ Nam.
- (12) Về tên gọi và thứ tự của mười lăm bộ thuộc nước Văn Lang, các sách cổ ghi chép không giống nhau. Chẳng hạn danh sách và thứ tự mười lăm bộ ở VSL là : Giao Chỉ, Việt Thường Thị, Vũ Ninh, Luận Ninh, Gia Ninh, Ninh Hải, Lục Hải, Thanh Tuyền, Tân Xương, Bình Văn, Văn Lang, Cửu Chân, Nhật Nam, Hoài Hoan và Cửu Đức. Danh sách và thứ tự mười lăm bộ ở *Dư địa chí* (của Nguyễn Trãi) là : Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng và Cửu Đức (ĐVSKTT cũng chép giống như *Dư địa chí*). Ngay trong phạm vi các bản *Linh Nam chich quái liệt truyện*, danh sách và thứ tự mười lăm bộ ghi chép cũng đã không ăn khớp rời (xem phần *Khảo định*). Sở dĩ như vậy, là vì tác giả các sách trên đã theo ý riêng của mình từ trong địa bàn nước « Văn Lang » chọn ra 15 tên đất, thế nào cho đủ với con số « mười lăm bộ » như truyền thuyết đã nói.
- (13) Nếu theo đúng nguyên bản chữ Hán, thì phải dịch là « lấy cây quang lang, cây tung lư làm ván » (theo LNCQLT1, LNCQLT3) hoặc « lấy cây quang lang, cây tung lư làm thức ăn » (theo LNCQLT2). Theo *Từ hải*, cây *quang lang* (*Arenga saccharifera*) có thể làm thức ăn được (hoa có thể làm đường kính, lõi cây có thể làm bột), nhưng không thấy nói gì tới khả năng làm « ván » cả. Còn cây *tung lư* (*Trachycarpus excelsa*) thì có thể dùng làm giường nằm được (gỗ có thể làm trụ giường hoặc những đồ dùng nhỏ), nhưng không thấy nói gì tới khả năng làm « thức ăn » cả. Rất có thể là cả 3 bản LNCQLT trên đều chép sót và lẫn lộn một số chữ. Câu chữ Hán đúng ra phải là 以桄榔為餅, 以櫟櫚為版 (板) *dǐ quang lang vi soạn, dǐ tung lư vi bản*; lấy cây quang lang làm thức ăn, lấy cây tung lư làm giường nằm (ván). Vậy tạm dịch lại như trên, trong khi chờ tìm hiểu thêm.
- (14) *Bách Việt*: danh từ chung để chỉ những tộc người ở phía nam Ngũ Linh thời xưa, gồm có Mân Việt, Âu Việt, Tây Việt và Lạc Việt.

379

一夜澤傳

雄王傳至三世王，生得一女名仙容媚娘，年十八嬖而忘返。容貌秀麗，不願嫁夫，好行遊戲，樂巡天下，王樂而許之。每年二三月間，裝載船艘，浮遊海外。

慈互夸，性出，留露，則人子之體之，父塋身賣二父塋，而子商父子，布則裸童見童餘父歛塋。望雲生惟：「袴魚。每微盡，謂童卒，竿以釣魚。」及邊持竿，江邊火及老病，謂之。江遇家，庶免，就江行乞。

仗一以遊。慢驚今浴以，復見其蘆。此容仙夫起人嗟，復見有身于仙。嫁亟之容此聲沙以乃處子不汝母。令之浮穴，之童我。以會籥管蔽沙遽沐露曰然晏其事鼓逃船焉，容之食道：「事鐘所，之叢散仙使飲具曰其無中容葦自。天船子容聞，其仙蘆沙子是一童仙，怖隱，圍而男，下。卒子乃之幔灌其同使無固至驚避間，燭水為穴同也辭船童，刻以知居遂斯子意盛三上，衣之人衣，妻不之疎其上解認此之會夫！」施扶覆沙中，遇賜嘉為辭羽叢沙次燭之相。為命固

吾不舍，愛汝庸賣，不任立販，今來，節自肆往，名市人，外國童目奧見子，惜我開商，不見容，曰：「仙面何遂也。」王怒，歸市，人敢探市，今也。市人謂之大成賣，便得財，與民買，巡國回，道路仙容聞。

黃金仙。遂小光商曰悟，三金。文
出鑑所童上名。容遠夜社滿始
人十人。山僧物笠仙日。廟列。
「貴息是活」，小買一。一蔽庫羅臣
曰：「得食生山有人杖容有自府衛稱
曰年衣為圍庵商一仙。以侍獻
容明，以瓊。與子告道金字士進
仙，然物有庵金童道學覆廊將物
告物使貴。其付贈沃師杖閣，之
至貴所買外遊，乃以尋植臺女食。
商買天外海登法人具方，玉玉國
有海婦出遊童留。子與於寶金香成
大外是海出子聽僧回遊途殿童花一
主人我商，水子子。暫珠幕各，衛
焉商：與賣汲童童矣業，帷，衛
童年子一行泊子庵在肆到城床驚軍
容今年金同人童此已市及出，者分
子與曰鑑販船。載此商家郭席異宿
仙，謂取人商與至通廢未現玉見官
事鑑喜當商。法復靈遂暮，珠日百
敬一容今與庵傳曰：「日更銀明武

至。新駐，部望曰。
將使。時至夜。臣民澤市
軍所。軍半群人。其河
官天戮。官至，日名曰
之。其。軍童。祭其。
舉爲任處進容澤致，
兵所。同及仙大時洲
發我正容未。成時廟
作曰信在會軍其祠或
亂。非其仙暮亂陷，幔
女睿父舊河，天遂洲
子笑。殷，官。立，
爲仙拒。惟大木升，然
以。禦何散猶沙拔良曰
之。以子奔，揚時爲洲
聞命，潰洲，一以其
王請天驚然起郭，
群臣在眾自忽城見澤
死之於風，不夜
生集營大眾之一

以進暗四。將於夜三矣。眾降誠爲難當。信其龍能復。師澤統乘汝光。如在其天屬人。趙沮所老升楊神在命闕。其以夜將見。尚帝深知久一禪。忽異南澤不持謂委靈。其賊吉禱。侵食還致天來中來。糧自北香上軍澤往取嘆先焚升梁居便奪先伯。雖朝藏以。旨召中我。帝眾船之。主澤曰：「我南其木擊交梁於曰李率獨出能。塙復前復乘突不亂設。光復船鋒作忒謂至光復船鋒作忒謂後。光木景齋之。獨間侯復中禦止以年會光澤

，故來救助，以平亂賊。遂脫龍爪以援光復，曰：「以此掛兜鍪上，所向成功」。言訖，不見。光復從其言，奮身突擊，梁軍大敗。光復斬其將楊屠于陣前。梁軍退走。光復聞李南帝已殂，遂自立焉趙越王，城于武寧郡之鄒山。

(嶺南摭怪列傳，卷之一)

PHIÊN ÂM:

NHẤT DẠ TRẠCH ^{1*} TRUYỆN

Hùng Vương truyền chi tam thế vương, sinh đắc nhất nữ danh Tiên Dung Mỹ nương ^{2*}, niên thập bát ^{3*}, dung mạo tú lệ, bất nguyễn giá ^{4*} phu, hiếu hành du hí, lạc tuần thiên hạ ^{5*}, vương bế nhi hứa chí ^{6*}. Mỗi niên nhị tam nguyệt gian ^{7*}, trang tải thuyền sưu, phù du ^{8*} hải ngoại, lạc nhi vong phản ^{9*}.

Thời giang biên Chử Xá hương ^{10*} hữu Chử Vi Văn sinh Đồng Tử ^{11*}, phụ tử nhị nhân tình bản tử hiếu. Gia ngộ hỏa ^{12*} tai, tài vật khánh tận ^{13*}, duy dư ^{14*} nhất bồ khóa, phụ tử xuất nhập hổ tương ý chí ^{15*}. Cập phụ lão bệnh ^{16*} vị Đồng Tử viết ^{17*}: « Phụ tử tắc lõa nhi táng chí ^{18*}, lưu khóa dữ nhữ, thử miễn ^{19*} qui sỉ ». Cập tốt, dĩ khóa liệm táng ^{20*}, Đồng Tử thán thê lõa lộ, đồng nội vô liêu ^{21*}. Khứ ^{22*} tự giang biên trì can diều ngư ^{23*}, mỗi vọng kiến thương cõi chí thuyền, tắc lập thủy trung hành khất ^{24*}.

Bất ý ^{25*} Tiên Dung thuyền thốt chí ^{26*}. Văn kỳ chung cõi ^{27*} quán thuộc chi thanh, kiến kỳ nghi trượng vũ mao chí thịnh ^{28*}, Chử ^{29*} Đồng Tử kinh bối, vô sở đào tể ^{30*}. Phù sa trung hữu lô vi nhất tùng ^{31*} phù sơ tam tú châu, nãi tị ần kỳ trung ^{32*}, bả sa ^{33*} thành huyệt dĩ ^{34*} tàng thàn, phục dĩ sa phú kỳ thượng ^{35*}. Khoảnh khắc chí gian, Tiên Dung chí thuyền cự chí ^{36*}, nãi trú vu thủ ^{37*}, du thử sa thượng ^{38*}, toại mệnh dĩ mạn trú vi lô vi tùng vi ^{39*} mộc dục chí xứ. Tiên Dung nhập mạn trú ^{40*} trung giải y ^{41*} mộc dục, quán thủy nhi sa tự tán, lộ xuất Đồng Tử thán ^{42*}. Tiên Dung kinh chí, nhận chí lương cữu ^{43*} tri kỷ vi nam tử ^{44*}. Tiên Dung viết: « Ngã bất nguyện giá phu ^{45*}. Kim trượng ngộ thử nhân, lộ cự đồng huyệt ^{47*}, thị thiền sử chí ^{48*} nhiên dã. Nhữ đương cõi khởi mộc dục ^{49*} ». Tú chí y thường, toại sử đồng hạ nhất thuyền ^{50*} ảm thực yến lạc. Châu ^{51*} trung chí nhân giai ^{52*} dĩ vi gia hội, cõi kim sở vô dã ^{53*}. Đồng Tử cự đạo kỷ ^{54*} sở dĩ. Tiên Dung ta thán, mệnh vi phu thê ^{55*}. Đồng Tử cõi từ ^{56*}. Tiên Dung viết: « Sự chí hội linh như thử, vô phục cõi từ ^{57*} ! ».

Tòng giả trì tấu Hùng Vương. Vương nô viết: «Tiên Dung bất tích danh tiết, bất ái ngô tài ^{59*}, tuần du ^{60*} đạo lộ, hạ già bần nhán, hà diện mục kiến ngã. Tự kim nhậm nhữ, bất đắc hồi quốc ^{61*}. Tiên Dung văn chi cụ, bất cảm quy ^{62*}, toại ^{63*} dữ Đồng Tử khai ⁶⁴ thị tứ, lập phố xá, dữ dân mãi mại, tiện thành đại thị (kim Thám thị dã) ^{65*}. Ngoại quốc thương nhân vãng lai ^{66*} phán mãi, kinh sự Tiên Dung, Đồng Tử vi chúa. Hữu đại thương chi ^{67*} cáo Tiên Dung viết: «Quý nhân xuất hoàng kim nhất ^{68*} dật, kim niên dữ thương nhân xuất hải ngoại mãi quý vật, minh niên đắc tức thập dật ^{69*}». Tiên Dung hỉ ^{70*} vị Đồng Tử viết: «Ngã phu phụ thị thiên sở sủ nhiên, y thực ^{71*} thị nhân sở vi ⁷². Kim đương ^{73*} thủ kim nhất dật dữ thương nhân xuất hải ngoại mãi quý vật dĩ vi sinh hoạt ^{74*}». Đồng Tử toại dữ thương nhân đồng hành phán mại, phù du xuất ^{75*} hải ngoại. Hữu Quỳnh Vi ^{76*} son, son thượng ^{77**} hữu tiều am. Thương nhân bạc thuyền ^{78*} cấp thủy, Đồng Tử đăng du ^{79*} kỳ am. Am hữu tiều tăng danh Phật Quang ^{80*}, truyền pháp dữ Đồng Tử. Đồng Tử toại ^{81*} lưu thính pháp, phó kim dữ thương nhân ^{82*} mãi ^{83*} vật. Đãi thương hồi phục chi thứ am tài Đồng Tử quy ^{84*}. Tăng nhân ^{85*} nãi tặng ^{86*} Đồng Tử nhất trượng nhất lạp, thả ^{87*} viết: «Linh thông dĩ tại ^{88*} thử hĩ». Đồng Tử hồi cụ ^{89*} dĩ Phật đạo cáo Tiên Dung. Tiên Dung giác ngộ, toại phế thi cử ^{90*} thương nghiệp ^{91*}, tương dữ du phương ^{92*}, tầm sư học đạo ^{93*}. Hữu nhất nhật ^{94*} viễn hành, nhật mộ vị cập ^{95*} đáo gia, tạm túc ư đồ ^{96*}, thực ^{97*} trượng phúc lạp dĩ ^{98*} tự tế. Dạ chi ^{99*} tam canh, hiện xuất ^{100*} thành quách, châu lâu bảo điện, dài các lang vũ, phủ khố ^{101*} miếu xã ^{102*}, kim ngân châu ngọc, sàng tịch duy mạc ^{103*}, kim ^{104*} đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ la liệt mãn tiền ^{105*}. Minh nhật kiến giả kinh dí ^{106*} các trì hương hoa ngọc thực ^{107*} chi vật tiến hiến xưng thần. Thủ hưu ^{108*} văn vũ bách quan quân túc vệ, biệt thành nhất quốc.

Hùng Vương văn chi, dĩ vi nữ tử tác ^{109*} loạn ^{110*}, phát binh cử chi ^{111*}. Quan quân ^{112*} truong chi, quần thần thỉnh mệnh dĩ ngự ^{113*}. Tiên Dung tiểu viết: «Phi ngã sở vi, nãi ^{114*} thiên sở sủ. Sinh tử tại ^{115*} thiên, tử hà cảm cự phu ^{116*}. Tin thuận ^{117*} kỳ chính, nhậm kỳ tru lục ^{117*}». Thời tan tập chi chúng kinh hội bôn tán ^{118*}, duy cựu chúng tại ^{119*} dữ Tiên Dung đồng ^{120*} xứ. Cáp quan quân chi trú dinh ư ^{121*} Tự Nhiên Châu ^{122*}, do cách đại hà ^{123*}, hội ^{124*} nhật mộ, vị cập tiến quân. Chi bán dạ ^{125*}, đại phong hốt khởi ^{126*}, dương sa bạt mộc, quan quân đại loạn. Tiên Dung, Đồng Tử, quần thần bộ chúng, thành quách ^{127*} nhất thời bạt khứ thăng thiên. Kỳ địa hầm thành ^{128*} đại trách. Minh nhật nhân dân ^{129*} vọng chi bất kiến, dĩ vi linh dí ^{130*}, toại ^{131*} lập tứ đường, thời thời ^{132*} tri tế ^{133*}. Danh ^{134*} kỳ trách viết Nhất Dạ Trạch, kỳ châu ^{135*} viết Tự Nhiên Châu hoặc viết Mạn Trù Châu ^{136*}, kỳ thi viết Hà Thị ^{138*}.

Hậu chi Tiền Lý Nam Đế triều ^{139*}, Lương quân ^{140*} lai xâm. Nam Đế mệnh Triệu ^{141*} Quang Phục vi tướng dĩ ngự ^{142*} chi. Quang Phục ^{143*} suất kỳ chúng tàng cư trách trung ^{144*}. Kỳ trách thâm khoát thư nhụ, nan ư tiến chi. Quang Phục thừa độc mộc thuyền ^{145*} dĩ tiện vãng lai ^{146*}. Tặc bất tri kỳ sở tại. Dương dạ ^{147*} ám dĩ độc mộc thuyền ^{148*} đột xuất kích chi ^{149*} đoạt ^{150*} thủ lương thực,

tri cùu dĩ lão kỳ sư ^{151*}. Tam tứ niên gian, phong bát nǎng ^{152*} giao ^{153*}. Bá Tiên ^{154*} thán viết: «Cõi vị nhất dạ thăng thiên ^{155*} trạch tin hỉ ^{156*}». Hội Hầu Cảnh tác loạn ^{157*}, Lương chúa triệu Bá Tiên Bắc hoàn ^{158*}, ủy ^{159*}, Tỳ tướng Dương Sàn thống kỵ chúng ^{160*}. Quang Phục trai giới thiết đàm ^{161*} ứ trạch trung, phần hương tri đảo ^{162*}. Hốt ^{163*} kiến thần nhân thừa ^{164*} long giáng vu trạch trung ^{165*}, vị Quang Phục viết: «Ngã tuy ^{166*} thăng thượng thiền ^{167*}, linh di thượng tại ^{168*}. Nhữ nǎng thành đảo, cố lai cùu trợ ^{169*}, dĩ bình loạn tặc ^{170*}». Toại thoát ^{171*} long tráo dĩ ^{172*} thụ Quang Phục, viết ^{173*}: «Dĩ thủ quái đầu mâu thượng, sở hướng thành công». Ngôn ngặt, bất kiến ^{174*}. Quang Phục tòng ^{175*} kỳ ngôn, phần thân đột kích ^{176*}, Lương quân đại bại. Quang Phục ^{177*} trảm kỵ tướng ^{178*} Dương Sàn vu trận tiền ^{179*}. Lương quân thoái tầu ^{180*}. Quang Phục văn Lý Nam Đế dĩ tồ ^{181*}, toại tự lập vi Triệu Việt ^{182*} Vương, thành vu Vũ Ninh quận chi Trâu Sơn ^{183*}.

(Lĩnh Nam chí chich quái liệt truyện ; Quyền chí nhất)

DỊCH NGHĨA :

TRUYỆN NHẤT DẠ TRẠCH (1)

Hùng Vương truyền đến đời vua thứ ba thì sinh được một gái tên là My nương (2) Tiên Dung, mười tam tuổi, dáng người xinh đẹp, không muốn lấy chồng, chỉ ham đạo chơi, thích tuần du trong thiên hạ, vua yêu chiều nên cho nàng tùy ý. Mỗi năm vào khoảng tháng hai tháng ba, sắm sửa thuyền bè lệnh đèn chơi nơi hải ngoại, đội lúc mải vui quên cả về.

Bấy giờ ở hương (3) Chử Xá có Chử Vi Văn sinh ra Đồng Tử, hai cha con tinh vốn từ, hiếu. Nhà gặp hỏa hoạn, cửa cải sạch sanh, chỉ còn lại một chiếc khố vải, cha con ra vào thay nhau mà mặc. Đến lúc cha già, làm bệnh, bảo Đồng Tử rằng: «Cha chết thì cứ để truồng mà chôn, giữ khố lại cho con, may khỏi xấu hổ». Nhưng đến khi cha mất, Đồng Tử cứ lấy khố liệm chôn, còn mình thì thân thể trần truồng, đội rét khô sở. Đi đến bên sông cầm cần câu cá, mỗi khi thấy có thuyền buôn, thì xuống dưới nước đứng xin ăn.

Không ngờ thuyền Tiên Dung đột nhiên tới. Nghe tiếng chiêng trống sáo kèn, thấy đầy những nghi trượng cờ quạt, Chử Đồng Tử kinh sợ, không biết chạy nấp vào đâu. Trên bãi cát có một chòm lau lơ thơ ba bốn gốc, bèn vào ẩn tránh trong đó, moi cát thành hố để dấu thân, lại lấy cát phủ lên trên. Trong khoảnh khắc, thuyền của Tiên Dung xốc tới, bèn đậu ở đây để lên bãi đạo chơi, rồi ra lệnh quay màn chung quanh chòm lau làm nơi tắm gội. Tiên Dung vào trong màn cởi áo tắm rửa, đội nước làm cho cát giật đi, lộ ra thân hình Đồng Tử. Tiên Dung kinh ngạc, nhìn một lúc lâu, biết đó là người con trai, Tiên Dung nói: «Ta vốn không muốn lấy chồng. Nay gặp người này ở trần truồng chung một hố, ấy là trời khiến như thế. Chàng nên mau dậy tắm rửa đi». Ban

cho áo quần, rồi bảo xuống chung một thuyền, ăn uống tiệc tùng vui vẻ. Người trong thuyền ai nấy đều cho là cuộc gặp gỡ tốt đẹp xưa nay chưa hề có. Đồng Tử nói hết lý do vì sao mình đến đây. Tiên Dung bùi ngùi than thở, bảo chàng cùng kết duyên vợ chồng. Đồng Tử cố từ chối. Tiên Dung nói : « Sự việc gặp nhau xui ra như thế, đừng cố chối từ nữa ! ».

Những kẻ theo hầu vội về tâu với Hùng Vương. Vua giận nói : « Tiên Dung không tiếc danh tiết, không tiếc của cải của ta, rong chơi ngoài đường, hạ mình lấy người nghèo, còn mặt mũi nào thấy ta nữa. Từ nay mặc mày muốn làm gì thì làm, không được trở về nước ». Tiên Dung nghe sợ, không dám về, bèn cùng Đồng Tử mở quán chợ, lập phô xá, mua bán với dân, liền thành cái chợ lớn (nay là chợ Tháp) (4). Thương nhân nước ngoài tới lui buôn bán, kính thờ Tiên Dung — Đồng Tử làm Chúa. Có một khách buôn lớn đến bảo Tiên Dung rằng : « Quý nhân hãy bỏ ra một dật (5) vàng, năm nay cùng thương nhân ra nước ngoài mua vật quý, sang năm được lãi mười dật ». Tiên Dung nghe mừng, bảo Đồng Tử rằng : « Vợ chồng ta là bởi trời mà nên, cái ăn, cái mặc là do người làm lấy. Nay nên mang một dật vàng cùng thương nhân ra nước ngoài mua vật quý để sinh sống ». Đồng Tử bèn cùng thương nhân đi buôn bán, lênh đênh khắp nước ngoài. Có núi Quỳnh Vi (6), trên núi có am nhỏ. Thương nhân ghé thuyền vào mức nước, Đồng Tử lên am dạo chơi. Trong am có một tiểu tăng tên Phật Quang truyền phép cho Đồng Tử. Đồng Tử bèn lưu lại đây để học phép, đưa tiền cho thương nhân mua hàng. Đến lúc Thương nhân (7) quay trở lại, tời am để chở Đồng Tử về. Tiểu tăng tặng cho Đồng Tử một cây gậy, một chiếc nón lá và bảo : « Các phép linh dị thần thông đã ở cả đây rồi ». Đồng Tử về, đem đạo Phật nói hết với Tiên Dung. Tiên Dung giác ngộ, bèn bỏ cả quán chợ, nghe buôn để cùng Đồng Tử du phương (8) tìm thầy học đạo. Có một hôm đi ga, trời tối chưa kịp đến nhà, tạm nghỉ lại dọc đường, dựng gậy úp nón để tự che thân. Đêm đến canh ba, hiện ra đủ các thứ thành quách, lầu châu điện ngọc, dài các lang vũ, phủ khố miếu xã, vàng bạc châu ngọc, giường chiếu trường màn, kim đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ la liệt trước mắt. Sáng hôm sau, ai trông thấy cũng kinh ngạc, liền đem các thứ hương hoa ngọc thực tiến dâng, xin làm bề tôi. Từ đó có trăm quan văn võ, chia quân túc vệ, riêng thành một nước.

Hùng Vương nghe tin, cho là con gái làm loạn, bèn đem quân đi đánh. Khi quân Hùng Vương sắp tới nơi, quần thần xin được lệnh đem binh chống giữ. Tiên Dung cười nói : « Không phải do ta làm, chính là trời khiến vậy. Sống chết tại trời, con đâu dám chống tại cha. Cứ tin theo lẽ đúng, mặc cho chém giết ». Bấy giờ, những dân mới tới đều sợ chạy tứ tán, chỉ có dân cũ ở lại cùng Tiên Dung. Khi quân Hùng Vương đến, đóng doanh trại ở châu Tự Nhiên, còn cách một con sông lớn, thì gặp trời tối, chưa kịp tiến quân. Đến nửa đêm, bỗng nổi gió to, nhỏ cày tung cát, quân Hùng Vương hỗn loạn. Tiên Dung, Đồng Tử cùng quần thần, bộ hạ, thành quách phút chốc tách bay lên trời. Chỗ đất cũ sụt xuống

thành cái chǎm lớn. Ngày hôm sau nhân dân nhìn không thấy nữa, cho là linh dị, liền lập miếu thờ, thường xuyên cúng tế. Đặt tên cái chǎm ấy là «Nhất Dạ Trạch»⁽⁹⁾, cái bãi cát ấy là «Tự Nhiên Châu» hay «Mạn Trù Châu»⁽¹⁰⁾, cái chợ ấy là «Hà Thị»⁽¹¹⁾.

Sau đến triều Tiền Lý Nam Đế⁽¹²⁾, quân nhà Lương⁽¹³⁾ sang xâm lược. Nam Đế sai Triệu Quang Phục làm tướng để chống địch. Quang Phục dẫn quân vào nấp trong chǎm. Chǎm vừa sâu vừa rộng, lại lầy lội khó hinnie thoái. Quang Phục cưỡi thuyền độc mộc, đột nhiên tiến đánh, cướp lấy lương thực, cầm cự lâu ngày làm cho quân Lương phải ở mãi nơi đất khách. Trong ba bốn năm liền, vũ khí không thể chạm nhau. Bá Tiên⁽¹⁴⁾ than rằng : «Xưa gọi là cái chǎm trong một đêm bay lên trời, thật đúng như vậy». Gặp khi Hầu Cảnh⁽¹⁵⁾ làm loạn, vua Lương triệu Bá Tiên về Bắc, ủy cho Tỵ tướng Dương Sàn thống lĩnh quân ngũ. Quang Phục trai giới, lập đàn ở giữa chǎm, đốt hương hết lòng cầu khấn. Bỗng thấy thần nhân cưỡi rồng giáng xuống giữa chǎm, bảo Quang Phục rằng : «Ta tuy lên trời mà linh dị vẫn còn đó. Người biết thành tâm cầu khấn, nên ta tới cứu giúp người để bình giặc loạn». Liền tháo vuốt rồng đưa cho Quang Phục, bảo : «Đem vật này treo trên mũ đầu mâu, hễ hướng về chỗ nào át thành công chỗ ấy». Nói xong, bèn không thấy đâu nữa. Quang Phục nghe theo lời thần, xông lên đánh bất ngờ, quân Lương thua to. Quang Phục chém tướng giặc Dương Sàn ngay trước trận. Quân Lương rút chạy. Quang Phục nghe tin Lý Nam Đế đã mất, liền tự lập làm Triệu Việt Vương⁽¹⁶⁾, xây thành ở Trâu Sơn thuộc quận Vũ Ninh⁽¹⁷⁾.

(Lĩnh Nam chích quái liệt truyện : Quyển thứ I)

TUẤN NGHI

KHẢO ĐỊNH :

- 1* Sau đầu đề, LNCQLT3 có chữ thích thêm : 在東安縣漫籌洲是也 tại Đông Yên huyện, Mạn Trù Châu thị dã.
- 2* LNCQLT1, LNCQLT2: 雄王傳至三世孫王生一女仙姿媚娘 Hùng Vương truyền chí tam thế lên vương sinh nhất nữ Tiên Dung Mỹ nương.
- 3* LNCQLT3: 年生十八歲 niên sinh thập bát tuế.
- 4* LNCQLT3: 娶 thú.
- 5* LNCQLT3, LNCQLT2: 好遊行天下 hiếu du hành thiên hạ.
- 6* LNCQLT3: 帝愛嬖女而許之 dế ái bối nữ nhi hứa chi.
- 7* LNCQLT1: 長年二三月間 thời niên nhì tam nguyệt gian ; LNCQLT3: 每歲二三月 mỗi tuế nhì tam nguyệt.
- 8* LNCQLT2: không có chữ 遊 du.
- 9* LNCQLT2: 純而不固 nhiều nhì bất hồi.
- 10* LNCQLT1: 莊 tân ; LNCQLT3: 本國時在江邊有諸舍之社 bản quốc thời tại giang biển hữu Chử Xá chí xã.

- 11* LNCQLT2: 有人名諸微雲生一童子 *hữu nhân danh Chữ Vi Văn sinh nhai Đồng Tử*; LNCQLT3: 有弟父諸微雲，子諸童子 *hữu danh phu Chữ Vi Văn, tử Chữ Đồng Tử*.
- 12* LNCQLT1: 大 *dai*; LNCQLT3: 家被火灾 *gia bị hỏa tai*.
- 13* LNCQLT1: 散盡 *tán tân*; LNCQLT3: 財產空盡 *tài sản không tận*.
- 14* LNCQLT3: 只存 *chỉ tồn*.
- 15* LNCQLT3: 衣服之 *ý phục chi*.
- 16* LNCQLT1: 迨父病 *dài phu bệnh*; LNCQLT2: 迨父有病 *dài phu hữu bệnh*.
- 17* LNCQLT1, LNCQLT2: 謂其子曰 *vì kỳ tử viết*.
- 18* LNCQLT2: 父死則埋葬之 *phu tử tắc mai táng chi*.
LNCQLT3: 父若有病故，裸而葬 *phu nhược hữu bệnh cố, lõa nhi táng*.
- 19* LNCQLT3: 無 *vô*.
- 20* LNCQLT: 及卒，更以布袴埋葬 *cáp tốt, cánh dỗ khóa mai táng*; LNCQLT3: 及父故時，褚童子以袴斂而葬之 *cáp phu cố thời, Chữ Đồng Tử dỗ khóa liệt nhi táng chi*.
- 21* LNCQLT2: 無以蔽身，乘餞尤甚 *Chữ Đồng Tử vô dỗ tê thân, đồng nỗi ưu thảm*.
- 22* LNCQLT3: 而 *nhi*.
- 23* LNCQLT3: 無持竿釣魚 *trì can diếu ngư*.
- 24* LNCQLT3: 商賈之船，下水行乞食，復持竿釣魚以養其身 *thương mại chi thuyền, hạ thủy hành khất thực, phúc trì can diếu ngư dỗ duồng kỳ thân*.
- 25* LNCQLT3: sau chữ 意 *ý*, có thêm chữ 易 *kiến*.
- 26* LNCQLT3: 仙容船艘遠至 *Tiên Dung thuyền sưu cự chí*.
- 27* LCCQLT3: 聞鑿以鑼鼓 *văn cù dỗ chinh cỗ*.
- 28* LNCQLT2: 見其儀仗羽旄之盛 *kiến kỳ nghi trượng vỹ linh chí thịnh*.
LNCQLT3: 見其儀仗蔽天，笙歌之盛 *kiến kỳ nghi trượng tế thiêng, sênh ca chí thịnh*.
- 29* LNCQLT1, LNCQLT2: 無 *không có* 褚 *Chữ*.
- 30* LNCQLT3: 無所逃遁脫以蔽其身 *vô sở đào độn thoát dì tê kỵ thân*.
- 31* LNCQLT3: 見其沙洲有蘆葦叢 *kiến kỳ sa châu hữu lô vi túng*.
- 32* LNCQLT3: 乃避隱其身叢中 *nǎi tì ẩn kỳ thân túng trung*.
- 33* LNCQLT3: 以手掘沙成穴 *dỗ thủ quật sa thành huyệt*.
- 34* LNCQLT3: 而 *nhi*.
- 35* LNCQLT3: 身 *thân*.
- 36* LNCQLT1, LNCQLT2: 無 *không có* 船 *chỗ thuyền* 遠至 *cự chí*.
- 37* LNCQLN1, LNCQLT2: 駐船于此 *trú thuyền vu thử*.
- 38* LNCQLT3: 行遊沙洲上 *hành vu sa châu thương*.
- 39* LNCQLT3: 乃命群臣以櫨帷幔幕圍其叢 *nǎi mệnh quần thần dỗ trú duy màn mạc vi kỵ túng*.
- 40* LNCQLT3: 圍 *màn* 幕 *mạc*.
- 41* LNCQLT3: sau chữ 衣 *y* có thêm chữ 裳 *thường*.
- 42* LNCQLT1: 洗水沙，童子見 *ốc thủy sa, Đồng Tử hiện*; LNCQLT3: 洗浴，乃灌水而沙自流散，露出褚童子身 *môc dục, nǎi quán thủy nhi sa tự lưu tán, lộ xuất Chữ Đồng Tử thân*.
- 43* LNCQLT1: 良久 *luong cǚu*; LNCQLT2: 仙容認之良久 *Tiên Dung nhận chí luong cǚu*.

- 44* LNCQLT3 : 始 知 童 子 *thứu tri Đồng Tử.*
- 45* LNCQLT1 : 我 不 樂 嫁 夫 *ngã bất lạc giá phu*; LNCQLT3 : 我 本 不 愿 娶 夫.
ngã bản bất nguyện thú phu.
- 46* LTCQLT2 : không có chữ 相 tuơng.
- 47* LNCQLT3 : 身 每 裸 露 *thân mỗi lõa lộ.*
- 48* LNCQLT3 : không có chữ 之 chi.
- 49* LNCQLT3 : 故 並 起 我 沐 浴 *nhữ cùc hưng (?) khởi dù ngã mộc dục.*
- 50* LNCQLT3 : 仙 容 乃 賦 複 童 子 以 衣 裳 服 之。仙 容 遂 迎 童 子 同 下 一 船。
Tiên Dung nãi từ Chử Đồng Tử dĩ y thường phục chí. Tiên Dung toại nghênh Đồng Tử đồng hạ nhất thuyền.
- 51* LNCQLT3 : 船 thuyễn.
- 52* LNCQLT3 : không có chữ 皆 *gai.*
- 53* LNCQLT3 : 古 今 無 有 *cô kim vô hữu.*
- 54* LCQLT4, LCCQLT2 : không có chữ 其 kỵ.
- 55* LNCQLT1, LNCQLT2 : 婦 phu.
- 56* LNCQLT3 : sau chữ 國 辭 *cố từ*, có thêm 4 chữ 以 焉 不 敢 *dĩ vi bất cảm.*
- 57* LNCQLT1, LNCQLT2 : 天 焉 作 合, 又 何 辭 焉 *thiên vị tác hợp, hựu hả từ yên.*
- 58* LNCQLT1 : 怒 目 *nộ viết*; LNCQLT3 : không có 3 chữ 王 怒 自 *vương nộ viết.*
- 59* LNCQLT2 : không có 4 chữ 不 愛 吾 財 *bất ái ngô tài*; LNCQLT3 : 仙 容 不 省, 其 身
失 節, 不 惜 貨 物 *Tiên Dung bất tỉnh, kỳ thân thất tiết, bất ngô quý vật.*
- 60* LNCQLT3 : 遊 巡 *du tuần.*
- 61* LNCQLT3 : sau chữ 貧 人 *bần nhân*: 雄 王 曰 是 天 奕 汝, 自 今 在 汝, 汝 不 得
回 本 國 *Hùng Vương viết thị thiên dù nhữ, tự kim tại nhữ, nhữ bất dắc hồi bản quốc.*
- 62* LNCQLT3 : 仙 容 聞 之 不 敢 復 歸 *Tiên Dung vẫn chí bất cảm phục quy.*
- 63* LNCQLT3 : sau chữ 遂 *toại*, có chữ 令 *lệnh.*
- 64* LNCQLT3 : sau chữ 開 *khai*, có thêm chữ 立 *lập.*
- 65* LNCQLT2 : 今 河 荘 市, 採 市 是 也 *kim Hà Trạch Thị, Thám Thị thị dã*; LNCQLT3 :
không có chữ 與 民 買 賣 便 成 大 市 (今 何 採 市 也) *dù dân mãi mại tiện thành
dại thị* (*kim Hà Thám Thị dã*).
- 66* LNCQLT3 : 遠 行 *viễn hành.*
- 67* LNCQLT3 : 有 商 賣 舟 到 *hữu thương mại thuyền đáo.*
- 68* LNCQLT1 : 百 bách.
- 69* LNCQLT3 : 告 仙 容 曰: 「商 貴 出 金 一 錠」 *cáo Tiên Dung viết : «Thương quý xuất
kim nhất đát».*
- 70* LNCQLT3 : 心 悅 *tâm duyệt.*
- 71* LNCQLT2 : 衣 裳 *y thường.*
- 72* LNCQLT2, LNCQLT3 : 是 天 所 奕 *thi thiên sở dù.*
- 73* LNCQLT3 : 仙 容 奕 童 子 *Tiên Dung dù Đồng Tử nãi.*
- 74* LNCQLT2 : không có 7 chữ 買 貨 物 以 焉 生 活 *mãi quý vật dĩ vi sinh hoạt*;
LNCQLT3 : 出 海 外 買 貨 物 將 回 以 焉 生 產 *xuất hải ngoại mãi quý vật
tương hối dĩ vi sinh sản.*
- 75* LNCQLT2 : thiêu câu từ 買 貨 物 *mãi mại vật đến* 鸚 遊 出 *phù du xuất*; LNCQLT3
到 *đảo.*
- 76* LNCQLT2 : 琼 圓 *Quỳnh viên*; LNCQLT3 : 有 山 名 琼 圓 *hữu son danh Quỳnh Vi.*
- 77* LNCQLT3 : không có chữ 上 *thượng.*
- 78* LNCQLT3 : không có 2 chữ 泊 船 *bạc thuyền.*

- 79* LNCQLT3 : không có chữ 遊 du.
- 80* LNCQLT3 : 廬上有小僧名號曰佛光法 am thượng hữu tiều tăng danh hiệu
viết Phật Quang Pháp.
- 81* LNCQLT3 : 乃 nǎi..
- 82* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 人 nhán.
- 83* LNCQLT1 : 賣 mại.
- 84* LNCQLT3 : 期日回還至此庵將迎童子歸 kỳ nhật hồi hoàn chỉ thè am trong
nghênh Đồng Tử quy.
- 85* LNCQLT1 : không có chữ 人 nhán.
- 86* LNCQLT3 : sau chữ 隨 tăng, có thêm chữ 異 dì.
- 87* LNCQLT3 : không có chữ 且 thả.
- 88* LNCQLT2 : 已知 dĩ tri.
LNCQLT3 : 亦在 diệc tại.
- 89* LNCQLT3 : 童子回家具言 Đồng Tử hồi gia cù ngôn.
- 90* LNCQLT3 : 庸舍 phô xá.
- 91* LNCQLT2 : 賣 mại; LNCQLT3 : không có 2 chữ 商業 thương nghiệp.
- 92* LNCQLT2 : sau chữ 遊 du, có thêm chữ 四 tú.
- 93* LNCQLT3 : 夫妻相尋遊方求師 學道 phu thê tương tìm da phương elu si
hoc dao.
- 94* LNCQLT1 : 常 thường ; LNCQLT3 : 是 日 thị nhật.
- 95* LNCQLT3 : không có chữ 及 cập.
- 96* LNCQLT3 : 到村舍, 遷宿途中 đáo thôn xá, cự túc đồ trung.
- 97* LNCQLT3 : 立 lập.
- 98* LNCQLT3 : sau chữ 以 dĩ, có thêm chữ 此 thử.
- 99* LNCQLT1, LNCQLT2 : 遷夜 dãi dạ.
- 100* LNCQLT3 : 自然天造 tự nhiên thiên tạo.
- 101* LNCQLT1 : 所 phỗ.
- 102* LNCQLT3 : Từ sau chữ 貝殿 bao diện, chép : 龍臺鳳閣, 邸宇府庫廟社
long dài phuợng các, lang vū phủ khố, miếu xá.
- 103* LNCQLT3 : từ sau chữ 珠玉 châu ngọc, chép : 牙床玉蓆, 錦帳綉帷
nha sàng ngọc tịch, cầm trướng tú duy.
- 104* LNCQLT1, LNCQLT2 : 仙 tiên.
- 105* LNCQLT3 : 朝 triều.
- 106* LNCQLT3 : 明日世人相見以爲惊異 minh nhật thế nhân trong kiến dĩ vi
kinh dị.
- 107* LNCQLT2 : 持花彩玉食 trì hoa thái ngọc thực.
- 108* LNCQLT2 : không có 2 chữ 始有 thỷ hữu ; LNCQLT3 : chỉ có 1 chữ 有 hữu.
- 109* LNCQLT1, LNCQLT2 : 稔 xung.
- 110* LNCQLT3 : sau chữ 作亂 tác loạn, có thêm 3 chữ 則 雄主 tắc Hùng Vương.
- 111* LNCQLT3 : 率單鋒之 suất quân cù chi.
- 112* LNCQLT3 : 軍宣 quán quan.
- 113* LNCQLT2 : 群臣請命將以禦之 quần thần thỉnh mệnh trong dĩ nguy chí ;
LNCQLT3 : 群臣請命將率單鋒之 quần thần thỉnh mệnh trong suất quân nguy chí.
- 114* LNCQLT3 : 是 thị.

- 115* LNCQLT1 : 犬 tri.
- 116* LNCQLT1 : 何 敢 樂 父 hà cảm ngự phu ; LNCQLT2 : 何 敢 拒 命 hà cảm cự mệnh.
- 117* LNCQLT1, LNCQLT : 順 受 thuận thụ.
- 118* LNCQLT3 : 時 軍 軍 軍 集 , 乃 驚 走 散 thời quân chung phủ tập, nỗi kinh tẩu tán.
- 119* LNCQLT2 : 唯 莫 眾 獨 在 duy cựu chúng độc tại ; LNCQLT3 : 唯 獨 莫 臣 duy độc cựu thần.
- 120* LNCQLT1 : không có chữ 同 đồng.
- 121* LNCQLT3 : 宦 軍 駐 駐 營 於 quan quân trú đích dinh vu.
- 122* LNCQLT3 : 夜 xu.
- 123* LNCQLT3 : 江 giang.
- 124* LNCQLT3 : không có chữ 會 hội.
- 125* LNCQLT1, LNCQLT : 夜 半 dạ bán.
- 126* LNCQLT3 : 天 起 大 雨 thiên khởi đại vũ.
- 127* LNCQLT1, LNCQLT2 : 仙 容 部 禿 Tiên Dung bộ đảng.
- 128* LNCQLT3 : 每 空, 悉 成 mỗi không, tất thành.
- 129* LNCQLT1, LNCQLT2 : 民 間 dân gian.
- 130* LNCQLT3 : không có 4 chữ 以 灵 異 dĩ vi linh dị.
- 131* LNCQLT3 : sau chữ 遂 toại, có thêm chữ 建 kiến.
- 132* LNCQLT3 : chỉ có 1 chữ 時 thời.
- 133* LNCQLT3 : sau chữ 祀 tế có chữ 禮 (?) yên (?).
- 134* LNCQLT3 : không có chữ 名 danh.
- 135* LNCQLT3 : sau chữ 洲 châu, có thêm chữ 名 danh.
- 136* LNCQLT3 : không có chữ 洲 châu.
- 137* LNCQLT3 : 爾 vi.
- 138* LNCQLT3 : 河 探 禮 Hà thám ghen.
- 139* LNCQLT3 : 契 dù.
- 140* LNCQLT2 : 兵 binh.
- 141* LNCQLT3 : không có chữ 趙 Triệu.
- 142* LNCQLT3 : 拒 cự.
- 143* LNCQLT2 : sau chữ 光 復 Quang Phục, có thêm 2 chữ 齋 戎 trai giới.
- 144* LNCQLT3 : sau 其 故 kỳ chung là 居 於 此 泽 cư u thử trách.
- 145* LNCQLT2 : 光 復 獨 乘 木 船 Quang Phuc độc thừa mộc thuyền ; LNCQLT3 : 光 復 用 獨 木 船 Quang Phuc dung độc mộc thuyền.
- 146* LNCQLT3 : sau chữ 往 來 vǎng lai, có thêm 17 chữ : 梁 軍 未 譖 去 處, 則 迷 失 故 所. 光 復 藏 身 於 此 Lương quân vị am khứ xú, tắc mê thất chung sở. Quang Phuc tăng thân u thử.
- 147* LNCQLT1 : 常 夜 thường dạ ; LNCQLT3 : 夜 dạ.
- 148* LNCQLT2 : 暗 以 木 船 ám dĩ mộc thuyền ; LNCQLT : 暗 以 獨 船 ám dĩ độc thuyền.
- 149* LNCQLT2 : 突 出 矛 之 dột xuất cù chi ; LNCQLT3 : 矛 之 cù chi.
- 150* LNCQLT3 : 暗 hiếp.
- 151* LNCQLT3 : 梁 軍 屬 失 其 機 Lương quân thuộc thất kí cơ.
- 152* LNCQLT1 : 得 đặc.
- 153* LNCQLT3 : 三 四 年 間, 梁 軍 不 知 其 處, 難 以 交 戰 tam từ niên gian, Lương quân bắt tri kí xú, nan dĩ giao chiến.

- 154* LNCQLT3 : 梁 署 *Luong quân*.
- 155* LNCQLT2 : sau chữ 天 *thiên*, có thêm chữ 大 *dai*.
- 156* LNCQLT3 : sau chữ 嘆 曰 *thán viết*, chép 梁主 召陳伯, 上古謂一夜譯信矣。
Luong chúa triệu Trần Bá, thương cõi vị Nhất Dạ Trạch tin hĩ.
- 157* LNCQLT2 : 會 候 景 亂 *hội Hầu Cảnh loạn*; LNCQLT3 : 夫 今 乃 留 単 夜 夜 來 遠
叔 會 潭, 候 景 作 亂 *phù kim nãi lưu quân dạ dạ lai cù hiếp hội trach, Hầu Cảnh*
tác loạn.
- 158* LNCQLT3 : 梁 主 召 陳 伯 先 還 香 山 *Luong chúa triệu Trần Bá Tiên hoàn Hương Sơn*.
- 159* LNCQLT3 : không có chữ 矣 *hĩ*.
- 160* LNCQLT3 : 委 桂 將 楊 爭 舉 之 *ỷ tị tướng Dương Sân cử chi*.
- 161* LNCQLT3 : sau chữ 咎 *dàn*, có thêm chữ 場 *tràng*.
- 162* LNCQLT3 : 致 拜 處 (?) 禱 其 來 报 助 *tri bái xǔ (?) dǎo kỵ lai báo trợ*.
- 163* LNCQLT1 : 急 *cấp*.
- 164* LNCQLT1, LNCQLT2 : 騎 *ky*.
- 165* LNCQLT3 : 乘 龍 來 下 驛 中 *thíra long lai hạ trạch trung*.
- 166* LNCQLT1 : không có chữ 雖 *tuy*; LNCQLT3 : 本 *bản*.
- 167* LNCQLT3 : sau chữ 天 *thiên*, có thêm chữ 處 *xǔ*.
- 168* LNCQLT3 : 威 靈 居 下 *ug linh cư hạ*.
- 169* LNCQLT3 : 故 我 來 助 泱 *cố ngã lai trợ nhã*.
- 170* LNCQLT3 : 時 劇 *thời loạn*.
- 171* LNCQLT3 : 以 *dĩ*.
- 172* LNCQLT3 : không có chữ 以 *dĩ*.
- 173* LNCQLT3 : lặp lại chữ 光 復 *Quang Phục*, và không có chữ 臣 *viết*.
- 174* LNCQLT1 : không có 4 chữ 言 詫 不 見 *ngôn hất bát kiến*; LNCQLT3 : sau chữ 上
thuợng, là : 每 有 賦 侵, 以 此 伺 賊, 賊 每 驚 敗。神 人 說 罷, 因 復 升 天。
mỗi hữu tặc xâm, dĩ thử hióng tặc, tặc mỗi kinh bại. Thần nhân thuyết bãi, nhân phuca
thăng thiên.
- 175* LNCQLT2 : 光 復 得 此 助, 氣 力 增 倍, 歡 欣 大 增 *Quang Phục đắc thứ trợ,*
khi lực tăng bội, hoan hân dại chấn.
- 176* LNCQLT3 : 戰 *chiến*.
- 177* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 光 復 *Quang Phục*.
- 178* LNCQLT3 : 斬 得 梁 將 *Trám đắc Luong tướng*.
- 179* LNCQLT2 : 死 阵 *tử trận*.
- 180* LNCQLT1 : 梁 署 敗 走 *Luong quân bại tẩu*; LNCQLT2 : 梁 署 大 敗 乃 退 還
Luong quân bại bại nãi thoái hoàn.
- 181* LNCQLT1, LNCQLT2 : 聞 南 帝 祀 *Văn Nam Đế tồ*.
- 182* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 越 *Việt*.
- 183* LNCQLT3 : 立 城 于 武 宁 郡 鄭 山 也 *lập thành vu Vũ Ninh quận Trâu Sơn dã*.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Nhất Dạ Trạch* : có nghĩa là cái chǎm hình thành sau một đêm. Nhiều tên đất và tên người trong truyện này đã dùng theo kiểu tượng trưng như vậy. Chẳng hạn «Chữ xá hương» (lặng của nhà họ Chữ), «Mạn Trù Châu» (bãi cát quây màn); hoặc Tiên Dung

My nương (cô Công chúa có dung nhan đẹp như tiên) «Chữ Đồng Tử» (cậu bé họ Chử) v.v... Chăm Nhất Dạ Trạch ở vùng Khoái Châu, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

- (2) *My nương*: Tương truyền rằng con gái của Hùng Vương đều gọi là «My nương». (Xem *Truyện họ Hồng Bàng*). Chữ «My nương» ở đây tương đương với chữ «Công chúa» ở các đời sau.
 - (3) *Hương*: một đơn vị hành chính thời xưa, lớn hơn xã và gần bằng huyện ở đời sau.
 - (4) *Chợ Thám*: ở vùng Văn Giang, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.
 - (5) *Dát*: một đơn vị đo trọng lượng thời cổ; mỗi dát tương đương với 24 lang.
 - (6) *Núi Quynh Vi*: một quả núi trong truyện thần thoại.
 - (7) Nguyên bản chữ Hán chỉ có một chữ *thương* 商, không rõ nghĩa. Chúng tôi tạm dịch là *thương nhân* 商人, chờ tìm hiểu thêm.
 - (8) *Du phuơng*: chỉ việc nhà sư di kháp các nơi, cũng tức là «vân du thập phuơng» vậy.
 - (10) *Tự Nhiên châu*: nay ở xã Hồng Châu, thuộc huyện Thường Tin, tỉnh Hà Tây, còn có bãi Tự Nhiên, không biết có phải là «Tự Nhiên châu» trong *Truyện Nhất Dạ Trạch* hay không.
 - (11) *Hà Thị*: cũng tức là Chợ Thám.
 - (12) *Tiền Lý Nam Đế*: tức Lý Bi 李賁 (544-548), đời niên hiệu là Thiên Đức 天德, lấy tên nước là Vạn Xuân.
 - (13) *Tức Lương Vũ Đế* 梁武帝 (502-549) ở Trung Quốc.
 - (14) *Tức Trần Bá Tiên*, do Lương Vũ Đế phong làm Tư mã, đem quân sang đánh Lý Bi.
 - (15) *Hầu Cảnh*: tên chữ là Vạn Cảnh 萬景, người Sóc Phuơng, từng theo Nhĩ Châu Vinh 爾榮 làm thư sứ Định Châu, sau hàng nhà Ngụy, rồi lại bỏ Ngụy hàng Lương, cuối cùng phản lại nhà Lương, vây Kiến Khang, hãm Đài Thành; Lương Vũ Đế bị bức chết dưới. Hầu Cảnh lập Giản Văn Đế 簡文帝 lên thay, rồi lại giết Văn Đế, tự lập làm vua, xưng là Hán Đế 漢帝.
 - (16) *Triệu Việt Vương*: làm vua từ năm 549 đến năm 570.
 - (17) *Quân Vũ Ninh*: nay là vùng Võ Giang, thuộc tỉnh Hà Bắc.
- Về chuyện Triệu Quang Phục đánh quân nhà Lương và chuyện Tiên Dung — Chữ Đồng Tử, ĐVSHTT cũng có chép như sau: «Triệu Quang Phục cầm cự với Bá Tiên, chưa phân thắng bại, nhưng quân của Bá Tiên rất đông, Quang Phục liệu thế không chống nổi, mới lui về giữ ch�� Dạ Trạch. Ch�� này ở huyện Chu Diên, chủ vi không biết là bao nhiêu dặm, cỏ cây um tùm, bụi rậm che kín, ở giữa có thò đất cao có thè ở được, hồn phía chung quanh bùn lầy, người ngựa khó đi, chỉ có thè dùng thuyền độc mộc nhỏ chống bằng sào đi lướt trên cỏ nước mới có thè đến được. Nhưng nếu không quen biết đường lối thì không biết đăng nào mà vào, lở sa xuống nước thì bị rắn cắn chết. Quang Phục thuộc rõ đường lối, mới đem hơn hai vạn người vào đóng ở nền đất trong ch��, ban ngày thi tuyệt không để lộ khói lửa dấu người, ban đêm thi dùng thuyền độc mộc đem quân ra đánh Bá Tiên, giết và bắt được rất nhiều, lấy được lương thực, làm kế cầm cự lâu dài. Bá Tiên theo hút mà đánh, nhưng không đánh được. Người trong nước gọi là «Dạ Trạch Vương». (Tục truyền : thời Hùng Vương, con gái Hùng Vương là Tiên Dung My Nương ra chơi cửa biển, khi thuyền về đến bãi hương Chử gia, đi bộ trên bãi gấp Chử Đồng Tử trán mình nấp trong bụi lau. Tiên Dung tự cho thè là nguyệt lão xe duyên, lấy nhau làm vợ chồng. Rồi sợ phải tội mới ở tránh trên bờ sông, chở áy trở thành nơi đô hội. Hùng Vương đem quân đến đánh, Đồng Tử và Tiên Dung sợ hãi đợi tội. Chợt nửa đêm, mưa to gió lớn kéo đến làm rung động cả nhà cửa, nhà cửa tự bốc lên, người ở và gà chó cũng đồng thời bốc lên trời, chỉ còn lại cái nền ở giữa ch��. Người bấy giờ gọi bãi áy là bãi Tự Nhiên, ch�� áy là Ch�� Nhất Dạ) (Xem Bd. ĐVSHTT; Ngoại ký; quyển IV; Ký nhà Tiền Lý; Tập I; tr. 119-120)

畫娘傳

求採月暇僧娘。去，：救常
篤米五升追蠻胎恩女子之日以娘
亦擣。者已睡不裡羞獲將汝一出，
苦寵學未熟羅腹有生僧與娘地旱
貧厨來經饑伽，亦月梨子蠻掉歲。
中居方誦忘僧動梨滿閨沃與杖遇之。
家常四徒意。心閨娘，此梨以每賴
俱誦僧熟閻當娘歸之三：去旱本，
母眾之已門獨蠻而居夜日而大居出
父與寺廚於娘。色寺當與辭時復湧
，能一供寐蠻身懸頭。付相歲，泉
娘不養娘假，娘有江子，娘見還水
蠻語佚蠻，房蠻娘路女下蠻還而然
名言以。侍本過蠻岐其樹梨汝受自然
女於變促坐歸步，三還路閨，敬，
一訥炊短娘各乃間到而岐。汝娘地
有然親刻蠻，足月行僧三道賜蠻掉
時。躬夜。罷，個娘梨頭沃此。杖地
道，，粥誦此四蠻閨江成以民。此杖地
學薪間食徒卧三。尋就名「我生以

盤里，蠻藏，來事
津率擇徒段淵蠻而
江相而僧三之請金
前乃戲。中投咸以之
寺。岸。至缺手上樹缺死貼
流破洗之研盡倒，貼
，盡瀆曳逮倒皆殿
倒皆下娘。斧人沃堅始
摧介娘蠻相之近
樹斧蠻使肆近，況
適其會因像，況
，，，沃堅始
歲柴動異焉甚餘
十斫亦皆匠一墳入水取之，迎
餘焉不驚刻石刻
八競之眾木化，
娘民曳。召已芒漁人
蠻。人移上，光借
時去餘轉岸處出，
不百即於之放拜
旋三樹娘女石禮

之，閻梨僧始置沃相名法雲，法雨，法雷，法電。四方禱雨無不應驗。呼靈娘為沃母。四月初八日，自然而天生靈殼塗封于寺中。人民以此日辰為沃生日。年年四方男女老少集眾遊戲，作為歌舞技樂百端以成世俗，呼曰浴沃會，至今猶存焉。

(嶺南摭怪列傳卷之二)

PHIỀN ÂM:

MAN NƯƠNG TRUYỀN ^{1*}

Hán Hiển Đế thời ^{2*}, Thái thú Sĩ Nhiếp trúc ^{3*} thành vu Bình Giang nam ^{4*} biên (kim Thiên Đức giang) ^{5*}. Thành chí nam ^{6*} hữu Phật tự ^{7*} danh Phúc Nghiêm ^{8*}. Hữu tăng tự tây lai hiệu Già La Đồ Lê trụ trì thủ tự. Năng lập ^{9*} độc cước chi pháp; nam nữ lão thiểu tin mộ kinh sự ^{10*} hò tăng vi Tôn Sư ^{11*}. Nhân nhân gai lai ^{12*} cầu học Phật đạo.

Thời hữu nhất nữ ^{13*} danh ^{14*} Man Nương, phụ mẫu cầu vong, già trung bần khổ, diệc ^{15*} đắc cầu học đạo ^{16*}. Nhiên ^{17*} nột tr ^{18*} ngôn ngữ, bất ^{19*} năng dử chúng tụng kinh, thường cư ^{20*} trú táo, đảo mê thái tân ^{21*}, cung ^{22*} thân xuy thoản dĩ cung dưỡng nhất tự chi tăng, cập từ ^{23*} phương lai học giả ^{24*}. Ngũ nguyệt gian, dạ khắc đoán xúc. Man Nương cung trú dĩ thực ^{25*}, tăng đồ tụng kinh vị dĩ, vị hạ ^{26*} thực chúc. Man Nương tọa thi, giả my tr môn vực gian ^{27*}, bất ý vong cơ thực thụy. Đãi tăng đồ tụng bái ^{28*}, các quy bản phỏng, Man Nương độc đương môn ngoa ^{29*}. Tăng Già La bất ý Man Nương ngoa thử, tức nãi bộ quả Man Nương thán ^{30*}. Man Nương hân nhiên ^{31*} tâm động, phúc ^{32*} lý thụ thai. Tam từ cá ^{33*} nguyệt gian, Man Nương hữu tam sắc nhi ^{34*} quý, tăng ^{35*} Đồ Lê diệc hữu tu sắc tu khứ ^{36*}. Man Nương hành đáo ^{37*} tam kỳ lô giang ^{38*} dẫu tự cư chi. Man Nương mẫn nguyệt sinh hoạch nhất nữ ^{39*}, tắm Đồ Lê tăng nhi hoàn kỳ nữ tử ^{40*}. Dương dạ tam canh thời, Đồ Lê tăng tương nữ tử ^{41*} tựu giang đầu tam kỳ lô ^{42*} thụ hạ, phó dữ viết ^{43*}: « Ngã ký thử ^{44*} Phật tử dữ nhữ tăng chi, danh thành ^{45*} Phật đạo ». Đồ Lê Man Nương tương ^{46*} từ nhữ khứ, Đồ Lê dữ Man Nương nhất trượng viết: « Ngã dĩ thử từ nhữ, nhữ hoàn kiến tuế thời đại hạn, đương ^{48*} dĩ trượng diệu địa xuất ^{49*} thủy dĩ cứu sinh dân », Man Nương kính thụ nhi hoàn, phục cư bản tự ^{50*}. Mỗi ^{51*} ngộ tuế hạn, Man Nương ^{52*} thường dĩ trượng diệu địa ^{53*}, tự nhiên thủy tuyển dung xuất ^{54*}, dân đà ^{55*} lại chi.

Thời Man Nương bát thập dư tuế ^{56*}, thích thụ tời đảo, lưu chí tự tiền giang tân, bàn tuyển bát khứ ^{57*}. Dân cạnh chước ^{58*} vi sai, kỳ ^{59*} phủ càn gai tân ^{60*} phá khuyết. Nãi tương suất lán lý tam bách dư nhân duệ chi diệc ^{61*} bất động ^{62*}.

Hội Man Nương hạ tân tẩy thủ, hí nhi xanh chi, thụ túc chuyền di^{68*}. Chúng^{64*} gai kinh dị, nhân^{65*} sứ Man Nương duệ chi^{66*} thượng ngạn. Tăng đồ dữ Man Nương ư ngạn thượng triệu mộc tượng khắc vi Phật tượng tử tướng^{67*}. Đãi chước thụ, trùng tam đoạn sở tàng nữ chi xú^{68*}, dĩ hóa nhất thạch thậm kiên^{69*}, tượng chi phủ cản tận khuyết^{70*}. Đầu chi uyên trung, thạch phóng xuất quang mang, khoảnh^{71*} khắc dư thủy trầm, tượng nhân gai đảo tử^{72*}. Hàm^{73*} thỉnh Man Nương lai^{74*} lẽ bái^{75*}, tà ngư nhân nhập thủy thủ chi, nghênh nhập Phật điện, thiếp chi dĩ kim nhi phung sự chi^{76*}. Đồ Lê tăng^{77*} thủy trí Phật tướng^{78*} danh^{79*} Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Từ phương đảo vũ vô bất ứng nghiệm. Hô Man Nương vi Phật Mẫu. Từ nguyệt sơ bát nhạt, tự nhiên nhi thiên sinh linh xác, tang phong vu tự trung. Nhân dân dĩ thử nhạt thần vi Phật sinh nhạt. Niên niên từ phương nam nữ lão thiểu tập chúng du hi, tác vi ca vũ kỹ nhạc bách đoan dĩ thành thế tục^{80*}, hò viết^{81*} «Dục Phật hội», chí kim do tồn yên^{82*}.

(Lĩnh Nam chích quái liệt truyện : Quyền chi nhị)

DỊCH NGHĨA :

TRUYỆN MAN NƯƠNG

Vào thời Hán Hiến Đế (1), Thái thú Sĩ Nhiếp (2) xây thành ở phía nam sông Bình Giang (nay là sông Thiên Đức) (3). Phía nam thành có ngôi chùa thờ Phật tên là chùa Phúc Nghiêm. Có vị sư từ phương tây đến, hiệu là Già La Đồ Lê, trụ trì ngôi chùa này. Sư giỏi phép đứng một chân ; gái trai già trẻ đều tin mến kinh thờ, gọi sư là Tôn Sư. Ai nấy đều đến để học đạo Phật.

Bấy giờ có người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều mất cả, nhà nghèo khổ, cũng quyết lòng tim đến học đạo. Nhưng vì nói năng khó khăn, không thể cùng bọn họ tụng kinh được, nên thường ở dưới bếp giã gạo, hái củi, thân hành nấu nướng để cung cấp cái ăn cho sư sãi cả chùa cùng khách bốn phương tới học. Vào khoảng tháng năm, canh đêm ngắn chóng. Món ăn Man Nương làm dưới bếp đã chín, mà sư sãi tụng kinh vẫn chưa xong, chưa rỗi để ăn cháo. Man Nương ngồi trông, ngủ gật bên bậc cửa, rồi không ngờ quên đợi đến ngủ say. Tới khi sư sãi tụng kinh xong, ai về phòng này, chỉ còn Man Nương một mình nằm ngay cửa. Sư Già La không ngờ Man Nương nằm ở đấy, nên đã bước chân qua người Man Nương. Man Nương khắp khởi động lòng, bụng bỗng thụ thai. Được khoảng ba bốn tháng, Man Nương xấu hổ bỏ về, sư Đồ Lê cũng thẹn muốn đi. Man Nương về tới ngôi chùa ở ngã ba sông thì ở lại đấy. Man Nương đến tháng, sinh được một đứa con gái, tim sư Đồ Lê dè trả. Đang đêm, vào lúc canh ba, sư Đồ Lê đem đứa con gái tới bên cây ở ngã ba sông, đặt con vào cây mà nói : «Ta gửi đứa con này của Phật cho người giữ lấy, rồi sẽ danh thành Phật đạo». Đồ Lê, Man

Nương từ giã nhau đi. Đồ Lê cho Man Nương một chiếc gậy và bảo : « Cho nàng vật này ; nàng về nếu thấy thời tiết đại hạn, thì nên lấy gậy chọc vào đất, sẽ ra nước để cứu sinh dân ». Man Nương cung kính nhận mang về, trở lại ở ngôi chùa cũ (4). Mỗi khi gặp năm hạn hán, Man Nương thường lấy gậy chọc vào đất, tự nhiên mạch nước cuồn cuộn chảy ra, nhân dân nhờ cây rất nhiều.

Bấy giờ Man Nương đã ngoài tám mươi tuổi, cũng vừa lúc cái cây kia bị đỗ, trôi ra bến sông trước chùa, quanh quẩn ở đấy không chịu đi. Dân tranh nhau chặt làm củi, nhưng rìu búa đều兕t mẻ hết, bèn rủ hơn ba trăm người trong xóm giềng đến kéo ván không chuyền. Gặp lúc Man Nương xuống bến rửa tay, lay động thử chơi, cây bỗng di chuyển. Mọi người đều kinh ngạc, nhận đó bảo Man Nương kéo lên bờ. Sư sãi cùng Man Nương gọi thợ mộc đến ngay bờ sông tạc bốn pho tượng Phật. Khi chặt cây, trúng doan thứ ba, nơi đặt đứa con gái đã hóa thành một tảng đá rất rắn, thì rìu búa của thợ đều mẻ hết. Đem vứt xuống vực sâu, tảng đá bỗng phát ra những tia sáng rực rỡ, một chốc lâu mới chìm. Cả bọn thợ đều ngã ra chết. Mời Man Nương đến khấn vái, rồi nhờ dân chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào điện Phật, mạ vàng để phụng thờ. Sư Đồ Lê mời đặt tên cho bốn pho tượng Phật là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Người bốn phương tối đây cầu mưa, không lúc nào là không ứng nghiệm. Gọi Man Nương là Phật Mẫu. Ngày mồng tám tháng tư, Man Nương tự nhiên mà hóa (5), xá lị gói chôn trong chùa. Nhân dân lấy đó làm ngày sinh của Phật. Hàng năm cứ tới ngày này gái trai già trẻ bốn phương đến tụ tập ở chùa để vui chơi, diễn vũ ca, múa, các trò và đàm địch mãi thành tục lệ, gọi là Hội tắm Phật, tới nay vẫn còn.

(Lĩnh Nam chích quái liệt truyện ; Quyển thứ II)

TUẤN NGHI

KHẢO ĐÍNH :

- 1* LNCQLT1 : sau đầu đề, có chú thích 在超類縣大寺社 tại Siêu Loại huyện, Đại Tự xã ; LNCQLT3 : chép đầu đề là 蜜娘古傳 Man Nương cổ truyện ; sau đầu đề, có chú thích 在超類縣大寺妃沃 tại Siêu Loại huyện Đại Tự phi phật.
- 2* LNCQLT3 : 茲前朝明帝之時 tích tiền triều Minh đế chi thời.
- 3* LNCQLT3 : 太守士立 thái thú Sĩ Lập.
- 4* LNCQLT3 : không có chữ 南 nam.
- 5* LNCQLT3 : 今平江郡天德江 kim Bình Giang tức Thiên Đức Giang.
- 6* LNCQLT3 : 其城之南 kỳ thành chi nam.
- 7* LNCQLT1, LNCQLT2 : 舊有佛寺 cựu hữu Phật tự.
- 8* LNCQLT3 : không có 3 chữ 各福嚴 danh Phúc Nghiêm.
- 9* LNCQLT2 : 禁制.

- 10* LNCQLT1 : 奉 phung ; LNCQLT3 : sau chữ 老少 lão thiếu, là : 供餐應餵, 仰慕尊敬 cung dưỡng ứng cắp, ngưỡng mộ tôn kính.
- 11* LNCQLT1, LNCQLT2 : 賴為尊師 hiệu vi tôn sư.
- 12* LNCQLT1 : không có chữ 來 lai ; LNCQLT2 : không có chữ 皆來 gai lai.
- 13* LNCQLT3 : 見有女子 kiến hữu nữ tử.
- 14* LNCQLT3 : sau chữ 名 danh, có thêm chữ 爾 tiết.
- 15* LNCQLT3 : 心致 tâm dục.
- 16* LNCQLT3 : 道學 đạo học.
- 17* LNCQLT3 : không có chữ 然 nhiên.
- 18* LNCQLT2 : 其 kỳ.
- 19* LNCQLT3 : chép sót chữ 不 bắt.
- 20* LNCQLT3 : 在 tại.
- 21* LNCQLT3 : 采未蒸熟 thải mě chưng chúc.
- 22* LNCQLT3 : 身 thân.
- 23* LNCQLT3 : 問 vấn.
- 24* LNCQLT2 : 方學者 phuong hoc giả ; LNCQLT3 : 方求道之人 phuong cầu đạo chi nhân.
- 25* LNCQLT3 : sau chữ 五月 ngũ nguyệt, có thêm 2 chữ 夜促 dạ xúc. Không có đoạn từ chữ gian đến chữ孰 thực.
- 26* LNCQLT3 : không có chữ 未 vi ; 暇 hả chép là 行 hành.
- 27* LNCQLT3 : 蜜娘熟睡, 乃生假寐於閨中 Man Nương thực thuy, nãi tọa giả mị ư khuê trung.
- 28* LNCQLT3 : 僧徒誦經已畢 tăng đồ tung kinh đã tắt.
- 29* LNCQLT3 : 蜜娘當在房中睡卧 Man Nương đương tại phòng trung thuy ngoa.
- 30* LNCQLT1, LNCQLT2 : 僧闍梨步過其身 tăng Đồ Lê bô qua kỵ thân.
- 31* LNCQLT3 : 忽然 hối nhiên.
- 32* LNCQLT1, LNCQLT2 : 胞 bào.
- 33* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 个 cá.
- 34* LNCQLT3 : không có chữ 而 nhi.
- 35* LNCQLT2, LNCQLT3 : không có chữ 僊 tăng,
- 36* LNCQLT1, LNCQLT2 : 闍梨亦羞而去 Đồ Lê diệc tu nhi khú.
- 37* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 4 chữ 蜜娘行到 Man Nương hành dáo. Chỉ có 1 chữ 至 chí.
- 38* LNCQLT3 : 蘭 nguyén.
- 39* LNCQLT3 : 而生女子 nhi sinh nữ tử.
- 40* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 9 chữ 尋闍梨僧而還其女子 tìm Đồ Lê tăng nki hoàn kỵ nữ tử.
- 41* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 11 chữ 當夜三更時, 闍梨僧贈女子 dương da tam canh thời, Đồ Lê tăng tung nữ tử.
- 42* LNCQLT3 : 就源頭三岐江 tựu nguyên đầu tam kỳ giang.
- 43* LNCQLT3 : 見有榕樹生在此處, 枝葉鬱盛 (?) 闍梨僧與榕樹曰 kiến hữu dung thụ sinh tại thử xứ, chi diệp uất thịnh (?). Đồ Lê tăng dù dung thụ viết.
- 44* LNCQLT3 : không có chữ 此 thử.
- 45* LNCQLT3 : 戒 giới.
- 46* LNCQLT3 : 食 các.

- 47* LNCQLT3 : 授 thu.
- 48* LNCQLT3 : 女 nhữ.
- 49* LNCQLT3 : 鳥 vi.
- 50* LNCQLT3 : 蜜娘而還居本寺 Man Nương nhi hoàn cư bản tự.
- 51* LNCQLT3 : không có chữ 每 mỗi.
- 52* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 蜜娘 Man Nương.
- 53* LNCQLT3 : 常以此杖擲于地上 thường dì thü truong trich vu dia thuong.
- 54* LNCQLT3 : 忽然湧出清淚水 hốt nhiên dung xuất thanh tuyền thủy.
- 55* LNCQLT3 : 登 cát.
- 56* LNCQLT3 : 時蜜娘九十餘 thời Man Nương cùu thập dư.
- 57* LNCQLT3 : 不期榕樹倒死,流到寺前江津,僧徒每以爲路橋,洗手足。其樹周旋而不去 bất kỳ dung thụ đảo tử, lưu đáo tự tiền giang tân, tảng đồ mỗi dì vi lô kiều, tảng thủ túc. Ký thụ chu tuyền nhi bất khứ.
- 58* LNCQLT3 : sau chữ 爲 churóc, có thêm chữ 取 thu.
- 59* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 期 kỳ.
- 60* LNCQLT1, LNCQLT2 : 皆 nhất giải.
- 61* LNCQLT1 : không có chữ 亦 diệc.
- 62* LNCQLT3 : 登樹上岸,其樹不動仍還 duệ thụ thương ngan, kỳ thụ bất động nhưng hoàn.
- 63* LNCQLT3 : 蜜娘下津洗足,以手撐之,榕樹轉動流血 Man Nương hạ tân tây túc, dì thủ xanh chi, dung thụ chuyển động lưu huyết.
- 64* LNCQLT3 : sau chữ 取 cháng, có thêm chữ 僧 tăng.
- 65* LNCQLT3 : không có chữ 因 nhán.
- 66* LNCQLT3 : sau chữ 至 chí, có thêm chữ 至 chí.
- 67* LNCQLT1, LNCQLT2 : ...上岸,令匠人造佛像四相 thương ngan, linh tượng nhân tạo vì Phật tượng tứ tướng.
- 68* LNCQLT2 : 逮斫樹中三段,惟一段所藏女處 dãi churóc thụ trung tam đoạn, duy nhai đoạn sở tàng nữ xíu, LNCQLT3 : 斫至所藏之處 churóc chi sở tàng chí xíu.
- 69* LNCQLT2 : 則已化一石甚堅 tắc dì hóa nhai thach them kiên ; LNCQLT3 : 見已成一石塊甚剛 kiến dì thành nhai thach khôi them cương.
- 70* LNCQLT3 : 共匠人斫之,斧斤每盡破折 kỳ lượng nhân churóc chí, phủ cán mỗi tận phá chíết.
- 71* LNCQLT1 : không có chữ 壓 khoanh.
- 72* LNCQLT3 : 捷之淵中,石中光明自出,頃刻間石始流矣,匠人自然倒死 dàu chí uyên trung, thạch trung quang minh tự xuất, khoanh khắc gian thach thủy lưu hì, tượng nhân tự nhiên đảo tử.
- 73* LNCQLT3 : không có chữ 戒 hàm.
- 74* LNCQLT3 : sau chữ 莉 lai, có thêm chữ 助 trợ.
- 75* LNCQLT3 : sau chữ 禮拜 lê bài, có thêm 2 chữ 祈禱 kỳ đảo.
- 76* LNCQLT2 : không có chữ 至 chí : LNCQLT3 : 借漁人侵入水中取石將上還蜜娘。蜜娘將回刻依佛象完畢,進入寺殿 tú ngự nhân xâm nhập thủy trung thủ thach lương thương hoàn Man Nương. Man Nương lương hồi khắc tác phat lương hoàn tất, nghênh nhập tự diện.
- 77* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 僧 tăng.

- 78* LNCQLT3 : thay 4 chữ 始 置 佛 相 *thứ tự Phật tướng*, bằng 2 chữ 置 號 *tri hiệu*.
 79* LNCQLT3 : không có chữ 名 danh.
 80* LNCQLT1, LNCQLT2 : thay đoạn từ 四方稽雨 từ *phuong đảo vù đến* 成 世俗 thành thế tục bằng câu : 四方老少男女常聚此寺遊戲歌舞 từ *phuong lão thiếu nam nữ thường tụ thử tự du hí ca vũ*.
 81* LNCQLT1, LNCQLT2 : 世 呼 為 thể hô vi.
 82* LNCQLT3 : thay câu 洪 佛 會, 至 今 猶 有 徒 *đức Phật hội, chí kim do tôn yên* bằng câu 佛 會, 今 有 之 也 *Phật hội, kim hữu chí dã*.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Hán Hiển Đế* : tên là Lưu Hiệp 劉協, làm vua từ năm 190 đến 220, là vua cuối cùng của triều Đông Hán 東漢.
 - (2) *Sĩ Nhiếp* : người huyện Quảng Tin ; quận Thượng Ngô. Cha từng làm Thái thú Nhật Nam đời Hán Hoàn Đế 檀帝 (147-167). Sau khi cha mất, Sĩ Nhiếp được cử sang làm quan ở Giao Châu, tới chức Thái thú (theo VSL).
 - (3) *Sông Thiên Đức* : tức sông Đuống ngày nay.
 - (4) Tức ngôi chùa ở ngã ba sông.
 - (5) Nguyên văn chữ Hán là *tự nhiên nhi thiên sinh linh xác* 自然而天生靈殼 nghĩa là «tự nhiên mà trời sinh linh xác», ý nói tự nhiên mà chết, chúng tôi dịch «tự nhiên mà hóa».

381

白雉傳

周交：蛟犧者有人趾其之
獻曰氏水。中臣：氏者
以問裳於熟？」者不曰裳使
雉公越泳爻來意予言越。
自周？」游避而，君所。制
持。此形以爲矣，帝曰之
氏知若之種「何年施黃放南
裳始由府火：三不記戒指
越後。何龍耕曰今令及教為
稱而，鷦刀公波「政。」皆
臣譯足身。周揚：物物，
其重跣紋木。不曰其重乘
命人頭。緣齒海嘆享以五
王使露林便黑，公不賞車
雄公，山以成雨周子。軒
時，紋便跣，風來，侵命
王通髮以。穢烈故加得公
成不短髮犯汚無？不無周
周路人短教除天乎澤，。
言之趾不以：人德外路。
趾交蛇榔曰聖；方歸

，由扶南林邑海際，期年而至其國。故指南車常為先導。

後孔子作春秋，以文郎國不明風化，不關政教，不參于朝政置之不考焉。

(嶺南摭怪列傳, 卷之一)

PHIÊN ÂM :

BẠCH TRĨ TRUYỆN ^{1*}

Chu Thành Vương ^{2*} thời, Hùng Vương mệnh kỳ ^{3*} thần xung Việt Thường thị tri ^{4*} bạch trĩ dĩ hiến ^{5*} vu Chu. Ngôn lộ ^{6*} bất thông, Chu Công sử nhân ^{7*} trùng dịch nhi hậu thủy tri ^{8*}. Chu Công văn viết : «Giao Chỉ chi nhân ^{9*} đoán phát văn thân, lộ đầu tiền túc, hà do nhược thủ?» Việt Thường thi ^{10*} viết ^{11*} : «Giao Chỉ ^{12*} đoán phát dĩ tiện nhập sơn lâm. Văn thân vi Long Phủ chi hình ^{13*}, du vịnh ư thủy, giao xà bất cảm phạm ^{14*}. Tiền túc dĩ tiện duyên mộc. Đao canh hỏa chủng ^{15*} dĩ tị viêm nhiệt. Thực ^{16*} tân lang dĩ trừ ô uế, cố thành hắc xỉ ^{17*}». Chu Công viết : «Hà vi nhi lai?» Sứ giả ^{18*} viết : «Thiên vô liệt phong đàm vũ, hải bất dương ba, kim ^{19*} tam niên hũ, ý giả Trung Quốc hữu thánh nhân hò? Cố lai ^{20*}!» Chu Công thán viết ^{21*} : «Chinh lệnh bắt thi ^{22*}, quân tử bắt thần kỳ nhân; đức trách bắt gia, quân tử bắt hưởng kỳ vật. Cập ^{23*} ký Hoàng Đế sở ngôn ^{24*} viết: Giao Chỉ phương ngoại, vô đắc ^{25*} xâm phạm». Thường dĩ ^{26*} trọng ^{27*} vật, giáo giới phóng hồi ^{28*}. Việt Thường thi ^{29*} vong kỳ quy lộ ^{30*}. Chu Công mệnh tử ^{31*} biền xa ngũ thặng, giai vi chỉ ^{32*} nam chí chế. Sứ giả tải chi ^{33*}, do Phù Nam, Lâm Ấp hải tế ^{34*}, cơ niên nhi chí kỳ ^{35*} quốc. Cố ^{36*} chỉ nam xa thường vi tiên đạo.

Hậu Khồng Tử tác Xuân thu, dĩ Văn Lang quốc bất minh phong hóa, bất quan chính giáo, bất tham vu triều chính ^{37*} tri chí bất khảo yên ^{38*}.

(Lĩnh Nam chích quái liệt truyện; Quyển chí nhất)

DỊCH NGHĨA :

TRUYỆN CHIM TRĨ TRẮNG (1)

Vào thời Chu Thành Vương ⁽²⁾, vua Hùng Vương sai bè tôi xung là họ Việt Thường đem chim trĩ trắng sang dâng biểu nhà Chu. Vì ngôn ngữ bất đồng,

Chu Công (3) phải sai người qua mấy lần dịch rồi mới biết. Chu Công hỏi : «Người đất Giao Chỉ (4) cắt tóc ngắn, vẽ trên mình, đầu đê trần, đi chân không là tại làm sao vậy ? ». Họ Việt Thường đáp : «Người Giao Chỉ cắt tóc ngắn để tiện vào rừng núi. Vẽ trên mình thành hình dưới Long Phủ, để khi bơi lội trong nước, giao xà không dám xúc phạm. Đi chân không cho tiện leo cây. Cày bằng dao, trồng bằng lửa, đầu đê trần cho khỏi nóng bức (5). Ăn trầu cau để trừ ô uế, nên thành răng đen ». Chu Công nói : «Thế đến đây đê làm gì ? » Sứ giả đáp : «Trời không mưa dầm gió giật, biển không nổi sóng to đã ba năm nay, ý chừng Trung Quốc có thánh nhân chẳng, vì vậy mà đến ! » Chu Công than rằng : «Chinh lệnh không tỏa tới, kẻ quân tử không được xem người ta như bè tôi mình ; đức trạch không gia thêm, kẻ quân tử không được ăn lẽ vật của người ta. Còn nhớ lời Hoàng Đế (6) nói rằng : Giao Chỉ là một đất xa lạ, không được xâm phạm họ ». Rồi đem vật quý trọng tặng thường, dặn dò chỉ bảo và đê cho về. Họ Việt Thường quên đường về. Chu Công sai ban cho năm cỗ biển xa (7), đều có bộ phận «chỉ nam» làm chuẩn. Sứ giả đi xe ấy, theo miền biển Phù Nam (8), Lâm Ấp (9), tròn một năm thì về đến nước. Cho nên xe «chỉ nam» thường dùng đê đi trước dẫn đường.

Về sau Khổng Tử viết sách *Xuân thu*, cho nước Văn Lang không được rõ về phong hóa, không liên quan tới chính giáo, không tham dự việc triều chính, nên gác lại mà không khảo cứu.

(Lĩnh Nam chí chich quái liệt truyện ; Quyển thứ I)
TUẤN NGHĨ

KHẢO ĐÍNH :

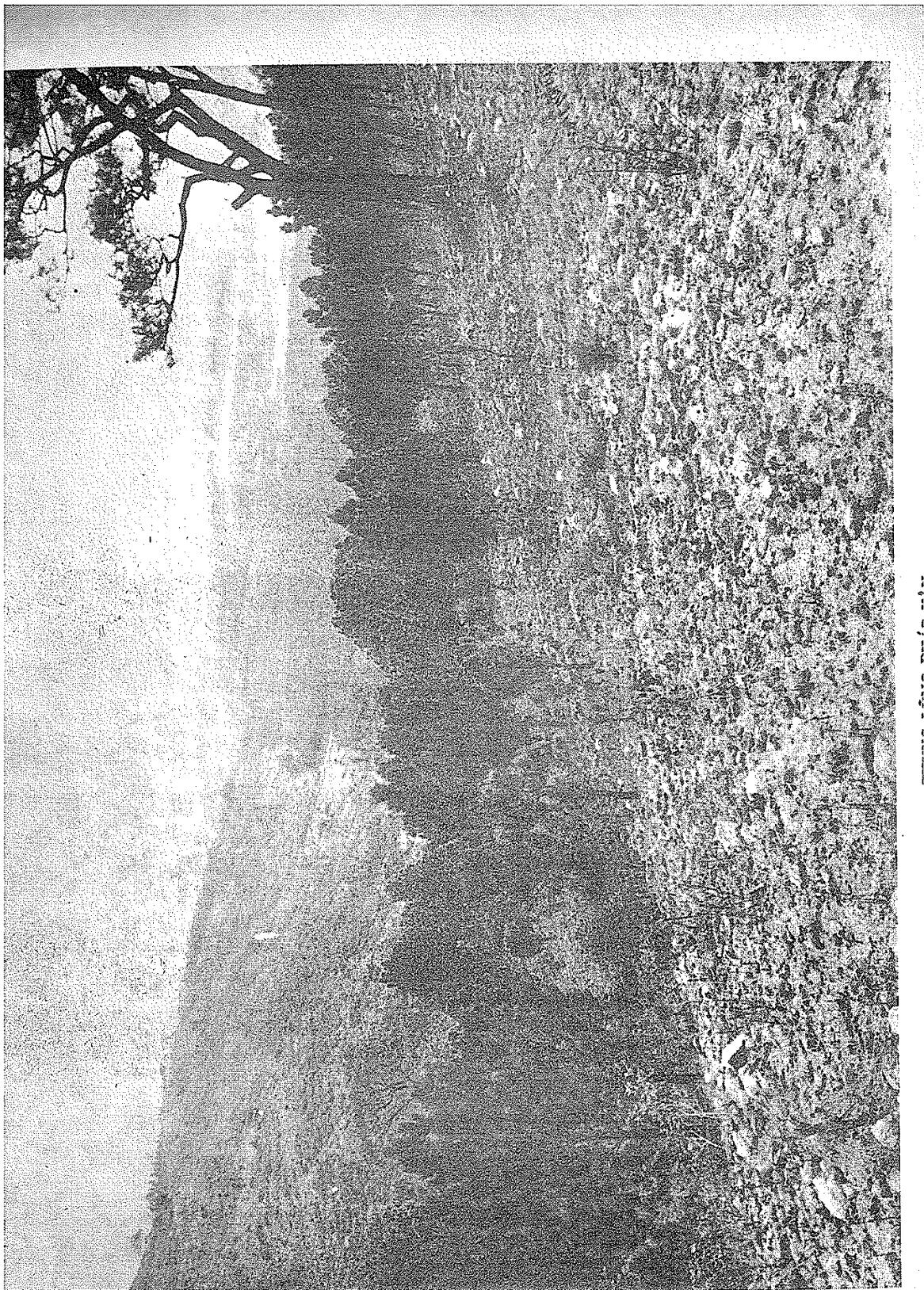
- 1* LNCQLT3 : chép đầu đê là 白雉古傳 Bách-trí cù truyện. Sau đầu đê, có chú thích 雄王使越氏持白雉以獻于周成王時 Hùng Vương sứ Việt thị tri bách trí dĩ hiến vu Chu Thành Vương thời.
- 2* LNCQLT2 : sau chữ 王 vưong, có thêm chữ 之 chi.
- 3* LNCQLT3 : không có chữ 其 kỵ.
- 4* LNCQLT1, LNCQLT2 : 獻 hiến.
- 5* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có 2 chữ 以獻 dĩ hiến.
- 6* LNCQLT3 : 其言路 kỵ ngôn lộ.
- 7* LNCQLT3 : không có chữ 人 nhán.
- 8* LNCQLT1, LNCQLT2 : 通 thông.
- 9* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 之人 chi nhán.
- 10* LNCQLT1, LNCQLT2 : 使者 sứ giả.
- 11* LNCQLT2, LNCQLT3 : 應曰 ứng viết.
- 12* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 交趾 giao chí.
- 13* LNCQLT3 : 紋身以像龍君之形 vân thân dì tượng Long Quân chi hình.

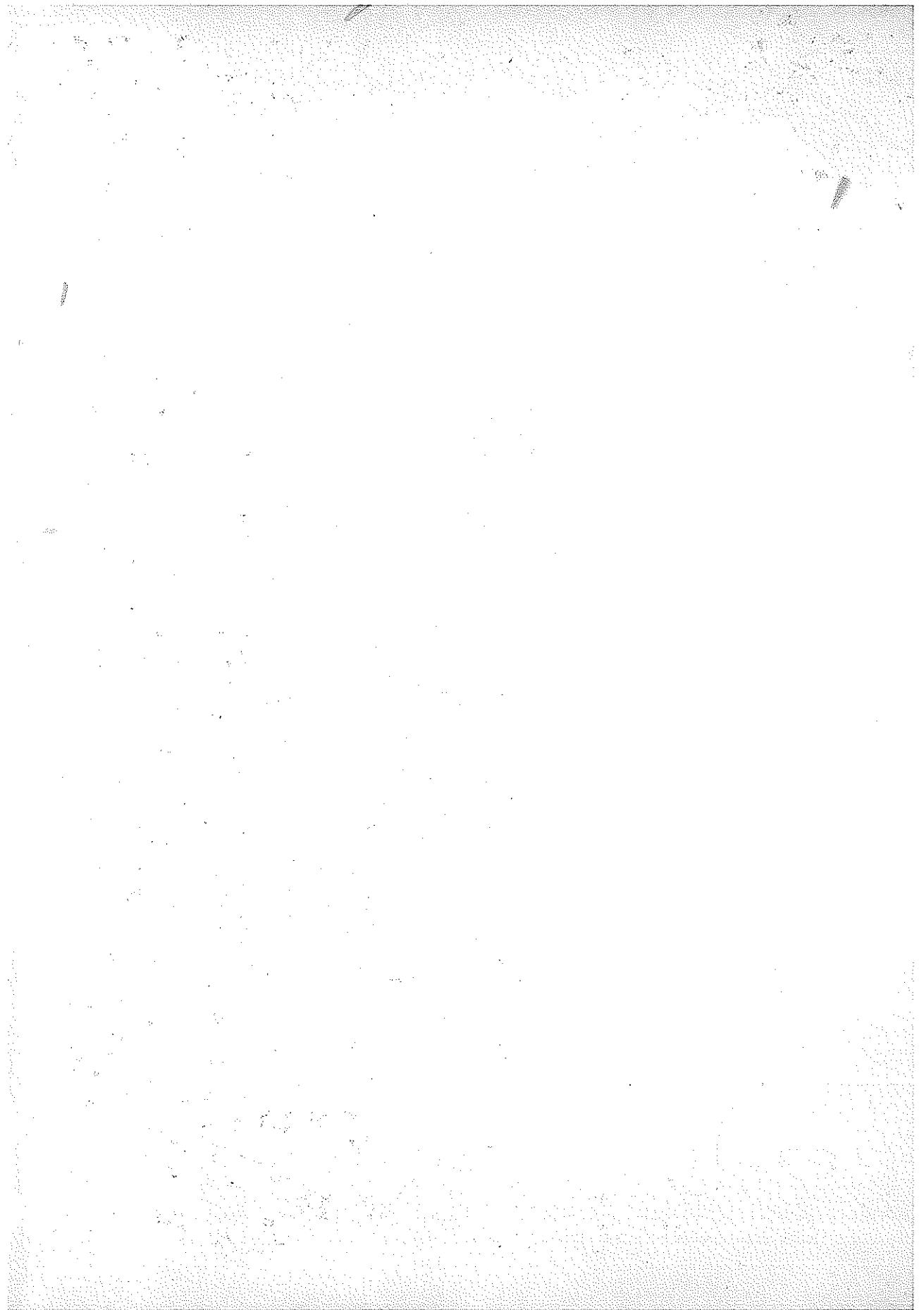
- 14* LNCQLT3 : 蛇 蛟 不犯 *xà giao bối phạm*.
- 15* Chỗ này, cả 3 bản LNCQLT1, LNCQLT2, LNCQLT3 đều chép sót một số chữ (xem thêm chú thích (5) bên dưới).
- 16* LNCQLT1, LNCQLT2 : không có chữ 食 *thực*.
- 17* LNCQLT3 : sau chữ 齿 *xǐ*, có thêm chữ 人 *nhân*.
- 18* LNCQLT2 : sau chữ 者 *giả*, có thêm chữ 應 *ứng*.
- 19* LNCQLT1 : không có chữ 今 *kim*.
- 20* LNCQLT3 : không có câu từ chữ 周公曰 *Chu Công viết* đến 故來 *cố lai*.
- 21* LNCQLT2 : 周公曰 *Chu Công viết*.
- 22* LNCQLT3 : 聞 *văn*.
- 23* LNCQLT3 : 所 *sở*.
- 24* LNCQLT1 : 所誓 *sở iềng*; LNCQLT3 : 誓 *iềng* (không có chữ sở).
- 25* LNCQLT3 : 應 (?) 無 *ung (?) vô*.
- 26* LNCQLT3 : 其 *kỳ*.
- 27* LNCQLT2 : 實 *cổng*.
- 28* LNCQLT3 : 還 *hoàn*.
- 29* LNCQLT1 : 越裳使者 *Việt Thường sứ giả*; LNCQLT3 : 使者 *sứ giả*.
- 30* LNCQLT2 : 還忘其歸路 *hoàn vong kỵ quy lộ* ;
LNCQLT3 : 歸忘迷路 *quy vong mê lộ*.
- 31* LNCQLT2 : 周公賜 *Chu Công tứ đĩ*; LNCQLT2 : 周公賜 *Chu Công tứ*.
- 32* LNCQLT3 : 因 *hồi*.
- 33* LNCQLT1 : 使者載 *sứ giả tải*; LNCQLT3 : 越裳載之 *Việt Thường tải chi*.
- 34* LNCQLT3 : 門 *môn*.
- 35* LNCQLT3 : 本 *bản*.
- 36* LNCQLT3 : 故曰 *cố viết*.
- 37* LNCQLT1, LNCQLT2 : 以文郎國為要荒之地, 文物未備 *dĩ Văn Lang quốc vi yến hoang chi địa, văn vật vi bị*.
- 38* LNCQLT1 : 故置而不載焉 *cố trí nhi bất tải yên*; LNCQLT2 : 故置而不載云 *cố tri nhi bất tải vân*.

CHÚ THÍCH :

- (1) Truyện này cũng từng được chép lại với nhiều mức độ khác nhau ở một số sách cổ của Trung Quốc như *Hieu kinh* 孝經, *Truc thư kỷ nién* 竹書紀年, *Sử ký* 史記, *Hán thư* 漢書 v.v..
- (2) Thành Vương là vua thứ tư của nhà Chu, sau Thái Vương 太王, Văn Vương 文王 và Vũ Vương 武王.
- (3) *Chu Công* : tức Cơ Đán 姬旦, là con của Chu Văn Vương, chú của Chu Thành Vương. Chu Công từng giúp Chu Vũ Vương diệt Trụ 畏. Sau khi Vũ Vương mất, con là Thành Vương còn nhỏ, Chu Công làm nhiếp chính, xây nên cảnh thành binh thịnh trị cho đất nước.

- (4) *Giao Chỉ* : Đây chỉ cả vùng đất phía nam Ngũ Lĩnh, tức lãnh thổ nước ta thời cổ.
- (5) Câu này, nếu dịch đúng theo nguyên bản, thì phải là «Cày bằng dao, trồng bằng lửa để tránh nóng bức». Nhưng như thế thì vô nghĩa. Có lẽ sau những chữ «Cày bằng dao, trồng bằng lửa» (*Đao canh, hỏa chưởng*), còn có chữ «đầu đê tràn» (*lộ đầu*) nữa mà các bản LNCQLT1, LNCQLT2, LNCQLT3 đã chép sót. («Đầu đê tràn» cũng là diềm Chu Công hỏi, nhưng chưa thấy họ Việt Thường giải thích !) Vậy trong bản dịch, chúng tôi tạm chừa lại, trong khi chờ tìm hiểu thêm.
- (6) *Hoàng Đế* : Xem chú thích bài *Truyện họ Hồng Bàng*, tr. 644.
- (7) *Biền xa* : một loại xe chung quanh có màn che phủ.
- (8) *Phù Nam* : tên một nước cổ, về phía đông Thái Lan ngày nay. Nước Phù Nam thịnh nhất vào thời Hán. Đến thời Đường, bị nước Chân Lạp thôn tính (Theo *Từ hải*).
- (9) *Lâm Ấp* : Tên một nước cổ thành lập vào cuối đời Hán. Đến đời Đường, đổi làm Chiêm Thành. Nay là vùng đất từ Hải Vân đến Đại Lãnh (Theo Đào Duy Anh — *Lịch sử cổ đại Việt Nam*; tập IV).





BÙI BÁ KỲ

裴伯耆

(?)

Chưa rõ sinh và mất năm nào, Bùi Bá Kỳ làng Phù Nội 浮內 chau Hạ Hồng 下洪 (1).

Vì là họ ngoại của nhà Trần, nên ngay từ hồi còn nhỏ, Bùi Bá Kỳ đã được hầu hạ cạnh vua. Khi lớn lên, làm quan đến ngũ phẩm và từng là một ty tướng của Trần Khát Chân 谷渴真.

Sau khi lên ngôi, Hồ Quý Ly 胡季犸 đã tìm mọi cách để giết hại con cháu nhà Trần. Bùi Bá Kỳ do đó sợ bị vạ, bèn chạy đi cầu cứu nhà Minh đem quân sang diệt nhà Hồ. Về khách quan mà nói, Bùi Bá Kỳ đã làm cái việc « rước voi về giày mả tồ » mà không tự biết.

Tác phẩm : hiện còn 1 bài thơ và 1 bài biều.

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

382 – 383

上明帝詩

其一

孤	臣	忠	孝	效	胥	爲
跋	涉	山	川	上	帝	畿
碎	首	王	墀	滂	血	疾
仰	祈	聖	主	向	無	疵

THƯỚNG MINH ĐẾ THI 1*

Kỳ nhất

Cô thần trung hiếu hiệu Tư vi,
Bạt thiệp sơn xuyên thượng đế kỳ.
Toái thủ vương trì bàng huyết lê,
Ngưỡng kỳ thánh chúa hướng vô tý.

其二

Kỳ nhì

陳	事	陵	夷	未	可	期,	Trần sự lăng di vị khả kỳ,
含	冤	抱	恨	有	天	知。	Hàm oan bão hận hữu thiên tri.
南	方	臣	子	懷	忠	義,	Nam phương thần tử hoài trung nghĩa,
誓	國	捐	驅	伐	季	聲。	Thệ quốc quyên khu phạt Quý Ly.

DỊCH NGHĨA :

THƠ DÂNG LÊN VUA NHÀ MINH

Bài thứ nhất

Cô thần bắt chước lòng trung hiếu của Thần Bao Tư,
 Trèo non lội suối đến chốn kinh đô nhà vua.
 Dập nát đầu trước thèm, đầm đìa máu và nước mắt,
 Ngược trong Thành chúa không bắt lôi lầm.

Bài thứ hai

Việc nhà Trần suy sụp biết ngày nào mới khôi phục được.
 Ngâm oan ôm hận chỉ có trời biết.
 Phận tôi con nước Nam mang lòng trung nghĩa,
 Thề vì nước bỏ mình để đánh Quý Ly.

KHẢO ĐỊNH :

1* Bài thơ này chép ở VNCCVHS.
 Các chữ 其一 kỲ NHẤT, 其二 KỲ NHỊ do chúng tôi thêm vào cho rõ.

384

告難表

臣祖父皆執政大夫，死于國事；臣母陳氏近族，故臣幼侍陳王，官五品。後隸武節侯陳渴真為裨將。

洪武末年，渴真禦寇東海而賊臣黎季犖父子弑主篡位。屠殺忠良，滅族者以百十數。臣兄弟妻孥亦遭

其害。遣人捕臣，欲加誅醢。臣棄軍遠逃，伏處山谷，思詣闕庭，披瀝肝膽。展轉數年，始覩天日。臣竊榮惟季韓乃故經畧使黎國者之子，世事陳氏，竊叨寵榮，及其子蒼，亦蒙貴任。一旦得志，遂成篡奪。更姓易名，僭號改元不恭朝命。忠臣良士疾首痛心。

願興吊伐之師，隆繼絕之義，蕩除姦凶，復立陳氏之後。臣死且不腐。

願效申包胥之忠，哀鳴闕下，惟皇帝垂察。

PHIẾN ÂM :

CÁO NẠN BIỂU

Thần tổ phụ giai chấp chính đại phu, tử vu quốc sự; thần mẫu Trần thị cận tộc, cố thần áu thị Trần Vương, quan ngũ phẩm. Hậu lê Võ tiết hầu Trần Khát Chân vi ti tướng.

Hồng Võ mạt niên, Khát Chân ngự khâu Đông Hải nhì tặc thần Lê Quý Ly phụ tử thi chúa thoán vị, đồ sát trung lương, diệt tộc giả dĩ bách tháp số. Thần huynh đệ thê noa diệc tao kỵ hại. Khiền nhàn bộ thần, dục gia tru hải. Thần khi quân viễn đào, phục xứ sơn cốc, tư nghệ khuyết định, phi lịch can phủ. Triển chuyên sô niên, thủy đỗ thiên nhật. Thần thiết duy Quý Ly nãi cố Kinh lược sứ Lê Quốc Kỳ chi tử, thế sự Trần Thị, thiết tha sủng vinh, cập kỵ tử Thương, diệc mông quý nhiệm. Nhất đán đắc chí, toại thành thoát đoạt. Canh tinh dịch danh, tiếm hiệu cái nguyên bất cung triều mệnh. Trung thần lương sĩ tật thủ thống tâm.

Nguyễn hưng diến phạt chi sự, long-kế tuyệt chi nghĩa, dǎng trừ gian hung, phục lập Trần thị chi hậu. Thần tử thả bắt hủ.

Nguyễn hiệu Thành Bảo Tư chi trung, ai minh khuyết hạ, duy Hoảng đế thùy sát.

DỊCH NGHĨA :

TÒ BIỂU TÒ CÁO NẠN ⁽¹⁾

Cha, ông của thần đều đứng vào hàng đại phu, nắm việc triều chính, đều chết vì việc nước. Mẹ của thần là họ gần của họ Trần, nên từ lúc bé, thần đã được hầu hạ vua Trần, làm quan đến Ngũ phẩm. Sau đó, thần làm ti tướng thuộc bản bộ của Võ tiết hầu Trần Khát Chân.

Đến cuối năm Hồng Võ (2) nhân khi Khát Chân di chốn giặc ở vùng Đông Hải, cha con tên tặc thần Hồ Quý Ly giết chúa cướp ngôi, tàn sát các bậc trung lương, những người bị giết cả họ kề có đến hàng trăm. Anh, em, vợ, con của thần cũng bị chúng sát hại, lại sai người bắt thần định chém đầu muối xác. Thần phải bỏ quân chạy xa, lẩn vào hang núi, nghĩ cách tới cửa khuyết để phơi bày gan ruột. Lận lộ mấy năm mới được trông thấy mặt trời. Thần trộm nghĩ rằng Quý Ly là con của cố Kinh lược sứ Lê Quốc Kỳ, đời đời thờ họ Trần, vì trộm lạm ơn trên, nên đến cả con của y là Hán Thương cũng được giữ chức trach cao quý. Thế mà một khi đắc chí, liền thành kẻ thoán đoạt, cài nguyên tiếm hiệu, thay họ đổi tên, không kính nể gì mệnh lệnh của triều đình, khiến cho các bậc trung thần nghĩa sĩ phải đau lòng nhức óc.

Mong Hoàng đế cử đội quân thăm dân, phạt tội với danh nghĩa nối lại giòng họ đã dứt, quét sạch bọn gian hùng, để lập lại con cháu họ Trần, thi thần đây dù chết cũng không nát!

Thần nguyện bắt chước lòng trung của Thần Bao Tư (3) kêu xin dưới cửa khuyết, mong Hoàng đế rủ lòng xét đến.

NGUYỄN ĐỨC VÂN

KHẢO ĐỊNH :

Bài này hiện chép ở ĐVS KTT.

CHÚ THÍCH :

- (1) Năm 1400, Hồ Quý Ly lên ngôi vua, giết hại con cháu nhà Trần. Sở bị vạ, Bùi Bá Kỷ liền chạy đi cầu cứu nhà Minh sang đánh nhà Hồ. Đây chính là bài biểu của y nói về việc đó.
- (2) *Hồng Võ*: Niên hiệu của Minh Thái Tổ.
- (3) *Thần Bao Tư*: Người đời Xuân Thu, làm quan Đại phu nước Sở. Khi Sở bị Ngô chiếm, Tư sang cầu viện nước Tần. Lúc đầu nhà Tần không muốn giúp, Thần Bao Tư đứng khóc bảy ngày đêm ở trước cung vua nhà Tần, làm cho vua Tần cảm động phải ra lệnh xuất quân giúp Sở đánh Ngô.

NGUYỄN CẦN

阮謹

(?)

Nguyễn Cần người huyện Tế Giang 濟江 (1), có làm quan vào cuối đời Trần, chưa rõ sinh và mất năm nào.

Vào năm Hưng Khánh thứ nhất (1407) đời Trần Giản Định Đế 陳簡定帝, Nguyễn Cần đã ra hàng quân Minh rồi làm quan với chúng.

Tác phẩm: hiện còn 1 bài thơ.

(1) Nay thuộc huyện Văn Giang tỉnh Hải Hưng.

385

賀門下省司郎中

HẠ MÔN HẠ SẢNH TƯ LANG TRUNG ^{1*}

憂	勤	簡	帝	懷
一會	旦	登	眾	推
調	遇	蛟	得	雨
致	和	龍	作	梅
從	謨	鼎	虛	席
廢	治	不	不	才
	此	真	升	契
	歌	虞	事	哉

Ưu cần, giản tại để tâm hoài,
 Nhất đán dăng dung chúng sở thôi.
 Hội ngộ giao long đặc vân vũ,
 Điều hòa đình nại tác diêm mai.
 Hu mô bất phụ hư tiền tịch,
 Trí trị chân thành bất thế tài.
 Tòng thử Ngu đình thăng Tắc Tiết,
 Cảnh ca hỷ khởi sự khang tai !

DỊCH NGHĨA :

MỪNG QUAN TƯ LĂNG TRUNG Ở TÒA MÔN HẠ SÀNH (1)

Lo lắng siêng năn, lòng vua đang mong muốn,
 Một sớm được thăng chức, mọi người đều suy tôn.
 Duyên hội ngộ của ông khác nào con giao long gặp mây mưa (2),
 Trách nhiệm của ông ví như muối và mơ điều hòa canh (3) trong đinh vạc.
 Dâng mưu lớn, chẳng phụ lòng vua đê trống chõ chiếu phía trước (4),
 Đưa lại bình trị, thật là bậc nhân tài hiếm có trên đời.
 Từ đây nhà Ngu đã cõ Tắc, Tiết (5),
 Nỗi lời ca vui mừng, sự việc tốt lành thay !

KHẢO ĐỊNH :

1* Bài thơ này hiện chép trong VATT, TVTLI.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Môn hạ sảnh* : một dinh thự của triều đình.
- (2) *Giao long* : con thường luồng. *Tam quốc chí* 三國志 có câu 蛟龍得雲雨 堪是池中之物 *Giao long* đặc vân vũ khỏi thị tri trung chi vật : *Con thường luồng* khi gặp mây mưa đâu có là con vật ở trong ao nữa. Ý nói được vây vùng thỏa chí.
- (3) *Thư kinh* 書經 có câu : 者作調羹汝惟鹽梅. Nhược tác điều canh, nhữ duy diêm mai : Nếu điều hòa mùi vị trong canh thì nhà người là muối và mơ. Ý nói đóng vai trò chính.
- (4) *Đê trống chõ chiếu phía trước* : ý nói nhà vua dành chõ để đợi chờ người hiền.
- (5) *Ngu* : Tên triều đại của vua Thuấn.
Tắc, Tiết : Tên hai người tài hiền ở triều Ngu.

HỒ NGUYỄN TRÙNG

胡元澄

(?)

Hồ Nguyên Trùng (sử cũ còn gọi là Lê Trùng 黎澄), tự Mạnh Nguyên 益源, biệt hiệu Nam Ông 南翁, người ở vùng Đại Lai 大嶺⁽¹⁾, tỉnh Thanh Hóa, chưa rõ sinh và mất năm nào. Là con trưởng của Hồ Quý Ly 胡季彊 nhưng Trùng không kế cha làm vua, mà chỉ giữ các chức như Tư đồ, Tả Tướng quốc...

Trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, quân Minh đã bắt được Trùng (vào năm 1407) đưa về Kim Lăng, cùng với cha là Hồ Quý Ly, em là Hồ Hán Thương 胡漢蒼 và cháu là Nhuế 蘭 (con Hồ Hán Thương). Trong khi những người kia bị đối phuong ghép vào tội phản nghịch, phải xử cực hình, thì Trùng và Nhuế lại được tha bỏng vì « có tài » và bằng lòng đem « tài » ấy phục vụ cho triều Minh (Trùng chế được súng « thần cơ », một thứ vũ khí có sức công phá và sát thương rất lớn, hơn hẳn các loại súng đương thời). Năm 1411, khi vua Trùng Quang 重光 (Hậu Trần 後陳) sai Hồ Ngạn Thần 胡彦臣 và Bùi Nột Ngôn 裴訥言 sang sứ Yên Kinh, vua Minh đã sai Trùng vòi lấy ân tình cũ hỏi quốc vương mạnh yếu thế nào, tình hình trong nước ra sao ... thực tế là moi tin tức để chuẩn bị cho cuộc phản công mới chống vua Hậu Trần. Đến đây, Trùng càng tỏ ra hùng hổ với vận mệnh của dân tộc. Trong những năm sống ở Trung Quốc, Trùng từng được nhà Minh cho làm đến chức Á khanh như Chinh nghị đại phu, Công bộ tả thị lang v.v...

Tác phẩm : hiện còn một tập sách lấy tên là *Nam Ông mộng lục*, gồm 31 thiên (theo mục lục sách), nay chỉ còn lại 28 thiên (theo bản in trong bộ *Hàm phân lâu bí kíp*)⁽¹⁾. Ở đầu sách có bài tựa của Hồ Huỳnh 胡榮, một quan Thượng thư đồng triều với Hồ Nguyên Trùng, viết năm Chinh Thống 正統 thứ năm (1440). Tiếp đến là bài tựa của chính Hồ Nguyên Trùng, viết năm Chinh Thống thứ ba (1438). Cuối sách có bài hậu tự của Tống Chương 宋彰, người Việt Nam, làm quan triều Minh, viết năm Chinh Thống thứ bảy (1442).

Theo lời tựa của tác giả, thì *Nam Ông mộng lục* được biên soạn, một là để « biểu dương các mầu việc thiện của người xưa » ; hai là để « cung cấp điều mới

lạ cho bậc quân tử» (*Nam Ông mộng lục tự*). Nhưng xét kỹ nội dung tác phẩm, ta thấy tập sách trước hết nhằm nói tốt cho họ hàng nhà Hồ, sau nữa là lấy lòng vua quan nhà Minh, tuy rằng về khách quan, *Nam Ông mộng lục* cũng ghi chép được một vài sự thực có thể bổ sung cho văn học và sử học đời Lý — Trần.

Dưới đây, chúng tôi dịch và giới thiệu bài tựa của Hồ Nguyên Trừng, bài hậu tự của Tống Chương, cùng tất cả 28 thiên hiện còn, theo bản chữ Hán chép ở bộ tùng thư *Hàm phân lâu bì kíp*; Thư viện Khoa học xã hội; ký hiệu P.521 (21).

1* *Đại Lai*: Xem chủ thích phần tiêu sứ Hồ Quý Ly.

2* Các thiên đã mất là *Mệnh thông thi triệu* 命通詩兆 *Thi chí công danh* 詩志功名; *Tiêu thi lệ cá* 小詩麗句.

南翁夢錄序

謹稱：「十室之邑，必有忠信如丘者焉」，况交人行南言，遂亡物自昔蕃盛，可謂無人乎哉！前人遺事，籍舊書，名之曰「南翁異聞」。才調，多可取者，至於兵火及此，尋名以遺，誠滅無聞，可不惜歟？興集以書，雖則區區於小說，亦將少助於燕談。

或問余曰：「君所書者，皆是善人，平生聞見無不善乎？」余應之曰：「善者，我所樂聞，故能記之；不善者非無，吾不記耳。」曰：「錄以名變，其義安在？」曰：「彼中人物，昔甚繁華，時遷事變，略無遺跡，惟

我一人知而道之，非夢而何？達人君子其知之乎？南翁，澄自謂也！」

正統三年戊午重九日。

正議大夫，資治尹，工部左侍郎，
交南黎澄益源序。

PHIÊN ÂM :

NAM ÔNG MỘNG LỤC TỰ

Ngữ xưng : «Thập nhất chi ấp, tất hữu trung tín như Khâu giả yên», huống Giao Nam nhân vật tự tích phồn thịnh, khởi khả dĩ thiên phuơng nhi cù vi vô nhân hò-tai ! Tiền nhân ngôn hành, tài diệu, đa hữu khả thủ giả, chí ư binh hỏa chi gian, thư tịch hồi tận, toại linh dãm diệt vò văn, khả bất tích dư ? Hưng tư cập thử, tầm dịch cựu sự, di vong dãi tận, do đắc bách trung chi nhất nhị ; tập dĩ vi thư, danh chí viết *Nam Ông mộng lục* dĩ bị quan lâm, nhất dĩ dương tiền nhân chí phiến thiện, nhất dĩ tư quân tử chí dì văn, tuy tắc khu khu ứ tiêu thuyết, diệc tương thiều trợ ư yến đậm.

Hoặc vấn dư viết : «Quân sở thư giả, giao thị thiện nhân, bình sinh văn kiến vô bất thiện hò ?» Dư ứng chí viết : «Thiện giả, ngã sở lạc văn, cố nǎng ký chí, bất thiện giả phi vô, ngô bất ký nhĩ». Viết : «Lục dĩ mộng danh, ký nghĩa an tại?» Viết «Bỉ trung nhân vật, tích thâm phồn hoa, thời thiên sự biến, lược vò di tích, duy ngã nhất nhân tri nhi đạo chí, phi mộng nhi hà ? Đạt nhân quân tử ký tri chí hò ? *Nam Ông*, Trùng tự vị dã ».

Chinh Thống tam niên, Mậu ngọ, trùng cửu nhật. Chinh nghị đại phu, Tư trị doãn, Công bộ tả thị lang, Giao Nam Lê Trùng Mạnh Nguyên tự.

DỊCH NGHĨA :

BÀI TỰA TẬP «NAM ÔNG MỘNG LỤC»

Sách *Luận ngữ* từng nói : «Trong cái xóm mười nhà, thế nào cũng có người trung tín như Khâu này vậy» ⁽¹⁾, huống hò nhân vật cõi Nam Giao ⁽²⁾ từ xưa đã đồng đúc, lẽ nào vì noi hέo lánh mà vội cho là không có nhân tài ! Trong lời nói, việc làm, trong tài năng của người xưa có nhiều điều khả thủ, chỉ vì qua cơn binh lửa, sách vở bị cháy sạch, thành ra những điều đó đều bị mất mát cả, không còn ai được nghe, há chẳng đáng tiếc lắm sao ? Nghĩ tới điểm này, tôi thường tìm ghi những việc cũ, nhưng thấy mất mát gần hết, trong trăm phần chỉ còn được một hai ; bèn góp lại thành một tập sách, đặt tên là *Nam Ông mộng lục*, phòng khi có người đọc tới ; một là để biểu dương các mẫu việc thiện của người xưa, hai là để cung cấp điều mới lạ cho người quân tử, tuy

đóng khung trong vòng chuyện vặt, nhưng cũng là đề góp vui những lúc chuyện vui.

Có kẻ hỏi tôi rằng : «Những người ông chép đều là người thiện, vậy thì trong các chuyện bình sinh ông nghe thấy, lại chẳng có chuyện nào bắt thiện ư?» Tôi trả lời họ rằng : «Chuyện thiện tôi rất mê nghe, nên có thể nhớ được ; còn chuyện bất thiện thì không phải không có, chẳng qua tôi không nhớ đầy thôi». Họ lại hỏi : «Sách lấy tên là mộng ý nghĩa ở chỗ nào?» Tôi trả lời : «Nhân vật trong sách, xưa kia rất phong phú, chỉ vì đời thay việc đổi, dấu tích hầu như không để lại, thành ra còn mỗi một mình tôi biết chuyện và kể lại mà thôi, thế không phải mộng là gì? Các bậc đạt nhân quán tử có thấu cho chẳng? Còn hai tiếng Nam Ông thì chính là tên tự của Trùng tôi vậy!»

Ngày Trùng cửu (3), năm Mậu ngọ, niên hiệu Chính Thống (4) thứ ba (1438).

Lê Trùng, tên chữ là Mạnh Nguyên, người xứ Nam Giao, giữ chức Chính Nghị đại phu, Tư trị doãn, Công bộ tả thị lang, đỗ túa.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, TUẤN NGHĨ

CHÚ THÍCH :

- (1) Xem Luận ngữ 論語 thiền Công Dã Tráng 公冶長. Khâu là tên của Khòng Tử 孔子.
- (2) Nam Giao : tức là đất Giao Chỉ. Cò chỗ viết là Giao Nam. Từ đây trở xuống chúng tôi đều dịch thống nhất là Nam Giao.
- (3) Ngày Trùng cửu : tức là ngày mồng chín tháng chín âm lịch.
- (4) Chính Thống : niên hiệu của Minh Anh Tông 明英宗.

387

藝王始末

安南陳家第八代王諱叔明，明王第子，次妃黎氏所生也。憲王子時，號曰恭定，性厚，孝友三子，皆有子，既長，而同聽政，稱事皆取決於父。即位，而父退居北宮，以王卒爾，備倉廩，稱事皆立，是時憲王，而嫡子始生，長曰恭肅，寢昧不任人事。次曰祿

立忠親乾南而以。左母居，太為持。都明主勿請百出哀。豈備，辭。亂繼定。不是天乃世，妾，父戮殺城右至還護于辛逼三擁盡！」王司廟得志朱草命恭物淡魚王，早師言位祖誅乃都左尋請善罪君，都而哭也相有謁不素丹乃父。接，豚裕義已太人嗣視獲。繼勸，得諸易至已慟日？促城，酬寶。星左言三果年弟肅相俠。既蔑捕者奔盡相僚邑某。無將，抱今言，入故少金改祿拜間喪蘿餘嗣恭左游賤人，名摯欲官率送賜有誓天辭，意得披。社榮無世嗣恭人，十兄時岸，所昵作之僚，宗相君亦豈上聲罪仆，人將德。黜恭人，定無居菴有無，好輕小亂有盡意族唱早受敢書震已地。宣安軍公以尊，殿無，世味王然。是太學素親與氏官峒。右諸死，切歡書亦幸罪叱昏及自黑之且尉髮棄重裕，焉不族用相陳族靈之。某矣懲，手師不，乃焉所願物身王靖謹。口相名拜肅故禮無謀迄至人盡咽社林，近肅罪？命義恭非在衣憲恭，譽色到左忘進恭，失族潛。得，亦鳴安山已遠恭請此「天大廢事懼，節出。君無衣此議恭眾右氏舉脊眾師寓追。治，謚出吾子何聲仁王今孝王用幼庶與咎無絕曰肅議相所動年。夜間旬捕太，待譁山郎伏至日失位日，車依未王事政，自臣立以為楊，甚太太留軍側致竄皆舉阮肅上厲之即：忠用年裕，臨除，大召，宣人容滿殺。人遣君亂逃眾肩將恭「主劍煦師日乖勿飲服用前，爲確，服味。令立恭外戚不枉家索峒子清易身。老。拔煦太告有令星是誠疎，珍嗣母既弟通無士累于肅。肅以，脫逼途，謝曰相以奉泣。下餘飲

，幸舊章，明賞罰，用賢良。以己子不才難堪大事，
暮年使弟右相嗣位，而同聽政，是為睿王。

先是，占城乘國釁數來寇。睿王即位三年，乃親
伐占城，敗績不返。王以睿王之子覲嗣位。久之，號曰父
靈德公。行不道，王憂社稷傾覆，涕泣而廢之，號曰父
靈德公。以王小子顯入嗣位，是為順王。歷七載，
薨于安生山，謚曰藝。時洪武二十七年甲戌，葬于安生山，謚曰藝。

初藝王為兜時，八九歲侍明王，適床上有竹奴，削
試命詠之，乃占曰：「有偉君，此不外勁成語，勿
為奴，恐傷人性」。明王異之，佯叱曰：「此有
記錄。乃戒師母令作詩。君謂天弟妹近遠，子被恩
之孤幼者，即位後，盡取兄弟族之；未葬者，國
有遭亂後，不能婚嫁者，婚嫁之；未收錄者，翕然感
之，俗漸淳厚。此土之君斯其賢者歟？」

PHIÊN ÂM :

NGHỆ VƯƠNG THỦY MẶT

An Nam Trần gia đệ bát đại vương húy Thúc Minh, Minh Vương đệ tam
tử, thứ phi Lê thị sở sinh dã. Vì Vương tử thời, hiệu viết Cung Định, tính thuần
hậu hiếu hỗn, cung kiệm minh đoán, bác học kinh sử, bất hỉ phù hoa. Trần gia
cự lệ, hưu tử kỳ trưởng, tức sử thừa chính vị, nhi phụ thoái cư Bắc cung, dì
Vương phụ tôn xưng, nhi đồng thịnh chính, kỳ thực dấn truyền danh khi dì
định hậu sự, bị thắng tốt nhỉ, sự giao thủ quyết ư phụ, tự vương vò dì ư Thế
tử dã. Số, Minh Vương thứ trưởng tử ký lập, thi vị Hiến Vương, nhi đích tử
thủy sinh, trưởng viết Cung Túc, si muội bất nhiệm nhân sự. Thứ viết Lộc Tình,
niên vị xuất áu nhi Hiến Vương một, thả vò tự, Lộc Tình thừa phụ mệnh kế
lập, thi vị Dụ Vương. Thứ huynh Cung Tình bái Thái úy, Cung Định bái Tả
tướng. Cung Định trung tín thành xác, sự quân dữ thân, cần thận hào phát, nhân
vô giàn ngôn. Tiếp vật bất thân bất sơ, làm chính vò cữu vò dự. Minh
Vương khi thế, cư tang tam niên, lệ bất can tiệp, phục trừ, y vò thái sắc, thực
bất trọng vị, am là quá hải đồn ngư thị Nam phương trấn vị, tư thủ tuyệt bất
đáo khẩu. Sự Dụ Vương thập hữu dư niên, Dụ Vương yêu nhi ô tự. Đại thần

nghị viết : « Tả tướng thậm hiền, nhiên khuynh vô tự đê chí nghĩa, nãi dĩ Quốc mẫu lệnh triều lập Cung Túc tử Vong Danh vi vương. Thị thời, Cung Túc diệc dĩ tảo thề. Tử ký lập, dĩ chúng nghị, tiến bái Thái úy vi Thái tử, Tả Tướng vi Thái sư, Tả Tướng đệ Cung Tuyên vi Hữu Tướng. Cung Túc tử thiếu bất học, hiếu du hiệp. Nhân ngôn thiếp mẫu tư thông ngoại nhân Dương thị sở sinh, có vi tông tộc tổ sở khinh tiện. Ký tự vị, cư tang vô thích dung, cử động thất da lê, trạc dụng thân nặc tiêu nhân, miệt thị tổ phụ, khanh sĩ bất mãn. Cơ niên tông tộc vô trạng giả tương dữ tác loạn, ký bô hoạch tru lục, liên lụy uồng sát chúng. Hựu tiêm mưu tận khử Trần thị chi hữu danh mục giả, nãi sát Thái tử vu gia, Thái sư dạ độn. Hết đán tông tộc quan liêu tận khiết gia bôn, đô thành vị chí tiêu sách. Thái sư giàn đạo đắc chí cùng biên Man động, ý dục tự tận, tả hữu trì chí. Động nhân lưu ngụ tuần nguyệt, nhân phả tri chí. Tông tộc quan liêu tương kế tăm chí. Cung Túc tử khiền quân truy bô giả diệc tận quy đầu. Hữu Tướng xướng suất quân liêu khuyến thỉnh hoàn đô, dĩ thanh quân trắc. Thái sư ô yết ta viết : « Chư quân tảo phản thành ấp, thiện hộ minh quân, dịch loạn trị trị, tôn an xã tắc, mỗ tử diệc thụ tử. Mỗ đắc tội vu chúa, thoát thân đào thoát, dãi tê sơn lâm hạnh hổ, khởi cảm hữu tha. Chư quân hạnh vật tương bức ». Chúng giao huyền hoa bất dĩ, tái tam khản thiết thường thư thê tử vô địch, bức thỉnh tru đò, kiên dư xuất sơn. Viễn cận văn tập, hoan thanh chấn thiên. Tương chí đô tam bách lý, lão tướng Nguyễn Ngõ Lang giáo Cung Túc tử xuất thủ thư tội kỷ tử vị, dĩ nhi ứng xuất nghênh tạ. Cung Túc tử phục địa thỉnh tội. Thái sư diệc phó địa, tương bão đồng khốc tận ai, viết : « Chúa thường hà chí như thử ? Thần chi bất hạnh, khởi ý hữu kim nhật dã ! ». Hữu Tướng bạt kiểm lệ thanh viết : « Thiên mệnh thảo tội, tội nhân an đắc đa ngôn ? tương vương khởi khả dĩ hú hú chí nhân thất ư đại nghĩa ? » Nãi sát tướng quân địch khứ, xúc hữu tư bị lê phụng Thái sư tức vương vị, phế Cung Túc tử vi Hòn Đức Công. Vương nhập thành yết miếu, thế khấp cáo viết : « Kim nhật chí sự phi thần ý sở cập. Dĩ xã tắc cố, bất đắc từ miễn. Hữu quai trung hiếu, tam cự tại hoài. Nguyên tự truất tôn vinh dĩ thiều thù tố chí ». Nãi hạ lệnh vật dụng vương xa dư, y phục khi vật hắc tất, yô dĩ kim bảo đan chu. Ký dư âm thực phục dụng y tiền tiết kiệm, chung thân chí tang một thế vô cải. Nãi cách loạn chính, suất cựu chương, minh thường phạt, dụng hiền lương. Dĩ kỷ tử bất tài nan kham đại sự, cơ niên sử đệ Hữu Tướng tự vị, nhi đồng thịnh chính, thị vi Duệ Vương.

Tiên thị, Chiêm Thành thừa quốc hán sác lai khâu. Duệ Vương tức vị tam niên, nãi thân phạt Chiêm Thành, bại tích bất phản, Vương dĩ Duệ Vương chí tử Hiển tự vị. Cửu chí, Chiêm thịnh gian thần, hành bất đạo, Vương ưu xã tắc khuynh phúc, thế khấp nhi phế chí, hiệu viết Linh Đức Công. Dĩ Vương tiêu tử Ngung nhập tự vị, thị vi Thuận Vương. Lịch thất tài, phụ vương hoảng. Thời Hồng Vũ nhị thập thất niên, Giáp tuất, tang vu An Sinh Sơn, thụy viết Nghệ.

Sơ Nghệ Vương vi nhi thời, bát cửu tuế thị Minh Vương, thích sàng thượng hữu trúc nô, thi mệnh vịnh chí, nãi chiêm khâu ứng viết : « Hữu vĩ thủ quân, trung không ngoại kính, tước nhữ vi nô, khủng thương nhân tình ». Minh Vương

dị chi, dương sát viết: «Thứ bất thành ngũ, vật ký lục». Nãi giới Sư phó vật linh tác thi. Quân tử vị thiên mệnh hữu triệu, thùy năng ngự chi, hậu quả nhiên hổ. Tíc vị chi hậu, tận thủ huynh đệ tì muội tử nử tôn diệt chi cò ấu giả cúc dưỡng cung trung, thị đồng kỷ xuất. Tông tộc viễn cận hàm bị án liên, Hữu tao loạn hậu, bần lũ bất năng hôn giá giả, hôn giá chi; vị tang giả, tang chi; mạt phái chi lưu, mạc bất thu lục. Hấp nhiên thích lý áng nhưọc xuân hòa. Quốc nhân hóa chi, lục tiệm thuần hậu. Thủ thô chi quân tư kỳ hiền giả dư?

DỊCH NGHĨA :

TRUYỆN NGHỆ VƯƠNG (1)

Vua thứ tam nhà Trần ở nước An Nam húy Thủ Minh (2), là con thứ ba của Minh Vương (3) và do người thi phi họ Lê sinh ra (4). Lúc còn làm Vương tử, hiệu là Cung Định Vương tinh tinh thuần hậu, hiếu thảo, cung kính, cần kiệm, sáng suốt và quả đoán, học khắp kinh sử, không thích phù hoa. Theo lệ cũ nhà Trần, khi Vương tử đã lớn, vua cha bèn cho kế vị, còn bản thân mình thì lui về ở Bắc cung, tự xưng làm Vương phụ (5), cùng con coi việc triều chính, nhưng thực tế chỉ là truyền ngôi trên danh nghĩa (6) để ổn định chuyện về sau, phòng khi vội vã, chừ mọi việc đều do vua cha quyết định hết, vua kế vị không khác gì một Thế tử (7) vậy.

Nguyên trước kia, khi người con thứ của Minh Vương là Hiển Vương (8) đã lên ngôi, thì những người con địch của Minh Vương mới sinh ra: con trưởng là Cung Túc Vương (9), ngờ nghịch không hiểu gì chuyện đời; con thứ là Lộc Tinh (10), tuổi còn thơ ấu thì Hiển Vương mất, lại không có con thừa kế, nên Lộc Tinh đã vắng mệnh vua cha lên nối ngôi, ấy là Dụ Vương. Phong cho hai người anh thứ là Cung Tĩnh Vương (11) làm Thái úy, Cung Định Vương làm Tả Tướng quốc. Cung Định Vương là người trung hậu, thành thực, thờ vua thờ cha chu đáo, từng chán to sợi tóc không ai chê trách điều gì. Giao thiệp với người thì không thân lắm, cũng không sơ lắm; trước việc chính sự thì không có điều gì quá chê cũng không quá khen. Hồi Minh Vương qua đời, Cung Định Vương đê tang ba năm, mắt không lúc nào rão lệ. Đoan tang, quần áo không sắm các thứ to lụa màu mè; ăn không cần ngon; quả muỗm, cá hồng (12) là những thức ăn quý ở phương Nam từ đấy tuyệt nhiên không tới miệng. Thờ Dụ Vương hơn mười năm. Khi Dụ Vương mất sớm không có con nối nghiệp, các quan đại thần bàn với nhau rằng: «Tả Tướng quốc rất tốt, nhưng không lý anh lại kế ngôi em», bèn theo lệnh Quốc mẫu đón con của Cung Túc Vương là Vong Danh về lập lên làm vua (13). Lúc bấy giờ, Cung Túc Vương cũng đã sớm mất. Sau khi con Cung Túc Vương lên làm vua, theo ý kiến quần thần, đã đưa Thái úy (14) lên làm Thái tử, đưa Tả Tướng quốc (15) lên làm Thái sư, và đưa em của Tả Tướng quốc là Cung Tuyên Vương lên làm Hữu Tướng quốc (16). Con Cung Túc Vương (17) thuở nhỏ không chịu học, chỉ thích chơi bời lêu lổng. Người ta nói bà mẹ đã tư thông với một người họ Dương ngoài hoàng

tộc rồi để ra Vong Danh, cho nên Vong Danh thường bị những người trong hoàng tộc khinh rẻ (¹⁸). Sau khi kế vị, Vong Danh để tang cha, không tỏ vẻ đau buồn, cứ chỉ phần nhiều thất lễ, cất nhắc bọn tiểu nhân thân cận, miệt thị cha ông, làm cho đám khanh sĩ bất mãn. Được một năm, những kẻ ngang ngạnh trong hoàng tộc cùng nhau làm loạn, bị Vong Danh bắt được đem chém, những người liên lụy bị chết oan trong vụ này rất đông, (¹⁹). Vong Danh còn ngầm mưu khử sạch những người có tên tuổi trong họ Trần (²⁰), bèn giết Thái tử ngay tại nhà (²¹), Thái sư đang đêm phải lén trốn (²²). Đến sáng hôm sau, những người cùng làm quan trong hoàng tộc đều mang gia quyến chạy hết, đổi thành vi vây vắng tanh. Thái sư theo đường hẻm đến tận vùng man động xa xôi, ý muốn tự tận, nhưng những kẻ chung quanh đã ngăn lại. Người man động giữ Thái sư ở đây hàng tháng trời, ai cũng biết tiếng Thái sư. Các quan trong tông thất nỗi nhau tìm tới. Quân lính do con Cung Túc Vương sai đi lùng bắt Thái sư cũng đều chạy về phía Thái sư cả. Hữu Tướng quốc đốc thúc các quan khuyên mời Thái sư trở về Kinh để dẹp yên nơi cung điện. Thái sư sụt sùi thoái thác rằng : « Chư vị sớm... trở lại Kinh thành, khéo giúp minh quân, chuyên loạn thành trì, đặt nước nhà vào thế yên ổn (²³) thì ta đến chết cũng vẫn chịu ơn. Ta có tội với Chúa thượng, thoát thân chạy trốn, chờ chết ở chốn núi rừng cũng đã là may, đâu dám có lòng này dạ nộ. Xin chư vị chờ nên cố ép ». Mọi người đều xôn xao, hết lượt này đến lượt khác khẩn khoản dâng thư, thề chết không đổi ý định, cố nài Thái sư lên đường, rồi dùng vai làm kiệu đưa Thái sư xuống núi. Người gần xa tụ tập đồng nghịch, tiếng hoan hô vang động cả một góc trời. Khi về cách đô thành ba trăm dặm, lão tướng Nguyễn Ngô Lang (²⁴) bảo con Cung Túc Vương tự tay viết tội trạng mình và xin thoái vị, xong mang ra đền xin lỗi Thái sư. Con Cung Túc Vương phục xuống đất xin tha tội. Thái sư cũng xoài ra đất ôm con Cung Túc Vương khóc lóc hết sức thảm thiết mà rằng : « Làm sao Chúa thượng phải đến nồng nỗi thế ? Thật không may cho thần, nào ngờ có ngày hôm nay ! ». Hữu Tướng quốc tuốt kiếm thét lớn rằng : « Trời sai tri tôi, kẻ có tội sao được lăm lời ? Thái sư lẽ nào lại vì chút lòng nhân huệ mà bỏ nghĩa lớn ? ». Bèn quát bảo quân tướng lôi con Cung Túc Vương đi, giục người có trách nhiệm chuẩn bị làm lễ rước Thái sư lên ngôi, phế con Cung Túc Vương làm Hôn Đức Công. Vua (²⁵) vào thành yết tông miếu; vừa khóc vừa khấn cáo rằng : « Sự việc hôm nay thật ngoài ý muốn của thần. Vì nền xã tắc, thần không thể từ chối. Trái lẽ trung hiếu, thận trọng lòng. Nguyên từ bỏ sự tôn quý và vinh dự của thần để thực hiện phần nào chí cũ » (²⁶). Bèn hạ lệnh không được dùng xe kiệu của vua, quần áo, đồ vật đều sơn đen, không dùng châu báu vàng son. Các thức ăn mặc tiêu dùng đều phải tiết kiệm như trước, suốt đời mang tang lễ không chút thay đổi. Bèn chuyên loạn thành trì, noi theo nền nếp cũ, thưởng phạt công minh, dùng kẻ hiền lương. Bởi thấy con mình không có tài năng, khó đương việc lớn, nên được một năm, vua đã cho em là Hữu Tướng quốc kế vị để cùng coi việc triều chính, đó là Duệ Vương (²⁷).

Trước đó, Chiêm Thành thà cơ trong nước có hiềm khích, đã nhiều lần đến cướp phá. Duệ Vương lên ngôi được ba năm, thân chinh đi đánh Chiêm Thành, nhưng bị thua to, không trở về⁽²⁸⁾. Nghệ Vương cho con của Duệ Vương là Hiện⁽²⁹⁾ kế vị. Ít lâu sau, Hiện⁽³⁰⁾ nghe lời gian thần làm nhiều việc vô đạo, Nghệ Vương lo nước nhà nghiêng đồ, mới than khóc mà phế đi, cho gọi là Linh Đức Công⁽³¹⁾. Nghệ Vương lấy con út của mình là Ngung vào kế vị, đó là Thuận Vương. Được bảy năm, vua cha⁽³²⁾ mất. Bấy giờ là năm Giáp tuất⁽³³⁾, niên hiệu Hồng Vũ thứ hai mươi bảy⁽³⁴⁾. Chôn ở núi Yên Sinh⁽³⁵⁾, thụy là Nghệ.

Xưa kia, hồi Nghệ Vương còn nhỏ, tám chín tuổi theo hầu Minh Vương, vừa lúc trên giường có chiếc chiếu trúc⁽³⁶⁾, Minh Vương bảo vịnh thử, Nghệ Vương ứng khẩu đọc rằng : « Có nàng giỏi giang, trong rỗng ngoài cứng ; bắt làm đầy tờ, e chạm nhân tình ». Minh Vương rất lấy làm lạ, nhưng vờ mắng rằng : « Chả ra lời lẽ gì, đừng ghi chép lại »⁽³⁷⁾. Bên dặn thầy dạy đừng bảo lari thơ nữa. Người quân tử nói « mệnh trời có dấu hiệu, không ai ngăn cản nổi », về sau quả nhiên như vậy. Sau khi lên ngôi, Nghệ Vương đã nhặt hết những đứa trẻ côi cút trong đám con cháu của anh chị em mình đưa vào cung nuôi nấng, coi hệt như con cái mình đẻ ra. Người trong giòng họ xa gần đều được yêu thương dùm bọc. Sau cơn loạn lạc, người nào nghèo khổ không thể cưới xin được, thi lấy vợ gả chồng cho họ ; người nào chưa được chôn cất, thi chôn cất cho họ ; đến cả những điều vật vãnh chi tiết, không có cái gì là không thu nhặt chép sao. Xóm giềng hòa hợp, đầm ấm như tiết mùa xuân. Người trong nước được cảm hóa, phong tục dần dần trở nên thuần hậu. Vua ở đất này cũng có người tốt đến thế ư⁽³⁸⁾ ?

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) Tức truyện Trần Nghệ Tông (sinh năm 1322, mất năm 1395). Vì sợ ảnh hưởng tới sự « tôn nghiêm » của vua Minh, Hồ Nguyên Trừng đã đổi chữ « Tông » ra chữ « Vương ». Đầu đề có thể dịch là « Đầu đuôi truyện Nghệ Vương ». Chúng tôi dịch là « Truyền Nghệ Vương » cho dễ hiểu.
- (2) ĐVSKTT chép Trần Nghệ Tông húy là Phủ 頤.
- (3) Tức Trần Minh Tông (sinh năm 1300, mất năm 1357).
- (4) ĐVSKTT chép mẹ đích của Nghệ Tông là Hiền Tử Tuyên Thánh Hoàng Thái hậu ; mẹ sinh là em gái cùng một mẹ với Hiền Tử, tức là Lê thị do con gái của Nguyễn Thành Huân (ông ngoại thân phụ Hồ Nguyên Trừng) lấy chồng người họ Lê sinh ra.
- (5) Đúng ra phải viết là Thượng hoang.
- (6) Nguyên văn là « truyền danh khí », tức là truyền lại xá giả, lễ phục, tước hiệu... Ở đây có nghĩa là chỉ truyền ngôi về hình thức chứ không phải về thực chất, nên chúng tôi dịch là « truyền ngôi trên danh nghĩa » cho dễ hiểu.
- (7) Thể tử : cũng gọi là « đích tử » (con đích), tức người con trưởng của chư hầu được lập lên để nối ngôi, tương ứng với Thái tử của Hoàng đế.

- (8) *Hiển Vương*: đúng ra phải viết là *Hiển Tông* 懿宗 (sinh năm 1319, mất năm 1341). Húy là *Vượng* 旺, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là *Hiền Tử* Tuyên Thánh Hoàng Thái hậu, mẹ sinh là *Minh Tử* Hoàng Thái phi Lê thị.
- (9) *Cung Túc Vương*: tức *Nguyễn Dục* 元昱. Tuy là con đích, đáng lẽ được nối ngôi vua, nhưng vì hay chơi bài phỏng đãng nên không được Minh Tông tin yêu.
- (10) *Lộc Tinh*: sử ta không thấy chép. Nhưng theo lời văn bên dưới, có thể biết Lộc Tinh ở đây chính là *Dụ Tông* (sinh năm 1336, mất năm 1369). Húy là *Hạo* 建, con thứ mười của Minh Tông.
- (11) *Cung Tĩnh Vương*: tức *Nguyễn Trác* 元暉.
- (12) *Nguyễn* vẫn là «hai đòn ngư», chưa rõ là giống cá gì. Chỉ biết có một loại tên là «hai điêu ngư» tức «cá hồng», cũng là một loại cá ngon và lành ở phương Nam. Vậy tạm dịch là «cá hồng», chờ tra cứu thêm.
- (13) Theo sử chép, sau khi *Dụ Tông* mất, vì không có con nối nghiệp nên *Hoàng Thái hậu* *Hiền Tử* đã sai người đón Dương Nhật Lễ 楊日禮 (ở đây gọi là *Vong Danh* nghĩa đen là *không nhớ tên*) là con thứ của cố *Cung Túc Vương* *Dục* vào làm vua (xem ĐVS KTT).
- (14) Tức *Cung Tĩnh Vương* 慕靖王.
- (15) Tức *Cung Định Vương* 慕定王.
- (16) *Cung Tuyên Vương* húy là *Kinh* 敏, con thứ mười một của Minh Tông, vì có công giúp đỡ *Nghệ Tông* giành lại ngôi nhà Trần trong tay Dương Nhật Lễ, nên về sau được *Nghệ Tông* nhường ngôi cho, tức *Duệ Tông*.
- (17) Tức *Dương Nhật Lễ*.
- (18) Theo sử chép, *Nhật Lễ* là con của một người phuơng chèo tên là *Dương Khương* 楊姜. Mẹ của *Nhật Lễ* từng đóng vai *Vương Mẫu*. Vì ham sắc đẹp, *Cung Túc Vương* *Dục* đã cướp «*Vương Mẫu*» về làm vợ, trong khi bà đang mang thai. Đến khi đẻ, tuy *Dương Nhật Lễ* vẫn được *Cung Túc Vương* *Dục* nhận làm con mình, nhưng trước sau vẫn bị ném sang người trong hoàng tộc khinh rẻ.
- (19) *Nguyễn* vào một đêm tháng 9 năm Canh tuất (1370), cha con *Nguyễn Trác* và hai con của Công chúa Thiên Ninh 天寧, đem người tông thất vào trong thành định giết *Nhật Lễ*, nhưng *Nhật Lễ* đã trèo qua tường, nép mình dưới cầu mới, không ai lùng thấy, đều phải bỏ về. Sáng hôm sau, *Nhật Lễ* vào cung, sai người chia đi bắt các kẻ chủ mưu, cộng cả thảy 18 người đem giết cả (Xem ĐVS KTT).
- (20) *Dương Nhật Lễ* từng bàn mưu tính kế với Trần Nhật Hạch trong việc giết người tông thất họ Trần. *Nguyễn Nhiên* người huyện Tiên Du, từng giữ chức Chi hậu nội nhân, đã cho *Nghệ Tông* biết việc này (Xem ĐVS KTT).
- (21) *Thái tử Nguyễn Trác* bị chết trong vụ mưu giết *Nhật Lễ* không thành.
- (22) Trần Nghệ Tông (ở đây gọi là *Cung Túc Vương*, hay *Thái sư*) vì có con gái làm *Hoàng hậu* của *Nhật Lễ*, sợ vạ lây đến mình, nên tránh ra trấn Đà Giang.
- (23) *Nguyễn* câu này là «tôn an xã tắc», chúng tôi ngờ chữ *tôn 尊* vốn là chữ *diện 奉*, do tự dạng gần giống nhau nên in nhầm. «*Điện an xã tắc*» có nghĩa là «đặt nước nhà vào thế yên ổn». Còn «*tôn an xã tắc*» thì lại có nghĩa là «tôn trọng và làm cho nước nhà yên ổn», câu văn trở nên lủng củng.
- (24) ĐVS KTT chép là Trần Ngô Lang, lúc này đang giữ chức Thiếu úy.
- (25) Tức *Thái sư Cung Định Vương*, bây giờ là Trần Nghệ Tông.
- (26) ĐVS KTT chép sự kiện này có khác, nhất là về thái độ Trần Nghệ Tông đối với Dương *Nhật Lễ*.

Theo ĐVSKTT, Trần Nghệ Tông sau khi chạy ra trấn Đà Giang, đã ngầm hẹn với em là Cung Tuyên Vương Kinh, Chương Túc Quốc Thượng hầu Nguyễn Đán 元旦, và Công chúa Thiên Ninh Ngọc Tha cùng hợp nhau ở sông Đại Lại (tức sông Lèn, một chi lưu của sông Mã ở Thanh Hóa) để dấy binh chống Nhật Lễ. Bấy giờ Nhật Lễ chuyên dùng Thiếu úy Trần Ngô Lang, trong khi Ngô Lang đang là «tay trong» của Nghệ Tông. Mỗi lần Nhật Lễ sai tướng đi đánh bắt Nghệ Tông, Ngô Lang đều khuyên họ chạy về phía Nghệ Tông cả. Cuối năm Thiệu Khánh nguyên niên (tức năm 1370), Nghệ Tông cùng Cung Tuyên Vương và Công chúa Thiên Ninh đem quân về Kinh thành. Ngày 13 tháng 11 năm ấy, đến phủ Kiến Hưng (ở vào miền tây tỉnh Nam Định, nay thuộc Nam Hà), hạ lệnh phế Nhật Lễ làm Hôn Đức Công. Ngày 15, Nghệ Tông lên ngôi Hoàng đế, tự xưng là Nghĩa Hoàng 義皇. Sau đó lại tiếp tục tiến quân về Thăng Long. Khi đến bến Chử Gia, người trong töng thất và các quan ra đón mừng, tung hô muôn năm, vì thế gọi Chử Gia là xã Sơn Hồ. Ngày 21, xa giá về đến Bến Đông, Ngô Lang khuyên Nhật Lễ mặc áo thường đến xin nhường ngôi, xuống thuyền đón tiếp. Vua bảo Nhật Lễ rằng: «Không ngờ ngay nay sự thè lại đến thế này», rồi sai đem giam Nhật Lễ ở phuòng Giang Khâu (nay ở vào khoảng đền Bạch Mã, phố hàng Buồm, Hà Nội). Nhật Lễ gọi Ngô Lang vào trong màn nói dối rằng: «Ta có lọ vàng chôn ở trong cung, người nên về lấy», Ngô Lang quỳ xuống vâng lệnh, bị Dương Nhật Lễ bóp cổ chết. Cháu Ngô Lang là Trần Thế Đồ đem việc ấy tâu lên, Nghệ Tông sai đánh chết Nhật Lễ và con là Liễu, rồi sai đem chôn ở núi Đại Mông (Xem Bd. ĐVSKTT, quyển VII phần).

- (27) Tức Trần Duệ Tông.
- (28) Trong chiến dịch này, Trần Duệ Tông đã tử trận.
- (29) Có nơi đọc là «Nghiễn». Chúng tôi theo *Khang Hy tự diễn*, đọc là «Hiện» (Hình diện thiết)
- (30) Nguyên văn viết là Chiêm 錢. Có lẽ nhầm, vì ngay trước đó, đã nói con của Duệ Vương tên là Hiện. Chúng tôi chưa lại.
- (31) Tức Phế Đế (sinh năm 1361 mất năm 1388).
- (32) Chỉ Nghệ Tông.
- (33) Nguyên văn chép là Giáp mậu. Chúng tôi chưa lại.
- (34) Hồng Vũ là niên hiệu của Minh Thái Tổ 明太祖; Hồng Vũ thứ hai mươi bảy, tức năm 1394.
- (35) Làng của Anh Tông, Minh Tông và Dụ Tông đều ở đây cả, đất thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương, nay thuộc Hải Hưng.
- (36) Chiêu trúc: dịch chữ «trúc nô», còn gọi là «phu nhân nô», một thú chiêu dan bằng trúc, người xưa thường trại nằm vào mùa nóng.
- (37) Đứng ghi chép lại: đây là lời vua bảo với Sử quan.
- (38) Nói chung, Hồ Nguyên Trừng đã đánh giá Trần Nghệ Tông quá cao. Sự thật thì Nghệ Tông cũng có mặt đáng khen, nhưng không phải không có nhiều chỗ đáng chê. Ngô Sĩ Liên nhận xét có phần đúng: Nghệ Tông tinh trói hòa nhã, giữ lòng kinh sợ, Song uy vũ không đủ chống cự giặc bên ngoài, cương minh không đủ phản biện lời gièm pha, có một Nguyễn Đán mà không biết dùng, lại giao quyền cho họ ngoại, để cho cơ nghiệp nhà Trần dần dần đến nguy khốn, thế là trước mặt có kẻ nói gièm mà không thấy, sau lưng có kẻ làm giặc mà không hay! (Xem Bd. ĐVSKTT, quyển VII, phần *Thuận Tông* Hoàng đế).

Quá đè cao Nghệ Tông, phải chăng vì Hồ Nguyên Trừng là ngoại thích của nhà Trần, và cha Hồ Nguyên Trừng là Hồ Quý Ly từng được Nghệ Tông đặc biệt nâng đỡ; cất nhắc?

竹林示寂

陳氏第三代王曰仁王，既傳位世子，乃出家修行，刻苦精進，慧解超脫，為一方祖師。庵居安子山紫霄峰，自號「竹林大士」。其姊號曰「天瑞」，多失婦道。大士至在紫霄聞姊病亟，乃下山往視，謂天瑞曰：「姊若時至，自去，見冥間問事，則應曰願少待，我弟竹林大士且至！」言訖還山。數日至庵，分付弟子後事，奄然坐化。天瑞亦以是日卒。

PHIÊN ÂM :

TRÚC LÂM THỊ TỊCH

Trần thị đệ tam đại viết Nhàn Vương, ký truyền vị Thế tử, nãi xuất gia tu hành, khắc khò, tinh tiến, tuệ giải siêu thoát, vi nhát phuơng tồ sú. Am cư Yên Tử sơn Tứ Tiêu phong, tự hiệu Trúc Lâm Đại Sĩ. Ký tì hiệu viết «Thiên Thụy» da thất phụ dạo. Đại Sĩ tại Tứ Tiêu, vẫn tì bệnh cùc, nãi hạ sơn vãng thị, vị Thiên Thụy viết: «Tỉ nhược thời chi, tự khứ, kiến Minh Gian vấn sự tắc ứng viết: nguyện thiếu dãi, ngã dê Trúc Lâm Đại Sĩ thả chi!» Ngôn hất hoàn sơn. Sở nhát chí am, phân phó dê tử hậu sú, yêm nhiên tọa hóa. Thiên Thụy diệc dĩ thi nhặt tốt.

DỊCH NGHĨA :

TRÚC LÂM THỊ TỊCH (1)

Vua thứ ba của họ Trần là Nhàn Vương (2), sau khi đã truyền ngôi cho Thế tử, bèn xuất gia tu hành, khắc khò, tinh tiến (3), tuệ giải (4), siêu thoát, thành vị tồ sú ở một phuơng. Làm am trên đỉnh Tứ Tiêu (5) núi Yên Tử, tự đặt hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ. Chị của Nhàn Vương hiệu Thiên Thụy, làm nhiều điều trái đạo đàn bà. Ở Tứ Tiêu, Đại Sĩ (6) nghe tin chị ốm gần chết, bèn xuống núi về thăm, nói với Thiên Thụy rằng: «Thời đến thì chị cứ đi, dưới Âm phủ có hỏi gì thì cứ trả lời là xin chờ một lát, em tôi là Trúc Lâm Đại Sĩ sẽ tới». Nói xong trở về núi. Đi mấy ngày đến am, dặn dò đò đẽ các việc về sau, rồi bỗng nhiên ngồi mà hóa (7). Thiên Thụy cũng mất vào ngày hôm đó.

TUẤN NGHĨ

CHÚ THÍCH :

- (1) *Trúc Lâm thị tịch* : Trúc Lâm là hiệu của Trần Nhân Tông (húy Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu), là tổ thứ nhất của phái Trúc Lâm Thiền tông ở nước ta. Thị tịch — danh từ nhà Phật. Thị, ở đây có nghĩa là hiện ra, thể hiện, làm cho thấy ... Tịch ở đây có nghĩa là tịch diệt - dịch nghĩa chữ *Niết bàn* trong tiếng Phạn. Cái chết của phật Bồ Tát (Bouddha) hay của các cao tăng đều gọi là thị tịch, có nghĩa là sự chuyển hóa từ hiện tượng này sang hiện tượng khác, chứ không phải là mất đi thật.

Vậy *Trúc Lâm thị tịch* có nghĩa là sự chết của Trúc Lâm.

- (2) *Túc Trần Nhân Tông*.

- (3) *Tinh tiến*, chữ nhà Phật. Từ Tứ 慈 愚 trong cuốn *Thượng sinh kinh sớ* 上生經疏 có giải thích: 精, 謂精純無惡雜故, 進, 謂昇進不懈怠故. Tinh, vị tinh thuần vô ô tạp cõi ; tiến, vị thăng tiến bất giải dài cõi : Tinh, là nói sự tinh thuần, không pha lẩn cái xấu cái nhơ bẩn ; tiến, là nói sự tiến lên không mệt mỏi, rã rời.

- (4) *Tuệ giải* : Tuệ là trí tuệ, sáng suốt, dịch nghĩa chữ *bát nhã* (pragna) trong tiếng Phạn. Tuệ giải là lý giải một cách sáng suốt.

- (5) ĐVS KTT nói Trần Nhân Tông xuất gia ở ngọn Tử Phong.

- (6) Chỉ Trúc Lâm.

- (7) Đây có nghĩa là chết.

389

祖靈定命

仁王示寂時，其子英王未有嫡嗣，只有庶子，意且待嫡子而後定嗣位。至茶毘後封骨時，子孫環拜，舍利飛入庶孫袖裏，而放光，既收又入。英王拜曰：「敢不奉命」收之，乃足。尋以庶子為世子。既久，嫡母生男，不育，庶子終嗣王位，是為明王。

PHIÊN ÂM :

TÔ LINH ĐỊNH MỆNH

Nhân Vương thị tịch thời, kỳ tử Anh Vương vị hữu đích tự, chỉ hữu thứ tử, ý thả dài đích tử nhi hậu định tự vị. Chỉ trà tǐ hậu phong cốt thời, tử tôn hoàn bái, xá lì phi nhập thứ tôn tự lý, nhi phóng quang, ký thu hưu nhập. Anh Vương bái viết: «Cảm bất phụng mệnh». Thu chi, nãi định. Tâm dĩ thứ tử vi Thế tử. Ký cửu, đích mẫu sinh nam, bất dục, thứ tử chung tự vương vị, thi vi Minh Vương.

DỊCH NGHĨA:

LINH HỒN ÔNG BÌNH NGÔI CHO CHÁU (1)

Hồi Nhân Vương mất, con là Anh Vương (2) chưa có con đích kế tự, chỉ mới có con thứ thời, nên có ý chờ sau khi sinh con đích, sẽ quyết định việc nối ngôi. Đến sau khi hỏa táng (3), lúc bọc cốt, con cháu đứng quanh vải hầu, xá lị (4) bay vào ống tay áo của người cháu thứ (5), phát ra ánh sáng, hễ lấy ra lại cứ bay vào. Anh Vương thấy vậy vải rằng: « Nào dám không tuân mệnh ». Lấy ra, bèn thôi. Được ít lâu, Nhân Vương lấy con thứ làm Thế tử. Về sau, mẹ đích (6) tuy sinh con trai, nhưng không nuôi được, rốt cục người con thứ vẫn nối ngôi vua, ấy là Minh Vương (7).

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

(1) Chỉ việc linh hồn của ông là Trần Nhân Tông quyết định ngôi vua cho cháu là Trần Minh Tông.

(2) Tức Trần Anh Tông, tên là Thuyên 遵, con trưởng của Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thành Hoàng Thái hậu.

(3) Nguyên văn bản chữ Hán chép là 茶毘 trà tǐ. Đúng ra phải là 茶毘 dò tǐ, tiếng nhà Phật, có nghĩa là hỏa táng. Chúng tôi dịch chừa lại.

(4) Xá lị: còn là xá lị tử 舍利子, tiếng nhà Phật, có nghĩa là xác Phật sau khi hỏa táng xong, sẽ kết thành những vật giống như hạt châu, gồm có ba màu: xương kết thành hạt màu trắng; tóc kết thành hạt màu đen; thịt kết thành hạt màu đỏ... Thực ra, đây chỉ là truyền thuyết huyền hoặc của Phật giáo.

(5) Đây chỉ Hoàng tử Mạnh 奔, con thứ của Anh Tông, mẹ sinh là Chiêu Hiến Hoàng Thái hậu Trần thị, con gái của Bảo Nghĩa Đại Vương Bình Trọng.

(6) Tức Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng Thái hậu Trần thị, con gái Hưng Nhượng Đại Vương Quốc Tảng 國賴.

(7) Theo ĐVSHTT, sau khi Trần Nhân Tông chết, sư Pháp Loa đã đem xác thiêu đi, nhặt được hơn ba nghìn hạt xá lị, mang về chùa Tư Phúc ở Kinh sư. Anh Tông thấy thế, có ý ngờ vực; các quan nhiều người có ý xin bắt tội Pháp Loa. Khi ấy Hoàng tử Mạnh mới lên 9 tuổi đứng hầu bên cạnh, bỗng thấy có mấy hạt xá lị ở trong bọc, đưa ra cho mọi người xem. Anh Tông sai kiêm lại số xá lị trong hộp, thì thấy thiêu, từ đó mới không nghi ngờ gì ở Pháp Loa nữa.

Sự việc chép có hơi khác, chúng tôi nêu ra để tham khảo.

390

德必有位

明王既嗣王位，久之，嫡母生男。至周辟時，^{英乃}禮請疑乎？王巡邊在外，家事先決于嗣王。有司以周辟復命以世子禮行之。有司以王故難之。王曰：「何難？」初以嫡嗣未生，故我權在此位；今既生矣，待長曰：「而辟，何難？」曰：「此事，前古多危，請慎思之！」王曰：「順義行之，安危何足慮也！」卒以世子禮行之。而嫡嗣歿，王甚哀之。君子謂明王誠心，不顧於安危，讓德克光于今古。傳曰：「有德者必有其位」，其斯之謂歟？

PHIÊN ÂM :

ĐỨC TẤT HỮU VỊ

Minh Vương ký tự vương vị, cửu chi, đích mẫu sinh nam. Chi chu tối thời, Anh Vương tuần biên tại ngoại, gia sư tiên quyết vu tự vương. Hữu tư dĩ chu tối lê thỉnh, nãi mệnh dĩ Thế tử lê hành chí. Hữu tư dĩ vương cổ nan chí. Vương viết : «Hà nghi hò ? Sơ dĩ đích tự vị sinh, cổ ngã quyền tại thủ vị ; kim kỵ sinh hǔ, dãi trưởng phục tích, hà nan ?». Viết : «Thủ sự, tiền cổ đa nguy, thỉnh thận tư chí !» Vương viết : «Thuận nghĩa hành chí, an nguy hà túc lự dã !» Tốt dĩ Thế tử lê hành chí. Cơ niên nhị đích tự một, vương thậm ai chí. Quân tử vị Minh Vương thành tâm, bất cổ ư an nguy, nhượng đức khắc quang vu kim cổ. Truyền viết : «Hữu đức giả tất hữu kỳ vị», kỳ tư chí vị dư ?

DỊCH NGHĨA :

CÓ ĐỨC ĂT CÓ ĐỊA VỊ

Minh Vương ⁽¹⁾ nối ngôi vua được ít lâu, thì bà đích mẫu ⁽²⁾ sinh con trai. Đến ngày giáp tuổi tôi, Anh Vương ⁽³⁾ đi tuần tra ngoài biên giới, mọi việc ở nhà đều do tự vương ⁽⁴⁾ quyết định. Khi người coi việc đến xin ý kiến về lê giáp tuổi tôi, Minh Vương bảo cứ tiến hành theo thề lệ một vị Thế tử⁽⁵⁾. Người coi việc cho là đã có vương rồi, nên rất lấy làm khó xử ⁽⁶⁾. Vương bảo : «Việc gì phải ngăn ngại? Trước đây vì đích tự chưa sinh, nên ta mới tạm ở ngôi này; nay đích tự đã sinh rồi, chờ khi lớn lên, ta sẽ trao lại ngôi vua, có gì là khó!»

Người kia nói : «Việc này ở các đời trước thường sinh ra lầm chuyện nguy hiểm, xin nghĩ lại cho thật kỹ !». Vua bảo : «Cứ theo lẽ phải mà làm, hơi nào lo chuyện an nguy !» Rốt cục, đã tiến hành lễ giáp tuổi tôi theo thể thức một vị Thế tử. Được một năm thì dịch tự mất, vương thương xót vô cùng. Các bậc quân tử cho rằng Minh Vương là người thành tâm, bất chấp sự an nguy, đức nhường nhịn ấy sáng ngời kim cồ. Sách *Tả truyện* nói : «Kẻ có đức thì thế nào cũng có địa vị», là để chỉ trường hợp như thế này chăng ?

NGUYỄN ĐỨC VÂN, TUẤN NGHĨ

CHÚ THÍCH :

- (1) *Minh Vương*: tức Trần Minh Tông. Ông tên thật là Mạnh 奕, con một người thứ phi của Trần Anh Tông. Vì người vợ cả của Trần Anh Tông chưa có con trai, nên Mạnh được Anh Tông truyền ngôi cho, làm vua từ năm 1314 đến năm 1329.
- (2) *Đích mẫu*: đây chỉ vợ cả của Trần Anh Tông (chính cung hoàng hậu).
- (3) *Anh Vương*: tức Trần Anh Tông, tên thật là Thuyên 煉, làm vua từ năm 1293 đến năm 1314.
- (4) *Tụ Vương*: vua nối ngôi, ở đây chỉ Trần Minh Tông.
- (5) *Thế tử*: Xem chú thích (7) trang 684.
- (6) Ý câu này là : nếu tiến hành lễ giáp tuổi tôi theo thể thức một vị Thế tử, thì như vậy có nghĩa là công nhận quyền làm vua sau này của đứa bé mới sinh, và Trần Minh Tông do đó sẽ mất ngôi. Vì thế mà người coi việc lấy làm khó xử.
- (7) *Đích tự*: đây chỉ đứa con trai mới sinh của chính cung hoàng hậu.

391

婦德貞明。

陳睿王正妃黎氏，靈德之母也。

初，睿王出師不返，妃乃披荆為尼。會藝王以靈德嗣位，妃為之辭讓，不得，乃涕泣謂親人曰：「吾兒薄福，難堪大位，足以取禍爾。故主棄世，未亡人惟欲速死，不欲見世事，况兒子之將危乎？」乃精修苦行，朝夕經懺以報主恩，不五六年燃臂煉頂無不備至。

遂以入定示寂。後至靈德見廢，人皆服其篆鑑先知。具感事君之誠，貞婦之節，一歸佛氏便造門庭如此之深也，誰不哀傷而嘉獎乎？雖陳家先世妃嬪多有賢者，而此妃出于其後又欲過之，何其偉歟？

PHIÊN ÂM :

PHỤ ĐỨC TRINH MINH

Trần Duệ Vương Chính phi Lê thị, Linh Đức chi mẫu dã.

Sơ, Duệ Vương xuất sư bất phản, Phi nãi phi thế vi ni. Hội Nghệ Vương dĩ Linh Đức tự vị, Phi vị chi từ nhượng, bất đắc, nãi thế khấp vị thần nhẫn viết : « Ngô nhi bạc phúc, nan kham đại vị, túc dĩ thủ họa nhĩ. Cố chủ khi thế, vị vong nhân duy dục tóc tử, bất dục kiến thế sự, huống nhi tử chi tương nguy hò ? ». Nãi tinh tu khồ hạnh, triêu tịch kinh sám dĩ báo chúa án, bất ngũ lục niên nhiên tí luyện định vô bất bị chi, toại dĩ nhập định thị tịch. Hậu chi Linh Đức kiến phế, nhân giải phục kỳ tảo giám tiên tri. Cụ cảm sự quán chi thành, trinh phụ chi tiết, nhất quy Phật thi tiện tháo mòn định như thử chi thảm dã, thùy bất ai thương nhi già trưởng hò ? Tuy Trần gia tiên thế phi tần đa hữu hiền giả, nhi thử phi xuất vu kỳ hậu hựu dục quá chi, hà kỳ vĩ dữ ?

DỊCH NGHĨA :

SỰ KIÊN TRINH, SÁNG SUỐT CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ

Người Chính phi họ Lê ⁽¹⁾ của Trần Duệ Vương nguyên là mẹ của Linh Đức ⁽²⁾.

Trước kia, khi Duệ Vương xuất quân không về ⁽³⁾, Phi bèn gọt tóc làm ni. Gặp lúc Nghệ Vương lấy Linh Đức nối ngôi, Phi đã cố từ chối thay cho Linh Đức, nhưng không được, mới khóc lóc nói với người thân rằng : « Con ta phúc mỏng, khồ đương nỗi ngôi to, chỉ có mắc tai và thôi. Cố Chúa lia đời, kẻ chưa mất này chỉ muốn chết cho chồng, không muốn thấy việc đời, huống chi là nhìn con ta sắp nguy khốn ư ? ». Rồi dốc chí tu hành, sớm chiều tụng niệm đề báo đền ơn chúa, chưa đầy năm, sáu năm mà chân tay đốt trán ⁽⁴⁾, đã làm đủ mọi phép, sau cùng đã thi tịch trong khi nhập định. Về sau, đến khi Linh Đức bị phế ⁽⁵⁾, ai cũng phục Phi là người sáng suốt, thấy trước sự việc. Vả lại, cảm sự chân thành thờ vua, và tiết tháo kiên trinh của Phi, vừa vào cửa Phật thì đi nhanh vào chinh giác, ai mà chẳng thương xót, ngợi khen ? Tuy các phi tần đời trước của nhà Trần cũng có lắm người hiền đức, nhưng người phi này sinh sau mà lại gần như hơn hẳn những người phi trước, sao lớn lao đến thế ?

CHỦ THÍCH :

- (1) Tức người sinh ra Linh Đức Vương (Phế Đế), là em gái con nhà chúa của Hồ Quý Ly; Hồ Nguyên Trừng gọi bằng cô.
- (2) Tức Linh Đức Vương (Phế Đế).
- (3) Chỉ việc Duệ Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành vào năm 1377, và đã tử trận.
- (4) Nguyên văn chữ Hán là 燃臂燻頂, nghĩa tì luyện đỉnh, có nghĩa là « đốt cánh tay, đốt đỉnh đầu », một số cách thức tu luyện của đạo Phật. Chúng tôi dịch là « đốt trán » « châm tay đốt trán » cho dễ hiểu.
- (5) Nguyên việc này, ĐVSKTT chép như sau: « Tháng 12, ngày mồng 6, sáng sớm, Thượng hoàng (Trần Nghệ Tông) giả cách về Yên Sinh, sai Điện hậu đi theo hầu; rồi sai Chi hậu nội nhân gọi vua (Linh Đức Vương, tức Phế Đế) đến bàn việc nước. Vua chưa ăn cơm sáng, đi ngay, chỉ có hai người theo hầu mà thôi. Khi vua đến nơi, Thượng hoàng nói: « Đại Vương lại đây », rồi sai người đem vua ra giam ở chùa Tư Phúc, tuyên uội chiếu rằng: « Trước kia Duệ Tông đi tuần phuông Nam không trở về, dùng con đích đê nối ngôi, là theo đạo đời xưa. Song, quan gia (chỉ Linh Đức Vương) từ khi lên ngôi đến giờ, vẫn còn trẻ con lắm, giữ đức không thường, thân mật với bọn tiểu nhân, nghe bọn Lê Á Phu, Lê Dư Nghị gièm pha vu hãm người công thần, làm dao động xã tắc, nên giáng xuống làm « Linh Đức Đại Vương ». Song nhà nước không thể không có người đứng chủ, ngôi báu không thể bỏ không, nên đón Chiêu Định Vương vào nối đại thống (...) ». Cuối cùng, Trần Nghệ Tông cho đem Phế Đế xuống phủ Thái Dương bắt thắt cổ chết (Xem Bd. ĐVSKTT : tập 2)

392

聞喪氣絕

陳太王女號曰韶陽。方坐暮時，王已旬月不豫。數遣人起居，左右紹曰：「王已平復無事。」至棄世日，忽聞鐘聲連響，曰：「得非不諱事耶？」左右紹之，不聽，乃慟哭長號，氣絕，瞑目而逝。

PHIÊN ÂM :

VĂN TANG KHÍ TUYỆT

Trần Thái Vương nữ hiệu viết Thiều Dương. Phương tọa nhục thời, Vương dĩ tuần nguyệt bất dự. Sắc khiền nhân khởi cư, tả hữu đãi viết: « Vương dĩ bình phục vô sự ». Chỉ khi thế nhật, hốt văn chung thanh liên hưởng, viết: « Đắc phi bất húy sự da ? » Tả hữu đãi chí, bất thính, nãi đồng khóc trường hào, khí tuyệt, minh mục nhi thệ.

DỊCH NGHĨA :

NGHE TANG TẮT THỞ

Con gái Trần Thái Vương (1) hiệu là Thiều Dương (2). Khi bà đang ở cữ, Thái Vương không được khỏe đã một tháng. Nhiều lần bà sai người đến thăm hỏi nhưng những người hầu cạnh nói dối rằng : «Vua đã bình phục rồi, không việc gì nữa». Đến ngày Thái Vương lìa đời, bà bỗng nghe tiếng chuông đánh liên hồi, liền hỏi : «Có phải là việc chẳng lành chẳng ?» những người hầu cạnh lại nói dối, nhưng bà không nghe, cứ khóc lóc kêu gào cho đến khi tắt thở, nhắm mắt mà mất.

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) Tức Trần Thái Tông (Cánh 鞍), lúc này đương làm Thượng hoàng.
- (2) Thiều Dương là con gái thứ của Trần Thái Tông.

393

文貞綱直

家躡舉遷臣權。居繼應尋權皆里。杖號「文
介，相赴，由喜賜。」剛門，子聽七冠之。性
廉子寡授息奸乃安封大。弟澹，于臣掛聞。
直盈欲世于臣挂聞。也近安司逸疏報藝，王，受封拜。
上名有拜子，又入迎病辭，不立辭，壽終于家。都城人士仰
隱，交趾上福聞之。子王上不立辭，壽終于家。都城人士仰
朱安號樵隱，學業者，往往徵拜子，又入迎病辭，不立辭，壽終于家。都城人士仰
好讀書，登政府，陳氏王數數人，安為「七頗還鄉」。群以老病，壽終于家。都城人士仰
青雲，至元祭不時人沒，旋乞還鄉。久之，壽終于家。都城人士仰
太學多者，復裕上王謁，厚禮送回。久之，壽終于家。都城人士仰
者，復裕上王謁，厚禮送回。久之，壽終于家。都城人士仰
高風，莫不嗟悼。

昔安弟子爲執政者，時來問候，拜床下，得與談話片言而去者甚以爲喜，有不善者；切責唾罵，甚至呵叱不納。其清宜嚴正名聞一時，凜然可畏。吁其善哉！

PHIÊN ÂM :

VĂN TRINH NGẠNH TRỰC

Chu An hiệu Tiều Ân, Giao Chỉ Thượng Phúc nhân dã. Tinh liêm trực cương giời. Cư gia đốc hiếu độc thư, học nghiệp tinh thuần, danh văn viễn cận. Đệ tử doanh môn, tương kế nghiệp thanh vân, đăng chính phủ giả, vãng vãng hữu chi. An điềm đậm quả dục, bất phó ứng cử. Chi Nguyên gian, Trần thị Minh Vương trưng bái Quốc tử Tư nghiệp, thụ Thế tử kinh, tầm thiên Thái học Tế tử. Minh Vương mệt, kỳ tử Dụ Vương đặt dự, dãi vu thinh chính, quyền thần sảo đa bất pháp, An sác giận bất thính, hựu thường sở khát trăm gian thần thất nhân, gai quyền giả, thời nhân hiệu vi *Thất trăm sở*. Kỳ nhập bất báo; An nãi quải quan quy điền lý. Hậu Dụ Vương mệt, quốc phả loạn. Quản thần nghênh lập Nghệ Vương, An vẫn chí đại hỉ, truong sách thượng yết, toàn khát hoàn hương, dĩ lão bệnh tử, bất thụ phong bái. Nãi tử hiệu Văn Trinh tiên sinh, hậu lễ tổng hồi. Cửu chi, thọ chung vu gia. Đô thành nhân sĩ cảnh ngưỡng cao phong, mặc bất ta diệu.

Tich An đệ tử vi chấp chính giả, thời lai vẫn hậu, bái sàng hạ, đắc dữ đàm thoại phiến ngôn nhi khứ giả thậm dĩ vi hỉ, hựu bất thiện giả, thiết trách thỏa mạ, thậm chí a sát bất nạp. Kỳ thanh nghi nghiêm chính danh văn nhất thời, lẫm nhiên khả úy. Hu kỳ thiện tài!

DỊCH NGHĨA :

VĂN TRINH, CON NGƯỜI CỨNG RẮN VÀ NGAY THẮNG

Chu An biệt hiệu là Tiều Ân, người ở vùng Thượng Phúc (¹) đất Giao Chỉ. Tinh ông liêm khiết và cương trực. Ở nhà thường ham thích đọc sách, học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy xa gần. Học trò đầy cửa, thường vẫn có những người đỗ đạt và làm quan to. Chu An là người điềm đậm, ít ham muốn, không đi thi. Khoảng năm Chi Nguyên (²), Trần Minh Vương (³) có vời ông đến Kinh đô trao cho chức Quốc tử Tư nghiệp, giảng sách cho Thế tử (⁴). Được ít lâu chuyền làm chức Tế tử nhà Thái học. Đến khi Minh Vương mất, con là Dụ Vương (⁵) hay chơi bời, bỏ việc nước, bọn quyền thần dần dần làm nhiều điều trái phép, Chu An nhiều lần can ngăn mà vua không nghe, lại dâng sớ xin chém bảy tên gian thần đều là hạng quyền thế cả, người đương thời gọi đó là *Thất trăm sở*.

Tờ sò dâng lên nhưng không được trả lời, Chu An bèn treo mũ từ quan, trở về với vườn ruộng. Sau Dụ Vương mất, trong nước có loạn. Quần thần rước Nghệ Vương về, lập lên làm vua. Chu An nghe tin ấy, rất đỗi vui mừng, bèn chống gậy tới Kinh đô để yết kiến. Rồi ngay sau đó, ông xin trở về làng, lấy cờ già nua ôm yếu, từ chối không nhận chức tước. Nhà vua ban cho hiệu «Văn Trinh tiên sinh» và sai người mang rất nhiều lè vật tiễn đưa về làng. Chẳng bao lâu, Chu An mất ở quê nhà. Nhân dân và kẻ sĩ đều thành vấn ngưỡng mộ phong cách cao đẹp của ông, không ai là không thở than thương tiếc.

Trước đó, trong đám học trò của Chu An có người tuy ra làm quan nhưng vẫn thường đến thăm viếng ông, lạy bên giường ông, người nào được trò chuyện đôi câu trước lúc ra về thì lấy làm mừng rõ lắm. Ai có điều gì không tốt, liền bị ông过错 trách, nheo móc gay gắt, thậm chí quát mắng không cho vào nhà. Thanh cao, nghiêm chỉnh nổi tiếng một thời, lâm liệt đến thế. Ôi, thật là một con người thiện vậy.

TUẤN NGHĨ, NGUYỄN ĐỨC VÂN

CHÚ THÍCH :

- (1) *Thượng Phúc* : tức huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Sơn Bình). Theo ĐVSHTT, thì Chu An người huyện Thanh Đàm (nay là huyện Thanh Trì, ngoại Thành Hà Nội).
- (2) *Chi Nguyễn* : niên hiệu của Nguyễn Thế Tổ 元世祖 Lê Trừng lúc này đang làm quan dưới triều Minh, không dám đề niên hiệu vua nước Đại Việt, dù ở đây đang nói tới sự đã qua.
- (3) *Trần Minh Vương* : tức Trần Minh Tông, làm vua từ năm 1314 đến năm 1329.
- (4) *Thế tử* : đây chỉ con của Trần Minh Tông.
- (5) *Dụ Vương* : tức Trần Dụ Tông 陳裕宗, làm vua từ năm 1341 đến năm 1369.

394

醫善用心

澄先人之外祖曰范公，諱彬，家世業醫，事陳莫王，為判太醫令，常竭家資以蓄良藥，積米穀。人有孤苦疾病者，鬻之於家以給饘粥救療，雖膿血淋漓，不少嫌避。如此，來者待健而去，床不絕人。

饑曰：「往看不他若，真也。」請遽公，救人上墳。汝望窮急，召彼欲，主少：予困門之，救君何在。曰：付宿。扣聞者且？奈望活喜誠，人公熱我此無，果王子，屋有寒，如亦命人。赤房嘗青發刻得，之其心我築，稍有頃安罪臣，真恤乃後色人在，有小治析以，面貴命禮固。救敷，心作世，中家之「我也去，心大當注。」宮人臣：望遂罪仁，厲重如：今人曰所。謝有疚名崩曰：「公無當冠又，，血至急曰？」甘免，餧餘卒使病使命頃餘之善年千人王。此申爾在，責有連活婦而：。救死死王既忽者有門曰來，不，免。病家出。便，救得見醫者。之久命不幸來良。

後之子孫為良醫官四五品者二三人，世皆稱譽其不墜家業也。

PHIÊN ÂM :

Y THIỀN DUNG TÂM

Trùng tiên nhân chi ngoại tổ viết Phạm công, húy Bân, gia thế nghiệp y, sự Trần Anh Vương, vi phán Thái y lệnh, thường kiệt gia tư dĩ súc lương dược, tích mĩ cốc. Nhân hữu có khò tật bệnh giả, ngũ chi ứ gia dĩ cấp chiên chúc cứu liệu, tuy nùng huyết lâm ly, bất thiếu hiềm tị. Như thử, lai giả dãi kiện nhi khứ, sàng bất tuyệt nhân.

Hốt liên niên cơ cặn, dịch lệ đại tá, nãi trúc phòng ốc, túc khốn cùng, cơ giả bệnh giả hoạt thiền dư nhàn, danh trọng đương thế. Hậu, thường hữu nhân khẩu môn cấp thỉnh viết : «Gia hữu phụ nhàn thốt bạo, huyết băng như chũ, diện sắc sảo thanh». Công văn chi, cử vãng. Xuất môn nhi vương sứ nhân chí viết : «Cung trung qui nhàn hữu phát hàn nhiệt giả, triệu công khán chi». Viết : «Thứ bệnh bất cắp. Kim nhân gia mệnh tại khoảnh khắc, ngã thả cứu bỉ, bất cứu tiện lai». Trung sứ nộ viết : «Nhân thần chi lẽ, an dắc như thứ ? Quân dục cứu tha mệnh, bất cứu nhĩ mệnh da ?» Công viết : «Ngã cố hữu tội, diệc vô nại hà, nhân nhược bất cứu, tử tại khoảnh khắc, vô sở vọng dâ. Tiều thần chi mệnh, vọng tại chúa thượng, hạnh dắc miễn tử, dù tội cam đương». Toại khứ cứu tri, kỳ nhàn quả hoạt. Thiếu khoảnh, lai kiến. Vương trách chi. Miễn quan tạ tội, phu tích chán tâm. Vương hỉ viết : «Nhữ chán lương

y, kỹ hữu thiện nghệ hữu hữu nhân tâm, dĩ tuất ngã xích tử, thành phó dư vọng dã».

Hậu chi tử tôn vi lương y quan từ ngũ phầm giả nhị tam nhân, thế giai xứng dự kỳ bất trụy gia nghiệp dã.

DỊCH NGHĨA :

THẦY THUỐC CÓ TỬ TÂM

Ông ngoại của tổ tiên Trừng (1) là Phạm công, húy Bận, vốn giòng giỏi nhà làm thuốc, thờ Trần Anh Vương (2), được vua cho giữ chức Thái y (3), thường vét hết tiền của để tích trữ thuốc tốt và lúa gạo. Người nào cõi cút, khổ sở mà bị bệnh tật thì được Cụ cho ở tại nhà mình để cung cấp cơm cháo và cứu chữa cho, dù có máu mủ đầm đì, cũng không chút ghê tởm. Cứ như vậy, kẻ đến chờ chữa cho khỏe mạnh rồi mới đi, trên giường không lúc nào vắng người. Bỗng mấy năm liền đói kém, bệnh dịch lan tràn, Cụ bèn dựng nhà cửa cho kẻ khốn khổ ở, nhờ đó mà số người đói khát, bệnh tật được cứu sống có tới hơn một nghìn, tên tuổi Cụ được đương thời trọng vọng. Một hôm, có người đến gõ cửa khẩn thiết mời Cụ rằng : «Trong nhà có người vợ bỗng dung bị máu ra như xối, mặt mày nhợt nhạt». Cụ nghe xong, vội vã đi ngay. Vừa ra khỏi cửa, thì gặp người do nhà vua sai tới nói : «Trong cung có một vị qui nhân đang lèn cơn sốt rét, nhà vua cho vời Cụ vào xem». Cụ đáp : «Bệnh ấy không vội. Hiện nay đang có người tính mệnh chỉ còn trong chốc lát, để tôi đi cứu dã, chốc nữa sẽ vào cung ngay». Sứ giả tức giận nói : «Phận làm bồ tát, sao được như vậy ? Ông muốn cứu tính mệnh của người kia mà không cứu tính mệnh của ông ư ?» Cụ đáp : «Tôi thật có tội, nhưng cũng chẳng biết làm thế nào nữa ; nếu không cứu người ta, thì họ sẽ chết trong chốc lát, còn trông mong vào đâu được. Tính mệnh của bồ tát mọn này trông vào Chúa thượng, may ra khỏi chết, còn các tội khác đều xin cam chịu». Thế rồi Cụ đi cứu chữa cho kẻ kia, quả nhiên người ấy qua được. Liền sau đó, Cụ đến yết kiến nhà vua. Vua quở trách. Cụ bỏ mũ xuống tạ tội và giải bày thực tâm của mình. Vua mừng rỡ nói : «Người thật là một lương y, đã giỏi tay nghề lại có lòng nhân đức để cứu dân lành, thật xứng đáng với lòng mong mỏi của ta».

Về sau con cháu Cụ có đến hai ba người là thầy thuốc giỏi, làm quan tới từ phầm ngũ phầm, người đời ai cũng khen là không dễ mất nghiệp nhà.

NGUYỄN ĐỨC VÂN, TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

(1) Tác giả tự xưng.

(2) Trần Anh Vương : tức Trần Anh Tông, làm vua từ năm 1293 đến năm 1314.

(3) Thái y : Còn gọi là Ngự y, tên một chức quan chuyên về việc phục vụ thuốc thang trong cung điện nhà vua.

勇力神異

食虜忙掌賊賞定界功，為田飲，奔反衝氏議為賞里召在，境人如直李司至允田年仍常侵隨易。有所居餘，異寇可民兵還。此願十軍偉外不救焉而耳刀因，後將魁有母賊木人食研人能。遠而適父殺伐餘耕擲後不已威生。其日，千自願。以而封曉尺語今者者以，之辭國，奉七曉，刀虜地賊賞，報眾黎長奉頓研被田破以單陣賊人身。一焉邑賜刀悉領破餘化，措喫呼鄰乞研，使，萬清三岡飽俗獲，以里。鋒散，二皇子刀盡受「臣餘田先擊時十倉兒短，不：十刀為人。李。鄰飯持瀆固曉擲曰，十于李氏年里與一走辭曰至研請餘家安十眾多畢縱授，之名兵，壽人甚但飯，除敵許，用鋒，視掠，。陣賜頃。由侍先里

PHIÊN ÂM:

DŨNG LỰC THẦN ĐI

An Nam Lý thị thời, Thanh Hóa nhân Lê Phụng Hiểu sinh nhí khôi vĩ dì thường, ảm thực thi nhân thập bội. Niên thập nhị tam, thán trường thất xich. Thích hữu ngoại khấu xâm cảnh, lỗ lược thậm chúng, lán lý thương hoàng vồng thổ. Phụng Hiểu ngữ kỳ phụ mẫu bất khả tùy nhân bôn mang, dǎn đa tặc phan dǚ nhí tử bão khiết nhất đốn, kim nhật sát tặc cừu dân dì như phản chưởng. Phan tất, trì nhất đoán dao tục hô vi churóc dao giả, phạt mộc vi binh, trực xung tặc trận, tung kích hội tầu, tận hoạch lân ấp bị lỗ giả thiên dư nhân nhí hoàn. Lý thị thường tú trù thụ, cố từ bất thụ, khất tú diền địa dĩ tự canh thực nhĩ. Hữu tr nghị định khoảnh mẫu, Phụng Hiểu viết : «Thần dĩ churóc dao phá tặc, nguyện trích churóc dao, sở chi vi giới». Hứa chi. Trích chi thập dư lý, tất dĩ thường chi. Hậu nhân nhân thủ, phàm thường công diền, danh chi viết churóc dao diền. Sủ linh quán, từ dĩ bất năng, nguyện cư diền lý, dãi dụng hinh thời, thỉnh vi tiên phong, phá trận báo quốc nhí dĩ. Hậu thập dư niên triệu vi tiên phong, dĩ thập dư nhân kích tán vạn dư tặc chúng, phong Uy Viễn Tướng quân, nhưng tại diền lý, thῷ chung vu gia.

DỊCH NGHĨA :

DŨNG MÃNH THẦN KỲ

Ở nước An Nam vào thời nhà Lý, có người Thanh Hóa tên là Lê Phụng Hiểu (¹), dáng mạo lạ thường, ăn uống gấp mười kẻ khác. Mới mười hai mươi ba tuổi, thân hình đã cao bảy xích (²). Chợt có bọn giặc bên ngoài đến xâm phạm bờ cõi, bắt người cướp của rất nhiều, người trong xóm làng hoảng hốt không biết làm sao đối phó. Phụng Hiểu nói với cha mẹ không nên theo người ta chạy sấp ngửa, chỉ cần nấu thật nhiều cơm cho con ăn một bữa no nê, thì việc giết giặc sẽ dàn hôm nay dễ như trở bàn tay. Ăn cơm xong, Phụng Hiểu cầm một con dao ngắn tục gọi là dao rựa, chặt cây làm khi giới, xông thẳng vào trận giặc, đâm ngang đánh địch vỡ chạy, hơn một nghìn người trong thôn xóm bị giặc bắt đều được cứu trả về (³). Nhà Lý ban thưởng, phong cho chức trước, Phụng Hiểu đều cố từ không nhận, chỉ xin cấp ruộng đất để tự cày cấy làm ăn mà thôi. Khi quan trên bàn định về số khoảnh mẫu nên cấp, Phụng Hiểu nói :«Thần (⁴) từng dùng dao rựa để phá giặc, nay xin cầm dao rựa mà ném, hễ xa tới đâu thì lấy giới hạn tới đó». Quan trên thuận lời. Dao rựa ném xa hơn mười dặm, cả vùng ruộng đó đều thường cho Phụng Hiểu cả. Người đời sau nhân đấy, phàm thường ruộng cho người có công, đều đặt tên là «chỗ dao điền» (⁵). Vua sai cầm quân, Phụng Hiểu lấy cớ không đủ tài để từ chối, chỉ muốn được sống ở thôn quê, chờ khi dùng binh, sẽ xin làm tiên phong, phá trận giặc, đền ơn nước mà thôi. Mười mấy năm sau được vời làm tiên phong, đem theo hơn mười người đánh tan hơn vạn quân giặc, được phong là Uy Viễn Tướng quân (⁶), rồi vẫn sống ở thôn quê, thọ chết tại nhà (⁷).

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) Về gốc tích Lê Phụng Hiểu, *Việt điện ư linh* có ghi rõ : «Vương họ Lê, tên Phụng Hiểu, người làng Bằng Sơn (nay là làng Dương Sơn, huyện Hoàng Hóa, phủ Thanh Hóa (nay là tỉnh Thanh Hóa). Có người nói Vương là cháu ông Định phiên hầu Lê Định». (Xem *Việt điện ư linh*, Bd. của Trịnh Định Rư).
- (2) Khoảng 2m30.
- (3) Câu này trong nguyên bản chữ Hán còn chưa trống một chữ, chúng tôi đoán có thể là *lỗ* 開 *tức* (bắt người), chờ tra cứu thêm.
- (4) Chữ «thần» dùng ở đây không đúng chỗ lắm, vì Phụng Hiểu đang nói chuyện với quan, chứ không phải với vua.
- (5) Hiện nay, có nơi nói là «thác dao điền».
- (6) Một số sách khác như *Việt điện ư linh*, LTHCLC v.v.. đều không thấy nói tới tước phong này. *Việt điện ư linh* nói Lê Phụng Hiểu dưới triều Lý Thái Tổ được giữ chức Vũ vệ Tướng quân. Sang triều Lý Thái Tông, Phụng Hiểu được cất nhắc làm Đô thống Thượng Tướng quân, phong trước hầu.
- (7) *Việt điện ư linh* cũng như LTHCLC đều nói Lê Phụng Hiểu sau khi chết, được nhân dân địa phương lập đền, thờ làm phúc thần.

396

夫妻死節

永樂丁亥，大軍平交趾日，頭目吳免赴水死，其妻阮氏仰天歎曰：「吾夫事主，一生受祿，由中官至登政府，今而死節，是得所也，又何怨乎！妾若苟活，豈無所之？但夫道君恩一時辜負，吾不忍也。寧相隨尔」。言訖，亦赴水死。

嗟夫！死節者，士大夫之所當然，猶或難之。宦官如此，古所罕聞。吳免其丈夫乎？至於阮氏以婦人臨危能識大節，知夫得所而無憾，又能重義輕生，視死如歸，可謂賢婦也歟？世之愚婦以忿投水者多矣。至於以義亡身甚不易得也！如阮氏者，誠可嘉哉！

PHIÊN ÂM :

PHU THÊ TỬ TIẾT

Vĩnh Lạc Đinh hợi, đại quân bình Giao Chỉ nhật, đầu mục Ngô Miễn phó thủy tử; kỳ thê Nguyễn Thị ngưỡng thiền thân viết: «Ngô phu sự Chúa, nhất sinh thụ lộc, do Trung quan chi đăng Chính phủ, kim nhi tử tiết, thị dắc sở dã, hựu hà oán hờ! Thiếp nhược cầu hoạt, khởi vô sở chi? Đãn phu đạo quân an nhất thời có phụ, ngô bất nhẫn dã. Ninh tương tùy nhĩ». Ngôn hất, diệc phó thủy tử.

Ta phu! Tử tiết giả, sĩ đại phu chí sở đương nhiên, do hoặc nan chi. Quan quan như thử, cõ sở hän văn. Ngô Miễn kỳ truong phu hồ? Chí ư Nguyễn Thị dĩ phu nhẫn lâm nguy năng thức đại tiết, tri phu dắc sở nhi vô hám, hựu năng trọng nghĩa khinh sinh, thị tử như quy, khả vị hiền phụ dã dư? Thế chi ngu phu dĩ phản đầu thủy giả da hĩ. Chí ư dĩ nghĩa vong thân thậm bất di dắc dã! Như Nguyễn Thị giả, thành khả gia tai!

DỊCH NGHĨA :

VỢ CHỒNG CHẾT VÌ TIẾT NGHĨA

Năm Đinh hợi, niên hiệu Vĩnh Lạc ⁽¹⁾, vào ngày đại quân ⁽²⁾ bình định đất Giao Chỉ ⁽³⁾, có một người đầu mục ⁽⁴⁾ tên là Ngô Miễn ⁽⁵⁾ nhảy xuống nước

tự tử, vợ là Nguyễn Thị ngửa mặt lên trời than rằng : «Chồng ta thờ Chúa, một đời ăn lộc, từ chối Trung quan được lên tham dự Chính phủ, nay vì nghĩa mà chết, thế là chết đáng chối, còn oán hận gì. Nếu thiếp muốn sống há không còn nơi nào sao ? Nhưng cái nghĩa vợ chồng, cái ơn vua tôi ta không nỡ lòng phụ bạc. Thà chết theo nhau vậy ». Nói đoạn, cõng nhảy xuống nước mà chết.

Than ôi ! chết vì tiết nghĩa là lý đương nhiên của kẻ sĩ đại phu, thế mà có người còn lấy làm khó. Xưa nay, ít nghe có vị quan nào được như vậy. Ngô Miễn là dũng trượng phu chăng ? Đến như Nguyễn Thị, một người đàn bà mà làm nguyễn vẫn nhận ra tiết lớn, biết chồng chết đáng chối không ăn hận gì, lẽ còn coi trọng điều nghĩa xem nhẹ cái sống, nhìn chết như về, có thể gọi là hiền phụ vậy (6). Trong số đàn bà ngu dai trên đời, những kẻ vì bức tử mà nhảy xuống nước chết, nhiều lắm. Đến như vì nghĩa bỏ mình, thì rất là lòng dẽ được ! Hạng người như Nguyễn Thị thật đáng ca ngợi thay (7).

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) *Vĩnh Lạc* : niên hiệu của Minh Thành Tổ 明成祖, «Năm Đinh hợi, niên hiệu Vĩnh Lạc», tức năm 1407.
- (2) *Đại quân* : chỉ quân xâm lược nhà Minh.
- (3) *Giao Chỉ* : chỉ nước Đại Ngu (tức nước ta thời Hồ).
- (4) *Đầu mục* : chử nhà Minh dùng để chỉ người đứng đầu các dân tộc «chưa khai hóa». Nhà Minh coi nước ta là «dị tộc», cho nên gọi vua quan Việt Nam là «đầu mục».
- (5) Theo ĐVSKTT, Ngô Miễn lúc này đang giữ chức Hành khiển hữu tham tri chính sự dưới triều Hồ.

Ở bản chữ Hán, câu này tối nghĩa. Theo ngữ pháp văn ngôn, trong câu nghĩa vẫn, khẳng định trở thành phủ định. Nếu dịch theo đúng nghĩa vốn có của câu, thì là «không gọi là hiền phụ được». Phải thêm một chữ «bất» (不) sau chữ «khả» (khả bất vị hiền phụ dã dư) thì mới có nghĩa «không gọi là hiền phụ được hay sao ?». Ở đây, chúng tôi tạm dịch theo ý.

- (7) Trong ĐVSKTT cũng có chép câu chuyện này, và có kèm theo lời bàn của Ngô Sĩ Liên như sau : «Vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị không những chỉ chết vì tiết nghĩa, lời nói cũng đã làm bài học cho đời...». Xem ĐVSKTT ; Bản kỷ ; Quyển IX ; Kỷ Hậu Trần ; Bd. đã dẫn ; Tập II ; tr. 252).

不止。時第二代王，名僧覺海，道士通玄，同來厭勝。
覺海以數珠擊柱，其聲應手而止。通玄以令牌擊柱，忽見大手出櫟上，將一蛤蚧擲地，其妖乃止。王占口曰：

覺	海	心	如	海，
通	玄	道	更	玄。
神	通	能	變	化，
一	佛	一	神	仙。

PHIÊN ÂM :

TĂNG ĐẠO THẦN THÔNG

Lý Thị thời, thường hữu yêu vật trú dạ ẩn hình đề khiếu ư điện lương thượng, liên nhát bất chỉ. Thời đệ-nhi đại vương, danh tăng Giác Hải, đạo sĩ Thông Huyền, đồng lai yểm thắng. Giác Hải dĩ sô châu kích cực, kỳ thanh ứng thủ nhí chỉ. Thông Huyền dĩ lệnh bài kích trụ, hốt kiến đại thủ xuất lương thượng, tương nhất cáp giới trích địa, kỳ yêu nãi chỉ. Vương chiếm khẩu viết :

*Giác Hải tâm như hải,
Thông Huyền đạo cánh huyền,
Thần thông năng biến hóa,
Nhất Phật, nhất Thần tiên.*

DỊCH NGHĨA :

PHÉP THẦN THÔNG CỦA TĂNG, ĐẠO

Vào thời họ Lý (1), từng có yêu quái ngày đêm ẩn hình kêu khóc trên rường nhà cung điện, hết ngày này sang ngày khác. Bấy giờ thuộc đời vua thứ hai (2), có danh tăng Giác Hải và đạo sĩ Thông Huyền cùng đến để yểm trừ. Giác Hải lấy mây hạt chau gõ vào nóc nhà, tiếng kêu khóc liền tay im bặt. Thông Huyền dùng lệnh bài đập vào cột, bỗng thấy một bàn tay to tướng ló ra trên rường nhà, cầm một con rắn mồi vứt xuống đất, yêu quái bèn hết. Nhà vua ứng khẩu đọc rằng :

*Giác Hải tâm như hải.
Thông Huyền đạo càng huyền,*

*Thần thông tài biến hóa,
Một Phật, một Thần tiên.*

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) Chỉ đời nhà Lý (1010—1225) ở nước ta.
- (2) Chỉ Lý Thái Tông 李太宗 (1028—1054).

398

奏章明驗

交趾太清宮道士名道甚，元世祖至元間爲陳太王。元帝允奏章，即命昭文兩嗣。拜章畢，乃自王曰：「上帝既允有孕，果生男。」已而後宮有孕，果生昭文。號。兩年建廟，其文始消。至四十八歲，臥病月餘。諸子爲之覽章，請減己壽以延父齡。道士拜章，起曰：「上帝覽章，笑曰：何乃戀俗，欲久留乎？然其子孝誠，可允再留一紀。」病乃瘳。後果有十二年壽。

PHIEN ÂM :

TẤU CHƯƠNG MINH NGHIỆM

Giao Chỉ Thái Thanh cung đạo sĩ danh Đạo Thập, Nguyên Thế Tồ Chi Nguyên gian vị Trần Thái Vương kỵ tự. Bài chương tất, nãi bạch vương viết : «Thượng đế ký doãn tấu chương, tức mệnh Chiêu Văn đồng tử giáng sinh vương cung, trú tú kỵ». Dĩ nhi hậu cung hữu dâng, quả sinh nam, lưỡng bác thượng hữu văn viết «Chiêu Văn đồng tử», tự phả minh hiền, nhân dĩ Chiêu Văn vi hiệu. Niên trưởng, kỵ văn thủy tiêu. Chi tử thập bát tuế, ngoại bệnh nguyệt dư. Chư tử vi chi kiến tiểu, thỉnh giảm kỵ thọ dĩ diên phụ linh. Đạo sĩ bài chương, khởi viết : «Thượng đế lâm chương, tiểu viết : hà nãi luyến tục, dục cửu lưu hò ? Nhiên kỵ tử hiếu thành, khả doãn tái lưu nhất kỵ». Bệnh nãi liệu. Hậu quả hữu thập nhị niên thọ.

DỊCH NGHĨA :

TỜ TÂU LÊN THIÊN ĐÌNH CÓ ỨNG NGHIỆM

Ở cung Thái Thanh xứ Giao Chỉ có một người đạo sĩ tên là Đạo Thập, vào khoảng năm Chi Nguyên đời Nguyên Thế Tông (1) làm lễ cầu tự cho Trần Thái Vương. Khi đọc sớ xong, Đạo Thập tâu với vua rằng : «Thượng đế đã chấp nhận sớ tâu, sẽ sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh nơi cung vua, ở đây bốn kỷ» (2). Rồi hậu cung có mang, quả nhiên sinh con trai, trên hai cánh tay có chữ «Chiêu Văn đồng tử», nét khá rõ ràng (3), nhân đó lấy hiệu là «Chiêu Văn» (4). Khi tuổi đã lớn, nét chữ mới mất đi. Đến năm 48 tuổi, Chiêu Văn bị ốm hơn một tháng. Các con của Chiêu Văn làm chay xin bớt tuổi thọ mình để kéo thêm tuổi cho cha. Đạo sĩ đọc sớ xong (5), đứng dậy nói : «Thượng đế xem sớ, cười rằng : sao còn quyền luyến cõi tục, muốn ở lại lâu thế ? Song vì con cái thật bụng hiếu thảo, có thể cho ở thêm một kỷ nữa » (6). Bệnh liền khỏi. Sau quả nhiên thọ thêm 12 tuổi nữa.

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) Chỗ này tác giả nhầm. Chiêu Văn Vị trong Trần Nhật Duật sinh vào năm Giáp dần, niên hiệu Nguyên Phong thứ tư (1254), tương đương với Tống Bảo Hựu năm thứ hai. Vậy thi, việc cầu tự cho Trần Thái Tông sinh ra Chiêu Văn, phải xảy ra trước 1254, chứ không thể vào những năm Chi Nguyên sau đó (tức từ 1264 trở về sau) được.
- (2) Mỗi kỷ là 12 năm.
- (3) Nguyên bản chữ Hán là «học phả minh hiền», nghĩa là «học khá rõ ràng». Chúng tôi đoán chừng «học» ở đây, đúng ra phải là chữ «tự» 字, nghĩa là chữ rất rõ ràng, rất hợp với văn cảnh, vậy nay định chính lại.
- (4) Tức Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật 陳日燭, con thứ sáu của Trần Thái Tông.
- (5) Nguyên bản chữ Hán, sau chữ «bái chương» (đọc sớ) có lẽ sót chữ «tất畢», nghĩa là «xong». Như vậy, câu văn mới rõ nghĩa, khỏi nhầm lẫn với ý «đứng dậy nói» tiếp sau đó.
- (6) Theo ĐVSKTT, thì Trần Nhật Duật thọ 77 tuổi, không phải chỉ 5 kỷ (60 tuổi).

請祈禱。道士曰：「主自有福力，臣保萬一無憂。明日發行勿生疑慮！」夜半風止。詰旦行至海外，遠望風浪如山，舟師所向寧靜。時復見此道士水上步行，或前或後，宛然明白，但人不可近企。

師還至神投山，道士迎見。王喜謝慰勞。道士曰：「臣知王福重，故無憂，此神祐王余，非臣也」。問之鄉人，曰：「道士自此採藥久不在庵」。王大異之。封為壓浪真人。賞賜金帛皆不受。後入山去，不知所之。

真人姓羅，忘名，人皆以壓浪呼之。弱冠棄妻子入道。其後裔有羅修者，舉進士，仕陳藝王，官至審刑院使而卒。余所親識也。

PHIÊN ÂM :

ÁP LĂNG CHÂN NHÂN

Tống Nhân Tông thời, An Nam Lý vương thân suất chu sứ phạt Chiêm Thành. Chi Thần Đầu hải khầu phong lăng liên nhật bắt đắc hàng hải. Văn cận sơn hữu đạo sĩ độc cư am trung, nãi triệu thỉnh kỳ đảo. Đạo sĩ viết : «Vương tự hữu phúc lực, thần bảo vạn nhất vô ưu. Minh nhật phát hành vật sinh nghi lị b». Dạ bán phong chỉ. Cát đán hành chí hải ngoại, viễn vọng phong lăng như sơn, chu sứ sở hương ninh tĩnh. Thời phục kiến thủ đạo sĩ thủy thượng bộ hành, hoặc tiền hoặc hậu, uyền nhiên minh bạch, dãnh nhân bắt khả cận nhĩ.

Sư hoàn chí Thần Đầu sơn, đạo sĩ nghênh kiến. Vương hỉ tạ úy lao. Đạo sĩ viết : «Thần tri vương phúc trọng, cố vô ưu, thủ thần hựu vương nhĩ, phi thần dã». Văn chí hương nhân, viết : «Đạo sĩ tự thủ thái được cửu bất tại am». Vương đại dị chi, phong vi «Áp lăng chân nhân». Thưởng tú kim bạch giai bất thụ. Hậu nhập sơn khứ, bắt tri sở chi.

Chân nhân tinh La, vong danh, nhân giai dĩ «Áp lăng» hô chi. Nhược quan khi thê tử nhập đạo. Kỳ hậu duệ hữu La Tu giả, cử Tiến sĩ, sĩ Trần Nghệ Vượng, quan chí Thẩm hình viện sứ nhi tốt. Dư sở thân thức dã.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN ÁP LĂNG (1)

Đời Tống Nhân Tông (2), vua nhà Lý nước An Nam tự mang quân, thuyền đi đánh Chiêm Thành (3). Khi tới cửa biển Thần Đầu (4), sóng gió nổi lên hết

ngày này sang ngày khác, không thể vượt biển được. Vua nghe ở núi gần đây có người đạo sĩ, một mình sống trong am, bèn cho vời đến để khấn cầu. Đạo sĩ nói : «Vua tự có phúc lực, thần cam đoan muôn một không có gì đáng lo. Ngày mai cứ việc lên đường chờ sinh lòng nghỉ ngại ». Nửa đêm trời dừng gió. Sáng sớm khi ra tới ngoài biển, nhìn xa thấy sóng gió cao như núi, nhưng đoàn thuyền đến đâu thì sóng gió yên lặng đến đó. Bấy giờ lại thấy vị đạo sĩ đang bước đi trên mặt nước, lúc ở đằng trước, lúc ở đằng sau, trông rất rõ ràng, duy người không thể đến gần được thôi.

Ngày quân trở về tới núi Thần Đầu, đạo sĩ ra nghênh tiếp. Vua mừng và ủy lao. Đạo sĩ nói : «Thần biết vua phúc trọng, không có gì đáng lo, ấy là nhờ thần linh giúp đỡ, chứ không phải hạ thần này». Hỏi người trong h้อง, đều nói : «Đạo sĩ từ đạo ấy đi hái thuốc lâu nay không thấy ở am». Vua càng lấy làm lạ, phong cho hiệu « Chân nhân đè sóng ». Ban thưởng nhiều vàng lụa, nhưng đều không nhận. Sau đó vào núi, rồi không biết đi đâu.

Chân nhân họ La, không rõ tên, người ta đều dùng hiệu « Áp lăng chân nhân » để gọi. Từ thuở tuổi xanh đã bỏ vợ con để đi vào đạo. Trong số con cháu đời sau của chân nhân có La Tu thi đỗ Tiến sĩ, làm quan thời Trần Nghệ Vương đến chức Thẩm hình viện sứ, rồi mất. Người này chính tôi quen biết.

TUẤN NGHỊ

CHÚ THÍCH :

- (1) *Áp lăng* : đè lên sóng.
- (2) *Tống Nhân Tông* (1023—1063), thuộc Bắc Tống, Trung Quốc.
- (3) Đây nói về cuộc đánh Chiêm Thành năm Giáp thân (1044), niên hiệu Minh Đạo, của Lý Thái Tông (1028 — 1054).
- (4) *Cửa biển Thần Đầu* : chưa rõ ở đâu. Theo sử chép, thì trong cuộc viễn chinh này, quân nhà Lý từng đi qua các cửa biển như Đại Ác (sau đổi là Đại An), Trụ Nha, Tư Dung mà không thấy nói gì đến cửa biển Thần Đầu (xem ĐVS KTT ; Bản kỷ ; Quyền II ; Kỷ nhả Lý ; Bd. đã dẫn (in lần thứ 2) ; Tập I ; tr.222).

空尋喙空手；飯睡。移。。也疾，封明。咆明水曰，熟去。也復難風余僧。空僧躊躇。欲明滿手且冷餘遂，宿信以神。明年，手，。鹽水我聲首體已至乃錫曰怖後毛措飯住各與然風三，而。遂謚以。生無炊常人者不下行退洗也空王，作救忽僧以，四，開唯矣應着曰何不後出當，巫空食。船乃，泊子迷？知賚子虎汝徧道小莫五戒船覺，手，。者受焉聲！」身皆鍋煩十使，船經毛懾「非焉。王，躍我冠醫明有意上，寐灣世念行不賜世，？弱未。自厚晚起假下洗一空，。內耶幾廣來多我臨喚臥都以人能象去云門虎年王請人見。僧偃在水行而萬回寺隱作，。船手，之貧皆已煮修通見行其戲反子形乘水突奇，，船，：神不空名僧行世虎人：少皆出得其中曰何，乃路同汝氏漸，笑眾，待請呼入，師發也以其：李面術者。盡：懸出空故：疾通因房修生變遣曰皆人月不起宮對得時。空來笑國，有。不亦一使時乃王。非號

PHIÊN ÂM :

MINH KHÔNG THẦN ĐI

Giao Chỉ Giao Thủy hương hữu Không Lộ tự. Tích hữu tăng tục tinh Nguyễn, danh Minh Không, Tống Trị Bình gian xuất gia trú thủ tự, hữu đức hạnh, phả tri danh. Nhất nhật Minh Không tòng ngoại lai, kỳ đồng phòng tăng hi ân môn nội, được xuất tác hồ thanh dĩ bố Minh Không. Minh Không tiểu viết: « Nhữ tu hành phản tác hồ da? Ngã đương cứu nhữ! ». Hậu niên tăng một. Tầm Quốc vương Lý Thị sinh Thế tử, niên cõi nhược quan, hốt biến thân sinh mao, dũng dược bào hao, đầu diện tiệm biến hồ hinh. Vương quảng cầu y vu tăng đạo gai vô thô thủ. Văn Minh Không hữu pháp thuật, khiền nhân thừa thuyền thỉnh lai. Minh Không dĩ tiêu oa xuy phạt, dục tự thủy thủ. Sứ giả tiểu viết: « Thủy thủ nhân đa tự hữu thực, mạc phiền thường trú ». Minh Không viết: « Bất nhiên. Chúng gai thiều ngặt, kiến ngã hậu ý ». Từ ngũ thập nhân các thịnh mẫn uyên, phạt diệc bất tận, nhân gai kỳ chi. Lâm văn thượng thuyền, giới sứ giả dữ thủy thủ gai thực thụy nhất giác: « Đãi nguyệt xuất, bần tăng hoán khởi, nãi khai thuyền, bất nhiên ngã thả bất khứ ». Sứ giả khẩn thỉnh bất đắc, gai yền ngoa giả my, duy giác thuyền hạ phong thanh lãnh nhiên. Di thời nguyệt xuất, hô khởi, kỳ thuyền dĩ tai đỗ

hạ loan bạc hổ, kinh hành tam bách dư lý dã. Nãi đăng không nhập cung trung, chử thủy dĩ tẩy Thể tử, ứng thủ mao thoái, thể toại bình phục. Vương vấn cố, đối viết: « Tu hành nhân nhất niệm mê trước sám tẩy nhi dĩ, vô nan dã ». Viết: « sư đặc hà thần thông nhi năng không hành ? » : viết « Phi dã. Thần túc hữu phong tật, thử tật phát thời, bất kiến vạn trọng, bất tri hổ giả vi không, nãi tín bộ nhĩ ; phi thần thông dã ». Nãi không hành hồi khứ. Tứ lại bắt thụ. Vương toại tích dĩ « Thần tăng » phong hiệu, nhân dĩ Không Lộ danh kỳ tự vẫn. Thể tử hậu vi vương, thụy viết Thần Vương.

DỊCH NGHĨA :

PHÉP THẦN DỊ CỦA MINH KHÔNG

Ở hương Giao Thủy (1) nước Giao Chỉ có chùa Không Lộ. Ngày xưa có một vị sư họ tục là Nguyễn, tên là Minh Không, khoảng năm Trị Bình đời Tống (2) xuất gia đến ở chùa này, có đức hạnh và rất nổi tiếng (3). Một hôm Minh Không từ ngoài về, có nhà sư cùng phòng chùa nấp trong cửa, nhảy ra làm tiếng hô kêu dè dọa Minh Không. Minh Không cười nói: « Anh đã đi tu, lại còn muốn làm hô ư ? Ta phải cứu anh mới được ! ». Năm sau, nhà sư kia chết. Tiếp đó, Quốc vương họ Lý sinh Thể tử (4), tuổi chừng hai mươi thì bỗng nhiên khắp mình mọc lông, nhảy nhót gầm thét, đầu và mặt dần dần biến thành hình hổ. Nhà vua cầu y, vu (5), tăng, đạo khắp nơi, nhưng đều chịu bó tay. Nghe Minh Không có phép thuật, sai người đi thuyền đến mời về. Minh Không lấy một chiếc niêu nhỏ nấu cơm, định cho thủy thủ ăn. Sứ giả cười nói: « Thủy thủ người đồng, tự họ đã có cái ăn, không phiền tôi thường trú (6) ». Minh Không nói: « Không phải như vậy đâu. Mọi người cứ ăn một ít đi rồi sẽ thấy hậu ý của ta ». Bốn năm mươi người mỗi người xới một bát đầy, cơm vẫn không hết, ai cũng lấy làm lạ. Đến tối, khi lên thuyền; nhà sư dặn sứ giả và các thủy thủ đều nén kỹ một giắc: « Đợi lúc trăng mọc, bần tăng (7) gọi dậy hãy mở thuyền, nếu không, ta chẳng đi nữa đâu ». Sứ giả nài xin không được, mọi người đành nằm sắp giả cách ngủ, duy cảm thấy bên dưới thuyền có tiếng gió lạnh. Phút chốc trăng lên, gọi dậy, thì thuyền đã cập bến ở đô thành, vượt hơn ba trăm dặm. Nhà sư bèn nhảy lên khoảng không mà vào trong cung, nấu nước để rửa cho Thể tử, tay cợ đến đâu lông hết đến đấy, thân thể liền bình phục. Vua hỏi nguyên do, đáp rằng: « Kẻ tu hành hễ mắc niệm mê thì sám hối mà rửa đi thôi, không khó khăn gì cả ». Hỏi: « Sư biết phép thần thông gì mà có thể đi trên không được ? » Đáp: « Không phải vậy. Thần vốn có phong tật, bệnh này khi phát thì chẳng thấy muôn cảnh tượng, chẳng biết đau là không, bèn cứ thế mà bước thôi ; không phải thần thông gì hết ». Rồi đi trên không mà về. Ban thưởng các thứ đều không nhận. Vua phong cho hiệu « Thần tăng », và nhân đó, lấy hai chữ « Không Lộ » để đặt tên chùa của sư. Thể tử về sau lên làm vua, thụy là Thần Vương (8).

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hương Giao Thủy* : nay là huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Hà.
 - (2) *Năm Trị Bình đời Tống* : Trị Bình là niên hiệu của Tống Anh Tông 宋英宗 (Bắc Tống). Năm Trị Bình đời Tống, tức vào khoảng 1064 đến 1067, tương ứng với niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh (1059—1065) và Long Chương Thiên Tự (1066—1067) đời vua Lý Thành Tông 李聖宗 ở nước ta.
 - (3) Theo sử chép, Minh Không vốn tên là Nguyễn Chí Thành, người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc Hà Nam Ninh) (Xem ĐVSKTT; *Bản kỷ*; *Quyền II*; Kỷ nhà Lý; Bd. đã dẫn (in lần thứ 2), các tr.271,277). Tu ở chùa Giao Thủy, tức chùa Keo tỉnh Thái Bình ngày nay.
 - (4) *Thế tử* : đây chỉ Dương Hoán 楊煥, là cháu của Lý Thành Tông 李聖宗, và con của Sùng Hiền hầu 崇質侯 về sau lên ngôi là Lý Thần Tông 李神宗 (1128—1138).
 - (5) *Vụ* : kẻ đồng bóng.
 - (6) *Thường trú* : tiếng để gọi những nhà sư thường ở lại chùa, không đi vân du các nơi, đây chỉ Minh Không.
 - (7) *Bàn tảng* : tức Minh Không. Tiếng khiêm xưng.
 - (8) *Tức Lý Thần Tông*. Xem lại chú thích (4).

401

入夢療病

餘痛。復夢將歷，後十疼。平然盡遍亦者。數夜誣自宛，脚訶命者融，日焉數，厚行將請犯圓效。其止請賜自，郊無解不，便人賞。者夢，慧藥來痛命，意害見民，醫何眼。師經民形生白，自，者國不焉見護，清餘僧鑿山焉若神有保行月問夢東封，邪多使戒眼王。在，山祀神，患，眼園之還淫大食園王眼王灌異衲有烈血灌英摩救有大破允猛損名陳手來果王，於減僧適以，，。錢落至，。寺。僧也徒也一聚。戒之山山一園僧僧留縣壇授德東下見灌于見不州廟之猶不夢我訪所施川其焉人年。中散山伐則世

PHIÊN ÂM :

NHẬP MỘNG LIỆU BỆNH

Đông Sơn tự tัng danh Quán Viên, giới hạnh thanh bạch, tuệ giải vien dung, sở thập dư niên bất hạ sơn. Thích Trần Anh Vương hoạn nhẫn nguyệt dư, y được bất hiệu, nhật dạ đồng thống. Mộng kiến nhất tăng dĩ thủ ma nhẫn. Vương vẫn tăng tự hà lai, kỳ danh vi thùy. Viết : « Ngã Quán Viên dã, lai cùu vương nhẫn ». Mộng giác, nhẫn thống tiễn chỉ, sở nhật bình phục. Phong vu tăng đồ, quả hữu Quán Viên tại Đông Sơn già. Mệnh nhân thỉnh lai, uyền nhiên mộng trung sở kiến tăng dã. Vương đại dị chi, phong vi Quốc sư, thường từ thậm hậu, tận tương tán thi bất lưu nhất tiền, phá nạp hoàn sơn, nhược bất kinh ý. Tự hậu hành cước biến lịch sơn xuyên châu huyện tụ lạc, phẩm hữu dâm tự tà thần di dân hại già, tận tương ha xích, phạt kỳ miếu đàn. Chi ư mãnh liệt đại thần đa hữu hiện hình kiến mộng giao nghênh thỉnh mệnh giả, tắc vị chí thụ giới, giảm tồn huyết thực, sử bảo hộ sinh dân, vô cảm phạm giả. Hậu thể nhân do đức chi.

DỊCH NGHĨA :

CHỮA BỆNH CHIÊM BAO

Vị sư ở chùa Đông Sơn ⁽¹⁾ tên là Quán Viên, giới hạnh thanh bạch, mắt tuệ vẹn nhuần ⁽²⁾, mấy chục năm dư không xuống núi. Gặp khi Trần Anh Vương ⁽³⁾ đau mắt đã hơn một tháng, chưa thuốc không hiệu quả, ngày đêm chói nhức. Bỗng nằm mộng thấy một vị sư lấy tay xoa vào mắt. Vua hỏi sư từ đâu tới, tên là gì. Đáp : « Tôi là Quán Viên, đến cứu mắt vua ». Tỉnh mộng, mắt liền hết đau, qua vài ngày thì khỏi hẳn. Dò hỏi trong giới nhà sư, quả nhiên có người tên là Quán Viên ở chùa Đông Sơn. Sai người mời đến, y hệt vị sư đã thấy trong mộng. Vua rất lấy làm lạ, phong cho làm Quốc sư, ban thưởng rất hậu, sư đều đem phân phát hết không để lại một đồng nào, cứ mặc áo tràng vá ⁽⁴⁾ mà về núi, giường như chẳng quan tâm. Từ đấy về sau, sư đi vân du khắp các nơi sơn xuyên, châu huyện, làng mạc, hễ ở đâu có miếu thờ thần không chính đáng, làm hại dân, đều bị sư quở trách đuổi đi hết, chặt phá cả miếu đàn. Còn như đối với những vị thần lớn thiêng và dữ, phần nhiều hiền hiện hay báo mộng ra đón từ ngoài để cầu xin, thì sư thụ giới ⁽⁵⁾ cho, giảm bớt cúng tế và bắt phải bảo vệ dân, không một ai dám xúc phạm. Người đời sau vẫn còn nhớ ơn nhà sư.

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) Chùa Đông Sơn : trên núi Đông Sơn, ở về phía tây bắc thị xã Thanh Hóa ngày nay.
- (2) Mắt tuệ vẹn nhuần (tuệ giải vien dung) : có « tuệ nhẫn » để lý giải đạo Phật một cách toàn diện (viên là tròn) và thống nhất được mọi mâu thuẫn (dung là tiêu tan trong nước).

- (3) Chỉ Trần Anh Tông (1293 — 1314).
 (4) Nguyên văn chữ Hán là «nạp», tức một loại áo tràng mà các nhà sư hay mặc.
 (5) *Thu giới* : dạy cho về giới luật nhà Phật.

402

尼師德行

清，宗。施□乃甚，忍其不居定徒師驅日，利後不異莫庵禪尼大幻狼夏舍去議皆，碧國通此虎一有吾眾取洗家常一慧以，經毗；，，一出，爲號欲日定荼子時上之女暢蔚賜吾七入。弟骨桌與祿解仰藝曰食閑十嘗至函磨世慧敬陳徒絕。八，在子交勤莫間謂坐還，先疾肘，此趾，不，其，庵年是病骨弟。氏律僧洪日山懇坐焉洗忽來至，精俗武忽兀請化。人得禱如俗行，齊山乃。而于此經人弘尼服羅大望飽敢，建，封凡誓師苦漢德東。近因塔留。有願清涼毀似諸居一莫法焉骨函後其山貌，老虎踞眾。分乃驗愈涼面師既與環集多當，靈應

PHIÊN ÂM :

NỊ SƯ ĐỨC HẠNH

Thanh Lương ni sư tục tinh Phạm Thị, Giao Chỉ thế lộc gia nữ xuất gia, am cư Thanh Lương sơn. Hủy phục khổ hạnh, giới luật tinh cần, tuệ giải thông sướng, thường tập thuyền định, diện mạo khốc tự La Hán, viễn cận tăng túc mạc bất kinh ngưỡng, uất vi nhất quốc ni đồ tông sư, dữ chư đại đức tề danh. Hồng Vũ gian, Trần Nghệ Vương tứ hiệu Tuệ Thông đại sư. Ký lão di cư vọng Đông Sơn. Nhất nhật hốt vị kỳ đồ viết : « Ngõ dục dĩ thủ huyền khu thi dữ hồ lang nhất bão ». Nãi nhập thâm sơn ngọt tọa, tuyệt thực tam thất nhật, hồ lang nhật (?) hoàn cư, mạc cảm cận. Kỳ đồ khẩn thỉnh hoàn am. Bế môn nhập định kinh nhất hạ, nãi tập chứng thuyết pháp, nhân nhi yêm nhiên tọa hóa, niên bất thập dư. Đồ ti hữu xà lì thâm da. Quan vi kiến tháp vu bản sơn yên. Tiên thi,

thường chúc đệ tử : « Ngô khứ hậu, đương phân ngô cốt, lưu thủ gian ma tầy nhân tật bệnh ». Chỉ thu cốt thời, chúng nghị bất nhẫn, nãi tận hàm phong. Kinh túc, hốt đắc châu cốt tại hàm ngoại trác thượng, chúng giai dị kỳ linh nghiệm. Hậu phàm hữu nhân dĩ bệnh lai đảo, đệ tử ma thủy dữ chi nhất tẩy, nạc bất ứng dũ. Kỳ thệ nguyện hoảng thảm nãi chí như thử.

DỊCH NGHĨA :

ĐẠO ĐỨC VÀ PHẨM HẠNH CỦA MỘT VI SƯ NỮ

Vị sư nữ chùa Thanh Lương ⁽¹⁾ họ tục Phạm Thị, là con gái của một gia đình đời đời làm quan ăn lộc ở nước Giao Chỉ, xuất gia đi tu ở am núi Thanh Lương. Sư ra thân ⁽²⁾ khồ hạnh, trì giới chuyên cần, mắt tuệ thông suốt, thường ngồi thiền định ⁽³⁾, mũi giồng hệt như La Hán ⁽⁴⁾, kẻ đời người đạo xa gần không ai là không kinh mộ, lừng lẫy trở thành vị tông sư của ni đồ ⁽⁵⁾ trong một nước, tên tuổi ngang hàng với các bậc cao tăng. Khoảng năm Hồng Vũ ⁽⁶⁾, được Trần Nghệ Vương ⁽⁷⁾ ban hiệu « Tuệ Thông đại sư ». Lúc đã già, sư rời về ở Đông Sơn ⁽⁸⁾. Một hôm, sư bỗng bảo với đệ tử rằng : « Ta muốn đem tấm thân hư ảo này thi cho hồ lang một bữa no ». Bèn vào ngồi xếp bằng giữa núi sâu, không ăn uống hai mươi một hôm, hồ lang ngày ngày tới ⁽⁹⁾ ngồi chung quanh nhưng không dám đến gần. Đò đệ cố mời sư trở về am. Sư đóng cửa nhập định ⁽¹⁰⁾ qua một mùa hè, rồi bèn tập họp đám đệ tử lại để giảng đạo, bỗng nhiên ngồi mà hóa ⁽¹¹⁾, tuổi ngoài tám mươi. Lúc hóa tang có rất nhiều xá ly ⁽¹²⁾. Quan sở tại đã xây tháp cho sư ngay trên núi ấy. Trước đó, sư từng dặn các đệ tử : « Sau khi ta đi, nên chia bớt xương ta lại đây để mài rửa tật bệnh cho người đời. Đến lúc nhặt xương, mọi người bàn thấy không nỡ, bèn cho hết vào hộp phong lại. Qua một đêm, bỗng được một chiếc xương cùi tay trên bàn, bên ngoài hộp, mọi người đều ngạc nhiên về sự linh nghiệm của sư. Về sau, phàm có người mắc bệnh đến khấn cầu, đệ tử đem mài với nước cho rửa, không ai là không khỏi bệnh ngay. Sự thề nguyện của sư lớn sâu như thế đấy.

TUẤN NGHĨ

CHÚ THÍCH :

- (1) *Chùa Thanh Lương* : theo trong bài thi chùa Thanh Lương tại núi Thanh Lương, nhưng núi này ở đâu thì chưa rõ.
- (2) *Ra thân* : nguyên văn chữ Hán là « hủy phục », ý nói bỏ quần áo để tạ tội. Ở đây dịch thoát là « ra thân ».
- (3) *Thiền định* : ngồi yên lặng, chuyên tâm vào một chỗ, suy ngẫm lẽ nhiệm mầu.
- (4) *La Hán* : cũng tức là Arhat, tên một nhà sư đi xin ăn (tỉ khưu) đắc đạo. Địa vị dưới phật Bồ Tát (Bodhisatha).
- (5) *Ni đồ* : đám sư nữ.

- (6) *Hồng Vũ* : niên hiệu của Minh Thái Tổ 明太祖 (1368 - 1398), tên thực là Chu Nguyên Chương 朱元章.
- (7) Chỉ Trần Nghệ Tông.
- (8) *Đông Sơn* : Xem lại chú thích số 1 trang 711.
- (9) Chỗ này trong nguyên bản mất một chữ, tạm thay bằng chữ «tôi».
- (10) *Nhập định* : ngồi yên mà tưởng niệm.
- (11) Chết.
- (12) *Xá ly* : chỉ những mảnh xương còn lại sau khi hỏa táng.

403

感激徒行

陳太王之孫名道載，號文肅者，是仁王之弟也。自少有才名。十四歲乞入試場，遂登甲科。仁相及第，深為羣士所服。文肅及第後，未幾即辭官歸山。仁王聞之，甚為不平。一日，仁王至山中，見文肅正在山間修道。仁王問其所以如此，文肅答曰：「吾生於帝王之家，縱不能隨從，何忍乘卓厨以侮食哉？」仁王聽了，大為感動，賜以金帛，令其還京。文肅不受，只收下金帛，並寫了一首詩，題為《感激徒行》。

紅	潤	剝	腳
黃	香	灸	踝
山	僧	持	淨
同	坐	不	同

觀其君臣兄弟相得如此，足感激也。

PHIÊN ÂM :

CẨM KHÍCH ĐỒ HÀNH

Trần Thái Vương chi tôn danh Đạo Tái, hiệu Văn Túc giả, thi Nhân Vương chi đồ đệ dã. Tự thiếu hữu tài danh. Thập tứ tuế khát nhập thi trường, toại đăng giáp khoa. Nhân Vương thâm khí trọng chí, hữu ý đại dụng, bất hạnh đoản

mệnh nhi vong, cố vị cập vi tướng dã. Nhàn Vương xuất gia tu khổ hạnh. Văn Túc tự thử đồ hành, viết: «Chi thương hành cước biến sơn xuyên, ngã tung bát năng tùy tòng, hà nhẫn thừa tráe yên hò?» tốt thế bất địch. Nhàn Vương nhất thời nhập thành, Văn Túc lai yết. Mệnh cung trù dĩ hải vị tự chí, tiểu ngũ tận hoan. Vương chiêm khâu viết:

*Hồng nhuận bắc quy cước,
Hoàng hương chà mă an.
Sơn tăng trì tĩnh giới,
Đồng tọa, bất đồng xan.*

Quan kỳ quan thần huynh đệ tương đắc như thủ, túc cảm khích dã.

DỊCH NGHĨA :

VÌ CẢM ĐỘNG MÀ ĐI BỘ

Cháu của Trần Thái Vương (1) tên Đạo Tái, hiệu Văn Túc, là đồ đệ của Nhàn Vương (2). Từ nhỏ có tài danh, mười bốn tuổi xin vào trường thi, liền đỗ giáp khoa (3). Nhàn Vương rất mực quý trọng, có ý đưa làm quan to, không may chết sớm, nên chưa kịp làm chức Tể tướng. Nhàn Vương xuất gia tu hành khắc khổ. Văn Túc từ đấy, đi bộ và nói: «Đăng Chi thương (4) đi chân không khắp núi sông, ta đã không thể đi theo, còn có lòng nào mà lên xe (5) xuống ngựa?». Suốt đời không đổi. Một hôm Nhàn Vương về thành, Văn Túc đến chào. Vua bảo cung trù (6) dọn những thứ hải vị cho ăn, cười nói hết sức vui vẻ. Vua ứng khâu rằng:

*Quy cước (7) bóc đồ thăm,
Mă an (8) nước vàng thơm.
Sơn tăng gin trai giới,
Cùng ngồi, chẳng cùng ăn.*

Xem vua tôi anh em tương đắc như vậy, thật đáng cảm động (9).

TUẤN NGHĨ

CHÚ THÍCH :

(1) Chỉ Trần Thái Tông.

(2) Chỉ Trần Nhân Tông. Đạo Tái là con của Trần Quang Khải; đứng vào hàng con chủ con bác với Trần Nhân Tông (về ngôi thứ, Đạo Tái gọi Nhân Tông bằng anh).

- (3) *Giáp khoa*: khoa mục cao nhất, khó nhất trong kỳ thi.

(4) *Chỉ thương*: đây chỉ nhà vua.

(5) *Xe*: nguyên văn chữ Hán là «trác» (cái bàn), rõ ràng là viết sai. Theo mạch văn, phải là «xe» (cái xe).

(6) *Cung trù*: nhà bếp trong cung đình.

(7) *Quy cước*: một giống trai ở biển, dùng làm món ăn.

(8) *Mã an*: cũng dùng làm món ăn, nhưng chưa rõ là loại gì.

(9) Theo ĐVSHTT, thì bốn câu thơ trên là làm vào lúc Thượng hoàng Trần Nhân Tông sắp sửa xuất gia (chữ không phải sau khi xuất gia). Chữ thứ hai câu thơ đầu chép là 浅 thấp (chữ không phải là 浅 nhuần) (Xem ĐVSHTT; Bản-kỷ; Quyển VI; Kỷ nhà Trần; Bd. dã dẵn; Tập II (xb. lần thứ II); tr. 80)

404

疊字詩格

陳家第二代王曰聖王既傳位世子，晚年頗閒。適嘗遊天長故鄉，有詩云：

幽洲舌頭事，秋淨遼
清一百千無有已年
亦此龠橘人天塵舊
物洲歌僕照涵清勝
幽仙笙奴事秋已遊
清十部行無有晦年
景一百千月水四今

樂者，人中於老風後，非君之響，國伐振貴，征字富度疊然，兩軍高，天元清高，經意清益命性，此詩如此。况其自時，故焉別結能矣。

PHIÊN ÂM :

ĐIỆP TỰ THI CÁCH

Trần gia đệ nhị đại vương viết Thánh Vương ký truyền vị Thế tử, vẫn niêm phả nhàn. Thích thường du Thiên Trường cổ hương, hữu thi văn :

*Cánh thanh u vật diệc thanh u,
Nhất thập tiên châu thủ nhất châu.
Bách bộ sênh ca cầm bách thiệt,
Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu.
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
Tử hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh,
Kim niên du thăng cựu niên du.*

Thứ thi tác thời, cái kinh Nguyên quán lưỡng độ chinh phạt chi hậu, quốc trung an lạc, cố kết ý như thử. Kỳ mệnh ý thanh cao, diệp tự chấn hưởng, phi lão ư thi giả, yên năng đạo thử. Huống tự tinh thanh cao, thiên nhiên phú quý, quốc quân phong vị dữ nhân tự biệt hỉ.

DỊCH NGHĨA :

KIỀU LÀM THƠ LẶP CHỮ

Đời vua thứ hai của nhà Trần là Thánh Vương ⁽¹⁾ khi đã truyền ngôi cho ngôi Thế tử ⁽²⁾ xong, những năm cuối đời rất nhàn hạ. Gặp dịp về thăm quê cũ ở Thiên Trường ⁽³⁾, có làm bài thơ rằng :

*Cánh thanh u, vật cũng thanh u,
Một chục tiên châu, đây một châu.
Trăm bộ sênh ca, chim trăm giọng,
Nghìn hàng tôi tớ, quất nghìn cây.
Trăng vô sự chiếu người vô sự,
Nước đượm thu lồng trời đượm thu.
Bốn biển đã trong, bụi đã sạch,
Cuộc đi chơi năm nay hơn cuộc đi chơi năm xưa.*

Bài thơ này làm ra, chắc là sau khi trải qua hai lần chinh chiến với quân Nguyên, trong nước yên vui, cho nên ý câu kết mới như vậy. Bài thơ câu từ thanh cao, những chữ láy gảy nhiều âm hưởng, không phải người già dặn về thơ, làm sao có thể đặt được như thế. Huống hồ bản tinh-thanh cao, vốn giọng phú quý, phong vị của quốc quân với người thường vẫn là khác nhau.

CHÚ THÍCH :

- (1) Chỉ Trần Thành Tông.
- (2) Chỉ Trần Nhân Tông.
- (3) Thiên Trường : quê hương nhà Trần.

405

詩意清新

竹林大士詠梅詩云：

蘋，浮，面，頭，醒，愁，處，休。
 摲鱗前上蝶禽住，麼
 金海枝春瘦渴花只
 蘭影白香凝水識寒
 圓況冬瓣欲如若，蟾
 出瑚三一露光娥冷
 五珊箇此甘夜姐桂

其清新雄健迥出人表。千乘之君趣興如此，誰謂人窮詩乃工乎？又山房漫興二絕句云：

脫，仙，老，禪，落，寒，寂，殘。
 解神應榻花雨寂春
 求覓人一朝夜山又
 將必倦莊逐隨晴鳥
 更何馬雲念心雨啼
 縛允閑舊非利盡聲
 誰不猿依是名花一

其瀟灑出塵，長空一色，騷情清楚，逸足超群。
有大香海印集頗多絕唱，惜其地遭兵火，不得流傳，
余只記誦一二而已。吁可惜哉！

PHIÊN ÂM :

THI Ý THANH TÂN

Trúc Lâm đại sĩ Vịnh mai thi vần :

Ngũ xuất viễn ba kim niến tu,
San hô trầm ảnh hải lân phù.
Cá tam đồng bạch chi tiền diện,
Thử nhất biện hương xuân thượng đầu.
Cam lộ dục ngừng si đệp tĩnh,
Đá quang như thủy khát cầm sầu.
Hồng Nga như rực hoa giải xú,
Quế lanh thiềm hàm chỉ ma hưu.

Kỳ thanh tân hùng kiện quýnh xuất nhân biếu. Thiên thặng chi quân thù
hưng như thử, thùy vị nhân cùng thi nãi công hồ? Hữu Sơn phòng mạn hưng
nhi tuyệt cú ván :

Thùy phuoc cánh tương cầu giải thoát,
Bất phẩm hà tất mịch thần tiên.
Viên nhản mã quyền nhân ưng lão,
Y cựu ván trang nhất tháp thiền.

Thị phi niệm trực triều hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch,
Nhất thanh đè điêu hưu xuân tàn.

Kỳ tiêu sái xuất trần, trường không nhất sắc, tao tình thanh sở, dật túc
siêu quần. Hữu Đại hương hải ấn tập phả đa tuyệt xướng, tích kỳ địa tao binh
hỏa, bất đặc lưu truyền, dù chỉ ký tụng nhất nhị nhi dĩ. Hu khả tích tai!

DỊCH NGHĨA :

Ý THƠ TƯƠI MỚI

Trúc Lâm đại sĩ (1) có Thơ Vịnh mai rằng :

Năm cánh tròn xòe ra vuốt chòm râu vàng,
Bóng san hô chìm, vẩy cá bể nổi.

Ba tháng mùa đông, trăng muốt phía trước cảnh,
Một cánh hoa thơm ngát buổi đầu xuân.
Hai cam lợ sấp ngung, chiếc bướm si choàng tỉnh,
Ánh trăng đêm như nước, con chim khát chanh sầu.
À Hằng Nga (2), ví biết cái đẹp của hoa.
Thì cũng đến bỏ vầng thiềm trong xanh (3) bóng quê (4) mát rợp.

Cái tươi mới, chắc khỏe ở đây vượt xa khuôn khổ người thường. Vì quốc quân nghìn xe (5) mà hứng cảm như vậy, ai bảo là người ta khi cùng khổ thì thơ mới hay (6)? Lại có hai bài tuyệt cú Sơn phòng mạn hứng, rằng:

Nào ai trói buộc, việc gì phải tìm giải thoát,
Đã là người bất phàm, thì việc gì còn phải đi tìm thần tiên.
Vượn nhàn, ngựa nhọc, thì người phải già (7),
Vẫn một giường thiền chốn am mây.

* * *

(Chuyện thị phi rơi dần cùng hoa buổi sáng,
Lòng danh lợi lạnh ngắt với giọt mưa đêm.
Hoa tàn, mưa lạnh, núi non tịch mịch,
Một tiếng chim kêu, lại một mùa xuân sắp hết.

Ở đây có cái trong trẻo tuyệt vời, một màu bát ngát, tình thơ thanh thoát, ý thủ siêu quần. Có tập Đại hương hải ấn gồm rất nhiều bài thơ hay, đáng tiếc ở nước ấy gặp cơn binh lửa, không được lưu truyền, tôi chỉ nhớ đọc được một đôi bài mà thôi. Ôi, đáng tiếc thay!

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) Trúc Lâm đại sĩ : chỉ Trần Nhân Tông 陳仁宗 . Làm vua được 14 năm (1279 - 1293) thì nhường ngôi cho con là Anh Tông 英宗 sau đó đi tu ở núi Yên Tử, đạo hiệu là «Trúc Lâm đầu đà», tự hiệu là «Trúc Lâm đại sĩ», là người khai sáng ra phái Trúc Lâm trong đạo Phật Việt Nam.
- (2) Hằng Nga : tượng truyền Hậu Nghệ 后羿 xin được thuốc trường sinh ở Tây Vương mẫu 西王母 , Hằng Nga lấy cắp rồi chạy lên trăng.
- (3) Thiềm : tượng truyền trong trăng có con thiềm thư (tức con cóc), cho nên gọi mặt trăng là «thiềm» hay «cung thiềm».
- (4) Quế : tượng truyền trong trăng có cây quế, nên cũng gọi mặt trăng là «cung quế» hay «vùng quế».

- (5) Nghìn xe : (thiên thặng) : nghìn cỗ binh xa. Theo chế độ nhà Chu, thiên tử có một vạn cỗ binh xa, chư hầu có một nghìn cỗ binh xa.

(6) Câu Dương Tu nói : «Không phải thơ làm cho người ta cung khò, nhưng có lẽ người ta gấp phải vận cung thi thơ mới hay».

(7) Theo quan niệm của đạo Phật «Tâm viễn, ý mă» (con vượn trong tâm, con ngựa ý thức) là biểu tượng cái «ngã chấp», cái «vọng niệm», nó phá phách trong con người. Người ta suốt đời phải đấu tranh với con vượn ấy, con ngựa ấy, cho nên khi chúng mỏi mệt thì người ta cũng đã già rồi.

406

卷之二

有置被疏王進
執議率諫。宰，
上上已惧，
與劾時連不慚
且彈。邁爭甚
，官刑。力王
疑百慎眾前，
嫌率獄甚之人
避相緩戮怒姦
不國請殺威其
，。固獄主坐
柄宰，下人，
國上丞僕，跡云
專構中奴屈寶詩
宰告御親析誣賜
上變爲屬辯得乃
爲上邁僚，後。
父人范丘司。隆
叔仇獨家法死掘
王適，而折幽父
隙大收，叔贈

聲輕氣名無匪虎功
噤事鷹是矣綱藏此久朝昂到臺頓上兒烏整殿男

尋遷參知政事。在政府多年有聲名。一日微恙，索筆題詩云：

自從落下一人間，
 六十餘年一瞬看。
 自王樓前秋夜月，
 朝真依舊傍闌干。

書畢，擲筆而逝。有鏡溪詩集行于世。

遇亦廉正，能文，與弟齊名。官至審刑院使而卒。

PHIÊN ÂM:

TRUNG TRỰC THIỆN CHUNG

Phạm Ngộ, Phạm Mai bản tính Chúc Thị, Giao Chỉ Ly Nhân nhân dã. Huynh danh Kiên, đệ danh Cố, giai thiến niên đăng cao khoa, hữu tài danh. Chỉ Chính gian, sĩ Trần Minh Vương, lịch quan thanh yếu. Vương dĩ Chúc Thị cõ vô hiền nhân, nãi cải Chúc Kiên vi Phạm Ngộ, Cố vi Phạm Mai.

Vương thúc phụ vì Thượng tề, chuyên quốc binh, bất tì hiềm nghi, thả dữ Tề chấp hữu khích. Thích cửu nhân thượng biến cáo vu cấu Thượng tề. Truong Quốc tướng suất bách quan đòn hặc, nghị tri đại tịch, độc Phạm Mai vi Ngự sứ trung thừa, cố thỉnh hoãn ngực thận hình. Thời Thượng tề bị thu, nhi gia thần liêu, thuộc thân thích nô bộc hạ ngực sát lục thậm chung. Mai liên thường gián sở diện chiết pháp tư, biện tích oan khuất, nhân chúa uy nộ chi tiền lực tranh bất dĩ. Vương thúc ký u tú. Hậu đặc vu cấu thực tích, tọa kỳ gian nhân, vương thậm tam cù, truy tặng thúc phụ cực long. Nãi tử Mai thi văn:

Ô dài cửu hỉ cầm vô thanh,
 Chính đốn triều cương sự phỉ khinh.
 Điện thượng ngang tàng ưng hổ khí,
 Nam nhi đáo thử thi công danh.

Tâm thiên Tham tri chính sự. Tại chính phủ đa niên hữu thanh danh. Nhất nhật vi dạng, sách bút đề thi văn :

Tự tòng trich lạc hạ nhân gian,
 Lực thập dư niên nhất thuấn khan.
 Bạch ngọc lâu tiền thu dạ nguyệt,
 Triều chán y cựu bang lan can.

Thư tất, trich bút nhi thê. Hữu Kinh Khê thi tập hành vu thế.

Ngô diệc liêm chính, nǎng văn, dữ đệ tè danh. Quan chí Thầm hình viện sứ nhi tốt.

DỊCH NGHĨA :

SỐNG NGAY THẮNG, CHẾT YÊN LÀNH

Phạm Ngộ, Phạm Mại nguyên họ Chúc, người ở Ly Nhân (1), nước Giao Chỉ. Anh tên Kiên, em tên Cố (2), đều đậu cao khi còn ít tuổi, lừng lẫy tài danh. Khoảng năm Chi Chính (3), và làm quan dưới triều Trần Minh Vương (4), trải qua những chức quan trọng. Vua cho rằng họ Chúc từ xưa không có người hiền đạt, bèn đổi Chúc Kiên thành Phạm Ngộ, Cố thành Phạm Mại.

Bấy giờ Vương thúc làm Thượng tề (5) nắm quyền binh trong nước, không né tránh sự hiềm nghi, lại có xích mích với Tề chấp (6). Bỗng có kẻ thù hẩn dựng ra chuyện cắp biển tàu lên trên để vu cáo Thượng tề. Tướng quốc kéo trăm quan cùng đàn hặc, kiến nghị ghép vào tử hình, riêng Phạm Mại làm Ngự sử trung thừa cố xin từ từ xét xử và thận trọng trong việc hình. Lúc này Thượng tề đã bị bắt, bọn gia thần liêu thuộc cùng thân thích, tội to đều bị tống giam và giết chóc rất nhiều. Mại liên tiếp dâng sớ can ngăn, đương diện bê lại pháp ty, biện luận phân tích sự oan khuất, cố sức tranh cãi không thôi trước oai giận của vua. Vương thúc đã bị giam chết. Sau đó, được bằng chứng đích thực về sự vu cáo, kẻ gian bị bắt giam, vua rất nhẹ và sơ, truy tặng cho Thúc Phụ (7) hết sức hậu (8). Bèn ban cho Mại bài thơ rằng :

*Đã lâu rồi, chốn dài ô (11) câm bất tiếng,
Chỉnh đốn triều cương không phải chuyện dễ.
Trên cung điện, tổ chi khí ngang tăng như ưng, hổ,
Kẻ làm trai được như thế mới là công danh.*

Tiếp đó, chuyên làm Tham tri chính sự. Nhiều năm trong Chính phủ, Phạm Mại có tiếng tăm. Một hôm ốm nhẹ, ông cầm bút đề thơ rằng :

*Từ khi bị dày đoa xuồng cõi trần,
Hơn sáu mươi năm coi như một nháy mắt.
Dưới trăng đêm thu, trước lầu Bạch Ngọc (12),
Đến châu trời, ta lại dựa vào lan can như cũ.*

Đề thơ xong, ông vứt bút mà qua đời. Có *Kinh Khê thi tập* lưu hành ở đời.

Ngộ cũng là người liêm chính, giỏi văn, tên tuổi ngang với em. Làm quan đến chức Thẩm hình viện sứ thì mất.

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) *Ly Nhân* : đời Trần có huyện Ly Nhân thuộc châu Ly Nhân. Châu Ly Nhân tương đương với một phần lớn tỉnh Hà Nam ở đời sau (nay Hà Nam thuộc tỉnh Nam Hà); huyện Ly Nhân có thể kề sát với các huyện Nam Xang và Duy Tiên về phía bắc và phía đông bắc tỉnh Hà Nam ở đời sau (Theo ĐNVNQCB).

Nhưng theo LTCTGVN thì Phạm Mai và Phạm Ngộ người làng Kinh Chủ, huyện Giáp Sơn, phủ Tân Hưng, ở về phía đông bắc trấn Hải Dương (thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay).

- (2) Theo ĐVSKTT, thì anh (Phạm Mai) tên là Cố, em (Phạm Ngộ) tên là Kiên (Xem ĐVSKTT ; Bản ký ; Quyển VI ; Kỷ nhà Trần ; Bd. ĐVSKTT tập II, in lần II, dã dẩn ; tr. 125).
- (3) *Chi Chính* (1341—1368) : một niên hiệu của Nguyên Thuận Đế 元順帝.
- (4) Chỉ Trần Minh Tông (1314—1329). Ở đây tác giả đã nhầm lẫn. Triều Trần Minh Tông tương đương với các niên hiệu Diên Hựu 延祐 (1214—1320), Chí Trị 至治 (1321—1323), Thái Định 泰定 (1324—1327) và Thiên Lịch 天暦 (1328—1329) của nhà Nguyên, nghĩa là trước niên hiệu Chi Chính khá lâu.
- (5) *Thượng tê* : tên gọi chức Tê tướng ; đây chỉ Huệ Võ Vương Quốc Chân, cha sinh ra Hiền Tử Tuyên Thành Hoàng hậu (vợ chính của Trần Minh Tông).
- (6) *Tê chấp* : và các quan dưới hàng, ở đây có lẽ chỉ Văn Hiến Hầu (không rõ tên) là con của Tá thánh Thái sư Nhật Duật.
- (7) *Thúc phụ* : tức Vương thúc, có nghĩa là chú của vua, đây chỉ Quốc Chân.
- (8) Về việc này, ĐVSKTT có chép như sau : « Khi ấy vua ở ngôi đã 15 năm, tuổi đã cao mà chưa lập Thái tử, cha sinh ra Hoàng hậu là Quốc Chân cố ý chủ trương nên đợi Hoàng hậu sinh ra con đích sẽ lập. Cương Đông Văn hiến hầu (không rõ tên) là con của Tá thánh Thái sư Nhật Duật (có sách chép là em của Nhật Duật) muốn đánh đòn Hoàng hậu mà lập Hoàng tử Vượng, mới đút lót 300 lạng vàng cho gia thần của Quốc Chân là Trần Phẫu, bảo Phẫu vu cáo cho Quốc Chân về việc mưu phản. Vua tin là thực, giam Quốc Chân ở chùa Tư Phúc, rồi đem việc ấy hỏi Thiệu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung cùng với mẹ sinh ra Hoàng tử Vượng đều là người ở Giáp Sơn, mà lại từng dạy Vượng học, cho nên vào hùa với Văn Hiến, mới trả lời rằng : « Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó ». Vua mới cấm tuyệt không cho Quốc Chân ăn uống, bắt phải tự tử. Hoàng hậu lấy áo tắm nước cho Quốc Chân uống, uống xong thì chết. Bắt đồng đảng hơn 100 người. Mỗi khi xét hỏi, người bị xét phẫn nhiều kêu oan. Vài năm sau, gặp khi vợ cả vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem việc Văn Hiến đút lót cho vàng tàu lên vua biết. Việc giao xuống cho ngục quan xét. Lê Duy là người cương trực, đem xét hỏi ngay ngày hôm ấy. Tên Phẫu bị tội lăng trì. Gia nô của Thiệu (không rõ tên) là em trai của Quốc Chân ăn sống hết cả thịt của Phẫu, Văn Hiến được miễn tội chết, giáng làm thứ nhân, xóa tên trong sổ » (Xem Bd. ĐVSKTT ; tập II ; tr.131—132).

詩諷忠諫

至正間，交趾陳元旦以陳家宗胄仕裕王為御史大夫。王不勤政，權臣多不法，元旦數諫不納。裕王沒，其侄昏德嗣立，時事愈甚。元旦上書不報，乃乞骸骨而去。有寄臺中僚友詩云：

涯，遠。老，歸。力，非。鑑，稀。
 天事易思無亦可書
 便事人客回去真諫
 去心埃及雨振懸亡忍
 端首陌湖風勢古公
 一傷塵風不如興何
 臺回九五儒國今諸

後內難起，奔從藝王。王即位，拜司徒平章事，居相位頗多年而卒。

其人通曉曆法，嘗著百世通紀書，上考堯甲辰，下至宋元，日月交蝕，星辰躔度與古符合，奉道精煉，祈雨有應。自號冰壺子。

PHIÊN ÂM :

THI PHÚNG TRUNG GIÁN

Chi Chính gian, Giao Chỉ Trần Nguyên Đán dì Trần gia tông trụ sĩ Dụ Vương vi Ngự sử đại phu. Vương bất cần chính, quyền thần đa bất pháp, Nguyên Đán sác gián bất nạp. Dụ Vương một, kỳ diệt Hôn Đức tự lập, thời sự dù thâm. Nguyên Đán thường thư bất báo, nãi khất hài cốt nhi khứ. Hữu ký dài trung liêu hưu thi văn :

*Dài đoạn nhất khứ tiên thiên nhai,
 Hồi thủ thương tâm sự sự vi.
 Cửu mạch trần ai nhân dì lão,
 Ngũ Hồ phong vũ khách tư quy.
 Nho phong bất chấn hồi vô lực,
 Quốc thể như huyền khứ diệt phi.
 Kim cỗ hung vong chán khả giám,
 Chử công hà nhẫn gián thư hi.*

Hậu nội nạn khôi, bôn tòng Nghệ Vương. Vương tức vị, bái Tư đồ bình chương sự, cư Tương vị phả da niên nhi tốt.

Kỳ nhẫn thông hiều lịch pháp, thường trú *Bách thể thông kỷ* thư, thường khảo Nghiêu Giáp thìn, hạ chí Tống, Nguyên; nhật nguyệt giao thực, tinh thần

triền độ dũ cỗ phù hợp, phung đao tinh luyện, kỳ vũ hữu ứng. Tư hiệu Băng Hồ Tử.

DỊCH NGHĨA :

LÀM THƠ BÓNG GIÓ HẾT LÒNG KHUYÊN CAN.

Vào khoảng năm Chi Chinh (1), Trần Nguyên Đán ở Giao Chỉ là người thuộc tôn thất nhà Trần (2) ra làm quan với Dụ Vương (3), giữ chức Ngự sử đại phu. Vua không siêng chăm việc nước, bợn quyền thần làm nhiều điều phi pháp, Nguyên Đán luôn can ngăn, nhưng không chịu tiếp thu. Đến khi Dụ Vương mất, cháu là Hôn Đức (4) kế lập, thời sự lại càng tồi tệ. Nguyên Đán dâng thư lên, nhưng trên không trả lời, bèn xin thôi quan mà về. Có gửi cho bạn bè cùng làm quan trong đài Ngự sử bài thơ rằng :

Kẻ làm việc ở đài Ngự sử một khi ra đi là tân chán trời,
Ngoảnh đầu lại, đau lòng thấy việc gì cũng trái mắt.
Bụi bãm đường kinh thành làm cho người dẽ già,
Mưa gió chốn Ngũ Hồ (5) xui khách muộn về ăn.
Nho phong không xốc nỗi, trở lại cũng bắt lực,
Thế nước như treo, ra đi cũng là sai.
Sự hung phế xira nay thật có thể làm gương,
Các ông sao nỡ ít đưa thư can ngăn đến vậy !

Về sau, khi cung đình dấy nạn (6), Nguyên Đán chạy theo Nghệ Vương (7). Vua (8) lên ngôi, lấy Nguyên Đán làm Tư đồ Bình chương sự. Ở ngôi Tể tướng nhiều năm rồi mất.

Ông là người thông hiểu lịch pháp, từng làm ra sách *Bách thể thông kỷ*, trên khảo từ năm Giáp thin thời Nghiêu, dưới tới Tống, Nguyên ; nhật thực guyệt thực, triền độ các vì sao đều phù hợp với sách cổ ; phung đao tinh luyện, cầu mưa có ứng nghiệm. Tư hiệu là Băng Hồ Tử.

TUẤN NGHI

CHỦ THÍCH :

(1) *Chi Chinh* : niên hiệu cuối cùng của Nguyên Thuận Đế 元順帝 từ 1314 đến 1368.

(2) Trần Nguyên Đán là cháu tằng tôn của Trần Quang Khải 陳光啟 (1241—1294).

(3) *Dụ Vương* : chỉ Trần Dụ Tông 陳裕宗 (1341—1369).

(4) *Chi Dương Nhật Lễ* 楊日禮

(5) *Ngũ Hồ* : một thăng cảnh, nằm trong địa phận hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang.

- (6) Chỉ việc cha con Nguyễn Trác và hai con của Công chúa Thiên Ninh mưu giết Dương Nhật Lễ không thành, bị Dương Nhật Lễ quật lại. Xem lại các chú thích (19), (20) bài *Nghệ Vương thủy mạt*.
- (7) *Nghệ Vương*: chỉ Trần Nghệ Tông 陳藝宗 (1370-1372).
- (8) Chỉ Trần Nghệ Tông.

408

詩用前人警句

陳家宗胄，有號岑樓者弱冠能詩，二十七歲而卒。有岑樓集行于世。墳在烏鵲江上。

介軒阮忠彥亦有詩名，不及相識。行過烏鵲，有追輓詩云：

樓頭印矣道休是愁。
岑點佩封能矣處人。
識一榮勝誰去何使
不編湖畝語文魂頃
恨遺五數此斯騷萬
生讀笠麻間古酌波
平一蓑桑世萬欲煙

蓑笠五湖一联是岑樓之詩句也。

PHIÊN ÂM :

THI DUNG TIỀN NHÂN CẢNH CÚ

Trần gia tông trụ hữu hiệu Sầm Lâu giả nhược quan năng thi, nhị thập thất tuế nhi tốt. Hữu Sầm Lâu tập hành vu thế. Phần tại Ô Diên giang thượng.

Giới Hiên Nguyễn Trung Ngan diệc hữu thi danh, bất cập tương thức. Hành quá Ô Diên, hữu truy văn thi ván:

Binh sinh hận bất thức Sầm Lâu,
 Nhất độc di biên nhất diêm đầu.
 Soa lạp Ngũ Hồ vinh bội ấn,
 Tang ma sô mẫu thắng phong hầu.
 Thế gian thử ngũ thùy năng đạo,
 Văn cõi tư văn khứ hỉ hưu.
 Đức loại tao hồn hà xú thi,
 Yên ba vạn khoảnh sủ nhân sầu.

«Soa lạp Ngũ Hồ...» nhất liên thi Sầm Lâu chỉ thi cũ dã.

DỊCH NGHĨA :

THƠ DÙNG CÂU HAY CỦA NGƯỜI XƯA

Trong tôn thất nhà Trần có một người hiệu Sầm Lâu (1), từ mươi mấy tuổi đã hay thơ, đến hai mươi bảy tuổi thì mất (2). Có tác phẩm *Sầm Lâu tập* lưu hành ở đời. Mộ trên bờ sông Ô Diên (3).

Nguyễn Trung Ngán hiệu Giới Hiên (4) cũng có tiếng về thơ, nhưng không kịp quen biết Sầm Lâu. Khi qua Ô Diên, có bài thơ truy điệu rằng :

Binh sinh ân hận không được biết Sầm Lâu,
 Nay mỗi lần đọc thơ còn lưu lại là một lần gặt đầu than phục.
 Toi nón Ngũ Hồ (5) vinh hơn mang ấn tín.
 Đầu gai mẩy mẫu thắng cả được phong hầu (6).
 Lời ấy thế gian ai nói nỗi,
 Văn này muôn thuở qua rồi thôi !
 Muốn rót chén rượu tế hồn thơ, nhưng biết là đâu tá ?
 Khói sóng muôn khoảnh làm cho người nhớ sầu !

Hai câu đối «Toi nón Ngũ Hồ...» nguyên là câu thơ của Sầm Lâu.

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

(1) Sầm Lâu : tên thực là Trần Toại 陳遂 hay Trần Quốc Toại 陳國遂 được phong trước . Uy Văn Vương 威文王 (theo ĐVSKTT).

(2) Theo ĐVSKTT, thi Trần Toại chết vào năm 24 tuổi.

(3) Sông Ô Diên : nay là đoạn từ sông Hồng tiếp sang sông Đuống (theo ĐNVNQCB).

(4) Người làng Thủ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng, sinh năm 1289, mất năm 1370.

(5) Ngũ Hồ : chỉ năm hồ thuộc vùng hồ Đông Đinh, Trung Quốc.

(6) Trong nguyên văn chữ Hán ở ĐVSKTT chữ thứ ba và thứ tư câu thơ này chép là *tế dã* 蔽野 nghĩa là «rop đồng» (Xem ĐVSKTT ; tập II. tr. 46).

409

詩言自負

阮忠彦早有才名，頗自負。嘗有長篇詩，其略云：

介茂軒齡先生有生有志，廟廊牛軒器志。

年方十二，陳家宗有號愛山者，頗讀書學詩，偏好花情，多吟小詩，時有麗句。嘗云：

寶碧洞人鼎紗章在，香春吟闌水如成在，煙蟬海天，沉薄愁月。

又曰：

憇平相一畔分恩樹，香午在水雲睡望縹，碧葉樓盡紗茶怯，花。

PHIÊN ÂM :

THI NGÔN TỰ PHỤ

Nguyễn Trung Ngạn tài danh, phả tự phụ. Thường hữu trường thiền thi, kỳ lược văn :

*Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí,
Mẫu linh dì hữu thôn ngưu chí.*

Niên phuơng thập nhì, Trần gia tông trụ hưu hiệu Ái Sơn giả phả độc thư học thi, thiên hiếu hoa tinh, đa ngâm tiêu thi, thời hưu lệ cũ. Thường hưu thi vân :

*Bảo đỉnh hương tiêu trầm thủy yên,
Bích sa xuân trường bạc như thiền.
Đông chuông ngâm bãi sầu thành hải,
Nhân tại lan can nguyệt tại thiên.*

Hữu viết :

*Song bạn hương vân ám bích sa,
Bình phân ngọ thủy bất cảm trà.
Tương tư tại vọng đăng lâu khiếp,
Nhất thụ thủy miên hồng tận hoa.*

DỊCH NGHĨA :

THƠ NÓI LÊN LÒNG TỰ PHỤ

Nguyễn Trung Ngạn (1) sớm có tài danh, rất tự phụ. Từng có thơ trường thiên, đại khái rằng :

*Ngài Giới Hiên đáng tài lang miếu (2),
Tuổi thanh niên đã có chí nuốt trầu.*

Tuổi mươi mười hai, trong tôn thất nhà Trần có người hiếu là Ái Sơn rất ham đọc sách, học thơ ; đặc biệt thích phong tình, hay ngâm những bài thơ ngắn, thỉnh thoảng có câu thơ đẹp. Từng có thơ rằng :

*Khói trầm trong đỉnh hương báu đã tiêu tan hết,
Màn xuân bằng the biếc mỏng tựa cánh ve.
Văn thơ thảm thủy ngâm xong, sầu thành biến,
Người cạnh lan can, trăng trên trời.*

Lại có thơ rằng :

*Mây thơm bên song phủ mờ màn the biếc,
Bình thường ngủ trưa dậy chẳng kiêng chè,
Đang khi trông nhở nhau, sợ bước lên lầu,
Cả một cây gạo (3) nở đầy hoa đỏ,*

CHÚ THÍCH :

- (1) *Nguyễn Trung Ngạn* (1289-1370) : người làng Thò Hoàng, huyện Ân Thi (nay thuộc tỉnh Hải Hưng). Ông nổi tiếng thần đồng, 16 tuổi đã đỗ Hoàng giáp.
- (2) Ý nói tài năng vào bậc đáng làm quan to ở triều đình.
- (3) Nguyên văn chữ Hán là *thủy miên*, một loại rong, không ăn khớp với chữ *thủy* (cây thân gỗ) phía trước. Vậy *thủy miên* đúng ra phải là *mộc miên* (cây gạo), chữ *thủy* và chữ *mộc* tự dạng giống nhau nên nhầm lẫn. Chúng tôi dịch chữa lại.

410

詩酒驚人

漢州人胡宗驚少年登科頗有才名。初未甚顯。適至元宵，有道人黎法宣者張燈設席以延文客。宗驚受簡請題。一夜席上賦詩百首，飲酒百盃，眾皆環視歎服，無與敵者。自是名震都下。後以文學為人師匠。事陳藝王，官至翰林學士，承旨兼審刑院使，詩酒無虛日。年八十餘，壽終于家。

PHIỀN ÂM :

THI TƯU KINH NHÂN

Diễn Châu nhân Hồ Tông Thốc thiếu niên đăng khoa phả hữu tài danh. Sơ vi thâm hiền. Thích chí nguyên tiêu, hữu đạo nhân Lê Pháp quan giả trương đăng thiết tịch dĩ diễn văn khách. Tông Thốc thụ giản thỉnh dễ. Nhất dạ tịch thượng phú thi bách thủ, àm túc bách bôi, chúng giao hoàn thị thán phục, vô dù dịch giả. Tự thi danh chấn đô hạ. Hậu dĩ văn học vị nhân sú tượng. Sự Trần Nghệ Vương quan chí Hàn lâm học sĩ, thừa chí kiêm Thàm hính viện sứ, thi túc vô hư nhật. Niên bát thập dư, thọ chung vu gia.

DỊCH NGHĨA :

THƠ RUỘU KINH NGƯỜI

Hồ Tông Thốc (1) người Diễn Châu (2) thi đỗ từ hồi còn trẻ, rất có tài danh. Mới đầu chưa nổi tiếng lắm. Nhân đến tiết Nguyên tiêu (3), có đạo nhân Lê Pháp quan họ Lê giảng đèn mỏ tiệc đề rước khách văn chương. Hồ Tông Thốc

nhận giấy mời đề thơ. Trong một đêm, ngay trên tiệc làm trăm bài thơ, uống trăm chén rượu, mọi người đều xum nhín thán phục, không ai địch nổi. Từ đó danh lừng chốn Kinh đô. Về sau dùng tài văn học làm thầy thơ cho người. Thờ Trần Nghệ Vương (4), quan đến chức Hàn lâm học sĩ, Thừa chỉ kiêm Thầm hình viện sứ, thơ và rượu không ngày nào vắng. Tuổi ngoài tám mươi, mất tại nhà.

TUẤN NGHĨ

CHÚ THÍCH :

- (1) *Hồ Tông Thốc* : chưa rõ sinh và mất năm nào. Đậu Trạng nguyên vào đời Trần Nghệ Tông (1320 — 1373). Xem tiểu sử *Hồ Tông Thốc*.
- (2) *Diễn Châu* : đây chỉ phủ Diễn Châu, nay là Dương Khê Thượng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ Tĩnh.
- (3) *Nguyên tiêu* : rằm tháng giêng âm lịch.
- (4) Chỉ Trần Nghệ Tông.

411

詩兆餘慶

澄大父之外祖曰阮公，諱聖訓，事陳仁王為中書侍郎。性甚仁厚。少年登高科，最能詩，當時無敵，後人稱為南方詩祖。嘗有田園漫興詩，其一聯云：

巢鳥寄林休伐木，
蠟封在地未耕田。

識者歎其仁心及物必有餘慶。後其女配我曾祖，生大父及陳明王次妃。妃生藝王。卒有贈典尊榮，昌盛之福果如識者所言，其兆先見於此詩乎？以至四世外孫如澄今者，出自幽谷，遷於喬木，溝斷之餘濫同成器，豈非先人之澤未割，乃得生逢聖世，深沐堯仁，而有此奇遇也歟？

PHIÊN ÂM :

THI TRIỆU DÚ KHƯƠNG

Trùng đại phụ chi ngoại tổ viết Nguyễn Công, húy Thánh Huấn, sự Trần Nhàn Vương vi Trung thư thị lang. Tinh thâm nhân hậu. Thiếu niên dũng cao khoa, tối nǎng thi, đương thời vô địch, hậu nhân xưng vi Nam phương thi tổ. Thường hữu *Điền viên mạn hứng* thi, kỳ nhất liên văn :

*Sao điêu kỵ lâm hưu phat mộc,
Nghị phong tai địa vi canh điền.*

Thức giả thán kỵ nhân tâm cập vật tất hữu dư khương. Hậu kỵ nữ phổi ngã tăng tổ, sinh đại phụ cập Trần Minh Vương thứ phi. Phi sinh Nghệ Vương Tốt hữu tăng điền tôn vinh môn phiệt, xương thịnh chi phúc quả như thức giả sở ngôn, kỵ triệu tiên kiến ư thử thi hồ ? Dĩ chí từ thế ngoại tôn như Trùng kim già, xuất tự u cốc, thiên vu kiều mộc, câu đoạn chi dư lạm đồng thành khí, khởi phi tiên nhân chi trách vị cát, nãi đặc sinh phùng thánh thế, thảm mộc Nghiêm, nhi hữu thử kỵ ngộ dã dư ?

DỊCH NGHĨA :

ĐIỀM THƠ ĐỀ PHÚC VỀ SAU

Ông ngoại Tổ phụ của cha Trùng (1) là Nguyễn Công, húy Thánh Huấn. Nguyễn Công thờ Trần Nhàn Vương (2), làm chức Trung thư thị lang (3). Tinh rất nhân hậu. Từ lúc còn trẻ đã thi đỗ cao, hay thơ bậc nhất, đương thời không ai địch nổi, người đời sau gọi là thi tổ ở phương Nam. Từng có bài thơ *Điền viên mạn hứng*, trong có hai câu đối nhau rằng :

*Tổ chim đã gửi trên ngàn, gỗ thời dừng chặt.
Ở kiến đang làm dưới đất, ruộng chưa vội cây.*

Thức giả khen là nhân ái đến cả loài vật, át để phúc cho con cháu. Sau đó Nguyễn Công gả con gái cho tăng tổ của tôi, tức là mẹ của ông tôi và bà thứ phi của Trần Minh Vương (4). Bà phi đã sinh ra Nghệ Vương (5). Lúc bà mất, tổ tiên được phong tặng theo điền lệ « Tôn vinh môn phiệt », cái phúc đương thịnh ấy quả đúng như lời thức giả đã nói, điều này đã thể hiện trong những câu thơ như trên chăng ? Cho đến cháu ngoại bốn đời như Trùng ngày nay, ra từ hang sâu, dời đến cây cao (6), một khúc rãnh thửa cũng làm thành vật có ích, há chẳng phải do phúc trách của tổ tiên chưa dứt, mới được sống gấp triều thành (7), tắm gội nhân Nghiêm, mà có chuyện kỵ ngộ này ư ?

CHÚ THÍCH :

- (1) Tríng : chỉ Hồ Nguyên Tríng, tác giả tự xưng.
- (2) Chỉ Trần Nhân Tông (1279—1293).
- (3) Theo ĐVSKTT, vào năm 1274, Trần Thành Tông bồ nhiệm Nguyễn Thành Huân sung Nội thị học sĩ.
- (4) Chỉ Trần Minh Tông (1314—1329).
- (5) Chỉ Trần Nghệ Tông (1370—1372).
- (6) Ra tự hang sâu, dời đến cây cao (xuất tự u cốc, thiên vu kiều mộc) : hai câu thơ trong bài Phạt mộc 伐木 & phần Tiêu nhã 小雅 trong Thi kinh 詩經.
- (7) Chỉ triều nhà Minh

412

詩稱相職

陳藝王初為相時，有送元使詩云：

安	老	不	詩，
空	金	送	歸碧，
圓	山	瀘	飛。
遙	玉	玉	

南對拿瞻 相樽高節 能客水雲

其弟恭信性文雅，好詩畫，後為右相，亦有尋幽詩云：

擣	八	虹	宛	轉，
水	東西	綠	縈	迴。
不安	看昇	尋宰	梅	去，
	平		相	來。

東因得 重折石平

PHIÊN ÂM :

THƠ XỨNG TƯỚNG CHỨC

Trần Nghệ Vương sơ vi tướng thời, hữu Tống Nguyên sứ thi văn :

*An Nam lão Tướng bất nǎng thi,
Không đổi kim tôn tống khách quy.
Viên Tân sơn cao, Lô thủy bích,
Đao chiêm ngọc tiết ngũ vân phi.*

Kỳ đệ Cung Tin tinh văn nhã, hiếu thi họa, hậu vi Hữu tướng, diệt
hữu Tầm u thi văn :

*Kiều thất bát trùng hồng uyển chuyền,
Thủy đông tây chiết lục oanh hồi.
Bất nhân khán thạch tầm mai khứ,
An đắc thăng bình Tề tướng lai.*

DỊCH NGHĨA :

THƠ XỨNG VỚI CHỨC TỀ TƯỚNG

Trần Nghệ Vương (1) khi mới làm Tề tướng, có bài thơ *Tống Nguyên*
sứ (tiền sứ nhà Nguyên) rằng :

*Lão Tề tướng nước An Nam không thạo làm thơ,
Ngồi xuống trước chén vàng tiền khách ra về.
Núi Tân Viên cao, giòng Lô Thủy biếc,
Với trông theo cờ sứ bay vào năm thức mây (2).*

Người em của Nghệ Vương là Cung Tin (3) tinh thanh nhã, thích thi
họa, sau làm chức Hữu tướng quốc, cũng có bài thơ *Tầm u* rằng :

*Cầu bảy tám lớp như chiếc mồng uốn lượn,
Nước đông tây gấp khúc, màu xanh chảy quanh eo.
Không nhân dịp đi tìm mai, ngắm đà,
Thì đâu được làm chức Tề tướng mà đến chốn này (4).*

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

(1) Chỉ Trần Nghệ Tông (1370 – 1372).

(2) Theo ĐVS KTT, thì Trần Nghệ Tông làm bài thơ này vào dịp tiền sứ nhà Minh (chứ không phải sứ nhà Nguyên) tên là Ngưu Lượng 牛頤 về nước. Lúc này Nghệ Tông đang làm chức Hữu tướng quốc. Bài thơ chép có một số chỗ hơi khác :

安 南 爪 相 不 能 詩 , An Nam Tề tướng bất năng thi,
 空 把 茶 風 送 客 歸 . Không bả trà áu tống khách quy.
 國 傘 山 青 溫 水 碧 , Viên Tân sơn thanh, Lô Thủỷ bích,
 隨 風 直 入 五 雲 飛 . Tùy phong trực nhập ngũ vân phi.

Tề tướng nước An Nam không thao làm thơ,
 Bưng áu trà sướng tiễn khách ra về.
 Núi Tân Viên xanh, giòng Lô Thủỷ biếc,
 Theo gió bay thẳng vào năm mây.

(3) Túc Cung Tin Vương, tên thật là Trần Thiên Trạch 陳天澤.

(4) Theo TVTL, thì bài thơ này vốn có đầu đề là Đề Phạm Ngũ Lão diện súy gia trang
題范五老殿帥家莊.

413

詩歎致君

冰壺司徒題玄天觀詩云：

自 日 升 天 易 ,
 致 君 堯 十 載 ,
 塵 埃 六 黃 ,
 回 首 愧 冠 .

蓋焉相時，不有功效而興此歎，是亦憂愛在懷，
 情歸忠厚，詩人所可取也歟？

PHIÊN ÂM :

THI THẨN TRÍ QUÂN

Băng Hồ Tư đồ Đề Huyền Thiên quán thi văn :

Bạch nhật thăng thiên dị,
 Tri quân Nghiêu, Thuấn nan.
 Trần ai lục thập tài,
 Hồi thủ quý hoàng quan.

Cái vì Tường thời, bất hữu công hiệu nhi hưng thủ thán, thi diệc ưu ái
 tại hoài, tình quy trung hậu, thi nhân sở khả thủ dã dư?

DỊCH NGHĨA :

NGÂM NGỦI VỚI CHỮ «TRÍ QUÂN»⁽¹⁾

Quan Tư đồ Băng Hồ⁽²⁾ có bài thơ *Đè Huyền Thiên quán* rằng :

*Ban ngày lên trời là việc dẽ,
Làm cho vua trở nên Nghiêu, Thuấn là chuyện khó.
Sống ở cõi trần đã sáu mươi năm,
Ngoảnh đầu lại, thấy xấu hổ với người đạo sĩ* ⁽³⁾.

Có lẽ khi còn làm Tề tướng, thấy mình không có công trạng gì, mới thốt ra lời than như vậy, đó cũng là do ưu ái trong lòng, mỗi tình quy trung hậu, đó là chỗ khả thủ của thi nhân chẳng ?

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

- (1) *Trí quân* : Sách *Luận ngữ* có câu : *Sư quân nǎng tri kỵ thân* 事君能致其身 (thờ vua thì dâng cả cái thân của mình). Sách *Mạnh tử* cũng có câu : *Tri quân Nghiêu, Thuấn* 致君堯舜 (làm cho vua lên đến được bậc Nghiêu, Thuấn).
- (2) *Băng Hồ* : hiệu của Trần Nguyên Đán (1320 - 1390).
- (3) Văn Tín Công đời Tống nói : «Tôi không giúp được vua cứu nạn nước để về làng hưởng chữ nhàn, thật xấu hổ với người đạo sĩ».

414

貴客相歡

單頭莫記，東潮人也，出身行伍，酷好吟詩，元統間伴送元使黃裳。裳亦好詩者。旬日江行相與唱和，多有佳句。裳甚歡之。至界上留別詩云：

江岸梅花正自飛。
船頭細雨冬冬北去歸。
行客一樽南歸。

PHIÊN ÂM :

QUÝ KHÁCH TƯƠNG HOAN

Quân đầu Mạc Ký, Đông Triều nhân dã, xuất thân hàng ngũ, khốc hiếu ngâm thi, Nguyên Thống gian bạn tống Nguyên sứ Hoàng Thường. Thường diệc hiếu thi giả. Tuần nhật giang hành tương dữ xướng họa, đa hữu giai cù. Thường thậm hoan chi. Chi giới thượng lưu biệt thi vần :

*Giang ngạn mai hoa chính bạch,
 Thuyền đầu tể vũ tà phi.
 Hành khách tam đông Bắc khứ,
 Tướng quân nhất trao Nam quy.*

DỊCH NGHĨA :

KHÁCH QUÝ VUI VẺ VỚI NHAU

Quân đầu (1) Mạc Ký, người Đông Triều, xuất thân quân ngũ, rất đỗi thích thơ, vào khoảng năm Nguyên Thống (2), tiên đưa sứ nhà Nguyên là Hoàng Thường. Thường cũng là người thích thơ. Mười ngày đi trên sông cùng nhau xướng họa, có nhiều câu thơ hay. Thường (3) rất vui thích. Đến biên giới, có thơ lưu biệt rằng :

*Trên bờ sông hoa mai đang nở trắng,
 Trước đầu thuyền mưa nhỏ chênh chêch bay.
 Giữa ba đông khách đi về Bắc,
 Một mái chèo Tướng quân trở lại Nam (4).*

TUẤN NGHI

CHÚ THÍCH :

(1) *Quân đầu* : một chức trong quân thời xưa.

(2) *Nguyên Thống* : (1333 - 1334) : niên hiệu của Nguyên Thuận Đế 元順帝.

(3) *Hoàng Thường*.

(4) Cuối sách *Nam Ông mộng lục* có bài *Hậu tự* 後序 của Tống Chương 枣彰, viết thời Chinh Thống năm thứ VII. Chúng tôi giới thiệu thêm ở dưới đây để bạn đọc tiện tham khảo thêm.

南翁夢錄後序

孟清字沐也。公久遇也。朝寶作天，奇所興卿。公寶並黎，至郎璧遷侍臣累左之，知今。知翁翁耆夢其才，號德碩錄別號。南南以

日節操可以追婦，烈妃怪說，頃之餘公於每處之麗句，翁夢錄。」南翁曰：「美善夫，其子綺，名南翁。」人謂之南翁，蓋君子與編，成之者行之，奇具焉。兩術載文，佐羽後賢，繼示良流。

之我之修曰嘉之，之惟命邈
閱彼爾其詩之著書予匪乃見
遍有叢，人而於若，以
乃心乃之哉前聞之。之聞亦
，；南論子，樂筆世知見而
見此，者士雖不而暴覽以心
錄，之載之？固，表一足用
斯者言所國歟，已然得錄之
以同而中中此誠而彰亦是人
日所大錄於以有之彰，」仁
一而之以異其善聞行者也知
，下。何，好徒言聞莘者
好近天齒又德之不但未一覽
，曲有。中節是非也，有予，俾
鄉地理與操好然今餘事亦傳。
有：此敢心，，。之於而其歟
翁曰，不持尋多間殺，，廣也
與言者周，秉縱之淫學幸以才
予而同，行之行胸人晚之，多
因所方制民懿心前生人梓之
，而偏身：言於使後前繡方

禮部尚書胡公既爲序引，予姑識歲月于後云。

正統七年歲在壬戌，五月中幹，亞中大夫，福建等處承宣佈政使司右參政，交南宋彰書。

PHIÊN ÂM :

«NAM ÔNG MỘNG LỤC» HẬU TỰ

Nam Ông mộng lục giả, kim Công bộ tả thị lang Lê công sở tác dã. Công tự Mạnh Nguyên, Nam Ông kỳ biệt hiệu dã. Công Nam Giao chi cự phách, tân hưng thiên triều, cửu mộc thanh hoa, dĩ kỳ tài thạc đức, thụ tri liệt thánh, lũy thiên chi Á khanh, thực kỳ ngộ dã.

Công văn chương chính sự lưỡng tể kỳ mỹ. Mỗi ứ công đư chi khoảnh, truy niệm cựu nhật hiền vương lương tá chi hành sự, quân tử thiện nhân chi xứ tâm, trình phi liệt phụ chi thảo tiết, truy lưu vũ khách chi kỳ thuật, dữ phù ý lệ chi cù, u quái chi thuyết, khả dĩ truyền thị ứ hậu giả, cự tái thành biên, danh viết *Nam Ông mộng lục*.

Dư dữ ông hữu hương khúc chi hảo, nhất nhật dĩ tư lục kiến thị, nãi biến duyệt chi, nhân nhì ngôn viết : «Địa hữu viễn cận, nhì sở đồng giả, thủ tâm ; tâm hữu bỉ ngã, nhì sở đồng giả, thủ lý. Dĩ thiên hạ chi đại nhì ngôn chí, Giao Nam nãi toát nhĩ chi thiên phượng, cố bất cảm dữ Trung Quốc xỉ. Dĩ lục trung sở tài giả nhì luận chí, kỳ tu thân chế hạnh, tri tâm thảo tiết, hựu hà dì ứ Trung Quốc chí sĩ quán tử tai ! Thi viết : «Dán chí bình di, hiếu thị ý đức», kỳ dĩ thử dư ? Tuy nhiên, tiền nhân chi gia ngôn ý hành túng đà, nhiên phi Công chi hiếu thiện hữu thành, cố bất năng lạc văn nhì trước chi ứ tâm hung chi gian. Kim dã, bất đồ văn chi nhì dĩ, nhì hựu bút chi ứ thư, sứ tiền nhân yên một chi dư, nhất dán ngôn hành chương chương nhiên biều bộc ứ thế. Nhược dư chi hậu sinh văn học, ứ sự hữu sở vị văn giả, diệu đặc nhất lâm nhì tri chí, phi duy tiền nhân chí hạnh, nhì diệc dư chí nhất hạnh dã». Thị lục túc dĩ tư kiến văn, nãi mệnh tú tử, dĩ quảng kỳ truyền, tǐ lâm giả tri nhân nhân chí dụng tâm, nhì diệc dĩ kiến hà phượng chí đa tài dã dư.

Lễ bộ Thượng thư Hồ công ký vi tự dã, dư cô chí tuế nguyệt vu hậu vân.

Chinh Thống thất niên, tuế tại Nhâm tuất, ngũ nguyệt trung cán, Á trung đại phu, Phúc Kiến đằng xí Thừa tuyên bố chính sứ ty hữu tham chính, Giao Nam Tống Chương thư.

DỊCH NGHĨA :

BÀI TỰA SAU CỦA TẬP «NAM ÔNG MỘNG LỤC» (1)

Tập *Nam Ông mộng lục* này do Lê Công (Lê Trùng) hiện đang giữ chức Công bộ tả thị lang làm ra. Ngài là một trang cự phách của đất Nam Giao, được thiên triều tiếp đón, tẩm gọi tinh hoa dã lâu, nhờ có tài cao đức rộng mà được các bậc thành hoàng biết tới, thăng mãi lên tới chức Á khanh, thật là duyên kỳ ngộ vậy.

Ở ngài, văn chương và chính sự đều hoàn hảo cả hai. Thường những lúc việc quan rảnh rồi, hay tưởng nhớ lại các chuyện đã qua, nào việc làm của vua hiền tài giỏi, nào nếp nghĩ của quân tử thiện nhân, nào tiết thảo của những người đàn bà trinh liệt, nào phép lạ của những kẻ đạo sĩ tăng nhàn, cùng các văn thơ đẹp đẽ, các câu chuyện ly kỳ, phàm có thể truyền lại cho người đời sau, ngài đều chép hết thành sách, đặt tên là *Nam Ông mộng lục*.

Tôi với ngài vốn là chỗ quê hương quen biết, một hôm ngài mang tập sách này đưa cho tôi xem. Tôi đọc hết một lượt, bất giác thốt lên rằng : « Đất tuy có chỗ xa chỗ gần, nhưng vẫn có điểm giống nhau, ấy là tấm lòng ; tấm lòng tuy có của ta của người, nhưng vẫn có điểm giống nhau, ấy là lẽ phải. Lấy cái lớn trong thiên hạ mà nói, thì Giao Nam chẳng qua là một nước nhỏ xà xôi không dám sánh với nước lớn. Nhưng cứ theo những điều ghi chép trong tập sách này mà bàn, thì việc tu thân sửa nết, việc giữ lòng giữ tiết nào có khác gì với các bậc sĩ phu quân tử ở Trung Quốc đâu ! Kinh Thi có câu : « Dân theo lẽ thường, ham cái đức tốt », phải chăng là đề nói lên điều đó ? Tuy vậy, cho dù những lời hay việc tốt của người xưa có nhiều điều nữa, nhưng giả sử ngài không thật lòng thích điều thiện, thì cũng không thể nào say sưa nghe và khắc ghi vào lòng mình được. Ở đây trái lại, không chỉ nghe mà thôi, ngài còn đem các điều đó chép vào sách để cho lời nói và việc làm của người xưa trong bấy lâu bị mai một, nay bỗng chốc được trình bày rõ ràng ra cõi đời. Đến như tôi là kẻ sinh sau học muộn, nhiều việc chưa được nghe, đọc qua sách này cũng được biết cả. Đây không chỉ là cái may của người xưa, mà còn là cái may của thân tôi nữa ».

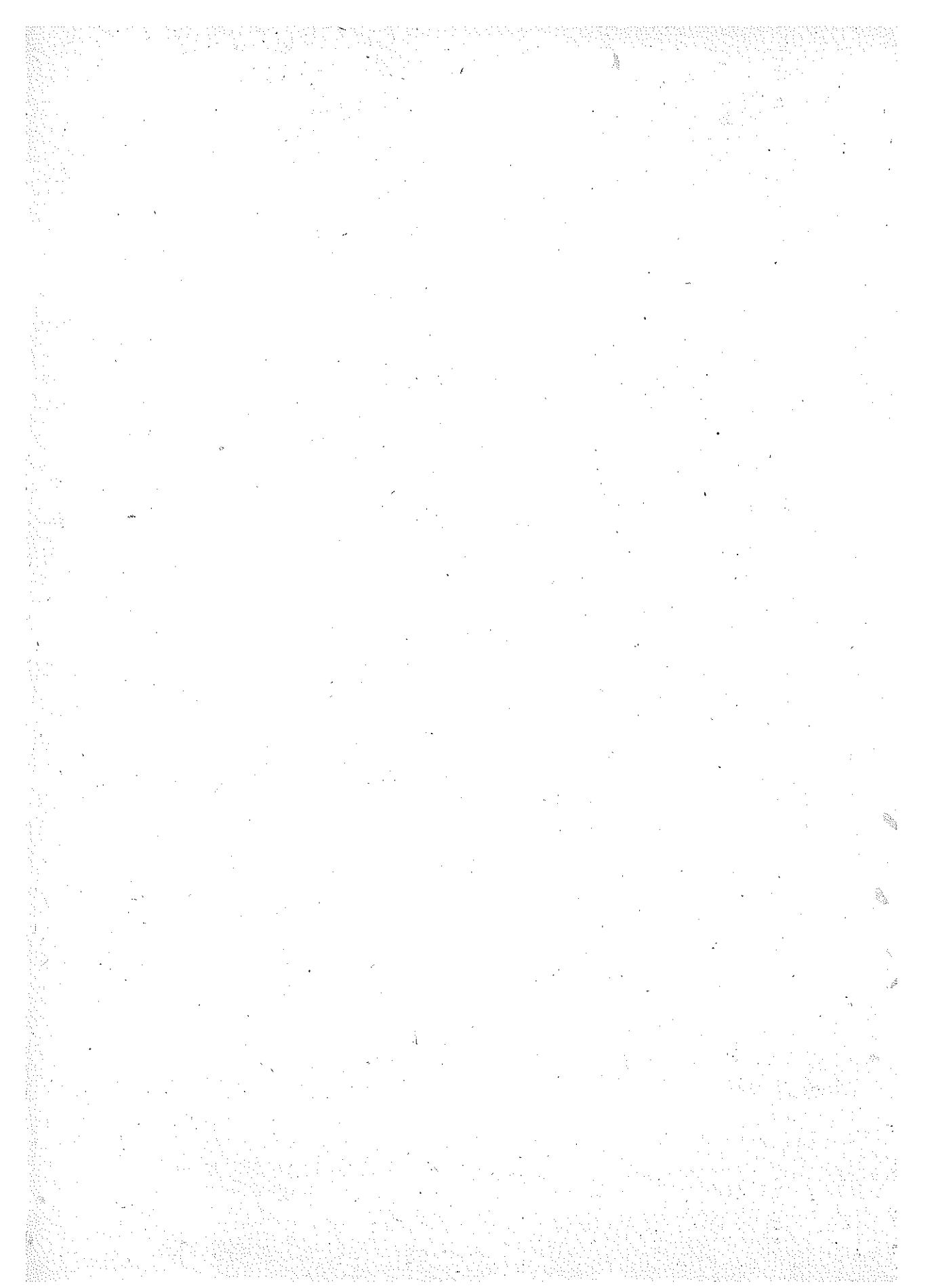
Vì tập sách có thể giúp cho chúng ta nhiều kiến thức, nên đã cho khắc in để truyền bá rộng rãi, khiến cho người xem biết được dụng ý của дâng nhân giả, và qua đó cũng thấy thêm rằng phương xa vẫn có lâm nhân tài.

Quan Thượng thư Bộ lê là Hồ Công (Hồ Huỳnh) đã làm bài tựa dẫn, tôi tạm ghi năm tháng vào sau.

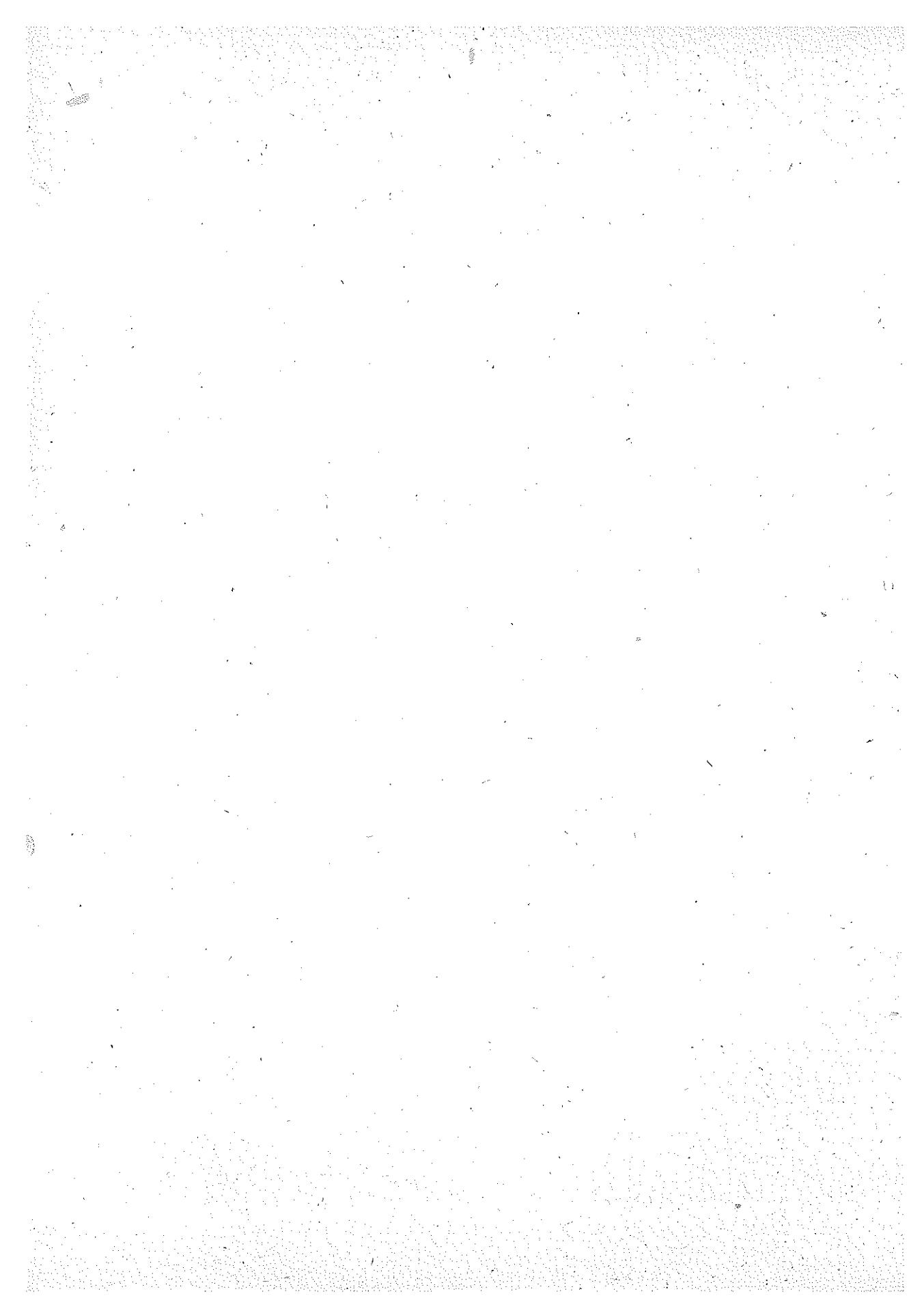
Trung tuần tháng năm, năm Nhâm tuất, tức năm thứ VII niên hiệu Chinh Thống (1442).

Á trung đại phu, Phúc Kiến dâng xứ Thừa tuyên bố chính ty hữu tham chính, Giao Nam Tổng Chương viết.

TUẤN NGHI



CÁC BẢNG TRA CỨU



I

**BẢNG KÊ NHỮNG TÁC PHẨM CHƯA TÌM ĐƯỢC
HOẶC KHÔNG CHỌN VÀO TẬP III ***

(1344 — 1428)

1. An Đăng hương Báo Ân viện bi mảnh 安登鄉報恩院碑銘 (chưa tìm được)
Một bài văn bia đề ở Viện Báo Ân, thuộc hương An Đăng ;
do HỒ TÔNG THÓC soạn
2. An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký 安獲山報恩寺碑記 (không chọn)
Một bài văn bia đề ở chùa Báo Ân núi An Hoạch ; soạn vào năm Long Khánh thứ II (1370) ; chưa rõ tác giả.
3. Bách thế thông khảo 百世通考 (hay Bách thế thông kỷ, Bách thế thông kỷ thư) (chưa tìm được).
Một bộ lịch pháp khảo cứu về năm tháng, có ghi rõ cả những ngày nhật thực, nguyệt thực, thời tiết, vị trí các ngôi sao v.v... từ những thế kỷ trước công nguyên, đến thế kỷ XIV ;
do TRẦN NGUYỄN ĐÁN soạn
4. Bảo Hòa dư bút 保和餘筆 (hay Bảo Hòa điện dư bút 保和殿餘筆) (chưa tìm được).
Một công trình tập thể gồm 8 quyển, biên soạn vào khoảng cuối năm 1383 đầu năm 1384, nội dung ghi chép một số việc đã qua mang tính chất giáo huấn, dùng để dạy Trần Phé Đế.
Do TRẦN NGHỆ TÔNG chủ trì, NGUYỄN MẬU TIỀN và PHAN NGHĨA biên soạn ; ĐÀO SU TÍCH đề tựa.
5. Băng Hồ Ngọc hác tập 冰壺玉璧集.
Thơ, toàn tập đã mất, nay chỉ còn một số bài in trong các sách như TDTT, TVTL...
do TRẦN NGUYỄN ĐÁN sáng tác
6. Cúc Đường di thảo 菊堂遺草.
Thơ của Trần Quang Triều, gồm 2 quyển. Toàn tập đã mất, nay chỉ còn lại mấy bài trong VATT, TVTL...
do NGUYỄN ÚC biên tập
7. Đề Trần Đồng tri Thọ Huyên đường 题陳同知壽萱堂 (không chọn)
Một bài thơ đề ở nhà Thọ Huyên của Trần Đồng tri ;
do PHẠM NHŨ ĐỨC sáng tác

* Do Tuấn Nghi soạn.

8. Đề châm 帝箴 (chưa tìm được)

Thơ, gồm 150 câu, được soạn ra để ban cho Trần Duệ Tông nhân khi Trần Duệ Tông lên ngôi vào năm 1371;

do TRẦN NGHỆ TÔNG soạn

9. Đông chí Hồng Thôi quan mệnh phú 冬至洪推宦命賦 (không chọn)

Một bài thơ do viên Thôi quan họ Hồng bảo làm nhân ngày Đông chí;

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác

10. Hiệp Thạch tập 峽石集.

Thơ, toàn tập đã mất, nay chỉ còn một số bài in trong các sách như TDVT, TVTL...

do PHẠM SƯ MẠNH sáng tác

11. Hình luật thư 刑律書 (chưa tìm được)

Một công trình biên soạn tập thể, một quyển;

do TRẦN DỰ TÔNG chủ trì
TRƯỜNG HÁN SIÊU, NGUYỄN TRUNG NGẠN biên soạn

12. Hình thế địa mạch ca 形勢地脈歌 (chưa tìm được)

Thơ ca về địa lý, một quyển;

do TRẦN QUỐC KIỆT soạn
HỒ TÔNG THỐC hiệu định

13. Họa Nguyễn Đại phu Khúc quảng đình thi vận 和阮大夫曲肱亭詩韻 (không chọn)

Một bài thơ họa văn bài Khúc quảng đình của viên Đại phu họ Nguyễn;

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác

14. Hoàng huấn 皇訓 (chưa tìm được)

Một tập sách gồm 14 chương, soạn vào năm 1371, để ban cho Hoàng thái tử Kinh (tức Trần Duệ Tông sau này);

do TRẦN NGHỆ TÔNG soạn

15. Hoàng triều đại diền 皇朝大典 (chưa tìm được)

Một công trình biên soạn tập thể, gồm 10 quyển;

do TRẦN DỰ TÔNG chủ trì
TRƯỜNG HÁN SIÊU, NGUYỄN TRUNG NGẠN biên soạn

16. Hỷ vũ 喜雨 (không chọn)

Một bài thơ mừng trời mưa;

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác

17. Ma Lăng kiều Ỷ Lan xã Sùng Quang tự chung minh 魔浪橋倚蘭社崇光寺鍾銘 (chưa tìm được)

Một bài văn khắc ở chuông chùa Sùng Quang xã Ỷ Lan, cầu Ma Lăng, soạn vào khoảng năm Đại Khánh (1314 — 1323) (1).

do ĐẶNG LÂN CHUNG soạn

(1) Theo KVTL của Lê Quý Đôn, thì bài minh này làm vào năm Thiên Khánh thứ VII. Nhưng Thiên Khánh là một niên hiệu do Lê Lợi đặt ra trong lúc lập Trần Cảo làm chúa nhà Trần để tiện việc đấu tranh với ngoại giao với nhà Minh, niên hiệu này chỉ có 2 năm. Vậy chữ Thiên Khánh có thể là do chúa Đại Khánh chép nhầm mà thành. Đại Khánh ở đây có lẽ chỉ niên hiệu của Trần Minh Tông, chứ không phải của Lý Nhân Tông.

18. Mạn Đề hương Phúc Minh tự bia minh 漫底鄉福明寺碑銘 (chưa tìm được)

Một bài văn bia đề ở chùa Phúc Minh, hương Mạn Đề, soạn vào năm 1375 ;

do ĐỖ NGUYỄN CHƯƠNG soạn

19. Mật tấu (1) 密奏 (chưa tìm được)

Theo ĐVSKTT, vào năm 1392, trời đại hạn, triều đình nhà Trần xuống chiếu cầu lời nói thằng. Một người tên là Bùi Mộng Hoa đã dâng bức thư mật này cho Trần Nghệ Tông, đại ý nói : «Thần nghe trẻ con có câu hát rằng *Thâm tai Lê sư* (thâm độc thay Thái sư họ Lê). Xem như thế thì Quý Ly tất có ý dòm ngôi báu» ;

do BÙI MỌNG HOA viết

20. Minh đạo 明道 (chưa tìm được)

Một tập văn nghị luận gồm 14 thiên, làm vào năm 1392 để dâng lên Trần Nghệ Tông, đại ý nói Chu Công là tiên thánh, Khổng Tử là tiên sư, vậy trong Văn miếu nên đặt bài vị Chu Công ở giữa, mặt hướng về nam, bài vị Khổng Tử ở một bên, mặt hướng về tây ... Lại cho rằng trong sách *Luận ngữ* có một số chỗ dâng ngờ, như chuyện Khổng Tử đến yết kiến nàng Nam Tử, chuyện Khổng Tử hết lương ăn ở nước Trần, chuyện Khổng Tử muốn nhận lời mời của Công Sơn Phật Hất ... Ngoài ra còn phê phán Hàn Dũ là «đạo nho», gọi các nhà Lý học đời Tống như Chu Đôn Di, Trịnh Hiệu, Trịnh Di, Dương Thủ, La Trọng Tô, Lý Diên Niên, Chu Hy là học rộng nhưng viễn vông, không thiết thực, chỉ chuyên cợp nhặt văn chương của người xưa...

do HỒ QUÍ LY soạn

21. Phi «Minh đạo» (2) 非明道 (chưa tìm được)

Một bài văn nghị luận viết vào năm 1392, dâng lên Trần Nghệ Tông, nhằm công kích quan điểm của Hồ Quý Ly thể hiện trong 14 thiên *Minh đạo*;

do ĐOÀN XUÂN LÔI soạn

22. Phú học chỉ nam 武學指掌 (chưa tìm được)

Một bộ sách nghiên cứu và hướng dẫn cách làm văn ;

do HỒ TÔNG THỐC soạn

23. Phú tử khuyến học 富子勸學 (không chọn)

Một bài thơ khuyên con nhà giàu đi học ;

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác

24. Phúc Hưng tự Phật pháp tăng bảo 福興寺佛法僧寶 (không chọn).

Soạn vào năm Thiệu Phong thứ XVII (1357); chưa rõ tác giả.

25. Phụng tự bi 奉祀碑 (không chọn)

Soạn vào năm Quang Thái thứ III (1390?); kể lại truyền thuyết về Phụng Hưng và Ngô Quyền. Chưa rõ tác giả.

26. Quận học trúc tường tất 郡學集牆畢 (không chọn)

Một bài thơ nói về việc xây xong tường của nhà học ở quận;

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác

(1) (2) Đầu đề do chúng tôi tạm đặt.

27. Tạ Thượng hoàng ban bảo kiếm dĩ cầm kỳ 謝上皇貽寶劍與錦旗⁽¹⁾ (chưa tìm được).

Năm 1387, Trần Nghệ Tông bổ nhiệm Hồ Quý Ly làm Đồng binh chưởng sự, có bài cho một thanh gươm và một lá cờ để gióng chữ «Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức» nhân thế mà có bài thơ Nôm này để tạ ơn ;

do HỒ QUÝ LY sáng tác

28. Tài dụng tiễn vận thù La Cấp sự 用前韻酬羅給事 (không chọn)

Một bài thơ họa văn, thù đáp viên Cấp sự họ La ;

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác

29. Tặng Đồng Hồ Phạm tiên sinh 贈東湖范先生 (không chọn)

Một bài thơ tặng cho ngài họ Phạm người ở Đồng Hồ ;

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác

30. Tặng La Cấp sự 贈羅給事 (không chọn)

Một bài thơ tặng cho viên Cấp sự họ La ;

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác

31. Tặng Tư đồ 贈司徒 (2) (chưa tìm được)

Một bài thơ yết hậu bằng chữ Nôm, đề chế giễu việc Trần Nguyên Đán đem con là Mộng Dữ ký thác cho Hồ Quý Ly, mong tránh khỏi mối lo về sau, và Quý Ly cũng đã «vui lòng» chấp nhận sự trông cậy đó, bằng cách đem công chúa Hoàng Trung là con gái của tôn thất Nhân Vinh gả cho Mộng Dữ ;

do TRẦN NGẶC⁽³⁾ sáng tác.

32. Tặng Vân Oa 贈雲鶴 (không chọn)

Bài thơ tặng một người hiệu là Vân Oa.

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác.

33. Đại Vân Cao chủ nhân tống La Cấp sự (nhị thủ) 代雲高主人送羅給事 (二首) (không chọn)

do PHẠM NHỮ DỤC sáng tác.

34. Thảo nhàn hiệu tần 討閒效顰 (hoặc Thảo nhàn hiệu tần thi 討閒效顰詩,

Thảo nhàn hiệu tần tập 討閒效顰集)

Thơ cảm khái thời thế. Toàn tập đã mất, nay chỉ còn một số bài in trong các sách như TVTL, HVTT...

do HỒ TÔNG THỐC sáng tác.

35. Thắng Phúc tự bia ký 勝福寺碑記 (không chọn)

Một bài văn bia đề ở chùa Thắng Phúc ; soạn vào năm Long Khánh thứ III (1375) ; chưa rõ tác giả.

36. Thập cầm 十禽

Một bài thơ ngũ ý chè Trần Nghệ Tông không biết «chọn mặt gửi vàng», đem con là Trần Thuận Tông giao phó cho Hồ Quý Ly, chẳng khác nào gửi trứng cho ác. Bài thơ đã mất, chỉ còn lại hai câu :

(1), (2) Đầu đề do chúng tôi tạm đặt.

(3) Trần Ngạc còn đọc là Trần Thích, là con trưởng của Trần Nghệ Tông.

| Nhìn ngôn ký tử dữ lão nha,
| Bất thức lão nha liền ái phủ ?

(người ta nói gửi con cho quạ, chẳng biết quạ có thương xót không?) (Chép trong ĐVSHTT ; Bd. tr. 210) ;

do TRẦN NGUYỄN ĐÁN sáng tác

37. Thát trám só 七斬疏 (chưa tìm được)

Một bài sớ gửi cho Trần Dụ Tông, đòi chém bảy kẻ nịnh thần, đều là người có quyền thế, được vua yêu dấu ;

do CHU AN viết

38. Thi nghĩa 詩義 (chưa tìm được)

Một tập sách chữ Nôm giải thích ý nghĩa của các bài thơ trong Kinh Thi, soạn vào năm 1398, để dạy cho những người trong hoàng gia học tập. Bài tựa tập sách cũng viết bằng chữ Nôm, với một quan điểm khác hẳn Chu Hy.

do HỒ QUÝ LÝ soạn

39. Thiên Tôn động bi ký 天遵洞碑記 (không chọn)

Một bài văn bia đề ở động Thiên Tôn ; soạn vào năm Long Khánh thứ V (1377) ; chưa rõ tác giả.

40. Thường Hoa Chỉ huy 上華指揮 (không chọn)

Một bài thơ dâng lên viên Chỉ huy họ Hoa ;

do PHẠM NHƯ DỤC sáng tác

41. Thường Lưu Ngự sử 上劉御史 (không chọn)

Một bài thơ dâng lên viên Ngự sử họ Lưu :

do PHẠM NHƯ DỤC sáng tác

42. Tiêu Ân thi tập 楊隱詩集

Toàn tập đã mất, nay chỉ còn một số bài in trong các sách như TDTT, TVTL, HVTT...
do CHU AN sáng tác

43. Tiêu Ân Quốc ngữ thi tập 楊隱國語詩集 (hay Quốc ngữ thi tập)

Quốc ngữ詩集 (chưa tìm được)

Chưa rõ có gì khác với Tiêu Ân thi tập không ;

do CHU AN sáng tác

44. Tống La Cấp sự 送羅給事 (không chọn)

Một bài thơ tiễn viên Cấp sự họ La ;

do PHẠM NHƯ DỤC sáng tác

45. Tống Lâm Đại doãn Đinh Ưu 送林大尹憂 (không chọn)

Một bài thơ tiễn viên Đại doãn họ Lâm ;

do PHẠM NHƯ DỤC sáng tác

46. Trần Nghệ Tông thi tập 陳藝宗詩集

Toàn tập đã mất, nay chỉ còn một số bài in trong TVTL...

do TRẦN NGHỆ TÔNG sáng tác

47. Trần Đồng tri tái mệnh phú thôi Hoa Chỉ huy khất thủ đầu thông tích

陳同知再命賦催華指揮乞獻頭通首 (không chọn)

Một bài thơ do Trần Đồng tri bảo làm lần thứ hai duc viên Chỉ huy họ Hoá cho đầu thú và ngôi úp nóc nhà.

do PHẠM NHŨ DỤC sáng tác

48. Tứ thư thuyết trước 四書說約 (chưa tìm được)

Một tập sách gồm 10 quyển giới thiệu tóm tắt các cuốn *Luận ngữ*, *Mạnh tử*, *Trung dung* *Đại học* ;

do CHÙ AN soạn

49. Tượng sơn bi ký 象山碑記 (không chọn)

Một bài văn bia đề ở núi Voi ; soạn vào năm Thiệu Phong thứ XIII (1353) ; chưa rõ tác giả.

50. Vạn ngôn thư 萬言書 (chưa tìm được)

Một bức thư dài, soạn vào khoảng năm 1407, gửi cho Bùi Bá Kỷ lúc này đang làm việc cho quân xâm lược nhà Minh, đại đế nêu ba kế sách như sau : «nhà Minh đã ra sắc lệnh cho Các hạ (1) theo quân nhà Minh đi đánh dẹp, đợi khi bắt được nhà Hồ, sẽ chọn con cháu họ Trần lập làm vua. Nay nhà Minh đặt ty Bố chính, trao chức tước cao cả cho Các hạ, mà chỉ cấp người quét dọn ở nhà tông miếu họ Trần. Nay nếu Các hạ biết tàu bày rõ với nhà Minh là con cháu họ Trần hãy còn, đê nhà Minh tuyên bố tờ chiểu khác, lại phong họ Trần làm vua, đấy là *thượng sách*. Nếu không được như thế, thì từ bỏ quan chức, xin làm người giữ từ đường nhà họ Trần, đấy là *trung sách*. Còn như quyền luyến quan cao lộc hậu thì là *hạ sách*. Nếu Các hạ làm được thượng sách, thì tôi đây cũng như nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì chưa đầy trong bồ thuốc; mặc sức cho Các hạ sử dụng. Nếu làm trung sách thì tôi xin giữ đê tờ khi, lui tới ở trong từ đường họ Trần, mặc sức cho Các hạ sai bảo. Nếu làm hạ sách thì tôi đi câu & chõ vắng, đi cày ở nội rậm, cho trọn hết cái tuổi già mà thôi». (VSTGCM, *Chinh biến*; quyển thứ II)

do LÊ CẨNH TUÂN soạn

51. Việt Nam thế chí 越南世志 (chưa tìm được)

Theo LTHCLC, thì đây là một bộ sử gồm hai quyển, quyển đầu chép thế phả 18 đời họ Hồng Bàng ; quyển thứ hai chép thế phả họ Triệu, «sự tích có phần rõ ràng, lời văn phần nhiều kỳ dị, cũng có thể bô khuyết cho sự trước». Bài tựa bộ sách còn được in lại trong LTHCLC.

do HỒ TÔNG THỐC soạn

52. Việt sử cương mục 越史綱目 (chưa tìm được)

Một bộ sử gồm 10 quyển. Ngô Sĩ Liên trong cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* từng nhận xét : «Sách này viết cẩn thận mà có phương pháp, phê phán các việc thiết thực đúng đắn, không rườm rà».

do HỒ TÔNG THỐC soạn

53. Vô dật 無逸 (chưa tìm được)

Một bản dịch thiêng Vô dật trong *Kinh Thư* ra chữ Nôm ; dịch vào năm 1395, đê dạy cho Trần Thuận Tông ;

do HỒ QUÝ LY dịch (2)

(1) Chỉ Bùi Bá Kỷ.

(2) Các sách tham khảo chính :

Đại Việt sử ký toàn thư ; tập II ; Nxb Khoa học xã hội ; Hà Nội ; 1970 ; *Việt sử thông giám cương mục* ; Các tập VI, VII, VIII ; Nxb Văn Sử Địa ; Hà Nội ; 1958 ; *Kiến văn tiêu lục* ; Bd. của Viện Sử học ; Hà Nội ; 1963 ; *Lịch triều hiền chương loại chí* ; Bd. của Viện Sử học ; Hà Nội ; 1961 ; *Lược truyện các tác gia Việt Nam* ; Nxb khoa học xã hội ; Hà Nội 1971 ; *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* của Trần Văn Giáp ; Thư viện Quốc gia Xuất bản ; Hà Nội ; 1970 và *Nam Ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng.

II

**NIÊN BIỂU KHÁI QUÁT CÁC SỰ KIỆN
CÓ LIÊN QUAN TỚI VĂN HỌC (*)
(1344 — 1428)**

1344 [Quý mùa] (Trần Dụ Tông, Thiệu Phong thứ 4; Nguyễn Thuận Đế, Chí Chính thứ 4)

- Phong trào bạo động của quần chúng bị áp bức dâng lên mạnh mẽ, mà đỉnh cao nhất là cuộc khởi nghĩa của nông dân do Ngô Bé người Trà Hương (Hải Hưng) lãnh đạo. Nghĩa quân lấy núi Yên Phụ (Hải Hưng) làm căn cứ, và từ vị trí này mở rộng phạm vi hoạt động ra các vùng chung quanh.
- Mất mùa, đói kém. Nhiều người phải đi làm sứ sai hoặc nô ti để kiếm ăn.

1345 [Ất dậu] (Trần Dụ Tông, Thiệu Phong thứ 5; Nguyễn Thuận Đế, Chí Chính thứ 5)

- Thi thái học sinh. Cách thi : viết trăm cỗ văn, làm một bài kinh nghĩa, và một bài thơ, một bài phú.

1350 [Canh dần] (Trần Dụ Tông, Thiệu Phong thứ 10; Nguyễn Thuận Đế; Chí Chính thứ 10).

- Nhà Nguyên loạn lạc. Một nghệ nhân Trung Quốc là Đinh Bàng Đức cùng cả gia quyến lánh nạn sang nước ta, truyền bá môn leo dây múa rối theo kiều phuông Bắc.

1354 [Giáp ngọ] (Trần Dụ Tông, Thiệu Phong thứ 14; Nguyễn Thuận Đế, Chí Chính thứ 14).

- Có người tên là Tề lãnh đạo quần chúng nổi dậy chống lại sự áp bức bóc lột của

vương triều nhà Trần. Lực lượng khởi nghĩa chủ yếu là nô ti trốn khỏi các diền trang, thải ấp. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân bao gồm một số vùng từ Lạng Giang (Hà Bắc) đến Nam Sách (Hải Hưng).

Nhà thơ Trương Hán Siêu mất.

1357 [Đinh dậu] (Trần Dụ Tông, Thiệu Phong thứ 17; Nguyễn Thuận Đế, Chí Chính thứ 7)

- Trần Minh Tông mất. Lúc hấp hối, triều đình muốn lập đàn chay đề cầu đảo, nhưng Minh Tông gạt đi. Minh Tông lại sai người hầu đem đốt tắt cả các tập thơ «ngụ chế». Thấy bè tôi chấn chừ, Minh Tông bảo : «Cái vật đáng tiếc còn không tiếc được thay, huống là những thơ ấy! Lại nói với hoàng hậu rằng : «Sau khi ta mất, nàng cứ đến cung Thánh từ mà ở, đừng có xuất gia». Sinh thời, một hôm triều thần là Lê Quát và Phạm Sư Mạnh có ý khuyên vua nên sửa đổi việc nước theo khuôn mẫu lề giáo phuông Bắc, nhưng Minh Tông không chấp nhận, vì cảm thấy «Nhà nước đã có phép tắc nhất định, Nam Bắc khác nhau. Nếu nghe theo kế của kẻ học trò mặt trắng tim đường tiến thân, thì sinh loạn ngay».

1358 [Mậu tuất] (Trần Dụ Tông Đại Trị thứ 1; Nguyễn Thuận Đế, Chí Chính thứ 18)

(*) Do Trần Nghĩa soạn.

— Triều đình xuống chiếu cho quan lại các địa phương khuyên nhà giàu hãy phát thóc «chẩn cấp» cho dân, nhưng vẫn trị giá mà lấy tiền.

— Ngô Bé cho treo cờ lớn trên núi Yên Phụ, và yết bảng nêu rõ mục tiêu khởi nghĩa là nhằm «cứu giúp dân nghèo» (chẳn cứu bần dân).

1360 [Canh tị] (Trần Dụ Tông, Đại Trị thứ 5 ; Nguyên Thuận Đế, Chi Chính thứ 20).

— Phong trào nông dân khởi nghĩa do Ngô Bé lãnh đạo bị triều đình nhà Trần đàn áp giữ dội, đến đây coi như dập tắt.

— Triều đình xuống chiếu bắt buộc gia nô của các vương hầu, công chúa đều phải thích chữ ở trán theo thân phận riêng từng người và phải kê khai vào sổ hộ tịch. Ai trái lệnh sẽ bị quy là giặc cướp, và tùy «tội» nặng nhẹ mà hoặc bị tống giam, hoặc bị bắt làm tội tú cho nhà quyền quý.

1362 [Nhâm dần] (Trần Dụ Tông, Đại Trị thứ 5 ; Nguyên Thuận Đế, Chi Chính thứ 22)

— Dụ Tông ra lệnh cho các vương hầu, công chúa tổ chức hội diễn văn nghệ, và lựa chọn những tiết mục hay nhất để trình diễn ở cung đình, nhà vua sẽ đích thân chấm và ban thưởng. Sở dĩ có chủ trương này là vì hồi đầu năm Thiệu Bảo (1279-1284), trong khi đánh nhau với quân Nguyên, người nước ta có bắt sống được vai kép Lý Nguyên Cát rất sành ca kịch, nhiều nhà quyền quý trong hoàng tộc đua nhau cho người theo Nguyên Cát để học. Nguyên Cát từng bày diễn theo lối Bắc vở *Tây Vương Mẫu* *dâng bàn đảo*, rất được người xem hoan nghênh. Cuộc hội diễn quy mô năm 1362 này có thể coi như đợt sơ kết phong trào văn nghệ do vương triều đứng ra tổ chức. Dĩ nhiên trong hội diễn, còn có nhiều tiết mục «cây nhà lá vườn» của Việt Nam.

— Chu An dâng *Thất trám só*, đòi chém bảy tên nịnh thần. Dụ Tông không nghe, Chu An bèn treo trả mũ áo về với ruộng vườn.

1363 [Quý mão] (Trần Dụ Tông, Đại Trị thứ 5 ; Nguyên Thuận Đế, Chi Chính thứ 23)

— Thi văn học, để lấy người vào làm ở noi quán các ; thi viết chữ và thi toán, để lấy người vào làm ở noi sảnh, viện.

1365 [Ất tị] (Trần Dụ Tông, Đại Trị thứ 8 ; Nguyên Thuận Đế, Chi Chính thứ 25)

— Thiều Thốn khéo võ về quân sĩ, được binh lính yêu mến. Sau vì có người em phạm pháp mà Thiều Thốn sắp phải cách chức. Quân sĩ thấy vậy, đặt câu hát rằng : «Trời không thấu oan, ông Thiều mất quan !» Ngày Thiều Thốn về vườn, quân sĩ đặt câu hát rằng : «Ông Thiều ra về, lòng tôi tái tê !» Triều đình nghe chuyện bèn khôi phục chức cũ cho Thiều Thốn. Anh em quân sĩ lại đặt câu hát : «Trời đã thấu oan, ông Thiều trở lại làm quan !»

1368 [Mậu thân] (Trần Dụ Tông, Đại Trị thứ 11 ; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 1)

— Chu Nguyên Chương diệt nhà Nguyên, lên ngôi vua ở Kim Lăng, tức Minh Thái Tổ, sai Dịch Tế Dân sang sứ nước ta để thông báo. Trần Dụ Tông cử Đào Văn Đích sang sứ nhà Minh để đắp lễ.

— Đạo sĩ Huyền Vân tu ở núi Yên Tử (nay thuộc Đông Triều), Trần Dụ Tông cho vời về Kinh để hỏi cách thức tu luyện, và đặt tên chỗ ở cửa đạo sĩ là động Huyền Thiên.

1369 [Kỷ dậu] (Trần Dụ Tông, Đại Trị thứ 12 ; Dương Nhật Lễ, Đại Định thứ 1 ; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 2)

← Trần Dụ Tông mất, Dương Nhật Lễ lên ngôi. Nhật Lễ nguyên là con của một nghệ nhân tên là Dương Khuông. Mẹ của Nhật Lễ đóng vai *Vương Mẫu* trong vở *Tây Vương Mẫu* *dâng bàn đảo*, khi đang có mang Nhật Lễ. Một người con của Minh Tông là Nguyên Dục thấy nàng xinh đẹp, lấy làm vợ. Đến khi sinh Nhật Lễ, Dục nhận là con mình. Do Dụ Tông không có con mà Nhật Lễ được nối ngôi.

- Sứ nhà Minh là Ngru Lượng và Trương Dĩ Ninh sang ta, vừa gặp lúc Dụ Tông mất. Ngru Lượng có làm thơ viếng. Ngày Lượng về nước, Cung Định Vương Phủ (Nghệ Tông sau này) có làm thơ tiễn.
- 1370 [Canh tuất] (Dương Nhật Lễ, Đại Định thứ 2; Trần Nghệ Tông, Thiệu Khanh thứ 1; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 3)
- Minh Thái Tổ tự tay làm *Chúc văn*, sai đạo sĩ Diêm Nguyên Phục đem trâu và lụa sang nước ta để tế thần núi Tân Viên và thần sông Lô. Lại sai rập một số bài bia và chép một số đồ thư cùng diền tịch của nước ta đưa về Trung Quốc.
 - Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác mưu giết Dương Nhật Lễ không thành, bị Nhật Lễ giết.
 - Cung Định Vương Phủ chạy đến miền Đà Giang để lánh nạn. Lúc rời cung đình, Phủ có tặng cho em là Kinh một bài thơ nói xa xôi về những dự định sắp tới của mình.
 - Vào khoảng cuối năm, một số người thuộc tông thất nhà Trần đem quân về Kinh giết Dương Nhật Lễ. Cung Định Vương lên ngôi vua, tức Trần Nghệ Tông. Sau khi giành lại được Vương triều, Trần Nghệ Tông bảo đám bè tôi rằng: «Bản triều dựng nước có chế độ riêng. Khoảng năm Đại Trị (1358-1369) thay đổi lung tung, đến nỗi rối ren phiền nhiễu. Nay nên trừ bỏ những chính sự tệ hại. Mọi việc đều cứ tuân theo điều lệ năm Khai Thái (1324-1328)»
 - Nhà giáo và nhà thơ Chu An mất.
- 1371 [Tân hợi] (Trần Nghệ Tông, Thiệu Khanh thứ 2; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 4)
- Thừa lúc nhà Trần thiểu phòng bị, quân Chiêm Thành đã đánh thẳng vào Thăng Long, đốt hầu hết các cung điện cùng nhiều sách vở.
 - Nghệ Tông lập em là Kinh làm hoàng thái tử, có làm tập *Hoàng huấn* gồm 14 chương để ban cho.
 - Nghệ Tông bắt đầu dùng người họ ngoại là Hồ Quý Ly làm Xu mật đại sứ.
- 1372 [Nhâm tí] (Trần Nghệ Tông, Thiệu Khanh thứ 3; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 5)
- Nghệ Tông nhường ngôi cho hoàng thái tử Kính, tức Trần Duệ Tông, có làm bài *Để châm* dài 150 câu để ban cho.
- 1374 [Giáp dần] (Trần Duệ Tông, Long Khanh thứ 2; Minh Thái Tổ, Hồng vũ thứ 7)
- Bắt đầu đặt khoa thi tiến sĩ. Trước đây, cứ bảy năm một lần thi thái học sinh, lấy 30 người đỗ. Đến đây, bắt đầu có khoa tiến sĩ, lấy Đào Sư Tích đỗ Trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đỗ Bảng nhãn, Trần Định Thành đỗ Thám hoa, La Tu đỗ hoàng giáp, cập đệ và đồng cập đệ cả thảy 50 người.
- 1377 [Đinh tị] (Trần Duệ Tông, Long Khanh thứ 5; Phế Đế, Xương Phù thứ 1; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 10)
- Trần Duệ Tông mang quân đi đánh Chiêm Thành, bị chết tại trận.
 - Con trưởng của Duệ Tông là Hiện (có người đọc là Nghiễn) lên ngôi, tức Trần Phế Đế.
- 1378 [Mậu ngọ] (Phế Đế, Xương Phù thứ 2; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 11)
- 1380 [Canh thân] (Phế Đế, Xương Phù thứ 4; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 13)
- Người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi ra đời.
- 1381 [Tân dậu] (Phế Đế, Xương Phù thứ 5; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 14)
- Thi thái học sinh.
 - Triều đình sai nhà sư người Đại Than (Hà Bắc) đi các nơi lừa lấy những kẻ khỏe mạnh trong đám sa môn không có độ điệp (giấy chứng nhận được phép tu hành do triều đình cấp) sung vào quân đội để đi đánh giặc.
- 1383 [Quý hợi] (Phế Đế, Xương Phù thứ 7; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 16)
- Nghệ Tông đi chơi ở cung Bảo Hòa (Hà Bắc), sai Thiêm tri nội mật viện sứ là Nguyễn Mậu Tiên cùng Lễ bộ lang trung là Phan Nghĩa thay phiên nhau túc

trực, tôi bữa cho ăn, và hỏi han các chuyện cũ. Những chuyện này đều được ghi chép lại thành 8 quyển, lấy nhau đề chung là *Bảo hòa dư bút*, do Đào Sư Tích đề tựa.

Cung Bảo Hòa nguyên là một thư viện do nhà Trần lập ra, từng dùng danh号 Trần Tôn làm Viện trưởng để giảng dạy các sinh đồ.

1384 [Giáp tị] (Phế Đế, Xương Phù thứ 8; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 17)

— Trần Nghệ Tông tổ chức thi thái học sinh ở chùa Vạn Phúc, núi Tiên Du (Hà Bắc); kể từ Đoàn Xuân Lôi, Hoàng Hồi Khanh trở xuống, lấy đỗ cả thảy 30 người. Một số trong đám thí sinh còn lại được chọn vào cung Bảo Hòa làm Thư sứ.

1385 [Ất sửu] (Phế Đế, Xương Phù thứ 9; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 18)

— Triều Minh sai sứ sang nước ta để xin 20 nhà sư. Nguyên trước đó, triều Trần có cho một số hoạn quán như Nguyễn Tông Đạo, Nguyễn Toán đến Kim Lăng, được vua Minh dùng làm cận thần. Bọn Tông Đạo mách với vua Minh rằng sự nước Nam dựng đạo tràng giỏi hơn sự xứ Bắc. Vì vậy đến đây nhà Minh sai sứ sang xin.

— Trần Nguyên Đán nghỉ quan về hưu ở Côn Sơn, có làm thơ từ biệt bạn bè. Trang Định Vương Ngạc gửi thơ tặng Nguyên Đán.

— Vị anh hùng dân tộc Lê Lợi sinh tại làng Thủ Sơn, huyện Lôi Dương, tỉnh Thanh Hóa.

1387 [Bính mão] (Phế Đế, Xương Phù thứ 11; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 20)

— Nghệ Tông lấy Hồ Quý Ly làm Đông binh chương sự, có tặng cho một thanh gươm và một lá cờ đề giòng chữ «Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức». Quý Ly làm thơ Nôm để tạ ơn.

1388 [Mậu thìn] (Phế Đế, Xương Phù thứ 12; Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 1; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 21)

— Quý Ly cùng Nghệ Tông mưu giết Phế Đế, và đưa con út của Nghệ Tông là Ngung lên làm vua, tức Trần Thuận Tông. Phê cánh Phế Đế bị hăm hại, trong đó có Lưu Thường. Trước lúc hành hình, Thường có một bài thơ tuyệt mệnh nói lên khí tiết của mình.

1389 [Kỷ tị] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 2; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 22)

— Nguyễn Thanh khởi nghĩa vùng sông Lương (tức sông Chu, Thanh Hóa). Nhân dân hưởng ứng rất đông.

— Ở vùng Nông Cống (Thanh Hóa), có Nguyễn Kỳ cũng tự xưng là Lỗ Vương, họp binh khởi nghĩa.

— Nhà sư Phạm Sư Ôn bạo động ở Quốc Oai (Hà Tây), rồi đem quân tiến đánh Kinh kỳ (Hà Nội).

1390 [Canh ngọ] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 3; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 23)

— Nhà thơ Trần Nguyên Đán mất, Nghệ Tông có làm một bài thơ đề ở mộ. Sinh thời, Nguyên Đán từng viết bài *Thập cầm*, có ý chè Nghệ Tông, ký thác con cho Hồ Quý Ly chẳng khác nào gửi trứng cho ác.

1391 [Tân mùi] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 4; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 24)

— Hồ Quý Ly làm thơ gửi cho viên Ngự sử đại phu là Đỗ Tử Trừng để trách về thái độ hờ hững trước việc Phan Mạnh và Chu Bỉnh Khuê nói xấu Hồ Quý Ly.

1392 [Nhâm thân] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 5; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 25)

— Đại hạn. Triều đình cầu lời nói thẳng. Bài Mộng Hoa dâng thư, đại ý như sau: «Thần nghe trẻ con có câu hát *Thâm tai, Lê sư* (Thâm độc thay, Thái sư họ Lê). Xem vậy thì biết Hồ Quý Ly có ý dòm ngó ngôi báu».

— Nghệ Tông đọc xong bức thư, bèn chuyên cho Quý Ly xem. Về sau, khi Quý Ly chuyên quyền, Mộng Hoa bỏ đi sống ẩn.

— Hồ Quý Ly soạn 14 thiên *Minh đạo dâng* lên cho Trần Nghệ Tông xem, đại đế cho rằng Chu Công là tiên thánh, Khổng Tử là tiên sư. Sắp xếp ngôi thứ nơi Văn Miếu nên đặt bài vị Chu Công ở giữa, mặt hướng về nam; còn bài vị Khổng Tử thì đặt bên cạnh, mặt hướng về tây. Hồ Quý Ly lại cho rằng trong sách *Luận ngữ* có mấy chỗ đáng ngờ. Một là chuyện Khổng Tử rời yết kiến một người đàn bà không lấy gì làm đúng đắn cho lắm, ấy là nàng Nam Tử, vợ Linh Công nước Vệ (*Luận ngữ*, *Ung dã*). Hai là chuyện Khổng Tử hết lương ăn ở nước Trần, đến nỗi kẻ đi theo đòi quở không đứng dậy được (*Luận ngữ*, *Về Linh Công*). Ba là chuyện Khổng Tử muốn giúp cho Công Sơn Phất Nhiêu (là Tề tướng ấp Phi) và Phật Hắt (là Tề tướng ấp Trung Mâu) khi hai người này có nhã ý với Khổng Tử (*Luận ngữ*, *Đương hóa*). Đối với Hàn Dũ, một danh nho đời Đường, Quý Ly xem như một «đạo nho», nghĩa là miệng thì nói đạo nghĩa thánh hiền, mà việc làm thì như kẻ cắp chợ (cố lẽ vì Hàn Vũ từng làm bài *Phật cốt biếu*, cục lực bài bác đạo Phật, nhưng đến khi bị giáng chức ra Triều Châu, thì lại chơi thân với nhà sư Đại Biên). Còn đối với các nhà Lý học đời Tống như Chu Đôn Di, Trinh Hiệu, Trinh Di, Dương Thi, La Trọng Tố, Lý Diên Niên, Chu Hy... thì Hồ Quý Ly cho là học rộng nhưng viễn vông, không quan thiết đến thực tế, chỉ chuyên cớp nhặt văn chương người xưa.

Trần Nghệ Tông xem xong các điểm trên đây, vô cùng khen ngợi. Nhưng Quốc tử trợ giáo là Đoàn Xuân Lôi thì lại dâng thư nói quan điểm của Hồ Quý Ly rất sai trái, vì thế mà bị Quý Ly đày đi nơi khác. Hành khiên Đào Sư Tích có xem bức thư của Xuân Lôi, do đó cũng bị giáng chức.

1393 [Quý dậu] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 6; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 26)

- Thi Thái học sinh, lấy đỗ 30 người.
- Thi quan lại.

1394 [Giáp tuất] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 7; Minh thái Tổ, Hồng Vũ thứ 27)

- Trần Nghệ Tông sai thợ vẽ tranh «Tứ phụ» (Chu Công giúp Thành Vượng, Hoắc Quang giúp Chiêu Đế, Gia Cát Lượng giúp Hậu Chúa, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông) ban cho Hồ Quý Ly, ý mong mỗi Quý Ly cũng một lòng một dạ giúp đỡ cho Trần Thuận Tông theo gương bốn người phò chính trong tranh «Tứ phụ».
- Nghệ Tông nắm mông thấy em là Duệ Tông đọc bài thơ rằng: «Trung gian duy hữu Xích chửu hầu, ân cần tiếm thượng Bạch kè lầu. Khẩu vương dĩ định hưng vong sự, bất tại tiền đầu tại hậu đầu» (Trung gian có con hầu Xích chửu, lầm le lẩn bước lên lầu Bạch kè. Việc nước còn hay mất đã định sẵn rồi, không sớm thì muộn rồi cũng biết).

1396 [Bính tị] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 9; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 29)

- Triều đình ra lệnh những nhà sư chưa đến 50 tuổi đều phải hoàn tục. Lại thi lấy những người am hiểu đạo Phật, tùy trình độ mà trao cho các chức tăng đường đầu mục, Tri cung, tri quán, Tri tự. Ngoài ra, gọi là Tu Nhân hoặc Thị giả.
- Định lại thể thức thi cử nhân: bỏ môn viết trâm cỗ văn, dùng thể văn bốn kỵ. Cụ thể là: *Kỳ thứ nhất*, thi một bài kinh nghĩa, có đoạn phả đề, tiếp ngữ, tiêu giảng, nguyên đề, đại giảng, churóc kết. Bài làm không quá 500 chữ. *Kỳ thứ hai*, thi một bài thơ và một bài phú. Thơ dùng luật Đường. Phú dùng *Cỗ thể*, hoặc thể *Ly tao*, thể *Văn tuyển*, cũng hạn trên 500 chữ. *Kỳ thứ ba*, thi chiếu, chế, biếu. Chiếu dùng thể văn đời Hán. Chế và biếu dùng thể văn từ lục đời Đường. *Kỳ thứ tư*, thi một bài văn sách, lấy đê tài ở kinh sử hoặc thời sự, dài không quá 1000 chữ.

— Quý Ly soạn cuốn *Thi nghĩa* (nghĩa của sách *Kinh Thi*) cùng bài tựa bằng chữ Nôm để dạy cho các hậu phi và cung

nhân học tập. Bài tựa Hồ Quý Ly phản nhiều soạn theo ý riêng của mình, không theo quan điểm của Chu Hy.

1397 [Đinh sưu] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 10; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 30).

— Quý Ly muốn dời đô đến An Tôn (Thanh Hóa). Viên Xu mật chủ sự thị sứ là Nguyễn Nhữ Thuyết dâng thư can rằng: «Ngày trước nhà Chu, nhà Ngụ dời Đô, sau đều không sao ngóc lên được. Nay đất Long Đỗ (Hà Nội) có núi Tản Viên, có sông Nhị Hà, cao sâu phảng rộng; từ trước, các đời để vuông mở cơ nghiệp dựng nước, không đời nào không lấy đất ấy làm nơi cản bǎn, vì thế mà mặt bắc chống giặc Nguyên thì quân Nguyên bị giết, mặt Nam đánh Chiêm Thành thì giặc Chiêm nộp đầu, những việc ấy chả phải nhờ ở địa thế tiện lợi mới được như vậy là gì? Dám xin nghĩ lại một chút để làm kế vững vàng cho nước nhà. Còn như An Tôn địa thế nhỏ hẹp, hẻo lánh, là nơi son cung thủy tận, không thể định cư được. trông cậy vào nơi hiểm trở thì có ích gì? Cồ ngữ có câu: *Cần ở đức, không cần ở nơi hiểm trở*. Quý Ly không nghe. Đến kỳ xét duyệt công lao, thấy trong danh sách đề nghị có tên Nguyễn Nhữ Thuyết, Quý Ly gạch đi, nói: anh này là người «cần ở đức, không cần nơi hiểm trở» đây. Về sau, Quý Ly không dùng Nhữ Thuyết nữa.

— Trần Thuận Tông ra tờ chiếu rằng: «Đời cõi, ở trong nước có nhà Quốc học, ở đảng (làng) có nhà tự (trường làng), ở toại (nơi xa kinh đô) có nhà trường (trường học), chủ yếu là làm cho giáo hóa được sáng tỏ, phong tục được thuần hậu, chính sách ấy trẫm rất hâm mộ. Nay thề lệ về nhà học của nước đã được đầy đủ, nhưng ở chau huyện hãy còn thiếu sót, thì làm thế nào mở rộng được đạo dạy dân? Vậy hạ lệnh cho phủ chau thuộc các lộ Sơn Nam, Kinh Bắc và Hải Đông đều đặt một viên quan Giáo thụ trông coi về việc học tập. Ruộng cấp theo tiêu chuẩn như sau: Các phủ và chau

hang lớn được 15 mẫu, hang vừa được 12 mẫu, hang nhỏ 10 mẫu. Hoa lợi thu được sẽ chi dùng vào việc học ở phủ hoặc chau. Viên quan cai trị ở lộ phải đón đốc viên quan Giáo thụ dạy bảo học trò cho thành người có tài năng, văn nghệ. Hàng năm, cứ đến cuối năm hãy lựa chọn những người ưu tú tiến cống vào triều, trẫm sẽ thân hành cho thi lại rồi cất nhắc bồ dụng» (Ngô Sĩ Liên nhận xét: Chiếu lệnh này về sau không thấy thi hành, vì không phải là bản ý của Trần Thuận Tông. Chẳng qua Hồ Quý Ly muốn cướp ngôi, nên bày ra việc này để thu phục lòng người!)

+ Quý Ly ép Thuận Tông dời đô đến Thanh Hóa.

1398 [Mậu dần] (Trần Thuận Tông, Quang Thái thứ 11; Trần Thiếu Đế, Kiến Tân thứ 1; Minh Thái Tổ, Hồng Vũ thứ 31).

— Hồ Quý Ly ép Thuận Tông nhường ngôi cho thái tử Án tức Trần Thiếu Đế, để tu tiên. Tờ chiếu truyền ngôi đại ý nói: «Trẫm trước vẫn mộ đạo, không có bụng làm vua. Không có đức mà giữ ngôi, thực khó làm nổi. Huống chi cái bệnh thần kinh thường phát ra, thờ cúng và chính sự đều không làm được. Lời thề nguyên trước, trời đất quỷ thần đều đã nghe. Nay nên nhường ngôi để vững nghiệp lớn. Hoàng thái tử Án có thể lên ngôi hoàng đế. Phụ chính Thái sư Quý Ly là quốc tổ (Quý Ly là ông ngoại của Án) nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái thượng nguyên quân hoàng đế, tu dưỡng ở cung Bảo Thành để thỏa chí xưa».

1399 [Kỷ mão] (Trần Thiếu Đế, Kiến Tân thứ 2; Minh Huệ Đế, Kiến Văn thứ 1).

— Quý Ly buộc Thuận Tông ra ở quán Ngọc Thanh (Quảng Ninh), ngầm sai Nguyễn Cần đi theo để giám sát. Quý Ly có gửi cho Thuận Tông một bài thơ, ngụ ý khuyên Thuận Tông nên tự «định liệu» lấy đời mình. Đồng thời Quý Ly cũng làm thơ gửi cho Nguyễn Cần, bảo Cần phải tìm cách giết Thuận Tông, nếu Thuận Tông không tự tử. Cuối cùng, Quý Ly sai Phạm Khả Vĩnh đem Thuận Tông ra thắt cổ.

- Nguyễn Nhữ Cái bạo động ở vùng sông Đà, số nghĩa quân lên tới hơn một vạn đến năm 1400 thì bị triều đình đập tắt.
- 1400 [Canh thin] (Trần Thiếu Đế, Kiến Tân thứ 3, Hồ Quý Ly, Thành Nguyên thứ 1; Minh Huệ Đế, Kiến Văn thứ 2)
 - Quý Ly lập con là Hán Thương làm Thái tử. Trước đó, Quý Ly có làm bài thơ vịnh cài nghiên đá để dò ý con trưởng của mình là Hồ Nguyên Trừng đối với việc này. Trừng cũng làm bài thơ vịnh cây tung đẽ đáp lại, tỏ ý không dám trái mệnh.
 - Quý Ly ép Thiếu Đế nhường ngôi cho mình.
 - Thi thái học sinh. Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mông Nguyên v.v... cả thảy 20 người đã đỗ khoa này.
 - Quý Ly nhường ngôi cho con là Hán Thương.
- 1401 [Tân tị] (Hồ Hán Thương, Thiệu Thành thứ 1; Minh Huệ Đế, Kiến Văn thứ 3)
 - Lấy Nguyễn Phi Khanh làm Hán lâm học sĩ.
- 1404 [Giáp thân] (Hồ Hán Thương, Khai Đại thứ 2; Minh Thành Tông, Vĩnh Lạc thứ 2)
 - Định lại cách thức thi cử nhân. Hán Thương phỏng theo phép ba kỳ thi ở thời nhà Nguyên (*kỳ thứ nhất*, thi một bài minh kinh và một bài kinh nghi; *kỳ thứ hai*, thi phú, chiếu, cáo, chưong và biểu theo cổ thể; *kỳ thứ ba*, thi một bài văn sách, hỏi về kinh sử, thời sự) mà chia thành bốn kỳ. Lại thêm một kỳ viết chữ và làm tinh, cộng cả thảy thành năm kỳ. Ba năm một lần mở khoa thi. Cứ tháng 8 năm nay thi hương, thi tháng 8 sang năm thi ở bộ Lê, rồi sang năm sau nữa thi hội. Người nào trúng tuyển trong kỳ thi hương, sẽ được miễn lao dịch. Người nào trúng tuyển trong kỳ thi ở bộ Lê, sẽ được chọn bổ dụng. Người nào trúng tuyển trong kỳ thi hội, sẽ được sung vào thái học sinh.
 - Nhà Minh sai Lý Ý sang sứ. Khi về nước, Ý tâu với vua Minh là họ Hồ xưng Hoàng đế và làm thơ có lời ngạo mạn.

- 1405 [Ất dậu] (Hồ Hán Thương, Khai Đại thứ 3; Minh Thành Tông, Vĩnh Lạc thứ 3)
 - + Một người tên là Ông Kiều vì đem phổ biến bài thơ do Hồ Quý Ly làm ra để răn dạy Hán Thương và Nguyên Trừng mà bị Quý Ly giết chết.
 - Bộ Lê thi Gử nhân, lấy đỗ 170 người.
 - Thi quan lại.
 - Quý Ly lấy Nguyễn Ngạn Quang làm Tuyên phủ sứ và có tặng cho Quang một bài thơ.
 - Hán Thương sai Hoàng Hối Khanh đôn đốc việc đắp thành Đa Bang (Hà Tây) chuẩn bị chống quân Minh. Hối Khanh làm thơ có câu: «Mao thiêm mệnh dã cung tiều thoảng; Lão mộc thời hò ách phủ cân» (Nhà tranh đàm phận noi dun nấu; Cây cối thường khi bị búa riu).
- 1406 [Bính tuất] (Hồ Hán Thương, Khai Đại thứ 4; Minh Thành Tông, Vĩnh Lạc thứ 4)
 - Nhà Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm Bình là con cháu nhà Trần về nước để mang quân sang xâm lược nước ta.
- 1407 [Đinh hợi] (Hồ Hán Thương, Khai Đại thứ 5; Giản Định Đế, Hưng Khánh thứ 1; Minh Thành Tông, Vĩnh Lạc thứ 5)
 - Quân Minh sau khi bắt được Quý Ly và Hán Thương ở ghềnh Chầy Chầy (Hà Tĩnh), đã đòi nước ta làm quận Giao Chỉ và sáp nhập vào lãnh thổ phong kiến nhà Minh.
 - Nhà Minh ra lệnh cho Trương Phụ lùng kiềm ở nước ta những người ăn dật nơi rừng núi, những kẻ gọi là có tài đức, thông thạo *Ngũ kinh*, văn hay, học rộng, thạo việc, am hiểu thư toán, nói năng hoạt bát, hiếu dỗ, chăm làm ruộng, tướng mạo khôi ngô, gân súc cứng rắn, cùng những người hiếu biết nghe càu cúng, làm thuốc, xem bói v.v... để đưa hết về Kim Lăng. Bùi Ứng Đầu, Lý Tử Cầu... đều trốn không để cho giặc thao túng. Trong nhân dân lúc bấy giờ có câu ngạn ngữ: «Dục hoạt, nhập ăn lâm san; dục tử, Ngô triều tố quan» (Muốn sống, ăn ở núi rừng; muốn chết, hãy làm quan với triều Ngô — chỉ quân Minh).

- Trần Ngỗi, tức Giản Định Đế, con thứ hai của Nghệ Tông, khởi nghĩa chống quân Minh, có Đặng Tất giúp sức.
- Lê Cảnh Tuân viết *Vạn ngôn thư* (bức thư một vạn chữ) gửi cho Bùi Bá Kỳ lúc này đang làm Tham nghị cho quân Minh.
- 1409 [Kỷ sứu] (Giản Định Đế, Hưng Khanh thứ 3; Trùng Quang Đế, Trùng Quang thứ 1; Minh Thành Tổ, Vĩnh Lạc thứ 7)
 - Nghe lời đem pha của Nguyễn Quý và Nguyễn Mộng Trang, Giản Định Đế đã giết Quốc công Đặng Tất và Tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân. Con của Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị và con của Đặng Tất là Đặng Dung đều tức vì cha bị giết oan, đem quân từ Thuận Hóa đến Thanh Hóa đón Trần Quý Khoảng là cháu của Nghệ Tông lên làm vua tức Trùng Quang Đế, để lãnh đạo và tổ chức lại lực lượng kháng chiến chống quân Minh.
 - Quân Minh bắt được Giản Định Đế ở Mỹ Lương (Sơn Tây), đưa về Kim Lăng.
- 1411 [Tân mão] (Trùng Quang Đế, Trùng Quang thứ 3; Minh Thành Tổ, Vĩnh Lạc thứ 8) quân Minh lập trường học trên đất nước ta để đào tạo bọn tay chân giúp việc cho chúng.
- Giáo thụ Lê Cảnh Tuân bị quân Minh bắt đưa về Kim Lăng.
- 1413 [Quý tợn] (Trần Trùng Quang, Trùng Quang thứ 5; Minh Thành Tổ, Vĩnh Lạc thứ 11)
 - Trần Trùng Quang sai Đài quan Nguyễn Biều đến Nghệ An, vùng quân Minh đang chiếm đóng để «cầu phong», thực chất là thăm dò thái độ và quan sát tình hình địch, bị Trương Phụ giữ lại. Biều tức giận mắng Phụ rằng: «Trong bụng thì mưu đánh lấy nước người, mà bên ngoài thì giả làm quân nhân nghĩa; đã hứa lập con cháu nhà Trần, rốt cục lại đặt nước người làm quận huyện; không những chỉ cướp vàng bạc châu báu lại còn giết hại nhân dân, thật là giặc tàn ngược». Phụ tức giận, đem Nguyễn Biều ra giết.
 - Trần Trùng Quang cùng các tướng lĩnh quan trọng như Đặng Dung, Nguyễn Súy

Nguyễn Cảnh Dị... đều bị quân Minh bắt. Cảnh Dị mắng Trương Phụ không ngọt: «Chính ta muốn giết mày, không dè bây giờ lại bị mày bắt».

1415 [Ất mùi] (Minh Thành Tổ, Vĩnh Lạc thứ 13)

— Ở nước ta, viên quan cai trị nhà Minh là Hoàng Phúc sai người đưa một số nhà nho, thầy thuốc, thầy tướng số, tăng đạo thuộc các phủ, châu, huyện về Yên Kinh.

1417 [Đinh dậu] (Minh Thành Tổ, Vĩnh Lạc thứ 15)

— Nhà Minh định thề lệ hàng năm cống những người nho học và sinh viên vào Quốc tử giám như sau: Nhà phủ học mỗi năm đề cử hai người, nhà châu học hai năm ba người, nhà huyện học mỗi năm một người. Sau giáng xuống nhà phủ học mỗi năm một người, nhà châu học ba năm hai người, nhà huyện học hai năm một người.

1418 [Mậu tuất] (Lê Lợi, Bình Định Vương thứ 1; Minh Thành Tổ, Vĩnh Lạc thứ 16).

— Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương, đáy quân khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa) để chống quân xâm lược nhà Minh

1419 [Kỷ hơi] (Lê Lợi, Bình Định Vương thứ 2; Minh Thành Tổ, Vĩnh Lạc thứ 17)

— Nhà Minh sai Đường Nghĩa sang nước ta phân phát các sách *Ngũ kinh*, *Tứ thư*, *Tinh lý đại toàn*, *Vi hiện ám chất*, *Hiếu thuận sự thực* để giảng dạy trong các trường thuộc phủ, châu, huyện. Lại sai một số nhà sư đi truyền bá kinh phật ở các Tăng, Đạo ti. Còn tất cả các sách vở của ta từ đời Trần trở về trước đều bị quân Minh cướp sạch đưa về Kim Lăng.

— Phạm Ngọc, một nhà sư ở Đồ Sơn (Hải Phòng) nổi dậy chống quân Minh.

— Lê Ngã, một gia nòi của họ Trần ngày trước, khởi nghĩa ở Quảng Ninh để chống quân xâm lược.

1426 [Bính ngọ] (Lê Lợi, Bình Định Vương thứ 9; Minh Tuyên Tông, Tuyên Đức thứ 1).

- Lê Lợi đóng hành dinh ở Bồ Đề (Thanh Hóa), tổ chức thi «những kẻ sĩ văn học», với đầu đề là làm một bài văn yết bẳng «Hiệu dụ thành Đông Quan» (tức thành Hà Nội), lấy đỗ 36 người.
- 1427 [Đinh mùi] (Lê Lợi, Bình Định Vương thứ 10 ; Minh Thành Tổ, Tuyên Đức 2).
 - Lê Lợi cho tìm vời những người có tài trí, mưu lược, dũng cảm để cùng bàn về việc giải phóng thành Đông Quan (Hà Nội).
 - Lê Lợi và Vương Thông «hội thè» ở phía Nam thành Đông Quan, đánh dấu một thắng lợi lịch sử vĩ đại của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, và sự đầu hàng vô điều kiện của kẻ địch.
 - Vương Thông sau cuộc «hội thè», đã rút quân về Bắc.

1428 [Mậu Thân] (Lê Thái Tổ, Thuận Thiên thứ 1 ; Minh Thành Tổ, Tuyên Đức thứ 3).

- Lê Lợi tuyên bố cho nhân dân cả nước biết: quân xâm lược nhà Minh đã bị quét sạch, đất nước ta được hoàn toàn giải phóng (1).

(1) Các tài liệu tham khảo chính : *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập II) ; Bản dịch của Gao Huy Giu ; Nxb Khoa Học Xã Hội ; Hà Nội ; 1971 ; *Việt sử thông giám cương mục* (các tập VI, VII, VIII) ; Bản dịch của Ban nghiên cứu Văn Sử Địa ; Nxb Văn Sử Địa ; Hà Nội ; 1958 ; *Niên biểu Việt Nam* (in lần thứ 2) của Vụ Bảo tồn Bảo Tàng ; Nxb Khoa Học Xã Hội ; Hà Nội ; 1970 ; *Lược truyện các tác gia Việt Nam* ; Nxb Khoa Học Xã Hội ; 1971 ; *Trung Quốc thông sử giản biên* ; Hội nghiên cứu lịch sử Trung Quốc soạn ; Hoa Đông nhân dân xuất bản xã ; Thượng Hải ; 1951.

III

SÁCH BÁO VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- An Nam chí lược 安南志略 của Lê Trắc 黎側 A.16*
- Bí văn sao 碑文抄 của Hoàng Xuân Hãn 黃春汗. XH.68
20
- Công du tiếp ký 公餘捷記 của Vũ Phương Đề 武芳堤. A.44
- Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông của Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm; Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội; Hà Nội; 1968.
- Đại Việt sử ký toàn thư 大越史記全書 của Ngô Sĩ Liên 吳士連. A.3
- Đại Việt sử ký toàn thư ; Bd. ; Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội ; Hà Nội (nhiều tập).
- Đại Nam nhất thống chí 大南一統志 của Cao Xuân Dục 高春育. A.853
- Đại Nam nhất thống chí ; Bd. ; Nhà Xuất bản Khoa học xã hội ; Hà Nội (nhiều tập)
- Đất nước Việt Nam qua các đời của Đào Duy Anh ; Nhà xuất bản Sử học ; Hà Nội ; 1964.
- Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam ; Tập II ; Nxb. Giáo dục ; Hà Nội ; 1963.
- Hán tự văn học khảo của Đỗ Hữu Dương ; Thư viện Viện Sử học ; VH.23.
- Hoàng Việt thi tuyển 皇越詩選 của Bùi Huy Bích 裴輝璧. A.608
- Hoàng Việt văn tuyển 皇越文選 của Bùi Huy Bích 裴輝璧. A.203
- Hoàng Việt thi văn tuyển ; Bd. Nxb. Văn hóa ; Hà Nội ; 1960
- Hợp tuyển thơ văn Việt Nam ; Nxb. Văn hóa ; Hà Nội (nhiều tập).
- Khóa hu lục 課虛錄 của Trần Thái Tông 陳太宗. AB.268
- Khóa hu lục ; Bd. của Đào Duy Anh ; Nxb. Khoa Học Xã Hội ; Hà Nội, 1974.
- Kiến văn tiêu lục 見聞小錄 của Lê Quý Đôn 黎貴惇. A.32
- Kiến văn tiêu lục ; Bd. của Phạm Trọng Điềm ; Nxb. Sử học ; Hà Nội ; 1962.
- Lịch triều hiến chương loại chí 历朝憲章類志 của Phan Huy Chú 潘輝注. A.50
- Lịch triều hiến chương loại chí ; Bd. ; Nxb. Sử học ; Hà Nội (nhiều tập)
- Lĩnh Nam chích quái ; Bd. của Đinh Gia Khánh và Nguyễn Ngọc San ; Nxb. Văn hóa ; Hà Nội. 1959.
- Lược truyện các tác gia Việt Nam ; Tập I ; của Trần Văn Giáp ; Nxb. Khoa Học Xã Hội ; Hà Nội, 1972.
- Minh dō thi 明都詩. của Bùi Nhữ Tích 裴汝錫. A.2424.
- Nguyễn Phi Khanh thi văn 阮義卿詩文 của Dương Bá Cung 楊伯恭. VHV.1772
- Nghiên cứu lịch sử (báo), từ năm 1960 — 1975

*. Những ký hiệu trong bảng này là ký hiệu của sách Hán Nôm & Thư viện Khoa Học Xã Hội. Ở các thư viện khác, có ghi tên thư viện đó.

- Niên biểu Việt Nam của Vụ Bảo tồn bảo tàng ; Nxb. Khoa Học Xã Hội ; Hà Nội ; 1970.
- Quần hiền phú tập 群賢賦集 của Hoàng Tụy Phu 黃萃夫. A.575
- Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam ; Tập II ; Nxb. Văn Sử Địa ; Hà Nội 1958.
- Tạp chí Văn học (báo), các năm 1960 — 1975.
- Thánh dăng ngữ lục 聖燈語錄. A.2569
- Thi văn Việt Nam của Hoàng Xuân Hãn ; Nxb. Sông Nhị ; Hà Nội ; 1951.
- Thiền uyển tập anh 禪苑集英. VHV.1267
- Thiền uyển tập anh ; Bd. Tài liệu đánh máy ; Viện Văn học.
- Thiền tông bản hạnh 禪宗本行. AB.562
- Tìm hiểu kho sách Hán Nôm ; Tập I; của Trần Văn Giáp ; Thư viện Quốc gia xuất bản ; Hà Nội ; 1970.
- Tinh tuỳ chư gia luật thi 精選諸家律詩 của Dương Đức Nhan 楊德顏. A.574
- Toàn Việt thi lục 全越詩錄 của Lê Quý Đôn 黎貴惇. A.1262, A.132, VHV.117, VHV. 1405.
- Trần triều thế phả hành trạng 陳朝世譜行狀 A.663
- Tri tân tạp chí (báo), các năm 1941 — 1942.
- Trích điểm thi tập 摘點詩集 của Hoàng Đức Lương 黃德良. VHV.2573
- Truyền kỳ mạn lục 傳奇漫錄 của Nguyễn Dữ 阮與.
- Truyền kỳ mạn lục ; Bd. của Trúc Khê Ngô Văn Triện ; Nxb. Tân Việt ; Hà Nội ; 1952.
- Truyền kỳ tân phả 傳奇新譜 của Đoàn Thị Điểm 駁氏點.
- Truyền kỳ tân phả ; Bd. của Hoàng Hữu Yên và Ngô Lập Chi ; Nxb. Giáo dục ; Hà Nội ; 1962.
- Văn học cổ Việt Nam ; Tập I của Bình Gia Khánh ; Nxb. Giáo dục ; Hà Nội ; 1964.
- Văn Sử Địa (báo), các năm từ 1955 — 1959.
- Văn dài loại ngữ 茲臺類語 của Lê Quý Đôn 黎貴惇. A.141.
- Văn dài loại ngữ ; Bd. của Trần Văn Giáp ; Nxb. Văn hóa ; Hà Nội ; 1961.
- Việt âm thi tập 越音詩集 của Phan Phú Tiên 番孚先 và Chu Xa 朱卑. A.1925.
- Việt diện u linh 越甸幽靈 của Lý Tế Xuyên 李濟川. A.751
- Việt diện u linh ; Bd. của Bình Gia Khánh và Trịnh Đình Rư ; Nxb. Văn học ; Hà Nội ; 1972.
- Việt Nam cổ văn học sử của Nguyễn Đồng Chi ; Nxb. Hàn Thuyên ; Hà Nội, 1942.
- Việt Nam văn học của Ngô Tất Tố ; Nxb. Mai Linh ; Hà Nội ; 1942.
- Việt Nam văn học sử yếu của Dương Quảng Hàm ; Nxb. Hà Nội, 1942.
- Việt sử lược ; Bd. của Trần Quốc Vượng ; Nxb. Văn Sử Địa ; Hà Nội ; 1960.
- Việt sử thông giám cương mục 越史通鑑綱目 của Quốc sử quán 國史館. A.1
- Việt sử thông giám cương mục ; Bd. Nxb. Văn Sử Địa ; Hà Nội (nhiều tập).

VI

SÁCH DẪN

Bảng Sách dẫn này dùng để tra cứu tên người, tên đất, tên tác phẩm có trong *Thơ văn Lý — Trần* tập III.

Các tên xếp theo thứ tự vần quốc ngữ.

Tên người có tên chính, tên hiệu, tên tự, tên thụy,... in chữ hoa. Ví dụ : CHU VĂN AN TIỀU ÂN, LINH TRIỆT, CHU VĂN TRINH.., Đối với triều đại, niên hiệu, có ghi chú. Ví dụ : Hồ (triều đại), THÁNH NGUYỄN (niên hiệu)...

Tên đất có tên làng, xã, huyện, phủ, lộ, tỉnh... in hoa các chữ đầu. Ví dụ : Văn Thôn, Quang Liệt, Thanh Đàm... Ở những chỗ cần thiết, sau tên đất có ghi chú. Ví dụ : Chu (sông) Tân Viên (núi), Th้า Ngọc (cầu)...

Tên tác phẩm có tên các bài thơ (được chọn và không chọn), tên sách có trong tập sách, in chữ nghiêng. Ví dụ : *Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kinh*, *Tiểu Ân thi tập*, *Băng Hồ Ngọc hác tập*...

A, Ă, Â

- A Cǎo (xǎ) 282.
 A DI ĐÀ (tượng) 56.
 A Phòng (cung) 70.
 Â KIM 617, 620.
 AI LAO (nước) 501.
 Ái (châu) 187, 264, 339.
 Ái Châu (châu) 253, 265, 375.
 Âm Châu 265, 266.
 An Dã 104, 105.
 An Dương 504, 505.
 AN DƯƠNG VƯƠNG 100, 102, 251.
 An Đăng 10, 745.
An Đăng hương Báo Ân viễn bí minh 745.
 An Hoạch 745.
 An Hoạch (núi) 9.
An Hoạch son Báo Ân tự bí ký 745.
 An Huy (tỉnh) 97, 120, 387.
 An Khánh 106.
 AN KỲ 79, 80, 81.
 AN KỲ SINH 81.
 An Läng (hương) 282, 285.
 An Lão 105.
 An Lặng 171.
 AN LỘC SƠN 326, 351, 503.
 AN NAM (nước) 117, 118, 217, 680, 681, 699, 706, 735, 736.
An Nam chí lược 11, 147, 284, 760.
An Nam tíc sự 108.
 AN NAM QUÂN VƯƠNG (tước hiệu) 257.
 An Nhàn 398.
 AN SINH 241, 242.
 An Tôn (động) 508, 756.
An Thao Giang lô 98.
 ANH TÔNG 686, 720.
 Anh Vũ (bãi) 117, 120.
 ANH VƯƠNG 686, 690, 691.
Ao sen chùa Phật Tích 311.

- Áp lǎng chán nhán 706.
 Ăn cỗ đầu người 510.
 Âm Lặng 70.
 ÂN (triều đại) 231, 240, 327, 337.
 ÂN (giặc) 366.
 ÂN CAO TÔNG 221.
 ÂN HẠO 584.
 Ân Thi (huyện) 136, 284, 728, 731.
 ÂN ĐÔ (nước) 95.
 Áp nhà Hán 120.
 ÂU CƠ 634, 637, 640.
 ÂU DƯƠNG TU 410, 498, 552.
 ÂU LẠC (nước) 100.
 ÂU VIỆT (dân tộc) 644.

B

- Ba Ba (ao) 63.
 Ba Ngang 384.
 Ba Thục 635, 638.
 Ba Thục (huyện) 644.
 Ba Vì (núi) 123.
 Bà Hòa (sông) 264, 265.
 Bà Lồ (cây đàn) 279.
 BÀ MA (tường) 610.
 Bá Kiều (cầu) 32.
 BÁ NHA 466, 577.
 BÁ NHẠC 433, 434, 488, 491.
 BÁ QUÁT (tên tự) 379.
 BÁ TIỀN 649, 651, 656, 657.
Bạc chu Ứng Phong đinh ngẫu đẽ 28.
Bạc Nguyễn già làng 443.
 Bách Bảo Thiên Tuế (diện) 264.
 Bách thảo dồ 370, 372.
Bách thể thông khảo 745.
Bách thể thông kỷ 726, 745.
Bách thể thông kỷ thư 745.
 BÁCH VIỆT (dân tộc) 636, 638, 644.

- Bạch cầu 434.
BẠCH CƯ DỊ 9, 49, 327, 434, 466.
Bạch Đằng (sông) 79, 80, 81, 106, 107, 253,
 263.
BẠCH ĐẾ 341, 343.
Bạch Hạc (huyện) 635, 637, 644.
Bạch hổ thông 588.
Bạch Liên xã (thị xã) 56.
Bạch Mã (đèn) 636.
Bạch Nhĩ truyện 665.
Bạch Thiếp (sách) 457.
Bạch tri 611.
Bạch xã (thị xã) 56.
Bài ký động Thanh Hư, 496.
Bài minh khắc vào bia động Thanh Hư ở Côn Sơn 224.
Bài minh và bài tự về chùa Sùng Khánh 288.
Bài minh và tự ở bia chùa Từ Ân 73.
Bài phú câu ngọc huỳnh ở Bàn Khê 238.
Bài Tựa sách « Việt Nam thế chí » 77.
Bài Tựa sau của tập « Nam Ông mông lục », 470.
Bài Tựa tập « Nam Ông mông lục » 677.
Bài văn bia chùa Thiệu Phúc ở thôn Báu, tỉnh Bắc Giang 145.
Bài (thôn) 1.
Bái (tên đất Trung Quốc) 149, 150, 341.
Bái Ấp 343.
Ban cho Nguyễn Ngan Quang, Tuyên phủ sứ lô Thăng Hoa 248.
Ban cho Trung úy Đỗ Tử Triết 247.
BÀN CANH 250.
Bàn Hải (núi) 265.
Bàn Hồi (núi) 264.
Bàn Khê (suối) 239.
Bàn Khê (tên đất) 238, 240.
Bàn Khê điêu huỳnh phủ 237.
Bản kỷ 243, 247, 249.
Bành Lãi 118, 119, 120.
Bành Thành 129, 130.
Bành Trạch (huyện) 177, 439, 440, 441.
Bào Đột 243.
Bảo Ân (chùa) 9, 10, 222, 745.
Bảo Nhậm Thiếu khanh thư 433.
Bảo Thiên (phường) 116.
Bảo Thiên (tháp) 116.
Bảo (cửa biển) 89, 90, 91.
Bảo An (huyện) 644.
Bảo Hòa (cung) 753, 754.
Bảo Hòa (diện) 9.
Bảo Hòa dài búi 216, 225, 745, 754.
Bảo Hòa diện dài búi 745.
BẢO KHÈ (tên hiệu) 536.
Bảo Nghiêm (tháp) 156.
Bảo Nghiêm tháp 156.
Bảo Nguyên (cung) 143.
BẢO QUỐC VƯƠNG (tước hiệu) 278.
Bảo Sơn (chùa) 505.
Bảo Sơn tự 504.
Bảo Sơn Vương (chùa) 505.
Bảo Thái (làng) 501.
BẢO THÀNH 689.
BẢO TRINH HÀU (tước hiệu) 281.
BẢO TỬ 689.
Bảo phác tử 30.
Bảo Phúc (động) 106.
Bát đát (điệu múa) 318, 319.
BÁT THAN 312, 313.
Bát trận đồ 117, 119, 120.
Bắc Bộ (miền) 259.
Bắc Cạn (tỉnh) 265.
Bắc Đầu (sao) 127, 164, 173, 221, 305.
Bắc Giang (lộ) 68, 282.
Bắc Giang (sông) 444.
Bắc Giang (tỉnh) 144, 283.
Bắc Giang *Bái thôn Thiệu Phúc tự bi ký*
 144.
Bắc Kinh (thành phố, thủ đô Trung Quốc)
 120, 211, 548, 549.
Bắc mộng tỏa ngôn, 24.
Bắc Ninh (tỉnh) 68, 188, 266, 312, 591.
Bắc sơn di vùn 163.
Bắc sứ đăng *Hoàng Lâu tầu búi thi* *Đại Nguyên thi giảng* *Dư Gia Tân* 129.
Bắc sứ quá *Hoành Châu* 353.
Bắc sứ quá *Ô Giang đê Hạng Vũ miếu* 97.
Bắc sứ quá *Ô Giang Hạng Vũ miếu* 130.
Bắc sứ ứng *tỉnh đường mệnh, tịch thương*
thư phủ thi, 146.
Bắc sứ 332, 337.
BẮC TỔNG (triều đại) 193, 194, 707.
Bắc (tên đất) 250.
Bắc Bắc 98, 99.
BẮNG HỒ (tên hiệu) 148, 386, 425, 426, 432,
 433, 434, 436, 452, 456, 495, 497, 736.
Băng Hồ Ngọc hác *tập* 148, 745.
BẮNG HỒ TỬ (tên hiệu) 726.
BẮNG HỒ TUẤNG CÔNG 158.
Băng Sơn (làng) 700, 1286.
BẮN (tên húy) 698.

Bất Chu (núi) 77.
Bát mì 212.
BẤT NGHĨ 552.
Bến Nhà 83.
Bệnh trung hoài Hồng Châu kiểm chính
 Nguyễn Hán Anh thu dạ vận 461.
Bi vân sao 760.
Bia vua Vũ 124, 125.
Bích Động (am) 26.
BÍCH ĐỘNG (thị xã) 26, 41.
Bích Ưng (trường) 559.
Biên tập Cúc Đường di cảo cảm tác 50.
Biên (thành phố) 210, 211.
Biện Kinh (thành phố) 211.
Biểu diệp 510.
Bình Định (tỉnh) 95, 180.
Bình Giang (huyện) 520, 613.
Bình Giang (phủ) 361.
Bình Giang (sông) 659, 660.
Bình Hoài (bia) 36, 130.
Bình Hoài bi ký 188.
Bình Lăng (tên đất) 171.
Bình Lục (huyện) 404.
Bình Than (bến) 496, 497, 498, 577, 578, 590.
Bình Trị Thiên (tỉnh) 94.
Bình Văn (bộ) 644.
BÌNH VƯƠNG (hiệu) 319, 501, 502, 503.
Bồ Đề (hành dinh) 759.
Bộ Lĩnh 256.
Bộc 318, 319.
Bộc thương 319.
Bồi Bảng Hồ tướng công du Xuân Giang
 386, 469.
Bồng (sách) 258.
Bồng Đảo (đảo) 187, 188, 169.
Bồng Hồ (hồ tiên) 378.
Bồng Lai (đảo) 188, 169,
Bồng Lai (diện) 264.
Bồng Lai (núi) 474.
Bột Hải (biển) 89, 94, 106, 169.
BÙI BÁ KỲ 7, 520, 669, 672, 750, 658.
BÙI ĐỘ 180, 182, 188, 199, 206, 498.
BÙI HUY BÍCH 64, 760.
BÙI MỌNG HOA 747, 754.
BÙI NHỮ TÍCH 760.
BÙI NỘT NGÔN 675.
BÙI ỦNG ĐẦU 757.

Buồi gấp gỗ ở Liên Định 555.
Buồm (phố) 680.

C

Cách Trạch (sao) 229.
Cai Hạ 70, 96, 97, 341, 344.
Cam đường 540.
Cam Lộ (chùa) 85, 222.
Cam Túc (tỉnh, Trung Quốc) 153.
Cam tuyễn 299.
Cam Tuyễn (cung) 599.
Cảm hoài 249, 250, 517, 518.
Cảm hứng ở xóm Núi 457.
Cảm khích Đồ hành 714.
Cảm tưởng khi biên tập cuốn di cảo của Cúc Đường 50.
Cảm xúc đêm 30 tháng Chín 152.
Cảm xúc khi đến ngôi nhà cũ của Cúc Đường vào ngày trước tết Trung dương 30.
Cảm xúc khi di chơi sông Xuân Giang lần thứ hai 289.
Cảm xúc khi ở trong quân 184.
Cảm xúc khi qua tỉnh Động Nghiên 29.
Cảm xúc nhân ngày giỗ tổ tiên 524.
Cảm xúc sau khi thi ở Thiên Trường.
Cam Lộc (huyện) 128, 399, 517, 613.
CAN TUONG 344.
Can Tuong (thanh kiếm) 342, 344.
CÀN LONG (niên hiệu) 251.
Canh đồng tri phủ hưu ty Mai Phong Lê công vận 165.
Canh Tân Bình an phủ Phạm công Sir Mạnh «Tân Bình thư sự» vận 175, 204.
Canh thí cục chư sinh xướng thử giải vận 193.
CẢNH 694.
CẢNH DỊ 758.
Cảnh Tinh (sao) 229, 230.
Cảnh Tinh phú 227.
Cảnh xuân ở xóm bên sông, 483.
CAO (họ) 327.
CAO BÁ QUÁT 291.
Cao dao mô 610.
CAO ĐƯỜNG LONG 279.
CAO HUY GIU 265, 759.
CAO KHA 282.

CAO LĂNG 60.
 CAO TÔNG (miếu hiệu vua Lý Cao Tông)
 28, 283, 404.
Cao Tông (trích lục) 272.
Cao Tông (trích) 277.
 CAO XUÂN DỤC 760.
Cáo nạn biều 671.
 CÁT HỒNG 107.
 Cát Lâm (châu) 204, 266.
 Cát Lâm 125.
 CÁT TIỀN 106, 106.
Cầm thuyền tại lăng nhà Nguyễn 443.
 Cầm Giàng (huyện) 591.
 Cầm Giàng (sông) 326.
 Cầm Thủỷ (huyện) 266.
 Cầm Vũ (xã) 591.
 Cầm Động 234.
 Cầm Chính (lâu) 324, 325.
 Cầm Chính lâu phủ 323.
Cầu chuyện ở đèn Hạng Vương 70.
 CẦU TIỀN 526, 587.
Cầu siêu cho Nguyễn Biểu 515.
 Cầu Lũ 124, 125.
 Chà Bàn (thành) 610.
Châm trung ký 452.
 Chân Đăng (châu) 101, 635, 637.
 Chân Định (bộ).
 Chân Giáo (chùa) 280.
 CHÂN LẬP (nước) 668.
 Chấn Tân (đình) 121, 122.
 Chấn Vi 182.
Chậu hoa lan trước nhà 31.
 Chầy Chầy (ghềnh) 757.
 CHẾ BÔNG NGA 610.
Chi hiền 620.
Chi Lăng 114, 115.
Chi Lăng động 114.
 Chi Ngại (xã) 380, 381, 424.
 CHÍ CHÍNH (niên hiệu) 722, 723, 724, 726,
 751, 752.
 Chí Linh (huyện) 52, 57, 59, 155, 68, 135,
 158, 381, 424, 498, 580.
 Chí Linh (núi) 57, 105, 578, 579, 580
Chi Linh sơn Phượng Hoàng phong 155.
 CHỈ NGUYỄN (niên hiệu) 147, 695, 696, 704,
 705.
Chi nhật thư hoài 497.
 Chí Tri (xã) 235.

Chỉ Đạo (đình) 642, 344.
 Chích Trợ (núi) 357, 358.
 Chiêm Động 249.
 CHIÊM THÀNH (nước) 82, 95, 180, 201,
 264, 301, , 420, 421, 610, 635, 638, 668,
 684, 693, 706, 707, 753, 756.
Chiêm Thành (khúc hát) 279.
 CHIẾN QUỐC (thời đại) 37, 120, 159, 356,
 372, 545, 565, 568.
Chiến Quốc sách 37, 493.
 Chiết Giang (tỉnh, Trung Quốc) 28, 120, 240,
 332, 344, 726.
 CHIỀU ĐẾ 605, 755.
 CHIỀU ĐỊNH VƯƠNG 693.
 CHIỀU HIỀN 689.
Chiều hồn 356.
 CHIỀU VĂN 704, 705.
 CHIỀU VĂN VƯƠNG 82, 705.
 CHIỀU VƯƠNG 493.
Chiều thu dừng trông ở trên thành 390.
Chiều xuân chơi vùng ngoại ô 21.
Chiều xuân dạo bên bờ suối 20.
 CHIẾU (dân tộc)
Chiếu dạ Bạch ngọc hoa thông (tên ngựa)
 346.
 CHÍNH BÌNH (niên hiệu) 204.
 Chính Đại (sông) 266.
 Chính Nghĩ (điện) 279.
 CHÍNH THỐNG (niên đại) 375, 678, 738,
 741.
 CHÍNH TÚC VƯƠNG 178.
Chinh Tuc Virong gia yến tịch thượng, phủ
 mai thi thứ Giới Hiên Bộc xạ vận 178.
Chòi câu 27.
Chỗ ở thành n 18.
Chỗ ở trong xóm 470.
Chồi (sao) 283, 341.
Chơi Côn Sơn 423.
Chơi núi Phật Tích đối diện với dòng sông
 ngẫu nhiên làm thơ 294.
Chơi xuân 302.
 CHU (họ) 802, 434.
 CHU (sông) 412, 754.
 CHU (triều đại) 91, 92, 239, 240, 312, 319,
 337, 434, 490, 491, 492, 493, , , 537,
 540, 559, 571, 665, , 667, 756.
 CHU AN 9, 137, 163, 165, 695, 616, 749, 750,
 752, 753.

Chu Ba (động) 264.
CHU BÀ 65.
 CHU BÀ (sao) 229.
CHU BÌNH VƯƠNG 337, 351.
CHU BÌNH KHUẾ 247, 754.
CHU BỘT 220.
CHU CÔNG 183, 243, 318, 319, 326, 490, 491, 492, 571, 605, 665, 666, 667, 668, 747, 755.
CHU CƠ ĐÁN 319.
CHU DÌ 587.
CHU DIỀN (bộ) 635, 638, 644.
CHU DIỀN (huyện) 657.
CHU DU 169.
CHU ĐÔN ĐI 243, 555, 755, 1357.
CHU ĐƯỜNG ANH 345.
CHU ĐƯỜNG THƯƠNG 630.
CHU HÀ 66.
CHU HY 243, 394, 747, 749, 755, 756.
CHU KHẮC NHƯƠNG 359, 360.
CHU KÍNH VƯƠNG 351.
Chu lê 103, 173, 452.
CHU MỤC VƯƠNG 30, 458.
Chu nam 318, 319, 379.
CHU NGHĨA PHƯƠNG 73, 74.
CHU NGUYỄN CHƯƠNG 752.
Chu quá Bắc Giang Tiên Du tác 67.
CHU THÀNH VƯƠNG 338, 378, 665, 666, 667.
CHU THẦN (tên hiệu) 291.
Chu thư 378.
CHU THỦ 412.
CHU TIỀU ÂN 163, 165.
Chu trung ngẫu thành 475.
Chu trung tức sự 85.
Chu trung văn thiển 22.
Chu trung vịnh hoài 523.
Chu tụng 486, 488, 491.
CHU TUYÊN VƯƠNG 610.
Chu Tử thái cực đồ thuyết 580.
Chu Tước 118, 119, 120.
CHU VĂN AN 52, 78.
CHU VĂN VƯƠNG 240, 319, 379, 568, 667.
CHU VÕ VƯƠNG 319.
CHU VŨ VƯƠNG 667.
CHU XA 761.
Chùa Sùng Nghiêm núi Văn Lối thường to
Đại Bi 133.
CHÚC (họ) 722, 723.
CHÚC KIÊN 722, 723.

Chúc văn 753.
CHUNG LY QUYỀN 631.
Chung Sơn 117, 119, 120.
CHUNG TỬ KỲ 460, 577.
Chửng (khe) 72, 73.
CHỦ ĐỒNG TỬ 647, 649, 652, 653, 657.
Chử Gia (bến) 686.
CHỦ VI VÂN 647, 649, 652.
Chử Xá (hương) 647, 649, 651.
Chử «nhận», 308, 309.
Chứa bệnh trong chiêm bao 711.
CHỨC NỮ 305, 306.
Chưng bình 611, 612.
CHƯƠNG 438, 439.
Chương (ngọc) 239, 240.
Chương Giang 384, 385.
Chương Mỹ (huyện) 345.
CHƯƠNG THÁNH GIA KHÁNH (niên hiệu)
 710.
CHƯƠNG TÚ QUỐC THƯƠNG HÀU (tên
 thụy) 148.
CHƯƠNG TỬ 396, 397.
Có dirc át có dia vị 690.
Còn hổ bằng đồng 140.
Cô Xá (núi) 543, 544.
CỐ 722, 723.
Cố bộ hạc đồ (tranh) 55.
Cố Nguyên (huyện) 153.
Cố viên 19.
Cô Châu (bến) 282.
Cô kim chú 169.
Cô Lãm 266.
Cô Lê (xã) 225.
Cô Loa 100, 101, 103.
Cô Lũ (hương) 72, 73.
Cô Mãng 123, 125.
Cô Miệt (hương) 281, 284.
Cô Pháp (châu) 481.
Cô Phi 105.
CỎ SON (tên hiệu) 298, 459.
Cỏ Sơn *Phạm công thị* *dĩ tiều phô thi thả*
đạo, chư công tàn dĩ canh họa, dư nhân
mộ ký Trần trung nhì hữu nhân thích chí
thư, y vận phụ nhất luật 458.
Cối Kê 111, 206, 493.
Côn Luân 101, 102.
Côn Sơn 148, 220, 280, 297, 404, 423, 425,
 496, 497, 554, 742.
Côn Sơn (núi) 63, 498.

Côn Sơn Thành Hư động bí minh 223.
 CÔN (dời) 404.
 Công Dã Tráng 678.
 Công du tiệp ký 63, 158, 225, 613, 760.
 Công diromosome 492.
 Công Mẫu 109, 110.
 CÔNG SON 747.
 CÔNG SON PHẤT NHIỄU 755.
 CÔNG TIỀN 253.
 CÔNG TÔN (họ) 644.
 CÔNG TÔN HOÀNG 418.
 Công châu (phủ) 531, 532.
 Công Châu giang trung phùng tiên tǐ kỵ nhặt
 531.
 CƠ (họ) 336, 337.
 Cơ (sao) 30, 41, 42.
 Cơ VĨ (sao) 30, 42.
 CƠ ĐÁN 319.
 Cúc Đàm (đầm) 177.
 CÚC ĐƯỜNG 31.
 CÚC ĐƯỜNG CHỦ NHÂN 26, 36, 37, 40.
 Cúc Đường di thảo 51, 745.
 CUNG (họ) 576, 577.
 CUNG CỘNG 77.
 CUNG ĐỊNH VƯƠNG (tước hiệu) 216, 680,
 682, 685, 753.
 CUNG ĐỊNH VƯƠNG PHỦ 753.
 Cung họa ngự chế đồng chưong 58.
 CUNG TÍN 735, 736.
 CUNG TÍN VƯƠNG (tước hiệu) 292.
 CUNG TỈNH VƯƠNG 680, 682, 685.
 CUNG TOẠI 577.
 CUNG TÚC VƯƠNG (tên hiệu) 245, 681,
 682, 683, 685.
 CUNG TÚC VƯƠNG DỤC 685.
 CUNG TUYỀN VƯƠNG (tước hiệu) 220,
 682, 685, 686.
 Cung Giang (sông) 264, 266.
 CỦNG (họ) 577, 578.
 CỦNG TOẠI 580.
 Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên
 Mông thế kỷ XIII, 760. Cuối mùa thu 463.
 Cử Long 224, 226.
 Cự Khuyết (thanh kiếm) 342, 344.
 Cực Lạc (diện) 264.
 Cường Âm (huyện) 84.
 Cựu trượng 142, 143.
 Cửu Chân (bộ) 635, 638, 644.
 Cựu Đức (bộ) 644.
 CỬU LINH 325, 326.

Cửu nguyệt Băng Hồ Tường công tích thương
 425.
 Cửu nguyệt đổi cùc canh ngự chế thi vận
 150.
 Cửu nguyệt hữu nhân lai phỏng đồng tác 161.
 Cửu nguyệt tam thập nhát dạ hữu cảm 153.
 Cửu nguyệt thôn cur độc chước 440.
 CỬU PHƯƠNG CAO 379.
 Cựu Đức (bộ) 644.

D

Dã hữu tử huân 379.
 Dã quy chu trung tác 210.
 Dã thám ngẫu tác 211.
 Dã thoả 611, 612.
 Dã Trạch (chǎm) 657.
 Dao Tri 49.
 Dâng lên quan thừa chỉ Hồ Tông Thốc 399.
 Dật dân liệt truyện 493.
 DẬT THIỀU 554, 555.
 DÌ CAO 336, 337, 338.
 DĨ MÔNG (xem Đàm Dĩ Mông) 283.
 Dịch kinh 231; 240, 338, 397, 426, 508, 531,
 554.
 DỊCH TẾ DÂN 752.
 DIÈM NGUYÊN PHỤC 753.
 Diệm Khê 405.
 Diên Bình Tân (bến) 344.
 Diên Hà (làng) 613.
 DIÊN HƯU (niên hiệu) 724.
 DIÊN LĂNG (tên hiệu) 318, 319.
 Diên Lăng 319.
 Diên Quang (chùa) 43.
 Diên VĨ 144.
 Diễn Châu (huyện), 67, 176, 243, 731, 732.
 Diễn Châu (phủ) 176, 400.
 Diệp mã nhi phủ 376, 486.
 DIỀU (họ) 325, 326.
 DIỀU LỆNH NGÔN 412.
 DIỀU SỦNG 326.
 Dĩnh Xuyên 551.
 DO (xem thêm Hứa Do) 164, 165.
 DOÀN ẨN PHỦ 361.
 DOÀN HẬU (tên tự) 613.
 Doanh 124.

Doanh Châu 87, 88, 94.
 Đồng (làng) 366.
 Du Côn Sơn 423.
 Du Đông Định họa Nhị Khê nguyên văn 68.
 Du Phật Tích ngẫu dề 94.
 Du Phù Tích sơn đổi giang ngẫu tác 294.
 Du Phật Tích sơn ngẫu dề 93.
 Du Tiên Sơn ngẫu dề 94.
 Đầu Lĩnh (núi) 457.
 Dự Chương 344.
 ĐƯ TÔNG (miếu hiệu) 503, 685, 752, 753.
 ĐƯ VƯƠNG 680, 682, 695, 696, 725, 726.
 DỨC 752.
 Đức Đường (nhà tắm) 279.
 Đức Thủy (núi) 88.
 ĐUỆ TÔNG 5, 7, 496, 497, 685, 693, 753, 756.
 ĐUỆ VƯƠNG 684, 686.
 Dung phong 319.
 Dung văn thơ của ông Đỗ Tồn Trai làm bài thơ gửi các ông trong trường thi 195.
 Dung văn thơ của quan Đồng úy Hồng Châu là Phạm Công dề đưa trình các ông đang chấm thi 174.
 Dung văn thơ của quan Thiếu bảo Trương Công dề chùa Đại Minh ở núi Phả Lại 188.
 Dung văn thơ lưu biệt của Trịnh Minh dề từ biệt 422.
 Dung Đỗ Tồn Trai vận, trình thi vien chư công 194.
 Dung Hồng Châu Đồng úy Phạm công vận phung trình khảo thi chư công 174.
 Dung Trịnh Minh lưu biệt vận dĩ biệt chí 421.
 Dũng lực thần dị 699.
 Dũng mãnh thần kỳ 700.
 DUY HÀN 24.
 Duy Tiễn (huyện) 265.
 Duyệt mệnh 28, 221.
 Dư địa chí 290, 644.
 DƯ TĨNH 410.
 Dữ Chương Giang dòng niên Trương Thái học 384.
 DҮ 258.
 Được thảo dự phẩm 222.
 ĐƯƠNG (họ) 325, 326, 681, 682.
 ĐƯƠNG BÁ CUNG 381, 760.
 ĐƯƠNG CHẨN 543.
 Dương Cốc 106, 107.

ĐƯƠNG DIỀN NGHỆ 258.
 ĐƯƠNG ĐÌNH NGHỆ 253, 258.
 ĐƯƠNG ĐỨC NHÂN 761.
 Dương hóa 755.
 ĐƯƠNG HOÁN 710.
 ĐƯƠNG HÙNG 105, 299.
 ĐƯƠNG KHÈ THƯƠNG 732.
 ĐƯƠNG KHÔNG LỘ 611, 612.
 ĐƯƠNG KHUÔNG 752.
 ĐƯƠNG KHƯƠNG 685.
 Dương Lăng 171.
 Dương Minh (diện) 279.
 ĐƯƠNG NHAM 79, 80.
 ĐƯƠNG NHẬT LỄ 148, 216, 220, 245, 404, 498, 503, 604, 685, 686, 726, 727, 782, 753.
 ĐƯƠNG QUẢNG HÀM 521, 761.
 ĐƯƠNG QUỐC TRUNG 326.
 ĐƯƠNG QUÝ PHI 27, 326.
 ĐƯƠNG SÀN 649, 651, 656.
 Dương Sơn (làng) 700.
 ĐƯƠNG THÁI HẬU 259.
 ĐƯƠNG THẬN 125.
 ĐƯƠNG THÌ 243, 747, 755.
 ĐƯƠNG TIẾN LỘC 264.
 ĐƯƠNG TU 720.
 ĐƯƠNG TỬ 584.
 Dương Ngư (ao) 279.
 Đầu Lĩnh 125, 126.

Đ

Đà Bang (thành) 757.
 Đà Cái (cảng) 265.
 Đà Cái (xã) 266.
 Đà Dực (làng) 536.
 Đà Phúc (huyện) 375.
 Đà (sông) 101, 220, 500, 501, 503, 757.
 Đà Giang (trấn) 503, 685, 753.
 Đà Mạc (sông) 281, 284.
 Đà Gia Cát 102.
 Đà Thành 657.
 Đại Ác (cửa biển) 707.
 ĐẠI BI (tượng) 131, 133.

- Đại Biệt 117, 118, 119.
 Đại Dữu (núi) 191.
ĐẠI ĐIỀN 775.
ĐẠI ĐỊNH (niên hiệu) 495, 497, 498, 752.
Đại Đồng 441, 442.
Đại Hạ (khúc nhạc) 319.
ĐẠI HÀNH HOÀNG ĐẾ (miếu hiệu) 266.
ĐẠI HÀNH HOÀNG HẬU (miếu hiệu) 266.
Đại Hoàng 280, 283.
Đại học 332, 750.
Đại Hồ 126.
Đại Hồ (khúc nhạc) 319.
ĐẠI KHÁNH (niên hiệu) 746.
Đại Lại (hương) 243.
Đại Lai (vùng) 675, 676.
Đại Lai (núi) 243, 419.
Đại Lai (sông) 686.
Đại Lãnh^x 668.
Đại Lợi (núi) 187.
Đại Lý 131, 133.
Đại Mông (núi) 686.
Đại Nam nhất thống chí 760.
ĐẠI NGU (nước) 243, 409, 702.
Đại nhã 318, 319, 492.
Đại nhân khán mạc bắn quản sinh nhật 544.
Đại nhân tạ từ ngự toạ hắc long.
Đại Phát (động) 264.
Đại tạ ngự từ mạc họa long 34.
Đại tạ từ ngự họa long 35.
Đại Than 753.
Đại Thành (cửa) 282.
Đại thành toán pháp 613.
ĐẠI THẮNG MINH HOÀNG ĐẾ (tên hiệu) 257.
Đại Thiều (khúc nhạc) 319.
Đại Thông (tên đất) 281.
Đại Thông (đạo quân) 281.
ĐẠI TRI (niên hiệu) 78, 137, 241, 286, 290, 751, 752, 753.
Đại Văn (núi) 265.
Đại Văn *Oa chủ nhán tống La Cáp sư* 748.
ĐẠI VIỆT (nước) 696.
Đại Việt sử ký toàn thư 7, 11, 137, 138, 149, 216, 242, 245, 247, 249, 251, 253, 258, 259, 265, 266, 283, 284, 285, 292, 296, 297, 507, 520, 604, 605, 610, 637, 644, 684, 685, 686, 683, 689, 693, 696, 702, 705, 707, 710, 716, 724, 728, 729, 734, 735, 750, 759, 760.
Đại Việt sử lược 251.
Đại Việt thông sử 67.
Đại Võ (khúc nhạc) 319.
ĐẠI VŨ (vua) 319, 332.
Đàm Châu 123, 125.
ĐÀM DĨ MÔNG 280, 281, 283, 284.
Đàm Gia (xã) 257, 258.
ĐÀM THỊ 282, 284.
Đàm Xá (xã) 710.
Đạm Thủy (thôn) 245.
Đan Đà 120.
Đan Phượng (huyện) 284.
Đan Vẽ (xã) 265.
Đàn cung lê ký 448.
Đàn hanh 537.
Đăng (tên đất) 341, 344.
ĐÀO (họ) 58, 575, 576.
ĐÀO DUY ANH 760.
ĐÀO KHẨN 451.
ĐÀO SƯ TÍCH 225, 745, 753, 754, 755.
ĐÀO TIỀM 159, 177, 205, 432, 491, 495, 497, 468.
ĐÀO VĂN ĐÍCH 752.
Đạo Đức (xã) 290.
Đạo đức và phẩm hạnh của một vị sư nữ 713.
ĐÀO KHÈ 465.
ĐÀO TÁI 715.
ĐÀO THẬM 704.
Đáp Bắc nhán văn An Nam phong tục 245.
Đáp lại bài thơ « Cái rét mùa xuân » của Thái học Đạo Khê 465.
Đáp Lương Giang Nạp ngôn bệnh trung 189.
Đẳng cao 143.
Đẳng Dục Thúy sơn lưu đề 87.
Đặng Hoàng Lâu *sâu bút thi Bắc sĩ Thị giảng* *Dư Gia Tân* 128.
Đặng Thiên Ký *sơn lưu đề* 103.
Đặng Châu 281, 284.
Đặng Vương (gác) 528.
ĐẶNG (họ) 263, 345.
ĐẶNG DUNG 512, 517, 758.
ĐẶNG ĐÌNH TƯƠNG 345.
ĐẶNG HUYỀN QUANG 256.
ĐẶNG LÀN CHỦNG 746.

- ĐĂNG MINH KHIÈM 611, 613.
 ĐĂNG SĨ DOANH 619.
 ĐĂNG TẤT 247, 507, 517, 758.
 Đất nước Việt Nam qua các đời 11, 266, 283, 760.
 Đầu đuôi truyện Nghé Vương 684.
 Đầu mùa hè 65.
 Đầu xuân 25.
 Đầu (sao) 344.
 Đầu thuyền bên dinh Ứng Phong ngẫu hứng
đề thơ 28.
ĐẬU VŨ QUÂN 215
 Đầu chân nhọn 141.
 Đề bức tranh bầy cá chầu cá chép, 348.
 Đề bức tranh Đường Minh Hoàng tắm ngựa
346.
 Đề bức tranh tiễn biệt trên sông mùa thu 233.
 Đề Cam Lộ từ 84.
 Đề cảnh Ngô Y hè 351.
 Đề chỗ ở cũ của Sùng Hư 197.
 Đề chùa Báo Ân ở Siêu Loại 222.
 Đề chùa Cam Lộ, 85.
 Đề chùa Huyền Thiên 466.
 Đề chùa Tiên Du 481.
 Đề chùa Vĩnh Hưng ở Sài Trang 359.
 Đề « Cố bộ hạc đỗ »
 Đề cung Tử Cực ở động Huyền Thiên 157.
ĐỀ DI MINH 338.
 Đề Dương công Thủy Hoa đình 54.
 Đề đá Gia Cát 102.
 Đề đèn Hạng Vương 69.
 Đề đình Thủy Hoa của Dương công 54.
 Đề Đông Triều hoa nham 108.
 Đề động Bảo Phúc ở huyện Hiệp Sơn 106.
 Đề Đường Minh Hoàng dục mã đồ 346.
 Đề Gia Cát thạch 102.
 Đề Hạng Vương từ 69.
 Đề Hiệp Sơn Bảo Phúc nham 106.
 Đề Huyền Thiên quán 207, 737.
 Đề Huyền Thiên Tử Cực cung 157.
 Đề Huyền Thiên từ 1466.
 Đề Lãng ngô 56.
 Đề Ngõ Khê 351.
 Đề Nguyệt Giản đạo lục thái cựu chi Quan
Diệu đường 169.
 Đề nhà học mới 541.
 Đề nhà Quan Diệu của đạo lục thái cực ở
Nguyệt Giản 169.
 Đề nhà thờ quan Từ đồ Trần Nguyên Đán
220.
- Đề nơi quan xá 357.
 Đề Phả Lai sơn Đại Minh tự dụng Thiếu bảo
Trương Công vận 187.
 Đề Phạm diện soái gia trang 292.
 Đề Phạm Ngũ Lão diện soái gia trang 293.
 Đề Quan lỗ bạ thi tập hậu 196.
 Đề quán Huyền Thiên 207.
 Đề Quần ngự triều lý đồ 345, 347.
 Đề Sài Trang Vĩnh Hưng tự 359.
 Đề sau tập thơ Quan lỗ bạ 196.
 Đề Siêu Loại Báo Ân từ 222.
 Đề Sùng Hư lão túc 197.
 Đề tân học quán 540.
 Đề Tây Đô thành 507.
 Đề thành Tây Đô 508.
 Đề tháp Bảo Thiên, 116.
 Đề thơ núi Hoa Nham Tống Triều, 108.
 Đề Thủ giang tổng biệt đồ 232.
 Đề Tiên Du từ 481.
 Đề Tĩnh An Huyện thừa tặng Tử Phương từ
huấn đường 551.
 Đề trang trai của diện soái Phạm 292.
 Đề tranh « Cố bộ hạc đỗ »,
 Đề Trần Đồng tri Thợ huyền đường 745.
 Đề Triều công 56.
 Đề Tư đồ Trần Nguyên Đán từ đường 220.
 Đề châm 216, 746, 753.
ĐẾ DƯ VÖNG 635, 637, 644.
ĐẾ LAI 634, 635, 636, 637, 639, 640.
ĐẾ MINH 634, 636, 638, 639.
ĐẾ NGHI 634, 636, 638, 639.
ĐẾ NGHIỄN 294.
ĐẾ PHI 84.
 Đề Sở 110, 111.
 Đề Tọa (sao) 229, 230.
 Đề Viên (sao) 230.
 Đề ba mươi tết dùng văn của Đỗ Phủ cùng
các bạn trong tiệc làm thơ 445.
 Đề ba mươi tết tránh giặc trong núi, 566.
 Đề dừng thuyền ở trạm Tứ Giang huyện
Nam Hải, 526.
 Đề thất tịch, 305, 307.
 Đề thu 304, 476.
 Đề thu cùng bạn cũ Chu Hà kề lại chuyện
dã qua 38.
 Đề thu dậy sớm gửi Kiểm chính Hồng Châu,
416.
 Đề thu lưu biệt Kiểm chính Hồng Châu
468.

- Đêm trăng dạo bước trên đường thông ở núi
 Tiên Du 53.
 Đến trán Gia Hưng gửi cho em là Cung
 Tuyên Vương 219.
 Đi chơi núi Phật Tích, ngẫu nhiên đề thơ 93.
 Đi kinh lý lộ Thao Giang, 98.
 Đi kinh lý trong quận 100.
 Đi sứ phượng Bắc, theo mệnh quan tỉnh, làm
 thơ ngay giữa tiệc 147.
 Đi trên núi 127.
 Đi trên sông họa văn thơ của Kiêm chính
 Hồng Châu 453.
 Điểm thơ đề phúc về sau 733.
 Điểm Xá (xã) 258.
 Điểm viên man hùng 733.
 Điện tử thi cách 717.
 Điều dài 24.
 Điều thân Tý vọng 561.
 ĐINH (họ) 256, 257.
 ĐINH (triều đại) 187.
 ĐINH BÀNG ĐỨC 751.
 ĐINH BỘ LĨNH 256, 257, 265.
 ĐINH CÔNG 507, 508.
 ĐINH CÔNG TRỨ 258.
 ĐINH BIỀN 263.
 ĐINH GIA KHÁNH 760, 761.
 ĐINH LIỄN 257, 258.
 ĐINH LINH UY 51, 444, 508.
 ĐINH TIỀN HOÀNG 259.
 ĐINH TOÀN 258, 259.
 Định vân 205.
 Định Phượng Hoàng ở núi Chí Linh 155.
 Định Hồ 50, 51.
 Định Châu 657.
 ĐỊNH QUỐC CÔNG (tước hiệu) 255, 257.
 Đoàn Lê (xã) 81.
 Đoàn ngọt 564.
 ĐOÀN CHỦ 275, 281.
 ĐOÀN KHẢ LIỆT 280.
 ĐOÀN THỊ ĐIỀM 7, 606, 607, 761.
 ĐOÀN THƯƠNG 275, 281, 284, 285.
 ĐOÀN VĨNH PHÚC 612, 613.
 ĐOÀN XUÂN LÒI 225, 375, 490, 747, 754,
 755.
 Đò BÀN (thành) 84, 95, 179, 180.
 Đò BÀN (kinh đê) 200, 201.
 Đò CÀU 408, 409.
 Đò mì 26.
 Đò Sơn 758.
 Đò thư 230, 231.
 ĐỖ (họ) 277, 538, 577, 578.
 ĐỖ AN DI 283.
 ĐỖ AN THUẬN 278.
 ĐỖ ANH DOĀN 283.
 ĐỖ ANH TRIỆT 285.
 ĐỖ CẨM THẠC 266.
 Đỗ Đặng 266.
 Đỗ Đặng Giang 264.
 ĐỖ HẠNH 264.
 ĐỖ HỮU DƯƠNG 760.
 Đỗ Khúc 407, 408.
 ĐỖ KÍNH TU 285.
 ĐỖ NGUYỄN CHƯƠNG 746.
 ĐỖ NHƯ HỐI 580.
 ĐỖ PHỦ 64, 408, 419, 429, 432, 446, 458, 519,
 539, 571.
 ĐỖ QUẢNG 282.
 ĐỖ THÍCH 258, 259.
 ĐỖ THỤY CHÂU 277.
 ĐỖ TÔNG CHU 427, 428.
 ĐỖ TRUNG CAO 431, 432.
 ĐỖ TỬ TRÙNG 247, 410.
 ĐỖ TỬ VI 195, 213.
 ĐỖ VŨ 18.
 Đội Sơn 264, 265, 284.
 Đội Xá 281, 284.
 Đồn (núi) 387, 388.
 Đồng (bến) 686.
 Đồng Anh (huyện) 100, 103.
 ĐÔNG BÌNH 180.
 Đồng Bộ (bến) 282.
 Đồng Bộ Đầu (bến) 284, 285.
 Đồng chí Hồng Thôi quan mệnh phú 745.
 ĐÔNG CHU (triều đại) 240, 319, 337, 503.
 Đồng Chu liệt quốc 337.
 Đồng Hải 240, 672.
 ĐÔNG HÁN (triều đại) 91, 92, 240, 387, 429,
 431, 498, 664.
 Đồng Hoa (cửa) 348, 446, 447.
 Đồng Hoa (cửa cung) 349.
 ĐÔNG HOÀNG 370, 372.
 ĐÔNG HỒ 747.
 Đồng Kết 265.
 Đồng Kinh 88, 90.
 Đồng Lâm (chùa) 56.
 Đồng Ngàn 479.

- Đông Ngàn xuân mộng* 479.
ĐÔNG NGÔ (triều đại) 120, 514.
Đông Sơn 490, 491.
Đông Sơn (chùa) 82, 711.
Đông Sơn (huyện) 137, 166, 218, 507, 714.
Đông Sơn (núi) 712.
Đông Quan 759.
Đông Sơn từ hồ thương lâu 81.
Đông Tân (bến) 284.
ĐÔNG TẤN (triều đại) 120, 587.
Đông Triều (châu) 557, 558.
Đông Triều (cửa biển) 169.
Đông Triều (huyện) 26, 41, 81, 104, 105, 106, 109, 245, 285, 471, 686, 738, 752.
Đông Triều thu phiếm 168.
ĐÔNG VIỆT VƯƠNG 412.
Đông Yên (huyện) 284, 651.
Đồng (thôn) 476.
Đồng Cỏ (núi) 264, 265.
Đồng Đăng 111.
Đồng Giang (sông) 356.
Đồng Hải 72, 73.
Đồng Hòa (xã) 265.
Đồng hồ 140.
Đồng Long 126, 127, 128.
Đồng Lư (huyện) 240.
Đồng Mỏ 110.
ĐỒNG NGẠN HOÀNG 135.
Đồng Quan 258.
Đồng Sơn 130.
ĐỒNG HỒ 335, 336, 337.
Đồng Hồ bút phu 7, 334.
ĐỒNG THIỀN VƯƠNG 612.
ĐỒNG TRỌNG THỦ 175, 435.
ĐỒNG TỬ 174, 175.
Đồng Chi Lăng 115.
Động Định (hồ) 84, 120, 633, 638, 644, 729.
Động Nhiên (đỉnh) 30.
Động Nghiêm phong hữu cảm 29, 30.
Động Tam Thanh 110, 111.
Động Trữ 281, 284.
Động Vũ Lâm 363.
ĐÓI QUÝ 405.
Đuống (sông) 366, 444, 664, 728.
- Đức** (sao) 229.
Đức Giang (sông) 443.
Đức tài hữu vị 690.
Đường (đất) 492.
ĐƯỜNG (triều đại) 41, 82, 91, 175, 182, 588, 668.
ĐƯỜNG AN (huyện) 520, 613.
ĐƯỜNG CAO TÔ 325.
ĐƯỜNG ĐỨC TÔNG 412.
Đường Hào (huyện) 67.
Đường Hào (xã) 505.
ĐƯỜNG HẦU (trước hiệu) 338, 378.
ĐƯỜNG HUYỀN TÔNG 27, 325, 346, 351, 408.
Đường khách 437.
Đường lô 362.
ĐƯỜNG MINH HOÀNG 324, 325, 326, 346.
ĐƯỜNG NGHĨA 758.
ĐƯỜNG NGHIÊU (triều đại) 136, 229, 299.
ĐƯỜNG NGU (triều đại) 136, 576.
ĐƯỜNG THÁI TÔ 242.
ĐƯỜNG THÁI TÔNG 242, 313, 610.
Đường Thái Tông dãy bân triều Thái Tông 462.
ĐƯỜNG THÚC 487, 489, 492.
Đường thư 606, 552.
ĐƯỜNG TRUNG TÔNG 215.
ĐƯỜNG TÚC TÔNG 351.
ĐƯỜNG VŨ ĐẾ 290.
ĐƯỜNG VŨ TÔNG 631.

E

Eo Ngọc 127, 128.

G

Gây cứu 142.

Ghi lại việc hầu vua về Thiên Trường 89.

- Ghi nỗi lòng trong ngày chủ nhật* 530.
Ghi nỗi lòng, vâng trinh Cúc Đường Chủ nhân 70.
GIA CÁT 605.
Gia Cát (hang) 102, 103.
GIA CÁT LUÔNG 120, 173 493.
GIA CÁT VŨ HÀU 118, 119.
Gia đê kiến Tiêu Đô đốc thị tảo mai, nhân canh kỳ dĩ tăng 190.
Gia hòa 492.
Gia Hưng (trấn) 101, 220.
Gia Lâm (huyện) 366, 479, 496, 497.
Gia Lộc (huyện) 284, 461, 412.
Gia ngũ 66.
Gia Ninh (bộ) 446.
Gia viên lạc 398.
Gia Viễn (huyện) 258, 710.
Gia đến 171.
GIÀ LA ĐỒ LÊ (tên hiệu) 9, 659, 660.
GIẢ (họ) 434, 435.
GIẢ NGHỊ 435, 610.
GIẢ PHÓ 610.
GIÁC HẢI 703.
Giản (sông) 89, 91.
GIẢN ĐỊNH ĐẾ 757, 758.
Giản Kinh Khê Pham Tông Mai 23.
Giản ngũ lô binh đăng Thạch Môn Sơn lưu đài 81.
Giản Pham Kinh Khê 23.
GIẢN TRAI 26.
Giản Triển (sông) 89.
GIẢN VĂN ĐẾ 657.
Giang Định 64.
Giang Định tác 63.
Giang Đô 348, 349.
Giang Đông (tỉnh) 69, 70, 96, 97, 429, 526, 571.
Giang hành thư Hồng Châu Kiểm chính vân 453.
Giang Khẩu (phường) 686.
Giang Ly 463, 464.
Giang Nam (tỉnh) 78, 79, 80, 386, 387, 460, 565.
Giang Ninh 120.
Giang Tả 117, 118, 119.
Giang Tây (tỉnh) 120, 412, 528, 540.
Giang thôn xuân cảnh 483.
Giang Thủ (sông) 117.
Giang Tô (tỉnh) 130, 251, 332, 726.
Giang trùng phùng lập xuân nhật 528.
GIÁNG HƯƠNG 94.
Giao Châu (xứ) 257, 259, 664.
Giao Châu cảo 108.
Giao Chỉ (bộ) 635, 638, 644.
Giao Chỉ (đất) 666, 668, 678, 701, 702.
Giao Chỉ (nước) 709, 712, 722, 723, 726.
Giao Chỉ (quận) 695, 757.
GIAO HÀO (người) 282.
Giao Thủy (chùa) 710.
Giao Thủy (hương) 703, 710.
Giao trình lịch sử văn học Việt Nam 760.
Giáp Sơn (huyện) 106, 107, 724.
Giáp tý hạ han hữu sắc chư bộ đảo vũ ; vi đảo nhì tiên vũ 391.
Giám thanh 594.
Giếng Việt 214.
Giếng Việt (đồi) 214.
GIỚI HIỀN (tên hiệu) 135, 173, 179, 728.
Giữ năm 301.
Gửi bạn đồng niên là Thái học sinh họ Trương ở Chuong Giang 384.
Gửi Kinh Khê Pham Tông Mai 23.
Gửi Nguyễn Quán 244.
Gửi tặng Kiêm chính Nguyễn Ứng Long ở Nhị Khê 199.
Gửi Tri phủ họ Đào ở Tuyên Hóa 576.
Gửi trình các đồng chí những cảm khái khi ở trong thành 407.

H

- Hà (sông)* 445, 491.
Hà Bắc (tỉnh) 54, 94, 222, 285, 504, 751 753.
Hà Bắc (tỉnh, Trung Quốc) 326.
Hà Dương 493.

- Hà đồ 231, 319.
 Hà Đông (tỉnh) 266, 696.
 Hà Đông (động) 264, 266.
 Hà Nam (động) 266.
 Hà Nam (tỉnh) 49, 90, 265, 723.
 Hà Nam (tỉnh, Trung Quốc) 119, 326, 503.
 Hà Nam Ninh (tỉnh) 29, 88, 90, 148.
 Hà Nội (tỉnh) 52, 100, 116, 123, 366, 479, 756, 759.
HÀ Ô LÔI 611.
Hà Ô Lôi truyền 616, 628, 629.
 Hà Sơn Bình (tỉnh) 123, 266, 284, 345, 613.
 Hà Tây (tỉnh) 266, 503, 754, 757.
 Hà Thị (chợ) 648, 650.
 Hà Tĩnh (tỉnh) 509, 613, 757.
 Hà Tuyên (tỉnh) 290, 576.
HÀ VĂN LÔI 281.
HÀ VĂN TẤN 290, 760.
HÀ VẬN 284.
Ha (khúc nhạc) 318.
 HÀ (triều đại) 92, 331, 332, 337, 610.
Ha dì cư 545.
Ha Giới Hiên công trừ nhiếp Hữu bộc xạ 173.
Ha Hồ Thành trung Trạng nguyên 214.
Ha Hồng (châu) 669.
Ha kinh Triệu doãn Nguyễn Công vi Văn Đồn kinh lược sứ 387.
Ha Tiêu Ân Chu tiên sinh bài Quốc tử Tư nghiệp 164.
Ha Tống, Lê, Đỗ tam Ngự sử 409.
Ha Trung thư thị lang 408.
 Ha Tương 70, 97.
HÀ VŨ (triều đại) 299.
 Hải Ấp 282, 284.
 Hải Dương (tỉnh) 81, 83, 106, 175, 245, 265, 266, 388, 424, 580, 686.
 Hải Dương (trấn) 724.
 Hải Đông (phủ) 388, 756.
 Hải Hậu (huyện) 150.
 Hải Hưng (tỉnh) 57, 59, 63, 67, 78, 81, 83, 86, 106, 136, 155, 173, 591, 613, 673, 751.
Hải khâu linh tử 607.
 Hải Phòng 758.
 Hải Thanh (hành cung) 280.
 Hải Thanh (trấn) 285.
 Hải Thành 88, 89.
 Hải Vân (vùng) 668.
 Hầm Chưởng (cung) 49.
 Hầm Cốc 69.
 Hầm Cốc (ǎi) 543.
 Hầm Dự (sao) 229.
 Hầm Dương (kinh đô) 97, 343.
 Hầm Dương (cung) 142.
 Hầm Kinh (kinh đô) 341, 343.
Hầm phản lầu bí kíp 675, 676.
HÀN DŨ 180, 434, 588, 747, 755.
HÀN HƯU 325, 326.
HÀN KỲ 418, 554.
Hàn Phi Tử 587.
HÀN THOÁI CHI 37.
HÀN TÍN 344, 519.
HÀN TRUNG HIẾN 417, 418.
HÁN (dân tộc) 118, 119, 120.
 Hán (sông) 80, 120.
 HÁN (triều đại) 24, 28, 51, 99, 105, 124, 142, 176, 204, 219, 231, 299, 341, 381, 411, 418, 492, 519, 571, 668.
HÁN CAO TÔ 70, 120, 231, 341, 454, 511.
HÁN CHIỀU ĐẾ 99.
 Hán Dương 120.
HÁN HIẾN ĐẾ 659, 664.
HÁN MINH ĐẾ 180, 412.
HÁN QUANG VŨ 356, 431.
HÁN THÀNH ĐẾ 299.
Hán thư 28, 69, 248, 552, 610.
HÁN THƯƠNG 672, 757.
Hán tự văn khảo 760.
HÁN VĂN ĐẾ 435.
HÁN VÕ ĐẾ 175.

HẠNG LANG 258.
 HẠNG LUÔNG 97.
 HẠNG TỊCH 70, 97.
 HẠNG VŨ 511.
Hạng Vũ bắn kỷ 97.
 HẠNG VƯƠNG 70, 129, 130.
Hạng Vương (đèn) 129.
Hành dịch dâng gia sơn 79.
 HÀNH QUÂN VƯƠNG (tên hiệu) 264, 266.
Hành quân 99.
Hạnh đàn 536.
Hạnh Gia Hưng trấn ký Duệ Tông 218.
Hạnh Gia Hưng trấn ký đệ Cung Tuyên Vương 218.
Hạnh Gia Hưng trấn ký Tuyên Vương Kinh 218.
Hào (núi) 503.
Hào (sông) 569.
Hào Lũng (núi) 501.
 HẠO 631, 685.
 HẠP LU 344.
Hạt sen 592.
 HẰNG NGA 543, 719.
 HẦU CẢNH 649, 657.
Hầu Linh (núi) 486, 491.
Hầu mõm đỏ 604.
 HẦU NHÂN BẢO 263.
Hầu vua di bái yết sơn lăng về Kinh 299.
 HẬU HÁN (thời đại) 493.
Hậu Hán thư 24, 143, 151, 374, 508, 543.
 HẬU NGHỆ 77, 544, 720.
 HẬU TẤN (triều đại) 253, 265.
 HẬU TRẦN (triều đại) 7, 675.
Hậu Xích Bích phú 130.
Hệ tử 230.
 HIÊN (vua) 197, 230, 335.
 HIÊN VIÊN 230.
Hiên Viên (gò) 644.
Hiên Viên Thị 644.
 HIẾN QUỐC HÀU (tước hiệu) 278.
 HIẾN TÔNG 685.
 HIẾN VĂN TỬ 547.
Hiến văn 492.
 HIẾN VƯƠNG 680, 682.
 HIẾN TÙ 724.

HIỀN TỬ TUYÊN THÁNH 685.
 HIỀN 684, 686, 753.
Hiệp Sơn (huyện) 24, 59, 78, 81, 83, 86, 106, 136, 175.
 HIỆP THẠCH 79, 80, 135.
Hiệp Thạch (làng) 78, 83, 86, 136, 175.
 HIỆP THẠCH PHẠM SƯ MẠNH 132, 134.
 HIỆP THẠCH PHẠM SƯ MẠNH Á NGHĨA PHU 134.
Hiệp Thạch tập 78, 746.
Hiếu kinh, 667.
 HIẾU LỄ (tên tự) 613.
Hiếu thuận sư thực 758.
Hình luật thư 746.
Hình thể địa mạch ca 67, 746.
Hoa cúc đỏ 177.
Hoa Dương (núi) 378, 379.
Hoa dò mi 27.
Hoa Lư (động) 256, 257, 258, 444.
Hoa Môn (cửa ải) 199.
Hoa Nam 612.
Hoa Ngạc (lầu) 324, 325.
Hoa Nham (núi) 109.
Hòa Bình (tỉnh) 220.
Hòa Châu (châu) 94, 247, 509.
Hòa Thành 473.
Hòa thành *Thàn Chung* 473.
Hỏa (sao) 230.
Hỏa Vân (lầu) 264.
Hỏa Vân (núi) 264.
Họa bài thơ của *Thái thượng hoàng đế ở cung Trung Quang*, phủ *Thiên Trường* 149.
Họa bài thơ của viên *Kiêm chính ở Hồng Châu* 202.
Họa bài thơ vào châu *vua lúc trời chưa sáng* của *quân Hán lâm họ Chu* 434.
Họa Chu Hán lâm vị trọng lão triều 434.
Họa Đại Minh sứ *Dư Quý* 117, 119.
Họa Đại Minh sứ «Đè Nhị Hà dịch» 121.
Họa Hồng Châu Kiêm chính vận 201.
Họa Nguyễn Đại phu *Khúc quáng định thi vận* 746.
Họa Nguyễn Văn Đồng «*Khiển muộn*» thi vận 581.
Họa Nguyễn Văn Đồng thi vận 587.
Họa Phạm Hiệp Thạch vận 135.
Họa Phúc châu *Phùng Châu Phán* tì sĩ sở tặng thi vận 538.

Hoa thơ *Dư Quý sỹ thần Minh* 118.
Hoa thơ «Đè trạm Nhị Hà» của sứ thần
Minh 122.
Hoa thơ Tràng Quang đế 510.
*Hoa văn bài thơ «Ban yến cho những người
đỗ Tiến sĩ ở điện Quan Đức»* của nhà
vua 151.
Hoa văn bài thơ «Khiên muộn» của Nguyễn
Vân Đồng, 582.
Hoa văn bài thơ «Tân Bình thư sự» của quan
An phủ trấn Tân Bình Phạm Sư Mạnh,
204.
Hoa văn bài thơ «Thu hoài» của nhà vua,
153.
Hoa văn bài thơ xướng hoa của các thí sinh
ở trường thi 193.
Hoa văn tặng Thủ Văn Đạo nhân, 60.
Hoa văn thơ của ông Đồng tri phủ hữu ty Lê
Mai Phong 65.
Hoa văn thơ Phạm Hiệp Thạch 135.
Hoài (đất) 36, 37, 188.
Hoài (sông) 120.
Hoài Âm (đất) 344.
Hoài Đức (huyện) 281.
Hoài Hoàn (bộ) 644.
Hoài Nam (tử) 64; 77, 517.
Hoài Thái (đất) 180, 188.
Hoài Thủ (sông) 406.
HOÀI TRUNG HÀU (tước hiệu) 285.
Hoan (châu) 264.
Hoan Châu (châu) 258, 265.
Hoàn 318, 319.
HOÀN ÔN 31, 441.
HOÀNG (ho) 509, 512, 515, 577, 578.
HOÀNG BÁ 577, 578.
Hoàng Cương (hiệu) 169.
HOÀNG ĐẾ 51, 140, 809, 666,
HOÀNG ĐỨC LƯƠNG 761.
Hoàng Giang (sông) 149, 472.
Hoàng Giang dạ vũ 742.
Hoàng Hà (sông) 112, 118, 120, 129.
Hoàng Hạc (lầu) 117, 118.
HOÀNG HIẾN 571.
Hoàng hoa 512.
Hoàng hoang giả hoa 448, 513.
HOÀNG HỐI KHANH 247, 754, 757.

Hoàng huân 216, 746, 753.
HOÀNG HỮU YÊN 716.
Hoàng Lâu 129.
Hoàng Long 124, 125.
Hoàng Long (động) 83, 357, 358.
Hoàng Nghiệt 402, 403, 404.
HOÀNG PHÚC 758.
Hoàng thái tử KÍNH 746.
HOÀNG THUỜNG 738.
Hoàng triều đại diện 746.
Hoàng triều phiền thuộc dư địa tung thư
251.
HOÀNG TRUNG 748.
HOÀNG TRÙNG 509.
HOÀNG TỰY PHU 760.
Hoàng Việt thi tuyển 11, 760.
Hoàng Việt thi văn tuyển 760.
Hoàng Việt văn tuyển 11, 760.
HOÀNG XUÂN HẦN 509, 760.
Hoành Châu 853.
Hoành Châu thi Vịong Bồng Trai văn 352.
Hoành Sơn 125.
HOẮC QUANG 503, 605, 755.
Hoằng Hóa (huyện) 700.
Hoằng Nông (tiểu) 288.
HOÀNG THAO 80, 253.
Hồ (triều đại) 67, 380, 409, 454, 491, 669, 675,
Hồ Bắc (tỉnh) 120, 169.
Hồ ĐỐN 215.
HỒ HÂN THƯỜNG 243, 421, 675, 757.
HỒ HUỲNH 675, 741.
HỒ LIÊM 243.
Hồ Nam (tỉnh, Trung Quốc) 84, 120, 351, 644,
HỒ NGUYỄN TRÙNG 7, 243, 675, 684, 693.
Hồ QUÝ LÝ 67, 148, 200, 245, 247, 250, 379,
HỒ THÀNH 215.
Hồ Thiên 40, 41.
Hồ tinh 611.
HỒ TÔN (nước) 635, 638, 642.
HỒ TÔNG THỐC 67, 70, 72, 74, 215, 309, 400,
611, 613, 731, 746, 747, 748, 750.

- Hỗ bài Sơn lăng hồi Kinh* 298.
Hỗ giá Thiên Trường thư sự 88.
- HỐI KHANH** 757.
- HỘI XUƠNG** (niên hiệu) 631.
- HÔN ĐỨC CÔNG** 245, 683, 686.
- Hồng (sông)* 101, 123, 166, 265, 284, 345, 472, 479, 480.
- HỒNG BÀNG** (họ) 643, 657, 611, 750.
Hồng Bàng 611.
Hồng Bàng thi truyện 634.
- Hồng Châu* (huyện) 202, 284, 415, 453, 454, 460, 461, 462.
- Hồng Châu* (tỉnh) 174, 175.
- Hồng Châu* (xã) 657.
- Hồng Châu Kiêm chính dĩ dir vân tác i khuết hoài thi, kiến phúc, dụng kỳ vân dĩ tặng* 449.
- Hồng Châu phúc đáp vân bài trước tôi lại gửi trả lời* 452.
- Hồng Châu phúc tiền vân phúc ký đáp chí* 451.
- Hồng cúc hoa* 177.
- HỒNG ĐỨC** (niên hiệu) 611.
- Hồng Lê* 282.
- Hồng Môn* (cửa) 69, 511.
- Hồng nghĩa, giác tư y thư* 603.
- Hồng phạm* 231, 580.
- HỒNG THUẬN** (niên hiệu) 613.
- HỒNG VŨ** 684, 686, 712, 753, 754, 756.
- Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* 11, 760.
- HUỆ TÌNH** (tê.. niệu) 591.
- HUỆ TỬ** 569.
- HUỆ VÕ** 672.
- HÙNG VƯƠNG** 100, 123, 251, 635, 637 642, 647, 649, 653, 657, 666.
- HUY TÙ** 619, 622, 630.
- Huyền Khuê* (ngọc) 239, 240.
- Huyền Phố* 101.
- Huyền Thiên* (chùa) 466.
- Huyền Thiên* (động) 157, 158, 752.
- Huyền Thiên* (quán) 207.
- HUYỀN VÂN ĐẠO SĨ** 158.
- HUYỀN VÂN** 752.
- Huyệt Vũ* 111.
- HÚA DO** 165.
- HÚA HỒNG** 599.
- HÚA THIỆU** 508.
- Hưng Hóa* (tỉnh) 99, 284.
- Hưng Hóa* (trấn) 101.
- Hưng Khánh* (cung điện) 325, 326, 327.
- Hưng Khánh* (gác) 324.
- HƯNG KHÁNH** (niên hiệu) 673, 758.
- Hưng Nguyên* (xã) 266.
- Hưng Nhân* (huyện) 284, 503.
- HUNG NHƯỢNG** 689.
- HUNG THỐNG** (niên hiệu) 264, 266.
- Hưng Yên* (tỉnh) 179, 265, 284, 728.
- Hương Cải* (xã) 266.
- Hương Sơn* 49.
- Hương Tượng* 126, 128.
- HỮU BẬT** 487, 489, 492.
- Hữu Hùng* (đất) 644.
- Hữu Lũng* 115.
- HỮU MIÊU** (giác) 610.
- Hữu Sản* (cánh đồng) 332.
- HY** (vua Phục Hy) 197, 230, 239, 335, 337.
- HY CÔNG** 491.
- Hy kinh* 568.
- Hy Lăng* (lăng) 301.
- HY TÔNG** 554.
- HY VÂN** 404.
- Hỗ học sĩ Trần Nhược Hu tư Nghệ An chí* 428.
- Hy vũ* 476.

K

Kẻ Mộc (làng) 632.
 Kén (thành) 336.
 Keo (chùa) 710.
 Kê Đầu Sơn (núi) 60.
 Kê minh 609.
Kê minh thập sách 7, 607, 608, 610.
 Khả Liễu (đạo quân) 281.
 Khả Liễu (tên đất) 284.
Khách lợ 437.
Khách quý vui vẻ ở với nhau, 738.
Khách xá 418.
Khách xá họa hữu nhân văn 47.
 KHAI BAO (niên hiệu) 257.
 KHAI ĐẠI (niên hiệu) 757.
 KHAI NGUYÊN (niên hiệu) 325, 326.
 Khai Phong (thành phố) 211.
 KHAI THÁI (niên hiệu) 52, 573.
 KHAI VẬN (niên hiệu) 253.
 KHAM 179.
 KHAM (tên húy) 688.
Khang Hy tự diễn 686.
 KHANH TỬ QUÁN QUÁN 130.
 Khánh Lâm (chùa) 123, 133.
 KHÁNH LỊCH (niên hiệu) 409, 410.
Khánh Nguyễn Văn Đồng sinh nhật 577.
Khâm định từ khố toàn thư 251.
Khâm định Việt sử thông giám cương mục 521.
 Khâm Hiền quán (nhà) 418.
 KHẨM TỬ 689.
 KHẨU 678.
 Khâu Ôn 108, 109, 110, 113.
 KHẨU TUẤN 431.
 KHẨU (họ) 550.
 KHẨU TUẤN 551.
 Khê Sơn 132, 133.
 KHIÊN NGƯU 206.
Khiên hưng ngày thu 395.
Khóa huy lục 760.
 KHOÁI (người) 281, 282.
 Khoái Châu (huyện) 265, 284, 657.
 Không Lộ (chùa) 709.
 Không ngủ 212.
 KHÔNG MINH 120, 221, 493.

KHÔNG TỬ 115, 165, 183, 215, 243, 336, 537, 563, 583, 755.
 Không Tử (miếu) 119, 120.
 KHUẤT NGUYỄN 159, 169, 356, 357, 464, 56.
 KHÚC GIANG CÔNG (tên hiệu) 408, 409.
 Khúc Phụ (huyện) 120, 537.
 Khúc Phụ (thành) 560.
Khúc quăng đình 746.
 Khuê (ngọc) 239, 240.
 Khuê (sao) 156.
 KHUÔNG VIỆT ĐẠI SƯ 259.
Khuyễn học 431.
 KHƯƠNG (họ) 643.
 KHƯƠNG HẦU 610.
 KHƯƠNG TỬ NHA 24.
 KÍCH 278.
 Kiếm Các (cửa khẩu) 501, 502, 503.
 Kiếm Các (huyện) 503.
 Kiếm Môn (cửa) 503.
 Kiếm Sơn (núi) 503.
Kiếm chính Hồng Châu dùng văn của tôi để làm bài thơ Thuật hoài, sau khi đọc tôi lại dùng văn ấy làm thơ tặng anh 449.
 KIỀN 722, 723, 724.
 Kiến Hưng (phủ) 686.
 KIẾN KHANG (niên hiệu) 4117, 112, 120, 657.
Kiến Khang chí 120.
 KIẾN TÂN (niên hiệu) 755, 757.
 KIẾN THÀNH 242.
 KIẾN VĂN (niên hiệu) 756, 757.
Kiến văn tiêu lục 11, 613, 750, 760.
 Kiến Thành (thành) 374.
 KIỆT (vua) 332, 335, 337.
 Kiệt Đặc (làng) 52.
 Kiệt Đặc (sông) 579, 580.
 Kiệt Đặc (xã) 63, 155, 158.
 Kiến Lĩnh 437, 438.
 KIỀU PHÚ 612, 613.
 Kiều Tài quán (nhà) 417, 418.
 KIỀU CỘNG TIỄN 253.
Kiều làm thơ lắp chữ 717.
 Kim Âu (núi) 244, 486, 488, 491.
 Kim Câu (thanh kiếm) 344.
 Kim Cốc 49.
 Kim Đồng (cột) 331, 332.

Kim Động (huyện) 284.
 Kim Lăng 380, 675, 752, 754, 757, 758.
 Kim Lăng (ngục) 520.
 Kim Mã môn (cửa thành) 149.
 KIM MÂU 157, 158.
Kim quay 612.
 Kim Sơn 251.
 Kim Tinh (thềm) 279, 282.
 Kinh (sông) 22, 23, 60, 131, 133.
 Kinh Bắc (đạo) 94.
 Kinh Bắc (lộ) 481.
 Kinh Bắc (trấn) 222, 380, 479, 756.
 Kinh Châu 24.
Kinh Châu ký 406.
Kinh Dịch 68.
 KINH DƯƠNG VƯƠNG 634, 636.
Kinh Lễ 113.
 Kinh Môn (huyện) 78, 81.
 Kinh Môn (phủ) 78, 83, 86, 106.
 Kinh Sơn (núi) 51.
Kinh Thi 10, 279, 319, 431, 490, 491, 511, 513, 559, 749, 755.
Kinh Thư 231, 326, 491, 492.
 Kinh Triệu (đất) 631.
 Kinh 220, 685, 686, 753.
 Kinh Chủ (động) 78.
 Kinh Chủ (làng) 24, 724.
 Kinh Chủ (núi) 81, 107.
Kinh họa thơ vua, 58.
Kinh họa văn bài thơ năm Chính Bình của Thái Tông, 203.
Kinh họa văn thơ «Hoàng mai tết sứ» của nhà vua, 208.
 KINH KHÈ 24.
Kinh Khè thi tập 723.
 Kinh Thiên (diện) 279.
 Kinh Thiên (gác) 279, 280.
 Kỳ (sao) 230, 231.
 Kỳ (tên đất) 240, 501, 503.
 Kỳ Anh (trấn) 610.
 Kỳ Châu (đất) 503.
 Kỳ Dương (tên đất) 332, 503.
 Kỳ Hoa (biển) 610.
 Kỳ Lâm 43, 44.
 Kỳ Lân (gác) 512.
 Kỳ Lừa 111.
 Kỳ (châu) 379.
Kỳ Nguyễn Quán 244.

Ký Quách Huyền thira 547.
Ký lặng Nhị Khê Kiêm chính Nguyễn Ứng Long 198.
Ký Tuyên Hóa Đào Tri phủ 575.

L

LA (họ) 707.
 La Sơn (huyện) 509.
 La Thành 444.
 LA TRỌNG TỒ 747.
 La Tu 707, 753.
 LÃ ĐỘNG TÂN 617, 620, 622, 631.
Lã thị Xuân thu 42.
 LÃ VỌNG 240.
 Lạc (đất) 496, 498.
 Lạc (kinh đô) 319.
 Lạc (sông) 238, 240, 491, 493.
 Lạc Ấp (áp) 378.
 Lạc Dương (đất) 49, 408.
 Lạc Dương (thành) 501, 502, 503.
 LẠC LONG QUÂN 634, 636, 639.
Lạc mai 48.
 Lạc Thủy (sông) 230.
Lạc thư 230, 319.
 Lại 318, 819.
Lại họa thơ sứ thần Minh Dư Quý 124.
 Lam (cầu) 509.
 LAM SƠN 758.
Làm dưa khi răng gãy 562.
Làm ở trong quán 185.
Làm thơ bóng gió hết lòng khuyên can 726.
Làm thơ ở Giang Đinh 64.
 LAM SƠN 315.
 LAN 278.
 Lan 369.
Lan cốc 354.
 LAN TRAI 26.
Lan trong núi 355.
 Lãng Bạc (hồ) 373, 374.
 Lãng Sơn (đất) 265.

- Làng Châu 112, 263, 265, 281, 285, 402, 403.
 Làng Giang (lộ) 115, 361, 751.
 Làng Sơn 108, 109, 110, 111, 113, 114, 265.
 Làng Sơn (lộ) 298.
Làng Sơn dạo trung 109.
Lánh giặc trong núi 382.
 LAO (nước) 501.
Lão lai 170.
LÃO LAI TỬ 176.
 Lão Lat (làng) 520.
 Lão Thủ (núi) 107, 108.
 Lạp Hạ (làng) 613.
 Làng Tiêu (gác) 279.
 Làng Yên (gác) 312, 313.
 Lâm Ấp 665, 666, 667.
 Lâm Phản 120.
 Lâm Tuyền 407.
Lân chỉ chỉ 493.
Lân chỉ 487, 489, 492.
Lân kinh 337, 338.
 Lâm Phong (tháp) 155.
Lập xuân 574.
 Lâu Lại 114, 115.
 Lâu Lại (núi) 107, 108.
Lầu trên hồ chùa Đông Sơn 81.
 Lèn (sông) 244, 686.
 LÊ (triều đại) 187, 430, 681.
LÊ Á PHU 693.
LÊ BÁ QUÁT 52.
LÊ CẨM TUÂN 520, 521, 524, 526, 532, 750, 758.
LÊ DỤ TÔNG 290, 591.
LÊ DUNG TRAI 430, 431.
LÊ DUY 724.
LÊ DƯ NGHỊ 693.
LÊ HOÀN 257, 258, 263, 265, 266.
LÊ HUÂN 243.
LÊ LIÊM 363.
LÊ LỢI 7, 746, 754, 758, 759.
LÊ LUẬT 73, 74.
LÊ MAI PHONG 165, 166.
LÊ MICH 263.
LÊ NĂNG TRƯỜNG 278.
LÊ NGÃ 758.
LÊ NGỌA TRIỀU 251, 266.
LÊ PHUNG HIỀU 699, 700.
LÊ ĐÌNH 700.
LÊ QUÁT 78, 137, 138, 145, 166, 751.
LÊ QUÝ ĐÔN 67, 611, 613, 746, 760, 761.
LÊ QUÝ LY 243.
LÊ THÁI TỔ 759.
LÊ THỊ 685.
LÊ TRỪNG 675, 678, 696, 740.
LÊ VĂN HƯU 251, 266.
LÊ VĂN THỊNH 137.
Lễ kinh 240, 392, 532, 537.
Lễ ký 545, 560.
LÊ QUỐC KỲ 672.
Lệ Tiêu (lầu) 325, 326.
Lên Hoàng *Lầu viết vội văn thơ đưa sứ Bắc*
Thị giảng *Dư Gia Tân* 129.
Lên núi *Dục Thúy đền thơ* 88.
Lên núi *Thiên Kỳ đền thơ lưu niệm* 104.-
Lịch sử cõi đại Việt Nam 668.
Lịch triều hiến chương loại chí 11, 216, 358,
 700, 750, 760.
LIÊM KHÈ 555.
LIÊM ÔNG 554, 555.
Liêm Tuyền (suối) 331, 332.
Liên dinh nhã tập 554, 555.
Liên tử 592.
Liên Xương (cung) 325, 326.
Liệt nữ truyện 68.
Liệt triều tập 246.
Liệt tử 106, 379, 433, 458.
Liêu Đông (đất) 444.
Liêu Thủy (đất) 345, 348, 349.
LIÊU THỦY (tên hiệu) 345.
LIỄU HẠ HUỆ 397.
Liễu Nhiên (am) 218.
LIỄU TRỌNG SÍNH 552.
Linh Bích 97.
LINH CÔNG 336, 755.
LINH BỨC 244, 245, 692.
LINH ĐỨC ĐẠI VƯƠNG 245.
LINH ĐỨC VƯƠNG 693.

- Linh hồn ông định ngôi cho cháu* 689.
Linh Hư (núi) 444.
Linh Lăng 125.
Linh Lăng (huyện) 84.
LINH QUÂN (tên chữ) 371, 372.
Linh Sơn (núi) 57.
Linh Sơn *tập hùng* 56, 58.
LINH TRIỆT 52.
Linh Tụ (núi) 577, 578, 580.
Linh Vận 402, 403.
Linh Võ (huyện) 325, 326,
LINH VƯƠNG 491.
Lĩnh Nam (núi) 611.
Lĩnh Nam *chích quái* 7, 8, 9, 11, 214, 611, 612, 613, 760.
Lĩnh Nam *chích quái liệt truyện* 611, 612, 613, 622, 644, 649, 659.
Lĩnh Nam *chích quái lục* 613.
Lĩnh Nam *quái tập* 613.
Loa Thành 102.
LONG CHƯƠNG THIỀN TÙ (niên hiệu) 710.
LONG ĐÈ 266.
LONG ĐỈNH 266.
Long Đỗ 756.
LONG KHÁNH (niên hiệu) 298, 300, 301, 417, 745, 748, 749, 753.
Long Lộc (diện) 264.
Long Mã 486, 488.
Long Môn 215.
Long Môn (bến) 429.
LONG NHAM 176.
Long nhẫn 611.
LONG NỮ 634, 636.
LONG QUÂN 635, 636, 637, 639, 640, 641.
Long Sơn (hội) 440.
Long Tân (bến) 342, 344.
Long Trang (động) 635, 637.
Long Tuyền (huyện) 344.
Long Tuyền (thanh kiếm) 342, 344, 518, 519.
Lô (núi) 539, 540.
Lô (sông) 99, 100, 101, 217, 479, 753.
Lô Hoa (điểm) 574.
Lô Hoa *điểm thính châm* 573.
Lô Sơn (núi) 540.
Lô Thủy (sông) 217, 755.

Lỗ (nước) 319, 338, 351, 491.
LỖ AI CÔNG 338, 351, 492.
LỖ ÂN CÔNG 351.
Lỗ Ân Công *tháp nhái niên* 404.
LỖ CÔNG 69, 70,
LỖ LUẬN 487, 489, 491.
LỖ TỰNG 487, 489, 491.
LỖ TƯƠNG CÔNG 319.
LỖ VƯƠNG 754.
Lộ 124.
LỘC Bình 108, 110.
LỘC Châu 108, 110, 281.
Lộc minh 511.
LỘC TINH 685.
LỘC TỤC 634, 636.
Lôi Dương 754.
LỘI HOÁN 344.
Luận ngữ 16, 202, 215, 243, 349, 395, 551, 583, 588, 677, 678, 747, 750, 755.
Lục (bến, xem thêm *Lục Phố*) 150.
LỤC CHÂU 49.
Lục Dã (biệt thự) 181.
Lục Dã (nhà) 181, 206.
Lục Đầu (sông) 498.
Lục Hải (bệ) 644.
LỤC KHẢI 406.
Lục kinh 240.
Lục Phố (bến) 149, 150.
LỤC TỐN 514.
LỤC TRIỀU 117, 119, 120.
Lũng (núi) 503.
Luộc (cửa) 150.
LƯ KỶ 412.
LƯ SINH 452.
LŨ HẬU 220.
LŨ MỘNG 514.
Lược truyện các tác giả Việt Nam 225, 241, 350, 509, 750, 759, 760.
Lương (sông) 754.
LƯƠNG (triều đại) 120, 648, 651, 655, 657.
Lương Châu (đất) 332.
LƯƠNG GIANG 189.
Lương Huệ Vương 198.

- Lương phủ ngâm 179.
 Lương Thạch (tòa) 279.
 Lương Thạch xứ 282.
LƯƠNG VŨ ĐẾ 657.
LUU (triều đại) 117, 118, 120.
LUU BANG 70, 97, 220, 342, 519.
LUU BÌ 120, 179, 33, 514.
LUU CÔN 379.
LUU CO' 259.
Lưu Gia (thôn) 282, 284.
LUU HÀU 495, 497, 498.
LUU HIỆP 664.
LUU HOÀNG THAO 81.
LUU HUYỀN ĐỨC 514.
LUU PHẦN 174, 175.
 Lưu Quang (điền) 157, 158.
LUU THIỆU 264, 282.
LUU THƯỜNG 294, 754.
LUU TRỪNG 263.
LUU TÚ 356.
LUU VŨ TÍCH 551.
 Lưu Xá (xã) 284.
Ly câu 45, 46.
Ly Sơn 341, 344.
Ly tao 44, 356, 371, 372, 463.
LÝ ANH TÔNG 277.
LÝ BẠCH 387, 400, 429, 571.
LÝ BẬT 250.
LÝ BÌ 657.
LÝ CAO TÔNG 605, 755.
LÝ CHIỀU HOÀNG 251.
LÝ DIÊN NIÊN 244, 747, 755.
LÝ HẠ TRAI 571.
Lý HẠ Trai lat phỏng phú thứ văn dí đáp
 570.
Lý Hải (xã) 225.
Lý Hiệu Uy (đền) 123.
LÝ HOA 163.
LÝ HUỆ TÔNG 251.
LÝ LÂM PHỦ 326.
LÝ LONG TRÁT 277.
LÝ MẶT 562.
LÝ NGUYỄN (tên tự) 243.
LÝ NGUYỄN CÁT 752.
LÝ NHÂN TÔNG 746.
LÝ ÔNG TRỌNG 611, 612.
LÝ PHỤ QUỐC 327.
LÝ TẾ XUYÊN 611, 613.
LÝ THÁI TỒ 444, 481, 700.
LÝ THÁI TÔNG 700, 704, 707.
LÝ THÁNH TÔNG 116, 710.
LÝ THẦN TÔNG 251, 710.
LÝ THẾ DÂN 242.
LÝ THỊ 242.
LÝ THỊNH 412.
LÝ TỬ CẨU 571, 757.
LÝ TỬ TẤN 519, 757.
LÝ UYÊN 242.
Lý Ung 400.
LÝ Ủ 757.
- M**
- MA CÔ** (tiên nữ) 214.
 Ma Hoàng (động) 264.
 Ma La (hương) 619, 623, 631.
MA LA (thần) 619, 623.
 Ma Lãng (cầu) 746.
 Ma Lãng (tên đất) 282, 285.
Ma Lãng kiều *Ỷ Lan xã Sóng Quang tự chung minh* 746.
 Ma Ni 132, 133.
 Mᾶ (sông) 265, 686.
MÃ TRƯỜNG KHANH 417, 418.
MÃ VIỆN 374, 496, 497.
Mã Viện truyền 374.
MẠC (triều đại) 613.
MẠC DA 344.
Mạc Da (thanh kiếm) 342, 344.
MẠC DĨNH PHU 45.
MẠC ĐĨNH CHI 46.
MẠC HIỀN TÍCH 279.
MẠC KÝ 738.
Mạch môn 593.
Mai Chính Túc Viwang già yến sủng thương
tác thư Giới Hiền bộc xa ván 178

MAI HIỀN (tên hiệu) 363.
Mai Lĩnh 126.
MAI PHONG (tên hiệu) 137.
*Mai Thôn dẽ hình dẽ « Thành Nam đổi cúc »
 chí tác kiến thi, nỗi thử ký vận* 171.
MAI TỈNH 132, 134.
MAN NƯƠNG 9, 659, 660, 661.
Man Nương 611.
Man Nương truyện 659.
Mạn Đề 746.
Man Đề hường Phúc Minh tự bi minh 746.
Mạn Trù (châu) 284.
Mạn Trù Châu (bãi cát) 648, 651, 656.
Mang (đất) 344.
Mang Nhân (đất) 282.
MẠNH 689, 691.
MẠNH GIA 441.
MẠNH GIAO 552.
MẠNH HẠO NHIÊN 588.
MẠNH NGUYỄN (tên tự) 675.
MẠNH NGUYỄN (tên chữ) 678.
MẠNH THẦN (tên tự) 536.
MẠNH THƯỜNG QUÂN 37.
Mạnh Thường Quân truyện 428.
Mạnh Tử 172, 198, 397, 492, 557, 559,
 583, 588, 737, 750.
Mao thi chính nghĩa 491.
Mao Trai khiên hoài 572.
Mão (sao) 230, 231.
MẮC TỬ 584.
Mặt trời lén từ biển Phù Tang 24.
MÂN PHONG 486, 488, 490, 491.
MÂN TÚC 182, 183.
Mật ong 595.
Mật tấu 747.
Mậu Lắng (đất) 171.
Mậu Thân chính nguyệt tác 209.
Mẽ Sở (hương) 209.
Mẽ thó 593.
Mệnh thông thi triều 676.
Mích La (sông) 159, 168, 169, 356, 372, 565.
Mịen (huyện) 120.
Miết (suối) 63.
Miết Thủy (suối) 155.

Miết Tri (ao) 63, 155.
Miết Tri 62, 63.
Miêu Hạng Vũ ở Ô Giang 96.
MINH (triều đại) 7, 105, 117, 119, 125, 193,
 381, 431, 512, 524, 529, 549, 566, 684.
MINH ANH TÔNG 678.
Minh đạo 225, 243, 747, 755.
MINH ĐẠO (niên hiệu) 707.
Minh dỗ thi 11, 760.
MINH HOÀNG (tên hiệu) 325, 502, 503, 506.
MINH HUỆ ĐẾ 756 757.
MINH KHÔNG 708, 709, 710.
Minh Không thàn dị 708.
MINH THÁI TỘ 672, 686, 714, 753, 754, 756.
MINH THÀNH TỘ 702, 757, 758, 759.
MINH TÔNG 85, 219, 685, 686, 751.
MINH TUYỀN TÔNG 758.
MINH TÙ 243.
MINH TỰ (tước hiệu) 284.
MINH UY VƯƠNG 619, 622, 631.
MINH VƯƠNG 680, 681, 682, 684, 691.
Mộc (làng) 632.
Mô thu 463.
Mộ Trạch (làng) 613.
Mộc (sao) 231.
Mộc tinh 611.
Mòng Lý (trạm) 533, 534.
Mòng lý dịch ngẫu thành 533.
*Mòng mộng tết yết kiến Thương nhân Nguyệt
 Đàm ở chùa Diên Quang* 43.
MỘNG DŨ 748.
MỘNG HOA 754.
Mộng ký 225.
Mộng xuân ở Đông Ngàn 479.
*Mùa đông năm Xương Phù thử nhặt tòn từ
 Nhí Khè lén ngủ tai nhà khách ở phía
 nam thành, cảm nay nhớ xưa, nhân làn
 tâm câu thơ tư hình đại phu Đỗ công và
 những bạn đồng chí* 439.
*Mùa hạ năm Giáp tý han hán, vua có sắc cho
 các lợ cùu mưa, chưa cùu trời đã mưa*
 392.

Mùa thu thả thuyền ra chơi ở Đông Triều 168.
MỤC LĂNG 84, 85.
MỤC VŨONG 434.
Mưa đêm ở Hoàng Giang 472.
Mưa nhỏ 160.
Mừng bà quan ngũ sỉ họ Tống, họ Lê, họ Đỗ 410.
Mirng Học sĩ Trần Nhược Hir từ Nghệ An đến 429.
Mirng Hồ Thành đô Trang nguyên 215.
Mirng ông Chu Tiêu Ân được bổ chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám 164.
Mirng ông Giới Hiên được bổ chức Hữu bộ cựu 173.
Mirng quan Thị lang tòa Trung thư 409.
Mirng quan Triều dandan kinh đô Nguyễn công đã làm Kinh lược sứ ở Văn Đồn 388.
Mirng quan Tư lang trung ở tòa Môn hạ sảnh 674.
Mirng sinh nhật Nguyễn Văn Đồng 578.
My giác 595.
MỸ AM 291.
Mỹ Lộc (huyện) 91, 148, 149, 241, 292, 413.
Mỹ Lương 758.

N

Nà Xá 156.
Nà Nộn (ruộng) 291.
Nam (núi) 68.
NAM (nước) 520, 602, 635.
NAM BẮC (triều) 404.
Nam Chân (huyện) 225.
NAM CHIẾU (nước) 611.
Nam dược quốc ngữ phú 591, 597, 599.
Nam được thán hiệu 591, 592.
Nam Dương (đất) 117, 119, 120, 177, 179.
Nam Định (tỉnh) 29, 90, 91, 150, 283, 284, 285, 296, 472, 478.
Nam Đường (đất) 314.
Nam Giáo (đất) 677, 678, 740.
Nam giao chí 105.
Nam Hà (tỉnh) 225, 241, 265, 283, 284, 723.

Nam Hải (huyện) 525, 526, 635, 637, 644.
Nam Hải huyện tư giang dịch da bao 525.
NAM HÂN (triều đại) 81, 253.
Nam hoa kinh 379.
Nam Kinh (kinh đô) 549.
Nam Linh (núi) 548, 549.
Nam Ninh (huyện) 225.
Nam Ninh (phủ) 353.
Nam Ninh (tỉnh) 265, 635, 638.
Nam Nội (cung điện) 325, 327.
NAM ÔNG (tên hiệu) 675.
Nam Ông mộng lục 10, 11, 675, 676, 677, 738, 740, 741, 750.
Nam Ông mộng lục hậu tự 740.
Nam Ông mộng lục tự 677.
NAM PHÔNG VƯƠNG (tước hiệu) 264, 266.
Nam Phố (gác) 527.
Nam Quan (ái) 250.
Nam Sách (Châu) 550, 551.
Nam Sách (đạo) 281.
Nam Sách (giang) 290.
Nam Sách (huyện) 263, 284, 551, 751.
Nam Sơn (núi giả) 264.
NAM TỔNG (triều đại) 194.
Nam Triệu (cửa biển) 81.
NAM TỦ 244, 746, 755.
NAM VIỆT (nước) 374, 507, 508.
Nam Việt bút ký 448.
NAM VIỆT VƯƠNG LIỀN 261, 263.
Nam Xang (huyện) 723.
Nam Xương (phủ) 527.
Nanh (sông) 345.
Nap Hạ (khắc nhạc) 319.
NGA HOÀNG 84.
Nga Sơn (huyện) 358.
Ngạc Lộc 123, 124, 125.
Ngao Sơn 117, 118, 119.
Ngày đầu năm 533.
Ngày lập xuân 574.
Ngày mồng một tháng ba sáng dây 445.
Ngày Nguyên đán dâng lên Băng Hồ Tướng công 456.
Ngày Nguyên đán ở trạm trên sông 535.
Ngày thu 167.
Ngày thu ngẫu hứng 16.
Ngày thu sáng dây cảm xúc nên thơ 442.
Ngày xuân chơi chùa trên núi 235.
Ngày xuân họa thơ vua 91.
Ngày xuân mừng trời tạnh nắng 521.

- Ngày xuân ở nông thôn* 46.
Ngày xuân vắng lệnh vua làm thơ 92.
Ngậm ngùi với chữ « Trí quân » 737.
 Ngân Hà (sông) 23, 123, 353, 519.
 Ngân Hán 122, 123, 156, 455.
 Ngân Hồng (thềm) 279.
 Ngân Sơn (tên đất) 263, 265.
Ngẫu đê 192.
Ngẫu nhiên làm thơ 397.
Ngẫu tác 393.
Nghệ tang, tắt thở 694.
 Nghệ thường (diệu múa) 325, 326.
NGHỆ 684.
 Nghệ An (châu) 281.
 Nghệ An (tỉnh) 176, 215, 244, 266, 284, 509, 512, 757.
NGHỆ HOÀNG 501, 502.
 Nghệ Tĩnh (tỉnh) 176, 339, 509, 515, 610, 732.
NGHỆ TÔNG (tên hiệu) 503, 685, 686, 753, 754, 755, 758.
Nghệ Tông ngự chế 224.
Nghệ Tông thi tập 216.
NGHỆ VƯƠNG 684, 692, 695, 726, 727.
Nghệ Vương thủy mạt 680.
 Nghi (sông) 164, 165, 394.
 Nghi Dương (huyện) 326.
 Nghi Thủy (sông) 165.
NGHĨA HOÀNG (vua) 686.
 Nghĩa Hưng (phủ) 29.
NGHĨA PHU 9, 78.
 Nghĩa Phú (hương) 591.
Nghĩa sĩ truyện 509.
NGHĨA VƯƠNG (tên hiệu) 509.
NGHIÊM LAI 238, 240.
NGHIÊM LĂNG LAI 240.
NGHIÊM QUANG 28, 240, 356, 493.
NGHIÊM TỬ 355, 356.
NGHIÊM TỬ LĂNG 28.
Nghiên cứu lịch sử 760.
NGHIỄN 245, 753.
NGHIÊU (vua) 15, 84, 92, 126, 164, 207, 230, 299, 324, 325, 335, 606, 726, 734, 736, 737.
Nghiêu diễn 170.
 Ngoạn Y (định) 279.
- Ngọc Hoa** (tên ngựa) 346.
Ngọc Hoa chiểu dạ (tên ngựa) 346.
Ngọc Hoa Thông (tên ngựa) 346.
NGỌC HOÀN 325.
Ngọc Kinh 94, 95.
Ngọc Lũy (núi) 325, 326, 501, 502, 503.
Ngọc Sơn 36, 37.
NGỌC THA 686.
Ngọc Thanh (quán) 245, 756.
NGÔ (họ) 253.
NGÔ (nước) 332, 344, 526, 672.
Ngô (sông) 349.
NGÔ (triều đại) 120, 751, 752.
NGÔ BÈ 7.
Ngô Câu (thanh kiếm) 108, 341, 344.
NGÔ CHÂN LƯU 259.
Ngô Giang 125, 126.
Ngô Khê (suối) 350, 351.
Ngô Khê trung hưng bì 351.
NGÔ LANG 686.
NGÔ LẬP CHI 761.
NGÔ LÝ TÍN 278.
NGÔ MÂN 253.
NGÔ MIỀN 701, 702.
NGÔ NHẬT KHÁNH 265.
NGÔ PHÙ SAI 514.
NGÔ QUYỀN 81, 253, 258, 266, 747.
NGÔ SĨ LIÊN 78, 251, 686, 702, 750.
NGÔ TẤT TỐ 761.
NGÔ THỜI SĨ 261.
NGÔ TÙNG GIANG 126.
Ngô Việt xuân thu 344.
NGÔ VƯƠNG 79, 80, 81, 344.
NGÔ THIỆN CÚ SĨ (tên hiệu) 291.
NGU (triều đại) 337, 408, 409, 610, 674.
NGU CƠ 97.
Ngu Khê 124, 125.
Ngu Nhuế 606.
NGU THUẤN 136.
NGŨ ĐẠI (thời đại) 24, 215.
Ngũ đê ký 644.
Ngũ Hành Sơn (núi) 120.
Ngũ Hồ 389, 427, 454, 455.
Ngũ kinh 757, 758.
Ngũ Lăng (tên đất) 171.
NGŨ LIỄU TIỀN SINH 41.

Ngũ Lĩnh (núi) 427, 428, 611, 612, 634, 636, 638, 643, 644, 668.
NGŨ TÙ TỬ 526.
Ngũ van xi chiêm 553.
NGŨ VIÊN 525.
NGUNG 684, 754.
NGUY (triều đại) 117, 118, 120, 657, 756.
NGUY MINH ĐẾ 279.
NGUY TRINH CÔNG 555.
NGUY TRUNG 42.
NGUYỄN (triều đại) 7, 23, 45, 78, 81, 82, 120, 193, 735, 751, 752, 756.
NGUYỄN ANH 528.
NGUYỄN CÁT 242, 752.
NGUYỄN CHÂU 60.
NGUYỄN DUC 685, 752.
Nguyễn Đán yết Diên Quang tự Nguyệt Đàm Thượng nhân 44.
NGUYỄN KIẾT 351.
NGUYỄN LONG (tên tự) 387.
Nguyễn nhặt 533.
Nguyễn nhặt giang dịch 534.
Nguyễn nhặt phỏng Nguyệt Đàm Thượng nhân 44.
Nguyễn nhặt hướng Băng Hồ tướng công 456.
Nguyễn nhặt yết Diên Quang tự Nguyệt Đàm thượng nhân 43.
NGUYỄN NHƯƠNG 563.
NGUYỄN PHONG (niên hiệu) 241, 242, 705.
NGUYỄN THÀNH THIÊN CẨM 688.
NGUYỄN THẾ TÔ 696, 704, 705.
NGUYỄN THỐNG (niên hiệu) 147, 738.
NGUYỄN THUẬN ĐẾ 147, 724, 738, 751, 752.
NGUYỄN TRÁC 685, 727, 753.
NGUYỄN TRÙNG 757.
NGUYỄN (triều đại) 443, 444, 525.
NGUYỄN Â 288.
NGUYỄN ÂN 288.
NGUYỄN BÁ THÔNG 499.
NGUYỄN BÁ TỈNH 591.
NGUYỄN BẮC 257, 258, 259, 263.
NGUYỄN BĂNG CỦ 421.
Nguyễn Bích Châu tể văn 605.

NGUYỄN BÍCH CHÂU 606, 607, 609, 610.
NGUYỄN BIÊU 509, 511, 513, 515, 758.
NGUYỄN CẨNH CHÂN 249, 507, 758.
NGUYỄN CẨNH ĐÌ 512, 758.
NGUYỄN CẨN 7, 245, 673, 756.
NGUYỄN CHÍ THÀNH 710.
NGUYỄN CHÍNH 282.
NGUYỄN CHÍNH LẠI 284.
NGUYỄN CÓ PHU 146, 147.
NGUYỄN CƠ BÍCH CHÂU 7, 607.
NGUYỄN DU 280.
NGUYỄN DŨ 67, 69.
NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU 44.
NGUYỄN ĐỒNG CHI 761.
NGUYỄN GIÁC HẢI 611, 612.
NGUYỄN HÁN ANH 202, 416, 451, 454, 460, 461, 462, 468.
NGUYỄN KHOÁI 294.
Nguyễn Ký 283.
NGUYỄN MẬU TIỀN 745.
NGUYỄN MINH KHÔNG 611, 612, 708.
NGUYỄN MỘNG TRANG 507, 758.
NGUYỄN NÃI 282.
NGUYỄN NẬU 282.
NGUYỄN NGAN QUANG 249, 757.
NGUYỄN NGỌC SAN 760.
NGUYỄN NGÔ LANG 681, 683.
NGUYỄN NHÂN LIỆT 296.
NGUYỄN NHIÊN 685.
NGUYỄN NHŨ BẬT 316.
NGUYỄN NHŨ CÁI 757.
NGUYỄN NHŨ THUYẾT 756.
NGUYỄN PHÁ LẦN 281.
NGUYỄN PHÁP 320.
NGUYỄN PHI HÙNG 380.
NGUYỄN PHI KHANH 68, 199, 380, 381, 397, 412, 418, 434, 451, 454, 455, 462, 490, 496, 498, 536, 757.
Nguyễn Phi Khanh thi tập 381.
Nguyễn Phi Khanh thi văn 11, 381, 490, 760.
NGUYỄN QUỐC TĨNH 591.
NGUYỄN QUÝ UNG 350, 351.
NGUYỄN QUÝ 507, 758.
NGUYỄN SĨ CỐ 86, 87.
NGUYỄN SÚY 758.
NGUYỄN THANH 754.

- NGUYỄN THÁNH HUẤN 684, 734.
 NGUYỄN THIỀN TRƯỢNG 288, 291.
 NGUYỄN THƯỜNG 279.
 NGUYỄN TỊCH 159, 176.
 NGUYỄN TOÁN 734.
 NGUYỄN TÔNG ĐẠO 754.
 NGUYỄN TRÃI 44, 148, 290, 380, 381, 398,
 644, 753, 757.
 NGUYỄN TRUNG NGẠN 136, 173, 179, 727,
 731, 746.
 NGUYỄN TÙ DU *257.
 NGUYỄN TÚ THÀNH 10, 15.
 NGUYỄN ỨC 26, 31, 37, 41, 42, 51, 745.
 NGUYỄN ỦNG LONG 68, 380.
 NGUYỄN VĂN SIÊU 81.
 NGUYỄN VĂN NHI 294.
 NGUYỄN VĂN ĐỒNG 578, 580, 582, 584,
 587.
 NGUYỄN VI 421.
 NGUYỄN VIỆM 447, 448.
 Nguyệt Bảo (gác) 279.
 Nguyệt Giản (tên đất) 169.
Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kinh 53.
 Ngư Dương (huyện) 325, 326.
Ngư Tiêu văn답 44.
Ngư tình 611.
 NGƯ MÃN VƯƠNG 264.
 Ngựa Vàng (cửa thành) 140.
*Người em trai được Tiêu đô đốc cho xem thư
 vịnh nai sớm, nhán hoa vàn để tặng* 190.
 Ngru (sao) 230, 344.
 NGƯU LANG 306, 353.
 NGƯU LUONG 217, 753.
 Nhà Đầu (bến) 87, 88.
 Nhà Phố 83.
 Nhà Thờ (phố), 116.
Nhạc phủ 416.
 NHAM 631.
 Nhâm Điện (diện) 140.
Nham động 109.
 NHAN HỘI 41, 215.
 NHAN LỘ 215.
Nhan cư phủ 398.
Nhan túc đảng 141.
Nhan tư 308.
Nhâm Dần niên lục nguyệt tác 208.
Nhân đi việc quan, lén chơi núi quê nhà 80.
- Nhàn Mục (hương) 617, 632.
Nhân tiết Trung thu cảm xúc trước sự việc
 455.
 NHÂN VINH 748.
 NHÂN VƯƠNG 687, 714.
Nhập mộng liêu bệnh 711.
 Nhất Da Trach (chăm) 648, 651, 656.
 Nhất Da Trach 611.
Nhất Da Trach truyện 647.
Nhất thống chí 40, 125.
 NHẬT BẢN (nước) 246.
 Nhật Kim (gác) 279.
 NHẬT LỄ 752, 753.
 Nhật Nam (bộ) 635, 638, 644.
Nhật xuất Phù Tang 24.
 NHĨ CHÂU VINH 657.
 Nhị (sông) 117, 118, 122, 123, 166, 384, 389.
 NHỊ ĐẾ 91, 92.
 Nhị Hương (diện) 222.
 NHỊ KHÈ (tên hiệu) 68, 380.
 Nhị Khê (làng) 68.
 Nhị Khê (xã) 380, 381, 467, 468.
Nhị Khê thi tập 381.
 Nhị Thủỷ 610.
 NHỊ TRUNG 611.
 Nhiêm Bàng 98, 99.
 Nhiêm Khê 125.
 NHUẬN HỘ (triều đại) 503, 507, 508.
 NHUNG (dân tộc) 503.
 NHUẾ 675.
 NHƯ LAI (Phật) 156.
Như Nguyệt 611, 612.
 Nhữ Nam 508.
 NHỮ THUYẾT 756.
Ni sư dát hạnh 712.
Niên biểu Việt Nam 759, 761.
 Ninh (sông) 345.
 Ninh Bình (tỉnh) 88, 258, 265, 283, 412, 448,
 710.
 Ninh Cơ (sông) 345.
 Ninh Giang (huyện) 263, 265.
 Ninh Hải (bộ) 635, 638, 644.
 Ninh Khê (bến) 345, 348.
 NINH SƠN (hiệu) 613.
 Ninh Sơn (bộ) 635, 638.
 NINH VƯƠNG 325, 326.
 Non Nước (núi) 88.
 Nỗi lòng 139.
 Nội Phố 403.

Nông An 125.
 Nông Cống (huyện) 754.
Nơi ở cũ của quan Tư đồ, 16.
Nơi quán khách họa thơ bạn 47.
 Nùng (thôn) 290.
 NỮ ANH 84.
 NỮ OA 77.
 Nữ Loan (cầu) 258.

Ô - Ö

Ô CÔNG 493, 523, 524.
 Ô Diên (sông) 727, 728.
 Ô Đài (đình) 247, 248, 409, 410.
Ô điểm Lô Hoa nghe tiếng nén vải 573.
 Ô Giang 70, 97.
Ô Giang Hang Vũ miếu 96.
 Ô HOẠCH 179, 180.
 Ô HỮU 557.
 Ô LỘI 617, 620, 621, 622, 624, 625, 628, 630, 631.
 Ô Thủ Sơn (núi) 60.
 Ô Y (ngõ) 118, 119, 120.
Ôm vào mùa thu 417.
 Ôn Châu 110, 113.
 ÔN SINH 493.
 ÔNG KIỀU 757.
Ông Lý Ha trai tới thăm, làm bài thơ này để đáp lại 570.
 Ông Mắc 591.
 Ông Mụ (núi) 110.
Ông Phạm Cồ Son đưa bài thơ vịnh mướn nhỏ, lại nói các vị đều đã họa cả rồi, tôi hâm mộ ở trong cõi trần này mà có cái thุ nhân tản như thế, nhán theo văn họa lại một bài 459.
 Ông Trọng (đền) 121, 122, 123.
Ở quán xá miền sông Thao 480.
Ở quê xúc động trước sự việc xảy ra, gửi trình tướng công Băng Hồ 436.
 Ô xóm 414.

PH

PARAMEÇVARAVARMAN 265.
 PHA ÔNG 129, 130.

Phá xí hý tác 562.
 Phả Lai (huyện) 188.
 Phả Lại (núi) 188.
 Phả Lại (xã) 188.
 PHẠM (họ) 23, 713.
 PHẠM BÌNH ĐÌ 279, 281, 282, 284, 285.
 PHẠM CÔNG 697.
 PHẠM CỰ BỊ 263.
 PHẠM CỰ LANG 265.
 PHẠM DU 281, 282, 284, 285.
 PHẠM HẠP 265.
 PHẠM HIỆP THẠCH 135.
 PHẠM KHÁ VĨNH 756.
 PHẠM LÃI 455.
 PHẠM MẠI 722, 723, 724.
 Phạm Mệnh (xã) 78, 81.
 PHẠM NGỌC 758.
 PHẠM NGỌ 722, 723, 724.
 PHẠM NGƯ 282.
 PHẠM NGŨ LÃO 293.
 PHẠM NHÂN KHANH 298, 459, 471.
 PHẠM NHỮ DỤC 536, 746, 747, 748, 749, 750.
 PHẠM QUÁT 109.
 PHẠM SỰ MẠNH 9, 52, 78, 79, 80, 84, 107, 109, 120, 136, 137, 175, 746, 751.
 PHẠM SỰ ÔN 754.
 PHẠM TĂNG 70.
 PHẠM TÔNG MẠI 23, 24.
 PHẠM THỊ TÂM 760.
 PHẠM TRỌNG ĐIỂM 769.
 PHẠM HUY CHÚ 67, 81, 398.
 PHẠM MÃNH 247, 754.
 PHẠM NHẠC 398.
 PHẠM NGHĨA 745, 753.
 PHẠM PHU TIỀN 28, 31, 367, 761.
 PHẠM (họ) 511.
 PHẠM 606.
 PHẠM KHOÁI 511, 519.
 Phản Thủ (nhà) 385.
 Phản Thủ (sông) 559.
 Phản cung (cung) 290.
 PHÁP ĐIỆN (tượng Phật) 661.
 Pháp hoa kinh 222.
 Pháp Khẩu (cửa sông) 72, 73.
 PHÁP LOÀ 689.
 PHÁP LỘI (tượng phật) 661.
 PHÁP THẠNH (tên tu) 599.
 PHÁP VŨ (tượng phật) 661.

- PHẠP VIỆP 406.
Phát vân thời tác 127.
Phát mộc 734.
- PHẬT BẬT 244.
Phật cõi biển 755.
- PHẬT HẤT 746, 755.
- PHẬT QUANG 647, 649, 653.
- Phật Tích (chùa) 312.
 Phật Tích (núi) 54, 94, 394, 395.
Phật Tích liên tri 311.
Phép thần di của Minh Không 709.
Phép thần thông của tăng, đạo 703.
- PHẾ MÌ THUẾ 264.
- PHẾ ĐẾ 234, 245, 686, 692, 693.
 753, 754.
- PHI KHANH 385.
- Phi Lộc (huyện) 339.
Phi Minh đạo 747.
- Phi Thủ (tên đất) 201.
- Phi (áp) 755.
- Phi (khe) 72, 73.
- PHÍ LANG 281.
- Phi Lộc (huyện) 128, 517.
Phía bắc cửa ải 107.
- PHÓ DUYỆT 28, 30, 36, 42, 221, 231, 404.
- PHÓ NHAM 35.
- Phong* 43, 44.
- Phong (tên đất) 238, 240, 501, 502.
 Phong (tên đất Trung Quốc) 149.
 Phong Châu (châu) 264, 266, 635, 637, 642.
 Phong Khê 100, 102.
 Phong Khê (kinh đô) 373, 374.
 Phong Lưu (điện) 264.
Phong mây 595.
 Phong Thành (tên đất) 342, 344.
Phong thiền thư 51.
 Phong Thủ (định) 569.
Phong Thủ định quan ngự 568.
 Phong Vu (cảnh) 202.
- PHÒNG (họ) 577, 578.
- PHÒNG HUYỀN LINH 580.
- PHÓNG HUÂN (tên hiệu vua Nghiêu) 125,
 126, 164.
- PHỐ NGHIÈM (tên đất) 404.
Phu thê tử tiết 701.
- Phù Cử (huyện) 284.
- Phù Đồng (bến đò) 366.
 Phù Đồng (làng) 366.
- Phù Đồi (đạo quân) 281.
 Phù Đồi (tên đất) 264, 266.
- Phù Đồi (hương) 284.
 Phù Đồi (xã) 284.
- PHÙ ĐỒI VƯƠNG (tước hiệu) 264.
- Phù Lai 94.
- Phù Nam (biển) 665, 666.
- PHÙ NAM (nước) 668.
- Phù Nội (làng) 669.
- PHÙ SAI 526, 587.
- Phù Tang 486, 488, 490.
- Phù Ủng (huyện) 505.
- PHÙ BÌNH (tước hiệu) 203.
- PHÚ BINH HÀU (tước hiệu) 204.
- Phú cái chậu của vua Thang 331.
- Phú Cam Tuyền 299.
- Phú chỉ dẫn tinh giàng các vị thuốc nam 602.
- Phú con ngựa lù 377, 488.
- Phú Hiếu (làng) 613.
- Phú học chỉ nam 67, 744.
- Phú kiếm chém rắn 342.
- Phú lầu Cân Chính 324.
- Phú Linh (trường) 288, 290.
- Phú Lương (sông) 284.
- Phú Quốc (gác) 279.
- Phú sco Cảnh Tinh 229.
- Phú tử khuyên học 747.
- Phú vè ngoi bụi của Đồng Hồ 315.
- Phú xem nhạc nhà Chu 318.
- Phú Xuân (núi) 28, 356.
- Phú Xuân (sông) 355.
- PHỦ (tên húy) 648, 753.
- PHỤ (con Phạm Bình Di) 282.
- Phụ đúc trinh minh 692.
- Phụ Lộ (sao) 229.
- Phúc Châu 539.
- Phúc Đa (làng) 235.
- Phúc Hưng tư phái pháp tăng bảo 747.
- Phúc Kiến (tỉnh, Trung Quốc) 741.
- Phúc Lộc (bộ) 635, 638, 644.
- Phúc Minh (chùa) 746.
- Phúc Nghiêm (chùa) 746.
- PHỤC HY 197, 231, 240, 319, 337, 491, 568.
- PHỤC HY THỊ 643.
- PHÙNG (học) 538, 539.
- PHÙNG ĐẠO 215.
- PHÙNG HOAN 37, 428.
- PHÙNG HUNG 747.
- Phùng Bắc sứ cung ngộ Hy Lăng đại tướng
 nhất hữu cảm 300.
- Phùng canh Băng Hồ tướng công kỵ tăng
 Đỗ Trung Cao vận 431.

Phụng canh ngự chế «Hoàng mai tết sứ» 208.
Phụng canh ngự chế «Thu hoài» thi vần 152.
Phụng canh Thái thượng hoàng ngự chế đế Thiên Trường phủ Trùng Quang cung 472.
Phụng canh Thái thượng hoàng ngự chế Thiên Trường phủ Trùng Quang cung. 149.
Phụng canh Thái Tông Chính Bình chương vần 203.
Phụng canh thánh chế «Quan Đức diện từ tiến sĩ cấp đệ yến» thi vần 151.
Phụng chiếu Trường An đạo trung tác 411, 448.
Phụng hoa bài thơ của tướng công Băng Hồ gửi tặng Đỗ Trung Cao 432.
Phụng mệnh di sứ phượng Bắc cảm xác nhân gấp ngày đại tướng của Hy Lăng 300.
Phụng mệnh di sứ từ biệt em trai 362.
Phụng sứ lưu biệt thân đệ 361.
Phụng Thiên (cung) 280.
Phụng tư bì 747.
Phượng Đinh địa chí 81.
Phượng Hồ 106.
Phượng Trương (đảo tiên) 94, 170.
Phượng Hoàng (ao) 208, 440, 441.
Phượng Hoàng (núi) 52, 63, 155, 580.
Phượng Nhãnh (huyện) 155, 380.
Phượng Sơn (huyện) 498.
Phượng Tiên (thềm) 279.
Phượng Trí (ao) 208.
Phượng Trí (định thự) 379.

Q

Qua bến đò Phú Đồng 366.
Qua chơi Đóng Đinh họa nguyên văn thơ của Nhị Khê 68.
Qua đất Phong Khê 273.
Qua đời Việt Tỉnh 213.
Qua động Hoàng Long 83.
Qua Hoành Châu họa văn thơ của Vương Bồng Trai 352.
Qua mộ An phủ Nguyễn Sĩ Cố 87.
Qua nền cũ Đặng Vương các ở phủ Nam Xương 527.
QUA OA (nước) 200, 201.

Qua Tiêu Trong 84.
Quá An phủ Nguyễn Sĩ Cố phần 86.
Quá Hoàng Long động 83.
Quá Nam Xương phủ Đặng Vương các cổ chí 527.
Quá Phong Khê 273.
Quá Phủ Đồng đô 365.
Quá Tiêu Trong 83.
Quá Việt Tỉnh cương 213.
QUÁCH (họ) 547, 548, 549.
QUÁCH BỐC 282, 284, 285.
Quách Châu phản quan hồi kinh, tổng quan, dái, thư trật, được tái, lùn bùn tạ chí 548.
QUÁCH NGỎI 493.
QUÁCH THÁI 458.
QUÁCH TỬ NGHI 82.
Quan bắc 107.
Quan chu nhạc phú 317.
Quan đề hình Mai Thôn cho xem bài thơ «Ngắm các thành Nam», nhận họa theo vần 172.
Quan Đức (diện) 151.
Quan Tây (đất) 541, 542.
Quan thư 318, 319, 487, 489, 492.
Quan Trung (kinh đô) 69, 70, 319, 337.
QUAN VĂN TRƯỜNG 514.
Quan Xá 357.
Quán (huyện) 503.
Quán Châu (núi) 107.
Quán Khách 419.
QUÁN QUÁN 128, 129, 130.
QUÁN VIÊN 711.
QUÁN THÚC 491.
Quang Lang 113.
Quang Lang đạo trung 113.
Quan Liệt (xã) 52.
QUANG PHỤC 649, 651, 655, 656.
QUAN THÁI (niên hiệu) 94, 747, 754, 755, 756.
QUANG TRIỀU 41.
QUANG VŨ 493.
QUANG VŨ ĐẾ 412.
QUẢNG ĐÔNG (tỉnh, Trung Quốc) 44, 549, 643, 644.
Quảng Hàn (cung) 371, 372.
Quảng Nam (tỉnh) 249.
Quảng Nhạc (diệu nhạc) 474.
Quảng Ninh (tỉnh) 26, 41, 81, 105, 106, 169, 235, 245, 388, 558, 756, 758.
Quảng Tây (tỉnh, Trung Quốc) 323, 549, 643.

Quảng Tin (huyện) 664.
 Quảng Văn (quán) 407, 408.
QUẢNG VŨ HẦU (tên hiệu) 344.
 Quắc Trường (vườn) 560.
 Quắc Trường phố 560.
Quân trung hữu cảm 184.
Quân trung tác 185.
Quán vi kỷ 383.
Quản hiền phú tập 11, 235, 316, 320, 332, 339
 375, 379, 490, 499, 761.
Quân học trúc trường tất 747.
 Quận Ninh (bộ) 644.
 Quế Dương (bộ) 635, 638.
 Quế Dương (huyện) 188.
QUẾ ĐƯỜNG (tên hiệu) 613.
 Quế Lâm (bộ) 635, 638.
 Quế Lĩnh 124.
 Quế Thủỷ 125.
QUỐC CHÂN 724.
 Quốc ngữ 584.
Quốc ngữ thi tập 749.
 Quốc Oai (châu) 280, 281.
 Quốc Oai 380, 413, 754.
 Quốc phong 44, 139, 492.
QUỐC TẤNG 689.
 Quốc tử giám (trường học) 164, 165, 559.
Quy diển (phú) 40.
 Quy Hóa (sông) 99.
 Quy Hóa Giang (lộ) 101, 284.
Quy khứ lai 41.
Quy khứ lai từ 432, 441.
 QUÝ 434, 435.
QUÝ, LONG 408, 409.
Quý khách trọng hoan 738.
QUÝ LY 746, 748, 754, 755, 756, 757.
QUÝ TRÁT 319.
QUÝ TỬ 318, 319.
 QUÝ 438, 439.
QUYỀN 453.
 Quỳnh Đôi (làng) 215.
 Quỳnh Lâm (vùng) 26, 41.
 Quỳnh Lưu (huyện) 215, 400, 732.
 Quỳnh Vi (núi) 653, 657.

R

Rét mùa xuân 401.
 Ruộng kim ngàn (ruộng) 264.

S

Sa Khâu (tên đất) 343.
 Sài Sơn (tên đất) 312.
 Sài Trang (làng) 359, 360.
SÂM (vương tử) 282, 283, 284.
Sáng mùa xuân 61.
SÀO (túc Sào Phủ) 164, 165.
SÀO PHỦ 165.
 Sát Na 37.
Sầm Dã (cánh đồng) 331.
Sầm Lâu (tên hiệu) 728.
Sầm Lâu tập 727.
SĨ DOANH 616, 620, 622, 624, 631.
SĨ NHIẾP 659, 660, 664.
 Siêu loại (tên đất) 222.
Sóc phượng 657.
 Song Mai (cầu) 139.
 Song Phượng (đỉnh núi) 155.
Số ngư 487, 489, 491, 492.
 Sông Cái (sông) 242.
 Sông nhị (nhà xuất bản) 509.
Sông Thanh Lương 59.
Sóng ngay thẳng, chết yên lành 723.
Sơ ha 65.
Sơ học kỷ 49.
SƠ QUẢNG 539.
Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam 760.
Sơ xuân 24.
SỎ 97.
SỎ (triều đại) 118, 119, 606.
SỎ (nước) 371, 372, 454, 519, 526, 565.
SỎ CUỒNG 583.
SỎ HOÀI VƯƠNG 356.
SỎ KHANH (tên hiệu) 290, 291.
Sỏ tá 355, 356.
Sỏ từ 31, 32, 44, 356.
 Sơn Đông (tỉnh, Trung Quốc) 120, 165, 251,
 537, 560.
SƠN GIẢN 407, 408.
Sơn Hành 126.
Sơn Hồ (xã) 686.
 Sơn Nam 756.
Sơn Nam Hà (trấn) 613.
Sơn Nam Thương (trấn) 380.
Sơn Tây (đạo) 266.
Sơn Tây (tỉnh) 120, 312, 404, 498, 613,
 758.

- SƠN THÔN CẨM HÌNG 457.
 SƠN TRUNG 482.
 SƠN TRUNG KHIẾN HÌNG 181.
 SƠN TRUNG NGẦU THÀNH 158.
 SƠN VĨ 123.
 SÙNG CHÂN UY NGHỊ (tên hiệu) 259.
 SÙNG HIỀN 719.
 SÙNG HU 198.
 Sùng Khanh (chùa) 288, 290.
 Sùng khánh tự bì minh linh tự 286, 287.
 SÙNG LÂM 634, 636.
 SÙNG Nghiêm sư Văn Lỗi sơn Đại Bi tự 131.
 SÙNG QUANG (chùa) 746.
 SÙNG THIÊN (cung) 34.
 SƯ NGHÈ 336, 337.
 SƯ (họ) 339.
 SƯ ĐẶT 336, 338, 379.
 SƯ HY NHAN 339.
 SƯ ký 51, 97, 230, 231, 319, 474, 545, 644.
 Sư kiêm trinh, sáng suốt của người đàn bà 692.
 Siring nai 595.
 Sưu thần hâu ký 51, 444, 508.
- T
- TÀ (họ) 336, 338.
 TÀ GIANG (làng) 524.
 TÀ KHẨU MINH 338.
 TÀ THỊ XUÂN THU 338.
 TÀ THIỀN LỘC (làng) 517.
 TÀ TRUYỀN 69, 319, 404.
 TÀ (họ) 120, 355, 356.
 TÀ AN 493.
 TÀ BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG TƯ MÃ 433.
 TÀ HOA CHỈ HUY TỔNG THỦ DẦU THÔNG TỊCH 559.
 TÀ LIỄU THANH 145.
 TÀ LINH VẬN 405.
 TÀ NGUYỄN VĂN ĐỒNG CHO ĐAI 586.
 TÀ NGUYỄN VĂN ĐỒNG HUỆ ĐÁI 584.
 TÀ NGUYỄN VĂN ĐỒNG HUỆ ĐÁI TAM THƯ 584.
 TÀ NGUYỄN VĂN ĐỒNG THI VĂN 587.
 TÀ ÔN BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG CHO NGƯA 433.
 TÀ PHÓ 496, 497, 498.
 TÀ THIỀN HUÂN 365.
 TÀ THÚC NGAO 286, 290, 291.
 TÀ THƯỢNG HOÀNG BẢN BẢO KIỂM DỮ CẨM KÝ 747.
- TÀI DỰ HUYỀN ĐÔ QUAN 551.
 TÀI DỤNG HỀN THỦ LA CẤP SỰ 747.
 TÀI HỌA ĐẠI MINH QUỐC SƯ DƯ QUÝ 123.
 TÀI HỌA TĂNG CHI 587.
 TÀM GIANG (lô) 101, 102.
 TÀM GIANG (trần) 101.
 TÀM HẠ (khúc nhạc) 318, 319.
 TÀM MA (nơi tu hành đạo Phật) 156.
 TÀM NGUYỆT SƠ NHẤT NHẤT HIỂU KHỎI 444.
 TÀM NÔNG (huyện) 99.
 TÀM PHỤ CỔ SỰ 332.
 TÀM PHỤ HOÀNG ĐÔ 32.
 TÀM QUỐC (thời đại) 493.
 TÀM QUỐC CHI 448.
 TÀM TÂN KÝ 429.
 TÀM THANH (chùa) 111.
 TÀM THANH (động) 111.
 TÀM THANH ĐỘNG 110.
 TÀM THẦN 93, 94.
 TÀM TỔ THỰC LỤC 11.
 TÀM VƯƠNG 91, 92.
 TÀM NGHĨ Ở NÚI THÔN NAM 57.
 TẢN (núi) 217, 501.
 TẢN VIÊN 102, 121, 122, 123.
 TẢN VIÊN (núi) 217, 500, 503, 735, 736, 753, 756.
 TẢN VIÊN 610, 614.
 TANG 318, 319.
 TANG DUY HÀN 24.
 TANG LÂM (cánh đồng) 331, 332.
 TANG TRUNG 319.
 TÀO KHÈ 43, 44.
 TÀO THÁO 120, 169.
 TẠP CHÍ VĂN HỌC 671.
 TẠP HÌNH Ở LINH SƠN 156.
 TẠP TỰ (áp) 280.
 TẮC 576, 671.
 TĂNG (họ) 551, 552.
 TĂNG ĐẠO THẦN THÔNG 703.
 TĂNG ĐIỀM 395, 584.
 TĂNG SÂM 215, 552.
 TĂNG TÍCH 215.
 TĂNG TỦ 72.
 TĂNG TÚ PHƯƠNG 551, 552.
 TĂNG BÁT THAN TỰ TƯỚNG 312.
 TĂNG CHU TIỀU ÂN 163.
 TĂNG ĐÔNG HỒ PHẠM TIỀN SINH 747.
 TĂNG ĐÔNG TRIỀU PHẠM TIỀN SINH 471.
 TĂNG LÀ CẤP SỰ 747.
 TĂNG MÃN TÚC 182.
 TĂNG NAM ĐƯỜNG CÔNG TRẦN KINH LƯỢC 313.

- Tặng quan kinh lược họ Trần ở Nam Đường 314.
- Tặng tiên sinh họ Phạm ở Đông Triều 471.
- Tặng Tiến sĩ 206.
- Tặng Tư đồ 748.
- Tặng Tư đồ Trần Nguyên Đán 296, 297.
- Tặng tử tướng Bát Than 312.
- Tặng Văn Ông 748.
- Tầm Mai (cầu) 543, 544.
- Tầm Mai Kiều ngoạn nguyệt 543.
- Tầm u 735.
- Tân An (phủ) 539.
- Tân An (quận) 556, 557 583.
- Tân Hưng (bộ) 106, 664.
- Tân Hưng (phủ) 724.
- Tân Hưng (phủ lô) 235.
- Tân Lang 611, 612.
- Tân Ninh (trấn) 249.
- Tân ngũ đại sứ 253.
- Tân Phúc (huyện) 375.
- Tân Sơn (huyện) 536.
- Tân Trúc 309.
- Tân Xương (bộ) 644.
- TÂN (triều đại) 70, 81, 92, 97, 105, 118, 119, 120, 141, 180, 200, 201, 343, 379, 454, 519, 672.
- TÂN MỤC CÔNG 434.
- TÂN NHÌ THẾ 70, 97.
- TÂN THỦY HOÀNG 97, 120, 343.
- TÂN TỬ ANH 97, 344.
- TẤN (triều đại) 49, 117, 119, 120, 123, 159, 168, 176, 201, 205, 208, 366, 337, 349, 379, 398, 405, 408, 432, 441, 506, 547, 580.
- TẤN BÌNH CÔNG 526.
- TẤN CAO TÒ 253, 265.
- TẤN CÔNG 498.
- TẤN HUẾ ĐẾ 344.
- TẤN LINH CÔNG 337, 338.
- Tấn thư 31, 36, 441 451, 463, 584, 587.
- TẤN XUẤT ĐẾ 253.
- Tập Trí 407.
- Tập tục xỉ 408.
- Tấu chưong minh nghiệm 704.
- Tấu dối da sự, vì tức bồi Côn Sơn du, cảm niệm chí thân chán thành bát cú luật nhị thủ nhất dối tung miếu đường chí hạ chí hữu nhân thích chí thú nhất dối tà dung hoài chí tố nhí bá ca vinh chí thanh nhân lực trình Thanh Hư động chủ 402.
- TÂY BÁ HẦU (trước hiệu) 249.
- Tây Châu (huyện) 225.
- TÂY CHU (triều đại) 337.
- Tây Đạo 101.
- Tây Đô (kinh đô) 250.
- Tây Đô (thành) 490.
- TÂY HÀN (triều đại) 92, 498.
- Tây kết (tên đất) 263, 265, 281.
- Tây kinh tạp ký 142, 418.
- Tây qua 611.
- Tây quan 72, 73, 74.
- TÂY SƠ BÁ VƯƠNG 70, 97.
- Tây Sơn (các) 527.
- TÂY THỰC (triều đại) 120.
- TÂY VIỆT (dân tộc) 644.
- Tây Vực 99.
- TÂY VƯƠNG MÂU 49, 158.
- Tây vương Mẫu đảng bần đảo 752.
- Tây binh mã 519.
- TÈ (triều đại) 120, 397, 751.
- Tè vật luân 379.
- Tế Áo (sách) 257.
- Tế Giang (huyện) 673.
- Tết Đoan ngọ 565.
- Thạch Đầu 118, 119, 120.
- Thạch Môn (núi) 79, 80.
- THẠCH SINH 493, 524.
- THẠCH SÙNG 49.
- Thạch Thành (huyện) 266.
- Thạch Thất (huyện) 613.
- THÁI (nước) 200, 201.
- Thái A (thanh kiếm) 342, 344.
- Thái Bích (sao) 398, 400.
- THÁI BÌNH (niên hiệu) 257, 258.
- THÁI BÌNH (tỉnh) 72, 73, 150, 284, 503, 613, 710.
- THÁI CÔNG 240.
- THÁI CÔNG VỌNG 240.
- Thái Dương (phủ) 693.
- THÁI ĐỊNH (niên hiệu) 724.
- Thái Hàng 118, 119, 120.
- Thái Hoa (núi) 337, 338.
- Thái Hồ (bờ) 322.
- THÁI LAN (nước) 201, 668.
- Thái Lăng (lăng) 66.
- Thái Ninh 72, 73.
- Thái Sơn (núi) 164, 173, 454.
- Thái tần thái phòn 532.
- Thái Thạch (đất) 386, 387.
- Thái Thanh (cung) 704, 705.

- THÁI THÚC** 491.
Thái Thượng 127, 128.
Thái Trạch (hồ) 331, 332.
Thái tử 492.
THÁI TƯƠNG 410.
Thám (chợ) 648, 650, 653, 657.
Than Miên 117, 118.
THANG (vua) 96, 319, 332, 335, 337.
Thang bàn phủ 7, 329, 332.
THANG HƯU 60.
Tháng chín có người đến thăm cùng làm thơ 161.
Tháng chín ngắm cúc họa bài thơ của nhà vua 150.
Tháng chín ở quê nhà uống rượu một mình 440.
Tháng chín trong bữa tiệc của tướng công
Băng Hồ 426.
THANH (triều đại) 251.
Thanh Bình (thanh kiếm) 341, 343.
Thanh Đàm (huyện) 52, 298.
Thanh Đô 106, 110, 111.
Thanh Hóa (phủ) 283, 520, 699.
Thanh Hóa (tỉnh) 137, 175, 187, 218, 244, 250,
 265, 266, 358, 364, 375, 412, 490, 491, 597,
 508, 517, 615, 686, 699, 700, 711, 734, 736,
 758, 759.
Thanh Hóa phủ dao trung 186.
Thanh Hư (động) 402, 403, 498.
Thanh Hư động ký 495.
Thanh Liêm (huyện) 265.
Thanh Lương 63.
Thanh Lương (chùa) 713.
Thanh Lương (đài) 49.
Thanh Lương (núi) 713.
Thanh Lương (sông) 59.
Thanh Lương giang 59.
Thanh nga 484, 489, 492.
Thanh Ngọc (đèn) 142.
Thanh Oai (huyện) 266.
Thanh thanh giả nga 492.
Thanh Thảo (hồ) 84, 123, 124, 125.
Thanh Tri (huyện) 52, 696.
Thanh Tuyền (bộ) 644.
Thanh Cố (huyện) 540.
Thanh Đô (tên đất) 326.
Thanh đỗ ký 18.
Thanh tây dài ăn lư khâu chiếm 506.
THÀNH THANG (vua) 331, 332, 392.
Thanh trung hữu cảm ký trình đồng chí 407.
Thành Vua Nghiêu 120.
THÀNH VƯƠNG 487, 489, 491, 605, 755.
Thánh dâng ngũ lục 11, 761.
Thánh Huân (chùa) 280.
THÁNH HUẤN (tên húy) 733.
THÁNH NGUYỄN (niên hiệu) 757.
Thánh Thọ (diện) 285.
Thánh Thọ (gác) 279.
THÁNH TÔNG 688.
THÁNH VƯƠNG 717.
Thao (sông) 99, 100, 480.
Thao Giang (lô) 98.
Thao Giang quán xá 480.
Thảo nhàn hiện tần lập 67, 748.
Thảo nhàn hiệu tần thi 748.
Thay người ta ơn vua ban cho bức tranh
rồng thổi mây 34.
Thắng Hoa (lô) 248, 249.
Thắng Long (kinh đô) 40, 116, 121, 122,
 123, 149, 217, 230, 380, 444, 686, 753.
THẮNG ĐẠI 291.
Thắng Nghiêm (chùa) 282.
Thắng Phúc (chùa) 748.
Thắng Phúc tự bút ký 748.
Thắng Thọ (diện) 279, 283.
THẮNG VƯƠNG (tước hiệu) 283.
THÀM (vương tử) 282, 284.
THÀM UỐC 18, 587.
THẦN BAO TỰ 672.
Thần Châu 39, 40.
Thần dì ký kinh 180.
Thần Đầu (cửa biển) 132, 133, 706, 707.
Thần Đầu (núi) 707.
Thần Kinh (tên đất) 219.
Thần Phù (cửa biển) 94.
THẦN NÔNG 372, 599, 634, 636, 643, 644.
THẦN VƯƠNG (tên hiệu) 709.
Thập cầm 704, 748.
THẬP ĐẠO TƯƠNG QUÂN 257, 263.
Thập tụng luật 44.
Thất Nguyệt 187, 490.
Thất lịch 305, 307.
Thất trảm só 52, 63, 749, 752.
Thất Tuyền 110, 111.
Thấu Viên (cửa) 279.
Thầy thuốc có từ tâm 698.
Theo Băng Hồ tướng công đi chơi sông
Xuân Giang 469.
Theo tướng công Băng Hồ đi chơi sông Xuân
Giang 386.

- THẾ DÂN** 242.
Thi dung tiền nhân canh cũ 611.
Thi kinh 44, 46, 139, 162, 187, 190, 240, 244, 283, 362, 379, 385, 388, 448, 532, 540, 554, 609, 610, 734.
Thi Nại (biển) 610.
Thi nghĩa 244, 749, 755.
Thi ngôn tự phụ 729.
Thi phú trung giản 725.
Thi thán trí quán 736.
Thi tri công danh 676.
Thi triệu dư khuong 733.
Thi tửu kinh nhán 731.
Thi văn Việt Nam 509, 761.
Thi xứng trường chức 735.
Thi ý thanh tân 719.
Thích Bich (Khe nước) 291.
THÍCH HUỆ HƯU 60.
Thích Na 37.
Thiền Quang (diện) 279.
Thiền Tây (tỉnh, Trung Quốc) 46, 105, 120, 141, 159, 215, 240, 326, 338, 343, 408, 498, 540, 543.
Thiên Bảo di sự 372.
THIỀN CẨM CHÍ BẢO 277.
THIỀN CỤC (công chúa) 285.
THIỀN ĐỨC (niên hiệu) 657.
Thiên Đức (phủ) 283, 481.
Thiên Đức (sông) 284, 443, 444, 659, 660, 664.
Thiên gia thi tập 385.
Thiên Hà (bến) 281.
Thiên Hán (bến sông) 230.
Thiên Hưng (trấn) 501, 502, 503.
Thiên Hưng trấn phá 500, 501.
THIỀN KHÁNH (niên hiệu) 747.
Thiên Kỳ (núi) 105.
THIỀN LỊCH (niên hiệu) 724.
Thiên mã ca 346.
Thiên Mạc (sông) 283.
Thiên Nam ngữ lục 250.
THIỀN NINH (công chúa) 179, 503, 685, 686, 727.
THIỀN PHÚC (niên hiệu) 253, 263, 264, 265.
Thiên quan thư 230.
Thiên Thánh Hữu Quốc (chùa) 474.
Thiên Thi (huyện) 173, 179.
Thiên Thu (cửa) 282.
Thiên Thuy (diện) 279, 280.
THIỀN THỦY (tên hiệu) 687.
Thiên Tôn (động) 749.
Thiên Tôn động bí ký 749.
- Thiên Trường (lộ)** 148, 225.
Thiên Trường (phủ) 90, 150, 234, 284, 292, 413, 477, 478, 717, 718.
Thiên Trường chư trung 477.
Thiên Trường thi hậu hưu cảm 412.
THIỀN TƯ BẢO HỮU (niên hiệu) 279.
THIỀN TƯ GIA THỦY 278.
Thiên Xương (phủ) 508.
Thiên Tông bản hạnh 761.
Thiên Tông khóa hir lục 591.
Thiên uyên lập anh 761.
THIỀN HUỆ UU BÀ DI 72, 73, 75.
Thiện Thiện 98, 99.
Thiết Ưng 118, 119, 120.
THIỀU (họ) 752.
Thiều (khúc nhạc) 93, 94, 310, 319, 342, 344.
Thiều Châu (tỉnh) 123, 126, 191.
THIỀU DƯƠNG (tên hiệu) 694.
Thiều Hạ (khúc nhạc) 319.
THIỀU THỐN 752.
THIỀU ĐẾ 757.
Thiều tu mệnh 458.
Thiều vi nam bản 613.
THIỀU 538, 539, 724.
THIỀU BẢO (niên hiệu) 752.
THIỀU CÔNG 540.
THIỀU KHÁNH (niên hiệu) 9, 52, 67, 132, 134, 402, 403, 404, 686, 753.
THIỀU LONG (niên hiệu) 90.
THIỀU NINH 72, 73.
THIỀU PHONG (niên hiệu) 78, 241, 289, 616, 619, 747, 750, 751.
Thiệu Phúc (chùa) 144, 145.
THIỀU THANH (niên hiệu) 757.
THIỀU TRÍ THÂN 539.
THỊNH ĐƯỜNG (triều đại) 246.
THỢ DƯƠNG 49.
Thợ Huyên (nhà) 745.
Thợ Lăng (lăng) 283.
Thợ Xương (huyện) 116.
THOÁI CHI 36.
THOÁI HIÊN (tên hiệu) 365.
THOÁI VIÊN (tên hiệu) 365.
Thoái Viên (vườn hoa) 366, 367.
Thoàn thủy 177.
THOÁT HIÊN (tên hiệu) 613.
Thô (sao) 230.
Thô Hoàng (làng) 136, 173, 178, 729, 731.
Thô Thành (làng) 67, 400.

- Thôi Đóng Triều chúa xuái mộc dǎn 557.
THÔI LÝT 151.
THÔI VÝ 214.
Thôn cù 411, 470.
Thôn cù cảm sự ký trình Băng Hồ tướng công
 436.
Thôn già thú 393.
Thôn Nam (núi) 57.
Thôn Nam sơn Tiêu khê 57.
Thông (ngọc) 239, 240.
Thông Giang (tên đất) 288.
THÔNG HUYỀN 703.
Thông Minh (diện) 553.
Tho dáng lên vua nhà Minh 670.
Tho dùng cùi hay của người xưa 727.
Tho làm lúc đêm khuya 211.
Tho làm khi thuyền qua Tiên Du Bảo Giang
 39.
Tho làm trong lúc đêm đi thuyền về 210.
Tho làm trong lúc phụng chiếu vua di Trường
 An 411,
Tho làm vào tháng giêng năm Mậu thân (1368)
 209.
Tho làm vào tháng sáu năm Nhâm Dần (1362)
 209.
Tho nói lên lòng tư phu 730.
Tho tiễn Nguyễn Biểu di sứ 512, 513.
Tho tuyệt mệnh 295.
Tho tức sự trên thuyền 86.
Tho xứng với chức iết tướng 735.
THU BÀ MA 610.
Thu da 304, 475.
Thu da dữ cổ nhân Chu Hà thoại cùu 38.
Thu da lưu biệt Hồng Châu kiêm chính 467.
Thu da tảo khởi ký Hồng Châu kiêm Chính
 415.
Thu nhát 167.
Thu nhát hiếu khôn hữu cảm 441.
Thu nhát khiển hùng 395.
Thu nhát ngẫu thành 16.
Thu thành vẫn vọng 390.
Thu trung mệnh 417.
Thủ Đạo Khê Thái học xuân hèn vẫn 465.
Thủ què nhà 393, 398.
Thú Sơn (núi) 140.
THỦ PHÁC (tên tự) 613.
Thủ son các túng thư 251.
THUẦN DƯƠNG TỬ (tên hiệu) 631.
THUẦN HÓA (triều đại) 583.
THUẦN NHẤT 109.
THUẦN PHỦ (tên tự) 613.
THUẦN (vua) 15, 16, 36, 84, 92, 94, 126, 155,
 164, 165, 207, 208, 230, 231, 240, 318, 319,
 324, 325, 335, 337, 344, 404, 409, 431, 435,
 537, 606, 610, 674, 737.
Thuận Hóa (tỉnh) 512, 517, 758.
THUẬN LƯU 281.
THUẬN LUU BÃ (tước hiệu) 284.
Thuận Thành (huyện) 222.
THUẬN THÀNH 689.
THUẬN THIÊN (công chúa) 242.
THUẬN THIÊN (niên hiệu) 759.
THUẬN TÔNG 756.
THUẬN VƯƠNG 684.
THÚC DA 580.
THÚC ĐỘ 571.
THÚC HƯỞNG 584.
THÚC MINH (tên húy) 680, 682.
THÚC NGU 338, 379, 491, 492.
THỰC (nước) 18, 99, 100, 124, 325, 326, 327,
 605.
THỰC ĐẾ 17, 18.
THỰC HÂN 514.
THỰC PHÂN 251.
Thung Đò (tên đất) 284.
Thủ tuế 560.
Thủy (sao) 230.
Thủy Đường 105.
Thủy Hoa (định) 54, 55.
Thủy kinh 177.
Thủy kinh chú 111, 301.
Thủy Phủ (biển) 634, 636, 637, 639, 641.
THỦY VÂN ĐẠO NHÂN 60.
Thủy văn túy bú 60.
Thủy Viện 282.
THỦY CHÂU (hoàng hậu) 277.
Thủy Hương 123.
Thủy Tinh (sao) 230.
THUYỀN 689, 691.
Thư hoài 139.
Thư hoài phụng trình Cúc Đường Chủ Nhân 40.
Thư Kinh 16, 28, 42, 91, 107, 221, 240, 244,
 332, 337, 404, 554, 580, 674.
Thư vẫn tặng Thủ Ván Đạo Nhân 60.
Thủ da dụng Đỗ Lão vẫn chư quân tịch
 thượng đồng tác 446.
Thừa Lộ (mâm) 331, 332.
THÚC CHI (tên hiệu) 613.
Thức vị 139.
Thứa sáo 487, 489, 492.
THƯƠNG (triều đại) 30, 36, 42, 92, 230, 231,
 239, 240, 250, 331, 332, 404, 533, 554.
THƯƠNG HIỆT 309.

Thương Lương 40.
 Thương Lương (bài ca) 41.
 Thương Ngô (núi) 301.
 Thương Ngô (quận) 664.
 Thương 754.
 Thương Sơn (tên đất) 179.
 Thương tin (huyện) 69, 381, 657.
 Thương Hoa chỉ huy 749.
 Thương Hồ thừa chỉ Tông Thốc 398.
 Thương Lưu Ngưu sứ 749.
THU QNG (tên của Lã Vong) 240.
 Thương Dương (cung) 27.
 Thương Hồng (châu) 135, 261, 591.
 Thương Hồng (phủ) 359.
 Thương Lâm (vườn hoa) 141, 142.
 Thương Minh đế thi 669.
 Thương Ngao 107, 108, 110, 111.
 Thương Ngao 112.
THU QNG PHỦ 240.
 Thương Phúc (huyện) 69, 380, 695, 696.
 Thương sinh Kinh só 688.
 Tí khâu sơn trung 381.
 Tích (sông) 345.
TÍCH CHI (tên hiệu) 251.
 Tích Mai 94, 95.
 Tích Mộc (bến sông) 229, 230.
 Tích Xuân 20.
 Tiếc Xuân 20.
TIỀM LA (nước) 200, 201.
TIỀM PHU 119.
 Tiên áp lăng 706.
 Tiên Du (chùa) 481.
 Tiên Du (huyện) 39, 40, 94, 312, 444, 481, 695.
 Tiên Du (núi) 53, 481, 754.
TIỀN DUNG 647, 648, 649, 650, 652.
TIỀN DUNG MY NUONG 647, 649, 651, 652, 653, 655, 656, 657.
 Tiên Lữ (huyện) 284.
TIỀN PHỦ 253.
 Tiên Sơn (huyện) 54, 94, 395, 481.
TIỀN TÀN (triều đại) 91, 92.
 Tiên Tô ky nhát lũn cảm 524.
TIỀN VƯƠNG 257.
 Tiên cương 256.
 Tiên Hải (huyện) 150.
 Tiên Hán (triều đại) 246.
TIỀN HY TỘ 251.
TIỀN LÝ NAM ĐẾ (triều đại) 648, 651, 657.
TIỀN NGÔ VUONG 253.
TIỀN NHUỘC THỦY 209, 210.
 Tiên Xích Bích phủ 130.
 Tiên Sĩ quán (nhà) 481.
 Tiên Bình Tây đô đốc Trang Định đại vương phung chiếu đánh Chiêm Thành 179.

Tiên Cúc Đường Chủ nhân đi đánh giặc
 Thích Na 37.
 Tiên Long Nham vè Diên Châu 176.
 Tiên người di phương Bắc 32.
 Tiên Phạm Sư Mạnh đi sứ phương Bắc 138.
 Tiên quan Hành nhân Đỗ Tòng Chu 427.
 Tiên quan Kinh sư doãn họ Nguyễn đi nhằm
 chức Hành doanh chiến thảo sứ 420.
 Tiên quân Thái trung đại phu Lê Dung Mai
 đi sứ phương Bắc 430.
 Tiên quốc sư Lâm Sơn vè núi 315.
 Tiên sứ phương Bắc Ngưu Lương 217.
 Tiên sứ thần Minh Dư Quý 126.
 Tiên Thị thần Mạc Dĩnh Phu đi sứ nhà
 Nguyên 45.
 Tiên trung sứ Vũ Thích Chi 405.
 Tiên Vũ Văn Đồng nhất dụ Chiêm Thành
 quốc 94.
 Tiên Xu Phủ Tây chinh quân Đô tông quản
 Lê công 200.
 Tiếng chuông sớm ở Hóa Thành 473.
TIẾT 576, 674.
 Tiêu (sông) 84.
 Tiêu dao du 524.
TIÊU ĐÔ ĐỐC 191.
TIÊU HÀ 231, 496, 497, 498.
 Tiêu khiên trong nhà tranh 572.
 Tiêu Quan (cửa ải) 153.
 Tiêu Thiệu (khúc nhạc) 318, 319.
 Tiêu Tương (sông) 84.
TIÊU ÂN (tên hiệu) 9, 52, 112.
 Tiêu Ân thi tập 52.
 Tiêu Ân quốc ngữ thi tập 52.
 Tiêu đồ vũ 17.
 Tiêu bát 491.
 Tiêu nhã 46, 442, 492.
 Tiêu thi lê cú 776.
 Tiêu vũ 160.
 Tim hiểu kho sách Hán Nôm 77, 591, 750, 760.
 Tinh Đầu (dàn tể) 221.
 Tinh Sà (bè sao) 353.
 Tinh tuyển chư gia luật thi 11, 137, 294, 761.
 Tinh lý đại toàn 758.
 Tinh An (huyện) 551, 552.
 Tinh Gia (huyện) 265.
TĨNH TRAI (tên hiệu) 520.
TOẠI NHÂN THỊ 337.
 Toàn Việt thi lục 11, 15, 26, 52, 78, 137, 146
 148, 213, 235, 241, 244, 296, 298, 365
 350, 357, 359, 361, 365, 373, 504, 507, 517
 520, 536, 761.

TÔ 513.
TÔ ĐÔNG PHA 48, 130, 246, 346, 571.
TÔ HIẾN THÀNH 277, 278, 605, 756.
Tô Lịch 611, 612.
Tô Lịch (sông) 277.
TÔ THỊ 111.
TÔ TRUNG TÙ 284.
TÔ TRUNG TÙ 282, 284.
TÔ VŨ 514.
Tô linh định mệnh 688.
TÔ SINH 319.
Tôi vì bận việc chưa kịp theo dõi thăm núi Côn Sơn, vẫn năn lòng cảm nhớ viết thành hai bài thơ bát cú luật Đường, một là để tung.doc khi việc miêu đường rảnh rồi mà được cái vui nhán tản, một là để tả cái sẵn có trong lòng phết lộ ra ám thành ca vịnh, xin chép lại để trình chủ nhân động Thành Hu 740.
TÔN (triều đại) 117, 119 120.
TÔN DƯƠNG 434.
TÔN QUYỀN 120.
TÔN THÚC NGAO 291.
TÔN TÙ 49.
Tôn Tú binh pháp 180.
TÔN VÔ CHÍNH 434.
TÔN TRAI (tên hiệu) 213.
TÔNG ĐẠO 754.
TÔNG (triều đại) 23, 49, 92, 120, 210, 395, 400, 439, 493, 498, 599.
TÔNG ANH TÔNG 710.
TÔNG BẢO HỮU 705.
Tổng Bắc sứ Ngưu Lượng 217.
Tổng Bình Tây Đô đốc Trang Định đại vương phụng chiếu chính Chiêm Thành 179.
TÔNG CẢNH 326.
TÔNG CÁO 264.
TÔNG CHƯƠNG 676, 738, 741.
Tổng Cúc Đường chủ nhân chính Thích Na 36.
Tổng Đại Minh quốc sứ 126.
Tổng Đại Minh quốc sứ Dư Quý 125.
Tổng Gia Các Giác vãng Tùy Châu đúc thu 542.
Tổng Giang (Sông) 187.
Tổng hành nhân Đỗ Tông Chu 427.

Tổng Kinh sư doãn Nguyễn Công vi Hành doanh chiêu thảo sứ 420.
Tổng La Cấp sứ 749.
Tổng Lâm Sơn Quốc sứ hoàn son 315.
Tổng Lâm Đại doãn Đinh Uy 749.
Tổng Long Nhâm quy Diên Châu 175.
Tổng Mạc Dĩnh Phu Bắc sứ 45.
TỔNG NGHĨA 130.
Tổng Nguyễn sứ 735.
Tổng nhân Bắc hành 32.
TÔNG NHÂN TÔNG 410, 706, 707.
Tổng Ôn xíe sứ phó Hà Dương quản tị 493, 524.
Tổng Phạm công Sư Mạnh Bắc sứ 137.
Tổng Tân An phủ Thông phán trát mẫn 539, 576.
Tổng Thái học sinh Nguyễn Hán Anh quy Hồng Châu 460.
TÔNG THÁI TÔ 257.
Tổng Thái trung đại phu Lê Dung Trai bắc hành 430.
Tổng Thị ngự sứ Mạc Dĩnh Phu sứ Đại Nguyên 45.
Tổng Thị thàn Mạc Dĩnh Phu sứ Nguyên 45.
Tổng Trung sứ Vũ Thích Chi 405.
Tờ biếu cáo nan 671.
Tờ tâu lên thiên đình có ứng nghiệm 705.
Trà Giang 104, 105.
Trà Hương 751.
Trà lót quan nạp ngôn Lương Giang trong khì ốm 189.
Trả lời người phương Bắc hỏi về phong tục nước An Nam 246.
Trác 124.
Trác Lộc (cánh đồng) 644.
TRÁC PHONG (tên hiệu) 350.
TRÁC VĂN QUÂN 381.
TRÁC VUONG TÔN 381.
Trach châm cuốc 17.
TRACH Ô (tên hiệu) 613.
Trach Tả 69.
Trach Thủy (làng) 525.
Trại tiền bồn tử lan hoa 31.
Trám xã kiêm phú 341.
TRANG CHU 378, 379.

- TRANG ĐỊNH ĐẠI VƯƠNG 180.
 TRANG ĐỊNH VƯƠNG 180, 296.
 TRANG TỬ 379, 568, 569, 583.
Trang Tử 30, 42, 115, 128, 231, 524, 544.
 TRANG VƯƠNG 606.
 TRẮNG TỬ VÔ ĐẶT (biệt hiệu) 591.
 Trần Hương (định) 325, 326.
 TRẦN (triều đại) 7, 15, 63, 73, 78, 90, 101,
 120, 144, 148, 211, 213, 216, 221, 234, 241,
 247, 251, 285, 290, 316, 345, 350, 354, 359,
 363, 373, 400, 444, 462, 478, 503, 507, 515,
 520, 591, 613, 671, 682, 687, 692, 717, 728,
 746, 750, 753, 757, 758.
 TRẦN ANH TÔNG 60, 66, 173, 361, 689, 691,
 698, 712.
 TRẦN ANH VƯƠNG 698, 711.
 TRẦN BÀ TIỀN 657.
 TRẦN BÌNH 220.
 TRẦN CẢO 746.
 TRẦN CÔNG CẨN 235.
 TRẦN DŨ TÔNG 52, 136, 166, 173, 217, 220,
 241, 286, 290, 591, 616, 631, 696, 746, 751,
 752.
 TRẦN DƯỆ TÔNG 195, 216, 243, 301, 339,
 498, 604, 606, 607, 609, 686, 746, 753.
 TRẦN DƯỆ VƯƠNG 692.
 TRẦN ĐĂNG 387, 429.
 TRẦN ĐẾ NGHIỄN 148.
 TRẦN ĐÌNH THÂM 232, 235, 753.
*Trần Đồng tri tái mệnh phủ thời Hoa Chỉ huy
 khởi thú đầu thông tích* 749.
 TRẦN GIẢN ĐỊNH ĐẾ 673.
 TRẦN HAO 241.
 TRẦN HIẾN TÔNG 173, 220.
 TRẦN HINH 281.
 TRẦN KHÁT CHÂN 669, 671.
 TRẦN KHẮC CHUNG 724.
 TRẦN KHẨM TỘ 263.
 TRẦN KÍNH 7, 604.
 TRẦN LÂM 558.
 TRẦN LÂM 343.
 TRẦN LIÊU 242.
 TRẦN LỐI 373.
 TRẦN LÝ 284, 444.
 TRẦN MINH CÔNG 257, 258.
- TRẦN MINH TÔNG 26, 52^a, 78, 85, 136, 146,
 173, 216, 241, 244, 292, 361, 604, 684,
 691, 696.
 TRẦN MINH VƯƠNG 695, 696, 722, 723.
 TRẦN NGẠC 296, 297, 748.
 TRẦN NGHỆ TÔNG 7, 8, 52, 67, 134, 149,
 180, 216, 217, 221, 225, 243, 294, 380, 404,
 498, 605, 684, 693, 727, 734, 745, 746, 747,
 753, 754, 755.
Trần Nghệ Tông thi tập 749.
 TRẦN NGHỆ VƯƠNG 707, 731, 735.
 TRẦN NGÔ LANG 686.
 TRẦN NGÔI 758.
*Trần ngũ lộ binh dâng Thạch Môn sơn lưu
 dè* 81.
 TRẦN NGUYỄN ĐÁN 9, 46, 148, 175, 199,
 221, 224, 380, 390, 404, 418, 426, 433, 472,
 498, 726, 737, 745, 748, 754.
 TRẦN NHÂN TÔNG 24, 81, 580, 688, 689,
 715, 718, 720, 734.
 TRẦN NHÂN VƯƠNG 733.
 TRẦN NHẬT DUẬT 82, 705, 724.
 TRẦN NHẬT HẠCH 685.
 TRẦN PHẦU 724.
 TRẦN PHẾ ĐẾ 67, 251, 375, 410, 439, 745, 753.
 TRẦN PHÒN 571.
 TRẦN PHÚ 108.
 TRẦN PHỦ 8, 216, 220.
 TRẦN TRÙNG QUANG 512, 514, 758.
 TRẦN QUAN 357.
 TRẦN QUANG KHẢI 148, 215, 715, 726.
 TRẦN QUANG TRIỀU 26, 31, 37, 39, 41, 42,
 51, 745.
 TRẦN QUỐC KHANG 242.
 TRẦN QUỐC KIỆT 67, 746.
 TRẦN QUỐC TẤNG 26.
 TRẦN QUỐC TOẠI 728.
 TRẦN QUỐC TUẤN 26, 81.
 TRẦN QUỐC VƯƠNG 251, 761.
 TRẦN QUÝ KHOÁNG 512, 517, 758.
 TRẦN THÁI TỘ 251.
 TRẦN THÁI TÔNG 204, 242, 251, 693.
 TRẦN THÁI VƯƠNG 693, 704, 705.
 TRẦN THÁNH TÔNG 87, 718, 734.
 TRẦN THẾ ĐỒ 686.

TRẦN THẾ PHÁP 611, 613.
 TRẦN THỊ THÁI 380, 390.
 TRẦN THÍCH 748.
 TRẦN THIỀM BÌNH 757.
 TRẦN THIỀN TRẠCH 292, 735.
 TRẦN THIẾU ĐỀ 756, 757.
 TRẦN THỦ ĐỘ 242, 285.
 TRẦN THUẤN ĐƯ 504, 506.
 TRẦN THUẬN TỔNG 234, 245, 748, 754, 755, 756.
 TRẦN THÚC NGAC 180
Trần linh biều 562.
 TRẦN TOẠI 728.
 TRẦN TÔN 754.
Trần triều đại diễn 241.
Trần triều kỷ niên 251.
Trần triều thế phả hành trạng 761.
 TRẦN TRUNG TÁ 273, 278.
 TRẦN TÚC 280.
 TRẦN TỰ KHÁNH 284, 285.
 TRẦN VĂN GIÁP 77, 350, 750, 761.
 Trâu Lỗ (làng) 375.
 Trâu Sơn (tên đất) 214, 649.
Trên đường di Quang Lang 113.
Trên đường đi Lang Sơn 110.
Trên đường phủ Thanh Hóa 187.
Trên núi ngẫu nhiên làm thơ 158.
Trên sông gấp ngày lập xuân 529.
Trên tiệc rượu ở nhà Chính Túc Vương, làm thơ vịnh mai, họa văn thơ của quan Bộc xạ là Giới Hiên 178.
Tri tân tạp chí 761.
Tri an sách 610.
 TRỊ BÌNH (niên hiệu) 708, 710.
 TRỊ BÌNH LONG ỦNG (niên hiệu) 280, 281, 282.
Trích diễn thi tập 11, 761.
 Triều (sông) 89, 91, 238.
 TRIỀN CẨM 396, 397.
 Triều Châu 755.
 Triều Đông (bến) 282.
 TRIỆU (triều đại) 130, 611.
 TRIỆU CAO 343.
 TRIỆU ĐÀ 251.
 TRIỆU GIẢN TỬ 474.

TRIỆU KHÁNH 478.
 TRIỆU MẠNH 526.
 TRIỆU QUANG PHỤC 648, 649, 651, 655, 657.
 TRIỆU THUẤN 336, 338.
 TRIỆU TỔNG (triều đại) 257.
 TRIỆU VIỆT VƯƠNG 649, 651, 657.
 TRIỆU VÕ 526.
 TRIỆU VŨ 525.
 TRIỆU XUYÊN 337, 338.
 TRINH DỰ (tên hiệu) 613.
 TRINH PHÙ (niên hiệu) 278.
 TRINH QUÁN (niên hiệu) 242, 325, 326.
 TRINH DI 400, 747, 755.
 TRINH HIỀU 244, 755.
 TRINH MINH ĐẠO 387, 395.
 TRINH NHƯỢC HU 429.
 TRỊNH (nước) 379, 458.
 TRỊNH ĐÌNH RU 761.
 TRỊNH HÀNG 264.
 TRỊNH NINH 280.
 TRỊNH SINH 422.
Tròc Nguyễn Đình (nhà) 387.
Trong khỉ ốm nhớ vẫn thơ đem theo của Kiêm chính Hồng Châu Nguyễn Hán Anh 462.
Trong núi 482.
Trong núi cảm hứng 181.
Trong thuyền ngắm cảnh chiều hôm 22.
Trong thuyền ngẫu nhiên thành thơ 475.
Trong thuyền ở Thiên Trường 478.
Trong am Liễn Nhiên ở Đông Sơn 218.
Trong về phương tây, thương nhớ mẹ cha 561.
Trong về Thái Lăng 66.
 TRỤ (vua) 240, 335.
 Trụ Nha (cửa biển) 707.
 Trúc (chợ) 345.
 TRÚC KHÈ NGÔ VĂN TRIỀN 70, 761.
 TRÚC LÂM (tên hiệu) 687, 688.
 TRÚC LÂM ĐẠI SĨ (tên hiệu) 687, 720.
 TRÚC LÂM ĐÀU ĐÀ (đạo hiệu) 720.
 TRÚC LÂM THỊ TỊCH 687, 688.
 Trúc non 310.
 TRÚC PHONG (tên hiệu) 350.
 Trúc Sơn (tên đất) 345.

- Trúc thư kỷ niệm 667.
 Trung dung 100, 397, 454, 541.
 Trung hưng (bài tụng) 351.
 Trung Mâu (áp) 755.
 Trung Quốc thông sử giàn biên 759.
 Trung thu cảm sự 454.
 Trung thu ngắm trăng cảm hoài 477.
 Trung thu ngoạn nguyệt hữu hoài 477.
 Trung trực thiện chung 722.
 Trung dương tiêm nhất nhất đảo Cúc Đường
cứu cứ hữu cảm 30.
 Trung du Xuân Giang hữu cảm 389.
TRÙNG HOA 34, 35, 125, 126.
TRÙNG HUNG (niên hiệu) 79, 80, 81.
 Trùng Quang (cung) 149.
TRÙNG QUANG (tên hiệu) 509.
TRÙNG QUANG (vua) 509, 512.
TRÙNG QUANG (niên hiệu) 758.
TRÙNG QUANG ĐẾ 758.
 Truyền kỵ mạn lục 67, 70, 761.
 Truyền kỵ lân phả 7, 604, 606, 607, 610, 761.
 Truyền chim trĩ trăng 655.
 Truyền Hà Ô Lôi 619.
 Truyền họ Hồng Bàng 636, 657, 668.
 Truyền Nghệ Vương 682, 684.
 Truyền Nhất Dạ Trach 649, 657.
 Trực giải chí nam được tinh phú 601, 603.
 Trực giải nam được tinh phú 591.
TRƯỜNG (họ) 215, 430.
TRƯỜNG AN THẾ 204.
TRƯỜNG CỦU LINH 326, 409.
TRƯỜNG DĨ NINH 753.
 Trường Dương phủ 105.
TRƯỜNG GIÁN CHI 220.
TRƯỜNG HÂN 168, 349, 463.
TRƯỜNG HÂN SIÊU 746, 751.
TRƯỜNG HOA 344.
TRƯỜNG KHIỀN 431.
TRƯỜNG LÃO 545, 546.
TRƯỜNG LUÔNG 404, 498.
TRƯỜNG MA NI 259.
TRƯỜNG MẠNH 547.
TRƯỜNG NHƯỢC HU 429.
TRƯỜNG PHU 509, 512, 514, 517, 758.
- TRƯỜNG THƯƠNG ANH** 554.
 Trường An (huyện) 406, 408, 412, 448.
 Trường An (kinh đô Trung Quốc) 141, 158,
159, 327, 349.
 Trường An (núi) 265.
 Trường Châu (tên đất) 263, 265, 437.
TRƯỜNG DƯƠNG (phú) 104.
TRƯỜNG GIANG (sông) 46, 119, 120, 419, 773.
TRƯỜNG HÂN CA 327.
 Trường Lăng (tên đất) 171.
 Trường Sa 125.
TRƯỜNG XUÂN (diện) 264, 265.
TRƯỜNG YÊN (phủ) 710.
 Tú Giang tinh xá 541.
TUẤN TỦ 431.
 Tuần thị Chán Đăng châu 101.
 Tuần tra châu Chán Đăng 101.
 Tuần Bất Nghi truyện 552.
TÚC TỔNG 326, 327.
TUỆ NẮNG 44.
TUỆ THÔNG (tên hiệu) 713.
TUỆ TĨNH (phép hiệu) 591.
 Tuệ Tĩnh và nền y được cõi truyền Việt Nam
591.
 Tuệ Trung Thương sĩ ngũ lục 290.
TUỆ VIỄN 56.
 Tùng Giang (sông) 246.
TÙNG HIÊN 15.
TRÙNG HOA (tên hiệu vua Thuấn) 164, 165.
 Tuy (ngọc) 238, 239.
 Tuy Đường diễn nghĩa 326.
 Tuyên chiếu bãi biệt vận phó Nguyễn Viêm
447.
 Tuyên chiếu xong, từ biệt quan Vận phó
Nguyễn Viêm 447.
TUYỀN ĐỨC (niên hiệu) 758, 759.
 Tuyên Hóa (phủ) 576.
 Tuyên Hóa Giang (lộ) 101.
 Tuyên Quang (trấn) 101, 415.
TUYỀN TỬ 336, 337.
TUYỀN VƯƠNG 232.
 Tuyên xá (xã) 81.
TUYẾT CHI (tên hiệu) 251.
 Tuyệt mệnh thi 294.
 Tư Dung (cửa biển) 707.

- Tử đồ cổ cư 15.
Tử Giang (tram) 525, 526.
TU MÃ THIỀN 97, 434.
TU MÃ TƯƠNG NHƯ 141, 381, 409, 418.
Tử Phúc (chùa) 689, 692, 724.
TU (họ) 93.
Tử Ân (chùa) 72, 73, 74.
Tử Ân tể bì minh tịnh tự 72.
Tử phủ Thiên Trường lệnh đènh ra cửa biển
gấp gió 424.
TÙ ĐẠO HÀNH 611, 612.
Tử hải 251, 346.
Tử Liêm (huyện) 123.
TÙ MỤC 264.
Tử nguyên 60, 103.
Tử Sơn (huyện) 266.
Tử Sơn (phủ) 94, 479.
TÙ THÚC 94.
Tử Đỗ Tử Trùng 247.
Tử hạ (khúc nhạc) 319.
Tử phu (tranh) 755.
Tử Thắng Hoa lộ Tuyên phủ sứ Nguyễn ngạn
Quang 248.
Tử thư 758.
Tử thư thuyết ước 52, 750.
Tử tiến sĩ 205.
Tử Trung úy Đỗ Tử Trùng 247, 410.
Tử Xuyên 99, 120, 503, 644.
TÙ ANH 344,
Tử Cực (cung) 157, 158.
TÙ DU 551.
TÙ DU 403, 405.
TÙ HƯ 556, 557.
TÙ KHẨM 385.
Tử Kim Sơn 120.
TÙ KỲ 42.
TÙ LĂNG (tên hiệu) 356.
Tử Lăng diều dài (chỗ ngồi câu cá của Tử
Lăng) 356.
TÙ LỘ 588.
TÙ MUU 520.
TÙ MỸ 431, 432.
Tử Phong (ngọn núi) 688.
Tử Phủ 106.
Tử hư (phú) 557.
- Tử Tiêu (đỉnh) 79, 80, 81, 687.
Tử Vi (saq) 202, 230.
Tử Vi sảnh (tòa) 199.
Tự Nhiên Châu (bãi cát) 650, 657.
**Tự Thiện Trường phủ phiêu quá hải khán
ngô phong** 424.
Tự kinh Thi 279.
Tức cảnh về ý xuân 367.
Tức Mặc (hành cung) 149.
Tức Mặc (huong) 9, 89, 90, 148, 241, 283, 284,
292.
Tức Mặc (làng) 149.
Tức Mặc (xã) 241, 292.
Tức sự 366.
Tương (sông) 83, 84, 120, 355, 356, 419, 606.
Tương Âm (huyện) 125, 356.
Tương Dã 635, 637, 641.
Tương Dương (tên đất) 403, 493.
Tương Hồ 117, 118, 120.
TƯƠNG NHƯ 380, 557.
Tương Thành (huyện) 140.
Tường Văn 99.
Tường Đầu (núi) 79, 80.
Tường Quận (bộ) 635, 638.
Tường son bi kỷ 750.
Ty tặc son trung trừ dã 565.

U — Ü

- U (vua) 124, 335, 337.
Ü cu 18.
U quái lục 384.
Ung 319.
Ung Châu (châu) 265.
Ung dã 755.
Ung Triết (diều múa) 318.
ÜY TRAI 78.
ÜYỀN MINH 431, 432.
Üç Trai di tập 381, 490.
Üng Minh (áo) 280.
Üng Phong (đinh) 29.
Üng Phong (hành cung) 280.
ÜNG THIỀN (niên hiệu) 264,

V

Văn Các Đường Tư đồ công 42.
 VĂN GIÁC (tên tư) 288.
 VĂN GIÁC CƯ SĨ (tên hiệu) 291.
 Văn Tư, đồ công 41.
 Văn Tư đồ Các Đường tướng công 42.
 Văn Vương Thiếu bảo Nhữ Chu 233.
 VĂN CẨM (tên chữ) 657.
 VĂN DIỄN (cung) 282, 284.
 Văn Kiếp 108, 109.
 Văn Lý (cầu) 325, 326.
 Văn lý trưởng thành 120, 343.
 Văn ngôn thư 520, 521, 750, 758.
 Văn Phúc (chùa) 754.
 VĂN VƯƠNG 253.
 VĂN XUÂN (nước) 657.
 VĂN (vua) 92, 318, 319, 325, 635.
 Văn Giang (huyện) 673.
 VĂN HIỀN HÀU 724.
 VĂN HOÀNG (vua) 325.
 Văn học cổ Việt Nam 761.
 VĂN HUỆ VƯƠNG 26.
 Văn Lang (bộ) 644.
 VĂN LANG (nước) 99, 100, 123, 644.
 Văn Lang (thành) 121, 122, 123.
 VĂN LANG (triều đại) 635, 633, 642.
 Văn Lối (trai) 281.
 Văn Miếu 743, 755.
 VĂN QUÂN 430.
 Văn Sát Địa 761.
 Văn Lang kinh lược 633.
 Văn tế Nguyễn Bích Châu 606.
 Văn tế Nguyễn Biền 512.
 VĂN THIỆN TƯƠNG 447.
 Văn Thôn (làng) 52.
 Văn Thủ (sông) 539, 540.
 Văn tịch chí 51.
 VĂN TÍN CÔNG 737.
 VĂN TRÌNH 10, 52.
 Văn Trịnh, con người cũng rắn và ngay thẳng 695.
 Văn Triết ngoài trời 695.
 VĂN TRÌNH TIỀN SINH (tên hiệu) 696.

VĂN TÚC (tên hiệu) 715.
 Văn tuyễn 343.
 VĂN VƯƠNG 240, 492, 537.
 Văn dài loại ngữ 761.
 Văn Đồn (châu) 337, 338.
 Văn Lối (núi) 131, 133.
 Văn Mật 125.
 Văn Nam (tỉnh, Trung Quốc) 98, 99, 502.
 VĂN OA 748.
 VĂN TRAI (tên hiệu) 359.
 Văn Trung (tên đất) 144.
 VỆ (nước) 755.
 Vệ Kiều (tên đất) 281.
 VỆ LINH CÔNG 755.
 VỆ VƯƠNG (tước hiệu) 253, 263.
 VỆ VƯƠNG TOÀN 258, 264.
 VI TRÍ CUỘNG 281.
 Vi - ja - ya (kinh đô) 201.
 Vi - ja - ya (thành) 180.
 Vì thiên âm chất 758.
 Vì cảm động mà di bộ 715.
 Vì (sông) 22, 60, 213.
 Vì Bắc (miền) 429.
 Vì Châu 60.
 Vì Xuyên (huyện) 290.
 VIÊM ĐẾ 634, 636, 643.
 VIÊM ĐẾ THÀN NÓNG 634, 636, 643.
 Viện Kiều 106.
 Viện Bảo An 745.
Viếng quan thiếu bảo Vương Nhữ Chu 243.
Viếng quan Tư đồ 42.
 Việt âm thi tập 11, 63, 135, 246, 349, 761.
 Việt diên u linh 11, 611, 613, 700.
 Việt giám thống khảo 613.
 Việt giám sử túi tập 613.
 Việt nam cổ văn học sử 11, 761.
 Việt Nam thế chí 67, 611, 613, 750.
 Việt Nam thế chí tự 76.
 Việt Nam văn học 761.
 Việt Nam văn học sử yếu 521, 761.
 Việt sử chương mục 67, 750.
 Việt sử lược 8, 11, 251, 253, 265, 269, 644, 761.
 Việt sử thông giám chương mục 11, 253, 264,
 750, 759, 761.

- Việt Thường (bộ) 635, 638, 644.
VIỆT THƯỜNG (họ) 665, 666, 667.
 Việt Thường Thị (bộ) 644.
Việt Tĩnh 214, 611.
 Việt Tĩnh (đồi) 214.
 Việt Trì 480.
Việt tuyệt thư 344.
VIỆT VƯƠNG 344.
VIỆT VƯƠNG LIỄN 258.
 Vinh (sông) 89, 90.
 Vinh Hoa (điện) 264.
 Vĩnh Bảo (huyện) 266, 284.
VĨNH LẠC (niên hiệu) 701, 702, 757, 758.
 Vĩnh Lại (huyện) 284.
 Vĩnh Lộc (huyện) 244, 508.
 Vĩnh Nghiêm (cửa) 279.
 Vĩnh Phú (tỉnh) 123, 220, 225, 374, 375, 480,
 503, 644.
VĨNH THÚC 496, 498.
 Vĩnh Tường (huyện) 644.
Vịnh Bảo Nghiêm tháp 156.
Vịnh căn nhà dài ẩn ở phía tây thành 506.
 Vịnh (bến) 477.
 Võ (khúc nhạc) 318, 319.
 Võ (vua) 70, 239, 318, 319.
 Võ Giàng (huyện) 214.
 Võ Giàng (vùng) 657.
VÕ HẬU 502, 503.
VÕ TẮC THIỀN 220, 503.
VÕ VƯƠNG 240.
 Võ Xương 117, 118, 120.
 Voi (núi) 63, 750.
VONG DANH 682, 683.
Vọng Đông Sơn Liễu Nhiên am 218.
Vọng Thái Lăng 66.
 Vọng Tiên (lầu) 325, 326.
 Vô dật (bức tranh) 244, 325, 750.
 Vô Ngại (xã) 67.
VÔ SƠN ÔNG 26.
 Vô ý 522.
Vợ chồng chết vì tiết nghĩa 701.
VŨ ĐỊNH QUỐC 547.
 Vũ 92.
VŨ (triều đại) 610.
 Vũ (vua) 231, 299, 332, 335, 379.
VŨ CAO 280.
 Vũ Định (bộ) 642, 644.
 Vũ Đô 103.
VŨ HÀU 120.
 Vũ Huyệt 110, 111.
VŨ KHÂM LÂM 612.
 Vũ Lâm (động) 363.
 Vũ Lâm (vùng) 411, 412.
Vũ Lâm động 363.
 Vũ Long (sông) 412.
 Vũ Lung (sông) 412.
VŨ MỘNG NGUYÊN 757.
 Vũ Ninh (bộ) 635, 638, 642, 644.
 Vũ Ninh (châu) 504.
 Vũ Ninh (huyện) 214.
 Vũ Ninh (quận) 649, 651, 656.
VŨ PHƯƠNG ĐỀ 63, 158, 225, 611, 613, 760.
VŨ QUÝNH 611, 612, 613.
VŨ TÂN ĐƯỜNG 278.
 Vũ Thành (đất) 551.
VŨ THÍCH CHI 405, 406.
VŨ THẾ LÃO 354.
VŨ THẾ TRUNG 354.
VŨ TÍCH 550.
VŨ VỆ 700.
VŨ TIỀN 634, 636, 638.
Vua Thái Tông nhà Đường với vua Thái
 Tông triều ta 242.
 Vực phốc 487, 489, 492.
 Vực Sơn (sông) 234.
Vườn quắc tướng 560.
Vườn xưa 19.
VƯƠNG (họ) 120, 355, 356.
VƯƠNG AN THẠCH 182, 587.
VƯƠNG BỒNG TRAI 352, 353.
VƯƠNG BỘT 528.
VƯƠNG LUÔNG 433, 434.
Vương Đán truyện 452.
VƯƠNG ĐẠO 587.
VƯƠNG HOÀNG 159.
VƯƠNG HY CHI 123, 405, 555.
VƯƠNG MÃN 280.
VƯƠNG MÃNG 24, 503.

VƯƠNG MẪU 752.
 VƯƠNG NHỮ CHU 234.
 VƯƠNG THÔNG 116, 759.
 VƯƠNG TỔ 410.
 VƯƠNG (tên húy) 683, 724.
 Vỹ (sao) 230, 231.
 Vỹ Sơn 132, 133.

X

Xích Bích (sông) 168, 169.
 Xích Bích phủ 246.
 Xích chửu hầu 7, 604.
XÍCH QUÝ (nước) 634, 637.
XÍCH TÙNG 402, 403, 404, 406, 407.
 Xem cá ở đinh Phong Thủy 569.
 Xem đánh cờ vây 383.
 Xuân du 302.
 Xuân dán 61.
 Xuân Giang (sông) 108, 109, 469.
 Xuân giao văn hành 21.
 Xuân hàn 401.
 Xuân nhật du son tự 235.
 Xuân nhật hỷ tình 521.
 Xuân nhật khê thượng văn hành 19.
 Xuân nhật thôn cư 46.
 Xuân nhật ứng chế 91.
XUÂN THÂN QUÂN 545.
XUÂN THU (thời đại) 120, 318, 336, 351, 434,
 455, 491, 547, 552.
 Xuân Thu bút pháp 351.
 Xuân Thu kinh 240.
 Xuân Thu tả truyện 606.

Xuân Thủy (huyện) 90.
 Xuân Trường (huyện) 710.
 Xuân ý túc sự 567. °
XUY VƯU 634, 641, 644.
XƯƠNG ẤP VƯƠNG 503.
XƯƠNG PHÙ (niên hiệu) 67, 73, 245, 409,
 438, 439, 496, 498, 754.
*Xuong Phu nguyen nien dong du tu Nhị Khê
 nguyen vu thanh Nam khach xá cảm kim niêm
 tích, nhán thành bát cú, phung giàn tư
 hinh đại phu Đỗ công kiêm giàn chư đồng
 chí 438.*
XƯƠNG VƯƠNG 500, 502, 503.
Y DOẢN 332.
 Y Hoan (bộ) 635, 638.
 Y thiện dụng tám 697.
Y XUYỀN 399, 400.
 Ý thơ tươi mới 719.
 Ý Lan (xã) 746.
 Ý Mang (lòng) 610.
YÊN (nước) 493.
 Yên Định (huyện) 265, 412.
 Yên Hồ (xã) 509.
 Yên Kinh 120, 211, 517, 758.
YÊN KINH (nước) 520, 675.
 Yên Lãng (huyện) 225.
 Yên Ninh (huyện) 364.
 Yên Phong (huyện) 102, 103, 481.
 Yên Phụ (núi) 79, 80, 81, 752.
 Yên Quốc (chùa) 509, 515.
 Yên Sách 493.
 Yên Sinh (núi) 684, 692.
 Yên Sơn (tên đất) 215.
 Yên Tử (núi) 81, 105, 242, 687, 720, 752.
YỀN 550, 551.

MỤC LỤC

THƠ VĂN LÝ TRẦN

TẬP III

Trang

— Lời dẫn	7
— Bảng viết tắt một số tác phẩm và ký hiệu dùng trong sách	11

PHẦN THƠ VĂN

NGUYỄN TỬ THÀNH

1. <i>Tự đồ cổ cư</i> (Nơi ở cũ của quan Tư đồ)	15
2. <i>Thu nhật ngẫu thành</i> (Ngày thu ngẫu hứng)	16
3. <i>Tiểu dỗ vũ</i> (Trách chim quốc)	17
4. <i>U cư</i> (Chỗ ở thanh u)	18
5. <i>Cố viên</i> (Vườn xưa)	19
6. <i>Xuân nhật khê thượng văn hành</i> (Chiều xuân dạo chơi bên bờ suối)	20
7. <i>Tích xuân</i> (Tiếc xuân)	20
8. <i>Xuân giao văn hành</i> (Chiều xuân dạo chơi vùng ngoại ô)	21
9. <i>Chu trung văn thiếu</i> (Trong thuyền ngắm cảnh chiều hôm)	22
10. <i>Giản Kinh Khê Phạm Tông Mại</i> (Gửi Kính Khê Phạm Tông Mại)	23
11. <i>Sơ xuân</i> (Đầu xuân)	24

NGUYỄN ỨC

12. <i>Đồ mì</i> (Hoa đồ mì)	26
13. <i>Điều dài</i> (Chòi câu)	27
14. <i>Bạc chu Ưng Phong định ngẫu dè</i> (Đậu thuyền bên định Ưng Phong ngẫu hứng dè thơ)	28
15. <i>Động Nhiên phong hữu cảm</i> (Cảm xúc khi qua đỉnh Động Nhiên)	29

16. Trùng dương tiền nhất nhật đáo Cúc Đường cựu cư hữu cảm (Cảm xúc khi đến ngôi nhà cũ của Cúc Đường vào ngày trước tết Trùng dương)	3
17. Trai tiền bồn tử lan hoa (Chậu hoa lan trước nhà)	3
18. Tống nhân bắc hành (Tiễn người đi phương Bắc)	3
19. Đè « cỗ bộ hạc đồ » (Đè tranh « Cỗ bộ hạc đồ »)	3
20. Đại tạ ngự từ mặc họa long (Thay người tạ ơn vua ban cho bức tranh rồng thủy mặc)	3
21. Tống Cúc Đường chủ nhân chính Thích-Na (Tiễn Cúc Đường chủ nhân đi đánh giặc Thích Na)	3
22. Thu dạ dusk cổ nhân Chu Hà thoại cựu (Đêm thu cùng bạn cũ Chu Hà kể lại chuyện đã qua)	3
23. Chu quá Bắc Giang Tiên Du tác (Thơ làm khi thuyền qua Tiên Du Bắc Giang)	3
24. Thư hoài phung trình Cúc Đường chủ nhân (Ghi nỗi lòng, vâng trình Cúc Đường chủ nhân)	4
25. Văn Tư đồ công (Viếng quan Tư đồ)	4
26. Nguyên nhật yết Diên Quang tự Nguyệt Đàm thương nhân (Mồng một tết yết kiến thương nhân Nguyệt Đàm ở chùa Diên Quang)	4
27. Tống thị thần Mạc Dĩnh Phu sứ Nguyên, (Tiễn thị thần Mạc Dĩnh Phu đi sứ nhà Nguyên)	4
28. Xuân nhật thôn cư (Ngày xuân ở nông thôn)	4
29. Khách ánh họa hữu nhân vận (Nơi quán khách họa thơ bạn)	4
30. Lạc mai (Hoa mai rụng)	4
31. Biên tập Cúc Đường di cảo cảm tác (Cảm tưởng khi biên tập cuốn di cảo của Cúc Đường)	5

CHU VĂN AN

32. Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kinh (Đêm trăng dạo bước trên đường thông ở núi Tiên Du)	53
33. Đè Dương Công Thủy Hoa đình (Đè đình Thủy Hoa của Dương Công)	54
34. Linh Sơn tạp hứng (Tạp hứng ở Linh Sơn)	56
35. Thôn Nam sơn tiêu khệ (Tạm nghỉ ở núi Thôn Nam)	57
36. Cung họa ngự chế động chưong (Kinh họa thơ vua)	58
37. Thanh Lương giang (Sông Thanh Lương)	59
38. Thủ vận tặng Thủ Vân đạo nhân (Họa vận tặng Thủ Vân đạo nhân)	60
39. Xuân dán (Sáng mùa xuân)	61
40. Miết Tri (Miết Tri)	62
41. Giang Đình tác (Làm thơ ở Giang Đình)	63
42. Sơ hạ (Đầu mùa hè)	65
43. Vọng Thái lăng (Trông về Thái lăng)	66

HÒA TÔNG THỐC

44. Du Đông Đình hoa Nhị Khê nguyên vận (Qua chơi Đông Đình, họa nguyên vận thơ của Nhị Khê)	68
--	----

45. Đề Hạng Vương từ (Đề đèn Hạng Vương)	69
46. Từ Ân tự bì minh tinh tự (Bài minh và tự ở bia chùa Từ Ân)	72
47. Việt Nam thế chí tự (Bài tựa sách « Việt Nam thế chí »)	76
PHẨM SỰ MẠNH	
48. Hành dịch dâng gia sơn (Nhân đi việc quan, lên chơi núi quê nhà)	79
49. Động Sơn tự hồ thương lâu (Lầu trên hồ chùa Động Sơn)	81
50. Quá Hoàng Long động (Qua động Hoàng Long)	82
51. Quá Tiêu Tương (Qua Tiêu Tương)	83
52. Đề Cam Lộ tự (Đề chùa Cam Lộ)	84
53. Chu trung túc sự (Thơ túc sự trên thuyền)	85
54. Quá An phủ Nguyễn Sĩ Cố phản (Qua mộ An phủ Nguyễn Sĩ Cố)	86
55. Đặng Dực Thúy sơn lưu đề (Lên núi Dực Thúy đề thơ)	87
56 - 57. Hỗ giá Thiên Trường thư sự (Ghi lại việc hầu vua về Thiên Trường)	88
58. Xuân nhật ứng ché (Ngày xuân họa thơ vua)	91
59. Du Phật Tích sơn ngẫu đề (Đi chơi núi Phật Tích ngẫu nhiên đề thơ)	93
60. Tiên Vũ Văn Đồng nhất du Chiêm Thành quốc (Tiễn Vũ Văn Đồng đi dự Chiêm Thành)	94
61. Ô Giang Hạng Vũ miếu (Miếu Hạng Vũ ở Ô Giang)	96
62. Án Thảo Giang lộ (Đi kinh lý lộ Thảo Giang)	98
63. Hành quận (Đi kinh lý trong quận)	99
64. Tuần thị Chân Đăng châu (Tuần tra châu Chân Đăng)	101
65. Đề Gia Cát thạch (Đề đá Gia Cát)	102
66 - 67. Đăng Thiên kỷ sơn lưu đề (Lên núi Thiên Kỷ đề thơ lưu niệm)	103
68. Đề Hiệp Sơn Bảo Phúc Nham (Đề động Bảo Phúc ở huyện Hiệp Sơn)	106
69. Quan bắc (Phía bắc cửa ải)	107
70. Đề Đông Triều hoa nham (Đề thơ núi Hoa Nham, Đông Triều)	108
71. Lang Sơn đạo trung (Trên đường Lạng Sơn)	109
72. Tam Thanh động (Động Tam Thanh)	110
73. Thương Ngao (Thương Ngao)	112
74. Quang Lang đạo trung (Trên đường đi Quang Lang)	113
75. Chi Lăng động (Động Chi Lăng)	114
76. Đề Bảo Thiên tháp (Đề tháp Bảo Thiên)	115
77 - 80. Họa Đại Minh sứ Dur Quý (Họa thơ Dur Quý sứ thần Minh)	117
81 - 83. Họa đại Minh sứ Đề Nhị Hà dịch (Họa thơ « Đề trạm Nhị Hà » của sứ thần Minh)	121
84 - 85. Tái họa Đại Minh Quốc sứ Dur Quý (Lại họa thơ sứ thần Minh Dur Quý)	123
86. Tống Đại Minh Quốc sứ Dur Quý (Tiễn sứ thần Minh Dur Quý)	125
87 - 88. Sơn hành (Đi trên núi)	126
89. Đăng Hoàng Lâu tâu bút thi Bắc sứ Thị giảng Dur Gia Tân (Lên Hoàng Lâu viết với văn thơ đưa sứ Bắc Thị giảng Dur Gia Tân)	128

90. Sùng Nghiêm sư Văn Lối son Đại Bi tư (Chùa Sùng Nghiêm, núi Văn Lối thờ tượng Đại Bi)	131
ĐỒNG NGẠN HOÀNG	
91. Họa Phạm Hiệp Thạch vận (Họa văn thơ Phạm Hiệp Thạch)	135
LÊ QUÁT	
92. Tống Phạm Công Sư Mạnh bắc sứ (Tiễn Phạm Sư Mạnh đi sứ phượng bắc)	137
93 - 94. Thủ hoài (Nỗi lòng)	138
95. Đồng hô (Con hô bằng đồng)	140
96. Nhạn túc dăng (Đèn châm nhạn)	141
97. Cưu trương (Gây cưu)	142
98. Đăng cao (Lên cao)	143
99. Bắc Giang Bái thôn Thiệu Phúc tự bi ký (Bài văn bia chùa Thiệu Phúc ở thôn Bái, tỉnh Bắc Giang)	144
NGUYỄN CỔ PHU	
100. Bắc sứ ứng tình đường mệnh tịch thương phú thi (Bi sứ phượng bắc, theo mệnh quan tỉnh, làm thơ ngay giữa tiệc)	145
TRẦN NGUYỄN ĐÁN	
101. Phụng canh Thái thượng hoàng ngực chế đề Thiên Trường phủ Trùng Quang cung (Họa bài thơ của Thái thượng hoàng đế ở cung Trùng Quang)	146
102. Cửu nguyệt đổi cúc canh ngực chế thi vận (Tháng chín ngắm cúc họa bài thơ của nhà vua)	151
103. Phụng canh thánh chế « Quan Đức điện từ tiến sĩ cấp đệ yến » thi vận (Họa văn bài thơ « Ban yến cho những người đỗ Tiến sĩ ở điện Quan Đức » của nhà vua)	151
104. Phụng canh ngực chế « Thủ hoài » thi vận (Họa văn bài thơ « Thủ hoài » của nhà vua)	152
105. Cửu nguyệt tam tháp nhật dạ hữu cảm (Cảm xúc đêm ba mươi tháng chín)	153
106. Chí Linh sơn Phượng Hoàng phong (Đỉnh Phượng Hoàng ở núi Chí Linh)	154
107. Bảo Nghiêm tháp (Tháp Bảo Nghiêm)	156
108. Đề Huyền Tiên Tử Cực cung (Đè cung Tử Cực ở động Huyền Tiên)	157
109. Sơn trung ngẫu thành (Trong núi ngẫu nhiên làm thành thơ)	158
110. Tiễn vũ (Mưa nhỏ)	161
111. Cửu nguyệt hữu nhân lai phỏng đồng tác (Tháng chín có người đến thăm cùng làm thơ)	161
112. Tặng Chu Tiều Ân (Tặng Chu Tiều Ân)	162
113. Hạ Tiều Ân Chu tiên sinh bái Quốc tử giám Tư nghiệp (Mừng ông Chu Tiều Ân được bổ chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám)	164
114. Cảnh Đồng Tri phủ hữu ty Mai Phong Lê công vận (Họa văn thơ của ông Đồng Tri phủ hữu ty Lê Mai Phong)	165

115. <i>Thu nhất</i> (Ngày thu)	167
116. <i>Đông Triều thu phiếm</i> (Mùa thu thả thuyền ra chơi ở Đông Triều)	168
117. <i>Đề Nguyệt Giản</i> <i>Đạo lục thái cực chí Quan Diệu đường</i> (Đề nhà Quan Diệu của Đạo lục thái cực ở Nguyệt Giản)	169
118. <i>Lão lai</i> (Già đến)	170
119. <i>Mai thôn Đề hình dĩ « Thành Nam đốt cúc »</i> <i>chỉ tác kiến thi, nỗi thử kỳ ván</i> (Quan Đề hình Mai thôn cho xem bài thơ « Ngắm cúc thành Nam », nhân họa theo vần)	171
120. <i>Hạ Giới Hiên công trừ nhiếp Hữu bộc xạ</i> (Mừng ông Giới Hiên được bộ chức Hữu bộc xạ)	173
121. <i>Dùng Hồng Châu Đồng úy Phạm công ván phung trình khảo thi chư công</i> (Dùng vần thơ của quan Đồng úy Hồng Châu là Phạm công để đưa trình các ông đang chấm thi)	174
122. <i>Tổng Long Nham qui Diễn Châu</i> (Tiễn Long Nham về Diễn Châu)	175
123. <i>Hồng cúc hoa</i> (Hoa cúc đỏ)	177
124. <i>Chinh Túc Vương già yến tịch thương, phú mai thi, thí Giới Hiên Bộc xạ ván</i> (Trên tiệc rượu ở nhà Chinh Túc Vương làm thơ vịnh mai, họa vần thơ của quan Bộc xạ là Giới Hiên)	178
125. <i>Tổng Bình Tây Đô đốc Trang Định Đại vương phung chiếu chinh Chiêm Thành</i> (Tiễn Bình Tây Đô đốc Trang Định Đại vương phung chiếu đánh Chiêm Thành)	179
126. <i>Sơn trung khiền hưng</i> (Trong núi cảm hưng)	181
127. <i>Tặng Mẫn Túc</i> (Tặng Mẫn Túc)	182
128. <i>Quân trung hữu cảm</i> (Cảm xúc khi ở trong quân)	184
129. <i>Quân trung tác</i> (Làm ở trong quân)	185
130. <i>Thanh Hóa phủ đạo trung</i> (Trên đường phủ Thanh Hóa)	186
131. <i>Đề Phả Lại son Đại minh tự dụng Thiếu bảo Trương công ván</i> (Dùng vần thơ của quan Thiếu bảo Trương công đề chùa Đại Minh ở núi Phả Lại)	187
132. <i>Đáp Lương Giang Nạp ngôn bệnh trung</i> (Trả lời quan Nạp ngôn Lương Giang trong khi ốm)	189
133. <i>Gia đệ kiến Tiêu Đô đốc thi tảo mai thi, nhân canh kỵ ván dĩ tặng</i> (Người em trai được Tiêu Đô đốc chó xem bài thơ vịnh mai sớm, nhân họa vẫn để tặng)	190
134. <i>Ngẫu dè</i> (Ngẫu dè)	192
135. <i>Canh thi cục chư sinh xướng thủ giải ván</i> (Hoa vần bài thơ xướng họa của các thi sinh ở trường thi)	193
136. <i>Dùng Đỗ Tồn Trai ván, trình thi viễn chư công</i> (Dùng vần thơ của ông Đỗ Tồn Trai làm thơ gửi các ông trong trường thi)	194
137. <i>Đề Quan Lỗ Bá thi tập hậu</i> (Đề sau tập thơ Quan Lỗ Bá)	196
138. <i>Đề Sùng Hu lão túc</i> (Đề chở ở cũ của Sùng Hu)	197
139. <i>Ký tặng Nhị Khê Kiểm chính Nguyễn Ứng Long</i> (Gửi tặng Kiểm chính Nguyễn Ứng Long ở Nhị Khê)	198

140. Phụng tiễn Xu phủ Tây chinh hành quân Đô tông quản Lê công (Tiễn Xu phủ Tây chinh hành quân Đô tông quản Lê công)	200
141. Họa Hồng Châu Kiêm chinh vận (Họa bài thơ của viên Kiêm chinh ở Hồng Châu)	201
142. Phụng canh Thái Tông Chính Bình chưong vận (Kinh họa vận bài thơ năm Chính Bình của Thái Tông)	203
143. Cảnh Tân Bình An phủ Phạm công Sư Mạnh « Tân Bình thư sự » vận (Họa vận bài thơ « Tân Bình thư sự » của quan An phủ sứ trấn Tân Bình Phạm Sư Mạnh)	204
144. Tứ Tiến sĩ (Tặng Tiến sĩ)	205
145. Đề Huyền Thiên quán (Đề quán Huyền Thiên)	207
146. Phụng canh ngự chế « Hoàng mai tức sự » (Kinh họa vận thơ « Hoàng mai tức sự » của nhà vua)	208
147. Nhâm dần niên lục nguyệt tác (Thơ làm vào tháng Sáu năm Nhâm dần (1362))	208
148. Mậu thân chính nguyệt tác (Thơ làm vào tháng Giêng năm Mậu thân (1368))	209
149. Dạ qui chu trung tác (Thơ làm trong lúc đêm đi thuyền về)	210
150. Dạ thám ngẫu tác (Thơ làm lúc đêm khuya)	211
151. Bất mị (Không ngủ)	212

ĐỒ TỦ VI

152. Quá Việt Tỉnh cương (Qua đồi Việt Tỉnh)	213
153. Hạ Hồ Thành trúng Trạng nguyên (Mừng Hồ Thành đỗ Trạng nguyên)	214

TRẦN PHỦ (Trần Nghệ Tông)

154. Tống Bắc sứ Ngưu Lượng (Tiễn sứ phương bắc Ngưu Lượng)	217
155. Vọng Đông Sơn Liễu Nhiên am (Trông am Liễu Nhiên ở Đông Sơn)	218
156. Hạnh Gia Hưng trấn ký đệ Cung Tuyên Vương (Đến trấn Gia Hưng gửi cho em là Cung Tuyên Vương)	219
157. Đề Tư đồ Trần Nguyên Đán từ đường (Đề nhà thờ quan Tư đồ Trần Nguyên Đán)	220
158. Đề Siêu Loại Báo Ân tự (Đề chùa Báo Ân ở Siêu Loại)	221
159. Côn Sơn Thành Hư động bi minh (Bài minh khắc vào bia động Thành Hư ở Côn Sơn)	223

ĐÀO SƯ TÍCH

160. Cảnh Tinh phú (Phú sao Cảnh Tinh)	227
--	-----

TRẦN ĐÌNH THÂM

161. Đề thu giang tổng biệt đồ (Đề bức tranh tiền biệt trên sông mùa thu)	232
162. Văn Vương Thiếu bảo Nhữ Chu (Viếng quan Thiếu bảo Vương Nhữ Chu)	233

TRẦN CÔNG CẨN

163. Xuân nhật du Sơn lữ (Ngày xuân chơi chùa trên núi) 235
 164. Bàn Khê diếu huỳnh phú (Bài phú câu ngọc huỳnh ở Bàn Khê) 237

TRẦN HAO (Trần Dụ Tông)

165. Đường Thái Tông dã bǎn triều Thái Tông (Vua Thái Tông nhà Đường với vua Thái Tông triều ta) 241

HỒ QUÝ LY

166. Ký Nguyên quân (Gửi Nguyên quân) 244
 167. Đáp Bắc nhân văn An Nam phong tục (Trả lời người phương bắc hỏi về phong tục nước An Nam) 245
 168. Tử Trung úy Đỗ Tử Trừng (Ban cho Trung úy Đỗ Tử Trừng) 247
 169. Tử Thắng Hoa lộ Tuyên phủ sứ Nguyễn Ngạn Quang (Ban cho Nguyễn Ngạn Quang, Tuyên phủ sứ lộ Thắng Hoa) 248
 170. Cảm hoài (Cảm hoài) 249

VIỆT SỬ LUẬC

171. Tiền Ngô Vương (Tiền Ngô Vương) 253
 172. Tiền vương (Tiền vương) 255
 173. Đại Hành Vương (Đại Hành Vương) 261
 174. Cao Tông (Cao Tông) 272

TẠ THÚC NGAO

175. Sùng Khánh tự bì minh tịnh tự (Bài minh và bài tựa về chùa Sùng Khánh) 287

TRẦN THIỀN TRẠCH

176. Đề Phạm Điện soái gia trang (Đề trang trại của Điện soái Phạm) 292

LƯU THƯỜNG

177. Tuyệt mệnh thi (Thơ tuyệt mệnh) 294

TRẦN NGẶC

178. Tặng Tư đồ Nguyên Đán (Tặng Tư đồ Nguyên Đán) 296

PHẠM NHÂN KHANH

179. Hồi bài Sơn Lăng hồi kinh (Hầu vua đi bài yết Sơn Lăng về kinh) 298
 180. Phụng Bắc sứ cung ngộ Hy Lăng Đại trưởng nhật hữu cảm (Phụng mệnh sứ phương bắc cảm xúc nhân gặp ngày Đại trưởng của Hy Lăng) 300
 181. Thủ tuế (Giữ năm) 301
 182. Xuân du (Chơi xuân) 302
 183. Thủ dạ (Đêm thu) 304

184. <i>Thất tịch</i> (Đêm thất tịch)	305
185. <i>Thất tịch</i> (Đêm thất tịch)	307
186. <i>Nhạn tư</i> (Chữ nhạn)	308
187. <i>Tân trúc</i> (Trúc non)	309
188. <i>Phật Tích Liên trì</i> (Ao sen chùa Phật Tích)	311
189. <i>Tặng Bát Than tỳ tướng</i> (Tặng Tỳ tướng Bát Than)	312
190. <i>Tặng Nam Đường công Trần Kinh lược</i> (Tặng quan Kinh lược họ Trần ở Nam Đường)	313
191. <i>Tống Lâm Sơn Quốc sư hoàn son</i> (Tiễn Quốc sư Lâm Sơn về núi)	315
NGUYỄN NHŨ BẬT	
192. <i>Quan Chu nhạc phủ</i> (phú Xem nhạc nhà Chu)	317
NGUYỄN PHÁP	
193. <i>Cần Chính lầu phú</i> (Phú Lầu Cần Chính)	323
KHUYẾT DANH	
194. <i>Thang bàn phú</i> (Phú Cái chậu của vua Thang)	329
KHUYẾT DANH	
195. <i>Đồng Hồ bút phú</i> (Phú Về ngọn bút của Đồng Hồ)	334
SỬ HY NHAN	
196. <i>Trảm xà kiếm phú</i> (Phú Kiếm chém rắn)	341
CHU ĐƯỜNG ANH	
197. <i>Đè Đường Minh Hoàng dục mã đồ</i> (Đè bức tranh Đường Minh Hoàng tắm ngựa)	345
198. <i>Đè quàn ngư triều lý đồ</i> (Đè bức tranh bầy cá chầu cá chép)	347
NGUYỄN QUÍ ỦNG	
199. <i>Đè Ngô Khê</i> (Đè cảnh Ngô Khê)	350
200. <i>Hoành Châu thư Vưong Bồng Trai vận</i> (Qua Hoành Châu họa văn thơ của Vưong Bồng Trai)	352
VŨ THẾ TRUNG	
201-204. <i>Lan cốc</i> (Lan trong núi)	354
TRẦN QUAN	
205. <i>Quan xá</i> (Đè noi Quan xá)	357
CHU KHẮC NHUỘNG	
206. <i>Đè Sài Trang Vĩnh Hưng tự</i> (Đè chùa Vĩnh Hưng ở Sài Trang)	359

DOÀN ÂN PHỦ

207. Phụng sứ lưu biệt thân đệ (Phụng mệnh đi sứ từ biệt em trai) 361

LÊ LIÊM

208. Vũ Lâm động (Động Vũ Lâm) 363

TẠ THIỀN HUÂN

209. Quá Phù Đồng đồ (Qua bến đò Phù Đồng) 365

210. Tức sự (Tức sự) 366

- 211-222. Lan (Lan) 367

TRẦN LÔI

223. Quá Phong Khê (Qua đất Phong Khê) 373

ĐOÀN XUÂN LÔI

224. Diệp mã nhí phú (Phú Con ngựa lá) 376

NGUYỄN PHI KHANH

225. Tì khẩu sơn trung (Vào núi lánh giặc) 381

226. Quan vi ký (Xem đánh cờ vây) 383

227. Dữ Chương Giang đồng niên Trương Thái học (Gửi bạn đồng niên là
Thái học sinh họ Trương ở Chương Giang) 384

228. Bởi Băng Hồ Tướng công du Xuân Giang (Theo Tướng công Băng Hồ
đi chơi sông Xuân Giang) 386

229. Hạ Kinh Triệu đoàn Nguyễn công vi Vân Đồn kinh lược sứ (Mừng quan
Triệu đoàn kinh đô Nguyễn Công đi làm Kinh lược sứ ở Vân Đồn) 387

230. Trùng du Xuân Giang hữu cảm (Cảm xúc khi đi chơi sông Xuân Giang
lần thứ hai) 389

231. Thu thành vẫn vong (Chiều thu đứng trông ở trên thành) 390

232. Giáp tý hạ hạn, hữu sắc chư lô đảo vũ, vị đảo nhí tiên vũ (Mùa hạ năm
Giáp tý (1384) hạn hán, vua có sắc cho các lô cầu mưa, chưa cầu
trời đã mưa) 391

233. Thôn gia thú (Thú quê nhà) 393

234. Du Phật Tích son đổi giang ngẫu tác (Chơi núi Phật Tích, đổi diện
với giòng sông, ngẫu nhiên làm thơ) 394

235. Thu nhật khiễn hứng (Khiển hứng ngày thu) 395

236. Ngẫu tác (ngẫu nhiên làm thơ) 396

237. Gia vien lạc (Thú quê nhà) 398

238. Thường Hồ Thừa chỉ Tông Thốc (Dâng lên quan Thừa chỉ Hồ Tông Thốc) 399

239. Xuân han (Rét mùa xuân) 401

- 240-241. Tâu dĩ da r, vị tức bồi Côn Sơn du, cảm niệm chí thâm, nhân thành
bát cú luật nhí thủ, nhất dĩ tung miếu dương chí hả nhí hữu nhàn
thích chí thủ; nhất dĩ tả hung hoài chí tố nhí bá ca vịnh chí thanh;

<i>nhân lục trình Thanh Hư Động chủ</i> : Tôi vì bận việc, chưa kịp theo đi thăm núi Côn Sơn, vẫn nặng lòng cảm nhớ, viết thành hai bài thơ Bát cú luật Đường; một là để tung đọc khi việc miếu đường rảnh rồi mà được cái vui nhàn tản; một là để tả cái sẵn có trong lòng phát lộ ra âm thanh ca vịnh xin chép lại đệ trình Chủ nhân động Thanh Hư	402
242. Tống Trung sứ Vũ Thích Chi (Tiễn Trung sứ Vũ Thích Chi)	405
243. Thành trung hữu cảm ký trình đồng chí (Gửi trình các bạn đồng chí những cảm khái khi ở trong thành)	407
244. Hạ Trung thư Thị lang (Mừng quan Thị lang tòa Trung thư)	408
245. Hạ Tông, Lê, Đỗ tam Ngự sứ (Mừng ba quan Ngự sứ họ Tông, họ Lê, họ Đỗ)	409
246. Phụng chiếu Trường An dạo trung tác (Thơ làm trong lúc phụng chiếu vua đi Trường An)	411
247. Thiên Trường thi hậu hữu cảm (Cảm xúc sau khi thi ở Thiên Trường)	412
248. Thôn cư (Ở xóm)	414
249. Thủ dã tảo khởi ký Hồng Châu Kiêm chính (Đêm thu dậy sớm gửi Kiêm chính Hồng Châu)	415
250. Thủ trung bệnh (Ốm vào mùa thu)	417
251. Khách xá (Quán khách)	418
252. Tống Kinh sư doãn Nguyễn công vi Hành doanh Chiêu thảo sứ (Tiễn quan Kinh sư doãn họ Nguyễn đi nhậm chức Hành doanh Chiêu thảo sứ)	420
253. Dụng Trịnh sinh lưu biệt vận dĩ biệt chi (Dùng vận thơ lưu biệt của Trịnh sinh để từ biệt)	421
254. Du Côn Sơn (Chơi Côn Sơn)	423
255. Từ Thiên Trường phủ phiêu quá hải khẩu ngộ phong (Từ phủ Thiên Trường lênh đênh ra cửa biển gặp gió)	424
256. Cửu nguyệt Băng Hồ Tường công tịch thương (Tháng chín, trong bữa tiệc của Tường công Băng Hồ)	425
257. Tống Hành nhân Đỗ Tòng Chu (Tiễn quan Hành nhân Đỗ Tòng Chu)	427
258. Hỉ Học sĩ Trần Nhược Hư tự Nghệ An chí (Mừng Học sĩ Trần Nhược Hư từ Nghệ An đến)	428
259. Tống Thái Trung Đại phu Lê Dung Trai Bắc hành (Tiễn quan Thái trung Đại phu Lê Dung Trai đi sứ phương bắc)	430
260. Phụng canh Băng Hồ Tường công ký tặng Đỗ Trung Cao vận (Phụng hoa bài thơ của Tường công Băng Hồ gởi tặng Đỗ Trung Cao)	431
261. Tạ Băng Hồ Tường công tự mã (Tạ ơn Tường công Băng Hồ cho ngựa)	433
262. Họa Chu Hàn lâm vị ương tảo triều (Họa bài thơ vào chầu vua lúc trời chưa sáng của quan Hàn lâm họ Chu)	434
263. Thôn cư cảm sự ký trình Băng Hồ Tường công (Ở quê xúc động trước sự việc xảy ra gửi trình Tường công Băng Hồ)	436
264. Khách lộ (Đường khách)	437
265. Xương Phù nguyên niên đông, dư tư Nhị Khê ngụ vu thành nam khách <i>xá, cảm kim niêm tích, nhân thành bát cú, phung giản Tư hình Đại phu</i> <i>Đỗ công, kiêm giản chư đồng chí</i> (Mùa đông năm Xương Phù thứ nhất,	

tôi từ Nhị Khê đến ngủ tại nhà khách ở phía nam thành, cảm nay nhớ xưa, nhân làm tám câu thơ gửi quan Tư hình Đại phu Đỗ công và những bạn đồng chí)	438
266. Cửu nguyệt thôn cư độc chước (Tháng chín ở xóm quê nhà uống rượu một mình)	440
267. Thu nhật hiểu khởi hữu (Ngày thu sáng dậy cảm xúc nên thơ)	441
268. Bạc Nguyễn gia làng (Cảm thuyền tại làng nhà Nguyễn)	443
269. Tam nguyệt sơ nhật hiểu khởi (Ngày mồng một tháng ba, sáng dậy)	444
270. Trì dạ dụng Đỗ lão văn, chư quán tịch thương đồng tác (Đêm ba mươi tết, dùng văn thơ của Đỗ Phủ cùng các bạn trong tiệc làm thơ)	446
271. Tuyên chiếu bái, biệt Văn phó Nguyễn Viêm (Tuyên chiếu xong, từ biệt quan Văn phó Nguyễn Viêm).	447
272—273. Hồng Châu kiêm chính dĩ dư vận tác thuật hoài thi, kiên phúc, dụng kỹ vận dĩ tặng. (Kiêm chính Hồng Châu dùng văn của tôi để làm bài thơ thuật hết , sau khi đọc, tôi lại dùng văn ấy làm thơ tặng anh)	449
274. Hồng Châu phúc tiền vận, phục ký đáp chí (Hồng Châu phúc đáp văn bài trước, tôi lại gửi trả lời)	451
275. Giang hành thư Hồng Châu Kiêm chính vận (Đi trên sông, họa văn thơ của Kiêm chính Hồng Châu)	453
276. Trung thu cảm sự (Nhân tiết Trung thu, cảm xúc trước sự việc)	454
277. Nguyên nhật, thường Băng Hồ Tướng công (Ngày Nguyên đán, dâng lên Tướng công Băng Hồ).	456
278. Sơn thôn cảm hứng (Cảm hứng ở xóm núi)	457
279. Cô Sơn Phạm công thị dĩ «Tiêu phố» thi, thả đạo chư công tận dĩ canh họa; dư nhân mộ ký trấn trung nhỉ hữu nhàn thích chí thi, y vận phú nhất luật (Ông Phạm Cô Sơn đưa bài thơ vịnh «Vườn nhỏ», lại nói các vị đều họa cả rồi; tôi nhân hâm mộ ở trong cõi trấn này mà có cái thú nhàn tản như thế, nhân theo văn họa lại một bài)	458
280. Tống Thái học sinh Nguyễn Hán Anh qui Hồng Châu (Tiễn Thái học sinh Nguyễn Hán Anh về Hồng Châu).	460
281. Bệnh trung hoài Hồng Châu Kiêm chính Nguyễn Hán Anh «Thu dạ» dĩ vận (Trong khi ốm, nhớ văn thơ «Đêm thu» của Kiêm chính Hồng Châu Nguyễn Hán Anh).	461
282. Mộ thu (Cuối mùa thu)	463
283. Thủ Đạo Khê Thái học «Xuân hanh» vận (Đáp lại bài thơ «Rét mùa xuân» của Thái học Đạo Khê)	465
284. Đề Huyền Thiên tư (Đề chùa Huyền Thiên)	466
285. Thu dạ lưu biệt Hồng Châu Kiêm Chính (Đêm thu lưu biệt Kiêm chính Hồng châu)	467
286. Bồi Băng Hồ Tướng công du Xuân Giang (Theo Tướng công Băng Hồ đi chơi sông Xuân Giang)	469
287. Thôn cư (Chỗ ở trong xóm)	470
288. Tặng Đông Triều Phạm tiên sinh (Tặng tiên sinh họ Phạm ở Đông Triều)	471
289. Hoàng Giang dạ vũ (Mưa đêm ở Hoàng Giang)	472

290. <i>Hóa thành thàn chung</i> (Tiếng chuông sõm ở Hóa thành)	473
291. <i>Thiên thánh hựu quốc tự tảo khởi</i> (Ở chùa Thiên thánh hựu quốc, dậy sớm)	474
292. <i>Chu trung ngẫu thành</i> (Trong thuyền ngẫu nhiên thành thơ)	475
293. <i>Thu dạ</i> (Đêm thu)	475
294. <i>Trung thu ngoạn nguyệt hữu hoài</i> (Trung thu ngắm trăng cảm hoài)	476
295—296. <i>Thiên Trường chu trung</i> (Trong thuyền ở Thiên Trường)	477
297. <i>Đông Ngàn xuân mộng</i> (Mộng xuân ở Đông Ngàn)	479
298. <i>Thao Giang quân xá</i> (Ở quận xã miền sông Thao)	480
299. <i>Đè Tiên Du tự</i> (Đè chùa Tiên Du)	481
300. <i>Sơn trung</i> (Trong núi)	482
301. <i>Giang thôn xuân cảnh</i> (Cảnh xuân ở xóm bên sông)	483
302. <i>Diệp mã nhí phú</i> (Phú con ngựa lá)	486
303. <i>Thanh Hư động ký</i> (Bài ký Động Thanh Hư)	495
NGUYỄN BÀ THÔNG	
304. <i>Thiên Hưng trấn phú</i> (Phú Trần Thiên Hưng)	500
TRẦN THUẤN DU	
305. <i>Bảo Sơn tự</i> (Chùa Bảo Sơn)	504
306. <i>Thành tây đại ăn lư khâu chiếm</i> (Vịnh căn nhà đại ăn ở phía tây thành)	506
NGUYỄN MỘNG TRANG	
307. <i>Đè Tây Đô thành</i> (Đè thành Tây Đô)	507
NGUYỄN BIÊU	
308. <i>Họa thơ Trùng Quang Đè</i>	510
309. <i>Ăn cỗ đầu người</i>	510
TRẦN QUÍ KHOÁNG	
310. <i>Tiễn Nguyễn Biểu di sứ</i>	513
311. <i>Tể Nguyễn Biểu</i>	513
SƯ CHÙA YÊN QUỐC	
312. <i>Cầu siêu cho Nguyễn Biểu</i>	515
ĐẶNG DUNG	
313. <i>Cảm hoài</i> (Cảm hoài)	517
LÊ CẨNH TUÂN	
314. <i>Xuân nhật hỷ tình</i> (Ngày xuân mừng trời tạnh nắng)	521
315. <i>Vô ý</i> (Vô ý)	522

316. <i>Chu trung vịnh hoài</i> (Vịnh nỗi lòng khi ở trong thuyền)	523
317. <i>Tiên lồ kỵ nhật hữu cảm</i> (Cảm xúc nhân ngày giỗ tổ tiên)	524
318. <i>Nam Hải huyện Tư Giang dịch dạ bạc</i> (Đêm dừng thuyền ở trạm Tư Giang huyện Nam Hải)	525
319. <i>Quá Nam Xương phủ Đăng Vương các cổ chỉ</i> (Qua nền cũ Đăng Vương các ở phủ Nam Xương)	527
320. <i>Giang trung phùng lập xuân nhật</i> (Trên sông gặp ngày lập xuân)	528
321. <i>Chí nhật thư hoài</i> (Ghi nỗi lòng trong ngày chí nhật)	530
322. <i>Cống Châu giang trung phùng tiên tú kỵ nhật</i> (Thuyền đi trên sông ở Cống Châu gặp ngày giỗ mẹ)	531
323. <i>Nguyên nhật</i> (Ngày đầu năm)	533
324. <i>Mông Lý dịch ngẫu thành</i> (Đến trạm Mông Lý cảm xúc thành thơ)	533
325. <i>Nguyên nhật giang dịch</i> (Ngày Nguyên đán ở trạm trên sông)	534

PHẨM NHỮ DỰC

326. <i>Hạnh đàn</i> (Đàn Hạnh)	536
327. <i>Họa Phúc Châu Phùng chầu phán tri sĩ sở tăng thi vận</i> (Họa văn thơ của viên Phán quan họ Phùng ở Phúc Châu tăng khi ông ta về hưu)	538
328. <i>Tổng Tân An phủ Thông phán trật mãn</i> (Tiễn viên Thông phán phủ Tân An hết nhiệm kỳ)	539
329. <i>Đè tân học quán</i> (Đè nhà mới học)	540
330. <i>Tú Giang tinh xá</i> (Nhà đọc sách ở Tú Giang)	541
331. <i>Tầm Mai kiều ngoan nguyệt</i> (Chơi trăng trên cầu Tầm Mai)	543
332. <i>Đại nhân khánh mạc Bản quản sinh nhật</i> (Làm thay người khác mừng sinh nhật của viên Bản quản họ Mạc)	544
333. <i>Hạ di cir</i> (Mừng đời nhà Ở)	546
334. <i>Xý Quách Huyện thừa</i> (Gửi viên Huyện thừa họ Quách)	547
335. <i>Quách Châu phán quan hồi kinh, tổng quan, dài, thư trật, được tài, tâu bút tự chỉ</i> (Viên Phán quan họ Quách về kinh, đưa biếu mũ, đai, sách vở, thuốc men, viết vội bài này để cảm ơn ông ta)	548
336. <i>Hà Lư Phán quan tăng trật phục nhậm Nam Sách chán</i> (Mừng viên Phán quan họ Lư được thăng trật lại nhậm chức ở châu Nam Sách)	550
337. <i>Đè Tĩnh An Huyện thừa Tăng Tử Phương Từ huấn đường</i> (Đè nhà Từ huấn của viên Huyện thừa huyện Tĩnh An là Tăng Tử Phương)	551
338. <i>Ngũ vân xí chiêm</i> (Ngược trông năm mây)	553
339. <i>Liên Đinh nhã tập</i> (Buổi gặp gỡ tao nhã ở Liên Đinh)	554
340. <i>Dư nhấp Tân An quận giáo, chu tam duyệt tuế, thủy tráp thảo đường, tài tất công nhỉ ngộ bình tiễn, cảm cựu ngẫu thành.</i> (Tôi quyền chức Giáo thụ quận Tân An, trọn ba năm mới dựng được một nếp nhà tranh, vừa làm xong thì gặp nạn bình hỏa, cảm vì việc cũ, ngẫu nhiên làm thành thơ)	556

341. <i>Thôi Đông Triều chầu xuâl mộc đầu</i> (Giục chầu Đông Triều nập gỗ)	557
342. <i>Tạ Hoa Chỉ huy tống thú đầu thông tịch</i> (Tạ quan Chỉ huy họ Hoa cho đầu thú và ngôi ủp nóc)	559
343. <i>Quắc Tướng phố</i> (Vườn Quắc Tướng)	560
344. <i>Điệu thân tây vọng</i> (Trông về phương tây thương nhớ cha mẹ)	561
345. <i>Phá xỉ hý tác</i> (Làm đùa khi răng gãy)	562
346. <i>Đoan ngọ</i> (Tết Đoan ngọ)	564
347. <i>Tỵ tặc sơn trung trừ dạ</i> (Đêm ba mươi tết tránh giặc trong núi)	565
348. <i>Xuân ý túc sự</i> (Túc cảnh về ý xuân)	567
349. <i>Phong Thủ dinh quán ngư</i> (Xem cá ở dinh Phong Thủ)	568
350. <i>Lý Hạ trai lai phỏng, phú thủ vận dĩ đáp</i> (Ông Lý Hạ Trai tới thăm, làm bài thơ này để đáp lại).	570
351. <i>Mao trai khiền hoài</i> (tiêu khiền trong nhà tranh)	572
352. <i>Lô Hoa điểm thính chám</i> (Ở điểm Lô Hoa nghe tiếng nện vải)	573
353. <i>Lập Xuân</i> (Ngày lập xuân)	574
354—355. <i>Ký Tuyên Hóa Đào Tri phủ</i> (Gửi Tri phủ họ Đào ở Tuyên Hóa)	575
356—359. <i>Khánh Nguyễn Văn Đồng sinh nhật</i> (Mừng sinh nhật Nguyễn Văn Đồng)	577
360—362. <i>Họa Nguyễn Văn Đồng «Khiền muộn» thi văn</i> (Họa văn bài thơ «khiền muộn» của Nguyễn Văn Đồng)	581
363—366 <i>Tạ Nguyễn Văn Đồng huê dài</i> (Tạ Nguyễn Văn Đồng cho dài)	584

PHẦN PHỤ LỤC

NGUYỄN BÀ TĨNH	591
367. <i>Liên tử</i> (Hạt sen)	592
368. <i>Mạch môn</i> (Mạch môn)	593
369. <i>Mê thò</i> (Giảm thanh)	593
370. <i>My giác</i> (Sừng nai)	594
371. <i>Phong mật</i> (Mật ong)	595
372. <i>Nam dược quốc ngũ phủ</i> (Phúc thuốc nam bằng chữ Nôm)	597
373. <i>Trực giải chỉ Nam dược tính phủ</i> (Phú chỉ dẫn tính năng các vị thuốc Nam)	601
TRẦN KÍNH (TRẦN DƯỆ TÔNG)	604
374. <i>Xích chủy hầu</i> (Hầu mõm đỗ)	604
375. <i>Nguyễn Bích Châu tể văn</i> (Văn tế Nguyễn Bích Châu)	605
NGUYỄN BÍCH CHÂU	607
376. <i>Kê minh thập sách</i> (Kê minh thập sách)	608
LĨNH NAM CHÍCH QUÁI	611
377. <i>Hà Ô Lôi truyền</i> (Truyền Hà Ô Lôi)	616

378. <i>Hồng Bàng thi truyện</i> (Truyện Họ Hồng Bàng)	634
379. <i>Nhất Đạ Trạch truyện</i> (Truyện Nhất Đạ Trạch)	647
380. <i>Mau Nương truyện</i> (Truyện Mau Nương)	659
381. <i>Bạch trĩ truyện</i> (Truyện Chim trĩ trắng)	665
BÙI BÁ KÝ	669
382—383. <i>Thượng Minh đế thi</i> (Thơ dâng lên vua nhà Minh)	669
384. <i>Cáo nạn biếu</i> (Tờ biếu cáo nạn)	671
NGUYỄN CẦN	673
385. <i>Hạ Môn hạ sảnh Tư Lang Trung</i> (Mừng quan Tư Lang Trung ở tòa Môn hạ sảnh)	673
HỒ NGUYỄN TRUNG	675
386. <i>Nam Ông mộng lục lư</i> (Bài tựa tập «Nam Ông Mộng lục»)	677
387. <i>Nghệ Vương thủy mat</i> (Truyện Nghệ Vương)	680
388. <i>Trúc Lâm thi tịch</i> (Trúc Lâm thi tịch)	687
389. <i>Tồ linh định mènh</i> (Linh hồn ông định ngồi chờ cháu)	688
390. <i>Đức tất hữu vị</i> (Có đức át có địa vị)	690
391. <i>Phu đức trinh minh</i> (Sự kiên trinh sáng suốt của người đàn bà)	692
392. <i>Văn tang khi tuyết</i> (Nghe tang, tắt thở)	693
393. <i>Văn Trinh ngạnh trực</i> (Văn Trinh con người cứng rắn và ngay thẳng)	695
394. <i>Y thiện dụng tâm</i> (Thầy thuốc có từ tâm)	697
395. <i>Dũng lực thần dị</i> (Dũng mãnh thần kỳ)	699
396. <i>Phu thê tử tiết</i> (Vợ chồng chết vì tiết nghĩa)	701
397. <i>Tăng đạo thần thông</i> (Phép thần thông của Tăng, Đạo)	703
398. <i>Tâu chươn g minh nghiệm</i> (Tò tâu lên Thiên đình có ứng nghiệm)	704
399. <i>Áp Lãng chân nhân</i> (Tiên áp lãng)	706
400. <i>Minh Không thần dị</i> (Phép thần dị của Minh Không)	708
401. <i>Nhập mộng liệu bệnh</i> (Chữa bệnh trong chiêm bao)	711
402. <i>Ni sư đức hạnh</i> (Đạo đức và phàm hạnh của một vị sư nữ)	712
403. <i>Cảm kích đồ hành</i> (Vì cảm động mà đi bộ)	714
404. <i>Điệp tự thi cách</i> (Kiều làm thơ lắp chữ)	717
405. <i>Thi ý thanh tán</i> (Ý thơ tươi mới)	719
406. <i>Trung trực thiện chúng</i> (Sống ngay thẳng, chết yên lành)	722
407. <i>Thi phùng trung giàn</i> (Làm thơ bóng gió hết lòng khuyên can)	725
408. <i>Thi dung tiền nhân cảnh cú</i> (Thi dung câu hay của người xưa)	727
409. <i>Thi ngôn tư phụ</i> (Thơ nói lên lòng tư phụ)	729
410. <i>Thi tiểu kinh nhân</i> (Thơ rượu kinh người)	731
411. <i>Thi triệu dư khương</i> (Điềm thơ đề phúc về sau)	733

412. <i>Thơ xứng tướng chức</i> (Thơ xứng với chức Tể tướng)	735
413. <i>Thơ thân tri quân</i> (Ngâm ngùi với chữ «Tri quân»)	736
414. <i>Quí khách tương hoan</i> (Khách quý vui vẻ với nhau)	738
415. <i>Nam ông mộng lực hậu thư</i> (Bài tựa sau của tập «Nam Ông mộng lực»)	740
 CÁC BẢNG TRA CỨU	
I. Bảng kê những tác phẩm chưa tìm được hoặc không chọn vào tập III (1344 - 1428)	745
II. Niên biểu khái quát các sự kiện có liên quan tới văn học (1344 - 1428)	751
III Sách báo và tài liệu tham khảo chính	760
IV Sách dẫn	762

THƠ VĂN LÝ – TRẦN – TẬP III

In 13.900 cuốn khổ 19 × 27, có 100 cuốn
đóng bìa cứng. In tại Nhà in TUẤN HOA,
58/2 đường Đỗ - Thành-Nhân — Quận 4 —
Thành phố Hồ-Chí-Minh — Số in 485/PP.i
Số xuất bản : 31/KHXH/78. In xong ngày
01-10-1978. Nộp lưu chiểu tháng 10 năm 1978

**THƠ VĂN LÝ — TRẦN
TẬP III**

Biên tập : **TRẦN NGỌC**
Biên tập kỹ thuật : **HOÀNG TRƯỜNG**
Chưa bản in : **HÀ NGUYÊN**
Trình bày bìa : **PHƯƠNG HOA**
ĐĂNG THẾ MINH